BENJAMIN JOWETT
& M.J.KNIGHT

PLATO
CHUYÊN KHẢO

VĂN HÓA
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

PLATO CHUYÊN KHẢO

Plato tinh hoa

Nguyên tác: The Essential Plato
NXB: Book of the Month Club

BENJAMIN JOWETT & M. J. KNIGHT
Biên dịch: Lưu Văn Hy * Trí Tri

PLATO CHUYÊN KHẢO

Plato tinh hoa

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

GIỚI THIỆU PLATO
của Alain de Botton

Có lẽ, lý do có sức thuyết phục nhất để không đề cập tới một cuộc sống đã được thẩm tra xuất phát từ cảm nhận rằng nó đã là quá trễ. Ở đây dường như chẳng còn quan trọng nữa cái việc khởi đầu chuyên khảo những giả thuyết đạo đức của một người khi mà những người khác - khoa bảng và uyên bác hơn chúng ta, những học giả có quyền ăn nói ấy chẳng có chút dính líu gì với những kiếm tìm thực tiễn của chúng ta - đã nghiên cứu các thời đại và đã đóng góp nhiều hơn những gì chúng ta có thể "tiêu hoá" được. Sự tích luỹ kiến thức này là điều đáng mừng và khích lệ, nhằm phát triển đời sống tinh thần của chúng ta, nó có tác dụng như viên thuốc giảm đau và như lý do để từ bỏ sự tư duy độc lập. Dường như nó vừa không cần thiết, vừa không thể thêm bất cứ điều gì vào mật độ của những gì đã được nói tới.

Một số triết gia đã có nhận định mơ hồ hơn Plato về những gì cần phải có để theo đuổi một cuộc sống trầm tư. Để khởi đầu, không nhất thiết phải tách khỏi những dấn thân thường tình. Việc triết lý có thể song hành cùng lúc khi ta mua bán, làm việc, tắm táp, yêu đương... nó không loại trừ cuộc sống thực tại mà lại là một thứ bổ sung cần thiết. Điểm này đã được Plato nhấn mạnh khi triển khai tư tưởng của Socrates trong các đối thoại được lồng trong những văn cảnh như là tiểu thuyết. Vì thế các nguyên lý trung tâm của triết học phương Tây được trình bày một cách tự nhiên trong các cuộc đối thoại giữa một người đã chẳng hề năng giặt giũ tấm áo choàng của mình và một vài người bạn của anh ta, khi họ tản bộ tới hải cảng và thăm viếng phòng tập thể dục. Các đối thoại xuất hiện rải rác những điều giễu cợt và chuyện tầm phào chẳng đáng có trong các chuyên luận triết học, nhưng vì thực trạng nhiễu sự như thế lại là một phần của cuộc sống, mà triết lý, cái soi rọi của cuộc sống, có bổn phận là đừng xa rời nó.

Khi mở *Charmides* ra, chúng ta thấy Socrates, như vừa trở về từ cuộc bao vây của potidaea, đang bắt

kịp bạn bè ở trường đấu vật đối diện ngôi đền Basile, phía nam vệ thành (Acropolis). Họ nói chuyện về cuộc chiến, và rồi chủ đề chuyển qua một chàng thanh niên có tên là Charmides, được mọi người cho là rất điển trai, đang trên đường tới trường. Socrates thuật lại tỉ mỉ chuyện anh ta xuất hiện:

> *[Charmides] ngồi giữa Critias và tôi. Điều hết sức thú vị là mọi người dùng hết sức đẩy người bên cạnh nhằm dành một chỗ cho anh ta ngồi bên mình, đến nỗi ở đầu dãy ghế bên này một người phải đứng dậy còn bên kia một người khác ngã lăn xuống lối đi. Lúc ấy tôi, anh bạn ạ, bắt đầu cảm thấy lúng túng, những người đến trước hết sức tin vào tài dàn xếp của tôi đành (phải) thất vọng... Anh ta nhìn tôi một cách rất khó để tả nỗi, như thể sắp lên tiếng hỏi... Tôi nhìn vào tận tâm can anh ta và cảm thấy bực bội. Sau đó tôi không còn có thể tự kiềm chế mình được nữa. (Charmides, tr 862).*

Triết lý không hàm ý là nó xuất hiện từ khoảng không mà được đưa vào cuộc đời, trong đó, những cái đầu bị mất hút sau những cái nhìn thoáng qua bên trong những cái áo choàng của người khác.

Plato đưa ra thêm sự giải thích cho việc nghiên cứu cấp thấp. Trong khi trong các thư viện đầy những sách nhưng chúng ta không có thời giờ để mở chúng ra, dường như đã ngăn trở chúng ta thủ đắc thêm kiến thức, nhưng cũng nên nhớ rằng Socrates đã đọc không nhiều Homer, có lẽ một ít Thales, chút đỉnh Anaxagoras, cuộn sách từ Heraclirus: Ít hơn nhiều (so với) người kế nghiệp được ăn học tối thiểu, ít hơn nhiều (so với) chúng ta. Đấy là dấu hiệu bẽ bàng về việc chúng ta quá ít quan tâm tới (thế giới) vật chất, việc chúng ta quá bất công khi đổ lỗi cho sự nông cạn trong tư duy của chúng ta do chúng ta đọc ít. Sự không biết về những diễn giải trước đây và lịch sử của tư tưởng, không thể là nguyên cớ để trốn tránh sự thẩm tra của cuộc sống. Chẳng có khía cạnh nào truyền cảm hơn các đối thoại Socrates của Plato so với điều luận ra mà bất kỳ ai truy tìm câu trả lời trước vấn đề đạo đức tinh tế, (mà) bất kỳ ai có đầu óc cẩn trọng nhưng linh hoạt, có thể gặp và trò chuyện với một người bạn trên đường phố và giữ lấy cơ hội tuyệt vời ấy để đạt tới một hay hai chân lý lớn trong vòng chưa tới nửa giờ.

Nhưng Socrates không được nhiều người biết tới. Bất kỳ ai dự lễ hội Dionysus tưng bừng nơi những con dốc được che chắn ở phía nam của Vệ thành vào mùa xuân năm 423 tr. CN, đều đã nắm được lịch công diễn vở hài kịch đầu tiên của nhà soạn kịch tài ba mới ở độ tuổi ba mươi, đã từng nổi tiếng và được tán

thưởng với các vở *The Acharnians (Dân thành a charnia)* và *The Knights (Những Chàng Hiệp sĩ)*. Vở kịch mới của Aristophanes, *The Clouds (Những Áng Mây)* nói đến hình ảnh của một triết gia trung niên để râu tên là Socrates, người có lẽ được biết đến - được nghe đến hoặc nhìn thấy - đối với phần lớn cử toạ và là người sau này được thừa nhận là một trong những nhân vật vĩ đại nhất trong triết sử phương Tây.

Socrates không phải là người Hy Lạp đầu tiên cảm thấy có nhu cầu thăm dò cái vượt quá lẽ thường. Một thế kỷ rưỡi trước Aristophanes đặt Socrares trong cái rổ, triết gia Thales ở tỉnh Miletus trên bờ tiểu Á, sự trưởng thành và không còn tin tưởng vào cái diễn giải mơ hồ về những hiện tượng nào đó được những người cùng thời của ông ta đưa ra - thí dụ, về chuyện khi nào nhật thực xảy ra (thỉnh thoảng), về độ lớn của mặt trời (hết sức lớn), về chuyện trái đất lơ lửng trong không trung (có Chúa biết), hay về chiều cao của Đại Kim Tự tháp (đồ sộ).

Nhờ thẩm vấn duy lý, Thales đã tiên đoán chính xác ngày xảy ra nhật thực kế tiếp (28 tháng 5 năm 585 trước Công nguyên). Ông cũng đưa ra giả thuyết có lẽ mặt trời là một phần 720 của quỹ đạo mặt trăng, giả thuyết trái đất như khúc gỗ nổi trên đệm nước, và giả thuyết chiều cao của Đại Kim Tự tháp có thể được luận ra bởi định lý của các tam giác đồng dạng, được dựa trên mối quan hệ giữa chiều cao của một người và bóng của họ.

Triết gia Anaxagoras, người đã qua đời chỉ vài năm trước khi vở *Những Áng Mây* được trình diễn lần đầu tiên, có cùng những cách nhìn để đạt tới sự hiểu biết sâu xa hơn về thời tiết. Bỏ qua những trình thuật chi phối của tôn giáo, ông lập luận rằng gió không là công việc của thần thánh mà là kết quả của không khí bị mặt trời làm loãng ra, rằng sấm là do sự va chạm của mây, và chớp là kết quả của sự ma sát hơi nước. Ông đã trở thành chuyên gia về dự báo thời tiết.

Vào thời đầu phát triển, những con người này trưng ra một số nét chính về cách tiếp cận triết học mà chúng ta thấy là được phát triển đầy đủ nơi Plato, khát vọng đi xa hơn những miền tin hàng ngày để tìm ra những diễn giải hợp lý, về lý do tại sao một điều được nghĩ là thực hay hư, và sự khước từ không chịu để mình bị đe doạ bởi những quan điểm lâu đời vốn được quyền lực tôn giáo hay truyền thống ủng hộ, hơn là bởi lý trí. Những kết luận có giá trị vì chúng được kết nối một cách logic với các tiền đề, chứ không phải vì láng giềng nói như thế. Con đường tư duy triết lý ấy có thể dẫn tới những tư tưởng mà lúc đầu nghe ra có vẻ đáng ngờ nhưng một ngày nào đó nó chứng

tỏ là hữu lý hơn các quan điểm thông thường. Suy tư triết lý có thể đưa ra ý kiến phản trực giác nhưng là lời chỉ dẫn thượng đẳng.

May là Socrates không dốc tâm trí nghiên cứu xem những con bọ chét bay được bao xa. Ông cũng không suy nghĩ nhiều về thời tiết hay chuyện những Kim Tự tháp cao bao nhiêu.

Ông nghiên cứu vấn đề thích đáng hơn là làm sao sống thiện lành và hạnh phúc.

Một số người đương thời với Socrates biết rằng để sống thành đạt thì cực khó, nhưng họ chẳng nỗ lực gì để biết xem mình cần gì. Giống như người dân sống quanh Thales và Anaxagoras, xem chừng họ chẳng băn khoăn rằng hiểu biết của họ chỉ là nhất thời và thiếu hụt.

Socrates không đồng tình. Dường như có nhiều khía cạnh sai lầm hoặc mơ hồ trong sự minh định của dân thành Athens về người đáng kính, và sự phân tích những điều này là trọng tâm trong các đối thoại của Plato: phải chăng, như nhiều người nói, tiền bạc là điều kiện tiên quyết cho đức hạnh? Phải chăng công bằng chỉ là quyền lợi của kẻ mạnh như một số chính trị gia trẻ lập luận? Phải chăm chỉ nhà quý tộc mới đáng trọng vọng? Liệu có thể tự chủ mà không cần tự tri?

Thật là bất thường khi vấn nạn quá nhiều như vậy, nhưng Socrates không thể ngừng ngẫm nghĩ. Có điều, phải thừa nhận rằng tư duy thì phải trả giá, bằng chứng là chính cuộc đời của ông.

Nhưng Socrates không bỏ niềm tin chắc chắn rằng các giả định của người khác cần được nghiên cứu kỹ. Khả năng truyền cảm hứng và an ủi của ông nằm ở chỗ, ông cho rằng quan điểm của con người về cách sống (kiếm được bao nhiêu tiền, cách đeo đuổi lạc thú, suy nghĩ thế nào về thần thánh) là những quan điểm được đa số người cho là "bình thường" và vì thế không thắc mắc. Nhưng nhờ tra vấn, các quan điểm đó bộc lộ tính cách dao động hơn là người ta tưởng, và do đó có căn bản để thẩm tra ý thức thông thường giúp con người sống một cuộc sống có suy xét.

THÂN THẾ PLATO

Thật khó có một triết gia xa xưa nào có cuộc đời thiết thân như Plato: thế nhưng trong trường hợp của ông, truyền thống thường không chắc chắn và còn nhiều bất toàn. Được sinh ra vài năm sau khi bùng nổ cuộc chiến tranh Peloponnesia, ông là con trai của một gia đình quý tộc cổ xưa, được dưỡng dục rất tốt! Nhưng ngay cả không có chứng cứ ấn tượng về lịch sử, chúng ta vẫn có thể kết luận rằng nhờ những thuận lợi này mà ông phát triển đầy đủ thiên tư sáng chói của mình. Trong số vài sự kiện được truyền lại cho chúng ta về những năm đầu của ông, chúng ta chú ý nhiều tới ba điểm chính ảnh hưởng đến sự phát triển tâm trí của ông.

Dĩ nhiên điều đáng chú ý đầu tiên là điều kiện chung của đất nước, và vị thế chính trị của gia đình ông.

Thời trai trẻ của Plato diễn ra trong giai đoạn khốn khổ sau khi dân đảo Sicily thất bại: mọi sai lầm của nhà cầm quyền Athens trước đây đã bị trừng phạt ghê gớm, mọi thói xấu của nền dân chủ vô hạn bị phơi bày trần trụi, mọi kết quả nguy hại của nguyên tắc xử thế tự tư tự lợi và nền văn hoá nguỵ tạo được bộc lộ không hạn chế. Bản thân ông thuộc về một giai cấp xã hội và một dòng tộc không mấy tôn trọng hiến pháp hiện hành, nhưng không phải lúc nào cũng bất bình vô cớ. Vài người trong số bà con gần nhất của ông nằm trong số những người phát ngôn của phe quý tộc. Nhưng khi phe ấy được đối thủ chung đưa lên nắm quyền, trên tàn tích của sự vĩ đại của Athens, nó đã lạm dụng sức mạnh đó đến độ những kẻ trung thành mù quáng nhất cũng dễ dàng nhìn thấy. Thật dễ dàng để thấy cách mà tầng lớp trẻ quý phái, cao thượng, giữa những trải nghiệm và ảnh hưởng như thế, tỏ ra phấn lộ, không chỉ với nền dân chủ, mà cả với các hệ thống hiện hành của nhà nước nói chung, và lẩn tránh vào những điều không tưởng về chính trị, vốn ngày càng có khuynh hướng đánh lạc tâm trí khỏi thực tại để hướng tới lý tưởng.

Lại nữa, đồng thời còn có những hoàn cảnh khác đi theo cùng

hướng. Chúng ta biết rằng vào thời trai trẻ, Plato dành hết thời gian vào việc làm thơ, và năng khiếu mỹ thuật của ông đã được chứng tỏ bằng một số tác phẩm đầu tay. Và đó không phải là thói chạy theo mốt. Vì thế có ít lý do để ngờ vực (tuy nhiên không dám tin) việc ông thân thiện với các đại thi hào trong nước.

Cuối cùng, ngay cả trước khi quen biết Socrates, ông đã hướng sự chú ý của mình vào triết học, và qua Cratylus người thành Heraclitean, ông đã thành thạo một học thuyết, mà kết hợp với các yếu tố khác, đã góp phần thiết yếu cho hệ thống triết lý sau này của ông.

Tuy nhiên, tất cả những ảnh hưởng ấy xem ra không quan trọng bằng việc quen biết Socrates. Dĩ nhiên, chúng ta không thể nói chiều hướng nào mà tâm trí ông có thể có nếu không có bậc thầy ấy, câu hỏi này vẫn chưa có lời đáp. Hiểu biết của chúng ta chỉ đủ để chứng minh từ những dấu tích lịch sử rằng ấn tượng sâu xa nhất, lâu bền nhất, mang tính quyết định nhất là do nhà cải cách triết học tạo ra trên người học trò tương đắc của ông. Bản thân Plato đã đánh giá đó là ân huệ của vận mệnh, để ông được sinh ra lúc Socrates sinh thời, và sau này truyền thống đã thêu dệt thành huyền thoại đầy ý nghĩa về cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa hai người. Nhưng ngoài chuyện này, sự thể luôn được coi là một trong những ngẫu nhiên đặc biệt, mang tầm quan trọng về ý nghĩa theo dòng lịch sử bị ngăn cách khỏi nó trong suy nghĩ của chúng ta. Suốt cuộc giao hảo lâu dài và thâm phúc, Plato đã thâm nhập vào tinh thần của người bạn lỗi lạc sâu sắc đến nỗi từ cái chân dung tinh thần đó ông có thể truyền đạt cho chúng ta một cách trung thành nhất và lý tưởng nhất. Không biết lúc ấy ông có hướng về các thầy triết học khác không, nhưng chắc chắn tin rằng chàng trai trẻ được ăn học cao như thế và háo hức với kiến thức ấy - mà thôi thúc ban đầu hướng về triết lý đã không tới từ Socrates - đã nỗ lực cho tới tuổi ba mươi để tự tìm hiểu các thành tựu của những triết gia trước đó, lại không học được gì những người bạn Euclid của ông về trường phái Elea, hay từ Simmias và Cebes về Philolaus. Có điều, từ khi chịu ảnh hưởng áp đảo lời dạy của Socrates, ông đã tạm bớt quan tâm tới những trường phái triết học tự nhiên, nhưng sau này lại nghiên cứu sâu và liên tục chúng nên đã cho ông cái nhìn thấu suốt hơn các học thuyết của họ. Cũng thế, bản chất giàu tưởng tượng của ông, dưới ảnh hưởng hạn chế của phép biện chứng từ thầy mình, ông đã quen với cách suy nghĩ sâu sắc hơn và nghiên cứu thận trọng, thật thế, có lẽ các xu hướng duy tâm mà ông nhận được

vào lúc đầu được kiểm tra chắc chắn; và khoa học dựa trên khái niệm, cùng với thuật hình thành các khái niệm, được mình ông đạt tới qua phương pháp trung vấn tẻ nhạt đến khô khan theo yêu cầu của Socrates. Nhưng Plato cần sự dạy dỗ này để ông có thể phối hợp hài hòa và chắc chắn về phương pháp khoa học - và phát triển ông từ một thi sĩ thành một triết gia. Triết lý dựa trên khái niệm của Socrates đã cho ông thoáng nhìn vào thế giới mới và ông liền bắt đầu khảo sát nó.

Kết cục bi thảm của người thầy lớn tuổi, một kết thúc mà ở lúc khởi đầu ông xem là hoàn toàn không thể xảy ra, là cú còn đáng sợ đối với Plato, và hậu quả của cú choáng này còn làm rung động sau đó nhiều năm trong lời mô tả đầy xúc động của Phaedo, có thể đã có một sự tồi tệ ngăn trở người học trò trung thành đến với người thầy của mình cho đến lúc cuối cùng. Tuy nhiên, chúng ta liền băn khoăn hỏi về tác động trong số phận của Socrates lên sự phát triển triết học và quan điểm về thế giới của Plato, và nếu đối với sự thẩm tra này chúng ta phó mặc cho những phỏng đoán, những phỏng đoán này không phải là không thể xảy ra. Mặt khác, chúng ta thấy không khó để hiểu cách tôn kính của ông đối với người thầy đã khuất bóng, một sự gia tăng vô hạn bởi số phận xảy đến thình lình cho ông!. Và tính cao thượng mà với nó ông đã chịu nhượng bộ nó; cách mà kẻ chịu chết vì triết lý, trung thành cho đến chết, đã được lý tưởng hoá trong trái tim và trong ký ức của ông như chính loại triết gia chân chính, cách mà ngay tức thì sự phán đoán con người và hoàn cảnh của ông liên quan đến sự hy sinh của Socrates đã gây gắt hơn, và hy vọng của ông về bất kỳ hiệu quả chính trị nào trong những hoàn cảnh ấy mờ nhạt hơn; nói cho đúng hơn, khuynh hướng chung được cổ vũ trong ông để suy ngẫm về thực tại trong nguồn sáng mù mịt. Và để thoát khỏi những tồi tệ của đời sống hiện tại và đi vào một thế giới cao thượng hơn, siêu cảm giác. Mặt khác nữa nó có thể tốt hơn cho sự tăng trưởng mang tính khoa học của ông, mà sự quan hệ của ông với với Socrates không kéo dài hơn như ta đã thấy. Suốt những năm tháng gắn bó của họ, ông ta lấy tinh thần của thầy làm tinh thần của mình, thấm nhuần đầy đủ hơn so với học trò khác của thầy; đối với ông lúc này là hoàn thiện khoa học của Socrates bằng cách thêm vào những yếu tố mới, và làm cho hợp với bản thân bằng sự phát triển theo nhiều hướng xây dựng nó trên cơ sở độc lập! Thời gian theo học (Lahrjahre) của ông đã qua, thời cơ xuất thành (Wanderjahre) của ông đã tới.

Sau khi Socrates qua đời, Plato, cùng với các học trò khác của ông, trước tiên đã tới Megara, nơi giới

đồng quan điểm đã tựu tập quanh Euclid. Sau đó, ông thực hiện những cuộc hành trình tới Ai Cập, Cyrene, Magna Græcia, và Sicily. Vì thiếu thốn, và đôi khi vì mâu thuẫn các truyền thống, không thể xác định chắc chắn ông ở Megara được bao lâu, có được cư trú được ở Megana hay không hay lại phải trở về Athens! Có lưu lại Athens lâu hay không! Và ông có thể trở thành thầy dạy triết lý trước khi rời đi hay không. Nhưng nếu ông thực sự từ Sicily trở về chỉ mười hay mười hai năm sau cái chết của Socrates, khả năng lớn và cả bằng chứng cho thấy là trước cuộc hành trình lâu dài này, ông đã dừng chân ở Athens, nơi ông giảng dạy và viết lách! Thậm chí thừa nhận rằng vào giai đoạn đó, sự hướng dẫn của ông chỉ giới hạn trong vài người chọn lọc, và việc mở trường ở vườn Academy của ông diễn ra sau này. Vậy, trong trường hợp đó, chúng ta phải nghĩ gì về cuộc du hành của ông tới Ai Cập và Cyrene - liệu cuộc viếng thăm Sicily có liên quan với nó không, hay liệu lúc đầu Plato có trở về Athens không, và chỉ đi Ý sau thời gian đó vài năm, thì không thể xác định chắc chắn.

Nếu quả thật Plato đã đến tuổi trưởng thành khi ông thăm viếng các quốc gia ở phía nam và phía tây, khi ông đã tìm thấy các nền tảng khoa học trong hệ thống của ông, và đã viết nó ra trong các tác phẩm của ông trước khi ông đích thân làm quen với nhóm Pythagoras của Ý, những chuyến đi này không thể có ảnh hưởng nổi bật lên sự phát triển triết lý của ông vốn thường được gán cho chúng trong thời cổ đại và hiện đại. Ngoài sự mở rộng tổng quát quan điểm và kiến thức của ông về bản tính con người, sự thu hoạch chính từ chúng xem chừng là do sự thân quen hơn với trường phái Pythagoras, và do ông nghiên cứu sâu hơn về toán học. Đối với sự nghiên cứu này, người ta nói rằng Theodorus đã khai tâm cho ông và dù sao đi nữa, chúng ta không có chứng cứ chống lại sự xác thực của tuyên bố này, có thể ông đã nhận được sự chỉ dẫn thêm về toán học từ Archytas và những người thuộc phái Pythagoras, để chúng ta chắc chắn là không sai khi kết luận chuyến đi này của ông là do chuộng khoa học, và kiến thức đáng kể của ông về nó: trong khi, trái lại, các câu chuyện về hiểu biết toán học, những nghi thức bí truyền của thầy tế, và những ý tưởng chính trị mà ông đã thủ đắc được ở Ai Cập, thì không chắc chắn lắm. Ở Sicily, Plato đã viếng thăm cung điện của Dionysius cha. Nhưng mặc cho sự thân tình của ông với Dion, tại đây ông đã chống đối kịch liệt bằng cách nói bộc trực của mình khiến vị bạo chúa phải phẫn nộ chỉ trích sứ giả của Sparta là Pollis, người đã đem ông đi bán ở chợ nô lệ của Aegina. Được Anniceris, người xứ

Cyrene, chuộc lại, ông trở về thành phố quê hương.

Lúc này, lần đầu tiên Plato đóng vai trò của một thầy dạy chính thức. Theo gương của Socrates, người đã tìm ra những chàng trai trẻ thông minh ở các khu thể thao và những nơi công cộng khác, Plato cũng làm vậy trước khi lùi về khu vườn riêng của mình. Cách giảng dạy của ông không theo lối thuyết giảng thao thao bất tuyệt mà theo cách hỏi đáp.

Tuy nhiên, mặt khác, chúng ta nghe nói đến một diễn văn của ông về sự thiện, do Aristotle và một số học trò công bố. Chính Aristotle đề cập đến những diễn văn về triết lý! Và các diễn văn này không phải là những đối thoại mà là những bài diễn văn liền lạc, có chứng cớ rõ ràng. Cũng có nhiều phần thuộc hệ thống của Plato mà tính chất của chúng không hẳn mang tính chất đối thoại. Vì thế, tuỳ theo hoàn cảnh mà Plato đã sử dụng cả hai hình thức, một phần là vì sự suy giảm tính sôi nổi do tuổi tác, một phần vì sự cải tiến cần thiết trong việc giảng dạy của ông, từ những thẩm tra mở đầu đến lời phát biểu mang tính võ đoán của học thuyết mang tính chi ly.

Các giao thiệp có khuynh hướng thu hẹp hơn trong giới bạn bè, vì vậy khiến việc ông muốn đưa ra những bài diễn văn nhằm vào quần chúng hầu như bất khả thi. Điều đáng nói hơn là ông đã đưa những tác phẩm của ông kết nối với việc giảng dạy, và phổ biến chúng cho các học viên của ông nhờ khơi gợi ký ức của họ. Nhưng cả điểm này chúng ta cũng mù tịt (không có tài liệu). Rõ ràng Plato đã phối hợp với giao lưu trí thức theo cách rất đời thường mà ông đã quen làm trong nhóm của Socrates và hội của Pythagoras. Với một triết gia ít có khả năng phân cách nỗ lực triết học khỏi nỗ lực đạo đức, phải chờ cả một cộng đồng trí thức phát triển một cách tự nhiên thành cộng đồng sống, nên họ phải tuỳ cơ để thâm nhập. Và rõ ràng là ông đã làm những việc này không có thù lao! Mà nếu có những dịp ông nhận quà của bạn bè giàu có thì cũng đừng vội kết luận những quà biếu tự nguyện như thế là thói tục của các học trò ở Academy.

Lĩnh vực công việc của Plato xem chừng được giới hạn trong hoạt động trí thức và giáo dục. Và ông ngày càng tin rằng ở lãnh thổ của Athens lúc đó không có một sự nghiệp ngoại giao nào có thể sánh được với các nguyên lý mà ông nắm được. Nhưng ông vẫn mong rằng, bằng cách nào đó và ở đâu đó, khát vọng về hai việc chính trị của ông được thoả mãn, không chỉ trên lý thuyết suông mà còn có tác dụng điều chỉnh trên các điều kiện thực tế. Vì thế ông nghĩ, chí ít cũng như thầy mình, bản thân ông muốn trở thành chính khách, với điều kiện các khái niệm của ông

phải được thực hiện chứ không thể viển vông. Cơ hội ấy xem chừng được tạo ra sau cái chết của Dionysius lớn tuổi, Dion, và, với sự chủ mưu của ông, Dionysius con, đã khẩn khoản mời ông tới Syracuse. Liệu vị vua chuyên quyền này có thể được cuốn hút vào triết lý và các miền tin chính trị của Plato không - (và về điều này thì Plato, hay dù sao đi nữa cả Dion, xem ra hắn đã thoả niềm hy vọng), những thành quả quan trọng nhất được yêu cầu để làm theo, không chỉ ở vương quốc của ông, mà cả ở toàn vùng Sicily và Magana Graecia, và khắp các bang của Hy Lạp. Khi Plato tới Syracuse, thái tử trẻ đã trịnh trọng đón tiếp ông, và lúc đầu đã tỏ ra rất quan tâm tới vị triết gia và những nỗ lực của ông, nhưng ông ta sớm mỏi mệt do tham gia những cuộc đối thoại nghiêm túc này, và Dion ganh ghét ông, hoàn toàn vô cớ, đã dẫn tới sự tuyệt giao với nhà chính khách, cuối cùng là trục xuất ông, Plato đã vui vẻ thoát khỏi vị trí khốn khổ ấy để lại trở về quê nhà. Tuy nhiên, sau vài năm, khi bạo chúa khẩn khoản và bạn bè nài nỉ, ông lại lên đường tới Sicily. Mục tiêu trước mắt của ông rõ ràng là nỗ lực hoà giải giữa Dion và Dionysius, nhưng xem ra Plato còn gặp nguy hơn do sự ngờ vực của vị hoàng tử dễ nổi giận, mà chỉ có sự can thiệp của nhóm người Pythagoras, nhóm người sau đó ở cương vị chỉ huy nhà nước Tarentine, mới tránh được. Chúng ta không biết liệu sau khi ông trở về ông có để bụng về chuyện Dion gây hấn với Dionysius hay không, nhưng về phần ông, từ lúc này, dường như ông từ bỏ toàn bộ sự can thiệp tích cực vào chuyện chính trị. Tuy thế, hoạt động trí năng của ông vẫn tiếp tục với sự tôn kính không giảm sút của những người đồng hương cho đến khi ông qua đời sau tuổi già hạnh phúc thanh thản.

Ngay cả trong thời xa xưa, cá tính của Plato đã là chủ đề của những lời vu khống. Những lời giễu cợt từ các nhà thơ hài hước được truyền lại cho chúng ta quả là đủ gây tác hại và liên quan tới triết gia hơn con người. Mặt khác, ông bị tố cáo vì những mối quan hệ, mà, nếu được chứng minh, sẽ mãi đưa vào ký ức của ông nỗi đau buồn, có khi còn bất lợi cả cho vài học trò thân thiết của ông. Ông còn bị buộc tội về tính hay chỉ trích và tự ái! Chưa kể thái độ gây rối sau cái chết của Socrates, vụ bê bối đã đưa vào trình thuật của ông. Mối quan hệ của ông với quan toà thành phố Syracuse sớm là tiêu điểm để người ta có thể lợi dụng đưa ra nhiều lời cáo buộc, như thích sự hài lòng, hám lợi, tâng bốc các bạo chúa...; và tính cách chính trị của ông đặc biệt tệ hại trong tay của những kẻ mà bản thân họ

không có khả năng nắm vững được ý tưởng của ông. Sau cùng, nếu chúng ta tin những kẻ tố cáo, không chỉ ông, với tư cách là tác giả, đã để mình quyết đoán nhiều điều sai lầm có liên quan tới các bậc tiền bối, mà còn trích bừa bãi các tác phẩm của họ để phần đáng kể trong các tác phẩm của ông chẳng là gì ngoài chuyện đánh cắp từ họ. Thế nhưng, trong chừng mực nào đó chúng ta ở vào thế có thể kiểm tra chúng, và thấy rằng chúng vô căn cứ hoặc bằng chứng không thuyết phục, nên chúng không thể ảnh hưởng sự tôn kính đối với tính cách của triết gia khi đi nghiên cứu kỹ các tác phẩm của ông. Để đánh giá đúng về ông, chúng ta phải đo lường bằng tiêu chuẩn dựa trên khuynh hướng tự nhiên và vị trí lịch sử của ông. Plato là người Hy Lạp, và ông tự hào về điều đó. Ông thuộc về một phẩm chất và một gia đình, những định kiến cũng như những lợi thế về chuyện này được ông lấy làm thoả lòng. Ông sống vào thời Hy Lạp vươn tới đỉnh điểm của đời sống dân tộc. Nhưng rồi sa sút dần. Bản tính của ông là lý tưởng, thích sáng tạo nghệ thuật và đào sâu về khoa học hơn là hành động chính trị thực tiễn. Điều này được ấp ủ và củng cố bằng toàn bộ quá trình sống của ông, kể cả khi chịu ảnh hưởng mạnh của trường phái Socrates. Từ khí chất như thế và sự ảnh hưởng như vậy, có thể cho thấy tất cả đức tính của một con người và một triết gia chứ không thuộc quyền thế của một chính trị gia. Có thể Plato mong mỏi điều tốt nhất cho đất nước ông, và ông sẵn sàng hy sinh mọi thứ vì nó trừ những miền tin của ông, thế mà ông lại đã dây mình vào sự nhốn nháo của đời sống chính trị, lĩnh vực không phù hợp với ông - để ông phải hao tổn sức lực, tâm trí hòng vực dậy hiến pháp, nền móng mà ông cho rằng đã bị suy vi - ông đã sử dụng phương tiện mà ông nghĩ là vô dụng giúp ngăn chặn dòng số mệnh đối chọi - để ông, cũng như Demosthenes, phải tuyệt vọng giữa tàn tích của sự tự do Hy Lạp, thứ mà ông hết lòng mong mỏi. Ngay cả triết lý của ông cũng đã được theo đuổi khác với triết lý của Socrates, và cả những thói quen sống của ông có thể cũng không giống hệt thầy mình. Mục tiêu của ông là thành lập và truyền bá hệ thống bao hàm toàn diện - đối thoại mang tính cách ngôn, được qui định bởi cả trăm tình huống bất ngờ, vẫn không đủ cho ông, ông muốn cơ cấu rộng hơn, nỗ lực khéo léo, sự yên ả đầu óc. Ông muốn các thính giả, những ai theo các yêu cầu của ông trong sự quan hệ toàn vẹn của họ, và dốc lòng cho chúng mọi lúc; triết lý của ông bị buộc tự rút khỏi đường phố và chợ búa và được đưa, bên trong khuôn viên của trường học.

Ở đây ta thấy có nhiều chệch hướng khỏi cách sống của Socrates! Nhiều sức bật hơn từ các thói quen và khuynh hướng của Plato, thường đối nghịch với nó. Tính đơn giản và điều độ là các nguyên tắc của ông, và được ông gán cho một cách rõ ràng. Tính cách của Plato cũng như triết lý của ông, mang phẩm chất quý phái hơn. Ông thích giam mình trong lĩnh vực riêng của ông, tránh những gì là thông tục và xáo trộn! Quan tâm và ước mong của ông không dành cho tất cả những ai không có nét độc đáo, mà chủ yếu là dành cho người được chọn có khả năng chung phần với ông về mặt văn hoá, trí thức, và quan điểm sống. Plato, với tư cách là triết gia, đã kết hợp chủ nghĩa duy tâm rõ nét nhất với tính sắc bén hiếm hoi của tư tưởng, khuynh hướng hướng về ý niệm trừu tượng một cách mới mẻ và sáng tạo! - Vì thế, với tư cách là một triết gia, ông kết hợp tính nghiêm khắc của các nguyên tắc đạo đức với sự xốn xang sinh động về vẻ đẹp, tính cao nhã và kiêu kỳ của trí tuệ với sự mềm mỏng của tình cảm, của đam mê có tự chủ, của nhiệt tình đi tìm mục đích với sự thanh thản triết lý. Ông vĩ đại vì ông biết hoà hợp những đặc điểm dường như mâu thuẫn thành một thể thống nhất, biết bổ sung những điều trái ngược bằng phương tiện của chính chúng, biết phát triển mọi mặt năng lực dồi dào và tài năng của ông thành một sự hài hoà trọn vẹn, không đánh mất mình trong tính đa bội của chúng. Đấy là vẻ đẹp và sự lành mạnh của cuộc sống mà Plato, một người Hy Lạp đích thực, cần trên hết mọi sự. Nhưng nét nổi bật nhất của triết gia là sự kết hợp chặt chẽ tính cách của ông với các mục tiêu khoa học mà ông hàm ơn trường phái Socrates. Sự hoàn hảo về đạo đức trong đời ông bắt nguồn từ sự trong sáng của sự am hiểu! Nó là ánh sáng khoa học chiếu toả những đám sương mù của tâm hồn ông, và là nguyên do của cảnh thanh bình Olympia vốn được hít thở thú vị từ những tác phẩm của ông. Tóm lại con người của Plato là bằng chứng đúng đắn cho người đương thời, và các tác phẩm cho các thế hệ mai sau, mà nhiều huyền thoại đã đặt ông, như Pythagoras, vào liên minh thân cận nhất với thần thánh, với sự trong sáng chói lọi, vẻ đẹp đạo đức, sự cân đối, và sự hài hoà của tinh thần mà ông ban tặng cho dân Hy Lạp.

CÁC TÁC PHẨM CỦA PLATO

Công trình hùng hồn nhất của tinh thần Plato và nguồn quan trọng nhất cho kiến thức của chúng ta về học thuyết Plato, nằm trong các tác phẩm của chính triết gia. Hoạt động văn học của ông chiếm phần lớn thời gian sống của ông, một quãng thời gian hơn năm mươi năm - và thật là may là không một tác phẩm nào mà ông có ý định đưa ra công khai bị mất đi. Nghĩa là dù gì thì ta cũng có thể kết luận rằng, các tác phẩm mà chúng ta đang có trong tay đã được tác giả truyền lại cho chúng ta! Vì sự giả mạo của những đối thoại bị mất mà chúng ta nghe nói tới thì vượt ngoài vấn đề, và một số tác phẩm khác có thể được cho là của Plato - những bài luận văn "Khác biệt" về Triết lý, và về Sự Thiện, "những học thuyết bất thành văn - từ lúc đầu chẳng hề được xác quyết là những tác phẩm của Plato. Và cũng chẳng có căn cứ gì để nghĩ rằng bất kỳ tác phẩm nào của Plato cũng lại trọn vẹn hơn hiện nay.

Trên thực tế phải dành sự quan tâm về sự nguyên tuyền trong tuyển tập của Plato. Ngay cả một số học giả Hy Lạp cũng xác nhận vài tác phẩm đúng là giả nhưng được mang tên Plato! Các nhà phê bình hiện nay, đôi khi nhất trí, đôi khi bởi một đa số áp đảo, đã bác bỏ một số lượng còn lớn hơn! Những người khác vẫn đang kiểm tra và trong số những tác phẩm này, như đã xảy ra trước đây khi mới xuất hiện Ast và Socher, được biết như một tác phẩm bị bác bỏ có ảnh hưởng đáng kể đến những hiểu biết của chúng ta về triết lý của Plato. Mặc cho sự nghiên cứu thấu đáo vấn đề này, nó vẫn vượt quá các giới hạn của chuyên luận hiện nay, trong một chừng mực nào đó chúng ta phải thẩm tra nó, và lưu ý các quan điểm mà chúng ta dựa vào để phán đoán. Đặt vấn đề này qua một bên, chính một vài nhận xét của những tác giả xưa về các tác phẩm của Plato được truyền lại cho chúng ta, hoặc từ chính ông hay từ thế hệ kế tiếp, và những tác phẩm này hầu như có liên quan tới những tác phẩm mà rõ ràng Aristotle đã gán cho Plato. Gần cuối thế kỷ thứ III, lần đầu

tiên Aristophanes người thành Byzantium sắp xếp lại một phần tác phẩm trong năm tác phẩm thuộc bộ ba (Trilogy) ấy, mà chúng ta biết từ Diog. Và đúng hai thế kỷ sau, Thrasylus tạo một danh mục về chúng trong chín tác phẩm bộ ba, với vài biệt lệ không quan trọng, bao gồm tất cả tác phẩm được truyền cho chúng ta là của Plato. Grote nghĩ rằng chúng ta có thể hoàn toàn tin tưởng không chỉ những tuyên bố của Aristophanes mà cả các danh mục của Thrasylus. Ông lập luận, chúng ta không thể bảo rằng trường phái Athens, được tiếp nối liên tục từ khi bắt đầu, lại không biết đầy đủ và chính xác về toàn bộ công trình mà người sáng lập ra nó đã viết. Trái lại, chẳng có thể hồ nghi những ghi chép của chính ông được bảo tồn cẩn trọng ở đây: và các thành viên của Academy ở vào thế cung cấp thông tin đáng tin cậy nhất cho bất kỳ ai đi tìm nó, liên quan đến tính xác thực hay nguyên bản trong tác phẩm của Plato. Cơ hội như thế rõ ràng không bị Demetrius, Phalereus và những người kế tục ông sao lãng khi tìm kiếm ở thư viện Alexandria. Hoặc họ đã thu được những bản sao thuộc những thụ bản gốc của Plato hoặc đã mở những cuộc thẩm tra ở Athens về tính xác thực của những tác phẩm mà họ đã đưa vào tuyển tập, lập thành một danh mục những tác phẩm chân thực. Tuy nhiên, thuyết này hoàn toàn dựa vào một loạt phỏng đoán không chắc chắn. Có thể những thụ bản gốc của Plato, hay những bản sao trong các tác phẩm của ông được chính ông sử dụng và bảo tồn trong Academy, dù không có chút chứng cứ lịch sử nào về chủ đề này tồn tại! Nhưng thậm chí là có trường hợp như thế, ai dám bảo đảm rằng không chỉ các học trò riêng của Plato mà còn những người kế tục họ, tin chắc vào tính toàn vẹn trong tuyển tập của họ và thận trọng một cách đố kỵ về tính nguyên tuyền của nó, khi khước từ nhận vào mỗi cuốn sách không được kể vào trong nó, nhưng được coi là của Plato? Mà cho rằng trên thực tế Academy chẳng bao giờ nhận bất kỳ tác phẩm giả mạo nào vào thư viện của họ, làm cách nào chúng ta dám chắc rằng các thủ thư của Alexandria thận trọng như vậy? Chắc chắn, theo dự đoán trên, họ phải được biết về các tác phẩm được thừa nhận là chân thực, nhưng làm cách nào chúng ta biết là họ thật sự biết? Không có một đảm bảo mong manh nào cho xác quyết này! Nhưng mặt khác, chúng ta được nói cho biết rằng người ta trả giá cao cho những tác phẩm ở Alexandria, và Pergamus khuyến khích truyện giả sách, và rằng cụ thể là nhiều tác phẩm được gán cho là của Aristotle, để Ptolemy, Philadelphus dễ bán chúng. Khi chúng ta xem xét thêm tình trạng

bình phẩm văn học vào giai đoạn sau Aristotle, dường như vô lý để tin là người thành Alexandria đã kiểm tra tính chân thực của các tác phẩm mang những tên tuổi lừng lẫy, một cách cẩn trọng và xác thực như Grote phỏng đoán. Vì thế, các danh mục của Aristophanes và Thrasylus chỉ chứng minh rằng các tác phẩm mà họ tính đến được các nhà ngữ pháp khẳng định là của Plato! Cho dù chúng có thực như vậy hay không, thì chỉ có thể được xác định bởi sự thẩm tra đặc biệt vào từng tác phẩm theo các luật chung của sự bình phẩm.

Các phát biểu của Aristotle tạo ra một tiêu chuẩn an toàn hơn nhiều! Nhưng cả về những phát biểu này, trường hợp cũng chẳng đơn giản như ta tưởng. Ở đoạn đầu, đôi khi có sự ngờ ngợ là liệu văn phong hay đoạn văn quy cho là sự diễn đạt của Plato, nhưng thật ra xuất phát từ Aristotle, và sự nghi ngờ này đã phá hoặc làm yếu lực luận chứng của một số trích đoạn. Nhưng dù nguồn tác giả của đoạn văn là Aristotle xem ra liên quan với các tác phẩm của Plato thì cũng được thiết lập đầy đủ, sự kham thảo không phải lúc nào cũng hàm ý một sự thừa nhận lập lờ về các tác phẩm. Tên luôn đi đôi với quyền tác giả.

Cũng có khi xảy ra là một đoạn văn từ một đối thoại nào đó được trích dẫn với sự đề cập đặc biệt về hội thoại, được cho là của Socrates chứ không phải của Plato. Trong tất cả những trường hợp này, vấn đề nổi lên là dù cho rằng Socrates nói điều này hay điều kia thì cũng là do Plato đặt vào "cửa miệng" của Socrates, chỉ là các quan điểm của Socrates, không có bất kỳ sự phân biệt lịch sử nào giữa Plato và Socrates. Vì thế, nếu một đối thoại trong tuyển tập của chúng ta được Aristotle bàn tới, chúng ta có thể chắc chắn rằng ông coi nó là tác phẩm của Plato, ngay cả những đối thoại được trích dẫn không mang tên Socrates hoặc Plato. Quả thế, những phát biểu của Socrates được ông xem như đồng nhất hoàn toàn với các tác phẩm của Plato.

Nhưng cũng có nhiều đoạn văn của Aristotle không đề cập tới Plato hay bất kỳ ai, nhưng đoạn văn nào có chứng cứ nội tại cho thấy rằng Aristotle viết chúng và có xem xét những tác phẩm đặc biệt của Plato, và chúng thường ám chỉ tới những tác phẩm này một cách hiển nhiên, dù là gián tiếp. Giá trị luận chứng của các đoạn văn này chỉ có thể xác định theo từng trường hợp, bằng việc xét tới những luật phê phán thông thường. Lý tưởng hơn nữa là sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa đoạn văn trong Aristotle và những đoạn văn tương ứng trong đối thoại của Plato, nhưng ít hữu lý hơn khi chúng ta cho rằng tác giả của đối thoại tạo sự hữu dụng cho tác

phẩm của Aristotle, càng chắc chắn rằng đối thoại đang được bàn tới quen thuộc với Aristotle thì càng có khả năng là tác phẩm ấy, như những phần khác của tuyển tập Plato, được trích dẫn và được sử dụng tương tự, được thừa nhận là thật.

Trong số những tác phẩm được truyền lại cho chúng ta được coi là của Plato, những tác phẩm thường được Aristotle bình phẩm nhất, có sự lưu ý liên tục cả về tác giả lẫn đối thoại, là ba tác phẩm có tính chất giải thích - Nền Cộng hoà, Timaeus, và Luật pháp. Bên cạnh những tác phẩm này, Phaedo chỉ được ông chọn cốt để coi là tác phẩm của Plato. Phaedrus cũng có phần được chỉ định, và hai lần được nêu ra trong Plato. Phát biểu của Aristophanes trong Bữa Tiệc được nhìn nhận theo cách tiền giả định tính xác thực của đối thoại ấy! Và ám chỉ cả với Gorgias, Meno và Lesser Hippias. Thực sự thì Theaetetus không được kể đến, nhưng các đoạn văn được viện dẫn là từ các tác phẩm của Plato, những tác phẩm mới chỉ được tìm thấy. Cũng thế, Philebus không được Aristotle định danh, nhưng hẳn nhiên một số đoạn văn về đạo đức được ông lưu tâm, và một trong số những đoạn văn mà ông đã trích dẫn này chủ yếu là từ sự trình bày của Plato, những xác nhận chỉ có ở Philebus. Vì thế chúng ta không thể nghi ngờ rằng ông đã quen với đối thoại này và đã thừa nhận tính xác thực của nó. Cũng có nhiều biểu thị trong những tác phẩm đôi khi được chọn một cách độc lập, đôi khi là sự trùng hợp ngẫu nhiên, hẳn chứng tỏ rằng cả Nhà Nguỵ biện và Chính trị gia đều được ông coi là thuộc phái Plato! Và khi Chính trị gia trưng dẫn trong Luật pháp, nó có sự ủng hộ thêm của tất cả các chứng cứ. Rõ ràng từ Tu từ học biện hộ được Aristotle thừa nhận! Nhưng vẫn còn tồn tại một sự ngờ vực nào đó về Menexenus. Chẳng ở đâu ông đề cập tới Parmenides; chỉ có một sự thể nhỏ có thể được trích dẫn từ nó. Nhưng nếu Philebus thực sự ám chỉ tới Parmenides, chứng cứ cho một đối thoại sẽ có hiệu lực đối với đối thoại khác. Cả Protagoras cũng chẳng bao giờ được định rõ, nhưng hình như nó được Aristotle biết tới, và được ông sử dụng như một tài liệu đáng tin cậy về mặt lịch sử. Dường như ông cũng từng quen với Lysis, Charmides, và Laches; dù điều này không chắc như trong trường hợp của Protagoras. Còn đáng ngờ hơn là liệu hai đoạn văn liên quan tới Cratylus và Hippias lớn. Quả thực, Euthydemus được Eudemus có nói đến! Nhưng các sai lầm mà Aristotle trích dẫn từ Nhà Nguỵ biện có tên đó không thấy có trong đối thoại của Plato; và dù chắc chắn theo giả thiết về tính xác thực của nó, chúng ta mong rằng Aristotle đã sử dụng nó trong việc

thẩm tra những sai lầm thường đưa ông tiếp xúc với nó, mối quan hệ của hai trình bày này không được thiết lập đủ để dùng làm chứng cứ cho tính xác thực của Euthydemus.

Rồi, nếu bất kỳ đối thoại nào, trong tuyển tập của chúng ta được Aristotle nói là của Plato, hoặc được ông dùng theo cách tiền giả định là thế, trường hợp này mang tính cam đoan về tính xác thực của nó. Trong thời gian hai mươi năm trước khi Plato qua đời, Aristotle là thành viên của phái Plato ở Athens; sau biến cố ấy ông đã rời thành phố, nhưng mười hai hay mười ba năm sau ông lại quay lại và sống quãng đời còn lại ở đây. Hồi thầy mình còn sống, bất cứ tác phẩm nào cũng được nhìn nhận sai, cho là tác phẩm của thầy, bởi những người đã được dạy dỗ theo chủ đề này, hoặc đã có cơ hội được coi là như thế, thì không thể có tác phẩm. Ngay cả ở thế hệ ngay sau khi ông qua đời, trong khi Speusippus và Xenocrates lãnh đạo Academy, và Aristotle cũng là học trò riêng của Plato đã sống ở Athens, thì điều này chỉ có thể xảy ra trong những điều kiện hoàn toàn đặc biệt, và theo chừng mực hết sức giới hạn. Thật thế, ta có thể hiểu được rằng một trong những đối thoại ít quan trọng nhất có thể được các học trò gần gũi của ông thừa nhận, sau khi Plato qua đời, mà trước đó không hay biết gì về nó. Những trường hợp của loại này từng xảy ra trong thời đại của chúng ta, dù chúng ta có nhiều nguồn tác giả cổ điển hơn, và nhiều kinh nghiệm về phê bình văn học hơn. Cũng có thể dễ xảy ra là một phác thảo không hoàn chỉnh về các tác phẩm của Plato đã được bổ sung cho hoàn hảo bởi một ai khác sau khi ông qua đời - một tác phẩm chưa viết xong được một trong số các học trò của ông viết tiếp - có thể được thừa nhận là thật hoàn toàn. Không có sự suy xét chính xác về nguồn gốc từ những thành phần gần đó hơn. Nhưng khó có thể tin được rằng chuyện này thường xuyên lập lại trong thế hệ đầu sau cái chết của thầy! Hoặc những tác phẩm được cho là của ông, mà giả như chúng là thật, phải do tầm quan trọng của chúng đã được Trường phái thừa nhận trong lúc ông còn sống, thì sau đó mới xuất hiện và được mọi người thừa nhận. Nếu bằng chứng của Aristotle về các tác phẩm của Plato, trong chừng mực nào đó đã rõ ràng và chân chính, không bảo đảm tuyệt đối tính xác thực của chúng; và nếu bất kỳ sự bình phẩm nào về tuyển tập của Plato bắt đầu từ những tiền giả định đòi hỏi sự loại bỏ nhiều tác phẩm được Aristotle thừa nhận, thì trong một điều kiện như thế cũng đủ để chứng minh những tiền giả định này là không đúng.

Nhưng nếu chứng cứ của Aristotle có tầm quan trọng đối với các tác phẩm mà ông trích dẫn từ đó, liệu chúng ta có thể kết luận chắc chắn rằng những tác phẩm mà ông không nêu ra thì không thật? Chẳng ai xác quyết được điều này khi không đủ tư cách. Aristotle không có ý định đánh giá các tác phẩm của Plato như một sử gia văn học bị buộc phải cung cấp một danh mục đầy đủ về chúng, hay bảo rằng ông biết rõ mọi sự. Ông cũng không phân giải chúng như một nhà văn hiện đại về triết sử, mà mục đích của họ là phối hợp nội dung triết học trọn vẹn vào việc trình bày học thuyết của Plato! Ông chỉ đề cập tới chúng khi có dịp, nói lên các quan điểm của riêng ông hoặc bình phẩm hay chống đối các quan điểm của Plato và Socrates. Vì thế, chúng ta đừng mong ông kể ra tất cả những gì ông biết, ngoại trừ những tác phẩm nào thấy là cần thiết hoặc được yêu cầu khi thảo luận. Mà cả như thế thì cũng phải được ứng dụng thận trọng. Các tác phẩm của Plato để lại cho chúng ta nguồn trí thức độc nhất, chúng ta không thể nói tới triết lý của Plato mà không liên tục trở lại với chúng.

Những xem xét này chắc chắn làm cho việc xác định các tác phẩm của Plato là chính thống, dựa trên những luận cứ nội tại, thì rất khó và phức tạp. Không dễ gì để so sánh một đối thoại này với những đối thoại khác, chúng ta phải thẩm định xem liệu Plato, như chúng ta biết về ông từ những tác phẩm xác định, có thể cần được đặt thành vấn đề về ngày tháng chắc chắn và dưới những hoàn cảnh chính xác. Dĩ nhiên điều này không phải lúc nào cũng có thể trả lời một cách chắc chắn như nhau, cả theo nghĩa khẳng định hay phủ định. Đôi khi có phân biệt giả và thật một cách chính xác hoàn toàn! Cái không Plato với cái chưa hoàn tất, hay vì tuổi đã cao của Plato! Và như thế, hầu như không tránh khỏi là trong số những đối thoại có thể được bảo đảm là của Plato, hay ngược lại, những người khác có thể xen vào, ở một mức độ khả dĩ nào đó là toàn bộ những gì chúng ta có thể có được từ những tác phẩm, mà hầu như hiểu biết và đánh giá của chúng ta về triết lý của Plato phải dựa vào thì có thể xác nhận rõ nền tảng của chúng trong bất kỳ nghiên cứu tự nhiên nào. Trong khi mặt khác, quan điểm chung của chúng ta về học thuyết Plato rất ít chịu ảnh hưởng bởi tính chính thống hay không chính thống của vài đối thoại ít quan trọng hơn.

Trong tác phẩm này không thể truy xét hết chủ đề này kỹ hơn, hoặc tranh luận các lý do có thể được viện dẫn để ủng hộ hoặc bác lại nguồn gốc của từng tác phẩm. Dường như cần cho thấy rằng, dựa vào những tác phẩm này chúng ta có cơ sở trình bày triết lý của Plato

chưa kể đây còn là lý lẽ nên tản để xác định vị trí của những tác phẩm này.

Ngoài những đối thoại xưa kia bị cho là giả mạo, tuyển tập các tác phẩm của Plato bao gồm ba mươi lăm đối thoại, mười ba lá thư, và một số định nghĩa, chủ yếu liên quan đến đạo đức. Trong số này có vài tác phẩm - Protagoras, Phaedrus, bữa tiệc, Gorgias. Theaetetus, và Nền Cộng hoà - tính xác thực của chúng chẳng bao giờ bị đặt thành vấn đề: Phaedo cũng ít bị Phanaetius nghi ngờ (nếu thật sự là có) - như Timaeus, có lúc bị Sachelling ngờ vực. Tính xác thực của tất cả tác phẩm coi như được xác minh đầy đủ. Còn có vài đối thoại quan trọng - Philebus, Nhà Nguỵ biện, Parmenides, và Cratylus - dù hiện nay nhiều lần bị công trích, nhưng dứt khoát vẫn được coi là của Plato - không chỉ dựa trên bằng chứng vững vàng của Aristotle hay trích dẫn chúng, mà còn vì chứng cứ nội tại. Vị trí của quyển Luật pháp sẽ là chủ đề của nhiều cuộc tranh cãi sau này. Không có mấy lý do để hồ nghi Critias, vì nội dung của nó hết sức hài hoà với phần mở đầu của Timaeus. Meno được bảo hộ bởi sự ám chỉ rõ ràng trong Phaedo, cũng như bởi những trích dẫn của Aristotle; và dù không là một trong những đối thoại hoàn chỉnh của Plato, chẳng có lý do nào để nghi ngờ tính xác thực của nó. Dù thế nào đi nữa, Euthydemus được Eudemus sử dụng và dù thường bị công kích, nó dễ dàng được bảo vệ, nếu chúng ta nhớ ý đồ riêng của đối thoại này, và phân biệt đầy đủ giữa điều được chủ định nghiêm túc với điều mang tính mỉa mai, châm biếm. Biện giải cũng ít bị nghi ngờ như Crito. Rồi cả Lysis, và Laches, đều được Aristotle coi là của Plato, được viết ra khi Plato chưa thực sự vượt xa hơn quan điểm của Socrates, v.v...

Tên thực tế người ta đặt vấn đề là liệu các tác phẩm được cho là chắc chắn của Plato có đưa ra bức tranh thực về hệ thống của ông không. Theo một số người phần nào để gia tăng tầm quan trọng của chính ông, phần nào là biện pháp phòng ngừa, Plato đã cố tình che giấu trong các tác phẩm của ông ý nghĩa thật và sự kết nối các học thuyết của ông, và chỉ kín đáo phơi bày nó ra cho những học trò thân tín hơn của ông. Tuy nhiên, gần đây và hầu như phổ biến, quan điểm này đã bị bác bỏ. Nó có thể cũng không được nâng đỡ bởi chứng cứ của Plato lẫn của Aristotle. Các xác quyết của những tác giả sau này, những người đã chuyển các quan niệm của họ về thuyết thần bí của phái Pythagoras cho Plato, chẳng chứng minh được gì. Hoàn toàn không thể tin được rằng một triết gia như Plato lại phí cả đời mình vào những lao nhọc văn học, với chủ đích không truyền đạt quan

điểm của mình, mà để che giấu chúng; một chủ đích được thể hiện hiệu quả hơn nhiều và đơn giản nhờ sự im lặng. Hơn nữa, chính ông ấn định cùng nội dung cho bản văn cũng như cho văn nói khi ông có ý nhắc nhở chúng ta mối quan hệ của chúng. Và Aristotle đã chẳng thể biết bất kỳ sự khác biệt cốt yếu nào giữa hai thể loại này, nếu sự trình bày và phê phán của ông không dựa vào cả hai.

Thật vậy, toàn bộ điều này được tìm thấy ở Plato, và những lý do cho một phương pháp như thế sau sự phơi bầy. Trong khi đó, hình thức của các đối thoại sẽ đưa đến sự trở ngại không thể vượt qua để lĩnh hội chúng, nếu không có sự liên kết chúng với nhau.

Cuối cùng, nếu chúng ta tìm thấy trong những tác phẩm này, bám sát với sự thẩm tra triết học, một khoảng lớn được phân định cho sự mô tả lịch sử và hình ảnh đầy ấn tượng, lúc ấy, trong một số trường hợp, quả là dễ tách rời những yếu tố này, trong những trường hợp khác dễ nhận ra phần cốt yếu triết lý mà tự chúng bao hàm.

TRIẾT HỌC PLATO

Triết học Plato một mặt là sự hoàn thành triết học Socrates, mặt khác là sự mở rộng vượt qua nó. Cũng như Socrates trong nghiên cứu triết học đã quan tâm tới đời sống đạo đức và trí thức - vì theo ông hành động đúng không thể tách rời với trí thức đúng, triết học không thể tách rời với đạo đức và tôn giáo, vì tất cả chỉ là một - thì Plato cũng thế! Và cũng như đối với Socrates, mục tiêu của triết học là đặt nền cho trí tuệ và hành kiểm trên trí thức khái niệm, thì đối với Plato, tiêu chuẩn của mọi hành động và mọi xác tín là sự chiêm ngưỡng các ý niệm phổ quát. Như vậy quan điểm của Plato về vấn đề và nguyên tắc triết học hoàn toàn dựa trên các cơ sở của Socrates. Nhưng cái mà đối với Socrates chỉ là một chân lý phổ quát thì đối với Plato trở thành một hệ thống; cái mà nhà triết học kia đặt làm nguyên tắc của tri thức thì nhà triết học này lại đặt nó làm nguyên tắc của siêu hình học. Plato chính là người đầu tiên đã mở rộng triết học Socrates thành một hệ thống, kết hợp đạo đức học với triết học tự nhiên thời trước, và đặt cả hai lĩnh vực này trên nền tảng biện chứng pháp, hay khoa học thuần tuý về các ý niệm. Nhưng ngay lập tức ta thấy rõ nhu cầu có một nguyên tắc, không chỉ hướng dẫn tư tưởng theo phương pháp khoa học, mà còn giải thích các sự vật vật chất trong chính yếu tính và hiện hữu của chúng. Khi vượt qua đạo đức học của Socrates, Plato cũng vượt qua lối hiểu của Socrates về tri thức khái niệm. Socrates từng nói rằng nhận thức về các ý niệm là điều kiện tiên quyết của mọi tri thức đúng và hành động đúng. Vì vậy, Plato kết luận, chỉ có tư tưởng logic là tri thức đích thực. Mọi cách hiểu biết khác - trình bày, tưởng tượng - không cho ta sự xác tín chắc chắn và khoa học. Nhưng nếu chỉ có tri thức về ý niệm là tri thức đích thực, thì theo Plato, lý do duy nhất là vì chỉ có nó là tri thức về cái hiện thực; bởi vì Hữu thể đích thực hoàn toàn thuộc về yếu tính của các sự vật được trình bày trong ý

niệm, và thuộc về mọi vật khác theo mức độ chúng tham dự vào ý niệm. Như thế việc lý tưởng hoá khái niệm mà Socrates đã lấy làm định đề logic bằng một sự khéo léo khoa học, thì bây giờ được Plato nâng lên mức độ chiêm ngưỡng khách quan thế giới, và được hoàn thiện trong một hệ thống.

Tuy nhiên, không thể làm điều này nếu không có một sự phân biệt sắc nét giữa hoạt động tri thức và hoạt động đạo đức. Tính thống nhất trực tiếp và vô điều kiện của hai hoạt động này theo như Socrates đã đòi hỏi, chỉ có thể được duy trì bao lâu khi người ta không vượt quá cái nhìn tổng quát của ông về các vấn đề mang tính hai mặt. Ngay lúc chúng ta bắt đầu đi vào những cái đặc thù - một mặt bằng việc xem xét các điều kiện của tư tưởng khoa học, và hướng tư tưởng ấy tới các đề tài không có tầm ảnh hưởng đạo đức trực tiếp; hay mặt khác, bằng việc tập trung chú ý chặt chẽ hơn vào yếu tố đặc trưng của các hoạt động đạo đức và các biểu hiện đa dạng của chúng - chúng ta không còn có thể tự che giấu mình sự thật là có một sự khác biệt, cũng như có một mối liên hệ giữa tri thức và hành động. Dưới đây chúng ta thấy rằng Plato cũng phải nhìn nhận sự khác biệt này: tuy nhiên ở đây cũng như trong tất cả khái niệm của ông về triết học, ông không khác biệt xa với thầy ông bằng Aristotle. Ông phân biệt sắc nét hơn Socrates về hướng đạo đức của ý chí và tri thức khoa học, nhưng không vì thế mà ông coi triết học là một hoạt động thuần tuý lý thuyết giống như Aristotle. Ông hoàn thành đạo đức học Socrates không chỉ bằng các tra cứu biện chứng pháp mà cả với các tra cứu vật lý: tuy nhiên phương pháp thứ hai này không bao giờ phát triển trong tay ông cho dù ông đã có công trong ngành nghiên cứu này, một điều chắc chắn là thiên tài và nhiệt tình của ông đối với khoa học tự nhiên vẫn thua xa Aristotle, và các thành tựu của ông trong lĩnh vực này không thể nào sánh với các thành tựu của học trò ông, dù là về mức độ tri thức, quan sát sắc bén, cắt nghĩa chính xác, hay kết quả dồi dào. Ông coi các khái niệm như là những bản thể biệt lập và gán cho nó thực tại của các ý niệm; nhưng khi coi các ý niệm là thực tại duy nhất, và coi các vật thể vật chất là không có yếu tính và không hiện hữu, ông đã không thể nào cắt nghĩa được về thế giới hiện tượng. Ông hoàn thiện triết học khái niệm thành một hệ thống, nhưng ông không được thúc đẩy để đi sâu vào các đặc thù giống như người kế vị ông: đối với ông, chỉ có ý niệm là đối tượng thực của tư tưởng; các hiện tượng riêng lẻ không có ích lợi gì. Thực ra ông có thể sử dụng nó để làm sáng tỏ về ý niệm mà nó tham dự, nhưng khác với

Aristotle, ông không quan tâm tới việc sử dụng nó một cách hoàn toàn nhờ các dữ kiện của kinh nhiệm. Nghiên cứu về cái đặc thù đối với ông xem ra không hơn gì một sự giải trí trí thức, và nếu như có lúc nào mà ông để ý đến nó, thì ông lại luôn luôn rời bỏ nó như thể quá mệt mỏi, để rồi trở về chiêm ngưỡng các ý niệm thần tuý. Về phương diện này cũng thế, ông đứng giữa Socrates và Aristotle, đứng giữa nhà triết học đầu tiên dạy về sự phát triển khái niệm nhờ biểu thị hay tưởng tượng, và nhà tư tưởng Hy Lạp hoàn hảo nhất đã đưa nó vào mọi lĩnh vực của hiện hữu hiện thực. Tuy nhiên, Plato là nhà triết học Hy Lạp đầu tiên không chỉ biết và sử dụng các lý thuyết triết học có trước, mà ông còn ý thức về việc hoàn thiện các nguyên tắc ấy bằng phương tiện của chính chúng, và cột chặt chúng lại với nhau trong một nguyên tắc cao hơn. Điều mà Socrates đã dạy về trí thức bằng khái niệm: Parmenides và Heraclitus, các triết gia Megara và Cynic đã dạy về sự khác biệt giữa trí thức và ý kiến; Heraclitus, Zeno, và các nhà nguỵ biện về tính chủ quan của trí giác giác quan - tất cả những nguyên tắc này đã được Plato xây dựng thành một lý thuyết trí thức phát triển. Nguyên lý hữu thể của các trường phái Elea, và nguyên lý biến dịch của Heraclitus, học thuyết về sự duy nhất và đa nguyên của vạn vật, ông đã kết hợp nó vào trong học thuyết các ý niệm của ông, vừa hài hoà vừa đối chọi, đồng thời ông đã hoàn thiện cả các khái niệm của Anaxagoras về tinh thần, lẫn khái niệm của trường phái Socrates - Megara về sự thiện, và các con số lý tưởng của Pythagoras. Các học thuyết sau cùng này, hiểu theo đúng nghĩa của chúng, được thấy trong lý thuyết về hồn - thế giới, và các luật toán học, như là yếu tố trung gian giữa ý niệm và thế giới giác quan. Yếu tố chung duy nhất của chúng, khái niệm về cái vô hạn, được chấp nhận một cách tuyệt đối và được kết hợp với quan điểm của Heraclitus về thế giới khả giác, đã dẫn Plato tới định nghĩa về chất thể. Phần vũ trụ luận của hệ thống Pythagoras được lặp lại trong khái niệm của Plato về vũ trụ: trong khi lý thuyết của ông về các yếu tố và về vật lý nói riêng cho thấy ảnh hưởng của Empedocles và Anaxagoras, và xa hơn là các triết học tự nhiên của trường phái Nguyên tử và Cổ Lonia. Tâm lý học của ông đậm màu sắc các giáo huấn của Anaxagoras về bản tính vô chất của tinh thần, và của Pythagoras về tính bất tử của linh hồn. Về đạo đức học, ta thấy chắc chắn cơ sở của đạo đức học Socrates, cũng như trong chính trị học ta thấy ảnh hưởng của chế độ quý tộc theo Pythagoras. Nhưng Plato không phải là một mẫu người ham

bắt chước như một số lời vu cáo ông, ông biết chọn lọc một cách quyết đoán những gì rải rác trong các hệ thống trước kia để hình thành nên một toàn thể thống nhất hài hoà của riêng ông. Nói đúng hơn ông đã gom lại các tia sáng thiên tài trước đây, còn tản mát đó đây, để đưa vào một tiêu điểm duy nhất, và là công trình của sự sáng tạo độc đáo và kết quả của nguyên tắc triết học của ông.

Cũng vậy, trong phương pháp triết học Plato chúng ta cũng nhận ra sự đào sâu, thanh lọc và thăng tiến triết học Socrates. Từ nguyên lý tri thức khái niệm, ông đã làm nảy sinh như là kết quả trực tiếp của nó, phương pháp biện chứng mà Socrates phải được coi là tác giả. Nhưng trong khi Socrates bằng lòng với việc triển khai khái niệm này từ việc thuần tuý xem xét các mặt của nó, thì Plato đã đi xa hơn khi đòi hỏi phải rút ra khoa học về khái niệm, bằng việc phân loại chúng trong một hệ thống, trong việc hình thành các khái niệm; trong khi Socrates bắt đầu từ các yếu tố ngẫu nhiên của một trường hợp cụ thể, thì Plato đòi hỏi tư tưởng phải phát sinh qua sự phân tích liên tục từ cái có điều kiện tới cái vô điều kiện, từ hiện tượng tới ý niệm, từ các ý niệm đặc thù tới các ý niệm phổ quát nhất. Biện chứng pháp của Socrates chỉ nhằm mục tiêu đạt được nghệ thuật suy tư đúng cho việc sử dụng trực tiếp của các cá nhân, nhằm thanh luyện các biểu thị thô sơ của họ thành các khái niệm: vì thế việc thực hành biện chứng pháp đồng thời cũng là giáo dục; hoạt động trí thức và đạo đức ăn khớp với nhau cả về công việc của nhà triết học lẫn hiệu quả của nó trên những người khác. Ngược lại, biện chứng pháp Plato là để phục vụ việc hình thành một hệ thống; vì thế, so với phương pháp của Socrates, nó có những đường nét rộng hơn và một hình thức cố định hơn. Nơi người kia đó là vấn đề kỷ cương cá nhân, thì nơi người này nó trở thành một phương ý thức được đưa về các qui tắc tổng quát. Trong khi người kia nhằm mục đích giáo dục các cá nhân bằng các khái niệm đúng, thì người này tìm kiếm bản chất và mối liên hệ của chính các khái niệm: nó không chỉ đi sâu vào các vấn đề và các hoạt động đạo đức, mà còn đi sâu vào tận bản chất cốt yếu của cái hiện thực, nhắm tới mục tiêu là sự biểu thị khoa học về vũ trụ. Nhưng Plato không đi xa theo hướng này bằng Aristotle; các kỹ thuật về logic đã không được ông và học trò của ông triển khai thành một lý thuyết chính xác và tỉ mỉ; và ông cũng không biết sử dụng các chất liệu thực nghiệm vô cùng phong phú để đẩy xa việc áp dụng các khái niệm một cách có hệ thống. Ông ít quan tâm tới việc mở rộng trí thức khoa học vào mọi ngành như

Aristotle mong muốn, mà chỉ nhằm đạt đến việc chiêm ngưỡng ý niệm tự thân. Ông coi thực nghiệm một phần chỉ như là một công cụ để đạt tới Ý niệm - một cái thang bị bỏ lại sau khi ta đã lên tới đỉnh cao của tư tưởng phần khác như là một thứ bản chất và sức mạnh nội tại của các ý niệm - một thế giới các cái bóng mà nhà Triết học chỉ tạm thời đi xuống đó để rồi phải trở về lại vùng ánh sáng và hữu thể thuần tuý. Vì thế, trong khi Socrates nhìn chung chỉ giới hạn mình vào việc tìm kiếm các khái niệm và coi sự hiểu biết chúng là giáo dục đạo đức; và trong khi Aristotle mở rộng phương pháp qui nạp và chứng minh sang mọi cái hiện thực - thì nét đặc trưng độc đáo của Plato lại là coi tất cả việc giáo dục đạo đức, việc giảng dạy trí thức, và việc hình thành và phát triển các khái niệm trong khoa học như là được liên kết nội tại với nhau bởi một mục tiêu chung, dẫn tới sự chiêm ngưỡng ý niệm, đồng thời cũng là đời sống trong ý niệm. Tuy nhiên lập trường này không hoàn toàn cố định. Trong các đối thoại, thoạt đầu phương pháp qui nạp Socrates rõ ràng lấn lướt yếu tố cấu tạo, rồi sau đó cả hai hoà trộn với nhau, và cuối cùng qui nạp nhường chỗ cho sự diễn dịch trong hệ thống; tương ứng với sự thay đổi này cũng có sự thay đổi điện tín từ hình thức đối thoại sang hình thức diễn giải liên tục. Nhưng tính chất cơ bản của phương pháp không bao giờ mất! Và cho dù đôi khi Plato có thể đi sâu đến đâu vào các cái đặc thù, thì ý định cơ bản của ông vẫn chỉ là trình bày một cách sáng tỏ và trực tiếp cái ý niệm chiếu sáng qua các hiện tượng; vạch ra sự phản chiếu của nó trong cái vô hạn! Lấy ánh sáng của nó đổ đầy cả tâm trí và toàn thể con người.

Nét độc đáo này trong triết học Plato giải thích cho hình thức ông lựa chọn để truyền đạt. Một bản chất nghệ thuật là điều không thể thiếu cho một sự sản sinh triết học như thế! Mặt khác, loại triết học này tất yếu đòi hỏi phải được truyền đạt bằng nghệ thuật. Hiện tượng khi được đặt trong quan hệ trực tiếp, trở thành một hiện tượng đẹp; nhận thức về ý niệm trong hiện tượng trở thành một nhận thức thẩm mỹ. Ở đâu mà khoa học đời sống hoàn toàn thâm nhập với nhau, thì theo Plato khoa học chỉ có thể được truyền đạt bằng sự mô tả sống động! Và vì phương tiện truyền thông là ý niệm lý tưởng, nên sự mô tả này tất nhiên phải đầy chất thơ. Tuy nhiên, việc trình bày này cũng phải mang tính chất biện chứng, để có thể tương ứng với đề tài của triết học khái niệm. Plato thoả mãn cả hai đòi hỏi này bằng thể loại đối thoại triết học, nhờ đó ông đứng giữa lối đối thoại cá nhân của Socrates và lối trình bày khoa học thuần tuý của

Aristotle. Ở đây kiểu đối thoại của Socrates được lý tưởng hoá, các động cơ và các hành vi tuỳ thuộc được sửa lại bằng một phương pháp nghiêm khắc hơn - các khuyết điểm của các nhân vật được che đậy bằng các nét tô điểm nghệ thuật. Thế nhưng nét độc đáo trong sự trao đổi bằng lời và các tia tư tưởng chợt loé lên trong tiến trình đối thoại vẫn còn được giữ lại. Triết học được đưa ra không chỉ như là một học thuyết, nhưng như là một sức sống nơi nội tâm nhà triết học, và nhờ đó tạo ra một hiệu quả đạo đức và nghệ thuật, là điều mà nghiên cứu khoa học thuần tuý không tài nào có được. Diễn giải liên tục hẳn nhiên là thích hợp hơn cho loại nghiên cứu khoa học, và bản thân Plato cũng cho thấy điều này, vì khi diễn giải ông càng đi vào chiều sâu thì nó càng mất đi sự tự do thoải mái trong hoạt động đối thoại. Trong các tác phẩm thời kỳ đầu của ông, sự tự do này thường khuấy động sự trong sáng của logic, trong khi ở các đối thoại biện chứng vào thời kỳ giữa, nó ngày càng lệ thuộc hơn vào sự phát triển tư tưởng logic. Trong các tác phẩm thời kỳ sau, đối thoại thực sự được sử dụng một cách khéo léo như thường lệ để dẫn nhập đề tài đối thoại hay mô tả nhân vật; nhưng khi đi vào việc trình bày hệ thống, nó chỉ còn là một hình thức đơn thuần, và trong Timaeus nó bị loại bỏ ngay từ đầu. Chúng ta không cần kết luận như Hermann rằng, hình thức đối thoại này của Plato chỉ có giá trị ngoại tại thuần tuý. Hẳn ông cũng đã có một lý do ngoại tại để lựa chọn hình thức đối thoại này của thầy mình, cũng như một mẫu triển khai nghệ thuật trong hình thức thi ca, đặc biệt trong các suy tư, các hành vi đạo đức, giống như kiểu của Epicharmus, Sophron, và Euripides; nhưng có bằng chứng nào để cho rằng trước thời ông, hình thức đối thoại đã từng là một hình thức phổ biến để trình bày quan điểm triết học; và cho dù có đi nữa, chúng ta vẫn có thể chắc chắn rằng Plato, vốn là một mẫu người độc lập và sáng tạo, và được phú bẩm một cảm giác nghệ thuật hiếm có, ông không thể chỉ dựa trên những lý do ngoại tại ấy để gắn bó suốt cả đời mình với một hình thức diễn tả nhiều khi rất tẻ nhạt đối với ông như thế, mà chỉ có thể nói rằng lý do ông lựa chọn loại hình đối thoại này là vì có một mối quan hệ nội tại mật thiết giữa hình thức ấy với toàn thể quan niệm triết học của ông.

Tâm điểm các đối thoại của ông là Socrates. Trong hầu hết các đối thoại, Socrates không chỉ là nhân vật dẫn dắt đối thoại hay là người chăm chú nghe với một óc phân tích sâu sắc và chỉ thỉnh thoảng lên tiếng, nhưng nhân cách của ông chính là sợi dây nối kết tuyệt hảo các thành phần lại với nhau một cách đầy nghệ thuật; và một số đối

thoại mạnh và thú vị nhất cũng dành nhiều chỗ để vẽ lên chân dung con người này cũng như để triển khai học thuyết triết học. Đây chủ yếu là một nét nói lên tâm tình biết ơn và tôn kính của người học trò đối với thầy mình. Plato ý thức rằng ông chịu ơn Socrates về những gì tốt nhất trong đời sống tinh thần của mình, và với niềm tin xác tín này, ông đã đáp đền trong các tác phẩm bằng những hoa trái cao quý nhất của hạt giống mà ông đã vay mượn của thầy mình.

Phương pháp triết học của ông cũng còn một lý do khác và sâu hơn, nó nằm ở cội rễ phong cách tư tưởng của ông. Theo cách hiểu của ông, triết học không chỉ là một tập hợp các lý thuyết mà còn là sự hoàn thiện toàn thể đời sống tinh thần; và khoa học không chỉ là một hệ thống truyền đạt khép kín, nhưng còn là một hoạt động con người và là sự phát triển tinh thần - vì thế triết học đích thực chỉ có thể được biểu thị nơi nhà triết học hoàn hảo, nơi nhân cách, lời nói và thái độ của Socrates. Quan điểm này của ông về triết học được gắn liền với một nét đặc trưng khác, làm nổi bật thiên tài văn chương độc đáo của ông. Đó là việc ông sử dụng thần thoại; ông thích kết hợp thần thoại với tra cứu triết học, và đặc biệt thích dùng nó để mở đầu hay kết luận một cuộc tranh luận. Tuy nhiên ở đây ta còn thấy một động cơ nữa. Một mặt, thần thoại là cách biểu hiện nét đặc trưng tôn giáo và thi ca trong triết học Plato. Plato sử dụng các truyền thống tín ngưỡng dân gian và các truyền thống của các tôn giáo thần bí (trong đó dưới tấm màn của câu chuyện ngụ ngôn ông đoán ra một ý nghĩa sâu hơn) để trình bày các ý tưởng bằng nghệ thuật. Nhưng mặt khác thần thoại không chỉ là một bộ áo khoác bên ngoài cho một tư tưởng vốn đã có dưới một hình thức thuần tuý khoa học. Trong nhiều trường hợp, Plato sử dụng nó như một nhu cầu tích cực, và thành công của ông trong việc sử dụng nó là kết quả của sự kiện ông không quay trở lại con đường suy tư để tìm kiếm một hình ảnh cho tư tưởng của mình, nhưng ngay từ đầu, giống như một nghệ sĩ sáng tạo, ông suy nghĩ bằng hình ảnh. Tóm lại, thần thoại hầu như luôn luôn cho thấy sự hụt hẫng trong tri thức khoa học: các câu chuyện thần thoại được dùng đến khi mà nhà triết học đã đề ra một ý tưởng gì đó mà ông tin là đúng nhưng lại không có phương tiện để thiết lập sự thật ấy một cách khoa học. Khi Plato sử dụng lối biểu thị bằng thần thoại, ông gián tiếp thú nhận rằng trong những trường hợp này, phương pháp thông thường của ông không thể giúp ông đạt hiệu quả. Vì thế các truyện thần thoại của ông không chỉ minh chứng tài năng nghệ thuật của ông, và là một hậu quả của mối liên hệ mật thiết giữa triết học và thi ca, nhưng

chúng cũng bộc lộ những giới hạn trong phương pháp tư tưởng của ông. Vì vậy, mặc dù việc sử dụng thần thoại này tự nó rất đáng ca ngợi, nhưng xét trên quan điểm khoa học, nó là một dấu chỉ của sự yếu đuối hơn là của sức mạnh: chúng cho thấy ở điểm này rõ ràng ông vẫn chưa hoàn toàn là một nhà triết học, vì ông vẫn còn là một nhà thơ quá nhiều.

Sự phát triển triết học một cách có phương pháp và toàn diện của Plato cũng đòi hỏi chúng ta phân biệt các ngành khác nhau trong triết học của ông so với các nhà triết học tiền bối. Nhưng những ranh giới phân biệt này trong các tác phẩm của ông không được rõ rệt như trong các tác phẩm của Aristotle; và sự phân biệt chính xác mỗi ngành cũng không được chắc chắn lắm. Các tác giả ngày nay không ít lần gán cho Plato những sự phân loại hoàn toàn xa lạ đối với chính ông; và tình trạng này cũng đúng với các cố gắng của các nhà ngữ pháp thời trước, muốn sắp xếp thứ tự các tác phẩm của ông dựa theo nội dung của chúng. Mặc dù các chứng cớ ngoại tại không có đủ, lý thuyết sau đây có thể có rất nhiều giá trị vững chắc: đó là ông chia toàn thể vấn đề triết học thành ba phần: Biện chứng pháp (hay logic), Vật lý, và Đạo đức học. Vì lối phân chia này không chỉ được Aristotle và Xenocrates sử dụng, mà các đối thoại quan trọng nhất của ông về đề tài triết học chính cũng rơi vào ba nhóm tương ứng này; mặc dù ít có một đối thoại duy nhất nào hoàn toàn nằm trong một nhóm nào. Quyển Timaeus và Nhân Loại học có thể xếp vào nhóm Vật lý, và quyển Phaedo về nội dung cũng có thể xếp vào nhóm này; Nền Cộng hoà, Chính khách, Philebus, Gorgias, xếp vào nhóm Đạo đức học; Theaetetus, Nhà Nguỵ biện và Parmenides vào nhóm Biện chứng pháp. Vì vậy, chúng ta có thể mạnh bạo kết luận về lối phân chia này của Plato, mặc dù bản thân Plato không bao giờ xác định rõ như thế trong các tác phẩm ông đã viết, càng không thể chứng minh trong các bài nói của ông. Nhưng dù sao đi nữa, nó cũng không bao gồm hết nội dung triết học của các đối thoại. Các tác giả đã từng vạch ra rằng trong các đối thoại này, phương pháp quy nạp của Socrates - tranh luận để chuẩn bị cho khoa học và giáo dục đạo đức - được kết hợp với việc triển khai hệ thống về học thuyết, và ngay từ đầu thậm chí còn khẳng định giá trị của nó ở một mức độ lớn hơn nhiều. Vậy chúng ta phải xếp các tranh luận này vào loại nào? Chúng ta phải xếp vào loại nào các lập luận bác bỏ ý kiến bình dân và nhân đức theo tập tục, của các nhà nguỵ biện và các lý thuyết về hạnh phúc - tất cả các đoạn đối thoại này nói về khái niệm và phương pháp tri thức, tính duy nhất của nhân đức, và quan

hệ giữa tri thức và hành động luân lý, giữa tình yêu theo triết học và các giai đoạn phát triển nó? Người ta quen xếp một phần vào nhóm Biện chứng pháp, một phần khác vào nhóm Đạo đức học. Nhưng với lối phân chia này, thì hoặc là sự trình bày xuyên suốt về các khoa học sẽ bị đứt đoạn bởi các thảo luận khai đề, mà trong đó Plato không hề nhắc đến chúng, hay là các tra cứu liên quan tới tri thức đích thực và hành động đúng, vốn luôn gắn kết mật thiết với nhau, sẽ bị tách rời hoàn toàn. Từ chối chấp nhận một sự phân chia rạch ròi dựa trên nội dung và chỉ chấp nhận một lối sắp xếp phỏng chừng của các đối thoại có vẻ như là thái độ không nên, bởi vì nếu bằng cách đó chúng ta có thể đạt được một thứ tự thật mà Plato đã dùng để triển khai ý tưởng của ông, nhưng chúng ta lại không thể rút ra được mối quan hệ nội tại của chúng; và rõ ràng là dựa trên các đề tài tranh luận trong các cuộc đối thoại rất cách xa nhau nhưng về cùng một tư tưởng, chúng ta thấy hai lối sắp xếp này không nhất thiết trùng khớp với nhau. Trừ khi chúng ta đi theo Plato cả trong những chỗ trùng lặp của ông - vì thiếu một sự sáng sủa hoàn hảo và có hệ thống theo cách diễn tả của ông - chúng ta phải rút ra tất cả các trường hợp song song từ các đối thoại khác nhau. Nhưng nếu bằng cách này mà chúng ta phải từ bỏ thứ tự của các tác phẩm, thì chúng ta hoàn toàn không còn lý do gì để chấp nhận nó nữa; vấn đề sẽ là chúng ta phải đi sâu vào nguồn nội tại và tâm điểm của hệ thống Plato, rồi tập hợp xung quanh tâm điểm này các yếu tố của hệ thống ấy, theo mối quan hệ nội tại của chúng trong tư tưởng của tác giả. Về điểm này chính Plato cũng cho chúng ta một gợi ý rất giá trị. Ông nói, sự phân chia cao nhất về cái có thể suy tưởng, và đối tượng chính của triết học là: điều gì mà lý trí đạt được nhờ khả năng biện chứng, bằng cách sử dụng các giả thuyết không phải như các nguyên tắc đệ nhất, nhưng chỉ như là các giả thuyết đơn thuần, giống như các bước và các điểm khởi hành, để từ chúng đạt tới cái vô điều kiện, nguyên lý đệ nhất của mọi sự vật; và khi nắm vững được cái nguyên lý này, rồi nắm vững cái theo sau nó, nó lại đi xuống tới bước cuối cùng; như thế không bao giờ nó sử dụng đến các vật khả giác, nhưng tiến hành hoàn toàn từ các ý niệm, qua các ý niệm, đến các ý niệm. Trong đoạn này, và cũng trong một đoạn đặc sắc của Aristotle, chúng ta thấy vạch ra rõ rệt hai con đường tư duy: con đường từ dưới đi lên ; và con đường từ trên đi xuống: con đường quy nạp đi lên tới ý niệm, được thực hiện bởi việc loại trừ các giả thuyết cuối cùng, và con đường đi xuống của hệ thống, từ ý niệm đi xuống cái đặc thù.

NỀN CỘNG HÒA

QUYỂN I

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Socrates, người kể
- Glaucon
- Adeimantus
- Polemarchus
- Cephalus
- Thrasymachus
- Cleitophon

Và các nhân vật khác chỉ im lặng nghe

Cảnh diễn ra tại nhà của Cephalus ở Piraeus; và ngay sau ngày cuộc đối thoại thực sự diễn ra, Socrates đã kể lại toàn bộ cuộc đối thoại cho Timaeus, Hermocrates, Critias và một người không nêu tên, tất cả những nhân vật này được giới thiệu trong cuốn Timaeus.

Hôm qua tôi xuống Piraeus cùng với Glaucon, con trai của Ariston, để dâng lễ cầu nguyện lên nữ thần Bendis[1] và cũng vì tôi muốn xem người dân ở đây dự lễ hội như thế nào, vì tôi nghĩ đó sẽ là một điều mới lạ. Tôi rất thích thú cảnh đám rước; nhưng cảnh rước của người Thracia rất thú vị, thậm chí còn đẹp hơn. Khi chúng tôi đã cầu nguyện và xem đám rước xong, chúng tôi quay về hướng thành phố; và ngay lúc ấy Polemarchus, con trai của Cephalus, bất ngờ trông thấy chúng tôi từ đằng xa khi chúng tôi sắp sửa về nhà, anh bảo thằng bé giúp việc chạy lại chỗ chúng tôi để xin chúng tôi chờ anh. Thằng bé nắm lấy sau lưng áo tôi và nói: ông Polemarchus muốn các ông chờ ông ấy.

Tôi quay lại và hỏi xem chủ của nó đang ở đâu.

[1]Bendis, nữ thần Artemis của người Thracia.

Ông ấy kia kìa, thằng bé nói, sắp đến rồi, xin các ông chờ cho.

Chắc chắn chúng tôi sẽ chờ, Glaucon nói; và sau ít phút Polemarchus đến nơi, cùng với Adeimantus, em trai của Glaucon, Niceratus, con trai của Nicias và một vài người khác vừa xem đám rước xong.

Polemarchus nói với tôi: Ông Socrates, tôi thấy ông và các bạn đang trên đường trở về thành phố phải không?

Anh đoán không sai, tôi nói.

Nhưng, anh nói tiếp, ông có thấy chúng tôi có bao nhiêu người không?

Chắc chắn rồi.

Và các ông có khỏe hơn những người của chúng tôi không? Vì nếu không, các ông sẽ không thể đi đâu được.

Không lẽ không có chọn lựa khác sao? Chúng tôi không thể thuyết phục anh để chúng tôi đi sao?

Các ông có thể thuyết phục nếu chúng tôi không nghe các ông không? Anh nói.

Tất nhiên là không, Glaucon đáp.

Vậy thì chúng tôi sẽ không nghe ông đâu; chắc chắn là thế.

Adeimantus thêm: Không ai nói với các ông về cuộc cưỡi ngựa rước đuốc để kính nữ thần tối nay sao?

Cưỡi ngựa rước đuốc! Tôi đáp: Chuyện lạ đấy. Có phải những người cưỡi ngựa cầm đuốc và chuyền cho nhau trong cuộc rước không?

Đúng, Polemarchus nói. Và không chỉ có thế; đến đêm sẽ có lễ hội và các ông phải xem đấy. Chúng ta sẽ ra ngoài sau khi ăn tối và xem lễ hội này; sẽ có cuộc tụ tập của thanh niên và chúng ta sẽ có dịp trò chuyện thú vị. Vậy các ông hãy ở lại, đừng chần chờ gì nữa.

Glaucon nói: Vì anh nài nỉ như thế, chắc chúng tôi phải ở lại thôi.

Tốt lắm, tôi đáp.

Thế là chúng tôi cùng với Polemarchus đi về nhà anh ta; và tại đây chúng tôi gặp các em trai của anh ta là Lysias và Euthydemus, cùng với Thrasymachus người Chalcedonia, Charmantides người Paeania và Cleitophon con trai của Aristonymus. Ở đó cũng có mặt Cephalus, cha của Polemarchus, mà đã lâu tôi không gặp và tôi nghĩ bây giờ ông đã già lắm rồi. Ông ngồi trên một chiếc ghế nệm, trên đầu quấn một vòng hoa, vì ông vừa dự lễ tế tại hoàng cung; trong phòng cũng có một ít ghế khác xếp thành hình bán nguyệt và chúng tôi ngồi trên đó bên cạnh ông. Ông niềm nở chào đón tôi và nói:

Anh Socrates, lâu quá anh không đến thăm tôi: Nếu tôi còn có thể đi được, tôi không cầu xin anh đến. Nhưng bây giờ tôi già rồi không thể lên thành phố, vì vậy anh phải đến Piraeus này thường xuyên hơn. Vì tôi nói cho anh hay, các thú vui thân xác càng phai mờ đi, thì các

cuộc trò truyện thú vị và hấp dẫn càng làm tôi thích thú. Vậy anh đừng từ chối lời yêu cầu của tôi; anh hãy năng đến chơi nhà chúng tôi và trò truyện với đám thanh niên ở đây; chúng ta là tri kỷ và anh sẽ cảm thấy thoải mái khi sống giữa chúng tôi.

Tôi đáp: Ông Cephalus, tôi thấy không có gì thú vị hơn được trò truyện với những người lớn tuổi; vì tôi coi họ như là những người lữ khách đã trải qua một cuộc hành trình mà tôi cũng muốn trải qua, và là những người mà tôi muốn hỏi xem con đường họ đã đi có bằng phẳng dễ đi hay là gồ ghề khó đi. Vày đây là một câu hỏi tôi muốn hỏi ông vì ông là người đã đạt cái tuổi mà các thi sĩ gọi là "ngưỡng tuổi già"-Cuộc đời vào hồi cuối có khó khăn hơn không, hay ông coi nó thế nào?

Anh Socrates, ông đáp, tôi sẽ nói cho anh biết cảm nghĩ của tôi thế nào. Tục ngữ có câu, "ngưu tầm ngưu, mã tầm mã". Người già chúng tôi thích gặp gỡ trò truyện và các câu truyện thường xoay quanh các vấn đề: tôi không ăn được, tôi không uống được; các thú vui của tuổi trẻ và tình yêu đã tan biến: chúng tôi có thời rất thoải mái, nhưng bây giờ không còn nữa và cuộc đời không còn là cuộc đời nữa. Một số người già thường phàn nàn về những khó chịu lặt vặt mà họ gặp trong các quan hệ và họ sẽ buồn bã nói cho anh biết tuổi già gây ra biết bao nhiêu điều xấu. Nhưng theo tôi thì có vẻ họ đổ lỗi cho điều thực sự không có lỗi. Vì nếu tuổi già là nguyên nhân, thì tôi và mọi người già khác như tôi cũng đều phải cảm thấy giống như họ. Nhưng tôi thì không có những cảm giác ấy và những người mà tôi quen biết cũng thế. Tôi còn nhớ rất rõ thi sĩ già Sophocles, khi trả lời câu hỏi "tình yêu thích hợp thế nào với tuổi già". Thưa ông Sophocles,-ông có vẫn còn là con người giống như trước kia không? Bình tĩnh, ông trả lời; tôi rất vui vì đã thoát được điều mà các anh nói đến; tôi cảm thấy như mình đã thoát được một ông chủ điên rồ và giận dữ. Kể từ đó những lời ông nói luôn luôn ghi khắc trong trí tôi và tôi thấy nó thích hợp đối với tôi lúc này, cũng như vào lúc ông nói ra câu ấy. Vì chắc chắn tuổi già có một cảm giác thanh thản và tự do; khi các đam mê không còn thao túng, thì như Sophocles nói, chúng ta không chỉ được giải phóng khỏi một ông chủ, mà nhiều ông chủ. Sự thật là, anh Socrates, các sự nuối tiếc và phàn nàn về các mối quan hệ ấy phải được gán cho cùng một nguyên nhân, không phải là tuổi già, nhưng là tính cách và tính tình của người ta; đối với ai có bản tính thanh thản và vui vẻ thì họ sẽ không cảm thấy áp lực của tuổi già, nhưng đối với người có bản

chất đối ngược lại thì cả tuổi trẻ lẫn tuổi già đều là gánh nặng.

Tôi lắng nghe với tất cả niềm thán phục và muốn kéo ông ra ngoài để ông tiếp tục câu chuyện - Vâng, thưa ông Cephalus, tôi nói; nhưng tôi nghi ngờ rằng đa số người ta sẽ không chịu để cho những lời ông nói như thế thuyết phục; họ nghĩ tuổi già không tác động mấy đối với ông, không phải vì bản tính ông thoải mái sung sướng, nhưng vì ông giàu có và sự giàu sang thường được coi là một thứ làm cho người ta rất thoải mái.

Anh nói đúng, ông đáp; họ không chịu tin và họ phần nào có lý. Nhưng không nhiều như họ tưởng. Tôi có thể trả lời họ giống như Themistocles trả lời cho một người dân Seriphia, khi người này sỉ nhục ông rằng ông nổi tiếng không phải vì tài cán riêng của ông nhưng vì ông là người Athen. Ông đã trả lời "Giả như ông là người nước tôi hay tôi là người nước ông, thì cả hai chúng ta chẳng ai nổi tiếng cả". Và đối với những người không giàu có và không chấp nhận tuổi già, tôi cũng có thể dùng câu trả lời giống như thế để trả lời cho họ; vì đối với một người nghèo mà có bản chất tốt thì tuổi già không thể là một gánh nặng và một người giàu mà có bản chất xấu thì cũng không bao giờ có thể có sự bình an đối với chính mình.

Ông Cephalus, tôi có thể hỏi tài sản của ông có được phần lớn là do thừa kế hay ông tự kiếm được?

Kiếm được đấy! Anh Socrates ạ; anh có biết tôi kiếm được bao nhiêu không? Về nghệ thuật làm giàu, thì tôi đứng ở vị trí giữa cha tôi và ông nội tôi: bởi vì ông nội tôi đã kiếm được gấp đôi và gấp ba trị giá di sản của ông, số di sản ông được thừa kế nhiều hơn tài sản tôi hiện có bây giờ; nhưng cha tôi là Lysias làm giảm đi số tài sản khiến nó thấp hơn số bây giờ: và tôi sẽ hài lòng nếu tôi để lại cho con cái tôi không ít hơn nhưng nhiều hơn một chút số tiền tôi được thừa tự.

Chính vì thế tôi mới hỏi ông câu hỏi ấy, tôi đáp, vì tôi thấy ông dửng dưng về tiền bạc, là điểm đặc trưng của những người được kế thừa tài sản hơn là những người tự mình kiếm được chúng; những người làm ra tài sản có một tình yêu thứ hai dành cho tiền bạc như một sản phẩm do chính họ làm ra, giống như tình yêu của các thi sĩ đối với các bài thơ của họ, hay giống như tình yêu của cha mẹ đối với con cái, ngoài tình yêu tự nhiên đối với tiền bạc do việc sử dụng và lợi ích của nó, là điều mà họ cũng như mọi người đều giống nhau. Vì vậy họ là những người bạn rất xấu, vì họ chẳng nói đến chuyện gì khác ngoài việc ca ngợi tiền bạc.

Đúng thế, ông nói.

Đúng, rất đúng, nhưng tôi có thể hỏi một câu hỏi khác không? - Ông thấy đâu là cái phúc lớn nhất ông có được nhờ của cải?

Điều này, ông nói, tôi không dễ thuyết phục được người khác đâu. Ông Socrates, tôi muốn nói cho ông hay rằng khi một người nghĩ mình sắp sửa chết, thì sự sợ hãi và lo lắng xâm nhập tâm trí người ấy, một điều mà trước kia họ chưa từng cảm thấy; các câu chuyện về thế giới âm ti và sự trừng phạt vì các hành vi đã làm ở trần gian này trước kia là chuyện nực cười đối với họ, nhưng bây giờ họ bị dằn vặt vì ý tưởng rằng các câu chuyện đó có thể là sự thật: hoặc là do sự yếu đuối của tuổi già, hay là vì bây giờ họ đang đến gần thế giới ấy hơn, nên họ có một cái nhìn rõ rệt hơn về những chuyện đó; những mối hoài nghi và báo động tràn ngập tâm trí họ và họ bắt đầu suy nghĩ xem họ đã có những hành vi sai trái nào đối với người khác. Và khi họ thấy rằng tổng số những sự vấp phạm của họ quá lớn, họ nhiều khi sẽ giống như một đứa trẻ chợt thức giấc vì sợ hãi và nhìn thấy xung quanh họ đầy những nơi ở tối tăm. Nhưng đối với người có lương tâm trong sạch, thì như Pindar nói một cách rất dễ thương, niềm hy vọng ngọt ngào là bà nhũ mẫu hiền lành trong tuổi già của họ:

"Niềm hy vọng", ông nói, làm vui lòng người sống chính trực và thánh thiện, như là bà nhũ mẫu cho tuổi già của họ và là người bạn đường trong hành trình của cuộc đời họ; - niềm hy vọng này là sức mạnh to lớn nhất để xua tan sự khuấy động tâm hồn con người".

Lời ông nói thật tuyệt vời biết bao! Và phúc lành to lớn của sự giàu sang, tôi không nói đối với mọi người, nhưng đối với người tốt, là họ đã không có dịp lừa dối người khác, dù là vô tình hay cố ý; và khi họ đi sang thế giới bên kia họ không phải sợ về việc dâng lễ cho các thần hay các món nợ đối với những người khác. Bây giờ, việc sở hữu của cải góp phần rất lớn vào cho sự an bình của tâm hồn và vì vậy tôi nói, so với mọi điều lợi khác mà của cải mang lại, thì theo tôi đây là lợi ích lớn nhất đối với một người có lương tri.

Ông nói chí lý lắm, ông Cephalus, tôi đáp; nhưng về sự công bằng, nó là gì? - nói sự thật và trả các món nợ - chỉ có vậy thôi sao? Và cả về điều này cũng không có ngoại lệ sao? Giả sử một người bạn khi vui vẻ đã gửi tôi giữ hộ anh ta một món vũ khí và anh đã đòi lại nó khi tâm trí anh không sáng suốt, tôi có phải trả lại anh ta không? Không ai nói rằng tôi nên hay buộc phải trả lại, cũng như không ai nói rằng tôi luôn luôn phải nói sự thật đối

với một người bất luận họ đang ở trong hoàn cảnh nào.

Anh nói đúng đấy, ông đáp.

Nhưng, tôi nói, vậy thì nói sự thật và trả nợ không phải là một định nghĩa về công bằng.

Đúng lắm, Socrates, nếu ta tin lời của Simonides, Polemarchus nói xen vào.

Xin lỗi, Cephalus nói, bây giờ tôi phải đi, vì tôi phải lo việc dâng lễ tế cho thần, vậy tôi nhường lời lại cho Polemarchus và các bạn.

Không phải Polemarchus là con thừa tự của ông sao? tôi nói.

Chắc chắn rồi, ông đáp và vừa cười vừa đi dâng lễ.

Vậy anh hãy cho tôi biết, hỡi người kế thừa cuộc tranh luận, Simonides đã nói gì về công bằng?

Ông ấy nói rằng việc trả nợ là công bằng và tôi cho rằng ông có lý khi nói như vậy.

Tôi rất tiếc nếu phải nghi ngờ lời nói của một người khôn ngoan thông thái như thế, nhưng ý câu nói của ông ấy, tuy rõ ràng đối với anh, nhưng với tôi thì ngược lại mới đúng. Vì chắc chắn ông không muốn nói như chúng ta vừa nói, rằng tôi phải trả lại món khí giới mà người ta gửi hay trả lại bất cứ vật gì cho ai khi tâm trí người ấy đang ở tình trạng mất sáng suốt; nhưng cũng không thể phủ nhận rằng một món gì được gửi thì vẫn là một món nợ.

Đúng.

Vậy khi người ta đòi lại vật họ gửi tôi khi họ không ở trong tâm trạng sáng suốt, thì tôi không buộc phải trả lại sao?

Chắc chắn là không.

Khi Simonides nói rằng việc trả lại một món nợ là công bằng, ông không có ý bao gồm cả trường hợp này sao?

Chắc chắn là không; vì ông nghĩ rằng một người bạn phải luôn luôn làm điều tốt chứ không bao giờ được làm điều xấu cho bạn mình.

Có phải anh muốn nói rằng một khí giới được gửi mà làm hại cho người nhận nó, thì nếu hai bên là bạn bè, nó không phải là một việc trả nợ,-có phải anh nghĩ ông ấy nói như vậy không?

Vâng.

Và có phải cả các kẻ thù cũng phải nhận lại điều chúng ta mắc nợ họ không?

Chắc chắn rồi, ông nói, họ phải nhận lại điều chúng ta mắc nợ họ và tôi nghĩ rằng một kẻ thù mắc nợ một kẻ thù điều họ đáng được-đó là điều xấu.

Vậy là theo cách nói của các thi sĩ, Simonides có vẻ như nói một cách đen tối về bản chất của công bằng; vì ông thực sự muốn nói rằng công bằng là cho mỗi người điều thuộc về họ và ông gọi đó là một món nợ.

Đó hẳn phải là ý ông ấy, anh nói.

Trời đất! Tôi đáp; và nếu chúng ta hỏi ông ấy rằng y khoa cho điều gì thích hợp và cho ai, anh nghĩ ông ấy sẽ trả lời thế nào?

Chắc chắn ông ấy sẽ trả lời rằng y khoa cho thuốc và thịt, và thức uống cho cơ thể con người.

Và ngành ẩm thực cho điều gì thích hợp và cho cái gì?

Tạo khẩu vị cho thức ăn.

Và công bằng cho cái gì thích hợp và cho ai?

Ông Socrates, nếu chúng ta dựa vào các ví dụ trên để suy luận, thì công bằng là nghệ thuật cho các bạn bè điều tốt và cho kẻ thù điều xấu.

Vậy ông ấy có ý nói vậy sao?

Tôi nghĩ thế.

Và ai là người có khả năng nhất để cho các bạn bè điều tốt và cho kẻ thù điều xấu trong lúc bị bệnh?

Thầy thuốc.

Hay khi họ đang có một cuộc hành trình giữa các hiểm nguy của biển?

Hoa tiêu.

Và bằng loại hành động nào và nhắm đến kết quả nào mà người công chính có khả năng nhất để gây thiệt hại cho kẻ thù và làm điều tốt cho bạn bè?

Trong việc giao chiến với kẻ thù và liên minh với bạn bè.

Nhưng, anh Polemarchus yêu quí, khi một người khỏe mạnh, họ không cần thầy thuốc chứ?

Không.

Và người không đi biển thì không cần hoa tiêu chứ?

Không.

Vậy thì trong thời bình không cần có công bằng chứ?

Tôi hoàn toàn không nghĩ thế.

Anh nghĩ công bằng có thể có ích trong hòa bình cũng như trong chiến tranh sao?

Đúng.

Giống như việc nội trợ là lo làm sao cho có thực phẩm?

Đúng.

Hay nghề đóng giày là lo làm sao cho có giày, - anh muốn nói thế chứ?

Vâng.

Và công bằng trong thời bình có công dụng hay sức mạnh để đạt điều gì giống như thế?

Công bằng có ích trong các khế ước, ông Socrates.

Và anh hiểu khế ước là các đối tác chứ?

Đúng thế.

Nhưng giữa một người công chính và một người chơi bài giỏi, ai là đối tác tốt hơn và có ích hơn trong một cuộc chơi bài?

Người chơi bài giỏi.

Và trong việc xây gạch hay đá, có phải người công chính có ích hơn hay tốt hơn người thợ xây không?

Hoàn toàn ngược lại.

Vậy thì trong loại đối tác nào người công chính là đối tác giỏi hơn người chơi đàn, bởi vì trong lĩnh vực đàn nhạc thì người chơi đàn là đối tác giỏi hơn người công chính?

Trong đối tác về tiền bạc.

Đúng, anh Polemarchus, nhưng chắc chắn không phải trong việc sử dụng tiền bạc; vì anh không muốn một người công chính làm cố vấn cho anh trong việc mua hay bán một con ngựa; một người biết rành về ngựa chắc chắn sẽ tốt hơn cho công việc này, phải không?

Chắc chắn rồi.

Và khi bạn muốn mua một con thuyền, người đóng thuyền hay người hoa tiêu sẽ là người thích hợp hơn, đúng không?

Đúng.

Vậy thì người công chính có ích hơn ở điểm nào trong việc sử dụng vàng hay bạc?

Khi ông muốn gửi để cất giữ chúng một cách an toàn.

Ý anh muốn nói là khi số tiền ấy không cần dùng tới, mà để nó nằm yên một chỗ?

Đúng thế.

Nghĩa là công bằng là có ích khi tiền bạc là vô ích?

Kết luận là như thế.

Và khi bạn muốn cất giữ một cái kéo tỉa cây, thì công bằng có ích cho cá nhân và cho nhà nước; nhưng khi bạn muốn sử dụng nó, thì nghệ thuật cắt tỉa cây là có ích?

Rõ.

Và khi bạn muốn cất giữ một cái lá chắn hay một cây đàn lia và không sử dụng nó, bạn sẽ nói là công bằng có ích; nhưng khi bạn muốn sử dụng nó, bạn sẽ cho rằng nghệ thuật của người lính hay của nhạc sĩ là có ích, đúng không?

Chắc chắn.

Và với mọi thứ khác cũng thế; - công bằng có ích khi chúng vô ích và vô ích khi chúng có ích?

Kết luận là như thế.

Nếu vậy, công bằng không có ích bao nhiêu. Nhưng chúng ta hãy xét thêm điểm này: có phải người nào đánh đòn trúng nhất trong một cuộc đấu võ hay trong bất cứ cuộc đánh nhau nào thì cũng thích hợp nhất để né được các cú đòn không?

Chắc chắn.

Và người nào giỏi ngăn ngừa hay tránh một căn bệnh thì cũng là người có khả năng nhất để tạo ra một bệnh tật không?

Đúng.

Và người nào giỏi canh phòng một trại lính thì cũng là người có khả năng nhất để đánh phục kích quân địch không?

Chắc chắn.

Vậy thì người nào giỏi giữ một điều gì thì cũng giỏi ăn cắp một điều gì?

Tôi nghĩ đó là điều còn phải suy luận.

Vậy nếu người công chính giỏi giữ tiền, thì cũng giỏi ăn cắp tiền?

Đó là do suy luận.

Vậy suy cho cùng thì người công chính đã trở thành một kẻ cắp. Và đây là một bài học mà tôi nghĩ chắc là anh đã học được từ Homer; vì khi nói về Autolycus, ông nội của Odysseus, thi sĩ Homer đã khẳng định rằng

Ông là người số một về trộm cắp và gian dối.

Và như thế cả anh lẫn Homer và Simonides đều đồng ý rằng công bằng là một nghệ thuật về trộm cắp; tuy nhiên đó là trộm cắp "để làm lợi cho bạn bè và gây thiệt hại cho kẻ thù", có phải anh muốn nói như thế không?

Không, chắc chắn không phải thế, mặc dù bây giờ tôi không biết tôi đã nói gì; nhưng tôi vẫn giữ ý kiến trước của tôi.

Được, còn một câu hỏi khác: Anh hiểu bạn bè và kẻ thù theo nghĩa họ thực sự hay chỉ có vẻ là bạn bè hay kẻ thù?

Chắc chắn một người luôn muốn yêu những người mà mình nghĩ là tốt và ghét những người mà mình nghĩ là xấu.

Đúng, nhưng người ta vẫn thường sai lầm về điều gì là tốt và điều gì là xấu: nhiều người không tốt nhưng lại có vẻ là tốt và ngược lại, đúng không?

Đúng.

Vậy thì đối với họ người tốt sẽ là kẻ thù và người xấu sẽ là bạn bè?

Đúng.

Và trong trường hợp ấy họ sẽ có lý khi làm điều tốt cho người xấu và làm điều xấu cho người tốt?

Rõ ràng là thế.

Nhưng người tốt thì công bằng và không làm điều bất công?

Đúng.

Vậy thì theo lý luận của anh, sẽ là công bằng khi làm hại những người không làm điều sai trái?

Không đúng, ông Socrates; đó là học thuyết vô đạo đức.

Vậy tôi giả sử rằng chúng ta phải làm điều tốt cho người công chính và làm điều xấu cho người bất công?

Tôi thích ý kiến ấy hơn.

Nhưng anh hãy xem hậu quả: - Nhiều người không hiểu biết bản chất con người có những người bạn xấu và trong trường hợp ấy họ phải gây thiệt hại cho họ; và người có những kẻ thù tốt thì họ phải làm lợi cho họ; nhưng nếu vậy, chúng ta sẽ phải nói ngược lại điều mà chúng ta đã cho rằng đó là quan điểm của Simonides.

Rất đúng, anh nói; và tôi nghĩ chúng ta nên sửa lại một sai lầm mà có vẻ chúng ta đã mắc phải trong việc sử dụng từ "bạn" và "thù".

Sai lầm gì, Polemarchus? tôi hỏi.

Chúng ta đã giả định rằng bạn là người có vẻ là tốt hay được chúng ta nghĩ là tốt.

Và sửa sai lầm ấy thế nào?

Chúng ta nên nói rằng bạn là người tốt thực sự và cũng có vẻ tốt; và người mà chỉ có vẻ tốt nhưng không thực sự tốt, thì chỉ có vẻ là một người bạn chứ không thực sự là một người bạn; và về kẻ thù cũng thế.

Ý anh muốn nói người tốt là bạn và người xấu là thù của chúng ta à?

Đúng.

Và thay vì chỉ nói đơn giản như chúng ta đã nói lúc đầu, rằng công bằng là làm tốt cho bạn bè và làm hại kẻ thù, chúng ta phải nói thêm: Công bằng là làm tốt cho bạn bè khi họ tốt và làm hại cho kẻ thù khi họ xấu?

Đúng, theo tôi có vẻ đó là sự thật.

Nhưng người công chính có được làm hại bất kỳ ai không?

Chắc chắn họ phải làm hại những người vừa xấu vừa là kẻ thù.

Khi con ngựa bị thương, nó khá hơn hay yếu hơn?

Yếu hơn.

Yếu hơn, nghĩa là trong các tính chất tốt của loài ngựa, không phải của loài chó?

Vâng, của ngựa.

Và chó yếu hơn trong các tính chất tốt của chó, chứ không phải của ngựa?

Đương nhiên.

Và con người bị tổn thương thì bị yếu đi trong cái là nhân đức thích hợp của con người?

Chắc chắn.

Và nhân đức của con người là công bằng?

Chắc hẳn rồi.

Vậy thì người bị tổn thương nhất định phải trở thành bất công?

Kết quả là thế.

Nhưng một nhạc sĩ có thể dùng nghệ thuật của mình để làm cho người ta mất tính âm nhạc không?

Chắc chắn là không.

Hay người cưỡi ngựa có thể dùng tài cưỡi ngựa của mình để làm cho người ta trở thành những người cưỡi ngựa dở không?

Không thể nào.

Và người công chính có thể dùng sự công bằng của mình để làm cho người ta trở thành bất công, hay nói chung, người tốt có thể dùng nhân đức của mình để làm cho người ta trở nên xấu không?

Chắc chắn là không.

Cũng như nhiệt không thể tạo ra cái lạnh?

Không thể nào.

Hay khô hạn tạo ra ẩm ướt?

Rõ ràng là không.

Hay người tốt làm hại người khác?

Không thể.

Và người công chính là người tốt?

Chắc chắn rồi.

Vậy thì làm hại một người bạn hay bất cứ ai khác thì không phải là hành vi của một người công chính, nhưng của người bất công, đúng không?

Tôi nghĩ điều ông nói rất đúng, ông Socrates.

Vậy nếu một người nói rằng công bằng cốt ở việc trả nợ và điều tốt là món nợ mà một người công chính mắc nợ bạn bè họ và điều xấu là món nợ mà họ mắc nợ kẻ thù, - nói như thế không phải là khôn ngoan; vì sẽ không đúng nếu, như chúng ta đã chứng minh rõ ràng rồi, việc làm hại một người khác không bao giờ có thể là chính đáng.

Tôi đồng ý với ông, Polemarchus nói.

Vậy bạn và tôi đều đã sẵn sàng để cầm khí giới chống lại bất cứ ai cho rằng Simonides hay Bias hay Pittacus, hay bất cứ người khôn ngoan nào khác đã nói hay thấy như thế?

Tôi sẵn sàng về phe ông trong cuộc chiến này, anh nói.

Vậy tôi sẽ nói cho anh biết câu nói này là của ai được không?

Của ai?

Tôi tin rằng Periander hay Perdiccas hay Xerxes, hay Ismenias người Theban, hay một người giàu có và quyền thế nào đó, vốn quá ỷ vào quyền lực của mình, là người đầu tiên nói rằng công bằng là "làm điều tốt cho bạn bè và làm hại kẻ thù".

Rất đúng, anh nói.

Vâng, tôi nói; nhưng nếu định nghĩa công bằng này cũng không được, ta có thể có định nghĩa nào khác không?

Hai ba lần trong khi đối thoại, Thrasymachus đã tìm cách giành lấy cuộc tranh luận về phía mình, nhưng đã bị những người khác ngăn cản, vì họ muốn nghe hết câu chuyện. Nhưng khi Polemarchus và tôi đã nói xong và có một lúc yên lặng, anh không còn giữ được bình tĩnh nữa; và nhất định đứng dậy, anh xô về phía chúng tôi giống như một con thú dữ muốn tìm cách xâu xé chúng tôi. Chúng tôi hốt hoảng nhìn về phía anh.

Anh gầm lên với mọi người: Ông Socrates, tất cả các ông đang làm chuyện điên rồ gì vậy? Và tại sao các ông tìm cách triệt hạ lẫn nhau, hỡi những người điên rồ? Tôi nói rằng nếu các ông thực sự muốn biết công bằng là gì, các ông không nên đặt ra các câu hỏi mà phải đưa ra các câu trả lời và các ông không được tìm vinh danh nhờ việc bắt bẻ đối phương, mà phải có câu trả lời của chính mình. Và bây giờ tôi

không muốn các ông nói công bằng là bổn phận hay là lợi ích gì hết, vì đó là những điều vô nghĩa đối với tôi; tôi cần có sự rõ ràng và chính xác.

Tôi hoảng sợ trước những lời nói của anh và không thể nhìn thẳng vào anh mà không run rẩy. Thực vậy, tôi nghĩ nếu tôi đã không nhìn thẳng vào anh, hẳn tôi đã phải nín thinh: nhưng khi tôi thấy cơn giận dữ của anh tăng lên, tôi bắt đầu nhìn vào anh và vì thế tôi đã có thể trả lời cho anh.

Thrasymachus, tôi nói với giọng hơi run run, đừng nặng lời với chúng tôi. Polemarchus và tôi có mắc đôi chút sai lầm trong cuộc tranh luận, nhưng tôi có thể bảo đảm với anh rằng chúng tôi hoàn toàn không cố ý. Giả như chúng tôi cố ý tìm kiếm vàng bạc, hẳn anh sẽ không nghĩ rằng chúng tôi chỉ tìm cách bắt bẻ nhau và như thế đánh mất cơ hội tìm vàng. Vậy tại sao, khi chúng tôi tìm kiếm sự công bằng, một điều còn quí hơn vàng gấp bội, mà anh lại nói rằng chúng tôi đang nhượng bộ lẫn nhau một cách mềm yếu chứ không kiên quyết tìm cho ra sự thật? Anh bạn yêu quí, chúng tôi rất muốn và lo lắng làm điều đó, nhưng sự thật là chúng tôi không thể. Và nếu thế, anh là người biết mọi sự, lẽ ra anh phải biết thương hại chúng tôi chứ không nên tức giận với chúng tôi chứ.

Đúng là cá tính của Socrates! Anh đáp, với một nụ cười chua chát; - đó là kiểu nói châm biếm của ông! Tôi đã không thấy trước hay sao-tôi đã không nói với các bạn rồi hay sao, rằng bất cứ câu hỏi nào ông ấy đặt ra ông ấy đều từ chối trả lời và tìm những kiểu châm biếm hay đánh hoả mù để tránh trả lời hay sao?

Anh là một triết gia, Thrasymachus, tôi đáp và anh biết rõ rằng nếu anh hỏi một người: những con số nào làm thành mười hai và ngăn không cho người ấy trả lời rằng hai lần sáu, hay ba lần bốn, hay sáu lần hai, hay bốn lần ba, "vì điều này là vô nghĩa đối với tôi", - thì rõ ràng là, nếu đó là cách anh đặt câu hỏi, không ai có thể trả lời anh. Nhưng giả sử người ta hỏi vặn lại anh, "Thrasymachus, anh muốn nói gì? Nếu một trong những con số mà anh không muốn nhận trong câu trả lời đúng cho câu hỏi của anh, tôi có được nói sai một con số khác mà không phải con số đúng không? có phải ý anh muốn nói như thế không?" - Anh sẽ trả lời họ thế nào?

Hai trường hợp ấy hoàn toàn không giống nhau! Anh nói.

Tại sao chúng không thể giống nhau? Tôi đáp; và cho dù chúng không giống nhau, mà chỉ có vẻ giống nhau đối với người hỏi, thì họ có phải nói điều họ nghĩ không, cho dù anh và tôi cấm họ hay không cấm họ?

Tôi nghĩ ông đang đưa ra những câu trả lời bị cấm.

Tôi dám nói rằng, bất chấp nguy hiểm, tôi có thể làm điều đó nếu sau khi suy nghĩ tôi chấp nhận bất cứ một câu trả lời nào như thế.

Nhưng ông nghĩ sao nếu tôi cho ông một câu trả lời khác và tốt hơn về công bằng? Ông có đáng được cho một câu trả lời như thế không?

Đáng được! Giống như một người dốt nát, tôi phải học hỏi người khôn ngoan-đó là điều tôi đáng được.

Thế nào, không phải trả tiền sao! Một khái niệm thú vị đấy!

Tôi sẽ trả khi nào tôi có tiền, tôi đáp.

Nhưng ông Socrates, ông có tiền mà, Glaucon nói; và Thrasymachus, anh không cần lo về tiền bạc, vì tất cả chúng tôi sẽ đóng góp cho Socrates.

Được, anh đáp và như thế Socrates sẽ làm điều ông vẫn làm-từ chối tự mình trả lời, nhưng lấy câu trả lời của người khác và phân tích nó.

Sao, anh bạn, tôi nói, làm sao có ai có thể trả lời khi người ấy không biết gì cả và nói rằng mình không biết gì cả; và có ai, cho dù có những khái niệm mơ hồ, lại bị một người có quyền cấm không cho họ nói ra khái niệm ấy? Sự thật tự nhiên là người nói phải là người giống như anh, tuyên bố mình biết và có thể nói điều mình biết. Vậy anh sẽ vui lòng trả lời để giúp cho mọi người ở đây và cho tôi không?

Glaucon và mọi người khác cùng đồng tình với yêu cầu của tôi và Thrasymachus, như mọi người có thể thấy, rất hăm hở nói; vì anh nghĩ anh có một câu trả lời tuyệt hảo và anh sẽ nổi bật lên giữa mọi người. Nhưng thoạt đầu anh làm bộ nài ép tôi trả lời; cuối cùng anh đồng ý bắt đầu. Hãy xem sự khôn ngoan của Socrates, anh nói; ông từ chối dạy học và đi đây đó để học hỏi người khác, nhưng lại không bao giờ nói lời "Cảm ơn".

Đúng là tôi học hỏi người khác, tôi đáp; nhưng tôi hoàn toàn không nhận rằng tôi vô ơn. Tôi không có tiền bạc, vì vậy tôi trả bằng lời khen ngợi, là điều duy nhất tôi có; và mọi người sẽ thấy tôi sẵn sàng khen ngợi người nói hay ngay sau khi anh trả lời; vì tôi hi vọng anh sẽ trả lời rất hay.

Vậy ông hãy nghe đây, anh nói; tôi nói rằng công bằng không là gì khác hơn lợi ích của kẻ mạnh. Và bây giờ tại sao ông không khen tôi? Tất nhiên ông sẽ không khen tôi.

Tôi cần phải hiểu anh trước đã, tôi đáp. Như anh nói, công bằng là lợi ích của kẻ mạnh. Anh Thrasymachus, điều ấy nghĩa là gì? Anh không thể muốn nói rằng, vì Polydamas, nhà đô vật tự do, khỏe hơn chúng ta và anh ta thấy ăn thịt bò có lợi cho sức mạnh

thể chất của anh, vì thế nên ăn thịt bò cũng có lợi cho chúng ta, vốn là những người yếu hơn anh và cũng là đúng và hợp lý đối với chúng ta?

Ông thật đáng kinh tởm, ông Socrates; ông hiểu các lời của tôi theo nghĩa có hại nhất cho lý luận.

Hoàn toàn không phải thế, thưa ngài, tôi nói; tôi chỉ đang tìm cách để hiểu chúng; và tôi muốn anh làm sáng tỏ hơn mà thôi.

Được lắm, anh nói, ông có bao giờ nghe nói rằng các hình thức chính quyền thì khác nhau: Có các chế độ chuyên chế, các chế độ dân chủ và các chế độ quí tộc không?

Có, tôi biết.

Và chính quyền là quyền lực cai trị trong mỗi nước?

Chắc chắn rồi.

Và các hình thức chính quyền khác nhau làm cho luật pháp trở thành dân chủ, chuyên chế, quí tộc, nhằm các lợi ích riêng của chúng; và các luật này là sự công bằng mà các chế độ ấy ban cho các thần dân của họ và người nào vi phạm sẽ bị trừng phạt và bị coi là kẻ phạm luật và bất công. Và đó là điều tôi muốn nói, khi tôi nói rằng trong mọi nhà nước có cùng một nguyên tắc về công bằng, đó là lợi ích của chính quyền; và vì chính quyền phải được giả sử là có quyền lực, nên chỉ có một kết luận duy nhất, đó là bất cứ ở đâu có một nguyên lý về công bằng, thì nguyên lý đó là lợi ích của kẻ mạnh.

Bây giờ tôi hiểu anh rồi, tôi nói; và tôi sẽ không tìm hiểu xem anh đúng hay sai. Nhưng tôi nhận xét rằng khi định nghĩa về công bằng anh đã sử dụng từ "lợi ích" mà anh cấm tôi sử dụng. Tuy nhiên, cũng đúng là trong định nghĩa của anh, anh đã thêm vào các từ "của kẻ mạnh".

Chỉ là thêm vào một chút thôi, ông cho phép chứ, anh nói.

Thêm vào nhiều hay ít, điều đó không quan trọng: trước hết chúng ta phải tìm hiểu xem điều anh nói có đúng hay không. Bây giờ cả hai chúng ta đều nhất trí rằng công bằng là một thứ lợi ích nào đó, nhưng anh nói thêm rằng đó là lợi ích "của kẻ mạnh;" về sự thêm thắt này tôi không chắc chắn lắm, nên cần phải suy xét thêm.

Chúng ta tiếp tục.

Trước hết anh hãy cho tôi biết, anh có chấp nhận rằng các thần dân phải vâng phục người cai trị họ, đó là điều công bằng không?

Tôi chấp nhận.

Nhưng có phải các nhà cai trị các nước đều tuyệt đối không sai lầm, hay đôi khi họ cũng có thể sai lầm?

Chắc chắn họ có thể sai lầm, anh đáp.

Vậy thì khi làm luật họ đôi khi có thể làm đúng, đôi khi làm sai?

Vâng.

Khi họ làm các luật đúng, họ khiến chúng phù hợp với lợi ích của họ; khi làm luật sai, chúng đi ngược lại lợi ích của họ, anh nhìn nhận như thế chứ?

Vâng.

Và các luật mà họ đặt ra phải được các thần dân của họ vâng phục, - và đó là cái mà anh gọi là công bằng?

Chắc chắn.

Vậy thì theo lý luận của anh, công bằng không chỉ là vâng phục lợi ích của kẻ mạnh mà là ngược lại.

Đó là điều ông đang nói sao? Anh hỏi.

Tôi nghĩ tôi chỉ đang lặp lại điều anh đang nói. Nhưng chúng ta hãy xét điều này: chúng ta đã nhất trí rằng các nhà cầm quyền có thể sai lầm về lợi ích của chính họ trong những điều họ ra lệnh và vâng lời họ là công bằng? Chúng ta đã nhất trí các điều đó rồi phải không?

Vâng.

Vậy anh cũng phải nhìn nhận rằng công bằng không phải là vì lợi ích của kẻ mạnh, khi nhà cầm quyền vô tình truyền những luật có hại cho chính họ. Vì như anh nói, nếu công bằng là sự vâng phục của thần dân đối với các lệnh của nhà cầm quyền, thì trong trường hợp này, cho dù là nhà thông thái nhất của nhân loại, có lối thoát nào ra khỏi kết luận rằng người yếu được truyền lệnh để làm điều không phải có lợi, nhưng là điều có hại cho người mạnh không?

Ông Socrates, ông diễn tả quá rõ, Polemarchus nói.

Đúng, Cleitophon cắt ngang, nếu anh được phép làm nhân chứng cho ông.

Nhưng không cần nhân chứng nào cả, Polemarchus nói, vì chính Thrasymachus nhìn nhận rằng các nhà cầm quyền đôi khi có thể truyền những lệnh không làm lợi cho họ và các thần dân vâng phục họ là điều công bằng.

Đúng, - Thrasymachus đã nói rằng các thần dân vâng phục các lệnh của nhà cầm quyền là điều công bằng.

Phải, anh Cleitophon, nhưng anh ấy cũng nói rằng công bằng là lợi ích của kẻ mạnh và trong khi nhìn nhận cả hai mệnh đề này, anh còn nhìn nhận rằng kẻ mạnh có thể truyền cho kẻ yếu là thần dân của họ làm những điều không có lợi cho chính họ; do đó công bằng là điều có hại cũng như có lợi cho người mạnh.

Nhưng, Cleitophon nói, anh ấy hiểu lợi ích của kẻ mạnh là điều mà kẻ mạnh nghĩ là lợi ích của mình, - đó là điều kẻ yếu phải làm; và anh ấy nói điều này chính là công bằng.

Đó không phải những lời anh ấy nói, Polemarchus thêm vào.

Không sao, tôi đáp, chỉ cần bây giờ anh ta nói như thế, chúng ta sẽ chấp nhận phát biểu của anh ta. Vậy Thrasymachus, anh hãy nói, anh có hiểu công bằng là điều mà kẻ mạnh nghĩ là lợi ích của họ, dù có thực sự là lợi ích hay không?

Chắc chắn không, anh nói. Ông tưởng rằng tôi gọi người sai lầm là người mạnh khi người ấy sai lầm sao?

Đúng, tôi nói, tôi có ấn tượng rằng chính anh hiểu như thế, khi anh nhìn nhận rằng người cầm quyền không phải không thể sai lầm, bởi đôi khi họ có thể sai lầm.

Ông giống như một mật thám vậy, ông Socrates. Có phải ông hiểu rằng người sai lầm về bệnh nhân là một thầy thuốc trong lĩnh vực họ sai lầm không? Hay người sai lầm trong môn số học hay ngữ pháp là một nhà số học hay ngữ pháp vào lúc họ phạm sai lầm, về phương diện sai lầm của họ ư? Đúng, chúng ta nói rằng thầy thuốc hay nhà số học hay ngữ pháp đã phạm một sai lầm, nhưng đây chỉ là một cách nói; bởi vì cả nhà ngữ pháp lẫn nhà số học hay bất cứ nhà chuyên môn nào đều không bao giờ sai lầm trong lĩnh vực chuyên môn của họ; không ai trong họ sai lầm trừ khi họ bất tài và khi ấy họ không còn là nhà chuyên môn trong lĩnh vực của họ nữa. Không một nghệ sĩ hay nhà khôn ngoan hay nhà cai trị nào sai lầm vào lúc họ thể hiện lĩnh vực chuyên môn của họ; mặc dù thông thường chúng ta nói họ sai lầm và tôi chấp nhận cách nói phổ thông này. Nhưng để hoàn toàn chính xác, , vì ông là người yêu sự chính xác, chúng ta phải nói rằng nhà cai trị, trong tư cách là nhà cai trị, thì không sai lầm và vì không sai lầm, nên họ luôn luôn truyền lệnh có lợi cho chính họ; và thần dân buộc phải thi hành lệnh của họ; và vì thế, như tôi nói lúc đầu và bây giờ lặp lại, công bằng là lợi ích của kẻ mạnh.

Đúng thế và tôi có giống như một mật thám khi tranh cãi với anh không?

Chắc chắn rồi, anh đáp.

Và anh có giả thiết rằng tôi hỏi những câu hỏi này là nhằm mục đích làm hại lý luận của anh không?

Không, anh đáp, "giả thiết" không phải từ thích hợp-tôi biết điều đó; nhưng ông sẽ bị phát hiện và bằng những cách tranh luận kỳ cục ông sẽ không bao giờ thắng.

Tôi sẽ không cố làm chuyện đó, anh bạn yêu quí; nhưng để tránh hiểu lầm giữa chúng ta trong tương lai, xin cho tôi hỏi, theo nghĩa nào mà anh nói về người mạnh hơn hay người cai trị mà lợi ích của người ấy, vì họ là cấp trên, nên người cấp dưới phải thi hành là điều công bằng-ông hiểu người cai

trị theo nghĩa thông thường hay theo nghĩa đen của từ này?

Theo nghĩa đen, anh nói. Và bây giờ ông có thể tùy ý đánh lừa hay chơi trò mật thám của ông; tôi không đòi hỏi ông gì cả. Nhưng ông sẽ không bao giờ, không bao giờ thắng được.

Và, tôi nói, anh có nghĩ rằng tôi điên rồ đến nỗi tìm cách đánh lừa Thrasymachus không? Tôi dại gì mà vuốt râu sư tử?

Sao, anh nói, một phút trước ông đã cố gắng làm và đã thất bại đấy thôi.

Thôi, khách sáo như thế đủ rồi. Tốt hơn tôi nên hỏi anh một câu: Người thầy thuốc hiểu theo nghĩa đen như anh đang nói, họ là người chữa bệnh hay là người làm tiền? Và hãy nhớ rằng tôi đang nói về người thầy thuốc chân chính.

Là người chữa bệnh, anh đáp.

Và người hoa tiêu-nghĩa là người hoa tiêu thực sự-họ là một thuyền trưởng hay chỉ là một thủy thủ?

Một thuyền trưởng.

Hoàn cảnh mà anh ta lái tàu không được xét đến; cũng không được gọi anh là một thủy thủ; tên gọi hoa tiêu riêng của anh không liên quan gì đến việc lái tàu, nhưng có ý nghĩa về tài năng và quyền bính của anh đối với các thủy thủ.

Rất đúng, anh nói.

Vậy, tôi nói, mọi nghệ thuật đều có một lợi ích sao?

Chắc chắn rồi.

Và đó là mục đích của nghệ thuật?

Đúng, đó là mục đích của nghệ thuật.

Và lợi ích của mọi nghệ thuật là sự hoàn thiện của nó-chỉ có thế phải không?

Ông muốn nói gì?

Tôi muốn nói rằng tôi có thể minh hoạ một cách gián tiếp bằng ví dụ về thân thể. Giả sử anh hỏi tôi thân thể có tự đủ hay nó có những nhu cầu, tôi phải trả lời: chắc chắn nó có các nhu cầu; vì thân thể có thể bị đau yếu và cần được chữa trị và vì thế nó có các lợi ích mà nghệ thuật y khoa phục vụ; và đây là nguồn gốc và ý hướng của y khoa, như anh sẽ thấy. Tôi nói đúng không?

Khá đúng, anh đáp.

Nhưng nghệ thuật y khoa hay bất cứ nghệ thuật nào khác có sai lầm hay khiếm khuyết về một tính chất nào, giống như kiểu con mắt bị khiếm khuyết về thị giác hay tai bị khiếm khuyết về nghe, và vì thế cần có một nghệ thuật khác để cung cấp cho các lợi ích của việc thấy và nghe; nghệ thuật tự nó có trách nhiệm gì về sai lầm hay khiếm khuyết và mọi nghệ thuật có đòi hỏi một nghệ thuật phụ nào khác để cung cấp cho các lợi ích của nó, và rồi một nghệ thuật khác nữa và cứ thế vô tận không? Hay chúng không cần

đến chính chúng hay đến một nghệ thuật khác-vì chúng không có sai lầm hay khiếm khuyết, nên chúng không cần sửa chữa, dù là bằng việc thi hành nghệ thuật của chính chúng hay của một nghệ thuật khác; chúng chỉ xem xét lợi ích đối tượng của chúng mà thôi. Vì mọi nghệ thuật đều tinh tuyền và không sai lỗi và luôn luôn đúng-nghĩa là, luôn luôn hoàn hảo và không hư hại. Anh hãy hiểu theo nghĩa chính xác của anh, rồi cho tôi biết tôi nói có đúng không?

Đúng, rất rõ.

Vậy y khoa không xét đến lợi ích của y khoa, mà là lợi ích của thân thể?

Đúng, anh nói.

Và nghệ thuật nuôi ngựa cũng không xét đến lợi ích của nghệ thuật nuôi ngựa, mà là lợi ích của con ngựa; cũng thế, các nghệ thuật khác cũng không lo cho bản thân chúng vì chúng không có nhu cầu, nhưng lo cho lợi ích đối tượng của chúng, đúng không?

Đúng, anh nói.

Nhưng, anh Thrasymachus, các nghệ thuật là các bề trên hay các nhà cai trị các đối tượng của chính chúng, đúng không?

Tất cả những điều này anh đều đồng ý một cách khá miễn cưỡng.

Vậy, tôi nói, không khoa học hay nghệ thuật nào xét đến hay đòi hỏi lợi ích của người mạnh hay bề trên, mà chỉ xét đến lợi ích của người yếu và người dưới thôi, đúng không?

Anh cố gắng cãi lại mệnh đề này nhưng cuối cùng cũng đồng ý.

Vậy, tôi tiếp, không một thầy thuốc nào, trong tư cách thầy thuốc, chăm lo cho lợi ích riêng của mình trong việc họ kê toa thuốc, nhưng chỉ quan tâm tới lợi ích của bệnh nhân của họ; vì người thầy thuốc chân chính cũng là một người cai trị mà thần dân của họ là thân thể con người và không chỉ là một người làm tiền; đồng ý rồi chứ?

Vâng.

Và người hoa tiêu cũng thế, theo nghĩa đen của từ, là một người cai trị các thủy thủ chứ không chỉ thuần túy là một thủy thủ.

Điều đó cũng đã được nhất trí.

Và một người hoa tiêu và người cai trị như thế sẽ lo lắng và truyền lệnh vì lợi ích của người thủy thủ dưới quyền họ, chứ không phải vì lợi ích của bản thân họ hay của người cai trị, đúng không?

Anh miễn cưỡng trả lời "Vâng".

Vậy thì, anh Thrasymachus, tôi nói, không một nhà cai trị trong bất kỳ một nước nào lo lắng hay truyền lệnh vì lợi ích riêng họ, nhưng luôn luôn vì lợi ích của người thuộc quyền họ hay thích hợp với nghề của họ; họ chăm lo điều đó và chỉ một mình họ xem xét mọi sự họ nói hay làm.

Khi chúng tôi đã đi đến điểm tranh luận này và mọi người thấy rằng định nghĩa về công bằng đã hoàn toàn bị đảo lộn, Thrasymachus thay vì trả lời tôi, anh lại nói: Ông Socrates, hãy cho tôi biết, ông có người bảo mẫu nào không?

Tại sao anh hỏi như thế, tôi nói, đang khi lẽ ra anh phải trả lời tôi?

Bởi vì bà ấy sẽ bỏ mặc và không chùi mũi cho ông: bà ấy thậm chí cũng không dạy ông biết phân biệt người chăn cừu với con cừu.

Tại sao anh nói thế, tôi đáp.

Bởi vì ông tưởng rằng người chăn cừu hay chăn bò làm công việc của họ là vì lợi ích của con cừu hay bò chứ không phải lợi ích của chính họ hay chủ của họ; và ông còn tưởng tượng ra rằng các nhà cai trị của các nước, nếu là những nhà cai trị đích thực, không bao giờ nghĩ về các công dân của họ như là những con cừu và họ không ngày đêm quan tâm đến lợi ích của chính họ. Ồ, không; và vì vậy ông hoàn toàn sai lạc trong các ý tưởng của ông về người công chính và kẻ bất công, khiến cho trên thực tế sự công bằng và người công chính là điều thiện của một người khác; nghĩa là, lợi ích của người cai trị và người mạnh,và sự thua thiệt của người thuộc quyền và người nô lệ; và bất công là điều ngược lại; vì người bất công là chủ trên người đơn sơ và công bằng: họ là kẻ mạnh hơn và người thuộc quyền họ làm mọi việc vì lợi ích của họ, chăm lo phục vụ hạnh phúc của họ, hoàn toàn không vì hạnh phúc của chính mình. Cũng như trước kia, tôi đang nói về sự bất công ở qui mô lớn trong đó lợi ích của kẻ bất công được thấy rõ nhất; và ý của tôi sẽ được thấy rõ nhất nếu chúng ta nghĩ đến hình thức bất công cao nhất, trong đó kẻ tội phạm là người hạnh phúc nhất trong mọi người, và người chịu thua thiệt hay người từ chối làm điều bất công là người đau khổ nhất-đó là sự chuyên chế, họ dùng sự gian trá để cướp mất tài sản của người khác, không phải từng ít một nhưng là hoàn toàn. Và như thế, ông Socrates, sự bất công trên qui mô lớn có sức mạnh, tự do và quyền lực hơn sự công bằng; và như tôi nói lúc đầu, công bằng là lợi ích của kẻ mạnh, trong khi bất công là lợi ích của người thuộc quyền.

Thrasymachus nói liên hồi như thể tát nước vào chúng tôi và sau khi nói xong, anh có vẻ muốn rút. Nhưng cử toạ không để cho anh rút; họ đòi anh ở lại và bảo vệ lập trường của anh; và bản thân tôi cũng đưa ra một yêu cầu để anh không bỏ chúng tôi. Tôi nói với anh, Thrasymachus, anh thật tuyệt vời, các nhận xét của anh thật xuất sắc! Vậy mà anh định bỏ đi mà không chỉ dạy hay tìm hiểu xem chúng có đúng hay không ư? Phải chăng việc xác định đường lối của con người là quá tầm thường trong con mắt anh

- việc xác định xem mỗi người chúng ta có thể sống đời sống của mình một cách có lợi nhất?

Và tôi có khác với các ông về tầm quan trọng của sự tìm hiểu này không? Anh nói.

Thrasymachus, có vẻ như anh không quan tâm hay nghĩ gì đến chúng tôi-xem chúng tôi sống tốt hơn hay tệ hơn vì không biết điều anh nói, có vẻ như anh dửng dưng về điều này đấy. Anh bạn yêu quí, đừng giữ riêng cho mình điều mình biết; chúng ta là một nhóm đông đảo và điều anh truyền đạt cho chúng tôi, anh sẽ được thưởng công gấp bội. Phần tôi, tôi công khai tuyên bố rằng tôi không cảm thấy thuyết phục và tôi không tin rằng bất công có lợi hơn là công bằng. Bởi vì cho dù có thể có một kẻ bất công có khả năng làm điều bất công bằng vũ lực hay gian dối, điều đó vẫn không thuyết phục để tôi tin rằng bất công có lợi hơn và có thể có nhiều người khác cũng có quan điểm giống như tôi. Có lẽ chúng tôi có thể sai; nếu vậy, bằng sự khôn ngoan của anh, anh phải thuyết phục để chúng tôi tin rằng chúng tôi sai trong việc chúng tôi thích công bằng hơn bất công.

Làm thế nào tôi có thể thuyết phục ông được, anh nói, nếu ông không tin những điều tôi vừa nói; tôi có thể làm gì hơn được? Ông muốn tôi đưa bằng chứng thể chất vào tâm hồn ông sao?

Không thể có chuyện đó, tôi nói; tôi chỉ muốn xin anh hợp lý hơn; hay nếu anh thay đổi, anh hãy thay đổi một cách công khai chứ đừng có sự lừa dối. Vì tôi phải nói, anh Thrasymachus, rằng nếu anh nhớ lại điều anh đã nói, rằng mặc dù anh bắt đầu bằng việc định nghĩa người thầy thuốc đích thực theo nghĩa chính xác, nhưng anh đã không tuân giữ cùng một sự chính xác ấy khi nói về người chăn cừu; anh nghĩ rằng người chăn cừu đích thực chăm lo cho bầy cừu không phải vì lợi ích của chúng, nhưng giống như một người dự tiệc chỉ cốt làm vui bàn tiệc; hay, như một người buôn bán vì có thể bán ở chợ, chứ không như một người chăn cừu. Nhưng chắc chắn nghệ thuật của người chăn cừu chỉ quan tâm tới lợi ích từ đối tượng của anh ta; anh chỉ lo cung cấp những gì tốt nhất cho chúng, vì sự hoàn thiện của nghệ thuật đã được bảo đảm khi mọi yêu cầu của nó được thỏa mãn. Và đó là điều mà tôi đang nói về người cai trị. Tôi nghĩ rằng nghệ thuật của người cai trị, dù là trong một nước hay trong đời sống tư, chỉ có thể quan tâm tới lợi ích của thần dân của họ mà thôi; trong khi có vẻ như anh nghĩ rằng người cai trị trong các nước thích có quyền bính.

Đúng và tôi tin chắc như thế.

Vậy tại sao trong trường hợp các chức vụ nhỏ hơn, người ta không bao giờ tự ý làm mà không được

trả lương, trừ khi họ tin rằng họ cai trị vì lợi ích của người khác chứ không vì lợi ích của riêng họ? Tôi xin hỏi anh một câu: Các nghệ thuật có khác nhau vì mỗi nghệ thuật có một chức năng riêng không? Và, anh bạn thông minh của tôi, anh hãy nói ra điều anh nghĩ, để chúng tôi học hỏi nơi anh.

Đúng, đó chính là sự khác biệt, anh đáp.

Và mỗi nghệ thuật cho chúng ta một lợi ích đặc thù chứ không phải một lợi ích chung chung-ngành y khoa, chẳng hạn, cho chúng ta sức khỏe; ngành hàng hải cho chúng ta an toàn trên biển, vân vân?

Đúng, anh nói.

Và chúng ta đã nhìn nhận, tôi nói, rằng lợi ích của mỗi nghệ thuật thì giới hạn đặc biệt cho nghệ thuật ấy?

Đúng.

Vậy, nếu mọi nghệ nhân đều có một lợi ích nào chung với nhau, lợi ích ấy phải được gán cho một điều gì mà tất cả họ sử dụng chung với nhau sao?

Đúng, anh đáp.

Và khi nghệ nhân được lợi vì được trả lương, họ đạt được lợi ích nhờ việc sử dụng thêm nghệ thuật trả lương, mà nghệ thuật này không phải nghề của họ?

Anh miễn cưỡng đồng ý.

Vậy thì tiền lương không phát xuất từ các nghệ nhân khác nhau do các nghệ thuật riêng của họ. Nhưng sự thật là, trong khi nghề thuốc cho sức khỏe và nghề của thợ xây là xây nhà, thì một nghệ thuật khác đi kèm với các nghệ thuật ấy là nghệ thuật trả tiền. Các nghệ thuật khác nhau có thể làm công việc riêng của chúng và được lợi vì công việc ấy, nhưng người làm nghề có được lợi gì từ nghề của họ trừ khi họ cũng được trả tiền không?

Tôi nghĩ là không.

Nhưng có vì vậy mà họ không mang lại lợi ích gì khi họ làm việc không công không?

Chắc chắn họ mang một lợi ích.

Vậy thì, anh Thrasymachus, không còn nghi ngờ gì rằng cả các nghệ thuật lẫn các chính quyền đều lo cho lợi ích riêng của chúng; nhưng như chúng ta đã nói, họ cai trị và chăm lo cho lợi ích của thần dân của họ là những người yếu hơn chứ không khỏe hơn-họ chăm lo cho lợi ích của những người này chứ không cho lợi ích của người cấp trên. Và đây là lý do, anh Thrasymachus, tại sao không ai muốn cai trị; bởi vì không ai thích gánh lấy việc sửa sai các điều xấu không liên quan đến họ mà họ không được trả tiền. Vì trong khi thi hành công việc và trong khi ra lệnh cho người khác, người nghệ sĩ đích thực không quan tâm tới lợi ích riêng của họ,

nhưng luôn luôn vì lợi ích của người thuộc quyền họ; và vì vậy để người cai trị thích cai trị, họ phải được trả lương bằng một trong ba cách, tiền bạc hay danh dự, hay trừng phạt nếu từ chối.

Ý ông muốn nói gì, Socrates, Glaucon hỏi. Hai cách trả lương thứ nhất tương đối dễ hiểu, nhưng sự trừng phạt thì tôi không hiểu, làm thế nào sự trừng phạt có thể là một cách trả lương?

Anh nói rằng anh không hiểu bản chất của cách trả lương mà đối với những người tốt nhất chính là động lực thúc đẩy lớn nhất để họ cai trị ư? Tất nhiên anh biết rằng tham vọng và sự bần tiện bị coi là điều đáng tởm chứ?

Rất đúng.

Và vì lý do này, tôi nói, tiền bạc và danh dự không hấp dẫn họ; những người tốt không muốn công khai đòi hỏi trả lương, vì việc cai trị khiến vì đồng tiền mà họ có thể bị mang tiếng là những người làm thuê, hay thầm kín lấy bổng lộc từ các nguồn lợi khiến họ bị mang tiếng là trộm cắp. Và vì không phải những con người tham vọng, họ không quan tâm đến sự vinh danh. Vì vậy họ cảm thấy cần thiết và họ phải bị lôi kéo vào việc cai trị vì sợ bị trừng phạt. Và đây là lý do tại sao việc họ tự nguyện gánh vác nhiệm vụ thay vì đợi để bị ép buộc, bị coi là điều ô danh. Vậy mà hình phạt tồi tệ nhất là ở chỗ người từ chối cai trị thì bị cai trị bởi người còn xấu hơn chính họ. Và vì sợ điều này nên người tốt đã buộc phải nhận chức vụ, không phải vì họ muốn, nhưng vì họ không thể làm cách khác- không phải vì họ nghĩ họ sẽ được hưởng lợi gì cho chính họ, nhưng như một nhu cầu bó buộc và vì họ không thể giao trách nhiệm này cho người nào khác tốt hơn họ hay bằng họ. Vì có lý do để nghĩ rằng nếu một thành phố chỉ toàn người tốt, thì tránh nhiệm vụ cai trị cũng là một đối tượng đáng ao ước giống như việc được một chức vụ bây giờ; vậy chúng ta phải có chứng minh rõ ràng rằng nhà cai trị đích thực tự bản chất không tìm lợi ích riêng cho mình, nhưng là lợi ích của người thuộc quyền họ; và bất cứ ai biết điều này thì đều sẽ chọn để nhận lợi ích từ một người khác hơn là phải mang lại lợi ích cho người khác. Tôi hoàn toàn không thể nhất trí với Thrasymachus rằng công bằng là lợi ích của kẻ mạnh. Vấn đề này không cần bàn thêm ở đây; nhưng khi Thrasymachus nói rằng đời sống của người bất công thì hạnh phúc hơn của người công chính, tôi thấy phát biểu mới này của anh có tính chất rất nghiêm trọng. Ai trong chúng tôi nói đúng? Và anh Glaucon, anh thích loại đời sống nào hơn?

Riêng tôi thấy đời sống của người công chính có lợi hơn, anh đáp.

Anh có nghe đến mọi lợi ích của người bất công mà anh Thrasymachus vừa nói ra không?

Có, tôi có nghe, anh đáp, nhưng tôi thấy lời nói của anh ta không thuyết phục.

Vậy chúng ta sẽ tìm cách thuyết phục anh ta rằng điều anh nói là không đúng?

Chắc chắn rồi, anh đáp.

Tôi nói, nếu anh ta kể ra những lợi ích về phía anh ta và chúng ta kể ra những lợi ích của người công chính, anh ta trả lời và chúng ta đáp lại, thì phải có việc liệt kê và so sánh những điều lợi của mỗi phía và sau cùng chúng ta sẽ cần có những người phân xử; nhưng nếu chúng ta tiến hành việc tìm tòi như chúng ta vừa làm, bằng cách thừa nhận lẫn nhau, thì chúng ta sẽ kết hợp chức vụ xét xử và bào chữa nơi chính chúng ta.

Rất tốt, anh nói.

Vậy theo anh, anh thích phương pháp nào? Tôi hỏi.

Phương pháp như ông đề nghị.

Tốt lắm, Thrasymachus, tôi nói, giả sử anh bắt đầu từ đầu và trả lời tôi. Anh nói rằng sự bất công hoàn hảo thì có lợi hơn là sự công bằng hoàn hảo?

Đúng, ý tôi là thế. Và tôi đã cho ông biết lý do của tôi.

Và anh quan niệm thế nào về chúng? Anh có gọi một thứ là nhân đức còn thứ kia là nết xấu không?

Chắc chắn rồi.

Giả sử anh gọi công bằng là nhân đức và bất công là nết xấu?

Ý tưởng hấp dẫn đấy! Cũng có thể lắm, vì tôi khẳng định rằng bất công có lợi và công bằng không có lợi.

Vậy anh sẽ nói gì?

Nói ngược lại, anh đáp.

Và ann sẽ gọi nhân đức là nết xấu?

Không, tôi sẽ gọi nó là sự đơn sơ siêu việt.

Vậy anh sẽ gọi bất công là ác ý?

Không; tôi sẽ gọi nó là sự dè dặt.

Và anh sẽ coi người bất công là khôn ngoan và tốt chứ?

Đúng, anh nói; ít ra những người bất công có thể hoàn toàn bất công và có quyền lực để bắt các nước quy phục; nhưng có lẽ ông sẽ nghĩ rằng tôi đang nói tới những kẻ móc túi. Cả những người này cũng có lợi, nếu không bị phát hiện, mặc dù họ không thể so sánh với những người mà tôi vừa nói.

Tôi không nghĩ rằng tôi hiểu sai ý của anh, Thrasymachus, tôi đáp; nhưng tôi vẫn không thể tưởng tượng nổi việc anh xếp bất công vào hàng nhân đức và khôn ngoan và công bằng vào hàng ngược lại.

Chắc chắn tôi xếp loại chúng như thế.

Vậy, tôi nói, anh đang đứng trong một lập trường cơ bản hơn

và không thể trả lời; vì nếu bất công mà anh cho là có lợi đã được chấp nhận bởi anh và những người khác như là nết xấu và sự xấu xa, thì lẽ ra anh phải nhận được một câu trả lời dựa trên các nguyên tắc đã được chấp nhận; nhưng bây giờ tôi nhận thấy rằng anh sẽ gọi bất công là đáng kính trọng, và anh sẽ gán cho người bất công tất cả các đức tính mà trước đây chúng tôi gán cho người công chính, vì anh không ngại xếp người bất công vào hạng người nhân đức và khôn ngoan.

Ông đã đoán đúng không thể sai được, anh nói.

Vậy tôi chắc chắn không thể rút lui khỏi cuộc tranh luận này bởi vì tôi có lý để tin rằng anh, Thrasymachus, anh đang nói đúng ý tưởng của anh; vì tôi tin rằng bây giờ anh đang nói nghiêm túc chứ không phải chỉ đùa giỡn với chúng tôi.

Tôi nghiêm túc hay không, điều đó không quan trọng-bổn phận của ông là bác bỏ lý luận của tôi.

Rất đúng, tôi nói; đó là điều tôi phải làm: Nhưng xin anh vui lòng trả lời thêm một câu hỏi nữa được không? Người công chính có tìm cách đạt được cái lợi gì vượt trên người công bằng không?

Hoàn toàn ngược lại; nếu không, họ sẽ không còn là người đơn sơ theo bản chất của họ nữa.

Và họ có vượt quá hành động công bằng của họ không?

Không.

Và họ có cố gắng nhằm đạt một cái lợi gì vượt trên người bất công không; họ sẽ coi cố gắng ấy là công bằng hay bất công?

Họ sẽ coi nó là công bằng và sẽ tìm cách đạt một cái lợi; nhưng họ sẽ không thể đạt được.

Họ đạt được hay không thì không quan trọng. Tôi chỉ muốn hỏi rằng khi người công chính từ chối đạt điều gì nhiều hơn một người công chính khác, họ có muốn và tuyên bố rằng họ có cái gì hơn người bất công không?

Có, họ sẽ muốn như thế.

Và còn người bất công-họ có cho rằng họ có nhiều hơn người công chính và làm nhiều hơn điều công bằng không?

Tất nhiên, anh nói, vì họ cho rằng họ có nhiều hơn mọi người.

Và người bất công sẽ cố gắng để có nhiều hơn người bất công hay hành động bất công, để họ có thể có nhiều hơn mọi người, có đúng như thế không?

Đúng.

Chúng ta có thể diễn tả như thế này, tôi nói - người công chính không muốn có nhiều hơn người giống như họ nhưng hơn người khác với họ, trong khi người bất công muốn nhiều hơn cả người giống họ và người khác họ.

Không thể có lời phát biểu nào hay hơn.

Và người bất công vừa tốt vừa khôn ngoan, còn người công chính không tốt và cũng không khôn ngoan.

Rất đúng, anh nói.

Và có phải người bất công giống với người tốt và khôn ngoan, còn người công chính không giống người tốt và khôn ngoan?

Tất nhiên, anh nói, người có một bản tính nào đó thì giống với người có bản tính giống như họ; người không có bản tính ấy thì không giống với họ.

Mỗi người đều như thế phải không? Tôi hỏi.

Chắc chắn, anh đáp.

Tốt lắm, anh Thrasymachus, tôi nói; và bây giờ lấy ví dụ về các nghệ thuật: anh nhìn nhận rằng một người là nhạc sĩ và một người khác không là nhạc sĩ chứ?

Vâng.

Và ai khôn ngoan, ai ngu dốt?

Rõ ràng người nhạc sĩ thì khôn ngoan, người không phải nhạc sĩ thì ngu dốt.

Và họ tốt vì họ khôn ngoan và xấu vì họ ngu dốt?

Đúng.

Và anh cũng nói như thế về người thầy thuốc?

Vâng.

Và anh bạn thân mến, anh có nghĩ rằng một nhạc sĩ khi lên dây đàn thì họ muốn vượt trội hơn một nhạc sĩ khác trong việc lên dây đàn không?

Tôi nghĩ là không.

Nhưng họ muốn vượt trội hơn người không phải nhạc sĩ chứ?

Tất nhiên.

Và anh sẽ nói sao về người thầy thuốc? Khi chỉ định cho bệnh nhân ăn thịt và uống nước, họ có muốn vượt trội hơn một người thầy thuốc khác hay vượt lên trên ngành thuốc không?

Hẳn là không.

Nhưng họ muốn vượt lên trên người không phải thầy thuốc chứ?

Vâng.

Và về tri thức và sự ngu dốt nói chung; anh có nghĩ rằng một người có tri thức có bao giờ muốn có sự chọn lựa để nói hay làm nhiều hơn một người có tri thức hay không? Hay họ sẽ chọn để nói hay làm giống như người có tri thức giống với họ?

Tôi nghĩ không thể phủ nhận điều đó.

Và còn về người ngu dốt? Họ có muốn có nhiều hơn người có tri thức hay người ngu dốt không?

Tôi dám nói là như thế.

Và người có tri thức là người khôn ngoan?

Vâng.

Và người khôn ngoan thì tốt?

Đúng.

Vậy người khôn ngoan và tốt sẽ không muốn chiếm được nhiều hơn người giống với họ, nhưng nhiều hơn người khác với họ và đối nghịch với họ?

Tôi nghĩ là thế.

Còn người ngu dốt và xấu sẽ muốn có nhiều hơn cả hai?

Vâng.

Nhưng anh Thrasymachus, chúng ta đã chẳng nói rằng người bất công vượt lên trên cả người giống họ và khác họ sao? Có phải chính anh đã nói thế không?

Đúng thế.

Và anh cũng đã nói rằng người công chính sẽ không muốn vượt lên trên người giống họ nhưng vượt lên trên người khác họ?

Vâng.

Vậy thì người công chính là người khôn ngoan và tốt, còn người bất công là người xấu và ngu dốt?

Suy ra thì là thế.

Và mỗi người đều giống với người giống họ?

Nhất trí.

Vậy người công chính lại là người khôn ngoan và tốt, còn người bất công là người xấu và ngu dốt.

Sau mỗi câu tôi lặp lại, Thrasymachus đều chấp nhận một cách ngập ngừng và có vẻ rất miễn cưỡng; hôm đó là một ngày mùa hạ rất nóng; và mồ hôi anh toát ra như tắm; rồi tôi thấy điều tôi chưa từng thấy trước kia, Thrasymachus đỏ bừng mặt. Sau khi chúng tôi đã nhất trí rằng công bằng là nhân đức, và khôn ngoan và bất công là nết xấu và ngu dốt, tôi đi tiếp sang một điểm khác:

Tốt lắm, tôi nói, anh Thrasymachus, vấn đề đó bây giờ đã giải quyết xong; nhưng có phải chúng ta cũng đang nói rằng bất công có sức mạnh; anh còn nhớ chứ?

Có, tôi nhớ, anh nói, nhưng ông đừng nghĩ rằng tôi tán thành điều ông đang nói hay không có câu trả lời; tuy nhiên, nếu tôi phải trả lời, chắc là ông sẽ bảo rằng tôi đang tuyên truyền; vì vậy, hoặc là ông cho phép tôi nói ra, hay nếu ông muốn hỏi, thì cứ hỏi và tôi sẽ trả lời "Hay lắm", giống như người ta thường nói với những bà già kể chuyện cổ tích và sẽ gật đầu "Có" và "Không".

Chắc chắn không phải thế, tôi nói, nếu nó không đúng với ý nghĩ thực sự của anh.

Vâng, anh nói, tôi sẽ làm thế để ông vừa lòng, vì ông không muốn để tôi nói. Ông còn điều gì không?

Không phải thế, tôi nói; và nếu anh sẵn sàng, tôi sẽ hỏi và anh phải trả lời.

Bắt đầu đi.

Vậy tôi sẽ lặp lại câu hỏi tôi đã hỏi lúc trước, để tiếp tục xem xét thêm về bản chất tương đối giữa công bằng và bất công. Đã có lời phát biểu rằng bất công thì mạnh hơn và có uy lực hơn công bằng, nhưng bây giờ chúng ta đã xác định công bằng giống với khôn ngoan và nhân đức, nên nó dễ được chứng minh là mạnh hơn bất công, nếu bất công là sự ngu dốt; không ai còn tranh cãi điều này nữa. Nhưng, anh Thrasymachus, tôi muốn nhìn vấn đề này một cách khác. Anh sẽ không phủ nhận rằng một nhà nước có thể là bất công và có thể tìm cách bắt các nước khác thần phục mình bằng những phương thức bất công, hay có thể đã thống trị nhiều nước khác rồi.

Đúng, anh đáp; và tôi muốn thêm rằng nhà nước tốt nhất và bất công một cách hoàn hảo nhất thường sẽ làm điều đó.

Tôi biết đó là lập trường của anh, tôi nói; nhưng điều tôi muốn xét thêm là, quyền lực của nhà nước mạnh hơn và có thể tồn tại hay được thi hành mà không có công bằng hay phải có công bằng?

Nếu quan điểm của ông đúng và công bằng là khôn ngoan, thì phải có công bằng; nhưng nếu quan điểm của tôi đúng, thì không có công bằng.

Anh Thrasymachus, tôi rất vui vì anh không chỉ gật đầu nhất trí và không đồng ý, nhưng anh đã có những câu trả lời tuyệt vời.

Đó chỉ là phép lịch sự đối với ông thôi, anh đáp.

Anh tử tế quá, tôi nói; và anh có thể vui lòng cho tôi biết, anh có nghĩ rằng một nhà nước hay một quân đội, hay một băng trộm cướp, hay bất cứ băng nhóm tội phạm nào có thể hành động mà không làm thiệt hại lẫn nhau không?

Không, anh đáp, họ không thể.

Nhưng nếu họ kiềm chế để không làm hại lẫn nhau, có thể họ sẽ hành động tốt hơn không?

Có.

Và đó là vì sự bất công tạo ra những chia rẽ và căm thù dẫn tới đánh đá lẫn nhau, còn công bằng tạo ra sự hòa hợp và tình bạn; có đúng không, anh Thrasymachus?

Tôi đồng ý, anh nói, vì tôi không muốn cãi lộn với ông.

Anh tử tế quá, tôi nói; nhưng tôi muốn biết rằng sự bất công, vì có khuynh hướng gây oán thù, nên khi nó tồn tại giữa những người nô lệ hay người tự do, nó có làm họ thù ghét lẫn nhau và chia rẽ lẫn nhau, khiến họ không thể hành động chung với nhau không?

Chắc chắn rồi.

Và cả khi sự bất công chỉ là giữa hai người mà thôi, họ có cãi vã và đánh lộn nhau, rồi trở thành kẻ thù của nhau và của người công chính không?

Chắc chắn.

Và giả sử bất công chỉ ở trong một người mà thôi, sự thông thái của anh có cho rằng nó sẽ đánh mất hay giữ nguyên sức mạnh tự nhiên của nó không?

Chúng ta cứ cho rằng nó vẫn giữ sức mạnh của nó.

Nhưng phải chăng sức mạnh mà sự bất công thể hiện có tính chất khiến nó có ở bất cứ đâu, dù trong một thành phố, một quân đội, một gia đình, hay một tổ chức nào, thì tổ chức ấy sẽ trở thành không có khả năng hành động chung với nhau vì sự chia rẽ cũng như phân tán; và phải chăng nó sẽ trở thành kẻ thù của chính nó và của tất cả những gì đối nghịch lại nó và kẻ thù của người công chính? Có phải như vậy không?

Chắc chắn đúng như thế.

Và phải chăng bất công cũng tai hại khi nó tồn tại trong một người; trước hết vì nó làm người này không thể hành động vì họ không thống nhất với chính mình; và thứ hai, nó làm người này trở thành kẻ thù của chính mình và của người công chính? Có đúng thế không, anh Thrasymachus?

Vâng.

Và, tôi nói, anh bạn yêu quý của tôi, các thần chắc chắn là công bằng chứ?

Cứ cho là họ công bằng đi.

Nhưng nếu thế, người bất công sẽ là kẻ thù của các thần và người công chính là bạn của các thần?

Ông cứ đắc thắng đi và tiếp tục lý luận; tôi sẽ không nói ngược lại kẻo làm mọi người ở đây mất vui.

Tốt lắm, anh hãy đưa ra câu trả lời của anh và để tôi lo phần còn lại. Vì chúng ta đã cho thấy rằng rõ ràng người công chính khôn ngoan hơn, tốt hơn và có khả năng hơn người bất công, và người bất công không thể có hành động chung với nhau. Tôi nghĩ đó là sự thật của vấn đề, chứ không phải như anh nói lúc đầu. Nhưng một vấn đề chúng ta còn phải xem xét là người công chính có đời sống tốt hơn và hạnh phúc hơn người bất công hay không. Tôi nghĩ họ sống tốt hơn và hạnh phúc hơn từ những lý do tôi đã nêu; nhưng tôi vẫn thích xem xét thêm, để không bỏ sót một điều gì dù là nhỏ mọn nhất.

Bắt đầu đi.

Tôi sẽ bắt đầu nêu một câu hỏi: Anh có cho rằng con ngựa có một mục đích gì đó không?

Tôi cho rằng có.

Và mục đích hay công dụng của con ngựa hay bất cứ cái gì khác, sẽ là cái mà với bất cứ một cái gì khác nó không thể thực hiện được, hay không thể thực hiện tốt được, đúng không?

Tôi không hiểu, anh nói.

Để tôi cắt nghĩa: Anh có thể nhìn mà không dùng mắt không?

Chắc chắn là không.

Hay nghe mà không dùng tai?

Không.

Vậy những thứ này có thể được gọi là mục đích của các giác quan này chứ?

Vâng.

Nhưng anh có thể cắt một nhánh nho bằng một con dao hay một cái kéo và bằng nhiều cách khác nhau chứ?

Tất nhiên.

Nhưng không tốt bằng dùng một cái kéo tỉa cây vào mục đích này?

Đúng.

Vậy chúng ta có thể nói đó là mục đích của cái kéo tỉa cây không?

Có thể.

Vậy bây giờ tôi nghĩ anh sẽ không thấy khó hiểu ý của tôi, khi tôi hỏi câu hỏi là liệu mục đích của bất cứ cái gì có là cái mà một cái khác không thể thực hiện được, hay không thể thực hiện tốt bằng không?

Tôi hiểu ý ông rồi, anh nói và gật đầu.

Và cái mà mục đích ấy được gán cho cũng có sự tuyệt hảo của nó? Tôi có cần hỏi lại rằng mắt có một mục đích không?

Nó có mục đích.

Và mắt có sự tuyệt hảo chứ?

Có.

Và về các sự vật khác cũng đúng như thế chứ? Mỗi vật đều có một mục đích và một sự tuyệt hảo đặc biệt?

Đúng như thế.

Tốt và mắt có thể chu toàn mục đích của nó nếu chúng thiếu sự tuyệt hảo và có một khuyết tật không?

Làm sao được, anh nói, nếu chúng bị mù không thể thấy được?

Ý anh muốn nói là, nếu chúng mất sự tuyệt hảo của chúng, đó là thị giác, nhưng tôi vẫn chưa đi đến điểm ấy. Tôi muốn hỏi câu hỏi chung chung hơn và chỉ muốn biết xem các sự vật thể hiện mục đích của mình thì thể hiện chúng bằng sự tuyệt hảo của chúng, và không thể hiện được chúng vì sự khiếm khuyết của chính chúng?

Chắc chắn rồi, anh đáp.

Tôi cũng có thể nói y như thế về tai; khi không có sự tuyệt hảo của chúng, chúng không thể hoàn thành mục đích của chúng?

Đúng.

Và cũng có thể áp dụng cho mọi vật khác như thế chứ?

Nhất trí.

Tốt; và có phải linh hồn có một mục đích mà không cái gì khác nó có thể hoàn thành không? Ví dụ: để trông coi, truyền lệnh, quyết định và các điều giống như thế. Có phải đây là những chức năng

riêng của linh hồn và chúng có thể được gán cho bất cứ một cái gì khác không?

Không thể.

Và sự sống có thể được coi là một trong các mục đích của linh hồn?

Chắc chắn rồi, anh nói.

Và linh hồn có sự tuyệt hảo của nó chứ?

Vâng.

Và nó có thể hay không thể hoàn thành mục đích riêng của nó nếu thiếu sự tuyệt hảo ấy?

Nó không thể.

Vậy thì một linh hồn xấu tất yếu phải là một người cai trị và người trông coi xấu, và linh hồn tốt phải là một nhà cai trị tốt?

Tất nhiên.

Và chúng ta đã nhìn nhận rằng công bằng là sự tuyệt hảo của linh hồn và bất công là khuyết điểm của linh hồn?

Chúng ta đã nhất trí điều đó.

Vậy linh hồn công bằng và người công chính sẽ sống tốt và người bất công sẽ sống xấu?

Đó là điều mà lý luận của ông chứng minh.

Và người sống tốt thì hạnh phúc sung sướng và người sống xấu thì bất hạnh?

Chắc chắn.

Vậy người công chính thì hạnh phúc, người bất công thì bất hạnh?

Đúng thế.

Nhưng hạnh phúc mới có lợi, chứ không phải bất hạnh.

Đương nhiên.

Vậy anh Thrasymachus, bất công không bao giờ có thể có lợi hơn công bằng.

Socrates, ông hãy lấy điều này để giải khuây tại Bendidea.

Đó là nhờ công của anh đấy, tôi nói, vì bây giờ anh đã trở nên hiền lành hơn với tôi và bớt chửi mắng tôi hơn. Tuy nhiên, tôi vẫn chưa hoàn toàn vui được; đó là lỗi của tôi, không phải của anh. Giống như một người theo chủ nghĩa khoái lạc ngốn mọi món ăn được bày ra trên bàn, họ không để mình có thời giờ thưởng thức món ăn trước, tôi cũng thế, tôi đã đi từ đề tài này sang đề tài khác mà không khám phá ra điều tôi đã tìm kiếm lúc đầu, bản tính của sự công bằng. Tôi đã bỏ cuộc tìm kiếm và quay sang xem xét xem công bằng có phải là nhân đức và khôn ngoan hay là sự xấu và điên rồ; và khi có một câu hỏi về những lợi ích của công bằng và so sánh với những lợi ích của bất công, tôi không thể kiềm chế mà không chuyển sang đề tài ấy. Và kết quả của tất cả cuộc thảo luận này là tôi chẳng biết gì cả. Vì tôi không biết công bằng là gì, vì vậy tôi cũng không biết nó có phải là một nhân đức không, tôi cũng không biết người công chính hạnh phúc hay bất hạnh.

QUYỂN II

Khi nói những lời này, tôi nghĩ mình đã kết thúc cuộc thảo luận; nhưng kết quả cho thấy đó mới chỉ là bắt đầu. Bởi vì Glaucon, người hiếu chiến nhất, đã tỏ ra bất mãn với sự rút lui của Thrasymachus; anh muốn tranh cãi. Vì thế anh nói với tôi: Socrates, ông có thực sự muốn thuyết phục chúng tôi, hay chỉ có vẻ đã thuyết phục chúng tôi rằng công bằng thì luôn luôn tốt hơn là bất công?

Tôi thực sự muốn thuyết phục các anh, tôi đáp, nếu tôi có thể.

Vậy thì chắc chắn ông đã không thành công. Bây giờ tôi hỏi ông: - Ông xếp loại các sự vật thế nào- có phải có những thứ chúng ta hoan nghênh vì chính chúng và không lệ thuộc hậu quả của chúng, như chẳng hạn, những khoái lạc và những thú vui vô hại, chúng làm chúng ta thích thú trong chốc lát, mặc dù không mang lại kết quả gì?

Tôi đồng ý rằng có một loại vật như thế, tôi đáp.

Phải chăng cũng có một loại vật thứ hai, như tri thức, thị giác, sức khỏe, chúng ta không chỉ muốn chúng vì bản thân chúng, mà còn vì hậu quả của chúng?

Chắc chắn, tôi nói.

Và ông có nghĩ rằng cũng có một loại thứ ba, như luyện tập thể dục, việc chăm sóc người bệnh và nghề của thầy thuốc; cũng có nhiều cách khác nhau để làm ra tiền- chúng làm lợi cho chúng ta nhưng chúng ta coi chúng là không đáng trọng; và thường không ai chọn chúng vì bản thân chúng, nhưng chỉ vì một phần thưởng hay kết quả chúng đem lại?

Cũng có một loại thứ ba ấy, tôi đáp. Nhưng tại sao anh hỏi vậy?

Vì tôi muốn biết ông xếp công bằng vào loại nào trong ba loại này?

Vào loại cao nhất, tôi đáp, giữa những điều tốt mà người muốn hạnh phúc muốn có, cả vì bản thân chúng và vì các kết quả của chúng.

Rồi cũng có nhiều người có ý kiến khác; họ nghĩ công bằng phải được coi là thuộc loại rắc rối, trong khi các điều tốt phải được tìm kiếm vì những phần thưởng và vì danh tiếng, nhưng tự chúng không đáng trọng và nên tránh.

Tôi biết đó là cách suy nghĩ của họ, tôi nói và đây là luận đề mà Thrasymachus vừa bênh vực lúc nãy, khi anh ấy phê bình công bằng và ca ngợi bất công. Nhưng tôi ngu quá nên anh ấy không thể thuyết phục được.

Tôi muốn ông nghe tôi giống như ông đã nghe anh ấy, anh nói và rồi tôi sẽ xem ông và tôi có đồng ý với nhau không. Bởi vì tôi thấy có vẻ như Thrasymachus giống một con rắn bị mê hoặc quá sớm bởi tiếng nói của ông; nhưng theo tôi, bản chất của công bằng và bất công chưa được làm sáng tỏ. Bỏ sang một bên những phần thưởng và kết quả, tôi muốn biết bản chất của chúng là gì và chúng hoạt động thế nào trong tâm hồn. Vậy, nếu ông đồng ý, tôi sẽ lấy lại lý luận của Thrasymachus. Và trước hết tôi sẽ nói về bản chất và nguồn gốc của công bằng theo quan niệm thông thường. Thứ hai, tôi sẽ cho thấy rằng tất cả những ai thực hiện công bằng thì đều làm một cách miễn cưỡng, bắt buộc, không phải vì nó là một điều tốt. Và thứ ba, tôi sẽ lý luận rằng có lý do trong quan niệm này, vì dù sao đời sống của người bất công thường tốt hơn nhiều so với đời sống của người công chính-nếu điều họ nói là thật, vì bản thân tôi không theo ý kiến của họ. Nhưng tôi vẫn nhìn nhận rằng tôi hoang mang khi nghe tiếng nói của Thrasymachus và rất nhiều người vọng lại bên tai tôi; và mặt khác, tôi chưa từng nghe ai nói một cách thỏa đáng về sự vượt trội của công bằng so với sự bất công. Tôi muốn nghe lời ca ngợi bản thân sự công bằng và tôi sẽ mãn nguyện, bởi ông là người mà tôi nghĩ là thích hợp nhất để nói cho tôi biết điều đó; vì vậy tôi sẽ ca ngợi người bất công bằng tất cả sức lực của tôi, và tôi cũng muốn ông ca ngợi công bằng và đả kích sự bất công với cùng một sức mạnh như tôi. Ông đồng ý với đề nghị của tôi chứ?

Chắc chắn rồi; tôi cũng không thể nghĩ có đề tài nào mà một người có lý lẽ muốn bàn đến thường xuyên hơn đề tài này.

Tôi rất vui nghe ông nói như thế và tôi sẽ bắt đầu nói như tôi về bản chất và nguồn gốc của công bằng theo như tôi đã đề nghị.

Người ta nói rằng làm điều bất công tự bản chất là tốt; chịu sự bất công là xấu; nhưng điều xấu thì lớn hơn điều tốt. Và vì thế khi người ta vừa làm vừa chịu sự bất công và có kinh nghiệm về cả hai, vì không thể tránh điều này và được điều kia, nên họ nghĩ rằng tốt hơn họ nên nhất trí với nhau rằng sẽ không có cả hai; do đó nảy sinh luật pháp và các khế ước hỗ tương; và điều được truyền bởi luật thì được họ gọi là hợp pháp và công bằng; - nó là một sự dung hòa hay thỏa hiệp giữa cái tốt nhất, nghĩa là làm điều bất công mà

không bị trừng phạt và cái xấu nhất, nghĩa là chịu sự bất công mà không có quyền trả đũa; và vì công bằng là cái ở giữa hai cái kia, nên nó được chấp nhận không phải vì là một điều tốt, mà vì là một điều ít xấu hơn và được tôn trọng bởi lý trí của những người không có khả năng làm điều bất công. Vì không ai đáng được gọi là người mà lại chịu chấp nhận sự thỏa thuận ấy nếu họ có khả năng kháng cự; họ sẽ là người điên khùng nếu họ chịu chấp nhận như thế. Ông Socrates, đó là cắt nghĩa thông thường về bản chất và nguồn gốc của sự công bằng.

Vậy mà những người thi hành công bằng thì làm điều đó một cách miễn cưỡng và vì họ không có khả năng để là người bất công, nên sẽ có vẻ là tốt nhất nếu chúng ta tưởng tượng ra một cái gì giống như thế này: sau khi đã cho cả người công chính lẫn người bất công khả năng làm điều họ muốn, chúng ta hãy quan sát để xem ước muốn của họ sẽ dẫn họ tới đâu; rồi chúng ta sẽ khám phá ra trong chính hành vi của người công chính và người bất công rằng, nó đều xuất phát trên cùng một con đường, theo lợi ích của họ, mà mọi bản tính đều coi là điều tốt của chúng và chỉ đổi sang con đường công bằng do sức mạnh của luật pháp. Sự tự do mà chúng ta giả thiết có thể mang tới cho họ một cách hoàn toàn nhất, dưới dạng một quyền lực như người ta nói về Gyges, tổ tiên của Croesus người Lydia. Theo truyền thuyết, Gyges là một người chăn cừu cho nhà vua Lydia; có một cơn bão lớn và một trận động đất đã tạo một đường nứt lớn trên khu đất anh đang chăn cừu. Kinh ngạc trước cảnh tượng này, anh đi xuống khe nứt và nhìn thấy một con ngựa rỗng bằng đồng, có các cửa và anh cúi xuống nhìn vào trong, anh thấy một xác chết rất lớn, giống như một vật gì siêu phàm và không có gì khác ngoại trừ một chiếc nhẫn vàng; anh lấy chiếc nhẫn khỏi ngón tay xác chết rồi đi lên mặt đất. Bây giờ, theo thói quen, các người chăn cừu cùng tụ tập lại để báo cáo công việc chăn cừu cho nhà vua; anh đến chỗ tụ tập, đeo chiếc nhẫn vàng trong ngón tay và khi đang ngồi giữa họ, anh xoay chiếc nhẫn trên ngón tay về phía trong, và bỗng chốc anh trở thành vô hình và họ bắt đầu bàn tán về anh như thể anh không còn hiện diện. Anh kinh ngạc về điều này và anh lại mân mê chiếc nhẫn, xoay nó ra phía ngoài và anh lại xuất hiện trở lại; anh thử làm đi làm lại mấy lần và lần nào cũng xảy ra y như vậy-khi xoay nhẫn về phía trong, anh trở nên vô hình, khi xoay ra phía ngoài, anh lại xuất hiện trở lại. Lúc đó anh kiếm cách để được chọn làm sứ giả đến hoàng cung; vừa khi đến nơi, anh dụ dỗ hoàng hậu, và với sự trợ giúp của bà anh, họ đã âm mưu chống lại

đức vua và giết chết đức vua, rồi cướp lấy vương quốc. Bây giờ giả sử có hai chiếc nhẫn thần như thế và người công chính đeo một chiếc và người bất công đeo chiếc kia; không thể tưởng tượng sẽ có ai có bản chất sắt đá đến nỗi họ kiên trì trong sự công bằng. Không ai khước từ điều thuộc về mình khi họ có thể an toàn lấy ở chợ điều gì họ thích, hay đi vào nhà người khác và nói dối với bất cứ ai mà họ muốn, hay giết hay thả người ra khỏi nhà tù tùy theo họ muốn và về mọi phương diện họ giống như một Thượng Đế giữa loài người. Khi ấy các hành động của người công chính sẽ giống như các hành động của người bất công; cuối cùng cả hai loại người này sẽ đi đến cùng một điểm như nhau. Và chúng ta có thể coi đây là một bằng chứng để nói rằng, một người công chính không phải vì họ muốn hay nghĩ rằng công bằng có lợi cho cá nhân họ, nhưng vì họ bị bắt buộc, vì bất cứ ai khi nghĩ rằng mình có thể làm điều bất công mà không bị trừng phạt, họ sẽ làm điều bất công. Vì mọi người trong thâm tâm đều cho rằng bất công thì có lợi cho cá nhân hơn là công bằng và lý luận như thế sẽ cho rằng họ có lý. Nếu ông có thể tưởng tượng ra được một ai có quyền trở thành vô hình và không bao giờ làm điều gì xấu hay đụng đến một vật gì của người khác, thì người ấy sẽ bị những người khác coi là ngu dần, mặc dù họ sẽ khen ngợi người ấy trước mặt những người khác và tiếp tục xuất hiện giữa những người khác, vì sợ rằng mình cũng sẽ phải chịu sự bất công. Nói về điều này đủ rồi.

Bây giờ, nếu chúng ta phải có một đánh giá thực sự về đời sống của người công chính và người bất công, chúng ta phải cô lập họ ra; không có cách nào khác; và làm thế nào để cô lập họ? Tôi trả lời: Cứ để người bất công hoàn toàn bất công và người công chính hoàn toàn công bằng; không được lấy mất điều gì nơi họ và phải cung cấp cho mỗi người đầy đủ những gì cần thiết cho công việc của đời sống mỗi người. Trước hết, hãy để người bất công giống như những người chủ tài giỏi của các ngành nghề; giống như người hoa tiêu hay người thầy thuốc giỏi, họ biết rõ các năng lực riêng của họ và giữ chúng trong giới hạn và nếu họ thất bại ở điểm nào, họ có khả năng tự hồi phục. Vì vậy hãy để cho người bất công thực hiện những hành động bất công theo đường lối đúng và để họ bị che giấu nếu họ muốn tỏ ra vĩ đại trong sự bất công của họ: (người được phát hiện ra không là ai cả) bởi vì tầm mức cao nhất của sự bất công là muốn được coi là công bằng khi không phải là công bằng. Vì vậy tôi nói rằng nơi người bất công hoàn toàn, chúng ta phải giả thiết sự bất công hoàn toàn nhất; không phải là một

sự suy diễn, nhưng chúng ta phải cho phép anh ta, đang khi làm những hành vi bất công nhất, anh ta phải đạt được danh tiếng lớn nhất về sự công bằng. Nếu anh ta đã đi sai một bước, anh ta phải có khả năng tự hồi phục; anh ta phải là người có thể nói một cách hiệu quả, nếu có hành vi nào của anh được đưa ra ánh sáng và là người có thể lướt thắng khi cần có sức mạnh của sự can đảm và kiên cường của anh, và khả năng làm chủ tiền bạc và bạn bè của anh. Và ở bên cạnh anh, chúng ta hãy đặt người công chính trong sự cao thượng và đơn sơ của họ, người muốn là người tốt chứ không chỉ tỏ ra tốt. Không được tỏ vẻ, bởi vì nếu họ có vẻ công bằng, họ sẽ được khen ngợi và tưởng thưởng, và rồi chúng ta sẽ không biết anh ta công bằng do yêu công bằng hay vì danh dự và phần thưởng; do đó, hãy để cho anh ta chỉ có mang sự công bằng thuần túy, không có một sự che đậy nào khác; và phải hình dung anh ta trong một tình trạng đời sống đối chọi với người kia. Hãy cho anh là người tốt nhất trong mọi người và hãy để người ta nghĩ xấu nhất về anh ta; rồi anh ta sẽ chứng tỏ sự thực là thế nào; và chúng ta sẽ thấy anh ta có bị tác động bởi sự sợ mất danh tiếng và các hậu quả của nó không. Và chúng ta hãy để cho anh ta tiếp tục như thế cho đến giờ chết; công bằng thực sự nhưng có vẻ bề ngoài bất công. Khi cả hai đã đạt tới cực điểm, một người ở cực điểm của sự công bằng, người kia của sự bất công, lúc đó chúng ta sẽ có phán đoán ai là người hạnh phúc hơn trong hai người.

Trời đất! tôi nói, anh Glaucon yêu quí, anh đánh bóng họ mạnh quá sức đối với việc quyết định, người thứ nhất rồi người thứ hai, giống như thể họ là hai pho tượng vậy.

Tôi đã cố hết sức, anh nói. Và bây giờ chúng ta đã biết họ như thế nào, chúng ta sẽ không thấy có khó khăn gì trong việc hình dung ra cuộc đời nào sẽ đón chờ mỗi người trong họ. Tôi sẽ bắt đầu mô tả nó ngay bây giờ; nhưng vì ông có thể cho rằng mô tả của tôi quá thô bạo, nên ông Socrates, tôi xin ông giả sử rằng những lời nói sau đây không phải những lời nói của tôi. –Tôi sẽ đặt những lời này vào miệng những người khen ngợi sự bất công: họ sẽ cho ông biết rằng người công chính mà bị nghĩ là bất công thì sẽ bị giày vò, xâu xé, trói buộc-mắt họ sẽ đỏ ngầu lên; và sau cùng, sau khi chịu đựng mọi sự xấu, họ sẽ trở nên thất vọng: rồi họ sẽ hiểu rằng họ chỉ nên có vẻ công bằng chứ không nên công bằng thực sự; các lời của Aeschylus có thể được áp dụng đúng cho người bất công hơn là cho người công chính. Vì người bất công đang theo đuổi một thực tại; họ không sống với cái nhìn về những vẻ bề ngoài;

họ muốn là người bất công thực sự chứ không chỉ tỏ vẻ bất công: -

"Tâm hồn họ có mảnh đất sâu mầu mỡ, từ đó những lời lẽ khôn ngoan mọc lên vô kể".[1]

Trước hết, họ được nghĩ là công chính và vì vậy họ nắm quyền cai trị thành phố; họ có thể cưới người vợ họ muốn và gả con cho ai họ muốn; họ cũng có thể mua bán cái họ thích và luôn luôn có lợi cho họ, vì họ không có sai lầm nào về sự bất công; và trong mọi cuộc tranh tài, dù là riêng tư hay công cộng, họ đều thắng đối phương và nắm phần lợi, họ giàu có và nhờ tiền bạc họ kiếm được, họ có thể làm ích cho bạn bè họ và làm hại kẻ thù của họ; hơn nữa, họ có thể dâng lễ cho các thần, và dâng cho các thần những món quà béo bở và tôn vinh các thần hay bất cứ ai họ muốn tôn vinh một cách tốt hơn là người công chính và vì vậy họ sẽ được các thần yêu thích hơn là người công chính. Và như thế, ông Socrates ạ, có thể nói rằng các thần và loài người cùng đồng lòng với nhau để làm cho đời sống người bất công tốt hơn đời sống người công chính.

Tôi đang định nói điều gì để trả lời Glaucon thì Adeimantus, em trai của anh, cắt ngang: Ông Socrates, anh nói, ông không nghĩ là có thể nói thêm được gì sao?

Ủa, còn điều gì nữa? tôi trả lời.

Điểm mạnh nhất thậm chí vẫn chưa được nhắc tới, anh đáp.

Được, nếu vậy, hãy thực hành câu tục ngữ, "chị ngã em nâng"- nếu anh ấy thiếu chỗ nào, anh hãy giúp anh ấy; tuy tôi phải thú nhận rằng những lời Glaucon nói đã quá đủ để nghiền tôi thành bụi rồi và khiến tôi không còn khả năng để bênh vực cho công bằng nữa.

Vô nghĩa, anh đáp. Nhưng tôi chỉ xin thêm một điều: lý luận của Glaucon có một khía cạnh khác về việc ca ngợi và phê bình công bằng cũng như bất công, cả hai cần thiết để hiểu rõ nghĩa anh ấy muốn nói. Cha mẹ và thầy giáo thường dạy con cái và học trò của họ rằng họ phải công bằng; nhưng tại sao? Không phải vì bản thân sự công bằng, nhưng vì tính cách và danh tiếng; với hi vọng là người nào được tiếng là công bằng sẽ đạt được chức vụ, hôn nhân và những điều giống như thế mà Glaucon đã kể ra trong số những lợi ích mà người bất công đạt được nhờ họ có tiếng là công bằng. Tuy nhiên, hạng người này làm nhiều điều ở vẻ bề ngoài hơn những người khác; vì họ đưa ra ý kiến thuận lợi của các thần và sẽ kể cho bạn vô số các lợi ích mà trời mưa xuống trên những người đạo đức, và điều này phù hợp với lời chứng của các thi hào Hesiod và Homer, nhà thơ thứ nhất nói rằng

---

Seven against Thebes, 574

các thần làm cho cây sồi của người công chính trở nên

"Trái sum suê tới tận ngọn cây, thân cây bu đầy ong mật; và bày cừu phủ lông nặng trĩu",[1]

và nhiều phước lành khác nữa được ban cho họ.

Và Homer cũng có một ý tưởng giống như thế; vì ông nói về người mà danh tiếng là-

"Giống như tiếng tăm của một minh quân, giống như thần, thực thi công lý; là người được đất đen cho hưởng lúa mì và lúa mạch, những trái cây nặng trĩu trên cành, và bày cừu của họ không bao giờ hết sinh đẻ, biển sâu ban cho họ đầy cá".

Thần Musaeus và các con ngài còn ban cho người công chính những ơn trời to lớn hơn nhiều; các thần này cho họ xuống trần, ở đó họ được ngồi chung bàn tiệc với thánh hiền, ăn uống say sưa, đầu đội vòng hoa; có vẻ như họ nghĩ sự ăn uống say sưa là phần thưởng lớn nhất của đời sống nhân đức. Một số còn có những phần thưởng lớn hơn nữa; họ nói dòng dõi của những kẻ trung thành và công chính sẽ sống mãi tới thế hệ thứ ba và thứ bốn. Đây là cách họ ca ngợi đức công bằng. Nhưng những kẻ xấu phải chịu một số phận khác; các thần chôn họ dưới âm phủ và bắt họ phải gánh nước trong một cái sàng; và trong khi họ còn sống, các thần khiến họ phải nhục nhã và giáng xuống họ những hình phạt mà Glaucon đã mô tả là phần của những người công chính bị mang tiếng là người bất công; họ không thể làm được điều gì khác. Đó là cách họ ca ngợi hạng người này và kết án hạng người kia.

Một lần nữa, ông Socrates ơi, tôi muốn xin ông tìm xem có cách nào khác để nói về công bằng và bất công không, mà không chỉ giới hạn vào lời của các nhà thơ, nhưng cũng có lời của các nhà văn xuôi nữa. Tiếng nói chung của loài người luôn luôn tuyên bố rằng công bằng và nhân đức là đáng kính trọng, nhưng khó khăn vất vả lắm; và các thú vui của tật xấu và sự bất công thì dễ đạt được, và chỉ bị kết án bởi luật pháp và ý kiến. Họ cũng nói rằng phần lớn sự lương thiện thì không có lợi bằng sự bất lương; và họ cũng sẵn sàng gọi những người xấu là người hạnh phúc và kính trọng họ cả ở nơi công cộng cũng như nơi tư riêng khi họ giàu có hay có ảnh hưởng về các phương diện khác nữa, trong khi họ khinh bỉ và không để ý đến những người có thể là yếu đuối và nghèo khổ, mặc dù họ nhìn nhận rằng những người này tốt hơn những người khác. Nhưng điều lạ lùng hơn hết là cách họ nói về nhân đức và các thần linh: họ nói rằng các thần phân phát tai hoạ

[1] Hesiod, Works and Days, 230.

và đau khổ cho nhiều người tốt, và phân phát của cải và hạnh phúc cho nhiều người xấu. Các nhà tiên tri khất thực đến trước cửa nhà những người giàu và thuyết phục những người này rằng, họ được thần linh ban quyền để nhận ơn xá tội cho một người hay tổ tiên người ấy nhờ các lễ vật hay quà cáp, để được hưởng những thú vui và tiệc tùng; và họ thề làm hại một kẻ thù, bất luận là người công chính hay bất công, với một cái giá thấp; với tài pháp thuật và những câu thần chú kêu lên trời để thi hành ý muốn của họ. Và họ dựa vào thẩm quyền của các nhà thơ, bây giờ đang làm cho con đường của tật xấu trở nên bằng phẳng, với các lời của thi sĩ Hesiod:-

"Người ta có thể mắc vô số tật xấu mà chẳng vất vả gì; đường của tật xấu thì bằng phẳng và chỗ ở của nó rất gần. Nhưng trước mặt nhân đức, các thần bày ra nhiều khổ cực",[1]

Một con đường nhàm chán và phải leo dốc vất vả: rồi họ lấy Homer ra làm chứng rằng các thần có thể bị con người chi phối; vì ông cũng nói:-

"Các thần cũng bị người ta làm thay đổi ý định; người ta cầu nguyện cùng các thần và tránh được cơn giận của các thần bằng các lễ vật và các lời cầu khẩn xoa dịu cơn giận, bằng việc rảy nước thánh và mùi mỡ béo, khi họ đã phạm tội và vi phạm luật".[2]

Và họ trưng dẫn một lô sách viết bởi các thần Musaeus và Orpheus, là các con của thần Mặt Trăng và Thi Thần-theo như họ nói-mà họ làm các nghi lễ dựa theo đó, họ thuyết phục không chỉ các cá nhân, mà cả thành phố, rằng các việc đền tội có thể được thực hiện bởi các lễ tế và các cuộc giải trí trong một giờ rảnh rỗi, cũng như trong việc dâng lễ cho người sống và kẻ chết; số phận của hạng người thứ hai này thì họ gọi là các mầu nhiệm và họ cứu chúng ta khỏi các đau khổ của địa ngục, nhưng nếu chúng ta không nhớ đến họ thì không biết điều gì sẽ xảy ra cho chúng ta.

Anh ta nói tiếp: Và bây giờ khi giới trẻ nghe tất cả những điều này được nói về nhân đức và tật xấu, và cách thức mà các thần cũng như loài người đánh giá về chúng, thử hỏi tâm trí họ sẽ chịu ảnh hưởng như thế nào, ông Socrates yêu quí, -tôi muốn nói tới những người thông minh và giống như những con ong đang bay nhẹ nhàng trên mỗi cành hoa, và từ tất cả những điều họ nghe, họ sẽ dễ rút ra kết luận về cách mà người ta

[1] Hesiod, Works and Days, 287.

[2] Homer, Iliad, ix. 493.

phải sống như thế nào và họ phải cư xử ra sao nếu họ muốn có cuộc sống tốt nhất? Có lẽ người trẻ sẽ tự nhủ trong lòng với những lời của Pindar-

"Liệu tôi có thể nhờ những hành vi công chính hay những đường lối xiên xẹo của sự lừa dối, để lên tới một tháp cao chót vót có thể là một pháo đài cho tôi trong suốt cuộc đời?"

Vì điều người ta nói là, nếu tôi thực sự công chính mà không được người ta nghĩ là công chính, thì tôi chẳng được lợi lộc gì cả, nhưng ngược lại, đau khổ và mất mát sẽ là điều chắc chắn. Nhưng nếu tôi là người bất chính, nhưng lại được tiếng là công chính, thì đời sống thiên đàng được hứa ban cho tôi. Do đó, như các triết gia đã chứng minh, vì vẻ bề ngoài có ưu thế trên sự thật và là chủ của hạnh phúc, cho nên tôi phải hết sức chăm lo cho vẻ bề ngoài. Tôi sẽ mô tả quanh tôi một bức tranh về bóng tối của nhân đức, nó sẽ là hành lang và mặt bên trong nhà của tôi; phía sau tôi sẽ vẽ một con cáo tinh khôn mưu mẹo, như lời khuyên của Archilochus, nhà hiền triết vĩ đại nhất. Nhưng tôi nghe có người thốt lên rằng việc che giấu tội lỗi thường rất khó; tôi trả lời rằng, không có gì vĩ đại mà lại dễ bao giờ. Tuy nhiên, lý luận cho thấy điều này, nếu chúng ta muốn hạnh phúc, thì đó là con đường mà chúng ta phải đi theo. Nhằm che giấu điều xấu của mình, chúng ta sẽ lập ra những hội mật và những nhóm chính trị. Và có các giáo sư tu từ học dạy nghệ thuật thuyết phục các quan tòa và các đại hội; và vì thế, một phần nhờ sự thuyết phục, một phần nhờ vũ lực, tôi sẽ kiếm được những lợi lộc bất chính mà không bị trừng phạt. Tôi lại còn nghe có người nói rằng các thần không thể bị mắc lừa, cũng không thể bị ép buộc. Nhưng nếu không có vị thần nào thì sao? Hay, giả sử họ không màng tới chuyện của loài người- thì việc gì chúng ta phải e ngại việc che giấu? Thậm chí có các thần đi nữa và họ quan tâm tới chúng ta, nhưng chúng ta chỉ biết các thần từ truyền thuyết và các bản danh sách của các thi sĩ; và các thi sĩ này lại chính là những người nói rằng các thần bị ảnh hưởng và phải thay đổi ý muốn bằng "các lễ vật và các lời cầu khẩn xoa dịu cơn giận cũng như các đồ cúng tế". Vậy chúng ta hãy tỏ ra nhất quán và tin cả hai hay không tin ai cả. Nếu lời các thi sĩ nói là đúng, thì tại sao chúng ta lại không chọn sống bất công và dâng các hoa quả của sự bất công; vì nếu chúng ta công chính, mặc dù chúng ta có thể thoát được sự báo thù của các thần, chúng ta cũng sẽ mất những mối lợi của sự bất chính; nhưng nếu chúng ta bất chính, chúng ta sẽ giữ được các

mối lợi cũng như nhờ việc phạm tội và cầu nguyện, rồi cầu nguyện và phạm tội, các thần sẽ dủ lòng thương và chúng ta sẽ không bị trừng phạt. "Nhưng có một thế giới âm ty mà ở đó chúng ta hoặc con cháu chúng ta sẽ bị đau khổ vì các hành vi bất chính của chúng ta". Vâng, thưa bạn, sẽ có suy nghĩ như thế đó, nhưng có những mầu nhiệm, những thần xá tội và những điều này có quyền lực rất lớn. Đó chính là điều các thành phố hùng mạnh tuyên bố; và con cái của các thần, là các thi sĩ và các tiên tri của các thần, đều làm chứng như thế.

Vậy thì dựa vào nguyên tắc nào mà chúng ta sẽ không còn chọn công bằng thay vì sự bất công ghê tởm nhất? Khi mà, chúng ta chỉ nối kết sự bất công này với một sự kính trọng giả dối đối với các vẻ bề ngoài, chúng ta sẽ để cho tâm hồn mình đi theo cả các thần và loài người, khi đang sống cũng như sau khi chết, như các tác giả có uy tín nhất từng dạy chúng ta. Ông Socrates, khi biết tất cả điều này, làm thế nào một người vượt trội hơn người khác về trí thông minh hay địa vị hoặc của cải, mà lại sẵn lòng chọn công chính được; hay có thể không chê cười khi nghe người ta khen ngợi công bằng? Và cả khi có người có thể bác bỏ sự thật của điều tôi nói và hài lòng với việc cho rằng công bằng là tốt nhất, thì họ vẫn không tức giận với người bất công, nhưng rất sẵn sàng tha thứ cho họ, bởi vì người ấy cũng biết rằng người ta không phải tự ý muốn công bằng; trừ khi tình cờ có ai được thần linh phú bẩm cho một sự oán ghét bất công, hay một người đã đạt đến tri thức về sự thật-ngoài ra không có ai khác. Người chê trách bất công chỉ là người mà, do hèn nhát hay tuổi tác hay yếu đuối, không có sức mạnh để sống bất công. Và điều này được chứng minh bởi sự kiện là khi họ đạt được quyền lực, ngay lập tức họ trở thành bất công cực độ.

Ông Socrates ơi, nguyên nhân của tất cả điều này đã được chúng ta nêu lên ngay từ đầu cuộc tranh luận, khi anh tôi và tôi nói với ông, chúng tôi hết sức ngạc nhiên nếu thấy có ai ca tự xưng mình là người ca ngợi công bằng, bắt đầu từ các bậc anh hùng thuở xưa mà chúng ta còn giữ lại được ký ức về họ, cho tới những người đương thời-không một ai chê trách bất công và khen ngợi công bằng nếu không vì những vinh quang, danh dự và lợi lộc mà chúng đem lại. Không ai mô tả một cách thỏa đáng dù là bằng thơ thay văn xuôi về bản chất cốt yếu đích thực của bất cứ sự bất công hay công bằng trong tâm hồn, mà mắt người phàm hay thần linh không thể thấy được; hay chứng minh rằng, trong tất cả các thứ thuộc linh hồn một người, công bằng là sự thiện lớn nhất và bất

công là sự ác ghê tởm nhất. Giả như mọi người đều nghĩ như thế và giả như ông đã cố gắng thuyết phục điều đó cho chúng tôi ngay từ thuở nhỏ, hẳn chúng tôi đã không phải canh chừng nhau để khỏi làm điều quấy, nhưng mỗi người đã phải tự canh chừng mình, vì sợ rằng nếu mình làm trái, mình sẽ canh cánh điều xấu ghê tởm nhất trong lòng mình. Vậy mà, vì ông đã nhận rằng công bằng là loại sự thiện cao nhất được mong muốn bởi các kết quả của chúng, nhưng vì chính bản thân chúng còn ở mức cao hơn rất nhiều - như thị giác hay thính giác, tri thức hay sức khỏe, hay bất cứ sự thiện tự nhiên và có thực nào chứ không chỉ là một sự thiện do người ta nghĩ ra- thì tôi xin hỏi ông một điểm duy nhất trong việc ông ca ngợi công bằng: đó là sự thiện hay điều ác cơ bản mà công bằng và bất công tác động trong những người có chúng. Cứ để người khác ca ngợi công bằng và lên án bất công, thổi phồng những phần thưởng của cái này và nguyền rủa cái khác; đó là cách lý luận của họ mà tôi sẵn sàng dung thứ, nhưng nếu là lý luận của ông, một người đã trải qua cả cuộc đời nghiền ngẫm vấn đề này, thì nếu tôi không được nghe từ chính miệng ông nói ra ý kiến ngược lại, tôi muốn được nghe một điều gì tốt hơn thế. Vì vậy, ông đừng chỉ chứng minh cho chúng tôi rằng công bằng là tốt hơn bất công, mà ông hãy cho chúng tôi thấy mỗi thứ tác động thế nào nơi những người có chúng, làm cho một hạng người là tốt và hạng kia là xấu, dù có được các thần linh và người phàm nhìn thấy hay không.

Tôi vẫn luôn ngưỡng mộ thiên tài của Glaucon và Adeimantus, nhưng khi nghe những lời trên đây, tôi mừng lắm và nói: hỡi các con trai của một người cha lỗi lạc, các vần thơ tán dương quả không tệ chút nào, khi nhà thơ ngưỡng mộ Glaucon đã nói lên để ca tụng anh sau khi anh trở thành nổi tiếng trong trận chiến ở Megara:-

> *"Hỡi các con trai của Ariston", nhà thơ hát, "hậu duệ thần thánh của một bậc anh hùng lỗi lạc".*

Tính từ "thần thánh" được áp dụng rất thích hợp, vì có cái gì đó thật là thần thánh khi có thể lý luận như anh đã lý luận về sự cao vời của bất công, trong khi bản thân anh cảm thấy không thuyết phục bởi lý luận của chính anh. Và tôi tin rằng anh không cảm thấy thuyết phục-tôi suy ra điều này từ tính cách chung của anh, chứ nếu tôi chỉ đánh giá từ các lời anh nói, hẳn tôi phải nghi ngờ anh. Nhưng bây giờ, tôi càng tin tưởng anh bao nhiêu, thì tôi lại càng thấy khó không biết phải nói gì. Vì tôi bị kẹt giữa hai đàng; một đàng tôi cảm thấy tôi không xứng với nhiệm vụ này; và tôi thấy rõ

sự bất cập của mình bởi sự kiện là anh không hài lòng với câu trả lời tôi đã nói với Thrasymachus khi chứng minh rằng công bằng tốt hơn là bất công. Nhưng tôi không thể từ chối giúp đỡ, bao lâu tôi còn hơi thở và còn tiếng nói; tôi sợ rằng mình sẽ mắc tội vô đạo khi nghe người khác nói xấu về sự công bằng mà không dám giơ tay lên bênh vực nó. Vì thế tốt nhất tôi nên giúp hết sức mình.

Glaucon và những người khác đã xin tôi đào sâu tìm hiểu về thực chất của công bằng và bất công, và sự thật về lợi điểm của mỗi thứ. Vì vậy tôi đã cho họ biết tôi nghĩ thế nào. Tôi nói đây là một vấn đề rất khó hiểu, vì vậy chúng ta cần phải nhìn rõ đường đi của chúng ta. Bây giờ, vì chúng ta không thông minh một cách nổi bật, tôi sẽ gợi ý chúng ta sẽ tiến hành như thế nào. Hãy tưởng tượng một con người bị cận thị khá nặng được người ta bảo đọc một bảng chữ rất nhỏ từ một khoảng cách nào đó. Họ sẽ nghĩ họ gặp may mắn nếu có ai đó chỉ cho họ thấy rằng, có một bảng chữ giống hệt như thế được viết ở đâu đó nhưng với cỡ chữ lớn hơn, khiến họ có thể đọc trước bảng chữ lớn đó rồi xem bảng chữ nhỏ có giống với bảng chữ lớn này hay không.

Chắc chắn rồi, Adeimantus nói; nhưng ông thấy điều đó có liên quan gì tới vấn đề chúng ta đang tìm hiểu?

Tôi sẽ nói cho anh biết. Chúng ta nghĩ về công bằng như là một tính chất có thể tồn tại trong cả một cộng đồng, cũng như nơi một cá nhân và cộng đồng lớn hơn cá nhân. Vì vậy, có thể chúng ta sẽ tìm ra được công bằng trong các kích thước lớn hơn, dễ đọc hơn. Vì vậy tôi đề nghị chúng ta nên bắt đầu bằng cách tìm hiểu công bằng là gì trong một nhà nước. Rồi chúng ta có thể tiến hành tìm hiểu nó ở một mức độ nhỏ hơn nơi cá nhân.

Nghe có vẻ là một kế hoạch hay đấy, anh đồng ý.

Nếu vậy, tôi nói tiếp, giả sử chúng ta tưởng tượng một nhà nước xuất hiện trước mắt chúng ta. Như thế chúng ta có thể quan sát sự phát triển của công bằng hay bất công trong nhà nước ấy. Sau khi làm được điều này, chúng ta có thể hi vọng tìm thấy điều chúng ta đang tìm kiếm dễ dàng hơn.

Dễ hơn nhiều.

Vậy, chúng ta thử tiến hành kế hoạch này chứ? Tôi nghĩ sẽ không phải là việc nhẹ nhàng đâu; vì vậy các anh hãy cân nhắc cho kỹ.

Không cần đâu, Adeimantus nói. Đừng phí thêm thời giờ nữa.

Tôi nói, quan niệm của tôi là nhà nước ra đời bởi vì không có một cá nhân nào có thể tự túc được; chúng ta có nhiều nhu cầu. Nhưng có lẽ các anh có thể gợi ý một nguồn gốc khác của sự thiết lập một cộng đồng không?

Không, tôi nhất trí với ông.

Vậy, vì có tất cả các nhu cầu ấy, chúng ta kêu gọi sự giúp đỡ lẫn nhau để thỏa mãn các yêu cầu khác nhau của chúng ta; và khi chúng ta đã qui tụ được một số người trợ giúp và cộng tác để sống tại cùng một nơi, chúng ta gọi nơi ở đó là một nhà nước.

Đúng.

Vậy nếu một người cho người khác điều mà họ phải cho để đổi lấy điều mà họ có thể nhận, đó là vì mỗi người thấy rằng làm như vậy là vì lợi ích của chính mình.

Chắc chắn.

Tốt lắm, tôi nói. Bây giờ chúng ta hãy xây dựng nhà nước tưởng tượng của chúng ta ngay từ đầu. Rõ ràng nó sẽ bắt nguồn từ những nhu cầu của chúng ta, mà nhu cầu đầu tiên và lớn nhất là việc cung cấp lương thực để nuôi sống chúng ta. Tiếp đến chúng ta cần có nhà ở; và thứ ba, cần đến quần áo.

Đúng.

Làm thế nào nhà nước có thể cung cấp những yêu cầu ấy? Chúng ta sẽ cần ít nhất một người là nhà nông, một người khác là thợ xây và một người thứ ba là thợ dệt. Có đủ không, hay chúng ta cũng cần thêm một người thợ đóng giày và một hay hai người để cung cấp thêm các nhu cầu cá nhân của chúng ta?

Hoàn toàn cần.

Nhà nước tối thiểu, vì vậy, sẽ gồm bốn hay năm người.

Rõ ràng.

Nhưng còn một điểm nữa. Mỗi người trong số đó có phải góp sản phẩm lao động của họ vào làm của chung không? Ví dụ, người nhà nông của chúng ta có phải cung cấp đủ lương thực cho bốn người và dành toàn thời gian lao động của mình để sản xuất lúa thóc, để có thể chia sẻ cho những người kia; hay người ấy không cần quan đến những người kia và chỉ dành một phần tư thời giờ của mình để trồng đủ lúa thóc cho chính mình và chia ba phần tư số thời giờ kia để xây nhà cho mình, dệt áo cho mình và đóng giày cho mình, để tránh khỏi phải chia sẻ với những người khác và chỉ chăm lo cho riêng một mình họ mà thôi?

Kế hoạch thứ nhất xem ra dễ hơn, Adeimantus đáp.

Có thể rất tốt như thế, tôi nói; vì, như anh nói, một đàng tôi thấy rằng không có hai người nào sinh ra hoàn toàn giống nhau. Có những khác biệt bẩm sinh phù hợp với công việc của riêng mỗi cá nhân.

Tôi nhất trí.

Và một người nên làm nhiều nghề, hay chỉ nên làm một nghề?

Chỉ nên làm một nghề.

Và còn một điểm nữa: rõ ràng công việc có thể bị hỏng, nếu bạn

không làm đúng lúc. Người lao động phải chờ để làm công việc; công việc không chờ thời giờ người ấy rảnh rỗi để làm khi người ấy không có gì khác để làm. Vì vậy kết luận là người ta sẽ làm được nhiều việc hơn và công việc sẽ trở nên dễ dàng và tốt hơn, khi mỗi người được rảnh tay khỏi những công việc khác vào đúng lúc, để chỉ chuyên chăm làm công việc mà họ bẩm sinh thích hợp nhất.

Chắc chắn đúng như thế.

Vì vậy chúng ta sẽ cần nhiều hơn bốn người, để cung cấp mọi nhu cầu chúng ta đã nói đến. Anh thấy không, Adeimantus, nếu người nhà nông cần có một cái cày và cái cuốc tốt và các dụng cụ khác, anh ta sẽ không tự mình làm ra chúng. Cũng thế, người thợ xây, thợ dệt và thợ giày không tự mình làm tất cả những dụng cụ mà họ cần. Vì vậy cần có một số thợ mộc, thợ rèn và thợ thủ công. Nhà nước nhỏ của chúng ta đang bắt đầu đông dần.

Đúng thế.

Nhưng nó sẽ không quá lớn, cả khi chúng ta đã kể thêm những người chăn bò, chăn cừu để cung cấp trâu bò cho người nhà nông cày ruộng, cung cấp gia súc kéo xe cho người thợ xây và người nhà nông, và cung cấp len và da cho người thợ dệt và thợ giày.

Không; nhưng nó cũng sẽ không quá nhỏ.

Thế nhưng, chúng ta sẽ không thể thiết lập nhà nước của chúng ta trên một lãnh thổ mà ở đó không có việc nhập khẩu. Vì vậy sẽ cần có một nhóm người khác nữa, để tìm kiếm những gì nó cần từ các nước khác.

Cần phải thế.

Hơn nữa, nếu những người này không mang theo những thứ họ có thể trao đổi với những nước khác, họ sẽ trở về tay không giống như lúc họ ra đi. Vì vậy, ngoài những thứ cần có để tiêu thụ trong nước, chúng ta cũng phải sản xuất đủ hàng hóa đúng loại mà người nước ngoài muốn để cung cấp cho chúng ta. Vì vậy cần gia tăng số nông dân và thợ thủ công.

Đúng.

Còn nữa, trong chính thành phố thì các loại nhà sản xuất khác nhau trao đổi hàng hoá của họ bằng cách nào? Đó chính là đối tượng của chúng ta khi thiết lập một cộng đồng và vì thế đặt nền móng cho nhà nước của chúng ta.

Tất nhiên, họ phải mua và bán.

Có nghĩa là có một cái chợ và một đơn vị tiền tệ để dùng làm bảo chứng mua bán và trao đổi.

Chắc chắn.

Bây giờ, giả sử một người nhà nông, hay một thợ thủ công, mang một sản phẩm nào của họ ra chợ vào một lúc mà không có ai muốn trao đổi với họ. Phải chăng họ sẽ

ngồi không ở đó để chờ, đang khi lẽ ra họ có thể làm việc?

Không, anh đáp; có những người sẽ mở ra ở đây các dịch vụ cho họ. Trong các cộng đồng có tổ chức tốt, có những người không đủ sức khỏe để làm những công việc khác. Họ phải ở tại chợ và trả tiền cho những người muốn bán hàng và lấy tiền của những người muốn mua hàng.

Đó là lý do tại sao thành phố của chúng ta phải có một hạng người chủ tiệm, được gọi là những người ngồi tại chợ để mua và bán, khác với những thương gia đi từ nước này sang nước khác.

Đúng thế.

Cũng có các dịch vụ của một hạng người khác, họ có sức mạnh để làm những công việc nặng, mặc dù về mặt trí tuệ họ khó có thể được kể vào thành phần của xã hội chúng ta - những người làm thuê, như chúng ta gọi họ, vì họ bán sức lực của họ để lấy tiền công. Họ sẽ là thành phần của dân cư trong nhà nước chúng ta.

Đúng.

Vậy, Adeimantus, nhà nước chúng ta bây giờ đã đủ chưa?

Có lẽ.

Vậy, chúng ta phải tìm công bằng hay bất công ở đâu trong nhà nước ấy? Nếu chúng ở một trong các nhân tố chúng ta vừa xét đến, thì đó là nhân tố nào?

Tôi không biết, Socrates; trừ khi nó ở một chỗ nào đó trong các mối cư xử giữa người này với người kia.

Anh có thể đúng, tôi trả lời. Dù sao, nó là một vấn đề mà chúng ta còn phải đối diện.

Vậy chúng ta hãy bắt đầu với một hình ảnh về cách sống của các công dân của chúng ta, với những yếu tố mà chúng ta đã gán cho họ. Họ sẽ sản xuất lúa thóc và rượu, dệt may quần áo và giày dép. Khi họ đã xây xong nhà cửa của họ, đa số họ sẽ lao động mà không có áo khoác hay giày dép, vào mùa hè và mùa đông họ sẽ ăn mặc đầy đủ và tử tế. Về lương thực, họ sẽ chuẩn bị bột mì và lúa mạch để làm bột và bánh, và có những chiếc bánh nướng to và ngon. Rồi họ sẽ ngả mình trên những chiếc giường bằng gỗ hương và vui đùa với vợ con họ, uống rượu sau bữa tiệc với những chiếc vương miện bằng hoa trên đầu và ca hát tán dương các thần. Như thế họ sẽ sống hạnh phúc với nhau; và một sự sợ hãi khôn ngoan đối với cảnh nghèo và chiến tranh sẽ giữ họ không sinh đẻ con cái quá mức so với các phương tiện họ có.

Tới đây Glaucon cắt ngang lời tôi: Có vẻ ông muốn các công dân của ông ăn tiệc với bánh mì khô.

Đúng, tôi nói; tôi quên nói rằng họ sẽ có một cái gì đó để tạo thêm hương vị, muối, ô-liu, phó mát và các nồi canh rau củ. Món tráng

miệng của họ sẽ dùng trái vải và đậu; và họ sẽ nhâm nhi rượu với những trái dâu và trái dẻ nướng. Sống một nếp sống thoải mái và an bình như thế, tất nhiên họ sẽ an hưởng tuổi già và để lại cho con cháu của họ một nếp sống như họ.

Nếu đó là những gì ông muốn những người sống trong cộng đồng được hưởng, thì Socrates, ông đang xây dựng một cộng đồng của các con lợn.

Được, vậy anh nói họ phải sống thế nào, Glaucon?

Với những tiện nghi bình thường. Hãy cho họ ngủ trên giường và ăn uống những thứ như chúng ta đang có.

A, tôi hiểu, tôi nói; chúng ta phải nghiên cứu sự phát triển, không phải của một nhà nước, mà của một nhà nước xa hoa. Được, không có gì hại trong điều này; tìm hiểu về sự xa hoa có thể giúp chúng ta khám phá ra nguồn gốc công bằng và bất công trong xã hội.

Đúng.

Vậy chúng ta một lần nữa lại phải mở rộng cộng đồng của chúng ta. Nhà nước lành mạnh bây giờ chưa đủ lớn; nó phải căng phồng lên với đủ mọi loại nghề để cung ứng cho mọi nhu cầu: các thợ săn và người đánh cá, chẳng hạn; các nghệ sĩ điêu khắc, hội hoạ và âm nhạc; các thi sĩ với đoàn tùy tùng là các nghệ sĩ ngâm thơ, diễn viên, ca múa, nhà sản xuất; và những người chế tạo mọi loại đồ gia dụng, kể cả các đồ trang sức cho phụ nữ. Và chúng ta cũng cần có nhiều người giúp việc hơn: các bảo mẫu và người hầu, các thợ cắt tóc, đầu bếp và các thợ làm bánh kẹo. Và còn những người chăn heo nữa - trong nhà nước ban đầu của chúng ta không cần có họ, nhưng bây giờ chúng ta cần; và đủ loại gia súc, nếu người ta phải sống bằng thịt gia súc.

Tất nhiên.

Và với cách sống như thế này, các thầy thuốc cũng là một nhu cầu không thể thiếu.

Chắc chắn rồi.

Đất nước của chúng ta rộng, đủ để cung cấp các nhu cầu cho các dân cư lúc ban đầu, nhưng bây giờ nó trở thành quá nhỏ. Nếu chúng ta muốn có đủ đồng cỏ để nuôi gia súc và đất đai trồng trọt, chúng ta phải cắt bớt đất đai của những nước láng giềng; và nếu họ cũng không hài lòng với những nhu cầu hiện có của họ, nhưng muốn có những của cải vô giới hạn, họ cũng sẽ phải cắt bớt một phần đất của chúng ta.

Không thể tránh, Socrates.

Nghĩa là, Glaucon, chúng ta sẽ gặp phải chiến tranh.

Chắc chắn rồi.

Chúng ta chưa cần nói ngay chiến tranh là tốt hay xấu, nhưng chỉ nói rằng chúng ta đã tìm ra

nguồn gốc của chiến tranh nơi các ước muốn là nguồn mạch của các điều xấu cả đối với cá nhân và nhà nước.

Đúng lắm.

Điều này có nghĩa là cộng đồng này phải có thêm một quân đội để giao chiến chống lại quân xâm lược, để bảo vệ tài sản và công dân mà chúng ta đang mô tả.

Tại sao vậy? Các công dân không thể tự bảo vệ mình sao?

Không, nếu chúng ta chấp nhận mọi nguyên tắc chúng ta đã nói khi thiết lập xã hội của chúng ta. Anh còn nhớ chúng ta đã nói rằng không ai có thể làm nhiều nghề cùng một lúc mà có kết quả tốt được.

Đúng.

Vì vậy chúng ta có nhiệm vụ định nghĩa rõ đâu là những đức tính thích hợp để làm những người lính bảo vệ đất nước và rồi tuyển mộ họ theo các đức tính ấy. Chắc chắn sẽ là một nhiệm vụ khó khăn vô cùng; nhưng chúng ta phải đảm nhận nhiệm vụ này với tất cả sức lực của chúng ta.

Vâng.

Anh có nghĩ rằng để là một người lính tốt, một thanh niên phải có cùng những đức tính giống như một con chó giữ nhà giỏi không? Tôi muốn nói, ví dụ, cả hai phải nhậy bén phát hiện kẻ địch, nhanh nhẹn truy bắt địch và có sức mạnh để chiến đấu khi bắt kịp kẻ địch.

Vâng, họ cần tất cả những đức tính ấy.

Và cả lòng can đảm nữa.

Tất nhiên.

Anh có đồng ý thêm rằng, ngoài tính nhanh nhậy, sức mạnh và dũng cảm, người bảo vệ cũng cần có bản chất triết học nữa không?

Tôi không hiểu ý ông.

Đó là lòng yêu mến sự khôn ngoan.

Đồng ý.

Vậy các đức tính tự nhiên để là một người bảo vệ cao quí của đất nước là tính nhanh nhậy, sức mạnh, dũng cảm và tinh thần triết học.

Đúng thế.

Khi có những đức tính này, những người bảo vệ phải được giáo dục và đào tạo thế nào? Thứ nhất, câu trả lời cho câu hỏi này có sẽ giúp ích cho mục đích tìm hiểu của chúng ta hay không, đó là tìm xem công bằng và bất công có nguồn gốc thế nào trong một nhà nước? Chúng ta muốn tìm hiểu thấu đáo, nhưng không muốn kéo dài tranh luận không cần thiết.

Em của Glaucon trả lời: Tôi nghĩ chắc chắn nó sẽ có ích.

Nếu thế, tôi nói, chúng ta không nên gạt bỏ nó, mặc dù nó sẽ là một tranh luận dài dòng đấy.

Tôi đồng ý.

Vậy chúng ta tiếp tục. Chúng ta sẽ dành thời giờ và giáo dục các công dân tưởng tượng của chúng ta.

Vâng, chúng ta sẽ làm việc đó.

Vậy giáo dục của họ sẽ như thế nào? Chúng ta có thể tìm ra một nền giáo dục tốt hơn nền giáo dục truyền thống không? Và nền giáo dục này có hai phần, thể dục cho thân thể và âm nhạc cho tâm hồn.

Đúng.

Chúng ta sẽ bắt đầu với môn giáo dục âm nhạc, rồi sau đó đi sang thể dục nhé?

Nhất trí.

Và khi bạn nói về âm nhạc, bạn có kể cả văn học không?

Có.

Và văn học có thể là đúng hoặc sai chứ?

Tất nhiên.

Và người trẻ phải được huấn luyện về cả hai loại và chúng ta sẽ bắt đầu với loại văn học sai được không?

Tôi không hiểu ý ông, anh nói.

Anh biết chứ, tôi nói, chúng ta bắt đầu bằng việc kể cho trẻ em các câu truyện, tuy không hoàn toàn không có thật, nhưng chủ yếu là các câu truyện hư cấu; và các truyện này được kể cho chúng khi chúng chưa tới tuổi học thể dục.

Đúng.

Đó chính là ý tôi khi tôi nói chúng ta phải dạy âm nhạc trước khi dạy thể dục.

Đúng, anh nói.

Anh cũng biết rằng vạn sự khởi đầu nan, đặc biệt trong trường hợp một đứa trẻ hay một sự vật còn non nớt; vì đó là thời kỳ mà tính cách được hình thành và ấn tượng mong muốn dễ được tiếp thu nhất.

Rất đúng.

Và có thể nào chúng ta chỉ việc cẩu thả cho phép trẻ con nghe bất cứ câu truyện ngẫu nhiên nào được bịa ra bởi bất cứ người nào, khiến tâm trí các trẻ em phải hấp thu các ý tưởng mà phần lớn trái ngược với những ý tưởng mà chúng ta muốn chúng có khi chúng lớn lên không?

Chúng ta không thể làm thế.

Vậy thì việc đầu tiên là thiết lập một bộ phận kiểm duyệt các nhà văn viết truyện hư cấu và để chấp nhận mọi câu truyện hư cấu tốt và loại bỏ mọi câu truyện xấu; và chúng ta sẽ muốn có các bà mẹ và các bảo mẫu chỉ kể cho trẻ em các truyện tốt mà thôi. Hãy để họ uốn nắn tâm trí trẻ em bằng các câu truyện như thế, thậm chí còn giỏi hơn là họ uốn nắn thân thể chúng bằng bàn tay họ; nhưng phần lớn các câu truyện đang được lưu hành phải bị loại bỏ.

Ông muốn nói đến những truyện nào? Anh nói.

Anh có thể tìm thấy một mẫu của cái nhỏ hơn trong cái lớn hơn, tôi nói; vì chúng nhất định thuộc cùng một loại và có cùng một tinh thần trong cả hai cái.

Chắc là thế, anh đáp; nhưng tôi vẫn chưa biết ông muốn nói cái lớn hơn là cái gì.

Đó là những câu truyện được kể bởi Homer và Hesiod, cũng như các nhà thơ khác, vốn là những chuyên gia kể truyện vĩ đại của loài người.

Nhưng ông muốn nói đến những truyện nào, anh nói; và ông thấy chúng có khuyết điểm gì?

Một lỗi nghiêm trọng nhất, tôi nói; lỗi nói dối và hơn thế nữa, còn là một câu nói dối tồi.

Lỗi đó mắc phải khi nào?

Bất cứ khi nào người ta biểu thị sai lạc về bản chất các thần và các anh hùng, như khi một hoạ sĩ vẽ một chân dung không có một chút gì giống với người thật.

Đúng, anh nói, một việc làm như thế quả thật rất đáng chê trách; nhưng các câu truyện ông muốn nói tới là các truyện nào?

Trước hết, tôi nói, đó là lời nói dối lớn nhất về các thần ở trên núi cao, mà thi sĩ kể về thần Uranus và cũng là một lời nói dối tồi-tôi muốn nói đến những gì Hesiod kể rằng Uranus đã làm và Cronus đã trả đũa như thế nào. Hành động của Cronus và những đau khổ mà đến lượt con ông giáng xuống trên ông, cho dù có thật đi nữa, cũng không thể tự do kể lại cho các trẻ em và những người thiếu suy nghĩ; nếu có thể, tốt hơn nên chôn vùi nó vào trong im lặng. Nhưng nếu tuyệt đối cần phải nhắc đến chúng, thì chỉ nên kể cho một số ít người tại nơi kín đáo mà thôi.

Nhưng, anh hỏi, các câu truyện ấy đáng nghi ngờ tột độ sao?

Đúng, Adeimantus, những câu truyện như thế không được kể trong nước chúng ta; người trẻ không thể được nghe dạy rằng khi làm những hành vi tội ác tồi tệ nhất, họ hoàn toàn không làm một điều gì đáng ghê tởm; và cho dù họ có trừng trị cha của họ khi ông làm điều xấu, bất kể bằng cách nào, thì họ cũng chỉ là theo gương của vị thần cao nhất và lớn nhất trong các thần mà thôi.

Tôi hoàn toàn đồng ý với ông, anh nói; theo ý tôi, các câu truyện ấy không thích hợp để được kể lại.

Cũng vậy, nếu chúng ta muốn những người bảo vệ trẻ em của đất nước, trong tương lai coi thói quen cãi vã nhau là điều đê tiện nhất, thì chúng ta không được kể cho họ một lời nào về các cuộc chiến tranh trên trời, các âm mưu và các cuộc ẩu đả giữa các thần với nhau, vì điều đó không đúng. Không, chúng ta không bao giờ được nhắc đến các cuộc chiến đấu giữa các người khổng lồ, hay thêu dệt chúng; và chúng ta phải im lặng về vô vàn các cuộc cãi cọ giữa các thần, và các anh hùng với bạn bè và bà con họ hàng của họ. Nếu những người bảo vệ trẻ này thực sự tin chúng ta, chúng ta sẽ dạy họ hiểu rằng

cãi cọ là truyện không tốt và từ xưa đến nay chưa từng có cuộc cãi vã nào giữa các công dân; đây là điều mà các các ông già bà già phải bắt đầu kể cho con cháu họ; và khi chúng lớn lên, cũng phải nói cho các thi sĩ để họ làm cho chúng các bài thơ theo cùng một tinh thần ấy.

Ông nói đúng, anh đáp; nhưng nếu có ai hỏi tìm đâu ra được những mẫu mực như thế và ông đang nói tới các câu truyện nào-chúng tôi phải trả lời ra sao?

Tôi nói với anh, Adeimantus, tôi và anh lúc này không phải là nhà thơ mà là những người xây dựng một nhà nước: vậy, những người xây dựng nhà nước phải biết các hình thức chung chung mà các nhà thơ phải dùng để kể câu truyện của họ và các giới hạn họ phải tuân giữ, nhưng nhiệm vụ của họ không phải là bịa ra các câu truyện.

Rất đúng, anh nói; nhưng các hình thức để kể truyện thần thoại là các hình thức nào?

Đại khái như thế này, tôi đáp: - Thần luôn luôn phải được mô tả đúng như bản chất của ngài, bất kể bằng thể loại trình bày nào như thi ca, trữ tình, hùng ca, hay bi kịch.

Đúng.

Và thần chắc chắn phải tốt chứ? Và phải mô tả thần là người tốt chứ?

Chắc chắn rồi.

Và cái gì tốt thì không có hại chứ?

Đương nhiên.

Và cái gì không có hại thì không gây hại chứ?

Chắc chắn.

Và cái gì không hại thì không xấu?

Tất nhiên.

Và cái gì không gây hại có thể là nguyên nhân của điều xấu không?

Không thể nào.

Và cái gì tốt thì có lợi chứ?

Đúng.

Và vì thế nó là nguyên nhân của hạnh phúc?

Đúng.

Từ đó kết luận rằng cái gì tốt thì không phải là nguyên nhân của tất cả mọi sự, mà chỉ là nguyên nhân của những gì tốt thôi?

Chắc chắn.

Vậy thì Thần, nếu ngài là tốt, ngài không phải là tác giả của mọi sự, như nhiều người khẳng định, mà ngài chỉ là nguyên nhân của một ít điều thôi và không phải là của đa số những điều xảy đến cho loài người. Vì trong đời người ta điều tốt thì ít mà điều xấu thì nhiều, và điều tốt thì chỉ được gán cho một mình Thần mà thôi; còn về nguyên nhân của những điều xấu thì phải tìm ở nơi khác, chứ không phải ở Thần.

Tôi thấy đúng vô cùng, anh nói.

Vậy chúng ta không được nghe Homer hay bất cứ nhà thơ nào khác khi họ điên rồ kể rằng có hai cái thùng

"Đặt ở trước cửa thần Zeus, các thùng ấy chứa đầy các số phận, một thùng chứa số phận tốt, còn thùng kia chứa các số phận xấu",[1]

- và ai được thần cho một hỗn hợp của hai số phận thì

"Có khi họ gặp vận xấu, có khi họ gặp vẫn tốt";

- nhưng ai được thần cho chén số phận xấu không pha trộn, thì

"Người ấy sẽ phải chịu đói khát trên mặt đất xinh đẹp này".

- và còn nữa-

"Thần Zeus là đấng ban phát cho chúng ta điều lành và điều dữ".

Và nếu ai khẳng định rằng các thần Athena và Zeus là nguồn gốc của sự vi phạm lời thề và các khế ước, công trình thực sự của thần Pandarus,[2] hay nói rằng các cuộc cãi cọ tranh giành giữa các thần là do sự kích động của thần Themis và Zeus,[3] thì chúng ta không thể tán thành các câu chuyện của họ; chúng ta cũng không thể để cho người trẻ nghe các lời của Aeschylus rằng:

"Thần đã gieo tội lỗi giữa loài người khi ngài muốn hủy diệt hoàn toàn một căn nhà".

Và nếu một nhà thơ viết về những nỗi thống khổ của Niobe-nhân vật trong tấn bi kịch này-hay về căn nhà của Pelops, hay về cuộc chiến thành Troy hay bất cứ đề tài nào giống như thế, thì chúng ta không được cho phép họ nói rằng đây là các công trình của Thần, hay nếu là của Thần, thì nhà thơ phải tìm cách cắt nghĩa nào đó giống như cách cắt nghĩa chúng ta đang tìm kiếm; họ phải nói rằng Thần đã làm điều chính đáng và đúng đắn, bởi vì những người ấy đáng phải trừng phạt; nhưng nhà thơ không được phép nói rằng Thần là tác giả của những hình phạt khốn khổ ấy; mặc dù họ có thể nói rằng những kẻ xấu phải chịu khốn khổ, vì họ cần phải chịu trừng phạt và họ được lợi khi nhận hình phạt của Thần; nhưng không bao giờ được nói rằng Thần, vốn là tốt lành, cũng là tác giả của sự dữ cho bất cứ ai, và cũng không được kể lại như thế dù là bằng văn xuôi hay văn vần bởi bất cứ ai dù là già hay trẻ trên bất cứ đất nước có trật tự nào. Một câu truyện hư cấu như thế sẽ là tự sát, thảm hoạ và vô đạo.

[1] Iliad xxiv. 527
[2] Iliad ii. 69
[3] Iliad xx.

Tôi đồng ý với ông, anh đáp, và tôi sẵn sàng ưng thuận luật pháp.

Vậy hãy coi đây là một trong các nguyên tắc và qui luật của chúng ta liên quan đến các thần, mà các nhà thơ và các người kể chuyện cổ tích của chúng ta sẽ phải theo-đó là Thần không phải tác giả của mọi sự, mà chỉ là tác giả của điều tốt mà thôi.

Được đấy, anh nói.

Và anh nghĩ thế nào về nguyên tắc thứ hai? Tôi muốn hỏi anh, Thần có phải là một nhà pháp thuật và bản tính của Thần có phải là xuất quỉ nhập thần, khi thì dưới hình dạng này, khi thì dưới hình dạng khác-có khi bản thân Thần thay đổi thành nhiều hình dạng, có khi lừa dối chúng ta bằng cách giả dạng với các sự biến đổi như thế; hay Thần chỉ là một hữu thể cố định trong hình ảnh riêng của ngài mà không thay đổi bao giờ?

Tôi không biết trả lời, anh nói, nếu chưa suy nghĩa thêm.

Được, tôi nói; nhưng nếu chúng ta giả sử có sự thay đổi nơi bất cứ một vật gì, sự thay đổi ấy ắt phải là do ảnh hưởng của chính vật ấy hay do một vật nào khác chứ?

Tất nhiên rồi.

Và những vật ở tình trạng tốt nhất cũng ít bị thay đổi hay phân hủy nhất; ví dụ, khi một người ở tình trạng sức khỏe tốt nhất và mạnh nhất, thân hình của họ ít bị ảnh hưởng nhất bởi thức ăn thức uống và cây nào đang ở tình trạng sung sức nhất cũng chịu ảnh hưởng ít nhất bởi sức gió hay sức nóng mặt trời hay bất cứ nguyên nhân nào tương tự chứ?

Tất nhiên.

Và người can đảm và khôn ngoan nhất cũng ít bị nao núng nhất hay rối loạn nhất bởi bất cứ ảnh hưởng bên ngoài nào?

Đúng.

Và tôi nghĩ nguyên tắc này cũng được áp dụng cho các vật hỗn tạp như đồ đạc, nhà cửa, quần áo: khi chúng có chất liệu tốt và được chế tạo tốt, chúng ít bị ảnh hưởng bởi thời gian và hoàn cảnh nhất.

Rất đúng.

Vậy thì bất cứ vật gì tốt, dù làm bởi nghệ thuật hay tự nhiên, hay cả hai, đều ít chịu ảnh hưởng nhất từ bên ngoài?

Đúng.

Nhưng chắc chắn Thần và các vật mà Thần tạo ra đều hoàn hảo về mọi phương diện?

Tất nhiên là thế.

Vậy thì Thần không thể nào chịu sự thay đổi do nguyên nhân bên ngoài?

Hoàn toàn không thể.

Nhưng Thần có thể tự mình thay đổi và biến hóa không?

Rõ ràng phải có nếu cho rằng Thần thay đổi.

Và Thần có thay đổi để thành tốt hơn và đẹp hơn, hay thành xấu hơn và khó coi hơn?

Nếu Thần có thay đổi, ngài chỉ có thể thay đổi nên xấu hơn, bởi vì chúng ta không thể giả thiết là Thần có khuyết điểm nào, cả về nhân đức lẫn vẻ đẹp.

Rất đúng, Adeimantus; nhưng nếu vậy, dù là Thần hay loài người, có ai lại muốn làm cho mình thành xấu hơn không?

Không thể có.

Vậy không thể nào nói rằng Thần muốn thay đổi bao giờ; bởi vì chúng ta giả thiết rằng Thần là hữu thể đẹp nhất và tốt nhất trong mọi sự, nên bất cứ Thần nào cũng mãi mãi và tuyệt đối giữ nguyên hình dạng của mình.

Theo ý tôi, đó là kết luận tất yếu, anh nói.

Vậy thì, tôi nói, anh bạn thân mến, đừng để cho nhà thơ nào kể cho chúng ta nghe rằng

"Các thần giả dạng làm người lạ từ nơi khác đến, đi đi lại lại trong thành phố dưới đủ hình dạng";[1]

và đừng để ai phỉ báng Proteus và Thetis, cũng đừng để ai dùng bi kịch hay bất cứ thể loại thi ca nào để mô tả thần Here giả dạng làm một nữ tư tế đi xin của bố thí

"Cho các con gái của Inachus, thần sông của Argos";

- đừng bao giờ để có những lời nói dối như thế nữa. Chúng ta cũng không được để cho các bà mẹ bị ảnh hưởng bởi các thi sĩ mà làm cho con cái họ khiếp sợ vì các câu truyện thần thoại xấu-kể cho chúng nghe rằng có những thần "đêm đêm đi lảng vảng với hình thù những người lạ và những hình thù khác"; nhưng họ phải chú ý để không làm cho con cái họ thành nhút nhát và đồng thời nói những lời báng bổ các thần.

Chớ có làm thế, anh nói.

Nhưng mặc dù các thần tự bản thân là không thay đổi, nhưng bằng pháp thuật và sự lừa dối họ có thể làm chúng ta nghĩ rằng họ xuất hiện dưới các hình dạng khác nhau?

Có lẽ có, anh đáp.

Được, nhưng anh có thể hình dung nổi rằng Thần mà lại muốn nói dối, dù là bằng lời nói hay hành động, hay biến mình thành một con ma không?

Tôi không biết, anh đáp.

Anh có biết rằng, tôi nói, cả các thần lẫn loài người đều ghét việc nói dối không?

Ý ông là sao? anh hỏi.

Ý tôi là không ai muốn bị đánh lừa về các phần đúng nhất và cao nhất nơi bản thân mình, hay về

[1] Hom. Od. xvii 485.

các vật đúng nhất và cao nhất; và vì thế họ sợ nhất việc họ bị sự dối trá xâm chiếm họ.

Tôi vẫn không hiểu ý ông, anh nói.

Lý do là, tôi đáp, anh hiểu lời nói của tôi quá sâu đấy; nhưng tôi chỉ đơn giản nói rằng sự lừa dối, hay bị lừa dối hay không biết về các thực tại cao nhất trong phần cao nhất của bản thân họ, là linh hồn và trong phần ấy mà họ phải bị lừa dối, thì là điều mà mọi người ít thích nhất, thực ra là họ ghét nhất.

Họ không ghét điều gì hơn thế.

Và như tôi vừa nhận xét, sự ngu dốt trong linh hồn của người bị lừa dối có thể được gọi là sự lừa dối đích thực; vì lời nói dối không chỉ là một thứ bắt chước và một hình ảnh mù mờ về một tình cảm nào đã có sẵn trong một linh hồn, chứ không phải là một sự giả dối thuần túy. Tôi nói có đúng không?

Hoàn toàn đúng.

Lời nói dối đích thực không chỉ bị các thần ghét, mà cũng bị loài người ghét, đúng không?

Đúng.

Trong khi lời nói dối trong một số trường hợp cũng có lợi và không bị người ta ghét; khi đối xử với kẻ thù-đó có thể là một trường hợp; hay khi những người mà chúng ta gọi là bạn thân, trong một cơn điên loạn hay ảo tưởng, sắp sửa làm một hành vi có hại nào đó, thì lời nói dối là có lợi và là một thứ thuốc chữa hay phòng ngừa; cũng trong các truyện thần thoại mà chúng ta vừa nhắc đến-vì chúng ta không biết sự thật về các thời xa xưa, chúng ta làm cho sự giả dối trở nên càng giống với sự thật bao nhiêu càng tốt và coi nó là thật.

Rất đúng, anh nói.

Nhưng có lý do nào trong số này có thể áp dụng cho Thần không? Chúng ta có thể nào giả thiết rằng Thần không biết gì về thời xa xưa và vì thế phải phịa chuyện ra?

Nghĩ thế thật là nực cười, anh nói.

Vậy thì nhà thơ nói dối không có chỗ trong ý niệm của chúng ta về Thần?

Tôi nghĩ là không.

Hay có thể họ nói dối vì họ sợ một kẻ thù nào đó?

Không thể nào.

Nhưng cũng có thể họ có một người bạn nào bị điên hay ngu dốt?

Nhưng người điên hay ngu dốt thì không thể là bạn của Thần được.

Vậy thì không thể nào hình dung ra một lý do tại sao Thần phải nói dối?

Hoàn toàn không.

Vậy thì các siêu nhân và các thần tuyệt đối không thể nói dối?

Đúng.

Vậy thì Thần hoàn toàn đơn sơ và chân thật cả trong lời nói và

hành động; ngài không thay đổi; ngài không lừa dối dù là bằng cử chỉ hay lời nói, giấc mơ hay thị kiến lúc thức.

Các tư tưởng của ông, anh nói, rất hợp ý tôi.

Vậy là anh đồng ý với tôi, tôi nói, rằng đây là loại thứ hai hay hình thức thứ hai mà chúng ta phải viết và nói về các thần. Các thần không phải là các pháp sư tự biến hoá mình, cũng không lừa dối loài người bằng bất cứ cách nào.

Tôi chấp nhận.

Vậy, mặc dù chúng ta ngưỡng mộ Homer, chúng ta không thán phục giấc mơ nói dối mà Zeus gởi đến cho Agamemnon; chúng ta cũng không ca ngợi các câu thơ của Aeschylus trong đó thần Thetis nói rằng trong lễ cưới của nàng, thần Apollo

"Lên tiếng hát ca ngợi đứa con trai khôi ngô tuấn tú của nàng, nó sẽ được trường thọ và không biết bệnh tật là gì. Và khi thần đã nói về số phận của tôi như là có phước nhất trên trời, thần tỏ dấu đắc thắng và làm hồn tôi vui sướng. Và tôi nghĩ rằng lời của Phoebus (= Apollo), vì là một thần và có nhiều lời tiên tri, sẽ không thể sai. Vậy mà bây giờ chính vị thần đã từng nói lên những câu đó trong tiệc cưới của tôi-thì lại chính là người đã giết con trai tôi".[1]

Đó là thứ tình cảm nơi các thần khiến chúng ta phải tức giận; và người nào nói lên những tình cảm ấy phải bị chúng ta từ chối; chúng ta cũng không được cho phép các thầy giáo sử dụng chúng để dạy dỗ giới trẻ, nếu chúng ta muốn những người bảo vệ tương lai của chúng ta, về phương diện con người, phải là những kẻ thờ phụng đích thực các thần và yêu thích các thần.

Tôi hoàn toàn nhất trí về các nguyên tắc ấy, anh nói và tôi hứa sẽ lấy chúng làm luật của tôi.

[1] Trích một vở kịch đã mất.

QUYỂN III

Tôi nói: Đó là các nguyên tắc, để chúng ta nói về các thần- một số câu truyện có thể kể được, một số không thể kể cho các học sinh trẻ tuổi của chúng ta, nếu chúng ta muốn chúng tôn kính các thần và cha mẹ chúng cũng như quí chuộng tình bạn với nhau.

Vâng; và tôi nghĩ các nguyên tắc của chúng ta là đúng, anh nói.

Nhưng nếu chúng muốn trở thành người can đảm, thì ngoài các bài học này, chúng có phải học các bài học khác không, chẳng hạn các bài học giúp chúng bỏ được nỗi sợ chết không? Có người can đảm nào mà lại sợ chết không?

Chắc chắn là không, anh nói.

Và một người trẻ tuổi có thể nào không sợ chết, hay sẵn sàng chết nơi chiến trường hơn là chịu khuất phục và nô lệ, nếu người ấy tin rằng địa ngục có thật và khủng khiếp không?

Không thể nào.

Vậy chúng ta phải có một sự kiểm soát đối với những người kể truyện loại này và các loại khác nữa, và yêu cầu họ không được mô tả thế giới âm ty như là điều đáng sợ, nhưng phải ca ngợi nó, phải cho họ biết rằng những mô tả của họ là không đúng và sẽ làm hại các chiến binh tương lai của chúng ta.

Đó phải là bổn phận chúng ta, anh nói.

Vậy thì, tôi nói, chúng ta sẽ phải xoá đi nhiều đoạn văn nguy hại, bắt đầu với các vần thơ sau:

> *"Tôi thà làm nô dịch trên đất của một người nghèo khổ, còn hơn là làm vua cai trị tất cả những kẻ sẽ đi vào cõi hư vô của cái chết".*[1]

Chúng ta cũng phải cắt bỏ câu thơ sau đây, nói về cái sợ của Plato,

> *"Chớ gì cả người phàm lẫn thần linh không phải nhìn thấy những nơi ở tối tăm bẩn thỉu và rùng rợn mà các thần ghê sợ".*[2]

Còn nữa:-

> *"Trời! Quả thật dưới Âm Phủ có các hồn phách nhưng không có một trí tuệ nào!"*[3]

---

[1] Od. xi. 489.
[2] Il. xx. 64.
[3] Il. xxiii. 103.

Còn nữa:-

"Cả sau khi chết anh ta vẫn được thần Persephone ban trí tuệ, để chỉ một mình anh có trí khôn ngoan; nhưng các hồn khác chỉ là những bóng ma chập chờn".[1]

Còn nữa:-

"Hồn thoát ra khỏi các chi đã bay xuống Âm Phủ, than khóc số phận mình, vì phải ly biệt đời người và tuổi trẻ".[2]

Và rồi, -

"Và với một tiếng kêu thất thanh, hồn bay xuống lòng đất tựa như làn khói".[3]

Và rồi, -

"Giống như bầy dơi trong hang sâu bí nhiệm, mỗi khi một con nào tuột khỏi dây và rơi xuống đá, thì cả bầy rú lên và bám chặt vào nhau, thì những kẻ kia cũng thế, chúng vừa di chuyển vừa bám chặt vào nhau và kêu la inh ỏi".[4]

Và chúng ta phải xin Homer và các nhà thơ khác đừng tức giận nếu chúng ta cắt bỏ các câu như thế, không phải vì chúng thiếu chất thơ, hay không hấp dẫn tai người nghe bình dân, nhưng vì chúng càng nhiều chất thơ thì chúng càng không hợp với tai của những thiếu niên và những ai muốn sống tự do, những ai sợ nô lệ hơn sự chết.

Tất nhiên rồi.

Chúng ta cũng phải loại bỏ tất cả các tên gọi ghê sợ rợn rùng khi mô tả âm phủ-Cocytus và Styx, các hồn ma dưới lòng đất và các bóng tối dật dờ, cũng như bất cứ từ nào mà chỉ cần nhắc đến đã đủ làm người nghe phải sởn tóc gáy. Tôi không nói rằng các câu truyện ghê rợn này không có một lợi ích nào đó; nhưng chúng có nguy cơ làm cho các người bảo vệ của chúng ta có thể bị kích động và trở nên mềm yếu.

Nguy cơ ấy là có thật, anh nói.

Vậy thì chúng ta không được có chúng nữa.

Đúng.

Một loại bài ca khác cao quí hơn cũng phải được chúng ta soạn ra và hát lên.

Đúng.

Và chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc loại trừ mọi cảnh than khóc não nề nơi những người đàn ông danh tiếng chứ?

Phải loại trừ tất cả.

Nhưng chúng ta loại bỏ như thế có chính đáng không? Thử nghĩ xem: nguyên tắc của chúng ta là

[1] Od. x. 495.
[2] Il. xvi. 856.
[3] Il. xxiii. 100.
[4] Od. xxiv. 6.

người tốt sẽ không coi cái chết là điều ghê sợ đối với một người tốt khác là đồng chí của người ấy.

Đúng; đó là nguyên tắc của chúng ta.

Vì vậy người ấy sẽ không than khóc buồn sầu khi bạn mình ra đi, như thể là họ phải chịu một điều gì ghê sợ?

Không, họ sẽ không than khóc.

Một người như thế, như chúng ta sẽ nói thêm, là đủ cho bản thân mình và cho hạnh phúc của mình và vì thế sẽ không cần có người khác.

Đúng, anh nói.

Và vì vậy, sự mất một đứa con hay một người anh em, hay mất một tài sản, đối với người ấy là điều ít ghê sợ hơn đối với mọi người khác.

Chắc chắn rồi.

Vì vậy họ sẽ ít có khuynh hướng than khóc, sẽ chịu đựng với sự quả cảm bất cứ nỗi bất hạnh nào như thể có thể xảy đến cho họ.

Đúng, người ấy sẽ cảm thấy sự bất hạnh ấy ít hơn một người khác.

Vậy chúng ta sẽ có lý khi loại bỏ sự than khóc khỏi những người đàn ông nổi tiếng và chuyển nó sang cho phụ nữ (và không phải cho các phụ nữ vô tích sự), hay cho những người đàn ông thấp hèn hơn, để những người được chúng ta giáo dục thành những người bảo vệ đất nước có thể coi việc than khóc là đáng ghê tởm.

Như thế rất đúng.

Rồi chúng ta sẽ một lần nữa xin Homer và các nhà thơ khác đừng mô tả Achilles,[1] con của một nữ thần, với bộ điệu lúc thì nằm nghiêng, lúc thì nằm ngửa, rồi lại nằm sấp; rồi lại đứng dậy và dong buồm dọc bờ biển trống vắng; khi thì lấy cả hai tay bốc tro đổ trên đầu,[2] hay than khóc theo nhiều kiểu khác nhau mà Homer mô tả. Ông ấy cũng không được mô tả Priam, người họ hàng của các thần, như đang cầu nguyện và van lơn,

> *"Nằm lăn trên đất, gọi to tên từng người một".*[3]

Chúng ta càng phải tha thiết hơn nữa đề xin ông bất luận thế nào cũng không được mô tả các thần như là đang than khóc và nói,

> *"Trời! Khốn thân ta! Trời! Ta phải buồn phiền chịu đựng kẻ dũng cảm nhất".*[4]

Nhưng nếu ông ấy phải kể về các thần, ông ấy không được phép trình bày sai vị thần vĩ đại nhất như thể đang nói:-

> *Trời đất! Bằng chính con mắt ta, ta đang phải chứng kiến cảnh một*

---

[1] Il. xxiv. 10.
[2] nt. xviii. 23.
[3] nt. xxii. 414.
[4] Il. xviii. 54.

người bạn thân của ta bị rượt đuổi xung quanh thành phố và quả tim ta phải tan nát buồn phiền".[1]

Hoặc nữa: -

"Khốn thân ta phải chịu số phận để cho Sarpedon, người thân yêu nhất của ta, phải chịu khuất phục dưới quyền lực của Patroclus con của Menoetius".[2]

Bởi vì, anh Adeimantus yêu quí, nếu giới trẻ của chúng ta nghe những kiểu mô tả bất xứng như thế về các thần mà tưởng là thật, thay vì phải nhạo cười chúng, thì khó có ai trong họ sẽ nghĩ rằng bản thân họ chỉ là người phàm, họ có thể chịu bị người ta bôi nhọ họ bằng các hành vi tương tự; và họ cũng sẽ không gạt bỏ khuynh hướng nảy sinh trong trí họ để nói và làm giống như thế. Và thay vì có sự liêm sỉ hay tự kiềm chế, họ sẽ luôn luôn khóc lóc than vãn dù chỉ gặp những đau khổ nho nhỏ.

Đúng, anh nói, rất đúng.

Đúng, tôi đáp; nhưng chắc chắn đó là điều không được để cho xảy ra, như lý luận vừa chứng minh cho chúng ta; và chúng ta phải trung thành với chứng minh ấy bao lâu nó chưa bị phản bác bằng một chứng minh tốt hơn.

Không thể để cho xảy ra như thế.

Và những người bảo vệ của chúng ta cũng không được cười cợt to tiếng. Vì một trận cười không kiềm chế như thế hầu như luôn luôn tạo ra một phản ứng dữ dội.

Tôi tin là thế.

Vậy thì những người có giá trị, dù chỉ là người phàm, không thể được mô tả như không thể kiềm chế nổi cơn cười, thì càng không thể mô tả như thế về các thần.

Đúng như ông nói, không được mô tả như thế về các thần, anh đáp.

Vậy thì chúng ta sẽ không chịu để được nghe những câu mô tả về các thần như câu mô tả của Homer,

"Các thần đáng chúc tụng đã phá lên cười không dứt, khi các ngài trông thấy Hephaestus cứ đi lăng xăng mãi quanh ngôi nhà".[3]

Theo quan điểm anh, chúng ta không thể chấp nhận các câu như thế.

Đúng, theo quan điểm tôi, chắc chắn chúng ta không thể chấp nhận chúng.

Còn nữa, sự thật phải được đánh giá cao; nếu, như ta đã nói, việc nói dối là vô ích đối với các thần và chỉ có ích như phương thuốc trị liệu cho con người, thì việc sử dụng các phương thuốc như thế phải được dành cho các thầy thuốc mà thôi; các cá nhân riêng tư không được sử dụng.

---

[2] nt. xxii. 168
[3] nt. xvi. 433.
[1] Iliad. i. 599.

Hẳn là không rồi, anh nói.

Vậy giả sử có một ai được đặc quyền nói dối, thì đó phải là những người nắm quyền cai trị nhà nước; và họ, khi đối xử với kẻ thù hay công dân của nước họ, họ được phép nói dối vì công ích. Nhưng không một ai khác được xen vào chuyện này; và mặc dù các nhà cai trị được đặc quyền này, một cá nhân không được phép đối đáp bằng một lời nói dối, bởi vì nó được coi là điều đáng ghê tởm hơn một người bệnh hay một học trò không nói thật về tình trạng bệnh tật của mình cho thầy thuốc hay người huấn luyện mình, hay người thủy thủ không nói thật cho thuyền trưởng về những gì xảy ra cho con tàu và các thủy thủ khác.

Rất đúng, anh nói.

Vậy nếu nhà cai trị phát hiện được ai ngoài bản thân ông mà nói dối trong nhà nước,

"Bất cứ người thợ thủ công nào, dù là tư tế hay thầy thuốc hay thợ mộc",

thì ông sẽ trừng phạt kẻ nói dối ấy vì đã đem vào nhà nước một việc thực hành nguy hiểm và tàn phá nhà nước không khác gì phá một con tàu.

Rất đúng, anh nói, nếu chúng ta muốn thực hiện ý niệm của chúng ta về nhà nước.

Tiếp đến các người trẻ của chúng ta phải sống điều độ chứ?

Chắc chắn rồi.

Có phải các yếu tố chính của sự điều độ nói chung, là tuân phục các cấp chỉ huy và tự chủ trong các khoái lạc thể xác không?

Đúng.

Vậy chúng ta sẽ tán thành các kiểu nói như của Diomede trong Homer,

"Này bạn, hãy ngồi yên và vâng lời tôi",[1]

và câu tiếp theo,

"Người Hy Lạp diễu hành đầy khí thế,[2]

... im phăng phắc theo lệnh cấp trên",[3]

và các tình cảm khác tương tự như thế.

Đương nhiên chúng ta tán thành.

Thế còn câu thơ này,

"Ôi rượu đầy ứ, ngươi có cặp mắt của một con chó và quả tim của một con nai",[4]

và các lời lẽ sau đó? Anh có cho rằng những lời này mà các cá nhân dùng để nói với người cai trị mình, dù bằng thơ hay văn xuôi, là những lời nói rất hay hay rất dở?

Rất dở.

---

[1] Il. iv. 412.
[2] Od. iii. 8.
[3] Nt. iv. 481.
[4] Nt. i. 225.

Có thể chúng giúp vui được phần nào, nhưng chúng không giúp cho sự tiết độ. Và vì vậy chúng thường có hại cho các thanh niên của chúng ta-anh có đồng ý với tôi về điểm này không?

Vâng.

Và rồi, còn nữa, để cho người khôn ngoan nhất giữa loài người nói rằng theo ý họ không có gì vinh quang bằng

"Khi bàn đầy bánh đầy thịt và người mang cốc đi rót rượu xoay vòng, mà người ấy múc từ chén và rót vào các cốc";[1]

thử hỏi câu ấy có giúp cho sự tiết độ của một thanh niên nghe câu ấy không? Hay câu thơ sau đây,

"Số phận đáng buồn nhất là phải chết khi bụng đói".[2]

Anh nghĩ thế nào?

Chắc chắn, anh nói, đó là những tình cảm không thể tán thành.

Hơn nữa, chúng thường có hậu quả xấu đối với những người nghe chúng; vì mỗi người sẽ bắt đầu bào chữa cho những tật xấu của mình khi họ tin rằng những tật xấu tương tự luôn luôn tồn tại bởi-

"Các bà con họ hàng của các thần, các thân thích của Zeus, là những người dựng bàn thờ của tổ tiên họ, bàn thờ của Zeus, rất cao trên đỉnh Ida",

và họ là những người có

"Dòng máu thần linh chảy trong huyết quản họ".[3]

Vì vậy chúng ta phải chấm dứt những câu truyện như thế, kẻo gây ra sự buông lỏng đạo đức nơi giới trẻ.

Nhất định phải như thế, anh đáp.

Nhưng sau khi đã xét xem những đề tài nào phải được nói đến hay không được nói đến, bây giờ chúng ta hãy xem chúng ta đã bỏ đi đề tài nào hay không. Cách thức đối xử với các thần, bán thần, anh hùng và thế giới âm phủ đã được thiết lập như thế.

Rất đúng.

Thế còn về loài người, chúng ta phải nói gì? Rõ ràng đây là phần đề tài còn lại của chúng ta.

Rõ ràng là thế.

Nhưng vào lúc này chúng ta chưa được sẵn sàng để trả lời câu hỏi này, anh bạn ạ.

Tại sao không?

Bởi vì, nếu tôi không lầm, chúng ta còn phải nói rằng khi nói về con người, các nhà thơ và những người kể truyện đã mắc những phát biểu sai lầm trầm trọng nhất khi họ bảo chúng ta rằng những người xấu thường hạnh phúc, còn người

---

[1] Nt. ix. 8.
[2] Nt. xii. 842.
[3] Trích từ Niobe of Aeschylus

tốt thường bất hạnh; và bất công là có lợi khi không bị phát hiện, nhưng công bằng là sự thua thiệt cho một người và là mối lợi cho một người khác-tất cả những chuyện này chúng ta phải cấm họ nói ra và phải buộc họ hát lên và nói lên điều ngược lại.

Chắc chắn chúng ta phải làm thế, anh đáp.

Nhưng nếu anh nhận rằng tôi đúng trong điều này, thì tôi sẽ cho rằng anh đã giả định nguyên tắc mà chúng ta đang tranh luận từ đầu đến giờ.

Tôi chấp nhận ông suy diễn đúng.

Những điều như thế được nói ra hay không được phép nói ra về con người là một vấn đề mà chúng ta chưa thể xác định, cho đến khi chúng ta khám phá ra công bằng là gì và nó có ích một cách tự nhiên như thế nào cho người có nó, dù người ấy có vẻ là công bằng hay không.

Rất đúng, anh nói.

Nói về đề tài thi ca như thế đã đủ rồi: bây giờ chúng ta hãy nói về văn phong; và khi điều này đã được xét xong, kể như chúng ta đã giải quyết hoàn toàn cả về nội dung cũng như hình thức.

Tôi không hiểu ý ông, Adeimantus nói.

Vậy thì tôi phải giúp anh hiểu; và có lẽ tôi sẽ nói một cách dễ hiểu hơn nếu tôi diễn tả như sau. Tôi giả sử anh biết rằng mọi truyện thần thoại và mọi bài thơ đều là một tường thuật về các sự kiện hoặc là quá khứ, hiện tại, hay tương lai, được không?

Chắc chắn rồi, anh đáp.

Và tường thuật có thể là đơn thuần, hay mô phỏng, hay kết hợp cả hai?

Một lần nữa, anh nói, tôi không hiểu ý ông.

Tôi e rằng mình làm ông thầy quá dở khi phải vất vả để làm cho ý tưởng của mình có thể hiểu được. Vì vậy, là một người nói dở, tôi sẽ không bàn đến toàn thể vấn đề, nhưng sẽ cắt nhỏ nó ra để làm sáng tỏ ý tưởng của tôi. Anh biết các câu thơ đầu của Iliad, trong đó nhà thơ nói rằng Chryses đã cầu khẩn Agamemnon giải thoát con gái ông ta và Agamemnon đã nổi nóng với ông ta; vì thế Chryses đã phải kêu cầu sự thịnh nộ của Thần chống lại người Achaea. Đây, trong các dòng thơ này,

> *"Và ông cầu cùng tất cả dân Hy Lạp, đặc biệt hai con trai của Atreus, thủ lĩnh của dân"*

thi sĩ đang nói nhân danh chính mình; ông không bao giờ làm chúng ta tưởng là một người nào khác. Nhưng trong những câu tiếp theo, ông nói nhân danh Chryses, rồi sau đó ông làm hết sức mình để chúng ta tin rằng người đang nói không phải là Homer, nhưng

là chính vị tư tế già. Và dưới hai danh nghĩa này, ông đã đặt toàn thể tường thuật của ông về các sự kiện xảy ra ở Troy và ở Ithaca cũng như trong khắp tác phẩm Odyssey.

Vâng.

Và nó luôn luôn được viết ra dưới dạng tường thuật trong các lời phát biểu mà thi sĩ trích dẫn lúc này hay lúc khác và trong các đoạn chuyển tiếp?

Đúng như thế.

Nhưng khi thi sĩ nói dưới danh nghĩa của một người khác, chúng ta có thể nghĩ rằng ông đã thay đổi văn phong của ông cho hợp với cách nói của người sẽ nói không?

Chắc chắn rồi.

Và sự thích nghi mình vào vai một nhân vật khác, dù là bằng lời nói hay điệu bộ, là sự mô phỏng người mà ông đóng vai phải không?

Đương nhiên.

Vậy thì trong trường hợp này, tường thuật của thi sĩ có thể được gọi là một sự mô phỏng?

Rất đúng.

Hay là, nếu thi sĩ chỗ nào cũng xuất hiện và không bao giờ che giấu mình, thì sự mô phỏng bị loại bỏ và bài thơ của ông trở thành một tường thuật đơn thuần. Tuy nhiên, để làm sáng tỏ ý của tôi và để anh không còn phải nói, "Tôi không hiểu", bây giờ tôi sẽ cho anh thấy sự thay đổi có thể được thực hiện như thế nào. Giả như Homer đã nói, "Vị tư tế đến, mang trong tay tiền chuộc cô con gái ông, cầu khẩn những người Achaea và trên hết là tất cả các ông vua"; và rồi, thay vì nói dưới danh nghĩa Chryses, thi sĩ đã tiếp tục nói dưới danh nghĩa của chính mình, thì các lời của ông hẳn không phải là mô phỏng, mà là tường thuật đơn thuần. Đoạn thơ ấy có thể viết như sau (Tôi không phải thi sĩ, vì vậy tôi bỏ qua phần thi pháp), "Vị tư tế đến và cầu khẩn các thần cho người Hi Lạp để họ có thể chiếm thành Troy và trở về nhà an toàn, nhưng cầu xin họ trả lại con gái ông ta và nhận tiền chuộc mà ông đem đến với đầy lòng tôn kính Thần. Ông nói như thế và những người Hi Lạp đã tôn trọng vị tư tế và chấp thuận. Nhưng Agamemnon nổi cơn thịnh nộ, đuổi ông ta đi và không cho phép ông ta quay lại, nếu không cây gậy và chuỗi hạt của Thần cũng không cứu nổi ông-con gái Chryses sẽ không được trả lại, ông nói-cô bé sẽ lớn lên cho tới già ở Argos với ông. Và sau đó ông bảo ông ta cút đi và đừng trở lại khiêu khích nữa, nếu ông ta muốn về nhà an toàn. Vị tư tế già sợ hãi và im lặng bỏ đi, và sau khi rời trại, ông đã kêu cứu thần Apollo bằng nhiều tên gọi khác nhau, nhắc cho thần nhớ đến ông về những điều ông đã làm đẹp lòng thần, từ việc ông xây dựng các đền cho thần, cho tới việc dâng lễ vật

và cầu xin với thần để ông được hưởng công lao về các việc lành của mình, và để dân Achaea phải đền tội vì những giọt nước mắt của ông, họ phải bị các mũi tên bắn của thần",-v.v... Như thế tất cả các sự kiện trở thành một đoạn tường thuật đơn thuần.

Tôi hiểu, anh nói.

Hoặc anh cũng có thể giả sử trường hợp ngược lại-các đoạn chuyển tiếp bị loại bỏ, chỉ giữ lại phần đối thoại.

Chỗ này tôi cũng hiểu, anh nói; ý ông muốn nói, chẳng hạn, như trong thể loại bi kịch chứ gì?

Anh thông minh lắm; và nếu tôi không lầm, những gì mà trước kia anh không hiểu thì bây giờ đã rõ cả, đó là thi ca và thần thoại, trong một số trường hợp, hoàn toàn có tính mô phỏng-các thể loại bi kịch và hài kịch cho các ví dụ về điều này; cũng có thứ văn phong ngược lại, trong đó nhà thơ là người nói duy nhất-về điều này thì các bài thánh thi tán tụng là một ví dụ điển hình nhất; và sự phối hợp hai thể loại này được thấy trong các bản hùng ca và trong các thể loại thi ca khác. Anh hiểu chứ?

Vâng, anh nói; bây giờ tôi hiểu ý ông rồi.

Tôi cũng xin anh nhớ điều tôi nói lúc đầu, đó là chúng ta đã bàn xong về đề tài và có thể đi sang phần văn phong.

Vâng, tôi nhớ.

Khi nói thế, tôi có ý nói rằng chúng ta phải tìm hiểu về nghệ thuật bắt chước,-chúng ta có thể cho phép các nhà thơ sử dụng loại mô phỏng khi kể truyện và nếu có, được mô phỏng toàn bộ hay chỉ một phần; hay chúng ta phải cấm mọi loại mô phỏng?

Tôi không rõ lắm; có phải ông muốn hỏi là nhà nước chúng ta có thể chấp nhận thể loại bi kịch và hài kịch không ?

Đúng, tôi nói; nhưng câu hỏi của tôi còn ngụ ý nhiều hơn thế: tôi thực sự vẫn chưa biết, nhưng cứ để cho lý luận của chúng ta phát triển tới đâu, chúng ta sẽ theo tới đó.

Chúng ta cứ làm như thế đi, anh nói.

Vậy, Adeimantus, tôi xin hỏi anh là phải chăng những người bảo vệ của chúng ta phải trở thành những người bắt chước; hay ngược lại, phải chăng vấn đề này đã được giải quyết bởi qui tắc rằng một người chỉ có thể làm tốt một việc mà thôi, chứ không thể nhiều việc; và nếu một người thử làm nhiều việc, họ sẽ thất bại hoàn toàn và không thể giỏi về bất cứ việc nào?

Chắc chắn là vậy.

Và điều này cũng đúng về sự bắt chước; không một người nào có thể bắt chước việc mà có thể thành công bằng cách họ chỉ bắt chước một việc mà thôi?

Tất nhiên.

Vậy thì cùng một người khó có thể đóng một vai nghiêm túc trong đời mình và đồng thời cũng thành công trong việc bắt chước nhiều vai khác; vì cả khi hai loại bắt chước đều có liên quan gần gũi với nhau, song cùng một người không thể thành công trong cả hai, ví dụ, vừa là tác giả bi kịch vừa là tác giả hài kịch-có phải vừa mới đây anh đã gọi chúng là những sự mô phỏng không?

Đúng, tôi đã gọi thế; và ông có lý khi nghĩ rằng cùng một người không thể thành công trong cả hai.

Cũng như họ không thể vừa là người ngâm vè vừa là diễn viên kịch cùng một lúc.

Đúng.

Và cùng một người không thể vừa là diễn viên bi kịch vừa là diễn viên hài; nhưng tất cả cũng đều là những thể mô phỏng.

Rõ ràng là thế.

Và anh Adeimantus ơi, bản tính con người có vẻ như đã được đúc thành những đồng tiền nhỏ hơn và không có khả năng bắt chước tốt nhiều điều khác nhau, cũng như không thể thực hiện tốt các hành động mà các sự mô phỏng chỉ là các bản sao.

Đúng, anh đáp.

Vậy nếu chúng ta trung thành với ý niệm ban đầu của chúng ta, và nhớ rằng những người bảo vệ của chúng ta phải gạt bỏ mọi chuyện khác để chỉ chuyên chăm lo việc bảo vệ tự do trong đất nước, lo làm nghề của mình và không làm những công việc khác không có ích cho mục đích này, họ không được làm hay bắt chước bất cứ điều gì khác; còn nếu họ bắt chước, họ phải bắt chước từ tuổi trẻ chỉ những tính cách nào thích hợp với nghề của họ-can đảm, điều độ, thánh thiện, tự do và những nhân đức tương tự; nhưng họ không được vẽ ra hay giỏi bắt chước bất cứ loại tính cách phóng túng hay đê hèn nào, vì sợ rằng từ sự bắt chước ấy họ cũng sẽ trở nên giống như cái họ bắt chước. Anh có bao giờ thấy rằng những sự bắt chước bị lây nhiễm từ tuổi thơ và tiếp tục khi lớn lên, cuối cùng đã phát triển thành tập quán và trở thành một bản tính thứ hai, ảnh hưởng tới thân thể, giọng nói và tâm hồn không?

Chắc chắn có, anh nói.

Vậy, tôi nói, những người mà chúng ta có trách nhiệm chăm sóc để trở thành những người tốt, chúng ta sẽ không cho phép họ bắt chước một phụ nữ, trẻ hay già, thích cãi lộn với chồng, sống đời sống phù phiếm làm mất lòng các thần, hay khi gặp đau khổ, buồn phiền, hoặc khóc lóc; và chắc chắn không được bắt chước những người đang bệnh tật, yêu đương hay đau khổ.

Rất đúng, anh nói.

Họ cũng không được bắt chước các nô lệ, nam hay nữ, làm các công việc của nô lệ?

Không được.

Và chắc chắn không được bắt chước những người đàn ông xấu, những người hèn nhát hay những người khác, là những người làm trái với những gì chúng ta vừa mô tả, hay chửi bới châm chọc nhau, làm nhục nhau khi uống rượu hay không uống rượu, hay những người xúc phạm tới bản thân mình và người khác bằng lời nói hay hành động. Cũng không được dạy họ bắt chước hành vi hay lời nói của những người đàn ông hay đàn bà điên cuồng hoặc xấu xa; vì sự điên cuồng, giống như tật xấu, phải được biết đến nhưng không được luyện tập hay bắt chước.

Rất đúng, anh đáp.

Họ cũng không được bắt chước các thợ rèn hay các thợ thủ công khác, những người chèo thuyền, neo thuyền và các nghề giống như thế.

Không thể được, vì họ không được phép để tâm trí đi theo các nghề nghiệp ấy.

Họ cũng không được bắt chước tiếng ngựa hí, tiếng bò rống, tiếng nước sông chảy rì rào và tiếng sóng vỗ ầm ầm của biển, tiếng sấm và tất cả các thứ tương tự?

Tất nhiên rồi, anh nói, nếu cấm tính điên loạn, thì cũng phải cấm bắt chước hành vi của người điên.

Nếu tôi hiểu đúng, tôi nói, thì ý của anh là có một loại tường thuật có thể được sử dụng bởi một người tốt thực sự, khi họ có một điều gì đó để nói ra và một loại khác được sử dụng bởi một người có một tính cách và một nền giáo dục ngược lại.

Hai loại này là gì, anh hỏi.

Giả sử, tôi đáp, một người tốt và chính trực trong diễn tiến của câu truyện gặp một câu nói hay một hành động của một người tốt khác, tôi giả sử người ấy muốn đóng vai của người này và không sợ xấu hổ vì sự bắt chước này: người ấy sẽ rất sẵn sàng đóng vai người tốt khi họ hành động một cách kiên quyết và khôn ngoan; ở một mức độ thấp hơn, khi họ bị khuất phục bởi bệnh tật hay tình yêu hoặc nghiện rượu, hay gặp một tai hoạ nào khác. Nhưng khi họ phải đóng một vai có tính cách không xứng với mình, họ sẽ không tìm hiểu vai đó; họ sẽ khinh bỉ một người có tính cách như thế và sẽ tiếp thu cái gì giống với họ, nếu có, chỉ lúc nào họ thực hiện một hành vi tốt; lúc khác họ sẽ thấy xấu hổ vì đóng một vai mà họ chưa thực hành bao giờ, hay sẽ thích uốn nắn mình theo khuôn mẫu hèn hạ hơn; họ cảm thấy rằng, ngoại trừ để đùa giỡn, việc sử dụng một nghệ thuật như thế không xứng với họ và tâm trí họ chống lại điều đó.

Tôi chắc là phải vậy, anh đáp.

Rồi họ sẽ chọn một cách kể chuyện như chúng ta đã mô tả về Homer, nghĩa là văn phong của họ sẽ vừa là mô phỏng vừa là tường thuật; nhưng phần tường thuật nhiều hơn và phần mô phỏng ít hơn. Anh đồng ý chứ?

Chắc chắn rồi; đó là kiểu mẫu mà một người kể chuyện như thế nhất định phải chọn.

Nhưng có một loại nhân vật khác sẽ tường thuật bất cứ cái gì và người này càng xấu bao nhiêu, họ càng vô lương tâm bấy nhiêu; sẽ không có gì là quá xấu đối với họ; và họ sẽ bắt chước bất cứ điều gì, không chỉ giỡn chơi, nhưng là nghiêm túc và trước mặt đông người. Và như tôi vừa nói, họ sẽ bắt chước tiếng sấm rền, tiếng gió rít và tiếng mưa đá, hay tiếng bánh xe cót két, tiếng xe đẩy và đủ thứ tiếng sáo, tiếng tiêu, tiếng kèn và đủ thứ tiếng nhạc cụ: họ sẽ sủa như chó, be be như cừu, hay cục tác như gà; tất cả nghệ thuật của họ sẽ là bắt chước giọng nói, cử điệu và sẽ có rất ít phần tường thuật.

Đó sẽ là cách nói của người ấy, anh nói.

Vậy đó là hai loại văn phong phải không?

Vâng.

Và anh cũng sẽ đồng ý với tôi khi nói rằng một trong hai văn phong này có tính đơn sơ và chỉ có những thay đổi nhỏ; và nếu họ cũng chọn nhịp điệu cho sự đơn sơ này, kết quả sẽ là, nếu người nói nói đúng, họ luôn có cùng một lối văn phong và sẽ duy trì nó trong giới hạn của một sự hài hòa duy nhất (vì các thay đổi không nhiều), và bằng cách này họ sẽ sử dụng gần như cùng một nhịp điệu?

Rất đúng, anh nói.

Trong khi loại văn phong khác cần phải có đủ loại nhịp điệu, nếu muốn cho âm nhạc và văn phong tương hợp nhau, bởi vì văn phong có đủ mọi loại thay đổi.

Cũng hoàn toàn đúng, anh nói.

Vậy phải chăng hai văn phong ấy, hay sự kết hợp hai văn phong ấy, bao gồm tất cả mọi loại thi ca và mọi loại diễn đạt bằng lời? Không ai có thể nói điều gì nếu không sử dụng một trong hai loại này hoặc sử dụng kết hợp cả hai.

Vâng, chúng bao gồm tất cả, anh nói.

Vậy thì chúng ta sẽ nhận vào trong đất nước chúng ta tất cả ba loại văn phong, hay chỉ một trong hai loại văn phong không hỗn hợp? hay anh cũng cho cả loại hỗn hợp?

Tôi thích chỉ chấp nhận người thuần túy bắt chước nhân đức mà thôi.

Đúng đấy, anh Adeimantus, tôi nói. Nhưng văn phong hỗn hợp cũng hấp dẫn lắm chứ: và thực ra loại văn phong kịch cảm trái ngược

với loại văn phong mà anh chọn, nhưng cũng rất được ưa thích bởi các trẻ em và mọi người nói chung.

Tôi không phủ nhận điều đó.

Nhưng giả sử anh lý luận rằng một văn phong như thế không thích hợp với nhà nước chúng ta, trong đó bản tính con người không mang hai hay nhiều bộ mặt, và một người chỉ đóng một vai mà thôi?

Vâng, không thích hợp.

Chính vì thế mà trong nhà nước chúng ta và chỉ trong nhà nước chúng ta mà thôi, chúng ta sẽ tìm ra một người thợ giày chỉ là thợ giày chứ không đồng thời là một thủy thủ, một nông gia chỉ là một nông gia chứ không đồng thời là một thẩm phán và một người lính chỉ là một người lính chứ không đồng thời là nhà buôn, v.v...?

Đúng, anh nói.

Vậy khi bất cứ ai trong số những diễn viên kịch câm này, họ là những người rất giỏi bắt chước, khi họ đến với chúng ta và đề nghị biểu diễn cùng với thi ca của họ, chúng ta sẽ sụp xuống bái lạy họ như một nhân vật thánh thiêng kỳ diệu; nhưng chúng ta cũng phải bảo cho họ rằng trong nhà nước chúng ta, loại người như họ không được phép tồn tại; luật pháp không cho phép họ. Và vì thế sau khi chúng ta đã xức dầu tán dương họ và đội vòng hoa trên đầu họ, chúng ta sẽ đuổi họ đi sang một thành phố khác. Vì chúng ta chỉ muốn dùng những thi sĩ hay những người kể chuyện đơn sơ và nghiêm túc hơn để có ích cho linh hồn chúng ta, vì những người này chỉ bắt chước kiểu cách của nhân đức mà thôi và chúng ta sẽ theo những mẫu được thiết lập ngay từ đầu khi chúng ta bắt đầu việc đào tạo các binh sĩ của chúng ta.

Chúng ta chắc chắn sẽ làm thế, nếu chúng ta có quyền.

Như thế bây giờ tất cả chúng ta đã có thể thấy, chúng ta phải nói gì về ca hát và âm nhạc rồi.

Glaucon cười và nói, tôi e rằng câu "tất cả" không bao gồm tôi trong đó, vì ngay bây giờ tôi không thể biết chúng phải như thế nào; mặc dù tôi có thể đoán được.

Dù sao anh cũng có thể nói rằng một ca khúc hay thi khúc có ba phần-các từ ngữ, âm điệu và tiết tấu; tôi có thể giả sử như thế chứ?

Vâng, ông có thể nói như thế.

Về các từ, chắc chắn không có khác biệt giữa các từ được đặt cho âm nhạc và các từ không được đặt cho âm nhạc; cả hai cùng tuân theo các qui luật giống nhau và các qui luật này đã được chúng ta xác định trước rồi?

Vâng.

Âm điệu và tiết tấu sẽ lệ thuộc các từ?

Chắc chắn rồi.

Khi bàn về đề tài, chúng ta đã nói rằng chúng ta không cần các kiểu than khóc hay buồn sầu?

Đúng.

Và các âm điệu diễn tả sự buồn sầu là các âm điệu nào? Anh là nhạc sĩ, anh có thể cho tôi biết chứ?

Các âm điệu ông nói tới là các âm điệu Lydia hỗn hợp hay giọng nam cao, và âm điệu Lydia đầy hay trầm và các âm điệu tương tự.

Vậy phải loại bỏ các âm điệu buồn sầu này, tôi nói; thậm chí cả đối với phụ nữ vốn có tính buồn sầu, chúng cũng không ích lợi gì, huống hồ là đối với đàn ông.

Chắc chắn rồi.

Tiếp đến, thói say rượu, yếu mềm và lười biếng cũng hoàn toàn không phù hợp với tính cách của những người bảo vệ của chúng ta.

Hoàn toàn không phù hợp.

Vậy các âm điệu yếu mềm hay say sưa là gì?

Các âm điệu Ionia, anh đáp; và nếu thế, ông chỉ còn để lại duy nhất các âm điệu Doria và Phrygia mà thôi.

Tôi trả lời: về các âm điệu thì tôi mù tịt, nhưng tôi muốn có một âm điệu hào hùng của một chiến binh, với nốt nhạc mà một người dũng cảm vang lên vào giờ phút nguy hiểm và quyết định, hay khi mục đích của họ bị thất bại và đang chịu những vết trọng thương, và tiến gần tới cái chết hay bị khuất phục bởi một sự dữ khác, vào tất cả những cơn nguy kịch như thế, người ấy dũng cảm đối diện với số phận bằng một bước đi kiên quyết và một quyết tâm chịu đựng; và tôi muốn có một âm điệu khác để họ dùng vào thời bình và tự do, khi không còn sức ép của sự bó buộc và khi họ cố gắng thuyết phục Thần bằng lời cầu nguyện, hay thuyết phục con người bằng sự dạy dỗ và khuyên bảo, hay ngược lại, khi họ diễn tả lòng sẵn sàng chấp nhận sự thuyết phục, dạy dỗ hay khuyên bảo và điệu nhạc ấy biểu thị con người họ, khi họ đã đạt mục đích bằng cách cư xử khôn ngoan, không kiêu ngạo khi thành công, nhưng hành động điều độ và khôn ngoan trong mọi hoàn cảnh, biết khoan dung khi cần thiết. Tôi xin anh giữ lại hai âm điệu này; âm điệu của nhu cầu và âm điệu của tự do, âm điệu của sự hung ky và âm điệu của sự cát tường, âm điệu của lòng dũng cảm và âm điệu của sự tiết độ; hai thứ này, tôi nói, anh hãy giữ lại.

Hai thứ ông nói đến đây, anh đáp, là âm điệu Doria và âm điệu Phrygia mà tôi vừa nhắc tới ở trên.

Vậy chúng ta tạm kết thúc nói về các âm điệu ở đây. Tiếp theo sau âm điệu, bây giờ chúng ta bàn đến các tiết tấu. Chúng cũng phải tuân theo các qui luật giống như thế, vì chúng ta không được tìm

kiếm các hệ thống âm luật phức tạp, hay đủ loại âm luật, nhưng nên tìm xem loại tiết tấu nào diễn tả lòng dũng cảm và đời sống hài hoà; và khi đã tìm thấy, chúng ta sẽ đem các âm vận và âm điệu áp dụng vào các từ có một tinh thần giống như thế, chứ không phải đem các từ áp dụng vào âm vận và âm điệu. Các tiết tấu này là các tiết tấu nào thì thuộc bổn phận của anh-anh phải dạy cho tôi biết, giống như anh đã dạy tôi về các âm điệu.

Nhưng thật ra, anh đáp, tôi không thể nói cho ông biết. Tôi chỉ biết rằng có khoảng ba nguyên tắc tiết tấu từ đó phát sinh các hệ thống âm tiết, cũng như về âm thì có bốn nốt nhạc[1] từ đó người ta soạn ra các giai điệu; đó là điều tôi nhận xét được. Còn về việc chúng diễn tả loại đời sống nào thì tôi xin chịu.

Vậy thì, tôi nói, chúng ta phải nhờ anh Damon chỉ dẫn cho chúng ta; và anh ấy sẽ nói cho chúng ta tiết tấu nào diễn tả tính bần tiện hay thô lỗ, hay giận dữ, hay một tật xấu nào khác và tiết tấu nào được dành để diễn tả những nhân đức ngược lại với các nết xấu ấy. Tôi nhớ có lần anh ấy đã cắt nghĩa cho tôi một hệ thống tiết tấu Crete rất phức tạp, tôi chỉ nghe mà không thể tiếp thu. Tôi không hiểu được các chi tiết anh ấy nói. Nhưng vấn đề này, như tôi vừa nói, chúng ta vẫn phải nhờ đến anh Damon, vì phân tích nó là điều rất khó, phải không?

Tôi nghĩ là thế.

Nhưng không có khó khăn gì để thấy rằng tính cách đẹp hay không đẹp là một hiệu quả của tiết tấu tốt hay tiết tấu xấu.

Hoàn toàn không khó.

Và tiết tấu tốt và xấu tự nhiên đi theo phong cách tốt và phong cách xấu; hòa âm và lạc âm cũng tùy theo phong cách; vì chúng ta đã có nguyên tắc là tiết tấu và âm điệu phải dựa theo các từ, chứ không phải ngược lại.

Đúng thế, anh nói, chúng phải dựa theo các từ.

Và không phải các từ và tính chất của văn phong phải dựa vào tính cách của tâm hồn sao?

Vâng.

Và mọi thứ khác phải dựa vào văn phong.

Vâng.

Vậy thì vẻ đẹp của văn phong và sự nhịp nhàng cũng như duyên dáng của tiết tấu đẹp thì dựa trên sự đơn sơ, tôi muốn nói là sự đơn sơ đích thực của một tâm hồn và tính cách đúng đắn có trật tự và cao quí, chứ không phải thứ đơn sơ của sự ngu dại?

Rất đúng, anh đáp.

[1] Nghĩa là bốn nốt của chuỗi tứ âm.

Và nếu giới trẻ của chúng ta muốn làm công việc của họ trong đời, họ cũng phải có sự duyên dáng và nhịp nhàng này làm mục tiêu chứ?

Hẳn là thế.

Vì vậy, tôi nói, anh Glaucon ạ, việc huấn luyện âm nhạc là một dụng cụ mạnh hơn mọi thứ khác, bởi vì tiết tấu và âm điệu tìm được lối đi vào nơi sâu thẳm của tâm hồn, chúng gắn chặt vào tâm hồn với đầy sức mạnh, tạo sự diễm lệ cho tâm hồn và làm cho tâm hồn của người được giáo dục đúng trở thành diễm lệ, hay làm cho người không được giáo dục đúng trở thành xấu xa.

Vâng, anh nói, tôi rất đồng ý với ông khi nghĩ rằng giới trẻ của chúng ta phải được huấn luyện về âm nhạc và dựa trên các lý do ông đã nhắc tới.

Dù vậy, như tôi đã nói, cả chúng ta lẫn những người bảo vệ mà chúng ta có nhiệm vụ giáo dục, chỉ có thể trở thành những tâm hồn âm nhạc khi chúng ta biết được các hình thức cơ bản của tiết độ, can đảm, rộng lượng, hào phóng và các nhân đức tương tự, cũng như các hình thức đối nghịch với chúng, trong tất cả các cách phối hợp của chúng và có thể nhận ra chúng và hình ảnh của chúng mỗi khi chúng ta thấy chúng, không coi nhẹ chúng dù trong chuyện lớn hay chuyện nhỏ, nhưng tin rằng tất cả chúng đều nằm trong lĩnh vực của một nghệ thuật và một môn học.

Chắc chắn là vậy.

Và khi một tâm hồn đẹp hòa hợp với một hình thức đẹp và cả hai được đúc trong một khuôn duy nhất, thì đó sẽ là cảnh tượng đẹp nhất mà một người có thể nhìn thấy nếu người ấy có mắt để nhìn thấy nó.

Chắc chắn là đẹp nhất.

Và cái gì đẹp nhất cũng đáng yêu nhất?

Có thể giả thiết là như thế.

Và người có tinh thần hòa hợp sẽ yêu thích cái gì đẹp nhất; nhưng sẽ không yêu thích người có tâm hồn không hòa hợp?

Đúng vậy, anh đáp, nếu tâm hồn người ấy có điều gì khiếm khuyết; nhưng nếu chỉ là khiếm khuyết thể lý thì người ấy sẽ kiên nhẫn chịu và vẫn sẽ yêu thích.

Tôi biết anh đã từng có kinh nghiệm về điều này, tôi đồng ý. Nhưng tôi xin hỏi anh một câu khác: khoái lạc quá độ có gì giống với tiết độ không?

Làm sao có được? Anh đáp; khoái lạc làm người ta không sử dụng được các khả năng của mình, cũng giống như đau khổ.

Thế nó có gì giống với nhân đức nói chung không?

Hoàn toàn không.

Nó có gì giống với sự buông thả và vô độ không?

Có, hoàn toàn giống.

Vậy có khoái lạc nào lớn hơn hay sâu sắc hơn tình yêu nhục dục không?

Không, cũng không điên rồ hơn.

Trong khi tình yêu đích thực là tình yêu cái đẹp và trật tự-điều độ và hài hoà?

Rất đúng, anh nói.

Vậy không được phép để cho sự vô độ hay điên rồ đi vào tình yêu đích thực?

Chắc chắn rồi.

Vậy khoái lạc điên rồ hay vô độ không bao giờ được đến gần người đang yêu và người được yêu; chúng không có vai trò nào trong đó nếu muốn nó là một tình yêu đích thực.

Đúng thế, ông Socrates, không bao giờ.

Vậy tôi giả sử trong thành phố mà chúng tôi thấy anh làm ra một luật qui định rằng, một người bạn không được dùng một sự thân mật nào với người yêu của mình khác với sự thân mật của một người cha đối với con, và chỉ vì một mục đích cao thượng và người ấy trước hết phải được sự ưng thuận của người kia; và luật này phải hạn chế người ấy trong mọi sự tiếp xúc của họ và họ không bao giờ được đi xa hơn, hay nếu họ đi quá xa, họ sẽ bị kết tội là suồng sã và thô lỗ.

Tôi rất đồng ý, anh nói.

Ta bàn như thế về âm nhạc đã đủ rồi và nó đã dẫn ta tới một kết thúc tốt đẹp; vì mục đích của âm nhạc là gì nếu không phải là yêu cái đẹp?

Tôi đồng ý.

Sau âm nhạc, chúng ta phải bàn đến thể dục, là môn học chúng ta phải đào tạo cho giới trẻ của chúng ta.

Chắc chắn.

Thể dục cũng như âm nhạc phải bắt đầu từ tuổi nhỏ; cần phải huấn luyện cẩn thận và phải tiếp tục suốt đời. Điều tôi tin tưởng là, không phải một thân thể khỏe mạnh tốt đẹp làm cho tâm hồn tốt đẹp, nhưng ngược lại, một tâm hồn đẹp, nhờ sự tuyệt hảo của nó, làm cho thân thể tốt đẹp. Anh nghĩ sao?

Tôi đồng ý.

Vậy, sau khi đã huấn luyện tâm hồn đúng mức, chúng ta cần phải chăm sóc thân thể một cách đặc biệt; và để tránh dài dòng, bây giờ chúng ta sẽ chỉ phác hoạ ra một số đường nét chính về đề tài này mà thôi.

Hay lắm.

Chúng ta đã nói rằng những người bảo vệ của chúng ta phải kiêng uống rượu; vì giữa mọi người, một người bảo vệ phải là người cuối cùng say sưa không biết mình đang ở đâu.

Đúng, anh nói; một người bảo vệ mà phải cần một người bảo vệ

khác chăm sóc cho mình thì quả là một điều nực cười.

Nhưng tiếp đến, chúng ta phải nói gì về các bữa ăn của họ; vì họ là những người được huấn luyện để tham gia các cuộc thi đấu lớn-đúng không?

Vâng, anh nói.

Vậy thói quen ăn uống thường ngày của các vận động viên của chúng ta có hợp với họ không?

Sao lại không?

Phần tôi, tôi e rằng thói quen như của các vận động viên ấy chỉ là một thứ thói quen gây ngủ và khá nguy hại cho sức khỏe. Anh không nhận thấy rằng các vận động viên ấy sống chỉ để ngủ và rất dễ mắc những bệnh nguy hiểm nếu họ rời bỏ chế độ ăn uống thường ngày của họ không?

Tôi có nhận thấy điều đó.

Vậy, tôi nói, các chiến binh của chúng ta phải có một sự huấn luyện tinh tế hơn, vì họ sẽ phải trở thành giống như những con chó giữ nhà luôn luôn tỉnh thức, để thấy và nghe cho thật tinh; với các chế độ ăn uống thay đổi, cũng như với sự thay đổi thời tiết, mà họ sẽ phải chịu đựng trong các cuộc hành quân, họ phải không dễ mất sức.

Tôi cũng nghĩ như thế.

Chế độ thể dục hoàn hảo là chị em song sinh với âm nhạc đơn sơ mà chúng ta vừa mô tả.

Như thế nào?

Thật vậy, tôi quan niệm một thứ thể dục cũng đơn sơ và tốt giống như âm nhạc của chúng ta; và đặc biệt là thể dục quân sự.

Ý ông là sao?

Ý của tôi có thể học được trong Homer; anh biết không, Homer nuôi ăn các anh hùng của ông theo chế độ của quân lính khi họ đang ở trong chiến dịch; họ không ăn cá, mặc dù họ sống ngay tại bờ biển miền Hellespont và họ không được ăn thịt luộc mà chỉ được ăn thịt nướng, vì là thức ăn thuận tiện nhất cho lính, chỉ cần đốt lửa lên mà không cần phải mang theo nồi niêu soong chảo gì cả.

Đúng.

Và tôi nghĩ mình cũng không lầm khi nói rằng trong Homer không có chỗ nào nói đến những món nước sốt ngọt. Nhưng không chỉ riêng ông cấm món này; tất cả các vận động viên chuyên nghiệp đều biết rằng một người muốn khỏe mạnh thì không nên dùng loại thức ăn nào như thế.

Đúng, anh nói; và vì biết điều này, nên họ có lý do để không dùng chúng.

Vậy anh sẽ không chấp nhận các bữa ăn kiểu Syracuse và các món đặc sản của Sicily chứ?

Tôi nghĩ là không.

Và nếu một người đàn ông muốn mạnh khỏe, liệu anh có cho phép

anh ta có một cô bạn gái người Corinth không?

Hẳn là không rồi.

Anh cũng không cho họ dùng các món bánh kẹo của người Athen chứ?

Chắc chắn là không.

Tất cả những món ăn và cách sống như thế có thể được ví như là những giai điệu và những ca khúc được soạn theo kiểu đa âm và sử dụng mọi thứ tiết tấu.

Chính xác.

Từ đó sự phức tạp phát sinh sự buông thả và đó chính là căn bệnh; khi sự đơn sơ trong âm nhạc là bà con họ hàng của sự điều độ trong tâm hồn; và đơn sơ trong thể dục là bà con họ hàng của sức khỏe thể chất.

Rất đúng, anh nói.

Nhưng khi sự buông thả và dịch bệnh lan tràn trong một đất nước, thì các tòa án và nhà thương luôn luôn phải hoạt động; và các nghề bác sĩ và luật sư có dịp để lên mặt và không chỉ các nô lệ, mà cả những công dân tự do của đất nước cũng phải cậy nhờ đến hạng người này.

Thế thì tệ quá. Nhưng tôi muốn đặt ra cho ông một câu hỏi: Trong một nước có cần phải có các thầy thuốc giỏi không và những thầy thuốc giỏi nhất có phải là những người chữa trị cho đông đảo cả người tốt lẫn người xấu không? Và cũng thế, các quan tòa giỏi nhất có phải là những người thành thạo về mọi loại vụ án không?

Có, tôi nói, tôi cũng muốn có các quan tòa giỏi và các thầy thuốc giỏi. Nhưng anh có biết tôi quan niệm một thầy thuốc giỏi và một quan tòa giỏi phải như thế nào không?

Ông có thể nói cho tôi biết không?

Tôi sẽ nói, nếu tôi có thể. Nhưng tôi xin lưu ý rằng trong cùng một câu hỏi anh đã gộp lại hai chuyện không giống nhau.

Sao? anh hỏi.

Còn sao nữa! Anh đã gộp thầy thuốc vào với quan tòa. Này nhé, các thầy thuốc giỏi nhất là những người mà từ nhỏ cho tới lớn đã kết hợp kiến thức nghề nghiệp của họ với kinh nghiệm lớn nhất về bệnh tật; tốt hơn họ không nên là người quá khỏe mạnh và cần phải có đủ thứ bệnh nơi chính bản thân họ. Bởi vì, như tôi nghĩ, thân thể không phải là dụng cụ họ dùng để chữa trị thân thể; vì nếu thế họ không bao giờ có thể ở trong tình trạng bệnh tật hay đã mắc bệnh; nhưng họ chữa trị thân thể bằng tinh thần và tinh thần mà đã bị bệnh thì không thể chữa trị được gì cả.

Rất đúng, anh nói.

Nhưng với quan tòa thì khác; vì họ dùng tinh thần để điều khiển tinh thần; vì vậy không thể để họ

được huấn luyện chung với các tinh thần hư hỏng và không được quen biết với những hạng người ấy từ nhỏ đến lớn và không được trải qua các hành vi tội ác, viện cớ là nhờ đó họ có thể nhờ kinh nghiệm bản thân mà phát hiện ra các tội ác của người khác; con người đáng trọng có nhiệm vụ xét xử đúng thì không được có kinh nghiệm hay bị lây nhiễm các thói quen tội ác khi họ còn nhỏ. Và đây là lý do tại sao khi còn trẻ, những người tốt lành thường tỏ ra đơn sơ và họ dễ bị tác động bởi những kẻ bất lương, vì họ không có kinh nghiệm nào về tội ác trong tâm hồn họ.

Vâng, họ rất dễ bị lừa gạt.

Vì vậy, tôi nói, quan tòa không nên là người trẻ tuổi; họ phải từng biết về sự ác, không phải từ trong tâm hồn họ, nhưng từ những quan sát lâu dài sau này của họ về bản chất tội ác nơi người khác: yếu tố hướng dẫn họ là kiến thức, chứ không phải kinh nghiệm bản thân.

Vâng, anh nói, đó là mẫu lý tưởng của một quan tòa.

Đây là loại thầy thuốc và đây là loại quan tòa mà anh sẽ tán thành trong nhà nước của anh. Họ sẽ phục vụ cho các bản chất tốt hơn, đem lại sức khỏe cho cả tinh thần lẫn thể xác; nhưng thể xác nào bị bệnh thì họ sẽ để cho chết và tâm hồn nào sa đọa và vô phương chữa trị thì họ sẽ để cho nó bị tiêu diệt.

Đó rõ ràng là điều tốt nhất cả cho người bệnh lẫn cho nhà nước.

Như thế giới trẻ thơ của chúng ta, vì đã được một nền giáo dục âm nhạc đơn sơ giúp khơi dậy sự điều độ, thì sẽ không muốn đến tòa án.

Rõ ràng rồi.

Và người có tâm hồn âm nhạc, vì cũng có một nền giáo dục như thế, sẽ bằng lòng với việc luyện tập loại thể dục đơn sơ và sẽ chẳng cần tìm đến với thầy thuốc trừ một số trường hợp bất khả kháng.

Điều này thì tôi tin.

Không như người ta tưởng, mục đích thực sự của cả hai nghệ thuật âm nhạc và thể dục không phải là một thứ nhằm huấn luyện tâm hồn, còn thứ kia nhằm luyện tập thân thể.

Thế thì đối tượng thực của chúng là gì?

Tôi nói: Tôi tin rằng các thầy dạy của cả hai môn này đều chủ yếu nhắm tới sự phát triển tâm hồn.

Làm sao được?

Tôi nói: Anh đã bao giờ nhận thấy hiệu quả trên chính tinh thần của việc chỉ luyện tập thân thể mà thôi không, hay ngược lại, hiệu quả của việc chỉ luyện tập âm nhạc mà thôi không?

Như thế nào? anh hỏi.

Một thứ thì tạo ra thái độ cứng rắn và hung dữ, thứ kia tạo ra sự mềm yếu uỷ mị, tôi đáp.

Vâng, anh nói, tôi biết khá rõ rằng người nào chỉ là vận động viên thuần túy thì trở thành một người quá man rợ, và người nào chỉ là nhạc sĩ thuần túy thì trở thành con người mềm yếu và thiếu nghị lực cho đời sống tốt lành của họ.

Thế nhưng, tôi nói, chắc chắn sự hung dữ này chỉ đến từ tinh thần, mà nếu được giáo dục đúng, sẽ tạo ra can đảm, nhưng nếu luyện tập quá đáng, sẽ dễ trở thành cứng cỏi và tàn bạo.

Tôi cũng nghĩ như thế.

Ngược lại, nhà triết học sẽ có đức tính dịu dàng. Và ở đây cũng thế, nếu quá nuông chiều sẽ trở thành yếu đuối, nhưng nếu được giáo dục đúng, sẽ trở thành dịu dàng và ôn hòa.

Đúng.

Vậy theo ý chúng ta, người bảo vệ phải có cả hai đức tính này?

Chắc chắn.

Và cả hai phải hòa hợp với nhau?

Không nghi ngờ.

Và tâm hồn hài hòa thì vừa tiết độ vừa can đảm?

Vâng.

Còn tâm hồn không hài hòa thì hèn nhát và thô lỗ?

Rất đúng.

Và vì nơi bản tính con người có hai nguyên tắc, một là tinh thần và một là triết học, nên một Thần nào đó dã phú bẩm cho con người hai nghệ thuật để đáp ứng chúng (và chỉ là một cách gián tiếp cho linh hồn và thân xác), để hai nguyên tắc này (giống như các dây đàn) có thể được làm chùng xuống hay kéo căng ra cho tới khi chúng đạt được sự hài hòa thích hợp.

Rất hay.

Và người nào phối hợp được âm nhạc với thể dục ở một tỷ lệ thích hợp nhất và điều hòa chúng tốt nhất cho linh hồn, thì người ấy có thể được gọi là nhạc sĩ phối khí đích thực theo một nghĩa cao hơn hẳn so với người lên dây đàn.

Ông nói rất đúng, ông Socrates.

Và một thiên tài như thế sẽ luôn luôn cần có trong nhà nước chúng ta nếu nó muốn tồn tại.

Vâng, tuyệt đối cần thiết.

Vậy đó là các nguyên tắc của việc nuôi dưỡng và giáo dục trong nhà nước chúng ta: còn về các vấn đề chi tiết như việc khiêu vũ của các công dân, hay hoạt động săn bắn và chạy đua, các cuộc tranh tài thể thao và đua ngựa, chúng cũng tuân theo các nguyên tắc chung trên đây và chúng ta sẽ không có khó khăn nào để tìm ra chúng.

Tôi dám nói là hoàn toàn không khó.

Tốt, tôi nói; còn vấn đề tiếp theo là gì? Có phải là vấn đề ai trong số những người bảo vệ này sẽ là người cai trị và ai sẽ là người vâng phục không?

Chắc chắn.

Tốt, tất nhiên người già phải có quyền trên người trẻ.

Đúng.

Và người cai trị phải là người tốt nhất.

Cũng đúng.

Và vì giữa những người nông dân, người giỏi nhất là người có những phẩm chất tự nhiên thích hợp nhất với nghề nông, thì đối với những người bảo vệ, người giỏi nhất phải là những người có bản chất tự nhiên thích hợp để trông coi một đất nước. Họ phải có đúng loại thông minh và khả năng; và họ cũng phải coi nhà nước như là mối quan tâm đặc biệt của họ - loại quan tâm thiết thân với họ đến độ họ phải coi các quan tâm và số phận của nhà nước như là các quan tâm của chính họ.

Chính xác.

Vậy loại người chúng ta phải chọn làm người bảo vệ sẽ là những người mà khi chúng ta nhìn vào toàn bộ đời sống họ, chúng ta thấy họ hoàn toàn nhiệt thành để làm bất cứ điều gì họ nghĩ là có lợi cho nhà nước và không bao giờ làm điều gì ngược với lợi ích của nhà nước.

Phải, đó là loại người chúng ta cần.

Tôi nghĩ chúng ta phải quan sát họ ở mọi lứa tuổi để xem họ có khả năng duy trì niềm xác tín rằng, họ phải làm điều tốt nhất cho cộng đồng hay không và không bao giờ quên niềm xác tín ấy hay cho phép họ tự mình bị ép buộc hoặc bị cám dỗ để vứt bỏ niềm xác tín ấy.

Vứt bỏ bằng cách nào?

Tôi sẽ cắt nghĩa. Khi một niềm tin biến mất khỏi tâm trí, một người có thể muốn từ bỏ nó, nếu nó sai và họ đã học được điều tốt hơn, hay không muốn từ bỏ, nếu nó đúng.

Tôi hiểu bằng cách nào họ có thể muốn từ bỏ nó; nhưng ông phải cắt nghĩa làm thế nào họ có thể không muốn từ bỏ nó.

Khó khăn của anh ở chỗ nào? Anh không đồng ý rằng người ta không muốn mất điều tốt, mặc dù họ luôn sẵn sàng bỏ điều xấu sao? Hay bị lừa gạt về sự thật là một điều xấu, có sự thật là điều tốt sao? Hay anh không nghĩ rằng có sự thật có nghĩa là nghĩ về sự vật đúng theo thực chất của chúng sao?

Ông có lý, tôi đồng ý rằng người ta không muốn bị cướp mất một niềm tin chân thực.

Khi điều đó xảy đến cho họ, đó phải là do trộm cắp, hay vũ lực, hay sự mê hoặc.

Tôi không hiểu.

Có lẽ ẩn dụ của tôi hơi cao. Tôi gọi nó là trộm cắp khi một người bị thuyết phục từ bỏ niềm tin của mình hay quên nó đi. Trường hợp thứ nhất là bằng lý luận, trường

hợp thứ hai là bằng thời gian, lấy cắp nó mà người ta không biết điều gì đang xảy ra. Bây giờ anh hiểu chứ?

Vâng.

Và tôi nói vũ lực là có ý nói rằng một người bị mê hoặc để thay đổi ý kiến do đau khổ thể xác hay tinh thần.

Điều này tôi cũng hiểu. Và ông có lý.

Còn về sự quyến rũ, tôi nghĩ anh sẽ đồng ý rằng điều này xảy ra khi một người bị lôi kéo ra khỏi niềm tin của họ vì sự lôi cuốn của lạc thú hay vì sợ sẽ phải chịu đau khổ.

Vâng, mọi sự ảo tưởng đều giống như một thứ bùa mê.

Như tôi vừa nói lúc nãy, chúng ta phải tìm ra ai là những người bảo vệ tốt nhất niềm xác tín nội tâm này, khiến họ phải luôn luôn làm điều gì mà họ tin là tốt nhất cho cộng đồng. Chúng ta sẽ phải quan sát họ từ tuổi thơ và giao cho họ những nhiệm vụ mà họ rất dễ lãng quên hay bị lôi kéo sao nhãng bổn phận của họ. Sau đó chúng ta sẽ chọn ra những người nào có trí nhớ vững vàng và có chứng cớ về sự chắc chắn chống lại các sự mê hoặc.

Vâng.

Vì vậy, có thể gọi đó là những người bảo vệ theo nghĩa đầy đủ nhất, những người sẽ bảo đảm rằng dù kẻ thù bên ngoài hay bạn bè bên trong cũng không có sức lôi kéo hay làm hại được họ. Những người trẻ mà giờ đây chúng ta đã gọi là những người bảo vệ, sẽ được mô tả đúng hơn là những người trợ giúp, họ sẽ là những người làm cho các quyết định của các nhà cai trị trở nên có hiệu lực.

Tôi đồng ý.

Bây giờ, tôi nói, chúng ta sẽ trang bị cho những người con này của Trái Đất và dẫn họ, dưới sự điều khiển của các nhà cai trị của họ, đến khung cảnh thành phố của chúng ta. Ở đây họ sẽ tìm ra chỗ tốt nhất để cắm trại, từ đó họ sẽ có thể chế ngự mọi cuộc nổi loạn chống lại luật pháp từ bên trong và đánh đuổi mọi kẻ thù từ bên ngoài giống như đánh đuổi bầy sói đến tấn công đàn cừu. Khi họ đã cắm trại và dâng lễ vật lên các thần, họ phải thu xếp chỗ ngủ của họ; và những nơi này phải đủ điều kiện để bảo vệ họ khỏi cái lạnh mùa đông và cái nóng mùa hè.

Tất nhiên. Ông có ý nói họ sẽ sống tại đây à?

Phải, tôi nói; nhưng giống như những người lính, không giống những người buôn bán.

Có gì khác nhau?

Tôi sẽ cố gắng giải thích. Sẽ là rất lạ nếu một người chăn cừu tự đánh mất danh tiếng của mình, khi để những con chó canh giữ cừu bị thiếu ăn và luyện tập kém,

khiến cái đói và tính vô kỷ luật hay thói quen xấu của chúng làm cho đàn cừu lo lắng và tỏ ra không khác gì với bày sói. Chúng ta phải hết sức thận trọng chống lại việc những người hỗ trợ của chúng ta đối xử với đồng bào theo cách ấy và vì họ mạnh hơn, họ có thể trở thành những tên bạo chúa hung dữ thay vì những đồng minh thân thiện; và họ sẽ được cung cấp những phương tiện bảo vệ tốt nhất, nếu họ đã thực sự được giáo dục đúng cách.

Nhưng chắc chắn không có điều gì bất ổn trong việc giáo dục của họ.

Chúng ta không nên quá chắc chắn về điều này, anh Glaucon; nhưng chúng ta có thể chắc chắn điều chúng ta mới nói khi nãy, là nếu họ muốn có cơ hội tốt nhất để trở thành những người đối xử tử tế và nhân đạo với nhau và với những người họ có trách nhiệm trông coi, thì họ phải có một nền giáo dục đúng đắn, bất luận là dưới hình thức nào.

Ở đây chúng ta đang nói rất đúng.

Rồi, ngoài việc giáo dục, cũng phải nói rằng nơi ăn chốn ở và các đồ dùng chúng ta cung cấp cho họ phải thế nào để họ không thể trở nên kém hoàn hảo hơn hay không thể khuyến khích họ cư xử không tốt với đồng bào của họ.

Đúng.

Hiểu như thế rồi, chúng ta sẽ xét xem họ phải sống ra sao và nơi ăn chốn ở của họ phải như thế nào. Thứ nhất, không ai trong họ được có tài sản riêng ngoại trừ những nhu cầu tối thiểu. Thứ hai, không ai được có những nơi ở mà mọi người khác không thể tự tiện vào được. Về lương thực, theo số lượng cần thiết bởi những người điều độ và can đảm trong thời kỳ đào tạo cho chiến tranh, họ sẽ nhận từ những công dân khác như là tiền công cho việc bảo vệ của họ, được ấn định thế nào để chỉ vừa đủ cho đến hết năm; và họ sẽ ăn chung và sống chung với nhau như trong một trại lính. Chúng ta sẽ nói cho họ rằng họ sẽ không cần vàng bạc, vì họ đã có các vị thần trong tâm hồn họ như là tài sản trời cho họ và sự thanh khiết của tâm hồn họ không thể bị vẩn đục bởi các gỉ sét của những hành vi vô đạo thường thấy nơi người thường. Chỉ có họ là bị cấm không được đụng chạm và sử dụng vàng bạc, hay vào ở trong nhà có vàng bạc, hay mang theo người như là đồ trang sức, hay uống rượu bằng các bình làm bằng vàng bạc. Lối sống này sẽ là sự cứu độ của họ và làm họ trở thành những vị cứu tinh của đất nước. Nếu có khi nào họ chiếm hữu đất đai và nhà cửa cũng như tiền bạc, họ sẽ từ bỏ tư cách bảo vệ của họ để quản lý nông trại hay gia đình của họ và trở thành những kẻ độc tài

thù địch với đồng bào, thay vì là những đồng minh. Và như thế họ sẽ trải qua suốt cuộc đời họ trong thù ghét, âm mưu và bị âm mưu, trong sự sợ hãi địch thù trong nước hơn là kẻ thù ngoại bang và đi thẳng tới chỗ bị hủy diệt cả đối với họ lẫn đất nước của họ. Vì tất cả những lý do này, chúng ta hãy nói rằng đây là cách phải dự liệu cho những người bảo vệ của chúng ta về nhà cửa và các thứ khác, và chúng ta hãy theo đó mà làm luật.

Hoàn toàn phải như thế, Glaucon nói.

QUYỂN IV

Tới đây Adeimantus cắt ngang bằng một câu hỏi: Ông Socrates, ông trả lời thế nào, nếu có người nói rằng ông đang làm cho những người này trở thành khốn khổ và chính họ lại là nguyên nhân nỗi bất hạnh của mình; trên thực tế nhà nước là của họ, nhưng họ chẳng được lợi lộc gì cả; trong khi những người khác có đất, có nhà cao cửa rộng và có mọi thứ đẹp đẽ trong nhà, có tiền để dâng lễ vật lên các thần và có của tiếp đãi khách khứa; hơn nữa, như ông vừa nói, họ có vàng có bạc và có mọi thứ may mắn trên đời; còn các công dân nghèo của chúng ta chẳng khác gì những người làm thuê phải chôn chân trong thành phố và luôn luôn phải lo bổn phận canh gác?

Đúng, tôi nói; và anh cũng có thể thêm rằng họ chỉ được nuôi ăn, ngoài ra không được trả lương giống như những người khác; vì vậy dù có muốn họ cũng không thể đi chơi giải trí; họ không có tiền trả cho một tình nhân hay một trò giải trí xa xỉ nào khác vốn được người đời coi là niềm hạnh phúc; và còn có thể thêm nhiều lời cáo buộc khác nữa.

Nhưng, anh nói, chúng ta giả sử tất cả các lời cáo buộc là như thế.

Tôi nói: ý anh là muốn biết chúng ta phải trả lời thế nào, phải không?

Vâng.

Nếu chúng ta theo phương pháp cũ của chúng ta, tôi nói, thì tôi tin chúng ta sẽ tìm ra câu trả lời. Và câu trả lời của chúng ta sẽ là, mặc dù các người bảo vệ của chúng ta sống nếp sống ấy, họ vẫn là những con người hạnh phúc nhất; nhưng mục tiêu của chúng ta khi thiết lập nhà nước không phải là vì một thứ hạnh phúc bất bình đẳng của riêng một giai cấp nào, mà là hạnh phúc lớn nhất của tập thể; chúng ta nghĩ rằng trong một nhà nước có tổ chức tốt đẹp nhằm lợi ích của toàn thể, chúng ta chắc chắn sẽ tìm thấy công bằng, còn trong một nhà nước được tổ chức dở, sẽ có bất công; và sau khi tìm hiểu về chúng, chúng ta sẽ có thể kết luận nhà nước nào hạnh phúc hơn. Tạm thời bây giờ, tôi cho rằng

chúng ta đang hình thành nhà nước hạnh phúc, không phải lẻ tẻ từng phần, hay nhằm làm cho một số ít công dân hạnh phúc, nhưng toàn thể nhà nước; và chúng ta sẽ từ từ đi sang tìm hiểu loại nhà nước đối ngược lại. Giả sử chúng ta đang vẽ một pho tượng và có người đến nói với chúng ta, tại sao anh không tô những màu đẹp nhất lên những phần đẹp nhất của thân thể-mắt phải xanh, vậy mà anh lại cho mắt đen-chúng ta có thể trả lời đại khái như sau: Thưa ông, không lẽ ông muốn chúng tôi tô điểm cặp mắt tới độ nó không còn là mắt nữa sao? Ngược lại, khi tô bộ phận này và các bộ phận khác theo mức thích hợp của chúng, chúng tôi làm cho cả pho tượng thành đẹp. Vì vậy tôi nói với anh, đừng buộc chúng ta phải gán cho những người bảo vệ một thứ hạnh phúc khiến họ chỉ còn là những người bảo vệ; vì chúng ta cũng có thể mặc cho các nông dân bộ cẩm bào và đội lên đầu họ vương miện bằng vàng và bắt họ cày cuốc đất bao nhiêu tùy họ thích, ngoài ra không có gì nữa. Chúng ta cũng có thể cho các thợ gốm của chúng ta nằm nghỉ phè phỡn, yến tiệc linh đình, trong khi cái khuôn đúc của họ được đặt sẵn trong tay để họ nặn bao nhiêu tùy họ thích; và như thế chúng ta cũng có thể làm cho mọi hạng người sung sướng-và anh nghĩ rằng như thế cả nước sẽ hạnh phúc. Không đâu. Chớ nhét ý tưởng ấy vào đầu óc chúng tôi; vì nếu chúng tôi nghe anh, người nhà nông sẽ không còn là người nhà nông, thợ gốm không còn là thợ gốm và không ai sẽ mang một đặc trưng của bất cứ giai cấp nào trong nhà nước nữa. Tuy nhiên điều này cũng không có hậu quả nghiêm trọng nếu sự suy yếu của xã hội và sự thiếu trung thực chỉ giới hạn vào những người thợ giày; nhưng khi những người bảo vệ luật pháp và chính quyền chỉ có vẻ mà không thực sự là những người bảo vệ, thì thử hỏi họ sẽ làm khuynh đảo nhà nước như thế nào; mặt khác, chỉ có họ là người có quyền tạo trật tự và hạnh phúc cho nhà nước. Chúng ta muốn những người bảo vệ của chúng ta phải là những vị cứu tinh thực sự chứ không phải là những kẻ tiêu diệt nhà nước, trong khi đối thủ của chúng ta lại nghĩ đến những người nông dân tại các đám tiệc tùng, hưởng thụ một nếp sống sạy sưa, chứ không phải là những công dân đang chu toàn nghĩa vụ đối với nhà nước. Nhưng nếu vậy, chúng ta muốn hiểu về những chuyện khác, còn đối thủ của chúng ta lại muốn nói đến một cái gì không phải là nhà nước. Vì vậy chúng ta phải xét xem khi đặt ra các người bảo vệ, chúng ta muốn nhắm tới hạnh phúc cá nhân của họ, hay là chúng ta muốn nhắm tới hạnh phúc của nhà nước xét như là một tập thể. Nhưng nếu trường hợp thứ hai là đúng, thì

những người bảo vệ và những người phụ tá cũng như tất cả mọi người khác cũng thế, đều buộc phải làm công việc của mình một cách tốt nhất. Và như thế toàn thể nhà nước sẽ lớn mạnh thành một trật tự cao đẹp và các giai cấp khác nhau sẽ nhận được phần hạnh phúc tương ứng với bản chất nhiệm vụ được qui định cho họ.

Tôi nghĩ ông nói rất đúng.

Tôi chợt nảy sinh một ý khác nữa, không biết anh có đồng ý không?

Ý gì vậy?

Có vẻ như có hai nguyên nhân làm suy yếu các nghề.

Là những nguyên nhân nào ?

Tôi nói: giàu sang và nghèo khó.

Chúng tác động ra sao?

Qui trình như sau: khi một người thợ gốm trở nên giàu có, anh thử nghĩ xem liệu họ có còn chịu khó với công việc như trước không?

Chắc chắn là không rồi.

Họ sẽ trở nên lười biếng và cẩu thả hơn.

Rất đúng. Và kết quả là họ trở thành một người thợ gốm dở hơn trước.

Vâng, họ sẽ kém đi rất nhiều.

Nhưng ngược lại, nếu họ không có tiền và không thể mua sắm dụng cụ hay thiết bị cho mình, thì họ cũng không thể lao động tốt và cũng không thể dạy con cái họ hay các thợ tập nghề khác để cũng lao động tốt được.

Chắc chắn là không.

Vậy là vì ảnh hưởng của nghèo khó hay giàu sang mà người lao động và công việc của họ cũng bị suy kém đi, phải không?

Tất nhiên.

Vậy là, tôi nói, ở đây chúng ta phát hiện ra thêm các sự xấu mới; những người bảo vệ phải canh chừng chúng để chúng khỏi len lỏi vào thành phố mà không bị phát hiện.

Những sự xấu nào?

Giàu sang, tôi nói, và nghèo khó. Một thứ sinh ra thói xa xỉ và lười biếng, thứ kia sinh ra tính bần tiện và lươn lẹo, cả hai đều làm người ta bất mãn.

Rất đúng; anh đáp; nhưng tôi vẫn muốn biết, làm thế nào đất nước chúng ta có thể lâm chiến, đặc biệt chống lại một kẻ thù vừa mạnh vừa giàu, nếu không có các nguồn lực chiến tranh.

Chắc chắn sẽ có khó khăn khi giao chiến với một kẻ thù mạnh và giàu như thế; nhưng sẽ không khó nếu có hai kẻ thù như thế?

Nghĩa là sao? anh hỏi.

Trước hết, tôi nói, nếu chúng ta phải chiến đấu, phe chúng ta sẽ gồm những chiến binh giao chiến với một quân đội gồm những kẻ giàu có.

Đúng, anh nói.

Và anh Adeimantus, anh có nghĩ rằng một võ sĩ có kỹ thuật hoàn hảo có thể dễ dàng một mình đánh lại hai người vừa khỏe vừa giàu nhưng lại không phải là võ sĩ chuyên nghiệp không?

Khó lắm, nếu cả hai cùng lao vào đánh người ấy cùng một lúc.

Nhưng, tôi nói, sẽ thế nào nếu người ấy có thể bỏ chạy rồi sau đó quay lại và đánh người đầu tiên họ gặp? Và giả sử họ phải làm điều này nhiều lần dưới sức nóng như thiêu như đốt của mặt trời, liệu người ấy, vì là một võ sĩ chuyên nghiệp, có thể đánh lại hơn một người giàu có và khỏe mạnh không?

Chắc chắn rồi, điều đó không có gì đáng ngạc nhiên.

Vậy chúng ta có thể cho rằng các lực sĩ của chúng ta có thể đánh lại số địch thủ đông gấp hai gấp ba lần?

Tôi đồng ý với ông.

Và giả sử trước khi lâm chiến, nước chúng ta gửi sứ giả tới một trong hai thành phố thù địch kia, nói với họ sự thật là: chúng tôi không có vàng có bạc gì cả và cũng không được phép giữ vàng bạc, nhưng quí quốc có thể; vậy quí quốc có muốn đến giúp chúng tôi đánh lại thành phố kia, chiến lợi phẩm quý quốc có thể lấy hết: khi nghe những lời đề nghị này, liệu nước ấy có quyết định đánh lại những con chó gầy còm, thay vì chọn liên minh với những con chó này để đánh lại những con cừu non béo đẫy không?

Có lẽ là không; nhưng nước nghèo có thể gặp nguy hiểm nếu của cải của nhiều nước được gom vào một nước duy nhất.

Nhưng anh dùng từ "Nước" với một nghĩa quá đơn sơ đấy.

Tại sao?

Anh phải nói về các nước khác ở số nhiều; không được nói về họ như là một thành phố, mà là nhiều thành phố. Vì thực ra, bất cứ thành phố nào, cho dù nhỏ đến mấy, cũng bị chia thành hai, một thành phố của người nghèo, một của người giàu; chúng đánh lẫn nhau; và trong mỗi thứ lại có nhiều mối chia rẽ nhỏ hơn và như thế anh sẽ sai nếu anh coi tất cả là một nước duy nhất. Nhưng nếu anh kể họ là nhiều và lấy sức mạnh, của cải hay người của một nước để đem cho các nước khác, anh sẽ luôn luôn có nhiều bạn và ít thù. Và nước của anh, khi có một trật tự khôn ngoan trỗi vượt, nó sẽ là nước lớn nhất, tôi không muốn nói là lớn về danh tiếng hay vẻ bề ngoài, nhưng về hành động và sự thật, mặc dù nó chỉ có không hơn một ngàn người bảo vệ. Một nhà nước duy nhất ngang hàng với nó anh sẽ khó tìm thấy, dù là giữa người Hi Lạp hay người man di, mặc dù có nhiều nước có vẻ rất lớn.

Rất đúng, anh nói.

Vậy, tôi nói, đâu sẽ là giới hạn tốt nhất để các nhà cai trị của chúng ta ấn định khi họ chọn kích thước của Nước và số lượng lãnh thổ mà Nước ấy phải có, và không vượt ra xa hơn?

Ông đề nghị giới hạn nào?

Tôi muốn có một Nước lớn tới mức nào mà nó vẫn còn giữ được sự thống nhất; tôi nghĩ đó là giới hạn thích hợp.

Rất tốt, anh nói.

Vậy, tôi nói, đây là một trật tự khác nữa chúng ta phải chuyển đạt cho những người bảo vệ của chúng ta: Thành phố của chúng ta không được đánh giá dựa trên tiêu chuẩn lớn hay nhỏ, nhưng dựa trên sự duy nhất và tự đủ.

Và, anh nói, chắc chắn đây không phải là một trật tự quá nghiêm khắc mà chúng ta bắt buộc họ.

Và cái trật tự mà chúng ta đã nói trước thì còn nhẹ hơn, tôi muốn nói đến bổn phận phải giáng cấp những con cái của những người bảo vệ nếu họ hèn kém và thăng cấp người bảo vệ cho những con cái của giai cấp thấp hèn, nếu bản chất của họ vượt trội. Ý tưởng ở đây là, trong trường hợp các công dân nói chung, mỗi cá nhân phải được sử dụng đúng với khả năng tự nhiên của họ, mỗi người một việc và mỗi người phải làm công việc của mình và chỉ một chứ không nhiều công việc; và như thế cả thành phố sẽ là một chứ không là nhiều.

Vâng, anh nói; điều này không khó lắm.

Anh Adeimantus, các qui định của chúng ta không phải là một số nguyên tắc to lớn, nhưng tất cả chỉ là những chuyện tầm thường, nhưng nếu được chăm lo đến nơi đến chốn, chúng sẽ nằm trong một điều vĩ đại duy nhất-tuy nhiên, điều ấy tôi không muốn gọi là vĩ đại, nhưng cũng đủ cho mục đích của chúng ta.

Đó có thể là điều gì? Anh hỏi.

Giáo dục, tôi nói, và nuôi dưỡng: Nếu các công dân của chúng ta được giáo dục tử tế và lớn lên thành những con người biết lý lẽ, thì họ sẽ dễ thấy rõ con đường họ phải theo giữa biết bao nhiêu điều khác mà tôi không kể ra ở đây; ví dụ như hôn nhân, sở hữu phụ nữ và sinh con đẻ cái, tất cả những điều như thế sẽ tuân theo một nguyên tắc chung là các bạn bè có mọi cái làm của chung, như câu tục ngữ thường nói.

Đó sẽ là cách giải quyết tối ưu.

Cũng vậy, tôi nói, nếu cỗ máy nhà nước có một khởi đầu tốt, nó sẽ chuyển động ngày càng mạnh hơn, giống như một chiếc bánh xe. Bởi vì việc dưỡng dục tốt sẽ cấy trồng được những thể chất tốt và những thể chất tốt ăn rễ sâu trong nền giáo dục tốt sẽ

ngày càng tiến bộ, và sự tiến bộ này sẽ ảnh hưởng tới nòi giống nơi con người và loài vật.

Rất có thể, anh nói.

Vậy để tóm lại: Đây là điểm mà chúng ta phải làm cho các nhà cai trị của chúng ta hướng tới trên hết, đó là bảo tồn âm nhạc và thể dục trong hình thức nguyên thủy của nó, chứ không được biến đổi chúng. Họ phải cố gắng hết sức để giữ chúng nguyên tuyền. Và khi có ai nói rằng loài người phải ca ngợi

"Bài hát mới nhất mà các ca sĩ hát",[1]

họ phải e rằng có thể không phải là người ấy đang ca ngợi các ca khúc mới, mà là một loại ca khúc mới; và một loại ca khúc mới thì không đáng được ca ngợi hay quan niệm như là ý của nhà thơ; vì bất cứ sự biến đổi nào trong âm nhạc để chứa đầy nguy hiểm cho nhà nước và phải cấm các sự biến đổi như thế. Vì thế Damon có nói với tôi và tôi cũng khá tin anh ấy; -anh ấy nói rằng khi các kiểu ca khúc thay đổi, thì các luật lệ cơ bản của nhà nước cũng luôn thay đổi theo chúng.

Đúng thế, Adeimantus nói; và ông có thể thêm sự tán đồng của tôi vào ý kiến của Damon và của chính ông.

Vậy, tôi nói, phải chăng những người bảo vệ của chúng ta phải lấy âm nhạc làm nền móng cho pháo đài của họ?

Vâng, anh nói; tình trạng vô pháp luật mà ông nói đến rất dễ len lỏi vào.

Đúng, tôi đáp, chúng thường len lỏi vào dưới hình thức các trò giải trí; và thoạt nhìn chúng có vẻ vô hại.

Đúng thế, có thể nói là chúng vô hại thật, nhưng nếu không thận trọng, tinh thần phóng túng này sẽ từ từ len lỏi vào nhiều hành vi và tập quán; từ đó, ngày càng mạnh lên, nó xâm chiếm các cuộc trao đổi giữa người với người và từ các cuộc trao đổi này, nó hung hăn lan sang các luật lệ và hiến pháp, để rốt cuộc dẫn tới việc lật đổ mọi quyền lợi, tư cũng như công.

Có thật như vậy không? Tôi hỏi.

Tôi tin là như thế, anh đáp.

Vậy, như tôi đã nói, thanh niên của chúng ta phải được đào tạo ngay từ đầu theo một hệ thống nghiêm khắc, vì nếu sự giải trí trở thành vô luật pháp và bản thân các thanh niên trở thành vô luật pháp, thì họ không bao giờ có thể trở thành những công dân có hạnh kiểm tốt và đức hạnh.

Rất đúng, anh nói.

Và khi họ đã bắt đầu được đào tạo tốt trong việc chơi đùa và với sự trợ giúp của âm nhạc, họ tập

[1] Od. i. 352.

được thói quen sống trật tự, thì thói quen này một cách nào đó sẽ đồng hành với họ trong mọi hành động của họ và trở thành một nguyên tắc tăng trưởng của họ và nếu trong nước có chỗ nào sa sút, thói quen của họ sẽ vực họ dậy trở lại.

Rất đúng, anh nói.

Khi được giáo dục như thế, họ sẽ tự mình khám phá ra những qui luật nhỏ hơn mà các bậc tiền bối của họ đã bỏ qua.

Ý ông là gì?

Tôi muốn nói về các điều này:- khi nào thanh niên phải im lặng trước những người lớn tuổi; các thanh niên phải tỏ lòng kính trọng những người già bằng cách đứng dậy và mời họ ngồi như thế nào; họ phải tôn kính cha mẹ như thế nào; họ phải ăn mặc ra sao; chải tóc thế nào; điệu bộ và cử chỉ nói chung phải như thế nào. Anh đồng ý với tôi chứ?

Vâng.

Nhưng tôi nghĩ có một sự khôn ngoan nho nhỏ trong việc đặt ra các luật cho những vấn đề như thế,- không biết người ta có đặt ra các luật ấy bao giờ chưa, hay có các luật được viết thành văn bản chính xác nào còn giá trị lâu dài không.

Không thể.

Anh Adeimantus, có vẻ như một người bắt đầu được giáo dục theo hướng nào thì sẽ quyết định đời sống tương lai của họ theo hướng ấy. Cây ngả chiều nào thì đổ theo chiều ấy, đúng không?

Rất đúng.

Vì vậy, tôi nói, tôi sẽ không tìm cách đặt thêm nhiều luật khác nữa về chúng.

Tôi nghĩ đã đủ rồi, anh đáp.

Tốt. Và còn về công việc của đại hội và về các cư xử giữa người với người, hay về các thỏa thuận với các thợ thủ công; về sự nhục mạ và làm tổn thương, hay việc bắt đầu các hành động và việc bổ nhiệm các bồi thẩm đoàn, anh có ý kiến gì?

Tôi nghĩ không cần đặt thêm các luật này đối với những người tốt; đối với những người này, tự họ sẽ sớm tìm ra những luật nào là cần thiết.

Đúng, tôi nói, chỉ mong sao Thần giúp họ duy trì được các luật mà chúng ta đã dạy họ.

Và nếu không được Thần trợ giúp, Adeimantus nói, họ sẽ không ngừng làm ra thêm hoặc sửa đổi các luật của họ và đời sống của họ với hi vọng đạt được sự hoàn thiện.

Có phải anh muốn so sánh họ với những kẻ bất hảo không tự chủ và không chịu từ bỏ thói quen vô độ của họ không?

Đúng như thế.

Phải, tôi nói; và họ sống thú vị quá! Họ luôn luôn chồng chất thêm

những hành vi buông thả ngày càng tinh vi của họ và luôn luôn tưởng rằng chúng sẽ được chữa trị bằng bất cứ phương thuốc thần kỳ nào mà bất cứ ai bảo họ thử.

Đó là trường hợp rất thường gặp nơi những con người bất hảo loại này.

Đúng, tôi đáp; và điều thú vị là họ coi mình là kẻ thù không đội trời chung với những ai nói sự thật cho họ, nghĩa là những ai bảo họ rằng nếu họ không bỏ chè chén say sưa hay chơi bời lêu lổng, thì không có thứ thuốc thần nào có thể chữa nổi họ.

Thú vị! Anh nói. Tôi không thấy có gì là thú vị khi tức giận với người nói cho mình sự thật.

Những hạng người ấy không giống với anh chút nào.

Hẳn là không rồi.

Và anh cũng sẽ không ca ngợi việc các nhà nước có các hành vi giống như hành vi của hạng người chúng ta đang nói đây.

Vâng, anh nói; nhà nước cũng xấu như con người; và tôi hoàn toàn không thể ca ngợi chúng.

Nhưng, tôi nói, anh có ca ngợi sự thông minh và khôn khéo của các viên chức nhà nước trong các công việc hủ hoá chính trị không?

Có, anh nói, tôi ca ngợi; nhưng không phải tất cả họ, vì có những người mà tiếng vỗ tay hoan hô của quần chúng khiến họ tưởng rằng họ là các chính khách thực sự và những người như thế không đáng ca ngợi gì cả.

Ý anh muốn nói gì? Tôi hỏi; anh phải cảm thông với họ hơn mới phải. Khi một người không biết đo và nhiều người khác cũng không biết đo nhưng lại bảo rằng anh ta cao hai mét, hẳn là anh ta không thể không tin họ.

Không, anh nói, chắc chắn là không trong trường hợp này.

Vậy, anh không nên tức giận họ; vì họ chỉ giỏi như trong một vở kịch, tra tay vào các công việc cải cách như tôi đã mô tả; họ luôn luôn tưởng rằng bằng cách đặt ra các luật, họ sẽ chấm dứt các sự gian dối trong các khế ước và các hành vi rối loạn như tôi đã mô tả.

Vâng, anh nói, đó là điều họ đang làm.

Tôi nghĩ rằng người làm luật đích thực sẽ không bận tâm tới kiểu ra các luật trong một nước vô trật tự hay một nước có trật tự; vì đối với nhà nước vô trật tự thì các luật ấy vô ích và trong nhà nước có trật tự thì không cần ra nhiều luật; và nhiều luật loại này có thể phát sinh tự nhiên từ các luật có sẵn của chúng ta.

Vậy, anh nói, chúng ta còn có việc gì phải làm liên quan đến công việc lập pháp?

Không có việc gì cả, tôi đáp; nhưng đối với thần Apollo của đền

Delphi, còn có việc ra các luật lớn nhất, cao quí nhất và quan trọng nhất.

Là luật nào? Anh hỏi.

Việc thiết lập các đền thờ và các cuộc tế lễ và toàn thể việc thờ phụng các thần, bán thần và anh hùng; cũng còn các luật đối với người chết và các nghi lễ phải tuân giữ bởi người muốn đền tội cho những người đang ở dưới âm phủ. Đây là những công việc mà chúng ta mù tịt và vì là những người thiết lập thành phố, chúng ta không được phép tin vào những lời cắt nghĩa của ai khác ngoài vị thần của tổ tiên chúng ta. Ngài là vị thần ngự giữa trung tâm, trên cái rốn của trái đất và Ngài là người cắt nghĩa tôn giáo cho toàn thể loài người.

Ông có lý và chúng tôi sẽ làm theo lời ông đề nghị.

Vì thế, tôi nói, này con trai Ariston, cuối cùng nhà nước của anh đã được thiết lập. Chuyện tiếp theo là đưa ánh sáng đến cho nó từ bất cứ nơi nào có thể có được, với sự trợ giúp của em trai anh và Polemarchus và mọi người khác, với hi vọng chúng ta có thể tìm thấy trong nhà nước ấy ở đâu có công bằng và ở đâu có bất công, chúng khác nhau thế nào và thứ nào sẽ mang lại hạnh phúc cho người có nó, bất luận các thần và người ta có thấy rằng người ấy có nó hay không.

Vô nghĩa, Glaucon nói; ông đã hứa chính ông sẽ dẫn dắt cuộc tìm kiếm, vì sẽ là một tội nếu không giữ công bằng bằng tất cả sức lực của mình.

Đúng thế; tôi phải làm như anh nói, nhưng các anh cũng phải giúp.

Chúng tôi sẵn sàng.

Nếu vậy tôi tin rằng chúng ta sẽ rất có khả năng tìm thấy điều chúng ta đang đi tìm theo cách này. Tôi cho rằng nhà nước của chúng ta, vì được đặt nền móng và xây dựng đúng đắn, là nhà nước tốt với tất cả ý nghĩa của từ này.

Hẳn phải thế.

Tất nhiên, nó là nhà nước khôn ngoan, dũng cảm và công bằng.

Tất nhiên.

Vậy nếu chúng ta tìm thấy một số đức tính này trong đó, số còn lại sẽ là đức tính mà chúng ta không tìm thấy. Giống như thể chúng ta đang tìm kiếm ở đâu đó một trong bốn điều sau đây: nếu chúng ta phát hiện ra đúng điều đó ngay tức khắc, chúng ta có thể mãn nguyện; còn nếu chúng ta nhận ra ba điều kia trước, như thế đủ để cho thấy điều chúng ta muốn tìm; nó chỉ có thể là điều còn lại. Vì thế ở đây chúng ta có bốn đức tính. Chúng ta có nên theo phương pháp tìm kiếm này không?

Chắc chắn rồi.

Vậy để bắt đầu: đức tính đầu tiên chúng ta nhận thấy ở nhà

nước của chúng ta hình như là sự khôn ngoan của nó; và hình như có điều gì kỳ cục nơi đức tính này.

Có gì kỳ cục sao?

Tôi nghĩ nhà nước mà chúng ta mô tả thực sự có khôn ngoan; vì nó sẽ thận trọng trong lời khuyên, phải không?

Phải.

Và thận trọng trong lời khuyên rõ ràng là một dạng tri thức; lời khuyên tốt không thể nào do ngu dốt hay ngốc nghếch.

Rõ ràng.

Nhưng có nhiều loại tri thức trong nhà nước chúng ta. Có tri thức của người thợ mộc hay thợ rèn và có tri thức của nông dân trồng lúa. Chúng ta có gọi nhà nước là khôn ngoan căn cứ trên sức mạnh của những dạng kỹ năng này không?

Không; chúng chỉ tốt trong việc làm ra các đồ dùng bằng gỗ hay đồng hay trồng trọt.

Vậy, có một dạng tri thức nào, được chiếm hữu bởi một người dân nào trong nhà nước mới lập của chúng ta, mà giúp nó suy nghĩ không phải vì lợi ích riêng tư nào, nhưng vì lợi ích của toàn thể đất nước trong các quan hệ bên trong và bên ngoài không?

Có, có.

Nó là gì, ở đâu?

Đó chính là nghệ thuật của người bảo vệ và nó có trong những nhà cai trị mà bây giờ chúng ta gọi là những người bảo vệ theo nghĩa đầy đủ nhất.

Và cái tên mà nhà nước rút ra từ sự sở hữu loại tri thức này là gì?

Thận trọng và khôn ngoan.

Và ông nghĩ là có nhiều hay ít những người bảo vệ chân chính này trong nước chúng ta hơn những người thợ rèn?

Ít hơn rất nhiều.

Trên thực tế, ít hơn bất cứ nhóm người nào mà chúng ta gọi theo kỹ năng họ có?

Ít hơn rất nhiều.

Vậy, nếu một nhà nước được thiết lập dựa trên các nguyên tắc tự nhiên, thì sự khôn ngoan nó có xét như một toàn thể sẽ căn cứ trên sự hiểu biết nằm trong thành phần nhỏ nhất, thành phần này lãnh đạo và cai trị số còn lại. Sự hiểu biết như thế là loại hiểu biết duy nhất xứng với tên gọi khôn ngoan và có vẻ được tự nhiên sắp đặt để giai cấp ưu việt có sự hiểu biết này mà là giai cấp ít nhất.

Rất đúng.

Ở đây chúng ta đã hơn kém xác định rõ một trong bốn đức tính và chỗ ở của nó trong cơ cấu của nhà nước.

Tôi rất hài lòng.

Tiếp đến là lòng dũng cảm. Không khó để nhận thấy đức tính ấy hay thành phần của cộng đồng

có đức tính ấy khiến cho toàn thể cộng đồng được gọi là dũng cảm.

Tại sao ông nói thế?

Vì bất cứ ai nói về một nhà nước như là dũng cảm hay hèn nhát đều chỉ có thể nghĩ đến thành phần ấy, là thành phần chiến đấu để bảo vệ nhà nước; lý do theo tôi là vì tính chất của nhà nước không được xác định bởi sự dũng cảm hay hèn nhát của thành phần nào khác.

Đúng thế.

Vậy, dũng cảm là một đức tính khác mà một cộng đồng có nhờ một thành phần nào đó của chính nó. Một nhà nước dũng cảm có nghĩa là, trong thành phần này, nó có khả năng duy trì trong mọi hoàn cảnh một sự xác tín về loại sự vật đáng để người ta sợ với niềm tin được vun trồng bởi nền giáo dục mà nhà làm luật đã thiết lập. Có phải đó là cái anh gọi là dũng cảm không?

Tôi không hiểu mấy. Ông có thể nói lại không?

Tôi nói dũng cảm là duy trì một điều gì đó.

Vâng, nhưng điều gì?

Niềm xác tín được ghi khắc bởi nền giáo dục được thiết lập hợp pháp, về loại sự vật đáng để người ta sợ. Khi tôi thêm câu "trong mọi hoàn cảnh," tôi muốn nói đến việc duy trì nó luôn luôn và không bao giờ bỏ nó, cho dù là dưới ảnh hưởng của vui sướng hay đau khổ, ước muốn hay sợ hãi...

Tôi nhất trí với lối cắt nghĩa của ông về sự dũng cảm.

Tôi nói tiếp, còn hai đức tính nữa cần phải tìm ra trong nhà nước chúng ta, sự điều độ và đối tượng trong cuộc tìm kiếm của chúng ta, sự công bằng. Chúng ta có thể nào tìm ra sự công bằng mà không tìm hiểu sâu về sự điều độ không?

Tôi không biết và tôi cũng không muốn bàn đến sự công bằng trước khi chúng ta bàn đến sự điều độ. Vậy nếu ông muốn làm tôi hài lòng, xin bàn về sự điều độ trước.

Tất nhiên tôi luôn luôn muốn làm anh hài lòng.

Vậy ông bắt đầu đi.

Tôi sẽ bắt đầu. Trước hết, sự điều độ có vẻ giống như một sự hài hòa hơn là các đức tính kia.

Như thế nào?

Điều độ chắc chắn có nghĩa là một loại trật tự, một sự kiềm chế một số khoái lạc và thèm muốn. Người ta dùng thành ngữ, "làm chủ chính mình", bất kể theo nghĩa nào và nhiều kiểu nói khác nữa theo hướng này.

Đúng thế.

"Làm chủ chính mình" có phải là một thành ngữ vô lý không? Một người làm chủ chính mình thì cũng sẽ phải bắt mình quy phục chính mình và kẻ quy phục cũng

đồng thời là người chủ; vì cả hai thuật ngữ này được áp dụng cho cùng một người.

Chắc chắn rồi.

Tuy nhiên, tôi nghĩ câu nói có nghĩa là bên trong chính người ấy, trong tâm hồn người ấy, có một phần tốt và một phần xấu và người ấy là chủ khi phần tốt bẩm sinh kiểm soát được phần xấu. Chắc chắn đó là một câu nói khen ngợi, trong khi sẽ là một lời chê trách khi mà, do kém giáo dục hay bạn bè xấu, phần tốt phải quy phục phần xấu, giống như một lực lượng nhỏ bị đàn áp bởi một đạo quân đông đảo. Một người trong tình trạng này được gọi là nô lệ của chính mình và vô điều độ.

Có thể đúng là nghĩa ấy.

Vậy bây giờ hãy nhìn vào nhà nước vừa thiết lập của chúng ta và anh sẽ thấy hai điều kiện này được thể hiện ở đây. Bạn sẽ đồng ý rằng nó đáng được gọi là chủ của chính nó, nếu sự điều độ và tự chủ tồn tại ở nơi mà phần tốt cai trị phần xấu.

Vâng, tôi thấy đúng như thế.

Một điều đúng nữa là, những ước muốn và thú vui đa dạng thì thường gặp chủ yếu nơi trẻ em, phụ nữ và nô lệ, và nơi những người được gọi là những người tự do thuộc giai cấp thấp và đông đảo; còn những ước muốn đơn sơ và chừng mực là những ước muốn được soi sáng bởi lý trí, tin tưởng đúng và được hướng dẫn bởi suy tư, thì chỉ có nơi một số ít người, là những người có những đức tính bẩm sinh tốt nhất và có một nền giáo dục tốt nhất.

Đúng, chắc chắn.

Anh có thấy rằng hai loại ước muốn ấy đều có chỗ đứng trong nhà nước của chúng ta; và các ước muốn thô thiển của đa số được chế ngự bởi các ước muốn đức hạnh và sự khôn ngoan của một số ít không?

Tôi thấy như thế, anh nói.

Vậy nếu có nhà nước nào được mô tả là làm chủ các ước muốn và thú vui của mình và làm chủ chính mình, thì nhà nước của chúng ta phải được kể là một nhà nước như thế chứ?

Chắc chắn rồi, anh nói.

Nó cũng có thể được gọi là nhà nước có điều độ, với cùng các lý do như thế chứ?

Vâng.

Và nếu có nhà nước nào mà trong đó những người cai trị và thần dân đều nhất trí về việc ai là người cai trị, thì đó cũng phải là nhà nước của chúng ta chứ?

Không sai.

Và nếu mọi công dân đều nhất trí như thế, thì đức tiết độ sẽ có trong loại công dân nào-người cai trị hay thần dân?

Tôi nghĩ là có trong cả hai, anh đáp.

Anh có thấy rằng chúng ta có lý khi cho rằng tiết độ là một loại hài hòa không?

Như thế nào?

Rõ ràng vì tiết độ khác với can đảm và khôn ngoan; trong hai đức tính sau này, mỗi đức tính chỉ nằm trong một phần mà thôi, một thứ làm cho nhà nước dũng cảm, thứ kia làm cho nhà nước khôn ngoan; còn đức tiết độ thì khác, nó bao trùm toàn thể và đi khắp các mức độ, tạo ra sự hài hòa cho hạng người yếu cũng như hạng người mạnh và hạng người trung bình, dù bạn giả sử họ là yếu hơn hay mạnh hơn về sự khôn ngoan hay sức mạnh, hoặc số đông hay của cải, hoặc về bất cứ yếu tố nào. Vậy chúng ta sẽ hoàn toàn có lý khi cho rằng, tiết độ là sự nhất trí ưng thuận các thành phần có bản chất cao hơn và thấp hơn về vấn đề giữa hai thành phần này, thành phần nào có quyền cai trị, cả trên bình diện nhà nước lẫn bình diện cá nhân.

Tôi hoàn toàn đồng ý.

Tốt, tôi nói. Chúng ta có thể nói là đã tìm ra trong nhà nước của chúng ta ba trong số bốn đức tính, theo đánh giá tốt nhất của chúng ta. Đức tính còn lại cần thiết để làm cho một nhà nước hoàn thiện là gì? Rõ ràng đó là đức công bằng.

Hiển nhiên là thế.

Vậy, anh Glaucon, đã đến lúc chúng ta phải theo dõi cho thật kỹ, giống như người thợ săn đứng rình trước cửa hang thú, để bảo đảm rằng sự công bằng không tuột khỏi và biến mất trước mắt chúng ta. Chắc chắn nó phải có mặt ở đâu đó; vì vậy hãy mở to mắt anh để nhìn cho kỹ và nếu anh tìm thấy trước, hãy thông báo ngay cho tôi.

Tôi mong rằng mình có thể làm điều đó, anh trả lời; nhưng tốt hơn ông nên hướng dẫn tôi chứ đừng trông chờ tôi thấy được điều gì ngoài những điều ông chỉ cho tôi.

Anh hãy cầu cho mình gặp may và hãy theo tôi.

Tôi sẽ cố, nhưng ông phải hướng dẫn.

Thực sự, tôi nói, chúng ta đã tỏ ra quá ngu ngốc. Suốt thời gian này sự vật đã ở sờ sờ trước mắt chúng ta ngay từ đầu, thế mà chúng ta không bao giờ nhìn thấy. Chúng ta cũng vô lý giống như người đi săn lùng một cái gì đó đã có sẵn trong tay mình. Thay vì nhìn thẳng vào vật đó, chúng ta đã cố nhìn vào khoảng cách. Chắc hẳn đó là lý do tại sao nó vuột khỏi tay chúng ta.

Ông muốn nói gì?

Tôi tin chúng ta đang nói về điều đó từ nãy đến giờ, mà không hiểu rằng chúng ta đang phần nào giải thích về nó.

Xin ông nói thẳng, tôi đang chăm chú nghe.

Vậy hãy nghe và đánh giá xem tôi nói có đúng không. Anh còn nhớ không, khi bắt đầu thiết lập nhà nước của chúng ta và nhiều lần kể từ lúc đó, chúng ta đã ra một nguyên tắc chung là mọi người phải làm một chức năng trong cộng đồng mà họ có bản chất thích hợp nhất. Tôi tin rằng nguyên tắc ấy, hay một hình thức của nó, chính là công bằng.

Chắc chắn chúng ta đã ra nguyên tắc ấy.

Đúng và chắc chắn chúng ta đã từng nghe người ta nói rằng sự công bằng có nghĩa là lo việc của mình và không xía vào việc người khác; và bản thân chúng ta cũng đã từng nói như thế.

Đúng.

Vậy, anh bạn, có thể chuyện lo việc của mình, khi hiểu đúng, chính là công bằng. Anh có biết tại sao tôi nghĩ như thế không?

Không. Xin ông cắt nghĩa.

Tôi nghĩ rằng đức tính này làm cho ba đức tính kia, đã được chúng ta nói tới trên kia, là khôn ngoan, can đảm và điều độ, được diễn ra trong cộng đồng và bao lâu nó giúp cho ba đức tính kia tồn tại, thì đức tính còn lại phải là nó. Và chúng ta đã nói rằng, khi đã tìm ra ba trong bốn đức tính, thì đức tính thứ tư phải là công bằng.

Đúng như vậy.

Vậy bây giờ, nếu chúng ta phải kết luận xem trong các đức tính này, đức tính nào đóng góp nhiều nhất cho sự trội vượt của nhà nước chúng ta, thì chúng ta sẽ khó có thể bảo rằng đó là sự nhất trí giữa người cai trị và thần dân, hay sự trung thành của người lính với niềm xác tín rằng điều gì có, điều gì không, điều gì phải sợ, hay về sự theo dõi khôn ngoan của người cai trị.

Chắc hẳn là khó.

Vậy bất luận thế nào, có lẽ nguyên tắc này có thể được nói là trội vượt trên cả khôn ngoan, tiết độ và can đảm trong việc làm cho nhà nước trở thành trội vượt. Anh có nhận rằng chỉ có một đối thủ cạnh tranh duy nhất với ba đức tính này mà thôi, đó là công bằng không?

Chắc chắn rồi.

Vậy anh đã hài lòng chưa khi biết rằng công bằng chính là đức tính tạo ra những con người như thế và những nhà nước như thế, hay chúng ta còn phải tìm hiểu thêm nữa?

Không cần; tôi khá hài lòng rồi.

Và như thế ước mơ của chúng ta đã trở thành hiện thực - tôi có ý nói đến sự gợi ý chúng ta đã có về hình thức thô sơ của công bằng, khi chúng ta bắt đầu tiến hành việc thiết lập nhà nước của chúng

ta. Nguyên tắc của chúng ta rằng người thợ giày hay thợ mộc khi gắn bó với nghề của mình thì trở thành một sự phác họa về công bằng; và đó là lý do tại sao nó đã có ích cho chúng ta. Nhưng trên thực tế, công bằng mặc dù rõ ràng tương tự với nguyên tắc ấy, không phải là chuyện về thái độ bên ngoài, nhưng là về bản ngã bên trong và về sự quan tâm tới tất cả những gì có liên quan tới con người. Người công bằng không cho phép các yếu tố khác nhau trong tâm hồn mình dẫm chân lên các chức năng của nhau; họ là người sắp đặt trật tự cho nhà của mình, bằng việc tự chủ và kỷ luật dẫn đến sự an hòa với bản thân và làm hòa hợp ba phần kia, giống như các khúc cân xứng trong một quãng nhạc, giữa các nốt nhạc cao nhất, thấp nhất và trung bình, với tất cả các quãng nghỉ. Chỉ khi họ nối kết được các phần này với nhau trong sự hài hòa chuẩn mực và làm cho mình trở thành một người chứ không phải nhiều người, thì khi ấy họ mới sẵn sàng làm bất cứ việc gì họ có thể phải làm, dù là việc kiếm tiền và thỏa mãn các nhu cầu thân xác, hay công việc kinh doanh, hay các công việc công cộng của nhà nước. Trong tất cả những lĩnh vực này, khi họ nói về hạnh kiểm đúng đắn và danh dự, họ sẽ có ý nói về hành vi giúp tạo ra và duy trì thói quen tinh thần này; và khi nói đến sự khôn ngoan, họ sẽ có ý nói đến sự hiểu biết bao trùm tất cả hành vi ấy. Bất cứ hành vi nào phá hỏng thói quen này, họ đều sẽ coi là sự bất công; và các ý kiến chế ngự nó, họ sẽ gọi là ngu dốt và điên cuồng.

Hoàn toàn đúng, ông Socrates.

Tuy nhiên, tôi nói tiếp, chúng ta đang tiến rất gần đến chứng minh sáng sủa nhất cho kết luận của chúng ta và chúng ta không được giảm bớt cố gắng.

Nhất định rồi.

Vậy nếu anh muốn sát cánh bên tôi, từ điểm lợi thế này đi lên, chúng ta sẽ thấy được mọi dạng của sự xấu, hay ít ra là mọi dạng mà chúng ta cần tìm hiểu.

Xin ông hướng dẫn và cho tôi biết ông thấy gì.

Điều tôi thấy là, trong khi điều tốt nhất chỉ có một dạng duy nhất, thì sự xấu lại xuất hiện dưới muôn vạn hình dạng, trong số đó đáng chú ý nhất là bốn hình dạng.

Ông muốn nói gì?

Có vẻ như có bao nhiêu loại thể chế chính trị thì có bấy nhiêu loại tính cách.

Bao nhiêu?

Năm trong mỗi loại.

Ông có thể định nghĩa chúng?

Có, tôi nói. Một dạng thể chế sẽ là dạng mà chúng ta đã mô tả, mặc dù nó có thể được gọi bằng hai tên gọi: quân chủ và quý tộc, tùy theo

nhà nước được cai trị bởi một người duy nhất hay bởi nhiều người.

Đúng.

Vậy, tôi coi cả hai tên gọi đó chỉ là cùng một dạng; vì, bao lâu họ còn tuân thủ các nguyên tắc của chúng ta về việc nuôi dưỡng và giáo dục, thì dù là một hay nhiều người cai trị, họ cũng sẽ duy trì các luật pháp cơ bản trong nhà nước chúng ta.

Tất nhiên là thế.

QUYỂN V

Vậy đó là loại nhà nước hay thể chế mà tôi gọi là tốt và hợp lý, và tương ứng loại người tốt và hợp lý với nó. Theo tiêu chuẩn này, các dạng thể chế khác trong đó một nhà nước hay một cá nhân có thể được tổ chức đều là các thể chế xấu và sai. Có bốn dạng thể chế xấu.

Là những thể chế nào?

Đúng lúc tôi định kể ra những dạng này theo thứ tự mà chúng phát triển từ dạng này sang dạng khác thì Polemarchus, người đang ngồi hơi xa Adeimantus, đưa tay ra kéo vai áo anh ta. Nghiêng người về phía trước và kéo Adeimantus về phía mình, anh ta thì thầm điều gì đó vào tai Adeimantus, trong đó tôi nghe được các câu: Chúng ta làm gì đây? Để mặc ông ấy sao?

Chắc chắn là không, Adeimantus nói to lên.

Ông nào, tôi hỏi, anh định để mặc ai?

Ông đấy, anh đáp.

Tôi? Anh có thể nói rõ hơn không?

Bởi vì chúng tôi nghĩ ông đang lẩn tránh tranh luận về một phần rất quan trọng của đề tài và tìm cách giải thích để gạt chúng tôi. Ông nói mọi người phải thấy rằng châm ngôn "các bạn bè có chung mọi sự với nhau" được áp dụng cho đàn bà và trẻ em. Ông nghĩ chúng ta phải bỏ qua một nhận xét như thế sao?

Như vậy tôi không đúng sao, Adeimantus? Tôi nói.

Phải, anh nói, nhưng từ "đúng" trong trường hợp này cần phải được định nghĩa. Có thể có nhiều cách để có mọi sự chung với nhau và ông phải nói cho chúng tôi biết ông có ý gì. Chúng tôi đã đợi khá lâu để nghe ông nói điều gì đó về các điều kiện mà trẻ em phải được sinh ra và dạy dỗ, và toàn thể kế hoạch của ông về các người vợ và con cái có những gì chung với nhau. Chúng tôi thấy đây là vấn đề mà việc tổ chức đúng hay sai sẽ tạo sự khác biệt hoàn toàn trong xã hội; và bây giờ, thay vì phân tích đầy đủ tới cùng, ông lại chuyển qua một hình thức thể chế khác. Vì vậy chúng tôi đã có quyết định mà ông vừa nghe được, là không để ông một mình thảo luận tất cả về dạng

thể chế này giống như các dạng thể chế khác.

Tôi cũng đồng tình với quyết định của anh, Glaucon.

Thực ra, ông Socrates, Thrasymachus nói thêm, ông có thể coi là chúng tôi hoàn toàn nhất trí với nhau.

Các anh không biết mình đang làm gì khi ép tôi như thế, tôi nói. Các anh muốn bắt đầu lại từ đầu toàn thể vấn đề to lớn này, trong khi tôi đang vui vì chúng ta đã giải quyết xong dạng thể chế này rồi. Tôi sẽ rất vui nếu các anh bỏ qua không xét đến nhận xét trên kia của tôi. Và bây giờ, khi các anh yêu cầu một giải thích, các anh không biết các anh đang khuấy động tất cả vấn đề lên. Tôi bỏ qua điều đó, vì tôi không thấy có rắc rối gì.

Được, Thrasymachus nói, vậy ông nghĩ chúng tôi đến đây để làm gì - để chơi xúc sắc hay để nghe thảo luận?

Tất nhiên là thảo luận, tôi trả lời; nhưng có giới hạn.

Glaucon nói: Không một người có lương tri nào có thể nghĩ rằng đời người quá dài để bàn về các vấn đề có tầm quan trọng này. Nhưng ông đừng bận tâm đến chúng tôi; đừng nản lòng. Hãy nói cho chúng tôi ông nghĩ gì về vấn đề này: những người bảo vệ của chúng ta sẽ có vợ con chung như thế nào và họ sẽ nuôi dưỡng con nhỏ từ lúc mới sinh đến lúc đi học như thế nào, vì đó là thời kỳ khó khăn nhất của đời người. Hãy thử cho chúng tôi biết việc này phải được tổ chức như thế nào.

Tôi ước gì chuyện này có thể dễ như các anh tưởng, tôi đáp. Thực ra những sắp xếp như thế không chắc chắn như chúng ta đã bàn từ trước đến giờ. Người ta có thể đặt câu hỏi liệu kế hoạch này có khả thi không và cho dù hoàn toàn khả thi, liệu nó có thể là tốt nhất không. Vì vậy tôi đang ngần ngại không dám đụng đến một điều có vẻ như là một giấc mơ hão huyền.

Ông không cần do dự, anh trả lời. Chúng tôi không phải một cử toạ thờ ơ vô cảm; chúng tôi không phải hạng người khó tin hay thù nghịch.

Cám ơn các anh, tôi nói; nhận xét của các anh có vẻ là một sự khích lệ đấy.

Chắc chắn rồi.

Thực ra nó có tác dụng ngược lại. Các anh khuyến khích tôi đương nhiên là tốt rồi, nếu tôi có niềm tin rằng bản thân tôi hiểu rõ vấn đề. Nếu một người biết rõ sự thật, thì không có lý do gì để ngại nói về những điều mà mình quan tâm nhất giữa các bạn bè thông minh; nhưng nếu người ấy vẫn còn là một người đang tìm tòi một cách hoài nghi, như bản thân tôi đây, thì bàn đến nó là một sự liều lĩnh. Không phải vì tôi sợ bị chê cười,

nhưng tôi sợ rằng mình có thể sẩy chân ngay ở điểm quan trọng nhất và lôi kéo các bạn mình cùng rơi xuống với mình. Thà liều mình giữa các kẻ thù hơn là giữa các bạn bè; vì vậy các bạn đã khích lệ tôi không đúng chỗ.

Glaucon cười. Không, Socrates, anh nói. Nếu lý thuyết của ông có tác dụng xấu đối với chúng tôi, chúng tôi sẽ không đổ lỗi trên đầu ông đâu; chúng tôi tha thứ bất cứ điều gì mà ông có thể làm chúng tôi sai lạc. Vậy ông không có gì phải ngại.

Thôi được, tôi nói, khi một kẻ giết người được miễn xá mọi sự cố tình, thì luật pháp không kết tội người ấy; trường hợp của tôi cũng vậy.

Vâng. Như thế ông có thể nói thoải mái.

Vì vậy chúng ta phải trở lại đề tài mà lẽ ra chúng ta đã phải bàn đến đúng chỗ của nó trên kia; tuy nhiên, xét cho cùng thì phụ nữ cũng cần có vai trò thích hợp sau khi nam giới đã thi hành xong phận sự của họ, đặc biệt vì các anh rất muốn nhấn mạnh ở điểm này. Theo ý kiến của tôi, câu hỏi là những người được sinh ra và giáo dục như chúng ta đã mô tả phải có vợ con trong những điều kiện nào và phải đối xử với vợ con họ ra sao, chỉ có thể giải quyết theo hướng chúng ta đã đặt ra lúc ban đầu. Chúng ta đã đặt những người ấy vào vị trí của những con chó canh giữ đàn cừu. Giả sử chúng ta tiếp tục hướng loại suy ấy và tưởng tượng họ được nuôi dạy theo cùng một cách thức như thế. Sau đó chúng ta sẽ có thể thấy kế hoạch ấy có thích hợp với mục đích của chúng ta hay không.

Bằng cách nào?

Như thế này. Chúng ta thấy thế nào là thích hợp đối với những con chó canh giữ đàn súc vật: có phải các con cái cùng chăn giữ đàn súc vật và săn mồi chung với những con đực cũng như chia sẻ mọi công việc khác, hay chúng phải ở lại trong nhà vì chúng chỉ thích hợp với việc nuôi dạy các con nhỏ của chúng, trong khi mọi công việc nặng nhọc để dành cho các con đực?

Chúng cần chia sẻ mọi công việc với các con đực, trừ khi chúng ta cho rằng chúng không mạnh bằng những con đực.

Các anh có thể nào sử dụng mọi con vật vào cùng những loại công việc giống nhau, nếu các anh không cho chúng cùng một sự nuôi dưỡng và giáo dục như nhau không?

Không.

Vậy, nếu chúng ta muốn phụ nữ làm cùng những công việc như nam giới, thì chúng ta phải dạy cho họ cùng những điều như nam giới. Họ phải được huấn luyện về cả hai mặt trí dục và thể dục như nam giới và cũng phải được dạy nghệ thuật

chiến tranh, và họ cũng phải được đối xử giống như nam giới.

Có vẻ là như thế.

Có thể, nếu những đề nghị này được thực hiện, chúng có thể bị người ta nhạo cười vì chúng vi phạm rất nhiều điểm thuần phong mỹ phong tục.

Rất có thể.

Và điều lố bịch nhất là cảnh các phụ nữ để mình trần ở đấu trường để luyện tập với nam giới, nhất là khi họ không còn trẻ nữa; chắc chắn họ không còn cho thấy vẻ đẹp của thể hình, không khác gì những người đàn ông lớn tuổi nhưng vẫn hăng hái đến đấu trường luyện tập, bất chấp những nét nhăn và dáng xấu xí nơi thân thể họ.

Đúng vậy, anh nói: theo quan điểm hiện nay, đề nghị ấy có thể bị coi là lố bịch.

Vì vậy điểm đầu tiên phải giải quyết là liệu những đề nghị như thế có khả thi hay không; và bất luận ai cũng có thể nêu câu hỏi là, đối với con người, liệu bản tính nữ giới có khả năng tham gia vào mọi công việc chung với nam giới, hay không thể tham gia vào một hoạt động nào, hay chỉ một số hoạt động mà thôi; và cách riêng trong những công việc chủ yếu nào của nhiệm vụ quân sự. Vạn sự khởi đầu nan, không phải đây là cách tốt nhất để bắt đầu sao?

Vâng.

Chúng ta có nên đứng về phe đối nghịch và lý luận nghịch lại chính chúng ta không? Chúng ta không muốn phe đối thủ bị đàn áp vì không có người chống đỡ.

Tôi không phản đối.

Vậy chúng ta hãy phát biểu lập trường của đối thủ như sau. Anh ta sẽ nói, "Này ông Socrates và Glaucon, không cần người khác tranh cãi lập trường của các anh; chính các anh khi bắt đầu thiết lập nhà nước của các anh, các anh đã nhất trí rằng mọi người phải làm công việc thích hợp với bản chất của mình". Phải, tất nhiên rồi; tôi nghĩ chúng tôi đã nhất trí như thế. "Và phải chăng có một khác biệt rất lớn về bản chất giữa nam giới và nữ giới?" Chắc chắn. "Phải chăng sự khác biệt tự nhiên ấy cũng bao hàm một sự khác biệt về công việc dành cho mỗi phái?" Đúng. "Nhưng nếu vậy, chắc chắn các ông đã sai lầm và tự mâu thuẫn với chính mình khi các ông cho rằng nam giới và nữ giới, tuy có những khác biệt cơ bản như thế, phải làm cùng những công việc giống nhau? Ông trả lời thế nào cho chúng tôi, ông bạn khôn khéo?"

Không dễ trả lời ngay lập tức được. Tôi chỉ có thể xin anh phát biểu quan điểm của phe chúng tôi, bất luận nó là gì.

Anh Glaucon, đây là một trong những vấn nạn đáng ngại nhất

mà tôi nhận thấy ít phút trước đây. Chính vì thế tôi đã ngại không đụng đến những luật liên quan tới việc có vợ và nuôi dạy con cái.

Có vẻ là một vấn đề nan giải đấy.

Đúng, tôi nói; nhưng dù một người rơi xuống một hồ bơi hay giữa lòng biển, người ấy đều bắt buộc phải bơi. Chúng ta cũng phải vậy và cố gắng xem mình có thể bơi vào bờ hay không, hi vọng có thể gặp được một con cá heo hay một phép mầu nào giải cứu chúng ta và đưa chúng ta lên bờ an toàn.

Tôi cũng hi vọng thế.

Vậy chúng ta hãy thử xem có thể tìm được lối thoát hay không. Chúng ta đã từng nhất trí rằng các bản tính khác nhau phải có các công việc khác nhau, và bản tính của đàn ông khác với bản tính đàn bà; nhưng bây giờ chúng ta lại nói các bản tính khác nhau này lại phải có các công việc giống nhau. Có phải đó là lời buộc tội chúng tôi không?

Chính xác.

Thật kỳ lạ, anh Glaucon, việc tranh luận có tác dụng to lớn biết bao đối với người ta.

Tại sao ông nói thế?

Vì họ thường vô tình rơi vào những tranh cãi suông mà họ lầm tưởng là lý luận hợp lý, mặc dù họ không có khả năng phân biệt đúng về đề tài tranh luận của họ; và vì thế, thay vì trao đổi các ý tưởng triết học, họ chỉ đi tìm những mâu thuẫn về ngôn ngữ.

Như thế thì vô lý quá.

Đúng, nhưng chỉ vì chúng ta không bao giờ có ý nói đến mọi sự giống nhau hay khác nhau về bản chất, mà chỉ nói đến những loại có liên quan tới vấn đề mà chúng ta đang bàn cãi. Ví dụ, chúng ta có ý nói rằng một người đàn ông và một người đàn bà, nếu có cùng một khả năng về nghề thuốc, thì cả hai có cùng một bản chất; trong khi hai người đàn ông, nếu một người bẩm sinh là thầy thuốc, người kia là thợ mộc, thì hai người có hai bản chất khác nhau

Vâng, tất nhiên.

Vậy nếu chúng ta thấy rằng cả người phái nam lẫn phái nữ đều có thiên khiếu đặc biệt về một loại công việc nào đó, thì chúng ta sẽ nói rằng công việc đó phải được dành cho cả hai. Nhưng nếu sự khác biệt chỉ là ở chỗ người đàn ông sinh con còn người đàn bà nuôi con, thì chúng ta sẽ kết luận rằng không có sự khác biệt nào giữa nam và nữ có liên quan đến đề tài của chúng ta. Chúng ta sẽ tiếp tục nghĩ rằng việc các người bảo vệ và các bà vợ của họ có cùng công việc là điều thích hợp.

Đúng thế.

Điều tiếp theo là hỏi đối thủ của chúng ta về tên của bất cứ nghề nghiệp nào trong đời sống dân sự,

mà mục đích của bản chất người đàn bà khác với của người đàn ông.

Một câu hỏi có lý.

Anh ta có thể trả lời rằng không dễ tìm một câu trả lời thỏa đáng ngay lập tức, nhưng nếu suy nghĩ một chút thì cũng sẽ không khó khăn gì.

Có lẽ thế.

Vậy, giả sử chúng ta mời gọi anh ta theo lý luận của chúng ta để xem chúng ta có thể thuyết phục anh ta rằng, không có nghề nào liên quan đến việc quản trị các công việc xã hội mà thích hợp đặc biệt cho nữ giới. Chúng ta sẽ đặt ra cho anh ta một câu hỏi: khi anh nói một người đàn ông có một tài năng bẩm sinh về một việc gì, có phải anh muốn nói rằng họ thấy dễ học và sau một chút ít giảng dạy họ có thể tự mình tìm ra nhiều hơn; trong khi một người đàn ông không có khả năng như thế sẽ phải học khó khăn hơn và không có sự giảng dạy hay thực hành nào có thể giúp anh ta nhớ lại những gì anh ta đã học không? Có phải một người đàn ông có khả năng là người có các năng lực thể lý sẵn sàng giúp cho trí tuệ của họ, thay vì là một cản trở không? Có phải đó là những dấu hiệu để anh phân biệt sự hiện diện của một năng khiếu thiên bẩm cho bất cứ công việc gì không?

Đúng, chính xác.

Vậy anh có biết có nghề nào của con người mà đàn ông không trội vượt hơn đàn bà trong mọi khía cạnh không? Tôi có cần phải mất thời giờ xét đến các trường hợp ngoại lệ như dệt vải và nấu nướng, mặc dù người ta giả thiết rằng đàn bà tự nhiên giỏi hơn trong lĩnh vực này và họ sẽ bị chê cười nếu một người đàn ông giỏi hơn họ không?

Đúng, anh đáp, trong hầu như mọi việc, một phái có thể dễ dàng bị phái kia đánh bại. Chắc chắn nhiều phụ nữ giỏi hơn nhiều đàn ông trong nhiều việc; nhưng xét chung về mỗi phái, thì đúng như ông nói.

Vậy để kết luận, không có công việc nào liên quan đến lĩnh vực quản trị xã hội mà chỉ thuộc về nam giới hay nữ giới. Các tài năng thiên bẩm có trong cả hai phái; và mọi công việc đều mở rộng cho cả hai, khi xét về bản chất của họ, mặc dù đàn bà vẫn yếu hơn trong mọi lĩnh vực.

Chắc chắn.

Có phải đó là lý do để dành hết mọi công việc cho đàn ông không?

Tất nhiên là không.

Không, bởi vì một người phụ nữ có thể có năng khiếu về thuốc hay âm nhạc, một ngươi khác có thể không có năng khiếu ấy.

Chắc chắn.

Vậy có đúng là một người phụ nữ có thể hoặc không thể có khả năng chiến tranh hay điền kinh không?

Tôi nghĩ là đúng.

Còn nữa, một người có thể yêu thích tri thức, người khác ghét tri thức; một người có thể có tinh thần cao, một người khác không có tinh thần?

Vẫn đúng.

Hệ luận là một người phụ nữ có thể có bản chất thích hợp cho nghề chinh chiến, một người khác thì không; vì đây là những đức tính chúng ta phải dựa vào để lựa chọn các người bảo vệ thuộc phái nam của chúng ta. Vậy trong việc bảo vệ đất nước, đàn bà có cùng bản chất như đàn ông, mặc dù họ yếu hơn.

Đương nhiên.

Và những phụ nữ nào có những đức tính như thế, chúng ta phải tuyển họ làm bạn và đồng nghiệp với những người đàn ông có cùng những phẩm chất ấy, và giống họ về khả năng và tính cách.

Rất đúng.

Và những người có cùng bản chất thì cũng có cùng mục tiêu chứ?

Hẳn là thế.

Vậy, như chúng ta vừa nói, cho những phụ nữ này luyện tập thể thao và âm nhạc có phải là chuyện lố bịch không?

Chắc chắn là không.

Vậy luật pháp chúng ta đặt ra là phù hợp với tự nhiên và vì thế không phải là bất khả thi hay chỉ là một ước nguyện; còn cách thực hành ngược lại như hiện nay là một điều vi phạm tự nhiên.

Có vẻ đúng như thế.

Chúng ta trước tiên phải xét xem các đề nghị của chúng ta có thể thực hiện được không, rồi phải xét xem chúng có phải có lợi nhất không.

Vâng.

Và chúng ta đã nhìn nhận tính khả thi của chúng rồi chứ?

Vâng.

Vậy tiếp theo đây chúng ta phải kết luận là chúng có lợi?

Đúng thế.

Các anh sẽ nhìn nhận rằng, cùng một nền giáo dục làm cho một người đàn ông trở thành người bảo vệ tốt thì cũng sẽ làm cho một phụ nữ trở thành người bảo vệ tốt; vì bản tính nguyên thủy của họ giống nhau, đúng không?

Đúng.

Tôi muốn hỏi các anh một câu hỏi.

Câu hỏi gì?

Các anh có cho rằng mọi người đàn ông đều có khả năng bằng nhau không, hay có người giỏi hơn có người kém hơn?

Trường hợp thứ hai.

Và trong nhà nước mà chúng ta đang thiết lập, các anh có nghĩ rằng những người bảo vệ được giáo dục theo hệ thống của chúng ta là những người hoàn hảo hơn, hay là những người thợ giày được đào tạo trong nghề đóng giày?

Câu hỏi thật nực cười!

Thế là các anh đã trả lời tôi rồi đấy, tôi đáp: Đúng và chúng ta có thể đi tiếp với câu hỏi là các người bảo vệ của chúng ta có phải là những công dân tốt nhất không?

Hoàn toàn tốt nhất.

Và các bà vợ của họ cũng phải là những phụ nữ tốt nhất?

Đúng, hoàn toàn tốt nhất.

Và có gì ích lợi cho nhà nước hơn là có những người đàn ông đàn bà tốt nhất?

Không gì có thể ích lợi hơn.

Và đây là điều mà các nghệ thuật âm nhạc và thể dục sẽ đạt được, khi chúng được tập luyện theo cách chúng ta đã mô tả?

Chắc chắn.

Vậy chúng ta đã làm ra một luật không chỉ là khả thi mà còn có ích nhất cho nhà nước?

Đúng.

Vậy hãy để cho các bà vợ của các người bảo vệ ở trần, vì nhân đức sẽ là quần áo của họ và hãy cho họ chia sẻ những gánh nặng chiến tranh và việc bảo vệ tổ quốc; chỉ có điều là khi phân công, nên dành các phần việc nhẹ hơn cho phụ nữ, vì họ yếu hơn, nhưng về các phương diện khác, họ có cùng các nghĩa vụ như đàn ông. Còn đối với những người đàn ông nào cười nhạo người phụ nữ ở trần khi luyện tập thân thể vì những mục đích tốt đẹp nhất, việc cười nhạo của họ chứng tỏ họ giống như người hái

"Một quả cây chưa chín",

và chứng tỏ bản thân người ấy không biết mình đang cười cái gì hay đang làm gì; -vì câu ngạn ngữ sau đây luôn luôn là câu hay nhất, *Cái gì làm lợi thì cao quí, cái gì làm hại thì nhục nhã.*

Rất đúng.

Cho tới đây, chúng ta có thể nói đã vượt qua được một đề nghị khá nguy hiểm trong việc ra luật cho vai trò của phụ nữ, đó là các người bảo vệ nam cũng như nữ đều có mọi nghĩa vụ giống nhau. Sự nhất quán của lý luận này là điều bảo đảm rằng kế hoạch của chúng ta là tốt và khả thi. Chúng ta giống như những tay bơi đã vượt qua được đợt sóng đầu tiên mà không bị đại dương nuốt chửng.

Một đợt sóng không nhỏ.

Nhưng anh sẽ không thể gọi nó là sóng to nếu anh theo dõi đợt sóng tiếp theo này.

Ông thử nói coi nó là gì.

Nó là thế này: Luật được làm ra với các lý do nói trên sẽ đưa tới hậu quả này, các bà vợ của những người bảo vệ phải là của chung và con cái họ phải là của chung, và không người cha nào được biết con đẻ của mình, cũng như không đứa con nào được biết cha đẻ của mình".

Quả là một đợt sóng to hơn đợt sóng trước; và tính khả thi và lợi ích của nó cũng rất đáng tranh cãi.

Tôi không nghĩ có khó khăn hay tranh cãi gì nhiều về lợi ích của luật đòi các bà vợ và con cái làm của chung; nhưng tính khả thi của luật này là một vấn đề khác và sẽ có thể bị tranh cãi gắt gao.

Tôi nghĩ có thể có rất nhiều hoài nghi về cả hai vấn đề.

Anh muốn nói là phải gộp chung hai vấn đề này lại với nhau sao? Tôi hỏi. Trước mắt, tôi muốn anh thừa nhận lợi ích của nó trước đã; và như thế, theo tôi nghĩ, tôi có thể thoát được một trong hai khó khăn, để chỉ tranh luận về tính khả thi của nó mà thôi.

Nhưng chúng ta đã phát hiện ra cả hai khó khăn, nên ông hãy vui lòng bênh vực cả hai.

Được, tôi nói, tôi đành chấp nhận số phận vậy. Nhưng xin cho tôi một ân huệ: xin cho tôi được bay bổng theo trí tưởng tượng của mình, giống như những kẻ mơ mộng đang một mình tản bộ. Trước khi họ có được khái niệm nào về việc các giấc mơ của họ sẽ trở thành hiện thực như thế nào, họ gạt vấn đề đó sang một bên, để khỏi phải nặng đầu với các vấn đề rắc rối ấy. Họ sẽ giả thiết rằng giấc mơ của họ đã trở thành hiện thực và bắt đầu vạch ra các chi tiết họ muốn sắp đặt tiếp theo. Như thế một đầu óc biếng nhác càng làm cho nó trở thành biếng nhác hơn; và tôi cũng đang có ý chiều theo sự biếng nhác đó của mình. Tôi muốn hoãn lại vấn đề về tính khả thi của nó để giải quyết sau. Tạm thời, với sự cho phép của các anh, tôi sẽ giả sử điều đó là khả thi và nêu câu hỏi là các nhà cai trị sẽ thực hiện các sự sắp xếp này như thế nào, và tôi sẽ chứng minh rằng kế hoạch của chúng ta, nếu được thực hiện, sẽ mang lại lợi ích lớn nhất cho đất nước và cho các người bảo vệ. Vậy trước hết, nếu các anh không phản đối, tôi sẽ cố gắng xem xét các lợi ích của biện pháp ấy; và sau đó sẽ xét đến tính khả thi của nó.

Tôi không phản đối; ông bắt đầu đi.

Trước hết, tôi nghĩ nếu các nhà cai trị và các phụ tá của họ muốn làm đúng chức năng của mình, thì các phụ tá phải sẵn sàng tuân phục và các nhà cai trị phải sẵn sàng thi hành quyền ra lệnh; những người bảo vệ phải tuân phục luật pháp và họ cũng phải bắt chước tinh thần của luật pháp trong mọi chi tiết được trao phó cho họ thi hành.

Đúng thế, anh nói.

Còn anh là nhà làm luật, sau khi đã chọn những người đàn ông, anh sẽ chọn các phụ nữ để làm bạn với họ; những phụ nữ này có thể phải có những đức tính giống như những người đàn ông của họ; họ phải sống chung trong một nhà và ăn uống chung với nhau. Không một ai được có điều gì đặc biệt; họ sẽ sống chung, được giáo dục chung và được luyện tập thể dục chung với nhau. Như thế, họ sẽ được lôi kéo lại với nhau và ăn ở với nhau do nhu cầu của bản tính - nhu cầu không phải là một từ quá mạnh, phải không?

Vâng, anh nói; - không phải nhu cầu hình học, nhưng là một nhu cầu khác mà những người yêu nhau đều biết, và nó là điều hết sức thuyết phục và bắt buộc đối với đại đa số nhân loại.

Đúng, tôi nói; và giống như mọi điều khác, anh Glaucon ạ, điều này phải đi theo một phương thức có trật tự; trong một thành phố gồm những con người hạnh phúc, sự buông thả là một điều tội lỗi mà các nhà cai trị phải ngăn cấm.

Đúng, anh nói, không thể cho phép điều đó.

Vậy rõ ràng điều tiếp theo sẽ là làm cho hôn nhân trở nên thánh thiện ở mức cao nhất và điều được coi là thánh thiện hẳn phải là điều có lợi chứ?

Chính xác.

Vậy làm thế nào để các cuộc hôn nhân mang lại lợi ích lớn nhất? Đây là câu hỏi tôi nêu ra cho anh, vì tôi thấy trong nhà anh có nuôi những con chó săn và không ít loại chim quí. Vậy tôi xin anh nói cho tôi biết, anh thấy chúng cặp kè và đi giống với nhau thế nào?

Về khía cạnh nào?

Trước hết, mặc dù chúng đều là giống tốt, nhưng cũng có một số con tốt hơn số khác chứ?

Đúng.

Vậy anh cho chúng đi giống bất kỳ, hay anh chỉ chọn cho đi giống những con tốt nhất?

Những con tốt nhất.

Anh chọn những con già nhất hay non nhất, hay chỉ chọn những con ở tuổi trưởng thành?

Ở tuổi trưởng thành.

Và nếu anh không chăm sóc việc cho chúng phối giống, các con chó và chim của anh sẽ ngày càng thoái hoá phải không?

Chắc chắn rồi.

Và về loài ngựa và các loài vật nói chung cũng thế chứ?

Hẳn là thế.

Tuyệt! Anh bạn ạ, vậy các nhà cai trị của chúng ta cần có những kỹ năng hoàn hảo nào nếu áp dụng nguyên tắc này vào loài người?

Chắc chắn cũng là nguyên tắc giống như thế. Nhưng tại sao lại cần có kỹ năng riêng?

Bởi vì, tôi nói, các nhà cai trị của chúng ta thường sẽ phải chỉ định một liều thuốc mạnh như chúng ta đã nói ở trên. Một thầy thuốc bình thường được coi là giỏi khi người bệnh chỉ cần nghe theo lời khuyên của thầy thuốc mà không cần dùng thuốc; nhưng họ sẽ là thầy thuốc giỏi hơn rất nhiều khi người bệnh cần dùng đến thuốc.

Rất đúng; nhưng tôi không hiểu ông muốn ám chỉ điều gì?

Tôi muốn nói rằng các nhà cai trị của chúng ta sẽ tìm ra những liều lượng quan trọng về sự bất buộc và đánh lừa bệnh nhân vì lợi ích của họ. Chúng ta biết rằng việc sử dụng các phương pháp này như là phương thuốc có thể có lợi lớn.

Đúng là thế.

Và việc sử dụng hợp pháp các phương thuốc này thường cần đến trong các qui định của chúng ta về hôn nhân và sinh đẻ.

Bằng cách nào?

Anh không hiểu sao? Chúng ta đã đưa ra nguyên tắc rằng phải có nhiều cuộc giao phối giữa những người tốt nhất của mỗi giới và rất ít cuộc giao phối giữa những người kém hơn với những người kém hơn, và chỉ giữ lại con cái của những cuộc phối hợp tốt nhất, để dòng giống được bảo tồn ở mức độ cao nhất. Những công việc này phải giữ kín và chỉ có các nhà cai trị mới biết mà thôi, nếu không, sẽ dẫn tới nguy cơ những người bảo vệ của chúng ta nổi loạn.

Rất đúng.

Tốt hơn chúng ta nên tổ chức các lễ hội để tạo điều kiện cho các cô dâu chú rể đến với nhau, cũng như tổ chức các cuộc lễ cúng thần và các bài ca tân hôn do các nhà thơ của chúng ta sáng tác: con số các đám cưới sẽ tùy thuộc sự thận trọng của nhà cai trị, mục đích là để bảo tồn dân số vừa phải. Cũng có nhiều điều khác họ phải xét đến, như tình trạng chiến tranh hay dịch bệnh và các yếu tố tương tự, để tránh cho dân số khỏi trở thành quá đông hay quá ít.

Chắc chắn rồi, anh đáp.

Chúng ta sẽ phải nghĩ ra một kiểu rút thăm tinh vi để cho những người yếu kém hơn có dịp rút số của họ và như thế họ sẽ tự trách mình vì số phận hẩm hiu của họ, chứ không trách nhà cai trị.

Chắc chắn, anh nói.

Và tôi nghĩ rằng các thanh niên đã có các chiến công oanh liệt, ngoài các phần thưởng và danh dự họ được hưởng, họ còn có thể có nhiều điều kiện hơn để ngủ với các phụ nữ được ban cho họ; lý do là nhờ các cuộc phối hợp như thế sẽ có rất đông các đứa con sinh ra từ những người cha tuyệt vời như thế.

Đúng.

Sau khi các đứa trẻ được sinh ra, chúng sẽ được giao cho những

người chuyên môn trông coi, những người này có thể là nam hay là nữ, vì chúng ta đã nói các bổn phận của nam và nữ đều giống nhau. Con cái của các cha mẹ giống tốt sẽ được đưa tới nơi tập thể ở một khu vực riêng biệt trong thành phố, ở đó chúng được chăm sóc bởi các bảo mẫu. Còn con cái của các cha mẹ giống xấu sẽ được đưa đi một nơi kín đáo không cho biết. Các người bảo mẫu này sẽ chăm sóc chúng và sẽ đưa các bà mẹ của chúng đến cho chúng bú vào lúc họ căng sữa, nhưng không được cho các bà mẹ biết đứa nào là con họ; khi cần có thể có nhiều bảo mẫu. Cũng phải cẩn thận đừng để thời gian cho bú sữa quá lâu; và các bà mẹ sẽ không phải thức khuya dậy sớm hay phải mất giấc ngủ, nhưng tất cả các công việc này được giao cho các người bảo mẫu và những người phục vụ.

Ý của ông là các bà vợ người bảo vệ có thể nhẹ gánh trong việc nuôi con?

Phải như thế. Chúng ta nói tiếp kế hoạch của chúng ta: chúng ta đã nói rằng các cha mẹ phải sinh con trong thời kỳ họ đang ở tuổi thanh xuân. Anh có đồng ý rằng đó là tuổi từ hai mươi đến bốn mươi đối với nữ giới và từ hai mươi lăm đến năm mươi lăm đối với nam giới không?

Đúng, đó là độ tuổi mà các khả năng thể chất và tinh thần của người đàn ông và đàn bà đạt mức sung mãn nhất.

Còn bất cứ người nào ở trên hay dưới lứa tuổi qui định này mà tham dự vào các cuộc sinh hoạt hôn nhân công cộng sẽ bị kết tội là bất chính và tội lỗi, và đứa con họ sinh ra sẽ bị coi là dòng giống của sự tối tăm và của sự nhục dục.

Rất đúng.

Anh Glaucon, đó là kế hoạch qui định việc những người bảo vệ của chúng ta có các bà vợ và con cái làm của chung. Chúng ta có thể nhất trí rằng các luật này, cũng như tất cả các luật trên kia của chúng ta đều rất tốt.

Nhưng, ông Socrates, tôi vẫn phải nói rằng nếu ông cứ tiếp tục theo đà này, ông sẽ hoàn toàn bỏ quên câu hỏi thứ hai mà ông đã tạm gác sang một bên lúc chúng ta bắt đầu tranh luận:-Một trật tự luật pháp như thế có thể thực hiện không và thực hiện thế nào? Vì tôi sẵn sàng nhìn nhận rằng, chỉ cần nó có thể thực hiện được, nó sẽ mang lại lợi ích vô cùng cho nhà nước.

Tôi mới chỉ ngưng một chút mà anh đã tấn công tôi không thương tiếc như vậy sao? Tôi mới chỉ vừa thoát khỏi đợt sóng thứ nhất và thứ hai, vậy mà lập tức anh đã bắt tôi phải đối diện với đợt sóng thứ ba, là đợt sóng to nhất và mạnh nhất. Một khi anh đã thấy và nghe đợt sóng thứ ba này, tôi

nghĩ anh sẽ trở nên biết điều hơn, và sẽ nhìn nhận rằng việc tôi có chút lo sợ và do dự là điều tự nhiên, bởi vì nó liên quan đến một đề nghị quá phi thường mà bây giờ tôi phải phát biểu và tra cứu.

Ông càng nhấn mạnh tầm quan trọng của nó, chúng tôi càng quyết tâm buộc ông phải nói cho chúng tôi biết một nhà nước như thế có thể thực hiện như thế nào: ông phải nói ngay cho chúng tôi đấy.

Tôi xin bắt đầu bằng nhắc nhở các anh rằng chúng ta đã đi tới điểm này qua việc tìm hiểu về công bằng và bất công.

Đúng, anh đáp; nhưng nó có liên quan gì?

Tôi chỉ định hỏi rằng, một khi chúng ta biết công bằng là gì, liệu chúng ta có cần phải đòi hỏi rằng một người công bằng thì phải công bằng tuyệt đối, hay họ có thể bằng lòng với sự công bằng ở mức gần tuyệt đối thôi và mức độ công bằng họ đạt được thì cao hơn những người khác?

Chỉ cần mức công bằng gần tuyệt đối thôi.

Khi chúng ta đi tìm bản chất của công bằng tuyệt đối và bản chất của người công bằng tuyệt đối, cũng như bản chất của sự bất công tuyệt đối và người bất công tuyệt đối; và chúng ta giả sử chúng hiện hữu, mục đích của chúng ta là đặt chúng làm những khuôn mẫu lý tưởng; chúng ta phải quan sát xem mỗi thứ dẫn đến niềm hạnh phúc hay bất hạnh nào, rồi rút ra kết luận tất yếu về số phận của chúng ta sẽ giống với số phận của hạng người mà chúng ta giống nhất. Chúng ta chưa kết luận rằng chúng có thể hiện hữu trên thực tế.

Đúng thế.

Vậy, giả sử một hoạ sĩ đã vẽ ra một bức chân dung thật hoàn hảo và đẹp một cách lý tưởng, anh có cho rằng đó là một hoạ sĩ dở nếu anh ta không thể cho thấy một người đẹp như thế bằng xương bằng thịt không?

Chắc chắn là không.

Được, có phải chúng ta đang xây dựng một lý tưởng về một nhà nước hoàn hảo không?

Đương nhiên.

Vậy, có phải vì chúng ta không thể chứng minh khả năng có một thành phố được tổ chức tốt đẹp như chúng ta mô tả, nên lý thuyết của chúng ta là một lý thuyết dở không?

Hẳn là không, anh đáp.

Đúng thế, tôi nói.

Nhưng nếu theo yêu cầu của anh, tôi phải tìm cách chứng minh làm thế nào và trong điều kiện nào khả năng xảy ra điều đó là cao nhất, thì tôi phải xin anh lặp lại những điều anh đã thừa nhận trước đây.

Những điều gì?

Tôi muốn biết là các điều lý tưởng có bao giờ được thể hiện hoàn

toàn trong ngôn ngữ không? Có phải từ ngữ không diễn tả được đầy đủ sự kiện và có phải cái gì hiện thực thì không bao giờ đạt được sự thật đầy đủ không? Anh nói sao?

Tôi đồng ý.

Vậy anh không thể ép tôi chứng minh rằng nhà nước hiện thực sẽ hoàn toàn hợp nhất với nhà nước lý tưởng về mọi phương diện: chỉ cần có thể tìm ra một nhà nước được cai trị gần đúng với những gì chúng ta đề nghị, anh có thể nhận ra rằng chúng ta đã đến gần tới khả năng mà anh đòi hỏi; và anh sẽ bằng lòng. Tôi chắc là tôi bằng lòng-không biết anh thì sao?

Vâng, tôi sẽ bằng lòng.

Vậy bây giờ tôi sẽ cố gắng chứng minh sai lầm nào trong các nhà nước là nguyên nhân khiến nó hiện thời không được cai trị tốt và đâu là sự thay đổi nhỏ nhất có thể giúp nhà nước đạt tới hình thức đúng hơn; và nếu có thể, sự thay đổi này phải chỉ là một điều mà thôi, hoặc cùng lắm là hai điều mà thôi; bất luận thế nào, các thay đổi phải càng ít càng tốt và càng nhỏ càng hay.

Chắc chắn rồi, anh đáp.

Tôi nghĩ có thể có một cuộc cải cách trong nhà nước và chỉ cần một sự thay đổi mà thôi, và sự thay đổi này tuy không nhẹ nhàng và dễ dàng nhưng vẫn có thể thực hiện được.

Thay đổi gì? Anh hỏi.

Bây giờ tôi đang đi vào cái mà tôi gọi là đợt sóng lớn nhất; nhưng tôi vẫn muốn nói đến nó mặc dù nó có thể làm tôi bị chế nhạo hay mất mặt; anh hãy nghe cho kỹ.

Ông bắt đầu đi.

Tôi nói: *Bao lâu các triết gia còn chưa làm vua, hay các ông vua và thủ lĩnh thế giới này còn chưa có tinh thần và sức mạnh của triết học, và quyền lực chính trị cũng như triết học chưa gặp gỡ nhau hay các bản chất khác nhau hiện đang mỗi thứ đi theo một ngả mà chưa bị buộc phải bỏ tình trạng chia rẽ ấy, thì các nhà nước sẽ không thể nào yên ổn được và cả loài người cũng sẽ như thế; và nhà nước mà chúng ta đang hình dung sẽ không thể thấy được ánh sáng và phát triển tới tầm mức đầy đủ. Đó là điều khiến tôi từ lâu do dự chưa dám nói ra; tôi biết đây sẽ là một tình thế nan giải, vì thật khó có thể thấy một con đường nào khác để có hạnh phúc cho nhà nước hay cho các cá nhân.*

Ông Socrates, Glaucon thốt lên, ông muốn nói gì vậy? Ông không ý thức rằng những lời ông vừa nói có thể khiến cho nhiều kẻ không tầm thường phải điên tiết và lồng lộn lên lao vào ông và muốn giết ông sao? Và nếu ông không có câu trả lời thỏa đáng và sẵn sàng thoát thân cho thật nhanh, thì không biết hậu quả sẽ ra như thế nào đâu.

Chính anh đặt tôi vào tình thế rắc rối này đấy, tôi nói.

Và tôi có lý của tôi; tuy nhiên, tôi sẽ cố gắng hết sức để kéo ông thoát ra khỏi nó. Nhưng tôi chỉ có thể cho ông thiện chí và lời khuyên của tôi, và có lẽ tôi cũng có thể có những câu trả lời thích hợp hơn người khác-tôi chỉ giúp được bấy nhiêu thôi. Bây giờ đã có được một người trợ giúp như thế, ông phải cố gắng hết sức để chứng minh cho những kẻ không tin rằng ông có lý.

Tôi phải cố gắng, vì anh cho tôi một sự trợ giúp quí hoá như thế. Và tôi nghĩ rằng, nếu chúng ta có cơ may thoát được, chúng ta phải cắt nghĩa cho họ thấy chúng ta muốn nói đến ai khi chúng ta bảo rằng các triết gia phải cai trị đất nước; rồi sau đó chúng ta sẽ có thể tự bênh vực cho mình: chúng ta sẽ khám phá ra rằng có một số người tự bẩm sinh thích hợp để học triết học và trở thành các nhà cai trị; và một số khác bẩm sinh không phải là triết gia và phải trở thành những người phục tùng chứ không thể làm lãnh đạo.

Vậy đây là lúc đưa ra câu định nghĩa.

Anh hãy nghe cho kỹ, tôi nói và tôi hi vọng, cách nào đó có thể cho anh một cắt nghĩa thỏa đáng.

Ông bắt đầu đi.

Tôi dám nói anh vẫn nhớ, vì thế tôi không cần nhắc lại, rằng một người yêu, nếu muốn xứng danh là người yêu, thì phải chứng tỏ tình yêu của mình không chỉ cho một phần nào đó của cái mình yêu, mà cho toàn thể cái mình yêu.

Tôi quả thực không hiểu, nhờ ông giúp tôi nhớ lại.

Một người khác trả lời như anh nghe cũng tạm được; nhưng một con người sành sỏi như anh phải biết rằng tất cả những người ở tuổi thanh xuân đều dễ khơi dậy một mối đam mê xúc cảm nơi một người đang yêu và có vẻ đáng được để mắt đến. Có phải đây là cách anh cảm nhận về những người trẻ mà anh thích không? Một người có cái mũi hếch, thì anh khen khuôn mặt hấp dẫn của người ấy; người có mũi khoằm thì anh cho là người ấy có mũi đế vương; trong khi người có mũi không hếch cũng không khoằm thì anh khen là có nét đều đặn; người có nước da ngăm ngăm thì anh cho là có nam tính, người có mặt đẹp là con của thần linh, v.v... Nói tóm lại, không có cái gì mà anh không chữa lỗi được và không có gì mà anh không nói, để không bỏ mất một bông hoa nào của tuổi thanh xuân.

Nếu ông coi tôi là một chuyên gia trong lĩnh vực yêu đương, thuần túy nhằm mục đích tranh luận, thì tôi đồng ý.

Và anh nói gì về những người thích rượu? Anh không thấy họ

cũng có thái độ giống như thế sao? Họ sẵn lòng viện bất cứ cái cớ nào để được uống rượu, bất kể thứ rượu gì.

Tốt lắm.

Và với những người giàu tham vọng cũng thế; nếu họ không được chỉ huy một quân đội, họ sẵn sàng lãnh đạo một tập đoàn; và nếu họ không được kính trọng bởi những nhân vật quan trọng, họ cảm thấy vui vẻ khi được tôn trọng bởi những người tầm thường và hèn hạ hơn,- nhưng nhất định họ phải được một thứ danh dự nào đó.

Chính xác.

Tôi hỏi một lần nữa: Một người thích bất cứ loại sự vật nào, họ thích toàn thể loại sự vật ấy hay chỉ một phần của nó?

Toàn thể.

Và chúng ta có thể nói rằng triết gia là người không chỉ yêu thích một phần sự khôn ngoan, mà là sự khôn ngoan toàn diện không?

Vâng, toàn diện.

Và người không thích kiến thức, đặc biệt nếu người ấy còn trẻ, khi họ không có khả năng phán đoán điều gì là tốt điều gì không tốt, một người như thế chúng ta không gọi là một triết gia hay một người yêu mến tri thức, cũng như một người từ chối thức ăn không phải là người đói và có thể gọi là một người không có khẩu vị tốt, đúng không?

Rất đúng, anh nói.

Trong khi người ham thích mọi thứ tri thức và tò mò muốn học hỏi thì không bao giờ thỏa mãn, người ấy có thể gọi là một triết gia chứ? Tôi nói có đúng không?

Glaucon nói: Nếu sự tò mò hiểu biết làm người ta trở thành một triết gia, thì ông sẽ thấy có rất nhiều hạng người kỳ lạ được gọi là triết gia. Tất cả những ai thích kịch tuồng và các kinh nghiệm mới lạ đều có thể được kể vào số này. Những người thích âm nhạc mà được gọi là triết gia thì cũng lạ, vì thực ra họ không bao giờ ham thích tranh luận triết học, mặc dù mỗi khi có thể, họ rất mau mắn chạy đến các lễ hội và các cuộc nhậu nhẹt rồi vểnh tai nghe mọi thứ ca hát-bất kể là ở thành thị hay thôn quê, chỗ nào có vui chơi là có mặt họ. Vậy chúng ta có thể coi tất cả những hạng người này là triết gia cả sao?

Hẳn là không, tôi đáp; họ chỉ là sự mô phỏng.

Vậy ai là những triết gia đích thực?

Những người yêu mến sự thật.

Cũng tốt, anh nói; nhưng tôi muốn hiểu rõ ý ông hơn.

Với người khác thì tôi thấy khó cắt nghĩa; nhưng với anh tôi chắc chắn anh sẽ chấp nhận một mệnh đề mà tôi sắp sửa đưa ra.

Mệnh đề gì?

Đó là: vì đẹp đối chọi với xấu, nên chúng là hai phải không?

Chắc chắn rồi.

Và vì chúng là hai, nên mỗi thứ là một vật duy nhất chứ?

Cũng đúng.

Và về công bằng và bất công, thiện và ác cũng như về mọi loại khác, thì cũng thế; xét từng thứ, mỗi thứ là một vật duy nhất; nhưng từ sự kết hợp của chúng với các hành động, sự vật và giữa chúng với nhau, chúng được thấy trong mọi khía cạnh và có vẻ là nhiều thứ phải không?

Rất đúng.

Và đây chính là sự phân biệt tôi vạch ra giữa hạng người mê kịch tuồng, mê âm nhạc, mê hoạt động, với hạng người tôi đang nói tới, là những người duy nhất xứng với tên gọi triết gia.

Ông phân biệt họ như thế nào?

Những người mê âm nhạc, ca kịch, theo tôi nghĩ, thì thích màu sắc, âm thanh và hình dạng cũng như tất cả các sản phẩm từ chúng, nhưng tâm hồn họ không thể nhìn thấy hay yêu mến cái đẹp tuyệt đối.

Đúng, anh đáp.

Những người có khả năng thấy được cái đẹp tuyệt đối thì rất ít.

Rất đúng.

Và người nhận thức được các sự vật đẹp mà không có nhận thức về cái đẹp tuyệt đối, hay người được người khác chỉ cho biết cái đẹp ấy nhưng không có khả năng đi theo-về hạng người như thế, tôi muốn hỏi là họ đang thức hay chỉ đang nằm mơ? Hãy suy nghĩ: phải chăng người nằm mơ là người, dù tỉnh hay thức, thì thường là người mô phỏng các sự vật chứ không phải nhìn thấy chân tướng sự vật?

Tôi cho rằng chắc chắn những người như thế đang mơ mộng mà thôi.

Nhưng ở trường hợp một hạng người khác, hạng người nhận ra sự hiện hữu của cái đẹp tuyệt đối và có khả năng phân biệt ý tưởng với sự vật có trong ý tưởng, họ không lấy sự vật thay cho ý tưởng hay lấy ý tưởng thay cho sự vật-họ là người mơ hay tỉnh?

Rất tỉnh.

Và chúng ta có thể nói trí khôn của người biết thì có tri thức, còn trí khôn của người chỉ phỏng đoán, thì chỉ có ý kiến thôi không?

Chắc chắn như vậy.

Nhưng giả sử hạng người thứ hai này tranh cãi với chúng ta và bác bỏ lời phát biểu của chúng ta, liệu chúng ta có thể xoa dịu họ hay thân thiện khuyên bảo họ, mà không cần nói cho họ thấy rằng đầu óc họ có vấn đề không?

Chắc chắn chúng ta phải giúp họ những lời khuyên tốt.

Vậy chúng ta hãy nghĩ đến một điều gì đó để nói với họ. Chúng ta sẽ bắt đầu làm họ tin chắc rằng họ được mời gọi đạt đến những tri thức mà họ có thể có và chúng ta vui nếu họ đạt những tri thức ấy. Nhưng chúng ta phải hỏi họ một câu: người có tri thức biết điều gì hay không biết điều gì cả? (Anh phải trả lời thay họ.)

Tôi trả lời rằng người ấy biết một cái gì đó.

Một cái gì có hay không có?

Có; vì một cái gì không có thì làm sao biết được?

Và sau khi tìm hiểu vấn đề từ nhiều góc cạnh, chúng ta có chắc rằng hữu thể tuyệt đối thì chúng ta biết hay có thể biết một cách tuyệt đối, nhưng cái gì hoàn hoàn không hiện hữu thì hoàn toàn không thể biết được không?

Không gì chắc chắn hơn.

Tốt. Nhưng nếu có cái gì đó có bản chất vừa hiện hữu vừa không hiện hữu, thì cái đó phải ở giữa hữu thể thuần túy và vô thể tuyệt đối?

Vâng, giữa hai cái đó.

Và vì tri thức tương ứng với hữu thể và vô tri tương ứng với vô thể, nên để cho cái vật nằm giữa hữu thể và vô thể ấy có thể có được, thì phải tìm ra một cái gì tương ứng giữa tri thức và vô tri chứ?

Chắc chắn rồi.

Chúng ta có chấp nhận là có ý kiến không?

Chắc chắn rồi.

Nó tương đương với tri thức, hay với một khả năng khác ?

Với một khả năng khác.

Vậy ý kiến và tri thức liên quan tới các loại vấn đề khác nhau tương ứng với sự khác biệt này của các khả năng?

Vâng.

Và tri thức thì liên quan tới hữu thể và biết hữu thể. Nhưng trước khi đi tiếp, tôi muốn vạch ra một sự phân chia.

Phân chia nào?

Tôi sẽ bắt đầu đặt các khả năng vào một loại của chúng: chúng là các năng lực nơi chúng ta và nơi mọi vật khác, nhờ đó chúng ta hoạt động. Nhìn và nghe, chẳng hạn, tôi phải gọi là các khả năng. Tôi đã cắt nghĩa rõ về loại mà tôi muốn nói chưa?

Rõ.

Vậy tôi xin nói quan điểm của tôi về chúng. Tôi không thấy chúng, vì thế sự phân biệt về màu sắc, hình thù và những thứ tương tự mà giúp tôi phân biệt được giữa các vật với nhau, thì không thuộc loại này. Khi nói đến khả năng, tôi chỉ nghĩ đến phạm vi và kết quả của nó; và cái có cùng phạm vi và cùng kết quả thì tôi gọi là cùng một khả năng, nhưng cái có phạm vi khác và kết quả khác thì tôi gọi là khả năng khác. Anh có nghĩ thế không?

Có.

Và anh có sẵn sàng trả lời tôi một câu hỏi nữa không? Anh có thể cho tôi biết tri thức có phải là một khả năng không, hay anh coi nó là một loại khác?

Chắc chắn tri thức là một khả năng và là khả năng mạnh nhất.

Còn ý kiến cũng là một khả năng chứ?

Chắc chắn, anh nói: vì ý kiến là cái mà nhờ đó chúng ta làm ra một ý kiến.

Nhưng mới một lát trước đây anh đã nhìn nhận rằng tri thức không đồng nhất với ý kiến?

Đúng, anh nói: làm sao một con người có lý trí lại có thể đồng nhất cái không thể sai lầm với cái có thể sai lầm?

Một câu trả lời tuyệt vời, tôi nói, điều đó chứng tỏ chúng ta biết rõ sự phân biệt giữa chúng.

Vâng.

Vậy vì tri thức và ý kiến có các năng lực khác nhau, chúng cũng có các phạm vi hay nội dung khác nhau?

Tất nhiên rồi.

Phạm vi của tri thức là cái hiện thực; và khả năng của nó là biết bản chất của cái hiện thực.

Vâng.

Và ý kiến là khả năng hình thành ý kiến. Và nội dung của ý kiến là gì? Nó có cùng nội dung với tri thức không?

Không, anh đáp, chúng ta đã nói rồi; nếu sự khác biệt về khả năng bao hàm sự khác biệt về phạm vi và nội dung, và nếu ý kiến và tri thức là các khả năng khác nhau, thì lĩnh vực của tri thức và của ý kiến không thể cùng là một.

Vậy nếu cái hiện thực là nội dung của tri thức, thì nội dung của ý kiến phải là một cái gì khác chứ?

Đúng, một cái gì khác.

Vậy, có phải vô thể là nội dung của ý kiến không? Hay nói đúng hơn, làm thế nào có thể có ý kiến về cái không hiện hữu? Hãy suy nghĩ: khi một người có một ý kiến, người ấy phải có ý kiến về một cái gì đó chứ? Họ có thể có ý kiến về một cái không là gì cả không?

Không thể.

Người có ý kiến là có ý kiến về một vật chứ?

Vâng.

Và vô thể không phải là một vật, mà nói chính xác, không là gì cả?

Đúng.

Vậy chúng ta có thể cho rằng ngu dốt là cái tương ứng với vô thể; và tri thức tương ứng với hữu thể?

Đúng, anh nói.

Vậy thì ý kiến không liên quan tới hữu thể mà cũng không liên quan tới vô thể?

Không liên quan với thứ nào cả.

Và vì vậy nó không thể là ngu dốt mà cũng không thể là tri thức?

Có vẻ như thế.

Nhưng ý kiến có được tìm kiếm ở ngoài mỗi thứ ấy, rõ ràng hơn tri thức, hay tối tăm hơn ngu dốt không?

Không.

Vậy tôi giả sử rằng có vẻ như anh thấy ý kiến thì tối tăm hơn tri thức nhưng sáng sủa hơn ngu dốt?

Đúng và ở mức cao.

Và cũng nằm giữa hai thứ ấy?

Vâng.

Vậy là anh cho rằng ý kiến là khả năng ở giữa?

Tất nhiên.

Nhưng mới đây chúng ta đã chẳng nói rằng nếu bất cứ cái gì có vẻ vừa hiện hữu vừa đồng thời không hiện hữu, thì vật ấy cũng có vẻ nằm giữa hữu thể tuyệt đối và vô thể tuyệt đối; và khả năng tương ứng không phải là tri thức hay ngu dốt, mà phải được tìm ở giữa chúng?

Đúng.

Và ở khoảng giữa đó giờ đây chúng ta đã tìm ra một cái gì mà chúng ta gọi là ý kiến?

Đúng thế.

Có vẻ như nhiệm vụ còn lại của chúng ta là tìm ra cái vừa tham dự vào bản chất hữu thể vừa đồng thời tham dự vào bản chất của vô thể, nhưng lại không thể gọi đúng là hữu thể đơn thuần hay vô thể đơn thuần; tên gọi không biết này, khi được tìm ra, chúng ta sẽ có thể coi nó là nội dung của ý kiến và gán nội dung ở giữa này cho khả năng ở giữa, trong khi các nội dung ở hai cực được gán cho các khả năng ở hai cực.

Với những tiền đề này, tôi xin hỏi anh bạn tôi một câu. Anh cho rằng không có một ý niệm tuyệt đối hay bất biến về cái đẹp-theo anh cái đẹp thì có nhiều thứ-anh là người yêu cái đẹp và anh không chịu chấp nhận rằng cái đẹp là duy nhất, cái công bằng là duy nhất, hay bất cứ cái gì là duy nhất. Với anh tôi xin hỏi: giữa tất cả các cái đẹp này, có một cái đẹp nào mà anh không tìm thấy cái xấu xí trong đó không? Hay giữa các cái công bằng, có một cái nào mà anh không tìm thấy cái bất công trong đó không? Hay giữa các cái thánh thiện, có cái nào không có cái không thánh thiện không?

Không, anh đáp; trong cái đẹp cũng có cái xấu ở một khía cạnh nào đó; về các cái khác cũng thế.

Và giữa nhiều cái có đôi cũng có các nửa; có đôi nghĩa là một vật duy nhất và có nửa của một nửa kia.

Rất đúng.

Và các vật lớn và nhỏ, nặng và nhẹ, như chúng được gọi thế, chúng cũng có thể gọi bằng những tên ngược lại?

Đúng: cả những tên gọi này và những tên gọi ngược lại cũng luôn luôn có thể được dùng cho tất cả chúng.

Và có một vật nào giữa tất cả những vật này được gọi bằng những tên gọi đặc biệt chỉ dành cho vật này mà không dành cho vật khác không?

Anh đáp: Các câu hỏi của ông giống như các câu đố người ta đưa ra trong các bữa tiệc hay các câu đố của trẻ con về chuyện ông quan hoạn ném cái gì vào con dơi và con dơi đang đậu trên cái gì. Từng vật mà tôi đang nói tới cũng là một câu đố và có hai nghĩa: ông không thể xác định dứt khoát trong đầu rằng nó là cái này hay là cái kia, nó có hay không có, hay là cả hai.

Vậy anh phải làm thế nào? Tôi nói. Chúng có một vị trí tốt hơn là chỉ có hay không có, đúng không? Vì rõ ràng chúng không tối tăm hơn là vô thể, hay không rõ ràng hơn là hữu thể.

Rất đúng, anh nói.

Vậy có vẻ như chúng ta đã khám phá ra rằng nhiều khái niệm thông thường mà người ta nghĩ về cái đẹp và về tất cả các cái khác thường ở lấp lửng giữa cái có đơn thuần và cái vô đơn thuần?

Chúng ta đã tìm ra điều đó.

Và trước kia chúng ta đã đồng ý rằng bất cứ những gì thuộc loại này thì đều được chúng ta coi như là nội dung của ý kiến, chứ không phải của tri thức; chúng là nội dung ở giữa được nắm bắt bởi khả năng ở giữa.

Đúng thế.

Vậy những người thấy nhiều cái đẹp, nhưng không thấy cái đẹp tuyệt đối cũng không thể theo sự hướng dẫn của người chỉ cho họ thấy cái tuyệt đối; những người thấy nhiều cái công bằng nhưng không thấy công bằng tuyệt đối và những điều tương tự, những người như thế chúng ta có thể nói là họ có các ý kiến nhưng không có tri thức, đúng không?

Đúng.

Nhưng những người thấy được cái tuyệt đối, cái vĩnh cửu và cái không thay đổi, thì chúng ta có thể nói là họ có tri thức, chứ không chỉ có ý kiến, đúng không?

Không thể nào phủ nhận cả hai trường hợp này.

Những người này yêu mến các đối tượng của tri thức, còn những người kia yêu mến các đối tượng của ý kiến? Hạng người thứ hai này cũng giống như những người thích nghe những âm thanh ngọt

ngào và ngắm nhìn những màu sắc đẹp, nhưng không thể nhìn nhận sự hiện hữu của cái đẹp tuyệt đối, anh còn nhớ không?

Vâng, tôi còn nhớ.

Vậy chúng ta sẽ có lỗi với họ và có làm họ tức giận không, nếu chúng ta bảo rằng họ là những người yêu mến ý kiến chứ không phải yêu mến sự khôn ngoan?

Tôi sẽ bảo họ đừng tức giận vì điều đó. Không ai được tức giận vì nghe sự thật.

Nhưng những người yêu sự thật trong mỗi vật phải được gọi là những người yêu sự khôn ngoan, tức là những triết gia, chứ không phải những người yêu ý kiến.

Chắc chắn rồi.

QUYỂN VI

Anh Glaucon, thế là sau một chuỗi tranh luận dài và khó khăn, chúng ta đã phân biệt được ai là triết gia thật và ai là triết gia giả.

Tôi nghĩ chúng ta không thể nào nói ngắn hơn được.

Tôi cũng nghĩ thế, tôi nói; nhưng tôi cho rằng lẽ ra chúng ta đã có thể thấy rõ vấn đề hơn nữa nếu như chúng ta không giới hạn vào một đề tài duy nhất, trong khi còn nhiều vấn đề khác nữa mà chúng ta cần bàn tới, để thấy rõ cuộc đời của người công chính và của người bất công khác nhau ở chỗ nào.

Vậy câu hỏi tiếp theo là gì? Anh hỏi.

Chắc chắn là câu hỏi theo thứ tự kế tiếp.

Vì chỉ có các triết gia là những người có thể lãnh hội được cái vĩnh cửu và cái bất biến, còn những người đi lòng vòng quanh miền đất của những cái đa tạp và thay đổi đều không phải là triết gia, nên tôi phải hỏi anh, ai trong hai hạng người này phải cai trị nhà nước chúng ta?

Chúng ta phải trả lời câu hỏi này theo cách nào cho đúng?

Bất cứ hạng người nào có khả năng tốt nhất để bảo vệ luật pháp và các cơ chế của nhà nước chúng ta-họ phải là người cai trị của chúng ta.

Rất đúng.

Một điểm không cần bàn cãi nữa là người cai trị phải giữ gìn, nên họ phải có mắt để nhìn chứ không thể không có mắt.

Tất nhiên.

Vậy những người thực sự không biết về bản chất mỗi sự vật và trong tâm trí họ không có các kiểu mẫu rõ rệt, những người không có con mắt giống như người hoạ sĩ để nhìn ngắm chân lý tuyệt đối và nhìn vào bản gốc ấy để sửa chữa cũng như không có cái nhìn hoàn hảo về thế giới khác để ra các luật lệ về cái đẹp, cái tốt, cái công bằng trong thế giới này, để canh chừng và bảo tồn trật tự trong chúng-những người như thế không phải là mù sao?

Đúng, họ là những người mù.

Và hạng người như thế có thể nào là những người bảo vệ của chúng ta, khi mà bên cạnh họ cũng có những con người đầy kinh nghiệm như họ và không thiếu một nhân đức nào mà họ có, nhưng còn biết bản chất thực sự của sự vật nữa?

Không có lý do gì để từ chối những người có đức tính cao quí nhất này; họ phải luôn luôn chiếm vị trí số một trừ khi họ thiếu sót về một phương diện nào đó.

Vậy, tôi nói, chúng ta có thể xác định xem họ có thể kết hợp đức tính này với các đức tính trội vượt khác như thế nào không?

Tất nhiên.

Trước hết, chúng ta phải khẳng định bản chất của triết gia. Chúng ta phải tìm xem họ là gì và khi đã biết rồi, chúng ta cũng nhìn nhận rằng họ có khả năng kết hợp các đức tính ấy và chỉ những người có sự kết hợp các đức tính ấy, chúng ta mới đặt họ làm người cai trị nhà nước chúng ta.

Ý ông là gì?

Chúng ta hãy giả sử rằng các đầu óc triết học luôn luôn yêu thích một sự khôn ngoan nào đó để chỉ cho họ thấy rằng bản chất vĩnh cửu không thay đổi theo sự sinh ra hay hủy hoại.

Đồng ý.

Ngoài ra, chúng ta hãy nhất trí với nhau rằng họ là những người yêu mến mọi hữu thể đích thực; họ không muốn từ bỏ một phần nào dù là lớn hơn hay nhỏ hơn, cao quí nhiều hay ít; đó là điều chúng ta đã nói trước đây về những người đang yêu và những người có tham vọng.

Đúng thế.

Và nếu họ muốn trở thành hạng người như chúng ta đang mô tả, phải chăng họ cũng cần có một đức tính khác nữa?

Đức tính nào?

Trọng sự thật: họ sẽ không bao giờ cố tình nhận vào tâm trí họ sự giả trá, là điều họ gớm ghét và họ sẽ yêu mến sự thật.

Vâng, điều này chúng ta có thể an tâm khẳng định.

Này anh bạn, từ "có thể" của anh dùng không chỉnh; phải nói là "phải khẳng định:" vì một người đang yêu thì không thể không yêu tất cả những gì thuộc về đối tượng mình yêu hay giống với nó.

Đúng, anh nói.

Vậy có gì gần với sự khôn ngoan hơn sự thật không?

Làm sao có được?

Một người có bản chất như thế có thể vừa yêu sự khôn ngoan vừa yêu sự giả trá không?

Không bao giờ.

Người yêu tri thức thì ngay từ nhỏ phải ra sức ước muốn tất cả sự thật?

Chắc chắn rồi.

Nhưng một lần nữa, như kinh nghiệm dạy chúng ta, người có ước muốn mạnh về một hướng nào đó thì sẽ yếu về hướng khác; họ sẽ giống như một dòng suối đã bị kéo sang một con kênh khác.

Hoàn toàn đúng.

Một người như thế chắc chắn sẽ là người điều độ và không tham lam; vì các động cơ làm cho một người khác thèm muốn sở hữu và chi tiêu, thì không có chỗ trong người ấy.

Rất đúng.

Một tiêu chuẩn khác nữa của triết gia cũng cần phải được bàn đến.

Tiêu chuẩn gì?

Không thể có một góc thầm kín nào nơi người ấy mang tính bần tiện; không gì vô lý hơn là tính bần tiện nơi một tâm hồn luôn luôn khao khát toàn thể các sự vật thần linh và nhân loại.

Rất đúng, anh đáp.

Vậy một người có tâm hồn to lớn như thế và là người nhìn ngắm toàn thể thời gian và hiện hữu, làm sao người ấy có thể quá quan tâm tới đời sống con người?

Họ không thể.

Và họ cũng không tỏ ra sợ hãi trước cái chết?

Chắc chắn là không.

Vậy thì người hèn nhát và bần tiện không thể dự phần vào triết học chân chính?

Chắc chắn là không.

Hay: một người có bản chất hài hòa, không tham lam hay bần tiện, không phải là một kẻ phô trương hay hèn nhát-một người như thế có thể có những cách đối xử bất công hay cứng rắn bao giờ không?

Không bao giờ.

Vậy anh sẽ thấy ngay được một người là công bằng và tử tế, hoặc thô lỗ và bần tiện; đây là những dấu chỉ để phân biệt con người triết học với con người phi triết học, ngay cả lúc còn trẻ.

Đúng.

Còn một điểm nữa cần chú ý.

Điểm gì?

Họ có ham thích học hỏi hay không; vì không ai thích cái làm mình đau khổ và sau nhiều vất vả cực nhọc mình không có tiến bộ gì.

Chắc chắn là không rồi.

Còn nữa, nếu họ quên ngay và không giữ lại được điều gì họ học, có phải họ là một cái bình rỗng không?

Đó là điều chắc chắn.

Lao nhọc vô ích, họ nhất định phải đi đến chỗ thù ghét chính mình và công việc vô ích của mình?

Đúng.

Vậy một tâm hồn hay quên thì không thể được kể vào hàng ngũ các triết gia; chúng ta phải nhấn mạnh rằng triết gia phải có trí nhớ tốt.

Chắc chắn.

Còn nữa, con người không hài hòa và khó coi chỉ có thể đi tới chỗ mất cân đối?

Chắc rồi.

Và anh có nghĩ sự thật thì gần với sự cân đối hay thiếu cân đối?

Sự cân đối.

Vậy, ngoài các đức tính khác, chúng ta phải cố gắng tìm ra một tâm hồn có bản chất cân đối và duyên dáng, biết hướng tới bản chất thực của mọi sự một cách rất tự nhiên.

Chắc chắn.

Tốt; vậy tất cả các đức tính này có đi chung với nhau không và phải chăng một cách nào đó chúng đều cần thiết cho một tâm hồn thực sự được tham dự hoàn toàn vào hữu thể?

Chúng tuyệt đối cần thiết.

Và phải chăng đó là một sự học hỏi tinh khiết mà chỉ có thể được theo đuổi bởi một người có khả năng trí nhớ tốt, ham thích học hỏi - cao quý, duyên dáng, là bạn của sự thật, công bằng, can đảm, điều độ, là những đức tính gần gũi với người ấy?

Dù là vị thần ghen tuông cũng không thể chê trách một môn học như thế.

Và những người giống như họ, khi được hoàn thiện bởi thời gian và giáo dục, anh sẽ giao trọng trách của nhà nước cho những người như thế và chỉ cho những người như thế mà thôi.

Tới đây Adeimantus cắt ngang và nói: những câu ông nói không ai có thể bắt bẻ gì được; nhưng khi ông nói theo cách này, những người nghe ông có một cảm giác kỳ lạ: họ nghĩ rằng họ bị lôi kéo đi lạc đề từng bước một trong cuộc tranh cãi, vì họ thiếu khả năng hỏi và trả lời câu hỏi; dần dần những điểm nho nhỏ này tích tụ lại và đến khi tranh luận xong, họ cảm thấy họ đã buộc phải thay đổi lập trường ban đầu của họ. Và giống như những kẻ chơi đàn dở cuối cùng bị bịt miệng bởi các đối thủ chơi giỏi hơn họ, thì những người này cũng thế, cuối cùng họ bị cứng họng; vì họ không biết nói gì trong trò chơi mới này mà các lời nói có giá trị quan trọng; thế nhưng họ luôn luôn có lý. Tôi có nhận xét này là vì những điều đang xảy ra bây giờ. Vì bất cứ ai trong chúng tôi cũng có thể nói rằng, mặc dù về ngôn từ họ không thể đối đáp lại ông ở mỗi bước tranh luận, nhưng chúng tôi thấy rằng những người say mê triết học, khi họ học hỏi triết học không chỉ ở tuổi trẻ như một phần nền giáo dục của họ, mà cả ở tuổi trưởng thành của họ, đa số họ đều trở thành những con quái vật, thậm chí những tay đểu cáng và những người được coi là giỏi nhất trong số họ cũng trở thành vô ích

đối với thế giới bởi chính môn học mà ông đang đề cao.

Vậy anh cho là những người nói như thế là sai sao?

Tôi không biết, anh đáp; nhưng tôi muốn biết ý kiến của ông.

Hãy nghe câu trả lời của tôi: tôi cho rằng họ nói đúng.

Vậy làm sao ông lại cho rằng các thành phố sẽ chỉ hết sự xấu khi có các triết gia cai trị chúng, khi mà chúng ta lại nói rằng các triết gia chẳng có ích gì cho chúng?

Anh hỏi một câu hỏi mà chỉ có thể trả lời bằng một dụ ngôn.

Vâng, ông Socrates và đó là kiểu mà tôi nghĩ ông không quen mấy.

Tôi thấy anh đang rất thích thú muốn dồn tôi vào một ngõ bí trong cuộc tranh luận này; nhưng bây giờ anh hãy nghe câu truyện dụ ngôn và sau đó anh sẽ còn cảm thấy khoái chí hơn nữa vì trí tưởng tượng của tôi quá nghèo nàn: vì cách mà những con người tốt nhất được đối xử trong các nhà nước của họ thì quá tồi tệ không gì trên thế giới này có thể so sánh được; và vì vậy, nếu tôi phải bênh vực cho họ, tôi phải dùng một câu truyện hư cấu và ghép nối rất nhiều điều vào một hình ảnh duy nhất, giống như sự ghép nối thần thoại của các con dê với các con nai trong các bức tranh. Anh hãy tưởng tượng ra một hạm đội hay một con tàu trên đó thuyền trưởng to lớn và mạnh khỏe hơn mọi người trong thủy thủ đoàn, nhưng ông lại hơi điếc và mắt kém và trình độ đi biển của ông cũng không khá hơn họ. Các thủy thủ đang tranh cãi với nhau xem ai phải lái tàu-ai ai cũng đòi giành quyền lái tàu về cho mình, mặc dù họ chưa bao giờ học nghề lái tàu và không thể nói ai đã dạy họ lái tàu và họ đã học lái tàu khi nào, họ còn khẳng định rằng nghề lái tàu không thể học được và họ sẵn sàng giết chết bất cứ ai nói ngược lại họ. Họ đến vây quanh thuyền trưởng và xin ông trao quyền lái tàu cho họ; và nếu có lúc nào họ không được nhận lời, mà để những người khác thắng họ, thì họ giết những người này và vứt họ xuống biển và sau khi đã chuốc rượu ông thuyền trưởng khiến ông không còn ý thức được gì nữa, họ nổi loạn và cướp tàu cùng với tất cả kho hàng trên tàu; thế là mặc sức ăn uống linh đình, họ cứ thế tiếp tục cuộc hành trình trên biển một cách hoàn toàn hỗn loạn. Người đã đứng về phe họ và đã bày mưu cho họ cướp thuyền bằng vũ lực hay lời thuyết phục, thì bây giờ được họ tung hô là thuyền trưởng, hoa tiêu, người đi biển tài năng và họ chửi rủa những người khác, coi họ là đồ vô tích sự; nhưng họ không hề nghĩ gì tới hay nói gì tới việc một người hoa tiêu đích thực phải chú ý tới mùa trong năm, tới bầu trời, các tinh tú, gió và bất cứ điều gì liên quan tới nghề

của họ, nếu họ thực sự muốn có đủ trình độ để chỉ huy con tàu, họ phải là người lái tàu và sẽ cầm lái con tàu, cho dù những người khác có thích họ hay không. Bây giờ trên những con tàu ở tình trạng các thủy thủ nổi loạn, người hoa tiêu đích thực sẽ được họ coi là gì? Hẳn là sẽ bị họ coi là một kẻ khoác lác, một tên biếng nhác, một kẻ vô tích sự, đúng không?

Đương nhiên, Adeimantus nói.

Vậy anh khỏi cần nghe giải thích về hình ảnh này, vì anh đã hiểu rồi. Nó mô tả bản chất thực của triết gia trong tương quan với nhà nước.

Chắc chắn là vậy.

Thế thì hãy giả sử anh đem kể câu dụ ngôn này cho một người đang ngạc nhiên trước cảnh các triết gia không được kính trọng tại đất nước của họ. Hãy giải nghĩa dụ ngôn cho người ấy và thuyết phục người ấy tin rằng các triết gia mà được kính trọng còn là điều đáng ngạc nhiên hơn nhiều.

Tôi sẽ làm như ông nói.

Anh hãy nói cho họ rằng họ có lý khi bảo rằng triết học là vô ích cho mọi người khác trên thế giới. Nhưng anh cũng phải nói cho họ rằng sở dĩ triết học vô ích là vì lỗi của những người không biết sử dụng nó, chứ không phải lỗi của chính triết học. Người hoa tiêu không được nài nỉ xin xỏ các thủy thủ để ông được chỉ huy họ-trật tự tự nhiên không phải như thế; cũng không thể có chuyện "người khôn ngoan phải đến trước cửa nhà người giàu có"-một lời nói láo của một tác giả-nhưng sự thật là khi một người mắc bệnh, dù giàu hay nghèo, người ấy phải đến với bác sĩ và người muốn được cai trị thì phải đến với người có khả năng cai trị. Nhà cai trị có tài không được nài nỉ các thần dân để mình cai trị họ; mặc dù các nhà cai trị hiện nay hành động theo một cách khác; chúng ta có lý để so sánh họ với những tên thủy thủ nổi loạn và các thuyền trưởng chân chính được so sánh với những người được họ gọi là những kẻ viển vông và vô tích sự.

Chính xác là thế, anh nói.

Vì những lý do ấy và giữa những người như những người này, mặc dù triết học là một công trình cao cả trên hết, nó không dễ được đánh giá cao bởi những người thuộc phe khác; triết học bị hại nhiều nhất và lâu dài nhất không phải bởi các đối thủ của nó, nhưng bởi chính các đồ đệ của nó, cũng là lý do khiến anh cho rằng người ta tố cáo họ là những kẻ dở hơi và những kẻ tốt nhất cũng chỉ là vô tích sự; về điểm này tôi đồng ý.

Vâng.

Và chúng ta đã cắt nghĩa lý do tại sao những người tốt là vô ích rồi chứ?

Đúng.

Vậy chúng ta sẽ tiếp tục chứng minh rằng sự sa sút của đa số cũng là điều không thể tránh và tình trạng này cũng không thể đổ lỗi cho triết học hơn là cho những lý do khác.

Đúng thế.

Vậy chúng ta sẽ luân phiên hỏi và trả lời, trước hết trở lại việc mô tả bản chất tốt đẹp và cao quí của nó. Hẳn anh còn nhớ, chân lý là người hướng dẫn của họ, họ luôn luôn đi theo nó trong mọi sự; nếu không làm điều này, họ chỉ là một tay khoác lác và không có phần gì trong triết học đích thực.

Vâng, chúng ta đã nói điều đó rồi.

Tốt, phải chăng đức tính này rất khác nhau tùy theo các khái niệm hiện nay về triết gia?

Chắc chắn.

Và chúng ta có quyền nói để bảo vệ họ, rằng người yêu tri thức chân chính thì luôn luôn theo đuổi hiện hữu-đó là bản chất của họ; họ sẽ không dừng lại ở sự đa dạng của các cá thể vốn chỉ là dáng vẻ bên ngoài mà thôi, nhưng họ luôn cố gắng đi sâu hơn nữa cho tới khi họ đạt tới tri thức đích thực về bản chất mọi vật, bởi một năng lượng đồng cảm và thân mật trong tâm hồn, và nhờ năng lượng đó, họ sẽ có tri thức và sẽ sống cũng như phát triển một cách đích thực, và chỉ đến khi đó họ mới có thể hết cố gắng.

Không có mô tả nào có thể đúng hơn mô tả này về triết gia.

Và không một lòng yêu thích sự dối trá nào nằm trong bản chất triết học. Họ sẽ hoàn toàn gớm ghét sự nói dối chứ?

Tất nhiên.

Và khi chân lý làm người chỉ huy, chúng ta không thể nghi ngờ có sự xấu nào trong đoàn người mà họ lãnh đạo chứ?

Không thể.

Công bằng và sức khỏe tinh thần sẽ đi theo và tiết độ cũng sẽ đi theo sau đó chứ?

Đúng, anh đáp.

Cũng không có lý do nào khiến tôi phải kể ra một lần nữa các nhân đức của triết gia, bởi vì hẳn anh còn nhớ rằng lòng can đảm, độ lượng, tinh tường, trí nhớ, là những năng khiếu bẩm sinh của họ. Và anh đã phản đối rằng, mặc dù không ai có thể phủ nhận những điều tôi đã nói lúc đó, nhưng nếu anh đừng để ý đến lời nói nữa nhưng hãy nhìn vào các sự kiện, một số những người được mô tả như thế tự bản thân họ là vô tích sự và một số lớn họ là những người sa đọa hoàn toàn; vì thế lúc đó chúng ta phải tìm hiểu lý do của các lời tố cáo này và bây giờ chúng ta đã đi đến chỗ phải hỏi tại sao đa số là người xấu, và câu hỏi này

tất yếu đưa chúng ta trở lại với việc xem xét và định nghĩa về triết gia chân chính.

Chính xác là thế.

Tiếp đến chúng ta phải xem xét các sự suy đồi của bản chất triết học, tại sao quá nhiều người bị hư hỏng và quá ít người tránh khỏi sự hư hỏng-tôi đang nói đến những người bị gọi là vô tích sự nhưng không xấu-và khi chúng ta đã xét xong, chúng ta sẽ nói đến những người đi theo triết học, họ là hạng người nào mà lại theo đuổi một nghề vượt quá bản thân họ và họ bất xứng với nó và sau đó, bằng những sự thiếu nhất quán của họ, họ đã làm cho triết học bị tai tiếng trên khắp thế giới như chúng ta đã nói.

Những sự suy đồi này là gì? Anh nói.

Tôi sẽ thử xem có thể cắt nghĩa cho anh không. Mọi người sẽ nhìn nhận rằng một bản tính mà có tất cả các đức tính hoàn thiện như chúng ta đòi hỏi nơi một triết gia, thì là một cây quí rất hiếm gặp giữa loài người.

Quả là rất hiếm.

Và những nguyên nhân tàn phá các bản tính quí hiếm đó thì vô số kể!

Những nguyên nhân nào?

Trước hết, đó là các nhân đức của chính họ, lòng can đảm, chừng mực và các đức tính khác của họ, mỗi một đức tính đáng ca ngợi này (một trường hợp khá lạ) phá hoại và lôi kéo người có các đức tính ấy rời xa triết học.

Quả là chuyện lạ đấy.

Rồi còn có tất cả các điều tốt lành của cuộc đời-sắc đẹp, của cải, sức mạnh, địa vị và các mối quan hệ lớn trong nhà nước-chúng cũng là nguyên nhân hủy hoại và lôi kéo người ta rời xa triết học.

Tôi hiểu; nhưng tôi muốn biết thực sự ông đang có ý nói gì về chúng.

Hãy hiểu sự thật toàn diện, tôi nói và đúng cách; như thế anh sẽ không gặp khó khăn gì trong việc lãnh hội những nhận xét trên và chúng sẽ không còn là điều kỳ lạ đối với anh nữa.

Tôi phải làm như thế nào? Anh hỏi.

Không khó, tôi nói, chúng ta biết rằng mọi mầm mống hay hạt giống, dù là thực vật hay động vật, khi chúng không gặp đủ các điều kiện tốt về dinh dưỡng, khí hậu hay đất trồng thích hợp với sức sống của chúng, chúng càng dễ chịu ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh, vì sự xấu là kẻ thù lớn của điều tốt hơn là của điều không tốt.

Rất đúng.

Cũng có lý do chính đáng để cho rằng các bản chất tốt đẹp nhất, khi gặp các hoàn cảnh xa lạ,

thường chịu tổn thương nhiều hơn là các bản chất kém, vì sự tương phản lớn hơn.

Chắc chắn.

Vì thế, anh Adeimantus, chúng ta có thể nói rằng các thiên khiếu bẩm sinh to lớn nhất, khi bị giáo dục xấu, sẽ trở thành những con người xấu một cách tột độ. Anh không thấy rằng các tội ác ghê gớm và tinh thần xấu xuất phát từ một bản chất tốt đẹp nhưng bị giáo dục xấu hơn là từ một bản chất kém, trong khi các bản chất yếu thì ít khi có khả năng làm những điều gì tốt to lớn hay điều gì xấu to lớn sao?

Tôi nghĩ ông nói có lý.

Và triết gia của chúng ta cũng đi theo con đường tương tự như thế- họ giống như một cây, khi được nuôi dưỡng tốt, sẽ phát triển thành mọi nhân đức, nhưng nếu bị gieo trồng trên một mảnh đất xấu, nó sẽ trở thành thứ cỏ dại tệ hại nhất, trừ khi họ được một sức mạnh thần linh gìn giữ. Anh có thực sự nghĩ như người ta thường nói rằng giới trẻ của chúng ta bị sa đọa bởi các nhà Ngụy biện, hay các ông thầy dạy nghề tư làm chúng sa đọa tột độ không? Hay khi họ nói như thế, họ lại chính là những nhà Ngụy biện lớn nhất? Không phải là họ giáo dục cả trẻ lẫn già, cả nam lẫn nữ, để họ đạt tới sự hoàn thiện theo mẫu mực của chính họ sao?

Điều này được thực hiện khi nào? Anh hỏi.

Khi họ gặp gỡ nhau và mọi người ngồi trong một đại hội, hay trong một tòa án, hay một nhà hát, hay một trại, hay ở bất kỳ nơi giải trí bình dân nào và ở những nơi ồn ào náo nhiệt, ở đó họ ca ngợi những điều đã được nói hoặc làm và chê trách các điều khác, họ cường điệu cả hai, la hét và vỗ tay... - ở những nơi tụ tập như thế, tâm hồn của một người trẻ lại không cùng nhảy lên với họ sao? Liệu có một nền giáo dục tư nào có thể giúp người trẻ đứng vững và cưỡng lại làn sóng tràn ngập của công luận không? Liệu người trẻ có thể không theo các khái niệm về tốt và xấu mà công chúng có hay không? Hay người ấy sẽ làm như họ làm, sống như họ sống?

Đúng, ông Socrates; họ sẽ phải theo vì áp lực.

Thế nhưng, tôi nói, còn có một sự bó buộc lớn hơn mà chúng ta chưa nhắc đến.

Bó buộc nào?

Sức mạnh dịu dàng của việc tước quyền công dân hay truất hữu tài sản hoặc cái chết, là những dư luận mà các nhà Ngụy biện và các ông thầy này sử dụng khi lời nói của họ không có tác dụng.

Đúng là họ có làm như thế và làm rất mạnh.

Vậy tôi muốn đưa anh tới một nhận xét nữa.

Ông sẽ nói đến điều gì?

Tất cả các ông thầy lang thang này, mà đa số gọi là các nhà Ngụy biện và coi họ là các đối thủ của mình, trên thực tế họ không dạy điều gì khác ngoài ý kiến của đa số, nghĩa là ý kiến của các đại hội của họ; và đây là sự khôn ngoan của họ. Tôi có thể so sánh họ với một người phải nghiên cứu về bản năng và thèm muốn rất mạnh của một con vật mà họ nuôi-họ sẽ học cách lại gần và tiếp xúc với con vật này, khi nào và vì nguyên nhân nào nó có thể tỏ ra nguy hiểm và các tiếng kêu của nó có nghĩa gì, và nó có thể được xoa dịu hay bị chọc giận bởi những âm thanh nào; và anh có thể giả thiết rằng, nhờ liên tục tiếp xúc và tìm hiểu con vật, khi họ đã thực hiện được mọi động tác hoàn hảo khi tiếp xúc với con vật, họ gọi sự hiểu biết của họ là sự khôn ngoan và biến nó thành một hệ thống hay một môn học; và họ bắt đầu giảng dạy nó, mặc dù họ không có một khái niệm thực sự nào về ý nghĩa của các nguyên tắc hay các đam mê mà họ đang nói đến, nhưng họ gọi một cái là đáng trọng và cái khác là đáng khinh, một cái là tốt và cái khác là xấu, công bằng hay bất công, tất cả phù hợp với sở thích và tính khí của con vật mạnh. Họ định nghĩa cái tốt là cái mà con vật thích và cái xấu là cái mà con vật ghét; nhưng họ không thể cắt nghĩa được lý do, ngoại trừ giải thích của họ rằng cái gì tốt và công bằng là cái cần thiết, vì bản thân họ chưa từng được thấy nó và cũng không có khả năng cắt nghĩa cho người khác về bản chất của mỗi cái, hay sự khác biệt giữa chúng, là điều bao la. Một nhà giáo dục như thế có hiếm hoi không?

Thực sự là hiếm.

Anh nhận ra sự thật của những điều tôi nói chứ? Vậy tôi xin anh suy nghĩ thêm là liệu thế giới này sẽ có thể được dụ dỗ để tin vào sự hiện hữu của cái đẹp tuyệt đối thay vì của nhiều cái đẹp cá thể, hay cái tuyệt đối trong mỗi loại thay vì cái nhiều trong mỗi loại không?

Chắc là không.

Vậy thế giới không thể là một triết gia?

Không thể nào.

Và vì thế các triết gia tất yếu phải bị sự chi phối của thế giới?

Tất nhiên.

Và của những người hùa theo đám đông và tìm cách làm vừa lòng đám đông?

Tất nhiên.

Vậy anh có thấy triết gia có thể trung thành với tiếng gọi của mình cho đến cùng bằng cách nào khác không? Và hãy nhớ lại những gì chúng ta đang nói về họ, đó là họ phải tỉnh táo, có trí

nhớ và can đảm, độ lượng-những điều này đã được chúng ta nhìn nhận là các năng khiếu của triết gia chân chính.

Đúng.

Phải chăng một người như thế ngay từ nhỏ đã là người hơn hẳn mọi người, nhất là nếu các năng khiếu thể chất của họ cũng giống các năng khiếu tinh thần của họ?

Chắc chắn rồi, anh nói.

Và các bạn bè và đồng bào của người ấy sẽ muốn sử dụng cho mục đích của họ khi người ấy lớn lên?

Không nghi ngờ gì.

Quì phục dưới chân người ấy, họ sẽ nói lên những yêu cầu của họ, ca tụng và nịnh hót người ấy, vì họ muốn nắm trong tay họ quyền lực mà người ấy sẽ có sau này.

Đó là điều thường xảy ra, anh nói.

Và một người như người ấy sẽ làm gì trong hoàn cảnh ấy, đặc biệt nếu họ là một công dân của một thành phố lớn, giàu và có thế lực? Chắc hẳn người ấy sẽ ôm ấp đầy những khát vọng và tưởng mình có khả năng xoay sở mọi công việc của đất nước Hi Lạp cũng như của người man di, và khi đã có những khái niệm như thế về bản thân mình, họ sẽ tự cao tự đại và phô trương, đúng không?

Chắc chắn họ sẽ có thái độ ấy.

Vậy, khi họ đang ở trong tâm trạng như thế, nếu một ai dịu dàng đến gặp họ và bảo rằng họ là một thằng khùng và phải hiểu rõ bản thân mình, liệu họ có sẵn lòng nghe người ấy không?

Hẳn là không rồi.

Và một người như thế có bao giờ trở thành một triết gia không?

Không thể nào.

Như thế chúng ta đã có lý khi nói rằng ngay cả những đức tính làm cho một người thành triết gia, nhưng nếu người ấy bị giáo dục sai, các đức tính ấy sẽ đẩy họ rời xa triết học, chẳng khác gì ảnh hưởng của sự giàu sang và những tiện nghi của đời sống.

Chúng ta có lý khi nói thế.

Chúng ta đã vượt qua được một khó khăn chính. Bây giờ chúng ta còn phải trả lời cho câu hỏi, làm thế nào chúng ta có thể bảo đảm có người bảo vệ hiến pháp của chúng ta. Họ phải học những gì và họ phải học mỗi ngành học ở lứa tuổi nào?

Đúng. Đó là điểm tiếp theo.

Tôi không có lợi gì khi khôn khéo trì hoãn việc tranh luận các câu hỏi hóc búa về việc sở hữu các bà vợ va con cái, và việc chỉ định các người cai trị. Tôi biết rằng kế hoạch lý tưởng chắc chắn sẽ gây sự xúc phạm và khó thực hiện; tuy nhiên tôi đã buộc phải tranh luận các vấn đề này. Chúng ta bây giờ đã giải quyết xong vấn đề về các phụ nữ và trẻ em, nhưng chúng ta

phải bắt đầu lại từ đầu việc đào luyện các nhà cai trị. Các anh còn nhớ phải thử thách lòng yêu nước của họ như thế nào, bằng những thử thách của đau khổ và khoái lạc, để họ đạt được một niềm tin mà không sự vất vả hay nguy hiểm nào, không sự may rủi nào có thể làm họ bỏ niềm tin ấy. Tất cả những ai thất bại đều bị loại; chỉ người nào hoàn toàn chiến thắng thử thách, giống như vàng được thử trong lửa, mới được chọn làm nhà cai trị với các đặc quyền đặc lợi trong cuộc đời này và sau khi chết.

Đúng như thế, tôi nhớ rồi.

Tôi đã từng do dự trước những lời lẽ mạnh bạo mà chúng ta vừa nói, nhưng bây giờ chúng ta đã bạo dạn tuyên bố rằng những người bảo vệ của chúng ta theo nghĩa đầy đủ nhất phải là các triết gia. Một khi chấp nhận như thế, các anh phải suy nghĩ xem con số những người như thế hiếm hoi biết bao. Các thiên khiếu mà chúng ta cần có thường ít khi phát triển trong một toàn thể; chúng thường xuất hiện riêng rẽ.

Ông muốn nói bằng cách nào?

Các đức tính như hiểu biết, trí nhớ tốt, sự sáng suốt, nhanh nhẹn, cùng với một tinh thần cao, cá tính quảng đại, thường ít khi được kết hợp với tâm thái sẵn sàng để sống một đời sống yên tĩnh, giản dị và nhất quán. Các đầu óc thông minh thường dễ mất sự bền bỉ và thường dễ ngả theo các hướng khác nhau. Ngược lại, các cá tính bền bỉ và đáng tin cậy, mà sự thụ động của nó là một chứng minh chống lại các hiểm nguy của chiến tranh, cũng thường là một chứng minh chống lại sự dạy dỗ. Đối diện với công việc tri thức, họ thường trở thành buồn ngủ và dễ ngáp dài.

Đúng như thế.

Nhưng chúng ta nhấn mạnh rằng chỉ những người có cả hai loại đức tính như thế, ở một mức độ thích hợp thì mới có thể được cống hiến nền giáo dục cao nhất và chức vụ của nhà cai trị. Vì vậy, ngoài việc thử thách bằng sự vất vả và nguy hiểm và những cám dỗ của khoái lạc, chúng ta bây giờ có thể thêm rằng sức mạnh của nó phải được thử thách bằng nhiều hình thức học tập khác nhau, để xem nó có can đảm và sự kiên trì để theo đuổi loại tri thức cao nhất hay không, mà không bị chao đảo giống như những người khác bị chao đảo trước các thử thách thể lý.

Hoàn toàn phải như vậy; nhưng ông muốn nói đến loại học tập nào được coi là cao nhất?

Các anh còn nhớ chúng ta đã rút ra những định nghĩa về công bằng, điều độ, dũng cảm và khôn ngoan bằng cách phân biệt ba phần của linh hồn chứ?

Nếu không nhớ, hẳn chúng tôi không đáng để nghe tiếp.

Các anh cũng còn nhớ lời cảnh cáo trước của tôi rằng để đạt được cái nhìn rõ rệt nhất về những đức tính này, chúng ta phải đi một con đường vòng rất xa, mặc dù chúng ta có thể cắt nghĩa nó một cách hời hợt hơn với lý luận trước đây của chúng ta. Các anh nói các anh sẵn sàng theo con đường dài đó; và vì thế chúng ta đã tiếp tục đi theo con đường mà tôi thấy có vẻ không đủ chính xác; các anh có thấy hài lòng hay không là tùy các anh xét.

Chúng tôi nghĩ ông đã nói cho chúng tôi khá đúng sự thật.

Dù có gì chỉ kém sự thật một chút thôi cũng không thể chấp nhận đối với một vấn đề quan trọng như thế này. Cái gì không hoàn hảo thì không thể làm thước đo sự thật; vậy mà người ta đôi khi nghĩ họ đã làm đủ và không cần đi xa hơn.

Vâng, lười biếng cũng là một thói quen khá thông thường.

Nhưng đây lại là đức tính cuối cùng cần có nơi người bảo vệ đất nước và nơi luật pháp của nó. Vì vậy họ phải đi con đường dài và lao động cật lực trong việc học hỏi cũng như luyện tập thân thể; nếu không họ sẽ không bao giờ đạt được mục tiêu của tri thức cao nhất, là điều đáng được họ quan tâm nhất.

Sao, không phải là công bằng và các nhân đức khác mà chúng ta đã thảo luận trên kia ư? Còn có điều gì cao hơn đáng để biết sao?

Có đấy; và nó thuộc số những nhân đức mà trên kia chúng ta mới chỉ phác hoạ sơ sài và chúng ta không thể hài lòng khi chưa có một bức tranh hoàn hảo về nó. Nếu chúng ta cố gắng hết sức để đạt sự chính xác và rõ ràng về những điều ít quan trọng, thì quả là vô lý hết sức nếu chúng ta không đòi hỏi một mức độ chính xác cao nhất trong những điều quan trọng nhất.

Tất nhiên rồi. Nhưng ông muốn nói gì khi nói đến dạng tri thức cao nhất và nó liên quan đến gì? Ông không thể lẩn tránh câu hỏi này đâu nhé.

Không đâu, vì chính các anh có thể hỏi tôi cơ mà. Dù sao, tôi đã nói cho các anh nhiều lần rồi mà; nhưng bây giờ hoặc là các anh không suy nghĩ, hay cũng có thể các anh muốn đẩy tôi vào thế bí khi nhấn mạnh câu hỏi này. Vì các anh đã thường xuyên được nghe nói rằng đối tượng cao nhất của tri thức là bản chất cơ bản của Sự Thiện, từ đó phát xuất mọi điều tốt và đúng. Hẳn bây giờ các anh muốn tôi nói điều đó ra và thêm rằng chúng ta đã không hiểu biết đầy đủ về nó. Tôi không cần nói cho các anh rằng, nếu không có sự hiểu biết ấy, thì dù hiểu biết các điều khác đến đâu đi nữa cũng chẳng có giá trị gì đối với chúng ta, cũng giống như chiếm hữu bất cứ cái gì mà không có cái lợi của nó. Có lợi gì khi chiếm hữu mọi sự trừ khi đó là những điều tốt, hay

hiểu biết mọi cái gì khác trong khi lại không biết gì về cái tốt đáng ao ước?

Hoàn toàn không có giá trị gì.

Vậy, các anh cũng biết rằng đa số người ta coi Sự Thiện là khoái lạc, trong khi những người hiểu biết hơn thì coi nó là tri thức.

Tất nhiên.

Và hơn nữa hạng người thứ hai này không thể nói cho chúng ta biết họ hiểu tri thức là gì, nhưng cuối cùng có thể rút gọn bằng câu nói "tri thức về Sự Thiện".

Thật vô lý.

Đúng thế; trước hết họ trách chúng ta là không biết Sự Thiện, rồi sau đó họ bảo chúng ta rằng đó là tri thức về Sự Thiện, như thể là chúng ta hiểu rõ ý nghĩa của từ "Sự Thiện" khi họ nói ra.

Đúng thế.

Vậy rõ ràng đây là một vấn đề bị tranh cãi rất nhiều. Cũng rõ ràng là, mặc dù nhiều người hài lòng với việc làm điều gì có vẻ là chính đáng hay vinh dự; mà thực ra không phải thế và chỉ chiếm hữu được dáng vẻ bề ngoài của các đức tính này, nhưng khi đụng đến những điều tốt, thì không ai bằng lòng với việc chỉ chiếm hữu những gì có vẻ tốt: ở đây mọi người đều từ chối dáng vẻ bề ngoài và đòi hỏi thực tại.

Chắc chắn.

Vậy, một điều mà mọi linh hồn theo đuổi như là mục đích trong mọi hành động của nó, trong khi nó lờ mờ đoán biết sự hiện hữu của điều đó, nhưng lại hoang mang và không thể nắm bắt được bản chất của nó một cách rõ ràng và chắc chắn như đối với các điều khác, vì thế đánh mất bất cứ giá trị nào mà các vật khác có thể có; một điều có tầm quan trọng tột đỉnh như thế không phải là chuyện mà những người bảo vệ được lựa chọn trong nhà nước chúng ta có thể bỏ qua; không tìm hiểu cho thấu đáo.

Chắc chắn là không thể.

Bất luận thế nào, các cơ chế hay tập tục đúng và đáng ao ước sẽ không thể tìm thấy một người bảo vệ rất hiệu quả nơi người nào không biết rằng chúng là tốt. Tôi cho rằng người ấy sẽ không thể hiểu đầy đủ rằng chúng là đúng và đáng ao ước.

Chắc chắn rồi.

Vậy trật tự của nhà nước chúng ta chỉ có thể được điều hành hoàn hảo khi nó được canh chừng bởi một người bảo vệ có sự hiểu biết ấy.

Đúng. Nhưng ông Socrates, ông cắt nghĩa Sự Thiện là gì? Nó là tri thức, hay lạc thú, hay một cái gì khác?

Rất hay, tôi thốt lên; tôi đã đoán trước là các anh sẽ không chịu hài lòng với ý kiến của những người khác!

Đúng thế, ông Socrates. Sẽ vô lý nếu ông chỉ muốn lặp lại ý kiến của những người khác, mà không cho ý kiến của riêng ông về một vấn đề mà ông quan tâm nhiều đến thế.

Và anh nghĩ có hợp lý không nếu một người cho ý kiến về cái họ không biết không?

Không, họ không thể cho ý kiến như thể họ biết, nhưng họ cũng có thể có những ý kiến có giá trị.

Sao, anh không biết rằng ý kiến mà không kiến thức thì chỉ là hình bóng của sự thật không? Tối đa nó cũng chỉ là một ý kiến mù quáng. Một người cho là thật điều mà họ không hiểu biết thì cũng chỉ là một người mù tình cờ mà đi đúng đường thôi, phải không?

Chắc chắn.

Vậy, các anh có muốn tôi làm ra các người vừa mù vừa què như thế không, trong khi những người khác có thể soi sáng cho các anh bằng những lời lẽ hùng biện?

Không đâu, Socrates, Glaucon nói, ông không được từ bỏ mục tiêu của ông. Chúng tôi sẽ hài lòng với một cắt nghĩa về Sự Thiện giống như ông đã cắt nghĩa cho chúng tôi về công bằng, điều độ và các nhân đức khác.

Tôi cũng cần phải thế, còn hơn cả hài lòng nữa! Nhưng tôi sợ rằng nó vượt quá sức lực tôi; dù với tất cả thiện chí của mình, tôi cũng sẽ chỉ làm cho mình bị ghét bỏ và cười nhạo mà thôi. Không, tạm thời chúng ta hãy gác qua một bên vấn đề về ý nghĩa của Sự Thiện; để đạt tới điều mà tôi tin thực sự là Sự Thiện, cần có một cố gắng hết sức tham vọng cho việc tra cứu của chúng ta. Tuy nhiên, tôi sẽ nói cho các anh về cái mà tôi hình dung ra như là con cái của Sự Thiện và vật gì gần giống với nó nhất.

Được, ông hãy nói cho chúng tôi về con của sự thiện trước đã, còn về người cha, ông có thể nói sau.

Trước hết, chúng ta phải nhất trí với nhau đôi điều. Tôi xin nhắc lại cho các anh về sự phân biệt trên kia của chúng ta, giữa sự đa dạng của các vật mà chúng ta gọi là tốt hay đẹp hoặc bất cứ thế nào, và mặt khác là bản thân Sự Thiện và bản thân Cái Đẹp, v. v... Tương ứng với mỗi thứ đa dạng này, chúng ta giả định một Mô thể duy nhất hay yếu tính thực sự, như chúng ta gọi nó.

Vâng.

Rồi, chúng ta nói các sự vật đa dạng kia có thể nhìn thấy được, nhưng không phải là đối tượng của tư tưởng thuần lý; trong khi các Mô thể là những đối tượng của tư tưởng, nhưng không nhìn thấy được.

Chắc chắn.

Và chúng ta nhìn thấy các vật bằng mắt, cũng như chúng ta

nghe các âm thanh bằng tai, nói chung, chúng ta tri giác mọi sự vật khả giác bằng các giác quan của chúng ta.

Tất nhiên.

Vậy, các anh có nhận thấy rằng người làm ra các giác quan của chúng ta đã rất hào phóng về vật liệu khi làm cho các con mắt của chúng ta có khả năng thấy và các đồ vật có thể được thấy không?

Tôi chưa từng nghĩ đến điều đó.

Được, vậy hãy để ý. Thính giác và âm thanh không cần có một vật thứ ba, mà thiếu nó tai không thể nghe và âm thanh không thể được nghe thấy; và tôi nghĩ điều này đúng với mọi giác quan khác. Các anh có thể nghĩ ra một giác quan nào cần đến một điều thứ ba nào không?

Không, tôi không thể.

Nhưng trong trường hợp thị giác và các đối tượng của thị giác thì cần. Các anh có thể có thị lực và sử dụng nó, và màu sắc có thể có ở đó, nơi các đồ vật; nhưng mắt sẽ không trông thấy gì và các màu sắc sẽ không thể thấy được nếu thiếu một vật thứ ba được cấu tạo đặc biệt để phục vụ mục đích này.

Ông muốn nói là... ?

Hiển nhiên tôi muốn nói đến ánh sáng; và ánh sáng là một vật có giá trị, thị giác và khả năng thấy được của các đồ vật được liên kết với nhau bởi sợi dây quí báu này, mà không có ở những trường hợp các giác quan khác và các đối tượng khác của chúng.

Rất nhiều người cho rằng ánh sáng là một vật quí giá.

Và trong số mọi thần trên bầu trời, có vị thần nào mà ánh sáng của nó, hơn mọi điều gì khác, là nguyên nhân để làm cho mắt chúng ta thấy được hoàn toàn và các vật được trông thấy hoàn toàn không?

Không thể có hai ý kiến về điều này: tất nhiên ông muốn nói đến Mặt Trời rồi.

Và thị giác có quan hệ gì với vị thần này? Cả thị giác lẫn con mắt có thị giác đều không phải là Mặt Trời, nhưng trong các giác quan thì nó là cái giống Mặt Trời nhất; hơn nữa, khả năng nó có thì được phân phát bởi mặt trời, giống như một dòng suối tràn vào mắt. Nhưng mặt trời không phải là thị giác, nhưng nó là nguyên nhân của thị giác và cũng được nhìn thấy bởi thị giác mà nó tạo ra.

Vâng.

Vậy Mặt Trời chính là cái mà tôi muốn nói tới để chỉ về người con mà Sự Thiện đã tạo ra trong thế giới hữu hình, để nó có cùng một quan hệ với thị giác và các vật có thể thấy được giống như quan hệ mà Sự Thiện tự thân có trong thế giới khả tri, đối với trí khôn và các vật khả tri.

Nghĩa là gì? Ông cần cắt nghĩa rõ hơn.

Các anh biết điều gì xảy ra khi màu sắc của các vật không còn được ánh mặt trời chiếu sáng, mà chỉ được chiếu sáng bằng những ánh đèn lờ mờ ban đêm; khi các anh nhìn vào chúng, mắt các anh lờ mờ và gần như mù, như thể mắt anh bị mây mờ che khuất. Nhưng khi nhìn vào các vật dưới ánh sáng chói chang của mặt trời, cùng những con mắt ấy thấy rất rõ và cho thấy hiển nhiên là chúng có thị lực.

Chắc chắn.

Bây giờ ta áp dụng lối so sánh này vào linh hồn. Khi cái nhìn của linh hồn gắn chặt vào một đối tượng được chiếu sáng bởi chân lý và thực tại, linh hồn đạt được sự hiểu biết và tỏ rõ nó có khả năng trí tuệ. Nhưng khi nó nhìn vào thế giới tranh tối tranh sáng của các vật sinh ra và biến mất, cái nhìn của nó trở thành lờ mờ và nó chỉ có các ý kiến cũng như các niềm tin thay đổi từng lúc, và bây giờ nó có vẻ là một vật không có trí tuệ.

Đúng.

Vậy, cái cung cấp cho các đối tượng của tri thức chân lý của chúng và cho người biết chúng khả năng tri thức, cái đó là Mô thể hay yếu tính của Sự Thiện. Nó là nguyên nhân của tri thức và chân lý; và vì thế, trong khi các anh có thể nghĩ về nó như là một đối tượng của tri thức, các anh nên coi nó như là một cái gì siêu vượt chân lý, tri thức và có giá trị cao hơn nữa. Và cũng như trong ví dụ loại suy của chúng ta, ánh sáng và thị giác được nghĩ như là giống như Mặt Trời, nhưng không phải là Mặt Trời, thì ở đây cũng vậy, cả tri thức và chân lý phải được coi như là giống như Sự Thiện, nhưng không phải là sự thiện. Sự Thiện phải có một địa vị cao hơn nữa.

Ông đang gán cho nó một địa vị cao siêu trội vượt, nếu nó là nguồn của chân lý, tri thức và bản thân nó có giá trị vượt quá sự thật cũng như tri thức. Chắc hẳn ông không thể đồng hoá nó với khoái lạc chứ?

Trời đất quỉ thần ơi, tôi thốt lên, không thể có chuyện đó. Nhưng tôi muốn đẩy xa lý luận loại suy thêm một bước nữa. Các anh sẽ nhất trí rằng Mặt Trời không chỉ làm cho các vật có thể thấy được, mà nó cũng làm cho chúng hiện hữu và cho chúng sự tăng trưởng và dinh dưỡng; nhưng nó không phải là chính sự hiện hữu. Và với các đối tượng của tri thức cũng vậy: chúng đón nhận từ Sự Thiện không chỉ khả năng có thể được nhận biết của chúng, mà cả hữu thể và thực tại của chúng; và Sự Thiện không phải là hữu thể, nhưng vượt lên trên hữu thể, siêu vượt hữu thể về địa vị và quyền lực.

Glaucon thốt lên khoái trá khi nghe tôi tán dương Sự Thiện với những lời lẽ cường điệu như thế.

Đó là lỗi tại anh, tôi đáp; chính anh ép tôi nói ra điều tôi nghĩ.

Vâng, nhưng ông không được ngưng tại đây. Bất luận thế nào, ông phải tiếp tục lý luận loại suy của ông về Mặt Trời, nếu còn có điều gì để nói.

Còn rất nhiều, tôi trả lời.

Vậy ông hãy nói cho chúng tôi nghe; đừng bỏ sót điều gì.

Tôi e rằng nhiều điều không thể nói hết được. Tuy nhiên tôi sẽ cố gắng không bỏ sót điều gì vào dịp này.

Xin ông.

Vậy các anh hãy quan niệm hai sức mạnh này mà tôi nói tới, Sự Thiện cai trị tất cả những lĩnh vực khả tri, Mặt Trời cai trị thế giới hữu hình-hay tôi có thể gọi là trời; chỉ sợ rằng các anh sẽ cho là tôi khoe khoang khả năng từ nguyên học của tôi. Dù sao, các anh có hai trật tự các sự vật rõ ràng trước trí khôn các anh: trật tự hữu hình và trật tự khả tri. Được chứ?

Được.

Bây giờ các anh hãy lấy một đường thẳng và chia thành hai phần không đều nhau, một phần biểu thị trật tự hữu hình, phần kia trật tự khả tri; và các anh chia tiếp mỗi phần theo cùng một tỷ lệ như thế, biểu tượng cho các mức độ so sánh về rõ ràng hay tối tăm. Rồi một trong hai phần nhỏ thuộc thế giới hữu hình sẽ biểu thị các hình ảnh. Bằng từ hình ảnh, tôi hiểu trước hết là các bóng hình và sau đó là các phản chiếu trong nước hay trên các mặt nhẵn bóng và mọi sự thuộc loại đó, các anh hiểu chứ?

Vâng, tôi hiểu.

Phần nhỏ thứ hai biểu thị các sự vật hiện thực mà phần thứ nhất vừa nói là bản sao, các sinh vật chung quanh chúng ta và mọi công trình của thiên nhiên hay do bàn tay con người làm ra.

Cứ hiểu là như thế.

Các anh cũng sẽ coi tỷ lệ mà thế giới hữu hình đã được phân chia như tương ứng với các cấp độ của thực tại và chân lý, sao cho có sự giống nhau với thực tại gốc theo cùng một tỷ lệ mà lĩnh vực các dáng vẻ và niềm tin đối với lĩnh vực tri thức chứ?

Chắc chắn.

Bây giờ hãy xem chúng ta sẽ phân chia thế nào phần biểu thị thế giới khả tri. Có hai phần nhỏ. Trong phần thứ nhất, trí khôn sử dụng như là hình ảnh những sự vật hiện thực mà tự chúng có các hình ảnh trong thế giới hữu hình; và chúng ta buộc phải tiếp tục tìm hiểu nó bằng cách bắt đầu với các giả định và không đi lên tới các nguyên lý nhưng đi xuống một kết luận. Trong phần thứ hai, trí khôn đi theo hướng khác, từ một giả định

đi lên tới một nguyên lý không phải là giả thiết; và nó không dùng các hình ảnh đã dùng trong phần kia, mà chỉ dùng các Mô thể và chỉ thực hiện việc nghiên cứu bằng các phương tiện của chúng.

Tôi không hiểu rõ lắm.

Vậy thì chúng ta thử lại một lần nữa; những gì tôi vừa nói sẽ giúp các anh hiểu. Tất nhiên các anh biết những người học các môn như hình học và số học bắt đầu giả định các số chẵn và lẻ, hay các hình khác nhau và ba loại góc cũng như các dữ kiện khác như thế trong mỗi môn học. Các dữ kiện này họ cho là đã biết; và, sau khi chấp nhận chúng như những giả định, họ không cảm thấy bị đòi hỏi cắt nghĩa về chúng cho chính họ hay cho người khác, nhưng coi chúng là hiển nhiên. Sau đó, xuất phát từ các giả định này, họ tiếp tục đi cho đến khi, bằng một chuỗi các bước chặt chẽ, họ đạt tới các kết luận mà họ bắt đầu tìm hiểu.

Vâng, tôi biết.

Các anh cũng biết họ dùng các hình cụ thể và suy luận về chúng, mặc dù điều họ thực sự có trong đầu là các bản gốc mà các hình này là những hình ảnh: ví dụ, họ sẽ không lý luận về hình vuông và đường chéo cụ thể này mà họ đã vẽ, nhưng về chính Hình vuông và Đường chéo; họ làm như vậy trong mọi trường hợp. Các sơ đồ họ vẽ và các mô hình họ làm là các vật hiện thực, chúng có thể có các bóng hay hình trong nước; nhưng bây giờ họ dùng chúng như các hình ảnh, trong khi người nghiên cứu cố gắng lãnh hội các thực tại mà chỉ tư tưởng mới có thể nắm bắt.

Đúng.

Vậy, đây là loại các sự vật mà tôi gọi là khả tri, nhưng với hai xác định chi tiết: thứ nhất, đó là khi nghiên cứu chúng, trí khôn buộc phải dùng các giả định và bởi vì nó không thể vượt lên trên các giả định ấy, nó không đi lên tới một nguyên lý đệ nhất; và thứ hai, trí khôn sử dụng như là hình ảnh các vật hiện thực mà có hình ảnh của chúng trong lĩnh vực ở dưới chúng, và sánh với các bóng và sự phản chiếu, chúng được coi là hữu hình hơn và được đánh giá theo đó.

Tôi hiểu: ông muốn nói đến nội dung của hình học và các môn học liên hệ.

Khi nói đến phần thứ hai của thế giới khả tri, các anh có thể hiểu ý tôi muốn nói về tất cả những gì mà suy luận đơn thuần nắm bắt được nhờ khả năng của biện chứng pháp, khi nó coi các giả định của nó không phải như là các nguyên lý đệ nhất, mà như là các *giả thiết* theo nghĩa hẹp, các sự vật "được đặt nằm" như một bậc thang dẫn trí khôn đi lên mãi tới một cái gì không phải là giả thiết, nguyên lý đệ nhất của mọi

nguyên lý; và sau khi nắm được điều này, nó có thể quay trở lại và dựa vào các hệ quả lệ thuộc nó, cuối cùng trí khôn đi xuống tới một kết luận, trong khi không bao giờ sử dụng một vật khả giác nào, nhưng chỉ sử dụng các Mô thể, di chuyển từ Mô thể này tới một Mô thể khác và kết thúc với các Mô thể.

Tôi hiểu, nhưng chưa hoàn toàn; vì tiến trình ông mô tả có vẻ là một công trình khổng lồ. Nhưng tôi thấy rằng ý ông muốn phân biệt lĩnh vực thực tại khả tri được nghiên cứu bởi biện chứng pháp như là có sự chắc chắn và chân lý lớn hơn là nội dung của các "nghệ thuật," như tên gọi của chúng, vì các nghệ thuật coi các giả định của chúng như là những nguyên lý đệ nhất. Thật vậy, những người nghiên cứu các nghệ thuật này buộc phải luyện tập tư tưởng bằng cách chiêm ngắm các đối tượng mà giác quan không thể tri giác; nhưng vì chúng xuất phát từ các giả định mà không quay trở lại với một nguyên lý đệ nhất, nên các anh không coi chúng như là đạt được hiểu biết thực sự về các đối tượng ấy, mặc dù các đối tượng này tự chúng là những sự vật khả tri khi liên kết với một nguyên lý đệ nhất. Tôi nghĩ các anh có thể gọi trạng thái tinh thần của người học hình học và các môn liên hệ, không phải là trí thông minh, mà là tư duy, như là một cái gì ở giữa trí thông minh và sự chấp nhận đơn giản các dáng vẻ bề ngoài.

Các anh đã hiểu tôi khá đúng, tôi trả lời. Và bây giờ các anh có thể coi bốn trạng thái tinh thần này như tương ứng với bốn phần: cao nhất là *trí thông minh,* thứ hai là *tư duy,* thứ ba là *tin tưởng* và thứ tư là *tưởng tượng.* Các anh có thể xếp đặt chúng như là những hạn từ trong một mệnh đề, gán cho mỗi thứ một mức độ rõ ràng và chắc chắn tương ứng với mức độ chân lý cũng như thực tại mà các đối tượng của chúng có.

Tôi hiểu và nhất trí với cách trình bày của ông.

QUYỂN VII

Tiếp đến, đây là một dụ ngôn để minh họa các mức độ theo đó bản tính chúng ta có thể được giác ngộ hay không. Hãy tưởng tượng tình trạng của các người sống trong một loại hầm tối dưới đất, với một lối vào mở ra ánh sáng và một lối đi dài dẫn xuống hầm. Những người này đã sống ở đây từ hồi còn nhỏ, chân và cổ bị xiềng, khiến họ không thể cử động và chỉ có thể nhìn thấy phía trước họ, vì các dây xích không cho họ quay đầu lại. Ở xa hơn một chút phía trên, có một ngọn lửa dọi sáng phía sau lưng họ; và giữa các tù nhân và ngọn lửa là một con đường mòn có lan can được xây dọc theo nó, giống như bức màn ở một cuộc biểu diễn con rối, che khuất những người biểu diễn nhưng cho thấy những con rối ở phía trên.

Tôi thấy, anh ta nói.

Vậy, đàng sau lan can, hãy tưởng tượng những người mang những đồ vật nhân tạo đủ loại, gồm các hình người và hình thú bằng gỗ hay đá hoặc các vật liệu khác, trồi lên phía trên cái lan can. Một số đang nói chuyện, số khác im lặng.

Một bức tranh kỳ lạ, anh nói, và một loại tù nhân kỳ lạ.

Giống như chúng ta, tôi đáp; vì trước hết, các tù nhân bị giam giữ như thế không thể nhìn thấy điều gì của chính họ hay của người khác, ngoại trừ những cái bóng do ngọn lửa chiếu lên tường hang trước mặt họ, đúng không?

Không, nếu cả đời họ bị ngăn cản không thể cử động cái đầu của họ.

Và họ sẽ thấy rất ít những vật người ta mang qua.

Tất nhiên.

Vậy, nếu họ có thể nói chuyện với nhau, chúng ta phải giả thiết rằng những lời của họ chỉ diễn tả những cái bóng mà họ xem thấy, đúng không?

Tất nhiên rồi.

Và giả sử hang tù của họ có tiếng vang từ bức tường trước mắt họ? Khi một trong số những người đi ngang qua họ nói, họ chỉ có thể giả thiết rằng tiếng nói phát xuất từ cái bóng đi qua trước mắt họ?

Chắc chắn.

Như vậy, bất kể thế nào, các tù nhân như thế sẽ nhìn nhận thực tại không là gì khác ngoài các cái bóng của các đồ vật nhân tạo đó.

Tất nhiên.

Bây giờ hãy xét xem điều gì sẽ xảy ra nếu sự giải phóng họ khỏi xiềng xích và chữa lành sự ngu dốt của họ diễn ra như thế này. Giả sử một người trong số họ được giải phóng và buộc phải đứng dậy một cách đột ngột, quay đầu lại và đi bộ với cặp mắt hướng lên phía có ánh sáng; tất cả các cử động này sẽ đau đớn và họ sẽ bị lóa mắt khiến không thể nhận ra những đồ vật mà họ đã quen thuộc với các cái bóng của chúng trước kia. Anh nghĩ họ sẽ nói gì, nếu có ai bảo họ rằng những cái họ đã thấy trước kia đều là những ảo tưởng vô nghĩa, nhưng bây giờ, vì đến gần hơn với thực tại và quay về các đồ vật có thực hơn, họ đang có một cái nhìn đúng hơn? Giả thiết thêm rằng người ta cho họ xem các đồ vật khác nhau đang được mang qua họ và bảo họ trả lời các câu hỏi rằng mỗi vật đó là gì. Chắc hẳn họ sẽ bối rối và tin rằng các đồ vật họ đang thấy bây giờ không thực như các đồ vật họ thấy trước kia, đúng không?

Đúng, không thật bằng.

Và nếu họ bị ép nhìn thẳng vào ngọn lửa, chắc chắn họ sẽ nhức mắt, khiến họ tìm cách trốn và quay trở về với những đồ vật mà họ có thể nhìn rõ, tin chắc rằng những vật ấy rõ hơn là những vật đang được cho họ xem thấy bây giờ, đúng không?

Đúng.

Và giả sử một người trong họ bị lôi lên trên các bậc dốc gồ ghề và không cho họ đi cho tới khi họ đã ra tới ngoài chỗ ánh nắng, hẳn họ sẽ đau đớn và khó chịu vì bị đối xử như thế; và khi họ đã ra ngoài ánh sáng, họ sẽ thấy mắt họ ngợp ánh nắng khiến họ không thể nhìn thấy một vật nào trong các vật mà bây giờ người ta bảo họ là có thật, đúng không.

Chắc chắn họ không thể nhìn thấy các vật ấy ngay lập tức được.

Vậy họ sẽ cần phải làm quen trước khi có thể thấy các sự vật ở thế giới bên trên. Lúc đầu sẽ dễ dàng để nhận ra các cái bóng, tiếp đến là các hình ảnh của người và vật phản chiếu trong nước, sau nữa là chính các sự vật. Sau đó, họ sẽ thấy dễ dàng hơn để nhìn xem các thiên thể và chính bầu trời ban đêm, khi nhìn vào ánh sáng mặt trăng và các ngôi sao thay vì Mặt trời và ánh sáng Mặt trời ban ngày, đúng không?

Vâng, chắc chắn là thế.

Sau cùng, họ sẽ có thể nhìn vào Mặt trời và chiêm ngắm bản chất của mặt trời, không phải như nó xuất hiện khi phản chiếu trong nước hay một môi trường lạ nào,

mà như là chính nó trong môi trường của nó, đúng không?

Chắc chắn.

Và bây giờ họ sẽ bắt đầu rút ra kết luận rằng chính Mặt trời tạo ra các mùa và thời gian trong năm, và chi phối mọi sự trên thế giới hữu hình, và hơn nữa Mặt trời là nguyên nhân của mọi cái mà họ và các anh em của họ quen nhìn thấy, đúng không?

Rõ ràng cuối cùng họ sẽ đi đến các kết luận ấy.

Rồi, nếu họ nhớ lại các bạn tù của họ và những gì họ đã coi là tri thức trong nơi ở trước kia của họ, họ chắc chắn sẽ nghĩ mình hạnh phúc khi được thay đổi và buồn cho các bạn của họ. Họ có thể đã từng có thói quen ca ngợi và tưởng thưởng lẫn nhau, với các giải thưởng dành cho người nào có mắt tinh nhất khi nhìn những cái bóng đi qua và có trí nhớ tốt nhất về thứ tự mà chúng đi sau nhau hay đi cùng nhau, khiến cho họ có thể đoán đúng được điều gì sẽ đến tiếp theo. Liệu người tù đã được giải phóng của chúng ta có thèm muốn các giải thưởng ấy hay ghen tị những người được ca ngợi và được thưởng trong Hang không? Hay phải chăng họ sẽ cảm thấy như Achilles của Homer, thà "làm một đầy tớ trên mặt đất của một người không có đất" hay chịu đựng bất cứ điều gì còn hơn là trở về lại với các niềm tin trước đây của họ và sống theo kiểu sống cũ của họ?

Chắc chắn họ sẽ thích bất cứ số phận nào hơn là một nếp sống như thế.

Bây giờ, hãy tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu họ xuống lại cái Hang và ở lại chỗ cũ của họ trong Hang. Đột ngột ra khỏi ánh sáng mặt trời, mắt họ sẽ đầy sự tăm tối. Họ có thể được yêu cầu một lần nữa cho biết ý kiến của họ về các cái bóng kia, để thi tài với các bạn tù chưa từng được giải phóng, trong khi mắt họ vẫn còn lờ mờ và không ổn định; và họ sẽ cần một thời gian để làm quen lại với bóng tối. Các bạn tù của họ sẽ cười nhạo họ và nói rằng họ đã đi lên miệng hang để trở về với cặp mắt bị hỏng; đi lên khỏi hang, dù chỉ để thử thôi, là việc không đáng làm. Nếu họ có thể đặt tay vào người đang cố gắng giải phóng họ, hẳn họ sẽ giết chết người ấy.

Vâng, họ sẽ giết.

Glaucon thân mến, mọi chi tiết của ẩn dụ này đều phù hợp với phân tích trước đây của chúng ta. Hang giam giữ tù nhân tương ứng với thế giới các sự vật hữu hình và ánh lửa trong đó tương ứng với sức mạnh của Mặt trời. Việc đi lên khỏi Hang để nhìn các sự vật ở thế giới bên trên có thể coi là điều biểu thị cho cuộc hành trình đi lên của linh hồn vào vùng của các sự vật khả tri; rồi các anh sẽ sở hữu được điều mà tôi giả định, vì đó là

điều các anh muốn biết. Có trời mới biết điều đó có đúng hay không; nhưng dù sao, tôi thấy như vậy. Trong thế giới tri thức, Mô thể cơ bản của Sự Thiện là điều được tri giác sau cùng và khó khăn nhất. Một khi nó được tri giác, chúng ta sẽ phải kết luận rằng nó là nguyên nhân của tất cả những gì đúng và tốt; trong thế giới hữu hình, nó phát sinh ánh sáng và phát sinh ra chủ nhân của ánh sáng, trong khi chính nó là chúa tể của thế giới khả tri và là nguồn gốc của trí thông minh và chân lý. Nếu không có sự hiểu biết về Mô thể này, không ai có thể hành động một cách khôn ngoan, dù là trong đời sống cá nhân hay trong các hoạt động công cộng.

Theo những gì tôi hiểu, tôi chia sẻ niềm tin của ông.

Vậy anh cũng có thể đồng ý rằng không lạ gì nếu những người đã đạt tới độ cao này không muốn dính líu vào các công việc của người phàm. Linh hồn họ khao khát được sống trong thế giới cao siêu ấy-tất nhiên nếu ở đây dụ ngôn của chúng ta là đúng. Cũng không lạ gì nếu có ai đang từ đời sống chiêm ngắm các sự việc thần thánh mà đi vào đời sống khốn khổ của con người sẽ phải cảm thấy vụng về và tức cười khi, với con mắt còn bị chói lòa và chưa làm quen với bóng tối, họ bị buộc phải tranh cãi ở tòa án hay bất cứ đâu, về các cái bóng của công lý hay các hình ảnh của các cái bóng ấy và tranh luận về những khái niệm, về điều gì là đúng trong tâm trí của những người chưa từng nhìn thấy chính Công lý.

Đúng thế, hoàn toàn không lạ.

Không; một người có hiểu biết sẽ nhớ rằng mắt có thể bị rối loạn bằng hai cách-bởi sự thay đổi từ sáng sang tối hay từ tối sang sáng; và họ sẽ nhận ra rằng tình trạng này cũng xảy ra như thế cho linh hồn. Khi họ thấy linh hồn bị xáo động và không thể nhận ra điều gì rõ ràng, thay vì cười đùa một cách thiếu suy nghĩ, họ sẽ hỏi liệu khi đi từ một đời sống sáng sang đời sống tối, mắt họ có bị tối đi bởi không quen với bóng tối hay không, trong trường hợp đó họ sẽ nghĩ rằng tình trạng của nó là đáng ao ước và đời sống của nó là hạnh phúc; hay phải chăng, khi ra khỏi vực thẳm của sự ngu dốt, linh hồn bị chói loà bởi ánh sáng. Nếu thế, họ sẽ cảm thấy buồn cho nó; hay, nếu họ muốn cười, cái cười của họ sẽ ít lố bịch hơn là cười nhạo linh hồn đã từ ánh sáng đi xuống bóng tối.

Đó là một phân biệt rất đúng.

Nếu đúng, thì chúng ta phải kết luận rằng giáo dục không phải là cái được định nghĩa bởi một số người chủ trương đưa tri thức vào một linh hồn không có nó, như thể họ có thể đưa ánh sáng vào những con mắt mù loà.

Chắc chắn họ nói như thế.

Ngược lại, chúng ta cho rằng linh hồn của mỗi người có khả năng học biết chân lý và có cơ quan để nhìn thấy chân lý; và cũng như người ta có thể xoay người mình để mắt có thể thấy ánh sáng thay vì bóng tối, linh hồn phải quay ra khỏi thế giới hay thay đổi này, cho tới khi mắt của nó có khả năng chiêm ngắm thực tại và sự sáng ngời tuyệt đối mà chúng ta gọi là Sự Thiện. Vì vậy, có thể có một nghệ thuật có mục đích tạo nên chính điều này, sự hoán cải của linh hồn, một cách sẵn sàng nhất; không phải đưa khả năng thị giác vào con mắt của linh hồn, vì linh hồn đã có nó, nhưng để bảo đảm rằng, thay vì nhìn sai hướng, linh hồn phải quay về đúng hướng của nó.

Vâng, có thể đúng như thế.

Và trong khi các nhân đức khác của tâm hồn có vẻ giống với các đức tính thể chất, vì mặc dù chúng không phải là bẩm sinh, chúng có thể được gieo trồng vào tâm hồn nhờ thói quen và luyện tập, thì hơn mọi điều gì khác, nhân đức khôn ngoan chứa đựng một yếu tố thần linh luôn luôn tồn tại và nhờ sự hoán cải này nó trở thành hữu ích và có lợi; hoặc ngược lại, trở thành vô ích và có hại. Có bao giờ anh nhận thấy sự thông minh hẹp hòi loé lên nơi con mắt sáng của một kẻ đểu cáng thông minh-hắn hăm hở tìm ra đường dẫn tới mục đích của hắn; hắn là người đối nghịch với người mù, nhưng thị giác sáng tỏ của hắn bị buộc hành động cho sự xấu và hắn là kẻ mưu mô tùy theo trí thông minh của hắn, đúng không?

Rất đúng.

Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu những hạng người ấy đã cắt bỏ những bản chất xấu ấy ngay từ tuổi trẻ; và họ đã tránh mọi khoái lạc thể xác ấy, như ăn uống say sưa, chúng giống như những gánh nặng đã buộc chặt vào con người họ ngay từ khi sinh ra, lôi kéo họ và ghì chặt cái nhìn của tâm hồn họ xuống những điều thấp hèn-nếu họ đã được giải thoát khỏi những chướng ngại như thế và quay về hướng nghịch lại, thì chính những khả năng đó nơi họ sẽ nhìn thấy sự thật một cách sáng tỏ giống như họ thấy được những gì mà mắt họ bây giờ đang hướng vào.

Rất có thể.

Đúng thế, anh bạn ạ; và đây chính là điểm mấu chốt. Anh phải tìm kiếm cho các nhà cai trị tương lai của anh một đời sống khác hơn và tốt hơn là đời sống của một nhà cai trị, và khi ấy bạn sẽ có một nhà nước tốt; vì chỉ trong nhà nước nào cống hiến được điều này, những nhà cai trị mới là những con người giàu có, không phải về vàng bạc, nhưng giàu có về nhân

đức và khôn ngoan, là hạnh phúc đích thực của đời sống.

Rất đúng, anh đáp.

Và chỉ có đời sống nào biết coi thường những tham vọng chính trị thì mới là triết học đích thực. Anh có nghĩ là có một đời sống khác hơn không?

Tôi nghĩ là không thể, anh nói.

Và những người cai trị phải là những người yêu mến nhiệm vụ ấy, đúng không. Vì nếu họ yêu mến nhiệm vụ, họ sẽ có các đối thủ yêu mến những điều nghịch lại với nhiệm vụ ấy và họ sẽ chiến đấu.

Tất nhiên.

Vậy chúng ta sẽ phải đặt ai làm những người bảo vệ? Chắc chắn họ sẽ là những người khôn ngoan nhất trong công việc của đất nước và nhờ họ mà đất nước được điều hành tốt nhất, và đồng thời họ được hưởng những vinh dự và một đời sống tốt hơn đời sống của nhà chính trị.

Họ phải là những người như thế và tôi sẽ chọn họ, anh đáp.

Bây giờ chúng ta sẽ bàn đến cách thức để tạo ra những người bảo vệ như thế và cách thức để đưa họ từ chỗ tối tăm đến với ánh sáng, hay như một số người thường nói, đưa họ từ hạ giới lên thiên giới.

Hoàn toàn nhất trí, anh đáp.

Tiến trình phải theo không phải là dựa theo con sò lật ngửa hay nằm sấp, nhưng là một tâm hồn xoay vòng từ một ngày tối tăm sang ánh sáng thực sự của hữu thể, nghĩa là sự đi lên từ hạ giới, mà chúng ta gọi là triết học thực thụ.

Đúng thế.

Và chúng ta phải tìm hiểu xem loại tri thức nào có khả năng tạo ra một sự thay đổi lớn lao như thế, đúng không?

Chắc chắn.

Vậy loại tri thức nào sẽ lôi kéo một linh hồn từ chỗ đang thay đổi sang chỗ hiện hữu? Và một ý nghĩ khác vừa chợt nảy sinh trong tâm trí tôi: Anh có nhớ rằng các thanh niên của chúng ta phải được đào tạo để trở thành các chiến binh vạm vỡ không?

Có, chúng ta đã nói điều đó.

Vậy loại tri thức mới này phải có thêm một tính chất nữa chứ?

Tính chất gì?

Hiệu quả trong chiến tranh.

Đúng, nếu có thể.

Có hai phần trong chương trình đào tạo trước kia của chúng ta, đúng không?

Đúng.

Có môn thể dục điều khiển sự tăng trưởng và suy tàn của thân thể, và vì thế nó có thể được coi là có liên quan tới sự sinh sản và tàn tạ, đúng không?

Đúng. Vậy cái đó không phải là loại tri thức chúng ta đang tìm kiếm chứ?

Không.

Thế còn âm nhạc thì sao? Nó cũng là một phần trong chương trình đào tạo trước kia của chúng ta phải không?

Như ông còn nhớ, âm nhạc là môn đi đôi với thể dục, nó huấn luyện các người bảo vệ nhờ ảnh hưởng của thói quen, nhờ tiết tấu tạo nên sự hài hòa, nhưng không cung cấp kiến thức cho họ; và các lời nói, dù là tưởng tượng hay có thật, có những yếu tố tiết tấu và hài hòa trong đó. Nhưng trong âm nhạc không có gì liên quan tới Sự Thiện mà chúng ta đang tìm kiếm.

Anh vô cùng chính xác trong suy tư của anh, tôi nói; trong âm nhạc chắc chắn không có thứ gì như thế. Nhưng có ngành tri thức nào cho chúng ta một bản chất như thế không, anh Glaucon, bởi vì chúng ta đã coi mọi nghệ thuật hữu ích đều là thấp hèn phải không?

Chắc chắn rồi; vậy là chúng ta đã loại trừ âm nhạc và thể dục và các nghệ thuật khác cũng bị loại trừ; vậy còn lại những gì?

Thực ra, tôi nói, có thể không còn lại gì trong các môn học đặc biệt của chúng ta cả; và vì thế chúng ta phải xét đến một thứ không đặc biệt nhưng được áp dụng phổ quát.

Gì vậy?

Một cái gì đó mà tất cả các nghệ thuật, khoa học và trí khôn đều cùng sử dụng, và mọi người đều phải học nó trước tiên giữa các yếu tố giáo dục.

Đó là gì?

Đó là sự phân biệt giữa một, hai và ba; tóm lại, con số và tính toán: chẳng phải mọi nghệ thuật và khoa học đều bắt buộc phải sử dụng chúng đó sao?

Vâng.

Vậy thì nghệ thuật chiến tranh cũng phải sử dụng chúng?

Chắc chắn.

Cho nên ông Palamedes, mỗi khi xuất hiện trong bi kịch, ông đều chứng tỏ rằng Agamemnon không thích hợp để làm một đại tướng. Anh không bao giờ nhận thấy ông ấy tuyên bố mình đã phát minh ra con số, đã đếm số các tàu chiến và sắp đặt các vị trí của quân đội tại thành Troy; điều này chứng tỏ Agamemnon không biết đếm số các con tàu của chính mình-làm sao ông đếm được chúng nếu ông mù tịt về các con số? Và nếu đúng là thế, thì ông là loại đại tướng gì?

Phải nói là một loại đại tướng rất kỳ lạ.

Chúng ta có thể cho rằng một chiến binh phải biết số học không?

Chắc chắn rồi, nếu anh ta muốn hiểu biết về chiến thuật quân sự và có thể nói, nếu anh ta muốn là một con người thực sự.

Tôi muốn biết anh có nghĩ giống tôi về môn học này không?

Ông nghĩ về nó thế nào?

Theo tôi, có vẻ như nó là môn học chúng ta đang tìm kiếm và nó dẫn đến suy tư một cách tự nhiên, nhưng đã không bao giờ được sử dụng đúng đắn; bởi vì việc sử dụng đúng đắn môn học này phải là đưa tâm hồn lên tình trạng hiện hữu.

Ông có thể cắt nghĩa rõ hơn không? Anh nói.

Tôi sẽ cố gắng, tôi đáp; và tôi xin anh cùng tôi chia sẻ việc tìm kiếm và trả lời "có" hay "không" khi tôi cố gắng phân biệt trong tâm trí tôi xem những ngành tri thức nào có khả năng lôi cuốn này, để chúng ta có bằng chứng rõ ràng hơn rằng số học là một trong số ngành tri thức ấy.

Xin ông cắt nghĩa, anh nói.

Tôi muốn nói rằng các đối tượng của giác quan có hai loại: một số không đòi hỏi tư tưởng bởi vì giác quan đủ khả năng phán đoán về chúng; trong khi các đối tượng khác của giác quan rất đáng nghi ngờ khiến ta buộc phải có sự tra xét thêm.

Ý ông muốn nói đến cách thức mà các giác quan chịu ảnh hưởng bởi khoảng cách và bởi những gì được vẽ trong ánh sáng và bóng tối phải không?

Không, tôi nói, tôi hoàn toàn không có ý nói đến điều đó.

Vậy ý ông là gì?

Khi nói về những đối tượng không đòi hỏi suy nghĩ, tôi muốn nói tới những đối tượng không chuyển từ một cảm giác này sang một cảm giác đối nghịch; còn các đối tượng đòi hỏi suy nghĩ thì chuyển từ một cảm giác sang một cảm giác đối nghịch; trong trường hợp thứ hai này, giác quan khi tiếp xúc với đối tượng, dù ở gần hay xa, không cho chúng ta một ý tưởng nào sinh động đặc biệt về một vật hơn là cảm giác đối nghịch; -đây là ba ngón tay-một ngón nhỏ, một ngón thứ hai và một ngón giữa.

Hay lắm.

Anh có thể giả thiết là chúng được thấy khá gần nhau: và đây chính là điểm mấu chốt.

Nghĩa là gì?

Mỗi ngón tay này đều được nhìn thấy như là một ngón tay, dù nó được nhìn ở phần giữa hay đầu ngón, dù là đen hay trắng, dày hay mỏng-không có gì khác biệt; một ngón tay thì luôn luôn là một ngón tay. Trong những trường hợp này, một người không buộc phải nghĩ về câu hỏi một ngón tay là gì? Vì việc nhìn thấy ngón tay không bao giờ khiến cho tư tưởng nghĩ rằng một ngón tay là một cái gì khác với một ngón tay.

Đúng.

Và vì vậy, tôi nói, chúng ta tin rằng không có gì ở đây đòi hỏi hay kích thích trí thông minh.

Không, anh nói.

Nhưng về kích thước lớn nhỏ của các ngón tay thì sao? Mắt có thể thấy được chính xác chúng không? Và có khác biệt nào do vị trí của các ngón tay, khi nó ở giữa hay ở ngoài cùng không? Và cũng thế, xúc giác có cảm nhận được chính xác độ dày hay mỏng, cứng hay mềm của chúng không? Và với các giác quan khác nữa; chúng có cho biết chính xác về các điều đó không? Có phải cách thức hoạt động của chúng về lĩnh vực này-giác quan cảm nhận tính chất cứng thì nhất thiết phải liên quan với tính chất mềm và nó chỉ cho trí khôn biết rằng cùng một vật vừa là cứng vừa là mềm không?

Ông nói đúng, anh nói.

Và trí khôn hẳn phải thắc mắc về cảm nhận của giác quan rằng một vật vừa là cứng lại vừa là mềm, phải không? Còn nữa, nặng và nhẹ có nghĩa là gì, nếu một vật nặng lại cũng là nhẹ và một vật nhẹ lại cũng là nặng?

Vâng, anh nói, những cảm nhận này của tâm trí thì rất lạ và cần phải giải thích.

Đúng, tôi nói và trong những sự hoang mang này, tâm trí tự nhiên cần sự giúp đỡ của tính toán và trí thông minh, để nó có thể thấy được là các vật mà nó cảm nhận là một hay là hai.

Đúng.

Và nếu nó là hai, mỗi cái trong đó có là duy nhất hay khác nhau, phải không?

Chắc chắn.

Và nếu mỗi cái là duy nhất và cũng là hai, tâm trí sẽ quan niệm hai cái như ở trong một tình trạng phân chia, vì nếu chúng không phân chia, chúng chỉ có thể được quan niệm như là một cái duy nhất?

Đúng.

Mắt chắc chắn thấy cả độ lớn và nhỏ, nhưng chỉ thấy chúng một cách không rõ ràng; chúng không phân biệt đích xác.

Vâng.

Ngược lại, trí khôn vì muốn làm sáng tỏ những cái hỗn độn, nên buộc phải đảo ngược tiến trình và nhìn vào từng cái lớn cũng như cái nhỏ một cách riêng rẽ và không lộn xộn.

Rất đúng.

Phải chăng đây chính là khởi điểm của việc tìm hiểu "Cái gì lớn?" và "Cái gì nhỏ?"

Chính xác.

Và như thế phát sinh sự phân biệt giữa cái thấy được và cái hiểu được.

Rất đúng.

Đây chính là điểm tôi muốn nói khi đề cập đến các ấn tượng đập vào trí khôn, hay ngược lại-các ấn tượng xảy ra đồng thời với các ấn tượng đối lập thì đòi phải suy tư;

còn các ấn tượng chỉ xảy ra đồng thời mà thôi thì không đòi phải suy tư.

Tôi hiểu và đồng ý với ông.

Vậy sự duy nhất và con số thuộc về loại gì?

Tôi không biết, anh đáp.

Hãy suy nghĩ một chút và anh sẽ thấy rằng những điều vừa nói trên sẽ giúp chúng ta có câu trả lời; vì nếu sự duy nhất đơn thuần có thể thấy được chính xác bởi thị giác hay các giác quan khác, thì giống như chúng ta đã nói trong ví dụ các ngón tay, chúng không bắt chúng ta phải suy nghĩ về hiện hữu; nhưng khi luôn luôn có một sự mâu thuẫn nào đó với một cái là cái ngược lại của nó và đòi phải nghĩ về nhiều cái, thì tư tưởng bắt đầu nảy sinh trong chúng ta và tâm trí trở nên hoang mang bối rối nhưng lại muốn đạt đến một quyết định, vì thế nó hỏi "Cái gì là duy nhất tuyệt đối?" Đây là cách mà việc tìm hiểu về cái duy nhất có sức lôi kéo và dẫn đưa tâm trí tới chỗ suy niệm về hiện hữu đích thực.

Và chắc chắn điều này đặc biệt xảy ra trong trường hợp của cái duy nhất; vì nếu chúng ta thấy cùng một vật vừa là một mà vừa là vô số?

Đúng, tôi nói; và điều gì đúng về một cái duy nhất cũng đúng về mọi số khác?

Chắc chắn.

Và tất cả số học và tính toán đều liên quan đến con số?

Đúng.

Và chúng có vẻ dẫn tâm trí tới chân lý?

Đúng, một cách rất rõ ràng.

Vậy đây chính là loại tri thức mà chúng ta đang tìm kiếm, nó có hai công dụng, vừa quân sự vừa triết học; vì người cầm quân phải học nghệ thuật về con số, bằng không họ sẽ không biết cách bày binh bố trận và người làm triết học cũng phải học về con số, vì họ vượt lên trên thế giới biến đổi để nắm bắt được hữu thể đích thực và vì thế họ cũng phải là một nhà số học.

Đúng.

Và người bảo vệ của chúng ta vừa là chiến binh vừa là triết gia?

Chắc chắn.

Vậy thì đây là một loại tri thức mà luật pháp phải áp đặt một cách thích hợp; và chúng ta phải cố gắng thuyết phục những ai sẽ trở thành các nhà cai trị đất nước chúng ta để họ học số học, không phải một cách nghiệp dư, nhưng họ phải chuyên chăm nghiên cứu cho tới khi họ thấy được bản chất của các con số bằng trí khôn của họ mà thôi.

Đó là điều tuyệt vời, anh nói.

Đúng, tôi nói và sau khi đã bàn về nó, bây giờ tôi phải thêm rằng

khoa học này hấp dẫn biết bao! Và nó đưa chúng ta tới các mục đích mong muốn bằng nhiều cách, nếu chúng được theo đuổi bằng tinh thần của một triết gia, chứ không phải của một người bán hàng.

Tôi đồng ý.

Vậy đây phải là một trong các môn học trong việc giáo dục của chúng ta. Tiếp theo chúng ta phải tìm xem môn học bà con với số học có cần thiết không.

Ông muốn nói đến hình học?

Đúng.

Rõ ràng chúng ta cần tới phần hình học có liên quan tới chiến tranh; vì khi cắm một cái trại, hay chọn một vị trí, hay đóng chặt hoặc mở rộng hàng ngũ quân đội, hay bất cứ hoạt động quân sự nào, dù trong trận chiến thực sự hay ở một cuộc diễu hành, một tướng cầm quân biết hình học sẽ khác với người không biết.

Đúng, tôi nói, nhưng nhằm mục đích này thì chỉ cần rất ít về số học hay hình học; vấn đề của chúng ta liên quan tới phần lớn hơn và cao cấp hơn của hình học-nó có giúp chúng ta thấy được dễ dàng hơn ý niệm về sự thiện hay không; và mọi sự có bắt buộc tâm trí hướng về chỗ đó, nơi có hữu thể viên mãn mà nó phải ngắm nhìn hay không.

Đúng, anh nói.

Vậy nếu hình học buộc chúng ta phải nhìn ngắm hữu thể, thì nó liên quan đến chúng ta; nếu chỉ là những thay đổi mà thôi, thì nó không liên quan đến chúng ta?

Đúng, đó là điều chúng ta khẳng định.

Nhưng bất cứ ai có một chút hiểu biết tối thiểu về hình học đều phải khẳng định rằng, một khái niệm như thế về khoa học này thì hoàn toàn mâu thuẫn với ngôn ngữ thông thường của các nhà hình học.

Khác thế nào?

Họ chỉ nhằm thực hành và luôn luôn nói đến vẽ hình, mở rộng và áp dụng, v.v... -họ lẫn lộn các điều tất yếu của hình học với các nhu cầu của đời sống thường ngày; trong khi tri thức mới là đối tượng thực sự của toàn thể khoa học này.

Chắc chắn rồi.

Vậy chúng ta phải nhất trí về một điểm nữa?

Điểm gì?

Đó là tri thức mà hình học nhắm tới là tri thức về cái vĩnh cửu, chứ không phải về cái chóng qua và suy tàn.

Đúng thế và chúng ta phải chấp nhận.

Vậy, anh bạn yêu quí, hình học lôi kéo tâm trí đến với chân lý và tạo ra tinh thần của triết học cũng như nâng dậy những gì đang bị ngã xuống.

Không gì khác có thể làm được điều đó.

Vậy không thể có một luật nào chắc chắn hơn là luật buộc mọi cư dân của thành phố chúng ta phải học hình học. Hơn nữa, khoa học này cũng có các hậu quả gián tiếp.

Các hậu quả nào?

Có các ích lợi quân sự như anh vừa nói; và trong mọi lĩnh vực tri thức, như kinh nghiệm cho thấy, bất cứ ai đã học hình học sẽ hiểu nhanh hơn rất nhiều so với người không học hình học.

Đúng, có một sự khác biệt vô cùng lớn giữa hai hạng người này.

Vậy chúng ta sẽ đề nghị hình học như là một ngành tri thức thứ hai mà giới trẻ của chúng ta phải học.

Chúng ta phải làm điều đó, anh đáp.

Và anh nghĩ sao nếu chúng ta đề nghị thiên văn học là ngành thứ ba?

Tôi rất thích điều đó, anh nói; việc quan sát các mùa, các tháng và các năm là yếu tố thiết yếu đối với một vị tướng quân đội cũng như đối với người nông dân hay người thủy thủ.

Vậy, khi tất cả các môn học này đạt tới chỗ liên thông với nhau và được coi là có quan hệ mật thiết với nhau, thì tôi nghĩ việc học chúng có một giá trị cho các mục tiêu của chúng ta; còn nếu không, các môn học ấy sẽ chẳng có ích lợi gì.

Tôi cũng nghĩ như thế; nhưng ông Socrates, ông đang dẫn tới một công trình to lớn?

Anh muốn nói đến điều gì? Anh không biết rằng tất cả các điều trên chỉ là phần mở đầu cho môn học thực sự mà chúng ta phải học sao? Vì chắc chắn anh không coi nhà toán học tài giỏi cũng là một nhà biện chứng pháp?

Chắc chắn là không rồi, anh nói; tôi hiếm khi thấy một nhà toán học mà biết lý luận giỏi.

Nhưng anh có tưởng tượng nổi những người không biết lý luận mà lại có tri thức đòi họ phải biết lý luận không?

Không thể.

Vì vậy, anh Glaucon, cuối cùng chúng ta đã đạt tới môn học tột đỉnh là biện chứng pháp. Đó là công việc của lý trí thuần túy.

Đúng thế, anh nói.

Vậy có phải đó là tiến trình mà anh gọi là biện chứng pháp không?

Đúng. Tôi đồng ý với những gì ông nói, mặc dù đó là điều rất khó tin, nhưng từ một góc cạnh khác, phủ nhận nó lại càng khó hơn.

Anh Glaucon yêu quí, anh không thể nắm được hết ý của tôi, mặc dù tôi đã cố gắng hết sức; tuy nhiên theo tôi thấy, anh đã không chỉ nhìn các hình ảnh mà thôi, anh còn nhìn thấy sự thật tuyệt đối. Điều tôi nói với anh có trở thành sự thật hay không, tôi không dám

nói chắc; nhưng tôi tin rằng anh đã nắm bắt được một cái gì gần như sự thật.

Đúng thế, anh đáp.

Nhưng tôi cũng phải nhắc anh nhớ rằng chỉ có sức mạnh của biện chứng pháp mới có thể chứng tỏ điều này và chỉ chứng tỏ cho những ai đã là môn sinh của các khoa học trên kia mà thôi.

Về điểm này tôi hoàn toàn nhất trí với ông cũng giống như các điểm trước.

Vậy biện chứng pháp và chỉ có biện chứng pháp mới liên quan trực tiếp với nguyên lý đệ nhất, và là khoa học duy nhất không dựa vào các giả thuyết để làm vững nền tảng của mình; con mắt của tâm hồn, vốn bị chôn vùi dưới vũng bùn nhơ nhớp, được nâng lên nhờ sự trợ giúp của biện chứng pháp; và nó sử dụng các khoa học mà chúng ta đã kể trên để trợ giúp nó. Thông thường người ta gọi chúng là các khoa học, nhưng chúng cần phải có một tên gọi khác, để cho thấy chúng có tính chất rõ ràng nhiều hơn ý kiến và ít rõ ràng hơn khoa học; trong phác hoạ trước, chúng ta đã gọi nó là trí hiểu. Nhưng tại sao chúng ta cần phải tranh luận về tên gọi trong khi chúng ta đã có các thực tại rất cần xem xét?

Đúng thế, tại sao lại cần như vậy, khi mà bất cứ tên gọi nào cũng được, miễn là nó diễn tả tư tưởng của tinh thần với sự sáng sủa?

Dù sao, chúng ta bằng lòng chấp nhận bốn loại phân chia; hai loại thuộc trí tuệ và hai loại thuộc ý kiến; và chúng ta gọi loại một là khoa học, hai là trí hiểu, ba là tin tưởng (hay ý kiến) và bốn là tri giác về các hình bóng, vì ý kiến có liên quan tới sự thay đổi, còn trí tuệ liên quan tới hiện hữu; và chúng ta có thể diễn tả nó theo một tỷ lệ tương ứng:

Cũng như hiện hữu tương quan với biến đổi thế nào, thì trí tuệ thuần túy cũng tương quan với ý kiến như thế.

Và cũng như trí tuệ tương quan với ý kiến thế nào, thì khoa học cũng tương quan với tin tưởng và trí hiểu tương quan với tri giác về các hình bóng như thế.

Nhưng ở đây chúng ta sẽ không bàn thêm chi tiết các tương quan và các phân chia nhỏ về ý kiến và trí tuệ, vì nó đòi hỏi một tra cứu dài và phức tạp hơn những gì chúng ta đã bàn từ trước đến giờ.

Tôi nhất trí.

Và anh cũng có nhất trí trong việc mô tả nhà biện chứng pháp như một người đạt tới khái niệm về bản chất của mỗi vật không? Và người không nắm được và không truyền thông được khái niệm này thì cũng không đạt được trí tuệ, anh nhất trí như thế chứ?

Vâng, anh nói, không thể phủ nhận điều đó.

Và anh cũng nhất trí như thế về khái niệm Sự Thiện chứ? Trừ phi một người có khả năng định nghĩa một cách thuần lý về ý niệm Sự Thiện; và trừ phi họ có thể chấp nhận sự thách đố của mọi vấn nạn và sẵn sàng bác bỏ chúng bằng lý luận chặt chẽ dựa trên chân lý tuyệt đối chứ không phải dựa trên ý kiến-nếu họ không thể làm được những điều này, anh phải nói rằng họ hoàn toàn không biết ý niệm về sự thiện hay bất cứ điều tốt đẹp nào; họ chỉ nắm bắt được cái bóng của sự vật nhờ ý kiến chứ không phải nhờ khoa học;-mơ màng trong giấc ngủ của cuộc đời này, trước khi họ tỉnh thức ở đây, họ đi xuống thế giới âm phủ và vĩnh viễn ở yên tại đó.

Tôi hoàn toàn đồng ý với ông về tất cả các điều trên.

Và hẳn anh cũng không muốn rằng những đứa con của đất nước lý tưởng mà anh đang nuôi dưỡng và giáo dục-các nhà cai trị tương lai của đất nước lý tưởng ấy, nếu nó trở thành hiện thực-hẳn là anh không muốn họ trở thành như những cây cột vô tri vô giác, không biết lý luận, nhưng lại được đặt làm người nắm quyền trong mọi vấn đề chứ?

Hẳn là không.

Vậy anh phải ra một luật qui định rằng họ phải được hưởng một nền giáo dục giúp họ có khả năng đạt tới tài năng cao nhất trong việc hỏi và trả lời các câu hỏi.

Vâng, anh nói, cả ông và tôi chúng ta sẽ cùng làm điều này.

Vậy, anh có đồng ý với tôi rằng biện chứng pháp là mấu chốt của mọi khoa học và được đặt cao hơn mọi khoa học; không một khoa học nào được đặt cao hơn nó-bản chất tri thức không thể vượt xa hơn nó không?

Tôi đồng ý, anh nói.

Nhưng những ai phải nghiên cứu các môn học này là vấn đề mà chúng ta còn phải thảo luận.

Đương nhiên.

Anh còn nhớ trước đây chúng ta đã nói các nhà cai trị được tuyển chọn thế nào chứ?

Chắc chắn còn nhớ.

Ở đây cũng thế, vẫn phải chọn những người có bản chất giống như thế và ưu tiên phải dành cho những người chắc chắn nhất, dũng cảm nhất; và nếu có thể, những người đẹp nhất; và ngoài tính tình cao thượng, quảng đại, họ cũng phải có các thiên khiếu tự nhiên giúp họ tiếp thu nền giáo dục một cách dễ dàng.

Chắc chắn rồi; họ phải có các năng khiếu tự nhiên.

Sai lầm của ngày nay là ở chỗ những người học triết học không có thiên khiếu và như tôi đã nói ở trên, đó là lý do khiến triết học bị

mang tiếng: các con cái đích thực của triết học phải nắm tay triết học, chứ không phải các đứa con hoang.

Ý ông muốn nói gì?

Trước hết, những ai muốn theo đuổi triết học phải không được là người què quặt-nghĩa là họ không được nửa chăm chỉ nửa biếng nhác: ví dụ, như một người rất say mê thể thao, săn thú và mọi việc luyện tập thân thể, nhưng lại không ham thích học hỏi và tìm tòi. Hay công việc họ làm lại đi ngược lại với triết học và như thế có thể coi họ như một kẻ khập khiễng.

Tôi hiểu, anh nói.

Về chân lý, một người được coi là què quặt khập khiễng khi người ấy ghét sự giả dối cố tình và nổi giận khi có ai nói dối, nhưng lại sẵn sàng chấp nhận sự giả dối vô tình và không ngần ngại nuốt vào mình sự giả dối ấy, như một con vật đầm mình trong vũng bùn vô tri và không xấu hổ khi bị phát hiện, đúng không?

Chắc chắn.

Còn về tiết độ, can đảm, độ lượng và mọi nhân đức khác, chúng ta cũng cần phân biệt rõ giữa những đứa con thực sự và những đứa con hoang chứ? Vì nếu không có sự phân biệt về các đức tính như thế, các nhà nước cũng như các cá nhân sẽ sai lầm một cách vô tình; và khi ấy nhà nước sẽ chọn lầm một người cai trị, cá nhân sẽ chọn lầm một người bạn, mà không biết người ấy khiếm khuyết về một phần nhân đức, tựa như một kẻ què quặt hay một đứa con hoang.

Rất đúng, anh nói.

Vì vậy, tất cả những điều này cần phải được chúng ta cân nhắc kỹ lưỡng; và chúng ta sẽ chỉ tuyển chọn vào hệ thống giáo dục, đào tạo quan trọng này những người lành mạnh về thể chất và tinh thần, như thế chính sự công bằng sẽ không có gì phản đối chúng ta và chúng ta sẽ là những vị cứu tinh của hiến pháp và của nhà nước; nhưng, nếu các học trò của chúng ta thuộc một loại khác, thì điều ngược lại sẽ xảy ra và chúng ta sẽ phải hứng chịu sự chê cười còn nặng nề hơn cả bây giờ nữa.

Chúng ta không thể cho phép xảy ra điều này.

Chúng ta nói như thế đã đủ về nhà nước lý tưởng và về con người mang hình ảnh của nhà nước ấy-chúng ta sẽ không gặp khó khăn để mô tả con người như thế.

Không khó khăn gì, anh đáp. Và tôi nhất trí với ông rằng chúng ta không cần nói gì thêm về điểm này.

QUYỂN VIII

Anh Glaucon, thế là chúng ta đã đi đến kết luận rằng trong nhà nước lý tưởng, các bà vợ và các con cái phải là của chung; và tất cả nền giáo dục cũng như việc theo đuổi chiến tranh và hòa bình cũng là công việc chung; và các triết gia giỏi nhất cũng như các chiến binh dũng cảm nhất phải là vua của các nhà nước ấy.

Chúng ta đã nhìn nhận tất cả điều đó.

Đúng, tôi nói; và chúng ta cũng đã nhìn nhận rằng các nhà cai trị sẽ chọn các binh lính và đặt họ sống trong các nhà như chúng ta mô tả, chung cho mọi người và không có gì làm của riêng hay cá nhân; và về tài sản của họ, anh còn nhớ chúng ta đã nhất trí điều gì chứ?

Có, tôi nhớ rằng không ai có các của cải thông thường của loài người; họ phải là các chiến binh lực sĩ và những người bảo vệ, không được trả lương; chỉ nhận được cái ăn, cái mặc và phải chăm lo cho bản thân mình và cho toàn thể đất nước.

Đúng, tôi nói; và bây giờ phần nhiệm vụ này của chúng ta đã xong, chúng ta phải tìm ra điểm chúng ta đã đi lạc đề, để quay trở về đường cũ của mình.

Quay lại không khó; lúc trước cũng như bây giờ, ông muốn nói rằng ông đã mô tả xong phần về nhà nước: ông nói nhà nước như thế là một nhà nước tốt và người nào đáp ứng nhà nước này là người tốt, mặc dù bây giờ có vẻ như ông còn có nhiều điều tuyệt vời hơn nữa để nói cả về nhà nước lẫn cá nhân. Khi chúng tôi đã thấy mọi cá nhân và cuối cùng đã nhất trí về việc ai là người tốt nhất và ai là người xấu nhất, chúng ta phải xét xem người tốt nhất có phải cũng là người hạnh phúc nhất không và người xấu nhất có phải người bất hạnh nhất không. Tôi hỏi ông về bốn hình thức cai trị mà ông nói đến và lúc đó Polemarchus và Adeimantus đã lên tiếng; và rồi ông lại bắt đầu nói và dẫn tới điểm chúng ta đang nói bây giờ.

Trí nhớ của anh thật vô cùng chính xác.

Vậy, giống như một người đồ vật, ông phải đặt mình vào cùng một vị trí ấy; và hãy để tôi hỏi cùng những câu hỏi ấy và cho tôi cùng những câu trả lời mà ông sắp sửa nói ra.

Được, tôi sẽ cố hết sức.

Tôi sẽ đặc biệt muốn nghe ông cho biết đâu là bốn hình thức hiến pháp mà ông đang nói tới.

Câu hỏi này rất dễ trả lời, tôi nói. Bốn hình thức chính quyền mà tôi nói tới là, thứ nhất, hình thức của người Crete và Sparta, thường được khen ngợi; tiếp đến là hình thức chế độ đầu sỏ, không đáng ca ngợi như hình thức thứ nhất và là hình thức mang theo nhiều điều xấu; thứ ba là dân chủ, theo sau chế độ đầu sỏ một cách tự nhiên, mặc dù rất khác với chế độ đầu sỏ và cuối cùng là chế độ độc tài, rất lớn và nổi tiếng, khác với cả ba hình thức trên và là chế độ thứ tư nhưng tồi tệ nhất của một nhà nước. Ngoài ra tôi không biết có hình thức nào khác có tính đặc trưng rõ rệt. Anh có biết không? Cũng có những hình thức địa chủ và thủ lĩnh, được mua bán và một số hình thức cai trị khác nữa. Nhưng những hình thức này không có những nét đặc trưng riêng và dễ được nhận thấy ở nơi ở của những người Hy Lạp và người man di.

Vâng, anh đáp, chúng tôi có nghe nói đến nhiều hình thức chính quyền kỳ lạ của các dân tộc ấy.

Anh có biết rằng hình thức chính quyền thay đổi tùy theo cá tính của con người và có bao nhiêu cá tính thì có bấy nhiêu hình thức chính quyền, đúng không? Vì chúng ta không thể cho rằng nhà nước được làm từ "cây sồi và đá", mà nó được làm từ những con người sống trong nhà nước, đúng không?

Vâng, anh nói, con người thế nào thì nhà nước như thế; nó phát triển từ các cá tính của những con người.

Vậy nếu có năm hình thức nhà nước, thì cũng phải có năm loại cá tính của các cá nhân con người?

Chắc chắn rồi.

Chúng ta đã nói về hạng người chấp nhận chế độ quí tộc, là những người mà chúng ta đánh giá là tốt và công bằng.

Đúng.

Vậy bây giờ chúng ta hãy bắt đầu mô tả về loại người thấp kém hơn, là những người hay tranh giành và đầy tham vọng, hạng người của nhà nước Sparta; chúng ta cũng sẽ mô tả về hạng người của chế độ đầu sỏ, dân chủ và độc tài. Chúng ta hãy đặt người công bằng nhất bên cạnh người bất công nhất và khi chúng ta thấy họ, chúng ta sẽ có thể so sánh sự hạnh phúc hay bất hạnh của người sống một đời sống công bằng thuần túy hay bất công thuần túy. Như thế việc tìm tòi của chúng ta sẽ hoàn

tất. Và chúng ta sẽ biết là liệu chúng ta có phải theo đuổi sự bất công như Thrasymachus khuyên chúng ta hay không, hay chúng ta phải đi theo các kết luận của lập luận ủng hộ công bằng.

Chắc chắn, anh đáp, chúng tôi phải làm theo đề nghị của ông.

Chúng ta sẽ theo kế hoạch cũ mà chúng ta đã chọn để có sự sáng sủa, đó là xem xét về nhà nước trước rồi sau đó xét đến cá nhân và chúng ta bắt đầu với loại nhà nước dựa trên danh vọng hay quyền lực. Tôi chỉ biết gọi nó là chế độ quyền lực. Chúng ta sẽ so sánh nó với tính chất tương tự nơi cá nhân; và sau đó, xét về chế độ đầu sỏ và con người theo chế độ đầu sỏ; rồi chúng ta sẽ lại chuyển sự chú ý sang chế độ dân chủ và con người dân chủ; và sau cùng, chúng ta sẽ tìm hiểu về chế độ độc tài và một lần nữa tìm hiểu về con người độc tài, để có thể đi đến một quyết định thỏa mãn.

Cách xem xét và đánh giá vấn đề như thế rất thích hợp.

Vậy trước hết, tôi nói, chúng ta hãy tìm hiểu xem chế độ quyền lực (hay danh vọng) bắt nguồn từ chế độ quí tộc như thế nào. Rõ ràng mọi thay đổi chính trị đều bắt nguồn từ những chia rẽ trong quyền lực hiện có của chính quyền; một chính quyền đoàn kết thì dù nhỏ đến đâu cũng không bị lay chuyển.

Rất đúng, anh nói.

Vậy, thành phố của chúng ta sẽ bị lay chuyển như thế nào; và hai giai cấp phụ tá và cai trị bất đồng ý kiến với chính mình và với nhau như thế nào. Có lẽ chúng ta nên theo cách của Homer cầu xin Thi Thần nói cho chúng ta biết "sự bất hòa đã bắt đầu phát sinh như thế nào?"

Các Thi Thần nói sao?

Họ nói thế này: - Một thành phố được thiết lập như thế thì rất khó bị lay chuyển; nhưng vì mọi vật đều có một khởi đầu và một kết thúc, nên một hiến pháp như của các anh cũng không thể tồn tại vĩnh viễn, mà sẽ tàn lụi với thời gian. Khi có mối bất hòa xảy ra trong cùng một chính quyền, hai lớp người đi theo hai hướng khác nhau; họ chiến đấu với nhau và cuối cùng họ đồng ý phân chia đất đai và nhà cửa cho các chủ sở hữu cá nhân; và họ biến các bạn bè của họ thành những nô lệ và những người trông coi nhà cửa đất đai cho họ, những người ấy trước đây vốn được họ bảo vệ che chở như là những người tự do, bây giờ trở thành những kẻ bị cai trị và phục dịch; còn chính họ thì đi gây chiến và trông chừng những người này.

Tôi nghĩ ông đã quan niệm đúng về nguồn gốc sự thay đổi này.

Và nhà nước mới phát sinh sẽ là một hình thức ở giữa chế độ đầu sỏ và chế độ quí tộc?

Rất đúng.

Sự thay đổi là như thế và sau khi có sự thay đổi, họ sẽ tiến tới như thế nào? Rõ ràng nhà nước mới, vì là một hình thức trung gian giữa chế độ đầu sỏ và nhà nước hoàn hảo, nên một phần sẽ đi theo chế độ đầu sỏ và một phần theo nhà nước hoàn hảo, và cũng có một số điểm đặc thù.

Đúng, anh nói.

Những người cai trị được hưởng danh dự, giai cấp chiến binh được miễn công việc đồng áng, thủ công và buôn bán nói chung, việc tổ chức các bữa ăn chung và sự quan tâm tới luyện tập thể dục và huấn luyện quân sự-về tất cả các phương diện này, nhà nước mới sẽ giống với nhà nước cũ.

Đúng.

Nhưng trong việc sợ phải chấp nhận các triết gia nắm quyền, vì họ không còn là những thành phần đơn thuần nhưng là phối hợp của nhiều yếu tố và trong việc rời xa họ để đến với các tính cách đam mê và ít phức tạp hơn, những người tự bản chất thích hợp với chiến tranh hơn hòa bình; và trong giá trị mà họ đặt ra cho các chiến lược và âm mưu quân sự cũng như trong việc gây chiến trường kỳ-thì nhà nước này có khác biệt rất lớn.

Đúng.

Và những người loại này sẽ là những con người tham tiền, giống như những người sống trong chế độ đầu sỏ; họ sẽ có một sự tham lam thầm kín nhưng mãnh liệt về vàng và bạc, mà họ sẽ giấu ở những nơi kín đáo, hoặc ở những nhà kho riêng; và các lâu đài cũng sẽ trở thành những ổ trứng của họ, ở đó họ phung phí tiền bạc cho các bà vợ, hay cho những người mà họ thích.

Rất đúng, anh nói. Hình thức chế độ mà ông mô tả là một sự hỗn hợp giữa cái tốt và cái xấu.

Đúng, đó là một sự hỗn hợp; nhưng đặc biệt nổi bật một điều: tinh thần tranh giành và tham vọng; và đó là do yếu tố đam mê của con người.

Chắc chắn rồi.

Đó là nguồn gốc và tính chất của loại nhà nước này, mà chúng ta mới chỉ phác hoạ ra những nét chính; thực ra chúng ta cũng không cần đi sâu vào chi tiết, vì một phác họa tổng quát cũng đủ để cho thấy loại công bằng hoàn hảo nhất và loại bất công hoàn hảo nhất; còn nếu đi sâu vào mọi nhà nước và mọi tính cách của con người thì quả là một công việc quá nặng nề không thể kết thúc được.

Rất đúng, anh nói.

Bây giờ chúng ta đã có hình thức cai trị thứ hai và loại tính cách thứ hai rồi phải không?

Đúng.

Tiếp đến, chúng ta sẽ xét đến một hạng người khác mà như Aeschylus nói,

"được đặt lên chống lại một nhà nước khác";

hay tốt hơn, như kế hoạch của chúng ta đòi hỏi, chúng ta hãy bắt đầu với nhà nước.

Tuỳ ông.

Tôi nghĩ tiếp theo là chế độ đầu sỏ.

Vậy ông định nghĩa chế độ đầu sỏ là hình thức cai trị như thế nào?

Là chế độ dựa trên việc đánh giá tài sản, trong đó người giàu có quyền lực và người nghèo không có quyền lực.

Tôi hiểu, anh đáp.

Tôi có phải bắt đầu bằng việc mô tả sự thay đổi từ chế độ quyền lực sang chế độ đầu sỏ như thế nào không?

Có.

Tốt, tôi nói, không khó khăn gì để thấy được chế độ này chuyển sang chế độ kia như thế nào?

Bằng cách nào?

Việc tích luỹ vàng bạc trong kho riêng của các cá nhân là sự suy tàn của chế độ quyền lực; họ nghĩ ra các cách thức bất hợp pháp để chi tiêu tiền của; vì họ cũng như các bà vợ của họ đâu có quan tâm gì tới luật pháp?

Đương nhiên.

Và thế là một người khi thấy người khác ngày càng trở nên giàu có hơn, thì cũng cạnh tranh với người ấy và như thế cả đám đông quần chúng trở thành những kẻ yêu tiền bạc.

Rất có thể.

Thế là họ cứ giàu lên mãi và họ càng nghĩ mình có thể làm giàu thì họ càng ít nghĩ đến nhân đức; vì khi của cải và nhân đức được đặt lên bàn cân, thì một cái nhẹ hơn sẽ làm cho cái kia nặng hơn.

Đúng.

Và với mức độ các của cải và người giàu được kính trọng trong nhà nước, thì nhân đức và người nhân đức bị khinh rẻ.

Rõ ràng là thế.

Và cái gì được kính trọng thì người ta vun trồng, cái gì bị khinh rẻ thì người ta bỏ quên.

Tất nhiên.

Như thế rốt cuộc, thay vì yêu thích sự cạnh tranh và vinh quang, người ta trở thành những con người mê buôn bán và tiền bạc; họ kính trọng những người giàu và tôn người giàu lên làm người cai trị họ, đồng thời coi khinh người nghèo.

Họ thực sự làm thế.

Kế đến, họ đặt ra một luật qui định một khoản tiền phải trả để có quyền công dân; khoản tiền này có nơi cao hơn có nơi thấp hơn, tùy chế độ đầu sỏ là độc quyền nhiều hơn hay ít hơn; và họ không cho phép những ai có tài sản dưới mức

qui định tham gia chính quyền. Những thay đổi này về hiến pháp được họ cưỡng bức thực hiện bằng sức mạnh của quân đội, nếu sự răn đe không có tác dụng.

Rất đúng.

Và nói chung, đây là cách thức mà chế độ đầu sỏ được thiết lập.

Đúng, anh nói; nhưng hình thức chính quyền này có những đặc trưng gì và những khuyết điểm gì?

Thứ nhất, tôi nói, hãy xét đến bản chất của tiêu chuẩn chọn lựa. Thử nghĩ điều gì xảy ra nếu các hoa tiêu được chọn dựa trên tài sản của họ và một người nghèo bị từ chối không cho phép lái tàu, dù họ là một hoa tiêu giỏi hơn.

Hiển nhiên tàu sẽ đắm?

Đúng; và điều này cũng đúng với việc cai quản bất cứ cái gì chứ?

Tôi buộc phải nghĩ thế.

Trừ một thành phố? Hay kể cả một thành phố?

Thật ra, trường hợp cai quản một thành phố còn là lý do mạnh hơn nữa, vì việc cai trị một thành phố là nhiệm vụ to lớn nhất và khó khăn nhất.

Vậy đó chính là khuyết điểm lớn đầu tiên của chế độ đầu sỏ sao?

Rõ ràng là thế.

Còn một khuyết điểm khác cũng tồi tệ như thế.

Khuyết điểm gì?

Sự chia rẽ tất yếu phải xảy ra: một nhà nước như thế không thể là một, mà là hai nhà nước, một của người nghèo, một của người giàu; và họ sống trên cùng một mảnh đất và luôn luôn tìm mưu kế chống lại nhau.

Chắc chắn đó là điều hết sức tồi tệ.

Một tính chất không đáng tin cậy nữa là, vì một lý do giống như thế, họ không thể gây chiến tranh. Hoặc là họ trang bị khí giới cho đám đông, nhưng rồi họ lại còn sợ đám đông này hơn là họ sợ kẻ thù; hoặc nếu họ không động viên đám đông ra trận, thì họ chỉ là một nhóm đầu sỏ ít ỏi, ít người đánh trận cũng như ít người cai trị. Và đồng thời lòng tham tiền khiến họ không muốn đóng thuế.

Thật không đáng tin cậy chút nào!

Và, như chúng ta đã nói, trong một hiến pháp như thế, cùng một người làm nhiều nghề khác nhau- họ là nông dân, nhà buôn, chiến binh, tất cả trong cùng một người. Liệu có tốt không?

Hoàn toàn ngược lại.

Đó là đặc trưng và các khuyết điểm của thể chế đầu sỏ; và có thể còn vô số những điều xấu khác nữa.

Rất có thể.

Vậy chế độ đầu sỏ, hay hình thức cai trị do một thiểu số giàu có, bây giờ có thể bị chúng ta loại

bỏ. Hiện tại các nhà cai trị, vì những lý do tôi đã nêu trên, đối xử với thần dân của họ rất tồi tệ; trong khi bản thân họ và những người theo họ, đặc biệt giới trẻ của giai cấp thống trị, đã quen với nếp sống xa hoa và lười biếng cả về thể chất lẫn tinh thần; họ chẳng làm việc gì và không thể kháng cự lại khoái lạc hay đau khổ.

Rất đúng.

Bản thân họ chỉ lo làm giàu và cũng dửng dưng giống như những người nghèo trong việc trau giồi nhân đức.

Đúng, rất dửng dưng.

Đó là tình trạng của họ. Và thường các nhà cai trị và thần dân luôn đối đầu nhau, dù là trên đường hay trong một dịp gặp mặt, khi họ trở thành những chiến binh đồng nghiệp trong chiến trận hay những thủy thủ trên cùng một con tàu; họ có thể quan sát thái độ của nhau trong chính lúc gặp nguy hiểm-bởi vì mỗi khi có nguy hiểm, người nghèo thường bị khinh bỉ bởi người giàu-và rất có khả năng người nghèo bị đặt vào trận chiến bên cạnh người giàu vốn chưa hề biết chịu đau khổ về thể xác-khi họ thấy một người như thế, làm sao họ không đi đến kết luận rằng những kẻ giàu có như thế sở dĩ giàu là bởi vì không ai có can đảm tước đoạt của họ? Và khi họ gặp nhau ở chốn riêng tư, họ sẽ thường nói với nhau, "Các chiến binh của chúng ta thật vô tích sự".

Đúng, tôi nghĩ họ sẽ nói như thế.

Thế là hình thức dân chủ bắt đầu xuất hiện sau khi người nghèo đã chiến thắng địch thủ, giết hại một số và trục xuất số khác, trong khi số còn lại họ cho chia sẻ đồng đều tự do và quyền lực; và đây là hình thức chính quyền trong đó các pháp quan được chọn bởi việc đầu phiếu.

Đúng, anh nói, đó là bản chất của chế độ dân chủ, dù việc lật đổ đã được thực hiện bởi quân đội, hay sự sợ hãi đã buộc phe đối thủ phải rút lui.

Vậy cách sống của họ thế nào và họ có loại chính quyền nào? Vì thể chế chính quyền thế nào thì con người cũng như thế.

Rõ, anh nói.

Trước hết, họ sống tự do, phải không? Và thành phố thì đầy tự do và thẳng thắn-một người có thể nói và làm bất cứ điều gì mình muốn, đúng không?

Người ta nói như thế, anh đáp.

Và ở đâu có tự do, thì cá nhân có thể sắp đặt cuộc sống của mình theo ý mình muốn?

Rõ.

Vậy loại nhà nước này sẽ là loại tốt đẹp nhất của bản tính con người, đúng không?

Đúng vậy.

Có vẻ như đây là loại nhà nước tốt đẹp nhất, nó giống như chiếc áo thêu được thêu bằng mọi loại hoa đẹp. Và cũng như đàn bà và trẻ con nghĩ rằng cái gì có nhiều màu sắc đều là cái đẹp nhất, thì cũng có nhiều người nghĩ rằng nhà nước này với sự đa dạng trong các tính cách của con người, phải là nhà nước tốt đẹp nhất.

Đúng.

Phải đấy, anh bạn và sẽ không nên đi tìm một nhà nước nào tốt đẹp hơn.

Tại sao?

Bởi vì sự tự do ngự trị trong nhà nước này-họ có đủ loại hiến pháp; và người có ý định thiết lập một nhà nước phải đến với thể chế dân chủ giống như họ, đến một cửa hàng có bán đủ thứ và chọn cho mình thứ thích hợp với mình; rồi, khi họ đã chọn lựa, họ có thể lập nhà nước của họ.

Chắc chắn họ sẽ có đủ mọi kiểu mẫu.

Và trong nhà nước này anh sẽ không cảm thấy cần phải là người cai trị, cho dù anh có khả năng, hay là người bị trị, cho dù anh muốn và cũng không cần có chức vụ gì cả-một đời sống như thế không phải là thú vị tuyệt vời sao?

Tạm thời là như thế.

Những tính chất này và những tính chất khác nữa của chế độ dân chủ khiến nó trở thành một thể chế cai trị rất hấp dẫn, đầy sự đa dạng và hỗn độn, mọi người được hưởng mọi sự đồng đều như nhau.

Chúng ta thấy rõ điều này.

Bây giờ tôi hỏi anh, vậy thì tại sao lại xuất hiện chế độ độc tài và nhà độc tài? Nó xuất hiện thế nào và có phải nó phát sinh từ chế độ dân chủ không?

Tất nhiên rồi.

Và chế độ độc tài phát sinh từ chế độ dân chủ cũng giống như chế độ dân chủ phát sinh từ chế độ đầu sỏ, đúng không?

Như thế nào?

Lợi ích mà chế độ đầu sỏ đề ra cho mình và phương tiện mà nó sử dụng là sự thừa thãi của cải, đúng không?

Vâng.

Và lòng thèm muốn của cải vô độ và bỏ qua mọi điều khác, vì lý do làm giàu cũng chính là cái làm cho chế độ đầu sỏ bị diệt, đúng không?

Vâng.

Và chế độ dân chủ cũng có cái lợi riêng của nó và niềm khao khát cái lợi này đã đưa nó tới chỗ suy tàn, đúng không?

Cái lợi gì?

Tự do, tôi đáp; theo như họ nói trong chế độ dân chủ, tự do chính là vinh quang của nhà nước-và vì

thế chỉ có trong chế độ dân chủ, con người tự do mới đáng sống.

Đúng, ai ai cũng nói như thế.

Tôi nhận thấy rằng lòng khao khát tự do vô độ và bỏ qua mọi điều khác đã dẫn tới sự thay đổi trong chế độ dân chủ, tạo điều kiện cho sự xuất hiện của chế độ độc tài.

Bằng cách nào?

Khi một chế độ dân chủ khao khát tự do mà lại có những kẻ hầu rượu xấu làm chủ tiệc và đã uống say rượu mạnh của sự tự do, thì trừ khi những nhà cai trị biết chiều chuộng và cho họ uống thỏa thuê, chế độ dân chủ sẽ đòi họ phải lý giải và trừng trị họ, coi họ là những kẻ đầu sỏ đáng nguyền rủa.

Vâng, anh đáp, chuyện này rất dễ xảy ra.

Và trên hết, tôi nói, như là kết quả của tất cả, anh hãy xem các công dân trở thành nhạy cảm như thế nào; họ nôn nóng muốn dẹp bỏ mọi quyền bính và cuối cùng, như anh biết, họ cũng không còn quan tâm gì tới luật pháp nữa, dù là luật viết hay luật miệng; họ không muốn có ai đứng trên họ.

Đúng, anh nói, tôi biết rất rõ điều này.

Anh bạn yêu quí, tôi nói, đó chính là khởi đầu tốt đẹp và vinh quang của chế độ độc tài đấy.

Vinh quang thực đấy. Nhưng bước kế tiếp là gì?

Sự tàn lụi của chế độ đầu sỏ là sự tàn lụi của chế độ dân chủ; cùng một dịch bệnh được tăng cường bởi tự do đã thống trị chế độ dân chủ-sự thật là bất cứ cái gì tăng quá mức đều thường tạo ra một phản ứng theo hướng ngược lại; và đây không chỉ xảy ra cho các mùa quanh năm và trong đời sống động vật và thực vật, nhưng nhất là trong mọi hình thức chính quyền.

Đúng.

Sự tự do quá mức, dù trong nhà nước hay cá nhân, có vẻ như chỉ dẫn đến sự nô lệ quá mức.

Đúng, đó là lẽ thường.

Và vì thế chế độ độc tài tự nhiên phát sinh từ chế độ dân chủ, và hình thức độc tài và nô lệ nghiêm trọng nhất xuất phát từ hình thức tự do cực đoan nhất.

Chúng ta có thể đoán trước điều đó.

Nhưng tôi nghĩ, đó không phải là câu hỏi của anh-đúng hơn anh muốn biết sự rối loạn nào đã nảy sinh trong chế độ đầu sỏ cũng như dân chủ và dẫn đến sự hủy diệt của cả hai, phải không?

Vâng, anh đáp.

Tốt, tôi muốn nói đến giai cấp những kẻ ăn không ngồi rồi và chi tiêu xa xỉ, những người can đảm trong số họ cầm đầu và những kẻ nhút nhát theo sau họ, giống như những con ong thợ, một số có ngòi chích, một số không.

So sánh rất đúng.

Hai hạng người này là dịch bệnh của mọi thành phố trong đó họ sinh ra, giống như chất đờm và mật đối với cơ thể. Người thầy thuốc giỏi và người làm luật giỏi của nhà nước, giống như con ong chúa khôn ngoan, phải giữ chúng ở một khoảng cách và ngăn ngừa chúng lại gần; và nếu bằng cách nào đó chúng tìm được lối vào, thì phải loại bỏ chúng càng nhanh càng tốt.

Nhất định là thế, anh nói.

Vậy, để chúng ta có thể thấy rõ mình đang làm gì, chúng ta hãy tưởng tượng rằng nước dân chủ được chia thành ba giai cấp; vì trước hết tự do tạo ra nhiều con ong thợ trong nhà nước dân chủ hơn là trong nhà nước đầu sỏ.

Đúng thế.

Và trong nhà nước dân chủ hạng người này có thế lực hơn.

Như thế nào?

Bởi vì trong nhà nước đầu sỏ, họ không đủ tiêu chuẩn và không được giữ chức vụ gì, vì thế họ không thể tạo được sức mạnh; còn trong một nhà nước dân chủ, hầu như tất cả họ đều có quyền và trong khi những người giỏi giang hơn thì nói và làm, số còn lại chỉ bay vo ve quanh diễn đàn mà không lên tiếng gì về phía đối lập; vì vậy trong các nhà nước dân chủ hầu như mọi sự được điều hành bởi loài ong thợ.

Rất đúng, anh nói.

Vậy có một hạng người khác luôn luôn tách mình ra khỏi đám đông.

Hạng nào?

Đó là giai cấp có trật tự, là những người giàu nhất trong một nước gồm các con buôn.

Tất nhiên.

Họ là những con người có thể khai thác được nhiều nhất và cống hiến cho các con ong thợ một lượng mật lớn.

Tất nhiên rồi, vì những người có ít thì vắt ra cũng chẳng được bao nhiêu.

Và đây được gọi là giai cấp giàu có và bọn ăn không ngồi rồi rúc rỉa giai cấp này.

Đúng là như thế, anh nói.

Dân chúng là một giai cấp thứ ba, gồm những người tự sinh nhai bằng chính sức lao động của mình; họ không phải các nhà chính trị và không có nhiều phương tiện để sống. Khi được tập hợp lại, giai cấp này trở thành giai cấp đông nhất và mạnh nhất trong một nhà nước dân chủ.

Đúng, anh nói; nhưng đám đông thường hiếm khi muốn tập hợp lại, trừ khi họ kiếm được chút mật.

Vậy họ không chia nhau sao? Tôi nói. Chẳng phải là các lãnh tụ của họ tước đoạt của người giàu và phân phát cho dân sao? Đồng

thời họ cũng cẩn thận dành phần lớn hơn cho bản thân họ?

Đúng, dân chúng cũng được chia phần một chút.

Và những người bị tước đoạt của cải thì buộc phải tự vệ chống lại dân chúng bằng tất cả sức lực của họ?

Họ không thể có cách nào khác.

Như thế, mặc dù họ không muốn có thay đổi, nhưng những người khác đã đặt họ vào thế phải âm mưu chống lại dân chúng và trở thành đồng minh với giai cấp đầu sỏ?

Đúng.

Và kết quả là, khi họ thấy dân chúng không phải tự ý nhưng vì không biết và bị những người khác gạt gẫm nên đã làm họ bị thiệt, thì cuối cùng họ đã bị buộc phải trở thành những người theo chế độ đầu sỏ trên thực tế; họ không muốn thế, nhưng sự châm chích của bọn ăn không ngồi rồi làm họ đau đớn và khơi dậy cách mạng nơi họ.

Sự thật chính xác là như thế.

Thế là phát sinh những kiện cáo và xét xử lẫn nhau.

Dân chúng luôn luôn có một người đại diện có quyền lực mà họ đặt lên lãnh đạo họ với quyền lực to lớn.

Đúng, đó là đường lối của họ.

Đây mới chính là cội rễ từ đó mọc lên một nhà độc tài; lúc đầu mới xuất hiện, họ là một người che chở cho dân.

Đúng, điều này thì rõ.

Vậy làm thế nào mà người che chở này biến thành một nhà độc tài? Rõ ràng người này đã làm điều được nói trong câu truyện về đền thờ thần Zeus Lycaea ở Arcadia.

Câu truyện thế nào?

Câu truyện kể rằng người nào đó ăn ruột gan của một nạn nhân rồi trộn với ruột gan của các nạn nhân khác thì sẽ trở thành một con sói. Anh không bao giờ nghe câu truyện này sao?

Có.

Và người che chở của dân thì cũng giống như người này; sau khi được toàn thể đám đông ủng hộ, người ấy không ngần ngại đổ máu những người thân của mình; bằng phương pháp vu khống quen thuộc, hắn đưa các nạn nhân ra tòa và giết, cướp mất mạng sống con người và hắn uống máu những đồng bào của họ bằng cái lưỡi và đôi môi tội lỗi của hắn; một số người bị hắn giết, số khác bị hắn trục xuất, đồng thời hắn gợi ý sẽ xoá nợ và chia đất: sau đó, số phận của hắn ra sao? Hắn có phải bị tiêu diệt bởi kẻ thù của hắn, hay bởi một người trở thành con sói, nghĩa là bởi một kẻ độc tài không?

Tất nhiên rồi.

Đây cũng chính là người bắt đầu tạo ra một phe chống lại người giàu?

Cùng là một người.

Sau một thời gian bị trục xuất, bây giờ hắn quay trở lại bất chấp các kẻ thù của hắn và hắn trở thành một tên độc tài thực thụ.

Điều đó thì rõ.

Và nếu họ không thể trục xuất hắn, hay kết án tử hình hắn bằng một vụ kiện cáo công khai, thì họ sẽ âm mưu để trừ khử hắn.

Vâng, anh nói, đó là cách họ thường làm.

Và bây giờ chúng ta hãy xét về hạnh phúc của người ấy và hạnh phúc của nhà nước đã sinh ra hắn.

Vâng, anh nói, chúng ta hãy xem xét điều này.

Trước hết, trong những ngày đầu nắm quyền lực, hắn luôn luôn mỉm cười và chào hỏi mọi người hắn gặp; hắn là người sẽ được gọi là kẻ độc tài, người đưa ra các lời hứa nơi công cộng cũng như chỗ riêng tư! Giải phóng những kẻ mắc nợ và phân phối đất cho dân, những người theo hắn và muốn tỏ ra tốt lành tử tế với mọi người!

Tất nhiên, anh nói.

Nhưng khi hắn đã giải quyết xong các kẻ thù bên ngoài bằng các cuộc chinh phục quân sự hay các thỏa ước và không còn gì làm hắn phải lo sợ nữa, thì hắn luôn luôn kích động các cuộc chiến, để dân chúng phải cần đến một lãnh tụ.

Chắc chắn rồi.

Hắn cũng có một mục tiêu khác nữa, đó là biến dân chúng trở thành nghèo khổ bằng sưu cao thuế nặng và vì thế buộc họ phải lo kiếm sống hằng ngày, khiến họ không còn thời giờ để âm mưu chống lại hắn.

Hiển nhiên là thế.

Và nếu có ai trong họ bị hắn nghi ngờ là có ý tưởng tự do và chống đối quyền bính của hắn, hắn sẽ tìm ra cớ để tiêu diệt họ bằng cách đặt họ vào tay kẻ thù; và vì tất cả những lý do này, kẻ độc tài luôn luôn phải kích động các cuộc chiến tranh.

Hẳn là phải thế.

Bây giờ hắn bắt đầu bị ghét bỏ.

Hậu quả tất nhiên.

Thế là một số người từng ủng hộ hắn và hiện đang có quyền, đã bày tỏ quan điểm của mình với hắn và với nhau; và những người can đảm hơn trong số họ đã kịch liệt giận dữ về những điều hắn đang làm.

Đó là điều đương nhiên.

Và kẻ độc tài, nếu muốn cai trị, tất nhiên phải loại trừ những người này; hắn không thể ở yên khi hắn đang có một người bạn hay một kẻ thù vô tích sự.

Không thể nào.

Và vì thế hắn phải nhìn quanh hắn để xem ai là người dũng

mãnh, ai là người thông minh, ai khôn ngoan, ai giàu có; là người hạnh phúc, hắn là kẻ thù của tất cả họ và hắn phải tìm dịp chống lại họ dù hắn muốn hay không, cho tới khi hắn đã thực hiện một cuộc thanh trừng trong nhà nước.

Nếu hắn muốn cai trị, hắn không thể làm cách nào khác.

Tốt lắm; và chúng ta có thể nói là đã thảo luận đủ về bản chất của chế độ độc tài và cách thức mà chế độ dân chủ chuyển sang chế độ độc tài.

Vâng, khá đủ, anh nói.

QUYỂN IX

Cuối cùng chúng ta bàn đến con người độc tài; về họ, một lần nữa chúng ta phải hỏi, họ được tạo ra như thế nào từ con người dân chủ? Và họ sống thế nào, sướng hay khổ?

Vâng, anh nói, chúng ta chỉ còn một đề tài này nữa thôi.

Tuy nhiên, tôi nói, trên kia chúng ta vẫn còn một vấn đề chưa trả lời.

Vấn đề gì?

Tôi nghĩ chúng ta chưa xác định thỏa đáng bản chất và số lượng các dục vọng và bao lâu điều này chưa được xác định, việc tra cứu của chúng ta vẫn còn thiếu rõ rệt.

Tốt, anh nói, bây giờ bổ túc điểm thiếu sót trên cũng chưa muộn.

Đúng lắm, tôi nói; và hãy để ý điểm mà tôi muốn trình bày cho anh hiểu: Một số các khoái lạc và dục vọng tôi nghĩ là bất hợp pháp; có vẻ như ai ai cũng có những dục vọng này, nhưng ở một số người chúng được kiểm soát bởi luật pháp và lý trí, và các ước muốn tốt hơn thường thắng thế-hoặc là chúng hoàn toàn bị loại trừ hay trở nên ít hơn và yếu hơn; trong khi ở những người khác chúng mạnh hơn và nhiều hơn.

Ông muốn nói đến những dục vọng nào?

Đó là những dục vọng được thức tỉnh khi lý trí và khả năng nhân bản cũng như kiểm soát ở tình trạng ngủ yên; lúc đó thú tính nơi chúng ta được chiều chuộng no nê sẽ thức dậy để thỏa mãn các ước muốn của nó; cũng như không một sự điên rồ hay tội ác nào mà con người không sẵn sàng phạm-kể cả hành vi loạn luân hay các hành vi dâm loạn phi tự nhiên khác, hay tội giết cha hay ăn đồ ăn cấm, vì lúc ấy con người đã mất hết liêm sỉ và lương tri.

Rất đúng, anh nói.

Nhưng khi một người sống lành mạnh cả thể chất và tinh thần, và trước khi đi ngủ người này đã đánh thức các khả năng lý trí cũng như nuôi dưỡng nó bằng các tư tưởng và tìm tòi cao quí, tập trung vào suy niệm: thì sau khi đã thỏa mãn các dục vọng không nhiều quá

nhưng cũng không ít quá, mà chỉ vừa đủ để chúng ngủ yên và ngăn cản chúng cũng như các phán đoán của chúng khỏi can thiệp vào nguyên lý cao hơn, thì lúc ấy, sau khi đã làm dịu các nguyên tắc phi lý, họ khơi dậy một nguyên tắc thứ ba là lý trí, trước khi họ đi ngủ và sau đó, như anh biết, họ đạt đến rất gần chân lý và rất khó có thể là những vận động của trí tưởng tượng và những hình ảnh vô luật pháp.

Tôi rất đồng ý.

Nói điều này, tôi đang đi xa đề tài rồi; nhưng điểm tôi muốn nhấn mạnh là nơi mọi người chúng ta, dù nơi những người tốt, vẫn có một bản chất thú tính vô luật pháp thường hay rình rập khi ngủ. Anh có đồng ý với tôi không?

Tôi đồng ý.

Bây giờ hãy nhớ đến tính cách của con người dân chủ. Từ nhỏ đến lớn họ được huấn luyện dưới sự hướng dẫn của một người cha hay mẹ nghèo khổ, người này khuyến khích các dục vọng tốt lành nơi họ, nhưng ngăn ngừa những dục vọng không cần thiết, là những thứ chỉ nhắm tới sự giải trí và trang điểm, đúng không?

Đúng.

Sau đó họ làm bạn với những hạng người phóng túng và lịch lãm hơn rồi đi theo tất cả đường lối phóng đãng ấy, họ chuyển sang thái cực ngược lại và gớm ghét tính bần tiện của cha họ. Cuối cùng, vì là người tốt hơn những kẻ đã làm hư họ, họ bị lôi kéo theo cả hai hướng cho tới khi họ dừng lại giữa đàng và sống một nếp sống không thô thiển cũng không đam mê ngông cuồng, nhưng họ nghĩ là họ đang chiều theo các khoái lạc một cách có chừng mực. Có phải con người dân chủ được sinh ra từ con người đầu sỏ theo cách này không?

Vâng, anh nói, đó là cách chúng ta nhìn họ và họ vẫn còn là như thế.

Và bây giờ, tôi nói, năm tháng sẽ trôi qua và anh phải hình dung ra con người này đúng theo bản chất họ, họ có một đứa con và nó được nuôi dạy theo các nguyên tắc của cha họ.

Tôi có thể hình dung điều đó.

Rồi anh phải hình dung thêm cùng một điều như thế xảy đến cho đứa con giống như điều đã xảy đến cho người cha, v.v... họ bị lôi kéo đến một nếp sống vô kỷ cương mà những người dụ dỗ họ gọi đó là một sự tự do tuyệt đối; và cha họ cũng như các bạn bè họ chia sẻ với các ước muốn chừng mực của họ, còn phe đối lập thì ủng hộ những những ước muốn nghịch lại. Khi những kẻ dụ dỗ này thấy rằng họ không còn kiểm soát nổi họ nữa, họ bắt đầu tìm cách gieo vào lòng họ một đam mê chủ chốt, dụ dỗ họ vào nếp sống xa hoa và lười biếng,

và đó là hình ảnh thích hợp duy nhất để chúng ta có thể mô tả về hạng con người này.

Vâng, đó là hình ảnh thích hợp duy nhất về họ.

Và khi các đam mê và dục vọng khác của họ được cởi trói, giống như những con ong bay tứ tung xung quanh họ và nuôi dưỡng cái ngòi dục vọng trong con người họ, họ bắt đầu trở nên điên cuồng; và nếu họ còn tìm thấy trong mình những ý kiến hay những ước muốn tốt lành nào đang hình thành và trong họ còn có chút liêm sỉ nào, thì họ đều loại trừ tất cả các nguyên tắc tốt lành này, và vứt bỏ chúng tất cả cho tới khi họ đã diệt trừ hết mọi sự điều độ của họ và trở nên điên cuồng cực độ.

Vâng, anh nói, đó là cách mà con người độc tài được sinh ra.

Và con người độc tài cũng phải giống như nhà nước độc tài, cũng như con người dân chủ phải giống như nhà nước dân chủ; và cũng như mọi loại con người và mọi loại nhà nước khác, phải không?

Chắc chắn rồi.

Và nhà nước được đánh giá theo nhân đức và hạnh phúc, thì con người trong tương quan với con người cũng được đánh giá như thế chứ?

Chắc chắn rồi.

Vậy khi so sánh nhà nước nguyên thủy của chúng ta dưới sự cai trị của một vua và nhà nước dưới sự cai trị của một kẻ độc tài, thì phải đánh giá nhân đức chúng thế nào?

Chúng ở hai thái cực, anh nói, vì loại nhà nước thứ nhất là tốt nhất và loại nhà nước thứ hai là tệ nhất.

QUYỂN X

Trong số các ưu điểm mà tôi nhận thấy ở nhà nước chúng ta, không có điều gì làm tôi thích bằng các qui luật về thi ca.

Ông muốn nói đến điều gì?

Sự từ chối loại thi ca bắt chước, vì nó chắc chắn là thứ không thể tiếp nhận; như bây giờ tôi có thể thấy rất rõ, sau khi chúng ta đã phân biệt được các phần khác nhau của tâm hồn.

Ý ông là gì?

Nói trong vòng tin cậy thôi nhé, vì tôi không muốn các lời tôi nói bị lọt ra ngoài cho các nhà bi kịch và tất cả những nhà thơ bắt chước - nhưng tôi cũng không ngại nói cho anh rằng mọi sự bắt chước trong thi ca đều làm hại sự hiểu biết của người nghe và sự hiểu biết về bản chất đích thực của nó là liều thuốc giải duy nhất cho họ.

Xin ông vui lòng cắt nghĩa mục đích lời nhận xét của ông.

Được, tôi sẽ cắt nghĩa cho anh, mặc dù từ bé cho tới bây giờ, tôi luôn luôn có lòng kính trọng và mến mộ tài nghệ Homer, vì ông là đại thi hào và bậc thầy của tất cả lĩnh vực bi kịch đầy hấp dẫn; nhưng một người không thể được kính trọng hơn sự thật và vì vậy tôi sẽ nói ra điều này.

Hay lắm, anh nói.

Vậy anh hãy nghe tôi; đúng hơn, hãy trả lời tôi.

Ông cứ hỏi.

Anh có thể cho tôi biết sự bắt chước là gì không? Vì tôi thực sự không biết.

Ông còn không biết thì làm sao tôi biết được?

Sao lại không? Vì một con mắt mờ nhiều khi có thể thấy nhanh hơn con mắt sáng.

Rất đúng, anh nói; nhưng tôi đâu dám múa rìu qua mắt thợ? Ông phải tự tìm hiểu thôi.

Được lắm; vậy chúng ta sẽ bắt đầu tìm hiểu theo cách quen thuộc của chúng ta: mỗi khi một số cá nhân có một tên chung, chúng ta giả thiết rằng chúng cũng có một ý niệm hay mô thể tương ứng: anh hiểu ý tôi không?

Tôi hiểu.

Vậy chúng ta hãy lấy bất cứ ví dụ thông thường nào; trên thế giới này có những cái giường và vô số những cái bàn, phải không?

Vâng.

Nhưng chỉ có hai ý niệm hay mô thể của chúng; một về cái giường, một về cái bàn.

Đúng.

Và người làm ra cái giường hay cái bàn là làm cho chúng ta sử dụng, dựa theo ý niệm về mỗi thứ - nghĩa là cách chúng ta nói về cái này và các cái giống nó nhưng không người thợ nào làm ra các ý tưởng cả: làm sao họ có thể?

Hoàn toàn không thể.

Và có một nghệ nhân khác, tôi muốn biết anh gọi người ấy là gì.

Gọi là gì?

Là người làm ra tất cả các công trình của tất cả các người thợ.

Một người kỳ diệu đấy!

Đợi một lát! Và còn có nhiều lý do khác nữa để anh kinh ngạc. Vì người này không những có khả năng làm ra đủ thứ bình, mà còn có khả năng làm ra cây cối và động vật, bản thân mình và tất cả mọi sự trời đất; người ấy cũng làm ra cả các vị thần nữa.

Hẳn phải là một phù thủy.

Ồ anh không tin hả? Anh nghĩ rằng không hề có một người thợ hay tạo hoá như thế, hay người ấy làm ra mọi loài này theo một nghĩa nào đó mà thôi, chứ không theo mọi nghĩa? Anh có thấy có cách nào chính anh có thể làm ra mọi vật không?

Cách nào?

Một cách khá dễ dàng; hay đúng hơn, có nhiều cách để thực hiện điều này một cách nhanh chóng và dễ dàng, đó là anh cầm lấy một cái gương và xoay chung quanh anh, nó sẽ mau chóng làm ra mặt trời và các tầng trời, trái đất và bản thân anh và mọi loài động vật và thực vật, và mọi thứ mà chúng ta đang nói đến, trong chiếc gương.

Đúng, anh nói; nhưng đó chỉ là hình ảnh thôi.

Hay lắm, tôi nói, anh đang đi vào điểm chính yếu đấy. Và theo tôi nghĩ, người hoạ sĩ cũng là một nghệ nhân theo kiểu ấy một người tạo ra các hình ảnh phải không?

Đương nhiên.

Nhưng tôi nghĩ anh sẽ cho rằng những cái người ấy làm ra không có thật. Nhưng cũng có một nghĩa để chúng ta có thể nói rằng người hoạ sĩ làm ra cái bàn chứ?

Có, anh nói, nhưng không phải cái bàn thật.

Còn anh nói sao về người làm ra cái giường thật? Có phải anh sẽ nói người ấy cũng làm ra cái giường, nhưng không phải ý niệm về cái giường, nghĩa là yếu tính của cái giường, mà chỉ làm ra một cái giường cụ thể thôi phải không?

Vâng, tôi cho là thế.

Vậy nếu họ không làm ra cái gì tồn tại thì nghĩa là họ không thể làm ra hiện hữu thực sự, mà chỉ là một cái gì giống với hiện hữu; và nếu có ai nói rằng công trình của người làm giường hay của bất cứ người thợ nào là sự hiện hữu thực sự, thì hiển nhiên người ấy không thể nói đúng sự thật.

Dù sao, anh đáp, các nhà triết học vẫn thường nói rằng mình không nói sự thật.

Cho nên không lạ gì công trình của người ấy cũng là một cách diễn tả không rõ rệt về sự thật.

Đúng vậy.

Bây giờ giả sử nhờ các ví dụ trên, chúng ta tìm hiểu người bắt chước hay mô phỏng là gì?

Tuỳ ông.

Tốt, ở đây là ba cái giường: một trong tự nhiên, được làm bởi Thượng Đế, theo như chúng ta tin vì không ai khác có thể làm ra nó?

Không thể.

Rồi một cái giường khác làm bởi người thợ mộc?

Vâng.

Rồi còn một cái thứ ba là công trình của một hoạ sĩ?

Vâng.

Vậy là có ba loại giường và có ba nghệ nhân làm ra chúng: Thượng đế, người thợ làm giường và người hoạ sĩ?

Vâng, có ba loại.

Thượng đế, dù là tự ý hay do nhu cầu, đã làm ra một cái giường trong tự nhiên và chỉ một cái mà thôi; ngài không hề làm ra hai hay nhiều hơn cái giường lý tưởng ấy?

Tại sao?

Vì giả như Ngài đã chỉ làm ra hai cái mà thôi, thì một cái thứ ba cũng vẫn xuất hiện đàng sau hai cái trước và lấy làm ý niệm cho hai cái trước, và cái thứ ba này mới là cái giường lý tưởng chứ không phải hai cái kia.

Rất đúng, anh nói.

Thượng đế biết điều này và ngài muốn là người thợ thực sự làm ra cái giường thực sự, chứ không chỉ là một người thợ đặc thù làm ra một cái giường đặc thù, và vì vậy ngài đã tạo ra một cái giường tự yếu tính và bản chất chỉ là một cái mà thôi.

Chúng ta tin như thế.

Vậy chúng ta có thể nói ngài là tác giả tự nhiên của cái giường không?

Có, anh đáp; vì ngài là tác giả tự nhiên của cái giường này và của mọi vật khác theo qui trình tạo dựng tự nhiên.

Vậy chúng ta nói thế nào về người thợ mộc họ cũng là tác giả của cái giường chứ?

Đúng.

Nhưng anh có thể gọi người hoạ sĩ là người làm ra cái giường không?

Hẳn là không.

Nhưng nếu họ không phải người làm ra cái giường, thì họ có liên quan gì với cái giường?

Tôi nghĩ chúng ta có thể đại khái gọi họ là người bắt chước hay mô phỏng cái mà một người khác làm trong tự nhiên.

Tốt, tôi nói; vậy anh gọi người thứ ba theo thứ tự tự nhiên này là một người bắt chước?

Chắc chắn như thế.

Và nhà thi sĩ bi kịch là một người bắt chước và vì vậy, giống như mọi người bắt chước khác, họ cũng cách xa sự thật đến ba lần?

Có vẻ như thế.

Vậy là chúng ta đã nhất trí về người bắt chước. Còn về người hoạ sĩ thì sao? Tôi muốn biết phải chăng họ cũng chỉ bắt chước những gì có trong tự nhiên, hay họ chỉ bắt chước những sáng tạo của các nghệ sĩ?

Loại thứ hai.

Đúng theo thực chất hay chỉ ở vẻ bề ngoài? Anh còn phải xác định điều này.

Tôi không hiểu ý ông.

Tôi muốn nói rằng anh có thể nhìn một cái giường dưới nhiều góc cạnh khác nhau, nhìn xiên hay nhìn thẳng hay bất cứ góc nhìn nào khác và cái giường sẽ được nhìn thấy khác nhau, nhưng không có khác biệt trong thực tế. Và về mọi cái khác cũng vậy.

Vâng, anh nói, sự khác biệt chỉ ở vẻ bề ngoài.

Bây giờ tôi xin hỏi anh một câu khác: nghệ thuật hội hoạ có mục đích gì, bắt chước các sự vật đúng theo thực tế hay chỉ theo vẻ bề ngoài của chúng, bắt chước thực tại hay dáng vẻ của thực tại?

Dáng vẻ.

Vậy, tôi nói, người bắt chước thì ở rất xa sự thật và có thể làm ra mọi sự vì họ chạm nhẹ tới mỗi thứ một chút và một phần nhỏ của một hình ảnh. Ví dụ: một hoạ sĩ sẽ vẽ một người thợ giày, thợ mộc, hay bất cứ một nghệ nhân nào khác, mặc dù anh ta không biết gì về các nghề của họ; và nếu anh là một hoạ sĩ giỏi, anh có thể đánh lừa trẻ con hay những người đơn sơ, khi anh cho họ xem các bức tranh vẽ về người thợ mộc từ đàng xa và những người này sẽ tưởng rằng mình đang nhìn thấy người thợ mộc thật sự.

Chắc chắn.

Và khi có ai báo cho chúng ta biết rằng họ đã tìm ra một người biết mọi nghề và mọi sự ở một mức độ chính xác cao hơn bất cứ người nào khác, bất cứ ai nói với chúng ta như thế, tôi nghĩ rằng chúng ta chỉ có thể hình dung ra người ấy như là một con người khờ dại, dễ bị đánh lừa bởi một phù thủy hay một diễn viên mà họ gặp

và họ tưởng người ấy biết mọi sự, vì bản thân mình không biết phân biệt bản chất của tri thức với sự dốt nát và sự bắt chước.

Rất đúng.

Vì thế, khi chúng ta nghe có người nói rằng các nhà bi kịch và đứng đầu là Homer, biết mọi nghệ thuật và mọi sự về con người, nhân đức cũng như tật xấu và cả các sự vật thần linh nữa, vì người thi sĩ giỏi không thể viết ra những điều ấy hay đến thế nếu bản thân họ không biết rõ về đề tài của họ và người nào không có tri thức này thì không bao giờ có thể là một thi sĩ, chúng ta phải xét xem liệu ở đây có một sự ảo tưởng tương tự hay không. Có thể họ đã gặp những người bắt chước và bị những người này đánh lừa; có thể họ không nhớ lại được khi nào họ đã thấy các tác phẩm của những người ấy mà đây chỉ là những sự mô phỏng cách xa sự thật đến ba lần và có thể dễ dàng làm ra mà không cần đến một tri thức nào về sự thật, bởi vì chúng chỉ là những dáng vẻ bề ngoài chứ không phải là thực tại? Hay họ có thể có lý và các thi sĩ thực sự biết về những điều mà đối với nhiều người họ nói rất hay?

Chúng ta cần phải xem xét kỹ vấn đề này.

Bây giờ, giả sử một người có thể làm một vật thực cũng như hình ảnh của nó, liệu người ấy có muốn lấy hình ảnh ấy làm nguyên tắc chỉ đạo cho đời mình, như thể nơi họ không có cái gì cao hơn không?

Hẳn là không.

Người nghệ nhân thực thụ biết điều mình đang bắt chước, sẽ quan tâm tới các thực tại chứ không quan tâm tới các hình ảnh mô phỏng; và họ muốn các tác phẩm của mình để lại dấu ấn của mình nơi nhiều vật đẹp; và thay vì là tác giả của các lời khen ngợi, họ muốn là chủ đề của chúng.

Vâng, điều đó sẽ là nguồn mạch đem lại cho họ nhiều vinh dự và lợi ích hơn.

Vậy, tôi nói, chúng ta phải đặt ra cho Homer một câu hỏi; không phải về ngành thuốc, hay về bất cứ ngành nào mà các bài thơ của ông chỉ nhắc đến một cách ngẫu nhiên: chúng ta sẽ không hỏi ông hay bất cứ nhà thơ nào khác rằng họ có đã chữa trị cho các bệnh nhân giống như Asclepius hay không, hay đã để lại sau họ một trường y khoa như trường của Asclepius, hay họ chỉ nói về ngành thuốc và các học thuật khác một cách gián tiếp; nhưng chúng ta có quyền biết những gì liên quan đến chiến thuật quân sự, chính trị, giáo dục và chúng ta có thể hỏi ông về chúng. "Ông bạn Homer", chúng ta có thể hỏi ông, "Nếu ông chỉ cách xa sự thật một bước trong những gì ông nói về nhân đức, chứ không cách

xa hai bước, không phải một người tạo ra hình ảnh hay một người bắt chước và nếu ông có thể phân biệt được sự theo đuổi nào làm cho người ta trở nên tốt hơn hay xấu hơn trong đời sống cá nhân hoặc công cộng, thì ông hãy cho chúng tôi biết nhà nước nào được cai trị tốt hơn nhờ sự giúp đỡ của ông? Trật tự tốt của xứ Lacedaemon là nhờ Lycurgus và nhiều thành phố lớn nhỏ khác đã được trợ giúp giống như thể nhờ những người khác; nhưng có ai nói ông là một nhà làm luật tốt cho họ và làm lợi cho họ? Italia và Sicilia tự hào về Charondas và Solon nổi tiếng giữa chúng ta; nhưng có thành phố nào có điều gì để nói về ông?" Ông ấy có thể kể ra thành phố nào không?

Tôi nghĩ là không, Glaucon nói; thậm chí những người đồ đệ của Homer cũng không cho rằng ông là một người làm luật.

Tốt, nhưng có cuộc chiến nào được ghi lại mà đã được ông thực hiện thành công, hay được trợ giúp bởi các lời khuyên của ông, khi ông còn sống không?

Không có.

Hay có sáng chế nào của ông có ích trong lĩnh vực nghệ thuật hay đời sống con người, giống như của Thales người Miletus hay Anacharsis người Scythia và các nhà phát minh thiên tài khác, mà được gán cho ông không?

Hoàn toàn không có.

Nhưng nếu Homer không có công lao gì trong lĩnh vực công cộng, liệu trong lĩnh vực cá nhân ông có phải là một người hướng dẫn hay thầy dạy của ai không? Lúc sinh thời, các bạn ông có yêu mến ông và truyền lại cho hậu thế lối sống Homer giống như lối sống được truyền lại bởi Pythagoras, người rất được ái mộ vì sự khôn ngoan và các đồ đệ của ông này cho tới nay vẫn còn nổi tiếng vì trường phái mang tên ông này không?

Không có gì được ghi lại giống như thế về Homer cả. Bởi vì chắc chắn Creophylus, bạn của Homer, lại chính là người mà mỗi khi nhắc đến tên hắn, chúng ta luôn luôn phải cười nhạo vì sự ngu ngốc của hắn.

Đúng, tôi đáp, đó là theo truyền thuyết kể lại. Nhưng anh Glaucon, anh có thể hình dung ra rằng nếu Homer đã thực sự có khả năng giáo dục và cải thiện loài người, ông ấy có tri thức thực sự chứ không chỉ là một người bắt chước - thử hỏi tại sao ông ấy lại không có nhiều đồ đệ tán tụng và yêu mến ông ấy?

Vâng, ông Socrates, tôi nghĩ đúng là như thế.

Vậy chúng ta phải kết luận rằng tất cả các nhà thơ này, bắt đầu với Homer, đều chỉ là những người bắt chước; họ sao chép các hình ảnh của nhân đức và các điều giống như thế, nhưng họ không bao giờ

đạt được sự thật. Nhà thơ cũng giống như một hoạ sĩ, như chúng ta đã nhận thấy, chỉ làm ra một cái gì giống như một người thợ rèn nhưng không bao giờ hiểu một điều gì về nghề thợ rèn; và hình ảnh họ làm ra chỉ có giá trị đối với những ai không biết gì và chỉ được đánh giá qua màu sắc và hình thù mà thôi.

Rất đúng.

Cũng thế, bằng các lời và câu nói của họ, nhà thơ có thể được coi như là dựa trên màu sắc của các nghệ thuật khác nhau, bản thân họ chỉ hiểu được bản chất của chúng đủ để có thể bắt chước chúng mà thôi; và những người khác, cũng ngu dốt như họ và cũng chỉ đánh giá dựa vào lời của họ, nên tưởng rằng nếu họ nói về người thợ rèn, hay về chiến thuật quân sự, hay bất cứ điều gì, bằng âm luật, giai điệu và tiết tấu, họ nói rất hay - đó là ảnh hưởng ngọt ngào mà giai điệu và tiết tấu có trong tự bản chất của nó. Và tôi nghĩ rằng anh hẳn đã nhiều lần quan sát thấy rằng, các câu truyện của các thi sĩ mang dáng vẻ tồi tệ biết bao khi chúng bị tước mất mọi màu sắc mà âm nhạc đặt vào chúng và được đọc một cách đơn điệu bằng dạng văn xuôi.

Vâng, anh nói.

Chúng giống như những khuôn mặt không bao giờ đẹp thực sự, mà chỉ loé lên một lúc thôi; và bây giờ nét rực rỡ của tuổi trẻ đã biến mất khỏi chúng.

Chính xác.

Vậy đây là một điểm quan trọng nữa: người bắt chước hay người làm ra hình ảnh không biết gì về hiện hữu thực sự; họ chỉ biết các dáng vẻ bề ngoài. Tôi nói có đúng không?

Rất đúng.

Vậy chúng ta phải có sự hiểu biết rõ ràng, chứ không được bằng lòng với một nửa sự giải thích.

Xin ông nói tiếp.

Trước hết tôi xin anh nói cho tôi hay, có phải sự bắt chước được trình bày cho chúng ta không phải là sự thật, nhưng bị xa rời sự thật đến ba lần không?

Chắc chắn.

Và sự bắt chước được trình bày cho khả năng nào trong con người?

Ý ông muốn nói gì?

Tôi sẽ cắt nghĩa: Thân thể chúng ta to lớn khi ở gần, nhưng khi ở xa thì xem thấy nhỏ phải không?

Đúng.

Và cùng các vật khi nhìn ở ngoài nước thì thẳng, nhưng ở trong nước thì cong; và cái gì lồi thì trở thành lõm, do ảo giác của thị giác về màu sắc. Vậy mọi loại lẫn lộn được tỏ lộ trong chúng ta; đây là sự yếu kém trong tinh thần của con người, và dựa vào nó mà nghệ thuật đánh lừa bằng màu sắc và bóng tối, và các phương pháp tinh vi khác tạo

ra một hiệu quả gần như ma thuật đối với chúng ta.

Đúng. Và các nghề đo, đếm và cân đã xuất hiện để cứu sự hiểu biết của con người - chúng rất đẹp - và những vẻ bề ngoài lớn hơn hay nhỏ hơn, nặng hơn hay nhẹ hơn, không còn chi phối chúng ta, nhưng phải nhường chỗ cho sự tính toán và cân đo.

Đúng hết sức.

Và đây phải là công việc của khả năng tính toán và lý luận trong linh hồn?

Chắc chắn.

Và khi nguyên tắc này đo lường và xác nhận rằng một số vật bằng nhau, hay một số vật lớn hơn hay nhỏ hơn số khác, thì có vẻ như có sự mâu thuẫn nào đó?

Đúng.

Nhưng chúng ta đã chẳng nói rằng không thể có sự mâu thuẫn ấy - cùng một khả năng không thể có các ý kiến mâu thuẫn nhau cùng một lúc về cùng một vậy sao?

Đúng thế.

Vậy cái phần của linh hồn có một ý kiến trái ngược với đo lường thì không phải là cùng một phần với cái có một ý kiến phù hợp với đo lường?

Đúng.

Và phần tốt hơn của linh hồn thì thường là cái tin tưởng ở sự đo lường và tính toán?

Chắc chắn.

Và cái trái ngược với chúng là một trong số các nguyên lý thấp kém hơn của linh hồn?

Hoàn toàn không thể nghi ngờ.

Đây là kết luận tôi muốn đạt đến khi tôi nói rằng vẽ hay họa, và bắt chước nói chung, khi làm công việc riêng của chúng, thì đi xa sự thật, và chúng là các bạn bè và đồng sự của một nguyên lý không phù hợp với lý trí trong chúng ta, và chúng không có mục tiêu đúng hay lành mạnh.

Chính là vậy.

Nghệ thuật bắt chước là một nghệ thuật thấp kém được kết hôn với một nghệ thuật thấp kém và đẻ ra những con thấp kém.

Rất đúng.

Và điều này chỉ giới hạn vào thị giác mà thôi, hay nó cũng áp dụng cả cho thính giác, là cái trên thực tế có liên quan tới cái mà chúng ta gọi là thi ca?

Có lẽ điều này cũng đúng cả cho thi ca.

Đừng kết luận bằng từ "có lẽ" dựa trên sự suy diễn từ hội họa; nhưng chúng ta phải xét kỹ hơn xem liệu khả năng liên quan tới sự bắt chước của thi ca là tốt hay xấu.

Chúng ta phải xét đến điều đó.

Chúng ta có thể phát biểu vấn đề như sau: sự bắt chước là bắt chước các hành động của con người,

dù là cố ý hay vô tình, từ đó dẫn tới một kết quả tốt hay xấu và từ đó làm cho người ta trở thành vui hay buồn. Còn gì khác nữa không?

Không, không còn gì nữa.

Nhưng trong tất cả các hoàn cảnh khác nhau này, người hành động ấy có thống nhất với chính mình không hay ngược lại, như trong trường hợp của thị giác, có sự lẫn lộn và trái ngược trong ý kiến của người ấy về cùng một vật, nên ở đây có sự tranh chấp và thiếu nhất quán trong đời sống người ấy? Mặc dù tôi không cần nêu lên câu hỏi này một lần nữa, bởi vì tôi nhớ chúng ta đã nhìn nhận tất cả những điều ấy rồi; và chúng ta cũng đã nhìn nhận rằng linh hồn chứa đầy những sự trái ngược và mâu thuẫn như thế trong cùng một lúc?

Và chúng ta có lý khi nhìn nhận những điều đó.

Được, cho đến đây chúng ta có lý; nhưng còn một thiếu sót mà chúng ta phải bổ túc.

Thiếu sót gì?

Chúng ta đã chẳng nói rằng một người tốt, khi gặp nỗi bất hạnh mất đứa con của mình hay một cái gì khác rất quí báu đối với người ấy, người ấy sẽ chịu đựng sự mất mát với nhiều sự dũng cảm hơn người khác phải không?

Đúng vậy.

Nhưng phải chăng người ấy không đau buồn, hay người ấy cũng đau buồn nhưng biết cách làm dịu sự đau buồn của mình?

Trường hợp thứ hai đúng hơn.

Anh hãy cho tôi biết: người ấy sẽ cố gắng kiềm chế nỗi đau buồn khi đứng trước những người khác, hay khi người ấy ở một mình?

Tuỳ theo người ấy có ai nhìn thấy hay không, đó là điều rất quan trọng.

Khi họ ở một mình, họ sẽ không ngại nói hay làm nhiều điều mà nếu có người khác thấy, họ sẽ phải xấu hổ không?

Đúng.

Có một nguyên lý về luật và lý trí trong người ấy bắt buộc người ấy kiềm chế, cũng như một cảm giác bất hạnh và đau khổ buộc người ấy phải chiều theo sự đau buồn?

Đúng.

Nhưng khi một người bị lôi kéo theo hai hướng trái nghịch nhau, đến gần và rời xa cùng một vật, thì như chúng ta đã khẳng định, điều này có nghĩa là trong con người ấy có hai nguyên lý phân biệt nhau?

Chắc chắn.

Một nguyên lý sẵn sàng đi theo hướng dẫn của luật?

Bằng cách nào?

Luật pháp bảo rằng kiên nhẫn trong đau khổ là điều tốt nhất và chúng ta không được mất kiên

nhẫn, bởi vì không thể biết chắc điều đó là tốt hay xấu; và mất kiên nhẫn thì không có lợi gì cả; cũng vì không sự việc nào của đời sống con người là tối quan trọng và sự buồn phiền làm cản lối điều cần thiết nhất vào lúc ấy.

Điều cần thiết nhất ấy là gì? anh hỏi.

Đó là chúng ta phải xin lời khuyên để biết rõ điều gì đã xảy ra và khi đã biết rồi thì phải sắp đặt trật tự các công việc của chúng ta theo cách mà lý trí cho là tốt nhất; chứ không phải, giống như những đứa trẻ bị ngã, nắm lấy phần bị gãy đổ và la hét vô ích, nhưng luôn luôn tập cho linh hồn quen dùng một phương thuốc, nâng dậy những gì yếu đuối và sa ngã, xua đuổi tiếng kêu la buồn phiền bằng một nghệ thuật chữa lành.

Vâng, đó là cách đúng để đương đầu với những đòn giáng của số phận.

Đúng, tôi nói; và nguyên lý cao hơn này đã sẵn sàng để đi theo lời khuyên của lý trí?

Rõ.

Và nguyên lý khác, có khuynh hướng nhớ lại những rắc rối đau buồn và dẫn tới sự than thở phiền não như không bao giờ dừng lại, chúng ta có thể gọi đó là nguyên lý phi lý, vô ích và hèn nhát?

Đúng, chúng ta có thể gọi như thế.

Và có phải nguyên lý này tôi muốn nói tới nguyên lý nổi loạn cung cấp rất nhiều vật liệu đa dạng cho sự bắt chước không? Trong khi tính khí khôn ngoan và bình tĩnh thì gần như luôn luôn thản nhiên nên không dễ bắt chước, đặc biệt khi có đủ hạng người tụ tập trong một nhà hát. Bởi vì tình cảm được biểu thị ở đây là một thứ tình cảm hoàn toàn xa lạ đối với họ.

Chắc chắn.

Vậy người thi sĩ mô phỏng muốn được nổi tiếng không phải vì bản chất hay nghệ thuật làm vừa lòng, hay ảnh hưởng tới nguyên tắc lý trí trong linh hồn; mà họ muốn tác động trên tính khí đam mê và sôi nổi, là điều dễ bắt chước.

Rõ ràng là thế.

Và bây giờ chúng ta có thể lấy anh ta và đặt anh ta bên cạnh người hoạ sĩ, vì anh ta giống với hoạ sĩ về hai phương diện: thứ nhất, các sáng tạo của anh ta có mức độ sự thật thấp về điểm này, anh ta giống với người hoạ sĩ; và cũng giống ở việc anh ta quan tâm tới một phần thấp kém của linh hồn; và vì vậy chúng ta sẽ có lý khi từ chối chấp nhận anh ta vào nhà nước có trật tự, vì anh ta đánh thức, nuôi dưỡng, làm mạnh các tình cảm và làm hư lý trí. Giống như trong một thành phố khi mà sự ác được phép nắm quyền và sự thiện bị gạt ra ngoài, thì cũng thế, như chúng ta đã nói, trong linh

hồn con người, nhà thơ gieo trồng vào một cơ cấu sự ác, vì anh ta chiều theo bản tính phi lý vốn không phân biệt được cái gì lớn hơn với cái gì nhỏ hơn, nhưng nghĩ về cùng một vật khi thì lớn hơn khi thì nhỏ hơn - anh ta là người sáng tạo các hình ảnh và rất xa rời sự thật.

Chính xác.

Nhưng chúng ta vẫn chưa đưa ra chứng cứ nặng ký nhất cho lời tố cáo của chúng ta: sức mạnh tác hại của thi ca đối với chính người tốt (và có rất ít người mà không bị hại), chắc chắn là một điều kinh khủng chứ?

Chắc chắn rồi, nếu hậu quả là những điều ông nói.

Vậy anh hãy nghe và phán đoán: người tốt nhất trong chúng ta, theo tôi quan niệm, khi chúng ta nghe một đoạn thơ của Homer, hay một trong các đoạn bi kịch của ông, trong đó ông diễn tả một người hùng đáng thương đang kêu gào than khóc trong đau đớn và đấm ngực than trách thì anh biết đấy, người tốt nhất trong chúng ta cảm thấy hứng thú khi tỏ lòng đồng cảm và ngây ngất vì sự xuất sắc của thi sĩ đã khơi dậy những tình cảm nơi chúng ta nhiều nhất.

Vâng, tất nhiên tôi biết điều đó.

Nhưng khi một nỗi đau buồn nào xảy ra cho chúng ta, lúc ấy anh có thể nhận thấy rằng chúng ta tự hào vì phẩm chất trái ngược - chúng ta thích tỏ vẻ thản nhiên và kiên nhẫn; đây là phần nam tính của chúng ta và phần kia bây giờ được coi là phần nữ tính vì nó thích thú với những tình cảm uỷ mị than thở.

Rất đúng, anh nói.

Bây giờ chúng ta có thể có lý khi ca ngợi và ngưỡng mộ một người khác, khi họ làm điều mà bất cứ ai trong chúng ta cũng phải ghê tởm và xấu hổ nơi bản thân người ấy.

Không, anh nói, không hợp lý chút nào.

Thế mà, dưới một khía cạnh, nó lại rất hợp lý đấy.

Dưới khía cạnh nào?

Nếu anh xét rằng khi gặp bất hạnh, chúng ta cảm thấy tự nhiên khao khát và ước muốn làm vơi nhẹ nỗi đau buồn của mình bằng việc than khóc và kêu ca; và cảm giác này vốn là thứ mà chúng ta kiềm chế được trong hoàn cảnh đau khổ của mình, thì lại được các nhà thơ làm chúng ta thỏa mãn và thích thú; bản chất tốt hơn trong mỗi người chúng ta, khi không được lý trí hay tập quán huấn luyện, cho phép các yếu tố tình cảm bùng dậy bởi vì sự đau khổ là của một người khác; và người bàng quan đối với đau khổ này nghĩ rằng bản thân mình không bị thiệt gì khi ca ngợi và thương hại bất cứ ai, khi họ đến nói với mình rằng mình là một người quá tốt và coi thường

mọi sự đau khổ; họ nghĩ rằng sự sung sướng là một mối lợi và cần gì họ phải xét nét, cần gì họ phải bỏ mất nó và bỏ mất bài thơ? Theo tôi nghĩ, ít có ai suy nghĩ rằng, từ sự đau khổ của một người khác, một điều gì đau khổ cũng được truyền sang cho mình. Và vì thế cảm giác đau buồn vốn đã mạnh lên khi nhìn những nỗi bất hạnh của người khác, thì cũng khó bị đàn áp nơi những nỗi bất hạnh của chính chúng ta.

Đúng lắm, đúng lắm!

Cũng có thể nói như thế về các tình cảm khác như sự thèm muốn và nóng giận cũng như mọi thứ tình cảm khác, như ước muốn, đau khổ và khoái lạc, được coi là không thể tách rời với mỗi hành động trong tất cả các tình cảm ấy, thi ca nuôi dưỡng và vun tưới các đam mê thay vì làm chúng khô tàn; nó để chúng tha hồ tung hoành, mặc dù lẽ ra chúng phải bị kiểm soát, nếu loài người muốn tăng niềm hạnh phúc và nhân đức.

Tôi không thể phủ nhận điều đó.

Vì thế, anh Glaucon, mỗi khi anh gặp những người khen ngợi Homer rằng nhà thơ này là nhà giáo của Hy Lạp, và ông có ích cho việc giáo dục và cho trật tự trong mọi công việc của loài người, và anh phải lấy nhà thơ này làm gương mẫu cho đời sống, chúng ta phải yêu mến và tôn trọng những người nói các điều như thế họ là những con người xuất sắc nhờ các nhận định sáng suốt của họ; và chúng ta sẵn sàng chấp nhận rằng Homer là nhà thơ vĩ đại nhất và là nhà viết kịch số một; nhưng chúng ta phải kiên quyết trong lập trường của mình rằng các bài thánh thi ca ngợi các thần và các vĩ nhân là các bài thơ duy nhất được chấp nhận trong nhà nước chúng ta. Vì nếu anh vượt quá giới hạn này và cho phép những lời thơ đường mật đi vào nhà nước chúng ta, thì không phải luật pháp và lý trí của loài người sẽ cai trị nhà nước, mà là khoái lạc và đau khổ.

Rất đúng, anh nói.

Tốt lắm. Giờ tôi kể cho anh một câu chuyện; không phải giống như câu chuyện Odysseus kể cho người hùng Alcinous, nhưng đây cũng là một câu chuyện về một người hùng, đó là Er con trai của Armenius, một người gốc Pamphylia. Anh bị giết trong trận chiến và mười ngày sau, khi xác của các chiến binh bắt đầu thối rữa, thì riêng xác của anh lại không bị phân hủy như các xác khác và được đem về nhà chôn. Đến ngày thứ mười hai, khi xác anh đang đặt nằm trên giàn thiêu, anh bỗng sống lại và kể cho mọi người những điều anh đã trông thấy ở thế giới bên kia. Anh nói khi linh hồn anh rời thân xác, anh cùng rất đông người bước vào một cuộc hành trình dài dẫn tới

một nơi bí nhiệm, ở đó có hai lỗ hổng đi vào lòng đất; hai lỗ hổng này ở sát cạnh nhau và đối diện với chúng là hai lỗ hổng khác ở trên trời. Giữa khoảng không ấy có các vị quan tòa ngồi xét xử những người công chính, sau khi họ đã ra phán quyết về những người này và cột bản án vào đằng trước họ, để họ được lên trời bằng con đường đi lên bên phải; và cùng một kiểu như thế, họ kết án những người bất công phải đi xuống bằng con đường phía dưới ở bên trái; những người này cũng phải đeo những bảng ghi tội của họ, nhưng được cột vào phía sau lưng. Anh tiến lại gần và họ bảo anh rằng, anh sẽ là sứ giả mang thông điệp của thế giới bên kia đến cho loài người, và họ bảo anh nghe và xem tất cả những gì phải nghe và xem ở nơi ấy. Thế rồi anh nhìn thấy ở một bên là các linh hồn rời khỏi các lỗ hổng ở trên trời và ở dưới đất sau khi họ đã bị kết án; và ở hai lỗ hổng khác anh nhìn thấy những linh hồn khác, một số đi lên khỏi mặt đất, mình phủ đầy bụi và mệt mỏi vì cuộc hành trình, một số từ trời đi xuống, mình sạch sẽ và phủ đầy ánh sáng. Và có vẻ như họ đã trải qua một cuộc hành trình dài và họ vui sướng đi vào một cánh đồng cỏ, đóng trại ở đó và dự lễ hội vui vẻ; và những người từng quen biết nhau thì ôm hôn nhau và trò chuyện vui vẻ, các linh hồn từ đất đi lên thì tò mò muốn biết các chuyện trên trời, còn các linh hồn từ trời xuống thì muốn biết các truyện dưới đất. Và họ kể cho nhau nghe những điều đã xảy ra dọc đường, những người từ đất lên thì than khóc và đau buồn khi nhớ lại các đau khổ họ đã phải chịu và thấy trong cuộc hành trình của họ ở dưới đất (cuộc hành trình kéo dài hai ngàn năm), trong khi những người từ trên trời xuống thì mô tả những cảnh tượng vui thú sung sướng và những cảnh đẹp thiên thai không thể tưởng tượng nổi. Anh Glaucon, câu chuyện của tôi kể ra thì quá dài; nhưng có thể tóm tắt như sau: Anh ta kể rằng với mỗi điều sai trái họ làm cho một ai, thì họ phải chịu gấp mười lần; hay một lần trong một trăm năm được tính theo thời gian một đời người và hình phạt phải chịu là mười lần trong một ngàn năm. Ví dụ, nếu có ai là nguyên nhân gây ra cái chết cho nhiều người, hay đã phản bội tổ quốc hoặc quân đội, hay mắc phải những tội ác nào khác, thì với mỗi sự vi phạm ấy, họ phải nhận hình phạt gấp mười lần; và các phần thưởng cho các hành vi tốt lành và công bằng cũng theo tỷ lệ ấy. Tôi không cần lặp lại rằng điều anh ta nói có liên quan đến những đứa trẻ chết hầu như vừa khi mới sinh ra. Về lòng hiếu thảo và bất kính đối với các thần và cha mẹ cũng như về những kẻ giết người, các phần thưởng hay

hình phạt còn khác xa và lớn gấp nhiều lần những gì anh ta đã mô tả. Anh kể rằng anh có mặt khi một trong các hồn hỏi một hồn khác, "Ardiaeus vĩ đại ở đâu?" (Ardiaeus này sống một ngàn năm trước thời của người hùng Er: hắn từng là một kẻ độc tài của một thành phố nào đó ở Pamphylia, và đã giết chết cha già và anh trai của hắn, và đã từng phạm nhiều tội ác ghê tởm khác.) Hồn kia đã trả lời như sau: "Hắn đã đi xuống âm phủ và không bao giờ được lên trở lại. Và đây là cảnh tượng ghê sợ nhất mà chính chúng tôi được chứng kiến. Chúng tôi đang đứng ở cửa một cái hang và sau khi đã có đủ mọi kinh nghiệm, chúng tôi đang định lên trở lại thì đột nhiên Ardiaeus xuất hiện cùng với một số tên khác, đa số đều là những tay độc tài; ngoài ra cũng có một ít cá nhân từng là những tay tội phạm tầy đình; chúng đang sắp sửa leo lên thượng giới thì miệng hang gầm rú lên một tiếng mỗi khi có kẻ tội phạm nào định leo lên; sau đó có những người với khuôn mặt dữ tợn, khi nghe tiếng gầm rú ấy, liền túm lấy chúng và lôi kéo chúng xuống; và những tên dữ tợn này cột chặt đầu, chân và tay chúng lại, rồi ném xuống và đánh chúng như tử, rồi kéo lê chúng dọc con đường bên cạnh, lấy những gai nhọn quấn lấy chúng như cuộn len và tuyên bố các trọng tội của chúng cho những người qua đường, và nói rằng chúng đang bị ném xuống địa ngục". Và trong tất cả những sự rùng rợn mà chúng phải chịu, anh ta nói rằng không có cái gì khủng khiếp bằng điều mà chúng phải chịu lúc ấy, đó là chúng phải nghe giọng nói ghê sợ ấy. Và khi mọi sự trở nên yên lặng, từng người một họ đã đi lên với vẻ mặt tràn trề niềm vui sướng khôn tả. Er nói những cảnh tượng này là những hình phạt chúng phải chịu và cũng có những phước lành to lớn như thế.

Vậy khi những linh hồn ở trong cánh đồng này đã qua hết bảy ngày, đến ngày thứ tám chúng buộc phải tiếp tục cuộc hành trình và vào ngày thứ tư sau đó, chúng tới một nơi mà từ phía trên chúng có thể nhìn thấy một luồng ánh sáng, thẳng như một cây cột, kéo dài xuyên qua tất cả trời và đất, có màu sắc giống như màu cầu vồng, chỉ sáng hơn và trong hơn; đi một ngày nữa, chúng đến một nơi và ở đó, giữa ánh sáng, chúng thấy đầu của các dây xích từ trời thả xuống: vì ánh sáng này là dây lưng của trời và nó giữ chặt lấy vòng vũ trụ, giống như những chiếc dây cáp của một tàu chiến. Cột chặt vào các đầu dây xích này là chiếc bánh xe Tất Yếu và mọi vật quay quanh chiếc bánh xe này. Trục của chiếc bánh xe này làm bằng thép, các vành bánh xe làm một phần bằng thép một phần bằng các vật liệu

khác. Vành đầu tiên và ở ngoài cùng có bề ngang rộng nhất, bảy vành phía trong nhỏ hơn, theo tỷ lệ sau vành thứ sáu có kích thước gần với vành thứ nhất, vành thứ bốn gần với vành thứ sáu; rồi đến vành thứ tám; vành thứ bảy gần với vành thứ năm, thứ năm gần với thứ sáu, thứ ba gần với thứ bảy, thứ tám và cuối cùng gần với thứ hai. Vành lớn nhất [hay các định tinh] thì lấp lánh và vành thứ bảy [hay mặt trời] thì sáng nhất; vành thứ tám [hay mặt trăng] phản chiếu ánh sáng của vành thứ bảy; vành thứ hai và thứ năm [sao Thổ và sao Thủy] có màu giống nhau và vàng hơn vành trước; vành thứ ba [sao Kim] có ánh sáng màu trắng nhất; vành thứ bốn [sao Hỏa] màu đỏ; vành thứ sáu [sao Mộc] trắng thứ nhì. Tổng thể các vành này có cùng một chuyển động; nhưng vì toàn thể quay theo cùng một hướng, bảy vòng bên trong quay chậm bên trong chiếc vòng kia và vòng thứ tám là vòng quay nhanh nhất. Cả tám chiếc vòng hợp thành một giai điệu; và cách đều xung quanh chúng có một dải khác gồm ba nhân vật, mỗi nhân vật ngồi trên ngai của mình: đó là các nàng Số Phận, con gái của bà Tất Yếu, các nàng này mình bận áo dài trắng và trên đầu quấn các chuỗi hạt, Lachesis, Clotho và Atropos, cùng cất tiếng chung hợp thành một giai điệu; Lachesis hát về quá khứ, Clotho về hiện tại và Atropos về tương lai; Clotho thỉnh thoảng lại dùng bàn tay phải của nàng đụng vào chiếc bánh xe để làm quay cái vòng bên ngoài, còn Atropos dùng tay trái chạm vào và hướng dẫn các vòng bên trong còn Lachesis giữ lấy từng cái, bắt đầu bằng bàn tay này rồi bàn tay kia.

Khi Er và các hồn đến nơi, bổn phận của họ là đi gặp ngay Lachesis; nhưng trước hết có một tiên tri sắp đặt chúng theo trật tự; rồi ông lấy từ đầu gối của Lachesis các số phận và các mẫu cuộc đời; sau khi leo lên một cái bục cao, ông nói như sau: "Hãy nghe những lời của Lachesis, con gái của thần Tất Yếu. Hỡi các vong hồn, hãy nhìn một chu kỳ sinh tử mới. Số phận sẽ không được ấn định cho các ngươi, nhưng chính các ngươi sẽ chọn lấy số phận mình; và ai rút được số một sẽ được chọn trước và cuộc đời nó chọn sẽ là số phận của nó. Nhân đức thì được tự do và người nào tôn kính hay khinh rẻ nó sẽ được nó nhiều hay ít; trách nhiệm nằm trong tay người chọn Thượng đế công bằng". Khi nhà tiên tri diễn giải đã nói như thế, ông rải các số phận một cách tình cờ giữa tất cả những hồn ấy và mỗi hồn đều nhặt lấy số rớt xuống gần bên mình, chỉ trừ Er (anh không được phép) và mỗi hồn đều nhìn thấy số phận mà mình đã lấy được. Rồi người diễn giải đặt xuống phía

trước mặt họ các mẫu cuộc đời; và có nhiều mẫu cuộc đời hơn số hồn đang hiện diện và thuộc đủ loại. Có các cuộc đời của mọi con vật và mọi người thuộc mọi hoàn cảnh. Trong số đó cũng có các mẫu cuộc đời độc tài, một số kéo dài cả sau cuộc đời của nhà độc tài, số khác cắt đứt giữa chừng và kết thúc trong nghèo khổ, đày ải và ăn mày; và có các cuộc đời của các vĩ nhân, một số nổi tiếng vì hình dáng và sắc đẹp cũng như vì sức mạnh và thành công trong các trò chơi, hay nổi tiếng vì sinh ra từ các tổ tiên có phẩm chất tốt; số khác là những người đối chọi với những vĩ nhân vì các tính nết xấu của họ. Về đàn ông và đàn bà đều thế cả. Nhưng còn có mọi phẩm chất khác nữa và tất cả chúng trà trộn lẫn nhau, cùng với các yếu tố giàu sang và nghèo khổ, bệnh tật và sức khỏe; và cũng có các nhà nước bần tiện nữa. Và, anh Glaucon thân mến, đây chính là mối nguy trầm trọng nhất của nhà nước loài người chúng ta; và vì thế chúng ta phải hết sức cẩn thận. Mỗi người chúng ta hãy từ bỏ mọi sự hiểu biết khác và chỉ theo đuổi một điều mà thôi, nếu may mắn họ có thể gặp được một ai giúp họ học được và phân biệt được giữa thiện và ác, và nhờ đó luôn luôn chọn lựa cuộc đời tốt hơn khi có cơ hội.

Bây giờ tất cả các linh hồn đã chọn đời sống cho mình và chúng đến với Lachesis theo thứ tự lựa chọn của chúng, là vị thần đã gửi đến cho chúng số phận mà chúng chọn để làm người bảo vệ cuộc đời chúng và hoàn thành sự lựa chọn của chúng. Số phận này đưa các hồn đến với thần Clotho trước tiên và lôi kéo chúng vào trong vòng quay của bánh xe do thần này quay, để xác nhận số phận của mỗi hồn; rồi sau khi các hồn này được cột chặt vào vòng bánh xe, chúng được dẫn tới thần Atropos, là người xe chỉ và làm cho số phận không thể đảo ngược, và từ đó chúng đến dưới ngai thần Tất Yếu; và khi mọi hồn đã đi qua, chúng diễu hành dưới sức nóng thiêu đốt để đến đồng bằng Lãng quên, là một cánh đồng khô chồi không một cây cỏ; và sau đó, khoảng chiều tối, chúng cắm trại bên dòng sông Đãng trí, có nước tràn trề không thùng nào có thể chứa hết; tất cả chúng buộc phải uống một lượng nước sông này và hồn nào không được cứu bởi sự khôn ngoan thì đã uống nhiều hơn cần thiết; và mỗi hồn khi uống thì bắt đầu quên hết mọi sự. Sau khi chúng đi nghỉ, khoảng nửa đêm có một cơn sấm sét và động đất, và trong chớp mắt chúng được kéo lên tới sự sinh ra của chúng bằng đủ mọi cách, giống như sao băng. Còn chính anh ta thì bị ngăn không cho uống nước sông này. Nhưng anh ta đã trở về với thân xác mình bằng cách nào thì chính anh ta cũng không biết; chỉ có điều

là vào sáng sớm, đột nhiên thức giấc, anh ta thấy mình đang nằm trên giàn thiêu.

Anh bạn Glaucon, câu chuyện này đã được giữ lại và không bị mai một, nó sẽ cứu chúng ta nếu chúng ta tuân theo lời đã nói ra trong đó; và chúng ta sẽ an toàn vượt qua dòng sông Lãng quên và hồn chúng ta sẽ không bị ô uế. Do đó lời khuyên của tôi là chúng ta phải kiên trì đi theo đường lối của trời và luôn luôn theo đuổi công bằng và nhân đức, vì biết rằng linh hồn là bất tử và có thể chịu mọi thứ tốt lành cũng như mọi thứ xấu xa. Như thế chúng ta sẽ được loài người và các thần yêu quí, cả khi còn đang ở lại đây và khi đã đến nơi nhận phần thưởng. Và mọi sự sẽ tốt đẹp cho chúng ta cả ở cuộc đời này và trong cuộc hành trình ngàn năm mà chúng ta đã mô tả.

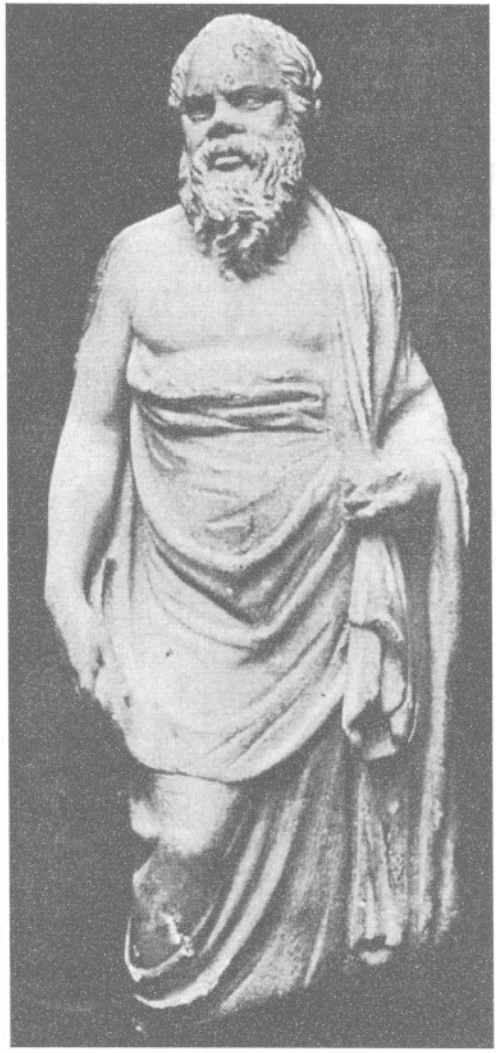

PHIÊN TÒA VÀ CÁI CHẾT CỦA SOCRATES

MENO

GIỚI THIỆU

Đối thoại này bắt đầu đột ngột bằng câu hỏi của Meno: "Nhân đức có thể dạy được không?" Socrates trả lời rằng ông chưa biết nhân đức là gì và cũng chưa bao giờ nghe ai nói họ biết nhân đức là gì. "Vậy là ông chưa từng gặp Gorgias khi ông ở Athens". Có chứ, Socrates đã gặp Gorgias, nhưng trí nhớ ông kém, nên ông đã quên hết những gì Gorgias nói. Liệu Meno có muốn nói cho ông biết quan niệm của chính anh ta, có khác quan niệm của Gorgias nhiều không? "Có chứ! Không gì dễ hơn; có nhân đức của một người đàn ông, một người đàn bà, một người già và một đứa trẻ; có nhân đức cho mọi lứa tuổi và mọi bậc sống, tất cả có thể được mô tả một cách dễ dàng".

Socrates nhắc nhở Meno rằng đây chỉ là một sự liệt kê các nhân đức chứ không phải một định nghĩa về khái niệm nhân đức. Meno lại thử định nghĩa lại; lần này anh định nghĩa nhân đức là "khả năng truyền lệnh". Nhưng lần này cũng có những ngoại lệ. Vì phải có một nhân đức của những người vâng phục, cũng như của những người ra lệnh; và khả năng truyền lệnh phải được thi hành một cách công bằng chứ không bất công. Meno sẵn sàng chấp nhận công bằng là nhân đức. "Anh muốn chỉ về nhân đức nói chung hay một nhân đức đặc thù nào đó, vì ngoài đức công bằng còn có các nhân đức khác nữa như can đảm, điều độ, v.v...; cũng giống như tròn là một hình, đen và trắng là màu, nhưng còn có các hình và các màu khác nữa. Vậy anh Meno hãy lấy các ví dụ về hình và màu rồi thử định nghĩa chúng xem". Meno thú nhận mình không biết và sau một chuỗi các câu hỏi trong đó Socrates cắt nghĩa cho anh bản chất của một cái "giống nhau giữa nhiều cái", chính Socrates đã định nghĩa hình là "sự tập hợp các màu sắc". Nhưng có người có thể vấn nạn rằng họ

không biết nghĩa của từ "màu sắc"; và nếu họ là một người bạn thành thực, chứ không chỉ là một người tranh cãi, Socrates sẵn sàng cung cấp cho họ một định nghĩa đơn sơ và có tính triết học hơn, trong đó ông không đưa vào một từ nào gây tranh cãi: "Hình là một giới hạn của mô thể". Meno vẫn cố chấp muốn có một định nghĩa về màu sắc. Sau một vài lời hóm hỉnh, Socrates đi đến chỗ phải trả lời rằng "màu sắc là sự tập hợp của những mô thể theo tỷ lệ thích hợp với thị giác". Định nghĩa này rất hợp với thị hiếu của Meno, là người rất thích ngôn ngữ quen thuộc của Gorgias và Empedocles. Socrates đưa ra ý kiến rằng một định nghĩa về hình mang tính chất trừu tượng và biện chứng hơn thì tốt hơn nhiều.

Bây giờ, sau khi Meno đã hiểu bản chất một định nghĩa, anh trả lời theo kiểu của một người Hi Lạp lịch lãm và anh dùng lời của một nhà thơ để diễn tả rằng "nhân đức là cảm thấy vui thích với những gì đáng kính trọng và có khả năng chiếm được chúng". Định nghĩa này đã đến gần hơn với định nghĩa hoàn hảo mà anh mong muốn và về phương diện đạo đức, nó không còn xa sự thật bao nhiêu. Nhưng vấn nạn được đẩy đi xa hơn, đó là "điều đáng kính trọng là điều thiện", và vì mọi người đều muốn điều thiện, nên trọng điểm của định nghĩa nằm ở trong những câu cuối, "khả năng chiếm được chúng". "Và chúng phải chiếm được một cách công bằng". Như thế, định nghĩa được phát biểu như sau: "Nhân đức là khả năng chiếm được sự thiện một cách công bằng". Nhưng công bằng là một phần của nhân đức, vì thế nhân đức là việc chiếm hữu sự thiện với một phần của nhân đức. Định nghĩa này lặp lại từ mà nó phải định nghĩa.

Meno than phiền rằng nói chuyện với Socrates tạo ra một hiệu quả giống như anh phải chịu một "cơn sốc thiên lôi". Khi anh nói chuyện với những người khác, anh có biết bao điều để nói về nhân đức; nhưng trước mặt Socrates, các tư tưởng của anh có vẻ như biến đi đâu hết. Socrates trả lời rằng ông chỉ tạo sự thắc mắc nơi những người khác, bởi vì bản thân ông cũng đầy những thắc mắc. Ông đề nghị tiếp tục tra cứu. Nhưng Meno hỏi làm thế nào người ta có thể tra cứu điều người ta biết hay điều người ta không biết? Đây là một câu đố phức tạp mà Socrates cho rằng nó bớt đi rất nhiều những rắc rối cho những ai chấp nhận nó. Nhưng câu đố này tiềm ẩn khó khăn thực sự, vì thế Socrates đã trả lời bằng một hình ảnh. Khó khăn là ở nguồn gốc của tri thức.

Ông thú thật rằng ông đã nghe các vị tư tế và nhà thơ Pindar nói về một linh hồn bất tử luôn luôn học và quên trong các giai đoạn tồn tại nối tiếp của nó, đi lang thang khắp nơi trên thượng giới

hay dưới âm phủ, đã thấy và biết mọi sự vào lúc này hay lúc khác, và nhờ liên tưởng nó đã có thể phục hồi lại tất cả. Vì bản tính có quan hệ giống nhau và mỗi linh hồn đều có một hạt giống hay mầm mống có thể được phát triển thành tri thức. Sự tồn tại của tri thức tiềm ẩn này còn được chứng minh bởi việc ông đặt câu hỏi cho một người nô lệ của Meno, mà qua tài khéo của Socrates, anh ta được dẫn tới chỗ nhìn nhận một số yếu tố sơ đẳng về hình học. Socrates đã khéo léo giúp cho anh nô lệ này hiểu được định lý nói rằng bình phương đường chéo thì bằng hai lần bình phương của cạnh - một khám phá nổi tiếng của nhà toán học Pythagoras. Bước đầu tiên trong qui trình giảng dạy đã khiến anh nhận ra sự ngu dốt của mình. Anh đã bị "cú sốc thiên lôi" do Socrates đem đến và đã đã được chuẩn bị tốt hơn cho bước tiếp theo. Nhưng một người không có học vấn thì tìm được tri thức từ đâu? Trong đời mình anh chưa bao giờ học hình học; và hiểu biết về hình học cũng không phải là bẩm sinh trong anh; vì thế hẳn là anh đã phải có nó ở kiếp trước.

Sau khi đã đưa ra mẫu về bản chất của việc dạy dỗ, Socrates quay trở lại câu hỏi ban đầu về việc nhân đức có thể dạy được không. Một lần nữa ông nói trước tiên ông muốn biết "nhân đức là gì" đã. Nhưng ông sẵn sàng lý luận câu hỏi này theo kiểu của một nhà toán học, nghĩa là bằng cách dùng giả thiết. Ông sẽ giả thiết rằng nhân đức là tri thức, rồi nhân đức có thể dạy được.

Socrates không khó khăn gì khi chứng minh rằng nhân đức là một điều thiện và mọi sự thiện, dù là về thể chất hay tinh thần, đều phải được đặt dưới sự hướng dẫn của tri thức. Dựa trên giả thiết này, thì nhân đức có thể dạy được. Nhưng tìm đâu ra người dạy? Không tìm ra ai cả. Một tình thế đáng thất vọng hết sức. Vừa mới nhận ra rằng nhân đức có thể dạy được, thì ngay lập tức cũng nhận ra rằng không có ai dạy nó. Vì vậy, nhân đức không thể dạy được.

Trong tình trạng khó giải quyết này, phải hỏi ý kiến của Anytus, một công dân có địa vị, giàu có và tình cờ có mặt ở đó. Ông hỏi Anytus là liệu "Meno có nên đến với các nhà Nguỵ biện để được dạy không?" Chỉ nhắc đến họ đã làm Anytus nổi giận. "Vậy Meno phải đến học với ai?" Socrates hỏi. Đến với bất cứ nhà trí thức Athens nào - các nhà chính khách lớn của Athens trong quá khứ. Ở chỗ này Socrates trả lời rằng Themistocles, Pericles và các vĩ nhân khác không bao giờ dạy các con họ điều gì đáng học; có điều chắc chắn là, nếu có thể, họ thường dạy cho các con họ sự khôn ngoan chính trị của họ. Anytus nổi giận khi Socrates chỉ trích các nhà chính

khách anh ngưỡng mộ và rút lui khỏi câu truyện.

Socrates quay trở lại xem xét vấn đề "nhân đức có thể dạy được không", mà ở trên kia đã được trả lời là không, vì không có ai dạy nó: (vì các nhà Nguỵ biện là các thầy dạy dở, còn những người khác thì không ai dạy.) Nhưng còn một điểm nữa mà chúng ta không nhận thấy và đã không được Gorgias dạy cho Meno, cũng như Prodicus đã không dạy cho Socrates. Đó là bản chất của ý kiến đúng. Vì nhân đức có thể ở dưới sự hướng dẫn của ý kiến đúng cũng như tri thức; và ý kiến đúng nhằm những mục đích cũng tốt như tri thức, nhưng nó không thể dạy được và cũng không chắc chắn, vì nó không dựa trên nhân quả. Đây là thứ bản năng bẩm sinh của các nhà chính khách, họ không phải những con người khôn ngoan hay có tri thức, nhưng được thần linh soi sáng cho. Nhân đức cao hơn chính là tri thức, thì chỉ là một lý tưởng. Nếu nhà chính khách có tri thức này và có thể dạy những gì họ biết, thì họ sẽ giống như Tiresias ở dưới đất "chỉ có mình ông ấy có sự khôn ngoan, trong khi mọi người khác chỉ là những cái bóng vật vờ".

Bài đối thoại này là một cố gắng nhằm trả lời câu hỏi: Nhân đức có thể dạy được không? Thời nay không ai đặt câu hỏi hay trả lời cho một câu hỏi như thế nữa. Nhưng vào thời Socrates, người ta cố gắng đưa tinh thần lên một khái niệm chung về nhân đức, phân biệt với các nhân đức đặc thù như can đảm, quảng đại, v.v... Và khi đã đạt được một khái niệm chung chung như thế rồi, người ta mới hi vọng tiếp tục cố gắng đi đến chỗ giải quyết câu hỏi rằng nhân đức có thể dạy được không.

Câu trả lời mà Plato đưa ra thì khá nghịch lý và có vẻ như muốn kích thích hơn là thỏa mãn việc tra cứu. Nhân đức là tri thức, vì thế nhân đức có thể dạy được. Nhưng nhân đức không có người dạy, vì thế theo nghĩa lý tưởng cao hơn này, không có nhân đức và không có tri thức. Việc giảng dạy của các nhà Nguỵ biện được coi là không thỏa đáng và Meno, học trò của họ, không biết gì về chính bản chất của các từ ngữ tổng quát. Anh chỉ có thể đưa ra trong kho hiểu biết của mình một nguỵ biện, đó là "anh không thể tra cứu cái anh biết cũng như cái anh không biết"; nguỵ biện này đã được Socrates trả lời bằng lý thuyết của ông về sự nhớ lại.

Plato đã hướng tới lý thuyết cho rằng nhân đức là tri thức ngay từ trong các Đối thoại trước. Nhưng ở đây khi sự thật mới vừa gặp được thì nó đã biến mất ngay. "Nếu có tri thức, thì phải có người dạy nó. Nhưng tìm đâu ra người dạy?" không có tri thức theo nghĩa là tri thức có hệ thống, có tương quan và dựa trên lý trí, như người ta sẽ

đạt tới sau này, hay như chính Plato đã hình dung ra nó trong một khoa học duy nhất. Và không có thầy dạy tri thức theo nghĩa cao hơn này. Nghĩa là không có thầy dạy đích thực để khơi dậy tinh thần tra cứu nơi học trò, chứ không phải chỉ là truyền đạt cho họ một mớ kiến thức bằng kiểu nói hùng biện và người học phải trả một khoản học phí là "một" hay "năm mươi đồng drácma". Plato rất mong muốn đào sâu khái niệm về giáo dục và vì thế ông khẳng định một điều có vẻ nghịch lý là không có người dạy.

Nhưng cũng không được quên một khả năng khác. Cho dù không có tri thức, như đã được chứng minh bởi "tình trạng giáo dục tệ hại", nhưng vẫn có thể có ý kiến đúng. Ý kiến là một thứ ước đoán hay phỏng chừng không dựa trên một sự hiểu biết về nguyên nhân và không thể truyền đạt cho người khác. Đây là thứ mà các nhà chính khách có, được chứng minh bởi trường hợp họ không thể truyền thụ kiến thức của mình cho người khác. Những người bẩm sinh có tri thức này không thể được gọi là những con người có khoa học hay triết gia, họ chỉ được thần linh soi sáng.

Không có dấu hiệu hài hước nào trong đoạn đối thoại kỳ lạ này, cũng là đoạn kết của cuộc đối thoại. Và Plato cũng không có ý nhấn mạnh rằng sự siêu nhiên hay thần linh là cơ sở của đời sống con người. Đối với ông, tri thức nếu có thể đạt được ở đời này, thì là điều thần linh nhất. Nhưng giống như các triết gia khác, ông muốn nhìn nhận rằng "đời sống được hướng dẫn bởi điều có thể đúng"; và đồng thời ông muốn nêu lên sự tương phản giữa "sự khôn ngoan của thế giới" với sự khôn ngoan đích thực. Có nhiều bản năng, phán đoán và dự đoán của tinh thần con người không thể được quy gán cho quy luật và không thể luôn luôn đưa ra các lý do bằng lời nói. Một người có thể có một năng khiếu hay một kinh nghiệm tiềm ẩn nào đó mà họ có thể dùng cho chính mình nhưng không thể dạy cho người khác, vì họ không có các nguyên tắc và không thể thu thập hay sắp đặt trật tự cho các ý niệm của mình. Họ có thực hành, nhưng không có lý thuyết; có nghệ thuật, nhưng không có khoa học. Đây là một sự thật của tâm lý học, được Plato nhìn nhận trong đoạn này.

Giống như trong đối thoại Phaedrus, ở đây Plato có vẻ như cũng nhìn nhận một yếu tố phi lý luận nơi bản tính cao hơn của con người. Chỉ có nhà triết học là có tri thức, còn những nhà chính khách và thi sĩ thì được truyền cảm hứng. Có thể có một chút hài hước nào đó trong cách nhìn nhận các khả năng của thiên tài. Nhưng không có lý do nào để giả thiết rằng ông chế giễu các khả năng thiên phú, cũng như ông không hề

chế giễu hiện tượng tình yêu hay sự hưng phấn trong tác phẩm Bữa Tiệc (*Symposium*), hay chế giễu các lời sấm trong Biện Hộ, hay các câu thần chú khi ông nói về sự thần hứng của Socrates. Ông nhìn nhận ở mức độ thấp hơn có các ý kiến đúng, ở mức độ cao hơn có tri thức khoa học, bằng tinh thần của một người muốn bao gồm trong triết học của mình mọi khía cạnh của đời sống con người; cũng như ông nhìn nhận sự hiện hữu của ý kiến bình dân như là một sự kiện và các nhà Ngụy biện như là một cách diễn tả ý kiến ấy.

Đối thoại này chứa đựng sự nhấn mạnh đầu tiên của Plato về lý thuyết nhớ lại và sự bất tử của linh hồn. Có thể nhận thấy rằng ở đây xuất hiện khái niệm giàu tưởng tượng về một tình trạng hiện hữu của một kiếp trước, với một cái nhìn đích thực về sự duy nhất của tri thức và về sự liên tưởng. Mầm mống của hai nguyên tắc giáo dục lớn có thể được thu thập từ "học thuyết của các vị tư tế:" (1) tri thức đích thực là tri thức về các nguyên nhân; và quy trình học hỏi không hệ tại những gì được đem đến cho người học, nhưng hệ tại những điều được rút ra từ người học. Ở đây triết học về các ý niệm được trình bày dưới một dạng kém phát triển hơn so với Phaedo và Phaedrus. Không thấy nói gì đến sự tiền hữu của các ý niệm về công bằng, điều độ, v.v... Và Socrates cũng không tích cực về điểm gì khác ngoài bổn phận tra cứu. Học thuyết về sự nhớ lại cũng được cắt nghĩa theo một cách phù hợp với sự kiện và được rút ra từ kinh nghiệm về sự giống nhau với bản tính tự nhiên. Triết học mới nói rằng mọi vật trong tự nhiên đều lệ thuộc vào nhau; nhà triết học cổ có cùng sự thật ấy tiềm ẩn trong tâm trí họ khi họ nói rằng từ một vật có thể phục hồi tất cả mọi vật khác.

Cũng có thể nhận ra một số nét kém nổi bật hơn trong đối thoại này, như nhận xét sâu sắc rằng Meno thích lối định nghĩa bình dân, được tô điểm bằng ngôn ngữ thi ca, hơn là định nghĩa đúng hơn và tốt hơn; hay (2) sự suy tư khéo léo, có thể được áp dụng cho người dạy thời mới cũng như thời cổ, đó là các nhà Ngụy biện đã kiếm được rất nhiều tiền, nên đây chắc chắn phải là một tiêu chuẩn để đánh giá khả năng giảng dạy của họ, bởi vì không ai có thể kiếm sống bằng nghề đóng giày nếu không phải là một thợ đóng giày giỏi; hay (3) nhận xét rằng người hoài nghi bằng ngôn từ thì thoát được những vất vả của suy tư và tra cứu. Một tính chất khác nữa trong phương pháp tra cứu của Socrates là (4) đề nghị thảo luận khả năng có thể dạy về nhân đức dựa trên một giả thiết, theo kiểu của các nhà toán học; và (5) việc lặp đi lặp lại thường xuyên học thuyết được ưa thích trong các đối thoại

trước về Socrates và tăng thêm màu sắc cho tất cả các đối thoại ấy - đó là loài người yêu thích sự ác là do sự ngu dốt mà thôi.

Nhân vật Meno, giống như nhân vật Critias, không có quan hệ gì với các hoàn cảnh sống thực sự của ông. Plato không nhắc gì đến việc anh phản bội mười ngàn người Hy Lạp, như Xenophon đã ghi lại và ông cũng không nói gì đến các tội ác của Critias. Tên này là một người thuộc phe Alcibiades ở Thessalia, rất giàu có và thế lực - một đứa con hư hỏng của sự giàu sang và được mô tả như một người bạn thân của vua. Giống như Alcibiades, hắn rất khao khát tri thức và muốn được học với Socrates và các nhà Ngụy biện. Có thể coi quan hệ của hắn với Gorgias giống như mối quan hệ của Hippocrates với nhà Ngụy biện lớn này trong tác phẩm Protagoras. Hắn là một thanh niên rất lanh lợi và được Socrates thử khả năng suy luận toàn diện, nhằm làm nổi bật bản chất thực của hắn và các thầy dạy của hắn, cũng giống như trong các tác phẩm Charmenides, Lysis và Euthydemus, ông cũng lấy tuổi thiếu niên thiên tài làm đề tài cho một thí nghiệm tương tự. Socrates đối xử với Meno một cách hơi bỡn cợt và tìm cách cho chính anh ta cũng như người đọc thấy rõ anh ta không biết tí gì về các điều cơ bản của biện chứng pháp, là điều mà các nhà Ngụy biện đã không dạy cho anh ta.

Anytus là hạng người thế tục có đầu óc thiển cận, dễ nóng giận vì các đổi mới và cũng ghét cả những nhà Ngụy biện lẫn triết gia đích thực. Giống như Aristophanes, có vẻ anh ta coi các ý kiến mới, dù là của Socrates hay của các nhà Ngụy biện, là những điều tai hại cho sự vĩ đại của Athens. Anh thuộc cùng loại người như Callicles trong Gorgias, nhưng có những nét khác; anh không có các lý thuyết phi đạo đức và phức tạp như của Callicles. Tính chừng mực được mô tả về anh ta là điều khá kỳ lạ nếu ta biết anh ta là người tố cáo Socrates; và có vẻ như điều này được nêu lên qua các lời từ biệt của anh. Có lẽ Plato đã muốn cho thấy rằng việc tố cáo Socrates không phải là do tính xấu hay ác ý, mà là do một khuynh hướng trong tinh thần con người. Hay cũng có thể ông không quan tâm tới sự kiện lịch sử của các nhân vật trong các đối thoại của ông, giống như trường hợp của Meno và Critias. Giống như Chaerephon, nhân vật Anytus là một người dân chủ và đã từng theo Thrasybulus trong cuộc chiến chống lại nhóm ba mươi tên đầu sỏ của Athens.

MENO

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Meno (MN)
- Một Nô lệ của Meno (NL)
- Socrates (SC)
- Anytus (AN)

MN Ông Socrates, ông có thể cho tôi biết - nhân đức có thể dạy được hay tập được không? Hay nó là cái không thể dạy cũng không thể tập được, nhưng là một đức tính bẩm sinh của người ta?

SC: Thực ra, anh Meno, thời xưa người Thessalia thuộc số những người Hi Lạp nổi tiếng về sự giàu có và tài cưỡi ngựa. Ngày nay, nếu tôi không lầm, có vẻ như họ cũng là những nhà triết học nổi tiếng - đặc biệt những người xứ Larissa, quê hương ông bạn Aristippus của anh đấy. Gorgias đã làm được điều đó. Ông đến thành phố này và chinh phục được tâm hồn những người dân Aleuadae ưu tú vì sự khôn ngoan của ông (trong số này có cả ông bạn Aristippus của anh), thậm chí cả những người dân ưu tú Thessalia nữa. Đặc biệt ông biết cách đưa anh vào thói quen trả lời mọi câu hỏi mà người ta có thể hỏi anh, với sự tự tin và trịnh trọng xứng với loại người biết câu trả lời, cũng như chính ông ta mời mọi người Hi Lạp đặt ra cho ông bất kỳ câu hỏi nào và bao giờ ông cũng có câu trả lời cho họ. Nhưng ở Athens này, anh Meno thân mến, tình thế thì ngược lại. Tìm được sự khôn ngoan quả là hiếm có và có vẻ như sự khôn ngoan đã di cư từ vùng đất của tôi sang đất của anh. Bất luận thế nào, nếu anh đặt một câu hỏi cho một người dân nào ở đất chúng tôi, họ sẽ chỉ cười và nói: "Không lẽ bạn nghĩ tôi có

phước đặc biệt lắm hay sao mà có thể biết được rằng nhân đức có thể dạy được hay tập được? Sự thật là tôi chẳng thể biết nhân đức có thể dạy được hay không, mà thậm chí cũng chẳng biết nhân đức là gì nữa".

Bản thân tôi đang ở trong hoàn cảnh như thế. Tôi chia sẻ sự nghèo nàn của đồng bào tôi về điểm này và tôi xấu hổ thú nhận rằng tôi không hề biết nhân đức là gì cả. Vậy làm sao tôi biết được nó có những tính chất gì nếu tôi thậm chí không biết nó là gì? Có thể nào anh nghĩ rằng một người hoàn toàn không biết Meno là ai mà lại có thể mô tả anh ta đẹp trai, giàu có và cao quí hay ngược lại không? Có thể không, anh Meno?

MN: Không. Nhưng còn ông, thưa Socrates, có thật là ông cũng không biết nhân đức là gì không? Không lẽ tôi sẽ đem chuyện này về nhà kể cho đồng bào tôi về ông sao?

SC: Không chỉ có thế thôi đâu; anh cũng có thể nói rằng tôi chưa từng gặp được ai có thể biết điều đó.

MN: Vậy là ông chưa từng gặp Gorgias khi ông ấy ở Athens này sao?

SC: Có chứ.

MN: Nhưng ông vẫn nghĩ rằng ông ấy không biết?

SC: Tính tôi hay quên, nên bây giờ không thể nói tôi đã nghĩ gì lúc đó. Có thể ông ta biết và tôi mong rằng anh biết ông ta thường nói thế nào về chuyện đó. Vậy anh hãy nhắc lại cho tôi biết nó là gì, hay chính anh nói cho tôi nghe xem. Chắc hẳn anh đồng ý với ông ta.

MN: Đúng vậy.

SC: Vậy chúng ta cứ bỏ ông ta qua một bên, dù sao ông ta cũng không có mặt ở đây. Thế anh nói nhân đức là gì? Tôi hỏi anh nghiêm túc đấy, đừng từ chối trả lời tôi, nhưng hãy nói ra đi. Tôi sẽ rất vui được anh chứng minh là tôi sai nếu cả anh và ông Gorgias biết nhân đức là gì, mặc dù tôi từng nói tôi chưa hề gặp ai biết được điều này.

MN: Không khó gì cả. Trước hết, nếu nhân đức ông muốn biết là nhân đức của một người đàn ông, thì rất dễ thấy rằng nhân đức của một người đàn ông là ở chỗ biết điều hành công việc của thành phố một cách hiệu quả, khiến cho người đàn ông luôn sẵn sàng giúp đỡ bạn bè và tiêu diệt kẻ thù mà không lo bản thân mình chịu thiệt. Còn nhân đức của đàn bà thì càng dễ

nói. Bà phải là một người nội trợ đảm đang, chăm lo việc nhà và phục tùng chồng... Với mọi hành vi và mọi giai đoạn của cuộc đời, đều có một nhân đức cho mỗi người chúng ta và tương tự, cũng có một nết xấu.

SC: Có vẻ tôi gặp may đây. Tôi chỉ muốn biết một nhân đức mà thôi, nhưng anh lại kể cho tôi hàng chục nhân đức. Nhưng nói cho nghiêm túc hơn, anh sẽ trả lời thế nào nếu tôi hỏi: "Phải chăng cứ là con ong là chúng phải nhiều và mỗi con đều khác nhau sao? Hay anh cho rằng chúng khác nhau không phải vì là con ong, mà vì một điều gì khác, như thể kích thước hay vẻ đẹp?"

MN: Tôi cho rằng về phương diện là con ong thì chúng hoàn toàn không khác nhau.

SC: Giả sử tôi hỏi tiếp: "Được, đó chính là điều tôi muốn hỏi anh. Vậy tính chất nào làm cho chúng hoàn toàn không khác nhau, nhưng tất cả đều giống nhau?" Chắc anh có câu trả lời chứ?

MN: Chắc chắn rồi.

SC: Vậy anh hãy nói giống như thế về các nhân đức. Dù rằng chúng có nhiều và khác nhau, nhưng ít ra tất cả chúng đều có chung một đặc tính để chúng là nhân đức. Đó là điều cần phải xét đến khi có ai trả lời cho câu hỏi: "Nhân đức là gì?" Anh hiểu tôi nói gì chứ?

MN: Tôi nghĩ tôi hiểu, nhưng tôi chưa rõ hẳn ông muốn hỏi gì.

SC: Được. Có phải theo anh thì điều này chỉ áp dụng cho nhân đức, rằng có một nhân đức khác biệt giữa đàn ông đàn bà và những người khác? Về sức khỏe, vóc dáng và sức mạnh cũng thế ư, hay sức khỏe ở đâu cũng có cùng một tính chất, nếu nó là sức khỏe, thì dù là sức khỏe nơi một người hay một vật nào khác cũng giống nhau?

MN: Không.

SC: Và nhân đức xét như là nhân đức có khác nhau giữa một đứa trẻ, một cụ già, một người đàn bà hay một người đàn ông không?

MN: Tôi cảm thấy nó không ở cùng mức độ với những trường hợp khác.

SC: Được. Phải chăng ông đã nói nhân đức của đàn ông là lo tốt công việc của thành phố và của đàn bà là lo tốt việc nhà?

MN: Đúng.

SC: Và có thể nào gọi là làm tốt một công việc nếu làm nó một

cách không điều độ và không công bằng không?

MN: Chắc chắn là không.

SC: Có nghĩa đó là nhân đức điều độ và công bằng?

MN: Tất nhiên rồi.

SC: Vậy cả đàn ông và đàn bà đều cần cùng các đức tính, công bằng và điều độ giống nhau, nếu họ muốn là người nhân đức.

MN: Có vẻ là như thế.

SC: Họ phải công bằng và điều độ.

MN: Vâng.

SC: Vậy mọi người đều tốt theo cùng một phương diện, vì họ trở nên tốt nhờ việc có cùng các đức tính giống nhau.

MN: Có vẻ là như thế.

SC: Và nếu họ không có cùng các nhân đức như nhau, họ không tốt giống như nhau?

MN: Không.

SC: Vậy khi thấy rằng tất cả họ đều có cùng một nhân đức, anh thử nhớ lại và nói cho tôi biết Gorgias và anh nói nhân đức đó là gì?

MN: Đơn giản đó phải là khả năng cai trị con người, nếu ông muốn tìm kiếm một đức tính bao trùm mọi đức tính khác.

SC: Đúng thế. Nhưng nhân đức này có áp dụng cho một đứa bé hay một nô lệ không? Một nô lệ có thể cai trị ông chủ của mình hay không và nếu cai trị chủ, nó có còn là nô lệ không?

MN: Tôi nghĩ là không.

SC: Chắc chắn là không thể rồi. Và còn một điểm nữa. Anh nói về "khả năng cai trị". Chúng ta có cần thêm vào mấy chữ "một cách công bằng chứ không thể khác được" không?

MN: Tôi nghĩ là cần, vì công bằng là nhân đức.

SC: Anh muốn nói đến nhân đức chung chung, hay *một* nhân đức đặc thù nào đó?

MN: Tôi không hiểu ý ông.

SC: Ý tôi muốn nói về bất cứ cái gì. Ví dụ nói về cái gì tròn. Tôi muốn nói nó là "một hình thù", chứ không chỉ nói trống nó là "hình thù", lý do là vì cũng có các hình thù khác nữa.

MN: Bây giờ thì tôi hiểu và tôi đồng ý rằng có những nhân đức khác nữa bên cạnh nhân đức công bằng.

SC: Vậy hãy cho tôi biết các nhân đức ấy. Cũng như tôi có thể kể cho anh các hình thù khác nếu anh hỏi, cũng vậy, anh hãy kể ra các nhân đức khác.

MN: Theo ý kiến tôi, can đảm là một nhân đức và điều độ, khôn ngoan và đứng đắn

cũng là những nhân đức và còn những nhân đức khác nữa.

SC: Điều này lại đưa chúng ta trở về điểm bắt đầu. Bằng một cách khác nhau, chúng ta đã tìm ra một số nhân đức trong khi chúng ta chỉ đi tìm một nhân đức mà thôi. Nhân đức duy nhất này, thấm nhuần mọi nhân đức khác, thì chúng ta lại không thể tìm thấy.

MN: Không, tôi chưa thể nắm được ý ông muốn tìm ra một nhân đức duy nhất bao trùm mọi nhân đức khác.

SC: Tôi không ngạc nhiên, nhưng tôi sẽ cố hết sức để tiến xa hơn một chút. Tôi tin anh hiểu câu hỏi này áp dụng cho mọi sự. Nếu có ai biết ví dụ tôi vừa nói với anh và hỏi anh: "Hình là gì?" và anh trả lời tròn là hình và họ hỏi tiếp như tôi đã hỏi anh, "Anh nghĩ nó là hình hay là *một* hình?" hẳn anh sẽ trả lời nó là *một* hình.

MN: Chắc rồi.

SC: Anh nói lý do là vì có nhiều hình khác nữa.

MN: Đúng.

SC: Và nếu họ hỏi anh đó là những hình gì, anh sẽ kể ra cho họ.

MN: Vâng.

SC: Và cũng như thế về màu sắc...?

MN: Đúng...

SC: Và anh cũng nói rằng tròn là một hình không hơn gì thẳng, v.v...?

MN: Rất đúng.

SC: Vậy thì cái gọi là "hình" là cái gì? Hãy thử trả lời tôi. Nếu khi được hỏi câu hỏi này về hình hay màu mà anh trả lời: "Nhưng tôi không hiểu anh muốn hỏi gì", thì người đặt câu hỏi sẽ ngạc nhiên và nói: "Anh không thấy tôi đang tìm kiếm cái gì có chung giữa tất cả các thứ ấy sao?" Và phải chăng anh sẽ không thể trả lời nếu câu hỏi là: "Cái gì là chung giữa tròn và thẳng, và tất cả các thứ mà anh gọi là hình?"

Anh hãy cố gắng trả lời, để luyện tập trả lời cho câu hỏi về nhân đức.

MN: Không, ông trả lời đi, Socrates.

SC: Anh muốn tôi trả lời thay cho anh?

MN: Vâng.

SC: Và sau đó sẽ đến lượt anh trả lời cho câu hỏi về nhân đức?

MN: Được.

SC: Vậy chúng ta hãy thử xem hình là gì. Anh hãy nghe thử xem có thể chấp nhận định nghĩa này không. Chúng ta

hãy định nghĩa nó là cái duy nhất luôn luôn đi với màu. Như thế anh có hài lòng không, hay anh muốn định nghĩa một cách khác? Tôi sẽ hài lòng nếu câu trả lời của anh về nhân đức cũng theo cách này.

MN: Nhưng trả lời kiểu ấy thì ngây thơ quá.

SC: Thế nào?

MN: Nếu tôi không hiểu sai ý ông, thì hình thù là cái luôn luôn đi với màu. Được lắm, tốt lắm. Nhưng nếu có người nói họ không biết màu là cái gì và cũng không biết hình là cái gì, thì câu trả lời của ông cho họ có nghĩa gì?

SC: Một câu trả lời đúng; và nếu người hỏi tôi là loại người thông minh và hay vặn vẹo, tôi sẽ nói với họ: "Anh đã nghe câu trả lời của tôi. Nếu nó sai, anh hãy lý luận để bác bỏ nó". Tuy nhiên, khi những loại người thân thiện như anh và tôi muốn đối thoại với nhau, thì câu trả lời của một người phải nhẹ hơn và giúp dễ thảo luận hơn. Nghĩa là câu trả lời không những phải đúng, mà còn phải dùng các từ ngữ mà người hỏi quen thuộc. Vậy tôi sẽ cố gắng trả lời cho anh theo cách ấy. Vậy anh hãy nói cho tôi, anh có quen với từ "cuối"; mà tôi hiểu có nghĩa là giới hạn hay ranh giới tất cả những từ này tôi dùng với cùng một nghĩa. Có thể Prodicus sẽ muốn tranh luận với chúng ta, nhưng tôi tin rằng anh nói về một cái gì đó có giới hạn hay đi tới điểm cuối. Ý tôi chỉ có thế, không có gì phức tạp.

MN: Tôi chấp nhận khái niệm này và tôi tin rằng tôi hiểu ý ông.

SC: Và, anh có hiểu "diện tích" và "khối" như được sử dụng trong hình học không?

MN: Tôi hiểu.

SC: Như thế bây giờ anh đã có thể hiểu định nghĩa của tôi về hình thù. Để bao gồm mọi trường hợp, tôi nói rằng hình là cái mà trong đó một khối kết thúc, hay nói vắn tắt hơn, là giới hạn của một khối.

MN: Thế ông định nghĩa màu là gì?

SC: Anh không thấy xấu hổ sao, anh Meno. Dám cố chấp ép lão già này phải trả lời mãi, còn chính mình lại không chịu vận dụng trí nhớ của mình để trả lời cho tôi biết định nghĩa của Gorgias về nhân đức là gì.

MN: Tôi sẽ trả lời, ông Socrates, nhưng ông hãy nói điều đó cho tôi trước đã.

SC: Được, tôi sẽ chiều theo ý anh. Anh có muốn tôi trả lời *theo*

kiểu Gorgias và sẵn sàng theo dõi câu trả lời của tôi chứ?

MN: Tất nhiên tôi sẵn sàng.

SC: Anh và ông ấy tin vào thuyết của Empedocles về các lực phát toả chứ?

MN: Hoàn toàn.

SC: Và các đường đi của các lực phát toả?

MN: Vâng.

SC: Một số lực phát tỏa hợp với một số đường đi, số khác thì không?

MN: Đúng.

SC: Bây giờ anh biết thuật ngữ "thị giác" rồi chứ?

MN: Tôi biết.

SC: Từ các khái niệm này, anh hãy "hiểu những gì tôi sẽ nói với anh," như Pindar thường nói thế. Màu là một sự phát toả từ các hình phù hợp với thị giác và được nhận ra bởi thị giác.

MN: Có vẻ là một câu trả lời xuất sắc đấy!

SC: Chắc chắn nó là kiểu trả lời anh thích. Và có thể anh thấy rằng nó cung cấp một cách để định nghĩa về âm thanh và mùi vị, và nhiều cái khác tương tự như thế.

MN: Đúng vậy...

SC: ... Tuy nhiên, bây giờ đến lượt anh trả lời cho tôi như anh đã hứa rồi đấy. Hãy cho tôi biết bản tính chung của nhân đức là gì. Đừng nói đến các loại nhân đức khác nhau. Hãy nói về nhân đức toàn diện và đầy đủ, và cho tôi biết nó là gì, theo các ví dụ mà tôi đã nói cho anh.

MN: Vậy theo tôi, nhân đức như các thi sĩ diễn tả có vẻ là "vui hưởng cái đẹp và có khả năng," và tôi định nghĩa nó là ước muốn những cái đẹp và có khả năng chiếm được chúng.

SC: Khi anh nói người ta ước muốn các vật đẹp, có phải ý anh muốn nói rằng đó là những điều tốt không?

MN: Chắc chắn.

SC: Vậy anh có nghĩ là có một số người ước muốn điều tốt, số khác ước muốn điều xấu không? Theo ý anh, không phải là ai ai cũng muốn điều tốt sao?

MN: Không.

SC: Và anh muốn nói rằng những người khác tưởng các điều xấu là tốt, hay họ vẫn muốn điều xấu mặc dù họ biết đó là điều xấu?

MN: Tôi nghĩ là cả hai trường hợp.

SC: Sao? Anh nghĩ rằng có người ước muốn điều xấu cả khi họ biết chúng là xấu sao?

MN: Vâng.

SC: Ước muốn thế nào? Chiếm đoạt chúng?

MN: Tất nhiên.

SC: Vì họ tin rằng chúng làm lợi cho người chiếm được chúng, hay làm hại?

MN: Một số theo trường hợp thứ nhất, số khác theo trường hợp thứ hai.

SC: Và anh cho rằng những người muốn điều xấu vì nghĩ rằng những điều này có lợi cho họ, thực ra họ có hiểu rõ chúng là xấu không?

MN: Không, họ không thể thực sự hiểu như vậy.

SC: Như thế rõ ràng là hạng người này không thực sự nhận ra điều xấu, nên họ không thực sự muốn điều xấu, mà chỉ muốn điều mà họ tưởng là tốt, trong khi thực sự nó là xấu; những người mà vô tình nhầm lẫn điều xấu với điều tốt, thì rõ ràng họ chỉ muốn điều tốt.

MN: Tôi tin đúng như thế đối với hạng người này.

SC: Vậy còn về hạng người mà anh nói là họ muốn điều xấu vì tin rằng điều xấu có hại cho người có nó, chắc hẳn những người này biết rằng họ sẽ bị hại vì những điều đó?

MN: Chắc chắn rồi.

SC: Và họ cũng tin rằng bất cứ ai bị hại thì đều không được hạnh phúc chứ?

MN: Họ cũng phải tin như vậy.

SC: Vậy có ai muốn mình bất hạnh, đau khổ không?

MN: Tôi chắc là không.

SC: Vậy thì không có ai muốn điều xấu vì nó là xấu; vì sự bất hạnh là gì nếu không phải là muốn điều xấu và đạt được điều xấu?

MN: Có vẻ ông có lý, Socrates, không ai ước muốn điều xấu.

SC: Vậy anh đã vừa nói rằng nhân đức hệ tại ước muốn điều tốt và khả năng đạt được chúng. Trong định nghĩa này, ước muốn là điểm chung nơi mọi người và về phương diện này không ai là hơn kém ai.

MN: Có vẻ là thế.

SC: Vậy nếu có ai hơn một người khác, thì rõ ràng phải là về phương diện khả năng và nhân đức, theo mô tả của anh, là khả năng đạt được điều tốt.

MN: Vâng, ông đã diễn tả đúng ý tôi.

SC: Ta thử xem lần này anh có đạt sự thật không. Rất có thể anh có lý. Anh nói khả năng chiếm được những điều tốt là nhân đức phải không?

MN: Vâng.

SC: Và theo anh điều tốt là sức khỏe và của cải phải không?

MN: Tôi kể điều tốt là có được cả vàng bạc lẫn chức cao quyền trọng trong chính quyền.

SC: Anh chỉ kể những loại điều tốt đó thôi sao?

MN: Tôi muốn nói mọi sự giống như thế.

SC: Được. Theo định nghĩa của anh, thì có vàng bạc là nhân đức. Anh có thêm các từ "công bằng và chính đáng" vào đó không, hay theo anh có thêm các từ ấy hay không cũng được? Nếu người ta đạt được nó một cách bất công, anh có cho là nhân đức không?

MN: Hẳn là không.

SC: Nghĩa là nết xấu?

MN: Chắc chắn rồi.

SC: Vậy có vẻ như công bằng hay tiết độ hay đạo đức, hay một phần nào khác của nhân đức, phải gắn liền với việc đạt nhân đức. Nếu không, mặc dù đó là một phương tiện để có những điều tốt, nó cũng không phải là nhân đức.

MN: Không, làm sao có thể có nhân đức nếu không có những điều này?

SC: Nhưng ít phút trước đây chúng ta đã gọi mỗi thứ nói trên - công bằng, tiết độ và các thứ giống như thế - là một phần của nhân đức.

MN: Phải, chúng ta đã gọi thế.

SC: Như vậy là anh đang giễu cợt tôi rồi?

MN: Làm sao có thể như thế, Socrates?

SC: Tôi đã xin anh không chia nhỏ nhân đức thành từng mảnh và đã cho anh các mẫu câu trả lời tôi muốn, nhưng vì không để ý đến điều này, anh lại nói với tôi rằng nhân đức là đạt được những điều tốt một cách công bằng; và anh cho rằng công bằng là một phần của nhân đức.

MN: Đúng thế.

SC: Vậy từ chính lý luận của anh, anh kết luận rằng hành động với một phần của nhân đức chính là nhân đức, nếu anh gọi công bằng và các thứ giống như thế là nhân đức. Điểm tôi muốn nhấn mạnh ở đây là trong khi tôi xin anh mô tả cho tôi về nhân đức như một toàn thể, nhưng thay vì nói cho tôi nhân đức là gì, anh lại nói rằng mọi hành động là nhân đức nếu nó là một phần của nhân đức, như thể anh đã nói cho tôi biết toàn thể là gì, khiến tôi phải nhìn nhận nó cho dù anh cắt nó thành từng mảnh nhỏ. Tôi thấy có vẻ như chúng ta phải đặt lại cùng câu hỏi cũ cho anh, anh Meno thân mến - câu hỏi: "Nhân đức là gì?" -

nếu mọi hành động trở thành nhân đức khi nó được kết hợp với một phần của nhân đức. Xét cho cùng, đó là nghĩa ta muốn nói khi cho rằng mọi hành động được làm với sự công bằng đều là nhân đức. Anh có đồng ý rằng phải đặt lại cùng câu hỏi ấy không? Có ai biết một phần của nhân đức là gì, nếu không biết toàn thể nhân đức là gì không?

MN: Tôi nghĩ là không.

SC: Không và nếu anh còn nhớ, khi tôi vừa trả lời cho anh về hình thù, tôi tin chúng ta đã bác bỏ kiểu trả lời nào sử dụng các thuật ngữ vẫn còn bị tranh cãi và chưa được nhất trí.

MN: Chúng ta đã chấp nhận như thế, một cách hợp lý.

SC: Vậy anh hãy làm đúng như thế. Trong khi bản chất của nhân đức xét như một toàn thể vẫn còn chưa giải quyết, anh đừng cho rằng anh có thể cắt nghĩa điều đó cho ai theo từng phần của nó, hay bằng bất cứ lối cắt nghĩa nào như thế. Tốt hơn hãy hiểu rằng cùng câu trả lời ấy cần được trả lời, anh nói thế này thế kia về nhân đức, nhưng thật sự nhân đức *là* gì? Anh thấy nó vô nghĩa phải không?

MN: Không, tôi thấy nó có nghĩa lắm.

SC: Vậy chúng ta hãy quay trở lại từ đầu và trả lời câu hỏi của tôi. Anh và bạn của anh nói nhân đức là gì?

MN: Ông Socrates, cả trước khi gặp ông, tôi đã được nghe người ta nói ông là một người hay thắc mắc và ông làm cho mọi người trở thành hay thắc mắc. Lúc này đây tôi cảm thấy ông đang sử dụng ma thuật đối với tôi và cố tình đặt tôi vào vòng ảnh hưởng của ông, cho tới khi tôi chỉ còn là một khối bất động. Tâm trí và môi miệng tôi bây giờ trở thành bất động, và tôi không biết trả lời ông thế nào. Nhưng tôi đã nói về nhân đức hàng trăm lần, thường xuyên trình bày về vấn đề này trước các cử toạ đông đảo và tôi nghĩ tôi đã làm rất thành công. Vậy mà bây giờ tôi không thể nói nhân đức là gì nữa. Theo ý kiến tôi, ông không nên rời bỏ Athens để đi ra nước ngoài. Nếu ông cư xử như thế này ở nước ngoài, người ta sẽ tố cáo ông là phù thủy và bắt ông.

SC: Meno, anh đúng là một tay xỏ lá. Anh suýt nữa là đã lừa được tôi.

MN: Socrates, ông muốn nói gì?

SC: Tôi thấy tại sao anh dùng một câu ví để nói về tôi.

MN: Tại sao ông nghĩ thế?

SC: Bị so sánh với một cái gì khác. Tôi biết rất rõ mọi người có vẻ xinh xắn đều thích trò chơi ví von. Họ lợi dụng tối đa điều đó, vì tự nhiên những người có vẻ mặt xinh xắn đều tạo ra những sự so sánh đẹp. Nhưng tôi không mắc nợ anh điều đó. Về phần tôi, nếu con cá đuối chỉ có thể làm tê liệt những con vật khác bằng việc chính nó bị tê liệt, thì ví dụ này đúng, nhưng không phải ngược lại. Không phải là vì tôi biết rõ câu trả lời mà tôi làm cho người khác hoang mang. Sự thật là tôi làm họ hoang mang bởi vì bản thân tôi cũng hoang mang. Bây giờ với nhân đức cũng thế. Tôi không biết nhân đức là gì. Có thể anh đã biết nhân đức là gì trước khi gặp tôi, nhưng bây giờ anh hình như không biết. Tuy nhiên tôi sẵn sàng cùng với anh hợp tác để tìm hiểu cho rõ nhân đức là gì.

MN: Nhưng làm thế nào ông có thể tìm kiếm một cái gì nếu ông không biết một chút gì về nó? Nói cách khác, cho dù ông đứng ngay trước mặt nó rồi, làm sao ông biết được ông đã tìm thấy điều mà ông không biết?

SC: Tôi hiểu anh muốn nói gì. Anh có nhận ra rằng điều anh đưa ra là một lý luận mánh khoé - rằng một người không thể tìm kiếm dù là điều họ biết hay không biết? Họ không thể tìm điều họ biết, vì họ biết rằng không cần phải tìm kiếm, cũng không thể tìm điều họ không biết, vì trong trường hợp đó họ không biết họ phải tìm cái gì.

MN: Vậy, ông nghĩ đó là một lý luận tốt chứ?

SC: Không.

MN: Ông có thể cắt nghĩa tại sao không?

SC: Có thể. Tôi đã từng nghe những người hiểu về các sự thật của tôn giáo - "Ở đây cố tình ngưng lại chốc lát để nhấn mạnh sự thay đổi giọng điệu trang trọng của cuộc đối thoại trong lúc này".

MN: Họ nói gì?

SC: Tôi nghĩ là một điều đúng và hay.

MN Đó là gì và họ là ai?

SC: Họ là các tư tế của các tôn giáo, họ chọn công việc chính của họ là giải thích những chức năng họ thực hiện. Pindar cũng nói về điều này và nhiều thi sĩ cũng nói đến nó. Họ nói thế này - anh thử xem họ có nói đúng sự thật hay không. Họ nói linh hồn người ta bất tử: Có một lúc nó đi đến kết thúc - đó là cái chết - và một lúc khác nó lại

tái sinh, nhưng không bao giờ bị hủy diệt. Dựa trên cơ sở này người ta phải sống mọi ngày trong đời mình một cách chính trực hết sức.

Như thế, vì linh hồn là bất tử và có thể tái sinh nhiều lần, và vì linh hồn đã thấy mọi sự cả ở thế giới này lẫn thế giới khác, nên nó đã học được mọi sự. Vì vậy chúng ta không phải ngạc nhiên nếu linh hồn có thể nhớ lại sự hiểu biết về nhân đức hay bất cứ điều gì khác mà nó đã có lần chiếm hữu.

MN: Tôi hiểu, ông Socrates, nhưng ông muốn nói gì khi bảo rằng chúng ta không học được điều gì, mà cái chúng ta gọi là học thì chỉ là sự nhớ lại? Ông có thể dạy tôi biết điều này không?

SC: Tôi đã từng nói anh là một tay mánh khoé và bây giờ anh hỏi tôi có thể dạy anh không, khi mà tôi nói không có cái gì gọi là dạy, mà chỉ có sự nhớ lại mà thôi. Rõ ràng là anh muốn thấy tôi tự mâu thuẫn với chính mình phải không?

MN Không đâu, ông Socrates, tôi hoàn toàn không có ý ấy. Đó chỉ là thói quen. Nếu ông có cách nào làm tôi hiểu rõ hơn điều ông nói là thật, xin ông vui lòng giúp.

SC: Không dễ đâu, nhưng tôi vẫn muốn cố gắng hết sức giúp anh theo yêu cầu. Tôi thấy anh có một đoàn tùy tùng đông đảo ở đây, vậy anh hãy chọn lấy một người, bất cứ người nào anh thích, tôi sẽ dùng anh ta để chứng minh điều đó cho anh.

MN: Chắc chắn rồi. (*nói với một nô lệ*) Lại đây.

SC: Anh ta người Hy Lạp và nói tiếng của chúng ta chứ?

MN: Vâng - nó sinh ra và lớn lên trong nhà tôi.

SC: Vậy anh hãy nghe cho kỹ rồi cho tôi biết anh thấy nó học do tôi dạy hay chỉ là nhớ lại nhé.

MN: Vâng.

SC: Bây giờ, chú bé, cháu biết một hình vuông là một hình như thế này chứ?

NL: Vâng, cháu biết.

SC: Nó có bốn cạnh bằng nhau phải không?

NL: Vâng.

SC: Và các đường thẳng này ở giữa cũng bằng nhau?

NL: Vâng.

SC: Một hình như thế này có thể có bất kỳ kích thước nào chứ?

NL: Vâng.

SC: Vậy nếu cạnh này dài 2 cm và cạnh này cũng dài bằng,

thì tất cả sẽ là bao nhiêu? Nói cách khác vậy. Nếu chiều này dài 2cm và chiều kia chỉ dài 1cm, thì diện tích có phải 2cm vuông không?

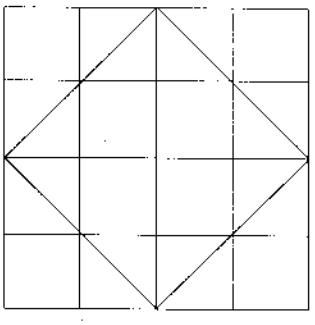

NL: Vâng.

SC: Nhưng vì cả chiều kia cũng dài 2cm, nên nó phải là hai lần 2cm vuông, đúng không?

NL: Vâng.

SC: Và hai lần 2cm vuông là bao nhiêu?

NL: Bốn.

SC: Bây giờ, ta có thể nào vẽ một hình khác gấp đôi hình này nhưng giống hình này, với cả bốn cạnh bằng nhau không?

NL: Có.

SC: Vậy theo cháu, cả hình sẽ là bao nhiêu cm vuông, nếu lấy bốn lần chiều dài?

NL: Vâng.

SC: Diện tích sẽ là bao nhiêu?

NL: Tám.

SC: Bây giờ, hãy thử cho tôi biết mỗi cạnh sẽ dài bao nhiêu? Hình này có một cạnh 2 cm. Cạnh của hình lớn gấp đôi sẽ là bao nhiêu?

MN: Tất nhiên cũng là gấp đôi, thưa bác Socrates.

SC: Anh thấy không, Meno, tôi không dạy thằng bé gì cả, tôi chỉ hỏi nó thôi. Vậy mà bây giờ nó nghĩ rằng nó biết chiều dài cạnh của hình vuông $8cm^2$.

MN: Vâng.

SC: Nhưng nó có biết thật không?

MN: Chắc là không.

SC: Nó nghĩ rằng cạnh này gấp đôi cạnh kia.

MN: Vâng.

SC: Bây giờ anh hãy quan sát xem nó nhớ lại theo thứ tự như thế nào? Đó là cách thích hợp để nhớ lại. (*nói với đứa bé*) Cháu nói rằng cạnh có chiều dài gấp đôi sẽ tạo ra một hình có kích thước gấp đôi phải không? Tôi muốn nói hình này không phải là chiều này dài và chiều kia ngắn. Nó phải có tất cả các cạnh bằng nhau giống như hình thứ nhất, chỉ khác ở chỗ là có kích thước gấp đôi. Cháu hãy suy nghĩ một lát để xem cháu có còn nghĩ rằng cháu biết được nó bằng cách nhân đôi cạnh lên không nhé.

NL: Vâng.

SC: Tốt. Bây giờ chúng ta sẽ có một đoạn thẳng dài gấp đôi đoạn này nếu chúng ta thêm vào một đoạn như thế ở cuối đoạn này chứ?

NL Vâng.

SC: Vậy theo cháu, chính ở đường thẳng này chúng ta sẽ làm được một hình vuông 8cm^2, bằng cách lấy bốn đoạn bằng nhau?

NL: Vâng.

SC: Chúng ta sẽ vẽ bốn đoạn thẳng bằng nhau, bằng cách lấy đoạn thứ nhất làm đáy. Chúng ta sẽ có một hình mà cháu gọi là một hình 8cm^2 chứ?

NL: Vâng.

SC: Nhưng nó gồm có bốn hình vuông này, mỗi hình bằng với hình 4cm vuông lúc đầu không?

NL: Vâng.

SC: Nó lớn bao nhiêu? Có phải gấp bốn lần không?

NL: Tất nhiên.

SC: Và có phải gấp bốn lần thì cũng bằng gấp hai lần không?

NL: Tất nhiên là không.

SC: Vậy gấp đôi chiều dài của cạnh không cho chúng ta một hình lớn gấp đôi mà lớn gấp bốn.

NL: Đúng.

SC: Và bốn lần bốn là mười sáu, phải không?

NL: Vâng.

SC: Vậy cạnh của hình 8cm là bao nhiêu? Nó cho chúng ta một diện tích gấp bốn lần diện tích ban đầu, phải không?

NL: Vâng.

SC: Và một cạnh bằng một nửa chiều dài cho chúng ta một hình vuông 4 cm phải không?

NL: Vâng.

SC: Tốt. Và có phải một hình vuông 8cm bằng hai lần hình này và một nửa hình kia?

NL: Vâng.

SC: Nó sẽ có cạnh lớn hơn cạnh này và nhỏ hơn cạnh kia?

NL: Cháu nghĩ là thế.

SC: Tốt. Cháu nghĩ sao cứ trả lời như thế. Bây giờ cho bác biết: có phải cạnh này 2cm và cạnh kia 4cm?

NL: Vâng.

SC: Vậy cạnh của hình 8cm phải dài hơn 2cm nhưng ngắn hơn 4cm?

NL: Vâng.

SC: Cháu thử nói là bao nhiêu cm?

NL: 3 cm.

SC: Nếu vậy, chúng ta phải cộng thêm một nửa đoạn này để

làm nó thành 3cm sao? Đây là hai và đây là một và ở cạnh này cũng thế chúng ta có hai cộng một: và đây là hình mà cháu muốn.

NL: Vâng.

SC: Vậy nếu chiều này là 3cm và chiều kia là 3cm, có phải tổng diện tích sẽ là ba lần 3cm không?

NL: Có vẻ là thế.

SC: Và là bao nhiêu?

NL: Chín.

SC: Trong khi hình vuông gấp đôi lần hình thứ nhất phải là bao nhiêu?

NL: Tám.

SC: Nhưng chúng ta chưa có hình vuông 8cm từ một cạnh 3cm cơ mà?

NL: Chưa.

SC: Vậy cạnh ấy sẽ là bao nhiêu? Hãy nói chính xác. Nếu cháu không muốn tính, thì chỉ cần chỉ cho chúng ta xem trên hình vẽ.

NL: Thưa bác, cháu không biết.

SC: Anh Meno, hãy xem giai đoạn mà nó đã đạt đến trên con đường hồi tưởng. Lúc đầu nó không biết cạnh của hình vuông 8cm. Cả bây giờ nó cũng không biết, nhưng lúc đó nó nghĩ là nó biết và mạnh bạo trả lời, nó không cảm thấy hoang mang. Nhưng bây giờ thì nó thấy hoang mang. Không những nó không biết câu trả lời, nó cũng không nghĩ là nó biết.

MN: Rất đúng.

SC: Phải chăng nó cũng không khá hơn lúc nó không biết gì không?

MN: Tôi nghĩ là thế.

SC: Vậy khi làm cho nó hoang mang và không nói được gì, giống như nó bị sốc, chúng ta có làm nó thiệt gì hơn không?

MN: Tôi nghĩ là không.

SC: Trên thực tế chúng ta đã giúp nó phần nào trên con đường tìm ra câu trả lời đúng, vì bây giờ không những nó không biết câu trả lời đó, mà còn cảm thấy thích tìm kiếm câu trả lời. Cho tới bây giờ, nó vẫn nghĩ nó có thể nói thông thạo vào nhiều dịp và trước những cử toạ đông đảo, về đề tài hình vuông gấp đôi kích thước một hình vuông cho sẵn, khi nó cho rằng hình vuông ấy phải có cạnh dài gấp đôi.

MN: Chắc chắn rồi.

SC: Anh có nghĩ rằng nó sẽ cố gắng tìm kiếm hay học hỏi điều mà nó nghĩ là nó biết (mặc dù nó không biết), trước khi nó bị ném vào tình trạng hoang mang, trở thành ý

thức về sự ngu dốt của nó và cảm thấy ước muốn hiểu biết không?

MN: Không.

SC: Vậy việc làm cho nó không thể nói được cũng là điều tốt cho nó?

MN: Tôi đồng ý.

SC: Bây giờ, anh hãy quan sát xem, bắt đầu với tình trạng hoang mang này, nó sẽ khám phá được điều gì trong việc tìm kiếm sự thật cùng với tôi, mặc dù tôi chỉ đơn giản hỏi nó các câu hỏi chứ không dạy nó. Anh hãy nhắc nhở tôi nếu có chỗ nào tôi lên tiếng dạy nó hay cắt nghĩa cho nó, thay vì chỉ hỏi ý kiến của nó thôi nhé.

Cậu bé, nói cho bác nghe, phải hình vuông này là hình 4 cm mà chúng ta đã vẽ không?

NL: Vâng.

SC: Bây giờ chúng ta có thể thêm một hình vuông khác bằng với nó như thế này chứ?

NL: Vâng.

SC: Và một hình thứ ba ở đây, bằng với các hình khác?

NL: Vâng.

SC: Và rồi chúng ta có thể vẽ thêm hình này ở bên góc?

NL: Vâng.

SC: Vậy là chúng ta có bốn hình vuông bằng nhau?

NL: Vâng.

SC: Và tổng cộng bằng bao nhiêu lần hình vuông đầu tiên?

NL: Bốn lần.

SC: Và chúng ta muốn có một hình lớn gấp đôi. Cháu còn nhớ chứ?

NL: Vâng.

SC: Bây giờ có phải đoạn thẳng này từ góc này sang góc kia cắt mỗi hình vuông này thành hai không?

NL: Vâng.

SC: Và bốn đoạn thẳng này bằng nhau bao quanh diện tích này chứ?

NL: Đúng.

SC: Bây giờ hãy nghĩ xem. Diện tích này bao nhiêu?

NL: Cháu không hiểu.

SC: Đây là bốn hình vuông. Có phải mỗi đoạn thẳng đều chia mỗi hình vuông thành hai nửa không?

NL: Vâng.

SC: Và có bao nhiêu nửa trong hình này?

NL: Bốn.

SC: Và bao nhiêu trong hình này?

NL: Hai.

SC: Và tỉ lệ giữa bốn với hai là bao nhiêu?

NL: Gấp đôi.

SC: Vậy hình này lớn bao nhiêu?

NL: 8cm.

SC: Đáy của nó là cạnh nào?

NL: Cạnh này.

SC: Đường đi từ góc này tới góc kia của hình vuông 4 cm?

NL: Vâng.

SC: Tên gọi đường này là "đường chéo"; vậy nếu chúng ta dùng tên gọi này, thì ý kiến riêng của cháu là hình vuông trên đường chéo của hình vuông thứ nhất gấp đôi diện tích của nó.

NL: Đúng thế.

SC: Anh nghĩ sao, Meno? Thằng bé đã trả lời với ý kiến riêng của nó đấy chứ?

MN: Vâng, ý kiến của nó.

SC: Nhưng nó không biết, như chúng ta đã nhất trí trước đây.

MN: Đúng.

SC: Nhưng những ý kiến ấy phần nào có trong nó, phải không?

MN: Vâng.

SC: Vậy một người không biết nhưng lại có nơi họ những ý kiến đúng về một đề tài mà không có kiến thức.

MN: Có vẻ là như thế.

SC: Lúc này các ý kiến ấy, vừa được khơi dậy, có một tính chất giống như trong giấc mơ. Nhưng nếu cùng những câu hỏi như thế được đặt ra cho anh ta vào nhiều dịp khác nhau và bằng những cách thức khác nhau, anh có thể thấy rằng cuối cùng anh ta sẽ có tri thức về một đề tài cũng chính xác như những người khác.

MN: Rất có thể.

SC: Tri thức này sẽ không phát sinh từ sự dạy dỗ nhưng từ các câu hỏi. Anh ta sẽ tự mình tìm ra.

MN: Vâng.

SC: Và tự nhiên mà tìm ra kiến thức nơi mình chính là sự nhớ lại, đúng không?

MN: Đúng.

SC: Và tri thức mà bây giờ anh ta có thì phải là do anh ta học được hay đã có tự bẩm sinh, đúng không?

MN Vâng.

SC: Nhưng nếu là do tự bẩm sinh thì anh ta phải luôn luôn có nó; hay nếu anh ta đã học được, thì không phải là ở đời này, trừ khi anh ta đã học hình học; vì anh ta có thể được dạy về hình học cũng giống như về mọi ngành tri thức khác. Nhưng đã có ai dạy anh ta không? Bản thân anh phải biết điều này, vì như anh nói, anh ta đã sinh ra và lớn lên trong nhà anh.

MN: Tôi chắc chắn là không có ai dạy anh ta.

SC: Thế mà anh ta đã có tri thức ấy.

MN: Đó là điều vô cùng chắc chắn, ông Socrates.

SC: Nhưng nếu anh ta không học được tri thức này ở đời này, thì rõ ràng anh ta đã phải học nó vào một thời nào khác, đúng không?

MN: Đó là chuyện đương nhiên.

SC: Và chắc chắn phải là thời trước khi anh ta là người?

MN: Vâng.

SC: Và nếu đã luôn luôn có các tư tưởng đúng nơi anh ta, cả vào thời anh ta là người và trước thời là người, mà chỉ cần đánh thức nó thành tri thức bằng cách nêu lên cho anh ta các câu hỏi, thì hẳn là anh ta đã phải luôn luôn có tri thức này, vì anh ta luôn luôn hoặc là người hoặc không là người?

MN: Điều đó quá rõ.

SC: Và nếu sự thật của mọi sự luôn luôn tồn tại trong linh hồn, thì linh hồn phải là bất tử. Vì vậy anh hãy vui lên và cố gắng nhớ lại điều anh không biết, hay đúng hơn điều anh không nhớ.

MN: Tôi cảm thấy rất thích điều ông đang nói

SC: Và anh Meno, tôi cũng thích điều tôi đang nói. Một số điều tôi đã nói, tôi không hoàn toàn tin tưởng. Nhưng chúng ta sẽ khá hơn, can đảm hơn và hi vọng hơn nếu chúng ta nghĩ rằng mình phải tìm tòi; hơn là chúng ta lười biếng chiều theo sự tưởng tượng rằng không có tri thức và đi tìm điều chúng ta không biết là việc làm vô ích; đây là một đề tài mà tôi muốn cố gắng đấu tranh đến cùng bằng tất cả khả năng của mình.

MN: Ông Socrates, ông nói điều đó rất hay.

SC: Vậy, như ta đã nhất trí rằng một người phải tra cứu về cái mà mình không biết, anh có sẵn sàng cùng tôi cố gắng tra cứu về bản chất của nhân đức không?

MN: Hoàn toàn sẵn sàng, ông Socrates. Nhưng tôi muốn quay trở lại câu hỏi ban đầu của tôi, Nhân đức có phải là do dạy dỗ, hay do bẩm sinh, hay tập được bằng cách nào khác?

SC: Nếu tôi có quyền làm chủ được anh giống như tôi làm chủ bản thân mình, thì tôi sẽ không tìm hiểu xem nhân đức có dạy được hay không, trừ khi tôi biết được "nhân đức là gì". Nhưng vì anh không bao giờ nghĩ tới việc làm chủ chính mình, mà chỉ làm chủ tên nô lệ của anh

và đây là khái niệm của anh về tự do, nên tôi phải chiều theo anh, chứ không thể có cách nào khác. Và vì vậy bây giờ tôi phải tra cứu về các tính chất của cái mà hiện tại tôi không biết bản tính của nó. Dù sao, xin anh cũng nhân nhượng một chút và cho phép câu hỏi "Nhân đức có dạy được không, hay là do một cách nào khác" được chúng ta tranh luận dựa trên một giả thiết. Giống như một nhà hình học, khi được hỏi một hình tam giác có thể được vẽ trong một hình tròn nào đó hay không, họ sẽ trả lời: "Tôi chưa thể nói với bạn được; nhưng tôi sẽ đưa ra một giả thiết có thể giúp chúng ta hình thành một kết luận: Nếu không gian có tính chất khiến cho khi ta vẽ dọc theo một đường thẳng đã cho một hình khác, mà hình cho ban đầu bị giảm đi một phần bằng với phần được thêm vào, thì sẽ có một hệ quả, còn nếu không thể thì sẽ có một hệ quả khác; và vì thế tôi muốn đặt một giả thiết trước khi tôi nói cho anh biết tam giác này có thể được nằm trong hình tròn hay không": - đó là giả thiết của hình học. Và chúng ta cũng thế, vì không biết bản chất và các tính chất của nhân đức, chúng ta phải hỏi nhân đức có dạy được hay không, dựa vào một giả thiết: đó là, nếu nhân đức thuộc loại các sự thiện của tinh thần, nó có thể dạy được hay không? Ta hãy lấy giả thiết đầu tiên rằng nhân đức là tri thức hay không là tri thức, trong trường hợp ấy nó có thể dạy được hay không? Hay, như chúng ta vừa nói tức thì, "có thể nhớ lại" hay không? Bởi vì sẽ vô ích nếu chỉ tranh cãi về tên gọi. Nhưng nhân đức có dạy được hay không? Hay đúng hơn, có phải mọi người đều thấy rằng chỉ có tri thức là có thể dạy được?

MN: Tôi đồng ý.

SC: Vậy nếu nhân đức là tri thức, nhân đức có thể dạy được chứ?

MN: Chắc chắn rồi.

SC: Vậy là bây giờ chúng ta đã kết thúc nhanh vấn đề này: nếu nhân đức có bản chất như thế, nó có thể dạy được; nếu không, nó không thể dạy được.

MN: Chắc chắn.

SC: Và câu hỏi tiếp theo là, nhân đức là tri thức hay là một loại khác?

MN: Vâng, có vẻ như đó là câu hỏi tiếp theo.

SC: Chúng ta đã nói nhân đức là một sự thiện phải không?

Đây là một giả thiết không thể gạt ra ngoài.

MN: Chắc chắn rồi.

SC: Vậy nếu có sự thiện nào không phải là tri thức, thì nhân đức phải là sự thiện ấy; nhưng nếu tri thức bao hàm mọi sự thiện, thì chúng ta sẽ có lý khi nghĩ rằng tri thức là một thứ sự thiện nào đó?

MN: Đúng.

SC: Và nhân đức làm chúng ta nên tốt?

MN: Vâng.

SC: Và nếu chúng ta tốt, thì chúng ta có lợi; vì mọi điều tốt đều có lợi, phải không?

MN: Vâng.

SC: Vậy nhân đức thì có lợi?

MN: Chỉ có thể kết luận như thế.

SC: Vậy bây giờ chúng ta hãy xem những điều gì có nhiều lợi cho chúng ta nhất. Sức khỏe và sức mạnh, sắc đẹp và của cải - theo chúng ta, những thứ này có lợi cho chúng ta?

MN: Đúng.

SC: Nhưng chúng đôi khi cũng làm hại chúng ta: anh có nhìn nhận như thế không?

MN: Tôi nhìn nhận.

SC: Và đâu là nguyên tắc làm cho chúng có lợi hay có hại? Có phải chúng có lợi khi chúng được dùng đúng, có hại khi chúng không dùng đúng?

MN: Chắc chắn.

SC: Tiếp đến, chúng ta hãy xét đến các sự thiện của linh hồn: đó là tiết độ, công bằng, can đảm, mau hiểu, trí nhớ, quảng đại, v.v...?

MN: Chắc chắn.

SC: Và những thứ này không phải là tri thức, nhưng thuộc một loại khác, chúng đôi khi có lợi, đôi khi có hại; ví dụ can đảm, vốn không có sự thận trọng, mà chỉ là một sự tự tin? Khi một người không suy nghĩ, người ấy bị hại vì sự can đảm, nhưng khi có suy nghĩ, người ấy được lợi?

MN: Đúng.

SC: Và cùng điều này có thể nói về sự điều độ và mau hiểu; bất cứ điều gì được học hay làm với ý thức đều có lợi, nhưng khi không có ý thức, chúng có hại?

MN: Rất đúng.

SC: Và nói chung, tất cả những gì mà linh hồn cố gắng hay chịu đựng, khi được sự khôn ngoan hướng dẫn, thì dẫn đến hạnh phúc; nhưng khi chịu sự điên rồ hướng dẫn, thì ngược lại.

MN: Có vẻ đúng như thế.

SC: Vậy nếu nhân đức là một sự thiện của linh hồn và có lợi, nó phải là sự khôn ngoan hay thận trọng, vì một số sự thiện của linh hồn có thể có lợi hay có hại tùy theo nó được hướng dẫn bởi sự khôn ngoan hay điên rồ; và vì vậy, nếu nhân đức có lợi, nó phải là một thứ khôn ngoan hay thận trọng?

MN: Tôi cũng nghĩ như thế.

SC: Và các sự thiện khác, như của cải và các điều tương tự, mà chúng ta vừa nói chúng khi thì là điều tốt khi thì là điều xấu, có phải chúng cũng có thể làm lợi hay gây hại, tùy theo linh hồn hướng dẫn chúng đúng hay sai - như trong linh hồn nói chung, khôn ngoan là người hướng dẫn có lợi và điên rồ là người hướng dẫn có hại?

MN: Đúng thế.

SC: Và linh hồn khôn ngoan thì hướng dẫn chúng đúng, còn linh hồn điên rồ hướng dẫn chúng sai?

MN: Vâng.

SC: Và có phải điều này cũng đúng một cách phổ quát cho bản tính con người không? Mọi điều khác đều dựa vào linh hồn và mọi điều của linh hồn dựa vào sự khôn ngoan, nếu chúng muốn là những điều tốt; và theo quan điểm này về vấn đề, thì cái gì có lợi là khôn ngoan - và nhân đức, như chúng ta nói, thì có lợi?

MN: Chắc chắn.

SC: Thế là chúng ta đã đi đến kết luận rằng nhân đức là một phần hay toàn thể sự khôn ngoan, đúng không?

MN: Ông Socrates, tôi nghĩ ông nói rất đúng.

SC: Nhưng nếu đúng như thế, thì những người tốt không phải là tốt tự bản chất?

MN: Tôi nghĩ là không.

SC: Vì nếu là như thế, thì giữa chúng ta hẳn phải có các nhà chuyên môn về tính tình có khả năng biết trước được các vĩ nhân tương lai của chúng ta; và chúng ta phải tìm ra họ và khi đã tìm thấy họ, chúng ta phải giữ họ trong thành để bảo vệ họ khỏi mọi thiệt hại và đóng dấu ấn trên họ hơn là trên vàng bạc, để không ai có thể lầm lẫn họ; và khi họ đã lớn lên, họ sẽ trở thành có ích cho đất nước?

MN: Vâng, ông Socrates, chúng ta phải làm thế.

SC: Nhưng nếu những người tốt không phải tốt tự bản chất, thì phải chăng họ tốt nhờ được dạy dỗ?

MN: Không có lựa chọn nào khác, ông Socrates. Dựa trên giả

thiết rằng nhân đức là tri thức, ta chắc chắn rằng nhân đức là do dạy dỗ.

SC: Đúng như thế; nhưng nếu giả thiết của chúng ta sai thì sao?

MN: Tôi vừa chợt nghĩ rằng chắc chắn giả thiết của chúng ta là đúng.

SC: Phải, anh Meno; nhưng một nguyên tắc nếu muốn có giá trị thì nó phải đứng vững luôn luôn và mãi mãi, chứ không chỉ lúc này hay lúc khác.

MN: Có lý; nhưng tại sao ông lại quá chậm chạp để tin rằng tri thức là nhân đức?

SC: Tôi sẽ cố gắng nói cho anh biết tại sao, anh Meno. Tôi không rút lại khẳng định rằng nếu nhân đức là tri thức, nó có thể dạy được; nhưng tôi vẫn e rằng tôi có lý do để nghi ngờ liệu nhân đức có phải tri thức không: bây giờ anh hãy thử nghĩ xem nhân đức hay bất cứ cái gì được dạy, cũng đều phải có các thầy dạy và học trò chứ?

MN: Chắc chắn rồi.

SC: Hơn nữa, một học thuật mà không có học trò cũng không có thầy dạy phải được coi là không thể nào dạy được, đúng không?

MN: Đúng; nhưng ông nghĩ rằng nhân đức không có người dạy hay sao?

SC: Tôi thường tìm kiếm xem có thầy dạy nào không và đã cố gắng hết sức trong việc tìm kiếm này, nhưng cho tới nay tôi chưa bao giờ thành công; và nhiều người cũng đã giúp tôi tìm kiếm và họ là những người mà tôi nghĩ là có khả năng nhất để biết điều này. May quá ở đây có anh Anytus, anh có mặt giữa chúng ta vào đúng lúc chúng ta cần; anh là người chúng ta phải hỏi ý kiến. Trước hết, anh là con của một người cha giàu có và khôn ngoan, ông Anthemion, người có rất nhiều của cải, không phải do may mắn hay quà tặng, như Ismenias người Theba (ông này mới đây đã trở nên giàu có ngang với Polycrates), nhưng nhờ chính tài năng và sự chăm chỉ làm việc của ông và ông là một người lịch sự, khiêm tốn, không khoe khoang kiêu kỳ hay làm phiền cho ai; hơn nữa, ông đã mang lại cho con trai ông một nền giáo dục tốt, như người dân Athens chắc chắn nghĩ như thế, vì họ đã cử ông vào những chức vụ cao nhất. Và đây là loại người mà anh có thể học và biết được là liệu có các thầy dạy nhân đức nào không và họ là ai? Vậy anh Anytus, anh vui lòng giup tôi và Meno - ạn anh,

để trả lời câu hỏi của chúng ta, Các thầy dạy là ai? Hãy xét vấn đề như sau: Nếu chúng ta muốn Meno trở thành một thầy thuốc giỏi, chúng ta phải gửi anh đến với ai? Hẳn chúng ta phải gửi đến với các thầy thuốc chứ?

AN Chắc chắn rồi.

SC: Hay nếu chúng ta muốn anh ấy là một thợ đóng giày giỏi, chúng ta phải gửi anh đến học các thợ đóng giày chứ?

AN Đúng.

SC: Phiền anh cho tôi hỏi thêm một câu nữa. Khi chúng ta nói chúng ta có lý khi gửi anh đến học các thầy thuốc nếu anh muốn trở thành thầy thuốc, có phải chúng ta muốn nói rằng chúng ta có lý khi gửi anh đến với những người hành nghề, thay vì những người không hành nghề và đến với những người đòi phải trả tiền học và sẵn sàng dạy cho bất cứ ai đến học? Nếu chúng ta có lý khi gửi anh đến với những người ấy, có phải đó là lý do không?

AN Vâng.

SC: Và chúng ta có thể nói y như thế về nghề chơi sáo hay các nghề khác không? Không ai muốn làm cho một người trở thành người chơi sáo giỏi mà từ chối gửi họ đến với những người đòi tiền thù lao để dạy nghề cho họ và nài nỉ những người khác dạy anh ta, nếu những người này không chuyên giảng dạy và không bao giờ có một học trò trong ngành tri thức mà chúng ta muốn anh ta học - đó sẽ là sự điên rồ tột độ phải không?

AN Vâng và còn là ngu dốt nữa.

SC: Tốt. Bây giờ thì anh đã ở trong vị trí tốt để cho tôi lời khuyên về anh bạn Meno của tôi rồi. Anh ta đã nói với tôi rằng anh ta muốn đạt được khôn ngoan và nhân đức, là những đức tính mà nhờ đó người ta sắp đặt trật tự cho nhà nước, gia đình và tôn kính cha mẹ, và biết cách cư xử thích hợp trong mọi hoàn cảnh đúng theo tư cách một con người tốt. Vậy, chúng ta nên gửi anh ta đến với ai để anh ta học được nhân đức này? Lý luận trên đây của chúng ta đã chẳng ngụ ý rõ ràng rằng anh ta phải đến với những người chuyên môn và họ là những bậc thầy của Hy Lạp, họ sẵn sàng dạy dỗ bất cứ ai muốn, với một khoản thù lao nhất định sao?

AN Ông muốn nói đến những ai vậy, ông Socrates?

SC: Anh Anytus, chắc chắn anh biết rõ đó là những người được mọi người gọi là các nhà Nguỵ biện, đúng không?

AN Trời! Ông Socrates, chớ nhắc đến họ! Tôi chỉ hi vọng rằng không một người thân thích, bạn bè hay quen biết của tôi, dù là đồng bào hay người ngoài, mà lại điên đến độ để mình cho bọn người ấy làm đồi bại; bởi vì quả thực họ rõ ràng là một dịch bệnh và ảnh hưởng xấu đến những ai tiếp xúc với họ.

SC: Anh nói thế nghĩa là gì, anh Anytus? Trong tất cả những người tự xưng là mình biết cách làm cho con người nên tốt, phải chăng chỉ có những người này là những người không những không làm người ta nên tốt, mà còn tích cực làm hư những người được gửi đến cho họ dạy dỗ sao? Điều này rất lạ đấy. Hơn nữa, họ là những người công khai đòi tiền thù lao. Thực vậy, tôi có thể không tin điều này; vì tôi biết có một người duy nhất là Protagoras, là người đã làm ra nhiều tiền bạc nhờ nghề giảng dạy của ông ta hơn cả nhà điêu khắc nổi tiếng Phidias, hay bất cứ mười thợ điêu khắc nào khác. Làm sao có thể thế được? Một thợ sửa giày hay sửa quần áo, nếu làm cho giày hay quần áo trở nên xấu hơn lúc người ta đem đến sửa, thì hẳn họ sẽ không thể cầm cự quá ba mươi ngày mà không bị phát hiện và rốt cuộc họ sẽ phải chết đói; trong khi Protagoras, trong hơn bốn mươi năm làm hư hỏng các học trò của ông và biến họ thành xấu xa hơn lúc họ đến với ông, thế mà cả Hy Lạp đã không phát hiện ra điều đó. Bởi vì, nếu tôi không lầm, ông mất năm ông khoảng 70 tuổi, mà đã qua bốn mươi năm hành nghề; và trong suốt thời gian ấy ông luôn giữ được tiếng tốt và vẫn còn giữ được tiếng tốt ấy cho tới hôm nay: và không chỉ có Protagoras, mà rất nhiều người khác nữa cũng có tiếng tốt; một số sống trước ông, số khác nay vẫn còn sống. Vậy thì, khi anh nói rằng họ lừa gạt và làm hư hỏng giới trẻ, thử hỏi rằng họ đã làm điều đó một cách vô tình hay hữu ý? Có thể nào những người được nhiều người coi là những bậc thông thái nhất của Hy Lạp lại là những kẻ điên rồ không?

AN Họ à? Không đâu, ông Socrates; những thanh niên bỏ tiền ra để học với họ mới là những kẻ điên rồ, cũng như những người thân thích và bảo vệ của các thanh niên gửi chúng đến với họ mới là những kẻ điên rồ và đa số các thành phố cho phép họ đến mà không trục xuất họ

cũng thế, dù là trong nước hay ở nước ngoài.

SC: Phải chăng có nhà Nguỵ biện nào đã có điều không phải với anh, Anytus? Sao anh lại tức giận với họ đến thế?

AN Không, cả tôi và tất cả những gì thuộc về tôi đều không bao giờ có gì chung đụng với hạng người ấy.

SC: Vậy là anh không quen biết gì với họ?

AN Tôi cũng chẳng thèm quen biết họ làm gì.

SC: Vậy, anh bạn thân mến, làm sao anh có thể biết một điều gì là tốt hay xấu nếu anh hoàn toàn không biết gì về nó?

AN Biết rất rõ; tôi chắc chắn tôi biết họ là những hạng người nào, cho dù tôi biết họ hay không.

SC: Hẳn anh phải là một nhà tiên tri, anh Anytus, vì tôi thực sự không hiểu, dựa vào các lời nói của anh, làm thế nào anh biết được về họ, nếu anh không quen họ. Nhưng tôi không hỏi anh ai là những thầy dạy đã làm hư hỏng anh Meno (cứ cho họ là các nhà Nguỵ biện đi); tôi chỉ xin anh nói cho tôi biết trong thành phố lớn này có ai có thể dạy cho Meno biết đạt tới các nhân đức cao cả mà tôi vừa mô tả không. Anh ấy là người bạn của gia đình anh và anh ấy sẽ biết ơn anh.

AN Tại sao chính ông không nói cho anh ta biết?

SC: Tôi cũng đã nói cho anh ấy biết tôi nghĩ ai là những thầy dạy về các điều này; nhưng tôi học được ở anh rằng tôi đã lầm và tôi dám chắc rằng anh có lý. Vậy bây giờ tôi muốn chính anh nói cho tôi biết anh ta phải đến với thầy dạy nào giữa những người dân Athens. Anh có thể kể tên họ ra không?

AN Cần gì phải kể tên? Nếu anh ta muốn, bất cứ người quí tộc Athens nào cũng có thể giúp ích cho anh ta nhiều hơn là các nhà Nguỵ biện.

SC: Và những nhà quí tộc này đã tự giáo dục mình; và không được ai khác dạy dỗ, họ vẫn có thể dạy người khác những điều mà bản thân họ chưa bao giờ học sao?

AN Tôi nghĩ họ đã học được từ thế hệ các nhà quí tộc trước họ. Trong thành phố này chẳng phải có rất nhiều người tốt đấy sao?

SC: Chắc chắn là có rồi, anh Anytus; và cũng luôn luôn có nhiều nhà chính khách tốt, cả trong quá khứ cũng như hiện tại, trong thành Athens.

Nhưng câu hỏi của tôi là, có phải họ cũng là những thầy dạy giỏi về nhân đức của chính họ; - câu hỏi không phải là có những người tốt hay không, mà là nhân đức có thể dạy được hay không, đó mới chính là câu hỏi chúng ta đang thảo luận. Vậy, chúng ta có muốn nói rằng những người tốt của thời chúng ta và các thời khác, biết cách thông truyền cho người khác nhân đức mà bản thân họ có hay không; hay nhân đức này không thể thông truyền hay chia sẻ từ một người sang một người khác? Đó mới là câu hỏi mà tôi và Meno đang tranh luận. Anh cứ suy xét vấn đề theo cách của mình. Anh có nhìn nhận Themistocles là một con người tốt không?

AN Chắc chắn rồi; không ai tốt hơn.

SC: Và ông ấy hẳn phải là một thầy dạy tốt về nhân đức của chính ông ta chứ, nếu chúng ta tin rằng có người là một thầy dạy tốt?

AN Vâng, chắc chắn, nếu người ấy muốn là thầy dạy tốt.

SC: Nhưng không lẽ người ấy lại không muốn như thế? Bất luận thế nào, họ thường phải muốn làm cho con trai của chính họ trở thành một người tốt và một nhà quí tộc, hoặc họ phải cố ý không muốn thông truyền nhân đức của họ cho con họ. Anh có bao giờ nghe nói ông ấy đã huấn luyện cho con trai mình là Cleophantus trở thành một người cưỡi ngựa giỏi không? Anh ta có thể đứng thẳng người trên lưng ngựa và ném lao; và anh ta có thể làm nhiều điều kỳ diệu khác nữa nhờ được cha dạy dỗ; và bất cứ năng khiếu gì mà một bậc thầy có thể dạy cho anh ta, thì anh ta đều thành thạo. Anh có từng được các bậc cha ông chúng ta kể lại các chuyện này không?

AN Có.

SC: Vậy không ai có thể nói là con trai ông ấy bất tài chứ?

AN Không thể.

SC: Nhưng anh có nghe ai, dù già hay trẻ, kể lại rằng Cleophantus, con trai Themistocles, là một người tốt và khôn ngoan, giống như cha anh ta không?

AN Tôi chưa từng nghe ai nói điều đó.

SC: Vậy nếu nhân đức có thể dạy được, thì liệu ông ấy có ráng hết sức để huấn luyện con trai ông về các kỳ tích như thế, nhưng thực tế lại để cho nó không hơn gì những người

đồng loại về các nhân đức mà ông trội vượt không?

AN Hẳn là không, tôi nghĩ thế.

SC: Chúng ta nói tạm đủ về Themistocles, một bậc thầy dạy nhân đức mà anh coi là thầy dạy tốt nhất trong quá khứ. Chúng ta lấy ví dụ một người khác, Aristides, con trai của Lysimachus: anh nhìn nhận ông ấy là một người tốt chứ?

AN Chắc chắn rồi.

SC: Và ông ấy đã huấn luyện con trai mình để trở thành người tài giỏi hơn mọi người Athens khác trong tất cả các tài nghệ mà anh ta có thể đạt được nhờ sự trợ giúp của các thầy dạy chứ? Nhưng kết quả thế nào? Anh ta có hơn gì bất cứ người nào khác không? Anh biết anh ta và anh thấy anh ta là người như thế nào. Rồi còn Pericles, một người khôn ngoan lỗi lạc; và anh cũng biết ông ấy có hai con trai là Paralus và Xanthippus.

AN Tôi biết họ.

SC: Và anh cũng biết ông ấy đã dạy các con trai mình trở thành những người có tài cưỡi ngựa vô địch và còn huấn luyện họ về âm nhạc, thể thao và mọi loại nghệ thuật; và họ đứng ở bậc nhất trong các lĩnh vực này và ông ấy không muốn làm cho họ trở thành những con người tốt hay sao? Nhất định là ông phải muốn điều đó. Nhưng tôi nghi rằng nhân đức không thể dạy được. Anh cũng hãy nhớ đến ông Thucydides; ông có hai con trai là Melesias và Stephanus, được ông huấn luyện chủ yếu môn đô vật; và họ cũng được hưởng một nền giáo dục tốt và là những đô vật giỏi nhất ở Athens; một trong hai người này được ông giao phó nhiệm vụ chăm sóc cho Xanthias, người kia chăm sóc cho Eudorus, họ đều là những tay đô vật nổi tiếng nhất thời đó. Anh nhớ họ chứ?

AN Tôi có nghe nói đến họ.

SC: Vậy có thể nào nghi ngờ rằng Thucidides, người đã tốn rất nhiều tiền của để nhờ thầy dạy các con mình môn đô vật, mà lại không dạy các con mình trở thành những người tốt, dù không phải mất đồng nào, nếu nhân đức có thể dạy được? Anh có thể nào nói rằng ông ấy là một người keo kiệt và không có nhiều bạn bè cũng như đồng minh giữa những người Athens không? Ngược lại, ông ấy thuộc một dòng họ lớn và là một người có nhiều ảnh hưởng tại Athens cũng như trên khắp đất Hy Lạp, và nếu nhân đức có thể dạy được, hẳn ông ấy đã

phải tìm thầy để dạy cho các con ông trở thành người tốt, nếu bản thân ông ấy không có thời giờ vì ông phải bận lo công việc của đất nước. Một lần nữa, tôi nghi rằng nhân đức là điều không thể dạy được.

AN Ông Socrates, tôi nghĩ ông quá vội nói xấu về những người khác đấy: và nếu ông chịu nghe lời khuyên của tôi, tôi khuyên ông nên cẩn thận hơn. Tôi dám nói rằng trong bất cứ thành phố nào, làm hại người ta thường dễ hơn là làm ích cho người ta và ở Athens này cũng thế, tôi tin rằng ông biết điều đó.

SC: Anh Meno ơi, tôi nghĩ Anytus đã nổi giận rồi đấy. Và anh ta có lý để nổi giận, vì anh ta nghĩ tôi đang bôi nhọ những nhà quý tộc này; và anh ta cũng nghĩ mình thuộc số những nhà quí tộc này. Tuy bây giờ anh ta chưa hiểu, nhưng sau này khi anh ta hiểu rõ nghĩa của sự bôi nhọ, anh ta sẽ tha thứ cho tôi. Bây giờ tôi quay sang anh, anh Meno; vì tôi nghĩ rằng trong vùng của anh cũng có các nhà quí tộc?

MN: Chắc chắn là có.

SC: Vậy họ có muốn dạy dỗ thanh niên không? Và họ có hành nghề giảng dạy không? Và họ có đồng ý rằng nhân đức có thể dạy được không?

MN: Không, ông Socrates, họ hoàn toàn không đồng ý như thế; và ông có thể nghe họ khi thì nói rằng nhân đức có thể dạy được, khi khác lại nói ngược lại.

SC: Chúng ta có thể gọi họ là thầy dạy không, khi mà họ không nhìn nhận khả năng trong chính nghề của họ?

MN: Tôi nghĩ là không, ông Socrates.

SC: Và anh nghĩ gì về các nhà Nguỵ biện này, những người duy nhất được coi là các bậc thầy ? Anh có thấy họ là các thầy dạy nhân đức không?

MN: Ông Socrates, tôi thường tự hỏi ông có bao giờ nghe Gorgias hứa dạy nhân đức không: và khi ông ấy nghe người khác hứa điều đó, ông ấy chỉ cười; nhưng ông ấy nghĩ rằng phải dạy người ta cách ăn nói.

SC: Vậy anh không nghĩ các nhà Nguỵ biện là các thầy dạy phải không?

MN: Tôi không chắc, ông Socrates; giống như mọi người khác, tôi vẫn hoài nghi, khi thì tôi nghĩ họ là thầy dạy, khi thì không.

SC: Và anh có biết rằng không chỉ có anh và các chính khách

khác đã hoài nghi rằng nhân đức có thể dạy được hay không, mà cả thi sĩ Theognis cũng nói như thế - anh có biết không?

MN: Ông ấy nói ở chỗ nào?

SC: Trong các câu thơ bi ai sau đây:

"Hãy ăn uống và ngồi với những bậc quyền quý và hãy làm vừa lòng họ; vì từ người tốt bạn sẽ học được điều tốt, nhưng nếu bạn giao du với người xấu, bạn sẽ mất trí thông minh mà bạn vốn có".

Anh có thấy rằng ở đây có vẻ như thi sĩ nghĩ rằng nhân đức có thể dạy được không?

MN: Rõ ràng là thế.

SC: Nhưng ở một số chỗ khác thi sĩ lại thay đổi giọng điệu và nói: -

"Nếu sự hiểu biết có thể được tạo ra và đặt vào trong một người, thì hẳn họ (những người có khả năng làm được điều này) phải nhận được những phần thưởng to lớn".

Và còn ở một chỗ khác nữa: -

"Một đứa con hư không bao giờ sinh từ một người cha tốt, bởi vì nó được nghe lời dạy dỗ; bằng sự dạy dỗ bạn sẽ không bao giờ biến một người xấu thành một người tốt được".

Anh thấy đấy, câu này mâu thuẫn với câu kia.

MN: Rất dễ nhận ra điều đó.

SC: Và có còn điều gì khác nữa cho thấy các thầy dạy không những khẳng định mình không phải là những người dạy người khác, mà còn hoàn toàn không biết về chính những điều mà họ giảng dạy; và về những điều mà chính các nhà "quí tộc" khi thì nói rằng "điều này có thể dạy được", và khi lại nói rằng không. Anh có thể nói họ là những thầy dạy có thẩm quyền khi mà các ý niệm của họ không được rõ ràng không?

MN: Hẳn là không rồi.

SC: Nhưng nếu cả những nhà Ngụy biện lẫn các nhà quí tộc khác đều không phải là các thầy dạy, thì rõ ràng không thể có loại thầy dạy nào khác?

MN: Không.

SC: Và nếu không có thầy dạy, thì cũng không có học trò?

MN: Đồng ý.

SC: Và chúng ta đã đồng ý rằng một điều không thể dạy nếu không có thầy dạy cũng không có học trò?

MN: Đã nhất trí như thế.

SC: Và không thể tìm thấy thầy dạy nhân đức ở bất cứ đâu?

MN: Không thể.

SC: Và nếu không có thầy thì cũng không có trò?

MN: Đúng thế.

SC: Vậy thì nhân đức không thể dạy được?

MN: Không thể, nếu quan điểm của chúng ta là đúng. Nhưng ông Socrates, tôi không thể tin rằng không có những người tốt trong nước này. Và nếu có, thì họ phát xuất từ đâu?

SC: Anh Meno, tôi e rằng cả anh lẫn tôi đều không tốt gì mấy và Gorgias đã dạy cho anh cũng dở như Prodicus đã dạy cho tôi. Chắc chắn chúng ta phải tìm kiếm giữa chúng ta xem có thể tìm ra ai giúp chúng ta nên tốt hơn không. Tôi nói điều này bởi vì tôi nhận thấy trong phần thảo luận trước không ai trong chúng ta có nhận xét rằng hành vi tốt và đúng là điều có thể đối với một người được sự hướng dẫn bởi một cái gì khác ngoài tri thức; và thực vậy, nếu phủ nhận điều này, thì không thể nào thấy được làm thế nào có thể có những người tốt.

MN: Vậy ông nghĩ bằng cách nào, ông Socrates?

SC: Tôi muốn nói thế này - người tốt bắt buộc phải là người có ích. Chúng ta nói thế có đúng không?

MN: Đúng.

SC: Và chúng ta có đúng khi giả thiết rằng họ chỉ có ích khi họ là những người hướng dẫn hành động đúng - chúng ta nói như thế có đúng không?

MN: Đúng.

SC: Nhưng có vẻ chúng ta không đúng khi nói rằng chỉ có tri thức là hướng dẫn đúng và tốt cho hành động?

MN: Ông nói "đúng" có nghĩa là gì?

SC: Tôi sẽ cắt nghĩa. Nếu một người biết con đường đến Larisa, hay bất cứ đâu khác, đến nơi đó và đưa người khác đến nơi đó, họ có phải là người hướng dẫn đúng và tốt không?

MN: Chắc chắn rồi.

SC: Và một người có một ý kiến đúng về đường đi, mặc dù chưa từng đến và chưa từng biết nơi đó, họ cũng là một người hướng dẫn tốt chứ?

MN: Chắc chắn.

SC: Và trong khi họ có ý kiến đúng về điều mà người khác biết, họ cũng là một người hướng dẫn tốt nếu họ tin vào sự thật, mặc dù họ không biết sự thật?

MN: Chính xác.

SC: Vậy ý kiến đúng cũng là hướng dẫn tốt cho hành động đúng giống như sự khôn ngoan vậy; và đó là điểm chúng ta đã bỏ sót khi chúng ta bàn về bản chất của nhân đức, khi chúng ta nói rằng chỉ có khôn ngoan mới là hướng dẫn cho hành động đúng; trong khi còn có ý kiến đúng nữa.

MN: Đúng thế.

SC: Vậy ý kiến đúng cũng có ích không kém tri thức?

MN: Ông Socrates, chỉ có khác biệt ở chỗ người có tri thức thì luôn luôn đúng; còn người có ý kiến đúng thì có khi đúng có khi không đúng.

SC: Ý anh là gì? Một người có ý kiến đúng mà có thể sai được sao?

MN: Tôi nghĩ nhất định phải là thế và vì vậy, ông Socrates, khi đã chấp nhận điều này, tôi tự hỏi làm sao tri thức được quí chuộng hơn ý kiến đúng hay tại sao chúng có thể khác nhau.

SC: Tôi phải cắt nghĩa điều này cho anh ư?

MN: Xin ông giúp cho.

SC: Anh sẽ không thắc mắc nếu anh đã từng xem các bức tượng của Daedalus; nhưng có lẽ anh không có các tượng ấy tại quê hương anh?

MN: Tại sao ông nhắc đến chúng?

SC: Vì chúng đòi phải được cột lại thì mới giữ được, nếu không cột lại, chúng sẽ bay mất.

MN: Nghĩa là thế nào?

SC: Tôi muốn nói rằng có chúng chẳng có ích gì nếu ta để chúng được thả lỏng, vì chúng sẽ bay đi giống như những tên nô lệ chạy trốn; nhưng khi cột chúng lại, chúng rất có giá trị, vì chúng là những tác phẩm nghệ thuật thực sự rất đẹp. Đây là một minh họa cho các ý kiến đúng: khi chúng ở với chúng ta, chúng rất đẹp và có ích, nhưng chúng thường chạy trốn khỏi linh hồn người ta và không ở lại lâu, và vì thế chúng không có giá trị gì cả, trừ khi ta cột chặt chúng lại bằng dây cột nhân quả; và việc cột nó lại như thế là công việc của sự nhớ lại, như chúng ta đã đồng ý trước rồi. Nhưng khi chúng được cột lại, trước hết, chúng có bản chất của tri thức; kế đến, chúng tồn tại. Và đây là lý do tại sao tri thức thì đáng quí và trội vượt hơn ý kiến đúng, vì nó được cột bởi một dây xích.

MN: Vâng, ông Socrates, tôi nghĩ đúng là thế.

SC: Tôi cũng nói không phải như người biết hết mọi sự; nhưng

đối với tôi thì sự khác biệt giữa tri thức và ý kiến đúng không phải là một điều do tôi suy đoán ra. Tôi phải khẳng định rằng có rất nhiều điều tôi không biết, nhưng trong số ít những điều tôi biết thì chắc chắn có điều đó.

MN: Ông nói đúng, ông Socrates.

SC: Thế tôi có đúng khi nói rằng ý kiến đúng là một hướng dẫn cũng tốt như tri thức cho việc thực hiện một hành động đúng không?

MN: Tôi nghĩ ông cũng đúng.

SC: Và về mặt hành động, ý kiến đúng cũng có ích không kém tri thức; và người có ý kiến đúng cũng có ích không kém người có tri thức?

MN: Điều đó cũng đúng.

SC: Và chắc chắn người tốt đã được chúng ta nhìn nhận là người có ích?

MN: Vâng.

SC: Vậy tóm lại, khi nhận rằng trong đất nước có những người tốt và có ích, không chỉ vì họ có tri thức, nhưng còn bởi vì họ có ý kiến đúng và cả tri thức lẫn ý kiến đúng đều không được ban cho người ta bởi bản tính nhưng do người ta học được - hay anh có nghĩ là có cái nào do bản tính không?

MN: Không.

SC: Vậy nếu chúng không do bản tính phú ban, thì người tốt cũng không phải tốt do bản tính?

MN: Chắc chắn là không.

SC: Vậy khi đã loại bỏ bản tính ra rồi, câu hỏi tiếp theo là liệu nhân đức có phải học được do sự dạy dỗ không và chúng ta đã kết luận rằng có thể là như thế, nếu nhân đức là tri thức và ngược lại, nếu nó có thể dạy được, nó cũng là tri thức.

MN: Vâng.

SC: Và nếu có các thầy dạy, thì nó có thể được dạy; còn nếu không có thầy dạy, thì không?

MN: Đúng.

SC: Nhưng chắc chắn chúng ta đã nhìn nhận rằng không có các thầy dạy về nhân đức?

MN: Vâng.

SC: Vậy chúng ta nhìn nhận rằng nó không dạy được và không phải là tri thức?

MN: Chắc chắn.

SC: Nhưng chúng ta nhìn nhận nó là một điều tốt?

MN: Vâng.

SC: Và hướng dẫn đúng thì có ích và tốt?

MN: Chắc chắn.

SC: Và chỉ có các hướng dẫn đúng duy nhất là tri thức và ý kiến

đúng - hai thứ này là những hướng dẫn của con người; bởi vì cái gì xảy ra ngẫu nhiên thì không có sự hướng dẫn của con người; nhưng sự hướng dẫn của con người là ý kiến đúng và tri thức.

MN: Tôi cũng nghĩ thế.

SC: Nhưng nếu nhân đức không được dạy, thì nhân đức cũng không phải là tri thức.

MN: Hẳn là không.

SC: Vậy thì trong số hai điều tốt và có ích, thì một là tri thức đã được gạt sang một bên và không thể được coi là hướng dẫn của chúng ta cho đời sống chính trị.

MN: Tôi nghĩ là không.

SC: Vì vậy không phải bởi sự khôn ngoan, cũng không phải vì họ là những người khôn ngoan, mà Themistocles và những người khác - mà Anytus đã nhắc đến, đã cai trị nhà nước. Và đây là lý do tại sao họ không thể làm những người khác trở nên giống như chính họ - bởi vì nhân đức của họ không dựa trên tri thức.

MN: Có thể đúng là thế, ông Socrates.

SC: Nhưng nếu không phải do tri thức, thì chỉ còn lại một chọn lựa là các chính khách phải hướng dẫn đất nước bằng ý kiến đúng, là điều có giá trị trong chính trị giống như sự tiên tri có giá trị trong tôn giáo; bởi vì các nhà bói toán và các nhà tiên tri nói nhiều điều rất đúng, nhưng họ không biết họ nói gì.

MN: Đúng như thế.

SC: Vậy anh Meno, chúng ta có thể gọi những con người ấy là những con người thần thánh không, vì họ không hiểu nhưng đã thành công trong rất nhiều lời nói và hành động vĩ đại?

MN: Chắc chắn rồi.

SC: Và chúng ta cũng có thể gọi những người thần thánh mà chúng ta vừa nói đến là những nhà tiên tri, cũng như những thi sĩ. Đúng và trên hết là các chính khách cũng có thể được gọi là thần thánh, vì họ được thần linh soi sáng, trong tình trạng đó họ thực hiện được nhiều kỳ công, mặc dù họ không biết điều họ đang nói.

MN: Vâng.

SC: Và anh Meno, anh biết không, các phụ nữ cũng gọi những người tốt là thần thánh; và người Sparta, khi ca ngợi một người tốt, cũng nói "đó là một người thần thánh".

MN: Và ông Socrates, tôi nghĩ rằng họ có lý; mặc dù rất có

thể anh bạn Anytus của chúng ta sẽ tức giận khi nghe ông nói như thế.

SC: Không sao; về phần Anytus, chúng ta sẽ có một dịp khác để nói chuyện với anh ta. Để tóm lại đề tài tra cứu của chúng ta - kết luận của chúng ta có vẻ là, nếu quan điểm của chúng ta mà đúng, thì nhân đức chúng ta đạt được không phải là do bản tính mà cũng không phải do học được, nhưng là một bản năng mà Thượng Đế phú bẩm cho những người nhân đức. Và bản năng này được ban cho họ mà họ không ý thức được, trừ khi giả thiết rằng trong số các nhà chính khách, có một ai đó có thể tạo ra một người khác giống hệt chính mình. Và nếu có một người như thế, thì người ấy có thể được kể giữa những người sống giống như Tiresias được kể giữa những người chết, là người "duy nhất", theo Homer, "giữa những kẻ ở trong âm phủ, có tri thức; nhưng số còn lại chỉ là những cái bóng dật dờ".

MN: Rất tuyệt, ông Socrates.

SC: Vậy, anh Meno, kết luận của chúng ta là nhân đức được ban cho người nhân đức như một món quà của Thượng đế. Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ biết được sự thật chắc chắn trước khi hỏi nhân đức được ban cho như thế nào, cho tới khi chúng ta đã tìm ra bản chất thực của nhân đức. Rất tiếc bây giờ tôi phải đi, nhưng tôi hy vọng bây giờ anh đã được thuyết phục, anh có thể thuyết phục anh bạn Anytus của chúng ta. Và đừng để anh ta tức giận; vì nếu anh thành công trong việc thuyết phục được anh ta, là anh đã góp phần đem lại lợi ích cho nhân dân Athens chúng ta đấy.

EUTHYPHRO

GIỚI THIỆU

Trong quyển Meno, Anytus đã từ biệt Socrates với những lời đe dọa: "Tại bất cứ thành phố nào và đặc biệt tại Athens này, làm hại người ta thì dễ hơn là làm ích cho người ta"; và Socrates đã hứa sẽ có dịp gặp lại anh ta để tiếp tục câu chuyện. Trong Euthyphro, Socrates đang chờ phiên tòa xét xử ông tại hành lang vua Archon vì tội vô đạo. Nhưng trước khi cuộc xét xử bắt đầu, Plato muốn đặt người ta vào vị trí bị xét xử và thuyết phục họ rằng họ không biết gì về chính vấn đề mà Socrates bị tố cáo. Một sự cố có thể đã xảy ra trong gia đình của Euthyphro, một nhà tiên tri và bói toán người Athens, sự kiện ấy cung cấp bối cảnh cho đề tài thảo luận này.

Nhân vật Euthyphro này và Socrates được mô tả như đang gặp nhau tại hành lang vua Archon. Cả hai đang có vấn đề về pháp luật. Socrates là bị cáo trong một vụ kiện vì tội vô đạo mà Meletus đã tố cáo ông (điểm được làm nổi bật là ông không có vẻ là một người đi kiện cáo người khác); và Euthyphro cũng là một nguyên cáo về một hành động giết người, mà người anh kiện chính là cha anh. Ông này được giới thiệu như sau: một người gia nhân nghèo của gia đình Euthyphro đã giết một trong các nô lệ trong nhà ở Naxos. Cha của Euthyphro ra lệnh trói kẻ giết người và ném xuống một cái mương, trong khi sai người đi hỏi ý kiến các thầy bói ở Athens để biết phải xử lý người này thế nào. Nhưng trước khi những người đi hỏi ý kiến trở về, thì kẻ giết người đã chết đói dưới mương.

Đây là nguồn gốc của vụ án giết người mà Euthyphro tố cáo cha mình. Socrates tin rằng trước khi ông có thể chịu trách nhiệm về một sự xét xử như thế, ông phải hoàn toàn được biết rõ bản chất của đạo đức và vô đạo là gì; và vì ông đang bị ra tòa xét xử về tội vô đạo, ông nghĩ tốt nhất ông nên nhờ Euthyphro cắt nghĩa cho ông hiểu rõ đạo đức là gì và vô đạo là gì (vì Euthyphro rất có uy tín đối

với mọi người, kể cả các quan tòa.) Vậy đạo đức là gì?

Euthyphro vốn rất giàu kiến thức, nên đã sẵn sàng giảng giải cho ông. Anh đáp: Đạo đức là làm giống như tôi làm, xét xử cha mình (nếu ông có tội) khi ông bị tố cáo giết người; và làm giống như các thần làm - như thần Zeus làm cho Cronos và Cronos làm cho Uranus.

Socrates ghét những câu truyện thần thoại này và ông nghĩ có lẽ đó là lý do khiến ông bị tố cáo là vô đạo. "Các thần có thật không?" "Thật chứ, họ có thật". Và Euthyphro sẵn sàng kể thêm nhiều chuyện về họ. Nhưng Socrates muốn trước tiên có được câu trả lời thỏa đáng hơn cho câu hỏi, "Đạo đức là gì?" "Làm như tôi làm, tố cáo cha mình vì tội sát nhân" có thể là một ví dụ độc đáo về đạo đức, nhưng khó có thể được coi là một định nghĩa phổ quát.

Euthyphro trả lời rằng "đạo đức là những gì các thần yêu thích và vô đạo là những gì các thần không thích". Nhưng giữa loài người với nhau vốn luôn có các ý kiến khác nhau, vậy giữa các thần với nhau liệu cũng có các ý kiến khác nhau không? Đặc biệt về thiện và ác, vốn không có quy luật cố định và là chính những thứ khác biệt làm phát sinh các cuộc cãi vã giữa các thần. Vì thế một điều gì có thể là tốt đối với một thần thì cũng có thể là không tốt đối với một thần khác và cùng một hành động có thể vừa là đạo đức vừa là vô đạo; ví dụ, việc anh trừng trị cha anh có thể là điều làm vừa lòng thần Zeus nhưng không vừa lòng thần Cronos hay Uranos.

Euthyphro trả lời rằng không có khác biệt ý kiến giữa các thần cũng như loài người về sự thích đáng trong việc trừng phạt kẻ giết người. Đúng, Socrates nói tiếp, khi họ biết đó là kẻ giết người; nhưng điều này là giả thiết chính vấn đề phải bàn đến. Nếu tất cả các tình tiết của vụ án được xét đến, liệu anh có thể chứng minh rằng cha anh phạm tội giết người, hay tất cả các thần có đồng ý tán thành việc anh kết tội cha anh không? Và anh cũng phải nhận rằng một điều bị một thần ghét có thể lại được một thần khác thích chứ? Tuy nhiên, gạt bỏ trường hợp cuối này, Socrates đề nghị sửa lại định nghĩa và nói rằng "Cái gì tất cả các thần yêu thích thì là đạo đức và cái gì tất cả các thần ghét thì là vô đạo". Và Euthyphro nhất trí với định nghĩa này.

Socrates tiếp tục phân tích hình thức mới của định nghĩa. Ông cho thấy rằng trong các trường hợp khác, hành động đi trước trạng thái; ví dụ, hành động bị đưa đi, được yêu, v.v... đi trước trạng thái bị đưa đi, được yêu, v.v... và vì thế cái gì các thần thích thì các thần thích bởi vì nó làm hài lòng các

thần. Nhưng cái gì đạo đức hay thánh thiện thì được các thần yêu mến bởi vì nó là đạo đức hay thánh thiện, cũng có nghĩa là nó được các thần yêu mến bởi vì nó làm hài lòng các thần. Vậy ở đây có vẻ như có mâu thuẫn, Euthyphro chỉ đưa ra một thuộc tính hay một tính chất phụ của đạo đức mà thôi, chứ không cho thấy bản chất của đạo đức. Euthyphro thú nhận các cắt nghĩa của mình có vẻ đi luẩn quẩn, giống như các bức tượng di động của Daedalus, tổ tiên của Socrates, người đã truyền lại nghệ thuật của mình cho con cháu.

Socrates muốn kích thích trí thông minh đang ngủ của Euthyphro, nên đã nêu câu hỏi một kiểu khác: "Có phải mọi cái đạo đức đều công bằng không?" "Phải". "Có phải mọi cái công bằng đều đạo đức không?" "Không". "Vậy phần nào của công bằng là đạo đức?" Euthyphro trả lời rằng đạo đức là cái phần của công bằng "phục vụ" các thần, cũng như có một phần khác của công bằng "phục vụ" con người. Nhưng "phục vụ" các thần có nghĩa là gì? Từ "phục vụ", khi áp dụng cho con chó, con ngựa và con người, phần nào có nghĩa là làm cho chúng tốt hơn. Nhưng làm thế nào các hành vi đạo đức hay thánh thiện làm cho các thần nên tốt hơn được? Euthyphro cắt nghĩa anh muốn nói các hành vi đạo đức là các hành vi phục vụ. Đúng; nhưng việc phục vụ của người nhà nông, người thầy thuốc và người thợ xây, đều có một mục tiêu. Nhưng chúng ta phục vụ các thần cho mục tiêu gì và chúng ta giúp các thần hoàn thành mục tiêu như thế nào? Euthyphro trả lời anh không có đủ thời giờ để giải quyết tất cả các vấn đề này; nên anh chỉ muốn nói đơn giản rằng đạo đức là biết cách làm hài lòng các thần bằng lời nói và hành động, bằng kinh nguyện và lễ tế. Nói cách khác, theo Socrates, đạo đức là "một khoa học xin và cho" - xin điều chúng ta cần và cho điều các thần cần; nói tóm, một hình thức làm công việc buôn bán giữa các thần và loài người. Nhưng mặc dù các thần là người ban phát mọi sự tốt lành, làm thế nào chúng ta có thể cho các ngài điều gì tốt lành để đền đáp?" "Có chứ, chúng ta làm các ngài được vinh danh". Vậy là chúng ta không cho các ngài cái gì có lợi, nhưng cho các ngài cái gì làm các ngài yêu thích; và đó là điều chúng ta đã bác bỏ rồi.

Mặc dù mệt mỏi vì những câu trả lời tránh né của Euthyphro, Socrates vẫn kiên định trong niềm tin rằng hẳn anh ta phải biết rõ bản chất của đạo đức, nếu không anh ta đã không kiện cáo cha già của mình. Ông vẫn hi vọng anh ta sẽ chỉ dạy cho ông biết rõ hơn. Nhưng Euthyphro nói anh ta đang vội và phải đi. Và Socrates đã mất niềm hi vọng cuối cùng của mình là muốn biết bản chất của đạo

đức trước khi ông bị kết án vì tội vô đạo.

Rõ ràng quyển Euthyphro có dụng ý tương phản bản chất thực của đạo đức và vô đạo với các khái niệm bình dân về chúng. Nhưng mặc dù các khái niệm bình dân bị bác bỏ, Plato không đưa ra một định nghĩa nào của chính ông: giống như trong các quyển Laches và Lysis, Plato trình bày đề tài của Đối thoại bằng nhiều cách khác nhau, nhưng không ngẫu nhiên trả lời câu hỏi của mình.

Euthyphro là một người sùng đạo và có chỗ được giới thiệu như là một tác giả triết học danh tiếng, với những "con ngựa bất kham" kéo Socrates đi xa đề tài trong quyển Cratylus. Anh có vẻ phô trương và tự mãn của một nhà Ngụy biện; hẳn là anh không hề nghĩ việc anh kiện cáo cha anh có đúng hay không. Giống như một nhà Ngụy biện và có lẽ giống như hầu hết những người trí thức thời ấy, anh không có khả năng hình thành một định nghĩa tổng quát hay đi theo qui trình của một lý luận. Nhưng anh không phải người xấu và anh cũng thân thiện với Socrates. Hơn nữa anh là một kẻ thù của Meletus, người mà theo anh nghĩ là lợi dụng sự không thích những đổi mới về tôn giáo để làm hại Socrates; đồng thời anh cũng thích thú tin rằng mình có các vũ khí vượt quá sức mình. Anh khá thành thật khi kiện cáo cha mình, người đã tình cờ phạm tội giết người và hoàn toàn không phải không đáng trách. Trừng trị kẻ phạm tội là nghĩa vụ đối với anh, bất kể kẻ phạm tội là ai.

Đây bắt đầu sự tương phản giữa tôn giáo theo chữ, hay theo lương tâm chật hẹp và không được soi sáng, với khái niệm tôn giáo mà Socrates ra sức khơi dậy một cách vô ích nơi anh. "Đạo đức là làm như tôi làm" là ý niệm tôn giáo đầu tiên được anh nghĩ tới và có thể được coi là định nghĩa tôn giáo bình dân ở mọi thời đại. Thần thoại Hi Lạp không chấp nhận phân biệt giữa ngộ sát và giết người cố ý: trong cả hai trường hợp, máu đổ ra đều nhơ bẩn như nhau đối với tình cảm của nhà tiên tri Athens này. Anh sẵn sàng bảo vệ cách xử sự của mình bằng các gương của các thần. Đây là các câu truyện mà Socrates không thể chịu nổi; và việc ông không thích các điều đó, theo ông nghĩ, là lý do khiến ông bị tố cáo là vô đạo. Đây là một câu trả lời cho câu hỏi, "Tại sao Socrates bị xử tử", được gợi ý thoáng qua trong câu truyện. Một câu trả lời khác được tìm thấy trong câu, "Người Athens không quan tâm gì đến người được coi là khôn ngoan bao lâu người ấy chưa bắt đầu làm cho những người khác khôn ngoan; và rồi vì lý do này hay lý do khác họ tức giận:" kiểu nói này có thể được coi là qui luật của sự khoan dung phổ biến tại đa

số các nước, chứ không riêng gì tại Athens.

Định nghĩa tiếp theo, "Đạo đức là cái được các thần yêu thích", bị sụp đổ trước sự phân biệt tinh tế giữa tình trạng và hành vi, tương ứng với tính từ (*philón*) và phân từ (*philonmenon*), hay có lẽ đúng hơn tương ứng với phân từ và động từ (*philonmenon* và *phileitai*). Các từ "được các thần yêu thích" chỉ diễn tả một thuộc tính, chứ không diễn tả bản chất của đạo đức. Rồi đến định nghĩa thứ ba và cuối cùng "Đạo đức là một phần của công bằng". Như thế cho đến đây Socrates đã tiến hành đặt tôn giáo trên nền tảng đạo đức. Và nhà tiên tri thêm vào, "chăm lo cho các thần". Khi được Socrates hỏi thêm về bản chất của sự "chăm lo cho các thần", anh trả lời rằng đạo đức là một công việc buôn bán, một khoa học cho và xin và những kiểu đại loại như thế. Socrates nêu ra tính chất nhân hình của các khái niệm này. Nhưng khi chúng ta tưởng chừng anh ta tiếp tục chứng minh rằng việc phục vụ các thần thật sự là phục vụ tinh thần và sự hợp tác với các thần trong mọi điều tốt và đúng, thì anh ta dừng lại giữa chừng; đây là một bài học mà nhà tiên tri không thể hiểu và mọi người phải tự mình học lấy.

Có vẻ như có tất cả ba mục tiêu hay quan tâm trong bài đối thoại này: (1) sự phát triển biện chứng về ý niệm đạo đức; (2) phản đề về tôn giáo đúng và sai, chỉ được triển khai tới một mức độ giới hạn mà thôi; (3) sự bênh vực Socrates.

Mối liên hệ tinh vi giữa đối thoại này với quyển Biện Hộ và Crito, việc bỏ lửng câu kết luận; nhận thức về thế giới tôn giáo; sức mạnh và diễn xuất ngoạn mục của hai nhân vật; kiểu nói hài hước độc đáo, tất cả là những lý do để tin rằng đây là một tác phẩm đích thực của Plato. Tinh thần phê phán cách trình bày phổ biến về thần thoại làm ta nhớ đến tác phẩm Nền Cộng hòa. Nhân đức đạo đức đã được nhắc đến như là một trong năm nhân đức trong tác phẩm Protagoras, nhưng không được kể là một trong bốn nhân đức trụ trong Nền Cộng hòa.

EUTHYPHRO

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Socrates (SOC)
- Euthyphro (EUTH)

Cảnh: Hành lang của nhà vua Archon

EUTH: Ông Socrates, tại sao ông bỏ trường Lyceum? Và ông đang làm gì ở Hành lang vua Archon này? Hẳn ông không dính líu tới một vụ kiện trước mặt nhà vua như tôi chứ?

SOC: Không phải một vụ kiện, Euthyphro: người Athens gọi nó là một vụ buộc tội.

EUTH: Sao! Tôi nghĩ phải có ai đó kiện cáo ông, vì tôi không thể tin được rằng ông đi kiện người ta.

SOC: Chắc chắn không rồi.

EUTH: Vậy thì phải có một người khác kiện ông?

SOC: Đúng.

EUTH: Là ai vậy?

SOC: Một chàng thanh niên ít người biết đến, Euthyphro ạ: và tôi cũng không quen anh ta. Anh ta là người Pitthis lai giống. Anh ta có cái mũi khoằm, mái tóc dài và thẳng và một bộ râu mọc lộn xộn.

EUTH: Không, Socrates, tôi không biết anh ta. Nhưng anh ta tố cáo ông tội gì?

SOC: Tội gì à? Thật ra, một tội rất nặng, chứng tỏ anh ta có một cá tính rất mạnh và vì vậy không nên coi thường anh ta. Anh ta nói anh ta biết giới trẻ đã bị hư đốn như thế nào và ai là kẻ làm cho họ ra hư đốn. Tôi nghĩ anh ta chắc phải là người rất khôn ngoan và vì thấy tôi không phải người khôn ngoan, nên anh ta đã phát hiện ra tôi và đang tố cáo tôi là người làm suy đồi giới trẻ. Và trong vụ kiện này, đất nước mẹ

chúng ta sẽ là người xét xử. Trong tất cả các nhà chính trị của chúng ta, tôi thấy chỉ có anh ta là người duy nhất đã bắt đầu một cách đúng đắn với việc vun trồng nhân đức cho giới trẻ. Như một người nông dân, anh ta chăm lo trên hết cho những mầm non và nhổ sạch chúng ta là những kẻ phá hoại chúng. Đây mới chỉ là bước đầu tiên; tiếp theo, anh ta sẽ chăm sóc các cành cây lớn hơn; và nếu anh ta cứ tiếp tục công việc đã bắt đầu, anh ta sẽ là một vị đại ân nhân của đất nước.

EUTH: Tôi mong sao anh ta có thể; nhưng tôi e rằng sự thật sẽ trở thành ngược lại. Theo ý kiến tôi, khi tấn công ông, anh ta chỉ làm sụp đổ nền tảng của đất nước. Nhưng anh ta nói ông làm giới trẻ hư đốn về phương diện gì?

SOC: Anh ta đưa ra một lời tố cáo tuyệt vời chống lại tôi, mà thoạt nghe phải làm người ta sửng sốt: anh ta nói rằng tôi là một thi sĩ hay một người tạo ra các thần, tôi tạo ra các thần mới và chối bỏ các thần cũ; đó là cơ sở để anh ta buộc tội tôi.

EUTH: Tôi hiểu rồi, Socrates; anh ta muốn tấn công ông về biểu hiện thường có nơi ông. Anh ta nghĩ ông là một người bịa ra các thần mới và anh ta kiện ông ra tòa vì điều này. Anh ta biết một cáo trạng như thế sẽ được người ta chấp nhận ngay, bản thân tôi biết rất rõ điều này; vì khi tôi nói trước hội đồng về những chuyện thần thánh và tiên báo tương lai cho họ, họ cười nhạo tôi và nghĩ tôi là một thằng điên. Vậy mà từng lời tôi nói đều là sự thật. Nhưng họ ghen ghét tất cả chúng ta; và chúng ta phải can đảm chống lại họ.

SOC: Anh bạn Euthyphro ơi, sự cười nhạo của họ không có gì quan trọng. Vì một người bị cười nhạo vẫn có thể được coi là người khôn ngoan; nhưng tôi nghi ngờ rằng những người Athens sẽ chỉ quan tâm tới anh ta khi anh ta bắt đầu chia sẻ sự khôn ngoan của anh ta cho người khác; và thế là, vì lý do này hay lý do khác, như bạn nói, họ phát tức lên vì ghen ghét.

EUTH: Tôi không bao giờ dại gì mà làm họ nổi giận như thế.

SOC: Tôi dám nói là không, vì bạn luôn dè dặt trong cách cư xử và ít khi chia sẻ sự khôn ngoan của bạn. Nhưng tôi thì luôn tốt bụng muốn thổ lộ ra cho mọi người và thậm chí dám bỏ tiền ra để người ta nghe tôi nói và tôi sợ rằng

người Athens có thể nghĩ rằng tôi lắm chuyện. Vậy nếu họ muốn cười nhạo tôi, như bạn nói họ cười nhạo bạn, phiên tòa chắc hẳn sẽ vui lắm; nhưng có lẽ họ sẽ tỏ ra nghiêm trang và khi ấy, bạn có thể đoán trước được kết cục gì sẽ xảy ra.

EUTH:Tôi dám nói rằng sự việc sẽ chẳng đi đến kết cuộc nào cả, Socrates và ông sẽ thắng kiện; và tôi nghĩ tôi sẽ thắng vụ kiện của tôi.

SOC: Thế vụ kiện của bạn là gì, Euthyphro? Bạn là nguyên cáo hay bị cáo?

EUTH: Tôi là nguyên cáo.

SOC: Cáo ai?

EUTH:Ông sẽ nghĩ tôi là điên nếu tôi nói ra điều này.

SOC: Sao? Người ấy có cánh à?

EUTH:Không, ngược lại, cả đời ông ấy không có giờ phút nào bay nhảy.

SOC: Ai thế?

EUTH:Cha tôi.

SOC: Cha bạn? Trời đất!

EUTH:Đúng thế.

SOC: Vậy bạn kiện cha bạn tội gì?

EUTH: Tội giết người, ông Socrates ạ.

SOC: Tôi chắc người bị giết phải là một người thân thích của bạn-rõ ràng phải là thế; vì nếu là người dưng thì chắc chắn bạn sẽ không bao giờ nghĩ tới chuyện đi kiện cha của bạn.

EUTH:Socrates, tôi rất thích nghe ông phân biệt giữa người thân và người dưng; vì chắc chắn một hành động xấu thì đối với người thân hay người dưng cũng đều là xấu. Vấn đề thực sự là ở chỗ hành động giết người này có chính đáng hay không. Nếu là chính đáng, nhiệm vụ của ông là không can thiệp gì vào sự việc này; nhưng nếu không chính đáng, thì dù cho kẻ sát nhân sống dưới cùng mái nhà với ông và ăn cùng bàn với ông, ông hãy thưa kiện kẻ ấy. Ở đây người chết là một người người nông dân tội nghiệp của tôi, anh ta đã làm ruộng cho chúng tôi ở Naxos; và một hôm trong lúc say rượu anh ta đã cãi lộn với một gia nhân và giết hắn. Cha tôi đã trói chân tay anh ta lại và ném xuống một cái rãnh sâu, rồi sai người tới Athens hỏi ý kiến một thầy pháp xem phải xử anh ta thế nào. Trong thời gian đó, cha tôi không hề để ý chăm lo cho anh ta, vì ông coi anh ta là một tên sát nhân; và ông nghĩ anh ta có chết cũng chẳng thiệt hại gì. Quả nhiên đã xảy ra như thế. Vì anh ta

nằm dưới rãnh giữa cái lạnh, cái đói và xiềng xích, nên đã chết trước khi gia nhân đi hỏi ý pháp sư trở về. Và cha tôi và gia đình tức giận vì tôi bênh vực kẻ giết người và thưa kiện cha tôi. Gia đình tôi nói cha tôi không giết anh ta và cho dù có giết anh ta, thì người chết cũng chỉ là một kẻ sát nhân và tôi không được để ý gì đến chuyện này, vì làm con mà kiện cáo cha thì đắc tội bất hiếu. Điều đó cho thấy họ biết quá ít về việc các vị thần nghĩ thế nào về đạo đức và vô đạo.

SOC: Trời đất! Bạn quả có sự hiểu biết rất chính xác về tôn giáo và về cái gì là đạo đức và vô đạo, nên giả sử hoàn cảnh xảy ra đúng như bạn nói, bạn sẽ không sợ chính mình đang phạm một hành vi vô đạo chống lại cha của bạn?

EUTH:Ông Socrates, cái tốt nhất của Euthyphro này và là cái phân biệt anh ta với người khác, đó là sự hiểu biết chính xác của anh ta trong mọi chuyện như thế. Tôi có ích gì nếu không có điều đó?

SOC: Anh bạn quả là hiếm có! Tôi nghĩ mình nên làm học trò của bạn. Rồi trước khi mở vụ án với Meletus, tôi sẽ thách thức anh ta và nói tôi đã luôn luôn rất quan tâm đến vấn đề tôn giáo và bây giờ, khi anh ta buộc tội tôi bằng những sự bịa đặt tưởng tượng, tôi đã trở thành học trò của bạn rồi. Tôi sẽ nói với anh ta, "Này anh Meletus, anh hãy nhìn nhận Euthyphro là một nhà thần học vĩ đại và có những ý kiến chắc chắn; và nếu anh tán thành ý kiến của anh ấy, anh cũng phải tán thành ý kiến của tôi và không đưa tôi ra tòa; nhưng nếu anh không tán thành, anh phải bắt đầu bằng việc buộc tội người là thầy của tôi và là người hủy hoại không phải giới trẻ mà là giới già; nghĩa là, hủy hoại tôi là người mà anh ấy dạy dỗ và hủy hoại cha anh ấy là người mà anh ấy cảnh cáo và trừng trị. Và nếu Meletus từ chối nghe tôi và cứ tiếp tục và không chuyển lời buộc tội tôi sang buộc tội anh, thì tôi sẽ phải lặp lại lời thách thức này trước tòa án.

EUTH Vâng, đúng thế, Socrates; và nếu anh ta cố gắng buộc tội tôi, tôi sẽ sai lầm nếu tôi không tìm thấy sự vi phạm nơi anh ta; và tòa án sẽ có nhiều điều để nói với anh ta hơn là nói với tôi.

SOC: Còn tôi, anh bạn thân mến, tôi rất ước ao trở thành học trò của bạn. Vì tôi nhận thấy rằng không có ai để ý đến

bạn-ngay cả anh chàng Meletus này; nhưng con mắt tinh tường của anh ta đã phát hiện ngay ra tôi và đã buộc tôi tội vô đạo. Vì vậy, tôi nài xin anh nói cho tôi rõ về bản chất của đạo đức và vô đạo, là điều mà bạn nói bạn biết rất rõ và bản chất của tội giết người và các tội khác chống lại các thần. Các điều ấy là gì? Lòng đạo đức trong mọi hành động có luôn luôn giống nhau không? Và sự vô đạo, có phải nó luôn luôn đối lại với lòng đạo đức và luôn luôn là giống nhau, vì nó là một khái niệm bao gồm tất cả những gì là vô đạo?

EUTH: Đúng là thế, Socrates.

SOC: Vậy đạo đức là gì và vô đạo là gì?

EUTH: Đạo đức là làm điều tôi đang làm; nghĩa là, trừng trị bất cứ ai phạm tội giết người, phạm thánh, hay bất cứ trọng tội nào tương tự - dù người ấy là cha hay mẹ, hay là bất cứ ai - không có sự phân biệt; không trừng trị họ tức là vô đạo.

SOC: Anh hãy nói cho tôi một ý tưởng tổng quát làm cho cái gì vô đạo là vô đạo và cái gì đạo đức là đạo đức. Anh hãy cho tôi biết bản chất của ý tưởng đó là gì, để tôi có thể có một tiêu chuẩn dựa vào đó mà đánh giá các hành động của anh hay của bất cứ ai, để tôi có thể phân biệt được hành động nào là đạo đức, hành động nào là vô đạo.

EUTH: Được, nếu ông muốn.

SOC: Tôi rất muốn nghe.

EUTH: Vậy thì đạo đức là cái gì làm các thần hài lòng và vô đạo là cái gì không làm các thần hài lòng.

SOC: Hay lắm, Euthyphro; anh đã cho tôi lại câu trả lời tôi muốn. Nhưng tôi chưa thể biết điều anh nói có đúng hay không, tuy tôi tin chắc anh sẽ chứng minh cho sự thật của các lời anh nói.

EUTH: Tất nhiên rồi.

SOC: Vậy chúng ta hãy xem xét những gì chúng ta đang nói. Điều gì hay người nào làm các thần hài lòng thì là đạo đức và điều gì hay người nào làm các thần ghét thì là vô đạo. Đây là hai thái cực đối nghịch nhau, phải vậy không?

EUTH: Phải.

SOC: Và diễn tả rất rõ?

EUTH: Vâng, Socrates, tôi nghĩ thế; rõ lắm rồi.

SOC: Và người ta cũng nói rằng các thần có sự thù hằn, ghen ghét và khác nhau?

EUTH: Vâng, đúng thế.

SOC: Vậy sự khác biệt nào tạo ra sự thù ghét và tức giận nơi các thần? Giả sử giữa anh và tôi có sự khác biệt về một con số; những khác biệt như thế này có làm chúng ta thành thù địch của nhau không? Hay chúng ta sẽ cùng tìm đến với số học và chấm dứt sự khác biệt này bằng một con tính cộng?

EUTH: Đúng.

SOC: Hay giả sử chúng ta bất đồng ý kiến về các đại lượng, chúng ta sẽ giải quyết sự bất đồng này bằng việc đo đếm, đúng không?

EUTH: Rất đúng.

SOC: Và chúng ta giải quyết các tranh cãi về vật nặng vật nhẹ bằng cách dùng một cái cân, đúng không?

EUTH: Chắc chắn rồi.

SOC: Nhưng có những khác biệt nào mà chúng ta không thể giải quyết bằng cách trên đây và vì thế khiến chúng ta tức giận và trở thành thù địch của nhau? Tôi nghĩ anh không có câu trả lời ngay lúc này, vì vậy tôi gợi ý rằng những sự thù hằn này phát sinh khi có vấn đề bất đồng về những gì là chính đáng và bất chính, tốt và xấu, danh dự và ô danh. Đó là những vấn đề chính làm cho người ta bất đồng với nhau, đúng không?

EUTH: Vâng, Socrates, bản chất những bất đồng giữa người ta với nhau là đúng như ông mô tả.

SOC: Và các cuộc cãi vã giữa các thần với nhau cũng có cùng bản chất như thế?

EUTH: Chắc chắn rồi.

SOC: Như anh nói, các thần bất đồng ý kiến với nhau về các vấn đề tốt và xấu, chính đáng và bất chính, danh dự và ô danh: giả như không có những khác biệt này, chắc họ sẽ không có cãi vã với nhau, đúng không?

EUTH: Ông nói đúng.

SOC: Ai ai cũng thích điều họ coi là cao quý, tốt và chính đáng và ghét những điều ngược lại, đúng không?

EUTH: Rất đúng.

SOC: Nhưng như anh nói, cùng một điều mà có người cho là chính đáng, người khác cho là bất chính,-do đó họ tranh cãi nhau; và vì thế xảy ra chiến tranh và tranh chấp với nhau.

EUTH: Rất đúng.

SOC: Nghĩa là cùng một điều mà có thần thì thích, có thần thì ghét và chúng vừa đáng yêu vừa đáng ghét đối với các thần?

EUTH: Đúng.

SOC: Vì vậy, Euthyphro, cùng một điều sẽ là đạo đức và cũng đồng thời là vô đạo?

EUTH: Tôi nghĩ là như thế.

SOC: Nếu vậy, anh bạn, tôi ngạc nhiên thấy rằng anh chưa trả lời câu hỏi của tôi. Vì chắc chắn tôi không xin anh cho tôi biết hành động nào vừa là đạo đức vừa là vô đạo:vì bây giờ có vẻ như điều gì đáng yêu đối với các thần thì cũng đáng ghét đối với họ. Và vì thế, Euthyphro, khi anh trừng trị cha anh, rất có thể anh làm hài lòng thần Zeus nhưng lại làm mất lòng thần Cronos hay Uranus và điều gì được Hephaestus chấp nhận thì lại bị Herè từ chối và có thể giữa các thần khác cũng có các bất đồng với nhau giống như thế.

EUTH: Nhưng tôi tin rằng mọi thần đều nhất trí rằng trừng trị kẻ giết người là chính đáng: sẽ không có khác biệt ý kiến về điều này.

SOC: Được, nhưng nói về loài người, anh có bao giờ nghe ai nói một kẻ giết người hay một tội phạm nào đó có thể được tha bổng không?

EUTH: Tôi nghĩ rằng đây là vấn đề người ta luôn luôn tranh cãi với nhau, đặc biệt ở tòa án: họ phạm đủ thứ tội và họ không chừa điều gì có thể nói hay làm để tự biện hộ cho mình.

SOC: Nhưng họ có thú nhận rằng họ phạm tội, nhưng lại nói rằng họ không phải trừng phạt không?

EUTH: Không.

SOC: Vậy là có những điều họ không dám nói hay làm: vì họ không dám lý luận rằng kẻ phạm tội thì không bị trừng phạt, nhưng họ chối tội lỗi của họ, đúng không?

EUTH: Đúng.

SOC: Như thế có nghĩa là họ không cho rằng kẻ làm điều xấu không bị trừng phạt, nhưng họ lý luận về chuyện ai là kẻ phạm tội, làm gì và ở đâu, đúng không?

EUTH: Đúng.

SOC: Và các thần cũng y như thế, nếu anh quả quyết rằng họ cãi lộn nhau về điều gì là chính đáng hay bất chính và một số thì khẳng định, số khác lại phủ nhận rằng họ làm điều bất chính. Vì chắc chắn cả Thượng đế lẫn con người đều không bao giờ nói rằng kẻ làm điều bất chính thì không bị trừng phạt?

EUTH: Nói chung là đúng như thế.

SOC: Nhưng họ tranh cãi về các chi tiết-các thần cũng như con người; và nếu họ tranh cãi, thì họ tranh cãi về những

hành vi đặc thù nào đó, mà một số thì cho là chính đáng, số khác lại cho là bất chính. Có đúng không?

EUTH: Đúng.

SOC: Nếu vậy, anh bạn Euthyphro thân mến, xin anh làm ơn chỉ bảo cho tôi, anh có gì để chứng minh rằng theo ý kiến của tất cả các vị thần, một người đầy tớ phạm tội giết người đã bị chết một cách bất công vì bị trói chân tay bởi ông chủ của người bị giết và chết vì bị xiềng xích trước khi ông chủ được các thần chỉ dạy cho biết phải làm thế nào? Và vì cái chết bất công như thế, đứa con trai phải đưa cha mình ra tòa và cáo buộc cha mình vì tội giết người? Làm thế nào anh có thể chứng minh rằng tất cả các thần đều nhất trí tán thành hành vi của đứa con trai ấy? Nếu anh chứng minh được, tôi sẽ ca ngợi sự khôn ngoan của anh suốt đời tôi.

EUTH: Chứng minh khá khó đấy; nhưng tôi có thể giúp ông hiểu vấn đề rất sáng sủa.

SOC: Tôi hiểu; ý anh muốn nói là tôi chậm hiểu vấn đề hơn là các quan tòa: vì chắc chắn anh sẽ chứng minh được cho họ rằng hành vi ấy là bất chính và đáng ghét đối với các thần.

EUTH: Vâng, đúng thế, Socrates; ít nhất là nếu họ chịu nghe tôi nói.

SOC: Chắc chắn họ sẽ nghe nếu anh nói giỏi. Khi anh đang nói, tôi chợt có một ý tưởng trong đầu; tôi tự nhủ: "Hay lắm, nếu Euthyphro chứng minh được cho tôi rằng tất cả các thần coi cái chết của người nông nô kia là bất công, thì làm thế nào tôi có thể biết gì hơn về bản chất của sự đạo đức và vô đạo? Vì cứ cho rằng hành vi này bị các thần ghét bỏ đi nữa, thì sự phân biệt này cũng không định nghĩa thỏa đáng đạo đức và vô đạo là gì, vì anh đã nói rằng những điều mà các thần ghét cũng là những điều các thần thích". Vì thế, Euthyphro, tôi không xin anh chứng minh điều này; nếu anh muốn, tôi sẽ giả thiết rằng tất cả các thần kết án và ghê tởm một hành vi như thế. Nhưng tôi sẽ sửa lại định nghĩa này theo như anh nói rằng những gì mà tất cả các thần ghét thì là vô đạo và những gì các thần thích thì là đạo đức hay thánh thiện; và điều gì mà một số thần thích, một số thần ghét, thì vừa là đạo đức vừa là vô đạo, hoặc chẳng là đạo đức mà cũng chẳng là vô đạo. Chúng ta có thể định nghĩa đạo đức và vô đạo như vậy không?

EUTH: Sao lại không, Socrates?

SOC: Ừ, sao lại không! Nhưng định nghĩa như thế có giúp anh cắt nghĩa rõ cho tôi như anh đã hứa hay không là điều anh phải cân nhắc.

EUTH: Vâng, tôi nên nói rằng điều mà các thần thích thì là đạo đức và thánh thiện, và điều ngược lại mà các thần ghét thì là vô đạo.

SOC: Chúng ta có cần kiểm tra chân lý của điều này không, Euthyphro, hay chúng ta chỉ cần phát biểu nó dựa vào uy tín của chúng ta hay của người khác? Anh nghĩ thế nào?

EUTH: Chúng ta phải kiểm tra; và tôi tin rằng phát biểu này sẽ đứng vững qua cuộc kiểm tra.

SOC: Lát nữa chúng ta sẽ biết rõ hơn, anh bạn yêu quí. Điểm tôi muốn hiểu trước tiên là: cái đạo đức hay thánh thiện được các thần yêu thích vì nó là thánh thiện, hay nó là thánh thiện vì nó được các thần yêu thích?

EUTH: Tôi không nắm được ý của ông, Socrates.

SOC: Tôi sẽ cố giải thích: chúng ta nói đến việc mang đi và được mang đi, dẫn đi và được dẫn đi, thấy và được thấy. Anh biết rằng có sự khác biệt trong tất cả các trường hợp như thế và anh cũng biết sự khác biệt đó hệ tại điều gì chứ?

EUTH: Tôi nghĩ là tôi hiểu.

SOC: Và cái được yêu thích thì khác với người yêu thích nó chứ?

EUTH: Chắc chắn.

SOC: Tốt. Vậy anh hãy cho tôi biết, cái được mang đi là vì nó được mang đi hay vì một lý do nào khác?

EUTH: Không; đó chính là lý do.

SOC: Và cái được dẫn đi và được thấy cũng đúng như thế chứ?

EUTH: Đúng.

SOC: Và không phải một vật được thấy bởi vì nó có thể thấy, mà ngược lại, nó có thể thấy bởi vì nó được thấy; cũng thế, không phải một vật được dẫn đi bởi vì nó đang ở trong trạng thái bị dẫn đi, hay được mang đi bởi vì nó đang ở trong trạng thái được mang đi, mà ngược lại. Bây giờ tôi nghĩ anh có thể hiểu cắt nghĩa của tôi; tôi có ý nói rằng mọi trạng thái hành động hay thúc đẩy đều đòi hỏi một hành động hay thúc đẩy có trước nó. Không phải nó thay đổi bởi vì nó ở trạng thái thay đổi, nhưng nó ở trong trạng thái thay đổi bởi vì nó thay đổi; cũng không phải nó chịu đau khổ bởi vì nó ở trạng thái đau khổ,

nhưng nó ở trạng thái đau khổ bởi vì nó đau khổ. Anh đồng ý chứ?

EUTH: Vâng.

SOC: Và đối với các ví dụ ở trên cũng đúng như thế; trạng thái được yêu cầu theo sau hành động được yêu, chứ không phải hành động theo sau trạng thái.

EUTH: Chắc chắn rồi.

SOC: Vậy anh nói sao về đạo đức, Euthyphro: theo anh định nghĩa, đạo đức được yêu bởi tất cả các thần chứ?

EUTH: Vâng.

SOC: Bởi vì nó là đạo đức hay thánh thiện, chứ không phải vì lý do nào khác chứ?

EUTH: Không, chỉ vì nó là đạo đức.

SOC: Nó được yêu bởi vì nó là thánh thiện, không phải nó là thánh thiện vì nó được yêu chứ?

EUTH: Vâng.

SOC: Anh bạn Euthyphro, khi tôi hỏi anh bản chất của sự thánh thiện là gì, có vẻ như anh mới chỉ nói cho tôi về một thuộc tính, chứ không về bản chất-thuộc tính được yêu thích bởi tất cả các thần. Nhưng anh vẫn từ chối chưa cắt nghĩa cho tôi về bản chất của sự thánh thiện. Vì vậy, tôi xin anh, hãy vui lòng đừng che giấu kho tàng khôn ngoan của anh, nhưng một lần nữa, hãy nói cho tôi biết sự thánh thiện hay đạo đức thực sự là gì, dù nó có được các thần yêu thích hay không (vì đó chính là vấn đề mà chúng ta sẽ không có tranh cãi); và vô đạo là gì?

EUTH: Ông Socrates, tôi thực sự không biết phải diễn tả ý tưởng của tôi thế nào cho ông hiểu. Vì các lý luận của chúng ta có vẻ như đi vòng tròn và cứ rời xa chúng ta mãi.

SOC: Tôi nhận thấy anh bắt đầu lười suy nghĩ rồi đấy. Vì thế chính tôi sẽ cố gắng chỉ cho anh thấy bằng cách nào anh có thể dạy cho tôi biết bản chất của đạo đức; và tôi hi vọng anh sẽ không cố gắng một cách miễn cưỡng. Nào, anh hãy nói cho tôi, -Cái gì là đạo đức thì tất yếu phải là công bằng chứ?

EUTH: Vâng.

SOC: Và có phải mọi cái công bằng đều là đạo đức không? Hay, cái gì là đạo đức thì hoàn toàn là công bằng, nhưng cái gì là công bằng thì chỉ là đạo đức một phần, chứ không hoàn toàn, phải không?

EUTH: Tôi không nắm được ý của ông.

SOC: Vậy mà tôi biết anh khôn ngoan hơn tôi nhiều, vì anh

trẻ hơn tôi. Nhưng, như tôi vừa nói, sự dẫy dẫy khôn ngoan của anh làm cho anh đâm ra lười biếng. Anh hãy cố gắng lên, vì hiểu tôi không khó đâu. Tôi có thể cắt nghĩa ý tôi muốn nói bằng một minh họa về điều tôi không muốn nói. Thi sĩ (Stasinus) hát–

"Bạn không được kêu tên thần Zeus,

Tác giả và đấng tạo thành muôn vật:

Vì ở đâu có sự sợ hãi,

Ở đó cũng có niềm kính tôn".

Tôi không đồng ý với thi sĩ này. Về phương diện nào anh biết không?

EUTH: Xin ông cứ nói.

SOC: Tôi không cho rằng ở đâu có sợ hãi thì cũng có tôn kính; vì tôi chắc chắn có nhiều người sợ nghèo và bệnh tật cũng như các sự dữ khác, nhưng tôi không thấy họ kính trọng những điều họ sợ hãi.

EUTH: Rất đúng.

SOC: Nhưng ở đâu có tôn kính, ở đó cũng có sợ hãi; vì người có tình cảm tôn kính và liêm sỉ về hậu quả của một hành động, thì đều sợ bị tiếng xấu.

EUTH: Chắc chắn.

SOC: Như thế chúng ta sẽ sai nếu nói rằng ở đâu có sợ hãi thì cũng có tôn kính; và chúng ta phải nói, ở đâu có tôn kính thì cũng có sợ hãi. Nhưng không phải ở đâu có sự sợ hãi thì đều có sự tôn kính; vì sợ hãi là một khái niệm rộng hơn và tôn kính là một phần của sự sợ hãi, cũng như số lẻ là một phần của con số và con số là khái niệm rộng hơn là số lẻ. Tôi nghĩ bây giờ anh hiểu tôi rồi chứ?

EUTH: Khá rõ rồi.

SOC: Đó chính là loại câu hỏi tôi muốn nêu lên khi tôi hỏi anh rằng điều công bằng thì luôn luôn là đạo đức, hay điều đạo đức thì luôn luôn là công bằng; và ở đâu không có đạo đức thì có thể có công bằng không; vì công bằng là một khái niệm rộng hơn và đạo đức chỉ là một phần của nó. Anh đồng ý không?

EUTH: Tôi đồng ý. Ông nói có lý.

SOC: Vậy nếu đạo đức là một phần của công bằng, tôi nghĩ rằng chúng ta phải tìm hiểu xem nó là phần nào? Trong ví dụ về con số ở trên, nếu anh hỏi tôi số chẵn là gì, tôi sẽ không thấy khó để trả lời anh rằng số chẵn là con số biểu thị một hình có hai mặt bằng nhau. Anh đồng ý chứ?

EUTH: Vâng, tôi đồng ý.

SOC: Cũng thế, tôi muốn anh nói cho tôi biết đạo đức hay sự

thánh thiện là phần nào của sự công bằng, để tôi có thể bảo Meletus đừng cư xử bất công đối với tôi, hay buộc tội tôi vô đạo, vì giờ đây tôi đã được anh chỉ vẽ cho đầy đủ về bản chất của sự đạo đức hay thánh thiện và các mặt đối nghịch của nó.

EUTH: Ông Socrates, đạo đức hay sự thánh thiện theo tôi là phần của sự công bằng chăm sóc cho các thần, cũng như có phần kia của sự công bằng chăm sóc cho con người.

SOC: Rất hay, Euthyphro. Nhưng tôi vẫn còn muốn biết thêm một điểm nhỏ nữa. "Chăm lo" có nghĩa là gì? Vì không thể áp dụng từ "chăm lo" cho các thần giống như cho các vật khác. Vì dụ, các con ngựa cần sự chăm sóc, nhưng không phải người nào cũng có khả năng chăm sóc ngựa, mà chỉ có những người chuyên nuôi ngựa. Đúng không?

EUTH: Chắc chắn rồi.

SOC: Vậy tôi giả thiết nghệ thuật nuôi ngựa là nghệ thuật chăm sóc ngựa, đúng không?

EUTH: Đúng.

SOC: Cũng không phải ai cũng có khả năng chăm sóc chó săn, mà chỉ có những người chuyên dạy chó săn, đúng không?

EUTH: Đúng.

SOC: Vậy tôi phải nghĩ rằng nghệ thuật của người chuyên dạy chó săn là nghệ thuật chăm sóc chó săn, đúng không?

EUTH: Đúng.

SOC: Cũng như nghệ thuật chăn nuôi gia súc là nghệ thuật chăm sóc gia súc, đúng không?

EUTH: Rất đúng.

SOC: Cũng thế, sự thánh thiện hay đạo đức là nghệ thuật chăm sóc các thần-đó là ý anh muốn nói, phải không Euthyphro?

EUTH: Phải.

SOC: Và sự chăm sóc luôn luôn là nhằm lợi ích của người hay vật được chăm sóc, đúng không? Giống như trong trường hợp chăm sóc ngựa, bạn có thể thấy rằng khi ngựa được người nuôi ngựa chăm sóc, chúng được khỏe mạnh và tiến bộ, đúng không?

EUTH: Đúng.

SOC: Vậy sự thánh thiện hay đạo đức, như được định nghĩa là nghệ thuật chăm sóc các thần, nó có làm lợi cho các thần hay làm cho các thần tốt hơn không? Bạn có thể nói rằng khi bạn làm một hành vi đạo đức hay thánh thiện là bạn làm cho các thần trở nên tốt hơn không?

EUTH:Không, không; chắc chắn tôi không hiểu như thế.

SOC: Và tôi, tôi cũng không bao giờ nghĩ rằng bạn hiểu như thế. Tôi chỉ hỏi câu hỏi về bản chất của sự chăm sóc, vì tôi nghĩ bạn không hiểu như thế.

EUTH:Ông hiểu tôi rất đúng, Socrates; đó không phải loại chăm sóc mà tôi hiểu.

SOC: Hay lắm: nhưng tôi vẫn còn phải hỏi sự chăm sóc đối với các thần mà chúng ta gọi là đạo đức thì là sự chăm sóc nào?

EUTH:Nó giống như sự chăm sóc mà người đầy tớ làm cho chủ của họ.

SOC: Tôi hiểu-một loại phục vụ dành cho các thần.

EUTH:Chính xác.

SOC: Thuốc cũng là một loại dịch vụ, vì nhằm đạt tới một đối tượng nhất định-đó là sức khỏe, phải không?

EUTH:Phải.

SOC: Và, cũng có nghệ thuật phục vụ cho người đóng tàu nhằm đạt tới một kết quả nào đó, đúng không?

EUTH:Đúng, Socrates, đó là để đóng một con tàu.

SOC: Cũng như có một nghệ thuật phục vụ người xây nhà nhằm xây dựng một ngôi nhà, đúng không?

EUTH:Đúng.

SOC: Bây giờ, xin anh bạn cho tôi biết về nghệ thuật phục vụ các thần: nó nhằm đạt công việc gì? Chắc chắn bạn phải biết, vì như bạn đã nói, bạn là người có hiểu biết nhất về tôn giáo trong số tất cả những người đương thời.

EUTH: Và tôi nói thật đấy, Socrates.

SOC: Ồ, vậy anh làm ơn cho tôi biết-các thần làm công việc tốt lành nào nhờ sự phục vụ của chúng ta?

EUTH:Họ làm nhiều công việc lắm, ông Socrates ạ.

SOC: Anh bạn, các công việc của một tướng lĩnh cũng nhiều lắm. Nhưng công việc chính của họ thì dễ nói ra. Thắng trận là công việc chính của họ, đúng không?

EUTH:Chắc chắn rồi.

SOC: Công việc của người nông dân cũng nhiều lắm, nhưng công việc chính của họ là sản xuất lương thực đúng không?

EUTH:Chính xác.

SOC: Vậy trong số những công việc của các thần, thì công việc chính của họ là gì?

EUTH:Socrates, tôi đã nói với ông rồi, tìm hiểu chi tiết tất cả những công việc này thì nhàm chán lắm. Tôi chỉ nói đơn giản rằng thánh thiện

hay đạo đức là biết cách làm hài lòng các thần trong lời nói và hành động, bằng cầu nguyện và tế lễ. Sự đạo dức này là sự cứu rỗi của các gia đình và quốc gia, giống như sự vô đạo, làm mất lòng các thần, thì là sự hủy diệt của các gia đình và quốc gia.

SOC: Tôi nghĩ anh có thể trả lời ngắn gọn hơn cho câu hỏi chính của tôi, Euthyphro, nếu anh muốn. Nhưng tôi thấy rõ rằng anh không sẵn sàng để chỉ bảo cho tôi - rõ ràng là không: vì nếu có, thì tại sao khi chúng ta đạt tới một điểm, anh lại lái sang một điểm khác? Giả như anh đã trả lời tôi, thì giờ đây tôi đã học được ở anh bản chất của lòng đạo đức là gì. Nhưng vì người nêu câu hỏi sẽ tất yếu lệ thuộc người trả lời, nên dù họ dẫn đi đâu tôi cũng phải theo; và tôi chỉ có thể hỏi lại một lần nữa, cái gì là cái đạo đức và lòng đạo đức là gì? Có phải anh hiểu nó là một loại khoa học cầu nguyện và tế lễ không?

EUTH: Đúng.

SOC: Và tế lễ là hiến dâng cho các thần và cầu nguyện là xin các thần ban ơn?

EUTH: Đúng thế, Socrates.

SOC: Theo quan điểm này, thì lòng đạo đức là một khoa học xin và cho.

EUTH: Ông đã hiểu ý tưởng nòng cốt của tôi rồi đấy, Socrates.

SOC: Phải, thưa anh bạn; lý do là vì tôi ngưỡng mộ sự hiểu biết của anh, và tôi quan tâm tới sự hiểu biết của anh và vì thế không có điều gì anh nói ra sẽ bị tôi bỏ đi. Vậy anh làm ơn nói cho tôi, bản chất của việc phục vụ các thần này là gì? Có phải anh muốn nói chúng ta thích cầu xin và dâng hiến cho các thần?

EUTH: Đúng thế.

SOC: Có phải đó là cách đúng đắn để chúng ta cầu xin các thần điều chúng ta muốn?

EUTH: Chắc chắn.

SOC: Và cách đúng đắn để cho lại các thần điều họ muốn nơi chúng ta? Cho ai điều gì mà họ không muốn thì chẳng có ý nghĩa gì cả.

EUTH: Rất đúng, Socrates.

SOC: Vậy thì, Euthyphro, lòng đạo đức là một nghệ thuật mà các thần và loài người giao dịch với nhau, đúng không?

EUTH: Ông có thể diễn tả như thế nếu ông muốn.

SOC: Nhưng tôi không có ưa thích đặc biệt nào ngoài sự thật. Tuy nhiên, tôi muốn anh cho tôi biết các của dâng hiến của chúng ta có lợi gì cho các thần. Không có gì nghi ngờ về những điều các thần ban

cho chúng ta; vì không có điều gì tốt lành mà các thần không ban cho chúng ta; nhưng chúng ta có thể cho lại các thần điều tốt lành gì thì hoàn toàn chưa rõ. Nếu các thần cho tất cả còn chúng ta không cho gì lại, điều đó sẽ có nghĩa là một hợp đồng mà chúng ta lợi dụng các thần quá nhiều.

EUTH: Socrates, thế ông nghĩ rằng các của cúng của chúng ta cho các thần mang lại lợi ích cho họ sao?

SOC: Chắc chắn rồi, Euthyphro, vì nếu không thì các của cúng dâng cho các thần còn có nghĩa gì?

EUTH: Không có gì, ngoài sự vinh danh của các thần; và, như tôi vừa nói, là cái làm các thần hài lòng.

SOC: Vậy thì, lòng đạo đức là làm hài lòng các thần, nhưng không mang lại lợi ích cho họ?

EUTH: Tôi có thể nói không có gì được ưa thích hơn đối với họ.

SOC: Vậy là một lần nữa anh lại khẳng định rằng lòng đạo đức là điều được các thần ưa thích?

EUTH: Chắc chắn.

SOC: Nếu anh nói thế, anh không ngạc nhiên thấy lời nói của anh không vững hay sao? Trên kia anh đã tố cáo tôi lý luận đường vòng, giờ đây chính anh đưa tôi đi theo một vòng tròn; vì lý luận của anh đi vòng tròn để trở về cùng một điểm bắt đầu. Chúng ta đã chẳng nói lúc đầu rằng đạo đức là điều được yêu thích bởi các thần hay sao? Anh đã quên rồi ư?

EUTH: Tôi nhớ chứ.

SOC: Và anh đã nói rằng cái gì được các thần yêu thích thì là thánh thiện; và như thế không phải cũng giống như nói rằng điều đó là quí báu đối với các thần hay sao?

EUTH: Đúng.

SOC: Vậy thì, hoặc chúng ta đã sai ở câu khẳng định ban đầu; hay nếu chúng ta đúng lúc ban đầu, thì bây giờ chúng ta sai.

EUTH: Một trong hai phải là đúng.

SOC: Vậy chúng ta phải bắt đầu lại và hỏi, Đạo đức là gì? Đó là câu hỏi mà tôi sẽ theo đuổi cho đến cùng mà không sợ mỏi mệt; và tôi xin anh đừng giận tôi, nhưng hãy cố gắng chú ý để tìm cách nói cho tôi sự thật. Vì nếu có ai có sự hiểu biết, thì người đó chính là anh; và vì vậy tôi phải giữ anh lại cho tới khi anh chịu nói cho tôi biết. Nếu chắc chắn anh không biết bản chất của đạo đức và vô đạo là gì, thì tôi tin rằng anh sẽ

không bao giờ vì một người nông nổ mà cáo buộc người cha già của anh tội giết người. Anh sẽ không liều mình làm điều trái trước mắt các thần và anh sẽ phải tôn trọng ý kiến của người ta nhiều hơn. Vì vậy, tôi tin chắc anh biết bản chất của lòng đạo đức và vô đạo là gì. Vậy, anh bạn Euthyphro yêu quí, xin hãy nói cho tôi, đừng che giấu sự hiểu biết của anh.

EUTH: Để khi khác, Socrates; tôi đang vội, bây giờ tôi phải đi đây.

SOC: Trời! Anh bạn, anh nỡ để tôi thất vọng sao? Tôi đã từng hi vọng anh sẽ chỉ giáo cho tôi về bản chất của lòng đạo đức và vô đạo; nhờ đó tôi có thể thắng kiện Meletus và lời buộc tội của anh ta. Tôi có thể nói với anh ta rằng tôi đã được Euthyphro làm cho giác ngộ và đã từ bỏ những bịa đặt và suy tưởng mông lung, mà trước đây tôi đã phạm phải vì ngu dốt và bây giờ tôi bắt đầu một đời sống tốt hơn.

BIỆN HỘ

GIỚI THIỆU

Không thể xác định được tác phẩm Biện hộ của Plato có tương quan thế nào với lời biện hộ thực sự của Socrates. Chắc một điều là giọng điệu và tính chất của nó phù hợp với những gì được Xenophon mô tả trong sách Memorabilia: ông nói lẽ ra Socrates đã có thể được trắng án nếu ông chịu hòa giải bằng những lời lẽ ôn hòa hơn với các quan toà; và trong một đoạn khác, Xenophon cũng cho chúng ta biết dựa trên lời chứng của Hermogenes, bạn của Socrates, rằng ông không muốn sống; và lời sấm thần linh cũng không cho phép ông chuẩn bị một lời biện hộ và bản thân Socrates cũng tuyên bố ông không cần tự bào chữa, bởi cả cuộc đời ông đã sẵn sàng cho giờ phút này rồi. Bởi vì lời lẽ của toàn thể bài biện hộ toát lên một tinh thần thách thức; và lối văn lỏng lẻo và rời rạc là một sự mô phỏng "cách nói quen thuộc" của Socrates tại "nơi công trường hay nơi những bàn đổi tiền". Những gợi ý trong quyển Crito có thể cung cấp thêm bằng chứng về tính xác thực từng chữ của một số đoạn. Nhưng nhìn chung phải coi bài biện hộ này như là quan niệm của Plato về một Socrates lý tưởng; hình ảnh này xuất hiện trong cảnh quan trọng nhất và công khai nhất của đời ông và ở tột đỉnh chiến thắng của ông, khi ông là người yếu đuối nhất; nhưng tính cách làm chủ nhân tính của ông tỏ ra mạnh nhất và thái độ hài hước quen thuộc của cuộc đời ông mang một ý nghĩa mới, một thứ tình cảm bi tráng trước cái chết. Các sự kiện đời ông được tóm lược và các đức tính thuộc tính cách ông được làm nổi bật hầu như một cách ngẫu nhiên trong diễn tiến bài biện hộ của ông. Lối văn lỏng lẻo, vẻ bề ngoài thiếu sự sắp xếp thứ tự các đề tài, các tính chất này đã tạo ra một tác phẩm nghệ thuật hoàn hảo, đó là chân dung đích thực của Socrates.

Nhưng một số đề tài có thể đã thực sự được Socrates sử dụng; và việc hồi tưởng lại chính các lời của ông có thể đã vang lên trong tai người học trò của ông. Quyển Biện Hộ của Plato có thể được sánh chung chung với các bài diễn từ Thucydides, trong đó ông đã thêu dệt nên khái niệm của mình về tính cách và đường lối chính trị siêu vời của Pericles, đồng thời cung cấp cho chúng ta một bình luận về hoàn cảnh sự việc từ góc nhìn của người viết sử. Vì thế trong Biện Hộ, có một sự thật lý tưởng thay vì một sự thật theo nghĩa đen; nhiều điều lẽ ra phải được nói ra nhưng đã không được nói ra và chỉ là cái nhìn của Plato về tình hình. Và có lẽ chúng ta cũng có thể tưởng tượng rằng lời biện hộ thực sự của Socrates còn to lớn hơn nhiều so với bài biện hộ của Plato, vì thầy thì lớn hơn trò. Nhưng bất luận thế nào, một số các lời nói nguyên văn của Socrates đã được giữ lại. Một điều đáng lưu ý là người ta cho rằng Plato đã có mặt lúc Socrates đọc bài biện hộ, cũng như đã vắng mặt ở cảnh cuối cùng trong quyển Phaedo. Có phải điều đó muốn nói lên rằng ông muốn nhấn mạnh tính xác thực của cảnh thứ nhất mà không nhấn mạnh tính xác thực của cảnh thứ hai? - đặc biệt khi chúng ta nhớ rằng hai đoạn văn này là những đoạn duy nhất mà Plato nhắc tới chính mình. Hơn nữa, có vẻ như quyển Biện hộ phối hợp các tính chất chung của cả Socrates theo mô tả của Xenophon và Socrates theo mô tả của Plato, trong khi quyển Phaedo đi vào vùng tư tưởng đặc trưng của Plato chứ không phải của Socrates.

Không có nhiều điều trong các quyển Đối thoại khác có thể sánh với Biện Hộ. Cùng một sự hồi tưởng về thầy mình có thể đã xuất hiện trong đầu óc Plato khi mô tả những nỗi đau khổ của Người Chính trực trong quyển Nền Cộng hòa. Quyển Crito cũng có thể được coi như một phụ trương cho Biện hộ, trong đó Socrates, người từng coi thường các quan tòa, nhưng được trình bày như một con người tuân thủ luật pháp trọn vẹn. Việc lý tưởng hoá con người đau khổ còn được đẩy xa hơn nữa trong quyển Gorgias, trong đó tác giả giữ lại luận đề rằng "thà chịu khổ hơn là làm ác"; và nghệ thuật tu từ được mô tả như là chỉ có ích cho việc tự tố cáo mình. Những điểm song song được thấy trong cái gọi là Biện Hộ của Xenophon không có giá trị, vì tác phẩm này chứa đựng những điều rõ ràng là thiếu xác thực. Các phát biểu trong Memorabilia liên quan đến cuộc xét xử và cái chết của Socrates chung chung phù hợp với Plato; nhưng chúng đã đánh mất hương vị hài hước của Socrates trong tường thuật của Xenophon.

Quyển Biện hộ hay lời bào chữa của Socrates trong Plato được

chia thành ba phần: Phần một là lời biện hộ đúng nghĩa; phần hai là một lời kêu gọi giảm nhẹ hình phạt; phần ba là những lời cuối cùng mang tính chất trách mắng và khuyến dụ của một nhà tiên tri.

Phần một bắt đầu bằng một lời biện hộ về cách ăn nói của ông; ông là người không thích kiểu nói tu từ và chỉ biết đến sự thật chứ không biết gì đến khoa tu từ; ông sẽ không làm sai lạc tính cách mình bằng lời nói hùng biện. Tiếp đến ông phân chia những kẻ tố cáo ông thành hai hạng: Thứ nhất, có kẻ tố cáo vô danh - dư luận quần chúng. Mọi người từ trẻ đến lớn đều đã nghe nói ông là người làm hư giới trẻ và đã từng được xem các cảnh diễn bêu xấu ông trong tác phẩm Mây mù của Aristophanes. Hạng thứ hai là những kẻ tố cáo ra mặt, thực ra chỉ là những kẻ phát ngôn cho người khác. Các lời tố cáo của cả hai hạng này có thể tóm gọn vào một công thức sau. Hạng thứ nhất nói, "Socrates là kẻ làm ác và là một con người kỳ cục, đi tìm những gì dưới lòng đất và ở trên trời; và là người đổi trắng thay đen và dạy người khác tất cả những thứ ấy". Hạng thứ hai nói, "Socrates là kẻ làm ác và làm hư giới trẻ, không chấp nhận các thần mà nhà nước chấp nhận, nhưng đưa vào các thần mới". Có vẻ như lời tố cáo thứ hai này là lời tố cáo chính thức, mà công thức thứ nhất chỉ là một kiểu bắt chước.

Câu trả lời bắt đầu bằng việc làm sáng tỏ các điều mơ hồ. Trong cách trình bày của các nhà thơ hài, và trong dư luận quần chúng, ông bị lẫn lộn với các thầy dạy khoa vật lý và các nhà Nguỵ biện. Nhưng đó là một sai lầm. Đối với hai hạng người này, ông tỏ lòng kính trọng trước tòa án, khác hẳn với cách ông nói về họ ở những nơi khác. Nhưng đồng thời ông chứng tỏ ông không nằm trong số họ. Về triết học tự nhiên, ông không biết gì cả; không phải ông khinh thường các môn học này, nhưng sự thật là ông mù tịt về chúng và không bao giờ nói đến chúng. Ông cũng không kiếm tiền thù lao bằng công việc giảng dạy; đó là một quan niệm sai lầm khác nữa, vì ông không có gì để dạy. Nhưng ông khen Evenus vì ông này dạy nhân đức với một khoản tiền thù lao rất khiêm tốn. Ở đây ta thấy có đôi chút hóm hỉnh và hài hước nhằm đi sâu vào lòng người nghe.

Tiếp đến ông bắt đầu giải thích lý do tại sao ông bị tiếng xấu như thế. Điều đó đã phát sinh từ một nhiệm vụ đặc thù mà ông đã đảm nhận. Anh chàng Chaerephon quá hưng phấn đã đến đền Delphi để xin lời sấm xem có ai khôn ngoan hơn Socrates hay không; và câu trả lời là không có ai khôn ngoan hơn. Phải hiểu thế nào ý nghĩa của lời sấm này đây? - ông là một người

không biết gì và ông biết là mình không biết gì, làm sao lời sấm lại nói ông là người khôn ngoan nhất? Suy nghĩ về điểm này, ông quyết định bác bỏ lời sấm bằng cách đi tìm một người khôn ngoan hơn ông; và trước tiên ông đến với các chính khách, rồi đến các thi sĩ, rồi các thợ thủ công, nhưng kết quả vẫn luôn giống nhau - ông thấy rằng họ chẳng biết gì cả, hay chẳng biết gì hơn ông; và một vài trường hợp những gì họ biết hơn ông chút ít đều pha lẫn sự khoe trương và hợm hĩnh. Ông không biết gì cả và ông biết mình không biết gì cả: họ biết ít hay không biết gì cả và họ tưởng họ biết mọi sự. Vì thế ông đã sống đời mình như một sứ giả đi tìm sự khôn ngoan mà loài người tưởng là họ có; và công việc này đã chiếm trọn cuộc đời ông và lôi kéo ông ra khỏi các công việc công cộng và tư riêng. Các thanh niên giàu có hơn cũng đi theo đuổi công việc này như một thứ giải trí. Chính vì thế ông đã tạo ra những kẻ thù cay đắng; các bậc thầy về tri thức tự vệ bằng cách gọi ông là kẻ hủ hoá các thanh niên và họ lặp đi lặp lại những lời vu cáo tầm thường về tội vô thần, duy vật và nguỵ biện, vốn là những lời vu cáo quen thuộc chống lại mọi triết gia khi người ta không có gì khác để nói chống lại họ.

Ông đáp lại lời tố cáo thứ hai bằng việc chất vấn Meletus, có mặt ở đó và có thể được chất vấn. "Nếu ông ấy là người làm hư các công dân, thì ai là người làm các công dân nên tốt?" "Tất cả loài người". Nhưng như thế thì quá vô lý và mâu thuẫn! Làm sao có thể quan niệm nổi là ông phải làm cho các công dân nên xấu hơn trong khi ông phải sống với họ? Hẳn không phải là do cố ý; và nếu không cố ý, thì ông phải được Meletus chỉ bảo cho, thay vì bị tố cáo trước tòa.

Nhưng cũng có một phần khác của lời tố cáo nói rằng ông dạy người ta không đón nhận các thần mà thành phố đón nhận và ông có các thần khác. "Có phải đó là cách mà ông làm hư thanh niên không?" "Đúng, bằng cách đó".. "Ông chỉ có các thần mới thôi, hay không có thần nào cả?" "Không có thần nào cả". "Sao được, cả thần mặt trời và mặt trăng?" "Không, ông ta nói mặt trời là đá và mặt trăng là đất". Đáp lại, Socrates nói rằng đây là sự hiểu sai về Anaxagoras; dân Athens không ngu dốt đến nỗi gán cho ảnh hưởng của Socrates các khái niệm đã đi vào kịch nghệ và có thể học được ở các rạp hát. Socrates tìm cách chứng minh rằng Meletus đã lẫn lộn một câu đố trong phần này của lời tố cáo: "Không có các thần, nhưng Socrates lại tin vào sự tồn tại của các con của thần, đó là điều vô lý".

Rời bỏ Meletus, người đã nói đủ các điều xấu về ông, ông quay

sang các kẻ tố cáo ông ban đầu. Câu hỏi có thể được nêu lên, tại sao ông cố chấp theo đuổi một nghề có thể dẫn ông tới chỗ chết? Tại sao - bởi vì ông phải ở lại vị trí của mình mà thần đã đặt ông vào, giống như ông đã ở lại Potidaea, Amphipolis và Delium, là những nơi mà các tướng đã cử ông đến. Ngoài ra, ông cũng không quá khôn ngoan để nghĩ rằng ông biết rõ chết là điều tốt hay xấu; và ông chắc chắn rằng trốn tránh bổn phận là điều xấu. Anytus có lý khi nói rằng họ không nên kết án ông nếu quả thực họ muốn thả ông. Vì chắc chắn ông sẽ vâng phục Thần hơn là vâng phục loài người; và ông sẽ tiếp tục giảng dạy cho mọi người thuộc mọi lứa tuổi về sự cần thiết của nhân đức và sự tiến bộ; và nếu họ từ chối nghe lời ông, ông sẽ vẫn kiên trì và trách mắng họ. Đây là cách ông làm hư thanh niên và ông vẫn tiếp tục làm như thế để vâng lệnh Thần, cho dù cả ngàn cái chết đang chờ đợi ông.

Ông rất muốn người ta tha chết cho ông - không phải vì bản thân ông, nhưng vì chính họ; vì ông là người bạn do các thần sai đến cho họ (và họ sẽ không bao giờ có một người bạn khác giống như ông), hay, như ông thường được mô tả, là người kích động tinh thần người ta. Vậy tại sao ông không tham gia các công việc công cộng? Bởi vì tiếng nói của thần ngăn cản ông; nếu ông là người của công chúng và chiến đấu cho cái đúng, giống như ông đã chiến đấu chống lại số đông, thì hẳn ông đã không thể sống và vì thế đã không thể làm được điều gì tốt. Hai lần trong các nhiệm vụ công cộng, ông đã liều chết cho sự công bằng - một lần tại phiên tòa xử các tướng lãnh; và một lần nữa khi chống lại các mệnh lệnh của nhóm Ba Mươi kẻ đầu sỏ.

Nhưng, mặc dù không phải là một người của công chúng, ông đã sống cuộc đời mình trong việc dạy dỗ dân chúng mà không đòi thù lao hay phần thưởng; đây là sứ mạng của ông. Dù các học trò ông đã trở thành những con người tốt hay xấu, ông không thể bị kết án về kết quả, bởi ông không bao giờ hứa hẹn dạy họ điều gì. Họ có thể đến với ông nếu họ thích và họ có thể rời bỏ ông nếu họ thích; và thực sự họ đã đến và họ thấy thích thú nghe ông vạch mặt những kẻ tự phụ là khôn ngoan. Nếu các học trò của ông đã bị ông làm hư, hẳn các phụ huynh của họ (thậm chí chính họ) đã phải đến kiện cáo và làm chứng trước tòa chống lại ông, và giờ vẫn còn cơ hội để họ làm điều này. Nhưng tất các cha mẹ và anh em họ đã đến dự phiên tòa này (kể cả Plato "này"), để làm chứng bênh vực ông; và nếu họ hàng thân thuộc họ là những người hư hỏng, thì ít ra chính họ không bị hư hỏng; "Và họ là nhân chứng

cho tôi. Vì họ biết tôi nói sự thật và Meletus là người nói dối".

Đây là tất cả những gì ông cần nói. Ông không kêu xin quan tòa tha chết cho ông; ông cũng không bày ra cảnh các con ông khóc lóc, mặc dù ông cũng không phải là gỗ là đá. Bản thân một số bồi thẩm có thể đã chấp nhận những phương thức này trong một số trường hợp và ông tin rằng họ sẽ không tức giận với ông vì đã không theo gương họ. Nhưng ông cảm thấy một thái độ như thế sẽ làm mất tiếng tốt của người Athens: ông cũng cảm thấy quan tòa đã thế là sẽ không vứt bỏ công bằng và ông có thể bị kết tội là vô đạo bởi việc xin quan tòa tha cho ông, khi bản thân ông đang bị xét xử vì tội vô đạo.

Như ông dự kiến và có thể đúng như ông mong muốn, tòa đã kết tội ông. Và bây giờ giọng điệu thay vì hòa giải hơn, đã trở thành cao cả và có tính truyền khiến. Anytus đề nghị án tử hình: còn ông, ông đề nghị gì? Ông, một ân nhân của dân Athens và cả cuộc đời ông đã sống chỉ để làm ích cho họ, ít ra ông phải được phần thưởng của người chiến thắng Olympic là được giữ lại trong hội đồng thành phố. Nhưng tại sao ông lại phải đề nghị cho mình một bản án khác, khi mà ông không biết bản án chết như Anytus đề nghị có là điều tốt hay xấu? Và ông biết chắc bị giam tù là điều xấu, bị lưu đày là điều xấu. Mất tiền có thể không phải là điều xấu, nhưng ông lấy đâu ra tiền; vậy cứ để bản án như thế...

(và ông đã bị kết án tử hình.)

Ông đã già rồi và người Athens sẽ chẳng được lợi gì ngoài sự nhục nhã khi tước mất của ông một ít năm cuộc đời. Ông đã có thể bỏ trốn nếu ông muốn xuôi tay và cầu xin tha mạng. Nhưng ông hoàn toàn không có gì để hối hận về cách biện hộ của mình; ông thà chết theo kiểu của mình hơn là sống theo kiểu của họ. Vì hình phạt dành cho người bất chính đến nhanh hơn cái chết và nó đã đến với những kẻ tố cáo ông cũng như cái chết sẽ đến với ông.

Và bây giờ, như một người sắp chết, ông sẽ nói tiên tri cho họ. Họ đã xử tử ông để họ khỏi phải trả lẽ về cuộc đời họ. Nhưng cái chết của ông "sẽ là hạt giống" nảy sinh nhiều học trò, và sau này sẽ kết án họ về đường lối xấu xa của họ và sẽ khiển trách họ nặng lời hơn nữa, bởi vì họ trẻ hơn và ít suy nghĩ hơn.

Trong khi còn thời giờ, ông cũng muốn nói đôi lời với những ai muốn tha bổng ông. Ông muốn họ biết rằng điềm trời không bao giờ cắt ngang lời biện hộ của ông; lý do theo ông nghĩ là cái chết mà ông sắp trải qua là một điều tốt chứ không phải điều xấu. Vì cái chết là một giấc ngủ dài, giấc ngủ ngon nhất, hay một cuộc hành trình về một thế giới khác mà ở đó linh

hồn những người chết được qui tụ lại và ở đó có thể có hi vọng thấy được các bậc anh hùng thời xưa - và ở đó cũng có các quan tòa chính trực; và vì mọi linh hồn đều bất tử, nên không sợ có ai bị án tử hình vì các ý kiến của mình.

Không sự dữ nào có thể xảy ra cho một người tốt cả, khi còn sống lẫn sau khi chết và cái chết của chính ông đã được các thần cho phép, vì việc ông ra đi là điều tốt hơn; và vì thế ông tha thứ cho các quan tòa kết án ông bởi vì họ không làm hại gì ông, mặc dù họ cũng không bao giờ muốn làm điều gì tốt cho ông.

Ông có một lời yêu cầu cuối cùng với họ - yêu cầu họ hãy gây rắc rối cho các con ông giống như ông đã gây rắc rối cho họ, nếu họ yêu thích giàu sang hơn nhân đức, hay nếu họ nghĩ họ là một cái gì đó đang khi họ không là gì cả.

"Ít có ai muốn rằng Socrates đã tự biện hộ một cách khác", nếu lời biện hộ của ông là chính bài biện hộ mà Plato đã cung cấp cho chúng ta. Nhưng gạt sang một bên vấn đề này, là vấn đề không thể có một giải đáp chính xác, chúng ta có thể tiếp tục nêu câu hỏi rằng trong quyển Biện hộ Plato đã muốn để lại cho độc giả ấn tượng nào về tính cách và hành vi của thầy mình trong cảnh cuối cùng cao cả này? Có phải ông muốn mô tả thầy mình (1) là một người sử dụng nguỵ biện; (2) là một người muốn chọc tức các quan tòa? Hay các lời nguỵ biện này được coi như thuộc về thời đại ông sống và thuộc về cá tính của ông; và cái vẻ bề ngoài ngạo nghễ này như là bắt nguồn từ địa vị xã hội cao trọng của ông?

Ví dụ, khi ông nói rằng thật vô lý nếu nghĩ rằng một người làm hư hỏng thanh niên còn mọi người khác làm cho thanh niên nên tốt hơn; hay khi ông lý luận rằng ông không bao giờ có thể làm hư hỏng những người mà ông phải cùng chung sống; hay khi ông chứng minh niềm tin của ông vào các thần bởi vì ông tin các con của thần, phải chăng ông nói những điều đó một cách nghiêm túc hay bỡn cợt? Có thể ghi nhận rằng tất cả các lời nguỵ biện này đều được ông đưa ra khi chất vấn Meletus, một người dễ hoang mang và dễ bị khuất phục trong tay của nhà biện chứng pháp bậc thầy. Có lẽ ông coi các câu trả lời này tất cả đều đúng cho kẻ tố cáo ông (ông tỏ vẻ coi khinh anh ta trong suốt phiên tòa). Và cũng có thể ghi nhận rằng có một chút hài hước trong tất cả các câu nói này của ông, được hàm ngụ trong phạm trù nguỵ biện của ông.

Phải nhìn nhận rằng cách thức ông tự biện hộ về đời sống xấu xa trong các học trò của ông thì không thỏa mãn. Trong ký ức còn rất sinh động của người dân Athens, các cái tên như Alcibiades, Critias, Charmenides vẫn còn khơi dậy sự

nhờm tởm đối với họ khi họ vừa được phục hồi nền dân chủ mới. Rõ ràng cũng không phải là một câu trả lời đủ khi Socrates tuyên bố ông không hề dạy họ điều gì và vì thế không thể bị kết án vì các tội của họ. Thế nhưng lấy ra khỏi cái giọng điệu hài hước này, bài biện hộ của ông hiển nhiên rất có giá trị: lời giảng dạy của ông không liên quan gì tới đời sống xấu xa của họ. Vì thế ở đây sự nguỵ biện có tính hình thức hơn là thực chất, mặc dù chúng ta vẫn ước gì Socrates đã đưa ra những câu trả lời nghiêm túc hơn.

Một nét đặc trưng đích thực khác nữa của Socrates là một điểm khác trong câu trả lời của ông, mà chúng ta cũng có thể gọi là nguỵ biện. Ông nói rằng "nếu ông đã làm hư thanh niên, hẳn ông đã làm hư họ một cách vô tình". Qua những lời này, rõ ràng ông muốn chuyển đạt học thuyết của ông về sự không cố tình làm điều xấu. Nhưng như Socrates lý luận, nếu mọi điều xấu đều là không cố ý, thì mọi kẻ phạm tội phải được chỉ dạy chứ không bị trừng phạt. Ở đây cũng như ở trên, lời biện hộ của Socrates, tuy không đúng trên thực tế, nhưng cũng có thể đúng theo một nghĩa lý tưởng hay siêu nghiệm. Câu trả lời của ông rằng nếu ông có tội trong việc làm hư thanh niên, thì các bà con họ hàng của họ chắc chắn đã ra làm chứng chống lại ông, ông dùng câu trả lời này để kết thúc phần biện bạch này, là câu trả lời rất thiết thực và thỏa mãn hơn.

Một lần nữa, khi Socrates lý luận rằng ông tin các thần vì ông tin các con của các thần, chúng ta phải nhớ rằng đây là câu để phản bác lời buộc tội ban đầu, khá hợp lý - "Socrates không đón nhận các thần mà thành phố đón nhận, nhưng lại có các thần mới" - nhưng là để phản bác lời cắt nghĩa của Meletus rằng ông hoàn toàn vô thần. Hợp với các ý niệm thời ấy, Socrates trả lời khá hay rằng một người hoàn toàn vô thần thì không thể tin các con của thần hay các sự vật thần linh. Khái niệm về các phụ thần hay các thần thấp hơn là các con của thần không được coi là có tính chế giễu hay hoài nghi. Nhưng niềm say mê lý luận có thể đã khiến Plato rơi vào quan điểm thần thoại và khiến ông không nhận ra được rằng lý luận này chỉ đúng về hình thức.

Câu hỏi thứ hai cũng phải được trả lời bằng phủ định, cho dù Plato có ý mô tả Socrates như con người thách thức hay muốn chọc tức các quan tòa một cách không cần thiết. Tính hài hước của ông, tính hơn hẳn của ông và sự táo bạo của ông, chúng tất yếu phát xuất từ hoàn cảnh siêu thoát của ông. Ông không hành động dựa vào một cơ hội lớn, nhưng ông sống cả đời ông như "một ông vua của loài người". Ông không muốn tỏ ra thô lỗ, nếu

ông có thể tránh được điều đó. Ông không muốn đi vội đến giờ chết của mình, vì sống và chết đối với ông là điều dửng dưng. Nhưng ông cũng không muốn nói hay làm điều gì để tránh hình phạt; ông không thể ngậm miệng, cho dù đứng trước "họng tử thần:" tính cách tự nhiên của ông phải được lộ rõ. Ông cũng muốn tự biện hộ trước hậu thế và mọi người, vì đó là một sự biện hộ đích thực. Nhưng biện hộ để mong được các quan tòa chấp nhận và tha bổng là điều mà bản chất của ông không cho ông làm. Với những kẻ buộc tội ông, ông chỉ muốn thách thức và bỡn cợt. Tính độc đáo của sứ mạng ông là một lý do quan trọng để tin rằng ông nghiêm túc khi nói lên các động cơ thúc đẩy ông. Sự tận tuỵ cả đời ông cho việc thăng tiến đời sống đồng bào không được thấy nổi bật bằng tinh thần hài hước mà ông tỏ ra khi làm điều thiện cho mọi người, để ứng nghiệm với lời sấm và với hi vọng mong manh tìm được một người khôn ngoan hơn mình. Nhưng tính chất độc đáo và gần như tình cờ này của sứ mạng ông phù hợp với điềm trời, mà theo cách hiểu của chúng ta, cũng có tính tình cờ và phi lý, nhưng được ông chấp nhận như là nguyên tắc hướng dẫn đời ông. Chúng ta cũng không được quên rằng không chỗ nào chúng ta thấy Socrates được mô tả như là một nhà tư tưởng tự do hay hoài nghi. Không có bất cứ lý do nào để nghi ngờ sự thành thật của ông khi ông ngụ ý về niềm tin của ông vào các thần mặt trời và mặt trăng, hay khi ông suy nghĩ về khả năng có thể nhìn thấy và biết các bậc anh hùng của cuộc chiến thành Troy ở thế giới bên kia. Mặt khác, niềm hi vọng của ông vào sự bất tử thì không chắc chắn; ông cũng quan niệm cái chết như một giấc ngủ dài (về điểm này, thì khác với trong quyển Phaedo) và cuối cùng ông rơi trở lại sự nhẫn nhục vâng theo ý thần linh; và tin chắc rằng không một sự xấu nào có thể xảy ra cho người tốt dù ở đời này hay sau khi chết. Sự chân thực tuyệt đối của ông khiến ông không thể khẳng định nhiều hơn điều này. Sự hài hước của Socrates không phải là một cái mặt nạ ông đeo vào tùy ý, nhưng tất yếu bắt nguồn từ tính cách của ông và từ mối quan hệ của ông với loài người. Điều này đúng với ông nói chung, nhưng càng đúng đặc biệt về hành vi đáng nhớ cuối cùng trong đó ông tóm tắt cuộc đời mình. Sự hài hước ấy không bị tổn hại nhưng được tăng mạnh bởi một thứ đức tính đơn sơ tự nhiên của ông.

Người ta nhận ra rằng lời tiên tri ở đoạn cuối về một thế hệ các thầy dạy mới, những người sẽ quở trách và khuyến dụ dân chúng Athens bằng những lời lẽ mạnh hơn và nặng nề hơn, như chúng ta được biết, lời tiên tri ấy đã không bao giờ ứng nghiệm. Dựa trên hoàn

cảnh này, không thể suy ra là lời tiên tri ấy đã được ông nói ra trên thực tế. Chúng diễn tả nguyện vọng của vị tử đạo đầu tiên của triết học, đó là ông muốn để lại cho đời nhiều môn đệ, cùng với cảm giác tự nhiên rằng họ sẽ hung hăng hơn và ít đắn đo hơn trong lời nói một khi họ được giải phóng khỏi mọi sự kiểm soát.

Những nhận xét trên đây phải được hiểu như chỉ áp dụng một cách phan nào chắc chắn vào nhân vật Socrates theo Plato mà thôi. Bởi vì tuy những lời nói này và những câu tương tự rất có thể đã được chính Socrates thực sự nói ra, chúng ta vẫn không loại bỏ khả năng là, giống như nhiều điệu khác, ví dụ, sự khôn ngoan của Critias, bài thơ của Solon, các nhân đức của Charmides, chúng rất có thể chỉ là kết quả trong trí tưởng tượng của Plato.

BIỆN HỘ

Thưa các công dân Athens, tôi không biết quí vị đã bị ảnh hưởng thế nào bởi những người tố cáo tôi; nhưng tôi biết rằng họ hầu như muốn làm cho tôi quên đi mình là ai - họ nói một cách quá thuyết phục, nhưng họ chẳng nói được một lời sự thật.

Thế nhưng trong số rất nhiều lời dối trá họ nói ra, có một lời làm tôi sửng sốt; đó là khi họ nói quí vị phải đề cao cảnh giác và đừng để mình bị lừa dối bởi sức mạnh từ sự hùng biện của tôi. Tôi thấy họ quả là hết sức vô liêm sỉ khi họ nói điều đó trong khi họ chắc chắn rằng sẽ bị phát hiện ngay sau khi tôi mở miệng và chứng tỏ rằng tôi không phải là một nhà hùng biện gì cả - trừ khi họ hiểu sức mạnh của sự hùng biện nơi tôi chính là sức mạnh của sự thật; vì nếu họ hiểu như thế, thì tôi nhìn nhận tôi là người hùng biện. Nhưng một thứ hùng biện khác xa với thứ hùng biện của họ! Vâng, như tôi vừa nói, họ chẳng nói được một lời sự thật nào cả; nhưng từ miệng tôi quí vị sẽ nghe toàn thể sự thật, tuy không được diễn tả theo cách của họ bằng những lời lẽ hoa mỹ. Không, thề có trời! Nhưng tôi sẽ dùng những lời lẽ và lý luận đến với tôi vào chính lúc này; vì tôi tin vào chính nghĩa của mình: trong đời tôi, tôi không nên xuất hiện trước mặt quí vị, những công dân Athens, trong tư cách một nhà hùng biện trẻ-xin đừng ai mong đợi ở tôi điều này. Tôi chỉ xin quí vị cho tôi một ân huệ: Nếu tôi tự bào chữa theo cách quen thuộc của tôi và quí vị nghe tôi sử dụng những lời lẽ mà tôi quen dùng nơi công trường, nơi các bàn đổi tiền, hay những nơi nào khác, tôi xin quí vị đừng ngạc nhiên và đừng cắt lời tôi vì điều này. Vì tôi đã ngoài bảy mươi và bây giờ lần đầu tiên tôi xuất hiện trước một tòa án, tôi khá lạ lẫm với ngôn ngữ của tòa án; vì vậy tôi xin quí vị coi tôi như một người nước ngoài thực sự, để quí vị có thể cho phép tôi nói tiếng bản xứ của mình, theo kiểu cách của đất nước mình: - Tôi yêu cầu quí vị như vậy có quá đáng không? Quí vị đừng chấp nê vẻ bề ngoài, có thể là tốt mà cũng có thể không tốt; nhưng xin quí vị hãy chỉ nghĩ đến sự thật trong các lời của tôi và chăm chú

lắng nghe: hãy để người nói nói sự thật và người xét xử quyết định công bằng.

Trước hết, tôi phải trả lời các lời cáo buộc cũ và các nguyên cáo đầu tiên của tôi, sau đó tôi sẽ tiếp tục trả lời các lời cáo buộc mới. Bởi vì tôi đã từng bị nhiều người vu cáo, họ đã vu khống tôi trong nhiều năm; và tôi còn sợ họ hơn là sợ Anytus và bè lũ của hắn, là những kẻ cũng rất nguy hiểm, theo cách của chúng. Nhưng những kẻ vu cáo khác còn nguy hiểm hơn rất nhiều, vì họ đã bắt đầu khi quí vị còn ít tuổi và họ đã chiếm đoạt trí khôn quí vị bằng sự gian trá, khi họ nói rằng Socrates, một con người khôn ngoan, là người truy tìm trời cao và đất sâu và có tài thay trắng đổi đen. Những con người gieo rắc các câu chuyện như thế là những kẻ vu khống mà tôi rất sợ; vì người nghe họ dễ tưởng tượng ra rằng những con người tìm hiểu trời đất như thế không tin có các thần. Họ rất đông và các lời vu cáo chống lại tôi đã có từ lâu và họ bịa ra chúng vào thời quí vị còn trẻ, là thời kỳ quí vị dễ bị ấn tượng hơn bây giờ-và quí vị cứ tin lời của họ vì không ai cắt nghĩa cho quí vị. Nhưng khó hơn cả, tôi không biết và không thể kể tên những người cáo tội tôi; trừ một trường hợp ngẫu nhiên của một thi sĩ hài. Tất cả những ai vì ghen ghét hay ác ý đã thuyết phục quí vị, tất cả loại người này là loại người khó chống chọi nhất, vì tôi không có họ trước mặt ở đây để đối chất và vì thế tôi chỉ có thể lý luận để tự biện hộ khi không có người trả lời. Vì vậy tôi xin quí vị cùng tôi giả thiết tôi có hai loại đối thủ: một mới, một cũ và tôi hi vọng quí vị sẽ thấy lý do chính đáng để tôi trả lời cho loại đối thủ cũ trước, vì những lời cáo buộc loại này quí vị đã nghe từ rất lâu và thường xuyên hơn các lời cáo tội mới đây.

Vâng, tôi phải tự biện hộ cho mình và cố gắng giải tỏa nhanh một lời vu cáo đã kéo dài lâu năm. Tôi mong mình thành công, nếu sự thành công này đem lại lợi ích cho tôi và quí vị, hay có ích cho vụ xét xử của tôi! Nhiệm vụ quả thật không dễ; tôi hiểu điều đó. Và vì thế, phó thác sự việc trong tay Thượng đế và tuân phục luật pháp, giờ đây tôi xin tự bào chữa.

Tôi sẽ bắt đầu từ đầu và hỏi lời vu cáo tôi là gì và tại sao nó đã thúc đẩy Meletus buộc tội chống lại tôi. Vâng, những người vu cáo tôi nói gì? Họ sẽ là những công tố viên và tôi xin tóm tắt lời họ như sau: "Socrates là một kẻ làm điều ác, một con người kỳ lạ, truy tìm những sự vật dưới đất và trên trời và giỏi thay trắng đổi đen; và hắn đã dạy những điều đó cho người khác". Đó là bản chất lời cáo tội: Đó chính là điều mà quí vị đã xem trong vở hài kịch của Aristophanes, mô tả một nhân vật có tên là Socrates, đi đây đó và nói rằng

mình đi trên không khí, kể về những chuyện tào lao mà tôi không dám tự phụ là mình biết nhiều hay biết ít. Tôi sẽ rất tiếc rằng Meletus có thể cáo buộc tội tôi nặng nề đến thế. Nhưng sự thật đơn giản là, thưa quí vị người Athens, tôi không dính líu gì tới các suy tư về vật lý học. Rất nhiều người đang có mặt ở đây có thể làm chứng cho điều tôi nói là thật và tôi kêu gọi họ làm chứng cho tôi. Hỡi những ai đã từng nghe tôi nói, xin hãy nói và bảo cho những người bên cạnh quí vị rằng tôi có bịa đặt ra những điều như trên hay không... Quí vị hãy nghe họ trả lời. Và từ những điều họ nói ra, quí vị có thể phán đoán sự thật của những điều còn lại.

Không có chứng cớ nào để nói rằng tôi là một người dạy học kiếm tiền; lời tố cáo này cũng sai lạc không kém lời tố cáo trên. Dù sao, nếu một người có khả năng giáo huấn người khác, thì theo thiển ý của tôi, việc nhận tiền thù lao cho việc dạy dỗ là một vinh dự cho người ấy. Chúng ta thấy có Gorgias ở Leontium, Prodicus ở Ceos và Hippias ở Elis, những người này đi rảo khắp các thành phố và có khả năng thuyết phục các thanh thiếu niên bỏ những người đồng hương vốn dạy dỗ họ không lấy tiền, để đi theo những người này mà họ không những phải trả tiền, mà còn cảm thấy vinh dự nếu được trả tiền.

Thưa những người Athens, tôi dám nói rằng một số quí vị sẽ đáp lại, "Đúng thế, ông Socrates, nhưng đâu là nguồn gốc của những lời tố cáo ông; chắc chắn ông phải làm điều gì kỳ lạ? Sẽ không bao giờ có thể có những lời đồn thổi như thế nếu ông cũng giống như những người khác: vậy ông hãy nói cho chúng tôi hay, lý do của những lời tố cáo đó là gì, vì chúng tôi sẽ phải hối hận nếu xét xử ông một cách vội vàng". Tôi coi đây là một lời thách đố công bằng và tôi sẽ cố gắng giải thích cho quí vị lý do tại sao tôi được gọi là người khôn ngoan và bị tiếng xấu như thế. Xin quí vị hãy lắng nghe. Và mặc dù một số quí vị có thể nghĩ rằng tôi đang nói đùa, tôi tuyên bố tôi sẽ nói cho quí vị tất cả sự thật. Hỡi quí vị người Athens, sở dĩ tôi có tiếng tăm như thế là vì tôi có một loại khôn ngoan. Nếu quí vị hỏi tôi loại khôn ngoan gì, tôi trả lời, loại khôn ngoan mà có lẽ con người có thể đạt được, vì tôi tin rằng tôi khôn ngoan theo nghĩa đó; còn những người mà tôi đang nói tới thì có một loại khôn ngoan của siêu nhân, mà tôi không biết mô tả thế nào, vì bản thân tôi không có nó; và ai nói rằng tôi có nó, người ấy nói sai và lấy đi tính cách của tôi. Ở đây, tôi phải xin quí vị đừng cắt đứt lời tôi, dù có vẻ như tôi đang nói những điều ngông cuồng. Bởi vì những lời tôi sắp nói ra không phải là của tôi. Tôi sẽ

giới thiệu với quí vị một nhân chứng đáng tin cậy; đó là vị thần ở Delphi - người sẽ nói cho anh em biết về sự khôn ngoan của tôi, nếu tôi có nó và đó là loại khôn ngoan gì. Chắc hẳn quí vị đều biết ông Chaerephon; ông là một người bạn của tôi trước kia và cũng là bạn của quí vị, vì ông ấy từng chia sẻ cuộc lưu đày của dân tộc và đã trở về với quí vị. Vậy, như quí vị đều biết, Chaerephon rất quyết liệt trong mọi hành động của ông; và ông đã đến đền thờ Delphi và mạnh bạo xin lời sấm để biết xem có người nào khôn ngoan hơn tôi không, và nữ tiên tri Phythia trả lời rằng không có ai khôn ngoan hơn tôi. Nay Chaerephon đã mất; nhưng em trai ông ấy đang có mặt tại tòa này, có thể xác nhận điều tôi nói là thật.

Tại sao tôi nhắc đến chuyện này? Bởi vì tôi muốn giải thích cho quí vị tại sao tôi lại bị tiếng xấu như thế. Khi tôi nghe lời sấm, tôi tự nhủ, vị thần muốn nói gì? Và phải chú giải lời sấm ấy thế nào? Vì tôi biết mình không có sự khôn ngoan nào, dù nhỏ hay lớn. Vậy tại sao thần lại nói tôi là người khôn ngoan hơn tất cả mọi người. Mà ngài lại là một vị thần, ngài không thể nói láo; nói láo là nghịch với bản tính của ngài. Sau một hồi suy nghĩ, tôi nghĩ ra một phương pháp thử câu hỏi. Tôi suy ra rằng chỉ cần tôi tìm ra một người khôn ngoan hơn tôi, là tôi có thể chạy đến trước vị thần để bác bỏ lời sấm. Tôi sẽ nói với thần, "Đây là một người khôn ngoan hơn tôi; nhưng thần lại nói tôi là người khôn ngoan nhất". Thế là tôi tìm đến một người có tiếng là khôn ngoan và quan sát ông ấy - tôi không cần nhắc tên ông ấy ở đây; ông là một chính khách mà tôi đã chọn để kiểm tra - và kết quả là thế này: khi tôi bắt đầu nói chuyện với ông ấy, tôi không thể không nghĩ rằng ông ta thực sự không phải là người khôn ngoan; kết quả là ông ta ghét tôi và sự ghen ghét của ông ta được chia sẻ cho nhiều người đang có mặt ở đây và nghe tôi. Vì vậy tôi từ biệt ông ta, vừa đi tôi vừa tự nhủ: được, tuy tôi thấy không ai trong hai người chúng tôi biết cái gì là đẹp và tốt, nhưng tôi còn khá hơn ông ấy,-vì ông ấy không biết gì, nhưng lại nghĩ rằng ông ấy biết; còn tôi không biết mà cũng không nghĩ rằng mình biết. Vì vậy, ở chi tiết cuối cùng này, tôi có vẻ hơi khá hơn ông ấy một chút. Thế rồi tôi tìm đến một người khác nữa vốn cũng tự phụ mình có sự khôn ngoan cao hơn nữa và tôi cũng đi đến một kết luận y hệt như trên. Do điều này, tôi đã biến mình thành kẻ thù của ông ấy và của nhiều người khác nữa.

Thế rồi tôi tìm đến hết người này sang người khác, mặc dù ý thức rằng làm thế sẽ gây thêm thù địch, nhưng tôi buộc phải làm thế,-tôi nghĩ, lời của Thần phải được xét

đến trước hết. Và tôi tự nhủ, Tôi phải tìm đến với mọi người có vẻ hiểu biết và tìm ra ý nghĩa của lời sấm. Và tôi xin thề với quí vị, các người Athens, tôi xin thề! - Vì tôi phải nói cho quí vị sự thật-kết quả cuộc tìm kiếm của tôi là: tôi thấy rằng tất cả những người nổi tiếng nhất đều là những người ngu dốt nhất; và rằng các người khác ít nổi tiếng hơn lại là những người thực sự khôn ngoan và tốt hơn. Tôi sẽ kể cho quí vị câu chuyện về việc tôi đi lang thang tìm kiếm, có thể gọi là những sự vất vả của "Hercule" mà tôi đã chịu đựng để đi tới kết luận cuối cùng rằng lời sấm là không thể chối cãi. Sau các chính khách, tôi tìm đến các nhà thơ về đủ thể loại thơ. Tôi tự nhủ, ở đây mày sẽ được phát hiện ra ngay lập tức; bây giờ mày sẽ khám phá ra mày ngu dốt hơn họ. Thế là tôi đem đến cho họ một số đoạn thơ phức tạp nhất do chính họ sáng tác và hỏi họ ý nghĩa của chúng- vì tôi nghĩ rằng họ sẽ dạy dỗ tôi điều gì. Quí vị có tin được không? Tôi phải xấu hổ thú nhận sự thật rằng không ai có mặt ở đây mà không thể nói hay hơn về thơ của họ hơn chính họ nói về thơ của họ. Thế là tôi biết rằng các thi sĩ viết thơ không phải do sự khôn ngoan của họ, mà là do một loại thiên tài hay cảm hứng; họ giống như những người bói toán nói nhiều điều rất hay nhưng không hiểu nghĩa của chúng. Các thi sĩ đối với tôi cũng ở trong cùng một trường hợp như thế; và tôi còn nhận xét thêm rằng dựa trên sức mạnh thi ca của họ, họ tin rằng họ là người khôn ngoan nhất cả trong các lĩnh vực khác mà họ không khôn ngoan. Vì thế tôi rời bỏ họ và nghĩ rằng tôi khôn ngoan hơn họ vì cùng một lý do mà tôi khôn ngoan hơn các nhà chính khách.

Sau cùng tôi đến với các thợ thủ công, vì tôi nghĩ rằng tôi không biết gì cả và tôi chắc chắn rằng họ biết rất nhiều điều hay đẹp; và ở đây tôi không lầm, vì họ quả thực biết nhiều điều mà tôi không biết và trong lĩnh vực này họ chắc chắn khôn ngoan hơn tôi. Nhưng tôi nhận thấy rằng ngay cả những thợ thủ công giỏi nhất cũng mắc những sai lầm như các thi sĩ; - vì họ là những thợ giỏi, họ tưởng rằng họ cũng biết rõ mọi vấn đề cao hơn và khuyết điểm này nơi họ đã che lấp sự khôn ngoan của họ; và vì vậy tôi tự hỏi, không biết tôi có nên là như tôi hiện là, không có kiến thức của họ cũng không cósự ngu dốt của họ, hay nên có cả hai; và tôi tự trả lời rằng tôi nên là như tôi hiện đang là.

Sự truy tìm này đã khiến tôi có rất nhiều thù địch tệ hại nhất và nguy hiểm nhất, và khiến tôi phải hứng chịu nhiều lời vu khống. Và tôi được gọi là khôn ngoan, vì những người nghe tôi luôn luôn tưởng rằng tôi có sự khôn ngoan mà tôi thấy thiếu nơi người khác:

nhưng sự thật là, thưa quí vị người Athens, chỉ có Thượng đế là khôn ngoan; và qua lời sấm của ngài, ngài có ý cho thấy rằng sự khôn ngoan của con người có giá trị rất ít hay không giá trị gì cả; ngài không nói về Socrates, ngài chỉ dùng tên của tôi để làm ví dụ, như thể ngài muốn nói, Hỡi loài người, kẻ khôn ngoan nhất là kẻ, giống như Socrates, biết rằng sự khôn ngoan của mình thực sự chẳng có giá trị gì. Và vì thế tôi đi khắp thế giới, vâng lời thần, tìm kiếm và truy tìm sự khôn ngoan của bất cứ ai, dù là đồng bào hay người nước ngoài, mà có vẻ khôn ngoan; và nếu người ấy không khôn ngoan, thì tôi dùng lời sấm để nói rằng người ấy không khôn ngoan; và tôi bị thu hút vào công việc của mình, nên không có thời giờ quan tâm đến các vấn đề công cộng hay vấn đề riêng tư của mình, nhưng tôi hoàn toàn nghèo khó vì sự phục vụ Thượng đế.

Còn một chuyện khác: các thanh niên thuộc giai cấp giàu có mà không có nhiều việc để làm, tự ý tìm đến tôi; họ thích nghe tôi phân tích các kẻ tự phụ và họ thường bắt chước tôi, phân tích về người khác; họ mau chóng khám phá ra rằng có rất nhiều người tưởng rằng mình biết điều gì, mà thực sự biết rất ít hay không biết gì cả; và rồi những người bị họ xem xét, thay vì tức giận với bản thân mình, thì lại tức giận với tôi: tên Socrates khích động này, họ nói; tên lừa lọc giới trẻ này! - Và rồi nếu có ai hỏi: "Sao, ông ấy làm gì hay giảng điều gì xấu?". Thì họ không biết, cũng không thể nói; nhưng để khỏi bẽ mặt, họ lặp đi lặp lại những lời buộc tội làm sẵn, vốn được dùng chống lại mọi triết gia về việc giảng dạy những chuyện viển vông trên trời dưới đất, không tin có thần thánh và làm người ta tưởng điều xấu là điều tốt; và họ không thích thú nhận rằng vẻ hiểu biết bề ngoài của họ bị người ta phát hiện và vì họ đông người, đầy tham vọng và hung hăng, nên họ đã lớn tiếng hét vào tai của quí vị những lời vu khống nặng nề và đã có từ lâu. Đây chính là lý do tại sao ba kẻ cáo tội tôi, Meletus, Anytus và Lycon đã đứng lên chống lại tôi; Meletus đã từng cãi lộn với tôi để bênh vực các thi sĩ; Anytus bênh vực các thợ thủ công và các chính khách; và Lycon bênh vực các nhà tu từ: và như tôi đã nói lúc ban đầu, tôi không mong loại bỏ trong chốc lát tất cả những sự vu khống này. Và thưa quí vị người Athens, đây là sự thật và là toàn thể sự thật; tôi không che giấu điều gì, tôi không bịa đặt điều gì. Thế nhưng tôi biết lời nói thẳng của tôi làm họ ghét tôi và sự ghen ghét của họ chứng minh rằng tôi nói sự thật. Do đó họ có thành kiến với tôi; và đây là lý do của tất cả những điều đó, như quí vị sẽ thấy qua sự tìm hiểu của quí vị ở đây hay sau này.

Tôi đã nói đủ để biện hộ cho mình chống lại hạng người thứ nhất tố cáo tôi; bây giờ tôi nói đến hạng thứ hai. Dẫn đầu hạng người này là Meletus, con người lương thiện và nhà ái quốc đích thực, như ông ta tự xưng là thế. Chống lại những người này, tôi cũng phải đưa ra lời biện hộ cho mình: quí vị hãy đọc lời tuyên thệ của họ: nó chứa nội dung đại để như sau: nó nói rằng Socrates là một kẻ làm điều xấu, kẻ làm hư hỏng giới trẻ; và là kẻ không tin các thần của quốc gia, nhưng có các thần mới riêng của hắn. Lời buộc tội là như thế; và bây giờ chúng ta hãy xem xét các chi tiết. Ông ta nói tôi là kẻ làm xấu và làm hư hỏng giới trẻ; nhưng tôi nói, thưa quí vị người Athens, rằng Meletus là một kẻ làm điều xấu, đó là vì ông giả bộ nghiêm túc trong khi ông chỉ bỡn cợt và rất thích đưa người khác ra tòa do sự nhiệt tình và quan tâm giả bộ của ông ta về những vấn đề mà thực sự ông chẳng bao giờ quan tâm đến. Và tôi sẽ cố gắng chứng minh sự thật của điều này.

Hãy đến đây, ông Meletus, để tôi hỏi ông một câu hỏi. Ông quan tâm rất nhiều đến sự tiến bộ của giới trẻ phải không?

Vâng, đúng thế.

Vậy ông hãy nói cho quan tòa, ai là người làm cho giới trẻ tiến bộ; hẳn ông phải biết câu trả lời, vì ông đã cố gắng để tìm ra ai là kẻ làm hư hỏng giới trẻ và đang nêu tên tôi ra cũng như tố cáo tôi trước mặt họ. Hãy nói đi và cho quan tòa biết ai là người làm cho giới trẻ tiến bộ. Ông thấy không, Meletus, ông im lặng và không có gì để nói. Nhưng như vậy phải chăng là điều đáng thất vọng và là bằng chứng rõ ràng về những gì tôi đang nói, đó là ông không hề quan tâm đến chuyện này. Ông bạn, hãy nói cho chúng tôi biết ai là người làm cho giới trẻ tiến bộ?

Luật pháp.

Nhưng thưa ông, đó không phải điều tôi muốn biết. Tôi muốn biết ai là người hiểu biết luật pháp trước hết?

Các quan tòa đang hiện diện tại tòa án này, ông Socrates ạ.

Ông Meletus, có phải ông muốn nói rằng họ có khả năng giáo huấn và làm cho giới trẻ tiến bộ?

Chắc chắn là thế.

Tất cả, hay chỉ vài người thôi?

Tất cả.

Thề có nữ thần Here, thật là một tin vui! Nghĩa là có vô số những người làm cho giới trẻ tiến bộ. Còn cử toạ, họ có làm giới trẻ tiến bộ không?

Có, có chứ.

Còn các nghị viên?

Có, các nghị viên cũng làm giới trẻ tiến bộ.

Nhưng có lẽ các thành viên của hội đồng làm hư hỏng giới trẻ? Hay họ cũng làm giới trẻ tiến bộ?

Họ làm giới trẻ tiến bộ.

Vậy là mọi người Athens đều làm giới trẻ tiến bộ và thăng tiến; mọi người trừ tôi ra; và tôi là người duy nhất làm hư hỏng giới trẻ? Có phải đó là điều ông khẳng định?

Đó chính là điều tôi mạnh mẽ khẳng định.

Thật rất vô phúc cho tôi nếu điều ông nói là đúng. Nhưng giả sử tôi hỏi ông: thế các con ngựa thì sao? Có phải một người làm hại chúng, còn cả thế giới làm điều tốt lành cho chúng? Hay ngược lại mới là sự thật? Một người có khả năng làm điều tốt lành cho chúng, hay ít là không có nhiều người; nghĩa là người chăm sóc ngựa làm điều tốt lành cho chúng, còn những người khác sử dụng chúng đều làm hại chúng? Có đúng thế không, Meletus, về ngựa hay mọi con vật khác? Chắc chắn là đúng, cho dù ông và Anytus nói có hay không. Giới trẻ sẽ thật có phước nếu họ chỉ có một kẻ làm họ hư hỏng và mọi người khác trên thế giới làm họ tiến bộ. Nhưng Meletus, ông đã chứng tỏ khá đầy đủ rằng ông chẳng hề có một tư tưởng nào về giới trẻ: sự vô tâm của ông được thấy rõ qua việc ông không để ý gì tới chính những điều mà ông tố cáo tôi.

Bây giờ, Meletus, tôi sẽ hỏi ông một câu hỏi khác: Sống với các công dân xấu hay sống giữa các công dân tốt, điều nào tốt hơn? Ông bạn, hãy trả lời; câu hỏi này dễ trả lời lắm. Có phải người tốt làm điều tốt lành cho người khác và kẻ xấu làm điều xấu cho người khác?

Chắc chắn rồi.

Và có ai thích bị người khác làm hại mình hơn là làm điều tốt cho mình không? Ông bạn quí, luật pháp buộc ông trả lời - có ai thích bị làm hại không?

Chắc chắn là không.

Và khi ông tố cáo tôi làm hư hỏng giới trẻ, ông nghĩ tôi làm điều đó một cách vô tình hay cố ý?

Cố ý, tôi nói.

Nhưng ông vừa nhìn nhận rằng người tốt làm điều tốt cho người khác và kẻ xấu làm điều xấu cho họ. Vậy, có phải đó là một sự thật mà sự khôn ngoan siêu phàm của ông đã nhìn nhận như thế khi ông còn rất trẻ, trong khi một ông già như tôi lại sống trong sự tối tăm và dốt nát đến nỗi không biết được rằng nếu một người cùng sống với tôi mà bị tôi làm hại, tôi chắc chắn sẽ bị hại bởi người ấy; thế mà tôi vẫn cứ làm hư hỏng họ và cố tình làm điều đó-ông nói như thế, mặc dù cả tôi hay bất cứ con người nào cũng đều không được thuyết phục bởi ông. Nhưng hoặc là tôi không làm hư hỏng họ, hay tôi chỉ vô tình làm họ hư hỏng; trong cả hai

trường hợp ông đều nói láo. Nếu sự xúc phạm của tôi là vô tình, luật pháp không bắt tội những sự xúc phạm không cố ý: ông phải gọi riêng tôi ra và cảnh cáo tôi; vì nếu tôi được khuyên bảo tốt hơn, tôi đã có thể loại bỏ điều tôi đã làm một cách không cố ý-chắc chắn tôi phải làm thế; nhưng ông đã không nói gì cho tôi và từ chối dạy bảo tôi. Và bây giờ ông đưa tôi ra tòa, là nơi không phải để dạy dỗ, mà để trừng phạt.

Thưa quí vị người Athens, quí vị thấy rõ Meletus đã không hề có sự quan tâm nào, dù lớn hay nhỏ, về vấn đề này. Nhưng tôi vẫn muốn biết, Meletus, tôi làm hư hỏng giới trẻ về phương diện nào? Tôi đoán ông muốn tố cáo rằng tôi dạy giới trẻ đừng nhìn nhận các thần mà nhà nước nhìn nhận, nhưng đã dạy họ các thần khác hay các sức mạnh linh thiêng khác. Theo ông thì đó là các bài học tôi dạy cho giới trẻ, đúng không?

Đúng, tôi quả quyết.

Vậy thì, Meletus, các thần mà chúng ta đang nói tới là ai, ông hãy cho tôi và quí tòa biết, xin ông hãy diễn tả ý tưởng của ông một cách đơn sơ dễ hiểu? Vì tôi vẫn chưa hiểu có phải ông khẳng định rằng tôi dạy người ta tin một số thần và vì thế tôi tin có các thần và tôi không phải một người hoàn toàn vô thần-điều này ông không cáo buộc tôi, nhưng ông chỉ cáo buộc rằng đó là các vị thần khác. Hay ông có ý nói tôi là người vô thần hoàn toàn và tôi dạy vô thần?

Tôi muốn nói theo ý thứ hai này - ông là người vô thần hoàn toàn.

Một lời khẳng định phi thường? Tại sao ông nghĩ thế, Meletus? Có phải ý ông muốn nói là tôi không tin vào các thần mặt trời hay mặt trăng giống như những người khác không?

Tôi quả quyết với quí tòa, ông ta không tin, vì ông ta nói mặt trời chỉ là đá và mặt trăng chỉ là đất.

Ông bạn Meletus, ông nghĩ rằng ông đang buộc tội Anaxagoras: và ông quá coi thường các vị quan tòa, nếu ông cho rằng họ ngu dốt đến độ không biết rằng các học thuyết này có đầy trong các tác phẩm của Anaxagoras người Clazomenia. Mĩa mai thay, giới trẻ được nói là bị Socrates dạy các học thuyết này, khi các học thuyết này được trình bày khá thường xuyên nơi các nhà hát (với giá vé tối đa là một dracma); và có lẽ họ đã trả tiền và cười vào mũi Socrates nếu ông ta nhận mình là cha đẻ của các học thuyết kỳ diệu này. Vậy là, Meletus, ông thực sự nghĩ tôi không tin một thần nào chứ?

Tôi thề có thần Zeus rằng ông tuyệt đối không tin một thần nào.

Không ai sẽ tin ông, Meletus và tôi chắc chắn rằng ông cũng không tin chính mình. Thưa quí vị

Athens, tôi không thể không nghĩ rằng Meletus là một kẻ vô lương tâm và vô liêm sỉ, và ông ta đã viết bản cáo trạng này trong một tinh thần hoàn toàn phóng túng và bồng bột của tuổi trẻ. Không phải là ông ta cố ý thử tôi sao, khi nghĩ bụng: - mình sẽ thử xem nhà hiền triết Socrates có phát hiện ra những lý luận mâu thuẫn của mình không, hay mình sẽ có thể đánh lừa ông ta và mọi người khác. Vì tôi thấy ông ta rõ ràng tự mâu thuẫn với chính mình trong bản cáo trạng khi nói rằng Socrates phạm tội không tin có các thần thế mà vẫn tin các thần- nhưng như thế không phải con người nghiêm túc.

Thưa quí vị người Athens, tôi xin quí vị cùng tôi xem xét những mâu thuẫn của ông ta; và Meletus, xin ông hãy trả lời.

Ông Meletus, trên đời này có ai tin ở các sự việc của con người, mà lại không tin có các con người không?...Thưa quí vị người Athens, tôi muốn Meletus có câu trả lời chứ không phải chỉ cắt đứt lời tôi. Có ai trên đời này tin vào bản tính của ngựa mà không tin có các con ngựa không? Hay tin vào việc chơi sáo mà không tin có các người thổi sáo? Không, thưa ông bạn; tôi sẽ trả lời cho ông và quí tòa, vì ông từ chối trả lời. Không hề có ai làm như thế. Nhưng bây giờ xin trả lời câu hỏi tiếp theo: có ai tin vào các sự thần thánh mà không tin vào các vị thần hay bán thần không?

Không thể có.

Tôi thật may phước nhận được câu trả lời này từ cử tọa. Nhưng ông lại thề rằng tôi dạy và tin vào chuyện thần thánh (mới hay cũ, không hề gì); bất luận thế nào, tôi tin vào các chuyện thần thánh, như ông nói và thề trong cáo trạng; nhưng nếu tôi tin vào chuyện thần thánh, thì làm sao tôi có thể không tin vào các thần thánh? Chắc chắn tôi phải tin rồi; và vì thế tôi giả thiết sự im lặng của ông đồng nghĩa với sự đồng ý.

Tôi đã nói khá đủ để trả lời cho lời tố cáo của Meletus: tôi không cần thêm lời biện hộ chi tiết nào hơn nữa. Nhưng tôi biết quá rõ biết bao sự thù nghịch người ta dành cho tôi và điều này sẽ hủy diệt tôi nếu tôi thua kiện; không phải bởi Meletus, cũng không phải bởi Anytus, nhưng bởi sự ghen ghét và xa tránh của thế giới, vốn đã làm cho bao nhiêu con người tốt lành phải chết và có thể sẽ còn nhiều người nữa phải chết; chắc chắn tôi không phải là người cuối cùng trong số họ.

Giờ đây, thưa quí vị người Athens, tôi không biện hộ cho bản thân mình như quí vị có thể nghĩ, mà tôi biện hộ vì chính quí vị, để quí vị không phạm tội chống lại Thượng đế qua việc kết án tôi, một quà tặng của Thượng đế cho quí vị.

Vì nếu quí vị giết tôi, quí vị sẽ không dễ dàng tìm được một người thay thế tôi, một con người được Thượng đế ban cho đất nước để kích thích, thuyết phục và sửa lỗi quí vị. Quí vị sẽ không dễ tìm được một người như tôi và vì thế tôi khuyên quí vị hãy để tôi sống. Khi tôi nói tôi là món quà Thượng đế ban cho quí vị, chứng cớ về sứ mạng của tôi là:-nếu tôi cũng giống như bao người khác, tôi đã không bỏ qua các lợi ích riêng tư của mình trong tất cả những năm qua, để lo cho lợi ích của quí vị, đến với từng người trong quí vị như một người cha hay người anh để bảo ban và khích lệ quí vị thực hành nhân đức. Nếu tôi có được lợi lộc gì, hay nếu tôi được trả thù lao vì những lời khuyên bảo của tôi, tôi vẫn không có gì đáng chê trách; nhưng như quí vị thấy đấy, ngay cả sự vô liêm sỉ của các kẻ tố cáo tôi cũng không dám nói rằng tôi đã đòi hỏi bất cứ ai trả món tiền nào cho tôi; vì họ không có bằng chứng nào cả. Và tôi có đủ chứng cớ về sự thật của những điều tôi nói sự nghèo khó của tôi.

Có thể có người thắc mắc tại sao tôi đi khắp nơi để giảng dạy tại những nơi tư riêng và chăm lo cho lợi ích của người khác, mà lại không cố gắng chăm lo cho cộng đồng và tư vấn cho nhà nước. Tôi sẽ nói lý do tại sao. Quí vị từng nghe tôi nói đến lời sấm về tôi mà chính Meletus đã nêu lên trong cáo trạng để chế giễu tôi. Lời sấm này là một giọng nói nhẹ nhàng đã đến với tôi khi tôi còn nhỏ tuổi; lời sấm ấy luôn luôn cấm đoán chứ không bao giờ truyền lệnh cho tôi làm điều tôi sắp làm. Đó chính là điều ngăn cản tôi hoạt động chính trị. Và tôi nghĩ như thế là đúng. Vì tôi tin chắc rằng nếu tôi đã dính líu vào chính trị thì tôi đã bị tiêu diệt từ lâu rồi và chẳng làm được điều gì tốt lành cho quí vị hay cho bản thân mình.

Bây giờ, quí vị có thể thực sự tưởng tượng rằng tôi đã có thể còn sống sót trong tất cả những năm ấy hay không nếu tôi đã dấn thân vào đời sống hoạt động chính trị, giả sử tôi là một con người tốt lành và luôn luôn đi theo lẽ phải, công bằng như là nhiệm vụ hàng đầu của tôi? Hẳn là không, thưa quí vị người Athens, cả tôi hay bất cứ người nào khác. Nhưng tôi luôn luôn là tôi trong mọi hoạt động của mình, công cũng như tư và không bao giờ chịu chiều theo những đòi hỏi thấp hèn của những người bị gán ghép một cách sai lạc như là các học trò của tôi, hay bất cứ ai. Tôi không có các học trò chính qui. Bất cứ ai thích đến nghe tôi, dù già hay trẻ, đều không bị loại trừ. Tôi cũng không chỉ trò chuyện với những người có tiền để trả tôi; nhưng mọi người, dù giàu hay nghèo, đều có thể hỏi và trả lời tôi và nghe tôi nói; và dù người ấy có trở thành người tốt hay người

xấu, thì công bằng mà nói không thể gán kết quả này cho tôi; vì tôi không bao giờ giảng dạy hay tuyên bố mình giảng dạy họ điều gì. Và nếu có ai nói họ đã từng học hay nghe điều gì nơi tôi trong chốn riêng tư mà tất cả những người khác không được nghe, thì tôi xin thưa rằng người ấy nói láo.

Thưa quí vị người Athens, trên đây là tất cả những lời tôi biện hộ cho mình. Nhưng tôi muốn nói thêm một lời. Có thể có một số người cảm thấy bị xúc phạm vì tôi, khi tôi nhắc họ nhớ tới bản thân họ trong một hoàn cảnh tương tự như tôi, họ đã khóc lóc van nài quan tòa, dẫn vợ con họ ra trước tòa, cảnh tượng ấy làm mọi người mủi lòng, cùng với đám đông họ hàng và bạn bè; trong khi tôi, có lẽ đang gặp nguy hiểm tới tính mạng, tôi sẽ không làm một điều gì giống như thế. Họ có thể nghĩ đến sự khác biệt này và vì thế có thể tức giận bỏ phiếu chống lại tôi vì chuyện này. Vậy giả như có người nào như thế, tôi có thể thành thật trả lời họ: "Anh bạn, tôi là một con người và giống như bao người khác, một con người có máu có thịt chứ không phải "gỗ đá," như Homer nói; và tôi cũng có một gia đình, phải, có con cái, ba đứa con, một đứa đã trưởng thành, hai đứa kia còn nhỏ; thế nhưng tôi không đưa đứa con nào của tôi ra trước tòa để kêu xin tha bổng cho tôi". Tại sao? Không phải vì tôi cao ngạo hay thiếu tôn trọng quý tòa. Tôi có sợ chết hay không là một vấn đề khác mà tôi sẽ không nói đến lúc này. Nhưng vì tôn trọng công luận, tôi cảm thấy nếu tôi làm thế tôi sẽ đánh mất uy tín của tôi, của quí vị và của cả nhà nước. Một người đã tới tuổi như tôi, đã được tiếng là khôn ngoan, thì không thể làm nhơ bẩn danh tiếng của mình. Tôi đã từng thấy những con người có tên tuổi, khi bị kết án, đã cư xử một cách hết sức kỳ lạ: họ có vẻ như nghĩ rằng họ sắp phải chịu một điều gì rất ghê gớm nếu họ chết và họ có thể trở thành bất tử nếu họ được để cho sống. Tôi nghĩ đó là điều ô nhục cho đất nước và bất cứ người nước ngoài gặp họ sẽ phải nói rằng những con người xuất sắc nhất của Athens, được chính những người Athens trao tặng danh dự và quyền bính, lại cư xử không hơn gì đàn bà. Và tôi cho rằng chúng ta không được để điều này xảy ra cho chúng ta là những người có danh thơm tiếng tốt; và nếu có chuyện đó, quí vị không được cho phép nó xảy ra; quí vị phải chứng tỏ rằng quí vị sẵn sàng kết án người dựng lên cảnh bi thảm và biến thành phố chúng ta thành trò cười, hơn là kết án người biết giữ sự an bình của mình.

Nhưng, gạt sang một bên vấn đề công luận, có lẽ có điều gì không ổn khi kêu nài ơn huệ của một quan tòa để được tha bổng, thay vì giúp

quan tòa hiểu biết và thuyết phục quan tòa. Vì nhiệm vụ quan tòa không phải là ban ơn, mà là xét xử; và quan tòa là người đã thề sẽ xét xử theo luật pháp, chứ không phải theo ý thích của mình. Vì vậy, quí vị đừng đòi hỏi tôi làm điều mà tôi cho là ô nhục, vô đạo đức và sai trái, đặc biệt bây giờ, khi tôi đang bị xét xử vì tội vô đạo theo cáo trạng của Meletus. Vì thưa quí vị người Athens, nếu nhờ sức mạnh thuyết phục và nài nỉ mà tôi có thể khắc phục được lời thề của quí vị, thì hóa ra tôi đang dạy quí vị tin rằng không có thần nào cả và khi tự bênh vực mình, tôi sẽ lại là người buộc tội chính mình về tội danh không tin các thần. Nhưng không phải như vậy-hoàn toàn ngược lại. Vì tôi thực sự tin rằng có các thần và theo một nghĩa nào đó, niềm tin của tôi còn cao hơn của những người tố cáo tôi. Tôi phó thác vụ kiện tụng của tôi cho quí tòa và cho Thượng đế, để được phán xét theo như quí vị thấy là tốt nhất cho quí vị và cho tôi.

Thưa quí vị người Athens, có nhiều lý do khiến tôi không đau buồn ở cuộc bỏ phiếu kết án tôi. Tôi đã chờ đợi điều đó và tôi chỉ ngạc nhiên khi số phiếu gần như ngang nhau; vì tôi đã nghĩ rằng số người chống lại tôi phải chiếm đa số cao hơn nhiều; nhưng bây giờ, giả như có ba mươi phiếu ngả về bên kia, hẳn tôi đã được tha bổng. Và tôi nghĩ tôi có thể nói mình đã thoát được Meletus. Tôi có thể nói còn hơn thế nữa; vì nếu không có sự giúp đỡ của Anytus và Lycon, ai cũng có thể thấy rằng ông ta không thể có một phần năm số phiếu như luật đòi hỏi và trong trường hợp ấy, ông ta sẽ phải phạt một nghìn *dracma*.

Và thế là ông ta đã đề nghị án tử hình cho tôi. Còn tôi, tôi sẽ đề nghị bản án nào cho mình, thưa quí vị? Rõ ràng tôi sẽ đề nghị điều xứng đáng với tôi. Và điều xứng đáng với tôi là gì? Sẽ có phần thưởng nào xứng đáng cho người không bao giờ có ý đi tìm sự an nhàn trong cả đời mình; nhưng không hề quan tâm tới những gì mà nhiều người khác quan tâm-giàu sang, vinh thân phì gia, sức mạnh quân sự, nói năng trước đại hội, các chức vụ cao, các âm mưu và đảng phái... Nghĩ rằng mình quá thật thà không thể làm nhà chính trị đầy nguy hiểm, nên tôi đã không đi đến những nơi mà mình không thể làm lợi cho quí vị hay cho bản thân tôi; nhưng tôi chỉ đi đến những nơi tôi có thể mang lại lợi ích nhiều nhất một cách riêng tư cho mỗi người, tôi đi đến những nơi đó và tìm cách thuyết phục mọi người trong quí vị rằng họ phải chăm lo cho họ, tìm kiếm nhân đức và sự khôn ngoan trước khi tìm kiếm lợi ích riêng tư của họ và chăm lo cho đất nước trước khi chăm lo cho lợi ích của nhà nước; và đó phải là thứ tự ưu

tiên mà họ tuân giữ trong mọi hành động của họ. Phải làm gì cho một người như thế? Chắc chắn một điều tốt lành gì đó, thưa quí vị người Athens, nếu họ đáng được phần thưởng; và điều tốt lành ấy phải thích hợp với người ấy. Phần thưởng nào là thích hợp cho một người nghèo nhưng là ân nhân của quí vị và ao ước được thoải mái để có thể dạy dỗ quí vị? Không thể có phần thưởng nào thích hợp cho bằng giữ con người ấy ở trong công trường thành phố, một phần thưởng mà họ xứng đáng hơn là những công dân từng đoạt giải ở Olympia trong môn cỡi ngựa hay đánh xe, dù là xe kéo bởi hai hay nhiều con ngựa. Bởi lẽ tôi thì nghèo túng, còn họ thì dư dật; và họ chỉ cho quí vị vẻ hạnh phúc bề ngoài, tôi mới cho quí vị hạnh phúc thực sự. Và nếu tôi phải đề nghị một bản án xứng đáng và công bằng, tôi phải nói rằng việc đưa tôi vào địa vị trong công trường thành phố là phần thưởng xứng đáng.

Có người sẽ nói: "Phải, Socrates, sao ông không ngậm miệng lại và đi đến sống ở một thành phố xa lạ, để không ai đụng đến ông? Tôi thấy khó làm quí vị hiểu câu trả lời cho ý kiến này. Vì nếu tôi nói với quí vị rằng làm như quí vị nói sẽ là không vâng phục Thượng đế, vì thế tôi không thể câm miệng, thì quí vị sẽ không tin rằng tôi nói nghiêm túc; nhưng nếu tôi nói rằng việc hằng ngày nói tới nhân đức, kiểm điểm đời sống mình và người khác, là điều tốt lành nhất của một người và đời sống không suy xét thì không đáng sống, quí vị càng khó tin ở tôi hơn. Nhưng tôi nói tất cả những gì chân thật, tuy rằng điều đó khó thuyết phục được quí vị. Hơn nữa, tôi không bao giờ quen nghĩ rằng tôi đáng phải chịu sự thiệt hại nào. Giả sử tôi có tiền, tôi có thể ước lượng sự vi phạm của tôi theo khả năng tôi có thể trả, chứ không phải tệ hơn. Nhưng tôi không có tiền và vì thế tôi phải xin quí vị xét khoản tiền phạt tương xứng với khả năng của tôi. Như vậy, có lẽ tôi có thể nộp một đồng mina và vì thế tôi đề nghị mức phạt của tôi: Plato, Crito, Critobulus và Apollodorus, các bạn của tôi có mặt ở đây, bảo tôi nói ba mươi đồng mina và họ sẽ bảo lãnh cho tôi. Vậy cứ ấn định mức phạt là ba mươi đồng mina; số tiền phạt này họ thừa sức bảo đảm cho quí vị.

Và bây giờ, thưa quí vị là người kết án tôi, tôi dám nói tiên tri về quí vị: vì tôi sắp sửa chết và trong giờ chết người ta được ơn nói tiên tri. Tôi nói tiên tri về quí vị là những kẻ giết tôi, rằng ngay sau khi tôi chết, một hình phạt còn nặng nề hơn tôi sẽ chắc chắn chờ đón quí vị. Quí vị giết tôi vì quí vị muốn trốn tránh những kẻ tố cáo quí vị và không báo cáo về đời sống của quí vị. Nhưng sự việc sẽ không diễn ra như quí vị nghĩ: hoàn toàn ngược lại. Vì tôi nói rằng sẽ có

nhiều người tố cáo quí vị hơn là bây giờ; những kẻ tố cáo mà cho tới lúc này tôi đã ngăn cản; và vì họ trẻ hơn, họ sẽ ít độ lượng hơn đối với quí vị và quí vị sẽ bị xúc phạm nhiều hơn bởi họ. Nếu quí vị nghĩ rằng khi giết người, quí vị có thể ngăn cản ai đó tố cáo đời sống tội ác của quí vị, thì quí vị lầm rồi; đó không phải cách trốn tránh khả thi hay danh dự; cách dễ nhất và cao thượng nhất là không sát hại người khác, nhưng cải thiện bản thân quí vị. Đây là lời tiên tri tôi nói ra trước khi tôi vĩnh biệt những quan tòa kết án tôi.

Thưa quý quan tòa, hãy vui vẻ trước cái chết và hãy biết chắc rằng không điều xấu nào có thể xảy đến cho một người tốt lành, dù là ở đời này hay sau khi chết. Người tốt lành và những gì thân thiết của họ sẽ không bị Thượng đế lãng quên; ngay cái chết sắp đến của tôi cũng không phải chuyện ngẫu nhiên. Nhưng tôi thấy rõ rằng đã đến giờ mà cái chết là điều tốt hơn đối với tôi, để tôi được giải thoát khỏi những rắc rối; vì vậy lời sấm không cho dấu chỉ gì. Vì vậy, tôi không tức giận những người kết án tôi; họ đã không làm hại tôi gì cả, mặc dù họ không có ý làm điều gì có lợi cho tôi; và vì vậy tôi có thể trách cứ họ một cách nhẹ nhàng.

Nhưng tôi cũng muốn xin họ một ân huệ. Thưa các bạn, khi các con tôi lớn lên, tôi xin các bạn hãy trừng phạt chúng; và tôi muốn các bạn hãy trách mắng chúng, như tôi đã trách mắng các bạn, nếu chúng tỏ ra chăm lo cho của cải, hay bất cứ điều gì, hơn là chăm lo cho nhân đức; hay nếu chúng tự phụ là một cái gì mà trong thực tế chúng chẳng là gì cả, các bạn hãy trách mắng chúng, như tôi từng trách mắng quí vị, vì không chăm lo điều mà chúng phải chăm lo và nghĩ rằng mình là cái gì trong khi thực ra mình không là gì cả. Và nếu các bạn làm điều này, cả tôi và các con tôi sẽ nhận được sự công bằng từ tay các bạn.

Giờ phút vĩnh biệt đã tới và chúng ta sẽ ai đi đường nấy-tôi đi đến cái chết và quí vị đến với sự sống. Điều nào tốt hơn chỉ có Thượng đế biết.

CRITO

GIỚI THIỆU

Có vẻ như quyển Crito chỉ nhằm mô tả tính cách của Socrates dưới một khía cạnh mà thôi, không phải dưới khía cạnh một triết gia thi hành một sứ mạng thần linh và tin tưởng vào ý trời, nhưng chỉ như là một người công dân tốt, sau khi bị kết án một cách bất công, vẫn sẵn sàng từ bỏ mạng sống mình để phục tùng luật pháp quốc gia.

Những ngày sống của Socrates đang gần tới chỗ kết thúc; chuyến tàu định mệnh đã được nhìn thấy rời bến Sunium, ông đã được người bạn già của mình là Crito thông báo khi ông này đến thăm trước lúc rạng đông; thực ra chính Socrates đã được báo mộng rằng ông sẽ phải ra đi vào ngày thứ ba. Thời giờ rất quí và Crito đã đến thăm ông ngay từ sáng sớm để thuyết phục ông thực hiện kế hoạch vượt ngục. Kế hoạch này có thể thành công dễ dàng nhờ sự trợ giúp của các bạn bè, họ sẽ không gặp nguy hiểm gì khi thực hiện kế hoạch giải cứu ông, nhưng họ sẽ mãi mãi ân hận nếu họ để ông phải chết. Ông phải nghĩ đến bổn phận đối với các con ông, chứ đừng phó mặc mình trong tay kẻ thù. Crito và các bạn ông đã dự bị tiền bạc cho kế hoạch thoát ngục và ông sẽ không mấy khó khăn để gặp các bạn bè ở Thessalia và các nơi khác.

Socrates e rằng Crito đang muốn ép ông sống theo ý kiến của nhiều người; trong khi cả cuộc đời ông đã luôn tuân theo những điều chỉ dạy của lý trí và ý kiến của một người khôn ngoan và tài giỏi. Có lúc chính Crito cũng đã để mình chấp nhận lý lẽ thích đáng này. Và mặc dù có người sẽ nói, "đám đông sẽ giết chúng ta", điều có không quan trọng; nhưng một đời sống tốt lành, nghĩa là một đời sống công bằng và danh dự là điều duy nhất có giá trị. Phải loại trừ mọi suy tính về sự tổn hại mà các con ông có thể phải chịu: vấn đề duy nhất phải xét đến là liệu việc tìm cách

trốn ngục có phải là điều chính đáng không. Crito vốn là một con người vô vị lợi, không sợ cái chết trước mắt, phải trả lời câu hỏi đó cho ông. Trước khi ông bị kết án, họ đã thường có các cuộc thảo luận chung với nhau, trong đó họ đồng ý rằng không ai được làm điều ác, hay được lấy ác báo ác, hay phản bội sự thật. Các nguyên tắc này có thể được thay đổi vì hoàn cảnh của Socrates đã thay đổi hay không? Crito nhìn nhận rằng chúng không thể thay đổi. Rồi việc trốn ngục của ông có phù hợp với việc giữ các nguyên tắc này hay không? Câu hỏi này Crito không thể hay không muốn trả lời.

Socrates bắt đầu lên tiếng: Giả sử luật pháp Athens đến và chất vấn ông bằng câu hỏi, "Tại sao ông muốn vứt bỏ luật pháp?" và nếu ông đáp, "vì nó đã làm hại ông", liệu luật pháp có sẽ vặn lại, "Đúng, nhưng đó có phải là điều đã thỏa thuận không? Ông có vấn nạn gì với nó khiến ông chứng minh được rằng ông đúng khi vứt bỏ nó? Chẳng phải ông đã được sinh ra trên đời này và được dạy dỗ nhờ sự trợ giúp của nó và chẳng phải nó là người đã sinh ra ông sao? Ông có thể rời bỏ Athens và đến bất cứ nơi nào ông muốn, nhưng ông đã ở lại và sống ở đây suốt bảy mươi năm liên tục hơn bất cứ công dân nào". Như thế ông đã chứng minh rõ ràng rằng ông nhìn nhận sự thỏa thuận mà bây giờ ông không thể phá bỏ nếu không muốn bôi nhọ bản thân mình và gây nguy hiểm cho các bạn mình. Ngay cả khi phiên tòa diễn ra, ông đã có thể đề nghị chịu bản án lưu đày thay vì bản án tử hình, nhưng ông đã tuyên bố ông chọn án tử hình hơn là lưu đày. Và liệu ông có thể đi đến đâu? Tại bất cứ đất nước nào có luật pháp, thì luật pháp ở đó sẽ coi ông là một kẻ thù. Có thể tại một đất nước vô luật pháp như Thessalia chẳng hạn, thì ông cũng chỉ được hoan nghênh lúc đầu thôi và câu truyện vượt ngục của ông sẽ được người dân ở đó thích thú nghe. Nhưng nếu ông xúc phạm đến họ, ông sẽ phải học một bài học khác. Ông sẽ còn tiếp tục dạy về nhân đức được nữa không? Ông sẽ không thể còn mặt mũi nào để làm điều đó. Và con cái ông sẽ được lợi gì nếu ông đưa chúng sang Thessalia để bị mất quyền công dân Athens? Hay nếu ông để chúng lại Athens, liệu ông có hi vọng các bạn bè của ông sẽ chăm sóc chúng tốt hơn bởi ông đang ở Thessalia không? Các bạn bè đích thực liệu có chăm lo cho chúng giống nhau dù ông sống hay chết không?

Cuối cùng, các bạn ông khuyên ông nghĩ đến công lý trước tiên, rồi sau đó hãy nghĩ đến mạng sống và các con ông. Bây giờ ông có thể thanh thản ra đi trong sự vô tội, trong tư cách một con người chịu khổ nhưng không làm điều ác.

Nhưng nếu ông phá vỡ thỏa thuận và lấy ác báo ác, họ sẽ tức giận với ông khi ông còn sống trên thế giới này; và các anh em luật pháp của họ ở thế giới âm phủ sẽ đón ông như một kẻ thù. Đó là tiếng nói bí nhiệm luôn luôn thủ thỉ bên tai ông.

Thời Socrates còn sống, đã có những lời tố cáo ông không phải là một công dân tốt và lời tố cáo này vẫn còn được lặp lại vào thời sau. Các tội ác của Alcibiades, Critias và Charmides, tất cả là những học trò của ông, vẫn còn rất sinh động trong ký ức của người dân Athens vừa mới được phục hồi chế độ dân chủ. Sự kiện ông đứng trung lập trong cuộc tranh đấu sống còn của Athens có vẻ như không khơi dậy được thiện chí của dân chúng. Có lẽ viết vào thế hệ tiếp theo, Plato muốn biện hộ cho bạn và thầy mình, không phải cho những người Athens thời ông, nhưng cho thời sau và cho cả thế giới.

Không thể chắc là cuộc viếng thăm của Crito và đề nghị trốn ngục có phải là sự kiện lịch sử hay không: Plato rất có thể dễ dàng phịa ra nhiều điều hơn thế nữa; và khi ông chọn nhân vật Crito, người bạn già của Socrates, để làm người thích hợp nhất đưa ra đề nghị cho Socrates, ta nhận ra được bàn tay điệu nghệ của tác giả. Một người bị luật pháp của nước mình xử một cách bất công có quyền trốn thoát hay không, là một luận đề mà các nhà tư tưởng đạo đức không nhất trí với nhau. Shelly có ý kiến rằng Socrates "chọn chết là đúng", nhưng không phải vì các lý do tinh vi như Plato đã đặt vào miệng ông. Và cũng không mấy khó khăn để lý luận rằng lẽ ra Socrates nên chọn sống để làm những điều thiện mà ông vẫn còn có thể làm thay vì sẵn sàng chấp nhận một cái chết vinh quang. "Một nhà hùng biện tài ba có thể có rất nhiều điều để nói về vấn đề này". Tuy nhiên, có thể ghi nhận rằng Plato không bao giờ có ý trả lời cho vấn đề về các vấn nạn của lương tâm, mà chỉ muốn mô tả lý tưởng của nhân đức kiên nhẫn, từ chối làm điều ác dù nhỏ nhất, để tránh điều ác lớn nhất và ông muốn cho thấy rằng Socrates, thầy của ông, chấp nhận cái chết theo tinh thần mà ông vẫn luôn chủ trương trong suốt cuộc đời ông. Không phải "thế giới", nhưng "một con người khôn ngoan duy nhất", vẫn còn là câu hỏi khó trả lời của vị triết gia này trong những giờ phút cuối cùng của đời ông.

GIỚI THIỆU

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Socrates (SC)
- Crito (CR)

Cảnh: Nhà tù của Socrates

SC: Sao anh đến vào giờ này, anh Crito? Chắc còn sớm lắm?

CR: Chắc là thế.

SC: Chính xác là mấy giờ?

CR: Trời vừa rạng đông.

SC: Tôi ngạc nhiên sao canh tù lại cho anh vào.

CR: Hắn biết tôi, vì tôi thường đến đây, Socrates; hơn nữa, tôi cũng có quà cho hắn.

SC: Anh chỉ vừa tới nơi sao?

CR: Không, tôi đến được một lúc rồi.

SC: Vậy sao anh không đánh thức tôi dậy ngay mà chỉ ngồi yên không nói gì?

CR: Tôi không muốn mình cũng gặp rắc rối và bất ổn như ông - thực sự tôi không muốn. Tôi đã ngồi yên và kinh ngạc ngắm nhìn ông ngủ thật an bình như thế; do đó tôi không đánh thức ông, vì tôi muốn ông bớt đau đớn. Tôi luôn luôn nghĩ rằng ông có tâm trạng hạnh phúc: nhưng tôi chưa bao giờ thấy một điều gì giống với phong cách dễ dàng, thanh thản của ông khi chịu đựng tai họa này.

SC: Có gì lạ đâu, Crito, khi một người đã sống tới cái tuổi của tôi, người ấy không thể tỏ ra buồn phiền khi đến gần cái chết.

CR: Nhưng không thiếu những người lớn tuổi như ông mà gặp cùng cảnh ngộ, tuổi tác họ không làm họ khỏi buồn phiền trước cái chết.

SC: Đúng. Nhưng anh vẫn chưa cho tôi biết anh đến đây sớm thế này để làm gì.

CR: Tôi đến báo cho ông một tin đau buồn; không phải đau buồn cho ông, tôi nghĩ vậy, nhưng cho tất cả chúng tôi, bạn thân của ông và nhất là cho tôi.

SC: Gì vậy? Tàu từ Delos đã đến rồi à? Và khi tàu cập bến tôi phải chết hay sao?

CR: Không, thực ra tàu chưa đến, nhưng chắc chắn sẽ đến hôm nay, vì những người đến từ Sunium cho tôi biết họ đã bỏ tàu tại đó; và vì thế ngày mai sẽ là ngày cuối đời của ông.

SC: Hay lắm, Crito; nếu đó là ý muốn của Thượng đế, thì tôi sẵn lòng; nhưng tôi tin sẽ dời lại một ngày.

CR: Sao ông tin như thế?

SC: Tôi sẽ nói cho anh biết tại sao. Tôi sẽ chết sau ngày tàu cập bến.

CR: Vâng, giới chức thẩm quyền nói thế.

SC: Nhưng tôi nghĩ rằng phải đến mai tàu mới cập bến; tôi suy ra điều này nhờ một thị kiến đêm qua, đúng ra là chỉ vừa mới đây, khi anh để tôi ngủ yên.

CR: Ông thấy gì trong thị kiến?

SC: Tôi thấy một người giống như một phụ nữ xinh đẹp và duyên dáng, y phục lộng lẫy, bà gọi tôi và nói: Hỡi Socrates,

"Đến ngày thứ ba anh sẽ đi Phthia". (Homer, Il. ix. 363.)

CR: Thật là một thị kiến kỳ lạ, Socrates!

SC: Tôi không còn nghi ngờ gì về ý nghĩa của thị kiến này, Crito!

CR: Đúng, ý nghĩa đã quá rõ. Nhưng, trời! Ông Socrates yêu quí, hãy cho tôi năn nỉ ông một lần nữa. Ông hãy nghe lời khuyên của tôi và trốn đi. Vì nếu ông chết, tôi không chỉ mất một người bạn không thể thay thế, mà còn một điều xấu khác; dân chúng không biết ông và tôi nên sẽ nghĩ rằng tôi đã có thể cứu ông nếu tôi chịu bỏ tiền ra, thế mà tôi đã không làm. Như thế, chẳng phải là một điều tồi tệ lắm sao nếu người ta sẽ coi tôi là kẻ trọng tiền bạc hơn là mạng sống của một người bạn? Vì đa số sẽ không nghĩ là tôi muốn ông trốn thoát nhưng ông đã từ chối.

SC: Nhưng, anh bạn Crito yêu quý, tại sao chúng ta lại phải quan tâm tới ý kiến của đám đông? Chỉ ý kiến của những người tốt mới đáng chúng ta để ý và những người này sẽ nghĩ về sự kiện của tôi đúng như nó xảy ra.

CR: Nhưng Socrates, chúng ta phải quan tâm tới ý kiến của

đám đông, vì những gì đang xảy ra cho thấy ý kiến của họ có thể làm hại vô kể cho bất cứ ai không theo ý kiến của họ.

SC: Tôi cũng ước gì sự việc là như thế, Crito; và ước gì đám đông có thể làm những điều tệ hại nhất; vì lúc đó họ cũng có thể làm những điều tốt đẹp nhất - như thế thì hay biết mấy! Nhưng trong thực tế họ không thể làm gì cả; vì họ không thể làm cho một người trở thành khôn ngoan hay ngu ngốc; và tất cả những gì họ làm đều chỉ là kết quả của sự ngẫu nhiên.

CR: Thôi được, tôi không tranh luận với ông nữa; nhưng Socrates, xin vui lòng cho tôi biết, phải chăng ông không muốn trốn thoát vì e ngại cho tôi và các người bạn khác: phải chăng ông sợ nếu trốn ngục sẽ gây rắc rối cho chúng tôi vì đã giúp ông trốn và chúng tôi sẽ phải mất hết hay một phần tài sản của mình; hay tệ hơn nữa, chúng tôi sẽ gặp điều xấu? Vậy, nếu ông sợ cho chúng tôi, ông cứ yên tâm; vì để cứu ông, chúng tôi phải chấp nhận rủi ro này và thậm chí còn sẵn sàng chấp nhận rủi ro lớn hơn nữa; ông hãy tin tôi và làm theo lời khuyên của tôi.

SC: Phải, đó là một mối sợ như ông nói tới, Crito, nhưng không phải mối sợ duy nhất.

CR: Đừng sợ - có những người sẵn sàng đưa ông ra khỏi tù mà không phải tốn phí quá nhiều; còn đối với những kẻ tố giác, chúng cũng không có đòi hỏi gì quá đáng - chỉ cần chút tiền cho chúng là xong. Tiền bạc của tôi chắc chắn nhiều lắm, tôi hoàn toàn dành cho ông sử dụng và nếu ông áy náy sử dụng tất cả tiền bạc của tôi, thì ở đây còn có những người lạ khác sẵn sàng cho ông sử dụng tiền bạc của họ; trong số họ có Simmias người Thebes, đã mang đến đây một món tiền lớn vì mục đích này; còn có Cebes và nhiều người khác sẵn sàng bỏ tiền ra để giúp ông trốn thoát. Vì vậy, đừng ngần ngại vì chúng tôi và đừng nói giống như ông nói trước tòa rằng ông không biết làm gì nếu đi đến một nơi khác. Vì đến những nơi khác người ta cũng sẽ quí mến ông, chứ không chỉ ở Athens; tôi cũng có một số bạn thân ở Thessaly, nếu ông thích đến đó, họ sẽ yêu quí ông và bảo vệ ông và không một ai ở Thessaly có thể gây phiền hà cho ông. Socrates, tôi cũng không nghĩ rằng ông

làm đúng khi từ chối mạng sống mình trong khi ông có thể cứu nó; làm thế là ông mắc vào bẫy kẻ thù của ông, những kẻ đang nôn nóng chờ đợi hủy diệt ông. Hơn nữa, tôi dám nói là ông trốn tránh nghĩa vụ với con cái của ông; bởi vì nếu trốn đi, ông có thể nuôi dưỡng và giáo dục chúng; ngược lại, ông chết và lìa bỏ chúng và chúng phải sống đựa vào sự may rủi; và ông quá biết số phận của các trẻ em cô nhi là thế nào. Không ai được phép sinh ra con cái để rồi không muốn nuôi dưỡng và giáo dục chúng cho tới khi lên người. Socrates, ông hãy quyết định, vì thời gian suy nghĩ đã hết và chỉ có một việc cần phải làm và phải làm ngay tối nay, và nếu chúng ta chần chờ sẽ không còn cơ hội nào nữa; vậy tôi nài nỉ ông, Socrates, hãy tin tôi và làm như tôi nói.

SC: Anh Crito yêu quí, nhiệt tình của anh thật là vô giá, nếu nó đúng; nhưng nếu sai, thì nhiệt tình càng lớn nguy hiểm càng lớn; vì vậy chúng ta phải suy xét kỹ tôi có nên hay không nên làm như anh nói. Vì tôi luôn luôn sống theo sự hướng dẫn của lý lẽ, bất cứ lý lẽ nào mà theo sự suy xét tôi thấy là tốt nhất; bây giờ tôi gặp cảnh ngộ này, tôi không thể chối bỏ những lời tôi đã dạy, các nguyên tắc tôi từng tôn trọng cho tới nay và vẫn còn tôn trọng; trừ khi chúng ta có thể tìm ra ngay những nguyên tắc khác tốt hơn, tôi chắc chắn không thể theo ý kiến của anh; không, cho dù đám đông có thể tăng thêm rất nhiều hình phạt nặng nề như giam cầm, tịch thu tài sản, chết chóc, đe doạ chúng ta giống như những đứa con nít bị yêu quái đe doạ. Phải xét vấn đề này cách tốt nhất như thế nào? Liệu tôi phải trở lại với lý luận cũ của anh về ý kiến của người đời? chúng ta đã nói có một số ý kiến là tốt, một số thì không. Vậy chúng ta có hành động đúng khi theo ý kiến này trước khi tôi bị kết án không? Và phải chăng lý luận mà trước kia chúng ta cho là đúng thì bây giờ lại tỏ ra chỉ là nói để mà nói - hoàn toàn là chuyện vô nghĩa của con nít? Đó là điều bây giờ chúng ta cần suy xét kỹ, với sự giúp đỡ của anh, Crito - phải chăng, trong hoàn cảnh hiện tại của tôi, có thể lý luận khác đi hay không; và có được phép hay không được phép? Anh hãy cho tôi biết, tôi có đúng khi nói rằng một số ý kiến và ý kiến của

một số người mà thôi, phải được coi là có giá trị và một số ý kiến khác, ý kiến của một số người khác, không được coi là có giá trị. Tôi hỏi anh tôi nói như thế có đúng không.

CR: Chắc chắn rồi.

SC: Phải tôn trọng ý kiến tốt, không phải ý kiến xấu?

CR: Đúng.

SC: Và ý kiến của người khôn ngoan là tốt, ý kiến của người không khôn ngoan là xấu?

CR: Chắc chắn là thế.

SC: Và chúng ta đã nói gì về các vấn đề khác? Một học sinh tập thể dục sẽ chờ đợi lời khen chê và ý kiến của mọi người, hay của chỉ một người mà thôi - bác sĩ hay huấn luyện viên của người ấy?

CR: Của một người thôi.

SC: Và nó phải luyện tập, ăn uống theo cách mà giáo viên của nó là người có hiểu biết nghĩ là tốt, chứ không phải theo ý kiến chung của mọi người?

CR: Đúng.

SC: Và nếu nó không nghe lời và coi thường ý kiến của giáo viên, trái lại nó coi trọng ý kiến của những người không có hiểu biết, nó có chịu thiệt hại không?

CR Chắc chắn nó sẽ bị hại.

SC: Tốt lắm và điều này cũng đúng đối với các vấn đề khác mà chúng ta không cần liệt kê từng thứ chứ? Trong các vấn đề về chính đáng và không chính đáng, trung thực và giả dối, tốt và xấu, là đề tài thảo luận của chúng ta bây giờ, liệu chúng ta phải theo ý kiến của nhiều người và sợ họ; hay theo ý kiến của một người có hiểu biết? Phải chăng chúng ta phải sợ và kính trọng người này hơn tất cả mọi người khác: và nếu chúng ta từ chối người này, phải chăng chúng ta sẽ phá hủy và làm thiệt hại nguyên tắc, nơi mà chúng ta coi là được cải thiện bởi sự công bằng và bị thiệt hại bởi sự bất công; - có một nguyên tắc như thế không?

CR: Chắc chắn có, Socrates.

SC: Vậy, bạn yêu quí, chúng ta không được quan tâm tới việc người ta nói gì về chúng ta: nhưng phải quan tâm tới những gì mà một người có hiểu biết về sự chính đáng và không chính đáng sẽ nói về chúng ta và sự thật mà người ấy sẽ nói. Vì vậy, anh bắt đầu sai khi anh khuyên rằng chúng ta phải quan tâm đến ý kiến của nhiều người về cái chính đáng và không

chính đáng, tốt và xấu, danh dự và ô nhục. Có người sẽ trả lời, "Nhưng số đông có thể giết chúng ta".

CR: Vâng, Socrates; rõ ràng câu trả lời sẽ là thế.

SC: Và đúng là thế: nhưng tôi vẫn thấy rằng lý luận cũ của chúng ta luôn đứng vững hơn bao giờ hết. Và tôi muốn biết chúng ta có thể cũng nói như thế về một nguyên tắc khác - đó là không phải đời sống mà thôi, mà phải là đời sống tốt, mới chủ yếu đáng giá.

CR: Vâng, điều này cũng không thay đổi.

SC: Và một đời sống tốt thì tương đương với một đời sống xứng đáng và danh dự, có đúng không?

CR: Đúng.

SC: Từ những tiền đề này, tôi tiếp tục lý luận về vấn đề tôi có nên hay không nên bỏ trốn mà không có sự ưng thuận của người Athens: nếu tôi thấy rõ ràng bỏ trốn là đúng, tôi sẽ thử trốn; nếu không, tôi không trốn. Các suy xét khác mà anh nhắc đến, đó là chuyện tiền bạc, mất cá tính và bổn phận giáo dục con cái, tôi e rằng đó chỉ là lý thuyết của đám đông, họ sẵn sàng để người ta sống, nếu họ có thể, cũng như sẵn sàng để người ta chết - mà không có mấy lý do. Nhưng bây giờ, vì lý luận này vẫn kéo dài cho tới bây giờ, nên chỉ còn một vấn đề phải xem xét, đó là chúng ta trốn đi hay chấp nhận được người khác giúp đỡ, trả tiền và đền ơn cho họ, chúng ta làm thế là đúng hay không đúng; nếu không đúng, thì chúng ta không cần cân nhắc đến cái chết hay bất cứ tai họa nào có thể xảy đến do việc tôi ở lại đây.

CR: Tôi nghĩ ông nói đúng; vậy chúng ta bắt đầu thế nào?

SC: Chúng ta hãy cùng nhau xem xét vấn đề và hoặc là anh bác bỏ ý kiến của tôi nếu anh có thể và thuyết phục tôi; hay là, anh bạn yêu quý, anh hãy thôi đừng lặp lại lời khuyên tôi trốn thoát ngược với ý muốn của người Athens; vì tôi vô cùng muốn được anh thuyết phục mà không cảm thấy đi ngược lại phán đoán tốt hơn của tôi. Và bây giờ, xin anh hãy xét lập trường thứ nhất của anh và cố gắng trả lời tốt nếu có thể.

CR: Tôi sẽ cố gắng.

SC: Phải chăng chúng ta sẽ nói rằng chúng ta không bao giờ làm xấu một cách cố ý, hay

nói rằng một đàng chúng ta được làm xấu và một đàng khác chúng ta không được làm xấu, hay làm xấu luôn luôn là xấu và ô nhục, như tôi vừa nói lúc nãy và như chúng ta đã cùng nhau nhìn nhận? Phải chăng tất cả các ý kiến trước đây của chúng ta bây giờ bị vứt bỏ hết? Và phải chăng ở tuổi chúng ta, chúng ta đã thảo luận với nhau nghiêm túc; suốt đời của chúng ta chỉ để khám phá ra rằng chúng ta cũng chẳng hơn gì bọn trẻ con? Hay, phải chăng bất chấp ý kiến của nhiều người và bất chấp các hậu quả có là tốt hay xấu, chúng ta vẫn phải khẳng định sự thật mà chúng ta đã nói, rằng bất công luôn luôn là điều xấu và ô nhục cho người hành động bất công? Chúng ta sẽ nói như thế đúng không?

CR: Đúng.

SC: Nghĩa là chúng ta không được làm điều xấu?

CR: Chắc chắn là không.

SC: Cũng không được làm thiệt hại lại người ta, vì chúng ta không được làm hại ai?

CR: Rõ ràng là không.

SC: Crito, xin anh nói lại lần nữa, chúng ta có được phép làm xấu không?

CR: Chắc chắn là không, Socrates.

SC: Thế còn chuyện lấy ác báo ác thì sao, theo đạo đức học của đám đông - có chính đáng không?

CR: Không chính đáng.

SC: Vì làm xấu cho người ta thì cũng giống như làm hại họ?

CR: Rất đúng.

SC: Vậy là chúng ta không được trả thù hay lấy ác báo ác đối với bất cứ ai, bất chấp điều ác nào người ấy làm cho ta. Nhưng tôi xin anh suy nghĩ. Crito, anh có thực sự hiểu điều anh nói không? Vì ý kiến này không bao giờ và sẽ không bao giờ được nhiều người theo; và những người đồng ý và không đồng ý với điểm này không có một cơ sở chung và chỉ có thể khinh bỉ lẫn nhau khi họ thấy họ bất đồng ý kiến với nhau quá xa. Vậy, anh hãy cho tôi biết, anh có nhất trí với nguyên tắc thứ nhất của tôi rằng việc lấy ác báo ác không bao giờ là đúng không? Và nó sẽ là tiền đề cho thảo luận của chúng ta chứ? Hay anh không đồng ý? Vì tôi luôn luôn nghĩ như thế và tiếp tục nghĩ như thế; nhưng nếu anh có ý kiến khác, hãy cho tôi nghe ý kiến của anh. Tuy nhiên, nếu anh vẫn giữ lập trường như trước, tôi sẽ đi sang bước kế tiếp.

CR: Ông có thể tiếp tục, vì tôi không thay đổi ý kiến.

SC: Vậy chúng ta sang bước kế tiếp, có thể diễn tả bằng một câu hỏi: một người có phải làm điều họ nghĩ là đúng, hay phải làm ngược lại điều họ cho là đúng?

CR: Họ phải làm điều họ nghĩ là đúng.

SC: Nhưng nếu đúng như thế, thì áp dụng thế nào? Khi trốn tù chống lại ý muốn của người Athens, tôi có làm hại ai không? Hay đúng hơn, tôi có làm hại những người mà tôi phải làm hại ít nhất không? Tôi có chối bỏ các nguyên tắc mà chúng ta vừa thừa nhận không?

CR: Tôi không nói được, Socrates, vì tôi không biết.

SC: Vậy anh hãy xét vấn đề thế này: giả sử tôi sắp sửa trốn một bổn phận (anh có thể dùng bất cứ tên gọi nào anh thích) luật pháp và chính quyền đến tra hỏi tôi: "Socrates, hãy cho chúng tôi biết, ông đang định làm gì? Có phải ông đang định dùng hành vi của ông để lật đổ chúng tôi - luật pháp, toàn thể nhà nước, theo khả năng của ông? Ông có tưởng tượng rằng một nhà nước có thể tồn tại và không thể bị lật đổ, trong đó các quyết định của luật pháp không có quyền lực, nhưng bị các cá nhân gạt ra bên ngoài và chà đạp dưới chân?" Anh Crito, chúng ta sẽ trả lời thế nào cho những câu hỏi như thế này? Mọi người và đặc biệt một nhà tu từ, sẽ có nhiều điều để bênh vực cho việc luật pháp đòi hỏi một bản án phải được thi hành. Họ sẽ lý luận rằng người ta không thể gạt bỏ luật pháp; và chúng ta sẽ trả lời, "Phải; nhưng nhà nước đã vi phạm đến chúng tôi và cho chúng tôi một bản án bất công". Giả sử tôi trả lời như thế?

CR: Rất hay, Socrates.

SC: "Có phải đó là hợp đồng của chúng tôi với ông không?" luật pháp trả lời; "Hay phải chăng ông phải thi hành bản án của nhà nước?" Và nếu tôi trố mắt kinh ngạc trước lời lẽ của họ, luật pháp sẽ thêm: "Socrates, ông hãy trả lời thay vì trố mắt nhìn, ông có thói quen hỏi và trả lời các câu hỏi. Hãy nói cho chúng tôi - Ông có điều gì phàn nàn chống lại chúng tôi để biện minh việc ông tìm cách hủy diệt chúng tôi và nhà nước? Trước hết, không phải chúng tôi đã sinh ông ra trên đời sao? Cha ông kết hôn với mẹ ông nhờ sự trợ giúp của chúng tôi và sinh ra ông. Ông hãy

nói ông có gì phản đối chống lại chúng tôi trong việc ra các định chế hôn nhân không?" Không, tôi sẽ trả lời. "Hay chống lại chúng tôi là những người điều hành việc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em sau khi chúng sinh ra, mà chính bản thân ông cũng đã hưởng nền giáo dục ấy?" Tôi phải trả lời là đúng. "Vậy thì, vì ông được sinh ra trên đời, được nuôi dưỡng và giáo dục bởi chúng tôi, ông có thể nào phủ nhận trước hết rằng ông là con cái và nô lệ của chúng tôi, giống như cha mẹ của ông trước kia không? Và nếu điều này là đúng, thì ông không thể ngang hàng với chúng tôi; ông cũng không thể nào nghĩ rằng ông có quyền làm cho chúng tôi những gì chúng tôi đang làm cho ông. Phải chăng ông có quyền mắng chửi hay đánh lại hay làm điều gì xấu cho cha ông hay chủ ông, bởi vì ông đã bị họ đánh chửi, hay nhận điều xấu nào từ tay họ sao? - ông có nói thế không? Và vì chúng tôi nghĩ phải tiêu diệt ông là đúng, ông có nghĩ ông có quyền tiêu diệt chúng tôi và tiêu diệt đất nước theo khả năng của ông không? Là thầy dạy nhân đức đích thực, liệu ông có cho rằng ông làm thế là đúng không?"... Chúng ta phải trả lời thế nào, Crito? Luật pháp nói như thế là đúng hay sai?

CR: Tôi nghĩ luật pháp nói đúng.

SC: Vậy luật pháp sẽ nói, "Socrates, hãy xét kỹ xem chúng tôi có đúng không khi nói rằng việc ông đang định làm sẽ gây thiệt hại cho chúng tôi. Bởi vì, sau khi chúng tôi sinh ông ra trên đời, nuôi dưỡng giáo dục ông và ban cho ông cũng như mọi công dân khác chia sẻ mọi phúc lợi của đất nước, chúng tôi còn công bố cho mọi người Athens, bởi sự tự do mà chúng tôi cho họ, rằng nếu họ không thích chúng tôi khi họ đã trưởng thành và đã chứng kiến phong tục của thành phố cũng như đã hiểu biết chúng tôi, họ có thể ra đi đến bất cứ nơi nào họ thích và mang tất cả tài sản của họ theo họ. Không ai trong luật pháp chúng tôi ngăn cấm hay can thiệp vào công việc của họ. Bất cứ ai không thích chúng tôi và thành phố này, và muốn di cư đến một thuộc địa hay thành phố khác, đều có thể đến bất cứ nơi nào họ thích và mang theo tài sản của họ. Nhưng người nào đã kinh nghiệm cách thức chúng tôi tổ chức công lý và quản lý nhà nước, mà vẫn ở lại, thì đã chấp nhận một khế

ước và mặc nhiên rằng họ sẽ làm những gì chúng tôi truyền phải làm. Và nếu họ không vâng phục chúng tôi, họ vi phạm ba điều; thứ nhất, vì khi không vâng phục chúng tôi là họ không vâng phục cha mẹ họ; thứ hai, vì chúng tôi là tác giả của nền giáo dục của họ; thứ ba, vì họ đã làm một hợp đồng với chúng tôi rằng họ sẽ vâng lệnh chúng tôi một cách thích đáng; vậy mà họ đã không vâng phục cũng không thuyết phục được chúng tôi rằng các mệnh lệnh của chúng tôi không chính đáng; và chúng tôi không áp đặt các mệnh lệnh trên họ bằng cách thô bạo, mà cho họ quyền chọn lựa để thuyết phục chúng tôi; đó là những gì chúng tôi cống hiến cho họ, mà họ không làm gì cả.

"Đây là những lời tố cáo mà ông, Socrates, sẽ phải hứng chịu nếu ông thực hiện ý đồ của ông; đối với ông hơn là mọi người Athens khác". Giả sử tôi hỏi, tại sao lại là tôi hơn mọi ai khác? Họ sẽ vặn lại tôi rằng tôi là người hiểu biết sự hợp đồng này hơn mọi ai khác. Họ sẽ nói, "Có chứng cớ rõ ràng, Socrates, rằng chúng tôi và thành phố không làm điều gì mất lòng ông. Trong tất cả những công dân Athens, ông là người định cư lâu năm nhất trong thành phố, mà vì ông không bao giờ rời thành phố, chắc hẳn ông phải yêu mến thành phố. Bởi vì ông không bao giờ bỏ thành phố để đi dự các cuộc giải trí, trừ một lần ông đi đến Isthmus, ông cũng không đi đến nơi đâu khác trừ khi ông làm nghĩa vụ quân sự; ông cũng không đi du lịch như những người đàn ông khác. Ông cũng không tò mò tìm hiểu phong tục và luật pháp của các thành phố khác: tình cảm của ông không đi ra ngoài chúng tôi và thành phố; ông quí chuộng thành phố trên hết và chấp nhận việc cai trị của chúng tôi; và ở đây ông đã sinh ra con cái ông, là bằng chứng sự hài lòng của ông... Vậy mà bây giờ ông đã quên mất những tình cảm tốt đẹp này và không kính trọng luật pháp chúng ta, tức là phá hoại luật pháp ấy; và ông định làm điều mà chỉ những tên nô lệ hèn hạ mới làm, là trốn đi và quay lưng lại với những khế ước mà ông đã thực hiện trong tư cách một công dân. Vậy trước tiên ông hãy trả lời câu hỏi này: Chúng tôi có đúng khi nói rằng ông chấp nhận sự cai trị của chúng tôi bằng hành

động, chứ không chỉ bằng lời nói thôi không? Có đúng như thế không? Chúng ta phải trả lời thế nào, Crito? Chúng ta không đồng ý được sao?

CR: Chúng ta không thể không đồng ý, Socrates.

SC: Vậy có phải họ sẽ nói: "Socrates, ông đang phá vỡ giao ước và hợp đồng mà ông đã ký kết với chúng tôi sau khi suy xét kỹ lưỡng chứ không phải vội vàng, cũng không phải bị ép buộc hay lừa dối, vậy mà sau khi đã suy nghĩ suốt bảy mươi năm về chúng, trong thời gian đó ông có thể tự do bỏ thành phố ra đi, nếu nó không làm ông hài lòng, hay nếu khế ước của chúng tôi với ông không sòng phẳng. Ông có quyền chọn lựa và đã có thể đi đến Lacedaemon hay Crete, cả hai thành phố này thường được ông ca ngợi vì sự cai trị tốt, hay đến một thành phố Hi lạp hoặc một thành phố ngoại quốc khác. Nhưng ông đã không bao giờ ra đi. Vậy mà bây giờ ông bỏ trốn và quên đi hợp đồng giữa chúng ta. Đừng làm thế, Socrates, nếu ông chịu nghe lời khuyên của chúng tôi; đừng biến mình thành trò cười cho thiên hạ bằng cách trốn khỏi thành phố.

"Socrates, hãy nghe chúng tôi là người đã nuôi dưỡng và giáo dục ông. Đừng nghĩ đến mạng sống và con cái ông trước tiên rồi công lý sau, nhưng hãy nghĩ đến công lý trước tiên, để ông được nhìn nhận là công chính trước mặt các vua chúa ở trần gian. Vì cả ông lẫn những gì thuộc về ông đều sẽ không được hạnh phúc, thánh thiện hay công chính hơn ở đời này hay đời sau, nếu ông nghe theo lời khuyên của Crito. Bây giờ ông ra đi trong sự vô tội, chịu khổ mà không làm điều gian ác; ông là nạn nhân không phải của luật pháp nhưng của con người. Nhưng nếu ông hành động bằng cách lấy ác báo ác, làm hại để đền bù sự thiệt hại, phá vỡ giao ước và hợp đồng với luật pháp chúng tôi và làm hại những người mà ông phải làm hại ít nhất, đó là bản thân ông, bạn bè ông, đất nước ông và chúng tôi, chúng tôi sẽ tức giận với ông khi ông còn sống và các anh em chúng ta, luật pháp ở thế giới âm phủ sẽ tiếp đón ông như một kẻ thù; vì họ sẽ biết rằng ông tìm hết cách để tiêu diệt chúng tôi. Vì vậy, hãy nghe lời chúng tôi, đừng nghe lời Crito".

Anh Crito yêu quý, đây là tiếng nói mà tôi hình như luôn thì thầm vào tai tôi, giống như tiếng sáo vọng vào tai của nhà thần bí; tiếng nói đó thì thầm bên tai tôi và ngăn cản tôi nghe theo bất cứ tiếng nói nào khác. Và tôi biết rằng anh có nói thêm điều gì cũng vô ích thôi. Nhưng cứ nói, nếu anh có điều gì muốn nói.

CR: Không, tôi không biết nói gì nữa, Socrates.

SC: Vậy anh Crito, hãy để tôi thi hành ý muốn của Thượng đế và đi theo người tới nơi người muốn.

PHAEDO

GIỚI THIỆU

Một ít tháng hay ít năm sau khi Socrates mất, câu truyện về những giờ phút cuối đời của Socrates được người "học trò yêu quý" của ông là Phaedo kể lại cho Echecrates và những người dân tại vùng Phlius. Đối thoại này tất nhiên được trình bày dưới dạng kể chuyện, vì Socrates phải được mô tả bằng hành động cũng như bằng lời nói của ông. Các chi tiết nhỏ bé nhất về cảnh tượng này đã khơi dậy sự thích thú cho các bạn bè ở xa của ông, cũng như cho chính người kể chuyện.

Trong chuyến hành trình kéo dài suốt 30 ngày trên con tàu thánh đến Delos và từ Delos đi tiếp, giờ hành hình Socrates đã được dời lại. Trong thời gian chờ đợi này, Socrates trò chuyện với một nhóm học trò ưu tú. Nhưng bây giờ mùa thánh đã qua đi và các bạn ông tụ tập sớm hơn mọi khi để có thể nói chuyện với Socrates lần cuối. Những người có mặt ở đó và những người được mong đợi có mặt, đã được nhắc đến một cách đặc biệt. Trong số này có Simmias và Cebes, hai học trò của Philolaus mà Socrates "nhờ sức thu hút của mình đã kéo họ từ Thebes đến" (Mem. iii. 11. 17); ngoài ra còn có ông bạn già của Socrates là Crito và người cai ngục, cũng tốt bụng như một người bạn- tất cả những người này tham dự vào cuộc trò chuyện. Cũng có mặt Hermogenes, người đã cung cấp các thông tin cho Xenophon về phiên tòa xét xử Socrates (Mem. iv. 8. 4), "anh chàng điên" Apollodorus, Euclid và Terpsion từ Megara đến, Ctesippus, Antisthenes, Menexenus và một số thành viên ít tên tuổi hơn trong nhóm bạn hữu của Socrates, tất cả đều im lặng nghe Phaedo kể lại câu chuyện. Aristippus và Plato được ghi nhận là vắng mặt hôm ấy. Một lúc sau vợ và các con Socrates được Crito bảo ra ngoài; bản thân ông này cũng vừa được ra tù và do đó ông đưa ra nhận xét một cách tự nhiên rằng "khoái lạc thường theo sau đau khổ". (Lưu ý rằng ở đây Plato

đang chuẩn bị đưa ra học thuyết của ông rằng có sự thay đổi luân phiên các mặt đối nghịch.) "Nếu Aesop biết chuyện, ông ta có thể đã mô tả chúng trong một truyện ngụ ngôn như là một tạo vật có hai đầu của các thần". Việc nhắc đến Aesop gợi cho Cebes nhớ về một câu hỏi đã được nhà thơ Evenus nêu lên: "Tại sao Socrates không phải một nhà thơ, mà lại làm thơ về Aesop khi ông đang ngồi tù?" - "Bởi vì nhiều lần trong đời ông đã được báo mộng rằng ông phải chơi âm nhạc; và vì ông sắp sửa chết và không biết chắc ý nghĩa của giấc mộng này, nên ông muốn hoàn thành lời báo mộng theo nghĩa chữ cũng như theo tinh thần, bằng cách làm thơ cũng như vun trồng triết học. Hãy kể cho Evenus điều này và bảo anh ấy theo tôi đến cái chết". "Anh ấy không phải hạng người làm điều đó, thưa Socrates". "Sao, anh ấy không phải là triết gia sao?" "Thưa có". "Vậy anh ấy sẽ sẵn sàng chết, mặc dù anh ấy sẽ không tự lấy mạng sống mình, vì tự sát là không đúng".

Cebes hỏi tại sao người ta nói rằng tự sát là không đúng, nếu cái chết được coi là một điều tốt? Được, (1) theo một cách cắt nghĩa, vì con người là một tù nhân và không được phép mở cửa tù và trốn chạy - đây là sự thật "bí nhiệm". Hay đúng hơn có lẽ là (2) vì con người không phải là sở hữu của chính mình, nhưng là sở hữu của các thần và con người không có quyền lấy mất cái gì không thuộc về mình. Nhưng, Cebes hỏi, nếu con người là sở hữu của các thần, thì tại sao ông lại muốn chết và rời bỏ các thần? Vì ông được các thần bảo vệ; và chắc chắn ông không thể chăm sóc cho mình tốt bằng các thần chăm sóc cho ông. Simmias giải thích rằng Cebes đang thực sự nói về Socrates, là người mà họ nghĩ là không hề bị xúc động trước viễn tượng sắp phải lìa bỏ các thần và các bạn bè. Socrates trả lời rằng ông đang đi đến với các thần khác là các thần tốt lành và khôn ngoan, và có lẽ ông cũng đang đến với các bạn bè khác; và ông tuyên bố mình sẵn sàng tự biện hộ chống lại lời buộc tội của Cebes. Họ sẽ là những người xét xử ông và ông hy vọng ông sẽ thành công trong việc thuyết phục họ hơn là khi ông thuyết phục các quan tòa.

Triết gia muốn cái chết - mà thế giới xấu xa này nghĩ là ông đáng nhận cái chết; và có lẽ ông cũng đáng nhận cái chết thật, nhưng không theo nghĩa mà họ hiểu. Nhưng câu hỏi thực sự quan trọng ở đây là, "Bản chất của cái chết mà ông muốn là gì?" Chết là sự chia lìa hồn và xác - và triết gia muốn có sự chia lìa ấy. Ông muốn được giải phóng khỏi sự thống trị của các khoái lạc thể xác và các giác quan, vốn luôn luôn

làm xáo trộn tinh thần ông. Ông muốn giũ bỏ cặp mắt và đôi tai, để nhìn thấy ánh sáng sự thật bằng ánh sáng của tinh thần mà thôi. Mọi điều xấu và ô uế và mọi nhu cầu của con người đều đến từ thân xác. Và cái chết cắt đứt con người khỏi những điều xấu này, mà trong cuộc đời họ không thể loại bỏ hoàn toàn. Vậy thì có gì mà ông phải buồn phiền khi giờ chia cắt đến? Nếu ông đã chết khi còn đang sống, thì việc gì ông phải sợ một cái chết khác, là cái chết duy nhất mà nhờ đó ông có thể nhìn thấy sự khôn ngoan trong vẻ tinh tuyền của nó?

Ngoài ra, triết gia có các khái niệm về thiện và ác không giống bao người khác. Họ can đảm bởi vì họ sợ các nguy hiểm lớn hơn và họ tỏ ra điều độ vì họ ao ước các khoái lạc lớn hơn. Nhưng ông coi thường sự cân bằng giữa các khoái lạc và các đau khổ này; ông không chấp nhận một nhân đức nào khác ngoài nhân đức là bạn của khôn ngoan. Mọi nhân đức, kể cả khôn ngoan, được ông coi chỉ như là những sự thanh luyện linh hồn. Và đây là ý của các nhà sáng lập các tôn giáo bí nhiệm khi họ nói, "Có nhiều người dẫn đầu đám rước, nhưng có ít người thần bí thật sự". (Xem Matthew xxii. 14: "Người được gọi thì nhiều, nhưng người được chọn thì ít".) Và vì hi vọng mình sẽ là một trong số những con người thần bí ấy, nên bây giờ Socrates ra đi. Đây là câu trả lời của ông cho những người trách ông là tỏ ra dửng dưng trước viễn tượng phải từ giã bạn bè và các thần của ông.

Nhưng vẫn còn nỗi sợ rằng linh hồn khi lìa thân xác sẽ tan biến giống tựa mây khói. Trả lời cho câu hỏi này, Socrates trước tiên gợi lại truyền thống Orpheus xưa nói rằng hồn của các người chết đều ở thế giới âm phủ và những người sống từ dưới đó đi lên. Ông cố gắng đặt nền tảng cho ý niệm này dựa trên giả thiết rằng mọi cặp đối nghịch - ví dụ, nhỏ hơn, lớn hơn; yếu hơn, mạnh hơn; thức, ngủ; sống, chết - cái này phát sinh từ cái kia. Người an giấc ngàn thu (Endymion) sẽ không còn được nhận ra rõ ràng nữa, vì nếu thế cả thế giới sẽ bị chìm vào chỗ yên nghỉ. Chu kỳ tự nhiên sẽ không hoàn tất trừ khi người sống đến từ cõi chết cũng như chuyển qua cõi chết.

Học thuyết ưa thích của Plato về sự nhớ lại được viện dẫn để xác nhận một kiếp trước của linh hồn. Cần đưa ra một vài chứng cớ cho học thuyết này. Một chứng cớ được đưa ra giống như chứng cớ của Meno và được rút ra từ tri thức tiềm tàng về toán học, được khơi dậy nơi một người chưa bao giờ học toán học khi một hình vẽ được trình bày cho họ. Hơn nữa, còn có khả năng liên tưởng, nghĩa là khi nhìn thấy Simmias thì có thể nhớ đến Cebes, hay khi nhìn bức hình của Simmias thì có thể nhớ đến Simmias. Cây

đàn lia có thể gợi nhớ tới người đánh đàn lia và các mảnh gỗ hay đá bằng nhau có thể làm ta liên tưởng đến khái niệm cao hơn về sự bằng nhau tuyệt đối. Nhưng ở đây ta cần ghi nhận rằng sự bằng nhau vật chất không diễn tả đủ khái niệm về sự bằng nhau tuyệt đối mà chúng dùng để so sánh và là tiêu chuẩn để so sánh chúng. Và tiêu chuẩn đo lường này phải có trước cái được đo, ý niệm về sự bằng nhau phải có trước các vật bằng nhau hữu hình. Và nếu có trước chúng, thì nó cũng phải có trước các nhận thức của giác quan là khả năng giúp ta nhớ lại chúng và vì thế được cho trước lúc sinh hay vào lúc sinh. Nhưng không ai có tri thức này, hay có nó mà không qua một qui trình nhớ lại; và đây là một chứng cớ cho thấy nó không phải là bẩm sinh hay được ban cho lúc sinh ra (trừ khi nó đã được ban cho và lấy mất cùng một lúc, như thế thì vô lý quá). Nhưng nếu nó không được ban cho người ta lúc sinh ra, thì hẳn nó đã phải được ban cho trước khi sinh - đây là trường hợp duy nhất chấp nhận được. Và nếu chúng ta có các ý niệm ở một trạng thái trước kia, thì linh hồn chúng ta hẳn phải đã hiện hữu và phải đã có trí thông minh trong một kiếp trước. Kiếp trước của linh hồn đứng vững hay sụp đổ với học thuyết về các ý niệm.

Simmias và Cebes nêu vấn nạn rằng các lý luận này chỉ chứng minh một kiếp trước chứ không chứng minh kiếp sau. Socrates trả lời vấn nạn này bằng việc gợi nhớ lại lý luận trước, trong đó ông đã chứng minh rằng người sống đến từ kẻ chết. Nhưng nỗi sợ rằng linh hồn lúc ra đi có thể biến thành mây khói (đặc biệt nếu lúc ấy có một cơn gió thổi qua) đã không được xua tan. Vì thế ông nói tiếp: Khi chúng ta sợ rằng linh hồn sẽ tan mất, chúng ta hãy tự hỏi mình xem cái gì có thể tạo ra sự tiêu tan? Có phải là cái đơn giản hay cái kết hợp, cái không thay đổi hay cái thay đổi, cái ý niệm vô hình hay đối tượng hữu hình của giác quan? Rõ ràng là cái thứ hai chứ không phải cái thứ nhất; và vì thế không phải linh hồn, vì trong tư tưởng thuần túy của nó, linh hồn là cái không thay đổi và chỉ khi ta đi vào vùng thay đổi bằng cách sử dụng giác quan. Hơn nữa, linh hồn chỉ huy, thân xác phục vụ; về phương diện này, linh hồn cũng giống như thần linh và thân xác giống như loài phải chết. Và về mọi phương diện, linh hồn là hình ảnh của thần linh và bất tử, còn thân xác là hình ảnh của phàm nhân và khả tử. Và trong khi thân xác mau tàn rữa, thì linh hồn hầu như không thể hủy hoại. Nhưng ngay cả thân xác cũng có thể được bảo tồn nhờ nghệ thuật ướp xác; huống hồ linh hồn có thể trở về với chính nó nhiều biết bao trên đường đi tới Thượng đế tốt lành

và khôn ngoan! Linh hồn đã luôn tập chết trong suốt đời nó và bây giờ, cuối cùng nó được giải thoát khỏi các sai lầm, điên rồ và đam mê của loài người, và mãi mãi ở với thần linh.

Nhưng linh hồn bị thân xác làm cho ra ô uế và nặng nề, và không có mắt trừ mắt của các giác quan và bị ghì nặng xuống bởi các dục vọng thân xác, linh hồn ấy không thể đạt tới mức độ trừu tượng này. Trong sự sợ hãi thế giới âm phủ, nó còn lảng vảng quanh nấm mồ của nó, xuất hiện dưới dạng hồn ma và vẫn còn đầy cảm giác, vì thế nó có thể trông thấy được. Cuối cùng nó nhập vào thân xác của một con vật nào đó trong tự nhiên giống với đời sống cảm giác của nó trước kia và trở thành một con lừa hay con sói hay một cái diều. Và trong số các linh hồn ở dưới đất này, linh hồn hạnh phúc nhất là linh hồn đã thực hành nhân đức mà không có triết học; họ được phép chuyển sang các bản tính tế nhị và lịch sự như loài ong hay kiến. Chỉ có triết gia là người đã ra đi trong tình trạng tinh tuyền thì mới được phép gia nhập cộng đoàn các thần linh. Đây là lý do tại sao họ kiêng cữ các đam mê xác thịt và không phải vì sợ bị thiệt hay bị ghét bỏ, vốn là những động cơ của những người khác. Họ cũng từng bị giam hãm và là tác nhân trong sự giam hãm của chính họ. Nhưng triết học đã nói với họ và họ đã nghe được tiếng của triết học; triết học đã đối xử dịu dàng với họ và đưa linh hồn họ ra khỏi "đống bùn lầy", và xua tan đám sương mù của đam mê và những ảo tưởng của giác quan bao quanh nó, cũng như dạy nó kháng cự lại ảnh hưởng của khoái lạc và đau khổ, chúng giống như những cây đinh đóng chặt nó vào thân xác. Nó sẽ không trở lại ngục tù ấy nữa; và vì thế nó kiêng cữ mọi khoái lạc thể xác - không phải vì muốn được nhiều khoái lạc như thế hơn, vì như vậy chẳng khác gì sự trao đổi mua bán chứ không phải nhân đức, nhưng vì nó biết rằng chỉ trong sự kiềm chế đam mê khoái lạc, nó mới nhìn thấy ánh sáng sự thật.

Simmias và Cebes vẫn còn hoài nghi; nhưng họ không muốn nêu lên các vấn nạn vào một giờ phút nghiêm trọng như thế. Socrates lấy làm lạ. Ông muốn họ coi ông như con thiên nga, sau khi suốt một đời đã ca hát chúc tụng thần Apollo và vào lúc chết nó cất giọng hát còn líu lo hơn bất cứ lúc nào. Simmias thú nhận mình hèn nhát không dám đào sâu sự thật cho tới cùng. "Và nếu không thể có được sự thật thần linh, người ta hãy cố hết sức hiểu các khái niệm của loài người và trên con thuyền mỏng mảnh này họ hãy ra khơi cuộc đời". Ông bắt đầu nêu lên khó khăn của mình: Chúng ta đã lý luận rằng linh hồn là vô hình và vô chất, và

vì thế là bất tử và có trước thân xác. Nhưng chúng ta cũng đã nhìn nhận linh hồn là một giai điệu và có cùng mối tương quan với thân xác giống như giai điệu có tương quan với cây đàn lia. Nhưng giai điệu hết tồn tại khi cây đàn không còn. Cebes cũng có một vấn nạn và giống như Simmias, anh đã diễn tả bằng một hình ảnh. Anh muốn nhìn nhận rằng linh hồn tồn tại lâu hơn thân xác. Nhưng bản chất tồn tại lâu hơn này của linh hồn không chứng minh nó là bất tử; vì sau khi đã chuyển qua nhiều thân xác hư hoại trong một kiếp sống duy nhất và thêm nhiều thân xác nữa qua các cuộc tái sinh và chết đi, nó rốt cuộc có thể chết, hay như sau này Socrates phát biểu lại vấn nạn này, chính hành vi tái sinh có thể là khởi điểm cái chết của nó và thân xác cuối cùng có thể còn tồn tại sau khi linh hồn cuối cùng đã mất, giống như bộ áo của người thợ dệt còn tồn tại sau khi người ấy chết, mặc dù một người tồn tại lâu hơn bộ áo của họ. Và ai muốn chứng minh linh hồn là bất tử, thì phải chứng minh không chỉ linh hồn còn tồn tại sau khi một hay nhiều thân xác đã chết, mà còn tồn tại sau khi mọi thân xác đã chết.

Những người nghe, giống như một ban hợp xướng trong một vở kịch, có một lúc cắt nghĩa các tình cảm của các diễn viên; họ dừng lại một chút, rồi cuộc thảo luận lại tiếp tục. Cổ một suy tư ảm đạm rằng các lý luận, giống như con người, thường dễ đánh lừa người ta; và những người nhiều lần bị lừa thường không tin tưởng cả lý luận cũng như bạn bè. Nhưng kinh nghiệm này không được làm chúng ta ghét con người hay ghét các lý luận. Ghét các lý luận cũng là sai, dù chúng ta sống hay chết. Khi cái chết đến gần, Socrates muốn tỏ ra vô tư, nhưng ông không thể không cảm thấy rằng ông quá quan tâm đến sự thật trong lý luận của mình. Và vì thế ông muốn các bạn ông xem xét và bắt bẻ ông, nếu họ nghĩ ông không nói sự thật.

Socrates yêu cầu Simmias và Cebes nêu lại các vấn nạn của họ. Họ không đi đến cùng việc họ bác bỏ sự tồn tại của các ý niệm ở một kiếp trước. Simmias nghĩ rằng linh hồn là một giai điệu của thân xác. Nhưng sự chấp nhận có sự tồn tại của các ý niệm ở một kiếp trước và vì thế có sự tồn tại của linh hồn ở một kiếp trước, thì không phù hợp với điều này. Vì một giai điệu là một hiệu quả, trong khi linh hồn không phải một hiệu quả, mà là một nguyên nhân; giai điệu theo sau, còn linh hồn đi trước; một giai điệu có các độ cao thấp, còn linh hồn thì không. Ngoài ra, giả sử linh hồn là một giai điệu, thì tại sao lại có một linh hồn tốt hơn một linh hồn khác? Phải chăng chúng hòa điệu hơn kém, hay có một giai điệu trong một giai điệu

khác? Nhưng linh hồn không có các mức độ, vì thế không thể là hòa hợp hơn hay kém. Hơn nữa, linh hồn thường kháng cự lại các tình cảm của thân xác, như Homer mô tả Odysseus "khiển trách lòng mình". Phải chăng ông đã viết câu này với ý tưởng rằng linh hồn là một giai điệu của thân xác? Hay đúng hơn, phải chăng chúng ta đang nói phản lại Homer và phản lại chính chúng ta khi khẳng định một điều như thế?

Nữ thần Harmonia, theo kiểu mô tả vui của Socrates về lý luận của Simmias, đã bị loại bỏ; và bây giờ phải trả lời cho câu hỏi của Cadmus người sáng lập xứ Thebes. Socrates tóm tắt lý luận của Cebes rằng lý luận này gồm toàn bộ vấn đề về sự lớn lên tự nhiên hay nhân quả; về vấn đề này ông đề nghị thuật lại kinh nghiệm tinh thần của chính ông. Hồi ông còn trẻ, ông rất thắc mắc về vật lý: ông đã đi tìm hiểu về sự lớn lên và phân hủy của các động vật, về nguồn gốc của tư tưởng, cho đến khi cuối cùng ông bắt đầu hoài nghi sự kiện hiển nhiên rằng sự lớn lên là kết quả của việc ăn uống và vì thế ông đi đến kết luận rằng ông không có khiếu về các loại tra cứu như thế. Ông cũng rất thắc mắc đối với các khái niệm về so sánh và con số. Lúc đầu ông tưởng mình hiểu được các khác biệt giữa hơn và kém và biết được rằng mười bằng hai cộng với tám, vân vân... Nhưng bây giờ ông thấy chính các khái niệm ấy có vẻ mâu thuẫn. Vì làm thế nào một có thể chia thành hai? Hay hai có thể hợp thành một? Đây là những khó khăn mà Socrates không thể trả lời. Về sự sinh và diệt, ông chẳng biết tí gì. Nhưng ông có một khái niệm mơ hồ về một phương pháp khác để tìm hiểu các vấn đề thuộc loại này.

Thế rồi ông được nghe có người đọc to một quyển sách của Anaxagoras, trong đó nói rằng tinh thần là nguyên nhân của mọi sự. Và ông tự nhủ: nếu tinh thần là nguyên nhân của mọi sự, thì tinh thần phải sử dụng mọi sự một cách tốt nhất. Ông thầy mới này sẽ cho tôi thấy "thứ tự của cái tốt nhất" này nơi con người và thiên nhiên. Ông đã từng có các niềm hi vọng lớn biết bao và nỗi thất vọng của ông cũng đã lớn biết bao! Vì ông phát hiện ra rằng người bạn mới của mình hoàn toàn không nhất quán với việc sử dụng tinh thần như một nguyên nhân, vì sau đó ông đã đưa vào gió, nước và các khái niệm kỳ cục khác. Giống như thể có người nói Socrates đang ngồi đây bởi vì ông được làm bằng xương bằng thịt, thay vì nói lý do thật - rằng ông ngồi đây vì người Athens nghĩ rằng kết án tử hình ông là điều tốt và ông nghĩ rằng chờ đợi án tử là điều tốt. Giả như xương thịt của ông được ông để cho đi theo các ý niệm của chính nó về cái gì là đúng, hẳn nó đã lìa bỏ

ông từ lâu rồi. Nhưng chắc chắn có một sự lẫn lộn lớn về nguyên nhân và điều kiện trong tất cả chuyện này. Và sự lẫn lộn này cũng đã đưa người ta vào mọi lý thuyết sai lầm về vị trí và chuyển động của trái đất. Không một ai trong họ biết rằng sức mạnh của cái tốt nhất còn lớn hơn bất kỳ thần Atlas nào gấp bội. Nhưng cái "tốt nhất" này vẫn còn chưa được tìm ra; và trong khi đi tìm nguyên nhân, chúng ta chỉ hi vọng đạt được cái tốt thứ nhì.

Có một nguy hiểm trong việc chiêm ngắm bản chất của sự vật, cũng như có nguy hiểm trong việc nhìn vào mặt trời lúc nhật thực, trừ khi người ta cẩn thận nhìn qua hình phản chiếu của mặt trời dưới nước, hay qua một cái gương. Và Socrates nói, tôi e rằng mình có thể làm hỏng mắt của linh hồn. Tôi nghĩ tốt hơn mình nên quay trở lại phương pháp ý niệm cũ vì nó an toàn. Dù vậy tôi không có ý nói rằng người nào chiêm ngắm sự hiện hữu qua các ý niệm thì chỉ thấy được lờ mờ qua một tấm gương và người nào chiêm ngắm các hiệu quả hiện thực thì cũng thế.

Nếu sự hiện hữu của các ý niệm được ban cho ông, Socrates nghĩ rằng lúc ấy ông sẽ không gặp khó khăn gì trong việc minh chứng sự bất tử của linh hồn. Ông sẽ chỉ xin mọi người nhìn nhận thêm một điều: - sắc đẹp là nguyên nhân của cái đẹp, sự to lớn là nguyên nhân của cái lớn, sự bé nhỏ là nguyên nhân của cái nhỏ, vân vân... Như vậy ông tránh được các mâu thuẫn giữa lớn hơn và nhỏ hơn (lớn hơn vì cái nhỏ hơn!), giữa thêm và bớt và các khó khăn khác về tương quan. Các điểm tinh tế này ông dành cho các đầu óc khôn ngoan hơn ông; ông thích thử nghiệm các ý niệm bằng các hậu quả của chúng và nếu được yêu cầu cắt nghĩa chúng, ông đi trở về một ý niệm hay giả thiết cao hơn mà ông coi là tốt nhất, cho tới khi cuối cùng ông đạt tới một điểm dừng.

Học thuyết các ý niệm, từ lâu vốn đã được nhất trí giữa những người thân cận Socrates, nay được khẳng định bởi thính giả người Phlius là đáng được chấp nhận bởi bất cứ ai có lý trí. Câu truyện được tiếp tục; Socrates muốn cắt nghĩa làm thế nào các ý niệm đối nghịch nhau có thể cùng tồn tại nhưng không thực sự cùng tồn tại trong cùng một người hay một vật. Ví dụ, có thể nói Simmias vừa to vừa nhỏ, vì anh to hơn Socrates và nhỏ hơn Phaedo. Nhưng Simmias không thực sự vừa to vừa nhỏ thực sự, mà chỉ to hay nhỏ khi so với Socrates và Phaedo mà thôi. Socrates nói, tôi dùng ví dụ này bởi vì tôi muốn cho anh thấy rằng không chỉ các cái đối nghịch lý tưởng loại trừ lẫn nhau, mà cả các cái đối nghịch trong chúng ta. Ví dụ, tôi có tính chất nhỏ, thì tôi

luôn nhỏ và không thể trở thành to: tính chất nhỏ nơi tôi loại trừ tính chất to.

Một trong những người có mặt tại đó nhận xét rằng điều này không phù hợp với khẳng định cũ rằng các đối nghịch phát sinh ra các đối nghịch. Nhưng Socrates trả lời rằng điều đó không được nói về các ý niệm đối nghịch trong chúng ta hay trong tự nhiên, nhưng về các vật đối nghịch - không nói về sự sống và sự chết, nhưng về các cá nhân đang sống và đang chết. Sau khi giải quyết vấn nạn này rồi, Socrates tiếp tục: học thuyết này về sự loại trừ lẫn nhau giữa các cái đối nghịch không chỉ đúng về chính các cái đối nghịch, mà cũng đúng với các vật không tách rời với chúng. Ví dụ, nóng và lạnh là đối nghịch; và lửa, vốn không thể tách rời với nóng, thì không thể cùng tồn tại với lạnh, cũng như tuyết, vốn không thể tách rời với lạnh, thì không thể cùng tồn tại với nóng. Còn nữa, số ba loại trừ số bốn, bởi vì ba là một số lẻ, còn bốn là một số chẵn và lẻ thì đối nghịch với chẵn. Như thế chúng ta có thể tiến một bước vượt quá "câu trả lời an toàn và đơn giản". Không những chúng ta có thể nói số chẵn loại trừ số lẻ, mà còn có thể nói số ba, vì thuộc số lẻ, nên cũng loại trừ số chẵn. Cũng thế, không những sự sống loại trừ sự chết, mà linh hồn, vốn là thuộc tính không thể tách rời với sự sống, thì cũng loại trừ sự chết. Và cái mà sự sống là thuộc tính không thể tách rời với nó thì tất yếu theo định nghĩa phải không thể hư hoại. Nếu nguyên lý lẻ là không thể hủy hoại, thì con số ba cũng không thể hủy hoại, nhưng bị cất đi khi nguyên tắc chẵn đến. Nhưng cái gì là bất tử thì không thể hủy hoại; vì vậy linh hồn khi sự chết đến thì không bị hủy hoại nhưng rời đi.

Như thế có vẻ như mọi vấn nạn đều đã được giải quyết. Và bây giờ ta phải đem ra áp dụng: nếu linh hồn là bất tử, "chúng ta phải là những kiểu con người nào?", không chỉ trong tương quan với thời gian mà với cả vĩnh cửu nữa. Vì chết không phải là cùng tận mọi sự và kẻ ác không được giải thoát khỏi sự ác của nó bằng cái chết; nhưng mỗi người đều đem theo mình về thế giới âm phủ điều mà họ đang là và điều mà họ trở thành, và chỉ có điều đó mà thôi.

Vì sau khi chết, linh hồn ấy được đưa đến phán xét và sau khi nó đã nhận sự trừng phạt, nó trở về đất theo các thời đại. Linh hồn khôn ngoan thì ý thức về hoàn cảnh của mình và đi theo thiên thần hướng dẫn nó qua các con đường ngoằn ngoèo ở dưới âm phủ; nhưng linh hồn ô uế thì đi lang thang đây đó mà không có người hướng dẫn và cuối cùng bị kéo tới chỗ của nó, cũng như linh hồn thanh sạch được đưa đến chỗ của nó. "Để các anh có

thể hiểu điều này, trước tiên tôi phải mô tả cho anh bản chất và sự hình thành của trái đất".

Vậy cả trái đất là một quả cầu đặt giữa trung tâm của các tầng trời và được giữ yên tại đó bởi sự cân bằng hoàn hảo. Cái mà chúng ta gọi là đất thì chỉ là một cái hố nhỏ và có nhiều hố như thế; còn đất thật thì ở trên cao và là một yếu tố tinh tế hơn, và đầy những đá quí và màu sắc sáng, mà các hòn đá và màu sắc trên đất của chúng ta chỉ là những mảnh vụn, những phản chiếu và bản thân quả đất thì bị xói mòn và tan rã giống như bờ biển bị nước biển xói mòn. Và nếu, giống như chim, chúng ta có thể bay tới mặt của không khí, cũng giống như cá bơi lên mặt biển, thì chúng ta có thể nhìn thấy được đất thật cũng như trời thật cũng như các tinh tú thật. Đất thiên thai này có đủ màu sắc khác nhau, lung linh với những hạt ngọc sáng hơn vàng, trắng hơn tuyết và có vô số hoa quả. Và một số cư dân ở trên bờ biển của khí, số khác ở trên "các đảo của những kẻ được chúc phúc", và họ được trò chuyện với các thần và được nhìn thấy mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao đúng như bản chất của chúng, và các hạnh phúc khác của chúng thì cũng là một phần của điều này.

Nhưng trong lòng đất có các lỗ khác sâu hơn và một cái vực hay miệng khổng lồ gọi là Tartarus, trong đó các suối nước và lửa liên tục chảy đến và chảy đi, một phần nước và lửa đi lên trên bề mặt và tạo thành các biển, các sông và các ngọn núi lửa. Cũng có làn khí hít vào và thở ra theo chiều lên, xuống khi nước đi xuống lòng sâu của quả đất và lại lên trở lại, trên đường đi chúng tạo ra các ao hồ và sông ngòi, nhưng không bao giờ đi xuống dưới tâm của quả đất, phía bên đối diện của nó là một vực thẳm với các con sông ở hai bên bờ. Các con sông rất nhiều, chảy xiết và có bốn con sông chính, Oceanus, Acheron, Pyriphlegethon và Cocytus. Oceanus là con sông đi vòng quanh trái đất; Acheron đi theo hướng ngược lại và sau khi chảy ngầm dưới đất nó đến các nơi khô cằn, cuối cùng nó đổ vào hồ Acherusian và tại con sông này những người chết đang chờ trở về trái đất. Pyriphlegethon là một con suối lửa, cuộn quanh trái đất và chảy vào vực thẳm Tartarus. Con sông thứ tư (Cocytus) là con sông được các thi sĩ gọi là sông Stygian, nó đổ vào và làm thành hồ Styx, và đón nhận những sức mạnh kỳ lạ trong nước. Con sông này cũng đổ vào vực thẳm Tartarus.

Những người chết trước tiên được xét xử theo các hành vi họ đã làm và những kẻ không thể trị nổi sẽ bị ném vào vực Tartarus và không bao giờ có thể lên khỏi đó. Những người chỉ phạm các tội nhẹ thì trước tiên phải được tẩy sạch các tội ấy, rồi được thưởng vì các việc lành

họ đã làm. Những kẻ đã phạm những tội ác to lớn mà không được tha thì bị ném vào vực Tartarus, nhưng đến cuối năm thì bị ném lên các bờ sông, ở đó chúng kêu gào các nạn nhân của chúng tha thứ và nếu chúng sẽ được tha thứ, chúng được thả ra và hết chịu đau khổ; nếu không, chúng phải ở lại mãi trong dòng nước xoáy vô tận của các con sông trong vực Tartarus. Các linh hồn thanh sạch cũng nhận phần thưởng và được ở trên phần đất cao, một ít người được tuyển chọn còn được ở những "nơi ở" đẹp hơn.

Socrates không muốn nhấn mạnh tính chính xác theo nghĩa đen của các mô tả này, nhưng ông tin rằng nó có phần nào đúng sự thật. Những ai đã lo tìm kiếm những thú vui tri thức và từ chối những thú vui thể xác, thì có lý do để hi vọng vào lúc giờ chết đến, vì tiếng gọi của thần chết đã được họ nghe thấy và sẽ được mọi người nghe thấy.

Đã đến giờ ông phải uống chén thuốc độc và không còn nhiều chuyện để làm. Họ sẽ an táng ông thế nào? Đó là một câu hỏi mà ông từ chối bàn luận, vì thực ra họ không an táng ông, mà chỉ an táng cái xác chết của ông. Các bạn ông đã từng tin chắc rằng ông sẽ ở lại, vậy mà bây giờ điều chắc chắn đối với họ là ông sẽ ra đi. Nhưng không thể để cho ông chết mà không có các nghi thức tẩm liệm và chôn cất. Ông sẽ làm nghi thức rảy nước thánh bằng thuốc độc ư? Ông sẽ làm điều đó bằng tinh thần, không theo nghĩa chữ. Một yêu cầu được ông thốt ra ngay chính lúc ông chết và đã trở thành câu đố khó giải cho nhiều thời đại sau này. Câu đố được khơi dậy bởi sự đơn sơ trong các lời ông nói, vì không có lý do gì để giả thiết rằng chúng có một ý nghĩa bí ẩn nào. Với một chút hài hước, ông nhớ rằng ông còn phải chu toàn một nghĩa vụ tôn giáo mà ông chưa làm xong, cũng như ở trên kia ông đã được mô tả như là mong muốn trước khi ra đi có thể làm một vài câu thơ để thỏa mãn một sự áy náy của ông về ý nghĩa của một giấc mơ.

1. Học thuyết về sự bất tử của linh hồn khơi dậy một sự quan tâm hết sức to lớn cho toàn thể nhân loại, khiến người ta thường chống lại mọi sự tìm hiểu sâu xa về bản chất niềm tin này của họ. Họ không muốn nhìn nhận rằng "ý niệm ngàn đời" này của loài người có một thời điểm lịch sử, có thể được truy về nguồn gốc của nó trong thi ca hay triết học Hy Lạp và cả trong Kinh thánh Do Thái nữa. Họ đối tình cảm thành lý luận và sử dụng một mạng lưới biện chứng để lý giải cái mà thực sự chỉ là một bản năng sâu

xa trong con người. Với cùng một tâm tình mà Socrates khiển trách trong chính bản thân ông, họ cũng sẵn sàng nghĩ rằng dù là các lý luận dở cũng không gây thiệt hại gì, vì khi họ chết thì chúng cũng không còn gì, trong khi ngược lại, bao lâu họ còn sống, họ sẽ có lợi nhờ ảo tưởng. Nhưng phải nhận ra một tinh thần tốt hơn và cao hơn trong quyển Phaedo, cũng như trong các tác phẩm khác của Plato; tinh thần ấy nói rằng các nguyên tắc cơ bản phải được thường xuyên xem xét lại và các đề tài cao nhất đòi chúng ta phải có sự chính xác lớn nhất.

2. Triết học hiện đại tỏ ra bối rối trước toàn thể vấn đề này và đôi khi nó phải đầu hàng hay nhường lại cho lĩnh vực đức tin. Chúng ta không được quên sự bối rối này khi chúng ta tìm cách đánh giá tác phẩm Phaedo của Plato theo các yêu cầu của khoa lôgic. Vì chúng ta có thể có ý niệm gì về linh hồn khi chúng ta tách rời nó khỏi thân xác? Hay làm thế nào linh hồn có thể kết hợp duy nhất với thân xác mà vẫn ở trong tình trạng độc lập? Linh hồn có tương quan với thân xác giống như lý tưởng với thực tại, hay giống như toàn thể với thành phần, hay như chủ thể với khách thể, hay như nguyên nhân với hậu quả, hay như mục đích với phương tiện không? Chúng ta có phải nói như Aristotle nói rằng linh hồn là cứu cánh hay mô thể của một thân xác sống và có tổ chức không? Hay như Plato rằng linh hồn có sự sống độc lập không? Hay như cách diễn tả của Pythagore bằng hình ảnh của giai điệu, hay đơn tử không? Linh hồn có tương quan với thân xác giống như thị giác với mắt, hay giống như người chèo thuyền với con thuyền của người ấy không? Và trong một trạng thái hiện hữu khác, có thể quan niệm linh hồn như biến tan vào trong vô hạn, không có một hiện hữu có thể gọi là của riêng nó, như trong hệ thống phiếm thần của Spinoza và các triết gia khác không? Hay như một tinh thần cá thể nhập vào một thân xác khác và giữ lại ấn tượng về cá tính trong thân xác trước kia của nó? Hay sự đối lập giữa linh hồn và thân xác chỉ là một ảo tưởng và cái bản ngã đích thực không phải là linh hồn hay thân xác, mà là sự kết hợp của cả hai trong cái "tôi" vượt lên trên cả hai? Và có phải cái chết là sự khẳng định về tính cá thể này trong bản chất cao

hơn và là sự rơi vào hư vô của bản chất thấp hơn? Hay chúng ta đang cố gắng một cách vô ích trong việc vượt qua ngưỡng của tư tưởng con người? Thân xác và linh hồn có vẻ như không thể tách rời, không chỉ trên thực tế, mà cả trong cách chúng ta quan niệm về chúng; và bất cứ triết học nào chủ trương mối liên kết quá mật thiết giữa chúng, hay phân biệt chúng quá rõ, ở đời này hay ở đời sau, đều làm đảo lộn thế cân bằng của bản tính con người. Cả Plato lẫn các triết gia khác đều đã không giải quyết được vấn đề này một cách hoàn hảo, hay nhất quán với chính mình trong các mô tả của họ về mối tương quan giữa linh hồn và thân xác.

3. Hơn nữa, tin vào sự bất tử của linh hồn, chúng ta cũng còn phải hỏi câu hỏi của Socrates, "cái chúng ta nghĩ là bất tử là cái gì?" Có phải đó là yếu tố cá thể nơi chúng ta, hay là yếu tố tinh thần và phổ quát? Có phải đó là nguyên lý của tri thức hay sự thiện, hay là sự kết hợp của cả hai? Có phải nó là lực sự sống đơn thuần tất yếu hiện hữu, hay là sự tự thức không thể loại bỏ, hay là lửa của thiên tài không thể bị dập tắt? Hay có một hữu thể kín ẩn liên kết với Tạo Hoá của mọi hiện hữu, mà vì là hoàn hảo, nên Người hiện hữu và mọi ý niệm của chúng ta về sự hoàn hảo cho phép chúng ta thuộc về hiện hữu ấy? Bất luận câu trả lời nào cho các câu hỏi này là thế nào đi nữa, thì vẫn tồn tại nhu cầu nhìn nhận sự tồn tại của sự ác, nếu không là vĩnh viễn, ít ra cũng trong một thời gian, để cho kẻ xấu "không thể hưởng lợi trong việc mặc cả". Vì dù có sự hủy diệt cái ác vào lúc chết, hay có sự tồn tại vĩnh cửu của nó, cũng đều bao hàm những khó khăn như nhau trong trật tự đạo đức của vũ trụ. Đôi khi chúng ta được hướng dẫn bởi tình cảm thay vì lý trí, để nghĩ rằng chỉ có người tốt hay người khôn ngoan tồn tại trong đời sống sau khi chết. Tại sao những kẻ bần tiện, yếu đuối, ngu dốt, trẻ sơ sinh, đám người mà không bao giờ biết sử dụng lý trí, lại phải xuất hiện trở lại ở một thế giới khác? Nhưng khi nghĩ lại, chúng ta thấy nhân loại có một niềm hi vọng chung và đó là mọi người hoặc không một ai có quyền để là bất tử. Lý trí không cho phép chúng ta giả thiết rằng, chúng ta có quyền hơn những người khác và kinh

nghiệm đôi khi bộc lộ cho chúng ta thấy một cách bất ngờ sự loé sáng của những bản chất hiện hữu khác cao hơn mà chúng ta đã khinh rẻ. Đây là một số tư tưởng gây bối rối mà chúng ta gặp phải khi cố gắng tạo hình cho các khái niệm của chúng ta về một trạng thái trong tương lai.

4. Hơn nữa, các ý niệm phải được cho nhờ một cái gì đó; và chúng ta luôn luôn thích lý luận về linh hồn dựa vào các so sánh với các vật bên ngoài có thể tạo nội dung cho các tư tưởng của chúng ta, nhưng một phần cũng mang đến sự ảo tưởng. Vì chúng ta không thể suy luận từ cái vật chất để suy ra cái tinh thần, từ cái bên ngoài để suy ra cái bên trong. Tiến bộ của khoa sinh lý học, tuy không đưa chúng ta tiến gần hơn tới bí mật to lớn này, nhưng có lẽ cũng giúp loại trừ một số khái niệm sai lạc về tương quan giữa hồn và xác, và về điểm này chúng ta có lợi thế hơn các tiền nhân. Nhưng không ai nghĩ rằng chúng ta có thể nhận rõ được hạt giống của sự bất tử trong thân xác phải chết của chúng ta. Kết quả có vẻ như là những ai đã từng suy nghĩ sâu nhất về sự bất tử của linh hồn đều đã bằng lòng với việc dựa niềm tin của mình, vào sự đồng ý với những người sáng suốt hơn của nhân loại, và dựa trên sự liên kết không thể tách rời của học thuyết này với sự hiện hữu của Thượng đế và các ý niệm của chúng ta về sự công bằng của Thượng đế - cũng như, ở một mức độ thấp hơn, dựa trên lý do là chúng ta không thể nào suy nghĩ cách khác về những người mà chúng ta đã tôn kính ở đời này. Và suy cho cùng, hình ảnh, ví dụ, lý luận, tất cả đều chỉ là những cách diễn tả gần đúng dưới các dạng khác nhau về một tình cảm chung của quả tim con người.

5. Phaedo của Plato cũng có thể được coi như là một sự suy diễn biện chứng gần đúng về sự thật của tính bất tử. Bắt đầu với kiểu nói bí nhiệm, đến phần giữa của Đối thoại này Socrates cố gắng nối kết học thuyết về đời sống tương lai với lý thuyết tri thức của ông. Cố gắng này của ông thành công phần nào, theo đó cá nhân có vẻ tan biến vào trong một khái niệm tổng quát hơn về linh hồn; việc chiêm ngắm các ý niệm "dưới dạng vĩnh cửu" thay thế chỗ của các trạng thái hiện hữu

quá khứ và tương lai. Có thể sánh lối nói của ông giống như lối nói của các nhà triết học ngày nay, họ nói về vĩnh cửu nhưng không theo nghĩa là một sự kéo dài thời gian vĩnh viễn, mà như là một tính chất luôn luôn hiện tại của linh hồn. Nhưng đến phần kết bài Đối thoại, sau khi "đã đi đến cùng của thế giới tri thức", ông thay thế bức màn thần thoại và mô tả linh hồn và các thuộc tính của linh hồn bằng ngôn ngữ của các tôn giáo bí nhiệm hay của một môn đệ của Zoroaster. Chúng ta cũng không thể nào đòi hỏi Plato một sự nhất quán mà bản thân chúng ta không có, khi chúng ta nhìn nhận rằng thế giới bên kia thì vượt quá tầm hiểu biết của tư tưởng con người, nhưng chúng ta luôn luôn đi tìm các cách biểu thị chỗ ở trên trời hay dưới địa ngục bằng các màu sắc của người hoạ sĩ, hay bằng kiểu mô tả của các thi sĩ hoặc các nhà tu từ.

6. Học thuyết về sự bất tử của linh hồn không phải là mới đối với người Hy Lạp vào thời Socrates, nhưng cũng giống như học thuyết về sự duy nhất của Thượng Đế, nó có nền tảng trong niềm tin dân gian. Khái niệm cổ xưa của Homer về một con ma trơi bay sà xuống âm phủ; hay về một số anh hùng lừng lẫy được hưởng đời sống trên các hòn đảo hạnh phúc; hay về một sự hiện hữu được chia giữa hai hạng người; hay về các thần chính trực của Hesiod, trở thành các thiên thần hộ mệnh, đã tạo cơ sở cho các tôn giáo bí nhiệm và các thi sĩ có điều kiện mô tả với đầy chất tưởng tượng về tình trạng tương lai của linh hồn được nhận phần thưởng hay chịu hình phạt. Việc người Hy Lạp làm thinh vào các dịp lễ công cộng hay ở một số tác phẩm văn học của họ trong lĩnh vực tôn giáo "ngầm", không thể được coi như là một biện pháp để phổ biến các niềm tin như thế. Nếu Pericles trong bài điếu văn của ông đã không nói gì đến các niềm an ủi của sự bất tử, thì ngược lại, nhà thơ Pindar và các nhà bi kịch luôn luôn giả định sự tiếp tục tồn tại của người chết trong một thế giới trên cao hay dưới âm phủ. Darius và Laius vẫn sống; Antigone sau khi chết sẽ còn được các anh em nàng thương yêu; con đường đi tới cung điện của Cronos được tìm thấy bởi những người "đã ba lần rời khỏi sự ác". Bi kịch

của những người Hy Lạp không kết thúc ở đời này, nhưng được đặt sâu trong các sắc chỉ của định mệnh và các hoạt động huyền bí của các sức mạnh dưới âm phủ. Trong vở kịch biếm hài của Aristophanes cũng có bằng chứng về tình cảm phổ biến này. Các triết học của vùng Ionia và Pythagoras đã ra đời và thêm vào một số yếu tố cho niềm tin dân gian. Cá nhân cũng như thế giới phải tìm được một cách diễn tả. Linh hồn được nghĩ là tồn tại dưới dạng một đá nam châm hay một phân tử của lửa, hay ánh sáng, khí, hay nước; hay một con số hay sự hòa hợp các con số; hay là một nguyên lý chuyển động, như các vì sao. Cuối cùng, Anaxagoras tuy không phân biệt giữa sự sống và tinh thần, hay giữa tinh thần con người và tinh thần thần linh, nhưng ông đã đạt tới sự trừu tượng tinh tuyền; và giống như các sự trừu tượng khác trong triết học Hy Lạp, nó đi sâu vào trí khôn của loài người. Sự đối chọi giữa cái khả tri và cái khả giác, cũng như giữa Thượng Đế và thế giới, cung cấp một hình ảnh loại suy để nói về sự phân cách giữa linh hồn và thân xác. Nếu các ý niệm được phân biệt với hiện tượng, thì tinh thần cũng phân biệt với vật chất; nếu các ý niệm là vĩnh cửu, thì tinh thần cũng là vĩnh cửu bởi vì nó tạo ra các ý niệm. Khi sự duy nhất của Thượng Đế được người ta nhìn nhận rõ ràng hơn, thì khái niệm về linh hồn con người đã được phát triển nhiều hơn. Ý tưởng về sự tiếp nối hay đắp đổi luân phiên giữa sống và chết đã xuất hiện trong tâm trí Heraclitus. Parmeni-des người vùng Elea đã nắm bắt được luận đề hiện đại, rằng "tư tưởng và hữu thể là một". Niềm tin của phương Đông về kiếp luân hồi xác định ý nghĩa của tính cá thể; và một số người, như Empedocles, từng nghĩ rằng máu mà họ đã đổ ra trong một kiếp hiện hữu khác thì đang kêu gào chống lại họ và trong ba mươi ngàn năm họ sẽ phải chịu cảnh "những kẻ chạy trốn và lang thang trên mặt đất". Niềm ao ước nhận ra một người yêu hay người bạn đã mất ở thế giới âm phủ là một tình cảm tự nhiên mà vào thời ấy cũng như mọi thời, đã tạo ra niềm hi vọng nóng bỏng về sự bất tử của linh hồn. Cũng không thiếu các suy tư đạo đức, một phần do nhu cầu trừng phạt những kẻ trọng tội,

mà các biện pháp trừng phạt ở thế giới này không thể chạm đến được. Tiếng lương tâm cũng được nghe thấy, nhắc nhở người tốt rằng họ không hoàn toàn vô tội. Các niềm khát vọng và các nỗi sợ này cũng đã được diễn tả bởi các tôn giáo bí nhiệm và các thi sĩ Orpheus: một "đống sách", được coi là của Musaeus và Orpheus vào thời Plato, chứa đầy những khái niệm về một thế giới âm phủ.

7. Nhưng có lẽ niềm tin vào tính cá thể của linh hồn sau khi chết chỉ xuất hiện lờ mờ trong đầu óc người Hi Lạp. Giống như tính cá thể của Thượng Đế, tính cá thể của con người trong một trạng thái tương lai không gắn liền một cách mật thiết với thực tại hiện hữu của họ. Vì sự phân biệt giữa bản ngã và vô ngã, cũng như giữa thần linh và phàm nhân, không rõ rệt nơi người Hi Lạp bằng nơi chúng ta bây giờ. Và vì Plato dễ dàng suy luận từ khái niệm sự thiện sang khái niệm Thượng Đế, ông cũng gần như không cảm thấy áy náy gì khi nhảy từ tình trạng đời sống tương lai của linh hồn cá nhân sang sự hiện hữu vĩnh cửu của linh hồn tuyệt đối. Ngày nay chúng ta có những phát biểu và những phủ nhận rõ nét hơn về niềm tin này hơn là vào thời triết học Hi Lạp; và vì thế chúng ta thường thấy các tác giả xưa và đặc biệt Aristotle tương đối giữ im lặng về vấn đề này. Bởi vì những khác biệt giữa Plato và Aristotle trong học thuyết về sự bất tử của linh hồn cũng không nhiều hơn những khác biệt giữa hai ông trong học thuyết về tri thức.

8. Vào một thời mà lôgic học đang bắt đầu hình thành tư tưởng loài người, việc Plato đặt niềm tin về sự bất tử vào trong khuôn khổ của lôgic là điều không làm chúng ta phải ngạc nhiên. Và khi chúng ta xét rằng phần lớn học thuyết các ý niệm cũng là một học thuyết về ngôn từ, chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi ông rơi vào các nguỵ luận về từ ngữ: khoa lô-gích học thời đầu thường lẫn lộn sự thật của hình thức với sự thật của chất liệu. Dễ thấy rằng sự đắp đổi luân phiên của các cái đối nghịch không phải là sự cái này sinh ra cái kia; và sự cái này sinh ra cái kia, như trong lý luận đầu tiên của quyển Phaedo, thì không phải là cái này loại trừ cái kia, dù là nơi bản thân chúng hay nơi chúng ta và không phải là cái cuối

cùng. Vì cho dù chúng ta chấp nhận sự phân biệt của ông giữa các cái đối nghịch và các sự vật chứa những cái đối nghịch, thì các cá thể vẫn nằm trong loại thứ hai này; và chúng ta phải đi ra khỏi vùng đất của các niềm hi vọng và nỗi sợ để đến với một khái niệm về một linh hồn trừu tượng, tức là các ý niệm vô ngã. Một khái niệm như thế, vốn chỉ được Plato diễn tả một nửa, không có nghĩa gì đối với chúng ta và chỉ có nghĩa tương đối cho một giai đoạn nhất định của lịch sử tư tưởng. Học thuyết về sự nhớ lại cũng là một mảng của một thế giới tiền hữu và không có chỗ đứng trong triết học hiện đại. Nhưng Plato có được những điều kỳ diệu của khoa tâm lý vừa mới phôi thai và ông không có được sự phân tích về ngôn ngữ cũng như lịch sử tư tưởng nhân loại như chúng ta có hôm nay. Câu hỏi "Các ý niệm trừu tượng của chúng ta đến từ đâu?", ông chỉ có thể trả lời bằng một giả thiết tưởng tượng mà thôi. Cũng không khó để thấy rằng lý luận tột đỉnh của ông chỉ là ngôn từ và chỉ là biểu hiện trong một sự tin tưởng của bản năng được khoác vào một hình thức lô-gích: "Linh hồn là bất tử bởi vì nó chứa một nguyên lý của sự bất hủy hoại". Có vẻ như bản thân ông cũng hoàn toàn không ý thức rằng ông không thêm được gì cho tri thức của loài người bằng "câu trả lời đơn giản và an toàn của ông", rằng vẻ đẹp là nguyên nhân của cái đẹp; và ông chỉ đơn thuần xác nhận lại hữu thể của phái Elea "được chia cắt bởi các con số Pythagoras", chống lại học thuyết của Heraclitus về sự sinh ra vĩnh cửu. Câu trả lời cho câu hỏi "rất nghiêm trọng" về sự sinh và diệt thực ra là phủ nhận chúng. Thay cho điều này, giống như trong Nền Cộng Hoà, ông nhìn nhận một hệ thống các ý niệm được kiểm chứng không phải bằng kinh nghiệm nhưng bằng các hậu quả của chúng và không được cắt nghĩa bằng các nguyên nhân thực sự, nhưng bằng một khái niệm cao hơn, nghĩa là tổng quát hơn: chỉ cần chúng nhất quán là đủ.

9. Để trình bày thỏa đáng các lý luận này, không những chúng ta phải tách chúng ra khỏi thời đại của chúng, mà còn phải chuyển dịch chúng thành những hình thức tương đương của thời nay. "Nếu các ý niệm của con người là vĩnh cửu, thì linh hồn con người là

vĩnh cửu và nếu chúng không phải vĩnh cửu, thì linh hồn cũng không". Một lý luận như thế đối với Plato và thời đại ông thì cũng tương tự với lý luận của thời nay từ sự hiện hữu của Thượng đế dẫn tới sự bất tử. "Nếu Thượng đế hiện hữu, thì linh hồn tồn tại sau khi chết; nếu Thượng đế không hiện hữu, thì không có sự tồn tại của linh hồn sau khi chết". Vì trong tâm trí của ông, các ý niệm là thực tại, sự thật, nguyên lý thường hằng, cũng như nguyên lý của tinh thần và trật tự trong thế giới. Khi Simmias và Cebes nói họ tin chắc sự hiện hữu của các ý niệm hơn là tin vào sự bất tử của linh hồn, họ biểu thị khá trung thực trật tự tư tưởng trong triết học Hi Lạp. Và chúng ta cũng có thể nói cùng một kiểu như thế, rằng chúng ta chắc chắn về sự hiện hữu của Thượng đế hơn là về sự bất tử của linh hồn và chúng ta được dẫn đến niềm tin về sự bất tử của linh hồn nhờ niềm tin vào sự hiện hữu của Thượng đế. Theo cách nói của Socrates, sự tương ứng này không hoàn hảo, nhưng nó hòa hợp với nhau vì tinh thần trong cả hai trường hợp đều lệ thuộc vào một cái gì ở trên và vượt trên chính nó. Chúng ta cũng không cần phải đẩy sự loại suy này đi xa hơn: "Chúng ta chắc chắn về các ý niệm của chúng ta về sự thật, đúng hơn là chúng ta chắc chắn về sự hiện hữu của Thượng đế và trong trật tự tư tưởng, chúng ta được dẫn từ cái kia đến cái này".

10. Lý luận chính của Đối thoại Phaedo được rút ra từ sự tồn tại của các ý niệm vĩnh cửu mà linh hồn có phần trong đó; lý luận kia về sự đắp đổi các mặt đối nghịch được thay thế bởi điều này. Và đã không thiếu các nhà triết học thuộc trường phái duy tâm từng nghĩ rằng học thuyết về sự bất tử của linh hồn chỉ là một lý thuyết về tri thức mà thôi và trong tất cả những điều dẫn trước, Plato đang chuẩn bị cho lý thuyết này. Quan điểm như thế hoàn toàn không dựa trên những gì mà quyển Phaedo cho thấy, và có vẻ không nhất quán với các quyển Gorgias và Nền Cộng hòa. Những người chủ trương như thế ngay lập tức buộc phải từ bỏ cái bóng mà họ đã bắt lấy, như chỉ là một trò chơi chữ mà thôi. Nhưng sự thật là, trong lý luận về sự bất tử của linh hồn, Plato đã thu thập nhiều yếu tố chứng minh hay thuyết phục, thuộc

lĩnh vực đạo đức cũng như thần thoại và biện chứng, các yếu tố này không thể dễ dàng hòa hợp với nhau; và ông cũng lý luận nghiêm túc về thuyết thưởng phạt của ông, được lặp lại trong các tác phẩm có tính chất đạo đức hơn, không kém gì sự nghiêm túc của ông về lý thuyết tri thức của ông. Và trong khi chúng ta có thể chuyển dịch khá dễ dàng yếu tố biện chứng của ông sang ngôn ngữ của Hegel và yếu tố tôn giáo cũng như thần thoại sang ngôn ngữ của Dante hay Bunyan, yếu tố đạo đức vẫn nói với chúng ta bằng cùng một giọng nói, xuyên qua mọi thời đại.

11. Hai lý luận thuộc loại này diễn ra trong Phaedo. Lý luận thứ nhất có thể được mô tả như là khát vọng của linh hồn về một loại hiện hữu khác. Giống như nhà tu đức phương Đông hay Kitô giáo, nhà triết học tìm cách rút lui khỏi những sự ô uế của giác quan, xa tránh thế gian và tìm về bản ngã cao hơn của mình. Plato coi những khát vọng này như là việc cảm nếm trước sự bất tử sau này; như Butler và Addison thời đại mới đã lý luận, một bên đi từ những khuynh hướng đạo đức của nhân loại, bên kia đi từ bước tiến của linh hồn lên tới sự hoàn thiện. Khi sử dụng loại lý luận này, chắc chắn Plato đã lẫn lộn cho rằng linh hồn đã thoát khỏi thân xác với linh hồn của người tốt và khôn ngoan. Sự lẫn lộn như thế là điều tự nhiên và một phần phát sinh từ phản đề giữa linh hồn và thân xác. Linh hồn trong yếu tính của nó và linh hồn "được mặc" các nhân đức và ân sủng, thường dễ lẫn lộn với nhau, vì đối với một vấn đề vượt quá khả năng diễn đạt, sự phân biệt về ngôn ngữ khó có thể duy trì được.

12. Chứng minh đạo đức khác về sự bất tử của linh hồn được rút ra từ nhu cầu của sự thưởng phạt. Kẻ ác sẽ khỏe biết bao nếu các hành vi ác đức của họ không bị trừng phạt. Không cần giả thiết rằng các tên ác ôn như Ardiaeus, Archelaus, hay Ismenias có bị trừng phạt vì tội ác của chúng ở trần gian này hay không. Plato trình bày cách thức mà sự thưởng phạt này được thực hiện bằng một hình ảnh của thần thoại. Hiển nhiên ông cảm thấy việc cải tiến thì dễ nơn là sáng chế và đặc biệt trong tôn giáo, hình thức truyền thống được sử dụng để tạo cho

huyền thoại có vẻ giống như thật. Huyền thoại vào thời đó cũng dễ được người ta tin hơn là vào thời chúng ta; và có thể được coi như là "một sự suy đoán giữa nhiều sự suy đoán" về bản chất của trái đất, được ông khôn khéo hỗ trợ bằng những dẫn chứng địa chất học. Ông không có ý đòi người ta tin vào sự thật tuyệt đối trong các khái niệm đặc thù của ông: "Không một người có hiểu biết nào sẽ tin vào điều đó; nhưng họ sẽ tin rằng một cái gì đó tương tự như thế là có thật". Như trong các đoạn khác, ông chinh phục niềm tin vào các khái niệm tưởng tượng của ông bằng sự ôn hòa trong các phát biểu của ông; giống như Dante hay Swedenborg, ông không để mình bị đánh lừa bởi các sáng tạo của mình.

Bài Đối thoại này phải được đọc trong bối cảnh này. Và trước hết chúng ta có ấn tượng mạnh về sự yên tĩnh của khung cảnh. Giống như những người chứng kiến trực tiếp vào lúc ấy, chúng ta không thể thương hại Socrates. Ông vẫn là con người giống như trước kia, nhưng hiền lành và dịu dàng hơn, và ông không đánh mất sự thích thú đối với lý luận biện chứng; lý luận là điều lợi lớn nhất cho ông và ông sẽ không từ bỏ sự thích thú này để chiều theo ý của người cai tù không muốn ông trở nên sôi nổi vì nói nhiều. Một vài nét khác của tính cách ông được ghi nhận; ví dụ, cử chỉ nghiêng đầu một cách lịch sự trước người nêu vấn nạn cuối cùng, hay giọng điệu hài hước, "như nhà thơ bi ca thích nói, tiếng nói của định mệnh đã gọi tôi rồi"; hay việc ông ám chỉ tới khả năng tìm ra một thầy dạy khác giữa những giống người man di; hay ám chỉ bí ẩn về một khoa học khác (toán học?) về sự sinh và diệt mà ông chỉ có một cảm giác mơ hồ. Không có thay đổi gì nơi con người ông; chỉ có điều là bây giờ ông mang một thứ tính cách linh thiêng, như vị tiên tri hay tư tế của thần Apollo, thần của các lễ hội, là vị thần mà ông đã viết trước tiên một bài thánh thi chúc tụng và rồi giống như con thiên nga, hát lên bài hát của ông trước khi chết. Có lẽ sự siêu việt của Socrates trên tình cảnh của ông và các mối quan tâm bình thường của ông về cuộc sống tạo ra trong tâm trí người đọc một ấn tượng mạnh hơn là mọi lý luận, mà theo ông, lý luận thường có "một nguyên tắc là không chấp nhận cái chết".

Các nhân vật khác của Đối thoại này có thể được xét đến dưới hai đề mục: (1) các bạn thân; (2) các người đối đáp trong cuộc tranh luận.

Trước hết chúng ta có Crito, người đã được giới thiệu cho chúng

ta rồi; ông cùng trạc tuổi với Socrates và có quan hệ rất mật thiết với Socrates. Ông là một người sống ngoài đời rất giàu có, là bạn thân nhất của Socrates, được biết những lời trăn trối cuối cùng của bạn mình, là người nói chuyện với gia đình ông và thực thi bổn phận cuối cùng là vuốt mắt ông. Cũng dễ nhận ra rằng Crito tỏ ra không có khiếu tranh luận triết học. Giữa các bạn bè của Socrates, cũng không thể quên người cai tù, là nhân vật được Plato đưa vào câu truyện để cho thấy con người phi thường đã tạo ấn tượng như thế nào trên con người bình thường. Bản chất dịu dàng của người cai tù được diễn tả bằng việc anh này khóc khi nghe loan báo ông sắp ra đi và sau đó anh ta đã quay mặt đi và cũng được bộc lộ qua những lời Socrates nói về anh với các học trò: "Một con người dễ mến biết bao! Từ ngày tôi ngồi tù, anh luôn luôn đến với tôi và hết lòng đối xử tốt với tôi". Chúng ta cũng được nghe kể lại rằng anh giữ được bản chất dịu hiền này cả giữa những cảnh chết chóc và bạo lực, nhờ được chứng kiến sự tương phản giữa thái độ của Socrates và của những tù nhân khác khi họ sắp phải chết.

Một nhân vật khác không tham dự cuộc tranh luận triết học là anh chàng dễ kích động Apollodorus, được gọi là "anh chàng điên", và cũng là người chứng kiến cảnh đau lòng của Socrates với những cảm xúc dữ dội nhất. Phaedo cũng có mặt ở đó, anh được gọi là "người học trò yêu quý", anh ngồi sát cạnh thầy và được thầy vuốt tóc âu yếm. Vào một điểm nhất định, cuộc tranh luận được mô tả là sụp đổ trước đợt công kích của Simmias. Một cảm giác tuyệt vọng nào đó len lỏi vào đầu óc những người hiện diện. Hiệu quả của nó được tăng lên qua mô tả của Phaedo, người được tận mắt chứng kiến cảnh này và qua những người bạn Phlius của anh, họ đang bắt đầu nghĩ rằng "cả họ nữa, họ sẽ không bao giờ có thể tin tưởng một lý luận nào". Giống như Apollodorus, Phaedo không tham gia vào cuộc tranh luận. Nhưng thái độ bình thản của anh, "che giấu khuôn mặt anh" khi anh không còn cầm được nước mắt, tương phản với những tiếng khóc than não nề của người kia.

Hai nhân vật đối thoại chính là Simmias và Cebes, là hai học trò của Philolaus, triết gia người Thebes thuộc trường phái Pythagoras. Simmias được mô tả trong Phaedrus như là mê tranh luận hơn bất cứ ai; và Cebes, người được tả là kẻ hoài nghi hơn bất cứ người nào, tuy rằng cuối cùng anh cũng được Socrates thuyết phục. Chính Cebes là người ở đầu quyển Đối Thoại đã nêu câu hỏi tại sao "tự sát là bất hợp pháp", và là người đầu tiên cung cấp học thuyết về sự nhớ lại như để xác nhận lý luận về sự hiện hữu của linh hồn ở một

kiếp trước. Chính Cebes nhấn mạnh rằng sự hiện hữu của linh hồn ở kiếp trước không tất yếu bao hàm sự hiện hữu ở kiếp sau và đưa ra lý luận về người thợ dệt với cái áo của người ấy. Ngược lại, Simmias là người đưa ra khái niệm rằng linh hồn là một giai điệu, đúng là nét đặc trưng của một học trò Pythagoras. Cũng chính Simmias là người đầu tiên đưa ra nhận xét về sự không chắc chắn của tri thức con người và chỉ đến cuối anh mới chịu nhìn nhận rằng nguyên nhân của sự không chắc chắn ấy là ở phạm vi to lớn của đề tài và sự yếu đuối của các khả năng con người.

Không có gì chứng minh rằng cuộc đối thoại này đã thực sự diễn ra và nơi diễn ra cuộc đối thoại này cũng đáng nghi ngờ. Học thuyết về các ý niệm chắc chắn đã được đưa đẩy đi quá quan điểm của Socrates; không có một tác phẩm nào khác của Plato mà lý thuyết này được triển khai đầy đủ như ở đây. Niềm tin về sự bất tử có phải là của Socrates hay không thì không chắc chắn; nó không được nhắc đến trong Memorabilia và trong các Đối thoại trước của Plato, đây là một cơ sở để nói rằng nó không phải là một học thuyết của Socrates. Nhưng trong Cyropaedia, Xenophon đã đặt những lời lẽ giống như thế vào miệng của Cyrus lúc ông này đang hấp hối và nó gợi nhớ lại những gì được nói trong Phaedo, nên có thể nó cũng đã bắt nguồn từ những lời giảng dạy của Socrates.

Như chúng ta đã lưu ý, Phaedo không nằm trong số các Đối thoại của Plato được viết vào thời Socrates; và mặt khác, cũng không thể kể nó vào số các tác phẩm thời sau của Plato, khi mà có vẻ như các ý niệm đã bị lãng quên. Tuy không thể xác định chính xác thời gian soạn tác, chúng ta có thể tạm xếp theo thứ tự các quyển Meno, Euthyphro, Biện Hộ, Phaedo, Symposium (hay Bữa tiệc) theo thứ tự này như là mô tả cuộc đời Socrates. Có thể theo một thứ tự khác là các sách Meno, Phaedo, Phaedrus, trong các sách này học thuyết về sự bất tử của linh hồn được nối kết với lý thuyết về các ý niệm. Trong quyển Meno, lý thuyết về các ý niệm được dựa trên niềm tin cổ xưa về luân hồi và chủ đề này lại xuất hiện trở lại trong quyển Phaedrus cũng như Nền Cộng hòa và Timaeus, trong tất cả các tác phẩm này nó được liên kết với học thuyết về thưởng phạt. Trong Phaedrus, sự bất tử của linh hồn được cho là dựa trên khái niệm về linh hồn như là một nguyên lý của chuyển động, còn trong Nền Cộng Hoà, lý luận dựa trên sự tiếp tục tồn tại một cách tự nhiên của linh hồn, mà nếu không bị hủy diệt bởi chính sự xấu nó làm ra, thì không thể bị tiêu diệt bởi bất cứ cái gì khác. Linh hồn con người trong

quyển Timaeus được tạo ra bởi Tạo Hoá Chí Tôn và sau khi chết nó sẽ trở về với ngôi sao gần với nó, hay đi xuống đời sống thấp hơn của một động vật. Quyển Biện Hộ cũng diễn tả cùng một quan điểm giống như quyển Phaedo, nhưng ít tự tin hơn; không loại trừ khả năng coi cái chết như là một giấc ngủ dài. Quyển Theaetetus cũng mô tả ước muốn của linh hồn bay lên và ở với Thượng Đế "và bay lên tới Người là trở nên giống Người". Sau cùng, quyển Bữa tiệc (*Symposium*) có thể được coi như vừa giống vừa khác với Phaedo. Trong khi khái niệm đầu tiên về bất tử chỉ là theo kiểu sinh ra tự nhiên hay danh tiếng và vinh quang sau khi chết, thì sự chiêm ngắm cao hơn về cái đẹp, giống như sự thiện trong Nền Cộng hòa, là sự chiêm ngắm ý niệm vĩnh cửu. Niềm tin vào sự bất tử ăn rễ rất sâu trong tư tưởng Plato; ông sử dụng rất nhiều hình thức diễn tả khác nhau để nói về chủ đề này.

Một số yếu tố của tấn bi kịch được nhận ra trong mọi Đối thoại của Plato. Phaedro là bi kịch trong đó Socrates là nhân vật chính còn Simmias và Cebes là những diễn viên phụ. Không một Đối thoại nào có sự duy nhất về chủ đề và tình cảm giống như Đối thoại này. Plato chắc chắn đã thể hiện trọn vẹn điều kiện của nghệ thuật Hy Lạp, hay đúng hơn, của mọi nghệ thuật, nghĩa là các cảnh chết và đau khổ phải được vẽ lên trong vẻ đẹp cao cả. Cuộc tụ tập các bạn bè ở đầu Đối thoại, sự thất vọng của cử toạ vào lúc tạm đánh đổ lý luận, hình ảnh Socrates vuốt tóc Phaedo, cảnh cuối cùng với hình ảnh Socrates giữ được diệu bộ điềm nhiên của ông - tất cả đều là những kiệt tác nghệ thuật. Câu hợp xướng ở cuối Đối thoại có thể đã diễn tả tình cảm của vở kịch: "Không một điều xấu nào có thể xảy đến cho người tốt dù là lúc sống hay khi chết".

PHEADO

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Phaedo, (PH) *Người kể*
- Echecrates (EC) *người xứ Phlius*
- Socrates
- Cai tù
- Apollodorus
- Simmias
- Cebes
- Crito

Cảnh: Nhà tù của Socrates

Nơi kể truyện: Xứ Phlius

EC: Anh Phaedo, anh có mặt tại nhà tù với Socrates khi ông ấy uống thuốc độc chứ?

PH: Có, tôi có ở đó, anh Echecrates.

EC: Tôi rất muốn nghe anh kể lại về cái chết của ông Socrates. Ông ấy đã nói gì vào những giờ cuối đời? Chúng tôi chỉ được biết ông chết vì phải uống thuốc độc, nhưng không ai biết được điều gì hơn; vì không có ai ở Phlius này đến Athens và từ lâu cũng chẳng có ai từ Athens đến Phlius, nên chúng tôi không được nghe biết điều gì rõ ràng.

PH: Các anh có nghe nói về phiên tòa xử án ông ấy không?

EC: Có, có người kể cho chúng tôi nghe về phiên tòa và chúng tôi không thể hiểu tại sao sau khi bị kết án tử hình ông không bị hành hình ngay, mà phải đợi một thời gian lâu sau đó. Có lý do gì không?

PH: Chuyện tình cờ thôi, Echecrates. Lý do là chiếc tàu mà người Athens gửi đến Delos tình cờ được làm phép ngay trước ngày ông bị xử.

EC: Chiếc tàu nào?

PH: Đó là con tàu mà theo người Athens kể lại, Theseus đã dùng để đến Crete khi ông mang theo mình mười bốn thanh niên và đã cứu được

số thanh niên này cũng như chính ông. Bấy giờ họ đã thề với thần Apollo rằng nếu họ được cứu, họ sẽ hành hương hằng năm tới Delos. Bây giờ thói quen này vẫn còn được giữ và suốt thời gian hành trình của con tàu từ Delos đi và trở về Delos, bắt đầu từ lúc vị tư tế của thần Apollo đội vương miện cho phía đuôi tàu, được gọi là mùa thánh, trong mùa này không được phép làm ô uế thành phố bởi các cuộc hành hình công khai; và mỗi khi con tàu gặp sóng to gió lớn, nó thường phải hoãn thời gian khởi hành rất lâu. Như tôi vừa nói, con tàu đã được làm phép ngay trước ngày xét xử Socrates và đó là lý do ông phải giam lại trong tù rất lâu trước khi bị hành hình.

EC: Ông chết như thế nào, anh Phaedo? Ông đã nói hay làm những gì? Và có các bạn nào ở với ông ấy? Hay chính quyền không cho phép họ đến với ông? Và ông có chết đơn độc không?

PH: Không; có một ít bạn ở với ông.

EC: Nếu anh không bận, tôi rất muốn nghe anh kể lại mọi sự việc đã xảy ra một cách chính xác nếu có thể.

PH: Tôi không bận gì cả và tôi sẽ cố gắng chiều ý anh. Riêng đối với tôi, được hồi tưởng lại những chuyện về Socrates thì không gì vui sướng bằng; dù là chính tôi kể ra hay được nghe người khác kể về ông ấy.

EC: Những người ở đây cũng có cùng một tâm trạng giống như anh, họ rất muốn nghe anh kể lại và tôi hi vọng anh sẽ kể thật chính xác mọi chuyện.

PH: Tôi còn nhớ cái cảm giác kỳ lạ tôi có khi được ở với ông ấy. Vì tôi khó có thể tin được rằng mình đã có mặt vào giờ chết của một người bạn và vì thế tôi không tội nghiệp ông ấy đâu, anh Echecrates; nét mặt và lời nói của ông quá cao cả và không biết sợ hãi trong giờ chết, khiến tôi cảm thấy ông là người thật hạnh phúc. Tôi nghĩ rằng ông đi sang thế giới bên kia hẳn là do tiếng gọi của thần linh và ông sẽ rất hạnh phúc khi đến đó; vì vậy tôi không cảm thấy tội nghiệp cho ông như chúng ta thường thấy vào một giờ phút như thế. Nhưng tôi cũng không cảm thấy niềm hứng thú mà tôi vốn cảm thấy khi trò truyện về triết học (vì triết học là đề tài chúng tôi bàn đến lúc ấy). Tôi vừa vui vừa đau đớn vì tôi biết rằng ông sắp chết

và mọi người chúng tôi có mặt lúc ấy đều cảm nhận được sự pha trộn kỳ lạ giữa hai thứ tình cảm này; chúng tôi lúc khóc lúc cười, đặc biệt anh bạn Apollodorus - các anh cũng biết tính cách của con người này chứ?

EC: Vâng.

PH: Anh ta hầu như không kiềm chế được; và bản thân tôi cũng như mọi người khác đều hết sức xúc động.

EC: Có mặt những ai?

PH: Về những người chính gốc Athens, ngoài Apollodorus ra còn có Critobulus và ông Crito, cha của anh ta, Hermogenes, Epigenes, Aeschines và Antisthenes; cũng có Ctesippus thuộc bộ tộc Paeania, Menexenus và một số người khác; nhưng nếu tôi không lầm thì Plato không có mặt vì anh ấy bị đau.

EC: Có người lạ nào không?

PH: Có; đó là Simmias người xứ Thebes, Cebes và Phaedondes; Euclid và Terpsion, đến từ Megara.

EC: Aristippus và Cleombrotus có mặt ở đó không?

PH: Không; nghe nói lúc ấy họ đang ở Aegina.

EC: Còn ai khác không?

PH: Tôi nghĩ là chỉ có bấy nhiêu.

EC: Vậy các anh nói về những chuyện gì?

PH: Tôi sẽ kể từ đầu và cố gắng thuật lại toàn bộ cuộc nói chuyện. Các anh phải hiểu rằng trước đó chúng tôi có thói quen tụ tập từ sáng sớm tại tòa án nơi xét xử ông, cách xa nhà tù không bao nhiêu. Ở đó chúng tôi nói chuyện với nhau chờ tới giờ mở cửa nhà tù (vì cửa không mở quá sớm), rồi sau đó vào nhà tù và thường ở lại với Socrates suốt cả ngày. Vào buổi sáng cuối cùng, chúng tôi gặp nhau sớm hơn mọi khi; lý do là vì tối hôm trước chúng tôi đã nghe tin con tàu thánh đã từ Delos đến rồi và vì thế chúng tôi quyết định gặp nhau thật sớm tại nơi quen thuộc. Khi chúng tôi đến nhà tù, anh cai tù thay vì mở cửa cho chúng tôi vào, đã đi ra và bảo chúng tôi chờ tới lúc anh ta gọi., "Vì nhóm mười một người đã đến và đang nói chuyện với Socrates", anh nói; "họ đang cởi xích cho Socrates và ra lệnh rằng hôm nay ông ấy sẽ chết". Anh quay trở lại và nói chúng tôi có thể vào. Vừa vào trong, chúng tôi thấy Socrates vừa được cởi xích và bà Xanthippe đang ngồi cạnh ông, tay bồng con của bà. Khi trông thấy chúng

tôi, bà bật khóc và nói theo kiểu của các phụ nữ: "Ông Socrates, đây là lần cuối ông sẽ nói chuyện với họ, hay họ nói chuyện với ông". Socrates quay sang Crito và bảo: "Ông Crito, cho người đưa bà ấy về nhà". Thế là có người đưa bà đi, vừa đấm ngực vừa khóc lóc. Và khi bà đi rồi, Socrates ngồi trên chiếc ghế dài và bắt đầu bẻ và xoa chân, nói: Cái gọi là khoái lạc thì độc đáo biết bao và nó liên hệ kỳ lạ với đau khổ biết bao, vốn là cái được coi là đối nghịch với nó; vì chúng không bao giờ đến với một người cùng một lúc, nhưng ai theo đuổi một trong hai thứ này thường buộc phải chọn thứ kia. Chúng là hai, nhưng chúng cùng nhau lớn lên từ cùng một đầu hay một thân; và tôi không thể không nghĩ rằng nếu Aesop nhận ra chúng, hẳn ông đã viết ra một truyện ngụ ngôn về việc Thượng đế tìm cách giảng hòa cuộc cãi vã giữa chúng và khi không thể giảng hòa, Người cột hai đầu chúng lại với nhau; và đây là lý do tại sao khi một cái đến thì cái kia cũng đến theo, như tôi thấy trong trường hợp của mình, khoái lạc đến theo sau cái đau ở chân do bị xiềng xích.

Nghe vậy, Cebes nói: Ông Socrates, tôi rất vui vì ông nhắc tới tên ông Aesop. Vì tên ông ấy làm tôi nhớ đến một câu hỏi đã được nhiều người hỏi và nhà thơ Evenus mới hôm kia đã hỏi tôi câu ấy và vì tôi chắc anh ta sẽ còn hỏi lại tôi nữa, nên mong ông nói cho tôi biết tôi sẽ phải trả lời anh ấy thế nào. Anh ấy muốn biết tại sao trước đây ông chưa từng viết một câu thơ nào, vậy mà bây giờ ngồi trong tù, ông lại lấy Aesop ra làm thơ và lại còn soạn một bài ca tôn kính thần Apollo nữa.

Anh Cebes, ông trả lời, hãy nói với anh ta rằng tôi không hề có ý ganh đua với ông ấy hay thơ của ông ấy; tôi nói thật đấy, vì tôi biết mình không thể làm việc ấy. Nhưng tôi muốn xem liệu tôi có thể xoá bỏ được một mối bận tâm tôi cảm thấy về một số giấc mộng không. Trong đời tôi, tôi từng có những giấc mộng bảo tôi rằng tôi phải làm nhạc. Cùng giấc mộng như thế đến với tôi khi thì dưới hình thức này, khi thì dưới hình thức khác, nhưng luôn luôn nói đại khái cùng những lời này: hãy làm nhạc và phát triển nó. Và kể từ đó tôi luôn nghĩ rằng ý của giấc mộng chỉ là muốn khích lệ để tôi học hỏi triết học, vốn đã là mục tiêu theo đuổi của đời tôi và là thứ âm nhạc đẹp nhất và tốt nhất. Giấc mộng bảo tôi làm điều tôi đã đang làm rồi, giống như người vận động viên chạy đua được khán giả

cổ vũ khi anh ta đang chạy. Nhưng tôi không chắc lắm về điều này, vì giấc mộng có thể nói đến thứ âm nhạc mà người ta vẫn thường hiểu và vì tôi đã bị án tử hình nhưng thời kỳ lễ hội tạo cơ hội cho tôi một chút ngơi nghỉ, nên tôi nghĩ tôi sẽ an tâm hơn nếu tôi thỏa mãn mối lo lắng ấy và vâng lời trong giấc mộng để làm một vài câu thơ trước khi từ giã cõi đời này. Trước tiên tôi làm một bài thánh thi chúc tụng vị thần của lễ hội, sau đó vì nghĩ rằng một thi sĩ muốn thật sự là thi sĩ sáng tạo, thì không chỉ xếp đặt các từ lại với nhau, mà còn phải tạo ra các câu truyện và vì tôi không có óc sáng tạo, nên tôi đã lấy một vài truyện ngụ ngôn của Aesop mà tôi có sẵn trong tay, thuộc và đổi chúng thành thơ. Anh hãy nói cho Evenus như thế và bảo anh ta hãy vui vẻ; hãy nói rằng tôi muốn anh ta đi theo tôi nếu anh ta muốn là người khôn ngoan, chứ đừng chần chờ gì nữa. Và nói với anh ta rằng chắc là tôi sẽ đi hôm nay, vì người Athens nói tôi phải đi.

Simmias nói: Một thông điệp kỳ lạ cho một con người như thế! Tôi từng là bạn lâu năm với anh ta, tôi biết chắc anh ta sẽ không chịu nghe lời khuyên ấy, trừ khi bị bó buộc.

Sao, Socrates nói. Evenus không phải một triết gia sao?

Tôi nghĩ anh ấy là một triết gia, Simmias nói.

Vậy thì anh ta, hay bất cứ ai có tinh thần triết học đều phải muốn chết, mặc dù họ sẽ không tự lấy mất mạng sống của chính mình, vì đó là hành vi không đúng.

Ở đây ông thay đổi thế ngồi, thõng chân xuống đất và cứ ngồi ở tư thế ấy cho tới hết cuộc trò chuyện.

Cebes hỏi: Tại sao ông nói rằng một người không được lấy mạng sống của chính mình, nhưng triết gia thì phải sẵn sàng đi theo người chết?

Socrates trả lời: Hai anh Cebes và Simmias, hai anh từng quen biết ông Philolaus, hai anh chưa bao giờ nghe ông ấy nói về điều này ư?

Tôi không hiểu ý ông, Socrates.

Các lời của tôi cũng chỉ là một tiếng vang: nhưng tôi rất muốn nói lại điều tôi đã được nghe: và quả thật, vì tôi sắp đi đến một nơi khác, tôi phải nghĩ và nói về cuộc hành trình mà tôi sắp làm. Tôi có thể làm gì tốt hơn trong khoảng thời gian này cho tới lúc chiều tà?

Vậy ông Socrates, ông hãy nói cho tôi biết tại sao tự sát là không đúng? Vì chắc chắn tôi đã được nghe Philolaus nói khi ông ấy ở với chúng tôi tại Thebes; và cũng có những người khác cũng nói y như thế, mặc dù không ai trong họ giúp chúng tôi hiểu rõ câu nói của ông ấy.

Nhưng, Socrates đáp, anh hãy cố hết sức mình và một ngày nào đó anh sẽ hiểu. Tôi nghĩ anh ngạc nhiên tại sao khi phần lớn những điều xấu đôi khi tình cờ cũng có thể là tốt, mà ở đây lại là trường hợp ngoại lệ duy nhất (vì trong một số trường hợp, chết có thể lại là tốt hơn sống?) và tại sao, khi một người nghĩ rằng mình chết thì tốt hơn sống, mà họ lại không được phép làm ân nhân của chính mình, nhưng phải chờ bàn tay của một người khác?

Trời, khó hiểu thật! Cebes vừa cười vừa thốt lên bằng đúng giọng Doric quê hương của anh ấy.

Socrates đáp: tôi nhìn nhận có vẻ như có mâu thuẫn; nhưng trong tất cả chuyện này, có thể chẳng có mâu thuẫn thực sự nào. Có một lý thuyết được nói một cách lén lút rằng con người là một tù nhân không có quyền mở cửa nhà tù và chạy trốn; đây là một điều bí ẩn lớn mà tôi không hiểu. Nhưng tôi cũng tin rằng các thần là những người bảo vệ chúng ta và chúng ta nằm trong tay các ngài. Anh có đồng ý như thế không?

Vâng, Cebes nói, tôi đồng ý như thế.

Và nếu một vật gì đó thuộc quyền sở hữu của anh, một con bò hay con lừa chẳng hạn, mà tự do chạy trốn khi mà anh không có ý gì để giết chúng, thử hỏi anh có tức giận với nó và trừng phạt nó không?

Chắc chắn rồi, Cebes nói.

Vậy có thể có lý khi nói rằng một người không được tự mình lấy đi mạng sống của mình, nhưng phải chờ tới khi được Thần gọi, như bây giờ Thần đang gọi tôi.

Đúng đấy, Socrates, Cebes nói. Chắc chắn điều đó có lý. Nhưng làm thế nào ông có thể dung hòa giữa niềm tin có vẻ đúng này rằng Thần là người bảo vệ chúng ta và chúng ta thuộc sở hữu của Thần, với sự sẵn sàng muốn chết mà chúng ta gán cho triết gia? Việc những con người khôn ngoan nhất muốn từ bỏ việc phục vụ này mà các thần đã giao cho họ, hẳn không thể là hợp lý, vì chắc chắn không người khôn ngoan nào nghĩ rằng khi họ có quyền tự do họ có thể chăm lo cho họ tốt hơn là các thần chăm lo cho họ. Một kẻ khờ có thể nghĩ như thế - họ có thể lý luận rằng chạy trốn khỏi chủ là tốt đối với họ, vì họ không nghĩ rằng bổn phận của họ là phải trung thành cho đến cùng, chứ không được chạy trốn khỏi sự thiện và việc họ chạy trốn là vô nghĩa. Nhưng người khôn ngoan muốn ở với người tốt hơn mình. Vậy, ông Socrates, điều này ngược với những gì chúng ta vừa nói; vì khi thấy điều này, người khôn ngoan nên tỏ ra buồn rầu còn người khờ sẽ vui mừng khi thoát khỏi đời này.

Câu nói nghiêm túc của Cebes có vẻ làm Socrates hài lòng. Quay

về phía chúng tôi, ông nói: Đây là một người luôn luôn truy tìm chứ không chịu thuyết phục ngay một lúc hay bởi mọi lý luận.

Và trong trường hợp này, Simmias thêm, vấn nạn của anh ấy có vẻ nặng ký đấy. Vì một người thực sự khôn ngoan mà muốn chạy trốn và dễ dàng từ bỏ chủ của mình thì có thể có nghĩa gì. Tôi muốn nghĩ rằng Cebes đang ám chỉ về ông; anh ấy nghĩ rằng ông quá sẵn sàng từ bỏ chúng tôi và cũng quá sẵn sàng từ bỏ các thần mà ông nhìn nhận là những người cai trị chúng ta tốt nhất.

Đúng, Socrates đáp; ở đây có lý do. Và phải chăng các anh muốn tôi phải trả lời cho các anh giống như tôi đang ở trước tòa ư?

Vâng, chúng tôi muốn như thế, Simmias nói.

Vậy tôi phải cố gắng tạo một ấn tượng tốt đối với các anh hơn là khi tôi tự biện hộ trước các quan tòa. Vì tôi sẵn sàng nhìn nhận rằng quả thực tôi phải buồn phiền trước giờ chết, nếu tôi không tin chắc rằng tôi đang đến với các thần khác vừa tốt vừa khôn ngoan (về điều này tôi rất chắc chắn) và đến với những người đã chết (về điều này tôi không chắc lắm) là những người tốt hơn những người tôi bỏ lại ở đời này; và vì thế tôi không cảm thấy buồn phiền, vì tôi tràn trề hi vọng rằng nhất định phải còn lại một cái gì đó sau cái chết và như người xưa thường nói, một cái gì tốt hơn rất nhiều cho người tốt, hơn là cho kẻ xấu.

Nhưng ông có muốn đem đi cả các tư tưởng của ông không, ông Socrates, Simmias nói? Ông không muốn truyền lại cho chúng tôi sao? chúng tôi cũng muốn được chia sẻ những lợi ích của chúng. Hơn nữa, nếu ông thành công thuyết phục được chúng tôi, đó sẽ là một câu trả lời chống lại các lời buộc tội ông.

Tôi sẽ cố hết sức, Socrates đáp. Nhưng trước tiên các anh phải để tôi nghe Crito muốn gì đã; ông ấy đang muốn nói với tôi điều gì đó.

Ông Socrates, chỉ một điều này thôi, Crito đáp: người cai tù có nhiệm vụ trao chén thuốc độc cho ông đã bảo tôi rằng ông không được nói nhiều và hắn muốn tôi nói cho ông biết điều đó; vì nói nhiều thì làm tăng nhiệt và vì thế làm giảm tác dụng của thuốc độc; những người quá kích động thường phải uống thuốc độc đến hai hay ba lần.

Vậy, Socrates nói, ông hãy bảo hắn cứ lo việc của hắn và chuẩn bị sẵn cho tôi hai hay ba liều thuốc độc nếu cần; đừng lôi thôi gì cả.

Tôi nghĩ chắc là ông sẽ nói như thế, Crito đáp; nhưng tôi vẫn phải chiều ý hắn.

Mặc kệ hắn, ông nói.

Bây giờ tôi sẽ trả lời quí vị, thưa các quan tòa của tôi và cho

quí vị thấy rằng người nào đã sống như một triết gia đích thực thì có lý do để vui vẻ khi sắp phải chết và sau khi chết họ có thể hi vọng nhận được điều tốt đẹp vô cùng to lớn ở thế giới bên kia. Và tôi sẽ cắt nghĩa cho hai anh, Simmias và Cebes, thấy điều đó là thế nào. Vì tôi nghĩ rằng người môn đệ đích thực của triết học thường bị những người khác hiểu lầm; những người này không nhận ra rằng triết gia luôn luôn theo đuổi cái chết và luôn luôn chết; và nếu đúng như thế, thì tại sao sau khi đã suốt một đời ao ước cái chết, họ lại phải buồn phiền khi điều mà họ mong mỏi đã đến?

Simmias cười và nói: Mặc dù không có lòng dạ nào để cười, nhưng tôi không thể không cười, khi tôi hình dung cảnh những kẻ xấu sẽ nói gì khi chúng nghe câu nói này của ông. Chúng sẽ nói điều đó là rất đúng và những người bạn chúng ta ở nhà cũng sẽ đồng ý với chúng rằng, cuộc đời mà nhà triết học theo đuổi chính là cái chết và họ đã thấy các nhà triết học đáng được cái chết mà họ ao ước.

Họ có lý để nói như thế, anh Simmias, trừ câu "họ đã thấy"; bởi vì họ đã không thấy được bản chất của cái chết mà nhà triết học đích thực ao ước, hay họ đáng chết và ao ước cái chết như thế nào. Nhưng chúng ta không nói đến họ nữa, mà chỉ nói với nhau câu này: Chúng ta có tin rằng có cái chết không?

Chắc chắn rồi, Simmias nói.

Và chết có phải chỉ là hồn lìa khỏi xác không? Và chết là đạt tới sự chia lìa này khi linh hồn tồn tại độc lập và rời khỏi thân xác, và thân xác rời khỏi linh hồn, đúng không?

Chính xác: chỉ có thể, không có gì hơn, anh đáp.

Và anh nói gì về một câu hỏi nữa mà tôi muốn biết ý kiến anh, để nhờ câu trả lời của anh, cuộc tìm kiếm của chúng ta được soi sáng thêm: anh có nghĩ rằng triết gia phải chăm lo đến các khoái lạc - nếu phải gọi chúng như thế - của việc ăn uống không?

Chắc chắn là không rồi, Simmias trả lời.

Và anh nói gì về các khoái lạc của tình yêu - họ có chăm lo đến chúng không?

Hoàn toàn không.

Và họ có các hình thức chiều chuộng khác đối với thân xác, như có những đồ trang sức, quần áo, giày dép đắt tiền không? Thay vì chăm lo đến những điều ấy, phải chăng họ khinh bỉ chúng hơn mức tự nhiên đòi hỏi? Anh có ý kiến gì?

Tôi dám nói nhà triết học đích thực sẽ coi khinh những thú vui ấy.

Anh có muốn nói rằng họ hoàn toàn chỉ quan tâm tới linh hồn chứ không quan tâm tới thân xác không? Phải chăng họ sẽ cố gắng

hết sức để rời bỏ thân xác và quay về linh hồn?

Đúng như thế.

Về phương diện này, hơn mọi người khác, nhà triết học sẽ tìm mọi cách tách lìa thân xác ra khỏi linh hồn.

Đúng vậy.

Trong khi ấy, anh Simmias, tất cả những người khác đều có ý kiến cho rằng đời sống mà không có những thú vui thể xác thì không đáng sống; nhưng người không nghĩ gì đến những thú vui thể xác thì sống cũng như chết vậy.

Rất đúng.

Vậy chúng ta sẽ nói gì về việc tìm kiếm tri thức đích thực? - khi thân xác được mời gọi tham dự vào việc tìm kiếm này, nó là một trở ngại hay một trợ giúp? Nghĩa là, thị giác và thính giác có sự thật nào trong chúng không? Phải chăng, như các thi sĩ vẫn thường nói với chúng ta, chúng là những nhân chứng thiếu chính xác? Thế nhưng, cứ cho rằng chúng thiếu chính xác và không rõ ràng đi nữa, thế còn các giác quan khác thì sao? - vì chắc chắn anh vẫn cho là hai giác quan trên là hai giác quan tốt nhất?

Chắc chắn, anh đáp.

Vậy khi nào linh hồn đạt được sự thật? - Vì khi cố gắng xem xét bất cứ điều gì cùng với thân xác, rõ ràng nó bị đánh lừa.

Vâng, đúng như thế.

Vậy thì hiện hữu phải được tỏ lộ cho nó bằng tư tưởng, nếu có tư tưởng?

Đúng.

Và tư tưởng ở tình trạng tốt nhất khi trí khôn đi vào chính mình và không bị quấy rầy bởi bất cứ điều gì của thân xác như thị giác, thính giác hay đau khổ hay khoái lạc, khi nó càng ít dính líu đến thân xác và không có những cảm giác hay tình cảm của thân xác, nhưng chỉ theo đuổi hữu thể mà thôi phải không?

Đúng.

Và về phương diện này nhà triết học coi khinh thân xác; linh hồn họ chạy trốn khỏi thân xác và muốn ở lại một mình và tự mình suy nghĩ?

Đúng.

Tốt, nhưng còn một điều nữa, anh Simmias: Có hay không có công bằng tuyệt đối?

Chắc chắn là có.

Và có cái đẹp tuyệt đối và cái tốt tuyệt đối chứ?

Đương nhiên.

Nhưng anh có thấy chúng bằng mắt mình không?

Chắc chắn là không.

Hay anh có bao giờ biết được chúng nhờ một giác quan nào khác không? (và tôi không chỉ nói đến các thứ tuyệt đối này mà thôi,

nhưng tôi muốn nói cả đến cái lớn tuyệt đối, sức khỏe và sức mạnh tuyệt đối, cũng như yếu tính và bản chất thực của mọi sự vật). Thực tại của chúng có được anh nhận thức nhờ các cơ quan của thân xác không? Hay ngược lại, việc đạt được tri thức gần đúng nhất về các bản chất này là nhờ người biết hướng cái nhìn của linh hồn mình sao cho nó có được khái niệm chính xác nhất về yếu tính của cái mà họ tìm hiểu?

Chắc chắn là vậy.

Và người đạt được tri thức tinh tuyền nhất về chúng là người đến với chúng bằng tinh thần mà thôi, chứ không để cho một giác quan nào can thiệp vào hành vi tư tưởng, nhưng nhờ chính ánh sáng rõ ràng của tinh thần, nó đi sâu được vào chính ánh sáng của sự thật trong mỗi một vật; họ loại bỏ tối đa việc sử dụng mắt, tai và toàn thể thân xác vì họ coi chúng là những yếu tố gây lẫn lộn, cản trở linh hồn không đạt được tri thức khi có sự can thiệp của chúng - có phải đó là loại người có khả năng đạt được tri thức về sự hiện hữu không?

Đó là một sự thật rất chắc chắn, Simmias đáp.

Và khi xem xét tất cả những điều này, các triết gia đích thực có phải suy tư rồi nói với những người khác đại để như sau: Chúng tôi đã tìm ra một con đường suy tư có vẻ đưa lý luận của chúng tôi đến kết luận rằng, trong khi chúng ta sống trong thân xác và linh hồn chúng ta trộn lẫn với vô số những điều xấu, ước muốn tìm biết sự thật của chúng ta không được thỏa mãn. Vì thân xác là một nguồn gây ra vô vàn những rắc rối cho chúng ta nguyên chỉ bởi nhu cầu ăn uống; và còn có các bệnh tật đánh gục chúng ta và ngăn cản chúng ta đi tìm sự thật; và vì thân xác làm chúng ta chứa đầy những tình yêu, những dục vọng và những nỗi sợ hãi, cũng như những tưởng tượng, những thần tượng và mọi thứ điên rồ khác, nên nó ngăn trở việc suy tưởng của chúng ta. Vì từ đâu mà có các chiến tranh, loạn lạc và phe phái? Nếu không phải là từ thân xác và các dục vọng của nó? Vì chiến tranh phát sinh từ lòng tham tiền và người ta phải kiếm tiền để phục vụ thân xác; và vì những động cơ ấy, thời gian lẽ ra phải dành cho triết học bị người ta bỏ mất. Hơn nữa, nếu có thời gian và khuynh hướng đến với triết học, thì thân xác lại đưa vào những sự xáo trộn, lẫn lộn và sợ hãi trong lúc suy tư, khiến nó ngăn cản không cho chúng ta nhìn thấy sự thật; và mọi kinh nghiệm đều cho chúng ta thấy rằng nếu chúng ta muốn có tri thức tinh tuyền về bất cứ điều gì, chúng ta phải rời bỏ thân xác và linh hồn tự mình phải nhìn thấy bản chất thực của mọi vật: vậy, tôi nghĩ rằng chúng ta

sẽ đạt tới điều chúng ta mong muốn và yêu mến, đó là sự khôn ngoan; không phải khi chúng ta còn sống, nhưng là sau khi chết, như lý luận vừa chứng minh; vì khi còn đang ở với thân xác, linh hồn không thể đạt được tri thức tinh tuyền, nên có thể sẽ có hai hậu quả này - hoặc tri thức không bao giờ có thể đạt được, hoặc nó chỉ có thể đạt được sau khi chết. Trong đời sống hiện tại, tôi nghĩ rằng chúng ta đạt tới gần tri thức nhất khi chúng ta ít quan tâm tới thân xác nhất và không thỏa mãn với bản tính của thân xác, nhưng chúng ta giữ mình tinh tuyền cho tới giờ mà chính Thượng đế muốn giải thoát chúng ta. Và khi ấy sự điên rồ của thân xác sẽ được gột sạch và chúng ta sẽ hoàn toàn tinh tuyền để trò truyện với các linh hồn tinh tuyền khác và tự mình thấy được ánh sáng rõ ràng khắp nơi; và đây chắc chắn là ánh sáng của sự thật. Đây là những lời nói mà những người yêu mến sự khôn ngoan đích thực không thể không nói ra với nhau và suy nghĩ. Anh có đồng ý với tôi không, anh Simmias?

Chắc chắn tôi đồng ý, ông Socrates.

Nhưng nếu đúng là thế, thì chúng ta rất hi vọng rằng khi đi đến nơi tôi phải đến, tôi sẽ được thỏa mãn với điều mà các anh cũng như tôi coi là mối quan tâm chính của chúng ta trong đời sống quá khứ. Và bây giờ, giờ ra đi đã được định cho tôi, nó là niềm hy vọng mà tôi mang theo khi ra đi và không chỉ riêng tôi, mà bất cứ ai tin rằng tinh thần mình cần phải được thanh tẩy.

Chắc chắn, Simmias đáp.

Và thanh tẩy là gì nếu không phải là chia lìa thân xác khỏi linh hồn, như tôi đã nói lúc nãy; thói quen của linh hồn hướng hoàn toàn vào bên trong mình, bỏ lại bên ngoài tất cả những gì thuộc về thân xác; ở lại trong chỗ riêng của nó mà thôi, giống như trong một đời sống khác thế nào, thì trong đời sống này cũng như thế, đó là linh hồn được cởi bỏ mọi xiềng xích của thân xác?

Rất đúng, anh đáp.

Và chết là gì nếu không phải là chính sự chia lìa và giải thoát của linh hồn khỏi thân xác?

Chắc chắn là vậy.

Và các triết gia đích thực và chỉ họ mà thôi, học hỏi và hăng hái tìm cách giải thoát linh hồn. Môn học đặc biệt của họ là chia lìa và giải thoát linh hồn khỏi thân xác, đúng không?

Đúng.

Và, như tôi nói lúc đầu, sẽ là một mâu thuẫn rất lố bịch nơi những người học để sống bao lâu có thể trong tình trạng sự chết, mà lại buồn rầu khi cái chết đến với mình?

Chắc chắn.

Vậy, anh Simmias, vì triết gia đích thực luôn luôn học về sự chết, nên đối với họ, cái chết là điều ít ghê sợ nhất. Hãy xét vấn đề như sau: - họ sẽ là những con người tự mâu thuẫn biết bao nếu suốt đời họ luôn là kẻ thù của thân xác và chỉ muốn có linh hồn mà thôi, thế mà khi đã đạt được điều này, họ lại run sợ và buồn phiền; thay vì phải vui mừng khi ra đi tới nơi mà khi đến đó họ hi vọng đạt được cái mà cả đời họ yêu mến (đó là sự khôn ngoan) và đồng thời loại bỏ được kẻ thù của họ là thân xác. Nhiều người từng muốn sang thế giới bên kia với hi vọng ở đó họ thấy được người yêu, người vợ hay con họ ở trần gian và trò chuyện với họ. Và một người thực sự yêu mến khôn ngoan và tin chắc rằng họ chỉ hưởng được nó ở thế giới bên kia, liệu người ấy có còn buồn phiền khi giờ chết đến không? Hay ngược lại họ sẽ phấn khởi ra đi? Chắc chắn họ sẽ phấn khởi ra đi, nếu họ là triết gia thật. Vì họ sẽ có niềm xác tín chắc chắn rằng chỉ ở thế giới bên kia, chứ không ở đâu khác, họ có thể tìm thấy sự khôn ngoan tinh tuyền nhất. Và nếu đúng như thế, như tôi vừa nói, sẽ là rất vô lý nếu họ sợ chết.

Đương nhiên, Simmias đáp.

Và khi anh thấy một người buồn phiền lúc giờ chết gần đến, thì phải chăng sự buồn phiền ấy là dấu hiệu chứng tỏ họ không phải người yêu mến sự khôn ngoan, nhưng là người yêu thân xác và có thể cũng đồng thời là người yêu tiền bạc hay danh vọng, hay cả hai?

Rất đúng, anh đáp.

Anh Simmias, có một nhân đức gọi là can đảm. Có phải nó là một đức tính của nhà triết học đích thực không?

Chắc chắn.

Rồi còn có đức tiết độ. Sự bình thản, kiềm chế và khinh chê những đam mê mà mọi người gọi là đức tiết độ, có phải nó là một đức tính của người khinh chê thân xác và yêu mến triết học không?

Không chối cãi.

Vì can đảm và tiết độ của những người khác, nếu xét kỹ, thì thực sự là mâu thuẫn.

Sao có thể thế được, Socrates?

Đúng, ông nói, anh biết rằng chung chung người ta coi chết là một điều ác.

Điều này đúng, anh nói.

Và có phải những người can đảm chấp nhận cái chết vì họ sợ những điều ác còn lớn hơn cái chết không?

Đúng.

Vậy trừ các triết gia, còn mọi người khác khi tỏ ra can đảm cũng chỉ vì một nỗi sợ; nhưng một người tỏ ra can đảm vì sợ hãi và vì nhát gan, điều này quả thực là kỳ lạ phải không?

Rất phải.

Và về đức tiết độ cũng y hệt như thế. Họ điều độ là vì họ thiếu điều độ nghe có vẻ mâu thuẫn, nhưng đúng là tình trạng của loại tiết độ điên rồ này. Vì có những thú vui mà họ phải có và họ sợ mất chúng; và vì vậy họ kiêng cữ một loại thú vui vì họ muốn có những loại thú vui khác: và trong khi sự thiếu điều độ được định nghĩa là "chịu sự điều khiển của thú vui", họ chỉ khắc phục chúng bởi vì họ bị một thú vui khác điều khiển. Và đó là lý do tại sao tôi nói họ điều độ vì thiếu điều độ.

Có vẻ đúng như thế.

Nhưng sự đánh đổi một nỗi sợ hay thú vui hoặc đau khổ để lấy một nỗi sợ hay thú vui hoặc đau khổ khác, được đo lường giống như những đồng tiền, bằng kích cỡ lớn hơn hay nhỏ hơn, thì không phải là sự đánh đổi của nhân đức. Anh bạn Simmias yêu quí, có một đồng tiền đích thực mà mọi sự phải đổi lấy - đó là sự khôn ngoan; và chỉ khi đổi lấy sự khôn ngoan và có sự khôn ngoan, thì mọi cái khác như can đảm, tiết độ hay công bằng mới có thể là đích thực. Và mọi nhân đức đích thực đều là bạn của đức khôn ngoan, bất chấp các nỗi sợ, các khoái lạc hay các điều tốt hay điều xấu nào khác có thể xảy đến cho nó. Nhưng nhân đức do các điều tốt này làm thành, nếu nó tách rời khỏi sự khôn ngoan và đánh đổi lấy nhau, thì chỉ là một cái bóng của sự khôn ngoan mà thôi và không có tự do hay sức khỏe hay sự thật nào trong chúng cả; nhưng trong sự trao đổi đích thực, thì có một sự thanh tẩy tất cả những điều này và đức tiết độ, công bằng, can đảm và cả đức khôn ngoan, đều là một sự thanh tẩy chúng. Và tôi nghĩ rằng các vị sáng lập tôn giáo huyền bí đã có ý thực sự chứ không chỉ là nói đùa khi họ đưa ra hình ảnh rằng người nào đi sang thế giới bên kia mà không được thanh tẩy và giác ngộ thì sẽ sống một cuộc đời tồi tệ, nhưng người nào đến thế giới bên kia sau khi đã được giác ngộ và thanh tẩy thì sẽ được ở với các thần. Vì như các tôn giáo huyền bí nói, "nhiều người cầm quyền trượng trong đám rước, nhưng ít người là những nhà thần bí thực sự", theo tôi nghĩ, các nhà thần bí này là những triết gia. Trong số những người mà tôi suốt đời muốn biết là họ đã đạt tới nơi ở ấy hay không - dù tôi tìm đúng cách hay không, hay thành công hay không, chỉ lát nữa thôi, nếu Thượng đế muốn, là tôi sẽ biết được, khi tôi đến được thế giới bên kia: tôi tin chắc như thế. Còn bây giờ, hai anh Simmias và Cebes, tôi đã trả lời cho những kẻ trách tôi là không buồn phiền khi phải chia lìa các bạn bè và người thân; tôi làm đúng khi không buồn phiền, bởi vì tôi tin rằng tôi sẽ tìm thấy những bạn bè và người thân tốt

lành như thế ở thế giới bên kia. Nhưng không phải ai ai cũng nhận được điều này và tôi sẽ rất vui nếu những lời của tôi có thể thuyết phục được các anh hơn là thuyết phục được các quan tòa.

Cebes trả lời: ông Socrates, tôi nhất trí với phần lớn những điều ông nói. Nhưng còn về những gì liên quan tới linh hồn, người ta thường bán tín bán nghi; họ sợ rằng khi linh hồn lìa thân xác, nó sẽ không có chỗ ở nào cả và vào chính lúc chết, linh hồn sẽ bị tiêu diệt - ngay sau khi nó rời bỏ thân xác, nó sẽ giống như mây khói và rơi vào hư vô. Vì chỉ cần nó có thể trụ lại và tồn tại sau khi nó được giải thoát khỏi những sự xấu của thân xác, thì những điều ông nói có thể hi vọng là đúng. Nhưng cần có nhiều sự thuyết phục và nhiều lý luận để chứng minh rằng khi một người chết, linh hồn người ấy vẫn sống và có sức mạnh hay sự thông minh.

Đúng đấy, anh Cebes, Socrates nói; và tôi đề nghị chúng ta sẽ thảo luận một chút về những khả năng này chứ?

Cebes nói, chắc tôi sẽ rất thích được nghe ý kiến ông về chuyện này.

Socrates nói, tôi nghĩ rằng không ai khi nghe tôi nói lúc này, dù là kẻ thù cũ của tôi, các nhà thơ hài, mà có thể tố cáo tôi là nói chuyện tầm phào về những vấn đề mà tôi không quan tâm. Vậy chúng ta hãy bắt đầu thảo luận.

Linh hồn người ta sau khi chết có đi sang thế giới bên kia hay không, là một vấn đề có thể được thảo luận theo cách sau đây: - Học thuyết xưa mà tôi đang nói cho rằng linh hồn người ta từ thế giới này đi sang thế giới bên kia rồi trở lại thế giới này, được sinh ra từ những kẻ chết. Vậy nếu đúng như vậy và người sống sinh ra từ kẻ chết, thì linh hồn chúng ta hẳn phải ở thế giới bên kia, vì nếu không, làm sao chúng có thể tái sinh? Và kết luận chắc chắn sẽ là như thế, nếu có bằng chứng thực sự rằng người sống chỉ được tái sinh từ kẻ chết; nhưng nếu không có bằng chứng về điều này, thì chúng ta phải đưa ra các lý luận khác.

Rất đúng, Cebes nói.

Vậy chúng ta hãy xét vấn đề này, không chỉ trong tương quan với con người, nhưng tương quan với các loài động vật nói chung và với cây cỏ, cũng như với mọi vật khác có sự sinh ra và chứng minh sẽ dễ hơn. Tất cả những vật nào có cái đối nghịch của chúng đều phát sinh từ cái đối nghịch ấy, đúng không? Tôi muốn nói đến những cái như tốt và xấu, công bằng và bất công cũng như vô số những cái đối nghịch khác được sinh ra từ cái đối nghịch của chúng. Và tôi muốn chứng minh rằng điều này đúng với mọi cái đối nghịch; nghĩa là, chẳng hạn, bất cứ cái gì trở nên lớn hơn thì đều trở nên lớn hơn sau khi đã là nhỏ hơn.

Đúng.

Và cái gì nhỏ hơn hẳn phải đã từng là lớn hơn rồi trở thành nhỏ hơn.

Vâng.

Và cái yếu hơn được sinh ra từ cái mạnh hơn, cái nhanh hơn từ cái chậm hơn.

Rất đúng.

Và cái dở hơn từ cái tốt hơn, cái công bằng hơn từ cái bất công hơn?

Tất nhiên.

Và điều này đúng cho mọi cái đối nghịch? Và chúng ta có tin chắc rằng mọi cái đều sinh ra từ cái đối nghịch của chúng không?

Chắc chắn.

Và trong sự đối nghịch của mọi vật này, luôn luôn diễn ra hai qui trình chuyển tiếp từ cái này sang cái kia và rồi từ cái kia trở về cái này; ở đâu có một cái lớn hơn và một cái nhỏ hơn thì cũng có một qui trình chuyển tiếp tăng và giảm; và cái gì lớn lên thì gọi là tăng và cái gì yếu đi thì gọi là suy?

Đúng, anh nói.

Và có nhiều quy trình khác nữa, như chia ra và hợp thành, làm lạnh và làm nóng, cũng bao gồm một sự chuyển dịch từ cái này sang một cái khác. Và điều này đúng cho mọi cái đối nghịch, mặc dù không luôn luôn được diễn tả bằng lời - cái này được sinh ra từ cái kia và có một sự chuyển dịch hay qui trình từ cái này sang cái khác?

Rất đúng.

Tốt và cũng có một cái đối nghịch của sự sống, giống như ngủ là cái đối nghịch của thức, đúng không?

Đúng, anh nói.

Nó là cái gì?

Chết, anh trả lời.

Và nếu chúng là những cái đối nghịch nhau, thì chúng được sinh ra cái này từ cái kia và có hai qui trình chuyển dịch phải không?

Đương nhiên.

Vậy, Socrates nói, tôi sẽ phân tích một trong hai cặp đối nghịch mà tôi đã đề cập tới và cũng phân tích các qui trình chuyển dịch của nó, còn các anh sẽ phân tích cặp đối nghịch còn lại. Tình trạng ngủ là đối nghịch của tình trạng thức, và từ ngủ phát sinh ra thức và từ thức phát sinh ngủ; và quy trình sinh ra này ở một trường hợp là bắt đầu ngủ, ở trường hợp kia là thức giấc. Anh đồng ý chứ?

Rất đồng ý.

Vậy, giả sử anh phân tích cho tôi cặp đối nghịch sống và chết theo cùng một kiểu như thế. Chết đối nghịch với sống phải không?

Vâng.

Cái này sinh ra từ cái kia phải không?

Đúng.

Cái gì sinh ra từ sự sống?

Chết.

Và từ chết?

Câu trả lời duy nhất là - sống.

Vậy các vật có sự sống, dù là người hay vật, đều sinh ra từ vật chết?

Rõ ràng là như thế.

Vậy kết luận là linh hồn chúng ta sống trong thế giới bên kia?

Điều này đúng. Và một trong các qui trình hay sự sinh ra thực sự thì có thể thấy được - vì chắc chắn chúng ta nhìn thấy cái chết chứ?

Chắc chắn, anh đáp.

Và có thể suy ra về cái kia như là phần bổ sung tự nhiên của nó, vì không thể cho rằng có cái gì có thể đi bằng một chân phải không? Và như thế, cũng phải suy ra rằng có một qui trình sinh ra khác tương ứng với qui trình sinh ra của cái chết, đúng không?

Nhất định rồi, anh đáp.

Nó là gì?

Tái sinh.

Và tái sinh, nếu có, là sự sinh ra từ cõi chết sang cõi sống?

Rất đúng. Vậy đây là một cách mới để chúng ta đạt đến kết luận rằng người sống đến từ người chết, cũng như người chết đến từ người sống; và nếu đúng như vậy, thì linh hồn của người chết phải ở một nơi nào đó để rồi từ đó nó quay trở lại. Và tôi nghĩ điều này đã được chúng ta chứng minh thỏa đáng.

Vâng, Socrates, anh nói; tất cả các kết luận này được rút ra một cách tự nhiên từ các giả thiết trước của chúng ta.

Và chúng ta có thể chứng minh bằng cách sau đây rằng những giả thiết này không vô lý: nếu sự sinh ra chỉ theo một đường thẳng và không có sự bù đắp hay vòng quay trong thiên nhiên, không có sự quay trở lại từ cái này sang cái kia, thì anh biết rằng mọi sự cuối cùng sẽ chỉ có cùng một dạng và chuyển sang cùng một tình trạng như trước và như thế sẽ không còn sự sinh ra mới nữa.

Ý ông muốn nói gì? Anh hỏi.

Khá đơn giản và tôi sẽ minh hoạ bằng trường hợp ngủ, ông đáp. Anh biết rằng nếu không có sự bù đắp giữa ngủ và thức, thì kết cục câu truyện về chàng Endymion ngủ sẽ không có nghĩa gì cả, vì mọi vật khác cũng sẽ ngủ và sẽ không có gì khác để nghĩ về anh ta. Hay nếu chỉ có sự hợp thành, mà không có sự phân chia các chất, thì chúng ta cũng sẽ phải trở về lại với tình trạng hỗn mang của Anaxagoras. Và cũng vậy, nếu tất cả những gì tham dự vào sự sống đều phải chết và sau khi chết chúng tồn tại dưới dạng sự chết và không trở lại sự sống, thì cuối cùng mọi sự sẽ chết

và không có gì sống - chắc chắn không thể khác được, đúng không? Vì nếu người sống bắt nguồn từ bất cứ cái gì mà không phải là từ người chết, thì hẳn là mọi sự cuối cùng cũng sẽ phải đi đến cái chết, đúng không?

Không thể tránh được, Cebes nói; và tôi nghĩ những điều ông nói hoàn toàn đúng.

Phải đấy, anh Cebes, tôi cũng hoàn toàn nghĩ như thế; và chúng ta không phải đang sống trong một tưởng tượng vô ích: nhưng tôi tin chắc rằng có sự sống lại thực sự và người sống nảy sinh từ người chết, các linh hồn người chết vẫn tồn tại và các linh hồn tốt được hưởng phần tốt hơn các linh hồn xấu.

Cebes nói thêm: Ông Socrates, học thuyết của ông rằng tri thức chỉ đơn giản là sự nhớ lại, nếu học thuyết ấy đúng, nó cũng đòi phải có một thời gian trước trong đó chúng ta đã học được những cái mà bây giờ chúng ta nhớ lại. Nhưng sẽ không thể có điều này nếu linh hồn của chúng ta không tồn tại ở một chỗ nào đó trước khi nó ở trong thân xác con người; đây là một chứng cứ nữa cho sự bất tử của linh hồn.

Nhưng anh Cebes, Simmias cắt ngang, anh hãy cho tôi biết các chứng minh về lý thuyết nhớ lại ấy được không? Hiện tại tôi không chắc là mình còn nhớ chúng.

Các câu hỏi, Cebes nói, cung cấp cho chúng ta các chứng minh tuyệt vời về điều này. Nếu anh đặt đúng cách một câu hỏi cho một người, họ sẽ tự mình cho bạn một câu trả lời đúng, nhưng làm thế nào họ có thể trả lời đúng được trừ khi nơi họ đã có sẵn tri thức và lý trí đúng? Và điều này được minh chứng rõ ràng nhất khi chúng ta cho họ xem một hình vẽ hay một cái gì giống như thế.

Nhưng, Socrates nói, nếu anh vẫn còn hoài nghi, anh Simmias, tôi muốn hỏi anh rằng liệu anh có đồng ý với tôi khi nhìn vấn đề một cách khác không-nghĩa là, nếu anh vẫn còn bán tín bán nghi về việc tri thức có phải là nhớ lại không?

Bán tín bán nghi à, không đâu, Simmias nói; nhưng tôi muốn nhớ lại chính lý thuyết về sự nhớ lại này và từ những điều Cebes nói, tôi bắt đầu nhớ lại rồi và tin: nhưng tôi vẫn muốn nghe ông nói thêm điều gì nữa.

Đây là điều tôi sẽ nói, ông đáp: Chúng ta phải đồng ý rằng những gì mà một người nhớ lại, thì hẳn họ phải đã biết nó một thời gian trước đó.

Rất đúng.

Và bản chất của sự nhớ lại này là gì? Và khi hỏi câu này, tôi muốn hỏi rằng khi một người đã thấy hay nghe hay biết một điều gì bằng bất cứ cách nào và họ không chỉ

biết điều đó, mà còn biết một cái gì khác hơn nữa, thì chúng ta không thể nói rằng họ chỉ nhớ lại những gì có trong tâm trí họ. Chúng ta đồng ý về điểm này chứ?

Ý ông muốn nói gì?

Tôi muốn nói điều mà tôi có thể minh hoạ bằng ví dụ sau đây: Biết một cây đàn lia thì khác với biết một người chứ?

Đúng.

Nhưng những người yêu nhau khi nhận ra một cây đàn lia, hay quần áo, hay bất cứ vật gì khác mà người yêu của họ thường dùng, họ có cảm giác gì? Có phải khi biết cây đàn lia thì trong mắt tâm trí họ hiện lên hình ảnh của người yêu có cây đàn lia ấy? Và đó là sự nhớ lại: và cũng một cách ấy, bất cứ ai thấy Simmias thì có thể nhớ đến Cebes; và có vô vàn các điều khác giống như thế trong tự nhiên.

Đúng, quả thực có vô số, Simmias đáp.

Và kiểu hiểu biết như thế được gọi là nhớ lại và là qui trình thông thường nhất để phục hồi cái mà họ đã quên do thời gian và sự thiếu chú ý.

Rất đúng, anh nói.

Tốt; và anh cũng có thể khi nhìn thấy hình một con ngựa hay cây đàn thì nhớ đến một người chứ? Và từ hình ảnh của Simmias, anh có thể nhớ đến Cebes chứ?

Đúng.

Hay anh cũng có thể nhớ lại chính Simmias?

Đúng, anh đáp.

Và trong tất cả các trường hợp này, sự nhớ lại có thể được rút ra từ các vật giống hay khác nhau chứ?

Đúng như thế.

Và khi sự nhớ lại được rút ra từ các vật giống nhau, chắc chắn có một câu hỏi khác - nét giống nhau của vật được nhớ lại có yếu đi cách nào không?

Rất đúng, anh nói.

Và chúng ta sẽ đi xa hơn một bước nữa và khẳng định rằng có những cái gọi là sự bằng nhau, không phải của gỗ với gỗ, hay của đá với đá, nhưng là sự bằng nhau về phương diện trừu tượng. Chúng ta có thể khẳng định điều này chứ?

Không những khẳng định mà có thể thề thốt nữa, với tất cả sự tin tưởng trên đời, Simmias đáp.

Và chúng ta có biết bản chất của yếu tính trừu tượng này không?

Chắc chắn là biết.

Và từ đâu chúng ta có được tri thức này? Có phải chúng ta thấy được các vật bằng nhau, như các mảnh gỗ và các phiến đá, rồi từ đó chúng ta rút ra được ý niệm và sự bằng bằng nhau khác với chúng không? - anh đồng ý chứ? Hay hãy nhìn vào vấn đề theo cách này: Cùng các mảnh gỗ hay đá có khi thì thấy bằng nhau, khi khác lại thấy không bằng nhau phải không?

Đó là điều chắc chắn.

Nhưng các vật bằng nhau có bao giờ không bằng nhau hay không? Hay ý niệm về sự bằng nhau có bao giờ là ý niệm về sự không bằng nhau không?

Điều đó thì chưa hề thấy bao giờ, ông Socrates.

Vậy những vật (gọi là) bằng nhau này không phải là ý niệm về sự bằng nhau?

Hiển nhiên là không, ông Socrates.

Nhưng từ những vật bằng nhau này, mặc dù khác với ý niệm về sự bằng nhau, anh suy ra và đạt tới ý niệm ấy chứ?

Rất đúng, anh đáp.

Và nó có thể giống, hay cũng có thể không giống chúng?

Vâng.

Nhưng điều đó không quan trọng: bất cứ khi nào nhờ thấy một vật anh có khái niệm về một vật khác, dù là giống nhau hay khác nhau, hẳn là anh phải có một hành vi nhớ lại chứ?

Rất đúng.

Nhưng anh sẽ nói sao về các phần gỗ hay đá bằng nhau, hay các đồ vật bằng nhau? Và chúng tạo ra ấn tượng gì? Chúng có bằng nhau theo nghĩa tuyệt đối không? Hay chúng phần nào không có sự tuyệt đối ấy?

Vâng, chúng còn rất xa với sự tuyệt đối.

Vậy chúng ta phải nhận rằng, khi tôi hay bất cứ ai nhìn một vật nào và thấy rằng vật ấy chỉ về một vật khác, nhưng không hoàn toàn và không thể đạt tới sự hoàn toàn ấy, thì người có quan sát này hẳn phải có một tri thức trước đó về cái mà cái kia còn thua xa chứ?

Chắc chắn.

Và chẳng phải đây chính là trường hợp của chúng ta trong vấn đề các vật bằng nhau và sự bằng nhau tuyệt đối sao?

Chính xác là thế.

Vậy chúng ta hẳn phải đã biết sự bằng nhau tuyệt đối trước lúc chúng ta lần đầu tiên nhìn thấy các vật bằng nhau và nhớ lại rằng tất cả những vật có vẻ bằng nhau này đều nhắm tới sự bằng nhau tuyệt đối, nhưng không bao giờ hoàn toàn đạt tới được sự bằng nhau tuyệt đối ấy phải không?

Đúng như thế.

Và chúng ta cũng nhận ra rằng chúng ta chỉ biết được và chỉ có thể biết được sự bằng nhau tuyệt đối này nhờ thính giác hay xúc giác, hay một giác quan nào khác. Và tôi có thể áp dụng điều này cho mọi khái niệm tương tự chứ?

Vâng, ông Socrates, trong đề tài thảo luận của chúng ta, một trong những khái niệm có thể áp dụng giống như các khái niệm khác.

Và từ giác quan này chúng ta biết được rằng mọi vật khả giác

đều nhắm tới một ý niệm về sự bằng nhau nhưng không hoàn hảo bằng ý niệm ấy, đúng không?

Đúng.

Vậy trước khi chúng ta bắt đầu thấy hay nghe hay nhận thức bằng bất cứ cách nào, chúng ta đã phải có một tri thức về sự bằng nhau tuyệt đối, bằng không chúng ta không thể suy ra rằng các vật mà chúng ta thấy bằng giác quan là bằng nhau đúng không?

Chắc chắn là phải suy ra từ các phát biểu trước.

Và chúng ta thấy, nghe và có được các giác quan ngay khi chúng ta mới sinh ra chứ?

Đương nhiên.

Vậy bắt buộc là chúng ta đã phải có tri thức về sự bằng nhau tuyệt đối ở một lúc nào đó trước khi chúng ta có các giác quan chứ?

Vâng.

Nghĩa là trước khi chúng ta sinh ra, phải không?

Vâng.

Và nếu chúng ta có tri thức này trước khi sinh ra và khi sinh ra chúng ta đã có nó rồi, thì trước khi chúng ta sinh ra và vào lúc chúng ta sinh ra, không những chúng ta đã biết cái bằng nhau hay cái lớn hơn hay nhỏ hơn, mà chúng ta còn biết mọi ý niệm khác nữa; vì chúng ta không chỉ nói đến sự bằng nhau tuyệt đối, mà còn nói đến cái đẹp, sự thiện, sự công bằng, thánh thiện và mọi cái mà chúng ta gọi là yếu tính trong tiến trình biện chứng của chúng ta, khi chúng ta hỏi và trả lời các câu hỏi. Về tất cả những điều này, chúng ta có thể khẳng định chắc chắn rằng chúng ta có tri thức bẩm sinh?

Đúng thế.

Nhưng sau khi đã có trí thức ấy, nếu chúng ta không quên những gì chúng ta đã biết, thì hẳn là chúng ta đã phải có tri thức bẩm sinh và sẽ luôn luôn biết bao lâu đời sống còn tồn tại - vì biết là học được và giữ được tri thức mà không quên chúng. Anh Simmias, có phải quên có nghĩa là đánh mất tri thức không?

Đúng thế, Socrates.

Nhưng nếu tri thức chúng ta đã có trước khi sinh ra và bị chúng ta đánh mất lúc chúng ta sinh ra; và nếu sau đó nhờ sử dụng giác quan mà chúng ta hồi phục lại được những gì chúng ta đã biết trước đó, thì có phải cái mà chúng ta gọi là học tức là một tiến trình phục hồi tri thức của chúng ta và được chúng ta gọi đúng là nhớ lại không?

Rất đúng.

Vì rõ ràng là khi chúng ta nhận thức một vật gì, dù là nhờ thị giác, hay thính giác, hay một giác quan nào khác, chúng ta sẽ không gặp khó khăn gì để nhận được từ những

nhận thức này một khái niệm về một cái gì giống hay không giống với cái đã bị quên và được liên hệ với nó; và vì thế, như tôi vừa nói, chúng ta sẽ có một trong hai hệ quả sau: hoặc là chúng ta đã có tri thức này lúc sinh ra và tiếp tục suốt đời chúng ta; hay là, sau khi sinh ra, cái mà chúng ta gọi là học được thì thực ra chỉ là nhớ lại cái chúng ta đã biết và đã bị quên mà thôi.

Vâng, đúng như thế, Socrates.

Vậy anh Simmias, anh thích trường hợp nào hơn? Chúng ta có tri thức bẩm sinh, hay chúng ta nhớ lại sau này những điều mà chúng ta đã biết trước khi sinh ra?

Tạm thời tôi không thể chắc được.

Dù sao anh vẫn có thể kết luận rằng người có tri thức thì phải có thể hay không có thể lý giải về điều mình biết chứ?

Chắc chắn họ phải có thể lý giải.

Nhưng anh có nghĩ là mọi người đều có thể lý giải về chính những vấn đề chúng ta đang thảo luận không?

Tôi rất muốn nghĩ như thế, Socrates, nhưng tôi e rằng ngày mai vào giờ này sẽ không ai có thể nêu ra lý lẽ có giá trị.

Nghĩa là anh không nghĩ rằng mọi người đều biết những điều này?

Vâng.

Vậy họ đang ở trong tiến trình nhớ lại những điều họ đã học trước kia?

Chắc chắn.

Nhưng linh hồn chúng ta biết các tri thức này lúc nào? không phải lúc chúng ta trở thành người lúc sinh ra chứ?

Chắc chắn là không.

Vậy là trước đó?

Vâng.

Vậy anh Simmias, linh hồn chúng ta hẳn phải hiện hữu trước khi chúng ở trong hình dạng con người - nghĩa là lúc chúng không có thân xác và đã phải có trí thông minh rồi.

Chỉ có thể như thế, trừ khi ông nghĩ rằng các khái niệm này được phú ban cho chúng ta vào chính lúc chúng ta sinh ra.

Đúng, anh bạn, nhưng chúng ta mất chúng lúc nào? Vì chúng không có trong chúng ta khi chúng ta sinh ra đó là điều chúng ta đã nhìn nhận. Có phải chúng ta mất chúng ngay lúc nhận được chúng, hay vào một lúc nào khác?

Không, Socrates, tôi thấy vô tình tôi đang nói những điều vô nghĩa.

Vậy, anh Simmias, phải chăng chúng ta có thể nói rằng có một cái đẹp tuyệt đối, cái tốt tuyệt đối; và yếu tính nói chung là chúng ta coi chúng như những tình trạng có

trước khi chúng ta hiện hữu, và chúng ta qui chiếu mọi cảm giác của chúng ta về chúng và so sánh với chúng - nghĩa là chúng ta giả thiết chúng có một sự hiện hữu trước đó, như thế linh hồn chúng ta hẳn phải đã có một sự hiện hữu trước khi chúng ta sinh ra, vì nếu không, lý luận của chúng ta không thể đứng vững. Chắc chắn rằng nếu các ý niệm tuyệt đối này đã hiện hữu trước khi chúng ta sinh ra, thì linh hồn chúng ta hẳn đã phải hiện hữu trước khi chúng ta sinh ra, ngược lại, nếu các ý niệm này không hiện hữu, thì linh hồn cũng không.

Vâng, Socrates; tôi tin rằng có sự hiện hữu tất yếu của linh hồn trước khi chúng ta sinh ra và sự hiện hữu trong yếu tính của những cái mà chúng ta đang nói đến: và lý luận đạt tới một kết quả hợp với khái niệm của tôi. Vì không có gì mà tôi thấy là hiển nhiên hơn rằng cái đẹp, cái tốt và các khái niệm khác mà ông đang nói đến, chúng có một sự hiện hữu tuyệt đối và hiện thực nhất; và tôi thỏa mãn với chứng minh này.

Tốt, nhưng Cebes có thỏa mãn như thế không? Vì tôi cũng phải thuyết phục cả anh ấy nữa.

Simmias nói, tôi nghĩ Cebes cũng thỏa mãn: mặc dù anh ta là người đa nghi nhất, tôi tin anh ta tin rằng linh hồn hiện hữu trước khi chúng ta sinh ra. Nhưng tôi vẫn chưa thỏa mãn vì chúng ta chưa chứng minh được rằng linh hồn tiếp tục còn tồn tại sau khi chết. Tôi không thể nào gạt bỏ được cảm giác của nhiều người mà Cebes đã nhắc đến - đó là cảm giác rằng khi một người chết, linh hồn có thể bay đi và có thể kết thúc sự tồn tại của nó. Vì chúng ta đã nhìn nhận rằng linh hồn có thể được sinh ra ở một nơi nào đó và có thể đã hiện hữu trước khi nó nhập vào thân xác, vậy tại sao lại không thể cho rằng sau khi đã vào rồi ra khỏi thân xác, nó lại không thể bị hủy diệt và hết tồn tại?

Rất đúng, anh Simmias, Cebes nói; nửa phần đầu lý luận của chúng ta nói rằng linh hồn hiện hữu trước khi chúng ta sinh ra, điều đó đã được chứng minh; nhưng chúng ta chưa chứng minh được nửa thứ hai của lý luận, đó là linh hồn tiếp tục tồn tại sau khi chết, vì thế ta cần phải cung cấp chứng minh này.

Nhưng, Socrates nói, anh Simmias và Cebes ơi, chứng minh này đã có rồi, nếu hai anh gộp chung hai lý luận vào với nhau - tôi muốn nói tới lý luận này và lý luận trước, khi ấy chúng ta chứng minh rằng mọi vật sống đều sinh ra từ vật đã chết. Vì nếu linh hồn tồn tại trước khi sinh ra và chỉ được sinh ra từ cái chết, thì hẳn là sau khi chết nó phải tiếp tục tồn tại vì nó còn phải tái sinh chứ. Chắc chắn chứng minh các

anh muốn có thì đã có rồi. Nhưng tôi chắc hai anh còn muốn đẩy lý luận đi xa hơn nữa: giống như bọn trẻ, các anh bị ám ảnh bởi nỗi sợ rằng khi linh hồn lìa thân xác, gió có thể thổi nó đi và làm nó bay tứ tán; đặc biệt nếu một người tình cờ chết giữa cơn giông bão chứ không phải lúc trời êm ả.

Cebes mỉm cười trả lời: vậy ông Socrates, ông phải lý luận để xua tan nỗi sợ của chúng tôi - nhưng nói đúng ra, không phải nỗi sợ của chúng tôi, nhưng là của một đứa trẻ nơi chúng tôi vốn sợ cái chết giống như sợ một con ngoáo ộp; chúng ta cũng phải thuyết phục đứa trẻ ấy để nó không còn sợ khi nó ở một mình trong đêm tối. Nhưng có lẽ chúng ta đi hơi xa đề rồi; tôi nghĩ chúng ta nên quay trở lại đề tài thảo luận của chúng ta.

Hay lắm, Socrates nói; chúng ta có nên hỏi thêm một ít câu hỏi đại loại như sau không? Cái mà chúng ta nghĩ là sẽ tan biến mất và cái mà chúng ta sợ là cái gì? Và cái mà chúng ta không sợ là cái gì? Sau đó chúng ta có thể tiếp tục tìm hiểu xem cái bị tản mát đi có phải là bản chất của linh hồn hay không phải là bản chất của linh hồn-các hi vọng và các nỗi sợ của chúng ta về linh hồn cũng bắt nguồn từ vấn đề này.

Đúng thế, anh nói.

Vậy có thể giả sử rằng cái gì là kết hợp hay được cấu thành bởi nhiều thứ thì theo quy luật tự nhiên có thể tiêu tan giống như nó đã được cấu thành; nhưng cái gì là đơn giản, không kết hợp, thì không thể tiêu tan.

Vâng; chúng ta phải nhìn nhận điều đó, Cebes nói.

Và cái gì không kết hợp thì có thể được coi là đồng nhất với chính nó và không thay đổi, trong khi cái gì kết hợp thì luôn luôn thay đổi và không bao giờ giống như cũ?

Tôi cũng nghĩ thế, anh nói.

Vậy bây giờ chúng ta trở lại thảo luận trước. Ý niệm hay yếu tính mà trong tiến trình biện chứng chúng ta đã định nghĩa như là yếu tính hay hiện hữu đích thực - vậy yếu tính của sự bằng nhau, cái đẹp, hay bất cứ cái gì như thế - các yếu tính này có khi nào thay đổi ở một mức độ nào đó không? Hay tất cả chúng luôn luôn là cùng một vật hiện hữu tự tại đơn giản và không thay đổi cũng như không thể chấp nhận thay đổi, bằng bất cứ cách nào và bất cứ lúc nào?

Chúng luôn luôn phải là đồng nhất, Socrates, Cebes đáp.

Và anh nghĩ thế nào về các vật đẹp có ở khắp nơi-những người đẹp, những con ngựa đẹp hay những bộ quần áo đẹp, hay bất cứ cái gì mà chúng ta gọi là bằng nhau hay đẹp-các thứ ấy có luôn luôn giống nhau không, hay chúng đôi khi cũng thay đổi? Đúng hơn phải nhìn nhận

rằng chúng luôn luôn thay đổi và không bao giờ đồng nhất, dù với chính chúng hay với cái gì khác, đúng không?

Tôi nghĩ là trường hợp thứ hai, Cebes đáp; chúng luôn luôn ở trạng thái thay đổi.

Và những thứ ấy các anh có thể cảm thấy bằng các giác quan như xúc giác, thị giác hay các giác quan khác, còn những vật không thay đổi thì các anh chỉ có thể nhận thức bằng tinh thần-chúng vô hình nên không thể nhìn thấy bằng mắt?

Rất đúng, anh nói.

Tốt, ông nói, vậy chúng ta giả sử có hai loại hiện hữu-một thấy được, một không thấy được.

Cứ giả sử như thế đi.

Cái gì thấy được thì thay đổi, cái gì không thấy được thì không thay đổi?

Có thể chấp nhận giả thiết ấy.

Hơn nữa, một phần của chúng ta là thân xác, còn phần kia là linh hồn, đúng không?

Chắc chắn.

Vậy chúng ta xếp thân xác chúng ta vào loại nào?

Vào loại có thể thấy được: đó là điều đương nhiên.

Còn linh hồn thì có thể thấy được hay không thấy được?

Không thấy được.

Và chúng ta hiểu "thấy được" và "không thấy được" nghĩa là thấy được hay không thấy được bằng mắt con người, đúng không?

Đúng.

Thế còn linh hồn? mắt có thể thấy được không?

Không.

Vậy là nó thuộc loại không thể thấy được?

Vâng.

Vậy linh hồn thì thuộc loại không thể thấy được, còn thân xác thuộc loại có thể thấy được?

Tuyệt đối chắc chắn, ông Socrates.

Nhưng trước kia chúng ta cũng đã từng nói rằng linh hồn sử dụng thân xác như một dụng cụ để nhận thức, nghĩa là sử dụng thị giác, thính giác hay các giác quan khác (vì nhận thức nhờ thân xác có nghĩa là nhận thức bằng các giác quan) - và khi sử dụng thân xác như thế, linh hồn bị thân xác lôi kéo vào vùng của những cái thay đổi, nó đi lang thang và bị lầm lẫn; thế giới lảo đảo quanh nó và nó giống như một kẻ say rượu, đúng không?

Rất đúng.

Nhưng rồi nó trở về với chính mình và suy nghĩ; lúc ấy nó đi vào thế giới của sự tinh tuyền, vĩnh cửu, bất tử và không thay đổi, là những thứ giống như bản thân nó và nó sống với thế giới ấy, khi nó

sống tự tại và không để bị ảnh hưởng hay cản trở bởi các điều gì khác; khi ấy nó không còn bị lạc đường và sống kết hợp với cái không thay đổi có nghĩa là không thay đổi. Và trạng thái này được gọi là khôn ngoan?

Điều đó đã được chúng ta nói rất rõ và rất hay, anh đáp.

Vậy dựa trên lý luận này và lý luận trước, anh cho rằng linh hồn giống với loại hiện hữu nào hơn?

Tôi nghĩ rằng bất cứ ai đi theo lý luận này đều phải cho rằng linh hồn hoàn toàn giống với loại hiện hữu không thay đổi - thậm chí những kẻ ngu ngốc nhất cũng không thể chối điều đó.

Và thân xác thì giống với những loại hiện hữu thay đổi phải không?

Vâng.

Nhưng một lần nữa chúng ta hãy xét vấn đề theo cách này: Khi linh hồn và thân xác kết hợp với nhau, thì tự nhiên đòi linh hồn ra lệnh và cai trị, còn thân xác phục tùng và phục vụ. Vậy chức năng nào trong hai chức năng này giống với thần linh hơn? Và chức năng nào giống với người phàm hơn? Có phải chức năng truyền lệnh và cai trị là chức năng của thần linh và chức năng phục tùng và phục vụ là của người phàm?

Đúng.

Và linh hồn giống với loài nào hơn?

Linh hồn giống với thần linh và thân xác giống với loài phàm - đó là điều chắc chắn, Socrates.

Vậy, anh Cebes, hãy suy nghĩ: kết luận cuối cùng hẳn phải là thế này: linh hồn giống với thần linh, bất tử, thông minh, thuần nhất và không thể bị hủy diệt, không thể thay đổi; còn thân xác thì giống với người phàm, phải chết, khó hiểu và đa dạng, có thể hủy diệt và thay đổi. Có thể phủ nhận điều đó không, Cebes?

Hoàn toàn không thể.

Nhưng nếu đúng như vậy, thì thân xác rất dễ tiêu tan, đúng không? Và linh hồn hầu như hoàn toàn không thể tiêu tan?

Chắc chắn.

Và anh có nhận thấy thêm rằng, sau khi người ta chết, thân xác vốn là phần có thể thấy được và có một cái khung có thể thấy được, gọi là cái xác và sẽ tự nhiên phân hủy và tan rã, nhưng không bị phân hủy và tan rã ngay lập tức, nhưng có thể còn tồn tại trong chốc lát, nếu kết cấu của nó tốt vào lúc chết và thời tiết trong năm thích hợp, đúng không? Vì thân xác khi khô lại và được ướp như tập tục của người Ai Cập thì có thể tồn tại gần như mãi mãi; và cả khi bị phân hủy, vẫn còn một số phần như xương cốt và các dây chằng gần như không thể tiêu tan. Anh công nhận điều này chứ?

Vâng.

Và chúng ta có thể giả thiết rằng linh hồn, vốn không thể thấy được, nó đi đến Âm phủ thực sự, Âm phủ này cũng giống như nó, không thể thấy được, tinh tuyền, cao quý và trên đường đi đến với Thượng đế tốt lành và khôn ngoan, nếu Người muốn, linh hồn của tôi sẽ sớm đến gặp Người, tôi lặp lại, linh hồn, nếu bản tính và nguồn gốc của nó là thế, liệu chúng ta có thể nói như nhiều người rằng linh hồn sẽ nổ tung và tiêu tan ngay khi lìa xác không? Không bao giờ, anh Simmias và Cebes thân yêu. Ngược lại, sự thật là linh hồn nào tinh tuyền lúc lìa xác thì sẽ không kéo theo những vết tích nào của thân xác, vì đã không bao giờ có ý chung đụng với thân xác mà nó luôn luôn tìm cách xa tránh để nó có thể đi vào bên trong nó; vì sự xa tránh đó đã là mục tiêu cố gắng suốt đời của linh hồn. Và có phải điều này có nghĩa là linh hồn là một học trò đích thực của triết học và đã thực tập cách chết dễ dàng không? Và triết học chính là luyện tập chết, đúng không?

Chắc chắn.

Tự bản chất không thể thấy, linh hồn ra đi về cõi vô hình-tức là về với thần linh và thế giới bất tử và lý trí; đến đó rồi, linh hồn sống hạnh phúc và được giải thoát khỏi sai lầm và sự điên rồ của loài người, các nỗi sợ và các đam mê ngông cuồng cũng như mọi điều xấu khác của loài người và mãi mãi ở với các thần linh. Có đúng không, Cebes?

Đúng, không nghi ngờ gì, Cebes nói.

Nhưng linh hồn nào đã bị ô uế và không thanh sạch vào lúc nó lìa thân xác và luôn luôn phục tùng thân xác, yêu mến thân xác và các dục vọng của thân xác, cho tới khi nó bị lôi kéo tới chỗ tin rằng sự thật chỉ tồn tại trong thân xác, là cái mà con người có thể sờ thấy, nhìn thấy và sử dụng cho các mục đích tham lam của nó-tôi nói loại linh hồn đã quen với sự chê ghét, sợ và tránh nguyên lý tri thức, mà thân xác coi là tối tăm và không thể thấy được và chỉ có thể đạt được bằng triết học;-anh có nghĩ là một linh hồn như thế sẽ lìa thân xác một cách tinh tuyền và không pha trộn không?

Hoàn toàn không thể, anh đáp.

Nó bị thân xác làm cho ra ô uế và việc thường xuyên dính líu với thân xác, chăm lo cho thân xác đã làm cho sự ô uế này trở thành bản tính tự nhiên của linh hồn.

Rất đúng.

Và, anh bạn thân mến, chúng ta có thể quan niệm điều này như là yếu tố nặng nề, phàm tục của thị giác làm cho linh hồn bị đè nặng và kéo lê xuống thế giới hữu hình, vì nó sợ thế giới vô hình và

thế giới bên kia-nó đi lảng vảng quanh các huyệt mộ, là những nơi mà người ta thường kể rằng họ thấy các hồn ma xuất hiện, là các hồn đã lìa bỏ thân xác trong trạng thái không thanh sạch, nhưng bị ô uế bởi thị giác và vì thế là các hồn hữu hình.

Rất có thể là thế, Socrates.

Phải, rất có thể, anh Cebes; và những linh hồn này không thể là linh hồn của những người tốt mà là của những người xấu, những người bị buộc phải lang thang ở những nơi như thế để đền bù các tội chúng đã phạm ở kiếp trước; và chúng tiếp tục lang thang cho tới khi ước muốn của chúng được thỏa mãn và chúng bị giam cầm trong một thân xác khác. Và có thể là chúng sẽ phải nhận mãi mãi các bản tính mà chúng đã có ở kiếp trước.

Ông muốn nói đến các bản tính nào, ông Socrates?

Tôi muốn nói rằng những người đã chiều theo sự tham lam, buông thả, rượu chè và không có ý tránh những điều ấy, thì sẽ hóa thành những con lừa và những con vật giống như thế. Anh nghĩ sao?

Tôi nghĩ hoàn toàn có thể như thế.

Và những người đã chọn nếp sống bất công, chuyên chế và bạo hành, sẽ hóa thành những con sói, những con diều hâu hay những con quạ;-chúng còn có thể đến nơi đâu khác được?

Vâng, Cebes nói; chắc chắn đó là nơi ở cho các bản tính như thế.

Và cũng không khó gì để gán cho tất cả chúng những nơi hợp với các bản tính và khuynh hướng khác nhau của chúng?

Đúng thế.

Nhưng ngay cả giữa chúng cũng có một số sướng hơn số khác; đó là những kẻ đã thực hành các nhân đức dân sự và xã hội được gọi là tiết độ và công bằng, và đạt được các nhân đức ấy nhờ thói quen và sự chú ý chứ không phải nhờ triết học.

Tại sao chúng lại là những linh hồn sung sướng nhất?

Vì chúng có thể sẽ được đổi sang một bản tính xã hội dịu dàng hơn, giống như chúng, như bản tính của loài ong hay loài kiến, hay thậm chí trở về lại kiếp người và từ chúng sẽ sinh ra những người công bằng và điều độ.

Rất có thể xảy ra chuyện ấy.

Nhưng người nào là một triết gia hay người yêu mến tri thức và hoàn toàn trong sạch khi lìa thân xác, thì được phép đi đến với các thần. Và đây là lý do tại sao những người yêu mến triết học kiêng cữ mọi dục vọng thể xác và chịu đựng cũng như từ chối chiều theo chúng,-không phải vì họ sợ cảnh nghèo khó của bản thân hay của gia đình,

giống như những kẻ tham tiền và loài người nói chung; cũng không giống như những kẻ yêu quyền lực và danh vọng, vì họ ghét sự nhơ nhuốc của những hành vi xấu.

Không, Socrates, họ không thể trở thành hạng người như thế, Cebes nói.

Hẳn là không thể, ông đáp; và vì thế những người chăm lo cho linh hồn mình chứ không sống theo những ước muốn của thân xác, thì từ bỏ tất cả những thứ ấy; họ sẽ không đi đứng giống như những người mù: và khi triết học cống hiến cho họ sự thanh tẩy và giải thoát khỏi điều xấu, họ cảm thấy mình không thể kháng cự lại ảnh hưởng của triết học, nhưng đi theo đường của triết học và đến nơi mà triết học đưa họ đến.

Ý ông muốn nói gì, Socrates?

Tôi sẽ cho anh biết, ông nói. Những người yêu mến tri thức thì biết rằng khi triết học tiếp nhận linh hồn họ, linh hồn họ chỉ đơn thuần được cột dính vào với thân xác: linh hồn chỉ có thể nhìn thấy hiện hữu xuyên qua song sắt của nhà tù, chứ không thấy được hiện hữu trong bản chất đích thực của nó; nó đi lẳng vẳng trong vũng lầy của sự ngu dốt; và triết học, khi nhìn thấy cảnh ngục tù khốn nạn của nó, triết học cho nó thấy rằng đây là cái nhìn thấy được và sờ thấy được, còn cái mà linh hồn nhìn thấy nơi bản chất của nó là tri thức và cái vô hình. Và linh hồn của nhà triết học đích thực thì nghĩ rằng nó không được chống cự lại sự giải phóng này, vì thế nó cố gắng hết sức để kiềm chế các dục vọng và thú vui cũng như các đau khổ và sợ hãi.

Rất đúng, Socrates, Cebes đáp.

Và anh Cebes, đây là lý do tại sao người yêu mến tri thức đích thực là người tiết độ và can đảm; chứ không phải vì các lý do như của những người khác.

Sau khi Socrates dứt lời, mọi người im lặng một lúc lâu; bản thân ông cũng như đa số chúng tôi có vẻ suy tư về những điều vừa nói, chỉ có Cebes và Simmias nói với nhau một vài câu gì đó. Thấy thế, Socrates hỏi họ rằng họ nghĩ gì về lý luận này và có còn thiếu điều gì nữa không? Vì, ông nói, vẫn còn nhiều điều để hoài nghi và công kích, nếu có ai muốn xem xét vấn đề đến nơi đến chốn. Nếu các anh đang nói chuyện gì khác, thì tôi không có ý kiến gì, nhưng nếu các anh còn đang hoài nghi về lý luận của chúng ta, thì đừng ngại nói rõ các anh đang nghĩ gì, để chúng ta có thể gợi ý cho các anh điều gì tốt hơn; và nếu tôi giúp được gì, tôi sẵn sàng phục vụ các anh.

Simmias nói: ông Socrates, thú thật rằng vẫn còn những hoài nghi nảy sinh trong đầu óc chúng tôi, vì thế hai người chúng tôi đang thúc nhau để nêu lên câu hỏi mà

chúng tôi muốn được nghe trả lời nhưng không ai trong hai người chúng tôi dám nói, vì nói lên có thể không thích hợp trong hoàn cảnh bây giờ của ông.

Socrates mỉm cười nói: anh Simmias lạ thật; tôi sẽ không muốn thuyết phục những người khác tin rằng tôi không coi hoàn cảnh bây giờ của tôi là một điều bất hạnh, nếu như tôi không thể thuyết phục được các anh và các anh vẫn tiếp tục nghĩ rằng bây giờ tôi bồn chồn hơn bất cứ lúc nào khác. Các anh không nghĩ rằng tôi cũng có một tinh thần tiên tri giống như những con thiên nga sao? Vì những con thiên nga khi biết chúng phải chết, thì sau cả một đời ca hát, bây giờ chúng lại còn hát nhiều hơn trước, chúng vui mừng vì chúng sắp sửa đến với vị thần mà chúng phục vụ. Nhưng vì loài người, vốn là những kẻ sợ chết, nên đã cắt nghĩa một cách bỉ ổi rằng những con thiên nga ấy than thân trách phận trước lúc chết, vì họ không biết rằng không một con chim nào lại hót lúc bị lạnh hay đói, hay đau, dù là một con sơn ca, con én, hay con chim đầu rìu, là những loài chim mà người ta nói rằng thường hát những điệu buồn, nhưng tôi không tin như thế, cũng như tôi không tin rằng con thiên nga hát bài ca chờ chết. Nhưng vì thiên nga là những con vật thánh của thần Apollo, chúng có khiếu nói tiên tri và báo trước điều tốt lành của một thế giới bên kia, nên chúng hát và vui mừng vào ngày chúng sắp chết hơn là trong suốt đời chúng. Và tôi, tôi cũng tin mình là đầy tớ trung thành của thần Apollo và là bạn đồng nghiệp với các con thiên nga; và nghĩ rằng tôi đã nhận được từ thần các thiên khiếu tiên tri cũng không thua kém gì thiên khiếu của loài thiên nga, nên tôi không thể từ giã cõi đời này mà lại không vui mừng như những con thiên nga. Vậy các anh đừng e ngại gì nữa và cứ hỏi điều gì các anh muốn, trong khi mười một quan tòa của Athens còn cho phép chúng ta nói chuyện.

Hay lắm, ông Socrates, vậy tôi sẽ nói lên thắc mắc của tôi, còn Cebes nói lên thắc mắc của anh ấy. Vì ông đã cho phép, tôi sẽ mạnh dạn nêu lên câu hỏi để ông không phải trách tôi đã không nói lên ý nghĩ của mình khi cần phải nói. Tôi thú nhận rằng khi xem xét vấn đề thảo luận, tôi thấy các lý luận của chúng ta chưa đầy đủ.

Socrates trả lời: Rất có thể anh nói có lý, nhưng tôi muốn biết lý luận của chúng ta thiếu về phương diện nào?

Về phương diện này, Simmias đáp:-chúng ta có thể dùng cùng một lý luận về giai điệu và cây đàn lia-để nói rằng giai điệu là một vật vô hình, vô chất thể, đẹp, thần linh, ở trong cây đàn lia có giai

điệu, nhưng cây đàn lia và các dây đàn lại là những đồ vật chất, kết hợp, trần thế và giống với những loài phải hư nát không? Và khi có ai đánh bể cây đàn hay làm đứt dây đàn, thì người chứng kiến cảnh này sẽ có thể nói giống như ông đã nói rằng giai điệu vẫn còn tồn tại chứ không bị tiêu diệt; vì người ấy sẽ nói rằng, ông không thể tưởng tượng được cây đàn không dây và các dây bị đứt vẫn còn tồn tại đó, trong khi giai điệu là cái có tính chất thần linh và bất tử, và những tính chất tương tự như thế, thì lại bị hủy diệt và còn bị hủy diệt quá sớm trước cả cái có thể bị hủy diệt. Người ấy sẽ nói rằng giai điệu chắc chắn còn tồn tại ở đâu đó và miếng gỗ đàn và dây đàn sẽ bị hủy trước khi giai điệu ấy bị hủy. Vì tôi nghĩ rằng khái niệm về linh hồn mà tất cả chúng tôi đều có, cũng là khái niệm của ông và ông cũng muốn quan niệm rằng thân xác được nối kết lại bởi những yếu tố nóng và lạnh, khô và ướt, v.v... và linh hồn là giai điệu hay sự phối hợp có tỷ lệ đúng của các yếu tố ấy. Và, nếu đúng như thế, thì kết luận rõ ràng là, khi các dây của thân xác bị chùng xuống hay quá căng do rối loạn hay một tổn thương nào, thì linh hồn, mặc dù mang tính chất thần linh nhất, nó tất nhiên cũng sẽ hư nát ngay lập tức giống như bất cứ giai điệu hay tác phẩm nghệ thuật nào, mặc dù chất thể của thân xác có thể còn tồn tại một thời gian đáng kể, cho tới khi chúng bị tan rữa hay thiêu hủy. Vậy nếu có ai cho rằng linh hồn, vì là giai điệu của các yếu tố của thân xác, sẽ tiêu tan đầu tiên vào lúc mà chúng ta gọi là chết, thì chúng tôi phải trả lời thế nào?

Socrates nhìn quanh chúng tôi theo kiểu cách thường có của ông và mỉm cười nói: anh Simmias có lý đấy; có ai trong các anh có thể trả lời anh ta thay cho tôi được không? Vì phê bình của anh ta nặng cân đấy. Nhưng có lẽ trước khi trả lời anh, chúng ta cũng nên nghe xem Cebes có gì chống lại lý luận của chúng ta - trong lúc này chúng ta sẽ có thời gian để suy nghĩ và sau khi cả hai anh nói xong, chúng ta có thể hoặc đồng ý với các anh, nếu lời các anh có vẻ hợp với sự thật, hoặc nếu không, chúng ta có thể đứng về phe kia và tranh luận với các anh. Vậy anh Cebes, anh có thể cho tôi biết anh có khó khăn gì không?

Cebes nói: tôi sẽ nói ra khó khăn của tôi. Tôi cảm thấy rằng lý luận vẫn ở tình trạng cũ và vẫn còn gặp phải những vấn nạn giống như trước; vì tôi sẵn sàng nhận rằng sự hiện hữu của linh hồn trước khi nhập vào thân xác là rất tinh vi và như tôi đã nói, đã được chứng minh khá đủ rồi; nhưng sự hiện hữu của linh hồn sau khi nhập vào thân xác theo tôi vẫn chưa được chứng minh. Vậy vấn nạn của tôi

không giống với vấn nạn của anh Simmias; vì tôi không phủ nhận rằng linh hồn thì mạnh hơn và tồn tại lâu hơn thân xác, vì tôi cho rằng về mọi phương diện ấy, linh hồn vượt xa thân xác.

Tốt lắm, anh hãy nêu vấn nạn của anh cho tôi nghe, tại sao anh không thấy thuyết phục ?

Khi ông thấy cái yếu hơn vẫn còn tồn tại sau khi con người chết, hẳn anh cũng nhìn nhận rằng cái gì tồn tại lâu hơn thì cũng tồn tại trong cùng thời gian ấy không? Giống như Simmias, tôi phải dùng một hình ảnh minh họa; và tôi sẽ xin ông xét xem hình ảnh này có đi vào đúng vấn đề không. Hình ảnh tôi dùng là về một người thợ dệt già, ông ta chết và sau khi ông ấy chết, có người nói: - Ông ấy không chết, ông ấy phải đang sống; và họ lý luận dựa vào cái áo mà ông ấy đã dệt và mặc vẫn còn nguyên vẹn không bị phân hủy. Sau đó họ hỏi một người không tin rằng liệu một người tồn tại lâu hơn hay là cái áo người ấy mặc; và khi người kia trả lời rằng con người tồn tại lâu hơn cái áo nhiều lắm, họ nghĩ rằng như vậy họ đã chứng minh được sự tồn tại của con người sau khi chết, vì cái tồn tại ít hơn vẫn tồn tại. Nhưng tôi muốn anh nhận xét, anh Simmias, đó không phải là sự thật; ai ai cũng thấy người nói kiểu ấy là nói vô nghĩa. Vì sự thật là người thợ dệt này, sau khi đã dệt và mặc rất nhiều cái áo như thế, mặc dù vẫn còn sống sau nhiều cái áo, nhưng cái áo cuối cùng còn sống vượt cả chính ông ta; nhưng chắc chắn điều đó hoàn toàn không chứng minh rằng một người là nhẹ hơn hay yếu hơn một cái áo. Vậy tương quan giữa thân xác và linh hồn có thể diễn tả bằng một hình ảnh giống như thế; vì ông có thể nói một cách hợp lý rằng linh hồn tồn tại và thân xác thì yếu cũng như sống ít hơn linh hồn. Và có thể nói mọi linh hồn sống qua nhiều thân xác, đặc biệt qua một đời sống dài. Vì nếu trong khi người ấy sống, thân xác yếu đi và tàn rữa, nhưng linh hồn luôn luôn dệt áo mới và sửa lại những đồ cũ, thì tất nhiên, khi linh hồn bị diệt, nó phải đang mặc chiếc áo cuối cùng và chỉ có chiếc áo cuối cùng này sống dai hơn nó; nhưng rồi, khi linh hồn chết, thì cuối cùng thân xác cũng sẽ cho thấy bản chất yếu đuối của nó và cũng mau chóng tiêu tan. Vì vậy đây là một lý luận mà tôi không nghĩ là có thể chứng minh rằng linh hồn tồn tại sau khi chết. Vì giả sử chúng tôi nhìn nhận như ông rằng linh hồn đã tồn tại trước khi chết và sẽ còn tồn tại, được tái sinh rồi chết đi sống lại nhiều lần và đó là một sức mạnh trong linh hồn, khiến nó tồn tại và được tái sinh nhiều lần; tuy nhiên, chúng tôi vẫn có thể nghĩ rằng linh hồn sẽ hao mòn dần qua các đau đớn của các lần

tái sinh, cuối cùng có thể rơi vào một cái chết cuối cùng và hoàn toàn tiêu tan; cái chết và sự phân hủy này của thân xác mang theo sự tận diệt của linh hồn thì không ai trong chúng ta biết được, vì chưa từng có ai trong chúng ta có kinh nghiệm về nó: và nếu sự thật là thế, thì tôi nói rằng người nào tin tưởng vào cái chết thì chỉ là một niềm tin khờ dại, trừ khi người ấy chứng minh được rằng linh hồn hoàn toàn bất tử và bất diệt. Nhưng nếu không thể chứng minh được điều này, thì người sắp chết sẽ luôn luôn có lý do để sợ rằng khi thân xác bị phân hủy, thì linh hồn cũng có thể hoàn toàn bị tiêu diệt.

Như sau này chúng tôi trao đổi với nhau, tất cả chúng tôi cảm thấy khó chịu khi nghe họ nói điều này. Trước đó chúng tôi đã từng có một sự xác tín quá vững chắc, thế mà bây giờ niềm tin của chúng tôi bị chao đảo vì mọi sự trở thành lẫn lộn và không chắc chắn, không chỉ đối với lý luận trước, mà còn đối với mọi lý luận sau này; hoặc là chúng tôi không phải những người có phán đoán tốt, hoặc là chúng tôi không có những cơ sở thực sự để tin.

EC: Ở điểm này tôi cũng cảm thấy giống như anh, anh Phaedo và khi anh nói, tôi bắt đầu tự hỏi cùng một câu hỏi như anh: tôi còn có thể tin vào lý luận nào được nữa? Vì còn gì thuyết phục bằng lý luận của Socrates, thế mà bây giờ nó đã bị nghi ngờ? Ý tưởng về linh hồn như là một giai điệu là một học thuyết luôn luôn rất hấp dẫn đối với tôi và khi nhắc đến nó, nó trở lại trong đầu óc tôi ngay lập tức, y hệt như niềm tin ban đầu của tôi. Vậy mà bây giờ tôi phải bắt đầu lại và tìm ra một lý luận khác để đoan chắc rằng khi một người chết đi, thì linh hồn người ấy không chết theo. Vậy tôi xin anh, anh Phaedo, Socrates đã trả lời thế nào? Ông có tỏ ra chia sẻ cảm giác khó chịu mà anh vừa nhắc đến không? Hay ông đã bình thản nghe câu vấn nạn và đưa ra câu trả lời thỏa đáng? Xin anh vui lòng nói cho chúng tôi biết đích xác điều gì đã xảy ra.

PH: Anh Echecrates, tôi vẫn thường rất ngưỡng mộ Socrates, nhưng chưa bao giờ khâm phục ông nhiều hơn lúc ấy. Ông có thể trả lời là chuyện không có gì ngạc nhiên, nhưng điều làm tôi ngạc nhiên là cung cách dịu dàng, thú vị và tán thành của ông khi hai anh bạn nêu các vấn nạn của họ, và cả cảm giác sâu sắc về điểm yếu mà lý luận của họ đã đánh vào và ông sẵn sàng áp dụng nghệ thuật chữa trị. Có thể

ví ông với một ông tướng thu thập lại nhóm tàn binh của mình, khuyến khích họ đi theo ông và trở lại chiến trường tranh luận.

EC: Như thế nào?

PH: Lúc ấy tôi đang ngồi trên một chiếc ghế đẩu sát bên phía tay phải ông, còn ông thì ngồi trên chiếc ghế dài cao hơn chiếc ghế đẩu tôi ngồi rất nhiều. Ông mân mê đầu tôi, vuốt tóc tôi xuống cổ và nói:

SC: Anh Phaedo, tôi giả sử ngày mai mái tóc đẹp này của anh sẽ bị cạo nhẵn.

PH: Vâng, ông Socrates, tôi giả sử như thế, tôi đáp.

SC: Chúng sẽ không bị cạo nếu anh nghe lời khuyên của tôi.

PH: Tôi phải làm gì? Tôi hỏi.

SC: Ngay hôm nay, chứ không phải ngày mai, nếu lý luận này chết đi và không được chúng ta làm cho sống lại, thì cả anh và tôi sẽ cạo đầu; và nếu tôi là anh và không thể phản bác lý luận của Simmias và Cebes, chính tôi sẽ thề giống như Argives là sẽ không bao giờ để tóc nữa cho đến khi tôi tìm lại được lý luận mới và đánh bại họ.

PH: Vâng, tôi nói; nhưng người ta nói chính Heracles cũng không đánh lại được hai.

SC: Vậy anh hãy kêu tôi tới và tôi sẽ là chàng Iolaus của anh cho tới khi mặt trời lặn.

PH: Tôi sẽ kêu ông đến, không phải như Heracles kêu Iolaus, mà như thể Iolaus kêu Heracles.

SC: Cũng vậy thôi. Nhưng trước hết chúng ta phải cẩn thận tránh một nguy hiểm.

PH: Nguy hiểm gì?

SC: Nguy hiểm trở thành những người ghét lý luận, là một trong những điều tồi tệ nhất có thể xảy ra cho chúng ta. Vì cũng như có những kẻ ghét loài người, thì cũng có những kẻ ghét lý luận hay tư tưởng và cả hai đều bắt nguồn từ một nguyên nhân là sự ngu dốt về thế giới. Thái độ ghét loài người phát sinh từ sự quá tự tin mà không có kinh nghiệm; anh tin tưởng một người và nghĩ rằng anh ta hoàn toàn chân thật, tốt lành và trung thành, thế rồi trong chốc lát anh ta trở thành giả dối và lừa đảo; và rồi lần này qua lần khác, khi điều này xảy đến nhiều lần cho một người, đặc biệt giữa những người bạn thân thiết nhất mà họ có và họ đã thường xuyên có những cuộc cãi vã nhau, thì cuối cùng người ấy sẽ ghét mọi người và tin rằng không một người

nào có lòng tốt cả. Tôi dám quả quyết rằng anh hẳn đã nhận thấy điều này.

PH: Vâng, tôi nói.

SC: Và đó có phải là điều làm mất lòng tin không? Lý do là vì một người không giao tiếp với người khác thì không có kinh nghiệm về họ: vì nếu họ có kinh nghiệm, họ sẽ phải biết rõ tình trạng thật của trường hợp này, đó là số người tốt thì ít, số người xấu cũng ít, còn đại đa số thuộc thành phần ở giữa hai hạng người ấy.

PH: Ý ông muốn nói gì?

SC: Tôi muốn nói giống như anh có thể nói về cái rất lớn và cái rất nhỏ, đó là số người rất lớn và rất nhỏ thì rất hiếm thấy; và điều này được áp dụng chung cho mọi cái thái cực, dù lớn hay nhỏ, nhanh hay chậm, đẹp hay xấu, đen hay trắng; và cho dù anh nói về những con người hay những con chó hay bất cứ vật gì, các thái cực thì ít, nhưng số ở giữa các thái cực thì nhiều. Anh có bao giờ nhận thấy như vậy không?

PH: Có, tôi có nhận thấy.

SC: Và anh có hình dung ra rằng nếu có một cuộc ganh đua giữa những cái xấu, thì cái xấu nhất sẽ rất ít không?

PH: Có, rất có thể.

SC: Đúng, rất có thể; về phương diện này các lý luận không giống như những con người; ở đây anh đã làm tôi nói quá điều tôi muốn nói; nhưng ý so sánh ở đây là, khi một người đơn sơ không có tài về biện chứng mà tin rằng một lý luận là đúng nhưng sau đó lại nghĩ là sai, dù là sai thật sự hay không và rồi hết lần này qua lần khác, người ấy không còn một sự tin tưởng nào nữa và những tay tranh cãi đại tài thường nghĩ rằng cuối cùng họ là những con người khôn ngoan nhất của nhân loại; vì chỉ có họ nhận ra sự sai lạc hay thiếu chắc chắn của mọi lý luận, hay của mọi sự việc, chúng giống như dòng sông Euripus, lên xuống không bao giờ ngừng.

PH: Rất đúng, ông Socrates.

SC: Phải, anh Phaedo và cũng rất đáng buồn nữa, nếu có sự thật rằng một người tin vào một lý luận, lúc đầu họ thấy có vẻ đúng mà về sau trở thành sai và thay vì đổ lỗi cho chính mình vì thiếu sáng suốt, họ lại thích đổ lỗi cho các lý luận nói chung; và từ đó về sau họ ghét các lý luận, chửi bới chúng và mất đi sự thật và tri thức về hiện hữu.

PH: Vâng, đó là điều rất đáng buồn.

SC: Vậy chúng ta trước hết phải cẩn thận khi đưa vào linh hồn chúng ta khái niệm rằng không có sự thật hay sự lành mạnh trong bất cứ lý luận nào; nhưng tốt hơn chúng ta hãy nói rằng trong chúng ta chưa có sự lành mạnh và chúng ta phải rời bỏ con người mình, cố gắng hết sức để đoạt được sự lành mạnh của chính anh và mọi người khác vì cả đời sống tương lai của mình, còn tôi vì cái chết của mình. Vì vào lúc này, tôi có cảm giác mình không có tâm trạng của một triết gia; giống như người tầm thường, tôi chỉ là một người thiên vị. Đối với người thiên vị, khi tham gia một cuộc tranh cãi, họ không quan tâm gì tới các quyền của câu hỏi, mà chỉ lo việc thuyết phục người nghe về các lời phát biểu của chính mình. Và sự khác biệt giữa họ với tôi vào lúc này chỉ là ở điểm đó mà thôi - đó là trong khi họ tìm cách thuyết phục người nghe rằng điều họ nói là đúng, thì tôi lại tìm cách thuyết phục chính mình; thuyết phục người nghe chỉ là chuyện phụ đối với tôi. Nhưng anh hãy xem bằng cách này tôi được lợi như thế nào. Vì nếu điều tôi nói là đúng, thì tôi đang làm đúng khi tin vào sự thật; nhưng nếu sau cái chết không còn gì cả, thì trong thời gian còn lại ngắn ngủi này, tôi vẫn có thể cứu được các bạn tôi khỏi những lời than vãn buồn phiền; và sự ngu dốt của tôi sẽ chấm dứt và như thế sẽ không có hại gì. Anh Simmias và Cebes, đó là tâm trạng của tôi khi đi vào lý luận này. Và tôi cũng xin các anh hãy nghĩ đến sự thật chứ đừng nghĩ đến Socrates: hãy đồng ý với tôi nếu các anh thấy tôi nói sự thật; hay nếu không, hãy mạnh mẽ ngăn cản tôi, để tôi không đánh lừa các anh cũng như không đánh lừa chính mình bằng sự hăng say của mình và giống như con ong, hãy để tôi đốt các anh trước khi tôi chết.

Và bây giờ chúng ta hãy tiếp tục. Trước hết hãy cho tôi diễn tả xem tôi có hiểu đúng ý của các anh không đã. Anh Simmias, nếu tôi nhớ đúng, anh sợ và nghi ngờ rằng linh hồn, vì giống như một giai điệu, mặc dù nó là một vật đẹp hơn và thần linh hơn thân xác, nó có thể bị hủy diệt trước tiên. Ngược lại, Cebes có vẻ như thừa nhận rằng linh hồn tồn tại lâu hơn thân xác, nhưng anh ấy nói rằng không ai có thể biết được rằng sau khi linh hồn đã qua nhiều thân xác và làm tiêu hao nhiều thân xác khác nhau, nó cuối cùng cũng bị tiêu diệt và bỏ lại thân xác cuối

cùng của nó; và đó là cái chết, không phải của thân xác nhưng của linh hồn, vì trong thân xác hoạt động hủy diệt luôn luôn diễn ra. Có phải đó là ý của các anh không, anh Simmias và Cebes?

Cả hai anh ấy nhìn nhận ý của họ đúng là như thế.

Socrates nói tiếp: Các anh phủ nhận giá trị của toàn bộ luận cứ trên, hay chỉ bác bỏ một phần?

Một phần thôi, họ đáp.

Và ông hỏi, có phải các anh muốn nói đến phần mà chúng ta nói rằng tri thức chỉ là sự nhớ lại và từ đó suy ra rằng linh hồn hẳn phải đã hiện hữu ở đâu đó trước khi nó nhập vào thân xác không? Cebes nói rằng anh ấy rất thán phục phần lý luận này và niềm tin của anh về phần này vẫn không hề nao núng. Simmias đồng ý và thêm rằng chính anh cũng không thể nghĩ có khả năng nào khác.

Nhưng, Socrates nói tiếp, anh sẽ phải nghĩ khác đấy, anh bạn người Thebes của tôi, nếu anh vẫn cho rằng giai điệu là một sự kết hợp và linh hồn là một giai điệu làm từ những sợi dây đàn được đặt trong cái khung thân xác; vì anh chắc chắn sẽ không bao giờ cho phép mình nói rằng giai điệu có trước các yếu tố tạo nên giai điệu.

Không, ông Socrates, chuyện đó thì không thể.

Nhưng anh có thấy rằng anh quả thực đang nói điều ấy khi anh bảo rằng linh hồn đã hiện hữu trước khi nó mặc lấy hình thù và thân xác người và được cấu thành bởi các yếu tố chưa hiện hữu sao? Vì giai điệu không phải một thứ gì giống như linh hồn như anh giả thiết; nhưng lúc đầu, cây đàn, các dây đàn và các âm thanh hiện hữu trong một tình trạng không hòa hợp, rồi cuối cùng giai điệu mới được tạo thành và tan biến trước tiên. Làm thế nào khái niệm về linh hồn như thế có thể ăn khớp với khái niệm kia được?

Hoàn toàn không thể, Simmias đáp.

Thế nhưng, ông nói, không có sự hòa hợp giữa hai mệnh đề nói rằng tri thức là sự nhớ lại và linh hồn là một giai điệu. Anh muốn chọn mệnh đề nào?

Tôi nghĩ, ông Socrates, tôi vững tin hơn vào mệnh đề thứ nhất, tôi nghĩ nó đã được chứng minh chắc chắn, hơn là mệnh đề thứ hai, vì mệnh đề này hoàn toàn chưa được chứng minh, mà chỉ dựa trên những lý do có vẻ hợp lý mà thôi; và tôi biết quá rõ các lý luận mà dựa trên dáng vẻ hợp lý bề ngoài thì thường là ngụy luận và chúng ta phải hết sức cẩn thận khi sử dụng chúng, vì chúng rất dễ đánh lừa chúng ta - trong hình học cũng như trong các lĩnh vực khác. Nhưng học thuyết về tri thức và sự nhớ lại đã được chứng minh dựa trên những

cơ sở chắc chắn; và chứng minh là linh hồn tất nhiên phải đã hiện hữu trước khi nó nhập vào thân xác, bởi vì yếu tính của nó bao gồm sự hiện hữu của nó. Tôi tin rằng sau khi tôi đã chấp nhận một cách chính đáng kết luận này và dựa trên các lý do thỏa đáng, tôi phải chấm dứt lý luận hay cho phép người khác lý luận rằng linh hồn là một giai điệu.

Anh Simmias, ông nói, hãy để tôi diễn tả vấn đề dưới một góc nhìn khác: anh có nghĩ rằng một giai điệu hay một vật kết hợp nào khác có thể ở trong một trạng thái khác với trạng thái của các yếu tố cấu thành nó không?

Chắc chắn không thể.

Hay làm hoặc chịu điều gì khác với các yếu tố không?

Anh ta nhất trí.

Vậy một giai điệu không đi trước các phần hay yếu tố tạo nên giai điệu, nhưng theo sau chúng.

Đồng ý.

Vì giai điệu không thể có một chuyển động, âm thanh hay tính chất nào đối chọi với các thành phần.

Hoàn toàn không thể, anh đáp.

Và có phải mọi giai điệu đều lệ thuộc cách thức mà các yếu tố được hòa hợp không?

Tôi không hiểu, anh nói.

Tôi muốn nói rằng một giai điệu có các mức độ và nó càng là một giai điệu hoàn hảo khi nó được hòa hợp hoàn hảo ở mức có thể; và nó ít tính chất của giai điệu khi nó kém hòa hợp.

Đúng.

Nhưng linh hồn có các mức độ không? Hay một linh hồn có thể có tính chất của linh hồn hơn hay kém một linh hồn khác không.

Hoàn toàn không.

Nhưng chắc chắn có linh hồn tốt, có trí thông minh và nhân đức, và cũng có linh hồn xấu, ngu dốt, độc ác; có đúng như thế không?

Đúng.

Nhưng những người cho rằng linh hồn là một giai điệu sẽ nói gì về sự hiện hữu của nhân đức và tật xấu trong linh hồn? - phải chăng họ sẽ nói rằng ở đây có một giai điệu khác và một sự lạc điệu khác; và linh hồn nhân đức thì hòa hợp và vì hòa hợp nên nó có một giai điệu khác trong nó, còn linh hồn xấu thì lạc điệu và không có giai điệu trong nó?

Tôi không biết, Simmias đáp; nhưng tôi nghĩ rằng những người theo quan điểm ấy có thể nghĩ đại loại như thế.

Và chúng ta đã nhận rằng không linh hồn nào có bản chất linh hồn hơn một linh hồn khác; và nói như thế cũng tương đương với việc nhìn nhận rằng giai điệu không phải là giai điệu hơn hay kém, hoàn hảo hơn hay kém hoàn hảo?

Rất đúng.

Và cái mà không phải là giai điệu hơn hay giai điệu kém thì cũng không phải là được hòa hợp hơn hay kém?

Đúng.

Và cái gì được hòa hợp không hơn không kém thì không thể có giai điệu hơn hay kém, nhưng chỉ có một giai điệu bằng nhau?

Vâng, một giai điệu bằng nhau.

Vậy vì một linh hồn tuyệt đối không hơn hay kém một linh hồn khác, thì cũng hòa hợp không hơn hay kém một linh hồn khác?

Chính xác.

Và vì thế cũng không có sự hòa hợp hay lạc điệu hơn hay kém?

Không có.

Và vì không có sự hòa hợp hay lạc điệu hơn hay kém, nên một linh hồn không có nhiều nhân đức hay tật xấu hơn một linh hồn khác, nếu tật xấu là lạc điệu và nhân đức là giai điệu?

Hoàn toàn không hơn không kém.

Hay nói chính xác hơn, Simmias, linh hồn nếu là giai điệu, sẽ không bao giờ có tật xấu nào; bởi vì một giai điệu, vì là giai điệu tuyệt đối, thì không có phần nào lạc điệu.

Không có.

Và vì thế một linh hồn mà là linh hồn tuyệt đối thì không có tật xấu?

Làm sao có thể có tật xấu, nếu ta muốn nhất quán với lý luận trên?

Vậy, theo lý luận này, nếu linh hồn của mọi động vật đều là các linh hồn tuyệt đối và bằng nhau, thì chúng cũng tốt bằng nhau?

Tôi nhất trí với ông, ông Socrates.

Và anh có nghĩ tất cả điều này đều đúng không? Ông nói; và tất cả các hệ quả này có thể chấp nhận không-mặc dù có vẻ như chúng đều phát sinh từ giả thiết rằng linh hồn là một giai điệu?

Chắc chắn là không rồi, anh nói.

Một lần nữa, ông nói, có nguyên lý điều khiển nào khác nơi con người ngoài linh hồn và đặc biệt linh hồn khôn ngoan không? Anh có biết nguyên lý nào khác không?

Thực tình tôi không thấy có nguyên lý nào khác.

Và linh hồn có hòa hợp với những tình cảm của thân xác không? Hay nó xung khắc với thân xác? Ví dụ, khi thân xác cảm thấy nóng và khát, có phải linh hồn bảo chúng ta đừng uống nước không? Và khi thân xác đói, đừng ăn không? Đây mới chỉ là một trong hàng chục ngàn ví dụ cho thấy sự đối nghịch của linh hồn với thân xác.

Rất đúng.

Nhưng chúng ta đã nhìn nhận rằng linh hồn, vì là một giai điệu, nó không bao giờ có thể phát ra

một nốt nghịch với những độ căng, chùng, rung và những ảnh hưởng khác của các sợi dây đàn tạo nên giai điệu ấy; nó chỉ có thể đi theo, nó không thể dẫn trước chúng, đúng không?

Vâng, anh nói, chúng ta đã nhìn nhận điều đó, chắc chắn rồi.

Thế nhưng bây giờ chúng ta lại phát hiện ra rằng linh hồn làm điều ngược hẳn-nó dẫn trước các yếu tố tạo thành nó; hầu như luôn luôn chống lại và cưỡng bức chúng mọi cách trong suốt cuộc đời, đôi khi còn mạnh hơn bằng những sự đau đớn của thuốc và thể dục; rồi lại dịu dàng hơn;-đe dọa và cũng trách mắng các ước muốn, đam mê, sợ hãi, như thể nói đang nói với một vật gì không phải là nó, như trong Odyssee Homer mô tả Odysseus làm điều đó bằng những vần thơ sau:-

"Anh đấm ngực, như thể trách mắng lòng mình:

Lòng ta, hãy cố chịu đựng; ngươi đã chịu đựng còn khủng khiếp hơn nhiều!"

Anh có nghĩ Homer đã có thể viết lên câu này với ý tưởng rằng linh hồn là một giai điệu có thể bị lôi kéo bởi những ảnh hưởng của thân xác, chứ không phải của bản tính hướng dẫn chúng và làm chủ chúng; và bản thân nó còn là một điều thần linh hơn bất kỳ giai điệu nào?

Vâng, Socrates, tôi đồng ý là như thế.

Vậy, anh bạn của tôi, chúng ta không bao giờ có thể đúng khi nói rằng linh hồn là một giai điệu, vì như vậy là mâu thuẫn với thi sĩ Homer thần linh, cũng như mâu thuẫn với chính mình.

Đúng, anh nói.

Anh Cebes, chúng ta nói đã đủ về thần Harmonia (Giai điệu), nữ thần của người Thebes của các anh, vị thần đã tỏ ra rất yêu thương chúng ta; nhưng tôi phải nói gì với thần Cadmus của người Thebes và tôi phải làm thần nguôi giận ra sao?

Tôi nghĩ ông sẽ tìm ra cách để làm thần nguôi giận, Cebes nói; tôi chắc chắn ông đã trả lời vấn nạn về giai điệu một cách mà tôi không thể ngờ. Vì khi Simmias nói lên vấn nạn của anh ấy, tôi đã tưởng là không thể có câu trả lời nào cho anh ấy và vì thế tôi ngạc nhiên khi thấy vấn nạn của anh ấy đã không đánh gục được lý luận của ông và tôi nghĩ có thể vấn nạn kia, mà ông gọi là thần Cadmus, cũng sẽ phải chịu chung số phận.

Đừng vội, anh bạn tốt lành, Socrates nói, chúng ta chớ tự phụ, kẻo có con mắt độc ác nào đó có thể đánh đuổi những lời tôi sắp nói. Tuy nhiên, điều đó còn tùy thuộc quyền năng của những đấng ở trên cao; trong lúc này, tôi sẽ cố gắng theo một kiểu gần như của

Homer, để tìm cách trả lời cho anh. Câu vấn nạn của anh có thể tóm tắt như sau: anh muốn tôi phải chứng minh cho anh rằng linh hồn là bất diệt, bất tử và anh nghĩ nhà triết học mà tin tưởng vào cái chết thì chỉ là một sự tin tưởng điên rồ, nếu họ nghĩ họ sẽ có số phận khá hơn là những người đi theo một lối sống khác, trong thế giới bên kia, trừ khi họ có thể chứng minh điều này; và anh nói rằng chứng minh về sức mạnh và tính thần linh của linh hồn không tất yếu có nghĩa là chứng minh về tính bất tử của nó. Cứ cho rằng linh hồn sống trường thọ đi nữa, thì cũng không thể từ đó kết luận nó bất tử; và việc nó nhập vào thân xác con người có thể coi là một loại dịch bệnh mở đầu cho sự phân hủy và sau những lao nhọc của cuộc đời này, cuối cùng nó cũng có thể tận diệt trong cái gọi là sự chết. Và bất kể linh hồn nhập vào thân xác nhiều lần hay chỉ có một lần, điều đó cũng không làm thay đổi nỗi sợ hãi của các cá nhân. Vì bất cứ ai có tình cảm tự nhiên thì đều có lý để sợ, nếu họ không có sự hiểu biết hay chứng minh về tính bất tử của linh hồn. Tôi nghĩ đó là ý anh muốn nói, anh Cebes, mà tôi cố ý lặp lại, để chúng ta không bỏ mất một chi tiết nào và để nếu muốn anh có thể thêm hay bớt điều gì.

Nhưng, Cebes nói, theo tôi thấy lúc này, tôi không có gì để thêm hay bớt; ông đã diễn tả đầy đủ ý của tôi rồi.

Socrates ngưng một lát và có vẻ trầm ngâm suy tư. Cuối cùng ông nói: Đây là một vấn đề tra cứu rất nghiêm trọng mà anh nêu lên, anh Cebes, nó bao gồm tất cả vấn đề về sinh ra và chết đi và nếu anh muốn, tôi có thể cho anh biết kinh nghiệm bản thân của tôi về vấn đề này; và anh có thể áp dụng nó, nếu anh nghĩ có điều gì tôi nói có thể giúp anh giải toả những khó khăn của anh.

Cebes nói, tôi rất muốn được nghe ông cho biết ý kiến của ông.

Vậy tôi sẽ cho anh biết ý kiến của tôi, Socrates nói. Anh Cebes, hồi tôi còn trẻ, tôi rất khát khao muốn hiểu biết về một lĩnh vực của triết học gọi là Khoa học Tự nhiên; khoa học này đối với tôi có những mục tiêu cao vời, như là khoa học liên quan đến các nguyên nhân của sự vật và dạy ta biết tại sao một vật hiện hữu, được tạo ra và bị tiêu diệt; và tôi luôn luôn hào hứng tìm hiểu về các câu hỏi đại loại như sau: Có phải sự phát triển của các động vật là kết quả của một sự giãn nở thuộc nguyên lý nóng và lạnh, như một số người đã nói hay không? Có phải máu là yếu tố nhờ đó chúng ta suy nghĩ, hay khí, hay lửa? Hay có lẽ không phải thứ nào giống như thế - mà có thể là do não tạo ra năng lực cho các tri giác của thị giác, thính

giác, khứu giác cũng như trí nhớ, và ý kiến có thể phát xuất từ chúng, và khoa học có thể dựa trên trí nhớ và ý kiến khi không hoạt động nhưng ở tình trạng ngơi nghỉ. Và khi tôi tiếp tục xem xét sự phân hủy của chúng, rồi các sự vật trên trời dưới đất và cuối cùng tôi kết luận rằng tôi hoàn toàn không có khả năng đi sâu vào các cuộc tra cứu này, như tôi sẽ chứng minh đầy đủ cho anh sau đây. Vì các vấn đề ấy làm tôi kinh ngạc đến nỗi mắt tôi trở nên mù trước những điều mà tôi vốn tưởng rằng mình cũng như những người khác đã biết rất rõ; và tôi quên mất điều mà trước đây tôi đã tưởng là hiển nhiên, đó là tôi tưởng người ta lớn lên là nhờ ăn uống; vì khi do sự tiêu hóa thức ăn, thịt được thêm vào thịt và xương được thêm vào xương và bất cứ khi nào có sự kết hợp của các yếu tố hợp với nhau, thì vật bé hơn trở thành lớn hơn và người nhỏ hơn trở thành to hơn. Một khái niệm hợp lý phải không?

Vâng, Cebes đáp, tôi nghĩ là thế.

Tốt; nhưng hãy để tôi nói thêm điều này nữa. Có một thời mà tôi tưởng mình hiểu rất rõ ý nghĩa của lớn hơn và nhỏ hơn; và khi tôi thấy một người to lớn đứng cạnh một người nhỏ con, tôi nghĩ rằng người lớn hơn cao hơn người kia một cái đầu; hay một con ngựa có vẻ lớn hơn một con ngựa khác; và tôi còn nhận thấy rõ hơn rằng mười bằng hai thêm vào với tám và hai thước thì dài hơn một thước, vì nó nhiều gấp hai lần.

Thế bây giờ khái niệm của ông thế nào? Cebes hỏi.

Tôi không thể nghĩ mình đã hiểu nguyên nhân của bất cứ cái gì mà tôi muốn hiểu, bởi vì tôi không thể bằng lòng rằng khi một cộng với một, thì cái một thêm vào trở thành hai, hay hai đơn vị gộp chung lại với nhau trở thành hai vì sự thêm vào. Vì tôi không thể hiểu làm thế nào mà khi tách rời nhau, mỗi cái chỉ là một chứ không là hai và bây giờ, khi chúng được gộp lại với nhau, chỉ việc đặt chúng vào với nhau đã là nguyên nhân để chúng trở thành hai; và tôi cũng không hiểu được tại sao việc chia một vật lại là nguyên nhân để làm cho một vật thành hai vật; vì khi ấy một nguyên nhân khác cũng sẽ tạo ra một hiệu quả giống như thế,-như trong trường hợp thứ nhất, việc thêm vào hay đặt chung một cái vào một cái khác là nguyên nhân để làm thành hai, còn trong trường hợp thứ hai này, việc tách rời và trừ một cái khỏi cái kia cũng là nguyên nhân. Tôi cũng không còn có thể nghĩ rằng mình đã hiểu được lý do tại sao một người hay bất cứ vật gì được sinh ra hay bị hủy diệt hay hiện hữu, nhưng tôi cảm thấy mình có một khái niệm khá mơ hồ về một phương pháp khác và không bao giờ có thể chấp nhận điều này.

Thế rồi tôi nghe nói có người có một sách của Anaxagoras và anh ta nói trong đó anh ta thấy viết rằng tinh thần là nguyên nhân tạo ra mọi sự và tôi rất thích thú với ý tưởng này, vì nó có vẻ rất kỳ diệu, tôi bèn tự nhủ: Nếu tinh thần là cái sắp đặt mọi sự, nó sẽ sắp đặt một cách tốt nhất và đặt từng cái vào chỗ thích hợp nhất; và tôi lý luận rằng nếu ai muốn tìm ra nguyên nhân của sự sinh ra và sự tiêu diệt hay hiện hữu của bất cứ cái gì, họ phải tìm xem tình trạng hiện hữu hay chịu đựng nào là tốt nhất cho vật ấy và vì thế người ta chỉ cần xem xét điều tốt nhất cho chính mình và cho người khác, sau đó họ sẽ có thể biết được cái xấu hơn, vì cùng một khoa học bao gồm cả hai thứ. Và tôi mừng rỡ khi nghĩ rằng mình đã tìm thấy nơi Anaxagoras một ông thầy dạy về các nguyên nhân của hiện hữu như tôi từng mong ước và tôi nghĩ rằng trước tiên ông sẽ dạy tôi biết trái đất dẹt hay tròn; rồi ông sẽ cắt nghĩa thêm cho tôi nguyên nhân và tính tất yếu của điều này và sẽ dạy tôi về bản chất của cái tốt nhất và chứng minh đó là cái tốt nhất; và nếu ông ấy nói rằng trái đất nằm ở trung tâm, ông cũng sẽ cắt nghĩa vị trí này là tốt nhất và tôi sẽ cảm thấy thỏa mãn về những lời cắt nghĩa ấy, không còn muốn điều gì hơn nữa. Và tôi nghĩ tôi sẽ tiếp tục hỏi ông về mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao, để ông cắt nghĩa cho tôi biết chuyển động nhanh của chúng và các đường quay, các vị trí khác nhau của chúng, tất cả những chuyển động ấy đều là những chuyển động tốt nhất. Vì tôi không thể nghĩ rằng khi ông ấy nói tinh thần là nguyên nhân sắp đặt mọi sự mà ông lại không cho rằng đó là cách sắp đặt tốt nhất; và tôi nghĩ rằng khi ông đã cắt nghĩa chi tiết về nguyên nhân của mọi sự vật, ông cũng sẽ tiếp tục cắt nghĩa cho tôi điều gì là tốt nhất cho mỗi sự vật và điều gì là tốt nhất cho mọi vật. Tôi có những niềm hi vọng không thể đánh đổi lấy bất cứ điều gì khác và tôi chộp lấy các quyển sách rồi đọc chúng một cách ngấu nghiến để biết về cái tốt và cái xấu.

Tôi đã có các hi vọng to lớn biết bao, nhưng tôi cũng đã phải thất vọng biết chừng nào! Khi tôi đọc hết quyển này sang quyển khác, tôi phát hiện ra rằng nhà triết học của tôi đã quên mất tinh thần hay nguyên lý trật tự, nhưng lại nói đến khí, chất êtc, nước và nhiều thứ kỳ cục khác. Tôi có thể ví ông ấy với một người bắt đầu tuyên bố chung chung rằng tinh thần là nguyên nhân trong các hành động của Socrates, nhưng khi bắt đầu cắt nghĩa chi tiết từng hành động, họ lại chứng minh rằng tôi ngồi đây bởi vì thân xác tôi được cấu tạo bởi các xương và các cơ; và họ nói rằng các xương thì cứng và có những dây chằng ngăn cách chúng

và các cơ thì dẻo, chúng bao bọc các xương và cũng có một lớp bọc ngoài bằng thịt, và da bao bọc lấy chúng; và vì các xương được kéo lên ở các chỗ nối của chúng bởi sự co hay giãn các cơ, nên tôi có thể co các chân lại và đó là lý do tại sao tôi đang ngồi ở đây trong một tư thế cong; họ sẽ nói như thế đấy và họ cũng sẽ có một cắt nghĩa tương tự như thế về việc tôi đang nói chuyện với các anh, mà họ cho rằng nguyên nhân là âm thanh, khí, thính giác và họ có thể gán cho hàng vạn thứ nguyên nhân khác giống như thế, mà quên không nhắc đến nguyên nhân thực sự của việc tôi đang ngồi nói chuyện ở đây với các anh, đó là người Athens cho rằng kết án tôi là điều tốt và theo đó tôi nghĩ là thích hợp và đúng để ở lại đây và chịu bản án của mình; vì tôi thích nghĩ rằng các cơ bắp và xương này của tôi lẽ ra có thể đã đi đến Megara hay Boeotia, nếu như chúng đã được hướng dẫn bởi ý tưởng riêng của chúng về điều gì là tốt nhất; và nếu như tôi đã không nghĩ rằng chịu bất cứ sự trừng phạt nào của nhà nước là điều tốt hơn và cao quí hơn là phản kháng và chạy trốn. Chắc chắn có một sự pha trộn hỗn tạp các nguyên nhân và các điều kiện trong tất cả chuyện này. Thực vậy, có thể nói rằng nếu không có các xương, cơ và các bộ phận khác của thân thể, tôi không thể thực hiện các mục đích của mình. Nhưng nói rằng chúng là nguyên nhân khiến tôi làm điều tôi đang làm và là cách mà tinh thần hoạt động, chứ không phải do sự chọn lựa cái tốt nhất, thì quả là một cách nói rất cẩu thả và vô nghĩa. Tôi ngạc nhiên vì họ không thể phân biệt nguyên nhân với điều kiện, là điều mà nhiều người không hiểu biết luôn luôn lầm tưởng và gọi sai. Và vì thế có người thì cho rằng tất cả chỉ là một cơn lốc xoáy và trái đất được giữ cố định nhờ bầu trời; người khác thì cho rằng trái đất được chống đỡ bởi không khí, giống như một cái hố khổng lồ. Họ không bao giờ nảy sinh ý nghĩ rằng một sức mạnh sắp đặt chúng như hiện đang có thì luôn luôn sắp đặt chúng cách tốt nhất và họ cũng không hề hình dung ra rằng có một sức mạnh siêu phàm nào trong đó; ngược lại họ muốn tìm thấy một anh chàng khổng lồ Atlas khác chống đỡ thế giới, một người mạnh hơn, trường thọ hơn và chứa nhiều sự thiện hơn, thì rõ ràng họ nghĩ rằng sức mạnh bó buộc và kiềm chế của sự thiện chẳng là gì cả; nhưng đây lại chính là nguyên lý mà tôi hằm hở muốn học nếu có ai chịu dạy cho tôi. Nhưng vì tôi đã không tự mình khám phá ra, cũng chẳng có ai dạy cho tôi biết bản chất của cái tốt nhất, nên nếu anh thích, tôi sẽ chỉ cho anh thấy cái mà tôi tìm ra là cách tốt thứ hai để tìm hiểu về nguyên nhân.

Tôi rất thích nghe ông nói về khám phá của ông.

Socrates bắt đầu: tôi nghĩ rằng vì mình đã thất bại trong việc chiêm ngắm hiện hữu đích thực, nên tôi phải cẩn thận để không đánh mất cái nhìn của linh hồn tôi; vì người ta có thể làm hỏng con mắt thể xác bằng cách nhìn thẳng vào mặt trời khi có nhật thực, thay vì phải nhìn hình phản chiếu của mặt trời trong nước hay qua một dung môi nào tương tự. Điều đó đã xảy ra cho tôi và tôi sợ rằng linh hồn tôi có thể bị mù hoàn toàn nếu tôi nhìn thẳng vào những sự vật bằng mắt mình hay cố gắng nắm bắt các sự vật nhờ sự trợ giúp của các giác quan. Và tôi nghĩ tốt hơn mình nên nhờ đến các ý niệm và tìm kiếm sự hiện hữu đích thực trong các ý niệm ấy. Tôi dám nói kiểu ví này không hoàn toàn chính xác-vì tôi hoàn toàn không nhận rằng người nào nhìn các vật hiện hữu qua trung gian các ý niệm thì chỉ thấy chúng "lờ mờ qua một tấm gương", không hơn gì người nhìn chúng qua các hoạt động và hiệu quả của chúng. Tuy nhiên, đây là phương pháp mà tôi đã chọn: trước hết tôi giả thiết một nguyên lý mà tôi coi là mạnh nhất, rồi tôi khẳng định là đúng bất cứ điều gì có vẻ hòa hợp với nguyên lý này, dù là liên quan đến nguyên nhân hay bất cứ điều gì khác; và điều gì không phù hợp với nó thì tôi coi là không đúng. Nhưng tôi muốn cắt nghĩa rõ hơn ý của tôi, vì tôi nghĩ anh chưa hiểu lắm.

Vâng, Cebes đáp, tôi chưa rõ lắm.

Những điều tôi sắp nói với anh không có gì mới, mà chỉ là những gì tôi vẫn luôn luôn lặp đi lặp lại khắp nơi trong các dịp thảo luận trước: tôi muốn cho anh thấy bản chất của cái nguyên nhân mà các tư tưởng của tôi hướng vào và tôi sẽ phải trở về lại các từ luôn có ở cửa miệng mọi người và trước tiên tôi phải giả thiết rằng có một cái đẹp tuyệt đối, cái tốt tuyệt đối, cái lớn tuyệt đối và các cái tương tự như thế; hãy cho phép tôi giả thiết các điều ấy và tôi hi vọng sẽ có thể cho anh thấy bản chất của nguyên nhân và chứng minh tính bất tử của linh hồn.

Cebes nói: Tôi sẵn sàng chấp nhận, ông có thể bắt đầu chứng minh ngay.

Tốt, ông nói, vậy tôi muốn biết anh có nhất trí với tôi trong bước tiếp theo này hay không; vì tôi không thể không nghĩ rằng nếu có một cái đẹp nào khác với cái đẹp tuyệt đối, thì nó chỉ có thể đẹp với điều kiện nó tham dự vào cái đẹp tuyệt đối-và tôi có thể nói điều này về bất cứ cái gì. Anh có đồng ý với khái niệm về nguyên nhân này không?

Tôi đồng ý, anh nói.

Ông tiếp: Tôi không biết gì và không hiểu gì về bất cứ nguyên

nhân khôn ngoan nào khác trong số các nguyên nhân được người ta nói đến; và nếu một người nói với tôi rằng sự sáng rực của màu sắc, hay hình thù, hay bất cứ cái gì tương tự như thế là một nguồn của cái đẹp, tôi mặc kệ, vì nó chỉ làm tôi thêm mơ hồ, vì trong trí khôn tôi chỉ chắc một điều là không có gì làm cho một vật nên đẹp trừ sự có mặt và tham dự của cái đẹp bằng bất cứ cách nào hay phương pháp nào; vì xét về cách thức thì tôi không chắc chắn, nhưng tôi hoàn toàn tin chắc rằng nhờ cái đẹp mà mọi vật đẹp trở nên đẹp. Theo tôi đó có thể là câu trả lời an toàn duy nhất tôi có thể đưa ra, dù là cho mình hay cho người khác và tôi giữ vững lập trường này, vì tin rằng câu trả lời của tôi sẽ không bao giờ bị đánh đổ và tôi có thể trả lời an toàn cho tôi cũng như cho bất cứ ai khác rằng nhờ cái đẹp mà các vật đẹp trở thành đẹp. Anh có đồng ý không?

Vâng, tôi đồng ý.

Và nhờ cái lớn mà các vật lớn trở thành lớn, các vật lớn hơn trở thành lớn hơn và nhờ cái bé mà các vật bé trở thành bé.

Đúng.

Vậy nếu một người nhận thấy rằng A lớn hơn B nhờ một cái đầu, và B thấp hơn A nhờ một cái đầu, anh sẽ từ chối chấp nhận điều này, và sẽ mạnh mẽ nói rằng ý anh muốn nói chỉ là cái lớn hơn thì lớn hơn bởi và vì lý do của cái lớn, và cái nhỏ hơn thì nhỏ hơn bởi hay vì lý do của cái nhỏ; và như thế anh sẽ tránh được nguy cơ nói rằng cái lớn hơn thì lớn hơn và cái bé hơn thì bé hơn nhờ thước đo của một cái đầu, và cũng tránh được sự vô lý khi phải giả thiết rằng người lớn hơn thì lớn hơn vì cái đầu, mà cái đầu thì nhỏ. Anh có sợ điều mâu thuẫn ấy không?

Đương nhiên, Cebes cười to và đáp.

Cùng một kiểu ấy, anh sẽ sợ phải nói rằng mười lớn hơn tám nhờ hai hay vì hai; nhưng anh sẽ nói vì con số và nhờ con số; cũng như hai thước vượt quá một thước không phải vì một nửa, nhưng vì độ dài-có phải anh sẽ nói như thế không, vì trong cả hai trường hợp đều có nguy hiểm?

Rất đúng, anh nói.

Hơn nữa, anh sẽ thận trọng để không khẳng định rằng thêm một vào một, hay chia một ra, là nguyên nhân của hai, đúng không? Và anh sẽ xác định chắc chắn rằng anh không biết cách nào khác để một vật hiện hữu ngoại trừ nó tham dự vào chính yếu tính của nó và do đó, theo anh biết, nguyên nhân duy nhất của hai là sự tham dự vào con số hai; nghĩa là cách để làm thành hai và sự tham dự vào con số một là cách để làm thành một. Anh sẽ nói: tôi sẽ không bàn đến các rắc rối của phép chia và

cộng-các đầu óc thông minh hơn tôi có thể trả lời các điều đó; kinh nghiệm tôi còn non, nên tôi không thể từ bỏ cơ sở chắc chắn của một nguyên lý. Và nếu có ai công kích anh về điểm đó, anh sẽ không chấp họ, hay trả lời họ, cho tới khi anh đã thấy được các hậu quả theo sau có ăn khớp với nhau hay không và khi anh được yêu cầu cắt nghĩa thêm về nguyên lý này, anh sẽ bắt đầu giả thiết một nguyên lý cao hơn và nguyên lý tốt nhất trong số các nguyên lý cao hơn này, cho tới khi anh tìm ra chỗ dừng lại; nhưng anh sẽ không lẫn nguyên lý với các hậu quả trong lý luận của anh, giống như những kẻ ngụy biện - ít nhất là nếu anh muốn khám phá hiện hữu đích thực. Không phải vì sự lẫn lộn này có ý nghĩa quan trọng gì đối với hạng người ấy, vì họ chẳng hề quan tâm tới chuyện này và họ vẫn cảm thấy thích thú, bất kể các ý tưởng của họ rối loạn đến đâu. Nhưng còn anh, nếu anh là một triết gia, tôi tin anh sẽ làm như tôi nói.

Điều ông nói rất chí lý, cả Simmias và Cebes cùng thốt lên một lượt.

EC: Đúng thế, anh Phaedo; và tôi không ngạc nhiên về sự nhất trí của họ. Bất cứ ai có chút lý trí đều phải nhận rằng Socrates lý luận một cách vô cùng sáng sủa.

PH: Chắc chắn rồi, Echecrates. Và đó là cảm giác của mọi người có mặt ở đó vào lúc ấy.

EC: Vâng, tuy chúng tôi không có mặt vào lúc ấy, nhưng cảm giác của chúng tôi bây giờ cũng thế, khi được nghe anh kể lại. Rồi thế nào?

PH: Sau khi đã nhìn nhận tất cả những điều ấy và đã nhất trí về sự hiện hữu của các ý niệm cũng như sự tham dự của mọi vật khác vào các ý niệm mà chúng lấy tên gọi, thì nếu tôi không lầm, Socrates đã nói như sau:-

Đây là cách nói của anh; nhưng khi anh nói rằng Simmias lớn hơn Socrates và nhỏ hơn Phaedo, anh gán cho Simmias cả hai thuộc tính vừa lớn vừa nhỏ phải không?

Vâng, đúng thế.

Nhưng anh vẫn cho rằng Simmias không thực sự lớn hơn Socrates vì anh ta là Simmias, nhưng vì tầm người của anh ấy; cũng như Simmias không lớn hơn Socrates vì anh ta là Simmias, anh ấy không lớn hơn vì Socrates là Socrates, nhưng vì Socrates có tầm người nhỏ hơn khi so sánh với kích cỡ lớn của Simmias, đúng không?

Vâng.

Và nếu Phaedo lớn hơn anh ấy, không phải vì Phaedo là Phaedo,

mà vì Phaedo có kích cỡ lớn so với Simmias, người có kích cỡ nhỏ hơn Phaedo.

Đúng.

Vì vậy anh nói Simmias lớn và cũng nói Simmias nhỏ, vì anh ấy ở giữa lớn và nhỏ, vượt trên cái nhỏ của một người bằng cái lớn của anh ta và để cái lớn của người kia vượt trên cái nhỏ của anh ta. Ông cười rồi nói thêm: Tôi đang nói giống như một cuốn sách, nhưng điều tôi nói là thật.

Simmias gật đầu.

Lý do tại sao tôi nói điều này, đó là tôi muốn anh đồng ý với tôi khi nghĩ rằng cái lớn tuyệt đối không những không bao giờ vừa lớn lại vừa nhỏ, mà cả cái lớn nơi chúng ta hay trong cụ thể cũng không bao giờ chấp nhận cái nhỏ hay chấp nhận bị vượt lên trên: ngược lại, một trong hai điều sau đây sẽ xảy ra: hoặc là cái lớn hơn sẽ bay đi mất và rút lui trước cái đối nghịch với nó là cái nhỏ hơn, hay nó sẽ ngưng hiện hữu khi cái nhỏ hơn tiến đến; nhưng nó sẽ không bị thay đổi bởi cái nhỏ hơn; giống như tôi, mặc dù chấp nhận mình nhỏ hơn so với Simmias, nhưng tôi vẫn nguyên là tôi và vẫn là người nhỏ. Và vì ý niệm về cái lớn không bao giờ chấp nhận là nhỏ hay trở thành nhỏ, thì cũng thế, ý niệm về cái nhỏ trong chúng ta cũng không bao giờ chấp nhận là lớn hay trở thành lớn; hay bất cứ cái đối nghịch nào khác, nó luôn luôn là nó, không bao giờ là hay trở thành cái đối nghịch của nó, nhưng chỉ có thay đổi bằng sự biến mất hay tiêu diệt.

Tôi cũng có ý kiến giống như thế, Cebes nói.

Một trong số những người có mặt ở đó mà tôi không nhớ rõ tên, khi nghe vậy liền nói: Trời, quả là ngược hẳn với những gì chúng tôi từng nghĩ trước đây-chúng tôi vẫn nghĩ rằng từ cái lớn phát sinh cái nhỏ và từ cái nhỏ phát sinh cái lớn và các cái đối nghịch nhau phát sinh bởi nhau; vậy mà bây giờ xem ra tất cả đều bị phủ nhận.

Socrates nghiêng đầu về phía người nói câu đó và nghe. Tôi thích sự can đảm của anh khi nhắc nhở chúng ta về điểm này, ông nói. Nhưng anh không nhận ra rằng có một khác biệt trong hai trường hợp. Vì lúc trước chúng ta nói đến những cái đối nghịch trong cụ thể, còn bây giờ chúng ta nói đến cái đối nghịch cốt yếu mà chúng ta đã nhận là không bao giờ có thể đối nghịch với chính bản thân chúng, dù ở trong chúng ta hay trong tự nhiên: lúc trước chúng ta nói đến các vật có các đối nghịch nội tại và được gọi tên theo các đối nghịch này, nhưng bây giờ chúng ta nói về các đối nghịch nội tại trong các vật và đặt tên cho các vật; như chúng ta đã nhìn nhận, các đối nghịch cốt yếu này không bao giờ

có thể trở thành hay sinh ra bởi nhau. Đồng thời, quay về phía Cebes, ông nói: Anh có bối rối chút nào về vấn nạn của anh bạn chúng ta không?

Tôi không cảm thấy như thế, Cebes nói; nhưng cũng phải thú nhận rằng tôi có chút bối rối.

Vậy, Socrates nói, chúng ta đã đồng ý rằng cái đối nghịch không bao giờ có thể trở thành đối nghịch với chính nó trong bất cứ trường hợp nào chứ?

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí, anh đáp.

Nhưng tôi muốn xin anh một lần nữa hãy xét vấn đề từ một góc nhìn khác, để xem liệu các anh có đồng ý với tôi hay không:-Có một cái mà anh gọi là nóng và một cái khác mà anh gọi là lạnh, đúng không?

Chắc chắn rồi.

Nhưng chúng có phải cũng là lửa và tuyết không?

Hoàn toàn không.

Nóng không phải là lửa và lạnh không phải là tuyết?

Vâng.

Nhưng chắc chắn anh sẵn sàng nhận rằng khi tuyết chịu ảnh hưởng của nhiệt, tuyết và nhiệt sẽ không còn là tuyết và nhiệt nữa; nhưng khi nhiệt đến, thì tuyết sẽ lụi hay tan mất, đúng không?

Rất đúng.

Và lửa khi gặp lạnh cũng sẽ lui đi hay biến mất; và khi lửa chịu ảnh hưởng của lạnh, lửa và lạnh sẽ không còn là như trước nữa, đúng không?

Đúng.

Và trong một số trường hợp, tên gọi của một ý niệm thì không chỉ giới hạn vào ý niệm ấy; nhưng bất cứ cái gì khác không phải là ý niệm nhưng chỉ tồn tại dưới dạng ý niệm ấy, thì cũng có thể gọi bằng ý niệm ấy. Tôi sẽ cố giải thích rõ hơn bằng một ví dụ: - Số lẻ luôn luôn được gọi bằng tên số lẻ, đúng không?

Rất đúng.

Nhưng có phải nó là cái duy nhất được gọi là số lẻ không? Còn có các vật khác tuy đã có tên gọi riêng của chúng, nhưng cũng được gọi là lẻ, mặc dù nó không phải là ý niệm lẻ, nhưng không bao giờ tồn tại mà không có ý niệm lẻ, đúng không? - tôi muốn hỏi là - các con số như con số ba có thuộc loại số lẻ không? Và có nhiều ví dụ khác nữa: chẳng hạn số ba có thể gọi bằng tên gọi riêng của nó là số ba, nhưng cũng có thể gọi là số lẻ, mà lẻ thì không phải là ba, đúng không? Và ta cũng có thế nói như thế không những về số ba mà cả về số năm, số bảy, số chín, v.v... - mỗi một số như thế mặc dù không có tên là lẻ nhưng được gọi là lẻ và cũng thế về các số hai và bốn và tất cả các số thuộc chuỗi số này,

mặc dù tên của chúng không phải là chẵn, nhưng được gọi là chẵn. Anh có đồng ý như thế không?

Vâng, anh đáp, làm sao có thể phủ nhận?

Vậy bây giờ hãy để ý đến điểm tôi đang nhắm tới: - không chỉ các cái đối nghịch cốt yếu loại trừ lẫn nhau, mà cả các vật cụ thể, tuy tự chúng không đối nghịch, nhưng chứa các đối nghịch; tôi nói rằng chúng cũng loại trừ cái ý niệm đối nghịch với cái được chứa trong chúng và khi cái đối nghịch này đến thì chúng hoặc là rút lui hoặc là bị diệt. Ví dụ chúng ta có con số ba; - có phải nó sẽ bị diệt chứ không phải được đổi thành số chẵn mà vẫn còn là số ba không?

Rất đúng, Cebes nói.

Nhưng, ông nói, chắc chắn số hai không đối nghịch với số ba chứ?

Không.

Vậy không chỉ các ý niệm đối nghịch loại trừ nhau khi cái đối nghịch kia đến, mà cả những vật cụ thể khác cũng loại trừ nhau khi các cái đối nghịch đến?

Đúng, anh nói.

Vậy chúng ta thử xác định xem các cái đối nghịch này là gì nhé.

Chúng ta cứ thử.

Anh Cebes, có phải chúng bắt buộc những vật mà chúng có, không những lấy dạng riêng của chúng, mà còn lấy dạng của một cái đối nghịch nào đó không?

Ý ông là gì?

Tôi muốn nói điều mà tôi vừa nói với anh và không cần nhắc lại, đó là các điều mà con số ba có không chỉ là con số ba mà còn là số lẻ nữa.

Đúng.

Và một ý niệm đối nghịch với ý niệm lẻ này mà con số ba có thì không bao giờ xâm nhập vào ý niệm lẻ này, đúng không?

Vâng.

Và tính chất lẻ này là do nguyên lý số lẻ, đúng không?

Đúng.

Đối nghịch với lẻ là chẵn?

Đúng.

Vậy ý niệm về số chẵn sẽ không bao giờ xâm nhập vào số ba?

Đúng.

Vậy ba không dự phần gì vào số chẵn?

Vâng.

Vậy số ba là số không chẵn?

Rất đúng.

Bây giờ trở lại sự phân biệt của tôi về các bản chất không đối nghịch nhau, nhưng không chấp nhận các đối nghịch; như trong trường hợp này, số ba, mặc dù không đối nghịch với chẵn, nó cũng không chấp nhận số chẵn, nhưng luôn luôn đưa cái đối nghịch vào cuộc ở phía bên kia; hoặc hai không chấp nhận lẻ, hoặc lửa không chấp

nhận lạnh - từ các ví dụ này (và còn nhiều ví dụ khác nữa) có lẽ anh có thể đi đến kết luận chung rằng không những các đối nghịch không chấp nhận cái đối nghịch với nó, nhưng mọi cái gì có chứa cái đối nghịch cũng không nhận cái đối nghịch có nó. Bây giờ tôi muốn tóm lại các ý tưởng - vì lặp lại không có hại gì. Số năm sẽ không chấp nhận tính chất của số chẵn, cũng như số mười, gấp đôi số năm, sẽ không chấp nhận tính chất của số lẻ - số gấp đôi, tuy không trực tiếp đối nghịch với số lẻ, nhưng hoàn toàn loại trừ số lẻ. Cũng vậy về các phần trong tỷ lệ 3:2, hay bất cứ phân số nào mà trong đó có một nửa, hay trong đó có một phần ba, chúng đều không chấp nhận cái toàn thể, mặc dù chúng không đối nghịch với cái toàn thể. Anh đồng ý chứ?

Vâng, tôi hoàn toàn đồng ý với những gì ông vừa nói.

Bây giờ, ông nói, tôi nghĩ tôi có thể bắt đầu lại; và về câu hỏi mà tôi sắp hỏi, tôi xin các anh đừng trả lời tôi bằng câu trả lời an toàn, nhưng bằng một câu trả lời khác mà tôi sẽ cho anh một ví dụ; và tôi hi vọng anh sẽ thấy một nền tảng khác cũng an toàn như thế trong những gì vừa nói. Ý tôi là nếu có ai hỏi anh "cái gì mà có nó thì thân xác trở nên nóng?" anh sẽ không trả lời là cái nóng (là kiểu trả lời tôi gọi là an toàn và ngu ngốc), nhưng là lửa, một câu trả lời tốt hơn mà bây giờ chúng ta đã có thể đưa ra được rồi. Hay nếu có ai hỏi anh, "tại sao một thân thể bị bệnh", anh sẽ không trả lời là vì bệnh, nhưng là vì sốt; và thay vì nói lẻ là nguyên nhân làm ra số lẻ, anh sẽ nói rằng đơn vị là nguyên nhân của chúng: và về mọi vật nói chung đều như thế, tôi nghĩ rằng bây giờ anh đã hiểu mà không cần đưa ra thêm những ví dụ nào khác nữa chứ?

Vâng, anh nói, tôi hiểu khá rõ rồi.

Vậy anh hãy cho tôi biết, cái gì ở trong thân xác làm cho thân xác sống?

Linh hồn, anh nói.

Và luôn luôn như thế phải không?

Vâng, anh nói, tất nhiên.

Vậy bất cứ cái gì mà có linh hồn thì nó đều mang sự sống đến cho?

Vâng, chắc chắn thế.

Và có cái gì đối nghịch với sự sống không?

Có, anh đáp.

Cái gì?

Chết.

Vậy, như ta đã nhìn nhận, linh hồn sẽ không bao giờ chấp nhận cái đối nghịch với cái mà nó đem đến. Và bây giờ, ông nói, chúng ta đã gọi nguyên lý mà loại trừ số chẵn là gì?

Số lẻ.

Và nguyên lý loại trừ âm nhạc, hay cái công bằng là gì?

Cái phi âm nhạc, anh nói, và cái bất công.

Và cái nguyên lý không chấp nhận cái chết là gì?

Cái bất tử, anh nói.

Và linh hồn có chấp nhận cái chết không?

Không.

Vậy linh hồn là bất tử?

Vâng, anh nói.

Và chúng ta có thể nói là đã chứng minh được điều này không?

Rồi, ông Socrates, chúng ta đã chứng minh rất đầy đủ.

Vậy, khi cái chết đến tấn công một người, phần phải chết của họ có thể được nói là chết, nhưng phần bất tử của họ vượt ra ngoài cái chết và được bảo toàn?

Đúng.

Vậy, anh Cebes, không còn nghi ngờ gì nữa, linh hồn là bất tử, bất diệt và linh hồn chúng ta sẽ thực sự tồn tại trong một thế giới khác!

Bây giờ tôi hoàn toàn xác tín rồi, ông Socrates, Cebes nói và tôi không còn vấn nạn gì nữa; nhưng nếu anh bạn Simmias của tôi hay ai khác có vấn nạn nào, họ hãy nói ra chứ đừng lặng thinh, vì tôi không biết chúng ta có còn cơ hội nào nữa để bàn về những vấn đề này.

Nhưng, Simmias nói, tôi không còn vấn nạn nào; tôi cũng không thấy còn điều gì hoài nghi nữa, trừ một điểm phát sinh tất yếu từ tính chất quá to lớn của đề tài và sự yếu đuối của con người, là điều tôi luôn luôn bức xúc.

Hay lắm Simmias, Socrates nói, anh đã diễn tả rất hay: và hơn cả điều đó, các nguyên lý bậc nhất, mặc dù chúng có vẻ hiển nhiên, nhưng vẫn phải xem xét kỹ càng; và khi chúng đã được xác định thỏa đáng, thì với sự tin tưởng tương đối vào lý trí, anh có thể đi theo con đường lý luận như thế; và nếu điều này đã rõ, tôi thấy không còn cần tra cứu thêm nữa.

Đúng thế.

Nhưng các bạn ạ, ông nói, nếu linh hồn thực sự là bất tử, thì chúng ta phải chăm sóc cho nó thế nào, không chỉ ở đời này, mà cả trong vĩnh cửu? Nguy cơ sao nhãng việc chăm sóc nó sẽ dẫn tới các hậu quả vô cùng khủng khiếp. Nếu chết là hết, thì những người xấu sẽ cảm thấy thoải mái và có lợi lúc chết, vì không những họ sẽ vui mừng thoát khỏi thân xác mà còn thoát khỏi các hành vi tội ác của họ cùng với linh hồn họ. Nhưng vì chúng ta thấy rõ ràng linh hồn là bất tử, không có sự giải phóng hay cứu thoát nào khỏi sự ác ngoài việc đạt đến nhân đức và sự khôn ngoan cao nhất. Vì linh hồn trên đường đi sang thế giới bên kia thì không

mang theo nó điều gì khác ngoài sự nuôi dưỡng và giáo dục; là điều được nói là vô cùng làm lợi hay vô cùng làm hại cho người chết, ở giai đoạn đầu cuộc hành trình của họ sang thế giới bên kia.

Vì sau khi chết, như người ta nói, thần của mỗi cá nhân mà họ đã nhận làm người hướng dẫn trên đời, sẽ dẫn họ tới một nơi mà ở đó các kẻ chết được tập họp để chịu xét xử, từ nơi đó họ đi xuống thế giới âm phủ, theo sau người dẫn đường được chỉ định để đưa họ từ thế giới này sang thế giới bên kia: và sau khi họ đã nhận lãnh phần của mình và sống thời gian của họ ở đó, họ sẽ được một người hướng dẫn khác đưa họ trở về qua nhiều chu kỳ xoay vần của các thời đại. Nhưng, cuộc hành trình về thế giới bên kia không chỉ có một con đường duy nhất và thẳng băng, nhưng có nhiều lối rẽ và nhiều khúc quanh co, như tôi có thể suy ra từ những nghi thức và lễ tế được dâng lên cho các thần tại những nơi dưới âm phủ mà có ba lối rẽ. Linh hồn có kỷ cương và khôn ngoan thì biết tình trạng của mình và đi theo đúng đường; nhưng linh hồn chiều theo những ước muốn của thân xác và như tôi đã kể ở trên, chao đảo trong cái khung không có sự sống và thế giới của những ảo tưởng, thì sau nhiều cố gắng và nhiều đau khổ, nó bị lôi đi bằng vũ lực bởi thần hộ thủ của nó và khi nó đến nơi mà các linh hồn khác được tập họp, nếu nó ô uế và đã có các hành vi ô uế, hay dính líu tới các việc giết người hay các tội ác khác - thì mọi linh hồn khác sẽ xa tránh nó và trốn chạy, không ai lại gần làm bạn với nó, không ai hướng dẫn nó, nhưng nó một mình lang thang trong sự ác tột độ cho tới khi hoàn tất một thời gian nào đó và khi hết hạn này, nó sẽ buộc phải tái sinh vào một chỗ thích hợp với nó; cũng như các linh hồn thanh sạch và công chính đã trải qua cuộc sống dưới sự hướng dẫn của các thần thì cũng có nơi ở thích hợp của mình.

Vậy trái đất có những vùng kỳ diệu khác nhau, về bản chất và phạm vi rất khác với các khái niệm của các nhà địa dư.

Ông muốn nói điều gì, ông Socrates? Simmias nói. Tôi đã từng nghe rất nhiều mô tả về trái đất, nhưng tôi không biết ông đặt niềm tin của ông trên cơ sở nào.

Được, anh Simmias, Socrates đáp, kể lại câu truyện này không cần có tài của Glaucus; và tôi không biết nghệ thuật kể truyện của Glaucus có thể chứng minh sự thật câu truyện của tôi hay không, vì bản thân tôi không bao giờ chứng minh được và cho dù tôi có thể, tôi e rằng đời sống tôi sẽ kết thúc trước khi tôi nói xong lý luận của mình. Tuy nhiên, tôi có thể mô tả cho các anh hình dáng và các vùng của trái đất theo quan niệm của tôi.

Như thế cũng đủ rồi, Simmias nói.

Được, Socrates nói, vậy niềm tin của tôi là thế này: trái đất là một vật tròn ở trung tâm của bầu trời và vì thế không cần có khí hay một lực nào tương tự để chống đỡ nó, nhưng được giữ ở đó và không bị rơi hay nghiêng về phía nào nhờ sự thăng bằng của bầu trời và nhờ tính thăng bằng của chính trái đất. Vì vật tự nó có tính thăng bằng và nằm ở trung tâm của cái có tính thăng bằng toả khắp nơi, thì sẽ không nghiêng một độ nào, nhưng luôn luôn ở trong cùng một trạng thái và không xê xích. Đó là khái niệm đầu tiên của tôi.

Chắc chắn là khái niệm đúng, Simmias nói.

Tôi cũng tin rằng trái đất rất rộng lớn và chúng ta đang cư ngụ trên một vùng trải dài từ sông Phasis tới các Trụ của Heracles dọc theo bờ biển, chúng ta không khác gì những con kiến hay ếch nhái trên một cái đầm lầy và chỉ cư ngụ một phần rất nhỏ của trái đất, và nhiều người khác cũng đang cư ngụ tại những nơi khác cũng giống như thế. Vì tôi cần nói rằng ở mọi nơi trên mặt đất đều có những cái hố lớn với các hình thù và kích cỡ khác nhau, trong đó nước, sương và khí gom lại; và đất thật thì tinh tuyền và ở trong bầu trời tinh tuyền, trong đó cũng có các ngôi sao - đó là trời mà người ta thường gọi là ête, trong đó đất này chỉ là những phần cặn lắng đọng trong các cái hố của mặt đất. Nhưng sống trong các cái hố này, chúng ta cứ lầm tưởng là mình đang sống trên mặt trái đất; chẳng khác gì các sinh vật sống ở đáy biển mà cứ tưởng rằng chúng sống trên mặt nước và biển là trời mà qua đó nó thấy mặt trời và các ngôi sao, - vì nó chưa bao giờ lên trên mặt nước, vì nó quá yếu và lười biếng, và chưa bao giờ ngẩng đầu hay ngước mắt lên để nhìn, cũng như chưa bao giờ nghe ai nói đã nhìn thấy cái vùng khác này còn vô cùng tinh tuyền và đẹp hơn vùng đất của mình. Trường hợp của chúng ta đích xác là như thế: vì chúng ta đang ở trong một cái hố của trái đất, mà tưởng lầm rằng chúng ta đang ở trên mặt đất; và khí thì chúng ta gọi là trời và chúng ta tưởng tượng ra có các ngôi sao di chuyển trong khí. Nhưng đó cũng là vì sự yếu đuối và lười biếng của chúng ta, nó ngăn cản không cho chúng ta lên tới bề mặt của khí: vì bất cứ ai ra khỏi biên giới tận cùng, hay có cánh chim và bay bổng lên trên, giống như một con cá thò đầu ra khỏi nước và nhìn thế giới này, người ấy sẽ thấy được một thế giới khác ở bên kia; và nếu bản tính con người cho phép họ nhìn thấy được, thì họ sẽ nhận ra rằng đây là nơi của bầu trời thật, của ánh sáng thật và của các ngôi sao thật. Về thế giới ở bên trên chúng ta và

ở dưới bầu trời, tôi có thể kể cho anh, Simmias, một câu truyện hấp dẫn rất đáng nghe.

Và chúng tôi, ông Socrates, chúng tôi sẽ vô cùng thích thú nghe ông, Simmias nói.

Anh bạn, ông nói, câu truyện kể như thế này: - Trước hết, khi nhìn từ trên xuống, trái đất giống như một quả bóng có một lớp vỏ bọc bằng da gồm mười hai miếng và có màu sắc khác nhau, mà các màu được các hoạ sĩ dùng trên mặt đất này chỉ là một mẫu mà thôi. Nhưng tất cả trái đất được làm bởi các màu ấy, chúng sáng và rõ gấp bội các màu của chúng ta; có màu đỏ tía rực rỡ, cũng có màu vàng óng ánh và màu trắng mà ở dưới đất thì trắng hơn cả phấn hay tuyết. Trái đất được làm bằng các màu này và các màu khác nữa, và chúng nhiều và đẹp hơn tất cả những gì mà mắt người trần từng xem thấy; và chính các cái hố chứa đầy khí và nước (mà tôi vừa mô tả) cũng sáng rực giữa các màu khác có màu riêng của chúng, tạo cho sự đa dạng một vẻ duy nhất. Và trong vùng đất đẹp đẽ này mọc lên mọi thứ: - cây, hoa và trái - đẹp hơn bất cứ điều gì thấy ở đây; và có những đồi núi, những tảng đá ở đó ở một mức độ nhẵn bóng và trong suốt hơn ở đây, màu sắc của chúng đẹp hơn những viên kim cương ngọc thạch và các thứ đá khác mà chúng ta coi là rất quý, nhưng sánh với chúng thì những thứ này chỉ là những mảnh vụn: vì mọi thứ đá đều giống các đá quý của chúng ta và còn đẹp hơn gấp bội. Lý do là vì chúng tinh ròng hơn, chứ không như những đá quý của chúng ta, thường pha tạp và bị xói mòn bởi những yếu tố gây hư hỏng của chúng ta cũng như nuôi dưỡng sự dơ bẩn và bệnh tật cả trong đất và đá, cũng như trong cây cỏ và động vật. Chúng là những viên đá quý của trái đất thượng tầng, trái đất này cũng lấp lánh vàng, bạc và các thứ giống thế; và chúng có thể trông thấy được và có rất nhiều ở mọi vùng của trái đất, người nào thấy được chúng thì quả thật có phước. Và trên đất đó có các động vật và loài người, một số ở vùng giữa, số khác ở quanh không khí giống như chúng ta ở quanh biển; số khác ở các đảo có khí tràn ngập xung quanh, gần đất liền: và nói tóm lại, không khí được chúng dùng như chúng ta dùng nước và biển. Hơn nữa, thời tiết và khí hậu của các mùa rất thích hợp khiến chúng không bị dịch bệnh và sống thọ hơn chúng ta rất nhiều; và chúng có thị giác, thính giác và khứu giác, cùng mọi giác quan khác, hoàn hảo hơn chúng ta, giống như khí thì tinh tuyền hơn nước và ête thì hơn khí. Chúng cũng có các đền thờ và các nơi thánh có các thần thực sự cư ngụ tại đó; và chúng nghe được tiếng các thần cũng như nhận các câu trả lời của các thần, ý thức sự

hiện diện của các thần và trò chuyện với các thần, chúng thấy mặt trăng, mặt trời và các ngôi sao thực sự và các điều tốt lành khác nữa.

Đó là bản chất của toàn thể trái đất, và của các vật chung quanh trái đất; và có các vùng khác nhau trong các hố ở khắp nơi trên mặt đất, một số sâu hơn và cũng to hơn các cái hố chúng ta ở, số khác sâu hơn và có miệng nhỏ hơn các hố của chúng ta, và một số nông hơn và rộng hơn; tất cả đều có rất nhiều lỗ nhỏ, và những lối đi rộng cũng như hẹp trong lòng đất, nối chúng với nhau; và có một dòng nước lớn chảy ra chảy vào, giống như đổ vào các hồ; và các con sông khổng lồ ngầm dưới lòng đất chảy triền miên, và cũng có các suối nước vừa nóng vừa lạnh, và một ngọn lửa khổng lồ, các sông lửa khổng lồ, các dòng suối bùn đặc và lỏng (giống như các con sông bùn ở Sicily và các suối nham thạch theo sau chúng), và các vùng mà chúng đổ vào thì chứa đầy chúng. Và trong lòng đất có một thứ giống như cái xích đu làm chúng đi lên đi xuống. Chuyển động đu đưa theo cách như sau: - Có một cái vực lớn hơn tất cả và đục thẳng xuyên qua trái đất; đây là cái được Homer mô tả trong câu thơ sau: -

"Ở miền xa tít, nơi sâu thẳm nhất dưới lòng đất";

và ông cũng như nhiều nhà thơ khác gọi nơi này là Tartarus. Sự đu đưa được tạo ra bởi các suối nước chảy ra chảy vào cái vực này, và mỗi suối nước có bản chất của đất mà nó chảy qua. Và lý do tại sao các suối luôn luôn chảy ra và vào, đó là vì yếu tố nước không có đáy hay lòng, và nó luôn luôn nhấp nhô lên xuống, và gió khí ở xung quanh cũng nhấp nhô như thế; chúng làm cho nước tràn lên và rớt xuống, bên này và bên kia, trên khắp mặt đất - giống như khi thở, khí luôn luôn được hít vào và thở ra; vậy; - gió khi đu đưa nước ra và vào thì tạo ra những tiếng nổ ầm ầm rất ghê sợ: khi nước rút xuống phần thấp của đất, chúng đổ qua đất để vào các vùng ấy và đổ đầy chúng giống như chuyển động của một cái bơm nước, và rồi chúng bỏ các vùng ấy để chảy vội ngược trở lại đây, rồi cũng đổ đầy các hố ở đây và khi các hố này đã đầy, chúng chảy qua các con kênh ngầm dưới đất và tìm đường đến các nơi khác nhau, tạo thành các biển, hồ, sông và suối. Từ đó chúng vào lại trái đất, một số đi vòng qua nhiều miền đất, số khác đến một ít nơi không xa; còn một số khác nữa rơi xuống vực Tartarus, một số xuống rất thấp, số khác ít thấp hơn, nhưng tất cả đều thấp hơn điểm xuất phát của chúng. Và một số lại bung ra phía đối diện, một số ở cùng phía và một số đi vòng quanh trái đất với một hay nhiều đường

xoắn giống như vòng xoắn của một con rắn, và đi xuống thấp bao nhiêu có thể, nhưng luôn luôn trở lại và rơi vào trong hồ. Các con sông ở hai bên chỉ có thể xuống tới trung tâm chứ không đi xa hơn nữa, vì ở hai bên các con sông phía đối diện là một vực thẳm.

Các con sông này rất nhiều, và chảy xiết, và có hình thù khác nhau, nhưng có bốn con sông chính, trong đó lớn nhất và ở ngoài nhất là Oceanus, chảy thành một vòng tròn quanh trái đất; chảy theo hướng đối diện là con sông Acheron, chảy dưới lòng đất qua các sa mạc vào trong hồ Acheron: các bờ hồ này là chỗ mà các linh hồn của nhiều người đi đến khi họ chết và sau khi chờ một thời gian đã ấn định, chúng được gửi trở lại để tái sinh thành các con vật. Con sông thứ ba nổi lên giữa hai con sông trên và gần nơi xuất phát, nó đổ vào một vùng lửa rộng lớn và làm thành một cái hồ lớn hơn biển Địa Trung hải, luôn luôn sôi sùng sục nước và bùn; và với bùn nước dơ dáy, nó đi vòng quanh đất và đến các chỗ đầu cùng của hồ Acheron, nhưng không hòa vào với nước ồ ạt này và sau khi đi vòng nhiều vòng quanh trái đất, nó đổ vào vực Tartarus ở một độ thấp hơn. Đây là con suối Pyriphlegethon, suối này làm tung toé các tia lửa tới mọi nơi. Con sông thứ tư xuất phát từ phía đối diện và trước tiên đổ vào một vùng hoang dã, toàn màu xanh đậm giống như màu đá quí da trời; và đây là con sông có tên gọi là sông Stygia, nó đổ vào và làm thành hồ Styx, và sau khi đổ vào hồ và nhận những năng lượng lạ thường trong nước, nó chảy ngầm dưới lòng đất, đi vòng quanh phía đối diện đến suối Pyriphlegethon và gặp nhau ở hồ Acheron. Và nước sông này cũng không hòa vào với nước các con sông khác, nhưng chảy vòng tròn và đổ vào vực Tartarus, đối diện và ở bên trên Pyriphlegethon; và tên gọi của con sông này là Cocytus, theo lời thi hào.

Đó là bản chất của thế giới bên kia; và khi người chết đi đến nơi mà thần của mỗi người đưa họ đến, trước tiên, các thần ấy ra án trên họ, tùy theo họ đã sống tốt lành hay không. Những người đã sống không tốt cũng không xấu thì đến sông Acheron và lên các chiếc xe, họ được đưa tới hồ, ở đây họ ở lại và được thanh tẩy khỏi các hành vi xấu và chịu hình phạt vì các việc ác đức họ đã làm cho người khác, sau đó họ được xá tội và nhận phần thưởng của các việc tốt lành họ đã làm. Nhưng những người tỏ ra bất trị vì tội ác của họ quá tầy đình - những người đã phạm nhiều hành vi ghê sợ như phạm thánh, giết người và bạo lực cũng như các tội tương tự khác - chúng bị ném vào vực Tartarus xứng với tội của chúng và chúng sẽ không bao giờ ra khỏi đó. Và

những kẻ đã phạm các tội ác, tuy là trọng tội, nhưng có thể được tha - ví dụ như khi trong cơn tức giận đã có hành vi bạo lực với cha hay mẹ và đã hối cải suốt phần còn lại của họ, hay đã lấy đi mạng sống của một người khác trong những hoàn cảnh có thể giảm nhẹ - những kẻ này bị ném vào vực Tartarus và phải chịu các hình phạt ở đây trong một năm, nhưng hết năm sóng nước sẽ ném họ lên - những kẻ giết người thì bị ném vào sông Cocytus, những kẻ giết cha mẹ thì vào sông Pyriphlegethon - và chúng được đưa đến hồ Acheron, ở đây họ lớn tiếng kêu van tên những người mà họ đã xúc phạm hay giết hại để những người ấy thương xót họ, đón nhận họ và đưa họ ra khỏi sông để vào trong hồ. Và nếu họ được nhận lời, họ sẽ đi lên và thoát khỏi đau khổ; nhưng nếu không, họ sẽ bị đưa trở lại vực Tartarus và rồi từ đó không ngừng bị ném vào các con sông, cho tới khi họ được sự thương xót của những người mà họ đã làm hại: vì đó là bản án được các quan tòa tuyên ra cho họ. Những người nổi tiếng vì đời sống thánh thiện thì được giải phóng khỏi ngục tù dưới đất và đi đến nhà tinh tuyền của họ ở trên trời, và ở trong trái đất tinh tuyền hơn; và những người đã thanh tẩy mình đúng mức bằng triết học, do đó sống hoàn toàn không lệ thuộc thân xác, những người này được đến những nơi ở đẹp hơn gấp bội, không thể mô tả nổi và thời gian không cho phép tôi kể hết.

Vì vậy, anh Simmias, sau khi đã thấy tất cả những cảnh này, làm sao chúng ta không cố gắng để đạt nhân đức và khôn ngoan ở đời này? Phần thưởng đẹp biết bao và hi vọng lớn chừng nào!

Tôi không có ý nói rằng mô tả của tôi về linh hồn và nơi ở của nó là hoàn toàn đúng và chính xác - một người có lý trí không thể nào nói như thế. Nhưng tôi quả thực muốn nói rằng, vì linh hồn đã được chứng minh là bất tử, nên ta có thể nghĩ về nó như thế mà không sợ sai sự thật. Vì vậy một người sẽ cảm thấy vui vẻ về linh hồn của mình, nếu người ấy đã vứt bỏ những thú vui và những đồ trang sức bề ngoài của thân xác, coi chúng như là xa lạ với mình và đem lại những hậu quả tai hại cho mình; ngược lại người ấy chỉ theo đuổi những thú vui tri thức ở đời này, trang điểm linh hồn mình bằng những viên ngọc quí của chính linh hồn là sự tiết độ, công bằng, can đảm, cao thượng và chân thật - với những đồ trang sức này linh hồn sẵn sàng cuộc hành trình của nó sang thế giới bên kia, khi giờ của nó đến. Anh Simmias và Cebes, hai anh và mọi người khác sẽ ra đi khi đến giờ của mình. Còn tôi, như lời thi sĩ thường nói, tiếng định mệnh đã gọi tôi rồi. Chỉ một

lát nữa thôi tôi sẽ phải uống chén thuốc độc; và tôi nghĩ tôi nên đi tắm rửa trước để các bà khỏi phải mất công tắm rửa xác tôi sau khi tôi chết.

Socrates vừa nói xong, Crito hỏi: Ông có điều gì căn dặn chúng tôi không, Socrates? - ông có muốn dặn dò gì các con ông, hay bất cứ điều gì chúng tôi có thể làm giúp ông không?

Không có gì đặc biệt, ông nói: chỉ có một điều này, như tôi vẫn luôn nói với các anh, hãy chăm lo cho bản thân mình; đó là việc phục vụ các anh có thể làm cho tôi và những người thân của tôi cũng như cho tất cả chúng ta. Các anh không cần hứa gì cả; vì nếu các anh không quan tâm đến bản thân mình và không chăm lo đi theo qui tắc mà tôi đã truyền dạy các anh, không phải lần đầu tiên bây giờ, thì dù các anh có tuyên bố hay hứa hẹn bao nhiêu vào lúc này cũng bằng thừa.

Chúng tôi sẽ hết sức cố gắng, Crito nói. Nhưng chúng tôi sẽ chôn cất ông thế nào?

Các anh thích thế nào thì cứ làm như thế; nhưng các anh hãy giữ lấy lời tôi và chớ để tôi xa rời các anh. Rồi ông quay về phía chúng tôi và mỉm cười nói: - Tôi không thể làm cho Crito tin rằng tôi vẫn là Socrates từng trò truyện và dẫn dắt các cuộc thảo luận; anh ta tưởng tôi là một Socrates khác mà anh ta sắp nhìn thấy, một xác chết - và anh hỏi, anh phải chôn cất tôi thế nào? Và mặc dù tôi đã nói nhiều lời để cố gắng chứng tỏ rằng sau khi tôi uống chén thuốc độc, tôi sẽ từ giã các anh và đi đến niềm vui của những kẻ có phúc, - những lời ấy an ủi các anh và bản thân tôi, nhưng tôi nhận thấy không có tác dụng gì đối với Crito. Và vì thế tôi muốn các anh là sự bảo đảm cho tôi đối với anh ấy lúc này, giống như anh ấy đã là sự bảo đảm cho tôi đối với các quan tòa trong vụ xét xử: nhưng hãy làm cho lời hứa mang một bản chất khác; vì anh ta bảo đảm cho tôi trước các quan tòa rằng tôi sẽ ở lại, nhưng các anh phải bảo đảm cho tôi đối với anh ấy rằng tôi sẽ không ở lại nhưng sẽ ra đi; và lúc đó anh ấy sẽ bớt đau khổ trước cái chết của tôi và không phải khóc lóc khi nhìn thấy thi thể tôi được hỏa thiêu hay an táng. Tôi không muốn anh ấy buồn phiền vì số phận nghiệt ngã của tôi, hay nói lúc chôn cất tôi, thế là chúng ta đặt Socrates nằm xuống, hay, Thế là chúng ta đi theo ông tới mồ hay chôn cất ông; vì những lời nói sai lạc tự nó không chỉ là một điều xấu, nhưng chúng làm ô nhiễm linh hồn vì sự xấu. Vì vậy, hãy vui lên anh Crito và nói rằng, anh chỉ đang chôn cất thi thể của tôi mà thôi, và hãy làm mọi điều bình thường theo tập tục và những gì anh nghĩ là tốt nhất.

Sau khi nói xong những lời này, ông đứng dậy và đi vào trong buồng tắm; Crito đi theo ông và bảo chúng tôi đứng chờ. Vì thế chúng tôi đợi ở ngoài, nói chuyện với nhau và nghĩ về chủ đề cuộc nói chuyện của ông và cũng nghĩ về nỗi đau đớn to lớn của chúng tôi; ông như một người cha mà chúng tôi đang phải chia lìa, và chúng tôi sắp sống phần còn lại của đời mình như những đứa trẻ mồ côi. Khi ông tắm xong, người ta đưa các con ông đến gặp ông - (ông có ba con trai, một đứa đã lớn và hai đứa còn nhỏ); và các phụ nữ trong gia đình ông cũng đến, ông nói chuyện với họ, trối trăng đôi lời trước mặt Crito; đoạn ông từ biệt họ và trở lại với chúng tôi.

Lúc này hoàng hôn sắp xuống, vì ông đã ở lại trong nhà khá lâu. Khi ông ra ngoài, ông lại ngồi xuống với chúng tôi sau khi ông tắm, nhưng không nói gì nhiều. Một lát sau, người cai tù, cũng là người phục vụ của Nhóm Mười Một, bước vào đứng cạnh ông và nói: - Socrates, tôi biết ông là con người cao quí nhất, hiền lành nhất và tốt nhất trong tất cả những người đã từng đến sống ở đây. Tôi biết ông sẽ không giống như những người khác giận dữ và chửi rủa tôi khi tôi phải vâng lời chính quyền bắt họ uống thuốc độc-thực vậy, tôi chắc chắn ông sẽ không tức giận với tôi; vì như ông biết, lỗi là ở những người khác chứ không phải ở tôi. Vì vậy, chúc ông an bình và cố gắng chịu đựng điều phải đến ông biết tôi làm là vì bổn phận. Nói xong, anh ta bật khóc và quay ra ngoài.

Socrates nhìn theo anh và nói: Tôi cũng chúc anh những điều tốt lành và sẽ làm như lời anh nói. Rồi ông quay lại phía chúng tôi và nói: anh ấy thật dễ thương: kể từ khi tôi bị giam cầm, anh ấy luôn luôn đến thăm và đối xử hết sức tử tế với tôi và bây giờ anh ta tỏ ra quảng đại biết bao khi cảm thấy đau buồn cho tôi. Crito, chúng ta phải làm như lời anh ấy nói; vì thế, hãy mang chén thuốc độc đến cho tôi nếu đã có sẵn; nếu không, hãy bảo người phục vụ chuẩn bị.

Crito nói, "Nhưng mặt trời vẫn còn trên đỉnh đồi và tôi biết rằng nhiều người đã uống thuốc độc rất trễ và sau khi nghe lời loan báo cho họ, họ ăn uống và vui vẻ với những người thân của họ; ông không cần phải vội có đủ thời giờ cho ông cơ mà.

Socrates nói:-Đúng thế, Crito và những người mà anh nói tới đều hành động chính đáng, vì họ nghĩ họ có thể có lợi nhờ sự chần chừ; nhưng tôi có lý khi không theo gương họ, vì tôi không nghĩ sẽ được lợi gì khi trì hoãn uống thuốc độc; nếu làm thế, tôi sẽ làm trò cười cho chính mình vì tìm cách cứu vãn một cuộc sống đã hết rồi. Vậy xin anh cứ làm như tôi nói, đừng từ chối tôi.

Crito ra dấu cho người hầu đang đứng gần đó; người này đi ra và sau một lát quay trở lại cùng với người cai tù mang theo chén thuốc độc. Socrates nói: Anh bạn yêu quí, anh có kinh nghiệm trong việc này, xin chỉ dẫn cho tôi phải làm thế nào. Người ấy nói: Ông chỉ cần đi đi lại lại cho tới khi chân ông nặng trĩu và rồi nằm xuống, lúc đó thuốc độc sẽ có tác dụng. Đồng thời anh đưa chén thuốc cho Socrates; và một cách thoải mái và dịu dàng, không một chút sợ hãi hay biến sắc mặt, Socrates chăm chú nhìn anh, cầm lấy chén thuốc và nói: Tôi có được vảy nước thuốc này để kính thần không? Người ấy trả lời: Ông Socrates, chúng tôi chỉ chuẩn bị vừa đủ lượng thuốc. Ông nói, Tôi hiểu: nhưng tôi có thể và phải cầu xin các thần ban phước cho cuộc hành trình sang thế giới bên kia, ước gì được như lời tôi nguyện. Rồi ông nâng chén thuốc lên môi, hoàn toàn mau mắn và vui vẻ uống cạn chén thuốc độc. Cho tới lúc này chúng tôi vẫn cố gắng kiềm chế sự đau buồn; nhưng bây giờ khi nhìn thấy ông uống và cũng thấy rằng ông đã cạn chén, chúng tôi không thể chịu đựng nổi nữa và nước mắt tôi cứ tuôn trào không tài nào kìm lại được; vì vậy tôi lấy tay che mặt và khóc, không phải khóc cho ông, mà khóc khi nghĩ đến thảm hoạ bị mất một người bạn tuyệt vời như thế. Tôi không phải người khóc đầu tiên; bởi vì Crito, khi thấy mình không thể cầm nước mắt, đã đứng lên và tôi theo sau; và lúc đó, Apollodorus, người đã khóc suốt từ đầu, đã gào lên khóc rất to làm cho tất cả chúng tôi phải khóc theo. Chỉ một mình Socrates giữ được sự bình thản: Ông nói, tiếng kêu khóc kỳ lạ này là gì vậy? Tôi đã cho các phụ nữ ra ngoài chủ yếu là để họ không khóc theo, vì tôi đã được dạy rằng một người đàn ông phải chết trong thanh thản. Vậy anh em hãy yên lặng và kiên nhẫn. Khi nghe những lời này, chúng tôi cảm thấy xấu hổ và mọi người gạt nước mắt; và ông đi đi lại lại cho tới khi chân ông bắt đầu chùn xuống, rồi ông nằm ngửa ra, theo như lời chỉ dẫn và người đàn ông đã đưa chén thuốc độc cho ông thỉnh thoảng nhìn vào cẳng chân và bàn chân của ông; và sau một lát anh ta ấn mạnh bàn chân ông và hỏi ông có còn cảm giác không; ông nói: Không; và rồi anh nâng cẳng chân ông lên cao dần và chỉ cho chúng tôi thấy người ông đã lạnh và cứng đờ. Ông tự cảm thấy thế và nói: Khi thuốc độc ngấm vào tim là hết đời. Ông bắt đầu thấy lạnh ở thắt lưng thì ông bỏ tay ra khỏi mặt, vì ông đã lấy tay che mặt và nói - đây là những lời cuối cùng của ông - ông nói: Crito, tôi còn mắc nợ Asclepius một con gà; anh làm ơn nhớ trả nợ giùm tôi được không? Crito đáp, tôi sẽ trả giùm

ông; còn gì nữa không ạ? Không có câu trả lời cho câu hỏi này; nhưng sau một hai phút, nghe có tiếng động đậy và những người phục vụ cởi mũ ông ra; mắt ông mở to và Crito vuốt mắt và miệng ông lại.

Đó là giây phút cuối đời của người bạn chúng ta; tôi có thể nói về ông rằng, trong tất cả các người đương thời mà tôi được biết, ông là người khôn ngoan nhất, chính trực nhất và tốt lành nhất.

BỮA TIỆC

GIỚI THIỆU

Bữa tiệc (*Symposium*) là tác phẩm có hình thức hoàn hảo nhất trong tất cả các tác phẩm của Plato và có chất liệu phong phú vượt quá sức tưởng tượng của bất cứ nhà phê bình nào, thậm chí vượt quá sức tưởng tượng của chính tác giả của nó, như Goethe nói về một tác phẩm của chính ông. Bởi vì trong lãnh vực triết học và tiên tri, các cái nhìn về tương lai thường được chuyển tải bằng những câu nói mà người ta chỉ có thể hiểu được ở thời sau. Hơn bất cứ tác phẩm nào khác của Plato, *Bữa tiệc* mang nét đặc trưng Hy Lạp cả về phong cách lẫn chủ đề, nó có cái đẹp "của một pho tượng", trong khi đối thoại Phaedrus lại mang những nét bất qui tắc của phong cách Gothic. Ngoài ra, hơn bất cứ tác phẩm nào khác của ông, trong tác phẩm này Plato đã thoát ra khỏi ảnh hưởng của các nền triết học thời trước. Thiên tài của nghệ thuật Hy Lạp có vẻ như thắng thế các truyền thống trong các trường phái Pythagoras, Elea, hay Megara và "cuộc tranh cãi cũ giữa thi ca và triết học" đã có một sự hòa giải, ít nhất là ở bề mặt.

Một người không được nêu tên đã có dịp nghe kể về các bài luận đàm của Socrates và những người khác ca ngợi tình yêu tại bàn tiệc của Agathon, người ấy muốn có một tường thuật xác thực về các bài luận đàm này và anh ta nghĩ có thể xin Apollodorus cung cấp cho mình. Apollodorus chính là anh chàng dễ kích động, có biệt danh là "anh chàng điên" mà ta đã gặp trong Phaedo và cũng là một người bạn của Socrates. Anh ta tưởng rằng các bài luận đàm mới được nói ra thời gian gần đó thôi. Về điểm này thì anh ta đã lầm. Nhưng chúng vẫn còn rất sinh động trong ký ức của người kể truyện, vì người này cũng vừa kể lại nó cho Glaucon và sẵn sàng kể lại một lần nữa cho người bạn trên đường từ Piraeus tới Athens. Trên thực tế anh không có mặt ở đó, nhưng anh đã được nghe kể lại từ những nguồn đáng tin cậy nhất. Aristodemus, người

được mô tả trước đây đã từng là một người giúp việc khiêm tốn nhưng không thể rời xa Socrates, đã kể lại cho anh ta.

Câu chuyện anh nghe kể lại như sau: -

Aristodemus gặp Socrates trong trang phục lễ tân, được ông mời đến dự một bữa tiệc tại nhà của Agathon, ông này vừa dâng lễ tạ ơn thần vì cuộc thắng trận đầy kịch tính ngày hôm trước. Nhưng vừa vào nhà, anh đã phát hiện Socrates biến đi đâu mất - trong một thoáng đăng trí, ông đã nán lại phía sau và chỉ xuất hiện khi bữa tiệc đã được một nửa. Ông và chủ nhà trao đổi qua lại một vài câu chuyện vui, rồi họ hỏi, "Phải tính sao về chuyện uống rượu? Vì họ đã uống rất nhiều từ ngày hôm trước và uống rượu hai ngày liền là điều không tốt". Điểm này được xác nhận bởi thầy thuốc Eryximachus, ông này còn đề nghị thêm rằng thay vì ngồi nghe các cô múa hát "ồn ào", tốt hơn họ nên có những bài nói ca ngợi tình yêu, người này kế tiếp người khác, bắt đầu từ trái sang phải vì họ đang ngồi ở một chiếc bàn dài. Tất cả đều nhất trí với đề nghị này và Phaedrus, người khởi xướng đề nghị này và đã nói với Eryximachus trước đó, bắt đầu bài luận đàm của anh như sau: -

Anh nói thao thao bất tuyệt về lịch sử của tình yêu từ thời cổ xưa, từng được các thi sĩ làm chứng và rồi anh nói về các lợi ích mà tình yêu đem đến cho con người. Lợi ích to lớn nhất là ý thức về danh dự và ô danh. Người yêu cảm thấy xấu hổ khi bị người mình yêu phát hiện đang làm hay chịu một hành vi hèn nhát hoặc bần tiện nào đó. Và một nước hay một đạo quân chỉ bao gồm những người yêu nhau và những mối tình của họ, thì là một nước hay một đạo quân bất khả chiến bại. Vì tình yêu sẽ biến đổi kẻ hèn nhát nhất thành một người hùng đầy hứng cảm.

Và không chỉ có đàn ông, đàn bà cũng có những tình yêu đích thực. Đó là tình yêu của Alcestis, người đã liều chết vì chồng và nhờ đó bà nhận được phần thưởng là được sống lại từ cõi chết. Nhưng Orpheus, tên chơi đàn hạc hèn nhát, lúc còn sống được đi xuống âm phủ để có thể đưa vợ hắn về, đã bị chế nhạo bằng việc chỉ được thấy bóng của vợ mình và sau đó các thần đã cùng âm mưu giết chết hắn, để trừng phạt tính vô liêm sỉ của hắn. Anh hùng Achilles cũng cho một ví dụ về sự quan tâm nồng nhiệt đối với người mình yêu; vì anh sẵn sàng trả thù cho người bạn anh yêu là chàng Patroclus, mặc dù anh biết chính anh sẽ phải chết ngay sau đó: và để tôn vinh thứ tình yêu này, các thần đã trọng thưởng anh và cho anh tới đảo của những người hạnh phúc.

Đến lượt Pausanias, người ngồi kế bên, bắt đầu bài luận đàm của mình. Anh nói lẽ ra Phaedrus phải phân biệt giữa tình yêu thiên thai với tình yêu trần thế trước khi ca ngợi tình yêu. Vì có hai thứ tình yêu, giống như có hai nữ thần Aphrodite - một nữ thần thiên thai, không có mẹ và là nữ thần lớn tuổi, khôn ngoan hơn, và một nữ thần khác, con của thần Zeus và Dione, được biết đến nhiều hơn. Tình yêu thiên thai có một mục đích cao thượng và chỉ vui thích vì bản chất tinh thần của con người, và có lòng thủy chung hoàn toàn, đồng thời không có bóng dáng gì của sự phóng đãng hay buông thả. Tình yêu thứ hai thô thiển hơn tình yêu thứ nhất, là tình yêu của thân xác hơn là của linh hồn và thường là tình yêu của phụ nữ và thiếu niên cũng như của đàn ông. Các hành vi cũng thay đổi tùy theo cách thể hiện của chúng: và điều này áp dụng cho tình yêu cũng giống như cho mọi loại hành vi khác. Hơn nữa, có sự khác biệt ý kiến về các thuộc tính của tình yêu đàn ông. Một số người, như các tác giả thuộc trường phái Boethius, tán thành các tình yêu này; số khác, như các triết gia thuộc trường phái Ionia và đa số những người man di, không tán thành; một phần vì họ ý thức về những nguy cơ chính trị phát sinh từ chúng, như có thể thấy trong trường hợp của Harmodius và Aristogeiton. Ở Athens và Sparta có một sự mâu thuẫn rõ rệt trong lập trường về chúng. Vì có khi chúng được khuyến khích và khi ấy người yêu được phép giở mọi mánh khóe có thể tưởng tượng ra được; họ có thể thề thốt và nói những lời dối trá; họ có thể là một người đầy tớ và nằm ở thềm cửa nhà người họ yêu, mà không mất tính cách của họ; nhưng cũng có khi những người lớn tuổi tỏ ra nghiêm khắc và canh chừng các mối quan hệ của người trẻ, và đưa ra các nhận xét cá nhân. Sự thật là có một số các tình yêu này thật đáng xấu hổ, trong khi một số khác đáng kính trọng. Tình yêu thô thiển của thân xác biến mất khi tuổi thanh xuân qua đi, là tình yêu đáng khinh bỉ, cũng như các thứ tình yêu vì danh vọng hay tiền tài; nhưng tình yêu của tinh thần cao thượng thì vững bền. Người yêu phải bị thử thách và người được yêu không nên chiều theo quá dễ dàng. Qui luật ở nước chúng ta là người được yêu có thể làm cùng một việc phục vụ cho người yêu mình theo con đường đạo đức mà người yêu mình làm cho mình.

Việc phục vụ tự nguyện này vì nhân đức và khôn ngoan là điều quy luật của chúng ta cho phép; và khi hai tập tục này - tình yêu của tuổi trẻ và tình yêu của việc thực hành nhân đức - hợp thành một, thì các người yêu nhau có thể kết hợp với nhau một cách hợp pháp. Và người yêu vô vị lợi có bị lừa dối

cũng không phải là điều đáng xấu hổ: nhưng tình yêu vị lợi thì đáng xấu hổ gấp hai lần, vì nếu họ mất người yêu, họ cũng mất tính cách của mình; trong khi tình yêu cao thượng của người kia vẫn còn nguyên vẹn, mặc dù đối tượng tình yêu của họ là bất xứng: vì không gì có thể cao quý hơn tình yêu và nhân đức. Đây là tình yêu của nữ thần Ái Tình thiên thai, có giá trị rất cao cho các cá nhân và các quốc gia, làm cho họ hợp tác với nhau để trở nên tốt hơn.

Sau đó đến lượt Aristophanes; nhưng anh bị nấc cụt, vì thế anh ta đề nghị thầy thuốc Eryximachus chữa cho anh ta hay nói thay anh ta. Eryximahus sẵn sàng làm cả hai việc này và nói như sau: -

Anh đồng ý với Pausanias rằng có hai loại tình yêu; nhưng nghề của anh đã giúp anh đi đến kết luận rằng thế giới của hai thứ tình yêu này bao bao trùm mọi vật và có cả trong các loài vật, cây cỏ cũng như loài người. Trong thân xác con người cũng có hai loại tình yêu; và nghề thuốc cho thấy tình yêu nào là tốt và tình yêu nào là xấu, và thuyết phục thân xác chấp nhận tình yêu tốt và từ chối tình yêu xấu; và hòa giải các yếu tố mâu thuẫn và biến chúng thành bạn hữu. Mọi nghề, thể thao, nông nghiệp cũng như y học, đều là sự hòa giải giữa các cái đối nghịch nhau; và đây là ý của Heraclitus khi ông nói về một sự hòa hợp của các mặt đối nghịch: nhưng chính xác hơn ông ta phải nói về một sự hòa hợp tiếp theo sau các cái đối nghịch, vì không thể có sự nhất trí của các cái bất đồng. Âm nhạc cũng liên quan tới các nguyên tắc tình yêu trong việc áp dụng nó vào giai điệu và tiết tấu. Về mặt trừu tượng, mọi sự là đơn giản và chúng ta không có rắc rối gì giữa hai thứ tình yêu này; nhưng khi áp dụng vào giáo dục, với sự góp mặt của lời ca và nhịp điệu, thì bắt đầu có sự bất hòa. Có thể minh họa bằng câu truyện cổ về nữ thần Urania xinh đẹp và nữ thần Polyhymnia thô lỗ, đôi khi phải được châm chước một cách dè sẻn, giống như trong nghề thuốc của tôi, phải hết sức thận trọng khi châm chước cho sự dung dưỡng khoái lạc thể xác sao cho nó không mang bệnh tật.

Cũng có một sự hòa hợp hay bất hòa trong sự xoay vần của các mùa và trong các tương quan giữa ướt và khô, nóng và lạnh, băng giá và sương sa; và các bệnh tật đủ loại phát sinh từ những điều thái quá hay rối loạn của yếu tố tình yêu. Sự hiểu biết về điều này trong tương quan với các thiên thể thì được gọi là thiên văn học và trong tương quan với các thần thì gọi là bói toán. Vì bói toán là người hòa giải giữa các thần và loài người, và nó tác động nhờ những khuynh hướng của tình yêu thuần túy con người đối với sự sùng đạo hay vô đạo. Đó là sức mạnh của

tình yêu; và tình yêu mà công bằng và chừng mực thì có sức mạnh lớn nhất, và là nguồn mạch của mọi hạnh phúc, tình bạn của chúng ta với các thần và với nhau. Tôi đã bỏ qua không nhắc đến nhiều điều mà anh Aristophanes có thể cung cấp, vì tôi thấy bây giờ anh ấy đã khỏi nấc cụt rồi.

Sau khi hết nấc cụt, đến lượt Aristophanes nói: -

Anh tuyên bố mở ra một hướng thảo luận mới, bằng cách đề cập tới nguồn gốc của bản tính con người. Các giới tính lúc ban đầu có ba, đàn ông, đàn bà và sự phối hợp giữa đàn ông và đàn bà; và họ được làm thành hình tròn, có bốn tay, bốn chân, bốn mặt quanh một cái cổ tròn và phần còn lại tương ứng với họ. Họ có sức mạnh và sự nhanh nhẹn dễ sợ; và họ tìm cách leo lên trời và tấn công các thần. Có sự hoài nghi trong triều đình thiên quốc; các thần chia rẽ giữa ước muốn dẹp tan sự kiêu ngạo của loài người và sự sợ mất các lễ nạp của loài người. Cuối cùng thần Zeus chọn giải pháp tiện lợi. Chúng ta hãy cắt chúng thành hai, thần nói; rồi chúng sẽ chỉ có một nửa sức mạnh của chúng và chúng ta sẽ có số lễ phẩm nhiều gấp đôi. Nói thế rồi, thần chặt chúng ra làm đôi giống như tách quả trứng bằng một sợi tóc; và khi đã làm xong, Zeus bảo thần Apollo vặn lại các mặt của chúng và sắp đặt lại các thân của chúng, kéo ra các vết nhăn và cột da chúng lại thành một cái nút ở rốn. Hai nửa cứ dáo dác đi tìm nhau và sẵn sàng chết đói trong vòng tay nhau. Rồi Zeus chế ra một sự điều chỉnh các giống, giúp chúng lấy nhau và lo chuyện đường đời. Vậy các tính cách của người ta khác nhau tùy theo họ bắt nguồn từ người nam hay người nữ nguyên thủy, hay từ người nam-nữ nguyên thủy. Những người phát sinh từ người nam-nữ thì có cá tính buông thả và hay ngoại tình; những người phát sinh từ người nữ thì có cá tính quyến luyến của nữ tính; những người tách ra từ người nam thì đi theo người nam và ôm lấy nó, và trong nó tập trung mọi sự thèm muốn. Chúng không thể nói chúng muốn gì ở nhau, nhưng chúng sống trong tình yêu tinh tuyền và không thể tách rời. Nếu Hephaestus đến với chúng và đề nghị hòa tan chúng thành một, và luôn luôn là một ở thế giới này cũng như thế giới âm phủ, chúng sẽ nhìn nhận rằng đó chính là cách diễn tả ước muốn thực sự của chúng. Vì tình yêu là sự ước muốn cái toàn thể và sự theo đuổi cái toàn thể thì được gọi là tình yêu. Có một thời hai giống chỉ là một, nhưng bây giờ Thần đã tách đôi chúng ra, - giống như người Lacedaemonia đã chia đôi dân Arcadia, - và nếu chúng không cư xử tốt, chúng sẽ bị chia tư và chúng sẽ đi đứng với chỉ có nửa mũi và nửa mặt theo kiểu hình phù điêu. Vì vậy chúng ta hãy

khuyến khích mọi người sống tử tế, để chúng ta có thể được hưởng các lợi ích của tình yêu và được hòa giải với Thần, và tìm ra được người yêu đích thực của chúng ta, là điều rất hiếm gặp trên đời này. Và bây giờ tôi phải xin các anh đừng hiểu rằng tôi đang ám chỉ về Pausanias và Agathon, vì những lời tôi nói là nói về toàn thể loài người ở khắp nơi.

Có những lời chế nhạo giữa Aristophanes và Eryximachus và rồi giữa Agathon và Socrates, có dấu hiệu dẫn tới một cuộc tranh luận. Nhưng tình trạng này đã mau chóng biến mất khi Phaedrus lên tiếng nhắc nhở những người thảo luận rằng họ phải ca tụng các thần. Vì thế đến lượt Agathon lên tiếng.

Anh sẽ nói trước tiên về thần và rồi về các ơn của ngài. Ngài là thần đẹp nhất, hạnh phúc nhất và tốt nhất giữa các thần và cũng trẻ nhất; vì đã không hiện hữu vào thời xa xưa của Cronos và Iapetus, khi có cuộc chiến giữa các thần. Những điều được làm vào thời ấy là những điều được làm vì nhu cầu chứ không phải vì tình yêu. Vì tình yêu thì trẻ trung và ở những nơi êm đềm, - không giống như Ate trong Homer, đi lại giữa các sọ người, nhưng ở trong các quả tim và các linh hồn, là những thứ khá mềm. Thần hoàn toàn mềm mại và duyên dáng, và nơi ở của thần là giữa các bông hoa, và thần không thể làm hay chịu điều xấu; vì mọi người phục vụ và vâng phục thần một cách tự nguyện, ở đâu có tình yêu thì ở đó có vâng phục và ở đâu có vâng phục, ở đó có công bằng; vì không ai có thể tự ý làm hại chính mình. Và thần cũng điều độ và công bằng, vì ngài là người cai trị mọi ước muốn và nếu ngài cai trị chúng, ngài phải chừng mực. Ngài cũng can đảm, vì ngài là nhà chinh phục chúa tể của chiến tranh. Và ngài cũng khôn ngoan; vì ngài là một thi sĩ và là tác giả của thi ca nơi những người khác. Ngài tạo ra các loài vật; ngài sáng tạo các nghề; mọi thần khác đều là thần dân của ngài; ngài tự mình là đẹp nhất và tốt nhất và là nguyên nhân của những gì đẹp nhất và tốt nhất nơi những người khác; ngài làm cho người ta đồng tâm nhất trí ở bữa tiệc, đổ đầy họ bằng tình yêu và dốc sạch khỏi họ sự thù ghét; ngài là hoa tiêu, người trợ giúp, người bảo vệ, cứu tinh của loài người, mọi người hãy đi theo vết chân của ngài, vừa đi vừa hát bài ca Ái tình. Đây là bài luận đàm, nửa đùa nửa thật, mà tôi dâng tặng lên thần.

Sau đó đến lượt Socrates. Ông bắt đầu bằng lời nhận xét khôi hài rằng ông không hiểu các điều kiện của thỏa thuận ban đầu, vì ông tưởng rằng họ muốn nói lên các lời ca ngợi tình yêu, nhưng bây giờ ông lại thấy họ chỉ nói những điều tốt của tình yêu, bất kể là

đúng hay sai. Ông xin tha thứ nếu ông nói điều gì sai, nhưng ông muốn nói sự thật và ông đề nghị bắt đầu bằng một câu hỏi dành cho Agathon. Kết quả các câu hỏi của ông có thể tóm tắt như sau: -

Tình yêu là một cái gì đó và cái mà tình yêu ước muốn không phải là chính tình yêu hay là cái mà tình yêu có; vì không ai ước muốn cái mình đã là hay đã có. Và tình yêu là về cái đẹp và vì vậy tình yêu không có cái đẹp. Và cái đẹp là cái tốt, vì vậy, khi muốn cái đẹp, tình yêu cũng muốn cái tốt. Socrates nói ông đã nêu cùng những câu hỏi này và được các câu trả lời của Diotima, một phụ nữ khôn ngoan ở Mantinea, bà cũng giống như Agathon, đã nói trước tiên đến tình yêu và rồi nói đến các tác động của tình yêu. Giống như Agathon, Socrates đã bảo bà rằng tình yêu là một vị thần mạnh mẽ và xinh đẹp, và bà đã đáp lại ông rằng tình yêu không mạnh cũng không đẹp, nhưng ở giữa cái đẹp và cái xấu, giữa cái thiện và cái ác và hoàn toàn không phải một vị thần gì cả, mà chỉ là một hữu thể đặc biệt làm trung gian chuyển những lời cầu nguyện của loài người lên các thần, và chuyển các mệnh lệnh của các thần cho loài người.

Socrates hỏi: Cha mẹ nó là ai? Diotima trả lời nó là con của Dư Dật và Nghèo Khó và tham dự bản tính của cả hai và lúc thì dư đầy lúc thì nghèo đói. Giống như mẹ nó, nó nghèo và dơ dáy, nằm trên thảm cửa; giống như cha nó, nó giàu nghệ thuật và nguồn lực, và ở giữa sự ngu dốt và tri thức. Và về điểm này nó giống với triết gia là người cũng ở giữa cái khôn ngoan và cái ngu dốt. Đó là bản chất của tình yêu, không được lẫn với người được yêu.

Nhưng tình yêu muốn cái đẹp; và rồi nảy sinh câu hỏi, nó muốn gì ở cái đẹp? Đương nhiên nó muốn chiếm hữu cái đẹp; - nhưng nó được cái gì? Vì cái đẹp cho chúng ta thay thế cái tốt và chúng ta không khó để thấy rằng chiếm hữu cái đẹp là hạnh phúc và tình yêu là ước muốn hạnh phúc. Nhưng ý nghĩa của thuật ngữ này đã quá thường xuyên bị giới hạn vào một thứ tình yêu, trong khi tình yêu luôn cùng tồn tại thực sự với cái tốt. Và tình yêu không chỉ ước muốn cái tốt, nhưng ước muốn sự chiếm hữu vĩnh viễn cái tốt. Vậy tại sao lại có rung động xao xuyến về tình yêu? Bởi vì mọi người nam và nữ tới một tuổi nào đó đều muốn có sự sinh sản. Và tình yêu không chỉ là về cái đẹp mà thôi, mà còn là về sự sinh sản trong cái đẹp; đây là nguyên lý bất tử nơi một thụ tạo phải chết. Và khi cái đẹp đến, thì năng lực thụ thai trở nên tốt lành và lan toả, nhưng khi có sự xấu xa, nó bị xa tránh và buồn rầu.

Nhưng tại sao điều này không chỉ có nơi con người mà còn có cả

nơi súc vật nữa? Bởi vì chúng cũng có bản năng bất tử. Ngay trong cùng một cá nhân, có một chuỗi tiếp nối thường xuyên giữa các phần của thân xác vật chất cũng như của các tư tưởng và ước muốn của tinh thần; hơn nữa, tri thức đến rồi đi. Không có mãi cùng một sự hiện hữu, nhưng tính chất khả tử luôn luôn thay chỗ cho cái cũ. Chính vì thế các cha mẹ yêu con cái họ - vì tính bất tử; và chính vì thế các người đàn ông yêu tính bất tử của danh vọng. Vì linh hồn sáng tạo không chỉ sáng tạo các đứa con, nhưng còn sáng tạo các khái niệm về khôn ngoan và nhân đức, giống như các thi sĩ và các nhà sáng tạo khác đã làm. Và các sáng tạo cao quí nhất là các sáng tạo của các nhà làm luật và các đền thờ đã được xây dựng để tôn kính họ. Ai mà không thích có những đứa con tinh thần hơn là những đứa con xác thịt bình thường?

Bây giờ, bà nói, tôi sẽ đưa ông vào những điều huyền diệu to lớn hơn; vì người nào muốn đi đúng đường phải yêu trước tiên một hình dáng đẹp, rồi nhiều hình dáng đẹp và học cách nối kết chúng lại với nhau; và từ các thân thể đẹp họ phải đi đến các tinh thần đẹp và cái đẹp của các luật và cơ chế, cho tới khi họ nhận ra rằng mọi cái đẹp đều có chung một quan hệ họ hàng; và từ các cơ chế họ phải đi đến các khoa học, cho tới khi cuối cùng họ được mặc khải một thị kiến về một khoa học duy nhất là khoa học về cái đẹp phổ quát, và lúc đó họ sẽ nhìn thấy bản tính vĩnh cửu là nguyên nhân của mọi sự và sẽ đi gần tới đích. Khi chiêm ngắm hữu thể siêu việt của tình yêu, họ sẽ được thanh tẩy khỏi men xấu của trần thế và sẽ nhìn thấy cái đẹp, không phải bằng mắt trần, nhưng bằng mắt của tinh thần; và sẽ đem lại những sáng tạo đích thực của khôn ngoan và nhân đức, và là bạn của Thần và được thừa hưởng sự bất tử.

Anh Phaedrus, đó là câu truyện tôi nghe được từ một người lạ ở Mantinea và anh có thể gọi câu truyện này là một bài tán tụng tình yêu, hay bằng bất cứ tên gọi nào anh thích.

Mọi người có mặt vỗ tay khen ngợi bài diễn từ của Socrates và Aristophanes đang định nói điều gì đó, thì đột nhiên một toán kẻ say sưa xông vào trong sân và nghe có tiếng Alcibiades kêu Agathon. Anh ta được dẫn vào trong trạng thái say rượu và được Agathon tiếp đón. Anh ta đến đội cho Agathon một vòng hoa. Anh được đặt nằm trên một chiếc ghế dài ở bên cạnh, nhưng bất ngờ nhận ra Socrates, anh đứng bật dậy và có một thoáng xung đột nào đó xuất hiện giữa họ và Agathon được yêu cầu làm dịu tình hình. Alcibiades đòi rằng họ phải được uống rượu và rót cho mình một ly lớn đầy rượu, tự mình uống trước

rồi lại lấy rượu đổ đầy ly và đưa qua cho Socrates. Anh đã được thông báo về bản chất của tiệc vui này: anh sẵn sàng tham dự, dù chỉ trong tính cách của một người say rượu và một người thất tình, anh được phép ca lên bài ca ngợi Socrates.

Anh bắt đầu so sánh Socrates trước tiên với các mặt nạ của Silenus, trong đó có các hình của các thần; tiếp đến, anh so sánh ông với cô gái chơi sáo Marsyas. Bởi vì Socrates đã tạo ra cùng một hiệu quả với giọng nói của mình giống như Marsyas với cây sáo của cô ta. Ông có tài ăn nói và có sức thu hút mạnh, làm say mê lòng người, ông cũng có biệt tài thuyết phục các tâm hồn, vì ông đã thuyết phục được Alcibiades, khiến anh ta phải xấu hổ vì cuộc đời bần tiện và đê hèn của anh ta. Anh bị dằn vặt vì những lời nói của ông và không còn biết lý lẽ gì nữa. Anh hi vọng Socrates sẽ đem lòng yêu anh và anh nghĩ nhờ đó anh có thể có cơ hội tuyệt vời để nhận được những bài học khôn ngoan của ông. Anh kể lại rằng anh đã thất bại trong ý định của mình. Rồi anh nhắc đến một ít nét đặc thù khác trong cuộc đời Socrates; anh kể lại sự kiện anh và Socrates gặp nhau ở Potidaea, ở đó Socrates chứng tỏ khả năng trội vượt của ông trong việc chịu đựng cái lạnh và mệt mỏi; có một lần ông đã đứng suốt một ngày đêm trầm ngâm suy nghĩ trước sự kinh ngạc của những người chứng kiến; ở một dịp khác ông đã cứu sống Alcibiades; trong trận chiến ở Delium, sau khi thất trận, người ta có thể thấy ông với dáng đi hiên ngang giống như một con bồ nông, mắt xoe tròn. Tóm lại, ông là người kỳ diệu nhất giữa loài người và tuyệt đối khác với bất cứ người phàm nào; có thể nói ông giống như thần rừng Hi Lạp: vì giống như thần rừng sử dụng cây sáo, ông biết dùng những lời lẽ thông thường nhất để diễn tả những chân lý thần linh.

Sau khi Alcibiades nói xong, một cuộc tranh cãi nổ ra giữa anh với Agathon và Socrates. Socrates khiêu khích Alcibiades bằng cách giả bộ thân mật với Agathon. Ngay lúc ấy một đám say rượu khác xuất hiện, làm rối loạn bữa tiệc; những người không say, trong đó có Eryximachus, Phaedrus và một số khác bỏ về; và Aristodemus, người đi theo Socrates, ngủ suốt đêm đông dài ấy. Khi anh tỉnh dậy lúc gà gáy, đám say rượu đều đã ngủ cả. Chỉ có Socrates, Aristophanes và Agathon còn tỉnh; họ đang chuyền nhau uống ly rượu lớn và Socrates đang cắt nghĩa cho hai người kia đang nửa ngủ nửa tỉnh, rằng thiên tài bi kịch cũng là thiên tài hài kịch và nhà viết bi kịch cũng phải là nhà viết hài kịch. Và trước là Aristophanes, rồi đến Agathon đều gục xuống ngủ khi trời vừa sáng. Riêng Socrates, sau khi để họ ngủ

yên, ông tiếp tục các công việc thường ngày của ông cho tới tối.

Nếu đúng là trong tác phẩm *Bữa Tiệc* của Plato, có nhiều điều mà không nhà bình luận nào nghĩ tới, thì cũng đúng là có nhiều điều họ đã tưởng tượng ra mà không có trong tác phẩm này. *Bữa Tiệc* của Plato khó có thể được đánh giá một cách nào khác ngoài sự đánh giá bằng những ngôn từ của chính tác giả. Có rất nhiều câu nói úp úp mở mở và rất nhiều cái nhìn tương phản nhau, quá nhiều màu sắc của thần thoại và các lối nguỵ biện trong tác phẩm - các kiểu nói tu từ và thi ca cũng như các kiểu nói nửa đùa nửa thật, tất cả đan chằng vào nhau và có các dấu vết của triết học cũ xen lẫn với các mầm mống của tri thức tương lai, khiến các nhà bình luận khó có được sự nhất trí với nhau. Câu nói "poema magis putandum quam comicorum poetarum", (bài thơ phải được hiểu vượt quá ý của thi sĩ) vốn được áp dụng cho tất cả các tác phẩm của Plato, thì được áp dụng một cách đặc biệt cho tác phẩm *Bữa tiệc* này.

Sức mạnh tình yêu được trình bày trong *Bữa tiệc* như là thấm nhập mọi bản tính và mọi vật: một đàng nó đi xuống tới các loài vật và cây cỏ và đàng khác nó vươn lên tới cái nhìn cao nhất về chân lý. Vào một thời mà con người đang đi tìm cách diễn tả thế giới xung quanh mình, khái niệm tình yêu có tác động rất mạnh đối với họ. Một trong những phân biệt đầu tiên của ngôn ngữ và thần thoại là sự phân biệt về giống; và ở một thời kỳ sau, nhà vật lý học cổ đại đã khám phá ra, hay nghĩ là đã khám phá ra một giới tính nơi các loài thực vật; có những mối quan hệ có chọn lọc giữa các yếu tố, các cuộc hôn nhân giữa trời và đất. Tình yêu trở thành một nhân vật thần thoại và triết học được thi ca gợi hứng đã đổi nó thành nguyên nhân tác thành của cuộc tạo dựng. Về con số và hình thù, người ta tìm thấy khắp nơi các dấu vết về sự hiện hữu của tình yêu; và trong danh sách các cái đối nghịch của Pythagoras, giống dực và giống cái được xếp bên cạnh số lẻ và số chẵn, hữu hạn và vô hạn.

Nhưng Plato hình như cũng ý thức rằng có một huyền nhiệm về tình yêu không chỉ trong tự nhiên, nhưng đặc biệt trong con người, vượt quá mối quan hệ trực tiếp của hai giới tính. Ông ý thức rằng các điều cao quí nhất trên thế giới không dễ bị tách rời khỏi các ước muốn tính dục, hay có thể được coi như là một hình thức linh thiêng hóa các ước muốn ấy. Chúng ta có thể nhận ra rằng bản thân Socrates không được mô tả như một người có bản chất vô cảm, nhưng là người đã khắc phục được những dục vọng của mình; bí quyết sức mạnh thu hút của ông đối với người khác một phần là do bản chất đam mê nhưng có tự chủ của ông. Đối với

Plato, tình yêu không chỉ là thứ tình cảm như người ta thường hiểu, nhưng là sự chiêm ngắm huyền nhiệm về cái đẹp và cái tốt. Cùng một niềm đam mê có thể làm người ta rơi xuống vũng bùn thì cũng có thể đưa người ta bay lên đỉnh cao nhất - thâm nhập vào bí mật thâm sâu nhất của triết học. Sự duy nhất của tri thức, sự hòa hợp các yếu tố mâu thuẫn nhau trên thế giới, niềm say mê tri thức khi mới bắt đầu loé lên trên nhân loại, tính tương đối của các ý niệm đối với trí tuệ con người và của trí tuệ con người đối với các ý niệm, tất cả đều được bao hàm một cách hữu ý hay vô tình trong học thuyết tình yêu của Plato.

Các bài luận đàm ca ngợi tình yêu được đọc nối tiếp nhau, tất cả đều nói lên nét đặc trưng của các diễn giả và góp phần ở nhiều mức độ khác nhau vào kết quả chung cuộc; tất cả được bố trí để dọn đường cho Socrates, là người thu tóm chúng lại bằng một sợi chỉ liên kết mới mẻ và làm nổi bật những điểm cao nhất của mỗi bài. Nhưng không thể coi chúng là các giai đoạn của một ý niệm, cái này cao hơn cái trước để đi tới một đỉnh cao nhất. Chúng là những ý niệm đầy chất tưởng tượng, nửa đùa nửa thật, "nhưng cũng có một mức độ nghiêm túc nhất định", mà tất cả các diễn giả đều dành cho Thần Tình Yêu. Tất cả đều mang tính tu từ và thi ca hơn là biện chứng; chúng không nhắm tới chân lý, mà chỉ nhắm tới dáng vẻ bề ngoài. Khi đến lượt Socrates lên tiếng, ông không được phép đảo lộn sự sắp xếp đã nhất trí trước, vì thế ông đã đưa lý luận của ông vào hình thức một bài luận đàm. Và ở một bữa tiệc, phép lịch sự không cho phép ông tìm cách giành thắng lợi trước chủ nhà hay bất cứ khách mời nào. Lợi thế mà ông đạt được trước Agathon đã được khéo léo trình bày như thể đó là thắng lợi mà Diotima đã giành được đối với chính ông. Đồng thời ông thú nhận mình là ngu dốt.

Các bài luận đàm được chứng thực bởi nhân chứng đáng tin cậy nhất. Anh chàng khùng Apollodorus, người trong suốt ba năm qua đã hằng ngày nghiên cứu về các hành động của Socrates - mà đối với anh thế giới được tóm gọn bằng câu "Socrates Vĩ Đại" - anh đã được nghe kể lại bởi một "chàng khùng" khác, là hình bóng của Socrates thời xưa, đi chân đất và đã từng có mặt vào lúc đó. Chúng ta còn muốn nhân chứng nào khác nữa không? Chúng ta có thể có những ghi nhận sau: (1) chính sự xuất hiện của Aristodemus là một dấu hiệu đủ để Agathon thấy rằng Socrates đã bị bỏ lại đàng sau; và (2) hành vi lịch lãm của Agathon dự báo trước việc Socrates chữa lỗi vì sự có mặt của Aristodemus mà không được mời; (3) câu truyện về cảnh xuất thần của Socrates được

xác nhận bởi việc Alcibiades kể lại một trường hợp đãng trí tương tự của Socrates khi ông đang ở trong quân ngũ ở Potidaea; (4) tửu lượng của Socrates và tình yêu cái đẹp của ông, cũng được xác nhận ở cảnh cuối; hay sự quyến luyến của Aristodemus, người không bị lãng quên khi Socrates ra đi. (5) Chúng ta cũng có thể ghi nhận cách mà Socrates coi năm bài luận đàm đầu không phải là sự thật nhưng là những bài tán tụng đầy trí tưởng tượng cường điệu để dâng lên Thần Tình yêu; (6) niềm đam mê đầy uy lực của Socrates đối với biện chứng pháp, khi ông lý luận với Agathon thay vì trình bày dưới dạng luận đàm và ông chỉ nói với điều kiện ông được phép nói sự thật. Chúng ta cũng có thể ghi nhận (7) nhận xét đặc trưng của Plato trong bài luận đàm của Eryximachus, rằng "sự lẫn lộn bắt đầu có trong cái cụ thể"; và nét hài hước đặc trưng của Socrates, (8) được áp dụng rộng rãi và bộc lộ một trực giác sâu xa về thế giới; đó là khi nói về những điều thánh và những con người thánh, thông thường người ta luôn hiểu rằng đó là những điều để bạn phải ca ngợi chứ không phải để nói sự thật - nhưng đây chính là thứ ca ngợi mà Socrates không thể chấp nhận. Cuối cùng, chúng ta có thể nhận thấy rằng dù sao đây vẫn là một bữa tiệc thực sự, ở đó tình yêu là đề tài thảo luận và người ta đã uống rất nhiều rượu.

Bài luận đàm của Phaedrus nửa là thần thoại, nửa là đạo đức; và bản thân anh, trung thực với bản chất được mô tả trong quyển Đối Thoại mang tên anh, anh tỏ ra nửa nguỵ biện, nửa say mê. Anh cũng là nhà phê bình thi ca, anh so sánh Homer và Aeschylus trong phong cách nhạt nhẽo và phi lý của các trường phái thời ấy, đặc biệt là quan điểm chấp nhận những cái ngẫu nhiên mà không chấp nhận lý luận. Tuổi yêu đương, phước lành lớn nhất là có một người yêu, tình yêu kích thích những hành vi dũng cảm, các ví dụ về Alcestis và Achilles, là những chủ đề chính bài luận đàm của anh. Anh coi tình yêu phụ nữ cũng hầu như ngang hàng với tình yêu đàn ông; và anh nhân cơ hội nói rằng người yêu có một bản chất thần linh hơn và vì thế các thần đánh giá cao hành vi đáp lại tình yêu hơn là tình cảm của người yêu.

Có một chút ấn tượng nguỵ biện trong bài luận đàm của Phaedrus, nó làm ta nhớ đến bài luận đàm đầu tiên theo kiểu của Lysias, được trình bày trong Đối Thoại có tựa đề Phaedrus. Tính chất nguỵ biện này được thấy rõ hơn trong bài của Pausanias theo sau; và nó vừa mang hình thức siêu luận lý vừa rất lộn xộn và mô phạm. Plato đang tấn công điểm yếu lôgic của các nhà Nguỵ biện và tu từ, thông qua các học trò của họ. Tình yêu của Pausanias đối với Agathon đã

được đề cập đến trong quyển Protagoras và được ám chỉ bởi Aristophanes. Vì thế anh là người ủng hộ tình yêu của đàn ông và cũng giống như các tình cảm và hành vi khác của đàn ông, anh cho rằng các tình yêu này thay đổi tùy theo cách chúng được thể hiện; như thế vấn đề đạo đức được chuyển đổi thành vấn đề về phép lịch sự. Giống như các nhà Ngụy biện và giống như chính Plato, mặc dù theo một nghĩa khác, anh bắt đầu thảo luận bằng các gợi đến thần thoại và phân biệt giữa tình yêu trẻ và tình yêu già. Giá trị mà anh gán cho các thứ tình yêu ấy như là các động lực dẫn đến nhân đức và triết học, thì rất khác với các khái niệm của thời hiện đại và của Kitô giáo, nhưng nó hoàn toàn phù hợp với tình cảm Hy Lạp. Vì không thể phủ nhận rằng một số vĩ nhân nổi tiếng của Hy Lạp để mình chiều theo những tình cảm quyến luyến, là điều mà Plato trong quyển Luật pháp, cũng như quan điểm chung của Kitô giáo đã coi chúng là nghịch tự nhiên. Pausanias rất nghiêm túc khi nói rằng các loại tình yêu như thế là lành mạnh, nếu được theo đuổi trong một tinh thần ngay thẳng; và anh nói chúng là những điều được người Hy Lạp tán thành và bị người man di chê trách. Nhìn chung bài luận đàm của anh "nhiều lời hơn là ý", thuộc loại những bài luận đàm thường được viết bởi các học trò của Lysias và Prodicus, mặc dù không có gợi ý nào cho thấy Plato đang có ý chế nhạo chúng.

Plato sắp xếp lại hai bài luận đàm tiếp theo, giống như trong Nền Cộng hòa ông sẽ sắp xếp lại các nhân đức và các khoa toán học. Ông làm điều này một phần để tránh sự đơn điệu, một phần vì muốn làm cho Aristophanes trở thành "nguyên nhân sự hài hước nơi những người khác", và cũng để đặt cạnh nhau nhà thơ hài và nhà thơ bi, một cách tình cờ. Một sự kiện tình cờ về Aristophanes là chuyện anh bị nấc cụt, là cơ hội thích hợp để anh được thầy thuốc Eryximachus vừa chữa cho anh vừa nói thay phiên anh. Theo Eryximachus, Tình yêu là một lương y; nó thấy mọi sự giống như một thầy thuốc có tài và giống như nhiều thầy thuốc ở thời hiện đại, nó cố gắng đồng nhất cái đạo đức với cái thể lý; hay nhìn nhận rằng có một luật tình yêu thấm nhuần cả hai. Có những tình yêu và những tranh chấp của thân xác cũng như của tâm hồn. Giống như Hippocrates, anh là một đồ đệ của Heraclitus và anh cắt nghĩa quan niệm của Heraclitus về sự hòa hợp các cái đối nghịch theo một cách mới, đó là sự hòa hợp sau sự bất hòa; theo cái nhìn thông thường của anh cũng như của nhiều người xưa cũng như nay, đồng nhất các cái đối nghịch với nhau là một chuyện mâu thuẫn. Khái niệm của anh về tình yêu có thể được tóm

gọn như là sự hòa hợp của con người với bản thân mình trong linh hồn cũng như thân xác, và của các sự vật trên trời và dưới đất với nhau.

Aristophanes luôn sẵn sàng để cười và làm người ta cười trước khi anh mở miệng nói, cũng giống như Socrates luôn sẵn sàng để lý luận trước khi ông bắt đầu nói. Anh diễn tả chính thiên tài của hài kịch cổ, các hình ảnh thô sơ và gượng ép của nó, và sự dễ dãi về ngôn từ khi nói về các thần. Anh không có các khái niệm tinh tế về tình yêu. Mô tả của anh về nguồn gốc của các giống có khả năng đúng sự thật nhất. Không có gì mang nét đặc trưng của Aristophanes hơn là mô tả của anh về quái vật người có bốn chân, bốn tay, cả thảy là tám chi, xoay quanh mình với một tốc độ nhanh kinh khủng. Nhưng cũng có lẫn một chút nghiêm túc trong những cách diễn tả bỡn cợt này; có thể thấy ba điểm nghiêm túc sau: - thứ nhất, con người không thể sống một mình; họ phải được tái hợp để có thể trở nên hoàn hảo; thứ hai, tình yêu là trung gian và người hòa giải trong bản chất nghèo nàn và chia rẽ của con người; thứ ba, các thứ tình yêu của thế giới này là một sự báo trước lờ mờ về một sự kết hợp lý tưởng còn chưa được thể hiện.

Bài luận đàm của Agathon được suy tư theo dòng cao hơn và được sự tán đồng thực sự, tuy cũng có phần hài hước, của Socrates. Đó là bài luận đàm của nhà thơ bi kịch và là một hình thức thi ca, giống như bi kịch, diễn ra giữa các thần của núi Olympus. Anh không thể đồng ý với ý niệm về tính cổ xưa của tình yêu; tình yêu không phải của thời xưa, nhưng là của hiện tại và mãi mãi trẻ trung. Bài luận đàm của anh có thể được sánh với bài của Socrates trong Phaedrus, trong đó ông nói ông đang nói lên bài ca tán tụng thần rượu. Nó vừa là bài chuẩn bị cho bài của Socrates, vừa làm nổi bật ông lên. Kiểu hùng biện của Agathon đưa tâm hồn lên "những đỉnh cao", nhưng đồng thời cũng tương phản với kiểu hùng biện tự nhiên của Socrates. Agathon nêu lên sự phân biệt giữa tình yêu và các hoạt động của tình yêu, và anh cũng gợi ý rằng tình yêu luôn luôn là tình yêu cái đẹp, sau này được Socrates đặt thành một nguyên tắc. Trong khi ý thức về sự bất hòa mạnh hơn nơi nhà thơ hài Aristophanes, thì nhà thơ bi Agathon lại có ý thức sâu hơn về sự hòa hợp và hòa giải, và nói về tình yêu như là đấng sáng tạo và nghệ sĩ.

Tất cả các bài diễn từ trước đều bao hàm các ý kiến chung được tô điểm thêm một chút triết lý. Chúng cung cấp chất liệu để từ đó Socrates hình thành bài luận đàm của ông, bắt đầu bằng thần thoại và ý kiến chung của những người khác. Từ bài của Phaedrus, ông lấy ý tưởng rằng tình yêu mạnh hơn

sự chết; từ Pausanias, tình yêu đích thực thì giống với hoạt động tri thức và chính trị; từ Eryximachus, tình yêu là một hiện tượng phổ quát và là một sức mạnh vĩ đại của tự nhiên; từ Aristophanes, tình yêu là đứa con của sự thiếu thốn, chứ không chỉ là tình yêu của những cái giống nhau hay của toàn thể, nhưng anh thêm, đó là tình yêu cái tốt; từ Agathon, tình yêu là yêu cái đẹp - tuy nhiên, không chỉ là cái đẹp mà thôi, mà còn làm sinh ra cái đẹp.

Bài luận đàm ngày hôm ấy bắt đầu với một lý luận ngắn đánh đổ không những Agathon mà tất cả những người khác, nhờ một sự phân biệt mà không ai trong họ đã nhận ra. Các lời tán tụng cao nhất đã được dành cho tình yêu như là tác giả của mọi điều tốt; không có lời tán tụng nào là quá cao đối với tình yêu, dù chúng là thật hay không. Nhưng Socrates không có tài để nói về điều gì khác ngoài sự thật và nếu ông phải nói sự thật về tình yêu, ông phải thành thật thú nhận rằng tình yêu hoàn toàn không phải là cái tốt: vì tình yêu là muốn cái tốt và không ai có thể muốn cái mà mình đã có. Đoạn biện luận này được gán cho Diotimia, người phụ nữ khôn ngoan ở Mantineia, là người đã khơi dậy nơi Socrates lý luận mà ông đã dùng để chống lại lý luận của Agathon.

Nhưng Diotimia, nữ tiên tri ở Mantineia, mang tính cách thần thánh và siêu phàm, khiến bà vượt trội mọi phụ nữ bình thường khác, bà đã dạy cho Socrates nhiều điều hơn về nghệ thuật và bí nhiệm của tình yêu. Bà đã dạy ông rằng tình yêu là một khía cạnh khác của triết học. Cùng một sự thiếu thốn trong tâm hồn con người được thỏa mãn một cách bình thường bởi việc sinh sản con cái, có thể trở thành khát vọng cao nhất của ước muốn tri thức. Giống như người Kitô giáo có thể nói đến sự đói khát điều công chính; hay họ có thể nói về những thứ tình yêu thần linh dưới dạng con người ("Đây là một mầu nhiệm vĩ đại, tôi muốn nói về mầu nhiệm Đức Kitô và Hội Thánh"); cũng như các thánh thời trung cổ có thể nói đến sự "vui hưởng Thiên chúa" (*fruitio Dei*), thì sự hấp thu và tiêu tan mọi tình yêu và mọi ước muốn khác trong tình yêu tri thức là một cảm giác phổ biến hay ít ra cũng dễ hiểu nơi những người Hy Lạp của thế kỷ thứ V trước Công nguyên. Đối với đa số, lý trí và đam mê có vẻ đối chọi với nhau cả trong ý niệm lẫn thực tế. Sự kết hợp giữa sự hiểu biết cao nhất với tình yêu nóng bỏng nhất là một mâu thuẫn trong tự nhiên, nó có thể đã từng tồn tại từ một thời đại xa xưa trong tâm trí một số nhà tiên tri Do Thái cổ hay các nhà hiền triết phương Đông khác, nhưng bây giờ

chỉ còn là một điều thuộc trí tưởng tượng. Nhưng "đam mê lý trí" này là đề tài quyển *Bữa tiệc* của Plato. Và vì không phải không thể hình dung rằng "một ông vua, hay con vua, có thể là một triết gia", thì cũng rất có khả năng có một ít người - có lẽ một hay hai người trong cả một thế hệ - có sự bừng cháy của dục vọng bên cạnh ánh sáng sự thật trong con người họ. Và nếu có những con người như thế, không ai sẽ có thể phủ nhận rằng "từ nơi những người như thế phát sinh phần lớn những lợi ích lớn lao cho các cá nhân và xã hội".

Nhưng có một vùng cao hơn mà ở đó tình yêu không chỉ được người ta cảm thấy, mà còn được thỏa mãn, trong cái đẹp hoàn hảo của tri thức vĩnh cửu, bắt đầu với cái đẹp của các vật trần thế và cuối cùng, bằng những bước đều đặn đi tới cái đẹp trong đó mọi hiện hữu được nhìn thấy trong sự duy nhất hài hòa. Tình cảm hữu hạn được mở rộng và giúp nhìn thấy cái đẹp lý tưởng của mọi sự. Cái đẹp lý tưởng này của *Bữa tiệc* là sự thiện lý tưởng của *Nền Cộng hòa;* được nhìn không phải bằng con mắt của tri thức, nhưng bằng con mắt đức tin và ước muốn. Một cái có vẻ như muốn nói với chúng ta "ý niệm là tình yêu", cái kia muốn nói với chúng ta "ý niệm là chân lý". Trong cả hai trường hợp, người yêu khôn ngoan là "người chiêm ngắm mọi thời gian và mọi hiện hữu". Đây là một loại "huyền nhiệm" trong đó Plato cũng gợi ý một cách khó hiểu về sự xâm nhập lẫn nhau của các khả năng đạo đức và tri thức.

Hình ảnh về cái đẹp thần linh trong con người Socrates đã được tỏ lộ; cái mặt nạ của Silenus, hay con người bên ngoài, bây giờ đã được phô bày. Mô tả về Socrates được đặt song song với bài luận đàm của Socrates; cái này bổ sung cho cái kia. Ở tột đỉnh của nguồn cảm hứng thần linh, khi sức lực tự nhiên không thể lên cao hơn được nữa, giống như thể bằng sự tương phản với thuyết lý tưởng hay thuyết huyền bí cực đoan, ta thấy Alcibiades cùng với một nhóm người đang say lảo đảo bước vào và trong tình trạng say rượu anh có thể nói ra những điều mà anh phải cảm thấy xấu hổ khi không say. Tình trạng tình cảm của anh đối với Socrates làm chúng ta không thể hiểu và có vẻ mang tính sa đọa, là một minh họa hoàn hảo về sức mạnh kinh khủng trong những tình yêu của đàn ông trong bài luận đàm của Pausanias. Thực vậy, anh tin chắc rằng đám thực khách sẽ đồng cảm với anh; một số trong họ đã yêu Socrates và giống như anh, đã bị Socrates lừa gạt. Phần độc đạo của lời tự thú này là sự phối hợp niềm đam mê sa đọa nhất với ước muốn nhân đức và sự cải thiện. Sự day dứt của triết học và của tình yêu cùng tác

động trên tâm hồn bị bỏ rơi này. Một sự kết hợp như thế không phải hoàn toàn không có nơi bản tính con người, vì trong bản tính này có sự pha trộn giữa thiện và ác, vượt quá bất cứ sức tưởng tượng nào của con người. Socrates của Plato (có thể nghi ngờ điểm này đối với "Socrates thật", *xem Mem.* I, 2, 29,30 của Xenophon) có vẻ như không coi những cái xấu của đời sống Hy Lạp như là điều đáng ghê tởm, nhưng như một đề tài để châm biếm và hoàn toàn không ghê sợ những điều tai tiếng của các thứ tình cảm này. Và bản thân Plato cũng không e ngại giống như người thời nay cảm thấy khi liên kết vị thầy và người hùng vĩ đại của mình với những tội đáng xấu hổ. Ông chỉ muốn trình bày Socrates như một vị thánh, người đã giành "chiến thắng Olympia" trước các cám dỗ của bản tính con người. Điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là sự kiện đề cao tình cảm vốn được Plato coi là bước đầu tiên trong tiến bộ của triết gia, không được khơi dậy bởi sắc đẹp phụ nữ, nhưng bởi vẻ đẹp của tuổi trẻ và chỉ có vẻ đẹp này là có khả năng khơi dậy thứ tình cảm lãng mạn của người thời nay nơi tư tưởng Hy Lạp. Sự đam mê mà tình yêu phụ nữ không thể thỏa mãn, mang lấy dáng dấp giả tạo của một sự say mê cái đẹp lý tưởng - một sự sùng bái một hình ảnh của thần Apollo hay Antinuous. Như thế ta thấy có một cái hố ngăn cách lớn giữa một phần của tình cảm Hy Lạp thời Plato, không chỉ với tình cảm của Kitô giáo, mà còn với tình cảm Hy Lạp thời Homer nữa.

Tính cách được gán cho Alcibiades ở đây cũng nổi bật không kém tính cách của Socrates. Ông là hiện thân của tính vô pháp luật - "một con cọp con, không thể được nuôi trong thành phố", nhưng cũng không thiếu lòng quảng đại khiến ông thu phục được lòng người, - một tính cách làm cho Socrates thán phục và là người thiên tài có thể tiêu diệt hay cứu thoát Athens. Sự thú vị về nhân vật này được làm nổi bật lên qua sự nhớ lại phần tiểu sử sau này của anh. Có vẻ như Plato đã nghĩ đến ông khi mô tả về con người dân chủ trong *Nền Cộng hòa.*

Không có tiêu chuẩn nào để xác định năm Plato viết *Bữa tiệc*, ngoại trừ một ám chỉ liên quan đến việc chia cắt vùng Arcadia sau khi thành Mantineia bị phá hủy. Sự kiện này diễn ra năm 384 trước Công nguyên, năm Plato 44 tuổi. Vì vậy không thể cho rằng *Bữa tiệc* được viết thời Plato còn trẻ. Vì thành Mantineia được khôi phục năm 369, nên có thể Đối thoại này đã được viết giữa khoảng 384 và 369.

Bữa tiệc có tương quan mật thiết với *Phaedrus* cả về văn phong lẫn nội dung. Chúng là những đối thoại duy nhất của Plato trong đó đề tài

tình yêu được triển khai thấu đáo. Trong cả hai tác phẩm này, triết học được coi như một thứ say mê hay điên khùng. Trong *Phaedrus*, triết học cũng có thể được mô tả như là "chết vì yêu". Nhưng trong khi các tác phẩm *Phaedo* và *Phaedrus* nhìn lui và nhìn tới những cuộc sống quá khứ và tương lai, thì *Bữa tiệc* gắn chặt vào đời sống hiện tại ở thế giới này. Giải đáp về tri thức và đạo đức được gắn liền với cái thể lý. Triết học không phải là chết, hay tách rời khỏi đời sống: trong và qua thế giới này chúng ta vươn lên tới cái lý tưởng. Cũng không có sự khẳng định về tri thức vĩnh cửu; nhưng chỉ có sự nối tiếp vĩnh cửu của các chuỗi tri thức. Tính bất tử không thuộc mỗi cá nhân, nhưng là tính bất tử của giống nòi. Có thể coi tác phẩm *Lysis* như là chứa đựng những gợi ý đầu tiên về các vấn đề mà cuối cùng được trả lời trong bài luận đàm của Socrates.

Tác phẩm *Bữa tiệc* của Xenophon, trong đó Socrates tự mô tả mình như một người mai mối và các bài luận đàm về sự khác biệt giữa tình yêu xác thịt và tình yêu tình cảm, cũng cho chúng ta những điểm so sánh thú vị. Nhưng trong các tác phẩm khác của Xenophon có các điểm đáng hoài nghi và rất nhiều điểm tham chiếu chi tiết về *Bữa tiệc* và *Phaedrus*, khiến chúng ta nghi ngờ tính xác thực của tác phẩm này. Tác phẩm *Bữa tiệc* của Xenophon, nếu do chính ông viết, hẳn cho thấy ông viết chống lại Plato và ông cũng biết các tác phẩm của Plato. Về điểm này, không có chứng cớ nào trong *Memorabilia*. Tác phẩm (được gọi là) *Bữa tiệc* của Xenophon vì vậy không đáng được coi là một tác phẩm xác thực, cũng như tác phẩm mạo nhận là *Biện hộ*.

Không có tiêu chuẩn nào để xác định thứ tự thời gian soạn tác các quyển Phaedo, Bữa tiệc và Phaedrus. Thứ tự mà chúng ta đã chọn trong bản dịch này chỉ dựa trên nguyên tắc duy nhất là ước muốn đặt vào một sưu tập chung những ký ức về cuộc đời Socrates mà thôi.

BỮA TIỆC

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- APollodorus, kể lại cho bạn mình cuộc đối thoại anh đã nghe được từ Aristodemus và Glaucon đã được nghe kể một lần rồi.
- Phaedrus
- Eryximachus
- Agathon
- Alcibiades
- Pausanas
- Aristophanes
- Socrates
- Một nhóm người say rượu

Cảnh: Nhà của Agathon

Tôi nghĩ đã sẵn sàng có câu trả lời. Vì ngày hôm kia khi tôi đang từ nhà ở Phalerum ra thành phố, thì từ đằng xa, một người bạn nhận ra tôi từ đằng sau và mừng rỡ kêu tôi dừng lại: Anh Apollodorus, anh ta la lên, hỡi người ở Phalerum, dừng lại! Và tôi đã dừng lại theo lời anh; rồi anh nói, Apollodorus, tôi đang đi kiếm anh để được nghe anh thuật lại những bài luận đàm ca ngợi tình yêu mà Socrates, Alcibiades và các bạn khác đã nói tại bữa tiệc của Agathon. Phoenix, con trai Philip đã kể cho một người khác và người này đã kể cho tôi nghe về các bài ấy, người này nói anh biết câu chuyện; nhưng bản thân người này kể rất lờ mờ và tôi muốn anh kể rõ lại cho tôi. Nào có ai khác ngoài anh có thể kể lại những lời nói của bạn anh? Vậy, anh ta nói, trước hết anh hãy cho tôi biết anh có mặt trong bữa tiệc đó không?

Anh Glaucon, tôi nói, chắc hẳn người cung cấp thông tin cho anh đã nói rất lơ mơ, nếu anh tưởng rằng sự kiện ấy chỉ mới xảy ra gần đây thôi, hay anh nghĩ rằng tôi đã có mặt ở đó.

Đúng, anh đáp, tôi cứ tưởng là như thế.

Nhưng anh lầm to rồi, tôi đáp. Vì Agathon đã không ở Athens nhiều năm nay rồi (anh không biết sao?) và tôi cũng chỉ quen biết Socrates chưa đầy ba năm. Tôi thường đi ngao du đây đó và nghĩ rằng mình đang làm một điều gì, và làm bất cứ điều gì ngoại trừ làm triết học; tôi gần như cũng dốt đặc như anh bây giờ thôi.

Thôi, anh nói, đừng giỡn nữa, nói cho tôi biết cuộc gặp gỡ đó xảy ra khi nào đi.

Thời chúng tôi còn niên thiếu, tôi đáp, khi Agathon đoạt giải với tác phẩm bi kịch đầu tay của anh, ngay sau hôm đó, Agathon và nhóm bạn bè tổ chức bữa tiệc tạ ơn thần vì chiến thắng này.

Thế thì đã quá lâu rồi, anh nói; và ai kể lại cho anh - có phải Socrates không?

Không phải, tôi đáp, nhưng là cùng một người đã kể cho Phoenix; - một người nhỏ con, không bao giờ đi giày, tên anh ta là Aristodemus, người ở trấn Cydathenaeum. Anh từng có mặt ở bữa tiệc ấy; và tôi nghĩ vào thời ấy không ai mến phục Socrates hơn anh ta. Hơn nữa, tôi đã hỏi Socrates sự thật về một số phần câu truyện mà anh ta kể lại và ông đã xác nhận là đúng. Vậy thì, Glaucon nói, anh kể lại tôi nghe đi; con đường chúng ta đang đi đến Athens quả thích hợp để nói chuyện. Thế là chúng tôi vừa đi vừa kể lại các bài luận đàm về tình yêu; vì thế, như tôi đã nói ở trên, tôi đã có sẵn câu trả lời và sẽ kể lại một lần nữa, nếu anh thích. Vì tôi thích nói hay nghe người khác nói về triết học; nó làm tôi rất thích thú, ấy là chưa kể nó còn mang lại lợi ích nữa. Nhưng khi tôi nghe các bài luận đàm về các đề tài khác, đặc biệt của những nhà buôn và những người giàu, tôi luôn cảm thấy chán ngấy; và tôi tội nghiệp cho các anh, những người bạn của tôi, vì các anh luôn nghĩ mình đang làm việc vất vả, trong khi trên thực tế các anh chẳng làm gì cả. Và tôi dám nói rằng các anh cũng thương hại tôi, coi tôi chỉ là một kẻ tội nghiệp và có lẽ đúng thế. Nhưng chắc chắn tôi biết rõ các anh là gì, trong khi các anh chỉ nghĩ tôi là gì - đó là chỗ khác nhau.

Người Bạn. Apollodorus, tôi thấy anh chẳng thay đổi gì cả - anh lúc nào cũng nói xấu về mình và về người khác; và tôi tin rằng anh thương hại hết mọi người, bắt đầu từ chính anh và rồi suy ra mọi người khác, ngoại trừ Socrates, thật đúng với biệt danh "chàng khùng" mà không biết ai đã đặt cho anh; vì tính hài hước của anh luôn luôn chẳng hài hước chút nào đối với bản thân anh và mọi người khác trừ ông Socrates.

Apollodorus. Đúng đấy, anh bạn và tôi đúng là khùng và điên, vì tôi có các quan niệm này về mình và về các anh; không cần bằng chứng gì cả.

Người Bạn. Anh Apollodorus, tôi không muốn tranh cãi với anh về điều này làm gì. Nhưng tôi muốn nhắc lại ước muốn được nghe anh thuật lại câu truyện về tình yêu.

Apollodorus. Được, câu truyện kể về tình yêu là thế này: - Nhưng tốt hơn tôi nên bắt đầu từ đầu và cố gắng lặp lại cho anh những lời mà Aristodemus đã nói.

Anh nói rằng anh gặp Socrates khi ông này mới tắm xong và đi giày; và vì thấy đôi giày khá lạ thường, tôi hỏi ông sắp đi đâu mà ăn bận kẻng thế.

Đến dự tiệc ở nhà Agathon, ông đáp. Hôm qua tôi không đến dự vì sợ có quá đông người ở buổi lễ tế, nhưng tôi hứa hôm nay sẽ đến dự; và tôi phải ăn mặc đẹp vì anh ta là một người lịch lãm. Anh không được mời, nhưng anh có muốn đi với tôi không?

Vâng, tôi đáp, tôi sẽ đi với ông, nếu ông muốn.

Vậy, ông nói, anh đi theo tôi và chúng ta hãy phá lệ cũ:

"Ăn có mời, làm có khiến",

để thay bằng châm ngôn mới của chúng ta:

"Chân thành không mời mà đến";

Nhưng, Aristodemus nói, tôi sẽ nói rằng ông mời tôi và ông nói hộ tôi với chủ nhà đấy.

Đó là những điều họ nói với nhau lúc đi đường; và một chuyện nực cười xảy ra - trong một thoáng đãng trí, Socrates tụt lại ở phía sau và bảo Aristodemus cứ đi trước, không cần đợi ông. Khi đến nhà Agathon, Aristodemus thấy cửa đã mở toang và một người đầy tớ ra đón rồi dẫn ông vào ngay phòng tiệc nơi các khách đang nằm, vì tiệc sắp bắt đầu. Chào Aristodemus, Agathon nói, anh đến vừa đúng lúc; nếu anh bận việc gì khác thì hãy tạm hoãn lại sau hãy làm, còn bây giờ mời anh vào dự tiệc với chúng tôi, vì hôm qua tôi đi mời anh nhưng không gặp. Nhưng còn Socrates, ông ấy đâu?

Tôi quay lại và không thấy Socrates đâu cả, nên tôi đã phải giải thích rằng trước đó tôi và Socrates đi chung với nhau và tôi đến qua lời mời của Socrates.

Anh đến là quí hoá lắm, Agathon nói; nhưng ông Socrates đâu?

Mới rồi ông ấy còn đi sau tôi, nhưng bây giờ không hiểu ông ấy có chuyện gì.

Gia nhân, Agathon nói, đi kiếm ông ấy và dẫn ông đến đây; còn anh Aristodemus, mời anh lại chỗ bên cạnh Eryximachus.

Rồi Agathon bảo đầy tớ rửa tay cho anh ấy và đưa anh ấy vào chỗ; và ngay lúc ấy một đầy tớ khác vào và nói ông bạn Socrates của chúng ta đã vào nghỉ trong hành

lang của một nhà kế bên. "Ông ấy ngồi yên tại đó và khi tôi gọi ông ấy, không thấy ông ấy cựa quậy gì cả", người đầy tớ nói.

Lạ thật, Agathon nói; vậy anh phải gọi ông ấy một lần nữa xem sao.

Cứ để mặc ông ấy, người báo tin cho tôi nói; ông ấy có thói quen dừng chân ở bất cứ đâu và đăng trí mà không có lý do nào cả; đừng làm phiền ông ấy, tôi tin ông ấy sẽ sớm đến.

Tốt, nếu anh nói như thế, tôi sẽ không làm phiền ông ấy, Agathon nói. Trong các dịp như thế này, các gia nhân của tôi sẽ trở thành các ông chủ của tôi và họ sẽ thết đãi chúng ta như khách quí. "Hãy đặt bàn ở bất cứ chỗ nào các anh thích", ông nói với gia nhân, "giống như khi không có ai ra lệnh cho các anh, cũng như tôi không bao giờ ra lệnh cho các anh. Hãy tưởng tượng các anh là chủ nhà và chúng tôi là khách của các anh; hãy tiếp đãi chúng tôi cho đàng hoàng và chúng tôi sẽ có thưởng cho các anh". Sau đó họ ăn uống; và trong bữa ăn Agathon nhiều lần tỏ ước muốn cho người đi tìm Socrates, nhưng Aristodemus không cho phép họ đi; và khi tiệc đã được một nửa - vì cơn đăng trí của Socrates thường không lâu - Socrates bước vào. Lúc ấy Agathon đang nằm một mình ở đầu bàn, liền mời Socrates đến nằm cạnh mình; ông nói, để tôi được chạm vào bậc hiền nhân và nhận được đôi chút khôn ngoan mà ông đã khám phá ra lúc ở trong hành lang. Vì tôi chắc rằng ông đã không bỏ đi nếu ông đã không tìm được cái ông muốn tìm.

Socrates nói, tôi rất vui được ngồi ở chỗ anh ấy như anh ấy muốn, để khôn ngoan có thể được thấm qua sự đụng chạm, lấy cái đầy của anh ấy đổ vào con người trống rỗng của tôi, giống như nước mà mớ len hút lấy từ một cái thùng đầy để thấm sang cái thùng rỗng; như thế được ngồi bên cạnh anh thật là may phước cho tôi lắm! Vì anh sẽ truyền lan các thiên phú của sự khôn ngoan, đầy ắp và xinh đẹp, mà sánh với nó thì sự khôn ngoan của tôi chỉ là một thứ quá nhỏ bé tầm thường, không khác gì một giấc mơ; nhưng sự khôn ngoan của anh thì rực rỡ và mới chỉ bắt đầu và đã được bộc lộ với tất cả vẻ đẹp rạng rỡ của tuổi trẻ trong buổi lễ ngày hôm kia trước mặt hơn ba mươi ngàn người Hy Lạp.

Ông ranh mãnh lắm, Agathon nói; ông và tôi sẽ phải giải quyết vấn đề này để xem ai là người nắm giữ sự khôn ngoan và xin thần rượu Dionysus làm trọng tài cho chúng ta; nhưng bây giờ, tốt hơn ông nên nhập tiệc với chúng tôi.

Socrates đến chỗ mình ở chiếc giường; và khi ăn xong, nước thánh được rảy lên, một bài thánh ca được

hát lên ca tụng thần, cùng với các nghi thức khác nữa theo thói quen, - khi họ sắp sửa bắt đầu uống rượu, Pausanias nhắc nhở họ rằng họ đã uống cả ngày hôm qua rồi, mọi người vẫn còn chếnh choáng, họ cần phải lấy lại sức và không nên uống tiếp hôm nay.

Tôi hoàn toàn nhất trí, Aristophanes nói, chúng ta không nên uống gì hôm nay, vì hôm qua chính tôi cũng suýt đổ rồi.

Tôi nghĩ các anh có lý, Eryximachus nói; nhưng tôi muốn được nghe ý kiến của một người khác nữa. Ông chủ nhà có ý kiến gì không?

Tôi chịu không uống nổi nữa, Agathon nói.

Vậy là, Eryximachus nói, những người có tửu lượng yếu như tôi, Aristodemus, Phaedrus và mấy người khác, chúng tôi rất mừng vì những người tửu lượng cao bây giờ cũng sợ rượu. (Tôi không kể Socrates vào số này, ông ấy là bậc phi phàm, ông có thể uống không biết say nhưng cũng có thể kiêng hoàn toàn.) Được, vì lúc này có vẻ như không ai còn hứng uống rượu nữa, nên tôi xin được phép với tư cách của một người thầy thuốc để nói rằng uống rượu là một thói quen không tốt, và nếu có thể tôi không bao giờ thích thói quen này và chắc chắn cũng không khuyên ai nhiễm thói quen xấu này, ít ra là đối với những người còn đang ngất ngư sau một ngày uống rượu hôm qua.

Tôi luôn luôn nghe lời khuyên của anh, đặc biệt anh nói với tư cách một thầy thuốc, Phaedrus nói và những người khác ở đây, nếu khôn thì cũng sẽ làm giống như tôi.

Tất cả đồng ý hôm ấy sẽ không uống rượu. Vậy thì, Eryximachus nói, vì mọi người đã nhất trí rằng rượu không thể ép, nên tôi đề nghị bảo cô gái thổi sáo vừa đến cũng hãy rút lui; cô có thể vào trong thổi một mình, hay thổi cho đám phụ nữ nghe. Nhưng thay vì uống, hôm nay chúng ta sẽ có một cuộc đàm luận; và nếu được phép, tôi sẽ đề nghị đề tài đàm luận hôm nay. Sau khi được mọi người chấp nhận, Eryximachus bắt đầu đề nghị như sau: -

Anh nói, tôi sẽ bắt đầu theo cách nói của Melanippe ở Euripides, "không phải lời tôi", nhưng là lời của Phaedrus. Vì anh ấy có thói quen phàn nàn rằng, trong khi các thần khác được các thi sĩ dâng lên những bài thơ và những bài thánh ca chúc tụng, thì thần vinh quang và vĩ đại, thần Tình Yêu, lại không được một bài ca tụng nào. Cũng thế, nhiều nhà Ngụy biện, như nhà Ngụy biện nổi tiếng Prodicus, đã soạn ra một bài văn xuôi ca tụng các nhân đức của Heracles và các anh hùng khác; và điều còn kỳ diệu hơn nữa, tôi đã gặp thấy trong một tác phẩm triết học có những bài luận đàm hùng hồn về đề tài là công dụng của muối; và nhiều đề tài khác nữa cũng đã được dành

cho sự tôn vinh. Thế mà cho tới hôm nay, như Phaedrus nói rất đúng và rất hay, chưa từng thấy ai có bài ca ngợi Thần Tình Yêu nào cả. Vị thần hùng mạnh này đã hoàn toàn bị lãng quên! Bây giờ tôi thấy các thực khách chúng ta không thể làm điều gì tốt hơn là ca ngợi Thần Tình Yêu. Và nếu các bạn đồng ý, chúng ta sẽ không thiếu đề tài đàm luận; vì tôi muốn đề nghị mỗi người chúng ta sẽ thay phiên nhau nói một bài ca ngợi Thần Tình Yêu. Chúng ta hãy cố gắng nói hay nhất; và anh Phaedrus là người ngồi đầu tiên bên trái và là nhà tư tưởng số một, anh sẽ bắt đầu.

Eryximachus, không ai phản đối đề nghị của anh, Socrates nói; chắc chắn tôi không thể từ chối nói về đề tài duy nhất mà tôi có chút hiểu biết và cả anh Agathon lẫn Pausanias chắc chắn cũng sẽ đồng ý; rồi cả anh Aristophanes, cũng như tất cả mọi người khác nữa, chắc chắn sẽ không có ai phản đối. Đề nghị này tôi thấy sẽ rất khó cho những người ngồi ở chỗ cuối; nhưng không sao, chúng ta cứ nghe những bài hay hơn trước đã. Hãy mời anh Phaedrus bắt đầu nói bài ca ngợi Tình yêu của anh và chúc anh may mắn. Mọi người có mặt đều nhất trí và muốn anh Phaedrus bắt đầu như Socrates vừa nói.

Aristodemus không nhớ lại được hết những gì Phaedrus nói và tôi cũng không nhớ hết những gì đã kể lại cho tôi; nhưng tôi sẽ nói lại cho anh điều tôi nghĩ là đáng nhớ nhất và những điều các diễn giả chính đã nói.

Phaedrus bắt đầu khẳng định rằng Ái tình là một vị thần hùng mạnh và kỳ diệu giữa các thần và loài người, nhưng đặc biệt kỳ diệu trong sự khai sinh của thần. Vì thần được sinh ra trước mọi thần khác là một vinh dự của thần; và một minh chứng về điều này là không ai nhớ được cha mẹ của thần; không một thi sĩ hay văn sĩ nào khẳng định thần có cha mẹ. Như Hesiod nói: -

> *"Lúc đầu xuất hiện cảnh Hỗn mang, rồi Trái đất như một tử cung to lớn, là bệ ngai vĩnh cửu cho mọi sự, rồi Tình yêu".*

Nói cách khác, sau cảnh Hỗn mang, Trái đất và Tình yêu đã xuất hiện. Parmenides cũng ca ngợi sự sinh ra các thần: -

> *"Trước khi sinh ra các thần, ngài tạo dựng Tình yêu".*

Và Acusilaus đồng ý với Hesiod. Như vậy, có vô số nhân chứng nhìn nhận Tình yêu là vị thần xuất hiện đầu tiên. Không chỉ xuất hiện đầu tiên, ngài còn là nguồn ngọn mọi phúc lành lớn lao nhất cho chúng ta. Vì tôi không biết có phúc lành nào cho một người thanh niên bắt đầu bước vào đời lớn hơn việc có được một người yêu đức hạnh, hay

có phúc lành cho một người yêu nào lớn hơn là một người yêu trẻ trung. Vì nguyên tắc để hướng dẫn cho người muốn sống một cuộc đời cao thượng không phải là tình họ hàng ruột thịt, hay danh dự, hay của cải, hay bất cứ động cơ nào khác có thể đem lại một cách chắc chắn bằng tình yêu. Tôi đang nói đến cái gì? Đến sự ý thức về danh dự và ô danh, mà không có nó thì dù là quốc gia hay cá nhân cũng không thể làm được điều gì tốt hay vĩ đại. Và tôi nói một người yêu bị phát hiện đang làm một hành vi ô danh nào đó, hay có hành vi hèn nhát khi có ai khác làm ô danh người ấy, thì người ấy sẽ cảm thấy đau khổ vì bị phát hiện bởi người mình yêu hơn là bởi cha mình, bạn bè, hay bất cứ ai khác. Và người được yêu cũng có cùng một cảm giác ấy về người yêu mình, khi họ bị phát hiện đang làm một điều gì đáng xấu hổ. Và nếu có cách nào để tạo lập được một nhà nước hay một quân đội gồm toàn những người yêu nhau, thì họ sẽ là những nhà cai trị tốt nhất của đất nước họ, không làm điều xấu hổ và ganh đua với nhau về các hành vi danh giá; và khi sát cánh với nhau trong một trận chiến, thì dù chỉ là một nhóm ít người, họ cũng sẽ thắng được mọi người. Vì có người yêu nào mà lại muốn người mình yêu chứng kiến cảnh mình trốn tránh chức vụ hay vứt bỏ vũ khí của mình? Họ thà chịu chết hàng ngàn lần còn hơn là chịu cảnh ô danh này. Hay có ai muốn chạy trốn người mình yêu hay từ chối cứu họ trong lúc gặp nguy khốn? Vào những dịp nguy hiểm như thế, những kẻ hèn nhát nhất cũng sẽ trở thành những người hùng dũng cảm, mạnh mẽ nhất; Tình yêu sẽ gợi hứng cho họ. Như Homer nói, lòng can đảm được thần hun đúc trong tâm hồn các anh hùng, thì Tình yêu cũng tuôn đổ lòng can đảm ấy vào lòng người yêu.

Tình yêu sẽ làm cho người ta dám liều chết vì người yêu, đàn ông cũng như đàn bà. Về điều này, Alcestis, con gái của Pelias, là một tượng dài cho mọi người Hy Lạp; vì nàng đã sẵn sàng hy sinh mạng sống vì chồng nàng, ngoài ra không có ai khác, mặc dù chồng nàng cũng còn cha còn mẹ; nhưng tình âu yếm dịu dàng của nàng vượt xa những người này, khiến họ trở thành gần như người xa lạ đối với con của họ, vì họ không quan tâm tới con họ; và hành vi này của nàng tỏ ra quá cao thượng, không chỉ đối với loài người mà cả đối với các thần, khiến cho trong số nhiều người đã từng có những hành vi quả cảm, nàng là một trong số rất ít người được các thần ban cho đặc ân trở về trái đất, vì thán phục nhân đức của nàng; các thần tỏ sự trân trọng vượt bậc như thế đối với nàng vì sự tận tuỵ và nhân đức trong tình yêu của nàng. Ngược lại, Orpheus, con trai

Oeagrus, thì bị các thần coi là một kẻ hèn nhát; không như Alcestis, hắn không dám chết vì người mình yêu, nhưng muốn giữ được mạng sống mình khi đi xuống Âm phủ, nên đã phải trở về trái đất mà không cứu được người yêu; hắn chỉ được các thần cho thấy cái bóng của người hắn yêu, chứ không thấy được chính nàng; hơn nữa, về sau các thần còn để cho hắn phải chết trong tay các phụ nữ, như một sự trừng phạt dành cho hắn. Còn có những ví dụ khác nữa như phần thưởng dành cho tình yêu đích thực của Achilles đối với Patroclus, người yêu chàng - người yêu chàng chứ không phải người được chàng yêu (khái niệm cho rằng Patroclus là người được yêu là một sai lầm ngu xuẩn của Aeschylus, vì chắc chắn thì Achilles xinh đẹp hơn trong hai người và cũng xinh đẹp hơn mọi anh hùng khác; và chàng cũng trẻ hơn, theo lời Homer kể lại và không có râu). Và cũng như các thần trân trọng nhân đức của tình yêu, sự đáp trả tình yêu của người được yêu đối với người yêu còn được các thần trân trọng và ngưỡng mộ hơn nữa và được các thần tưởng thưởng, vì người yêu có một bản chất thần linh và đáng được tôn thờ. Vậy, Achilles đã được mẹ chàng bảo rằng chàng có thể tránh được cái chết; sau đó trở về nhà và sống một tuổi già hạnh phúc, nếu chàng tha chết cho Hector. Nhưng chàng đã liều chết để báo thù cho bạn chàng và không những dám chết vì bạn, mà còn dám chết sau khi bạn chàng đã chết. Vì vậy các thần đã tôn vinh chàng còn vượt trên cả Alcestis và đã cho chàng đến Đảo Hạnh phúc. Đây là những lý do để tôi khẳng định rằng Tình yêu là vị thần đầu tiên, cao thượng nhất và hùng mạnh nhất trong các thần, và là tác giả chính và người ban hạnh phúc cũng như nhân đức, ở đời này và sau khi chết.

Bài luận đàm của Phaedrus đại khái như thế; theo sau là một số bài luận đàm khác mà Aristodemus không nhớ hết; bài tiếp theo mà Aristodemus kể lại là bài của Pausanias. Anh này cho rằng Phaedrus nói còn quá vu vơ và không thể ca ngợi Tình yêu một cách chung chung như thế. Nếu chỉ có một thứ tình yêu mà thôi, thì những điều anh ta nói cũng đã đủ rồi; nhưng vì có nhiều tình yêu, nên lẽ ra trước tiên anh ta phải phân biệt đâu là thứ tình yêu đáng làm chủ đề ca ngợi. Tôi sẽ sửa chữa thiếu sót này, anh nói; và trước tiên tôi sẽ nói cho các bạn biết Tình yêu nào đáng được ca ngợi, sau đó tôi sẽ cố gắng làm bài tán tụng thứ tình yêu đáng ca ngợi một cách xứng với Thần Ái tình. Vì tất cả chúng ta đều biết rằng Tình yêu không thể tách rời khỏi thần Aphrodite và nếu chỉ có một thần Aphrodite thôi, thì chỉ có một tình yêu thôi; nhưng vì có hai nữ thần này, nên phải có hai thứ tình yêu.

Tôi nói có hai nữ thần không đúng sao? Nữ thần lớn tuổi hơn, không có mẹ, được gọi là Aphrodite thiên thai - nàng là con gái của Uranus; nữ thần trẻ hơn, con gái của thần Zeus và Dione, chúng ta gọi là nữ thần chung; và Tình yêu đồng sự với nữ thần này cũng được gọi là tình yêu chung, còn tình yêu kia được gọi là tình yêu thiên thai. Tất cả các thần đều phải được ca tụng, nhưng tôi vẫn phải phân biệt các thuộc tính của hai Tình yêu. Bởi vì các hành động thay đổi tùy theo cách thể hiện của mỗi thứ tình yêu. Ví dụ, điều chúng ta đang làm, uống, hát và nói - các hành động này tự chúng không tốt cũng không xấu, nhưng sẽ trở thành tốt hay xấu tùy theo cách thể hiện chúng; nếu thể hiện tốt, thì chúng là tốt, nếu thể hiện xấu, thì chúng là xấu; và về tình yêu cũng thế, tình yêu cao thượng và đáng khen ngợi không phải là bất cứ tình yêu nào, mà chỉ là tình yêu có mục đích cao thượng. Nhưng Tình yêu con của thần Aphrodite chung thì cơ bản có tính chung chung, không phân biệt, nó là thứ tình cảm thấp hèn của con người và vì thế thích hợp cho các phụ nữ và người trẻ, và thuộc về thể xác hơn là linh hồn - những con người ngu ngốc nhất là đối tượng của tình yêu này, vì nó chỉ muốn đạt tới một mục đích, mà không bao giờ nghĩ để đạt được mục đích một cách cao thượng, và vì thế nó làm điều tốt cũng như điều xấu một cách không phân biệt gì cả. Nữ thần mẹ của tình yêu này thì trẻ hơn rất nhiều và bà được sinh ra từ sự phối hợp giữa giống đực và giống cái, và mang cả hai giống nơi mình. Nhưng con của thần Aphrodite thiên thai sinh ra từ người mẹ không có sự tham dự của giống cái, mà chỉ từ giống đực mà thôi; đây là thứ tình yêu dành cho các thanh niên mà thôi và vị nữ thần này vì lớn tuổi hơn nên không có tính phóng đãng. Những người được gợi hứng bởi tình yêu này thì hướng về phái nam và yêu thích những người nào thông minh và dũng cảm; ai ai cũng có thể nhận ra những người yêu thích tinh tuyền này nhờ tính chất các mối tình của họ. Vì không phải họ yêu các thiếu niên, nhưng là yêu các cá thể thông minh, mà lý trí của chúng bắt đầu phát triển gần như cùng lúc râu của chúng bắt đầu mọc. Và khi chọn chúng làm bạn, họ có ý sống trung thành với chúng và sống suốt đời với chúng, chứ không lạm dụng sự non dại của chúng để lừa dối và lấy chúng làm trò đùa, hay bỏ người này để theo người khác. Nhưng luật phải cấm yêu các thiếu niên, vì tương lai chúng chưa chắc chắn; chúng có thể trở thành tốt hay xấu, nơi tâm hồn hay thể xác và luật phải ngăn cấm thứ tình yêu thô thiển. Vì sự lạm dụng một vật làm cho luật mất giá trị và tình trạng này đã khiến một số người phủ nhận tính hợp

pháp của tình yêu khi người ta nhận thấy những tình cảm xấu và không thích hợp như thế; bởi vì những gì được làm một cách đúng đắn và hợp pháp thì không thể nào bị cấm đoán. Ngày nay ở đa số các thành phố, việc thực hành về tình yêu được quy định bởi một luật đơn giản và điều này cũng dễ hiểu. Nhưng ở đây và ở Lacedaemonia, có sự do dự, - ở thành phố Elis và Boeotia, vì dân chúng không có tài hùng biện, nên người ta nói năng với nhau rất thẳng thắn; tình cảm chung chung của người ta ở đây đơn giản là ủng hộ các mối quan hệ thẳng thắn này và không một ai, dù trẻ hay già, có gì chống đối thái độ này. Lý do theo tôi hiểu là họ là những con người ít nói và vì thế những người yêu nhau không thích những rắc rối trong việc kiện tụng nhau. Nhưng tại Ionia và những nơi khác, và nói chung tại các nước thuộc các dân man di, các tình yêu đối với thiếu niên bị mang tiếng xấu của triết học và thể thao, vì chúng thù nghịch với chế độ độc tài; vì lợi ích của những kẻ cai trị đòi hỏi các thần dân của họ phải nghèo về tinh thần, và không được có những gắn bó thân thiết của tình bạn hay tính xã hội với nhau và hơn mọi lý do nào khác, tình yêu rất dễ khơi dậy điều này, như các nhà độc tài Athens của chúng ta từng có kinh nghiệm; vì tình yêu của Aristogeiton và sự bền bỉ của Harmodius từng có một sức mạnh đánh đổ quyền lực của họ. Và vì thế những thứ tình yêu này bị mang tiếng xấu là do sự tham lam của những kẻ cai trị và sự hèn nhát của những kẻ bị trị; mặt khác, sự vinh dự mà họ nhận được tại một số nước khác là do tính lười biếng của những người giữ các ý kiến này về chúng. Nhưng có một cách tuyệt vời hơn để biến chúng thành luật pháp và đó là cách riêng của chúng ta; nhưng như tôi vừa nói, điều này khiến người ta phải do dự. Bởi vì, phải thấy rằng các tình yêu công khai thì được coi là đáng quí trọng hơn các tình yêu vụng trộm và tình yêu của những người cao thượng thì đáng trọng một cách đặc biệt, cho dù những người ấy không xinh đẹp bằng những người khác. Chúng ta cũng thấy mọi người dành sự khích lệ to lớn biết bao cho người đang yêu; không ai nghĩ rằng những người này làm một hành vi đáng khinh bỉ nào; nhưng nếu họ thành công, họ được khen ngợi, còn nếu họ thất bại, họ bị chê trách. Và trong việc theo đuổi tình yêu của người ấy, tục lệ của loài người cho phép người ấy làm những điều kỳ lạ, những điều mà chắc chắn triết học sẽ chỉ trích gay gắt nếu chúng được làm vì lợi lộc, hay vì ước muốn địa vị hay quyền lực. Họ có thể cầu khẩn, van xin, thề thốt, làm kẻ hầu hạ thấp hèn và nằm ở thảm cửa; trong mọi trường hợp khác, các bạn bè

và kẻ thù đều sẵn sàng ngăn cản họ làm những hành vi như thế, nhưng bây giờ không còn người bạn nào cảm thấy xấu hổ vì người ấy và khuyên bảo người ấy, và cũng không có kẻ thù nào sẽ kết án người ấy là bần tiện hay nịnh hót; và tục lệ đã cho rằng đó là những hành vi đáng ca ngợi và không làm họ mất tính cách; và điều còn lạ hơn, chính họ có thể thề thốt và nói dối (như thiên hạ thường nói) và các thần sẽ tha thứ cho vi phạm của họ, vì không có cái gì gọi là lời thề của người yêu cả. Đó là sự tự do hoàn toàn mà loài người và các thần dành cho người đang yêu và tục lệ của chúng ta cũng xác nhận điều này. Và đây là một phía của vấn đề, nó có thể khiến một người nghĩ rằng trong thành phố này yêu và được yêu là chuyện rất đáng kính trọng. Nhưng khi có một chế độ mới và các bậc cha mẹ ngăn cấm con cái họ nói chuyện với người yêu của chúng, và đặt chúng dưới sự trông coi của một người giám hộ; và các bạn bè đồng trang lứa với chúng sẽ bình phẩm về những thứ hành vi như thế của chúng, và các người lớn tuổi từ chối ngăn cấm những lời bình phẩm như thế; bất cứ ai suy nghĩ về điều này đều sẽ nghĩ rằng các tục lệ này là xấu. Nhưng theo tôi nghĩ, các tục lệ này là tốt hay xấu không phải là một vấn đề đơn giản; chúng là tốt đối với những người thực hành chúng một cách đúng đắn và là xấu đối với những người thực hành chúng một cách đáng xấu hổ. Có sự ô nhục khi chiều theo điều xấu, hay làm một cách xấu; nhưng có vinh dự khi chiều theo điều tốt hay làm một cách đáng kính trọng. Xấu là thứ tình yêu thô thiển của người yêu thân xác thay vì linh hồn và là người hay thay đổi, bởi vì họ là người yêu những cái thay đổi và vì thế khi tuổi thanh xuân mà họ ước muốn qua đi, họ cũng sẽ chấp cánh bay đi mất, bất chấp những lời hứa hẹn của họ; trong khi tình yêu của tâm hồn cao thượng thì vững bền, bởi vì nó là sự kết hợp với cái không thay đổi. Tục lệ của nước chúng ta phải thử thách chúng cho tốt và đúng, và sẽ giúp chúng ta chọn thứ tình yêu này và tránh thứ tình yêu kia; thử thách chúng bằng các cuộc thi và trắc nghiệm, để chứng minh người yêu và người được yêu thuộc loại tình yêu nào. Và đây là lý do tại sao một mối tình vội vàng bị coi là không đáng trọng, vì thời gian là trắc nghiệm đích thực về điều này cũng như về hầu hết những chuyện khác; và ở đây cũng thế, sẽ là một sự ô nhục khi người ta yêu vì tiền bạc hay quyền lực chính trị, dù là một người phải chịu đau khổ hay bị đe doạ phải bị mất chúng, hay không thể vượt lên khỏi những lợi lộc của chúng. Vì không một thứ nào trong những thứ ấy có tính chất vững bền; ấy là chưa nói đến chuyện không thể có một

tình bạn quảng đại nào phát xuất từ chúng. Vì vậy, chỉ còn một cách mà tập tục cho phép để gọi là một tình yêu đáng kính trọng, đó là con đường nhân đức; bất cứ sự phục vụ nào mà người yêu làm đều không phải vì sự nịnh hót hay mất danh giá và người được yêu cũng có một cách phục vụ tự ý và không đáng trách, đó là sự phục vụ nhân đức. Đây là thứ tình yêu của vị nữ thần thiên thai, và nó thuộc cõi trời, và có giá trị to lớn đối với các cá nhân và các thành phố, vì nó làm cho người yêu cũng như người được yêu hăng hái trong cố gắng tự làm cho mình nên tốt hơn. Nhưng mọi thứ tình yêu khác đều là sản phẩm của nữ thần chung hay thô thiển. Anh Phaedro, tôi tặng anh bài luận đàm ca tụng tình yêu này, mà tôi đã cố gắng hết sức trong lúc ứng khẩu này.

Khi Pausanias ngừng nói, Aristodemus bảo tiếp theo là đến lượt Aristophanes, nhưng đúng lúc ấy Aristophanes bị nấc cụt vì đã ăn quá no hay vì một nguyên nhân nào khác, nên Eryximachus buộc phải thay thế anh ấy. Aristophanes nói, anh Eryximachus, hoặc là anh phải chữa tôi khỏi nấc cụt, hay là anh phải nói thay tôi cho tới khi tôi khỏi nấc.

Tôi sẽ làm cả hai, Eryximachus nói: Tôi sẽ nói thay phiên anh và sau đó anh sẽ nói thay phiên tôi; và trong khi tôi nói, tôi khuyên anh hãy nín hơi và nếu không khỏi, anh hãy lấy một ít nước để súc họng; và nếu vẫn còn nấc cụt, anh hãy lấy một vật gì ngoáy vào mũi làm cho hắt hơi; và nếu anh hắt hơi được một hay hai cái, chắc chắn anh sẽ hết nấc cụt. Trong lúc ấy, tôi sẽ nói thay anh, rồi anh sẽ nói thay phiên tôi. Tôi sẽ làm theo lời anh, Aristophanes nói, chúng ta bắt đầu nào.

Eryximachus nói như sau: Tôi thấy anh Pausanias đã nói phần đầu rất hay, nhưng phần kết thì lại khập khiễng, nên tôi sẽ cố gắng bổ sung cho thiếu sót của anh. Tôi nghĩ anh đã phân biệt đúng hai thứ tình yêu. Nhưng nghề của tôi dạy tôi rằng hai thứ tình yêu này có cả trong loài động vật và cây cỏ và có thể nói nó có trong mọi vật hiện hữu; chứ không chỉ là tình cảm của một người đối với người đẹp, hay đối với bất cứ cái gì; đây là quan điểm tôi đã rút ra được về đề tài này dựa trên nghề thuốc của tôi, nó cho tôi thấy rằng Thần Ái tình quả thật vĩ đại, tuyệt vời và phổ quát, vương quốc của thần bao trùm mọi sự, thần linh cũng như con người. Và tôi sẽ bắt đầu với ngành thuốc để làm vinh dự cho nghề của tôi. Bởi vì nơi thân xác con người có hai thứ tình yêu, chúng rõ ràng khác nhau và phân biệt nhau và vì không giống nhau, chúng có các tình yêu và các ước muốn khác nhau; và một cái là ước muốn cái lành mạnh, cái kia là ước muốn cái bệnh hoạn; và như

Pausanias nói, cái tốt thì được chấp nhận, cái xấu không được chấp nhận; và vì thế trong thân xác các yếu tố tốt và lành mạnh phải được chấp nhận, các yếu tố xấu không được chấp nhận nhưng phải tránh xa. Và đây là việc mà người thầy thuốc phải làm và là bản chất của ngành thuốc; bởi vì ngành thuốc có thể được coi chung chung như là sự hiểu biết về các thứ tình yêu và ước muốn của thân xác, và làm thế nào để vun trồng hay loại trừ chúng; và người thầy thuốc tốt là người có khả năng tách biệt cái tốt khỏi cái xấu, hay đổi cái này thành cái khác; và nếu họ là một thầy thuốc giỏi, họ biết cách loại trừ hay vun trồng tình yêu, tùy theo thứ nào cần và họ có thể hòa hợp các yếu tố thù nghịch nhất trong cấu tạo của thân xác và biến chúng thành thân thiện. Các yếu tố thù nghịch nhất là các yếu tố đối chọi nhau, như nóng và lạnh, ướt và khô, đắng và ngọt và các cái tương tự. Ông cố tổ của tôi, Asclepius, là người từng biết cách gieo trồng sự thân thiện và hòa hợp giữa các yếu tố này, ông là ông tổ trong nghề thuốc của chúng ta, như các thi sĩ của chúng ta làm chứng và tôi tin lời họ; và không chỉ trong mọi ngành thuốc, mà cả các nghề nông và thể thao cũng được ông nắm bắt thành thạo. Bất cứ ai dù chỉ để ý chút ít cũng nhận ra rằng trong âm nhạc cũng có sự hòa hợp các cái đối chọi; và tôi nghĩ rằng đây chính là ý Heraclitus muốn nói, mặc dù không phải chính xác nguyên văn lời ông; vì ông nói rằng cái duy nhất được kết hợp bởi cái phân tán, giống như giai điệu của cây đàn và cái vĩ. Đúng là vô lý khi nói rằng giai điệu là sự bất đồng hay được cấu tạo bởi các yếu tố còn đang trong tình trạng bất đồng. Nhưng thực ra ý ông thực sự muốn nói là giai điệu được tạo thành bởi các nốt nhạc có độ cao thấp khác nhau, trước đó thì bất đồng với nhau, nhưng bây giờ được hòa đồng bởi nghệ thuật âm nhạc; vì nếu các nốt cao và thấp vẫn còn ở tình trạng bất đồng, thì không thể có giai điệu, đó là điều tất nhiên. Vì giai điệu là một sự hòa âm và hòa âm là sự hòa đồng; nhưng một sự hòa đồng các cái bất đồng đang khi chúng bất đồng thì hoàn toàn không thể có được. Có thể minh họa điều này bằng tiết tấu, gồm các yếu tố ngắn và dài, lúc trước khác nhau nhưng bây giờ thì hòa với nhau; giống như sự hòa hợp trong trường hợp trước với y khoa, thì trong trường hợp này, âm nhạc gieo trồng tình yêu và làm cho tình yêu và sự hợp nhất tăng trưởng; và như thế âm nhạc cũng quan tâm tới các nguyên tắc tình yêu trong việc áp dụng chúng vào giai điệu và tiết tấu. Hơn nữa, trong các nguyên tắc trừu tượng về giai điệu và tiết tấu, không có khó khăn gì trong việc phân biệt chúng, vì lúc

đó tình yêu chưa có hai bản tính. Nhưng khi bạn muốn dùng chúng trong đời sống thực, dù là trong việc soạn nhạc hay sửa chữa việc thể hiện các điệu nhạc hay các âm vận đã được soạn sẵn, được gọi là giáo dục, thì lúc ấy bắt đầu có khó khăn và cần phải có nghệ sĩ giỏi. Khi ấy phải lặp lại câu truyện cổ về tình yêu đẹp và thiên thai - tình yêu của nàng Urania xinh đẹp và thi thần thiên thai, và của bổn phận chấp nhận cái chừng mực cũng như chỉ chấp nhận cái vô độ để chúng có thể trở nên chừng mực và bảo vệ tình yêu của chúng; và còn nữa, tình yêu của nàng Polyhymnia thô thiển, phải được sử dụng một cách thận trọng để khoái lạc không làm phát sinh thói buông thả; cũng như trong nghề của tôi, tài năng của người thầy thuốc giỏi được chứng tỏ trong việc cho tận hưởng những thú vui mà không dẫn đến những thiệt hại do bệnh tật. Kết luận của tôi là, trong âm nhạc, y khoa và trong mọi điều khác của loài người và các thần, phải lưu ý đến cả hai thứ tình yêu, vì cả hai chúng đều có mặt.

Sự đắp đổi các mùa cũng chứa đầy cả hai nguyên lý này; và như tôi đã nói, khi các yếu tố nóng và lạnh, ướt và khô, đạt tới tình yêu hài hòa lẫn nhau và hòa quyện trong sự chừng mực và hài hòa, thì chúng đem đến cho loài người, loài vật và cây cỏ sức khỏe và sự giàu sang, và không gây hại gì cho chúng; trong khi tính buông thả và phóng đãng của thứ tình yêu kia đối với các mùa tạo nên những tai hại và hủy diệt lớn, và là nguồn của dịch bệnh, và đem đến nhiều loại bệnh tật khác nhau cho các loài vật và cây cỏ; vì sương giá và mưa đá phát sinh từ những sự thái quá và mất trật tự trong các yếu tố này của tình yêu, và sự hiểu biết về những gì có liên quan đến các chuyển động của các thiên thể và các mùa trong năm thì được gọi là thiên văn học. Hơn nữa, mọi cuộc tế thần và tất cả nghệ thuật bói toán, là nghệ thuật hiệp thông giữa các thần và loài người - các nghề này chỉ quan tâm tới sự cứu rỗi và chữa lành sức mạnh tình yêu. Vì mọi sự vô đạo sẽ dễ dàng xảy ra nếu thay vì chấp nhận và tôn vinh, kính trọng tình yêu hòa hợp trog mọi hành động của mình, một người lại đi tôn trọng thứ tình yêu kia, dù là trong các tình cảm của họ đối với các thần hay cha mẹ, đối với người sống hay người chết. Vì thế nghề bói toán có nhiệm vụ xem xét các thứ tình yêu này và sửa chữa chúng, và bói toán là người hòa giải giữa các thần và loài người, nhờ tác động của sự hiểu biết về các khuynh hướng tôn giáo hay vô tôn giáo có trong các tình yêu thuần túy nhân loại. Đó chính là sức mạnh cao cả uy lực và phổ quát của tình yêu. Và đặc biệt tình yêu này quan tâm tới điều tốt và được hoàn thiện nhờ sự chừng mực

và công bằng, dù là giữa các thần hay loài người, nó có sức mạnh to lớn nhất và là nguồn gốc của tất cả hạnh phúc, sự hài hòa và thân thiện của chúng ta với các thần ở trên chúng ta và giữa chúng ta với nhau. Tôi thú nhận đã bỏ sót một ít điểm lẽ ra phải được nói ra để ca tụng Tình Yêu, nhưng tôi hoàn toàn không cố ý và anh, Aristophanes, bây giờ anh có thể bổ sung các thiếu sót của tôi hay có những ý tưởng độc đáo của anh; tôi thấy anh đã hết nấc cụt rồi đấy.

Vâng, Aristophanes nói, tôi hết nấc rồi; nhưng cũng phải nhờ áp dụng cách hắt xì mới khỏi đấy; và tôi tự hỏi phải chăng nguyên lý trật tự trong thân xác con người phải cần dùng đến thứ tiếng ồn và làm cho hắt xì như thế, bởi vì tôi vừa ngoáy mũi và hắt xì được là tôi cũng hết nấc cụt ngay.

Eryximachus nói: Cẩn thận đấy, Aristophanes, tôi thấy anh đang bắt đầu nói giỡn rồi; tôi sẽ canh chừng xem anh có nói điều gì vớ vẩn không; anh phải cẩn thật, nếu không tôi sẽ cắt ngang lời anh.

Anh có lý, Aristophanes vừa cười vừa nói, tôi xin rút lại lời vừa nói; vậy tôi xin anh đừng canh chừng tôi, kẻo lỡ ra thay vì chọc cười người khác cho vui, thì tôi lại bị người ta cười nhạo.

Anh tính đánh bài chuồn sao, Aristophanes? Được, nếu anh nói năng cẩn thận và nghiêm túc, tôi sẽ để anh yên.

Aristophanes tuyên bố anh sẽ mở một hướng luận đàm mới; anh muốn ca ngợi Thần Ái tình một kiểu khác, không giống như kiểu của Pausanias hay Eryximachus. Anh nói, căn cứ vào việc Thần Ái tình ít được nhắc tới, tôi nghĩ rằng loài người chưa bao giờ hiểu được sức mạnh Tình yêu. Vì nếu họ hiểu, hẳn là họ đã phải xây dựng những đền đài và bàn thờ nguy nga dâng kính thần, và dâng lên người những lễ vật cao quý; nhưng những điều này đã không được làm và chắc chắn người ta phải làm: vì trong tất cả các thần, Thần Ái tình là người bạn thân nhất của loài người, là người trợ giúp và chữa lành những yếu đau cản trở hạnh phúc của loài người. Tôi sẽ kể lại cho các bạn nghe về sức mạnh của người và các bạn có thể lặp lại những điều tôi nói cho mọi người khác. Trước tiên, tôi sẽ nói đến bản tính và tình trạng của con người; vì bản tính nguyên thủy của loài người không giống với bây giờ. Thứ nhất, lúc ban đầu có ba giống, chứ không chỉ có hai giống như hiện nay: đó là có đàn ông, đàn bà và phối hợp giữa đàn ông và đàn bà, gọi là ái nam ái nữ, tương ứng với hai giống; lúc đầu tình trạng này hiện hữu thực sự, nhưng nay không còn và tên gọi chỉ còn được giữ lại như một từ để chê trách. Thứ hai, người nguyên thủy hình tròn và

có bốn tay bốn chân, lưng và hai bên sườn, tạo thành một vòng tròn, một cái đầu với hai mặt nhìn hai hướng đối nhau, được đặt trên một cái cổ tròn và phần còn lại tương ứng. Khi nó muốn đi, nó có thể đi như người ngày nay đi và cũng có thể lăn tròn rất nhanh, dựa trên bốn tay và bốn chân, tất cả là tám chi, giống như những chàng xiếc nhào lộn bằng bốn chân chổng lên trời; đó là cách nó đi khi nó muốn đi nhanh. Vậy là có ba giống như thế, bởi vì mặt trời, mặt trăng và trái đất cũng là con số ba; và đàn ông lúc ban đầu là con của mặt trời, đàn bà là con trái đất và ái nam ái nữ là con mặt trăng, được tạo thành bởi mặt trời và trái đất và cả ba đều tròn và xoay quanh giống như cha mẹ chúng. Chúng có sức mạnh kinh khủng và có những tư tưởng vĩ đại và chúng đã tấn công các thần; và có câu truyện về chúng là câu truyện Otus và Ephialtes, là những người mà Homer tả là đã dám leo lên trời và đặt tay lên các thần. Thần Zeus triệu tập đại hội các thần và họ cảm thấy bối rối. Liệu họ có nên giết chúng và hủy diệt giống nòi của chúng bằng sấm sét hay không, giống như họ đã tiêu diệt giống người khổng lồ, nhưng như thế họ sẽ mất hết các lễ phẩm mà loài người dâng lên cho họ; nhưng ngược lại, các thần cũng không thể chịu đựng sự vô lễ của họ. Cuối cùng, sau một lúc lâu suy nghĩ, thần Zeus đã tìm ra một phương pháp. Thần nói: "Ta có một ý có thể khiến chúng phải dẹp bỏ tính kiêu ngạo của chúng và sửa đổi thái độ; chúng sẽ vẫn tiếp tục tồn tại, nhưng ta sẽ cắt chúng thành hai nửa và như thế chúng sẽ giảm bớt sức mạnh, đồng thời tăng dân số; bằng cách này chúng ta sẽ có lợi là chúng sẽ mang lại nhiều lợi nhuận cho chúng ta hơn. Chúng sẽ đi thẳng trên hai chân và nếu chúng vẫn tiếp tục vô lễ và không ở yên, ta sẽ lại cắt chúng thành hai nửa nữa, lúc ấy chúng sẽ phải nhảy cò cò bằng một chân mà thôi". Nói đoạn, thần Zeus cắt chúng thành hai nửa, giống như người ta cắt đôi quả táo để ngâm muối, hay giống như cắt quả trứng bằng một sợi tóc; và đang khi ngài cắt người này sau người khác, ngài truyền cho Apollo cho chúng một cái mặt và một nửa cái cổ có thể xoay được để con người có thể nhìn thấy nửa kia của mình: như thế chúng sẽ học được bài học khiêm nhường. Thần cũng phải chữa lành các vết thương của chúng và tạo nên hình thù gọn gàng cho chúng. Apollo xoắn cái mặt và kéo lớp da chung quanh chỗ mà bây giờ chúng ta gọi là bụng, giống như những cái túi vải túm vào và thần làm một cái miệng ở giữa, rồi cột một cái nút (cái này gọi là rốn); ngài cũng làm ra ngực và làm căng phần lớn các nếp nhăn, giống như người thợ giày làm căng miếng da trên lớp cuối cùng; tuy nhiên

ngài để lại một ít nếp nhăn ở vùng bụng và rốn, để ghi nhớ sự thay đổi nguyên thủy này. Sau khi con người được chia thành hai nửa, mỗi nửa thèm muốn nửa kia của mình, chúng kết hợp lại với nhau và vòng tay ra ôm lấy nhau để trở thành một, và có thể bị chết đói nếu chúng không cố gắng, bởi vì chúng không thích làm gì riêng một mình; và khi một nửa chết đi và nửa kia sống sót, nửa sống sót đi tìm một bạn khác, là phần của một đàn ông hay đàn bà, đã lấy tên gọi của đàn ông và đàn bà và dính vào với nửa ấy. Và đang lúc chúng đi tới chỗ bị tiêu diệt thì Zeus thương hại đã nghĩ ra một kế hoạch mới: ngài xoay các bộ phận sinh sản quay ra đàng trước, vì đó không phải luôn luôn là vị trí của nó và chúng không còn gieo hạt giống xuống đất giống như các con châu chấu trước kia, nhưng chúng gieo hạt giống vào nhau; và sau khi truyền giống, giống đực được sinh ra trong giống cái để nhờ sự ôm ấp lẫn nhau giữa đàn ông và đàn bà, chúng có thể sinh sản và nòi giống có thể được tiếp tục; hay nếu đàn ông đến với đàn ông, chúng cũng có thể thỏa mãn và cùng nhau lo các công chuyện của đời sống: sự thèm muốn lẫn nhau đã được gieo vào lòng chúng ta từ rất xa xưa, hợp nhất bản tính nguyên thủy của chúng ta, làm cho hai thành một và chữa lành tình trạng của con người. Mỗi người chúng ta khi tách riêng chỉ là một nửa người, chỉ có một mặt giống như một con cá dẹt và luôn luôn đi tìm kiếm nửa kia của mình. Những người đàn ông là một phần của bản tính đôi mà trước kia ta gọi là ái nam ái nữ thì là những kẻ dâm đãng; các kẻ ngoại tình thường phát sinh từ dòng giống này và các phụ nữ cũng dâm đãng và ngoại tình: đó là các phụ nữ là một phần của đàn bà mà không thích đàn ông, nhưng thích đàn bà; các bạn nữ của chúng cũng thuộc loại này. Nhưng những đàn ông là một phần của đàn ông mà đi tìm giống đực khi chúng còn trẻ, vì chúng là một phần của đàn ông, chúng đến gần và ôm lấy nó, và chúng là những thanh niên và thiếu niên tốt nhất, vì chúng có nam tính mạnh nhất. Thực ra cũng có người coi đó là vô liêm sỉ, nhưng không đúng; vì chúng không hành động như thế vì thiếu liêm sỉ, nhưng vì chúng là những người dũng cảm và đầy nam tính, và có dáng điệu nam tính và chúng ôm ấp cái gì giống với chúng. Và những người này khi lớn lên trở thành những người cai trị chúng ta và chỉ có họ mà thôi, và đây là bằng chứng mạnh nhất rằng những điều tôi đang nói là sự thật. Và khi những người này đạt tuổi trưởng thành, họ sẽ là những người yêu tuổi trẻ và thường không thích kết hôn hay sinh con đẻ cái, còn nếu họ kết hôn, thì chỉ là để vâng phục

luật pháp mà thôi, nhưng họ vẫn thỏa mãn nếu họ được phép sống không kết hôn; và bản tính như thế thì có khuynh hướng yêu và sẵn sàng đáp lại tình yêu, luôn luôn ôm ấp cái gì giống với nó. Và khi một cái tìm được nửa kia của nó, dù là nó yêu một thiếu niên hay một cái gì khác, cặp đôi này sẽ say đắm trong tình yêu và tình bạn thân thiết và người này không thể xa người kia, dù chỉ một chốc lát: họ là những người chung sống cả đời với nhau; nhưng họ không thể cắt nghĩa họ muốn cái gì ở người kia. Bởi vì sự thèm muốn của mỗi người đối với người kia không phải là ước muốn giao hợp, nhưng là linh hồn ước muốn một điều gì khác mà không thể diễn tả và linh hồn chỉ có một linh cảm mơ hồ về điều ấy mà thôi. Giả sử thần Hephaestus, với các dụng cụ của mình, đến với cặp này khi họ đang nằm cạnh nhau và nói với họ, "Các người muốn gì ở nhau?" họ sẽ không biết trả lời thế nào. Và giả sử thêm rằng khi thần thấy họ lưỡng lự, thần nói: "Các người có muốn hoàn toàn nên một không; có muốn ngày đêm liên lỉ ở với nhau không? Vì nếu đó là điều các người muốn, thì ta sẵn sàng hòa nhập hai người thành một, và khi còn sống hai người luôn luôn có nhau và chỉ là một người mà thôi, và khi chết xuống âm phủ các ngươi vẫn chỉ là một linh hồn chứ không phải hai - Ta hỏi có phải đó là điều các người muốn ta làm cho các người không và các người có cảm thấy thỏa mãn về điều này không? - thì hẳn là không một người nào trong họ khi nghe nói như thế sẽ từ chối hay không nhìn nhận rằng sự gặp gỡ này và hòa tan vào vòng tay của nhau, trở thành một người chứ không phải hai, đó chính là cách diễn tả của nhu cầu xa xưa của con người. Và lý do là bản tính con người nguyên thủy là một và chúng ta là một toàn thể, và ước muốn và sự tìm kiếm cái toàn thể được gọi là tình yêu. Đã từng có thời, tôi nói, mà hai người là một, nhưng bây giờ, vì sự xấu xa của loài người, Thần đã phân tán chúng ta, như người Arcadia bị người Lacedaemonia phân tán vào trong các làng. Và nếu chúng ta không tuân phục các thần, có nguy cơ chúng ta sẽ bị chia cắt lại một lần nữa và đi quanh quẩn giống như những tấm phù điêu, giống như những bức hình chỉ có một nửa cái mũi được chạm khắc trên các cây cột và chúng ta sẽ giống như những bản sao. Vì vậy chúng ta hãy khuyên nhủ mọi người sống đạo đức, để chúng ta có thể tránh các điều ác và được các điều lành, mà Tình yêu là chúa và là lãnh tụ của điều lành ấy; và đừng để ai chống đối thần Ái tình - ai chống đối thần Ái tình là kẻ thù của các thần. Vì nếu chúng ta là bạn hữu của Thần và được hòa giải với Thần, chúng ta sẽ tìm được

tình yêu đích thực của chúng ta, thường rất ít khi có ở đời này. Tôi nói nghiêm túc, vì vậy tôi phải xin Eryximachus đừng chê cười và đừng cho rằng chúng ám chỉ về Pausanias và Agathon, là những người mà tôi tin rằng thuộc loại những người đầy nam tính như tôi vừa mô tả. Nhưng các lời tôi nói được áp dụng rộng hơn - chúng bao gồm mọi người ở mọi nơi, đàn ông và đàn bà; và tôi tin rằng nếu mọi người chúng ta có được tình yêu của mình và mỗi người có người yêu riêng, thì bằng việc trở về với bản tính nguyên thủy, giống nòi chúng ta sẽ được hạnh phúc. Và nếu đây là điều tốt nhất, thì những gì tốt nhất trong hoàn cảnh hiện tại sẽ hầu như là tốt nhất cho một sự kết hợp như thế; và đó sẽ là đạt tới tình yêu chân chính. Vì vậy chúng ta sẽ làm đúng khi ca ngợi Thần Ái tình, là tác giả của ân huệ này và cũng là đại ân nhân của chúng ta, dẫn đưa chúng ta trở về với bản tính đích thật của chúng ta và cho chúng ta niềm hy vọng to lớn cho tương lai, để nếu chúng ta sống đạo đức, thần sẽ phục hồi lại tình trạng nguyên thủy của chúng ta, chữa lành chúng ta và làm chúng ta được hạnh phúc. Anh Eryximachus, đây là bài luận đàm của tôi về tình yêu, tuy nó khác với bài của anh, nhưng tôi xin anh đừng chê cười, để mỗi người làm xong phiên của mình; bởi vì chỉ còn Agathon và Socrates chưa nói mà thôi.

Đúng vậy, Eryximachus nói, tôi sẽ không công kích anh đâu, vì tôi nghĩ bài nói của anh thật tuyệt vời và nếu như tôi không biết rằng Agathon và Socrates là những bậc thầy trong lãnh vực tình yêu, hẳn tôi đã phải nghĩ rằng họ chẳng còn gì để nói sau tất cả những lời hay ý đẹp vừa được nói ra. Tuy nhiên, tôi vẫn còn rất nhiều hi vọng ở hai ông ấy.

Socrates nói: Eryximachus, anh đã làm phận sự mình một cách tuyệt vời; nhưng nếu anh ở vào hoàn cảnh tôi bây giờ, hay lúc tôi sẽ nói sau khi Agathon nói xong, hẳn là anh cũng ở trong một hoàn cảnh khốn đốn.

Ông Socrates, ông muốn gây khó dễ cho tôi đấy hả, để làm tôi bối rối vì nghĩ rằng tôi sẽ phải nói trước ông sao?

Anh Agathon, Socrates nói, tôi lạ quá vì không nhớ rằng ông tỏ ra dũng cảm khi chuẩn bị bài đàm luận của ông, ông giống như một diễn viên bước lên sân khấu cùng các diễn viên khác và đối diện với cả một cử toạ đông đảo mà hoàn toàn không có chút nao núng nào. Làm sao tôi có thể nghĩ ông sẽ bối rối khi đứng trước một nhóm bè bạn ít người như chúng ta ở đây?

Ông Socrates, Agathon nói, bộ ông nghĩ đầu óc tôi chứa đầy những chuyện về kịch tuồng khiến tôi không hiểu rằng đứng trước một

nhóm quan tòa ít ỏi vẫn là chuyện đáng sợ hơn đứng trước hàng ngàn kẻ ngu dốt sao?

Đến đây Phaedrus ngắt lời hai ông và nói: Thôi hai ông đừng đi xa đề tài nữa. Bây giờ tôi muốn được nghe bài của Agathon cũng như của mọi người khác. Sau khi ông Agathon và ông nói xong phần mình, hai ông có thể nói sang những chuyện khác.

Tốt lắm, anh Phaedrus, Agathon nói; tôi không thấy có lý do nào để trì hoãn bài nói của tôi, vì tôi sẽ còn nhiều thời giờ để chuyện vãn với ông Socrates. Trước hết tôi xin nói tôi phải nói như thế nào, rồi tôi bắt đầu vào đề.

Có vẻ như những người nói trước, thay vì ca ngợi Thần Ái tình hay diễn tả bản tính của thần, họ lại chúc mừng loài người vì những ân huệ mà thần ban cho họ. Nhưng tôi muốn ca tụng thần trước, rồi sau đó mới nói về các ân huệ của thần; đây luôn luôn là cách đúng đắn để ca ngợi bất cứ điều gì. Vậy tôi xin xác nhận điều đầu tiên, đó là Thần Ái tình là vị thần tốt nhất và có phước nhất trong các thần. Ngài cũng xinh đẹp nhất, điều này tôi chứng minh như sau: thứ nhất, anh Phaedrus, ngài trẻ nhất và chính ngài làm chứng cho sự trẻ trung của ngài, vì ngài không đi vào đường chạy của tuổi tác, là đường chạy rất nhanh, nhanh hơn bất cứ điều gì chúng ta thích: nhưng tuổi tác không thể vượt qua ngài; ngài không thuộc dòng giống của tuổi tác; tuổi trẻ và tình yêu cùng sống và cùng chuyển động chung với nhau, nòi nào giống nấy, như tục ngữ nói. Tôi đồng ý với rất nhiều điều mà Phaedrus nói về tình yêu; nhưng tôi không thể đồng ý với anh rằng ngài già hơn Iapetus và Kronos - đó không phải là sự thật; như tôi đã nói, ngài là thần trẻ tuổi nhất và trẻ trung mãi mãi. Các hành vi anh hùng thời xưa mà Hesiod và Parmenides kể lại, nếu thực sự có, thì đều được làm vì nhu cầu chứ không phải vì tình yêu; giả như đã có tình yêu vào thời đó, hẳn đã không có chuyện các thần bị xiềng xích hay chặt chân chặt tay, hay các hành vi bạo lực khác, mà chỉ có tình yêu và sự ngọt ngào, như bây giờ đang có trên thiên đình, kể từ khi có Tình yêu thống trị. Tình yêu vừa trẻ trung vừa dịu dàng; phải cần đến một thi sĩ như Homer để diễn tả sự dịu dàng của tình yêu, như Homer mô tả về thần Ate, một nữ thần dịu dàng: -

> *"Gót sen mềm mại, nàng bước đi trên đỉnh đầu của con người, chứ không trên mặt đất".*

là một bằng chứng tuyệt vời về sự dịu dàng của nàng, bởi vì nàng không bước trên mặt đất cứng, nhưng trên những cái gì mềm mại. Chúng ta cũng hãy suy ra một bằng chứng tương tự về sự dịu dàng của

Thần Ái tình; vì thần không đi trên mặt đất, cũng không đi trên những sọ người vốn cũng khá cứng, nhưng trên những quả tim và những tâm hồn của loài người: ngài bước đi và cư ngụ trong đó như trong nhà mình. Không phải trong mọi linh hồn không phân biệt, bởi vì chỗ nào cứng thì ngài tránh xa, chỗ nào mềm thì ngài ở lại; và vì luôn luôn gắn chặt chân ngài vào những chỗ mềm mại nhất, nên ngài không thể là gì khác hơn là cái gì mềm mại nhất giữa muôn loài. Và ngài cũng trẻ nhất và dịu dàng nhất, đồng thời cũng có hình dáng mềm dẻo; vì nếu không mềm dẻo, ngài không thể bao trùm mọi vật, hay luồn lách vào mọi chỗ quanh co của tâm hồn con người mà không bị phát hiện. Và một bằng chứng cho sự mềm dẻo và hình dáng đối xứng của ngài là sự duyên dáng yểu điệu, được mọi người coi là một thuộc tính đặc biệt của tình yêu; sự thô kệch và tình yêu luôn luôn là hai cái tranh chấp nhau. Nước da trắng đẹp của ngài được tỏ lộ bởi chỗ ở của ngài giữa muôn hoa; vì ngài không ở giữa những cái đẹp cằn cỗi hay tàn úa của các thân thể hay linh hồn hoặc bất cứ cái gì, nhưng ở giữa muôn hoa đầy hương sắc. Tuy còn có thể nói nhiều hơn nữa, nhưng như thế đã đủ về sắc đẹp Tình yêu. Bây giờ tôi phải nói đến nhân đức của Thần Tình yêu: vinh quang cao cả nhất của ngài là ở chỗ ngài không thể chịu đựng sự xấu mà bất kỳ thần nào hay người nào có thể gây ra; vì ngài không bị sự cưỡng chế nào cả, vì sự cưỡng chế không ở gần ngài và ngài cũng không hành động bằng sự cưỡng bạo. Vì mọi sự phục vụ ngài một cách tự nguyện và ở đâu có tình yêu và sự phục tùng, như luật pháp của thành phố nói, thì ở đó có công bằng. Và ngài không chỉ công bằng, mà ngài còn vô cùng chừng mực, vì đức chừng mực được nhìn nhận là người cai trị các khoái lạc và ước muốn, và không bao giờ có khoái lạc nào làm chủ được Thần Ái tình; ngài là chủ của chúng và chúng là người phục vụ ngài; và nếu ngài điều khiển chúng, chúng phải chừng mực. Còn về đức can đảm, cả Thần Chiến tranh cũng không phải đối thủ của ngài; Thần Chiến tranh là tù binh còn Thần Ái tình là chủ, bởi tình yêu, tình yêu của thần Aphrodite, làm chủ Thần Chiến tranh, như truyện kể lại; và chủ thì mạnh hơn tớ. Và nếu ngài chinh phục được những thần mạnh nhất, thì ngài phải là thần mạnh nhất. Vậy là tôi đã nói xong về các đức can đảm, công bằng và chừng mực; nhưng tôi còn phải nói đến đức khôn ngoan của ngài và tôi sẽ cố gắng hết khả năng mình trong việc này. Trước tiên ngài là một thi sĩ (ở đây, theo gương Eryximachus, tôi sẽ đề cao nghề của tôi) và ngài cũng là nguồn hứng thi ca cho mọi người khác, vì thế ngài phải là

một thi sĩ. Bất cứ ai đụng đến ngài đều trở thành một thi sĩ, mặc dù trước đó người này không có chút âm nhạc nào; đây cũng là một bằng chứng rằng Thần Ái tình là một thi sĩ giỏi và hoàn hảo về mọi lãnh vực nghệ thuật âm nhạc; vì không ai có thể cho cái mà mình không có, hay dạy cái mà mình không biết. Ai có thể phủ nhận rằng việc tạo dựng các loài vật không phải là do ngài? Không phải mọi công trình đều phát sinh từ sự khôn ngoan sáng tạo của ngài sao? Còn về các nghệ sĩ, chẳng phải chúng ta biết rằng chỉ người nào được Tình yêu gợi hứng mới có được danh tiếng hay sao? - ai được tình yêu chạm tới thì không bước đi trong bóng tối. Các nghề thuốc, bắn cung và bói toán được Apollo phát hiện ra, dưới sự hướng dẫn của tình yêu và ước muốn, vì thế Apollo cũng là một học trò của Tình yêu. Rồi còn giai điệu của các Thi thần, nghề luyện kim của Hephaestus, nghề dệt của Athena, vương quyền của thần Zeus trên các thần và loài người, tất cả đều do Tình yêu, là thần sáng tạo ra mọi sự. Tình yêu đặt trật tự cho vương quốc của các thần - tình yêu cái đẹp, vì không có tình yêu cái xấu. Và như tôi đã nói ở trên, trước kia các hành vi ghê tởm đã được thực hiện giữa các thần, vì khi ấy chỉ có sự ngự trị của nhu cầu; nhưng bây giờ khi tình yêu đã sinh ra và từ tình yêu cái đẹp, đã phát sinh mọi điều tốt lành trên trời dưới đất. Vì vậy, anh Phaedrus, tôi cho rằng Thần Ái tình là đẹp nhất và tốt nhất nơi bản thân ngài, và là nguyên nhân của tất cả những gì đẹp nhất và tốt nhất nơi vạn vật. Và tôi muốn ca ngợi ngài bằng những vần thơ như sau:

"Ngài ban hòa bình xuống trái đất và làm cho sóng yên biển lặng, ngài làm dịu nỗi thống khổ của loài người và cho họ ngủ yên".

Ngài làm cho người ta tâm đầu ý hợp tại một bàn tiệc như bàn tiệc này, đổ đầy tình yêu vào lòng họ và dốc khỏi lòng họ mọi sự thù ghét. Tại các cuộc lễ tế, các bữa tiệc, các buổi khiêu vũ, ngài là chúa của chúng ta - ngài tạo sự dịu dàng và loại trừ thô lỗ, ban tình bạn và tha thứ oán thù, ngài là niềm vui của người tốt, sự kỳ diệu của người khôn ngoan, sự kinh ngạc của các thần; được thèm muốn bởi những người không có phần trong ngài và là phần quý giá cho những người có phần trong ngài; là cha mẹ của sự tế nhị, sang trọng, ước muốn, sâu sắc, dịu dàng, diễm lệ; quan tâm tới điều tốt, không màng điều xấu. Trong mọi lời nói, việc làm, ước muốn, nỗi sợ - ngài là người hoa tiêu, người trợ giúp, bảo vệ, cứu tinh; là vinh quang của các thần và loài người, là lãnh tụ tốt nhất và huy hoàng nhất; hết thảy mọi người hãy đi theo bước chân ngài,

ca lên bài thánh thi ngợi khen và hòa quyện vào với làn khí tốt tươi, mà Thần Ái tình thổi vào những tâm hồn của các thần và loài người. Anh Phaedrus, đó là bài ca ngợi tình yêu của tôi, hơi khôi hài một chút, nhưng cũng có tính nghiêm túc mà tôi đã cố gắng hết sức mình để dâng lên cho Thần Tình yêu.

Agathon vừa nói xong, mọi người đều vỗ tay vang dậy; ai nấy đều cho rằng chàng trai xinh đẹp này đã nói rất xứng đáng với bản thân anh ta và với Thần Tình yêu. Phần Socrates, ông nhìn sang Eryximachus và nói: Anh thấy không, con của Acumenus, tôi không phải là một nhà tiên tri sao? Tôi đã nói trước rằng Agathon sẽ nói một bài tuyệt hay và vì thế tôi sẽ phải lâm vào thế bí.

Eryximachus nói, tôi nghĩ ông đúng ở nửa đầu của lời tiên tri, nhưng ở nửa sau thì không đúng.

Thế nào, anh bạn, Socrates nói, sau một bài vô cùng súc tích và bay bướm như thế, thử hỏi tôi hay bất cứ ai khác có thể không bị bí sao? Tôi đặc biệt rất ấn tượng vì những lời kết tuyệt vời - ai từng nghe những lời như thế mà không phải thán phục? Khi tôi nghĩ lại khả năng vô cùng kém cỏi của mình, tôi đã sẵn sàng bỏ trốn vì xấu hổ, nếu như tôi có thể độn thổ. Bởi vì tôi nhớ đến ông Gorgias và ở cuối bài nói của Agathon tôi như nhận ra như nhà đại hùng biện Gorgias đang lắc đầu về phía tôi và làm tôi phải cứng họng, hay như Homer nói, làm tôi trở thành câm. Và rồi tôi nhận ra mình ngu xuẩn biết bao khi chấp nhận nói bài ca tụng tình yêu sau bài nói của anh và cũng tự hào rằng mình thành thạo trong vấn đề này, trong khi thực ra tôi chẳng biết ý nghĩa thực của từ "ca tụng", có vẻ như có nghĩa là tôn vinh, dù đúng hay sai; theo nghĩa ấy thì tôi không thể ca tụng bất cứ điều gì. Vì trong suy nghĩ đơn sơ của mình, tôi nghĩ rằng các đề tài ca ngợi tình yêu phải là các đề tài có thật; nó phải là nền tảng và là cơ sở để từ đó diễn giả chọn ra những cái tốt nhất và sắp xếp chúng theo trật tự tốt nhất. Và tôi đã cảm thấy tự hào và nghĩ rằng mình cũng có thể nói giỏi như những người khác, vì tôi biết bản chất của sự ca tụng đích thực là gì. Nhưng thực ra bây giờ tôi mới thấy rằng người ta muốn gán cho tình yêu bất cứ loại tính chất cao cả và vinh quang nào mà không cần biết chúng có thực sự có hay không, không cần quan tâm rằng chúng là thực hay giả; vì đề nghị lúc ban đầu xem ra không phải là các bạn phải ca ngợi tình yêu, mà chỉ là có vẻ ca ngợi tình yêu. Và các bạn dành cho thần tình yêu bất cứ hình thức ca ngợi nào có thể tưởng tượng ra được và nói rằng "ngài là tất cả

những cái đó", "nguyên nhân của tất cả những cái đó", để các bạn có thể mô tả ngài như là người đẹp nhất và tốt nhất trong tất cả mọi sự; và điều này chỉ thuyết phục được những người không để ý, chứ không thuyết phục được những ai biết ngài: và các bạn đã được nghe một bài ca tụng tình yêu cao cả và trịnh trọng. Nhưng vì tôi đã hiểu sai ý nghĩa của bài ca tụng khi tôi nói tôi chấp nhận phiên của mình, nên tôi phải xin xoá bỏ lời hứa của tôi, coi nó như một sự lỡ lời chứ không phải một lời hứa cố ý. Vậy tôi xin kiếu không nói bài của tôi nữa, vì đó không phải cách thức ca tụng mà tôi quen làm: thực thế, tôi không thể làm như vậy. Nhưng nếu các bạn muốn nghe sự thực về tình yêu, thì tôi sẵn sàng nói theo cách của tôi, mặc dù tôi không muốn biến mình thành trò cười nếu tôi muốn sánh mình với các bạn. Vậy, anh Phaedrus, anh hãy nói xem anh muốn nghe nói sự thật về tình yêu, được nói lên bằng bất cứ lời lẽ nào và theo bất kỳ thứ tự ý tưởng nào có thể chợt đến trong đầu tôi không? Anh có muốn như thế không?

Aristodemus kể rằng Phaedrus và mọi người bảo Socrates phải nói theo phiên của ông. Vậy, ông nói, trước tiên tôi xin phép hỏi anh Agathon một vài câu hỏi nữa, để tôi có thể lấy làm tiền đề cho bài luận đàm của tôi.

Tôi cho phép, Phaedrus nói: hãy nêu các cậu hỏi của ông. Và Socrates bắt đầu như sau: -

Trong bài nói tuyệt vời của anh, anh Agathon, tôi nghĩ anh có lý khi nói rằng anh mở đầu với bản tính của tình yêu rồi sau đó nói về các hoạt động của tình yêu - kiểu mở đầu như thế tôi rất tán thành. Và vì anh đã nói quá hay như thế về bản tính của tình yêu, nên tôi xin hỏi anh thêm một câu hỏi: - Yêu có phải là yêu một cái gì hay không? Ở đây tôi phải giải thích thêm: tôi không muốn anh nói rằng tình yêu là tình yêu của cha hay mẹ - trả lời như thế thì nực cười lắm; nhưng tôi muốn anh trả lời đúng cách, giống như nếu tôi hỏi người cha có phải là cha của một cái gì không? Và anh sẽ không khó khăn gì để trả lời, cha của đứa con trai hay con gái: phải trả lời đúng như thế.

Rất đúng, Agathon nói.

Và về một người mẹ cũng thế chứ?

Anh đồng ý.

Vậy tôi xin hỏi anh thêm một câu nữa để làm sáng tỏ ý của tôi. Một người anh có phải cốt yếu là người anh của một cái gì không?

Chắc chắn rồi, anh đáp.

Nghĩa là của một người em, đúng không?

Đúng, anh nói.

Vậy, Socrates nói, tôi sẽ hỏi về tình yêu: - Tình yêu là yêu một cái gì hay không?

Chắc chắn là yêu một cái gì, anh đáp.

Anh hãy nhớ lấy câu này và trả lời điều tôi muốn biết - tình yêu có muốn cái mà nó yêu không?

Chắc chắn.

Và nó có hay không có cái mà nó yêu hay muốn không?

Có lẽ là không có.

Vậy, Socrates nói, tôi xin anh nghĩ kỹ xem có phải trả lời bằng chữ "tất nhiên" mới đúng không? Theo tôi hiểu thì ai muốn một cái gì thì có nghĩa là họ đang thiếu nó và ai không muốn cái gì cả thì có nghĩa là họ không thiếu cái gì cả, anh Agathon, anh có thấy điều đó là tất yếu và tuyệt đối đúng không?

Tôi nhất trí với ông, Agathon nói.

Tốt lắm. Và ai vĩ đại thì muốn trở nên vĩ đại, hay ai khỏe thì muốn trở nên khỏe, đúng không.

Không được, như thế là mâu thuẫn với điều chúng ta vừa nhìn nhận.

Đúng thế. Vì ai là một cái gì đó thì không thể muốn cái mà mình đang là, đúng không?

Rất đúng.

Nhưng, Socrates nói, nếu một người đang khỏe muốn trở thành khỏe, hay đang nhanh muốn trở thành nhanh, v.v..., (vì bất cứ ai cũng có thể tưởng tượng ra mình muốn cái mình đang có rồi), trong các trường hợp như thế có thể nêu lên vấn nạn - có thể nói là họ muốn cái họ đã có. Tôi nêu lên các ví dụ này để chúng ta tránh hiểu sai. Vì, anh Agathon, như anh có thể thấy, những người này hẳn phải đã có các lợi điểm của họ vào lúc ấy, dù họ muốn hay không; và chắc chắn không ai có thể muốn cái mà mình đã có. Và vì thế, khi một người nói, tôi khỏe mạnh và muốn khỏe mạnh, hay tôi giàu và muốn giàu hoặc tôi chỉ muốn điều tôi đang có; chúng ta sẽ trả lời người ấy: "Này anh bạn, anh đang khỏe mạnh và muốn tiếp tục khỏe mạnh; vì vào lúc này, dù muốn hay không, anh cũng đã khỏe mạnh rồi. Và khi anh nói, tôi muốn cái tôi đang có và không muốn gì hơn, ý của anh có phải là anh muốn có trong tương lai cái mà bây giờ anh đang có không?" Anh ta phải chấp nhận chứ?

Hẳn rồi, Agathon nói.

Vậy, Socrates nói, điều này cũng đồng nghĩa với việc không ước muốn cái mình đã có, nhưng muốn rằng cái mà mình đang có được giữ lại cho mình trong tương lai, đúng không?

Rất đúng, anh nói.

Vậy người ấy và bất cứ ai muốn cái gì, thì họ muốn cái họ hiện

chưa có, nhưng còn đang ở trong tương lai và cái mà họ không có thì là chính cái mà họ thiếu; - đó là những thứ mà họ thích và muốn tìm kiếm, đúng không?

Rất đúng, anh nói.

Vậy, Socrates nói, chúng ta tóm tắt lý luận như sau. Thứ nhất, yêu có phải là yêu một cái gì đó và là cái còn đang thiếu đối với một người không?

Đúng, anh đáp.

Cần nhớ thêm điều anh đã nói trong bài của anh, hay nếu anh không nhớ thì tôi nhắc lại cho anh nhớ: anh nói rằng tình yêu cái đẹp là đặc tính của vương quốc các thần, vì ở vương quốc những cái gì xấu xí thì không có tình yêu - anh có nói đại khái như vậy không?

Vâng, Agathon đáp.

Vậy, anh bạn, nhận xét đó của anh rất đúng. Và nếu đúng, thì yêu là yêu cái đẹp chứ không yêu cái xấu?

Anh đồng ý.

Và chúng ta cũng đã nhìn nhận rằng yêu là yêu cái mình thiếu và không có?

Đúng, anh đáp.

Vậy tình yêu thiếu và không có cái đẹp?

Chắc chắn, anh đáp.

Và anh có gọi cái đẹp mà còn thiếu và không có là cái đẹp được không?

Hẳn là không.

Nhưng anh vẫn nói tình yêu là đẹp?

Agathon đáp: tôi e rằng tôi đã không hiểu thấu điều mình nói.

Thôi được, Agathon, Socrates đáp; nhưng tôi muốn hỏi anh thêm một câu nữa: - phải chăng cái tốt cũng là cái đẹp?

Đúng.

Vậy khi thiếu cái đẹp, tình yêu cũng thiếu cái tốt?

Tôi không thể bác bỏ lý luận của ông, Socrates, Agathon nói. vậy chúng ta cứ cho rằng những điều ông nói là đúng đi.

Đúng hơn, anh Agathon, anh phải nói rằng anh không thể bác bỏ sự thật; còn chuyện bác bỏ Socrates thì dễ lắm.

Tôi hỏi anh như thế đủ rồi, bây giờ tôi sẽ nhắc lại câu truyện về tình yêu mà xưa kia tôi đã được nghe Diotima người Mantineia kể lại; bà là một phụ nữ thông thái trong lãnh vực này và nhiều ngành tri thức khác nữa. Cũng chính bà là người đã làm cho các thần không giáng xuống một nạn dịch ở Athens mười năm trước nhờ một lễ tế và là người dạy tôi về nghệ thuật yêu. Trong bài sắp sửa nói, tôi sẽ cố gắng đi theo phương pháp của Agathon và mở đầu bằng các tiền đề của anh, gần giống với những tiền đề tôi đã nhìn nhận với người phụ nữ khôn ngoan ấy khi bà đặt

cho tôi các câu hỏi: đây sẽ là cách dễ nhất và tôi sẽ đóng cả hai vai nếu có thể. Bởi vì, giống như Agathon, trước tiên bà nói về sự tồn tại và bản chất của tình yêu, rồi nói đến các hoạt động của tình yêu. Và tôi nói với bà cùng những lời mà anh ấy đã nói với tôi, đó là tình yêu là một vị thần hùng mạnh và xinh đẹp; và bà đã chứng minh cho tôi giống như tôi đã chứng minh cho anh ấy rằng, trong cách tôi nói về tình yêu, nó không đẹp cũng không tốt. "Ý bà muốn nói gì, bà Diotima", tôi hỏi, "vậy tình yêu là xấu xa bẩn thỉu sao?" "Ủa", bà kêu lên, "cái gì không đẹp thì được coi là xấu ư?" "Chắc chắn rồi", tôi đáp. "Và cái gì không khôn thì là ngu dốt ư? Anh không thấy rằng giữa khôn ngoan và ngu dốt có một cái ở giữa sao?" "Vậy nó là cái gì?" tôi hỏi. "Ý kiến đúng", bà đáp; "Bởi vì, như anh biết, cái gì không thể cắt nghĩa lý do thì không phải là tri thức (vì làm sao tri thức có thể vô lý được? Hay cũng không phải là ngu dốt, vì ngu dốt cũng không thể đạt được sự thật), nhưng rõ ràng nó là một cái gì ở giữa ngu dốt và khôn ngoan". "Đúng đấy", tôi đáp. "Vậy", bà nói, "Ta có thể nào nói được rằng cái gì không đẹp thì nhất định phải là xấu, hay cái gì không tốt thì nhất định phải là xấu; hay suy ra rằng vì tình yêu không đẹp và không tốt, nên nó là xấu xa bẩn thỉu; vì tình yêu là một cái gì ở giữa hai cái ấy". "Đúng", tôi nói, "chắc chắn mọi người đều cho rằng tình yêu là một thần vĩ đại". "Những người biết nó hay không biết nó?", "Mọi người". "Vậy thì", bà mỉm cười, "Socrates, làm thế nào tình yêu có thể được nhìn nhận là một vị thần vĩ đại bởi những người nói rằng nó hoàn toàn không phải là một vị thần?". "Họ là những ai?", tôi hỏi. "Ông và tôi là hai trong số họ", bà đáp. "Làm sao được?" tôi nói. "Rất dễ hiểu", bà đáp; "Vì ông hẳn nhìn nhận rằng các thần hạnh phúc và đẹp - tất nhiên ông nhìn nhận như thế - vậy thì ông có dám nói rằng thần nào cũng tốt không?". "Chắc chắn là không", tôi đáp. "Và ông gọi là hạnh phúc những người có những điều tốt và đẹp phải không?". "Vâng". "Và ông nhìn nhận rằng, vì nó thiếu, nên nó muốn những điều tốt và đẹp mà nó thiếu?". "Vâng, tôi nhìn nhận điều này". "Nhưng làm sao ngài có thể là một thần mà lại không dự phần vào cái tốt và cái đẹp?". Không thể nói như vậy được". "Vậy ông thấy rằng tình yêu không phải là một thần".

"Vậy tình yêu là gì?" Tôi hỏi; "Nó có chết không?". "Không". "Vậy nó là gì?". "Giống như trong trường hợp trước, nó không chết cũng không bất tử, nhưng nó ở giữa hai cái ấy". "Vậy nó là gì, Diotima?" "Nó là một thứ linh khí (*daimon*), vĩ đại và giống như mọi thứ khí,

nó là cái ở giữa thần linh và loài phàm". "Vậy bản chất của sức mạnh linh khí này là gì?", tôi hỏi. Bà đáp, "Đây là sức mạnh giúp giải thích và chuyển lên các thần những lời cầu nguyện cũng như những lễ tế của loài người, và chuyển đạt lại cho loài người những lệnh truyền và phần thưởng của các thần; và sức mạnh này vượt qua vực thẳm ngăn cách chúng và về phương diện này mọi sự được liên kết với nhau, và nhờ nó mà các nghệ thuật của các tiên tri và các tư tế, các lễ tế, mầu nhiệm cũng như các phép mầu và mọi lời tiên tri, thần chú tìm được ý nghĩa của chúng. Vì Thần không sống chung với con người; nhưng nhờ năng lực này mà mọi giao tiếp và mọi cuộc trò chuyện của Thần với con người được thực hiện, dù là lúc thức hay ngủ. Sự khôn ngoan hiểu được điều này thì gọi là linh khí; còn mọi thứ khôn ngoan khác, như sự khôn ngoan của các nghề thủ công, đều tầm thường và nhỏ mọn. Vậy có nhiều loại linh khí hay năng lực thần linh ở giữa này, một trong số đó là tình yêu". Tôi nói, "Vậy ai là cha, ai là mẹ của nó?" Bà đáp, "Câu chuyện này dài dòng lắm; tuy nhiên tôi sẽ kể cho ông. Vào ngày thần Aphrodite sinh ra, có một lễ hội các thần, trong lễ hội này thần Poros hay Dư dật, con trai của thần Metis hay Thận trọng, là một trong số khách mời. Khi lễ hội kết thúc, thần Penia hay Nghèo khó đến trước cửa thiên đình ăn xin. Thần Dư dật, lúc đó đã say mèm vì mật ong (thời ấy không có rượu nho) vào trong vườn thượng uyển của thần Zeus và lăn ra ngủ li bì; và Thần Nghèo khó nghĩ đến hoàn cảnh ngặt nghèo của mình, nên đã âm mưu muốn chiếm Thần Dư dật làm chồng, nàng đến nằm cạnh thần Dư dật và thụ thai Thần Tình yêu. Thần Tình yêu này một phần vì là người yêu cái đẹp và bản thân Aphrodite cũng rất đẹp, một phần cũng vì chàng được sinh ra đúng ngày sinh nhật của Aphrodite, nên chàng được theo hầu Aphrodite. Và cha mẹ của Thần Tình yêu là thế nào, thì số phận của Thần Tình yêu cũng vậy. Trước hết, chàng luôn luôn nghèo, có đủ mọi tính chất trừ sự dịu dàng và xinh đẹp, không giống như nhiều người tưởng; và chàng có dáng thô kệch và bẩn thỉu, không có giày để đi, cũng không có nhà để ở; chàng nằm bệt dưới đất ngay giữa trời, trên các đường phố, hay trước các cửa nhà để nghỉ; và giống như mẹ chàng, chàng luôn luôn buồn khổ. Giống như cha chàng, chàng luôn luôn âm mưu chống lại cái tốt và cái đẹp; chàng táo bạo, xông xáo, mạnh mẽ, có tài săn đuổi đàn ông, luôn luôn cãi vã với người này hay người khác, giỏi giang trong việc tìm kiếm khôn ngoan và không bao giờ thiếu nguồn lực; luôn luôn là một triết gia, ghê gớm như một phù thủy, một nhà Nguỵ biện; vì chàng

không phải chết cũng không bất tử, nên chàng sống động, phát triển lúc chàng dư dật và chết lúc túng thiếu, rồi lại sống vì bản tính của cha chàng. Nhưng cái gì luôn luôn chảy vào thì cũng luôn luôn đổ ra, và vì thế chàng không bao giờ túng thiếu và không bao giờ giàu có, và chàng cũng ở giữa ngu dốt và thông thái. Chân lý của vấn đề này chính là điều này: không một thần nào là nhà triết học hay là người tìm kiếm khôn ngoan, vì họ đã là sự khôn ngoan rồi; hay cũng không ai khác đã khôn ngoan mà còn đi tìm khôn ngoan. Bởi vì đây chính là cái xấu của sự ngu dốt, đó là người nào không tốt cũng không khôn ngoan thì lại cảm thấy mãn nguyện: họ không thấy thiếu cái gì và vì thế không có ước muốn gì". "Nhưng, thưa bà Diotima, vậy ai là những người yêu mến khôn ngoan, nếu họ không phải người khôn cũng không phải người dốt?" "Một đứa trẻ cũng có thể trả lời câu hỏi này", bà đáp; "Đó là những người, giống như tình yêu, ở giữa hai cái. Vì khôn ngoan là điều đẹp đẽ nhất và tình yêu là yêu cái đẹp; và vì thế tình yêu cũng là một triết gia hay một người yêu khôn ngoan và người yêu khôn ngoan là người ở giữa người khôn và người ngu. Và đây cũng là một đức tính nữa mà Tình yêu thừa hưởng từ cha mẹ chàng; vì cha chàng giàu có và khôn ngoan, còn mẹ chàng nghèo khó và dốt nát. Ông bạn Socrates của tôi, đó chính là bản chất của Thần Tình yêu. Quan niệm sai lầm của ông về Thần Tình yêu là điều rất tự nhiên và qua những gì ông nói, tôi hiểu rằng quan niệm sai lầm đó phát xuất từ sự lẫn lộn giữa tình yêu và cái được yêu - sự lẫn lộn ấy khiến ông tưởng rằng tình yêu hoàn toàn là xinh đẹp. Vì cái được yêu thì thực sự xinh đẹp, tế nhị, hoàn hảo và hạnh phúc; nhưng nguyên lý tình yêu lại có một bản chất khác và là bản chất như tôi vừa mô tả cho ông".

Tôi nói: "Bà lạ kia, bà nói hay quá; vậy giả sử tình yêu là như bà nói, thì nó có công dụng gì?" "Socrates, điều đó tôi sẽ cắt nghĩa cho ông: tôi đã nói về bản tính và gốc gác lai lịch của tình yêu; và ông đã nhận rằng tình yêu là yêu cái đẹp. Nhưng có người sẽ nói: Yêu cái đẹp trong cái gì, Socrates và Diotima - hay để tôi đặt câu hỏi rõ hơn: Khi một người yêu cái đẹp, ông yêu cái gì?" Tôi đáp: "Người ấy muốn cái đẹp thuộc về người ấy". "Nhưng", bà nói, "Có được cái đẹp là có cái gì?" Tôi đáp: "Câu hỏi này tôi chưa có sẵn câu trả lời". "Vậy", bà nói, "Để tôi lấy từ "tốt" thay cho từ "đẹp" và lặp lại câu hỏi: Người yêu cái tốt thì muốn cái gì?". "Chiếm hữu cái tốt", tôi đáp. "Và người có cái tốt thì được cái gì?". "Hạnh phúc", tôi đáp; "Không khó gì để trả lời câu hỏi này". "Đúng", bà nói, "Người hạnh

phúc được hạnh phúc là nhờ có những điều tốt. Và cũng không cần hỏi thêm rằng tại sao người ta muốn có hạnh phúc; câu trả lời trên đã là cuối cùng rồi". "Đúng thế", tôi nói. "Và ước muốn này có phải ai ai cũng có không? Và có phải ai ai cũng luôn luôn muốn điều tốt cho mình, hay chỉ có một số người thôi? - ông nghĩ sao?" "Mọi người đều có ước muốn này", tôi đáp. "Nhưng, ông Socrates", bà nói tiếp, "không phải mọi người đều yêu, mà chỉ có một số; và ông nói mọi người đều yêu cùng một thứ". "Bản thân tôi cũng ngạc nhiên tại sao lại như thế", tôi đáp. "Không có gì phải ngạc nhiên", bà trả lời; "Lý do là một phần tình yêu bị tách rời và lấy tên của toàn thể, nhưng các phần khác lại có các tên gọi khác". "Thử cho một ví dụ", tôi nói. Bà trả lời tôi như sau: "Có thi ca, mà như ông biết, nó phức tạp và đa dạng. Và mọi sự tạo dựng hay chuyển từ vô thể sang hữu thể đều là thi ca và các qui trình của mọi nghệ thuật đều là sáng tạo; và tất cả các bậc thầy của các nghệ thuật đều là các thi sĩ". "Rất đúng". "Nhưng", bà nói, "Ông biết họ không được gọi là các thi sĩ, nhưng có các tên gọi khác; từ tổng quát "thi ca" được dành riêng cho lãnh vực nghệ thuật chuyên biệt được tách riêng khỏi mọi phần khác của thi ca và liên quan tới âm nhạc và tiết tấu; và nó chính là cái được gọi là thi ca, và những ai có loại thi ca này thì được gọi là thi sĩ". "Rất đúng", tôi nói. "Về tình yêu cũng đúng y như vậy. Vì ông có thể nói một cách chung chung rằng mọi ước muốn điều tốt lành và hạnh phúc đều là do sức mạnh tinh tế và cao cả của tình yêu; nhưng những ai có khuynh hướng tình cảm về nó, nhưng quay sang những con đường làm giàu hay vận động thể thao, thì đều không được gọi là những người yêu - tên gọi của sức mạnh thần kỳ này được dành riêng cho những ai chỉ theo đuổi một dạng tình yêu - chỉ có họ mới được gọi là biết yêu và là những người yêu". "Về điểm này", tôi nói, "tôi nghĩ bà có lý". "Đúng", bà nói, "Và anh thường nghe người ta nói rằng những kẻ yêu nhau thì tìm kiếm nửa còn lại của họ; nhưng tôi cho rằng họ không tìm kiếm nửa kia, cũng chẳng tìm kiếm toàn thể, trừ khi nửa kia hay toàn thể cũng là cái tốt. Và họ sẵn sàng cắt bỏ tay chân của họ mà vứt đi nếu chúng là xấu; vì họ yêu chúng không phải vì chúng là của họ, nhưng vì chúng tốt và họ ghét chúng không phải vì chúng là của người khác, nhưng vì chúng xấu. Người ta chỉ yêu cái gì tốt. Ông có nghĩ người ta có thể yêu cái gì khác không?" "Tôi nghĩ là không", tôi đáp. "Vậy", bà nói, "Chúng ta có thể kết luận rằng người ta yêu cái tốt". "Vâng", tôi nói. "Và ta có thể thêm rằng họ yêu việc chiếm hữu cái tốt không?". "Vâng, chúng ta

có thể thêm điều này". "Và không chỉ yêu việc chiếm hữu cái tốt, mà còn là chiếm hữu nó mãi mãi?". "Cũng có thể thêm câu đó". "Vậy", bà nói, "Tình yêu có thể mô tả chung chung là yêu được chiếm hữu cái tốt mãi mãi, đúng không?" "Rất đúng", tôi nói.

Anh Phaedrus, đó là những lời Diotima đã nói với tôi; điều này tôi kể ra không chỉ cho riêng anh mà cho mọi người; và tôi tin đó đúng là sự thật. Và vì tin chúng là thật, nên tôi cố gắng thuyết phục những người khác rằng trong việc đạt mục đích này, bản tính con người không dễ dàng tìm được một sự trợ giúp nào tốt hơn là tình yêu. Và vì vậy, tôi cũng nói rằng mọi người phải trân trọng tình yêu như tôi trân trọng nó, và luôn luôn đi trên con đường tình yêu và khích lệ người khác cũng làm như thế.

Những lời tôi vừa nói, anh Phaedrus, anh có thể gọi nó là một bài tán tụng tình yêu, hay có thể gọi bằng bất cứ từ nào anh thích.

Sau khi Socrates nói xong, mọi người đều vỗ tay tán thưởng và Aristophanes đang định nói một điều gì đó để trả lời cho ám chỉ của Socrates về bài của mình, thì bỗng nhiên có tiếng đập cửa rất to, giống như của những người say rượu và tiếng của một cô gái thổi sáo. Agathon bảo gia nhân ra xem ai đang xông vào nhà. "Nếu họ là bạn chúng ta", anh nói, "hãy mời họ vào nhà, còn không thì hãy bảo họ tiệc đã xong rồi". Một lát sau họ nghe có tiếng Alcibiades vang lên ngoài sân; anh đang trong tình trạng say khướt và la hét inh ỏi "Agathon đâu rồi? Đưa tôi vào gặp Agathon", và sau cùng, nhờ sự giúp đỡ của cô gái thổi sáo và một vài người khác, anh cũng đã tìm được lối vào. "Chào các bạn", anh nói khi vừa xuất hiện ở cửa, đầu đội một vòng hoa rất lớn và những dải vải màu mè thòng xuống. "Các anh có cho phép một người say khướt vào làm bạn vui với các anh không? Nếu không, tôi chỉ đến đeo vòng hoa cho Agathon rồi đi về? Vì hôm qua tôi không đến được, vì vậy hôm nay tôi mới đến, mang theo những vòng hoa và những dải vải màu để đội lên đầu chàng trai xinh đẹp, khôn ngoan nhất giữa loài người, nếu tôi được phép gọi anh ấy như thế. Các anh sẽ cười và cho rằng tôi say xỉn phải không? Nhưng tôi biết rất rõ tôi đang nói sự thật, cho dù các anh có thể cười. Nhưng trước tiên hãy cho tôi biết tôi có vào được không nếu tôi say khướt như thế này? Các anh có chịu uống tiếp với tôi không nào?"

Mọi người hăng hái nài nỉ anh nhập bọn và đặc biệt Agathon mời anh vào. Những người đứng gần đưa anh vào; và vừa vào anh vừa gỡ vòng hoa và các dải vải trên đầu xuống, có ý đem đến đội lên đầu Agathon và giơ nó lên cao

ngang tầm mắt mình; vì vậy anh không nhìn thấy Socrates lúc ấy đã tránh đường cho anh và Alcibiades đến ngồi ngay ở giữa Agathon và Socrates; và đến chỗ rồi, anh ôm hôn Agathon và đội vòng hoa cho anh ấy. Cởi giày ra cho anh ấy, Agathon nói và cho anh ấy làm người thứ ba ngồi chung băng ghế này.

Được thôi, nhưng ai là người thứ ba? Alcibiades hỏi và quay đầu lại thì nhìn thấy Socrates. Trời ơi, anh nói, chuyện quái quỷ gì thế này? Socrates đã có mặt ở đây đợi tôi từ bao giờ rồi mà tôi không biết? Nhưng ông Socrates, ông phải nói cho tôi, tại sao ông lại không tìm cách ngồi cạnh một giáo sư hay một tay thích đùa như Aristophanes, mà lại ngồi cạnh người xinh đẹp nhất trong bọn vậy?

Socrates quay sang Agathon và nói: tôi phải xin anh bênh đỡ tôi, anh Agathon; chuyện này nghiêm trọng đấy. Kể từ khi tôi trở thành người hâm mộ anh ấy, tôi chưa từng bao giờ được phép nói chuyện với một người đẹp nào khác, thậm chí cũng không được nhìn họ. Nếu tôi làm chuyện ấy, chắc chắn anh ta sẽ phát ghen đến điên lên được và không chỉ đánh tôi, mà còn không chịu buông tôi ra nữa. Xin anh dàn xếp cho tôi chuyện này, hoặc hòa giải tôi với anh ấy, hay nếu anh ấy thô bạo với tôi, anh phải bảo vệ tôi, vì tôi rất sợ cơn điên của anh ấy.

Không bao giờ có chuyện hòa giải giữa ông và tôi, Alcibiades nói; nhưng tạm thời tôi sẽ tha phạt cho ông. Và tôi phải xin anh Agathon đưa lại tôi ít dải băng để tôi đội lên cái đầu thần kỳ của nhà độc tài hoàn vũ này - để tôi không bị ông ấy phàn nàn là đã đội vòng hoa cho anh mà lại quên ông ấy, một người chinh phục được cả loài người bằng câu truyện của mình. Sau khi đã đeo dải băng cho Socrates, anh lại ngả mình xuống ghế và nói: Các bạn, hình như các bạn không uống gì cả phải không? Các bạn nhất định phải uống - tôi đã giao hẹn trước với các bạn rồi mà - và tôi tự bầu mình làm chủ xị cho tới khi các bạn uống thật say. Anh Agathon, lấy cho tôi một cái ly cối, hay tốt hơn, anh quay sang người phục vụ, đem cho tôi cái hũ rượu. Anh vừa chợt thấy cái hũ rất to, chứa được khoảng hơn hai lít, anh đổ đầy rượu và nốc cạn, rồi bảo người phục vụ đổ đầy cho Socrates. Các bạn sẽ thấy, Alcibiades nói, ngần này "chẳng si-nhê" gì đối với Socrates, vì ông ấy uống bao nhiêu cũng không biết say. Socrates uống cạn hũ rượu mà người phục vụ đưa cho ông.

Eryximachus nói: Anh định làm gì vậy, Alcibiades? Không lẽ chúng ta chỉ ngồi nốc rượu như thể đang chết khát sao?

Alcibiades đáp: Kính chào con trai của bậc thông thái và đáng kính.

Chào anh, Eryximachus nói; nhưng chúng ta làm gì bây giờ?

Chuyện đó để tùy anh quyết định, Alcibiades nói.

"Thầy thuốc giỏi sẽ chữa lành vết thương của chúng ta"

Anh sẽ kê toa và chúng tôi sẽ vâng theo. Anh muốn thế nào?

Được, Eryximachus nói: Trước khi anh đến, chúng tôi đã thỏa thuận với nhau rằng mỗi người sẽ luân phiên nói một bài ca tụng tình yêu và phải nói hay tối đa; và vì bây giờ tất cả chúng tôi đã nói hết rồi, chỉ còn mình anh chưa nói, anh lại đang say, vì thế anh phải nói, sau đó anh có thể bắt Socrates làm bất cứ điều gì anh thích, rồi đến lượt ông ấy bắt người bên phải ông ấy và cứ thế tiếp theo.

Thế thì tốt, Eryximachus, Alcibiades nói; nhưng so sánh bài nói của một người say với bài của người tỉnh thì không công bằng lắm; anh bạn yêu quí, tôi muốn biết anh có thực sự tin những gì Socrates vừa nói không? Vì tôi có thể bảo đảm với anh rằng sự thật thì ngược lại và nếu trước mặt ông ấy mà tôi khen ngợi ai khác ngoài ông ấy ra, dù là thần hay người phàm, thì ông ấy sẽ không tha cho tôi đâu.

Đáng xấu hổ, Socrates nói.

Thề có thần Poseidon, Alcibiades nói, ông có chối cũng vô ích, vì tôi sẽ không ca tụng bất cứ ai khác trước mặt ông.

Vậy, Eryximachus nói, anh bắt đầu nói đi và nếu thích, anh hãy ca ngợi Socrates.

Anh nghĩ thế nào, Eryximachus? Alcibiades nói; tôi sẽ tấn công và trừng phạt ông ấy trước mặt các anh được chứ?

Anh đang nói gì vậy? Socrates nói; anh muốn đưa tôi ra làm trò dùa sao? Có phải đó là cách anh ca ngợi tôi không?

Tôi sẽ nói sự thật, nếu ông cho phép.

Không những cho phép, tôi còn khuyến khích anh nói sự thật.

Vậy tôi xin bắt đầu ngay, Alcibiades nói và nếu tôi nói điều gì không đúng sự thật, ông có thể cắt lời tôi và bảo rằng tôi nói sai, mặc dù ý tôi là nói sự thật. Nhưng ông không nên ngạc nhiên nếu tôi nói bất cứ điều gì chợt đến trong đầu tôi; bởi vì sự lưu loát và trật tự của mọi đức tính của ông thì một người như tôi không bao giờ có thể theo kịp.

Tôi sẽ ca ngợi Socrates bằng một hình ảnh mà ông có thể coi là một biếm hoạ, nhưng thực tình tôi không có ý cười ông, mà chỉ nói sự thật. Vậy tôi nói rằng ông ấy giống hệt những mặt nạ của Silenus, mà chúng ta có thể gặp tại các tiệm bán tượng, trong miệng chúng có các ống điếu và

ống sáo; các mặt nạ này được mở ở phía giữa, để lộ ra các hình của các thần bên trong. Tôi cũng nói ông ấy giống với thần rừng Marsyas. Ông Socrates, ông không phủ nhận chứ, mặt ông trông giống mặt thần rừng lắm. Nhưng còn có những điểm giống khác nữa. Ví dụ, ông là người hay bắt nạt người khác - nếu không nhận, tôi có thể đưa ra bằng chứng. Và ông không phải một người thổi sáo ư? Ông là như thế đấy và còn hơn hẳn thần rừng Marsyas nữa. Vì thật vậy, với cây sáo của mình, vị thần này làm mê hoặc tâm hồn người ta bằng sức của hơi thở, giống như những người chơi nhạc của thần vẫn đang làm: vì các giai điệu ở Olympus là do thần Marsyas dạy cho và dù chúng được chơi bởi một nghệ sĩ bậc thầy hay một cô gái thổi sáo tầm thường, chúng cũng có một sức mạnh mà không một người nào khác có được. Nhưng Socrates, ông cũng tạo ra một sức mạnh giống như thế mà chỉ cần dùng giọng nói của ông, chứ không cần dùng đến cây sáo; đó là sự khác biệt giữa ông và thần Marsyas. Mỗi khi nghe người khác nói, dù là người ăn nói giỏi, các lời của họ không hề có tác dụng gì đối với chúng tôi, trong khi từng lời từng lời của ông, dù chúng tôi chỉ được nghe người khác kể lại, chúng cũng làm kinh ngạc và xâm chiếm tâm hồn của bất cứ ai, đàn ông, đàn bà, trẻ con khi họ được nghe những lời ấy. Tôi đã từng được nghe Pericles và những nhà hùng biện tên tuổi khác, mặc dù tôi thấy họ nói rất hay, nhưng tôi chưa từng có ấn tượng nào mạnh bằng khi được nghe ông nói. Những lời của các nhà hùng biện ấy không bao giờ lay động tâm hồn tôi và tôi cũng không cảm thấy tức giận khi nghĩ đến tình trạng đê tiện của chính mình. Nhưng ông thần rừng Marsyas này thường đã kích động tâm hồn tôi, khiến tôi cảm thấy hầu như không thể chịu đựng nổi nếp sống tôi đang sống hiện nay (điều này chính ông, Socrates, ông cũng nhìn nhận); và tôi biết rằng nếu tôi không bịt tai trước lời ông và chạy trốn tiếng gọi quyến rũ của mỹ nhân ngư, hẳn là ông sẽ giữ tôi lại cho tới khi tôi phải quì xuống dưới chân ông. Vì ông làm tôi thú nhận rằng tôi không được sống theo cách tôi đang sống, sao lãng những nhu cầu của tâm hồn tôi và chỉ bận tâm tới những công việc của dân Athens; vì vậy tôi đã bịt tai và chạy trốn khỏi ông. Và ông là người duy nhất làm tôi thấy xấu hổ, vốn không phải là bản tính tự nhiên của tôi và không một ai khác đã làm cho tôi giống như thế. Vì tôi biết tôi không thể nào trả lời ông hay nói rằng tôi không được làm như ông bảo, nhưng khi tôi rời khỏi ông, thì tiếng gọi của danh vọng lại lấn át tôi. Và vì thế tôi chạy trốn ông và khi tôi gặp ông, tôi cảm thấy xấu hổ vì những gì tôi đã

thú nhận với ông. Và nhiều lần tôi ước gì ông ấy chết đi cho rồi, nhưng tôi vẫn biết rằng nếu ông ấy chết, tôi sẽ buồn hơn là vui: vì thế tôi điên lên không biết phải tính như thế nào.

Đây chính là những gì mà tôi và nhiều người khác phải chịu vì tiếng sáo của ông thần rừng này. Nhưng một lần nữa hãy nghe tôi giải thích chính xác hình ảnh tôi vừa mô tả và để xem ông có sức mạnh ghê gớm như thế nào. Bởi vì tôi chắc chắn rằng không ai trong các bạn biết rõ ông; nhưng tôi biết rõ ông và sẽ tả về ông, như tôi đã bắt đầu lúc nãy. Các bạn có biết ông thích cái đẹp thế nào không? Lúc nào ông cũng nghĩ đến cái đẹp và bị xâu xé bởi cái đẹp, thế rồi ông lại chẳng biết gì cả và mù tịt về mọi sự - đó là cái mặt nạ mà ông đã đeo vào. Ông không giống mặt nạ của Silenus sao? Đúng, chắc chắn: nghĩa là mặt nạ bên ngoài của ông thì vẽ hình đầu của Silenus; nhưng mở ra bên trong là sự tiết độ của ông đấy, hỡi các bạn rượu của tôi. Các bạn nên biết rằng sắc đẹp, tiền tài và danh vọng chẳng có tác động gì đối với ông, ngược lại chúng bị ông khinh bỉ: nhưng khi mở lòng ông ra và nghiêm túc nhìn vào bên trong, tôi thấy những hình ảnh thần linh với cái đẹp vô cùng rực rỡ của chúng khiến tôi có thể làm bất cứ điều gì Socrates bảo tôi làm. Vậy tôi nghĩ ông thật sự say mê sắc đẹp của tôi và đây xem ra là cơ hội rất tốt để tôi được nghe ông nói về những điều ông biết, vì tôi đánh giá rất cao những nét hấp dẫn trong tuổi trẻ của tôi. Để thực hiện ý định của mình, lần sau khi gặp ông, tôi đã đuổi người giúp việc vẫn theo hầu tôi đi chỗ khác (tôi sẽ thú nhận tất cả sự thật và xin các bạn lắng nghe; và nếu tôi nói sai, xin ông Socrates cứ thẳng thắn nói ra). Tốt. Vậy ông ấy và tôi chỉ còn lại một mình với nhau và tôi nghĩ khi không có ai khác ngoài hai người chúng tôi, chắc là ông sẽ nói bằng thứ ngôn ngữ tình yêu của những đôi tình nhân và tôi cảm thấy rất thích thú. Nhưng không một lời nào cả; ông vẫn nói chuyện như mọi khi và ở cả ngày với tôi rồi ra về. Sau đó tôi hẹn ông tới phòng luyện võ; ông và tôi vật nhau mấy lần; tôi nghĩ bằng cách này tôi có thể thành công. Nhưng hoàn toàn không ăn thua. Cuối cùng, vì đã thất bại nhiều lần rồi, nên lần này tôi nghĩ mình phải dùng biện pháp mạnh hơn và tấn công ông một cách táo bạo, và sẽ không bỏ cuộc cho đến khi đạt được mục đích của mình. Thế là tôi mời ông đến nhà ăn tối, như thể ông là một chàng thanh niên đẹp trai và tôi là người tình. Rất khó thuyết phục được ông; tuy nhiên sau một chút đắn đo ông đã chấp nhận lời mời của tôi và khi ông đến lần đầu, vừa ăn xong là ông đã muốn về ngay lập tức, còn

tôi thì không dám nài ép ông ở lại. Lần thứ hai, vẫn theo đuổi ý định của mình, sau khi ăn tối xong, tôi cố kéo câu truyện cho tới khuya và khi ông muốn về, tôi lấy cớ là đã quá khuya rồi và khuyên ông nên ngủ lại. Vì thế ông ngả người ngay trên băng ghế chúng tôi vừa ngồi ăn, sát cạnh tôi và trong phòng không còn ai khác. Tất cả điều này có thể nói ra mà không ai phải xấu hổ. Nhưng những gì xảy ra sau đó thì tôi chỉ có thể kể ra khi đang say. Nhưng có câu tục ngữ nói, "Sự thật ở trong men rượu", và vì thế tôi phải nói ra. Hơn nữa, tôi cũng không có quyền che giấu những hành vi cao cả của Socrates khi tôi phải nói bài ca ngợi ông. Vậy xin mọi người lắng nghe và thứ lỗi cho những hành vi của tôi hôm ấy và những lời tôi nói bây giờ. Nhưng không nên để những câu truyện này lọt tai đám gia nhân và những người tọc mạch đang nghe lén ngoài cửa.

Khi đèn tắt rồi và các gia nhân đã đi ngủ, tôi nghĩ mình phải rõ ràng không cần úp mở gì nữa. Thế là tôi lắc nhẹ người ông và hỏi: "Socrates, ông ngủ à?". "Không", ông nói. "Ông có biết tôi đang đăm chiêu điều gì không?". "Điều gì vậy?", ông hỏi. Tôi đáp: "Tôi đang nghĩ rằng trong số tất cả những người yêu mà tôi đã từng gặp, ông là người duy nhất xứng đáng với tôi và có vẻ như ông ngại không dám nói ra. Bây giờ tôi cảm thấy mình sẽ là người ngu ngốc nếu từ chối ông điều này hay điều kia và vì vậy tôi đến đặt dưới chân ông tất cả những gì tôi và các bạn tôi có, hi vọng rằng ông sẽ giúp tôi trên con đường nhân đức, là điều mà tôi mong muốn hơn mọi điều khác và tôi tin rằng ông có thể giúp tôi tốt hơn bất cứ ai khác". Khi nghe tôi nói thế, ông nói một cách hóm hỉnh: "Anh bạn Alcibiades, anh quả có một mục tiêu cao siêu nếu như những lời anh nói là thật và nếu tôi thực sự có sức mạnh giúp anh nên tốt hơn; hẳn là anh đã nhìn thấy nơi tôi một vẻ đẹp quí hiếm và cao vời vô vàn so với vẻ đẹp tôi thấy nơi anh. Và nếu nhìn thấy điều ấy, anh muốn chia sẻ với tôi và đánh đổi cái đẹp lấy cái đẹp, hẳn là anh sẽ được lợi hơn tôi; anh sẽ được cái đẹp thật để đổi lấy cái đẹp mã - vàng đổi lấy đồng. Nhưng anh bạn yêu quí, anh hãy nhìn kỹ lại đi và xem mình có bị lầm không. Tinh thần bắt đầu nhìn thấy rất rõ khi mà mắt thịt không nhìn thấy, nhưng anh chưa đạt đến chỗ ấy". Nghe vậy, tôi nói: "Tôi đã nói với ông mục đích của tôi, rất nghiêm túc, mong ông nghĩ thế nào là tốt nhất cho ông và tôi". "Được rồi", ông nói, "hẹn lúc khác chúng ta sẽ xét xem và hành động sao cho tốt nhất về vấn đề này và các vấn đề khác". Nghe xong câu trả lời này, tôi nghĩ ông đã bị tác động, mũi tên tôi đã bắn trúng ông và không đợi gì hơn

nữa, tôi đứng dậy, lấy áo choàng của tôi quàng quanh người ông rồi tôi chui vào bên dưới chiếc áo khoác sứt chỉ của ông, vì hôm ấy đang mùa đông và tôi cứ nằm như thế suốt đêm, hai tay ghì chặt lấy bậc dị nhân này. Ông không chối chuyện này chứ, Socrates? Nhưng bất kể thế nào, ông vẫn thắng mọi lời nài nỉ của tôi, khinh thường và nhạo cười vẻ đẹp của tôi - mà thú thật tôi phải nói là mình cũng có sức quyến rũ - vậy xin hãy nghe đây, hỡi các quan toà; bởi vì các anh sẽ là những người xét xử về nhân đức siêu vời của Socrates - quả thật, đến sáng hôm sau (xin mọi thần thánh làm chứng) tôi thức dậy như vừa ra khỏi giường ngủ với một người cha hay một người anh của mình.

Các bạn nghĩ tôi đã có cảm giác như thế nào sau khi bị từ chối và cảm thấy nhục nhã như thế. Nhưng tôi không thể không thán phục đức tiết độ và tự chủ cũng như sự dũng cảm của ông. Không thể tưởng tượng nổi tôi đã gặp được một người có đầy sự khôn ngoan và chịu đựng như ông. Tôi cũng không thể tức giận với ông hay bỏ tình bạn của ông, càng không thể hi vọng chinh phục được ông. Vì tôi biết rõ ràng rằng nếu Ajax không thể bị tổn thương bởi gươm giáo, thì ông cũng không thể bị lay động bởi tiền bạc; và trong cơ hội có một không hai này, tôi đã thất bại không thể chinh phục ông. Tất cả chuyện này đã xảy ra trước khi ông và tôi cùng tham gia cuộc viễn chinh tới Potidaea; ở đó chúng tôi gặp nhau và tôi đã có dịp chứng kiến sức mạnh phi thường của ông, trong việc chịu đựng mệt mỏi và thiếu lương thực như thường xảy ra cho quân đội. Về khả năng chịu đựng, ông không chỉ hơn hẳn tôi mà hơn hẳn bất cứ ai; không ai có thể sánh được với ông. Nhưng ở một lễ hội, ông là người duy nhất có khả năng hưởng thụ thực sự và mặc dù không muốn uống rượu, nhưng nếu bị nài ép, ông có thể đánh bại bất cứ ai về khoản này và một điều kỳ diệu là không ai từng thấy Socrates say rượu bao giờ; điều này, nếu tôi không lầm, sẽ có thể được trắc nghiệm chỉ lát nữa thôi. Ông chịu đựng giá lạnh cũng tuyệt vời. Hồi ấy trời có giá lạnh, vì mùa đông trong vùng ấy thật kinh khủng và mọi người hoặc phải ở trong nhà, hoặc nếu có ra ngoài thì phải trang bị kín từ đầu đến chân: thế mà giữa cảnh giá lạnh băng như thế, Socrates đi chân không trên băng và trong bộ quần áo mong manh thường ngày, ông đi lại còn khỏe hơn mọi người lính khác có đi giày hẳn hoi và họ nhìn ông với bộ mặt căm tức vì ông ra vẻ khinh thường họ.

Tôi đã kể cho các bạn một câu truyện và bây giờ tôi phải kể một câu truyện khác nữa, rất đáng nghe, về các hành vi và sự chịu đựng của con người phi thường này

trong cuộc viễn chinh. Một sáng kia ông đang bận suy nghĩ về một chuyện gì đó mà không giải quyết được; và ông không chịu bỏ, nhưng tiếp tục suy nghĩ từ sáng sớm tới trưa - ông đứng trầm ngâm trong tư tưởng; và đến trưa người ta bắt đầu để ý đến ông và tiếng đồn trong dân chúng loan đi rằng Socrates đã đứng suy nghĩ về điều gì đó từ lúc rạng đông đến giờ. Cuối cùng, đến tối sau bữa ăn, một số người Ionia hiếu kỳ (tôi phải nói thêm đây đang là mùa hè chứ không phải mùa đông), họ đem chiếu đến ngủ ngoài trời để có thể xem ông có đứng như vậy suốt đêm không. Ông cứ đứng như thế suốt một ngày và một đêm cho tới sáng hôm sau; và khi ánh sáng ban ngày xuất hiện, ông dâng lời cầu nguyện lên mặt trời rồi đi. Tôi cũng sẽ kể cho các bạn nghe, nếu các bạn thích - và tôi nhất định phải kể - về sự dũng cảm của ông ngoài mặt trận; vì ông chứ không ai khác chính là người đã cứu mạng tôi. Chính trong trận chiến này tôi được tặng thưởng chiến công dũng cảm: vì tôi bị thương và ông không chịu bỏ tôi, nhưng đã cứu tôi và quân đội của tôi; và ông là người lẽ ra phải được nhận giải thưởng mà các tướng lãnh ban cho tôi một phần vì cấp bậc của tôi và tôi cũng đã nói với họ như thế (điều này Socrates không phủ nhận), nhưng ông còn hăng hái hơn cả các tướng lãnh để nói rằng tôi phải được nhận thưởng chứ không phải ông. Còn một dịp khác ông tỏ ra rất nổi bật; đó là trong cuộc chạy trốn của quân đội sau trận đánh ở Delium và tôi có cơ hội tốt để nhìn thấy ông hơn là ở Potidaea, vì tôi đang ngồi trên lưng ngựa và vì thế tương đối đã thoát khỏi nguy hiểm. Ông và Laches đang rút lui trong cuộc chạy trốn của quân đội, tôi gặp họ và bảo họ đừng thất vọng, và tôi hứa ở lại với họ; và ở đó, Aristophanes, anh có thể thấy ông ấy, như anh mô tả, giống như ông đang ở giữa đường phố Athens, đi đứng hiên ngang như một con bồ nông, mắt xoe tròn, bình thản ngắm nhìn quân địch cũng như bạn bè; và cho mọi người hiểu rằng bất cứ ai đụng đến ông sẽ chắc chắn gặp sự kháng cự kiên quyết; và bằng cách ấy ông và bạn ông đã thoát nạn. Tôi có thể kể ra rất nhiều điều kỳ diệu nơi Socrates để ca tụng ông; đa số các kiểu cách của ông có thể thấy cả nơi những người khác, nhưng điều đáng kinh ngạc nhất là ông tuyệt đối không giống bất cứ người phàm trần nào. Các bạn có thể tưởng tượng ra Brasidas và những người khác giống như Achilles; hay các bạn có thể tưởng tượng Nestor và Antenor rất giống Pericles; và cũng có thể tưởng tượng ra như thế về nhiều danh nhân khác, nhưng về con người kỳ lạ này bạn sẽ không thể tìm thấy một ai dù

chỉ hơi giống với ông, ngoại trừ như tôi nói về các mặt nạ của Silenus và các thần rừng; và điều này không những được ám chỉ về con người ông, mà cả về các lời nói của ông. Vì, mặc dù ở trên tôi đã quên không nhắc tới, các lời của ông rất nực cười khi lần đầu tiên các bạn được nghe ông nói; ông che giấu con người thật của mình bằng thứ ngôn ngữ giống như bộ da của các thần rừng ham vui - vì ông ăn nói giống như những hạng người ngu đần dốt nát, những thợ rèn, thợ giày và thợ nhuộm da, luôn luôn lặp đi lặp lại cùng một chuyện bằng cùng một từ, khiến ai không biết ông có thể cười nhạo ông; nhưng ai lật tẩy được cái mặt nạ để nhìn vào bên trong thì sẽ thấy rằng, những từ ông sử dụng đều rất có ý nghĩa và còn có tính chất thần linh, đầy những gương đẹp về nhân đức và là thành phần của bài diễn luận lớn, nói lên tất cả bổn phận của một con người tốt và đáng kính trọng.

Thưa các bạn, đó là bài ca tụng của tôi về Socrates. Tôi đã thêm vào vài lời chê trách của tôi về việc ông đối xử tệ bạc đối với tôi; và không chỉ đối với tôi mà thôi, ông còn đối xử tệ bạc cả đối với Charmides con trai Glaucon, Euthydemus con trai Diocles và nhiều người khác nữa cũng chịu chung số phận như tôi. Vì vậy, anh Agathon, tôi khuyên anh thế này: "Đừng để ông ấy gạt anh; hãy học bài học của tôi và cảnh giác, đừng tỏ ra ngu ngốc, nhưng hãy học lấy kinh nghiệm", như lời tục ngữ nói.

Khi Alcibiades dứt lời, ai nấy đều cười vì những lời nói huych toẹt của anh, xem ra anh vẫn còn yêu Socrates một cách say đắm. Alcibiades, Socrates nói, anh đã tỉnh rượu rồi, nếu không anh đã không che giấu mục đích thật của các lời anh ca tụng thần rừng, vì tất cả câu truyện dài dòng này của anh chỉ là cái cớ và mục đích chính của anh là ở phần cuối câu truyện; anh muốn khơi dậy cuộc cãi vã giữa tôi và Agathon, và ý của anh là tôi phải yêu anh chứ không được yêu ai khác và chỉ một mình anh được yêu Agathon. Nhưng âm mưu của anh về câu truyện thần rừng và mặt nạ Silenus đã bại lộ rồi, anh không thể nào khích động Agathon để chống lại tôi.

Tôi tin ông nói đúng, Agathon nói, và tôi sẵn sàng nghĩ rằng thâm ý của anh ta khi đặt mình ở giữa ông và tôi chỉ là muốn chia rẽ chúng ta; nhưng anh ta sẽ không đạt được ý định đó, vì tôi sẽ đến nằm ngay bên cạnh ông.

Hay lắm, hay lắm, Socrates nói, anh đến đây đi, đến nằm cạnh tôi đi.

Trời ơi, Alcibiades nói, tôi bị con người này làm mất mặt rồi; ông ấy luôn quyết tâm hạ gục tôi mỗi khi có dịp. Thôi mà, tôi xin ông, hãy cho phép Agathon đến nằm giữa hai chúng ta đi.

Không thể được, Socrates nói, vì anh đã ca ngợi tôi và tôi phải ca ngợi người nằm bên phải tôi, nên anh ta sẽ làm đảo lộn thứ tự nếu anh ta lại ca ngợi tôi một lần nữa thay vì tôi phải ca ngợi anh ta và tôi nài nỉ anh hãy chấp nhận như thế, đừng ghen với anh ta, vì tôi rất muốn ca ngợi tuổi trẻ.

Ha! Ha! Agathon la to, tôi sẽ đứng lên ngay lập tức để có thể được Socrates ca ngợi.

Thường luôn luôn là thế, Alcibiades nói, ở đâu có Socrates thì ở đó không ai có cơ hội giành được người đẹp và bây giờ ông ấy lại phịa ra một lý do vu vơ để lôi kéo Agathon về với mình.

Agathon đang định đứng lên để đi đến chỗ ghế bên cạnh Socrates, thì đột nhiên một băng say rượu bước vào và làm hỏng trật tự của bữa tiệc. Có ai đó đi ra ngoài đã để cửa mở khiến họ vào được bằng lối ấy và tham gia một cách hết sức thoải mái; bầu khí trở nên rất lộn xộn và ai nấy đều bị ép uống rất nhiều rượu. Aristodemus kể rằng Eryximachus, Phaedrus và những người khác bỏ ra ngoài - còn chính anh thì thiếp đi và ngủ li bì: mãi đến sáng hôm sau anh mới thức dậy lúc gà gáy và khi tỉnh dậy, những người khác, người thì ngủ, người thì đã về; chỉ còn lại Socrates, Aristophanes và Agathon, họ vẫn còn tỉnh và đang uống chuyền tay nhau một cái vò rượu rất to và Socrates đang đàm luận với họ. Aristodemus không nghe được phần đầu bài nói chuyện của Socrates và anh cũng nửa thức nửa ngủ, nhưng điểm chính mà anh nhớ được là Socrates nhấn mạnh cho hai người kia rằng thiên tài hài kịch cũng giống như thiên tài bi kịch và nhà văn bi kịch cũng phải là nhà văn hài kịch. Họ buộc phải đồng ý với ông, vì họ vừa buồn ngủ vừa không hiểu ông nói gì. Rồi Aristophanes bị gục trước tiên và khi trời đã sáng, đến lượt Agathon cũng gục. Riêng Socrates, sau khi để họ ngủ hẳn hoi, ông đứng dậy và ra về, còn Aristodemus theo thói quen đi theo sau ông. Về đến trường, ông tắm rửa và bắt đầu công việc như thường ngày; và khi tối đến, ông về ngủ tại nhà riêng.

PHAEDRUS

GIỚI THIỆU

Phaedrus liên kết chặt chẽ với Bữa tiệc (*Symposium*) và có thể được coi như phần mở đầu hay theo sau Bữa tiệc. Hai Đối thoại này làm thành tất cả triết học Plato về bản chất tình yêu. Trong Nền Cộng hòa và các tác phẩm sau này của Plato, chủ đề này chỉ được đưa vào cho vui hay chỉ như là một thể tu từ. Nhưng trong Phaedrus và Bữa tiệc, tình yêu và triết học đi đôi với nhau, cái này là một khía cạnh của cái kia. Phần tinh thần và cảm xúc được nâng lên mức lý tưởng; trong Bữa tiệc loài người được mô tả như là hướng tới lý tưởng ấy, còn trong Phaedrus cũng như trong Phaedo, loài người tìm cách phục hồi lý tưởng ấy về lại tình trạng nguyên thủy. Chủ đề của Đối thoại này là tình yêu hay tu từ, hay là kết hợp cả hai, hay là sự quan hệ giữa triết học với tình yêu và với nghệ thuật nói chung, điều đó sẽ được xem xét dưới đây.

Phaedrus vừa qua một ngày với Lysias, nhà tu từ nổi tiếng và đang định đi tản bộ để suy tư thì gặp Socrates, và ông này nói ông sẽ không để anh ta đi nếu anh ta chưa kể lại những điều Lysias đã nói với anh và còn đang chứa trong đầu anh, hay có lẽ trong một cuốn sách giấu dưới áo anh và anh đang có ý suy gẫm lúc đi bộ. Hai người thỏa thuận với nhau sẽ ra khỏi chỗ ồn ào để đi dọc theo con suối Ilissus và tiến thẳng đến chỗ cây tiêu huyền họ trông thấy ở xa xa. Họ dự định khi đến nơi, họ sẽ ngồi dưới bóng cây giữa những âm thanh êm dịu và hương trời thơm ngát, rồi bắt đầu đọc lại bài nói của Lysias. Vùng quê này vẫn còn xa lạ đối với Socrates, vì ông chưa bao giờ đi ra khỏi thành phố; vì vậy ông ngây ngất trước cảnh đẹp tự nhiên mà lần đầu tiên ông được biết đến.

Dọc đường Phaedrus hỏi Socrates nghĩ sao về truyền thuyết của dân địa phương về Boreas và Oreithyia. Sau một lời ám chỉ hóm hỉnh về "những người hay lý luận" thời đó, Socrates trả lời rằng ông không có

giờ để nghĩ về những cách cắt nghĩa thần thoại "đẹp" này; "môn học đích thực về con người là chính con người", nó phức tạp và kỳ diệu vô vàn so với con rắn thần Typhon. Khi họ đã đến chỗ cây tiêu huyền, Phaedrus rút trong áo ra cuốn sách và bắt đầu đọc.

Bài của Lysias gồm một nghịch lý điên rồ rằng phải chấp nhận người không yêu hơn là người yêu - bởi vì họ hợp lý hơn, dễ chịu hơn, biết chịu đựng hơn, ít nghi ngờ hơn, ít bị tổn thương hơn, ít tự phụ hơn và rất nhiều lý do khác nữa. Phaedrus bị mê mẩn với lối viết bay bướm và muốn Socrates nhìn nhận rằng chưa từng có một tác phẩm nào được viết hay hơn. Socrates không nghĩ nhiều đến vấn đề này, nhưng lúc ấy ông chỉ chăm chú đến hình thức và trong hình thức ông đã phát hiện có những chỗ lặp đi lặp lại và những chỗ viết vội. Ông không thể đồng ý với Phaedrus về giá trị mà anh ta gán cho tác phẩm này, vì ông sợ thiếu công bằng đối với Anacreon và Sappho cũng như các văn sĩ tên tuổi khác; và ông hầu như nghĩ rằng bản thân ông, hay đúng hơn, một sức mạnh thần bí nào đó trong ông, có thể nói hay hơn Lysias về cùng đề tài này và cũng nói theo một cách khác, nếu ông được phép sử dụng một ít kiểu nói thông thường mà diễn giả nào cũng phải dùng.

Phaedrus rất mừng khi nghĩ rằng sẽ được nghe một bài đàm luận khác và hứa sẽ dựng một bức tượng vàng của Socrates tại đền Delphi, nếu ông giữ lời hứa. Theo sau là mấy câu bông đùa và cuối cùng, vì bị đe doạ không cho nghe thêm một bài nào nữa của Lysias trừ khi ông thực hiện lời hứa, Socrates đã để lộ khuôn mặt thật của mình và bắt đầu nói.

Phần đầu bài nói của ông là một thảo luận tầm thường về sự đối chọi giữa ước muốn và ý kiến có lý trí hướng dẫn. Nhưng ông chưa diễn tả được xa thì ông đã chợt phát hiện ra rằng; nơi mình đang cuồn cuộn chảy dòng hùng biện phi thường - chỉ có thể là do hứng cảm của bầu khí thơ mộng xung quanh chỗ họ đang đứng, có vẻ là nơi thờ các Tiên nữ xinh đẹp của sông nước. Dựa trên cơ sở triết học đã được chấp nhận, ông bắt đầu chứng minh rằng người không yêu có lợi thế rất nhiều so với người yêu. Người yêu thường dẫn tới mềm yếu, nghèo khổ, độc quyền và đầy mọi thứ khó chịu; "tuổi già nua và tuổi trẻ" phải "chung sống với nhau" và người già trở thành một cảnh ghê sợ trước mắt người trẻ. Hay nếu họ không chung sống với nhau nữa, thì cảnh tượng sẽ thấy là người yêu chạy trốn khỏi người được yêu, người này đuổi theo với những lời mắng chửi vô ích và đòi phải đền bù nhưng người kia không chịu đền bù. Người yêu đổi thành đạo đức khi giờ đền bù đã đến và người được yêu nhận ra quá muộn,

với mọi đắng cay đau khổ, rằng người yêu yêu người mình yêu chẳng khác gì sói yêu chim non vậy. Đây là chỗ kết thúc; phần nói về "người kia" hay "người không yêu" tốt hơn nên được suy diễn ra, vì nếu trong phần chê trách người yêu, Socrates đã ứng khẩu thành thơ, thì ông sẽ làm gì trong phần ca ngợi người không yêu? Ông đã nói phần của ông và sẵn sàng đi khỏi đó.

Phaedrus nài nỉ ông ở lại với bất cứ giá nào, cho tới khi mặt trời xế bóng; anh nghĩ hai người có thể trò chuyện thêm chút nữa trước khi họ về. Socrates đã đứng lên định về, nhưng nhận ra có điềm trời cấm ông không được đi bao lâu chưa làm xong nhiệm vụ. Ông thức tỉnh lương tâm và giống như Stesichorus đối với Helen, ông sẽ ca một bài tạ tội vì đã thóa mạ sự uy nghi cao cả của tình yêu. Lời tạ tội của ông mang dạng một chuyện thần thoại.

Socrates bắt đầu câu chuyện với một lời ca tụng sự điên rồ, được ông chia thành bốn loại: thứ nhất, là nghệ thuật bói toán hay nói tiên tri - loại này ông theo kiểu Cratylus liên kết với sự điên rồ bằng một cắt nghĩa theo từ nguyên học ("tất cả đều chỉ về cùng một thứ, chỉ có một chút cách diễn tả khác biệt"); thứ hai, có nghệ thuật thanh tẩy bằng các mầu nhiệm; thứ ba; thi ca hay thần hứng của các Thi Thần, mà không có nó thì không ai có thể vào được đền của các thần. Tất cả điều này chứng tỏ sự điên rồ là một trong các mối phước lành của trời và đôi khi có thể tốt hơn rất nhiều so với người có lý lẽ. Cũng có một loại điên rồ thứ tư; loại này không thể cắt nghĩa nếu không biết về bản chất của linh hồn.

Linh hồn là bất tử, vì nó là nguồn gốc mọi chuyển động cả nơi chính nó và nơi những vật khác. Nói về hình thức đích thực và thần linh của nó thì rất dài dòng, nhưng có thể mô tả nó bằng một hình ảnh như là một thân thể kết hợp bởi một người đánh xe và một cặp ngựa kéo xe có cánh. Các con ngựa của các thần thì bất tử, nhưng các con ngựa của chúng ta, một con là khả tử, còn một con bất tử. Linh hồn bất tử bay cao lên các tầng trời, còn linh hồn khả tử rụng lông cánh và bị lôi xuống đất.

Tôi đã kể cho anh về người đánh xe và hai ngựa kéo xe, một con cao quí được hướng dẫn bởi lời nói và nhắc nhở mà thôi, còn con kia là con vật bĩ ổi chỉ có thể trị bằng đòn vọt hay đinh thúc. Cả ba là hình ảnh của linh hồn, rất gần với cái nhìn về tình yêu. Bây giờ xung đột bắt đầu. Con ngựa bất kham vội lao mình vào hưởng thụ, nhưng người đánh xe, vốn ngắm nhìn người yêu với sự kính phục, sụp xuống tôn thờ và bắt cả hai con ngựa cùng sụp xuống; một lần nữa con ngựa bất kham nhảy cỡn lên và lôi đi một cách không biết

xấu hổ. Tiếp theo là một cuộc xung đột còn đáng sợ hơn nữa; người đánh xe cứ từng chập lại kéo mạnh cái hàm thiếc của con vật và kéo dây cương mỗi lúc mỗi mạnh hơn, khiến lưỡi và hàm nó máu me đầm đìa, buộc nó phải gục xuống đất trong đau đớn. Sau khi tình trạng này diễn ra nhiều lần, con vật bất kham bị thuần phục và phục tùng, và từ đó trở đi linh hồn của người yêu đi theo người được yêu với sự khiêm tốn và kính sợ. Bây giờ chúng đã đạt được niềm an lạc hoàn hảo; cùng một hình ảnh về tình yêu ngự trong tim của cả hai; và nếu chúng có tự chủ, chúng sẽ sống đời hạnh phúc cao nhất mà con người có thể đạt được - chúng sống như những người chủ của chính mình và đoạt được một trong ba chiến thắng trên trời. Nhưng nếu chúng chọn nếp sống thấp hèn của tham vọng, chúng có thể vẫn sống hạnh phúc, mặc dù thấp hơn, vì chúng không được sự tán thành của toàn thể linh hồn. Cuối cùng chúng rời bỏ thân xác và bắt đầu cuộc hành trình của chúng, và người nào đã bắt đầu đi thì không bao giờ có thể quay trở về. Khi đến đúng thời điểm, chúng nhận được đôi cánh và bay đi, và những người yêu có những đôi cánh giống nhau.

Socrates kết luận: -

Đây là những phước lành của tình yêu và tôi đã ca ngợi nó bằng những lời lẽ đẹp hơn bao giờ trước đây, nhưng chỉ là để làm vừa lòng anh bạn Phaedrus. Nếu thoạt đầu tôi có nói điều gì sai, xin hãy gán sai lầm của tôi sang cho Lysias, vì lẽ ra anh ta phải học triết học thay vì tu từ học và như thế anh ta sẽ không dẫn đường sai lạc cho Phaedrus.

Phaedrus sợ rằng mình sẽ mất đi sự ngưỡng mộ đối với Lysias và bản thân Lysias cũng sẽ mất đi sự tự phụ đối với chính mình và từ bỏ các bài diễn thuyết, vì các chính khách đã nhạo cười anh ta. Socrates nghĩ rằng ít có nguy cơ này và rằng bản thân các chính khách cũng là những nhà diễn thuyết giỏi của thời đại, họ muốn đạt sự bất tử bởi việc làm ra luật pháp và vì vậy anh ta sẽ không thể bị thất sủng, không ai sẽ chê trách Lysias vì là một nhà văn, nhưng có thể người ta sẽ chê trách anh vì là nhà văn dở.

Vậy viết hay, nói giỏi hay dở là gì? Còn thời giờ để xem xét vấn đề này. Vì người ta sống là nhờ việc xem xét vấn đề này chứ không phải nhờ việc buông theo khoái lạc thân xác. Và những con châu chấu đang ca hát xung quanh có thể mang các lời đối đáp của chúng ta lên các Thi Thần, là các thần bảo hộ chúng; vì loài châu chấu chính là loài người trong một thế giới trước khi có các Thi Thần và khi các Thi Thần xuất hiện, chúng phải chết đói vì chúng mải mê ca hát mà quên ăn. Và chúng mang báo cáo lên cho các Thi Thần ở thiên

quốc về những người tôn kính các thần này.

Qui luật nói đầu tiên là biết và nói sự thật; nghệ thuật đích thực là sự thật, theo một câu tục ngữ Sparta, trong khi tu từ là một cách để quyến rũ linh hồn, làm cho người ta thấy những vật tốt như là xấu, vật lớn như là nhỏ, v.v..., tùy theo trí tưởng tượng của người nói. nhưng loài người bị lừa gạt không phải ngay lập tức, nhưng từng mức độ một và vì thế những kẻ muốn áp đặt phán đoán của mình trên người khác hẳn phải biết sự thật.

Tiếp đến Socrates đề nghị họ sử dụng hai bài diễn thuyết để minh họa cho nghệ thuật tu từ; trước tiên bằng việc phân biệt giữa các loại đề tài có thể tranh luận và không thể tranh luận. Trong loại có thể tranh luận, phải có một định nghĩa về mọi vấn đề có thể tranh luận. Nhưng trong bài diễn thuyết của Lysias không có một định nghĩa nào như thế, cũng không có một trật tự hay tương quan nào trong các lời nói của anh ta ngoại trừ một tiết điệu ru em. Ông so sánh bài này với sự phân chia đều đặn của một bài khác, là bài của chính ông (nhưng ông nói không phải của ông, mà là của các thần địa phương gợi hứng cho ông). "Sự tưởng tượng" này của ông sẽ bao gồm hai nguyên tắc; thứ nhất, tổng hợp hay thu tóm các phần vào một toàn thể; thứ hai, phân tích, hay chia cắt toàn thể thành các phần. Đây là quy trình phân chia và tổng quát hóa rất được các nhà biện chứng ưa thích. Nhưng đây là biện chứng pháp chứ không phải tu từ; còn ở trong tu từ, chẳng có gì hơn ngoài sự sắp xếp và trật tự. Chẳng còn lại gì ngoài một đống các "kiểu" này nọ và các thuật ngữ chuyên môn khác được sáng chế bởi Theodorus, Evenus, Tisias, Gorgias và những người khác, là những người có quy luật cho bất cứ thứ gì và là những người dạy người ta biết cách nói dài hay nói ngắn tuỳ thích. Prodicus có lý khi nói rằng có một cái tốt hơn là ngắn hay dài, đó là một độ dài vừa phải.

Hơn nữa, bất chấp những điều vô lý của Polus và những người khác, tu từ có một sứ mạnh ghê gớm trong các đại hội. Tuy nhiên, điều này không phải là do các qui tắc kỹ thuật, mà là thiên tài. Nghệ thuật thực sự luôn luôn bị các nhà tu từ lẫn lộn với những phần dẫn nhập vào nghệ thuật. Thuật hùng biện hoàn hảo là sự hoàn thiện mọi sự; nhưng để làm điều này, thuật tu từ không có tác dụng bao nhiêu và nghệ thuật có chút ít tác dụng thì lại là một loại khác, không phải loại tu từ được giảng dạy bởi các thầy dạy tu từ.

Pericles, nhà hùng biện hoàn hảo nhất, có được tài hùng biện không phải nhờ nghệ thuật tu từ nhưng nhờ triết học tự nhiên mà ông đã học được của Anaxagoras. Tu từ đích thực cũng giống như y

khoa và nhà tu từ phải xét đến các bản chất của linh hồn con người giống như thầy thuốc phải tìm hiểu bản chất thân xác của họ. Người này phản ứng cách này, người khác phản ứng cách khác; họ phải biết thời cơ và mùa thích hợp để nói lên điều này hay điều khác. Đây không phải một công việc dễ dàng và đây mới là nghệ thuật tu từ, nếu thật có một nghệ thuật như thế.

Tôi biết có một số giáo sư tu từ dạy rằng tính cái nhiên (= chắc là đúng) thì mạnh hơn sự thật. Nhưng chúng ta cho rằng tính cái nhiên phát sinh dựa trên sự giống với sự thật mà tri thức đạt được ở mức cao nhất và mục tiêu của người tốt không phải là thuyết phục hay làm vừa lòng các đầy tớ của họ, mà làm hài lòng các ông chủ của họ là các thần. Tu từ học có một khởi điểm đẹp trong điều này.

Có hai tranh luận chính liên quan tới Đối thoại Phaedrus; thứ nhất là về đề tài, thứ hai là về năm viết Đối thoại này.

1. Có vẻ như có ý kiến cho rằng tác phẩm của một nghệ sĩ vĩ đại như Plato không thể nào thiếu sự nhất quán và sự nhất quán của một đối thoại đòi nó phải có một đề tài duy nhất. Nhưng khái niệm về sự nhất quán thực sự được áp dụng ở nhiều mức độ rất khác nhau và bằng những cách rất khác nhau tùy theo mỗi loại nghệ thuật; ví dụ, đối với một bức tượng thì cần nhiều hơn là đối với bất cứ soạn tác văn chương nào khác và đối với một số loại hình văn chương hơn là đối với một số khác. Đối thoại có vẻ như cũng không phải là một loại hình soạn tác đòi hỏi một mức độ nhất quán quá khắt khe; và ý niệm về sự nhất quán từ một loại nghệ thuật cũng không thể được áp dụng vội vàng cho một loại khác. Một số đối thoại của Plato mang hai tựa đề có vẻ như cho thấy rằng Plato không có ý tìm một sự nhất quán quá chặt. Nền Cộng hòa được chia thành hai đề tài: tìm kiếm công bằng và xây dựng nhà nước lý tưởng; Parmenides gồm phê bình các ý niệm của Plato và phê bình ý niệm hay hữu thể của triết gia vùng Elea; Gorgias có sự phân chia giữa nghệ thuật nói và bản chất sự thiện; Nhà Ngụy biện phân chia giữa sự phát hiện của Nhà Ngụy biện và sự tương liên giữa các ý niệm. Theaetetus, Nhà Chính khách và Philebus, cũng có những chỗ xa đề, chỉ có liên quan rất lơ mơ với đề tài chính.

Như thế việc so sánh với các tác phẩm khác của Plato, cũng như lý do của vấn đề, cho

chúng ta kết luận rằng chúng ta không nên mong đợi tìm thấy một ý tưởng xuyên suốt toàn thể tác phẩm, nhưng sẽ có một, hai hay nhiều ý tưởng nổi lên tùy theo sự sáng tạo hay trí tưởng tượng bay bổng của tác giả. Nếu mỗi đối thoại chỉ giới hạn vào việc triển khai một ý tưởng duy nhất mà thôi, thì ý tưởng này phải hiện lên ngay ở bề mặt của đối thoại và sẽ không thể có tranh luận nào được nêu lên là liệu Phaedrus bàn về tình yêu hay về tu từ. Nhưng sự thật là Plato không đi theo một qui luật nào theo kiểu này. Giống như mọi nghệ sĩ tài hoa, ông tạo sự thống nhất về hình dạng cho các chủ đề rất khác nhau và có vẻ đối chọi nhau nhưng được ông qui về một mối. Ông viết rất thoáng và có vẻ như ông không sắp xếp mọi phần của đối thoại trước khi bắt đầu viết. Ông nối kết hay thêu dệt khung đối thoại của ông một cách rất lỏng lẻo và khiếm khuyết, và ta không dễ xác định được đâu là sợi chỉ ngang đâu là sợi chỉ dọc của khung vải này.

Các đề tài của Phaedrus (không kể đoạn dẫn nhập ngắn về thần thoại được gợi hứng bởi truyền thuyết địa phương) trước tiên là về nghệ thuật tu từ sai hay qui ước; thứ hai, là tình yêu hay sự gợi hứng của cái đẹp và tri thức, được mô tả như là sự điên khùng; thứ ba, biện chứng pháp hay nghệ thuật tổng hợp và phân chia; thứ bốn, tu từ đích thực, dựa trên biện chứng pháp; thứ năm, tính hơn hẳn của lời nói so với chữ viết. Tu từ là sợi chỉ xuyên suốt xuất hiện đi xuất hiện lại trong khắp tác phẩm; đây là cái nền mà tất cả phần còn lại của Đối thoại được khảm vào, trong những phần được thêu dệt với những câu rất hay "để làm vừa lòng Phaedrus". Bài diễn thuyết của Lysias và bài thứ nhất của Socrates là những ví dụ minh họa về lối tu từ sai, còn bài thứ hai của Socrates được coi là một ví dụ về lối tu từ đúng. Nhưng tu từ đúng thì dựa trên biện chứng pháp, mà biện chứng là một thứ gợi hứng giống với tình yêu; chúng là hai khía cạnh của triết học thấm nhuần các tính chất kỹ thuật của khoa tu từ. Như vậy, ví dụ cũng trở thành đề tài sâu hơn của đối thoại này. Tri thức đích thực về sự vật trên trời và dưới đất được đặt nền trên sự yêu mến hay say mê các ý niệm; và trật tự đúng của lời nói hay chữ viết phải

đi theo chúng. Ngoài ra, tình yêu có ba mức độ: thứ nhất, tình yêu vị lợi tương ứng với các kiểu qui ước của khoa tu từ; thứ hai, tình yêu vô vị lợi hay điên khùng, gắn chặt vào các đối tượng giác quan và có lẽ tương ứng với thi ca; thứ ba, tình yêu vô vị lợi hướng đến cái không nhìn thấy, tương ứng với biện chứng pháp hay khoa học về các ý niệm. Sau cùng, nghệ thuật tu từ theo nghĩa thấp hơn dựa trên sự hiểu biết bản chất và cá tính của con người, mà ở đầu đối thoại Socrates đã mô tả là nghiên cứu đặc biệt của ông.

Như thế, giữa các vẻ bề ngoài khác biệt ta thấy bắt đầu hiện lên một mức độ thống nhất có thể chấp nhận được; có nhiều sợi dây se kết thoạt đầu không nhận ra. Đồng thời Phaedrus, mặc dù là một trong những đối thoại hay nhất của Plato, có thể được coi là mang tính chất của một "sáng tạo phi thường" và chắc chắn có "sức mạnh làm vừa lòng người nghe" hơn bất cứ tác phẩm nào khác.

2. Tiêu chuẩn chính để xác định năm viết tác phẩm này là (a) tuổi của Lysias và Isocrates; (b) nét đặc trưng của tác phẩm.

Lysias sinh năm 458; Isocrates năm 436, khoảng 7 năm trước khi Plato sinh ra. Người thứ nhất trong hai nhà tu từ vĩ đại này được mô tả là đang ở đỉnh cao danh tiếng của ông; người thứ hai vẫn còn trẻ và đầy hứa hẹn cho tương lai. Vậy người ta lập luận rằng tác phẩm này hẳn phải được viết thời Isocrates còn trẻ, khi tương lai đầy hứa hẹn của ông còn đang ở phía trước. Và nếu theo quan điểm này, chúng ta phải cho rằng Đối thoại này được viết không muộn hơn năm 406, khi Isocrates khoảng ba mươi và Plato hai mươi ba tuổi và lúc Socrates còn sống.

Lý luận theo kiểu này là không nhớ rằng Plato có thể rất dễ dàng "phịa ra người Ai Cập hay bất cứ cái gì khác" và ông rất ít quan tâm tới sự thật lịch sử hay tính có thể xảy ra của sự việc. Ai có thể ngờ được rằng con người khôn ngoan Critias, con người đạo đức như Charmides, đã kết thúc cuộc đời họ trong hàng ngũ ba mươi tên độc tài? Ai có thể ngờ được rằng Lysias, người bị Socrates công kích ở đây, lại là con trai của ông bạn già Cephalus của ông? Hay có thể ngờ được rằng chính Isocrates lại là kẻ thù

của Plato và trường ông? Không thể nào rút ra được kết luận nào dựa trên sự thích hợp hay không thích hợp của các nhân vật của Plato. Nhưng Plato sử dụng các tên nhân vật thường ít có liên quan với các nhân vật lịch sử. Trong trường hợp này thái độ ưu ái hơn đối với Isocrates có thể được giải thích bởi việc anh thuộc giới quí tộc, trong khi Lysias thuộc phe dân chủ.

Ít có người theo khuynh hướng của một số nhà phê bình xưa cho rằng một đối thoại bàn về tình yêu thì nhất thiết phải được viết hồi tác giả còn trẻ. Cũng không có mấy người ủng hộ lập luận cho rằng Plato hẳn đã phải đi thăm Ai Cập trước khi ông viết các câu chuyện về Theuth và Thamuz. Vì không có bằng chứng thực sự nào cho thấy ông đã đến Ai Cập; và cho dù ông có đến đó, ông vẫn có thể đã biết đến các truyền thuyết của Ai Cập cả trước khi ông đến đó. Quan điểm cho rằng Phaedrus được viết vào một thời kỳ muộn hơn cần phải được chứng minh bằng các lập luận khác: tư tưởng chín chắn, văn phong hoàn hảo, nhận thức sâu sắc, tương quan với các đối thoại khác của Plato, tất cả các yếu tố này có vẻ cho thấy nó không thể là tác phẩm của một thanh niên ở tuổi hai mươi hay hai mươi ba. Hơn nữa, vì hai đối thoại Phaedrus và Bữa Tiệc (*Symposium*) liên hệ quá mật thiết với nhau, nên không thể nào cho rằng một tác phẩm được viết sau tác phẩm kia ít là hai chục năm. Kết luận có vẻ là tác phẩm này được viết vào một thời kỳ tương đối muộn nhưng không rõ là thời kỳ nào trong đời Plato, sau khi ông đã từ bỏ quan điểm thuần tuý Socrates, nhưng trước khi ông đạt đến những suy tư trừu tượng hơn của tác phẩm Nhà Ngụy biện hay Philebus. Nếu so sánh các phân loại về linh hồn, thuyết luân hồi, sự cô độc của đời sống triết học và tính chất chung của văn phong, chúng ta sẽ không sai khi đặt năm soạn tác Phaedrus vào gần năm với Nền Cộng hòa; chỉ cần lưu ý rằng yếu tố thi ca trong Phaedrus tuy làm cho nó thua kém Nền Cộng hòa về các kết quả triết học, nhưng có vẻ như nó cũng cho thấy một sự thật vượt quá những lời diễn tả.

PHAEDRUS

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Socrates (SOC)
- Phaedrus (PH)

Cảnh: Dưới gốc một cây tiêu huyền, bên bờ sông Ilissus.

SOC: Anh Phaedrus, anh vừa ở đâu về và đang định đi đâu?

PH: Tôi vừa từ nhà Lysias con trai Cephalus về và tôi đang định đi bách bộ ra ngoài thành, vì tôi đã ở chơi với anh ấy suốt từ sáng sớm đến giờ và bạn Acumenus của chúng ta khuyên tôi nên đi về miền quê chơi; anh ta nói đi bộ ở miền quê dễ chịu hơn quanh quẩn ở thành phố rất nhiều.

SOC: Anh ấy nói đúng đấy. Vậy là Lysias đang ở trong thành phố?

PH: Vâng, anh ấy đang ở với Epicrates, ở nhà của Morychus; nhà này ở gần đền thần Zeus trên núi Olympus.

SOC: Anh ấy nói chuyện gì với anh? Tôi đoán anh ấy cho anh thưởng thức một bài diễn thuyết rất đã tai chứ?

PH: Tôi sẽ kể lại cho ông, nếu ông có thời giờ và thích nghe.

SOC: Tôi có thể nghĩ đề tài nói chuyện của anh với Lysias là "một đề tài rất quan trọng", có thể nói theo lời của Pindar, "quan trọng hơn bất cứ việc gì" chứ?

PH: Ông đi chơi với tôi không?

SOC: Nếu anh tiếp tục kể lại câu chuyện này cho tôi.

PH: Ông Socrates, câu chuyện của tôi cũng nằm trong đề tài của ông, đó là về tình yêu - đại để là như thế này: Lysias tưởng tượng ra một thanh niên xinh đẹp bị cám dỗ, nhưng không phải bởi một người yêu nó; và điểm chính

là ở chỗ này: anh ta muốn khéo léo chứng minh rằng phải chọn người không yêu chứ không chọn người yêu.

SOC: Anh ấy cao thượng quá. Và tôi nghĩ anh ấy cũng sẽ nói rằng phải chọn một người nghèo hơn một người giàu, một người già hơn một người trẻ; anh ấy nên gặp tôi và tất cả chúng ta, lúc ấy các lời anh ấy nói sẽ thú vị hơn nhiều và có ích cho mọi người; và tôi rất háo hức muốn nghe các lời ấy, nên nếu anh đi đến tận Megara rồi trở về mà không vào, tôi sẽ không để cho anh đi đâu.

PH: Socrates, ông nói gì tôi không hiểu. Làm sao ông có thể nghĩ rằng tôi, một người không có tài cán gì, mà có thể nhớ lại hay kể lại trung thực một tác phẩm phức tạp như thế, mà nhà hùng biện vĩ đại nhất của thời này phải mất một thời gian dài để biên soạn. Thực sự tôi không thể; tôi sẽ cố gắng kể lại được bao nhiêu thì được.

SOC: Tôi biết con người của Phaedrus cũng rõ như tôi biết chính mình vậy và tôi chắc chắn anh đã nghe bài của Lysias không chỉ một lần, nhưng anh đã bắt anh ấy nói đi nói lại cho anh và Lysias đã rất sẵn sàng chiều ý anh; cuối cùng, khi anh vẫn không hài lòng, anh lấy cuốn sách và tìm xem mình muốn điều gì - đó là công việc buổi sáng của anh - và khi anh ngồi lâu đã mệt rồi, anh ra đi bách bộ cho tới khi anh đã học thuộc lòng toàn bộ bài nói chuyện, có lẽ không dài lắm; và khi anh đi bộ ngoài thành để nhẩm đi nhẩm lại, anh gặp một người thích nói chuyện và có cùng những thắc mắc như anh, anh mừng lắm; thế là anh tự nhủ, "Tôi sẽ có bạn rồi". Và anh mời người ấy đi chung với anh. Nhưng khi người thích nói chuyện muốn nghe lại câu chuyện, anh lại làm bộ nói, "Không, tôi không kể được", ra vẻ anh không thích; mặc dù, nếu người nghe từ chối, thì kết cục vẫn là anh bắt họ nghe dù họ có muốn hay không. Vậy thì, bất luận thế nào Phaedrus cũng sẽ kể, nên người ấy nài xin anh kể ngay lập tức.

PH: Có vẻ như ông không buông tha tôi nếu tôi không kể, vậy thì tốt nhất tôi nên kể lại một cách trung thực nếu có thể.

SOC: Thế mới đúng là cung cách của Phaedrus chứ!

PH: Tôi sẽ cố hết sức, vì tôi nói thật, ông Socrates, tôi không

nhớ nguyên văn lời anh ấy; không nhớ thật mà, nhưng tôi cũng nhớ đại khái những gì anh ấy nói và tôi sẽ cố gắng kể lại một cách ngắn gọn, và theo thứ tự các lý luận mà anh ấy đưa ra để chứng minh rằng người không yêu thì hơn hẳn người yêu; tôi xin kể từ đầu câu chuyện.

SOC: Được, anh bạn; nhưng trước tiên anh phải cho tôi xem anh để cái gì trong bàn tay trái dưới áo khoác của anh, vì tôi nghĩ đó là cuốn sách ghi lại toàn bộ bài nói của anh ấy. Nhưng anh biết tôi thương anh lắm, tôi sẽ không bắt anh phải làm mệt trí nhớ của anh, nếu anh đã có chính Lysias ở đây rồi.

PH: Thôi đủ rồi; tôi biết tôi không dám múa rìu qua mắt thợ. Vậy tôi sẽ đọc nó lên cho ông nghe, nhưng chúng ta ngồi đâu được?

SOC: Quay sang đường này; chúng ta hãy đến bờ sông Ilissus và tìm một chỗ yên tĩnh.

PH: Cũng may là tôi không đi giày và ông cũng không bao giờ đi giày, nên tôi nghĩ chúng ta có thể đi dọc theo dòng suối và thong chân xuống làn nước mát; đó là cách dễ nhất và như thế cảnh trưa hè này cũng không làm chúng ta khó chịu.

SOC: Vậy ta thử xem có chỗ nào ngồi thoải mái không.

PH: Ông có thấy cây tiêu huyền to ở đằng kia không?

SOC: Có.

PH: Ở đó có bóng mát và gió nhẹ, dưới gốc cây lại có nhiều cỏ, chúng ta có thể ngồi hay nằm nghỉ.

SOC: Ta đến đó đi.

PH: Ông Socrates, tôi không biết có phải đây là chỗ mà tục truyền rằng Boreas đã mang Orithyia đi từ bờ sông Ilissus không.

SOC: Tương truyền kể lại như thế.

PH: Chính xác là chỗ này chứ? dòng nước ở đây lấp lánh và trong mát; tôi nghĩ có thể có các cô gái chơi đùa ở gần đây.

SOC: Tôi nghĩ chính xác không phải chỗ này, nhưng cách đây khoảng một phần tư dặm phía cuối dòng, ở đó có đền thờ Agra và tôi nghĩ cũng có thể có một bàn thờ Boreas ở đó.

PH: Tôi không nhớ; nhưng ông có tin câu chuyện ấy không?

SOC: Người khôn ngoan thường hay hoài nghi và nếu giống như họ, tôi cũng hoài nghi, chắc là không có gì lạ lắm đâu. Tôi có thể lý giải câu chuyện ấy như sau: Orithyia đang

chơi đùa với Pharmacia, thì bất ngờ một cơn gió bấc bốc nàng tới các tảng đá ở gần đấy và vì đó là cách nàng chết, nên người ta bảo rằng nàng đã được thần Boreas đưa đi. Tuy nhiên có sự khác biệt về địa điểm, vì theo một dị bản của câu chuyện, nàng được cất đi từ đồi Areopagus, chứ không phải từ chỗ này. Tôi cho rằng những cách giải thích này cũng rất hay; và người đưa ra được cách giải thích này hẳn phải rất cố gắng và có tài; và một khi đã muốn giải thích như thế, người ấy phải tiếp tục giải thích về các con quái vật ghê sợ nữa. Các con rắn thần và các con ngựa có cánh phi nhanh kinh khủng, và vô số các loài quái vật không thể tưởng tượng và mọi kỳ quan khác của thiên nhiên. Và nếu người ấy hoài nghi về chúng và muốn giải thích tất cả chúng dựa trên quy luật cái nhiên, thì loại triết học thô sơ này sẽ ngốn hết tất cả thời giờ của họ. Riêng tôi không có thời giờ làm chuyện này; tôi sẽ nói cho anh tại sao. Trước hết tôi phải biết chính mình, như lời sấm ở đền Delphi nói; và tôi sẽ là vô lý nếu bản thân mình còn chưa biết mình là gì mà lại đi lo những chuyện không phải phận sự mình. Và vì thế tôi xin cáo biệt tất cả những chuyện này; tôi chỉ cần biết ý kiến chung chung là đủ. Vì như tôi vừa nói, tôi không muốn biết những chuyện như thế, tôi chỉ muốn biết về mình. Nhưng bây giờ, tôi xin hỏi anh: có phải anh định dẫn chúng ta tới chỗ cây tiêu huyền lớn đàng kia không?

PH: Vâng, cây ấy.

SOC: Được, một chỗ bóng mát có cảnh đẹp và đầy âm thanh cũng như hương thơm mùa hè. Ở đó có cây tiêu huyền cao ngất và có tán rộng, đầy hoa tỏa hương thơm ngát; và dòng nước mát chảy êm đềm dưới gốc cây ấy sẽ làm cho bàn chân ta mát lạnh. Cứ xét theo các phong cảnh và hình ảnh đẹp của nó, chỗ này phải là một nơi dâng tặng thần Achelous và các tiên nữ xinh đẹp của dòng sông; ngoài ra còn có làn gió nhẹ, có tiếng dế kêu; và nhất là có làn cỏ êm ả để làm gối tựa đầu. Anh bạn Phaedrus yêu quí, anh quả là người dẫn đường tuyệt vời.

PH: Socrates, tôi luôn luôn ngạc nhiên về ông; vì khi ông đến vùng quê, ông thực sự là một người xa lạ luôn luôn phải có người hướng dẫn. Hình như ông chưa bao giờ ra khỏi thành phố?

SOC: Rất đúng, anh bạn; tôi mong anh thứ lỗi cho tôi khi anh nghe tôi giải thích lý do rằng tôi là người yêu tri thức và những người thầy của tôi là những cư dân sống trong thành phố chứ không phải những cây cối hay những vùng đồng quê. Dù vậy tôi nghĩ anh đã kiếm được một chỗ tuyệt vời ở miền quê này, giống như những con bò được dụ bằng những tàu lá xanh hay những trái chín mọng. Thật vậy, anh chỉ cần giữ chặt miếng mồi câu chuyện của anh, rồi anh có thể dẫn tôi đi đến bất cứ đâu, đi khắp vùng Attica này và đi quanh thế giới nữa. Nhưng bây giờ chúng ta đã tới nơi, tôi muốn nằm dài trên cỏ, còn anh hãy chọn tư thế tốt nhất để đọc sách của anh. Anh bắt đầu đi.

PH: Ông nghe này. "Bạn biết quan điểm của tôi về sự quan tâm chung của chúng ta và tôi không nghĩ rằng tôi sẽ phải thất bại trong việc đeo đuổi đối tượng của tôi, vì tôi không phải người yêu bạn: vì những người yêu sẽ hối tiếc về những hành vi âu yếm của họ khi họ không còn đam mê nữa, nhưng những người không yêu thì không có thời giờ để hối tiếc, vì họ tự do và không có gì bó buộc họ cũng như mang đến những lợi ích nếu có thể, theo cách nào thích hợp nhất với sự quan tâm của họ. Vậy, những người yêu thì nhớ lại rằng họ đã sao nhãng những quan tâm của họ như thế nào vì người yêu của họ; họ nghĩ đến những lợi ích họ đã mang đến cho người yêu; và khi họ gặp những rắc rối, họ nghĩ từ lâu họ đã đền đáp những gì cần thiết rồi. Nhưng người không yêu thì không phải dằn vặt vì những sự nhớ lại như thế; họ không bao giờ sao nhãng bổn phận của họ hay cãi vã với những người yêu của họ; họ không gặp rắc rối nào hay phải có những lời xin lỗi nào; mọi sự đều diễn ra suôn sẻ với họ. Vậy, cái còn lại là gì nếu không phải là họ phải tự do làm bất cứ điều gì có thể làm vui lòng người được yêu? Nhưng bạn sẽ nói rằng người yêu thì đáng trân trọng hơn, vì tình yêu của họ lớn hơn; vì họ sẵn sàng nói hay làm điều gì đáng ghét đối với những người khác, để làm vừa lòng người được yêu; nhưng, nếu đúng như vậy, thì đó chỉ là bằng chứng cho thấy họ sẽ thích một mối tình tương lai hơn mối tình hiện tại và sẽ làm tổn thương mối tình cũ để làm vừa lòng mối tình mới. Và làm thế nào mà một người có thể hợp lý khi

hy sinh bản thân mình cho một người mắc một chứng bệnh vô phương chữa trị, vì bản thân người bệnh này cũng nhìn nhận rằng họ không có tâm trạng tốt và họ suy nghĩ sai cũng như không thể làm chủ bản thân mình? Làm thế nào, nếu họ suy nghĩ đúng, họ có thể tưởng tượng ra rằng họ có những ước muốn tốt khi tâm trí họ sai lạc? Còn nữa, số những người không yêu thì đông hơn số những người yêu; và vì vậy, bạn có sự chọn lựa rộng hơn và dễ tìm được một người bạn thích hợp hơn nhiều. Và nếu bạn sợ dư luận và muốn tránh bị nhiều người biết đến và chê trách; thì người yêu, vốn luôn luôn nghĩ rằng những người khác ganh tị mình cũng như họ ganh tị người khác, nên chắc chắn họ sẽ tự phụ về các thành công của mình và phô trương chúng công khai trong sự kiêu hãnh của con tim họ; - họ muốn những người khác biết rằng sự vất vả khó nhọc của họ không phải là uổng công; nhưng người không yêu thì làm chủ được bản thân mình hơn và muốn điều tốt thực sự, chứ không phải hư danh của loài người. Hơn nữa, người yêu có thể thường được mọi người nhìn thấy và biết rằng họ đi theo người được yêu (đây là công việc thường ngày của họ) và khi họ bị người khác nhìn thấy họ trao đổi đôi câu, họ liền bị nghĩ rằng có vướng mắc chuyện gì đó về tình yêu, trong quá khứ hay tương lai; nhưng khi hai người không yêu gặp nhau, thì chẳng có ai hỏi họ lý do tại sao họ gặp nhau, bởi vì người ta biết rằng trò chuyện là điều tự nhiên, dù là vì tình bạn hay chỉ là thú vui. Còn nữa, nếu bạn sợ tình bạn dễ thay đổi, hãy nghĩ rằng trong mọi trường hợp khác, một cuộc cãi vã có thể làm hại lẫn cho nhau, nhưng bây giờ, khi bạn đã từ bỏ điều gì là quí giá nhất đối với bạn, bạn sẽ là kẻ thua nặng hơn và vì vậy, bạn sẽ có lý để sợ người yêu hơn, vì những sự giày vò của họ nhiều hơn và họ luôn luôn nghĩ rằng mọi cái đều chống lại họ. Vì lý do này, họ không để cho người được yêu quan hệ với xã hội; họ không muốn bạn thân thiện với người giàu, vì sợ họ giàu có hơn mình, hay với những người có giáo dục, vì sợ họ hơn hẳn mình về tri thức; và họ cũng sợ sức mạnh của bất cứ điều tốt nào. Họ sẽ thuyết phục bạn đừng quan hệ gì với những hạng người ấy, để họ chiếm trọn bạn cho họ và nếu

bạn bận tâm tới lợi ích của riêng mình mà không sẵn sàng chiều theo ý họ, thì chắc chắn cãi vã sẽ xảy ra. Nhưng những người không yêu và những người mà thành công trong tình yêu là phần thưởng cho sự hơn hẳn của họ, những người này sẽ không ghen với các bạn bè của người họ yêu, nhưng trái lại sẽ ghét những người từ chối làm bạn với họ, cho rằng sự từ chối này là dấu hiệu của sự khinh bỉ và họ sẽ có lợi nhờ có nhiều bạn bè; như thế họ sẽ có nhiều tình yêu hơn là sự thù ghét. Nhiều người yêu cũng yêu con người của một người trẻ trước khi họ biết tính cách của người này, hay biết các quan hệ họ hàng của người này; vì thế khi đam mê của họ qua đi, thì không thể chắc được họ có còn tình bạn nữa hay không; ngược lại, trong trường hợp những người không yêu, vì vốn luôn luôn là bạn, nên tình bạn không bị giảm sút vì tình cảm xác thịt; nhưng họ sẽ luôn luôn nhớ lại các tình cảm này và đó là điều bảo đảm cho họ có những điều tốt đẹp. Hơn nữa, tôi nói rằng bạn có thể nhờ tôi mà nên tốt hơn, trong khi người yêu thường làm hư bạn. Vì họ khen ngợi lời nói và hành vi của bạn với ý xấu; một phần, họ sợ xúc phạm bạn, phần khác các phán đoán của họ bị suy yếu vì đam mê: vì những kẻ yêu là những người kỳ cục khi bị thất vọng trong tình yêu - họ coi là đau đớn những gì không gây đau đớn cho người khác và khi thành công họ không thể không ca ngợi những gì lẽ ra không thể mang lại niềm vui sướng cho họ; cho nên người được yêu thường trở thành đối tượng của sự thương hại hơn là của sự ghen tị. Nhưng nếu bạn nghe tôi, trước hết, tôi, trong quan hệ với bạn, tôi sẽ không coi trọng sự vui thú hiện tại, nhưng coi trọng lợi ích tương lai, vì tôi không bị chinh phục bởi tình yêu, nhưng tôi chinh phục chính bản thân tôi; và tôi cũng không cảm thấy bị xúc phạm vì những chuyện cỏn con, nhưng cả khi là chuyện lớn, tôi sẽ biết nén cơn giận - những xúc phạm vô tình tôi sẽ tha thứ, còn những xúc phạm cố ý tôi sẽ cố tránh; và đây là những dấu hiệu của tình bạn lâu bền. Nhưng nếu bạn nghĩ rằng chỉ có người yêu mới có thể là một người bạn chắc chắn, bạn phải nghĩ rằng, nếu đúng là thế, chúng ta phải coi con cái, cha mẹ là những người có rất ít giá trị; và chúng ta cũng không

bao giờ được có những người bạn chân chính, vì tình yêu của chúng ta đối với họ không xuất phát từ đam mê, nhưng từ các mối quan hệ khác. Hơn nữa, nếu chúng ta phải ban phát ân huệ cho những người theo đuổi tình yêu một cách hăng hái nhất, thì chúng ta phải ban những ân huệ ấy không phải cho những người đạo đức nhất, nhưng cho những người túng thiếu nhất; vì họ là những người sẽ được giảm bớt đau khổ nhất và vì thế sẽ có lòng biết ơn nhất; và, nói chung, khi bạn mở tiệc, đừng mời các bạn bè, nhưng hãy mời các kẻ ăn xin và những tâm hồn nghèo khổ, vì họ sẽ yêu bạn và chăm lo cho bạn, họ sẽ đến cửa nhà bạn và sẽ là những người hài lòng nhất, biết ơn nhất và sẽ kêu cầu ơn trên đổ xuống trên bạn. Nhưng có lẽ bạn sẽ nói bạn không nên ban phát cho những kẻ túng thiếu nhất, nhưng cho những người có khả năng để báo đáp bạn nhất; cũng không chỉ cho người yêu, mà cho những người xứng với tình yêu; không cho những người say mê nét hấp dẫn của tuổi trẻ của bạn, mà cho những người sẽ chia sẻ những điều tốt lành với bạn theo thời gian; không cho những người sau khi thành công rồi thì vênh váo khoe khoang với người khác, mà cho những người sẽ luôn luôn khiêm tốt và giữ được sự an bình của họ; cũng không cho những người chỉ quan tâm đến bạn trong chốc lát, mà cho những người sẽ tiếp tục là bạn của bạn suốt đời; không cho những người mà khi giai đoạn đam mê qua đi, họ sẵn sàng cãi vã với bạn, mà cho những người mà, khi tuổi xuân qua đi rồi, họ vẫn chứng tỏ nhân đức của họ. Hãy nhớ những điều tôi vừa nói; và cũng hãy suy gẫm điều này, đó là các bạn bè khuyên bảo người yêu vì nghĩ rằng lối sống của họ là xấu, nhưng không một ai trong số những người quen biết của người không yêu lại chê trách người không yêu, hay nghĩ rằng họ không được hướng dẫn tốt trong các lợi ích riêng của chính họ.

"Có lẽ bạn sẽ hỏi phải chăng tôi đề nghị chấp nhận mọi người không yêu? Tôi xin trả lời rằng ngay cả người yêu cũng không khuyên bạn chấp nhận mọi người yêu, vì ân huệ trở thành ít ỏi trong con mắt người nhận và khó giấu được mọi người Nhưng tình yêu phải là vì lợi ích của cả hai bên và không làm thiệt hại cho bên nào.

"Tôi nghĩ tôi nói như thế đã đủ rồi; nhưng nếu bạn còn muốn biết thêm điều gì, bạn cứ hỏi và tôi sẵn sàng trả lời bạn".

PH: Thế nào, ông Socrates, ông nghĩ thế nào về bài này? Tuyệt vời phải không, đặc biệt về ngôn ngữ?

SOC: Đúng, tuyệt vời; tôi cảm thấy ngây ngất. Nhưng đó cũng là nhờ anh, Phaedrus, vì tôi quan sát anh lúc anh đọc và thấy anh ngây ngất, vì thế tôi nghĩ anh có kinh nghiệm hơn tôi về những vấn đề này, nên theo gương anh, tôi cũng cảm thấy ngây ngất.

PH: Ông lại thích đùa rồi.

SOC: Anh cho rằng tôi không nghiêm túc?

PH: Thôi, Socrates, đừng nói giọng ấy nữa, nhưng xin ông cho biết ý kiến thật của ông; nhân danh tình bạn, tôi buộc ông phải nói thật cho tôi biết ông có nghĩ rằng có người Hy Lạp nào có thể nói về đề tài này hay hơn được không?

SOC: Được, nhưng anh và tôi đang muốn khen tình cảm của tác giả, hay chỉ khen lời văn sáng sủa, chính xác, gãy gọn và ngôn ngữ phong phú? Nếu về điểm thứ nhất thì tôi xin nhường cho phán đoán của anh, vì tôi không đủ trình độ để cho ý kiến, vì tôi chỉ để ý tới cách tu từ mà thôi; và về phương diện này tôi nghi ngờ là liệu Lysias có thể tự bênh vực mình được không; vì tôi nghĩ anh ta đã lặp đi lặp lại hai ba lần, hoặc là do thiếu từ, hay vì thiếu cố gắng; và anh ta có vẻ như cũng muốn phô trương tài ăn nói của anh để người nghe nghĩ rằng anh ta có thể diễn tả cùng một điều bằng hai hay ba cách.

PH: Vô lý, Socrates; đó là cách anh ấy khai triển vấn đề một cách thấu đáo; vì anh không bỏ sót điều gì; - đây là giá trị đặc biệt của bài diễn thuyết và tôi không nghĩ ai khác có thể nói hay viết đầy đủ và hay hơn.

SOC: Đến đây thì tôi không thể đồng ý với anh được nữa. Các bậc hiền triết xưa, nam cũng như nữ, đã từng nói và viết về đề tài này và họ sẽ phản đối tôi nếu tôi dễ dãi đồng ý với anh về điểm này.

PH: Họ là những ai và ông đã được nghe những bài hay hơn thế này ở đâu?

SOC: Tôi chắc là mình đã nghe rồi; tạm thời tôi không nhớ mình đã nghe ai; có lẽ là chàng trai trẻ xinh đẹp Sappho, nhà thông thái Anacreon; hay có thể là một nhà văn xuôi. Điều

gì làm tôi nói như vậy? Bởi vì tôi nhận thấy lòng tôi đầy ắp và tôi có thể làm một bài diễn thuyết cũng hay như của Lysias nhưng khác với bài của anh ta. Nhưng tôi tin chắc đó không phải do tôi bịa ra, vì tôi biết rằng mình không biết gì cả và vì vậy tôi chỉ có thể suy ra rằng tôi đã nghe được từ người khác, mặc dù trí nhớ kém cỏi không cho phép tôi nhớ ai đã nói cho tôi nghe.

PH: Tuyệt vời. Nhưng ông nghe ở đâu hay ai nói, điều đó không quan trọng; nếu ông muốn giữ bí mật điều này, ông cứ việc giữ lấy nó, dù tôi rất muốn biết. Nhưng ông hãy làm điều ông vừa hứa: hãy làm một bài diễn thuyết khác về đề tài này, cũng dài bằng nhưng hay hơn bài của Lysias và với các lập luận khác; và tôi, giống như chín pháp quan Archon của Hy Lạp, tôi hứa sẽ dựng một tượng của ông thật to ở đền Delphi.

SOC: Anh quá ngây thơ nếu anh tưởng tôi cho rằng Lysias hoàn toàn không đạt mục tiêu và tôi có thể làm một bài diễn thuyết mà không sử dụng một lý luận nào của anh ấy. Một tác giả tồi nhất cũng có thể nói một điều gì thích hợp. Ví dụ, ai có thể nói về đề tài này của anh mà không ca ngợi sự thận trọng của những người không yêu và hoàn toàn chê trách sự ngu ngốc của người yêu? Đây là những điều bình thường phải đưa vào (vì ngoài ra còn có gì khác để nói?) và phải được châm chước; công lao chỉ là ở việc sắp xếp thứ tự chúng, vì chẳng có gì là mới cả; nhưng khi anh rời bỏ những cái tầm thường, thì anh có thể thấy có cái gì độc đáo trong đó.

PH: Tôi nhìn nhận điều ông nói có lý và tôi cũng sẽ tỏ ra biết điều, để ông bắt đầu với tiền đề rằng người yêu thì lộn xộn trong các suy nghĩ của họ hơn người không yêu; và nếu sau đó ông tiếp tục bài diễn thuyết và nói dài hơn, hay hơn bài của Lysias và dùng các lý luận khác, thì tôi nói lại một lần nữa, tôi sẽ dựng cho ông một tượng bằng vàng ròng tại đền thờ lớn Cypselids ở Olympia.

SOC: Người yêu không nghiêm túc sao, anh Phaedrus, vì tôi chỉ bàn về tình yêu của họ một cách bông đùa thôi mà? Vì vậy anh thực sự tưởng rằng tôi sẽ làm khá hơn bài của anh ấy được sao?

PH: Thôi được, tôi cãi không lại ông. Nhưng ông phải nói "hay nếu có thể" và không

được có sai lầm. Và đừng để chúng ta cứ phải giằng co với nhau mãi giống như trong một vở hài kịch, hay buộc tôi phải nói với ông như ông đã nói với tôi, "Tôi biết Socrates cũng rõ như tôi biết chính mình và ông ấy rất muốn nói, nhưng lại giả bộ". Tôi muốn ông biết rằng chúng ta sẽ không thể rời khỏi nơi này cho tới khi ông đã trút hết tâm tư của ông ra; vì ở đây chỉ có hai người chúng ta và ông nên nhớ rằng tôi khỏe hơn và trẻ hơn ông nhiều; vì vậy ông hãy cân nhắc đừng buộc tôi phải dùng vũ lực với ông.

SOC: Nhưng, anh bạn Phaedrus thân yêu, làm sao tôi có thể đua tài với Lysias về mặt ứng khẩu được? Anh ta là một bậc thầy về mặt này còn tôi chỉ là một kẻ vô học.

PH: Ông biết vấn đề như thế nào rồi đấy, đừng kiếm cớ nữa; vì tôi biết sẽ phải dùng lời gì để bắt buộc ông.

SOC: Ấy chết, đừng nói.

PH: Nhưng tôi buộc phải nói; và lời nói của tôi sẽ là một lời thề. "Tôi nói, đúng hơn tôi thề" - nhưng lấy thần nào làm chứng cho lời thề của tôi? - "tôi thề trước cây tiêu huyền này rằng, trừ khi ông lặp lại bài diễn thuyết ngay tại đây, trước cây tiêu huyền này, bằng không tôi sẽ không bao giờ kể lại cho ông một bài khác; không bao giờ nói một lời nào khác với ông!"

SOC: Đồ xỏ lá! Tôi chịu thua; kẻ yêu mến diễn thuyết kém tài này không còn gì để nói.

PH: Vậy tại sao ông vẫn còn bày đặt?

SOC: Bây giờ anh đã thề rồi thì tôi không còn dám bày đặt gì nữa, vì tôi không muốn bị chết đói.

PH: Vậy ông bắt đầu nói đi.

SOC: Tôi sẽ nói cho anh biết tôi sẽ làm gì chứ?

PH: Sao?

SOC: Tôi sẽ lấy khăn che mặt lại và sẽ phóng ra các lời của tôi với tốc độ tối đa, vì nếu tôi nhìn thấy anh, tôi sẽ xấu hổ và không biết nói gì.

PH: Ông cứ việc bắt đầu và làm gì tuỳ thích.

SOC: Xin hãy đến, hỡi các Thi thần, các thần giai điệu là tên gọi của các ngài, dù là tên gọi đúng với tính cách của các ngài, hay vì người dân Melos là một dòng giống âm nhạc, hãy đến giúp tôi kể câu chuyện mà người bạn thân của tôi muốn tôi kể cho anh ta, vì lợi ích của người bạn mà anh ta luôn luôn coi là khôn ngoan và bây giờ sẽ coi là khôn ngoan hơn bao giờ.

Ngày xửa ngày xưa, có một cậu bé, hay nói chính xác hơn, một thanh niên khôi ngô tuấn tú; cậu rất đẹp và có rất nhiều người yêu; và có một người đặc biệt mưu mẹo đã thuyết phục cậu tin rằng người ấy không yêu cậu, nhưng cậu vẫn thực sự yêu người ấy; và một ngày khi người ấy nói chuyện với cậu, người ấy dùng chính lý luận này - cậu phải chọn người không yêu hơn là người yêu; và người ấy nói những lời như sau:

"Mọi lời khuyên tốt đều bắt đầu như nhau; một người phải biết mình đang khuyên điều gì, bằng không lời khuyên của họ sẽ vô ích. Nhưng người ta nghĩ rằng họ biết về bản chất của sự vật, trong khi thực ra họ không biết và vì không nhất trí được với nhau ngay từ đầu, nên cuối cùng đương nhiên họ đã bất đồng với nhau và với chính mình. Vậy anh và tôi không được mắc phải sai lầm mà chúng ta kết án nơi những người khác; nhưng vì vấn đề của chúng ta là nên chọn người yêu hay người không yêu, nên trước tiên chúng ta phải nhất trí trong định nghĩa về bản chất và sức mạnh của tình yêu, rồi sau đó, giữ vững định nghĩa này, chúng ta sẽ tìm hiểu xa hơn để xem tình yêu có lợi hay có hại.

"Mỗi người đều thấy tình yêu là một ước muốn và chúng ta cũng biết rằng những người không yêu thì muốn cái đẹp và cái tốt. Vậy thì người yêu và người không yêu khác nhau ở chỗ nào? Chúng ta nên nhớ rằng nơi mỗi người chúng ta đều có hai nguyên tắc hướng dẫn và điều khiển đưa chúng ta tới chỗ chúng muốn; một là ước muốn tự nhiên về khoái lạc, còn ước muốn kia là một ý kiến học được muốn tìm cái gì là tốt nhất; và hai nguyên tắc này khi thì hòa hợp khi thì tranh chấp nhau và khi thì cái này thắng, khi thì cái kia. Khi ý kiến thắng và nhờ lý trí trợ giúp dẫn chúng ta tới cái tốt nhất, nguyên tắc chiến thắng này được gọi là tiết độ; nhưng khi ước muốn không có lý trí trợ giúp cai trị chúng ta và lôi kéo chúng ta đến với khoái lạc, sức mạnh ấy bị sử dụng sai và được gọi là sự thái quá. Vậy sự thái quá này có nhiều tên gọi và nhiều thành phần, nhiều hình thức và bất cứ hình thức nào trong số này khi nổi bật thì đều đặt một tên gọi cho người mang tên ấy, vừa không đáng kính vừa không đáng muốn. Ước muốn ăn, khi thắng lướt lý trí cao hơn và các ước muốn khác, thì gọi là tính tham ăn và người có ước muốn này thì gọi là kẻ tham ăn; ước muốn uống rượu không thể kiềm chế, khiến người có ước muốn này mê uống rượu, thì cũng có cái tên gọi hiển nhiên của nó; và có thể nói như thế về tất cả các ước muốn và các tên gọi khác, khi chúng trội hơn các ước muốn khác. Và bây giờ tôi nghĩ anh sẽ nhận ra chủ đích của tôi trong bài này; nhưng vì mọi

lời nói ra thường là rõ ràng hơn lời không nói ra, nên tôi cần nói thêm rằng thứ ước muốn không được lý trí kiểm soát, mà lướt thắng khuynh hướng về ý kiến đúng và bị lôi kéo tới sự hưởng thụ cái đẹp và đặc biệt người đẹp, bởi các ước muốn tương tự với nó - thứ ước muốn này chinh phục và dẫn đầu mọi ước muốn khác và có sức mạnh ghê gớm, thì được gọi là sức mạnh tình yêu".

Bây giờ, anh Phaedrus, tôi sẽ ngưng giây lát và hỏi anh xem anh có cho tôi là được thần hứng không?

PH: Vâng, Socrates, ông xem ra có hứng chưa từng thấy.

SOC: Vậy, anh hãy im lặng mà nghe tôi; vì chắc chắn đây là nơi thánh; vì thế anh sẽ không phải ngạc nhiên nếu khi nói tôi tỏ ra chìm vào cơn thịnh nộ của thần linh, vì bây giờ tôi đã bắt đầu say sưa với bài ca tụng tình yêu rồi.

PH: Đúng thế đấy.

SOC: Vậy anh hãy nghe và cũng có thể chúng ta sẽ tránh được cơn giận thần linh; tất cả còn tuỳ vào sức mạnh của các thần. Bây giờ tôi bắt đầu.

Anh bạn, chúng ta đã tuyên bố và xác định bản chất tình yêu là gì. Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu xem có cái lợi hay cái hại nào phát xuất từ người yêu hay người không yêu đối với người chấp nhận họ.

Người nào là nạn nhân của các đam mê của mình và là nô lệ cho khoái lạc sẽ muốn làm cho người mình yêu trở nên dễ thương với mình nếu có thể. Vậy đối với người không có suy xét đúng đắn thì cái dễ thương là cái gì không đối nghịch với mình, nhưng cái đáng ghét là cái gì bằng mình hay hơn mình và vì thế người yêu sẽ không chịu cho người mình yêu có gì bằng mình hay hơn mình; họ luôn luôn bị sử dụng để trở nên thua kém với người yêu. Và người ngu dốt thì thua kém người khôn ngoan và người hèn nhát thua kém người can đảm, người nói chậm thua người nói giỏi, người ngu thua người khôn. Đây là loại các khuyết điểm tự nhiên làm cho người yêu thích thú và họ phải tạo ra các khuyết điểm này nơi những người ấy, bằng không họ sẽ không có được niềm vui. Và vì vậy họ không thể không ghen tị và họ sẽ lôi kéo người được yêu ra khỏi các lợi ích xã hội có thể làm cho người ấy nên tốt hơn, đặc biệt khỏi cái xã hội làm cho người ấy thành kẻ khôn ngoan. Nghĩa là, họ sẽ buộc phải loại trừ khỏi người ấy triết học thần linh, vì họ sợ rằng mình sẽ bị khinh bỉ trong con mắt người ấy; và không có tổn hại nào lớn hơn điều này. Hơn nữa, họ sẽ tìm hết cách để người ấy hoàn toàn ngu dốt và lệ thuộc

vào họ trong mọi sự; người ấy phải là niềm say mê của quả tim người yêu và là sự nguyền rủa đối với chính mình. Thật vậy, người yêu là một người bảo vệ và người bạn có lợi cho họ trong tất cả những gì liên quan tới tâm trí họ.

Tiếp đến chúng ta sẽ xem ông chủ của họ, mà luật đời sống là khoái lạc chứ không phải là điều thiện, sẽ giữ và huấn luyện thân thể của người nô lệ của nó như thế nào. Hẳn là nó sẽ chọn một người được yêu có thân hình mảnh mai hơn là một người khỏe mạnh vạm vỡ chứ? Một người được nuôi dưỡng dưới bóng mát chứ không phải dưới ánh nắng mặt trời, không luyện tập các loại thể dục của đàn ông hay phải đổ mồ hôi, nhưng chỉ biết một nếp sống êm ả xa hoa, thay vì màu sắc của sức khỏe thì chỉ là màu sắc của các đồ trang điểm? - một nếp sống mà ai cũng có thể tưởng tượng ra được và tôi không cần mô tả chi tiết gì thêm. Nhưng tôi có thể tóm tắt những gì tôi phải nói bằng một câu mà thôi rồi chuyển sang vấn đề khác. Một người như thế trong chiến tranh, hay trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào của cuộc đời, sẽ là mối lo lắng của các bạn bè và cả của người yêu họ và chắc chắn không thể là nỗi khiếp sợ của các kẻ thù họ; điều này không ai có thể phủ nhận.

Bây giờ chúng ta hãy nói xem người được yêu sẽ được lợi gì hay chịu thiệt gì từ sự bảo vệ và xã hội của người yêu trong vấn đề của cải; đó là điểm chúng ta sẽ bàn tiếp sau đây. Mọi người và trên hết là người yêu, sẽ thấy rằng ước muốn đầu tiên của họ là tước đoạt khỏi người được yêu của mình các của yêu quí nhất và tốt nhất, cha, mẹ, bà con, bạn bè, tất cả là những người mà họ coi là có thể ngăn cản hay quấy rầy việc trò chuyện thân mật của họ; họ thậm chí còn ganh tị về vàng bạc hay các tài sản khác, vì những thứ này khiến họ trở thành con mồi khó điều khiển hơn và vì thế tất nhiên họ không hài lòng khi người được yêu có những của cải ấy, nhưng vui khi họ mất chúng; và họ sẽ thích người yêu của họ là người không vợ, không con, không nhà cửa; và càng lâu càng tốt, bởi vì tình trạng này càng kéo dài lâu, họ càng được vui hưởng người yêu của họ.

Có những thứ người nịnh hót khá nguy hiểm và rắc rối, nhưng tự nhiên đã pha trộn trong họ một sự thú vị và ham thích nhất thời. Bạn có thể nói rằng một kẻ nịnh đầm thì có hại và không chấp nhận loại người như thế cũng như các hành vi của họ, nhưng tạm thời lúc ấy họ rất thú vị. Nhưng người yêu không chỉ rắc rối đối với người yêu, họ còn làm cho đời sống chung trở thành vô cùng khó chịu. Tục ngữ nói, người giống nhau thì thích nhau; cùng tuổi thường có cùng những sở thích và những người

giống nhau thích làm bạn với nhau, nhưng bạn thấy những điều này nhiều khi cũng gây khó chịu và sự cưỡng ép luôn luôn là điều trầm trọng. Vậy người yêu không những không giống với người được yêu, nhưng họ còn cưỡng bức người được yêu phải nên giống họ. Vì họ già còn người được yêu thì trẻ và họ không bao giờ chịu xa người được yêu dù ngày hay đêm; nhu cầu và sự thôi thúc của thèm muốn lôi kéo họ và nhử họ bằng niềm vui thú mà họ nhận được khi được nhìn, nghe, sờ mó và hiểu họ. Và vì vậy họ vui sướng bám chặt vào người ấy và phục vụ người ấy. Nhưng người được yêu có thể nhận được sự vui thú hay niềm an ủi nào trong tất cả thời gian này? Hẳn là họ phải cảm thấy ghê tởm khi nhìn bộ mặt già nua héo tàn và thấy nó càng đáng ghét khi họ buộc phải tiếp xúc hằng ngày với người ấy. Hơn nữa, họ còn bị canh chừng bằng con mắt ghen tuông trước mọi người khác và phải nghe những lời tự tán dương mình một cách cường điệu và sai sự thật, là điều không thể chịu nổi khi người ấy tỉnh táo và không những không thể chịu nổi, chúng còn được công bố cho mọi người biết với tất cả sự vô liêm sỉ và nhàm chán khi người ấy say rượu.

Và không chỉ khi còn tình yêu người ấy đã tỏ ra ghê tởm và nhàm chán, mà cả khi tình yêu chấm dứt, người ấy trở thành một kẻ thù cay đắng của người mà trước đây họ từng có những lời thề thốt và hứa hẹn, nhưng vẫn không ngăn cản được họ nhàm chán tiếp xúc cho dù vì lý do lợi lộc. Thời gian trả nợ đã đến và bây giờ họ trở thành nô lệ của một ông chủ khác; thay vì tình yêu và sự hợm hĩnh, bây giờ chủ của họ là sự khôn ngoan và tiết độ; con người đã thay đổi, nhưng người được yêu không ý thức được điều này; họ đòi sự đáp trả và nhắc nhớ trong ký ức mình những hành vi và lời nói trước kia, vì họ tưởng tượng ra rằng họ đang nói với cùng một người trước kia, và người kia vì xấu hổ và không có can đảm nói cho họ biết mình đã thay đổi, và vì không biết làm cách nào thực hiện các lời hứa của mình, nên bây giờ đã trở nên nhân đức và tiết độ; họ không muốn làm như họ đã làm hay đã tỏ ra trước kia. Vì vậy họ chạy trốn và chỉ có thể là người bỏ cuộc; họ chạy trốn nhanh như con quay và người kia buộc phải theo họ với sự đam mê và cầu khẩn, mà không biết rằng lẽ ra họ đã không bao giờ nên chấp nhận một người yêu mất trí thay vì một người không yêu có lý lẽ; và cũng không biết rằng khi chọn lựa như thế họ đã chiều theo một kẻ bất trung, tình cảm ướt át, ghen tuông, ghê tởm, có hại cho đời sống và thân thể họ và còn có hại hơn cho sự phát triển tâm trí họ, vốn là và sẽ mãi mãi là của đáng quí nhất cả đối với các thần và người

ta. Anh bạn trẻ xinh đẹp, hãy suy nghĩ về điều này và biết rằng trong tình bạn của người yêu không có lòng tử tế thật sự; họ có một sự thèm muốn ăn của bạn.

"Những kẻ đang yêu yêu thích người yêu giống như sói yêu thích chim non".

Nhưng, như tôi đã nói, tôi đang nói bằng văn thơ và vì thế tốt hơn tôi nên kết thúc; như thế đã đủ rồi.

PH: Tôi nghĩ ông mới chỉ nói được một nửa và còn phải nói một bài tương tự về tất cả những cái lợi trong việc chấp nhận người không yêu. Tại sao ông không tiếp tục?

SOC: Anh không thấy rằng tôi đã ra khỏi giọng ca ngợi tình yêu để chuyển sang giọng hùng ca sao? Và nếu tôi đã nói bằng thơ, thì lời ca ngợi của tôi sẽ thế nào? Anh không thấy rằng tôi đã bị chinh phục bởi các tiên nữ mà anh đã tinh nghịch đưa tôi tới sao? Và vì vậy tôi sẽ chỉ nói thêm rằng, người không yêu có tất cả những cái lợi mà người yêu không có. Và bây giờ tôi sẽ không nói gì nữa; tôi đã nói đủ cả về hai loại rồi. Để mặc câu chuyện cho số phận của nó, tôi sẽ sang sông và cố hết sức lần về nhà, kẻo lỡ sẽ bị anh giáng cho tôi một đòn nặng hơn nữa.

PH: Chưa đâu, Socrates; ông chưa thể đi được bao lâu trời vẫn còn nóng; ông không thấy rằng bây giờ đang là giữa trưa và mặt trời đang đứng trên đỉnh đầu chúng ta sao? Tốt hơn chúng ta hãy ở lại và thảo luận về những gì chúng ta vừa nói, rồi đến lúc trời mát hãy về.

SOC: Phaedrus, lòng ham thích truyện trò của anh thật là siêu phàm và tuyệt diệu, và tôi không nghĩ là có người đương thời nào có thể sánh với anh trong việc dụ người khác nói nhiều như thế. Không kể Simmias người xứ Thebes, còn tất cả đều thua xa anh. Và bây giờ tôi thực sự tin rằng anh đã thành công buộc tôi nói thêm một bài nữa rồi.

PH: Đó là tin tốt. Nhưng ông định nói gì?

SOC: Tôi định nói rằng tôi sắp sửa sang sông ngay khi có dấu hiệu mà tôi thường thấy; nghĩa là dấu hiệu không bao giờ truyền tôi làm nhưng luôn luôn cấm tôi làm điều tôi đang định làm; và tôi nghĩ tôi đã nghe được một tiếng nói vào tai tôi rằng, tôi đã phạm tội vô đạo và tôi không được đi khỏi đây trước khi tôi đã làm

việc đền tội. Bây giờ tôi là một thầy bói, mặc dù không phải một thầy bói giỏi, nhưng tôi có đủ đạo đức cho nhu cầu của tôi, như anh có thể nói về một nhà văn dở - tác phẩm của họ đủ hay đối với họ. Và, hỡi anh bạn yêu quí, linh hồn có khả năng tiên tri một cách kỳ diệu biết bao! Vì bây giờ quả thực tôi đang bối rối và tôi nghi ngờ rằng tôi có thể đang nhận được danh dự từ loài người nhưng lại phạm tới các thần linh. Bây giờ tôi biết mình sai rồi.

PH: Sai chỗ nào?

SOC: Bài diễn thuyết anh đọc cho tôi nghe thật là kinh khủng và anh khiến tôi nói một bài cũng kinh khủng như thế.

PH: Sao có thể thế được?

SOC: Tôi nói nó là một bài ngu xuẩn và phần nào vô đạo; anh thử nghĩ xem có gì có thể kinh khủng hơn không?

PH: Không có gì kinh khủng hơn, nếu quả thật bài ấy là như ông diễn tả.

SOC: Được, thần Eros, con của thần Aphrodite, không phải là một thần mạnh sao?

PH: Đó là ngôn ngữ loài người dùng để nói về thần ấy.

SOC: Nhưng đó không phải là ngôn ngữ của bài mà Lysias đã nói, cũng không phải là ngôn ngữ của bài tôi đã nói do bị sức lôi cuốn của anh và vì thế tôi có thể coi đó là bài anh nói chứ không phải bài tôi nói. Bởi vì ái tình, nếu là một vị thần hay có tính thần linh, thì không thể là điều xấu được. Nhưng đó lại là sai lầm trong cả hai bài của chúng ta. Hai bài của chúng ta cũng có sự trang trọng rất hấp dẫn: chúng không có sự thật hay chân thành, thế nhưng chúng lại tự phụ là một cái gì đó, với hi vọng đánh lừa được những người giấy trên trái đất và trở nên nổi tiếng giữa họ. Vì vậy tôi cần được xá tội. Và bây giờ tôi nghĩ đến một kiểu xá tội thần thoại đã được sáng chế ra, không phải bởi Homer, bởi vì ông không bao giờ tìm cách khám phá ra lý do tại sao ông mù, nhưng bởi Stesichorus, ông này là một triết gia nên ông biết lý do tại sao. Vì vậy, khi ông bị mất đôi mắt, là hình phạt ông phải chịu vì đã làm nhục nàng Helen xinh đẹp, ông đã tự xá tội mình. Và hành vi xá tội là một lời thú tội công khai, bắt đầu với các câu như thế này: -

"Tôi đã nói dối khi tôi nói rằng ngài không bao giờ lên những con tàu chạy nhanh, hay đi đến các tường thành Troy".

Và khi ông đã đọc xong bài thơ của ông, gọi là bài thú tội công khai, mắt ông lại được sáng trở lại. Bây giờ tôi sẽ khôn ngoan hơn cả Stesichorus hay Homer, ở chỗ tôi sẽ đọc lời thú tội trước khi tôi bị mất mắt; và tôi sẽ cố gắng làm việc này không phải một cách xấu hổ với khăn che mặt như trước, nhưng với vầng trán hiên ngang và mạnh bạo.

PH: Tôi không còn mong nghe gì hơn.

SOC: Chỉ có điều là, anh Phaedrus, anh hãy nghĩ xem trong cả hai bài diễn thuyết này - bài của tôi và bài anh đọc cho tôi nghe - đều thiếu tế nhị biết bao. Giả như có một người có bản chất cao quí và dịu dàng, yêu hay đã từng yêu một bản chất cũng giống như mình, giả sử khi người ấy nghe chúng ta nói tới những nguyên nhân vụn vặt của những chuyện ghen tuông, những đố kỵ quá đáng và những thiệt hại họ gây ra cho người yêu của họ, người ấy sẽ cho rằng các ý tưởng của chúng ta về tình yêu được lấy từ những câu chuyện của các thuỷ thủ không hề biết đến phép lịch sự - chắc chắn họ sẽ không bao giờ chấp nhận ý kiến của chúng ta đâu.

PH: Chắc chắn không bao giờ.

SOC: Vì vậy, vì tôi xấu hổ khi nghĩ đến con người ấy và cũng vì tôi sợ hãi Thần Tình Yêu, nên tôi muốn nuốt trôi xuống bụng tất cả thứ mật đắng ấy; và tôi muốn Lysias đừng chần chờ gì nữa, nhưng hãy viết ra một bài diễn thuyết khác, để chứng minh rằng phải chấp nhận người yêu chứ không chấp nhận người không yêu.

PH: Chắc chắn anh ấy sẽ làm. Ông sẽ nói bài ca ngợi tình yêu của ông và Lysias sẽ viết lại bài khác. Tôi sẽ bắt buộc anh ta phải làm việc đó.

SOC: Anh nói đúng theo bản chất của anh, vì thế tôi tin anh.

PH: Ông cứ nói đi, đừng sợ gì cả.

SOC: Nhưng ai sẽ là người thanh niên xinh đẹp mà tôi sẽ ngỏ lời và ai phải nghe, để họ không bị lôi kéo lạc hướng về một phía trước khi họ đã nghe phía bên kia?

PH: Người ấy đang ở sát cạnh ông và luôn sẵn sàng phục vụ ông.

SOC: Vậy, hỡi chàng trai trẻ, hãy biết rằng bài diễn thuyết trước là bài của một con người lịch lãm, đầy hương thơm phức, tên người ấy là Phaedrus, con của Con người Hợm hĩnh. Còn đây là bài thú tội của Stesichorus người đạo đức, đến từ thành Ước muốn và có hậu quả sau đây: Quả là một lời nói dối khi

tôi nói rằng người được yêu phải chấp nhận người không yêu và từ chối người yêu, vì người kia thì lành mạnh, còn người này thì điên khùng. Vì nói như thế có thể đúng nếu điên khùng chỉ là một điều xấu; nhưng cũng có một thứ điên khùng là một ân huệ đặc biệt của trời và là nguồn phước lành chính cho con người. Vì lời tiên tri là một thứ điên khùng và nữ tiên tri ở đền Delphi cùng các nữ tiên tri ở Dodona, khi mất trí, họ đã đem lại những phước lành to lớn cho dân Hi Lạp, cả trong đời sống công cộng và riêng tư, nhưng khi họ tỉnh táo, họ đem đến rất ít phước lành hay chẳng có phước lành nào cả. Và tôi cũng có thể nói cho anh biết rằng các nữ tiên tri Sybil và các người khác, những người có ơn tiên tri, họ đã nói tương lai của nhiều người và hướng dẫn những người này đi đúng đường; nhưng đó là chuyện ai cũng biết và kể ra nhiều sẽ nhàm chán.

Sẽ có lý hơn nếu gợi đến những người xưa đã phát minh ra các tên gọi, những người này nếu đã nghĩ rằng điên dại là một sự thất sủng hay ô nhục, hẳn họ đã không bao giờ gọi nghề tiên tri, vốn là nghề cao quí nhất, bằng cùng một tên gọi (*mantikè, manikè*) là điên khùng, vì họ liên kết hai điều này với nhau; nhưng hẳn họ đã phải nghĩ rằng có một sự điên khùng thần hứng không có nghĩa là thất sủng; vì hai từ *mantikè* và *manikè* thực ra chỉ là một, con chữ *t* chỉ là một chữ chèn vào vô nghĩa. Và điều này được chứng thực bởi tên gọi mà họ dùng cho việc nghiên cứu thuần lý về tương lai, nhờ các con chim hay các dấu hiệu khác; việc nghiên cứu này được sự trợ giúp của khả năng suy luận và thông tin cho tư tưởng con người (*nous* và *istoría*), ban đầu họ gọi là *oionoistikè*, nhưng về sau từ này đã đổi khi có con chữ Omega (*oionoistikè* và *oiwnistikè*) và xét theo tỷ lệ thì tiên tri (*mantikè*) cao hơn và hoàn hảo hơn bói toán cả về tên gọi và thực tại, cũng giống như người xưa cho rằng điên khùng thì cao hơn tỉnh táo (*sophrosúne*), vì một đàng chỉ có nguồn gốc con người, còn đàng kia có gốc thần linh.

Tôi có thể kể ra vô số hành vi cao thượng phát xuất từ sự điên khùng thần hứng. Và vì vậy, chớ có ai đe dọa hay làm chúng tôi run sợ khi nói rằng tình yêu chừng mực thì đáng có hơn tình yêu điên dại, nhưng họ hãy chứng minh cho chúng tôi rằng tình yêu không được các thần sai đến vì lợi ích của người yêu hay người được yêu. Về phần chúng tôi, chúng tôi sẽ chứng minh cho họ thấy rằng sự điên rồ của tình yêu là phước lành lớn

nhất của trời, và chứng minh này sẽ được người khôn ngoan đón nhận và người ngu dốt không tin. Và trước tiên, chúng ta hãy tìm hiểu xem đâu là sự thật về các tình cảm và hành động của linh hồn, thần linh cũng như người phàm. Và vì thế chúng tôi bắt đầu chứng minh như sau:

Linh hồn là bất tử, vì cái gì luôn luôn chuyển động thì bất tử; nhưng cái gì chuyển động và được một cái khác làm cho chuyển động, khi nó hết chuyển động thì nó cũng hết tồn tại. Vì vậy, chỉ cái gì tự mình chuyển động, không phải lệ thuộc cái khác, thì mới không bao giờ ngừng và là nguồn khởi nguyên chuyển động của mọi cái khác. Vậy mà cái gì là khởi đầu thì không được sinh ra, vì cái gì được sinh ra thì có một khởi đầu; nhưng chính cái khởi đầu thì không có khởi đầu, vì nếu cái khởi đầu được sinh ra bởi một cái gì khác, thì cái đó phải không có khởi đầu. Nhưng cái gì không được sinh ra thì cũng không bị hủy diệt; vì nếu cái khởi đầu bị hủy diệt, thì sẽ không có cái gì khác có khởi đầu và cũng không có gì từ một cái khởi đầu; và mọi cái phải có một khởi đầu. Do đó cái tự mình chuyển động là khởi đầu của chuyển động; và nó không thể bị hủy diệt hay được sinh ra, vì nếu thế cả trời đất và mọi thế hệ sẽ sụp đổ và đứng yên, và không bao giờ có chuyển động hay sự sinh ra. Nhưng nếu cái tự mình chuyển động là bất tử, thì người nào khẳng định rằng sự tự chuyển động là chính ý niệm và yếu tính của linh hồn, người ấy sẽ không thể bị bắt bẻ. Vì thân xác được chuyển động từ bên ngoài thì không có hồn; nhưng cái được chuyển động từ bên trong thì có một linh hồn và điều này bao hàm trong bản tính của linh hồn. Nhưng nếu linh hồn thực sự được khẳng định là tự chuyển động, thì nó cũng không có một khởi đầu và nó bất tử. Đó là chứng minh về sự bất tử của linh hồn.

Mô thể của linh hồn là một đề tài thảo luận lớn mang tính chất thần linh; nhưng ngôn ngữ loài người có thể nói về nó một cách vắt tắt và bằng một hình ảnh. Chúng ta hãy hình dung ra một bản chất kết hợp - một cặp ngựa có cánh và người đánh xe ngựa. Vậy, các con ngựa có cánh và người đánh xe của các thần đều là vật cao quí và thuộc giống cao quí, trong khi chúng ta thuộc giống kết hợp; con của chúng ta thì thuộc giống pha trộn; và chúng ta có một người đánh xe với hai con ngựa, một con cao quí và có nguồn gốc cao quí, còn con kia hèn hạ và có nguồn gốc hèn hạ; và ta dễ hiểu việc điều khiển hai con ngựa này là rất khó. Tôi sẽ cố gắng cắt nghĩa cho bạn loài phải chết khác với loài bất tử như thế nào. Linh hồn hay vật sống chăm lo cho vật không có sự sống và đi qua tất cả trời đất với các hình thức rất đa dạng; - khi

nó có đủ cánh, nó bay bổng lên cao và là người cai trị vũ trụ; trong khi linh hồn không hoàn hảo thì mất hết lông cánh và không thể bay cao, nó chúi xuống đất - ở đây, tìm được một chỗ ở, nó nhận một bộ khung trần thế có vẻ như tự chuyển động, nhưng thực ra nó được chuyển động bởi sức mạnh của linh hồn; và sự kết hợp này giữa hồn và xác được gọi là một sinh vật khả tử. Bởi vì không thể tin hay chứng minh về một sự kết hợp như thế bằng một cách nào khác ngoài chứng minh rằng nó là vật khả tử; mặc dù trí tưởng tượng có thể hình dung ra một vị thần mà chúng ta bịa ra mà chưa từng thấy hay biết - một vị thần tưởng tượng như thế, một vật bất tử có một thân xác và cũng có một linh hồn luôn luôn kết hợp với thân xác. Cứ giả sử có một vị thần tưởng tượng như thế, không sao. Nhưng điều chúng ta cần phải cắt nghĩa là lý do tại sao linh hồn bị mất lông cánh của nó. Cắt nghĩa ấy như sau.

Cánh là để bay cao và làm cho những cái bị trọng lực ghì xuống có thể đi lên thượng giới, là nơi ở của các thần; và đây chính là yếu tố của thân xác gần giống với thần linh nhất. Vậy mà yếu tố thần linh là cái đẹp, khôn ngoan, cái tốt và những điều giống thế; và linh hồn được nuôi dưỡng bằng những điều này và tăng trưởng nhanh; nhưng khi được nuôi dưỡng bằng những điều xấu và bẩn thỉu, nó tàn lụi và tiêu tan. Zeus, vị thần quyền năng cầm cương chiếc xe ngựa có cánh, dẫn đưa nó lên trời, bằng cách điều khiển mọi sự và chăm sóc mọi sự; và theo sau ngài là cả một đạo binh các thần và các thần nhỏ, được chia thành mười một nhóm; bởi vì chỉ có thần Hestia được để lại ở nhà trên thiên đình; số mười hai thần lớn khác đi trong hàng ngũ của mình. Và các thần được nhìn thấy trong thiên quốc nhiều cảnh đẹp; và có các con đường ra và vào, các thần hạnh phúc đi trên các con đường ấy, mỗi thần thi hành nhiệm vụ của mình; và bất cứ thần nào cũng có thể theo đuổi bất cứ ai họ thích, vì trên thiên đình không có sự ghen tuông. Đó là ở trong thiên đình. Nhưng khi các thần đi dự tiệc hội, khi họ đi lên bằng đường dốc đứng và lên tới chóp đỉnh của trời. Vậy các xe của thần, tự chúng giữ thăng bằng, chúng đi vút lên trên theo dây cương điều khiển; nhưng các xe khác thì gặp khó khăn, vì con ngựa có tật xấu, nếu nó không được huấn luyện thích đáng bởi người đánh xe, nó sẽ bị hút xuống và chúi xuống đất: - và đây là giờ hấp hối và xung đột tột cùng của linh hồn. Vì các linh hồn bất tử, khi chúng đi đến cuối đường, chúng đi ra và đứng trên phía sau của thiên đình, chuyển động xoay vòng của các quả cầu mang chúng đi theo vòng tròn và chúng nhìn thấy thế giới bên kia.

Vậy thiên đình ở trên mọi tầng trời, chưa có thi sĩ phàm trần nào đã từng hát hay sẽ bao giờ có thể hát được một bài ca ngợi thích đáng. Nhưng tôi phải nói, vì tôi buộc phải nói đúng khi nói về sự thật. Cái yếu tính không màu sắc, không hình thù và không thể sờ mó được thì trí khôn có thể thấy được, vì trí khôn là chủ duy nhất của linh hồn. Vòng quanh khu vực bên trên các tầng trời là chỗ của trí thức đích thực. Và vì trí khôn của thần linh và trí khôn của mọi linh hồn được nuôi dưỡng đúng đắn, thì được nuôi dưỡng bằng tinh thần và tri thức, một linh hồn thông minh như thế thì hạnh phúc vì được nhìn thấy hữu thể; và việc nuôi dưỡng bằng cái nhìn sự thật thì được trọn vẹn cho tới khi vòng xoay của các quả cầu đưa linh hồn trở lại chỗ cũ. Trong vòng xoay này linh hồn nhìn thấy công bằng, tiết độ và tri thức tuyệt đối, không phải dưới dạng sinh thành hay quan hệ, mà loài người gọi là hiện hữu, nhưng dưới dạng tri thức tuyệt đối về hiện hữu tuyệt đối; và được nhìn thấy các hiện hữu khác giống như thế và được nuôi dưỡng bằng các hiện hữu ấy, linh hồn đi xuống bên trong các tầng trời và trở về nhà, ở đó người đánh xe dẫn các con ngựa kéo xe vào chuồng, cho chúng ăn cao lương mỹ vị và uống mật ong.

Đây là cuộc sống của các thần; nhưng về các linh hồn khác, linh hồn nào theo Thần tốt nhất và giống Thần nhất thì sẽ nâng cao đầu của người đánh xe lên và đi vào thế giới bên ngoài và được đem đi theo đường xoay tròn, bị các con ngựa bất kham gây khó khăn và thấy được hữu thể đích thực, nhưng chỉ lờ mờ thôi; linh hồn khác đi lên rồi rớt xuống và nhìn thấy rồi lại không nhìn thấy, do tính bất kham của những con ngựa. Các linh hồn còn lại cũng khao khát lên thượng giới và tất cả cùng đi lên, nhưng vì không đủ mạnh, chúng bị rơi xuống vực thẳm khi chúng được mang đi theo đường xoay vòng, chúng chìm xuống, giẫm đạp lên nhau vì ai cũng muốn giành chỗ nhất; và xảy ra sự lộn xộn và những cố gắng ghê gớm, nhiều người bị què hay bị gãy cánh do sự kém cỏi của những người đánh xe; và sau các cố gắng vất vả vô ích, tất cả đều phải ra đi mà không được dẫn vào các mầu nhiệm của hữu thể và được nuôi bằng ý kiến. Lý do khiến họ hết sức ham muốn nhìn thấy cánh đồng sự thật là vì thức ăn thích hợp cho phần cao nhất của linh hồn thì phát xuất từ cánh đồng ấy; và nó là lương thực nuôi đôi cánh để linh hồn bay lên thượng giới. Và có một luật của nữ thần Thưởng Phạt, luật đó nói rằng linh hồn nào đạt được bất cứ tri thức nào về sự thật cùng với thần thì được giữ gìn không bị hại cho tới thời kỳ kế tiếp và người nào luôn luôn đạt tới thì luôn luôn

không bị hại. Nhưng khi linh hồn không thể theo và không thấy được sự thật, do một sự xui xẻo nào mà chìm xuống vùng quên lãng, những nết xấu và lông cánh của nó rụng mất và nó rớt xuống đất, thì luật ấy truyền rằng linh hồn này sẽ phải trải qua kiếp thứ nhất của con người, chứ không phải của một loài vật; còn linh hồn nào đã thấy phần lớn sự thật thì sẽ tái sinh làm một triết gia, hay nghệ sĩ, hay nhạc sĩ, hay người yêu; hồn nào đã thấy sự thật ở mức độ thứ hai sẽ là một minh quân hay một chiến binh hay một lãnh chúa; hồn nào thuộc hạng thứ ba sẽ là một nhà chính khách, một nhà kinh tế hay một nhà buôn; hạng thứ tư sẽ là người ham thích thể dục, hay là một thầy thuốc; hạng thứ năm là một tiên tri hay một tư tế; hạng thứ sáu là một nhà thơ hay người mô phỏng; hạng thứ bảy là một nghệ nhân hay nông dân; hạng thứ tám sống đời sống của một nhà nguỵ biện hay mị dân; hạng thứ chín là một nhà độc tài; - đây là tất cả những trạng thái thử thách mà người nào sống chính trực thì sẽ tốt hơn, người sống bất chính thì sẽ xấu hơn.

Linh hồn sẽ phải trải qua mười ngàn năm trước khi nó được quay trở lại chỗ mà nó đã xuất phát, vì nó không thể mọc lại cánh của nó nhanh hơn; chỉ có linh hồn của triết gia, vì vô tội và chân thật, hay linh hồn của người yêu, không có triết học, có thể mọc lại cánh vào thời kỳ một ngàn năm thứ ba; và nếu họ chọn lối sống này ba lần liên tục, họ sẽ nhận được cánh và ra đi vào cuối ba ngàn năm. Nhưng những linh hồn khác nhận sự xét xử khi chúng đã sống hết kiếp sống đầu tiên của chúng và sau khi được xét xử, một số đi xuống các trại giáo hóa ngầm dưới đất và bị trừng phạt; số khác đi lên một chỗ trên trời ở đó chúng chịu hình phạt nhẹ của công lý và ở đó chúng sống một nếp sống xứng đáng mà chúng đã sống khi còn ở trong thân phận con người. Và vào cuối ngàn năm thứ nhất, cả các linh hồn tốt lẫn xấu đều được rút thăm và chọn kiếp sống thứ hai và chúng có thể chọn bất cứ kiếp sống nào chúng thích. Và sau đó linh hồn của người có thể đầu thai vào kiếp của một con vật, hay từ kiếp con vật trở thành người. Nhưng linh hồn của người chưa bao giờ thấy sự thật thì sẽ không được đầu thai thành người, vì người phải có trí thông minh, "theo loài của mình", đi từ nhiều cái đặc thù của giác quan tới một khái niệm phổ quát của lý trí; và đây là sự nhớ lại những gì mà linh hồn chúng ta xưa kia đã thấy khi còn ở với Thần - khi từ trên cao nhìn xuống cái mà bây giờ chúng ta gọi là hữu thể và nhìn lên hữu thể đích thực. Và vì vậy chỉ có trí khôn của triết gia là có cánh mà thôi; và điều này là đúng, bởi vì theo mức độ khả năng của

họ, triết gia luôn luôn gắn bó với sự nhớ lại các điều có nơi Thần và được nhìn thấy Thần trong bản tính của ngài. Và người nào sử dụng đúng những ký ức này thì sẽ được dẫn vào các mầu nhiệm hoàn hảo và chỉ họ mới trở thành những con người hoàn hảo. Nhưng vì họ quên đi những lợi lộc trần gian và say mê những điều thần linh, nên thiên hạ coi họ là điên khùng và chê trách họ; người ta không thấy được rằng triết gia là người được thần truyền cảm hứng.

Cho đến đây tôi đã nói đủ về loại điên khùng thứ tư và là loại cuối cùng người ta gán cho những người mà khi nhìn vào cái đẹp dưới đất, thì được hướng tới chỗ nhớ lại cái đẹp đích thực; họ như thể muốn bay đi nhưng không thể bay; họ giống như con chim vỗ cánh muốn bay cao lên mãi và không màng gì tới thế giới bên dưới; và vì thế họ bị coi là điên. Và tôi cũng đã chứng minh rằng đây là sự thần hứng cao cả và tốt nhất, và đến từ cái tốt nhất, và người nào dự phần vào sự điên khùng này thì được gọi là người yêu cái đẹp.

Nhưng về cái đẹp, tôi lặp lại một lần nữa rằng chúng ta thấy nó rực rỡ bên cạnh các mô thể thiên thai; và ở dưới đất chúng ta cũng thấy nó rực rỡ và trong sáng qua cánh cửa sáng tỏ nhất của giác quan. Vì thị giác là giác quan tinh tường nhất trong các giác quan của chúng ta; mặc dù không phải nhờ nó mà ta thấy được sự khôn ngoan, vì nếu thế vẻ xinh đẹp của khôn ngoan sẽ có thể chuyển đi được nếu khôn ngoan có một hình ảnh có thể thấy được và điều này cũng đúng với vẻ xinh đẹp của các ý niệm khác. Nhưng chỉ có cái đẹp được dự phần vào điều này, vì nó vừa là đẹp nhất vừa là dễ thấy nhất. Vậy người nào chưa được dạy dỗ hay đã bị hư đốn, thì không thể được đưa ra khỏi thế giới này một cách dễ dàng để đến chỗ nhìn thấy cái đẹp tuyệt đối ở thế giới bên kia; họ chỉ nhìn vào cái có tên là cái đẹp ở thế giới này mà thôi và thay vì kinh ngạc khi nhìn thấy cái đẹp, giống như một con thú, họ chạy vội đến để vồ lấy nó và chiếm đoạt nó; họ đưa sự tham lam phóng đãng vào lòng họ và không sợ hay xấu hổ vì theo đuổi khoái lạc nghịch với tự nhiên. Nhưng người mới được huấn luyện và đã được chứng kiến nhiều cảnh vinh quang rực rỡ trong thế giới bên kia thì kinh ngạc khi họ thấy bất cứ cái gì mang dáng dấp hay khuôn mặt thần linh, là biểu thị hay mô phỏng cái đẹp thần linh; lập tức họ cảm thấy cả người run rẩy và một sự "sợ hãi" về thế giới cũ lan khắp người họ; nhưng rồi nhìn lên khuôn mặt của người họ yêu như của một vị thần, họ tôn kính người này và nếu họ không sợ bị người ta cho là một thằng

điên, họ có thể sẵn sàng dâng tế vật lên cho người họ yêu như cho hình ảnh của một vị thần; rồi khi họ đang ngắm nhìn người họ yêu, họ có một phản ứng và sự run rẩy tự nhiên chuyển thành một sức nóng làm họ toát mồ hôi một cách kỳ lạ; vì khi họ nhận tác động của cái đẹp qua cặp mắt họ, cánh của họ bị ướt và người họ thì nóng lên. Và khi người họ nóng lên, phần đuôi cánh bắt đầu bung ra và mọc từ chân lông ra, bao phủ khắp toàn thân của linh hồn - bởi vì trước kia toàn thân của linh hồn đều là cánh. Vậy trong tiến trình này, toàn thể linh hồn ở trong trạng thái sốt và sưng, giống như lợi răng bị sưng và đau khi nhổ răng; cũng thế, khi linh hồn bắt đầu mọc cánh, nó bị sưng và đau, và khi nhìn vào một người trẻ và xinh đẹp, nó nhận được những vệt nóng ấm truyền sang cho nó, vì vậy gọi là sức hấp dẫn (*imeros*) và được trở nên tươi tỉnh, ấm áp, rồi nó hết đau và cảm thấy vui sướng. Tình trạng này người ta gọi là tình yêu và giữa các thần cũng có một tên gọi mà anh có thể nhạo cười; trong tác phẩm ca tụng tình yêu của một tác giả mạo danh Homer, có hai câu thơ nhắc đến tên gọi này. Hai câu thơ này như sau: -

> *"Người phàm gọi nó là* Eros *(tình yêu), nhưng những linh hồn bất tử gọi nó là* Pteros *(bổ câu vỗ cánh), vì vỗ cánh là một nhu cầu của nó".*

Bạn tin hay không là tuỳ bạn. Bất luận thế nào, tình yêu của những người yêu nhau và nguyên nhân của tình yêu là đúng như những gì tôi đã mô tả. Như tôi đã nói ban đầu, tôi chia mỗi linh hồn thành ba phần, hai phần có hình dáng của ngựa và phần thứ ba có hình dáng của người đánh xe; và trong hai con ngựa, một con tốt, một con xấu, nhưng tôi chưa cắt nghĩa về nhân đức và nết xấu của chúng, vì thế bây giờ tôi tiếp tục cắt nghĩa điều này. Con ngựa tốt thì đứng thẳng và có thân hình đẹp; nó có cổ cao, mũi khoằm và da màu trắng, mắt đen và yêu thích danh dự, nết na và tiết độ, nó theo đuổi vinh quang đích thực; nó không cần đến roi, nhưng chỉ cần những lời nhắc nhở. Ngược lại, con ngựa kia có thân hình kềnh càng, không cân đối; nó có cổ ngắn và khoẻ; mặt dẹt và nước da đen, mắt xám và rực lửa, là bạn của tính thô lỗ và kiêu ngạo, tai ngắn, điếc, bất kham. Vậy khi người đánh xe nhìn thấy cái nhìn của tình yêu và tất cả linh hồn của nó ấm lên vì tình yêu này, đầy kích thích và thèm muốn, thì con ngựa thuần thục luôn có liêm sỉ, kiềm chế không nhảy bổ vào người được yêu; còn con ngựa kia, thay vì đối tính đổi nết vì những đòn vọt, nó chạy đi và

gây mọi rắc rối cho con ngựa cùng cặp với nó và cho người đánh xe, thúc đẩy chúng nhảy vào người được yêu và nhắc nhở chúng đến những thú vui của tình yêu. Thoạt đầu chúng tức giận chống lại nó và không chịu chiều theo những hành vi ghê tởm và phi pháp; nhưng cuối cùng, khi sự xấu đi đến chỗ tột độ, chúng chiều theo và chịu để lôi kéo theo con ngựa xấu. Và bây giờ chúng đang đứng ngắm nhìn vẻ đẹp khêu gợi của người được yêu. Nhưng khi người đánh xe nhìn thấy vẻ đẹp ấy, trí nhớ của nó lôi kéo nó trở về với cái đẹp đích thực và nó nhìn thấy vẻ đẹp này cùng với nàng tiên Nết Na đứng tại nơi thánh của nàng. Khi nhìn thấy nàng, nó sợ và sụp lạy; và khi sụp xuống, nó buộc phải kéo dây cương và dùng hết sức mạnh quất vào hông của cả hai con ngựa, một con thì nghe theo và không chống cự, còn con kia vẫn bất kham và kháng cự mãnh liệt; và khi chúng đã đi lùi lại một chút, một con thì đầy sự liêm sỉ và ngạc nhiên, nó toát mồ hôi trên khắp linh hồn nó; còn con kia, sau khi hết đau vì dây cương và vì bị té, nó phải rất khó khăn để lấy lại hơi thở, nó hết sức tức giận và chửi rủa thậm tệ người đánh xe và con ngựa bạn của nó, như thể vì thiếu can đảm cũng như nam tính mà chúng đã không giữ lời thoả thuận trước và phản bội nó. Và sau khi chúng lại nghe theo, nó buộc chúng tiếp tục đi và nó sẽ không chiều theo yêu cầu của chúng là đợi tới một lúc khác. Trở lại đúng giờ ấn định, chúng làm ra vẻ chúng đã quên mất và nó nhắc nhở chúng, thúc ép và lôi kéo chúng, cho tới khi cuối cùng nó buộc chúng phải đến gần. Và khi chúng đã đến gần, nó cúi đầu và dựng đuôi lên, ngậm chiếc hàm thiếc trong miệng và kéo đi mà không biết xấu hổ. Bấy giờ người đánh xe trở nên tồi tệ hơn bao giờ; nó gục ngã ngay lập tức và hung hăng giật cái hàm thiếc ra khỏi miệng con vật, làm cho miệng và hàm nó dính đầy máu, sau đó nó đè chân, hông nó xuống đất, đánh đập một cách tàn nhẫn. Và khi điều này đã diễn ra nhiều lần và con vật bẩn thỉu đã hết thói buông tuồng của nó, nó trở nên thuần tính và khiêm tốn đi theo ý muốn của người đánh xe, và khi nó thấy cái đẹp, nó sẵn sàng chết vì sợ. Và từ đó trở đi linh hồn của người yêu đi theo người nó yêu trong sự khiêm tốn và kính sợ.

Nàng Ái Tình yêu quý, thế là tôi đã đọc lên bài thú tội của mình, một cách trang trọng và hay đến mức có thể; tôi đã buộc phải sử dụng các câu nói văn vẻ vì Phaedrus muốn thế. Và bây giờ xin hãy tha thứ quá khứ và chấp nhận hiện tại, và hãy tỏ ra khoan dung độ lượng với tôi, đừng lấy mất cái nhìn hay nghệ thuật yêu đương của

tôi, nhưng xin hãy cho tôi được lọt mắt xanh của người đẹp. Và nếu Phaedrus hay tôi có nói điều gì đáng chê trách trong bài thứ nhất của tôi, thì hãy trách cứ Lysias, vì anh ta đã làm trước và đừng để chúng tôi đi theo vết chân của anh ta nữa; hãy bắt anh ta học triết học, giống như anh trai Polemarchus của anh ta; và rồi người yêu Phaedrus của anh ta sẽ không còn phải chần chừ do dự giữa hai thứ, nhưng sẽ hoàn toàn hiến mình cho các luận đàm tình yêu và triết học.

PH: Socrates, tôi mong rằng điều đó sẽ trở thành hiện thực để mang lại lợi ích cho bản thân tôi. Nhưng tại sao ông làm bài này hay hơn bài trước quá nhiều vậy? Tôi ngạc nhiên đấy. Và tôi bắt đầu sợ rằng tôi sẽ mất sự cảm phục của mình đối với Lysias, cho dù anh ta có sẵn sàng nói một bài khác cũng dài bằng bài của ông. Vì mới đây một trong các nhà chính khách của chúng ta đã chửi mắng anh ta chính vì lý do này; người ấy đòi phải gọi anh ta là một nhà văn mồm mép. Như thế cảm giác kiêu căng của anh ta có thể buộc anh ta phải bỏ viết.

SOC: Một ý tưởng thú vị đấy; nhưng tôi nghĩ anh quan niệm hơi sai về bạn anh nếu anh tưởng rằng anh ta sợ bất cứ lời phê bình nào; và có thể anh nghĩ rằng người phê bình anh ta đã nói một cách nghiêm túc sao?

PH: Ông Socrates, tôi nghĩ người ấy nói nghiêm túc đấy. Và ông cũng biết rằng các chính khách mạnh nhất và có suy xét nhất của chúng ta đều xấu hổ khi phải viết ra các bài diễn văn và để lại bằng văn bản, bởi vì họ sợ những người thời sau và không thích được gọi là các nhà ngụy biện.

SOC: Vậy là anh không hiểu gì về các chính khách đâu. Họ rất thích viết các bài diễn văn và để lại cho hậu thế. Và khi họ viết các bài ấy, để tỏ lòng biết ơn những người hâm mộ họ, họ thường đề tên những người này ở trên cùng.

PH: Ý ông là sao? Tôi không hiểu.

SOC: Anh không hiểu thật ư? Anh không biết rằng khi một chính khách viết, họ bắt đầu bằng tên của những người hâm mộ họ?

PH: Như thế nào?

SOC: Họ bắt đầu như sau: "Được làm bởi Nghị viện, Nhân dân, hay cả hai, theo như đề nghị của một tác giả nào đó"; và rồi họ kể ra mọi tước hiệu của họ và bắt đầu trình bày sự khôn ngoan của họ cho những người hâm mộ họ bằng những câu văn dài lê thê và

nhàm chán. Vậy đó không phải là một thứ tác quyền bình thường hay sao?

PH: Đúng vậy.

SOC: Và nếu luật được thông qua, thì giống như nhà thơ, họ cảm thấy thích thú vô cùng; nhưng nếu luật bị bác bỏ và họ không được đọc bài diễn văn và không được người ta nghĩ là viết giỏi, thì họ và phe của họ sẽ than khóc.

PH: Rất đúng.

SOC: Điều này cho thấy họ hoàn toàn không khinh bỉ việc viết ra các bài diễn văn, ngược lại, họ đánh giá nó rất cao.

PH: Tất nhiên.

SOC: Và khi nhà vua hay nhà hùng biện có quyền, như Lycurgus hay Solon hay Darius từng có, trong việc đạt được sự bất tử với tiếng tăm của một tác giả trong một nước, thử hỏi họ không được hậu thế coi họ như một vị thần ngay thời họ còn sống sao?

PH: Đúng thế.

SOC: Vậy anh có nghĩ rằng có ai khó chịu với Lysias mà lại chê trách anh ta vì anh ta là một nhà văn không?

PH: Theo quan điểm của ông thì không; vì theo ông họ chỉ chê trách anh ta vì những điều anh ta theo đuổi mà thôi.

SOC: Bất cứ ai cũng thấy rằng chẳng có gì xấu trong việc viết văn, đúng không?

PH: Hoàn toàn đúng.

SOC: Nhưng viết văn không hay, viết dở, có thể là điều đáng chê trách.

PH: Đúng thế.

SOC: Và cái gì là hay, cái gì là dở - chúng ta có cần hỏi Lysias hay một nhà thơ hay nhà hùng biện nào, những người từng viết hay sẽ viết một tác phẩm chính trị hay bất cứ tác phẩm nào khác bằng văn xuôi hay văn vần, chúng ta có cần họ nói cho chúng ta biết điều đó không?

PH: Cần gì? Một người sống bằng động cơ nào nếu không phải vì ham thích nói chuyện? Chắc chắn họ sẽ không sống vì các khoái lạc thân xác, vì những khoái lạc này luôn luôn bắt đầu bằng những đau đớn và vì thế chúng có thể đáng được gọi là những thú vui nô lệ.

SOC: Chúng ta vẫn còn thời giờ. Và tôi có thể như đang nghe được tiếng châu chấu kêu trong lúc mặt trời còn đang ở đỉnh đầu chúng ta, như thế chúng đang nói chuyện với nhau và nhìn vào chúng ta. Chúng sẽ nói gì nếu chúng thấy rằng chúng ta không

đang nói chuyện nhưng đang ngủ gà ngủ gật ngay giữa trưa, do tiếng ru ngủ của chúng và lười biếng không chịu suy nghĩ gì cả? Chúng sẽ có lý để chê cười chúng ta và có thể tưởng tượng rằng chúng ta là những tên nô lệ đang đến chỗ giải trí, giống như đàn cừu thiu thiu ngủ bên giòng nước ngay giữa trưa. Nhưng nếu chúng thấy chúng ta nói chuyện và giống như Odysseus ra khơi theo tiếng gọi của chúng, thì có thể vì kính trọng chúng ta, chúng sẽ cho chúng ta các quà tặng mà chúng đã nhận được từ các thần để ban cho loài người.

PH: Ông muốn nói đến những quà tặng nào? Tôi chưa từng nghe nói đến chúng.

SOC: Một người mê âm nhạc như anh hẳn phải đã nghe về câu chuyện các con châu chấu, người ta kể rằng chúng đã từng là con người vào thời đại trước khi có các Thi thần. Và khi các Thi thần xuất hiện với các ca khúc, chúng vô cùng say mê; vì thế chúng ca hát liên tục, quên cả ăn uống, cho tới cuối cùng chúng quên mất mọi sự và chết. Và bây giờ chúng đầu thai thành loài châu chấu; và đây là sự đầu thai mà các Thi thần làm cho chúng - chúng không còn đói, không còn khát nữa, nhưng luôn luôn ca hát từ lúc chúng mới sinh và không bao giờ phải ăn uống gì cả; và khi chết, chúng đến báo tin cho các Thi thần trên trời và các Thi thần thưởng cho chúng dưới đất. Vì vậy, chúng ta có rất nhiều lý do để luôn luôn phải nói chuyện chứ không được ngủ ngay giữa trưa.

PH: Vậy chúng ta hãy nói chuyện.

SOC: Chúng ta sẽ thảo luận về các luật về viết và nói như chúng ta đã đề nghị chứ?

PH: Tốt lắm.

SOC: Phải chăng luật đầu tiên để nói hay là tinh thần của người nói phải biết sự thật về điều mình sắp sửa nói?

PH: Nhưng, ông Socrates, tôi từng nghe nói rằng người muốn làm nhà hùng biện thì không cần phải nói đúng, nhưng chỉ cần họ dễ được đa số tán thành; và cũng không cần nói những điều thực sự là tốt hay đáng quí trọng, nhưng chỉ cần quan tâm tới dư luận quần chúng và các yếu tố để thuyết phục phải đến từ dư luận chứ không đến từ sự thật.

SOC: Mọi lời từ miệng người khôn ngoan phải được trân trọng chứ không được chà đạp dưới chân, vì có thể có

điều gì hay trong những lời ấy và có thể có điều gì đáng chú ý trong đó.

PH: Rất đúng.

SOC: Chúng ta hãy nêu vấn đề như sau: - Giả sử tôi thuyết phục anh mua một con ngựa và đi ra mặt trận. Không ai trong chúng ta biết con ngựa như thế nào, nhưng tôi biết anh tin rằng một con ngựa là một loài gia súc có tai dài nhất.

PH: Nghe kỳ cục quá.

SOC: Nhưng còn điều kỳ cục hơn nhiều. Bây giờ, giả sử tôi nói nghiêm túc rằng tôi sẽ soạn một bài ca tụng con lừa và tôi đề tặng một con ngựa, bài bắt đầu như thế này: "Một con vật quí phái và rất có ích, đặc biệt trong chiến tranh và anh có thể ngồi trên lưng nó đánh trận, và nó có thể mang hành lý và bất cứ đồ gì khác".

PH: Thế thì kỳ cục hết chỗ nói.

SOC: Kỳ cục! Đúng; nhưng một người bạn kỳ cục vẫn tốt hơn là một kẻ thù nguy hiểm chứ?

PH: Chắc chắn rồi.

SOC: Và khi một nhà hùng biện thay vì lấy một con lừa thay cho con ngựa, họ lấy điều tốt thay cho điều xấu và bản thân họ cũng như thành phố của họ không biết gì về bản chất thực của điều tốt và điều xấu; và sau khi nghe ý kiến của đa số, họ thuyết phục dân làm điều xấu thay vì điều tốt, - thử hỏi khi gieo loại hạt giống ấy, tài hùng biện của họ sẽ thu hoạch được điều gì?

PH: Bất cứ điều gì trừ điều tốt.

SOC: Nhưng có lẽ tài hùng biện sẽ trả lời: Hoàn toàn là chuyện vô nghĩa! Và giả sử tôi ép buộc một người học nói mà không biết gì về sự thật! Bất luận lời khuyên của tôi có giá trị gì, điều tôi phải dạy họ là trước tiên phải đi đến sự thật, rồi đến với tôi. Đồng thời tôi cũng mạnh bạo khẳng định rằng chỉ biết sự thật mà thôi không đủ để cho bạn nghệ thuật thuyết phục.

PH: Thuật thuyết phục có lý do riêng của nó.

SOC: Tôi nhìn nhận điều đó, nếu lý luận của nó làm chứng rằng nó là một nghệ thuật. Nhưng có vẻ như tôi nghe họ nói với nhau ngược lại, cho rằng điều nó nói không phải là sự thật và tài hùng biện không phải là một nghệ thuật mà chỉ là một trò giải trí nghiệp dư. Mà kìa! Một người Sparta xuất hiện và nói rằng chưa bao giờ có và sẽ không bao giờ có một nghệ thuật ăn nói thực sự mà không liên quan đến sự thật.

PH: Các lý luận ấy là thế nào, ông Socrates? Ông hãy đưa ra để chúng ta bàn luận.

SOC: Ra đi, các con của hồn ta và hãy thuyết phục Phaedrus, người cha của các cái đẹp, hãy thuyết phục anh ta rằng anh ta sẽ không bao giờ có thể nói về bất cứ điều gì nếu anh ta không học triết học. Và các ngươi hãy bảo anh ta trả lời các ngươi.

PH: Hãy nêu câu hỏi.

SOC: Chẳng phải tu từ nói chung là một nghệ thuật phổ quát để làm mê hoặc tinh thần bằng các lý luận; nó không chỉ được thực hiện tại các toà án hay các đại hội công cộng, nhưng còn tại các tư gia và liên quan đến mọi vấn đề, lớn cũng như nhỏ, tốt cũng như xấu và luôn luôn là đúng và đáng kính trọng - chẳng phải anh đã nghe như thế sao?

PH: Không, chính xác thì không; nhưng tôi muốn nói rằng tôi đã nghe nghệ thuật này được giới hạn vào việc nói và viết trong các vụ kiện cũng như tại các đại hội công cộng - ngoài ra không có ở chỗ khác.

SOC: Vậy tôi giả sử anh chỉ nghe về các bài tu từ của Nestor và Odysseus, họ soạn ra chúng vào những lúc rảnh rỗi khi họ ở Troy và không bao giờ ở Palamedes?

PH: Không ai khác ngoài Nestor và Odysseus, trừ khi ông coi Gorgias là Nestor của ông, và Thrasymachus cũng như Theodorus là Odysseus của ông.

SOC: Có thể ý tôi là như thế. Nhưng chúng ta không nói đến họ ở đây. Bây giờ xin anh nói cho tôi nghe, các bên nguyên đơn và bị cáo làm gì ở tòa án - họ tranh cãi nhau phải không?

PH: Đúng.

SOC: Về cái gì là đúng và không đúng - có phải là vấn đề tranh luận không?

PH: Vâng.

SOC: Và người giỏi nghề này sẽ làm cho cùng một điều đối với cùng một người lúc này là đúng và lúc khác là không đúng, nếu họ giỏi lý lẽ?

PH: Chính xác.

SOC: Và khi họ nói nơi công hội, họ sẽ làm sao cho cùng một điều lúc này thì có vẻ là tốt đối với thành phố và lúc khác thì điều ngược lại là tốt?

PH: Đúng thế.

SOC: Có phải chúng ta cũng đã nghe nói về Palamedes người Elea (Zeno), một người có tài hùng biện, ông đã từng khiến những người nghe ông thấy cùng một vật lúc này là giống nhau, lúc khác là khác nhau, lúc này là một, lúc khác

là nhiều, lúc này là tĩnh, lúc khác là động, phải không?

PH: Rất đúng.

SOC: Vậy nghệ thuật tranh biện không chỉ giới hạn vào các toà án và đại hội, nhưng có trong mọi cách sử dụng ngôn ngữ; đây là một nghệ thuật tìm ra mọi sự giống nhau ở những chỗ có thể tìm thấy, và làm sáng tỏ các sự giống nhau và các chỗ giả mạo mà người khác sử dụng?

PH: Ông muốn nói gì?

SOC: Tôi diễn tả lại vấn đề như sau: khi nào người ta dễ bị lừa nhất - khi sự khác biệt là lớn hay nhỏ?

PH: Khi sự khác biệt là nhỏ.

SOC: Và anh sẽ khó bị phát hiện khi đi từng mức một để sang một thái cực hơn là khi anh nhảy thẳng sang thái cực ấy?

PH: Tất nhiên.

SOC: Vậy người nào muốn lừa người khác mà không bị lừa, thì phải biết chính xác những sự giống nhau và khác nhau thực sự của các vật?

PH: Vâng, họ phải biết chính xác.

SOC: Và nếu họ không biết bản chất thực sự của một vật, làm thế nào họ phân biệt được các mức độ giống nhau nhiều hơn hay ít hơn với cái mà họ không biết?

PH: Họ không thể phân biệt được.

SOC: Và khi mọi người đều bị lừa và các khái niệm của họ có sự khác biệt với các thực tại, thì rõ ràng sự sai lầm sẽ len lỏi vào qua một ít nét giống nhau, đúng không?

PH: Đúng, nó sẽ len lỏi vào qua cách đó.

SOC: Vậy người nào muốn làm chủ nghệ thuật này thì phải nắm vững bản chất thực của mọi vật; bằng không họ sẽ không bao giờ biết được cách làm thế nào để thoát được việc họ sẽ dần dần xa rời sự thật để đến với sự thật ngược lại, vì những điểm giống nhau mà họ nhận thấy.

PH: Họ sẽ không thể.

SOC: Vậy người nào không biết sự thật mà chỉ biết được các bóng dáng của nó, thì chỉ đạt tới một nghệ thuật tu từ nực cười và hoàn toàn không đáng gọi là một nghệ thuật.

PH: Rất có khả năng ấy.

SOC: Vậy tôi đề nghị chúng ta tìm xem có các ví dụ nào về nghệ thuật tốt và nghệ thuật xấu không, dựa theo khái niệm của chúng ta về chúng, trong bài diễn thuyết của Lysias mà anh đang có trong tay và trong bài diễn thuyết của tôi.

PH: Một đề nghị tuyệt vời; và quả thật tôi thấy các lý luận

trước của chúng ta không có các ví dụ nào để minh họa.

SOC: Đúng thế; và hai bài diễn thuyết cung cấp cho chúng ta một sự minh họa rất tốt về cách mà nhà diễn thuyết khi biết sự thật có thể thu phục tâm hồn người nghe như thế nào. Tôi hy vọng tôi sẽ gặp được may mắn nhờ ơn phù trợ của các thần địa phương; và có lẽ các tiên tri của các Thi thần đang ca hát trên đầu chúng ta cũng có thể đã gợi hứng cho tôi. Vì tôi không nghĩ bản thân tôi có tài tu từ.

PH: Tôi không nghi ngờ gì điều ông nói; ông cứ bắt đầu đi.

SOC: Anh thử đọc tôi nghe những lời mở đầu bài của Lysias xem nào.

PH: "Bạn biết quan điểm của tôi về sự quan tâm chung của chúng ta và tôi không nghĩ rằng tôi sẽ phải thất bại trong việc đeo đuổi đối tượng của tôi, vì tôi không phải người yêu bạn: vì những người yêu sẽ hối tiếc - "

SOC: Đủ rồi. Bây giờ tôi có thể nêu ra những sai lầm tu từ trong những lời này chứ?

PH: Vâng.

SOC: Mọi người đều biết rằng chúng ta đồng ý với nhau về một số điều và bất đồng với nhau về một số điều khác.

PH: Tôi nghĩ tôi hiểu ý ông; nhưng ông có thể cắt nghĩa rõ hơn không?

SOC: Khi một người nói về sắt và bạc, có phải trong tâm trí mọi người đều hiểu về cùng một vật không?

PH: Chắc chắn rồi.

SOC: Nhưng khi một người nói về công bằng và tốt lành, thì có đủ thứ bất đồng ý kiến và chúng ta không nhất trí với nhau và với chính bản thân chúng ta, đúng không?

PH: Đúng thế.

SOC: Vậy chúng ta đồng ý với nhau về một số điều, nhưng không đồng ý về một số điều khác?

PH: Chính xác.

SOC: Về điểm này chúng ta thường dễ sai lầm và là chỗ mà khoa tu từ có thế mạnh hơn, đúng không?

PH: Rất rõ, trong loại vấn đề mà có khả năng sai lầm.

SOC: Vậy nhà tu từ phải thường xuyên làm một sự phân chia và có một khái niệm rõ ràng về cả hai loại, cũng như về cái mà đa số sai lầm và về cái mà họ không sai lầm?

PH: Phân biệt như thế là một nguyên tắc tuyệt vời của nhà tu từ.

SOC: Đúng; và tiếp đến, họ phải có mắt tinh tường để quan

sát các điểm đặc thù khi nói năng và không phạm sai lầm về loại sự vật mà họ đang nói đến.

PH: Chắc chắn.

SOC: Vậy thì tình yêu thuộc loại nào - loại có thể tranh cãi hay không thể tranh cãi?

PH: Chắc chắn thuộc loại có thể tranh cãi; vì nếu không, tại sao người ta có thể chấp nhận để ông nói rằng tình yêu là điều xấu cả đối với người yêu và người được yêu, đồng thời lại nói rằng tình yêu là điều tốt nhất có thể có?

SOC: Điểm chính là ở chỗ đó. Nhưng anh thử nói cho tôi xem tôi có định nghĩa tình yêu ở đầu bài không? Bởi vì tôi quá đãng trí không nhớ được.

PH: Vâng, đúng thế; ông đã định nghĩa ngay ở đầu bài, không thể sai.

SOC: Vậy tôi thấy các Tiên Nữ của Achelous và Pan con trai của Hermes, những vị thần gợi hứng cho tôi, đều là những nhà tu từ vượt xa Lysias con trai Cephalus. Trời! Anh ta thua xa họ! Nhưng có lẽ tôi lầm; và ở đầu bài ca ngợi tình yêu của anh ta, Lysias cũng đã đòi chúng ta giả thiết tình yêu là một cái gì đó tồn tại và anh ta cũng đề cập đến nó trong suốt phần còn lại của bài diễn thuyết. Chúng ta thử đọc lại bài của anh ta xem sao được không?

PH: Nếu ông muốn; nhưng ông sẽ không thể tìm thấy điều ông muốn tìm đâu.

SOC: Anh cứ đọc tôi nghe nguyên văn các lời của anh ấy.

PH: "Bạn biết quan điểm của tôi về sự quan tâm chung của chúng ta và tôi không nghĩ rằng tôi sẽ phải thất bại trong việc đeo đuổi đối tượng của tôi, vì tôi không phải người yêu bạn; vì những người yêu sẽ hối tiếc về những hành vi âu yếm của họ khi họ không còn đam mê nữa".

SOC: Đây chính là chỗ anh ấy có vẻ làm ngược lại điều lẽ ra anh phải làm; vì anh đã bắt đầu bằng phần cuối và bơi ngửa qua dòng suối các lời lẽ của mình để ngược trở về điểm xuất phát. Anh ngỏ lời với người đẹp mà anh yêu bằng cách nói tới sự kết thúc tình yêu của anh. Tôi nhận xét có đúng không, Phaedrus?

PH: Rất đúng, Socrates; anh ta bắt đầu ở điểm cuối.

SOC: Vậy còn về các đề tài khác, chúng rất lộn xộn, đúng không? Có nguyên tắc nào trong đó không? Tại sao đề tài tiếp theo hay bất cứ đề

tài nào khác lại buộc phải đi theo thứ tự ấy? Tôi không thể không nghĩ rằng anh ta viết bừa ra bất cứ ý tưởng nào chợt đến với mình, nhưng tôi dám quả quyết rằng anh sẽ nhận ra một sự tất yếu về tu từ trong chuỗi liên tiếp các phần khác nhau của bài văn này?

PH: Ông đánh giá tôi quá cao rồi, nếu ông nghĩ rằng tôi có thể nhận ra các nguyên tắc tu từ trong đó.

SOC: Dù sao, anh cũng nhận rằng mọi bài diễn thuyết phải là một sinh vật, có đầu, có mình và có chân; phải có phần giữa, phần đầu, phần cuối ăn khớp với nhau và với toàn thể chứ?

PH: Chắc chắn rồi.

SOC: Có thể thấy điều này trong bài của Lysias không? Anh hãy tìm xem có thể thấy được các mối liên kết nào trong các lời của anh ta hơn là các lời trong bài văn bia được nói là ghi khắc trên mộ của Midas người Phrygia không?

PH: Bài văn bia nổi tiếng ấy như thế nào?

SOC: Bài văn bia ấy như sau:

"Tôi là một nàng hầu bằng đồng; tôi nằm trên mộ Midas, mặc cho nước cứ chảy và cây cao cứ mọc, tôi vẫn mãi nằm đây. Tôi nằm trên một Midas than khóc Tôi phải kể cho những người qua đường biết rằng dưới mộ đất này Midas đang yên giấc".

Trong điệu thơ này, như anh thấy, một dòng đặt ngay ở đầu hay đặt ở cuối cũng không có khác biệt gì, đúng không?

PH: Ông đang chế nhạo bài diễn thuyết của chúng ta.

SOC: Thôi được, tôi sẽ không nói gì thêm về anh bạn của anh kẻo gây xúc phạm đến anh; mặc dù tôi nghĩ bài của anh ta còn có rất nhiều chỗ cho thấy điều mà một người diễn thuyết phải tránh. Nhưng tôi sẽ bàn sang bài diễn thuyết khác mà tôi nghĩ cũng sẽ gợi ý rất nhiều cho các sinh viên tu từ học.

PH: Như thế nào?

SOC: Hẳn anh còn nhớ, hai bài diễn thuyết mang hai tính chất đối chọi nhau, một bài lý luận rằng phải chấp nhận người yêu, còn một bài nói phải chấp nhận người không yêu.

PH: Và hợp với con người.

SOC: Đúng ra anh phải nói hợp với "sự điên rồ"; và đó là lý luận để bênh vực chúng, vì như tôi đã nói, "tình yêu là một sự điên rồ".

PH: Vâng.

SOC: Và có hai loại điên rồ; một do bệnh tật của con người, một do sức mạnh của các thần khác hẳn với đường lối thông thường của loài người.

PH: Đúng.

SOC: Sự điên rồ của thần lại được chia thành bốn loại, tiên tri, khai tâm, thi ca, ái tình, với bốn vị thần chủ trì chúng; loại thứ nhất được chủ trì bởi thần Apollo, loại thứ hai bởi Dionysus, loại thứ ba bởi Thi thần, loại thứ bốn bởi Aphrodite và Eros. Trong mô tả về loại điên rồ cuối cùng và cũng là loại tốt nhất, vì là một hình ảnh của tình yêu, chúng ta đã xen vào một bài ca tán tụng thần Eros, là chủ của anh và của tôi, và là thần hộ thủ của người thanh niên xinh đẹp; và chúng ta đã ca ngợi thần ấy bằng bài thánh thi có tiết điệu và trịnh trọng.

PH: Tôi rất muốn nghe về câu chuyện này.

SOC: Chúng ta sẽ lấy ví dụ này và xem xem sự chuyển tiếp từ chê trách sang khen ngợi diễn ra như thế nào.

PH: Tôi không hiểu ý ông.

SOC: Tôi muốn nói soạn tác này chủ yếu có tính bông đùa. Nhưng trong những chỗ vui đùa này cũng có hai nguyên tắc rất hấp dẫn nếu chúng được sửa sai bằng nghệ thuật.

PH: Là nguyên tắc nào?

SOC: Thứ nhất, là khả năng phân chia tùy theo các ý tưởng hay các phần tử tự nhiên, chứ không phải cắt nhỏ bất kỳ giống như một thợ chạm trổ tồi. Nhưng vì một thân thể có thể chia làm phần bên trái và phần bên phải, thì cũng thế, trong hai bài diễn thuyết, trước tiên ta giả thiết rằng có ý tưởng chung về cái vô lý và rồi một trong hai bài này bắt đầu phân chia các phần ở bên trái và chỉ dừng lại khi đã tìm ra một tình yêu xấu hay tay trái mà diễn giả phê bình một cách hợp lý; còn bài kia dẫn chúng ta tới phần bên phải trong đó có sự điên rồ và tìm thấy một tình yêu khác, có cùng tên gọi, nhưng là tình yêu thần linh và diễn giả trình bày nó trước mắt chúng ta, hoan hô nó như tác giả đem lại lợi ích lớn nhất cho chúng ta.

PH: Rất đúng.

SOC: Tôi rất thích các lối phân chia và tổng quát hóa này; chúng giúp tôi nói và suy nghĩ. Và nếu tôi gặp được người nào có khả năng thấy được sự duy nhất và đa dạng trong tự nhiên, thì tôi sẽ đi theo người ấy và coi họ như một vị thần. Và những người

có nghệ thuật này thì từ trước đến nay tôi quen gọi họ là các nhà biện chứng; nhưng chỉ có Thần mới biết được gọi như thế có đúng hay không. Và tôi cũng muốn biết anh sẽ đặt tên cho các môn đệ của anh hay của Lysias là gì, và đó có thể là thứ nghệ thuật tu từ nổi tiếng mà Thrasymachus và những tác giả khác sử dụng hay không? Họ là những người nói giỏi và họ truyền đạt tài nghệ của họ cho bất cứ ai chịu tôn thờ họ như những ông vua và dâng tặng họ quà cáp.

PH: Đúng, họ là những ông vua; nhưng nghệ thuật của họ không phải giống như nghệ thuật của những người mà ông gọi đúng là các nhà biện chứng. Chúng ta vẫn còn chưa biết rõ nhiều về tu từ.

SOC: Ý anh muốn nói gì? Khi đã lấy đi tất cả những cái khác, phần còn lại của nghệ thuật này hẳn phải có giá trị rất hiếm có; cả anh lẫn tôi đều khinh thường mọi cái khác. Nhưng cái còn lại là gì - anh có thể cho tôi biết được không?

PH: Chắc chắn có rất nhiều điều có thể tìm thấy trong các sách tu từ.

SOC: Đúng; cảm ơn anh đã nhắc tôi điều này; nếu tôi không lầm, đó là những điểm tinh tế của nghệ thuật, đúng không?

PH: Vâng.

SOC: Tiếp theo là lời phát biểu sự kiện và các nhân chứng; thứ ba, các chứng minh; thứ tư, các ý kiến cái nhiên; và nếu tôi không lầm, nhà nghệ sĩ nổi tiếng của Byzance cũng nói tới việc xác nhận và tái xác nhận.

PH: Ông muốn nhắc tới nghệ sĩ nổi tiếng Theodorus phải không?

SOC: Đúng; và ông ta cũng nói phải bác bỏ lý luận như thế nào, dù là bằng cách kết án hay bênh vực. Tôi không cần nhắc đến Evenus người Paros, là người đầu tiên phát minh ra lối ám chỉ gián tiếp và các lời ca ngợi cũng như chê trách, và nhà khôn ngoan này đã lấy nó làm một luật ghi nhớ bằng một câu thơ. Nhưng tôi cũng không thể quên không nhắc đến Tisias và Gorgias, là những người tin rằng tính cái nhiên có giá trị cao hơn sự thật và họ dùng lý luận để làm cho người ta nhìn nhỏ thành lớn và lớn thành nhỏ, mới thành cũ và cũ thành mới, và đã khám phá ra các hình thức phổ quát, hoặc là cái ngắn hay là cái vô hạn. Tôi nhớ

Prodicus đã từng cười nhạo khi tôi kể cho anh ta nghe điều này; anh ta nói chính anh ta đã khám phá ra qui luật của nghệ thuật đích thực, không phải là dài hay ngắn, nhưng là một chiều dài thích hợp.

PH: Hoan hô Prodicus.

SOC: Rồi còn có Hippias ở Elis, có lẽ cũng đồng tình với anh ta.

PH: Vâng.

SOC: Và cũng có Polus, ông đã có các trường dạy về ngoại giao, hình học và kinh tế, và đã dạy trong các trường này những lời mà khiến Licymnius tặng ông một món quà.

PH: Protagoras cũng có những lời dạy thuộc loại này chứ?

SOC: Đúng, các qui tắc về sự đúng đắn và nhiều nguyên tắc tinh vi khác; còn về "nỗi buồn của một ông già nghèo", hay bất cứ trường hợp đáng thương nào khác, thì không ai bằng nhà khổng lồ người Chalcedon; ông ta có thể làm cho cả một tập thể trở thành điên loạn và ra khỏi cơn điên loạn bằng phép mầu của ông, ông đứng đầu về nghệ thuật vu khống dù có lý do hay không. Tất cả họ đều nhất trí rằng một bài nói phải kết thúc bằng một lời tóm tắt, mặc dù họ không nhất trí về việc sử dụng lời nào.

PH: Có phải ông muốn nói rằng phải có câu tóm tắt các lý luận để nhắc người nghe nhớ lại chúng?

SOC: Bây giờ tôi đã nói đủ những gì cần nói về nghệ thuật tu từ; anh có điều gì thêm vào không?

PH: Không có điều gì quan trọng.

SOC: Những điều kém quan trọng chúng ta có thể gác sang một bên; bây giờ vấn đề quan trọng cần làm rõ là: nghệ thuật tu từ này có sức mạnh gì và khi nào?

PH: Nó có sức mạnh rất lớn trong các cuộc hội họp công cộng.

SOC: Đúng, đúng thế. Nhưng tôi muốn biết anh có cảm giác giống như tôi về các nhà tu từ không? Theo tôi họ có rất nhiều lỗ hổng trong các lý luận của họ.

PH: Ông thử nêu một ví dụ.

SOC: Được. Giả sử có người đến gặp bạn Eryximachus của anh, hay cha của anh ấy và nói: "Tôi biết cách dùng một thứ thuốc có thể làm cơ thể nóng lên hay lạnh đi, và tôi cũng có thể làm cho nôn mửa hay xổ ra và các hiệu quả tương tự; và vì tôi biết các phương pháp này, nên tôi là một thầy thuốc và một giáo sư về cơ thể" - anh nghĩ họ sẽ trả lời thế nào?

PH: Chắc chắn họ sẽ hỏi người ấy là phải cho các phương thuốc ấy "cho ai", "khi nào" và "bao nhiêu" không?

SOC: Giả sử người ấy trả lời: "Không, tôi không biết gì về điều đó; tôi nghĩ những người mà tôi dạy điều ấy tự họ phải biết làm điều ấy".

PH: Họ sẽ trả lời rằng người ấy là một thằng điên hay một lang băm tưởng mình là thầy thuốc, vì đã học được trong một quyển sách, hay đã ngẫu nhiên có một ít thuốc, mặc dù người ấy không hiểu gì về nghề thuốc.

SOC: Và giả sử có người đến với Sophocles hay Euripides và nói họ có thể nói một bài rất dài về một vấn đề rất nhỏ và một bài rất ngắn về một đề tài rất lớn, họ cũng có thể nói một bài đau thương, hay kinh khủng, hay đe doạ, hay bất cứ loại bài nào và khi dạy điều này, họ tưởng rằng họ đang dạy về nghệ thuật bi kịch, đúng không?

PH: Họ cũng sẽ bị cười nhạo nếu họ tưởng rằng bi kịch chỉ là cách sắp xếp các yếu tố ấy sao cho hợp với nhau và với toàn thể.

SOC: Nhưng Sophocles sẽ không chê trách hay chửi mắng họ một cách thô lỗ, ông sẽ chỉ nhẹ nhàng bảo họ rằng đó không phải là bi kịch nhưng mới chỉ là tiền đề của bi kịch, cũng như Acumenus sẽ nói với người nghĩ mình là bác sĩ rằng đó không phải là y khoa mà mới chỉ là tiền đề của y khoa.

PH: Tôi đồng ý với ông rằng nghệ thuật tu từ mà những người này dạy và viết thì đúng như ông đã mô tả. Nhưng tôi vẫn muốn biết phải học được nghệ thuật đích thực về tu từ và thuyết phục ở đâu.

SOC: Thuật tu từ hoàn hảo phải là giống như sự hoàn hảo của mọi vật, một phần được cho bởi tự nhiên; nhưng nó được sự trợ giúp của nghệ thuật và nếu anh có khả năng tự nhiên, anh sẽ là một nhà tu từ nổi tiếng, chỉ cần anh có thêm kiến thức và thực hành, mà về hai lãnh vực này anh có thể còn thiếu. Nhưng nghệ thuật tu từ không đi theo hướng của Tisias hay của Thrasymachus.

PH: Vậy nó phải đi theo hướng nào?

SOC: Tôi nghĩ Pericles là nhà tu từ hoàn hảo nhất.

PH: Về phương diện nào?

SOC: Mọi nghệ thuật cao đều cần nhiều thảo luận và chiêm ngắm thiên nhiên siêu vời; đây là nguồn của sự cao siêu và là sức mạnh hoàn hảo, toàn diện. Và tôi nghĩ, ngoài

thiên khiếu tự nhiên, thì đây là đức tính mà Pericles đã có được nhờ tình cờ biết Anaxagoras. Ông được thấm nhuần triết học cao siêu và đạt tới tri thức về tinh thần và vật chất, là đề tài rất được Anaxagoras yêu thích và từ đó ông rút ra được những điều để áp dụng vào nghệ thuật của ông.

PH: Xin ông cắt nghĩa.

SOC: Tu từ cũng giống như y học.

PH: Giống thế nào?

SOC: Vì y học phải định nghĩa bản chất của thân xác, còn tu từ phải định nghĩa bản tính của linh hồn - nếu bạn muốn tiến hành một cách khoa học chứ không phải thông thường, trong một trường hợp để đem lại sức khỏe, sức mạnh nhờ thuốc và thức ăn, và trong trường hợp kia để gieo trồng niềm xác tín bằng việc sử dụng đúng các từ và các nguyên tắc.

PH: Có thể ông có lý về điểm này.

SOC: Và anh có nghĩ rằng anh có thể biết bản chất của linh hồn một các hợp lý mà không biết bản chất của toàn thể không?

PH: Lương y Hippocrates nói đây là phương pháp duy nhất để có thể hiểu được bản chất của thân xác.

SOC: Đúng, ông ấy nói rất đúng, anh bạn. Nhưng chúng ta không được bằng lòng dựa vào uy tín của Hippocrates, mà phải xem xét xem ông có lý ở chỗ nào.

PH: Đúng.

SOC: Vậy hãy nghĩ điều Hippocrates nói đến là gì và ông có lý ở chỗ nào. Phải chăng chúng ta trước hết nên xét xem cái mà chúng ta muốn học hay dạy là điều đơn giản hay phức tạp; và nếu là đơn giản, thì nó có tác động thế nào đối với vật khác và bị vật khác tác động như thế nào, còn nếu nó phức tạp, thì phải xét xem nó có các phần kết hợp nào; và trước hết xét về một trường hợp của chúng, rồi xét đến mọi trường hợp của chúng, các sức mạnh khác nhau mà theo bản tính chúng tác động hay bị tác động.

PH: Đó là phương pháp đúng.

SOC: Phương pháp không có sự phân tích này thì cũng giống như người mù mò mẫm. Nhưng chắc chắn người nghệ sĩ thì không thể sánh với một người mù được; nhưng người truyền đạt các quy luật nói năng giống như nghệ sĩ hay theo phương pháp khoa học sẽ đặc biệt đề ra bản chất của cái mà họ cung cấp các

qui luật, mà tôi nghĩ đó là linh hồn.

PH: Chắc chắn.

SOC: Tất cả cố gắng của họ được hướng tới việc này, bởi vì trong việc này họ nhắm tới việc tạo ra niềm xác tín.

PH: Vâng.

SOC: Vậy, rõ ràng là Thrasymachus hay bất cứ ai khác mà triển khai một hệ thống tu từ đều sẽ đưa ra một mô tả chính xác về bản chất của linh hồn; họ sẽ mô tả nó như là đơn giản và đồng nhất, hay giống như thân xác, là kết hợp. Đó là cái mà chúng ta gọi là cho thấy bản chất của linh hồn.

PH: Chính xác.

SOC: Tiếp đến, họ sẽ nói về các công cụ nhờ đó linh hồn tác động hay bị tác động bằng bất cứ cách nào.

PH: Đúng.

SOC: Thứ ba, sau khi đã sắp xếp các con người, các câu nói và các cách thức, tình cảm của chúng thành các loại khác nhau và làm chúng ăn khớp với nhau, họ sẽ vạch ra mối liên kết giữa chúng - họ sẽ cho thấy tại sao một cái thì tự nhiên hợp lý bằng một hình thức lý luận nhất định, còn cái kia thì không.

PH: Chắc chắn đó là một phương pháp tốt.

SOC: Phải, đó là phương pháp đúng và duy nhất để một vấn đề có thể được đặt ra bằng các qui luật của nghệ thuật, dù là nói hay viết. Nhưng các tác giả thời nay mà anh vẫn ngồi nghe dưới chân họ, thường che giấu một cách không thích hợp tất cả các điều này và họ biết khá rõ về linh hồn. Vậy, bao lâu họ chưa theo phương pháp đọc và viết của chúng ta, chúng ta vẫn chưa thể nhìn nhận rằng họ viết theo các quy tắc nghệ thuật.

PH: Phương pháp của chúng ta là phương pháp nào?

SOC: Tôi không thể kể ra cho anh chính xác mọi chi tiết được; nhưng tôi sẽ nói cho anh một cách tổng quát, nếu có thể, để anh thấy một người phải áp dụng các qui tắc nghệ thuật như thế nào.

PH: Tôi sẵn sàng nghe ông đây.

SOC: Hùng biện là nghệ thuật làm mê hoặc linh hồn và vì thế ai muốn là nhà hùng biện phải học các điểm khác nhau giữa các linh hồn người ta - có rất nhiều điểm khác nhau như thế và nhiều bản chất như thế, từ đó có các khác biệt giữa người này với người khác - rồi từ đó họ sẽ phân chia các câu nói thành các loại khác nhau. Họ sẽ nói,

người như thế sẽ bị tác động bởi kiểu nói như thế này hay thế kia và họ sẽ cho anh biết lý do tại sao; họ phải có khái niệm lý thuyết về chúng trước tiên, rồi họ phải xem chúng trong hành động và có khả năng theo dõi chúng với tất cả các giác quan của họ, nếu không họ sẽ không bao giờ đi quá được các nguyên tắc của thầy dạy họ. Nhưng khi họ có thể nói được rằng người nào có thể bị thuyết phục bởi lý luận nào và nhận ra cá nhân mà họ thường lý luận như là thực sự hiện diện với họ và họ tự nhủ, "Đây là người ấy và đây là loại người cần phải áp dụng lý luận ấy để thuyết phục họ về điều này"; - khi họ đã biết được tất cả điều này và cũng biết khi nào mình phải nói, khi nào không được nói và khi nào phải dùng các câu nói cô đọng, khi nào dùng các lối nói khơi dậy tình cảm, các hiệu quả mạnh và mọi hình thức tu từ; - khi họ biết đúng thời đúng lúc của tất cả các điều này, thì khi ấy họ trở nên hoàn hảo và làm một bậc thầy lão luyện trong nghệ thuật của họ; nhưng nếu họ không biết những điểm này, dù khi nói hay dạy hoặc viết và nói rằng họ nói bằng các qui tắc nghệ thuật, thì người nào phủ nhận chúng mới là người có lý. Vậy người thầy này sẽ nói, anh Phaedrus và Socrates, có phải đây là mô tả của các anh về nghệ thuật tu từ, hay tôi phải đi tìm một cách mô tả khác?

PH: Họ phải chấp nhận kiểu mô tả này, ông Socrates, vì không thể có kiểu mô tả nào khác, nhưng việc tạo ra một nghệ thuật không phải là chuyện dễ.

SOC: Đúng thế; vì vậy chúng ta hãy xem tới xem lui vấn đề này, để xem có thể có con đường nào ngắn hơn và dễ hơn để đi đến đó không; khi có con đường ngắn và dễ đi thì ta không dại gì mà lại chọn con đường dài và khó đi hơn. Và tôi muốn anh cũng thử và nhớ lại xem có cái gì mà anh đã nghe được từ Lysias hay một ai khác có thể có ích cho chúng ta không.

PH: Nếu thử có ích thì tôi cũng sẽ thử; nhưng tôi e rằng vào lúc này tôi không thể nhớ được điều gì như thế.

SOC: Vậy tôi sẽ nói cho anh một điều mà có người biết nó đã nói cho tôi nhé.

PH: Tất nhiên.

SOC: Như tục ngữ nói, không thể lý luận với con sói, đúng không?

PH: Thế ông cho rằng có thể nói gì với con sói sao?

SOC: Thật ra, họ cho rằng không cần phải ra mặt trịnh trọng trước một vấn đề, hay đi vòng vo cho tới khi bạn đạt đến khởi đầu của mọi sự; vì theo họ, khi vấn đề là về công bằng và sự thiện, như tôi nói lúc đầu, hay một vấn đề mà những người có liên quan là những người công bằng và tốt lành, bởi tự nhiên hay do thói quen, thì một nhà tu từ giỏi không cần đến sự thật - vì họ nói rằng ở toà án người ta không quan tâm tới sự thật nhưng chỉ quan tâm tới sự thuyết phục: và sự thuyết phục thì dựa trên tính cái nhiên, là điều mà nhà tu từ giỏi cần phải chú ý đến. Và họ cũng nói rằng có những trường hợp mà các sự kiện có thực phải được rút lại và chỉ có thể nói ra các điều cái nhiên để tố cáo hay bênh vực và khi nói nhà hùng biện luôn luôn phải theo khả năng cái nhiên và từ bỏ sự chắc chắn tuyệt đối. Và việc tuân giữ nguyên tắc này trong cả bài diễn thuyết tạo ra tất cả nghệ thuật.

PH: Ông Socrates, đó đúng là điều mà các giáo sư tu từ hiện đang dạy, vì tôi nhớ rằng mặc dù chúng ta mới chỉ đề cập vấn đề này sơ sơ, nhưng đây là điểm quan trọng chủ yếu đối với họ.

SOC: Tôi quả quyết anh biết rất nhiều về Tisias. Ông ấy định nghĩa tính cái nhiên là cái mà đa số nghĩ là đúng, có phải không?

PH: Chắc chắn rồi.

SOC: Tôi nghĩ ông ta rất thông minh và khôn khéo khi đưa ra ví dụ sau đây: "Ông giả sử một người yếu nhưng dũng cảm đã tấn công một kẻ thù mạnh nhưng nhát gan và đã cướp được của người này chiếc áo hay cái gì đó; hắn bị đưa ra toà và Tisias cho rằng cả hai bên đều phải nói dối: anh chàng nhát gan phải nói rằng anh ta bị tấn công bởi nhiều người chứ không phải một người; còn tên kia thì chứng minh anh ta chỉ có một mình với người ấy và phải dùng cách lý luận như sau: "Làm thế nào một người như tôi có thể tấn công một người như anh ta?". Người kia không dám thú nhận tính nhát gan của mình và vì thế sẽ phải phịa ra một lời nói dối khác khiến cho đối thủ của anh ta có thêm cơ hội để bác bỏ. Các kiểu như thế này là các quy tắc cho các bậc thầy nghệ thuật. Tôi nói có đúng không, anh Phaedrus?"

PH: Rất đúng.

SOC: Tôi không thể không nghĩ rằng đây là một nghệ thuật bí nhiệm kỳ diệu, đã được khám phá ra bởi Tisias, hay bởi bất cứ một người nào khác, ở đất nước chúng ta hay bất kỳ đất nước nào khác. Chúng ta có cần nói đôi lời với nhà khám phá này không?

PH: Chúng ta sẽ nói gì?

SOC: Chúng ta sẽ nói với họ rằng trước khi họ xuất hiện, anh và tôi đang nói rằng tính cái nhiên được sinh ra trong tâm trí nhiều người, nhờ nó giống với sự thật và chúng ta đang kết luận rằng người biết sự thật thì luôn luôn biết cách tốt nhất để khám phá ra những nét giống với sự thật. Nếu họ biết điều gì khác nữa về nghệ thuật nói, chúng ta rất muốn nghe họ; nhưng nếu không, chúng ta sẽ bằng lòng với quan điểm của chúng ta rằng, nếu một diễn giả không đánh giá đúng các tính cách khác nhau của thính giả của mình và có khả năng phân chia các vật hiện hữu thành các loại khác nhau, tóm chúng lại vào trong các ý niệm duy nhất, thì người ấy sẽ không bao giờ có thể là một nhà tu từ giỏi, ngay cả trong phạm vi khả năng con người. Và họ sẽ không thể đạt được nghệ thuật này nếu không trải qua những khó khăn to lớn mà một người tốt phải trải qua, không phải để họ có thể nói và hành động trước mặt loài người, nhưng để họ có thể nói những điều đẹp lòng Thần và được Thần chấp nhận; vì có những người khôn ngoan hơn chúng ta đã từng nói rằng một người có lý lẽ không nên tìm cách làm vừa lòng các đầy tớ của mình, nhưng phải tìm cách làm vừa lòng các ông chủ tốt lành và cao quí của mình, để nếu con đường có dài và ngoằn ngoèo, họ sẽ không phải ngạc nhiên; vì ở đâu có mục đích to lớn, thì con đường dẫn tới mục đích ấy có thể dài, chứ không phải vì các mục đích nhỏ nhoi như của anh. Thực vậy, anh Tisias, lý luận có thể nói rằng, nếu anh không ngại đi xa như thế, anh đã có một bước khởi đầu tốt đẹp cho khoa tu từ rồi.

PH: Ông Socrates, tôi nghĩ thật là kỳ diệu, chỉ cần có thể thực hiện được.

SOC: Nhưng cho dù có phải thất bại trong một mục tiêu cao quý thì cũng là cao quý.

PH: Đúng.

SOC: Tôi nghĩ chúng ta nói như thế đã đủ về nghệ thuật nói đích thực và sai lạc.

PH: Chắc là vậy.

SOC: Nhưng chúng ta còn phải nói về vấn đề viết đúng và viết sai.

PH: Vâng.

SOC: Anh có biết anh có thể nói hay hành động về tu từ một cách có thể làm đẹp lòng Thần không?

PH: Không. Còn ông?

SOC: Tôi có nghe kể về một truyền thuyết xưa, đúng sai thế nào không ai biết được. Nếu bản thân chúng ta biết sự thật, anh có nghĩ chúng ta phải quan tâm nhiều đến ý kiến của người khác không?

PH: Một câu hỏi quá hiển nhiên, tôi nghĩ không cần trả lời; nhưng tôi muốn ông kể cho tôi nghe ông đã nghe về truyền thuyết gì.

SOC: Ở thành phố Naucratis bên Ai Cập, có một vị thần già rất nổi tiếng tên là Theuth; thần có một con chim tên là Ibis và thần là người sáng chế ra nhiều nghệ thuật, như toán học, số học, hình học, thiên văn học, bài và súc sắc, nhưng phát minh lớn nhất của thần là việc sử dụng chữ viết. Vào thời ấy Thamus là vua của toàn Ai Cập Thượng, là vùng đất bao quanh thành phố lớn mà người Hy Lạp gọi là Thebes Ai Cập và họ gọi thần ở đó là Ammon. Thần Theuth đến với vua Thamus và giới thiệu các phát minh của mình, với mong muốn rằng những người Ai Cập khác có thể được hưởng những lợi ích của các phát minh ấy; thần Theuth kể ra các phát minh ấy và Thamus tìm hiểu công dụng của chúng và ca ngợi một số, chê bai một số, chấp nhận một số và từ chối số còn lại. Không cần kể lại đây những lời Thamus nói với Theuth để ca ngợi hay chê bai các phát minh khác nhau ấy. Nhưng khi giới thiệu về phát minh chữ viết, Theuth nói, phát minh này sẽ làm cho người Ai Cập khôn ngoan hơn và có trí nhớ tốt hơn; vì đây là thuốc chữa bệnh quên và bệnh điên. Thamus đáp lại: hỡi thần Theuth tài ba cực kỳ, người có thiên tài phát minh không nhất thiết là người có phán đoán tốt nhất về ích lợi hay sự vô dụng của các phát minh của mình cho những người sử dụng chúng. Và trong trường hợp này, lòng yêu mến đứa con mà ông sinh ra đã khiến ông nói không đúng sự thật; vì phát minh này của ông sẽ tạo ra tính hay quên nơi những người học, bởi vì họ sẽ không dùng đến trí nhớ của mình nữa; họ sẽ dựa vào

các chữ viết bên ngoài chứ không tự mình nhớ lại. Ông đã tìm ra một phương pháp đặc biệt không phải cho trí nhớ nhưng cho sự hồi tưởng và ông chỉ cống hiến cho học trò ông một dáng vẻ của sự khôn ngoan mà thôi; họ sẽ nghe rất nhiều điều nhưng sẽ chẳng học được điều gì; họ có vẻ biết mọi sự nhưng thật ra sẽ không biết gì cả; họ sẽ làm người ta chán ngán, vì họ mang tiếng là biết nhưng thực sự không biết gì cả.

PH: Đúng, Socrates, ông có thể dễ dàng bịa ra các truyện cổ Ai Cập hay truyện cổ của bất cứ nước nào ông thích.

SOC: Có một truyền thuyết trong đền thờ Dodona nói rằng các cây sồi biết nói những lời tiên tri. Người thời ấy rất đơn sơ tin rằng nếu họ được nghe sự thật từ "cây sồi hay tảng đá", thì cũng đủ cho họ; trong khi anh thì có vẻ như không nghĩ đến sự thật mà chỉ nghĩ đến người nói và nghĩ đến nơi mà sự thật xuất phát.

PH: Tôi nhận lời trách mắng của ông là rất đúng; và tôi nghĩ rằng ông vua xứ Thebes có lý trong quan điểm của ông về chữ viết.

SOC: Tôi không thể không có cảm nhận rằng viết cũng là một điều đáng tiếc giống như vẽ; vì các sáng tạo của người họa sĩ có dáng vẻ của sự sống, nhưng nếu anh hỏi họ một câu hỏi thì họ chỉ biết giữ im lặng một cách trịnh trọng. Về các bài diễn thuyết cũng thế. Anh có thể nghĩ chúng có trí thông minh, nhưng nếu anh muốn biết một điều gì và hỏi một trong những người nói các bài ấy, họ sẽ luôn luôn chỉ cho bạn cùng một câu trả lời. Và khi chúng được ghi lại thành chữ viết, chúng lăn lộn khắp nơi giữa những người hiểu chúng cũng như giữa những người không hiểu chúng. Và chúng không biết giữ im lặng hay đúng mực đối với các hạng người khác nhau; và nếu chúng bị tấn công hay lạm dụng một cách bất công, thì cha mẹ chúng cần phải bảo vệ đứa con họ, vì chúng không thể tự bảo vệ hay bênh vực chính mình.

PH: Cũng rất đúng.

SOC: Chúng ta có nên nghĩ tới một loại viết hay nói khác tốt hơn vượt xa loại này và có sức mạnh to lớn gấp bội - nó cùng một họ, nhưng được sinh ra hợp pháp không? Chúng ta thử xem nguồn gốc nó là gì?

PH: Nó là gì và ông muốn nói gì về nguồn gốc của nó?

SOC: Tôi đang muốn nói tới một thứ nghệ thuật viết thông minh được ghi khắc trong linh hồn của người có học và có thể tự bênh vực mình và biết khi nào phải nói và khi nào phải giữ im lặng.

PH: Ý ông muốn nói đến lời của tri thức, nó có một linh hồn sống động, còn lời được viết ra chỉ là một hình ảnh của nó phải không?

SOC: Đúng, tất nhiên đó là ý tôi muốn nói. Và tôi mong anh cho tôi hỏi anh một câu hỏi: Một bác nông dân có lý lẽ và muốn giải trí, bác có lấy các hạt giống mà bác cho là tốt và đem trồng giữa cái nóng mùa hè ở một khu vườn Adonis, với hi vọng có thể vui mừng nhìn thấy nó mọc lên tươi tốt sau tám ngày (ít nhất là nếu bác chỉ muốn trưng bày ở một lễ hội mà thôi); nhưng với những hạt giống mà bác nghiêm túc đem gieo vào đất thích hợp, chăm sóc cẩn thận và vui mừng mãn nguyện khi thấy nó sinh hoa kết quả hoàn hảo sau tám tháng không?

PH: Vâng, Socrates, tôi nghĩ bác nhà nông sẽ làm như thế khi bác nghiêm túc muốn nó sinh hoa kết quả; còn bác sẽ làm cách kia nếu bác chỉ muốn giải trí.

SOC: Và chúng ta có thể giả thiết rằng người mà biết điều đúng và điều tốt lại có ít hiểu biết về hạt giống của mình hơn bác nhà nông không?

PH: Chắc chắn là không.

SOC: Vậy hẳn là người ấy không thể nghiêm túc khi muốn viết chúng vào nước bằng bút và mực hay bằng những chữ vô nghĩa và không thể diễn tả được sự thật, đúng không?

PH: Vâng, họ không thể làm như thế.

SOC: Không, không thể - trong vườn của chữ viết, họ sẽ chỉ gieo các hạt giống ấy như một trò giải trí, hoặc họ sẽ viết chúng để ghi nhớ chống lại sự quên lãng của tuổi già, để giữ gìn chúng khi họ đã gần xuống mồ; và họ sẽ vui mừng nhìn thấy nó phát triển; và chúng sẽ làm trò tiêu khiển cho họ trong khi những người khác đang tưới bón mảnh vườn linh hồn của họ bằng các yến tiệc và các thứ giống như thế.

PH: Một trò tiêu khiển cao quí, Socrates, khi một người có thể giải trí vui vẻ với các biểu thị về công bằng và các điều tương tự.

SOC: Đúng, Phaedrus. Nhưng công việc theo đuổi nghiêm túc của nhà biện chứng pháp thì còn

cao quí hơn nhiều. Họ tìm thấy một linh hồn giống với mình và rồi với tri thức họ ghi khắc và gieo những lời có thể giúp chính chúng và người gieo chúng, chúng có nơi mình những hạt giống có thể sinh hoa kết quả nơi những bản chất khác, được nuôi dưỡng bằng những cách khác - làm cho hạt giống tồn tại mãi và người có nó được hạnh phúc vô bờ.

PH: Vâng, đó là điều còn đáng quí hơn nhiều.

SOC: Bây giờ, anh Phaedrus, sau khi đã nhất trí về các tiền đề, chúng ta có thể đi đến kết luận được rồi chứ?

PH: Kết luận gì?

SOC: Về Lysias, người mà chúng ta đã chê trách, cùng với nghệ thuật viết và nói và tài tu từ cũng như sự thiếu tài năng của anh ta trong các việc đó; vì anh ta đã dẫn chúng ta tới điểm này. Và tôi nghĩ bây giờ chúng ta đã có đủ hiểu biết về bản chất của nghệ thuật và cái đối nghịch với nó.

PH: Vâng, tôi đồng ý với ông; nhưng tôi xin ông lặp lại những gì chúng ta đã nói.

SOC: Bao lâu một người còn chưa biết sự thật về những điều họ phải viết hay nói và chưa có khả năng định nghĩa chúng theo đúng bản chất của chúng, chưa định nghĩa được chúng để phân chia chúng ra cho tới khi chúng không thể phân chia được nữa - bao lâu họ còn chưa làm được tất cả những điều này, thì họ vẫn không thể xử lý các lý luận theo các qui luật của nghệ thuật, dù là vì mục đích dạy dỗ hay thuyết phục; - đó là quan điểm của chúng ta xuyên qua toàn bộ lý luận ở trên.

PH: Vâng, chắc chắn đó là quan điểm của chúng ta.

SOC: Thứ hai, về sự đúng đắn của việc chúng ta chê trách trong lãnh vực viết và nói - các lý luận của chúng ta cũng đã chứng minh rồi chứ?

PH: Chứng minh cái gì?

SOC: Đó là Lysias hay bất cứ tác giả nào khác có viết một khảo luận chính trị trong khả năng nhà làm luật của họ hay không; và họ có tưởng rằng họ đã viết và nói một cách rõ ràng và chắc chắn, nhưng trên thực tế tác phẩm của họ chỉ làm họ bị khinh thường, bất luận người ta nói gì về chúng. Bởi vì anh ta hoàn toàn không biết gì về bản chất của công bằng và bất công, của thiện và ác, và không thể phân biệt giữa thực và mộng, vì thế trên

thực tế những gì anh ta viết ra chỉ làm anh ta đáng bị khinh chê, cho dù mọi người có vỗ tay tán thưởng.

PH: Chắc chắn rồi.

SOC: Nhưng người nào nghĩ rằng trong lời nói được viết ra có nhiều điều không nghiêm túc và cả thi ca, văn xuôi, dù nói hay viết, cũng đều không có giá trị cao - nếu, giống như soạn tác của những người hát rong, chúng chỉ được hát lên để người ta tin mà không nhằm được phê bình hay dạy dỗ; và người nào nghĩ rằng ngay cả những điều tốt nhất trong số đó cũng chỉ là lặp lại những gì chúng ta đã biết và chỉ có thể có sự sáng sủa, hoàn hảo và nghiêm túc trong các nguyên tắc về công bằng, thiện hảo và cao thượng, được dạy và truyền miệng và viết trong tâm hồn, là cách viết đúng nhất; và các nguyên tắc như thế mới là những đứa con hợp pháp; - bởi vì trước tiên đó là cái mà con người tìm thấy trong lòng mình; thứ hai, các anh em, dòng dõi và họ hàng của nó đã được gieo trồng tốt đẹp trong linh hồn của những người khác; và là người chăm sóc cho các điều đó mà thôi - đó đúng là hạng người đích thực; anh Phaedrus, anh và tôi phải cầu xin Thần ban cho chúng ta được trở thành hạng người như thế.

PH: Đó hẳn là ước nguyện cao nhất của tôi.

SOC: Như vậy cuộc chơi của chúng ta đã kết thúc; và chúng ta nói về tu từ như thế đã đủ rồi. Anh hãy đi nói với Lysias rằng chúng ta đã đi xuống suối, và trường của các Tiên Nữ và các Tiên Nữ đã truyền cho chúng ta mang một thông điệp đến với anh ta và các tác giả diễn thuyết khác - đến Homer và các thi sĩ khác, dù có phổ nhạc hay không. Và đến với Solon và các tác giả viết các văn kiện chính trị mà họ gọi là luật pháp, chúng ta phải nói rằng nếu soạn tác của họ dựa trên tri thức về sự thật và họ có thể bênh vực hay chứng minh chúng, thì họ không chỉ là các thi sĩ, nhà hùng biện, nhà làm luật, nhưng họ còn xứng đáng với một tên gọi cao hơn.

PH: Tên gì?

SOC: Người khôn ngoan, có thể tôi không gọi họ được như thế; vì đó là một tên gọi dành riêng cho Thần, - nhưng có thể dùng một tên gọi khiêm tốn và thích hợp hơn, đó là những người yêu khôn ngoan hay triết gia.

PH: Hay lắm.

SOC: Và những người không thể vượt lên trên những sản phẩm hay soạn tác của mình, mà họ đã vất vả soạn và sửa chữa, thêm bớt, những người như thế có thể gọi là thi sĩ hay diễn giả hay luật gia.

PH: Đúng thế.

SOC: Bây giờ anh hãy đi nói với bạn anh như thế.

PH: Nhưng ông còn một người bạn mà chúng ta không thể quên được.

SOC: Ai vậy?

PH: Người đẹp Isocrates.

SOC: Anh ta thế nào?

PH: Tôi phải nhắn thông điệp gì cho anh ấy?

SOC: Isocrates vẫn còn trẻ, Phaedrus; nhưng tôi cũng dám liều nói một lời tiên tri về anh ta.

PH: Ông định tiên tri điều gì?

SOC: Anh ta có thiên tài vượt xa tài hùng biện của Lysias và có tính cách rất cao quí. Tôi có linh cảm anh ta sẽ tiến bộ vượt bậc khi anh ta lớn lên và mọi nhà tu từ trước kia sẽ chỉ là trẻ con sánh với anh ta. Và tôi tin anh ta sẽ không chịu bằng lòng với điều này, nhưng thần linh sẽ thúc đẩy anh ta vươn lên cao hơn nữa. Vì nơi bản chất của anh ta có một yếu tố triết học. Đây là thông điệp mà các thần ở nơi này muốn gửi đến anh ta và đích thân tôi sẽ chuyển đến Isocrates, người tôi rất yêu mến; còn thông điệp kia anh phải mang đến cho Lysias.

PH: Tôi sẽ mang; và mặt trời đã xế bóng rồi, chúng ta có thể về được.

SOC: Trước khi về chúng ta đọc kinh cầu xin với các thần chứ?

PH Tốt thôi.

SOC: Kính thần Pan yêu quí và mọi chư thần hiện diện nơi này, xin ban cho tôi vẻ đẹp trong linh hồn; và xin cho con người bên ngoài và bên trong được hợp nhất. Ước gì tôi nhận biết người khôn ngoan là người có mọi sự và ước gì tôi có được lượng vàng bạc châu báu mà chỉ có con người tiết độ có thể mang theo. Còn gì nữa? Tôi nghĩ với tôi cầu xin như thế đủ rồi.

PH: Ông cũng cầu xin cho tôi y như vậy, vì bạn bè phải có mọi sự như nhau.

SOC: Chúng ta về.

CÁC TUYỂN TẬP TỪ CHARMIDES, LYSIS, CÁC ĐỐI THOẠI KHÁC VÀ PHÁP LUẬT

CHARMIDES, VỀ SỰ TIẾT ĐỘ

GIỚI THIỆU

Chủ đề của tập Charmides là sự tiết độ, cũng còn được gọi là sự thanh thản, khiêm tốn, tự quyết định công việc của mình, khôn ngoan, nhưng không hoàn toàn lột hết được ý nghĩa từ những sự kết hợp khác nhau giữa những từ này. Nó có thể được diễn tả như là "*mens sana in corpore sano*" ("một tinh thần minh mẫn trong một cơ thể cường tráng"), sự hài hòa hay là sự cân bằng giữa những yếu tố cao hơn và thấp hơn nơi bản tính con người, là cái "làm cho con người làm chủ được chính mình", theo định nghĩa có trong tập Nền Cộng hòa. Trong phần dịch sau tại nhiều chỗ khác nhau, từ ngữ khi được dùng là Tiết độ khi được dùng là Khôn ngoan, tùy theo nghĩa ngữ trong câu.

Chàng thanh niên xinh đẹp Charmides, cũng là người có lối sống tiết độ nhất, được Socrates đặt câu hỏi "Tiết độ là gì? " Anh ta trả lời theo dạng đặc trưng (1) "Thanh thản". "Nhưng tiết độ là một việc tốt đẹp và cao quý; và trong nhiều trường hợp thanh thản không phải là điều tốt đẹp như lẹ làng". Chàng ta lại cố nói tiếp (2) tiết độ đó là khiêm tốn. Nhưng một lần nữa ý nghĩa này bị gạt sang một bên với cách vận dụng theo lối ngụy biện câu nói của Homer; vì tiết độ tốt đẹp cũng như cao quý, còn Homer thì lại tuyên bố rằng "khiêm tốn chẳng ích gì cho kẻ nghèo túng". (3) Charmides cố thử một lần nữa. Lần này anh ta đưa ra một định nghĩa đã nghe người ta nói, qua đó ám chỉ Critias là tác giả: "Tiết độ là làm công việc riêng của mình". Nhưng người thợ thủ công, vốn đóng giày cho người khác cũng có thể là người tiết độ, tuy rằng người ấy đâu có làm việc riêng cho mình. Câu đánh đố này giải thích sao đây?

Critias, nhảy vào thế chỗ Charmides, khi trả lời đã phân biệt giữa "làm ra" và "làm" với việc vận dụng sai câu nói của Hesiod gán cho các từ "làm" và "làm việc"một ý nghĩa đặc biệt: tiết độ

là làm công việc riêng của mình;- (4) là làm việc tốt.

Vẫn còn thiếu một yếu tố của tri thức mà Critias sẵn sàng bị thuyết phục để nhìn nhận theo đề nghị của Socrates; và theo tinh thần của Socrates và của lối sống Hy Lạp nói chung, như là định nghĩa thứ năm, (5) Tiết độ là tự biết mình. Nhưng tất cả các môn khoa học đều có một đối tượng khảo sát: con số là đối tượng của số học, sức khỏe là đối tượng của y học- còn cái gì là đối tượng của tiết độ hoặc khôn ngoan? Câu trả lời là (6) Tiết độ là biết về cái người ta biết và về cái người ta không biết. Nhưng như thế thì lại trái ngược với phép loại suy; không có thị giác của thị giác, mà chỉ có thị giác về những vật thấy được; chẳng có tình yêu của tình yêu, mà chỉ có tình yêu về những cái đẹp; vậy làm sao có thể có tri thức của tri thức được? Cái mà cũ hơn, nặng hơn, nhẹ hơn thì cũ hơn, nặng hơn, nhẹ hơn cái gì khác, chứ không hơn chính nó được và điều này có vẻ đúng với các khái niệm liên quan - đối tượng quan hệ nằm bên ngoài chúng; trong bất cứ trường hợp nào chúng chỉ có thể liên hệ với chính mình dưới hình thức của đối tượng đó. Vấn đề liệu có những trường hợp quan hệ phản ánh như vậy hay không và liệu cái loại tri thức chúng ta gọi là tiết độ có bản chất phản ánh hay không, vẫn chưa được nhà siêu hình học vĩ đại này xác định. Nhưng ngay cả là tri thức có thể nhận biết chính nó, làm thế nào tri thức về điều chúng ta nhận biết cũng hàm ý tri thức về điều chúng ta không biết? Ngoài ra, tri thức chỉ là một ý niệm trừu tượng và không cho chúng ta biết gì về những đối tượng nghiên cứu đặc biệt, như y học, xây dựng và những thứ tương tự. Nó có thể bảo rằng chúng ta hay những người khác biết được cái gì đó, nhưng không thể nói chúng ta biết cái gì.

Nhưng cũng phải thừa nhận thêm rằng có một tri thức về cái chúng ta biết và không biết, là cái cung cấp một chuẩn mực cho mọi cái, nhưng lại chẳng có lợi ích gì. Vì tiết độ là một điều tốt và tri thức do tiết độ mang đến phải thuộc loại đem lại lợi ích cho chúng ta. Còn cái tri thức tổng quát này không có hướng về điều thiện hay hạnh phúc cho chúng ta; tri thức duy nhất đem lại hạnh phúc chính là tri thức về điều thiện và điều ác. Về điều này Critias trả lời rằng khoa học hay tri thức về thiện và ác cũng như tất cả những khoa học khác, được điều khiển bởi khoa học cấp cao hơn hay là tri thức của tri thức. Socrates trả lời bằng cách phân tách trừu tượng với cụ thể và hỏi làm thế nào tri thức này mang lại hạnh phúc theo cùng một cách như là y học mang lại sức khỏe.

Và giờ đây, sau tất cả các nhân nhượng này, vốn thực sự không thể

chấp nhận được, chúng ta vẫn còn chưa xác định được bản chất của sự tiết độ, là cái mà Charmides đã khám phá ra, vì thế đã sống trong nhận thức rằng càng sống tiết độ bao nhiêu anh ta càng thấy vui sướng bấy nhiêu và chẳng băn khoăn với những suy tư của Socrates.

Trong tập đối thoại này cần lưu ý (1) Lý tưởng về cái thiện và cái đẹp của người Hy Lạp, cái nhìn về một tâm hồn đẹp đẽ trong một thân xác lành mạnh, thể hiện nơi anh chàng Charmides xinh đẹp này; (2) Khái niệm đúng đắn về y học như một khoa học của tổng thể cũng như từng phần của trí óc và thân thể, được báo cho biết một cách khôi hài trong câu chuyện về người Thracia; (3) khuynh hướng người già phân biệt từng lời, ở đây được gán nơi tài khéo léo của Prodicus; cũng như những lời giải thích và hơn thế những câu nhại lại từ Homer và Hesiod, một đặc trưng của Plato và thời đại ông; (4) Mầm mống của nguyên tắc đạo đức chứa đựng trong ý niệm cho rằng tiết độ là "làm công việc riêng của mình", đã được viết trong tập Nền Cộng hòa như là một định nghĩa không phải về sự tiết độ, mà là về công lý; (5) những bước khởi đầu về lôgic và siêu hình học hàm chứa trong hai câu hỏi: phải chăng có một môn khoa học của khoa học? Và liệu tri thức về cái anh biết cũng là một với tri thức về cái anh không biết? Cũng như trong sự phân biệt giữa " cái anh biết" và "việc anh biết", ở đây phát sinh cái ý niệm trước hết về một môn khoa học tự quyết tuyệt đối; cũng như sự ám thị đầu tiên về cái khó của cụ thể và trừu tượng, và một trong những sự tiên liệu sớm nhất về mối liên hệ giữa chủ thể và khách thể cũng như của yếu tố trong tri thức; (6) Khái niệm về một môn khoa học của thiện và ác cũng là lần đầu tiên xuất hiện ở đây và có thể coi như là một sự tiên báo về các tập Philebus và Nền Cộng hòa, cũng như về triết lý đạo đức trong các thời đại sau.

Mối quan tâm hàng đầu của tập đối thoại này tập trung chủ yếu vào chàng thanh niên trẻ Charmides, người mà Socrates nói chuyện với tư cách của một người lớn tuổi. Dường như cũng có một số tương phản giữa tính đơn sơ và chân thật của tuổi trẻ cùng thuật biện chứng và nguỵ biện của Critias, vốn là người đã trưởng thành trong xã hội, với chút sắc màu về triết lý. Nhưng người mà dân Athens ghét nhất không được phô bày theo tính chất thực sự của ông ta ở đây hay trong tập đối thoại nào khác của Plato. Ông ta đơn giản là một người có học, giống như Plato là người bà con, được tôn lên vì có quan hệ gia đình với Colon và là người đi theo, chứ không phải là môn sinh, của Socrates lẫn các nhà nguỵ biện.

Trong khi tranh luận ông ta cũng không phải là không ngay thẳng, nếu châm chước cho một khuynh hướng có phần ngụy biện và về ước muốn giữ thể diện với bạn bè; trong một số mặt ông ta ở gần sự thật hơn Socrates. Chẳng có lời nói và hành vi nào mà không xứng hợp với vai trò người giám hộ anh chàng Charmides xinh đẹp. Việc ông ta yêu thích danh thơm tiếng tốt, nét đặc trưng của người Hy Lạp, trái nghịch với việc tỏ bày không có đặc tính này và tự xưng mình dốt nát về phía Socrates.

Các định nghĩa về tiết độ lần lượt đi từ khái niệm bình dân đến triết học. Hai định nghĩa đầu khá đơn giản và đúng một phần, tựa như những tư tưởng đầu tiên của một trang thanh niên thông minh; nghĩa thứ ba, thực sự là một đóng góp cho triết học đạo đức, bị làm hỏng đi do tài khéo léo của Socrates và khó lòng cứu vãn với tài khéo léo ngang tầm về phía Critias. Những định nghĩa còn lại có mục đích cao hơn, nhằm giới thiệu yếu tố tri thức và sau cùng nối kết điều thiện với sự thật trong cùng một môn khoa học. Nhưng thời điểm để cụ thể hóa cái viễn tượng về một nền triết lý siêu hình học chưa đến. Vì thế chúng ta ngạc nhiên thấy rằng Plato, trong các tác phẩm khác của mình đồng nhất hóa điều tốt và tri thức, nhưng ở đây lại đối lập chúng và hỏi, hầu như theo tư tưởng Aristotle, làm sao có thể có tri thức của tri thức và cho dù có đạt được như thế, làm thế nào một tri thức như vậy có công dụng gì?

Mối liên hệ giữa tri thức và đức hạnh lại được đề cập trong các tập đối thoại Lysis và Laches; và cũng có trong tập Protagoras và Euthydemus.

CHARMIDES, VỀ SỰ TIẾT ĐỘ

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Socrates, *người kể*
- Charmides
- Chaerephon
- Critias

Cảnh: Sân luyện võ Taureas, gần Cổng Vua Archon

Tối hôm qua trên đường từ chỗ đạo quân ở Potidaea trở về và vì đi vắng đã khá lâu rồi, nên tôi nghĩ rằng phải ghé thăm chỗ cũ thường lui tới. Vì vậy tôi đã vào sân luyện võ Taureas, nằm đối diện với ngôi đền, giáp với cổng Vua Archon; ở đấy tôi thấy có một số người, phần đông trong số đó tôi đã có biết, nhưng không biết hết. Chẳng ai ngờ tôi đến, nên ngay khi thấy tôi vừa bước vào, khắp phía họ đã cất tiếng chào tôi từ mãi đàng xa; và Chaerephon, là một anh chàng thuộc loại man man, nhỏm dậy chạy đến, nắm tay tôi và nói, Socrates này, ông biến đi đâu mất thế?-(Đáng lẽ tôi phải giải thích rằng đã xảy ra cuộc dụng độ tại Potidaea chẳng bao lâu trước khi chúng tôi đi khỏi; tin tức về chuyện đó mới chỉ đến Athens thôi).

Anh thấy đấy, tôi trả lời, tôi đang ở đây mà.

Người ta đã báo, anh ta nói, rằng có một trận dụng độ rất ác liệt, trong đó nhiều người chúng tôi quen đã bị tử trận.

Điều đó, tôi trả lời, quả không sai sự thật lắm đâu.

Nhưng tôi vẫn cho rằng ông sẽ quay về đây, anh ta nói.

Thì tôi đã có mặt đây thôi.

Vậy hãy ngồi xuống đây và kể cho chúng tôi nghe đầu đuôi câu

chuyện, bởi cho tới giờ chúng tôi mới chỉ nghe loáng thoáng thôi.

Tôi ngồi xuống chỗ anh ta dành cho tôi, bên cạnh Critias, con trai của ông Callaeschrus và sau khi đã chào hỏi ông ta và những người ở đó, tôi cho biết tin tức về đạo quân và trả lời nhiều câu hỏ dò hỏi.

Sau đó, khi không còn ai hỏi thêm gì nữa, đến phiên tôi hỏi thăm họ về những chuyện ở nhà - về tình trạng triết học hiện nay và về giới trẻ. Tôi hỏi liệu hiện nay có ai trong giới trẻ nổi bật về vẻ đẹp hay trí thông minh, hoặc cả hai không. Critias, mắt nhìn về phía cửa, có ý gợi cho tôi chú ý đến một vài chàng thanh niên đang bước vào, đang nói chuyện với nhau ầm ĩ, có một đám đông đi theo sau. Nói về vẻ đẹp, ông ta nói, anh Socrates ạ, tôi tưởng rằng anh sẽ có thể sớm đánh giá được. Bởi những người vừa bước vào kia chính là toán bảo vệ tiên phong của người đẹp nhất trong ngày và anh chàng đó sẽ vào tới ngay bây giờ.

Hắn là ai, tôi nói; và là con của ông nào thế?

Tên hắn là Charmides, ông ta trả lời; hắn là em họ của tôi và là con trai ông chú Glaucon của tôi: tôi cho rằng anh biết y, dẫu lúc anh ra đi y chưa khôn lớn.

Có, tôi có biết cậu ấy, tôi nói, vì y có cái gì đáng chú ý ngay lúc còn là một thằng bé, còn bây giờ tôi mường tượng y hẳn phải là một trang thanh niên rồi.

Lát nữa đây thôi, ông ta nói, anh sẽ thấy chàng ta lớn nhanh cỡ nào và nay trông ra sao. Ông ta còn chưa dứt lời thì Charmides đã tiến vào.

Bây giờ thì này anh bạn, anh đã biết là tôi không thể so sánh cái gì và trước cái đẹp tôi chỉ như một đường phấn trắng; bởi trước mắt tôi hầu như mọi người trẻ đều đẹp như nhau. Nhưng lúc này, khi tôi thấy cậu ta bước vào, tôi phải thừa nhận rằng tôi hết sức ngạc nhiên về nét đẹp và vóc dáng cân đối của cậu ấy; mọi người hóa ra như mê mẩn rồi, ngạc nhiên xen lẫn bối rối khi thấy cậu ta tiến vào, cùng với một đám những kẻ hâm mộ theo sau. Những người khôn lớn như chúng ta đây mà còn bị thu hút bởi cách đó cũng chưa phải là điều đáng ngạc nhiên, nhưng tôi thấy rằng cả bọn trẻ trai cũng có cảm giác như vậy; đứa nào cũng thế, cho tới tận đứa bé nhất, cũng phải ngoái nhìn cậu ta như cậu ta là một pho tượng vậy.

Chaerephon nói với tôi: Ông nghĩ gì về cậu ta, ông Socrates? Nét mặt chẳng phải là xinh quá ư?

Quả đúng vậy, tôi nói.

Nhưng ông sẽ chẳng còn nói gì về gương mặt nữa, anh ta trả lời, nếu như ông thấy được thân hình trần trụi của cậu ta: tuyệt không chê vào đâu được.

Điều này mọi người đều đồng ý.

Heracles ơi, tôi nói, chẳng bao giờ có được một tuyệt tác như thế, nếu như anh chàng có thêm được một chút nữa thôi.

Là gì vậy? Critias hỏi.

Nếu như cậu ta có được một tâm hồn cao quý; và là người thuộc dòng tộc anh, anh Critias, hẳn cậu ta phải có điều ấy rồi!

Cậu ta tốt đẹp cả trong lẫn ngoài, Critias đáp.

Vậy liệu chúng ta có thể yêu cầu cậu ta, tôi nói, cho chúng ta thấy, không chỉ thân hình, nhưng cả tâm hồn một cách rõ ràng, không che giấu? Cậu ta còn trong độ tuổi thích khoe khoang mà!

Đúng thế, Critias nói và tôi còn có thể nói ngay với anh rằng anh ta đã là một triết gia rồi đấy và cũng còn là một nhà thơ có hạng nữa đấy, không chỉ có thể bày tỏ suy tư của riêng mình mà cả những tư tưởng của người khác nữa kia.

Cái đó, anh bạn Critias thân mến ơi, là một nét độc đáo từ lâu đã có trong gia đình anh, như anh đã thừa hưởng từ nơi cụ Solon. Nhưng sao anh không kêu hắn lại và giới thiệu với chúng tôi? Ngay cả nếu như cậu ta có trẻ hơn tuổi, thì cũng chẳng có gì bất tiện khi cậu ta nói chuyện với chúng tôi trước mặt anh là người giám hộ và là anh em họ với cậu ta.

Đúng vậy, anh ta nói; và tôi sẽ gọi y; quay sang đám đông, ông ta nói, kêu Charmides giùm và nói với anh ta rằng tôi muốn anh ta đến gặp một ông thầy thuốc mà ngày hôm kia đã đứng nói với tôi về chuyện ốm đau. Quay lại về phía tôi anh ta nói thêm: hôm rồi cậu ta nói là bị nhức đầu suốt từ khi thức dậy vào ban sáng; giờ này tại sao anh không làm cho cậu ta tin rằng anh biết bài thuốc trị nhức đầu chứ?

Chuyện ấy chẳng có gì khó cả, tôi nói, nếu cậu ta đến đây.

Y chắc sẽ phải đến mà, ông ta đáp.

Anh chàng đến theo lời người ta bảo và ngồi xuống giữa Critias và tôi. Điều rất thú vị là mọi người đều cố hết sức xô lấn người bên cạnh để có thể kiếm được một chỗ gần ba người, đến nỗi ở hai đầu hàng ghế, bên này một người phải đứng dậy còn bên kia một người khác ngã lăn xuống lối đi. Bấy giờ, anh bạn ạ, tôi bắt đầu cảm thấy lúng túng; niềm tự tin vào khả năng trò chuyện với cậu ta mất đâu hết. Và khi Critias nói với chàng ta rằng tôi là người có khả năng chữa bệnh, anh chàng nhìn vào tôi với một cái vẻ không tài nào diễn tả được và như muốn hỏi một câu gì đó; lúc ấy tất cả mọi người có mặt trong sân vây kín chung quanh chúng tôi và hiếm thay! Tôi đã nhìn thấy phần thân

thể bên trong áo mặc và cảm giác bừng lên. Tôi không còn tự chủ được nữa. Tôi nghĩ Critias hiểu rất rõ bản chất của đam mê, nên khi nói về một người xinh đẹp đã lên tiếng cảnh báo rằng "đừng đặt nai tơ trước mắt sư tử kẻo nó sẽ phanh thây mất", bởi tôi cảm thấy trong lòng rộn lên một thứ thèm khát hoang thú. Nhưng rồi tôi kềm lòng được, nên khi nghe anh chàng hỏi tôi có biết bài thuốc chữa nhức đầu không, tôi cố trả lời rằng có biết.

Là cái gì vậy? Cậu ta nói.

Tôi trả lời đó là một loại lá cây, nhưng phải kèm theo một câu thần chú; một người vừa đọc thần chú vừa dùng lá cây, anh ta sẽ được lành bệnh, còn nếu không có thần chú thì lá cây chẳng có công dụng gì.

Vậy tôi sẽ viết ra giấy câu thần chú ông đọc cho tôi, anh chàng nói.

Với thiện ý của tôi? Tôi nói, hoặc không cần thiện ý của tôi?

Với thiện ý của ông chứ, thưa ông Socrates, anh chàng cười nói.

Tốt lắm, tôi nói; nhưng cậu có chắc là có biết tên tôi không?

Tôi phải biết ông chứ, anh chàng đáp, bởi trong số bạn bè tôi nhiều người nói về ông; và tôi nhớ hồi còn bé đã thấy ông đi cùng ông anh Critias của tôi rồi.

Thế thì quá tốt, tôi nói, vì như thế sẽ giúp tôi thoải mái hơn khi cắt nghĩa về câu thần chú; tôi từng nghĩ sẽ có khó khăn về chuyện này. Bởi vì, Charmides ạ, câu thần chú có nhiều tác dụng hơn là chữa nhức đầu. Tôi dám nói rằng cậu đã từng nghe các thầy thuốc lừng danh nói với bệnh nhân đến chữa bệnh đau mắt, rằng họ không thể chữa mắt vì mắt mà thôi, nhưng nếu cần phải chữa mắt, thì cũng phải chữa đầu; và họ cũng còn nói rằng chỉ nghĩ đến việc chữa đầu không thôi và không chữa cả những phần còn lại trong cơ thể, thì thật là chuyện hết sức điên rồ. Lý luận như thế nên họ áp dụng phương pháp chữa bệnh toàn thân và cố gắng chữa trị toàn thân và từng phần kết hợp với nhau. Đã có bao giờ cậu thấy họ nói điều ấy chưa?

Có, anh chàng nói.

Và họ đúng, còn anh có đồng ý với họ không?

Có, anh ta nói, hiển nhiên tôi đồng ý.

Câu trả lời đồng ý của anh chàng làm tôi phấn chấn, tôi lấy lại dần tự tin và sinh lực. Charmides này, đó là chức năng tự nhiên của thần chú. Tôi học biết được điều ấy trong thời gian ở trong quân ngũ, từ một trong các ngự y của Zamolxis, vua xứ Thracia. Ông ta là một trong những người nghe nói đem lại sự bất tử. Vị ngự y người xứ Thracia này nói với tôi rằng các vị lương y Hy Lạp đã có những hiểu biết rất đúng về họ, như tôi vừa dẫn

chứng; nhưng ông ta nói thêm, Đức Zamolxis, vị quân vương của chúng tôi, cũng là một vị thần, còn nói, "các ngươi không được chữa mắt mà không chữa cả đầu, hay chữa đầu mà không chữa cả con mắt, cũng như không được chữa trị thân xác mà không chữa cả tâm hồn; và", ông ta nói, "đó là lý do tại sao các thầy thuốc Hy Lạp không biết bài thuốc chữa bách bệnh, bởi họ không biết cái toàn phần, là điều cũng phải học biết; vì cái từng phần chẳng bao giờ có thể lành mạnh trừ phi cái toàn phần cũng lành mạnh". Bởi lẽ mọi điều tốt và xấu, dù trong thân xác hay nơi bản tính con người đều xuất phát, theo lời ông ta tuyên bố, từ nơi tâm hồn và chảy tràn ra từ đó, tựa như từ đầu xuống mắt. Và vì thế nếu đầu và thân mình phải lành mạnh thì phải khởi sự bằng việc chữa trị tâm hồn cái đã; đó là việc đầu tiên. Và bài thuốc, anh bạn ạ, muốn có hiệu nghiệm phải dùng một số câu thần chú, các câu này rất hay; nhờ đó mà đức tiết độ mới được thâm nhập vào tâm hồn con người; và nơi nào có đức tiết độ, nơi ấy sức khỏe mới có nhanh được, không phải chỉ cho riêng cái đầu mà còn cả cho toàn thân. Và người đã dạy cho tôi bài thuốc và câu thần chú còn dặn thêm; "đừng để ai", ông ta nói, "thuyết phục anh chữa cái đầu, mà trước hết chưa để anh chữa trị tâm hồn với câu thần chú. Bởi vì đó là một sai lầm nghiêm trọng trong cách chữa trị thân xác con người thời nay, khi các thầy thuốc tách biệt tâm hồn khỏi thân xác". Ông ta còn nhấn mạnh và buộc tôi phải thề "không được để ai, dù họ giàu có, sang trọng hay đẹp đẽ xin anh bài thuốc chữa trị mà không có kèm theo câu thần chú". Tôi đã thề và tôi phải giữ lời và vì vậy nếu cậu cho phép tôi đưa câu thần chú vào trong tâm cậu cái đã, như đã được dặn, rồi tôi sẽ tiến hành chữa cái đầu cho cậu sau. Còn nếu không. Tôi đành chịu không biết làm gì cho cậu được, Charmides ạ.

Critias, khi vừa nghe những lời này liền nói: việc đau đầu sẽ là một điều lợi bất ngờ cho người họ hàng trẻ tuổi của tôi, nếu như cái đau trong đầu thôi thúc cậu ta cải thiện đầu óc mình: tôi có thể nói với anh, anh Socrates ạ, rằng Charmides không chỉ vượt trội về vẻ đẹp hơn những người đồng lứa, nhưng còn là về phẩm chất được trao ban nhờ câu thần chú; đó là theo như anh nói, đức tiết độ, có phải vậy không?

Đúng, tôi nói.

Vậy tôi xin nói với anh rằng cậu ta là một con người tiết độ hết mực và ở tuổi ấy cậu ta chẳng thua kém gì ai đâu.

Vâng, tôi nói, Charmides này; quả thật tôi nghĩ cậu trội vượt hơn những người khác về mọi phẩm

chất tốt đẹp; bởi nếu tôi không lầm chẳng có ai trong số những người có mặt ở đây có thể dễ dàng chỉ ra hai dòng họ người Athens, mà sự kết hợp giữa hai dòng họ ấy có thể sản sinh ra một người con trai tốt hơn và cao quý hơn hai dòng họ đã sinh ra cậu. Gia đình bên phía bố cậu, cháu cụ Critias và là con ông Dropidas, gia tộc có được ghi trong các vần thơ tán tụng của Anacreon, Solon và nhiều thi sĩ khác và cũng nổi danh vì vẻ đẹp, đức hạnh và các may mắn khác; gia tộc bên mẹ cậu cũng chẳng kém; bởi ông cậu Pyrilampes là người chưa từng có ai sánh bằng trong xứ Persia, nơi triều đình của vị đại vương, hoặc trên toàn lục địa tại khắp các chỗ ông đến làm đại sứ, xét về vóc dáng và vẻ đẹp; cả dòng họ ấy chẳng một chút nào thua kém dòng họ kia. Có tổ tiên như vậy cậu hẳn phải là người đứng đầu trong hết mọi sự và với những gì tôi có thể thấy, hỡi người con quý yêu của ông Gaucon, hình dáng bên ngoài của cậu chẳng thể làm cho các vị ấy phải hổ thẹn. Còn nếu như cậu cũng có đức tiết độ không thua vẻ đẹp, đúng như tuyên bố của ông Critias đây, thì cậu là người diễm phúc, Charmides ạ, được làm con mẹ cậu. Nhưng tôi phải hỏi: nếu như cậu đã có khả năng tiết độ, như lời Critias nói và cậu có đủ đức tính tiết độ rồi, trong trường hợp đó không cần thần chú nào hết, dù là của Zamolxis, hay của Abaris người miền Hyperborea và tôi có thể trao ngay cho cậu bài thuốc nhức đầu; nhưng nếu cậu vẫn còn chưa đủ những phẩm chất này, thì tôi buộc phải dùng câu thần chú trước khi đưa thuốc cho cậu. Vậy, hãy cho tôi biết có phải cậu công nhận sự thật trong điều Critias đã nói về khả năng tiết độ của cậu hay cậu còn thiếu riêng về điều ấy?

Charmides đỏ bừng mặt và điều đó càng làm tăng thêm vẻ đẹp của cậu ta. Chàng thanh niên trở nên khiêm tốn, chàng ta thành thật nói rằng mình không thể trả lời tức thì là có hay không về câu mà tôi đã hỏi; bởi, cậu ta nói, nếu tôi xác nhận mình không tiết độ, đó là điều lập dị khi nói về mình và như vậy hóa ra tôi đã lừa dối Critias và nhiều người khác, vốn cho tôi là người sống tiết độ; đàng khác, nếu tôi nói rằng tôi là người tiết độ, tức là tôi tự khen mình và đó là một thói xấu; và vì thế tôi không có câu trả lời cho ông.

Tôi bảo cậu ta: đó là câu trả lời tự nhiên thôi, Charmides ạ và tôi nghĩ rằng cậu ta và tôi có thể cùng tìm xem liệu cậu có cái phẩm chất mà tôi đang hỏi hay không; và rồi cậu sẽ không bị buộc phải nói ra điều mình không thích; cũng như tôi sẽ không phải là một lang y bất cẩn; vì vậy, nếu cậu muốn, tôi sẽ phối hợp với cậu trong việc tìm hiểu, nhưng tôi không thúc ép cậu nếu cậu không muốn.

Thật chẳng có gì mà tôi thích hơn, anh chàng nói, và về phần tôi ông cứ tiến hành theo cách ông cho là hay nhất.

Tôi nghĩ nên bắt đầu bằng việc hỏi cậu: Tiết độ là gì? Vì cậu cần có ý niệm về điều đó: nếu đức tiết độ có lưu lại trong con người cậu, nó phải tạo những chỉ dẫn về bản chất và phẩm chất, là những cái có thể giúp cậu hình thành một số ý niệm về nó. Có phải vậy không?

Vâng, cậu ta nói, tôi cho rằng đúng thế.

Và khi nói tiếng Hy Lạp, tôi nói, cậu có thể chắc chắn diễn tả được cái mà điều này có thể là, cái mà cậu có trong người mình.

Chắc chắn, cậu ta nói.

Nhưng để tôi phỏng đoán xem cậu có giữ được đức tiết độ hay không, tôi nói, hãy nói cho tôi biết theo ý cậu Tiết độ là gì?

Thoạt tiên cậu ta lưỡng lự và không muốn trả lời; nhưng một hồi sau mới nói rằng theo cậu ta tiết độ là làm các việc một cách có trật tự và thanh thản, chẳng hạn như như đi dạo trên phố, nói năng hay bất cứ việc gì khác có tính chất như thế. Nói tóm lại, anh chàng nói, tiết độ là thanh thản.

Vậy sao, Charmides? Tôi nói. Không còn nghi ngờ gì ý muốn nói rằng người sống thanh thản là người có đức tính tiết độ; nhưng ta hãy xét xem liệu nói như vậy có đúng không; và trước hết hãy cho tôi biết phải chăng cậu không cho rằng tầng lớp người tốt và đáng kính biết sống tiết độ?

Vâng.

Thế ở nhà thầy dạy viết việc nào tốt nhất, viết cùng những chữ như nhau một cách nhanh chóng hay một cách thanh thản?

Một cách nhanh chóng.

Và đọc nhanh hay chậm?

Cũng phải nhanh thôi.

Thế còn chơi đàn lia, hay đấu vật, nhanh nhẹn, khéo léo thì tốt hơn thanh thản và chậm chạp nhiều chứ?

Vâng.

Và đối với các môn quyền thuật và đô vật tự do cũng vậy chứ?

Tất nhiên.

Còn khi nhảy, chạy và thể dục nói chung, nhanh nhẹn, lẹ làng là tốt; chậm chạp, lù đù và thanh thản là xấu?

Hiển nhiên rồi.

Vậy, tôi nói, trong các hành động thể chất, chẳng phải sự thanh thản, nhưng chính sự lẹ làng, nhanh nhẹn nhất mới là tốt và quý nhất đó sao?

Vâng, tất nhiên rồi.

Và tiết độ có là điều tốt?

Có.

Vậy, về thể xác, không phải sự thanh thản, mà chính sự nhanh

nhẹn là cấp độ cao hơn của đức tiết độ, nếu tiết độ là điều tốt?

Đúng vậy, chàng ta nói.

Và trong hai điều cái nào tốt hơn-dễ học hay khó học?

Dễ học.

Đúng, tôi nói; và dễ học có nghĩa là học nhanh, còn khó học là học bình thản và chậm chạp?

Đúng vậy.

Và chẳng phải dạy nhau nhanh nhẹn và nhiệt tình tốt hơn là dạy thanh thản và chậm chạp?

Vâng.

Và việc gợi lại trong đầu hay nhớ lại nhanh chóng và dễ dàng-điều này cũng tốt hơn là nhớ lại một cách bình thản và chậm chạp?

Đúng vậy.

Và chẳng phải là việc tốt nhất khi hiểu điều người ta nói, dù là ở nhà thầy dạy viết hoặc thầy dạy nhạc hay nơi nào khác, không phải hết sức thanh thản, nhưng là hết sức nhanh nhẹn đó sao?

Vâng.

Và khi tâm hồn cân nhắc và suy tư, tôi tưởng chẳng phải những tâm hồn trầm mặc, những kẻ không thể suy tư và khám phá được cho là đáng khen, nhưng là những người suy tư và khám phá dễ dàng, nhanh nhẹn?

Điều đó đúng, cậu ta nói.

Và trong mọi điều liên quan tới hoặc xác hay hồn, mau lẹ và linh hoạt rõ ràng tốt hơn chậm chạp và bình lặng?

Đó là điều được suy ra, cậu ta nói.

Vậy theo quan niệm này, tiết độ không phải là thanh thản cũng như cuộc sống tiết độ không phải là bình thản; nhưng cuộc sống có tiết độ là điều tốt. Và trong hai việc, cái này đúng - hoặc chưa từng có hay rất họa hiếm.

Tôi nghĩ, cậu ta nói, thưa ông Socrates, rằng ông chí phải khi nói điều đó.

Vậy một lần nữa, Charmides này, tôi nói, hãy tập trung nhìn vào bên trong; suy xét tác động của sự tiết độ trên bản thân cậu và bản chất của cái gây nên tác động. Suy nghĩ kỹ đi và với tính cách một người thanh niên đầy can đảm, hãy cho tôi biết-Tiết độ là gì?

Sau một hồi cố suy nghĩ với tính cách một người lớn, cậu ta mới nói: Theo tôi, thưa ông Socrates, tiết độ làm cho người ta biết xấu hổ hoặc khiêm tốn và tiết độ cũng tương tự khiêm tốn.

Tốt lắm, tôi nói; và cậu đã chẳng thừa nhận, vừa mới đây thôi, rằng tiết độ là đáng trân trọng sao?

Vâng, tất nhiên, anh chàng nói.

Và người tiết độ cũng tốt?

Vâng.

Và cái không làm cho người ta nên tốt cũng có thể là tốt sao?

Tất nhiên là không rồi.

Và cậu ước đoán rằng tiết độ không chỉ đáng trân trọng mà còn có ích nữa?

Đó là điều tôi nghĩ.

Được, tôi nói; và chắc cậu sẽ đồng ý với Homer khi ông ấy nói,

"Khiêm tốn không có ích cho kẻ nghèo túng"?

Vâng, anh chàng nói, tôi nhất trí điều đó.

Vậy tôi phải cho là khiêm tốn vừa có ích vừa không?

Đó là chuyện bình thường.

Nhưng tiết độ, mà việc có nó chỉ làm cho con người nên tốt, chứ không làm nên xấu, lúc nào cũng có ích chứ?

Xem ra đúng như ông nói.

Vậy phải ước đoán là tiết độ cũng không thể là khiêm tốn - nếu như tiết độ là một điều có ích và đàng khác khiêm tốn là cái vừa xấu lại vừa tốt?

Tất cả những điều ấy, thưa ông Socrates, đối với tôi xem ra là đúng; nhưng tôi muốn biết ông nghĩ gì về một định nghĩa khác của tiết độ, mà tôi vừa sực nhớ nghe ai đó nói, rằng "tiết độ là làm công việc riêng của chúng ta". Người khẳng định điều đó có đúng không?

Cậu đúng là đồ quái! Tôi nói; đó là điều Critias, hay triết gia nào đó đã nói cho cậu biết.

Vậy là ai đó, Critias nói; chứ nào phải tôi đâu.

Chuyện tôi nghe được từ ai thì có vấn đề gì, Charmides nói.

Chẳng có vấn đề gì hết, tôi trả lời; bởi cái chính không phải là ai nói những lời ấy, mà là liệu chúng có đúng hay không thôi.

Chỗ này ông nói đúng, ông Socrates ạ, cậu ta tiếp lời.

Đúng là như thế, tôi nói; tuy nhiên tôi vẫn hoài nghi không biết có bao giờ chúng ta hiểu ra được chúng là sự thật hay sai lầm; vì đó là một câu đánh đố.

Cái gì khiến ông nghĩ như thế? Cậu ta hỏi.

Bởi lẽ, tôi nói, người thốt ra những lời ấy, theo tôi, muốn ám chỉ một đàng, nhưng lại nói một đàng khác. Viên ký lục, chẳng hạn, có phải y được coi như chẳng làm gì cả, trong khi thực sự y có đọc và viết?

Tôi cho rằng ông ta có làm một cái gì đó.

Và viên ký lục có đọc hay viết, hay dạy bọn trẻ các cậu viết hay đọc riêng tên các cậu, hay các cậu viết tên các kẻ thù cũng như tên của riêng mình và bạn hữu?

Cả cái này lẫn cái kia.

Và đã có điều gì can thiệp hay không đúng mức trong chuyện này?

Tất nhiên không.

Tuy nhiên, nếu đọc và viết cũng giống như làm, thời người ta làm điều không phải là việc riêng của họ?

Nhưng những cái đó cũng giống như làm.

Còn thuật chữa bệnh này, anh bạn và xây dựng, dệt và làm bất cứ cái gì bởi nghệ thuật mà ra, tất cả đều gọi chung là làm?

Tất nhiên rồi.

Vậy cậu có nghĩ rằng một nhà nước sẽ là có quy củ nhờ có luật buộc mọi người phải dệt và giặt áo sống riêng của mình, làm ra giày, chai lọ hay bông tăm và các vật dụng khác cho riêng mình, trên nguyên tắc mọi người làm và thực hiện việc riêng của mình, tránh xa cái gì không phải của riêng mình.

Tôi không nghĩ như vậy, cậu ta nói.

Nhưng, tôi nói, một nhà nước tiết độ chính là một nhà nước có quy củ.

Dĩ nhiên, cậu ta đáp.

Vậy tiết độ, tôi nói, sẽ không phải là làm việc riêng của mình; chí ít không làm theo cách đó, hoặc không làm những loại việc đó?

Tất nhiên là không.

Vậy, bây giờ tôi nói, người vốn đã tuyên bố rằng tiết độ là làm việc riêng của mình hẳn có một ẩn ý khác; bởi tôi không cho rằng ông ta là một người quá ngu mới nói điều đó. Người nói với cậu có phải là một kẻ ngu đần không, Charmides?

Không, anh chàng trả lời, tôi cho rằng ông ta là một người rất khôn ngoan.

Vậy tôi chắc rằng ông ta đưa ra điều này như một câu đánh đố rồi: người ấy muốn nói rằng có sự khó khăn trong việc người ta biết được cái gì là việc riêng của mình.

Tôi dám nói như thế, cậu ta trả lời.

Vậy thì ý nghĩa của việc người ta làm công việc riêng của mình là gì? Có thể nói tôi nghe?

Thú thực, tôi không thể, cậu ta nói; và tôi cũng chẳng ngạc nhiên nếu người nói câu này chẳng có ý niệm gì về điều mình đã nói. Trong lúc nói cậu ta cười một cách tinh quái và đưa mắt nhìn Critias.

Critias từ lâu đã tỏ ra đứng ngồi không yên, vì ông ta cảm thấy mình cần phải bảo vệ uy tín với Charmides và số còn lại trong nhóm. Tuy nhiên cho tới lúc này ông ta vẫn cố kìm hãm; nhưng đến lúc này ông ta không còn chịu đựng được nữa và sự nôn nóng của ông ta đã minh chứng cho điều tôi ngờ vực, rằng Charmides đã nghe câu trả lời này về đức tiết độ từ chính miệng Critias. Còn Charmides, vì không muốn tự mình trả lời, nhưng muốn buộc Critias phải trả lời, nên đã cố khích ông ta. Cậu ta tiếp tục

chỉ ra rằng mình đã bị bắt bẻ và thế là Critias nổi cáu, và theo tôi thấy dường như có ý muốn cãi lộn với cậu ta; hệt như một nhà thơ có thể gây lộn với người biểu diễn làm mất hay thơ của mình trong lúc ngâm; vì vậy ông ta nhìn chằm chằm vào cậu ta và nói:

Này Charmides, phải chăng vì chú không hiểu được nên mới tưởng rằng tác giả của câu định nghĩa về tiết độ lại chẳng hiểu được ý nghĩa điều mình nói ư?

Sao thế! Với độ tuổi cậu ta, tôi nói, thưa Critias rất mực ưu tú, cậu ta khó có hy vọng hiểu được; nhưng còn anh, là người già đời hơn, lại đã học hỏi nhiều, có thể được cho là hiểu biết ý nghĩa của những lời nói đó; và vì thế, nếu anh nhất trí với cậu ta và chấp nhận cái định nghĩa về tiết độ, thời tôi sẽ rất muốn tranh luận với anh hơn là với cậu ta về việc đúng hay sai của định nghĩa đó.

Tôi hoàn toàn nhất trí, Critias nói và chấp nhận định nghĩa này.

Tốt lắm, tôi nói; và bây giờ cho tôi lặp lại câu hỏi - anh có thừa nhận các thợ thủ công đều làm ra hoặc làm một vật gì.

Tôi thừa nhận.

Và họ có làm ra hay làm mỗi công việc của mình hay còn công việc của người khác?

Họ làm cả công việc của người khác nữa.

Và họ có tiết độ không, khi thấy rằng mình không chỉ làm cho mình hay công việc của mình?

Sao lại không? Ông ta nói.

Tôi chẳng có gì phản đối, tôi nói, nhưng có thể có cái khó về câu của người đề nghị lấy làm định nghĩa về tiết độ, "làm công việc của riêng mình" và rồi lại nói rằng chẳng có lý gì để nói những người làm công việc của người khác không phải là tiết độ.

Không, ông ta nói; đã có bao giờ tôi thừa nhận rằng những người làm công việc của người khác là tiết độ đâu? Tôi có nói, những người làm ra, chứ không phải những người làm.

Cái gì? Tôi hỏi; có phải anh muốn nói làm và làm ra không phải là một?

Làm ra và làm không còn là giống nhau, ông ta đáp: đó là cái tôi học được từ Hesiod, người đã từng nói "lao động là vinh quang". Anh có cho rằng nếu như ông ta có ý nói tới việc làm những cái anh đã nói, ông ta nói rằng chẳng có gì hổ thẹn nơi chúng? Chẳng hạn, trong việc đóng giày, bán dưa hoặc ngồi đón khách trong nhà thổ. Chẳng ai tin điều đó, Socrates ạ, nhưng theo tôi nghĩ, ông ta phân biệt sự làm ra với hành động và việc làm; và, trong khi thừa nhận rằng việc làm ra cái gì đó đôi khi có thể trở thành chuyện ô nhục, khi việc làm không mang lại danh

giá, dù công việc đó chẳng hề đáng tủi hổ. Bởi những việc được làm ra một cách hào hiệp và hữu ích được ông ta gọi là công việc; và những việc làm ra như thế được ông ta gọi là làm việc hay làm; và ông ấy được cho là đã gọi những cái đó chỉ là việc riêng của con người, còn cái gây tổn thương thì không phải là việc của hắn: theo nghĩa đó Hesiod và bất cứ người khôn ngoan nào khác có thể được cho là có lý khi gọi người làm công việc riêng của mình là người khôn ngoan.

Ô này anh Critias, tôi nói; ngay khi anh vừa mở miệng tôi đã biết rõ rằng anh sẽ cho cái thích hợp cho một người và cái thuộc riêng người ấy là tốt rồi; và việc làm ra của cải anh cho là làm, bởi tôi đã nghe Prodicus không ngừng phân biệt các danh xưng. Lúc này tôi chẳng bài bác việc anh cho các danh xưng bất kỳ ý nghĩa nào anh thích, nếu như anh chỉ nói cho tôi hay anh muốn nói gì qua chúng. Vậy xin hãy bắt đầu lại và hãy theo cách đơn giản hơn. Chẳng phải anh có ý nói việc làm hay làm ra này, hoặc bất kỳ từ ngữ nào anh dùng tới, về những hành động tốt, đều là tiết độ?

Đúng vậy, ông ta nói.

Vậy chẳng phải kẻ làm điều xấu, nhưng chính là người làm điều tốt mới là tiết độ?

Vâng, ông ta nói; và anh có đồng ý điều đó chứ?

Đừng bao giờ để ý đến chuyện tôi có đồng ý hay không; chúng tôi chỉ quan tâm đến điều anh nói thôi.

Được, ông ta đáp; tôi có ý nói, rằng kẻ làm điều xấu, chứ không phải điều tốt, thì không tiết độ; và rằng người sống tiết độ chính là người làm điều tốt, chứ không phải điều xấu; bởi đức tiết độ mà tôi định nghĩa theo bằng từ đơn giản là làm những việc tốt.

Anh dường như rất đúng về điều đó, tôi nói; nhưng tôi tò mò muốn biết anh có nghĩ là những người sống tiết độ không ý thức về sự tiết độ của mình?

Tôi không nghĩ thế, ông ta nói.

Nhưng anh đã chẳng nói, cách nay không lâu, rằng những người thợ thủ công có thể sống tiết độ khi làm công việc của người khác, cũng như công việc riêng của mình?

Phải, tôi có nói như vậy, ông ta đáp; nhưng sao anh lại nói đến chuyện đó?

Tôi chẳng có ý gì đặc biệt đâu, nhưng tôi muốn anh cho tôi hay có phải thầy thuốc chữa cho một bệnh nhân là làm tốt cho chính mình và cũng cho người khác?

Tôi tin rằng ông ta quả là như thế.

Thế người làm như thế chỉ là làm bổn phận của mình. Và chẳng phải người làm tròn bổn phận đã hành động một cách tiết độ và khôn ngoan?

Vâng, người ấy hành động thật khôn ngoan.

Nhưng thầy thuốc có nhất thiết phải biết khi nào việc chữa trị của mình tỏ ra có ích và khi nào không? Hoặc người thợ có cần phải biết khi nào mình được lợi và khi nào không, bởi công việc người đó đang làm?

Tôi cho rằng không.

Vậy, tôi nói, người đó có lúc làm tốt có lúc làm hại và cũng chẳng biết cái mình đang làm, tuy nhiên, theo lời anh nói, khi làm tốt, người ấy phải làm một cách tiết độ hoặc khôn ngoan. Có phải anh đã nói như thế không?

Đúng.

Vậy, có vẻ như là khi làm tốt, anh ta có thể hành động khôn ngoan hay tiết độ và là người khôn ngoan hay tiết độ, nhưng không biết sự khôn ngoan hay tiết độ mình có.

Nhưng, anh Socrates này, ông ta nói, điều đó làm sao xảy ra được; và vì thế nếu điều đó, theo anh ám chỉ, là hậu quả tất nhiên của bất cứ điều gì tôi đã công nhận trước đây, thời tôi xin rút lại và cũng chẳng xấu hổ thú nhận tôi đã lầm, còn hơn là công nhận rằng một người có thể là tiết độ hoặc khôn ngoan lại chẳng biết chính mình. Vì sự tự biết mình chắc chắn là điều tôi luôn cho là bản chất thật sự của tri thức và về mặt đó tôi nhất trí với người đề ra câu được khắc trên đá "Hãy tự biết mình!" tại đền Delphi. Lời đó, nếu tôi không lầm, được đặt tại đó như một thứ lời chào mà vị thần muốn gởi tới những ai bước chân vào đền thờ; như thế chẳng khác nào bảo rằng câu thường chào "Xin chào!" là không đúng, còn lời cổ vũ "Hãy sống tiết độ!" là câu chào tốt hơn câu kia rất nhiều. Ý của người khắc câu đó, theo tôi nghĩ, là lời vị thần nói với những kẻ bước chân vào đền thờ của ông chứ không như người trần nói; nhưng khi tín hữu bước vào, lời đầu tiên người ấy nghe được là "Hãy sống tiết độ!" Tuy nhiên, câu này cũng tựa như câu nhà tiên tri nói trong dạng huyền bí, vì "Hãy tự biết mình!" và "Hãy sống tiết độ!" cũng là một, tuy chúng dễ bị hiểu lầm; và những nhà hiền triết thời sau khi thêm vào "Chớ có quá nhiều" hoặc "Hãy thề hứa đi, tai ương đang gần kề rồi", xem ra đã hiểu sai những câu đó; vì họ tưởng rằng "Hãy tự biết mình!" chỉ là một lời vị thần ban ra để khuyên nhủ, chứ không phải là lời chào với các tín hữu lần đầu tiên đến viếng; và họ viết câu đó dựa trên ý tưởng rằng họ sẽ cho những lời khuyên hữu ích như vậy. Tôi sẽ cho anh hay, anh Socrates ạ, tại sao tôi lại nói tất cả những chuyện này. Mục tiêu của tôi là bỏ đi cái đã trao đổi trước đây (trong đó tôi không rõ liệu anh với tôi ai đúng hơn, nhưng dù sao cũng chưa

đạt được kết quả rõ ràng nào) và nêu lên một cuộc trao đổi mới trong đó tôi sẽ cố chứng minh, nếu anh không bác bỏ, rằng tiết độ là tự biết mình.

Vâng, anh Critias ạ, tôi nói; nhưng anh đến với tôi cứ như là tôi tự cho là đã biết những câu tôi hỏi và như thế tôi có thể, giá như tôi sẽ, đồng ý với anh. Trong khi sự thật tôi chỉ là, cũng như anh, một người đi tìm sự thật trong lời anh tuyên bố; và đã tìm hiểu rồi, tôi sẽ nói có đồng ý với anh hay không. Vậy hãy cho tôi có thời gian để suy nghĩ.

Cứ suy nghĩ đi, ông ta nói.

Tôi đang suy nghĩ đây, tôi trả lời và khám phá ra rằng tiết độ, hay khôn ngoan, nếu hàm ý một sự hiểu biết về cái gì đó, phải là một bộ môn khoa học và một bộ môn khoa học về cái gì đó.

Vâng, ông ta nói; bộ môn khoa học về chính nó.

Và chẳng phải y khoa, tôi nói, là một bộ môn khoa học về sức khỏe?

Đúng vậy.

Và giả sử, tôi nói, rằng tôi được anh hỏi thế nào là công dụng hay hiệu quả của y khoa, vốn là bộ môn khoa học về sức khỏe, tôi sẽ trả lời rằng y khoa có công dụng rất lớn trong việc đem lại sức khỏe và, như anh sẽ phải nhìn nhận, là một hiệu quả rất đáng khâm phục. Cứ cho là như vậy.

Và nếu anh được tôi hỏi, thế nào là kết quả hay hiệu quả của kiến trúc, vốn là bộ môn khoa học về xây dựng, tôi sẽ nói đó là nhà cửa và tương tự như thế về các ngành nghề khác, tất cả đều có những kết quả khác nhau. Bây giờ, Critias ạ, tôi muốn anh trả lời một câu tương tự về sự tiết độ. Hay khôn ngoan, mà anh hẳn biết câu trả lời, nếu, như anh nói, khôn ngoan hoặc tiết độ là bộ môn khoa học về chính nó. Chấp nhận điều đó, tôi hỏi, liệu đức khôn ngoan có đem lại một công việc tốt, đáng để gọi như thế nào chăng? Hãy trả lời tôi cái đó.

Đó chẳng phải là con đường thích đáng để theo đuổi việc tìm hiểu, Socrates ạ, ông ta nói; bởi đức khôn ngoan không giống những bộ môn khoa học khác, vốn cũng chẳng giống nhau, thế mà anh lại cứ cho như là chúng giống nhau. Vậy hãy cho tôi biết, ông ta nói, kết quả của toán học hay hình học là gì, cùng ý nghĩa nhà cửa là kết quả của xây dựng, hoặc áo quần là của ngành dệt hoặc bất cứ công việc gì của ngành nghề nào khác? Liệu anh có thể chỉ cho tôi thấy bất kỳ kết quả nào như vậy của chúng? Anh có chỉ được không?

Đúng như vậy, tôi nói; nhưng mỗi cái trong những bộ môn khoa học này có một môn khác với bộ môn khoa học. Tôi có thể chỉ cho

anh thấy rằng thuật tính toán phải sử dụng những con số lẻ và số chẵn trong những mối tương quan bằng số giữa chúng và với nhau. Có đúng thế không?

Có, ông ta nói.

Và những con số chẵn hay lẻ không là một với thuật tính toán?

Không.

Ngoài ra, thuật cân đong phải quan hệ với cái nhẹ hơn và cái nặng hơn; nhưng thuật cân đong thì là một chuyện, còn cái nặng và cái nhẹ lại là một chuyện khác. Anh có công nhận điều đó?

Có.

Bây giờ tôi muốn biết cái vốn không phải là đức khôn ngoan là gì và khoa học thuộc về đức khôn ngoan nào?

Chuyện đó đúng là một sự sai lầm đã có từ xưa rồi, anh Socrates ạ, ông ta nói. Anh đến hỏi Khôn ngoan khác với các khoa học khác ở điểm gì; rồi tiếp tục truy vấn, như thể chúng giống nhau; nhưng đó không phải là vấn đề, bởi tất cả các bộ môn khoa học khác thuộc về một cái khác, chứ không thuộc về chính chúng; nhưng chỉ có một mình cái đó là khoa học của các khoa học khác và của chính nó. Về chuyện này, tôi tin rằng anh biết quá rõ rồi và rằng anh chỉ làm điều mà anh phủ nhận mới làm đây, bỏ ngang cuộc tranh luận và cố bắt bẻ tôi.

Tôi bắt bẻ anh cái gì chứ? Sao anh có thể nghĩ rằng tôi có động cơ nào khác trong chuyện này và tôi nên làm gì để soi rọi chính bản thân mình? Động cơ nào đó chính là sự sợ hãi về nỗi hoang tưởng rằng tôi có biết điều gì đó mà tôi bảo là không biết. Và lúc này đây tôi truy vấn chủ yếu là vì lợi ích riêng và có thể ở một chừng mực nào đó vì lợi ích của bạn bè tôi. Vì chẳng phải việc khám phá các sự vật đúng như chúng vốn có là một cái hay chung cho cả loài người sao?

Vâng, tất nhiên, Socrates ạ, ông ta nói.

Vậy thì, tôi nói, hãy phấn khởi lên, thưa ông và hãy cho ý kiến trả lời câu tôi đã hỏi, mà đừng có quan tâm xem Critias hay Socrates ai là người bị bắt bẻ; hãy chú tâm đến lý lẽ mà thôi và xem rút ra được cái gì từ việc bắt bẻ.

Tôi nghĩ anh nói rất đúng, ông ta đáp; và tôi sẽ làm y như anh nói.

Vậy hãy cho tôi biết, tôi nói, anh muốn ám chỉ điều gì khi khẳng định về đức khôn ngoan?

Tôi có ý nói, ông ta tiếp lời, rằng khôn ngoan là bộ môn khoa học duy nhất vừa là bộ môn khoa học của chính nó lại vừa của các bộ môn khoa học khác nữa.

Nhưng khoa học của khoa học, tôi nói, cũng sẽ là bộ môn khoa học của sự không có khoa học.

Đúng lắm, ông ta nói.

Vậy người khôn ngoan hay tiết độ và chỉ ông ta thôi, mới tự biết mình và có thể khảo sát điều mình biết hay không biết và xem điều những người khác biết, cùng nghĩ rằng họ biết và thực sự biết; và điều họ không biết, nhưng tưởng rằng mình biết, trong khi họ không biết. Chẳng ai khác có thể làm được điều này. Và đó là tình trạng và đức hạnh của khôn ngoan, hay tiết độ, cũng là tự hiểu biết, chính là sự biết mình biết cái gì và không biết cái gì. Anh nghĩ thế phải không?

Đúng, ông ta nói.

Vậy bây giờ, tôi nói, dâng lý lẽ thứ ba và cũng là cuối cùng lên Zeus Đấng Cứu độ, chúng lại bắt đầu một lần nữa và hỏi, đầu tiên là, liệu có thể có sự biết là cái anh biết lẫn không biết cái anh biết và không biết chăng; và thứ hai là, liệu cả khi có thể sự biết như vậy có công dụng gì không.

Đó là cái chúng ta phải xem xét, ông ta nói.

Đến đây, Critias ạ, tôi nói, tôi hy vọng rằng anh sẽ tìm được lối thoát ra khỏi nỗi khó khăn mà chính tôi đã vướng phải. Tôi có nên kể cho anh nghe nỗi khó khăn đó?

Tất nhiên, ông ta trả lời.

Những điều anh vừa nói, nếu đúng, chung quy là: phải có một bộ môn khoa học hoàn toàn về chính nó và cũng về các bộ môn khoa học khác, và bộ môn khoa học không có khoa học cũng như thế, chẳng phải vậy sao?

Đúng vậy.

Nhưng anh bạn này, hãy xét xem chuyện này thật quái dị: trong bất kỳ trường hợp tương đồng nào anh cũng sẽ thấy rõ ràng không thể có chuyện như vậy được.

Sao thế? Anh muốn nói những trường hợp nào vậy?

Trong các trường hợp như: Giả dụ có một loại thị giác không như thị giác bình thường, nhưng là một thị giác nhìn được chính nó và các loại thị giác khác, kể cả những khiếm khuyết về thị giác, ở đó nhìn không thấy màu sắc, nhưng chỉ thấy chính nó và các loại thị giác khác. Anh nghĩ có loại thị giác như thế chăng?

Tất nhiên là không.

Hoặc có thể có loại thính giác chẳng nghe được một âm thanh nào hết, nhưng chỉ nghe được chính nó và những loại thính giác khác, hoặc là các khiếm khuyết về thính giác?

Không.

Hoặc nói về tất cả các giác quan: anh có thể tưởng tượng rằng có giác quan nào chỉ cảm nhận được về chính nó và về những giác quan khác, nhưng lại không thể cảm nhận được các đối tượng của giác quan?

Tôi nghĩ rằng không.

Liệu có thể có ham muốn nào mà không phải là ham muốn một thú vui nào, nhưng là ham muốn về chính nó và về tất cả các ham muốn khác?

Tất nhiên là không.

Hoặc anh có thể tưởng tượng một ao ước mà chẳng phải ao ước những điều tốt lành, nhưng chỉ về chính nó và về tất cả những ao ước khác?

Tôi có thể trả lời rằng không.

Hay anh có thể nói rằng có một tình yêu nhưng không phải là yêu cái đẹp, nhưng là yêu chính nó và yêu những tình yêu khác?

Cũng không.

Hay có bao giờ anh biết về một nỗi sợ hãi vốn chỉ sợ chính nó và sợ những nỗi sợ hãi khác, mà chẳng hề có đối tượng để sợ?

Chưa bao giờ, ông ta nói.

Hoặc về một tư tưởng, vốn là tư tưởng về chính nó và về những tư tưởng khác, và là cái không có tư duy về chủ đề của tư tưởng nói chung?

Tất nhiên rằng không.

Nhưng rõ ràng chúng ta đang giả định có một bộ môn khoa học thuộc loại đó, cái là một bộ môn khoa học về chính nó và về những khoa học khác; điều đó đã được xác định. Bây giờ thì lại thấy lạ, nếu đúng như vậy; tuy nhiên, cho đến giờ chúng ta chưa được phép hoàn toàn bác bỏ khả năng có một bộ môn khoa học như thế; ta hãy xét vấn đề này.

Anh nói rất đúng.

Được, bộ môn khoa học chúng ta đang nói tới đây là một bộ môn khoa học về cái gì đó và có bản chất là một bộ môn khoa học về cái gì đó?

Đúng.

Tựa như cái lớn hơn có bản chất là lớn hơn cái gì đó.

Vâng.

Cái là nhỏ hơn, nếu cái kia được coi là lớn hơn?

Đúng là như thế.

Và nếu chúng ta có thể tìm thấy cái gì đó một trật vừa lớn hơn chính nó và lớn hơn cả những cái lớn hơn khác, nhưng lại không lớn hơn những cái mà khi so sánh với nó thì những cái kia lớn hơn, vậy những cái đó có thuộc tính là lớn hơn đồng thời cũng nhỏ hơn chính nó?

Socrates này, cái đó, ông ta nói, là sự suy diễn vẫn thường thấy.

Hoặc nếu có một cái gấp đôi, vốn gấp đôi những cái gấp đôi và chính nó, sẽ là những cái nửa; vì cái nửa có liên quan với cái gấp đôi?

Đúng thế.

Và cái lớn hơn chính nó cũng sẽ là nhỏ hơn và cái nặng hơn cũng sẽ nhẹ nhẹ hơn, cái cũ hơn

cũng sẽ mới mẻ hơn: và cứ như vậy đối với các cái khác; cái có bản chất liên quan đến chính nó cũng sẽ giữ lại bản chất thuộc đối tượng của nó. Tôi có ý nói, chẳng hạn, rằng thính giác thuộc về âm thanh và tiếng nói. Có đúng vậy không?

Đúng.

Vậy nếu thính giác nghe chính nó, nó phải nghe được tiếng nói; vì chẳng có cách nghe nào khác.

Tất nhiên.

Và thị giác cũng thế, anh bạn tuyệt vời của tôi ơi, nếu nó nhìn được chính nó thì nó phải nhìn thấy màu sắc, vì thị giác không thể thấy cái không có màu sắc.

Phải.

Vậy, Critias này, anh có thấy trong nhiều ví dụ tôi đã có kể khái niệm liên quan đến chính nó đều không thể chấp nhận được, trong những trường hợp khác thì thật khó tin-không thể chấp nhận, ví dụ, trong trường hợp về tầm mức rộng lớn, con số và tương tự.

Rất đúng.

Nhưng trong trường hợp thính giác và lực tự vận hành cũng như sức nóng đốt cháy, sự quan hệ tới chính nó sẽ bị một số người coi là không thể tin được và dĩ nhiên những người khác thì không. Và cần phải có một vĩ nhân nào đó, bạn ạ, để xác định giúp chúng ta xem phải chăng chẳng có cái gì mang tính liên hệ với tự thân nó, hoặc chỉ với một vài cái thôi, mà không với những cái khác; và phải chăng trong loại sau, nếu có, có bộ môn khoa học được gọi là khôn ngoan hoặc tiết độ; tôi hoàn toàn không còn tin vào khả năng mình có thể xác định điều này: tôi không chắc liệu có một bộ môn khoa học của khoa học; và nếu như có chăng nữa, tôi cũng sẽ không nhìn nhận đó là khôn ngoan hay tiết độ, cho tới khi tôi có thể thấy rằng sự hiểu biết như vậy liệu có mang lại cho chúng ta điều gì tốt hay không; vì tôi có cảm tưởng rằng tiết độ là một điều tốt và có ích. Và vì thế, này hỡi người con của ông Callaeschrus, khi anh vẫn cho rằng tiết độ hay khôn ngoan là một bộ môn khoa học của khoa học và cũng của sự không khoa học, tôi sẽ yêu cầu anh trước hết chỉ cho tôi thấy, như đã nói trước đây, khả năng và thứ đến là mối lợi của môn khoa học như thế; và rồi lúc ấy có lẽ tôi có thể hài lòng rằng anh có cái nhìn đúng về tiết độ.

Critias nghe tôi nói vậy và thấy tôi bị bế tắc, thì cũng tựa như một người thấy người khác ngáp cũng bị ngáp theo, nên ông ta cũng có vẻ lâm vào chỗ bế tắc như tôi. Nhưng vì ông ấy có tiếng là kiên trì, biết xấu hổ khi phải thừa nhận trước mặt bạn bè rằng không thể trả lời thách thức của tôi hoặc quyết định vấn đề được nêu; và cố che giấu một cách thô thiển sự lúng

túng của mình. Để có thể tiếp tục tranh luận, tôi bèn nói với ông ta, thôi được, Critias này, nếu anh muốn, ta cứ giả dụ rằng có cái khoa học của khoa học; dẫu cho việc giả định có thể đúng hay sai khi thẩm tra sau này. Nhưng để thừa nhận hoàn toàn chuyện này, anh cần nói cho tôi biết môn khoa học như vậy làm sao giúp ta phân biệt được điều chúng ta biết và không biết, là điều, như chúng ta đã nói, tự nhận thức hay sự khôn ngoan. Có phải đó là cái chúng ta đã nói đến?

Vâng, anh Socrates ạ, ông ta nói; và điều tôi nghĩ chắc chắn đúng: vì người có được môn khoa học hay tri thức đó, vốn biết được chính bản thân sẽ trở nên giống cái tri thức người ấy có, theo cùng một cách như người có tính mau lẹ sẽ mau lẹ, kẻ có vẻ đẹp sẽ đẹp, còn kẻ có tri thức sẽ hiểu biết. Cũng theo kiểu đó, người có tri thức vốn là tri thức về chính mình ắt cũng sẽ tự biết mình.

Tôi không hoài nghi, tôi nói, về chuyện người ta sẽ biết được chính bản thân mình, khi có được cái có sự tự nhận biết đó; nhưng điều cần là khi có cái đó anh ta phải biết cái mình biết và cái mình không biết?

Bởi lẽ, Socrates ạ, chúng như nhau mà.

Rất có thể, tôi nói; nhưng tôi vẫn còn ngu muội lắm; bởi tôi còn chưa hiểu được tại sao việc biết điều anh biết và không biết này lại cũng giống như việc biết chính bản thân.

Anh muốn ám chỉ điều gì đây? Ông ta nói.

Tôi muốn nói như thế này, tôi trả lời: Tôi sẽ công nhận rằng có một bộ môn khoa học của khoa học, nhưng việc này có thể đi xa hơn bằng cách xác định được trong hai, cái này là và cái kia không phải là khoa học hay tri thức?

Không, chỉ có thế thôi.

Vậy có phải tri thức hay cần tri thức về sức khỏe cũng giống như tri thức hay cần tri thức về công lý?

Tất nhiên là không.

Một đàng về y học, đàng kia về chính trị; nhưng cái chúng ta đang bàn đến chỉ là tri thức thuần túy thôi mà.

Rất đúng.

Và nếu một người chỉ biết và chỉ có biết về tri thức và không biết thêm về sức khỏe và công lý, khả năng có thể xảy ra là anh ta sẽ chỉ biết, biết cái gì đó và có một sự hiểu biết nhất định, hoặc là liên quan đến chính bản thân mình hoặc liên quan đến người khác.

Đúng vậy.

Nhưng làm thế nào cái tri thức hay khoa học này dạy anh ta biết điều anh ta biết chứ? Đặt trường

hợp y biết về sức khỏe;-chẳng phải khôn ngoan hoặc tiết độ, nhưng là nghề y khoa đã dạy hắn biết chuyện đó;-và kẻ đã học được sự hòa hợp từ thuật âm nhạc, việc xây dựng từ thuật xây dựng,-chẳng cái nào từ sự khôn ngoan hay đức tiết độ: những việc khác cũng thế.

Hiển nhiên là thế rồi.

Nhưng làm thế nào đức khôn ngoan, được coi như là tri thức của tri thức hay khoa học của khoa học, dạy cho y biết rằng y có biết về y tế hoặc biết về xây dựng?

Không thể được.

Vậy người không biết chuyện này sẽ chỉ biết rằng y có biết chứ không biết cái y biết?

Đúng vậy.

Vậy khôn ngoan hay thông thái xem ra không phải là biết về những cái chúng ta biết hoặc không biết, nhưng chỉ là biết rằng chúng ta có biết và không có biết thôi sao?

Đó là điều suy ra.

Vậy người có tri thức này sẽ chẳng có thể xem xét liệu một kẻ giả vờ biết hay không biết, điều hắn nói rằng mình biết: hắn chỉ biết rằng hắn có một sự hiểu biết nào đó; còn sự khôn ngoan sẽ chẳng chỉ cho hắn biết tri thức là gì?

Rõ ràng không.

Người đó cũng chẳng có thể phân biệt kẻ giả dạng với thầy thuốc thật, cũng như giữa người có tri thức thật hay giả. Hãy xét vấn đề theo cách sau: Nếu người khôn ngoan hay bất kỳ ai khác muốn phân biệt thầy thuốc thật với thầy thuốc giả, anh ta phải làm gì? Người ấy sẽ không nói với hắn về thuốc men; vì đó là điều mà chỉ có các thầy thuốc hiểu mà thôi.

Đúng vậy.

Và người đó chắc chắn chẳng biết gì về khoa học, vì điều này được cho là thuộc lãnh vực của sự khôn ngoan.

Đúng thế.

Nhưng, nếu y khoa là một môn khoa học, cả thầy thuốc cũng chẳng biết gì về y khoa.

Chính xác.

Người khôn ngoan quả sẽ biết rằng thầy thuốc có một loại khoa học hay tri thức; nhưng khi ông ta muốn khám phá bản chất của việc này ông ta sẽ hỏi, chủ đề của nó là gì? Bởi mỗi môn khoa học được phân biệt, không với danh nghĩa là khoa học, nhưng theo bản chất của chủ đề. Có đúng vậy không?

Vâng; rất đúng.

Và y khoa được phân biệt với những môn khoa học khác vì có chủ đề về sức khỏe và bệnh tật?

Phải.

Và người muốn khảo sát bản chất của y học phải đi vào khảo sát sức khỏe và bệnh tật, chứ không về cái ngoài chúng?

Đúng.

Còn người xét đoán đúng sẽ phải xét đoán người thầy thuốc như là một thầy thuốc trong tương quan với những thứ ấy?

Phải như thế.

Người ấy phải xét liệu điều y nói là đúng và liệu điều y làm có phải là trong tương quan với những điều ấy?

Phải như vậy.

Nhưng ai có thể đánh giá mà không cần có tri thức về y học?

Không thể.

Cũng chẳng có ai khác ngoài thầy thuốc, dù ngay cả người khôn ngoan kia, xem ra có khả năng; vì điều này đòi hỏi anh ta phải vừa là thầy thuốc vừa là người khôn ngoan?

Rất đúng.

Vậy, tất nhiên khôn ngoan hay tiết độ, nếu chỉ là khoa học của khoa học và của không có khoa học hay tri thức, sẽ không thể phân biệt người thầy thuốc vốn biết từ người không biết nhưng giả vờ hoặc cho rằng mình biết, hoặc một kẻ chẳng biết gì hết; tựa như nghệ sĩ nào khác, người ấy chỉ biết bạn đồng liêu, chẳng biết ai khác nữa.

Hiển nhiên rồi.

Nhưng thế thì còn lợi ích gì nơi sự khôn ngoan hay tiết độ như vậy, nếu đó là sự khôn ngoan? Quả thật, nếu chúng ta lúc đầu giả dụ rằng người khôn ngoan có thể phân biệt cái mình biết và cái mình không biết, và rằng người ấy biết cái này nhưng không biết cái khác và thừa nhận khả năng nhận thức tương tự nơi những người khác, có nhiều lợi thế khi là khôn ngoan; bởi thế chúng ta sẽ chẳng bao giờ phạm sai lầm, nhưng trải qua cuộc sống với những chỉ dẫn không sai lạc cho chính chúng ta và những người thuộc quyền; và chúng ta cũng không nên cố làm những cái chúng ta không biết, như nên tìm ra những người biết và tin tưởng vào họ; hoặc chúng ta cũng không nên cho phép những kẻ dưới quyền chúng ta làm cái gì mà họ sẽ không có khả năng làm tốt; và họ có khả năng làm tốt chỉ những cái họ biết; gia đình hay quốc gia có trật tự và được điều hành theo sự hướng dẫn của đức khôn ngoan, sẽ luôn có quy củ và mọi điều khác có đức khôn ngoan làm chúa tể; vì sự thật thì hướng dẫn và sai lầm đã bị loại trừ, trong tất cả những việc họ làm, người ta đều làm tốt và vui sướng. Chẳng phải điều đó, anh Critias này, là cái chúng ta đã nói đến như một lợi thế lớn của đức khôn ngoan- biết cái gì cần biết và cái gì không cần biết đối với chúng ta?

Đúng lắm, ông ta nói.

Và giờ đây anh nhận thức, tôi nói, rằng môn khoa học như vậy chẳng thấy có nơi nào sao?

Tôi nhận thức thế, ông ta nói.

Vậy ta hãy giả sử, tôi nói, rằng đức khôn ngoan, nhìn dưới ánh sáng mới này chỉ như một tri thức của tri thức và vô tri thức, có lợi điểm này:-người có tri thức như vậy sẽ dễ học hỏi bất cứ cái gì anh ta học; và mọi thứ trở nên sáng tỏ hơn cho anh ta, vì thêm vào tri thức về các cá nhân, ông ta thấy khoa học và điều này cũng sẽ giúp ông ta thử nghiệm dễ dàng hơn sự hiểu biết người khác có về điều chính anh ta biết; trong khi người khảo sát không có tri thức này có thể được cho là có một cái nhìn yếu ớt và lờ mờ hơn? Này anh bạn, chẳng phải đó là những lợi thế thực sự thu được từ đức khôn ngoan? Và chẳng phải là chúng ta đang tìm kiếm và theo đuổi điều gì đó hơn là được tìm thấy trong nó?

Chuyện ấy rất có khả năng đấy, ông ta nói.

Điều này rất có khả năng, tôi nói; và cũng rất có khả năng việc tìm hiểu của chúng ta chẳng mang lại kết quả gì. Tôi phải kết luận như thế, bởi lẽ tôi nhận thấy rằng nếu đó là sự khôn ngoan thì sẽ kéo theo một số hậu quả lạ kỳ. Nếu anh không phiền ta hãy giả sử có bộ môn khoa học của khoa học này và hơn nữa thừa nhận, như lúc đầu đề nghị, rằng khôn ngoan là biết cái ta biết và không biết. Giả dụ hết như vậy rồi lại còn phải xét thêm, Critias ạ, vì tôi không biết chắc liệu sự khôn ngoan, như nói trên, có đem lại cho chúng ta điều tốt lành nào không. Bởi tôi cho rằng chúng ta sai lầm khi giả dụ, như mới vừa nói, rằng sự khôn ngoan như vậy giúp cho việc điều hành việc nhà việc nước đạt được mối lợi lớn.

Sao thế? Ông ta nói.

Sao ư? Tôi nói, chúng ta đã đi quá xa khi thừa nhận rằng những ích lợi mà nhân loại đạt được từ việc làm riêng rẽ những việc họ biết và phó mặc cho những người khác vốn biết những cái mà họ mù tịt.

Chúng ta chẳng đúng khi thừa nhận như thế sao? Ông ta nói.

Tôi cho rằng không, tôi nói.

Thế thì lạ thật, anh Socrates ạ.

Trước Cầu thần Ai Cập, tôi nhất trí với anh về việc này: và điều ấy xuất hiện trong tâm trí lúc tôi bảo sẽ có những hậu quả lạ kỳ theo sau và tôi e chúng ta đã đi sai đường; vì dẫu có sẵn lòng thừa nhận đây là sự khôn ngoan, tôi chắc cũng không thể hình dung ra việc này đem lại cho chúng ta điều tốt lành nào.

Anh muốn nói sao? Ông ta nói; tôi mong anh giúp tôi hiểu điều anh muốn nói.

Tôi dám nói điều tôi đang nói đây là vô lý, tôi trả lời; tuy nhiên nếu một người có cảm giác có điều gì với anh ta, anh ta sẽ không

thể để cái tư tưởng đã lọt vào óc mình qua đi mà không quan tâm xem xét.

Tôi cũng thích vậy, ông ta nói.

Vậy, tôi nói, hãy nghe điều tôi mơ; không rõ là tôi đi qua cái cổng bằng sừng hay bằng ngà. Giấc mơ là thế này: giả dụ rằng đức khôn ngoan là cái như chúng ta đang xác định và rằng nó có thế lực tuyệt đối trên chúng ta; và rồi mỗi hành động được làm theo nghệ thuật hoặc khoa học và không ai xưng mình là người lèo lái nếu không phải thế, hoặc là thầy thuốc hoặc là vị tướng, hay là bất cứ ai khác làm ra vẻ biết các vấn đề mà mình mù tịt, sẽ đánh lừa và qua mặt chúng ta; sức khỏe chúng ta sẽ được cải thiện, sự an toàn nơi biển cả và cũng thế trên chiến trường sẽ được bảo đảm, áo quần, giày dép và tất cả các công cụ, dụng cụ khác sẽ được làm rất khéo vì thợ làm nghề đều biết nghề và giỏi. Ấy, nếu thích, anh có thể giả dụ rằng thuật tiên tri, vốn là sự hiểu biết về tương lai, nằm dưới sự kiểm soát của đức khôn ngoan, và rằng nó sẽ khử trừ bọn lừa gạt và đưa vị tiên tri thật thay vào chỗ bọn chúng trong vai trò người tiết lộ tương lai. Giờ đây tôi hoàn toàn đồng ý rằng con người, khi được cung ứng như vậy, sẽ sống và hành động theo tri thức, vì đức khôn ngoan sẽ canh chừng và ngăn không cho ngu dốt xâm nhập vào trong chúng ta. Nhưng chúng ta còn chưa khám phá ra được vì sao, vì chúng ta hành động theo tri thức, chúng ta hành động đúng và chúng ta vui sướng, Critias thân mến.

Tuy nhiên tôi nghĩ rằng nếu bác bỏ tri thức, anh khó có thể tìm ra cái mục đích khác của việc làm đúng.

Tri thức về cái gì chứ? Tôi hỏi. Chỉ cần trả lời câu hỏi nhỏ này với tôi thôi. Anh có ý nói tri thức đóng giày?

Lạy Trời đừng phải như thế.

Hay về làm đồ đồng?

Tất nhiên là không.

Hay về làm hàng len, gỗ, hay bất cứ cái gì cùng loại?

Không, tôi không có ý nói thế.

Vậy, tôi nói, chúng ta đang từ bỏ lý thuyết cho rằng người sống theo tri thức thì được hạnh phúc, bởi những người sống theo tri thức, lại chưa được anh cho hưởng hạnh phúc; nhưng tôi tin rằng anh có ý giới hạn hạnh phúc cho những cá nhân đặc biệt có sống theo tri thức, chẳng hạn như vị tiên tri, là người, như chúng ta nói tới, biết về tương lai.

Phải, tôi ám chỉ người đó, nhưng cũng còn có những người khác nữa chứ.

Vâng, tôi nói, có người biết được quá khứ, hiện tại và cả tương lai, nhưng lại dốt đặc về chuyện tầm thường. Ta cứ giả dụ rằng có một

con người như vậy và nếu có, anh chấp nhận rằng kẻ đó là người biết nhiều nhất trong số những người sống.

Hiển nhiên hắn là như thế.

Tuy vậy tôi lại muốn biết thêm một việc nữa: trong các loại tri thức khác nhau, cái nào làm anh ta vui sướng? Phải chăng tất cả cùng làm cho y vui sướng như nhau?

Không phải tất cả như nhau đâu; ông ta trả lời.

Nhưng cái nào có chiều hướng làm cho y vui sướng? Tri thức về chuyện quá khứ, hiện tại hay tương lai? Tôi có được suy diễn chuyện này như là tri thức về trò chơi cờ đam?

Chẳng có ý nghĩa gì về chuyện chơi cờ.

Hay về thuật tính toán?

Không.

Hay về y tế?

Gần đúng sự thật rồi, ông ta nói.

Và cái tri thức gần hơn tất cả, tôi nói, đó là tri thức về cái gì vậy?

Cái tri thức mà nhờ đó ông ta phân biệt được cái tốt và cái xấu.

Đồ quái! Tôi nói; anh đã mang tôi đi lòng vòng và suốt thời gian này giấu tôi một điều là cuộc sống theo tri thức không phải là cái giúp người ta hành động đúng và được vui sướng, dù là không phải bao gồm tất cả các bộ môn khoa học, nhưng chỉ liên quan đến một ngành khoa học, là về cái tốt và cái xấu. Cho tôi hỏi anh, anh Critias này, nếu đưa bộ môn khoa học này ra khỏi mọi môn còn lại, thì phải chăng y học sẽ chẳng còn đem lại sức khỏe, thuật đóng giày không còn sản xuất ra giày và dệt may chẳng còn làm ra quần áo?- phải chăng thuật hoa tiêu cũng chẳng còn cứu được mạng sống nơi biển khơi và thuật thống lãnh ba quân cũng chẳng giúp bảo tồn sinh mạng chốn sa trường?

Đúng vậy.

Nhưng môn khoa học đó không phải là đức khôn ngoan hay tiết độ, nhưng là một môn khoa học về lợi thế của con người; chẳng phải là khoa học của các khoa học khác, hoặc của bất tri thức, nhưng là khoa học về cái tốt và cái xấu; và nếu có được sử dụng, thì khôn ngoan hoặc tiết độ sẽ chẳng được dùng.

Tại sao khôn ngoan hoặc tiết độ lại không được dùng đến chứ? Ông ta trả lời. Vì nếu chúng ta thực sự cho rằng khôn ngoan là một bộ môn khoa học của khoa học và có thế lực trên các môn khoa học khác, chắc chắn nó sẽ nắm quyền kiểm soát môn học đặc thù về cái tốt này và theo cách này nó sẽ đem lại lợi ích cho chúng ta.

Và khôn ngoan có đem lại sức khỏe? Tôi nói; chẳng phải việc này đúng hơn là hiệu quả của y học sao? Hoặc khôn ngoan có làm công việc của các ngành khác, còn chính chúng, từng môn một, chẳng làm

việc riêng của mình? Chẳng phải từ lâu chúng ta đã quả quyết rằng tri thức đó chỉ là tri thức của tri thức và của bất tri thức, chứ không còn gì khác nữa sao?

Điều đó quá rõ ràng.

Có một nghệ thuật khác liên quan đến sức khỏe.

Đó là chuyện khác.

Thuật về sức khỏe thì khác.

Phải, khác nhau.

Và sự khôn ngoan cũng không đem lại lợi thế nào, anh bạn thân mến của tôi ơi, vì rằng lại một lần nữa chúng ta vừa mới quy về một nghệ thuật khác.

Rất đúng.

Vậy làm thế nào khôn ngoan có thể là chiếm ưu thế, trong khi nó chẳng đem lại ưu thế nào?

Điều đó, anh Socrates này, quả là không thể hiểu được.

Vậy, Critias ạ, anh thấy rằng tôi đâu có quá sai khi sợ rằng mình không thể có nhận thức sâu xa về sự khôn ngoan; tôi quả đúng đắn khi tự đánh giá mình thấp kém; vì điều vốn được thừa nhận là tốt hơn hết mọi sự lại chẳng bao giờ xem ra hữu ích cho chúng ta. Nhưng giờ đây tôi hoàn toàn thất bại, không tìm ra được cái mà người đặt tên gán cho cái tên tiết độ hoặc khôn ngoan. Và hãy còn nhiều điều chúng ta đã thừa nhận mà chưa được chấp nhận; Bởi chúng ta thừa nhận rằng có một bộ môn khoa học của khoa học, dù rằng qua tranh luận cho biết rằng không có và bác bỏ điều đó; chúng ta còn thừa nhận thêm rằng bộ môn khoa học này biết các công việc thuộc những bộ môn khoa học khác (dù rằng cả điều này nữa cũng đã bị bác bỏ qua tranh luận), bởi lẽ chúng ta đã muốn chứng tỏ rằng người khôn ngoan có tri thức về cái mình biết và không biết; chúng ta cũng không để ý đến và cũng chưa bao giờ xem xét sự không thể có người nào biết một cách nào đó rằng mình chẳng biết gì hết; bởi chúng ta đã giả thiết rằng người ấy biết cái họ chẳng biết. Tuy nhiên, sau khi thấy rằng chúng ta quá dễ dãi và tốt bụng, việc tìm hiểu vẫn không tìm ra được sự thật; và chứng tỏ chỉ là vô ích về điều chúng ta giả thiết và hư cấu, được cho là đúng định nghĩa về tiết độ hoặc khôn ngoan: kết cục, đối với tôi, không đến nỗi quá thảm hại. Nhưng về phần cậu, Charmides ạ, tôi nói, tôi rất lấy làm tiếc - rằng cậu có được vẻ đẹp, trí khôn ngoan và tâm hồn tiết độ dường ấy, mà lại không được hưởng lợi hay điều tốt trong cuộc sống nhờ sự khôn ngoan và tiết độ của mình. Và tôi còn buồn lòng hơn nữa về câu thần chú mà tôi khổ công học được, nhưng lại chỉ sinh được quá ít lợi ích, đến từ người Thracia, cho một việc chẳng đáng là gì. Tôi nghĩ quả là có sự sai lầm và tôi hẳn

phải là kẻ nghiên cứu tồi. Bởi tôi bị thuyết phục rằng khôn ngoan hoặc tiết độ thực sự là điều rất tốt; và hạnh phúc thay nếu cậu có được điều tốt đó. Vì thế hãy xét chính bản thân mình để xem phải chăng tài năng đó không và có thể có được mà không cần đến câu thần chú; vì nếu cậu có thể, tôi muốn khuyên cậu hãy coi tôi như một thằng khùng chẳng bao giờ có thể suy luận ra được điều gì; và cầm chắc là cậu càng khôn ngoan và tiết độ bao nhiêu, cậu càng vui sướng bấy nhiêu.

Charmides nói: tôi chắc không biết, thưa ông Socrates, rằng tôi có hay không có tài khôn ngoan và tiết độ này; vì làm sao tôi có thể biết tôi có được tài năng đó, khi mà ngay cả ông và Critias, như lời ông nói, cũng không thể tìm ra bản chất thực sự của nó? Hơn nữa, thưa ông Socrates, tôi thề rằng tôi rất muốn có câu thần chú và đối với tôi, tôi muốn được ông ban thần chú hàng ngày, tới khi ông bảo tôi đã có đủ rồi.

Tốt lắm, Charmides, Critias nói; nếu chú làm thế tôi sẽ có được bằng chứng về sự tiết độ của chú, nghĩa là, nếu chú để cho mình được ông Socrates đây luyện thần chú và không bao giờ rời bỏ ông ấy.

Anh có thể tin tưởng vào sự tôi luôn theo và không từ bỏ ông ấy, Charmides nói: vì nếu anh là người giám hộ ra lệnh cho tôi, tôi sẽ là kẻ rất sai trái nếu không vâng lời anh.

Tôi ra lệnh cho chú đó, ông ta nói.

Vậy tôi phải làm theo lời anh nói, bắt đầu ngay từ ngày hôm nay.

Thưa các vị, tôi nói, các vị đang âm mưu chuyện gì thế?

Chúng tôi không đang, Charmides nói, mà là đã âm mưu rồi.

Và các vị đang tính dùng võ lực, mà không cần thông qua thể thức luật pháp sao?

Vâng, tôi sẽ dùng vũ lực, cậu ta trả lời, bởi ông anh đã ra lệnh cho tôi; và vì vậy ông nên suy xét cho kỹ.

Nhưng, tôi nói, thời gian để cứu xét đã hết và võ lực đã được dùng đến; còn cậu, khi đã quyết định điều gì và sử dụng vũ lực, thì không gì có thể chống lại được.

Vậy ông đừng chống lại tôi, chàng ta nói.

Tôi chẳng chống lại cậu đâu, tôi trả lời.

LYSIS, VỀ TÌNH BẠN

GIỚI THIỆU

Trong tập Lysis này không có lời đáp cho câu hỏi "thế nào là tình bạn?", y như không có lời đáp cho câu hỏi "tiết độ là gì?" trong tập Charmides. Có nhiều nét tương đồng trong hai tập đối thoại này: cả hai đều mang tính trẻ trung và cảm giác về vẻ đẹp; và cũng diễn tả rất phong phú về lối sống Hy Lạp. Một lần nữa, vấn nạn về mối liên hệ giữa tri thức với đức hạnh và điều thiện lại được nêu lên, cũng như trong tập Laches; và Socrates lại xuất hiện trong vai một người bạn lớn tuổi hơn hai anh con trai tên là Lysis và Menexenus. Trong Charmides và cả trong Laches, ông được mô tả như một người trung niên; còn trong Lysis, ông già dặn hơn.

Tập đối thoại này gồm hai cảnh hay hai cuộc trò chuyện xem ra chẳng có liên quan gì đến nhau. Phần đầu là cuộc trao đổi giữa Socrates và Lysis, là người, giống như Charmides, một thanh niên Athens, thuộc dòng quý tộc và rất tốt, vừa đẹp lại vừa thông minh. Cuộc trò chuyện diễn ra mà không có mặt Menexenus, vì anh ta đã được gọi đi tham dự lễ tế thần. Socrates hỏi Lysis có phải cha mẹ không yêu quý cậu ấy? "Có, ông bà rất yêu quý anh ấy" "Vậy hẳn nhiên ông bà có cho phép cậu ta làm theo điều mình muốn". Dĩ nhiên không: đám nô lệ có khi còn được tự do hơn anh ta nữa đấy". "Nhưng sao lại thế?" "Lý do là anh ấy chưa đủ khôn lớn". "Không phải; lý do thực sự chính là cậu ấy chưa đủ khôn ngoan". "Vì chẳng phải là có một số việc cậu ta được phép làm, cho dù nhiều việc khác không được phép làm?" "Phải, vì những cái đó anh ta biết, còn những cái khác lại không biết". Điều đó đưa đến kết luận rằng tất cả mọi người ở mọi nơi đều tin tưởng cậu ta trong phạm vi những gì cậu ấy biết, nhưng lại không tin tưởng trong những lãnh vực cậu ta không biết; bởi trong những vấn đề đó cậu ta chẳng có lợi cho họ và chẳng giúp

ích gì cho họ. Sẽ chẳng có ai yêu thích nếu như cậu ta chẳng giúp ích gì cho họ; mà cậu ấy chỉ có thể đem lại lợi ích cho họ nhờ có tri thức; và khi mà chưa có tri thức, là vì cậu ấy chưa có lòng yêu thích tri thức. Theo cách đó Socrates đưa ra một bài học cho Hippothales, là kẻ si mê Lysis, biết chuộng kiểu nói chuyện vốn nên được nói lại với người anh ta mến mộ.

Sau khi Menexenus trở lại, theo lời yêu cầu của Lysis, Socrates hỏi anh ta một câu mới: "Tình bạn là gì? Menexenus này, cậu đã có một người bạn, cậu có thể nói cho tôi hay, người luôn ngóng tìm một người bạn, cái gì là điều bí ẩn của niềm vui sướng lớn lao này".

Khi một người quý chuộng người khác, ai là bạn - kẻ quý chuộng hay người được quý chuộng? Hay cả hai đều là bạn? Từ sự giả định đầu tiên họ được dẫn sang giả định thứ hai; rồi từ cái thứ hai sang cái thứ ba; và hai chàng trai trẻ lẫn Socrates không ai được hài lòng. Socrates quay sang các nhà thơ, là những người xác định rằng Thượng Đế ghép cái giống nhau lại với nhau (Homer) và sang các triết gia (Empedocles), vốn cũng quả quyết rằng giống nhau là bạn của nhau. Nhưng người xấu không phải là bạn, bởi họ cũng chẳng giống chính mình và càng ít giống nhau hơn. Còn người tốt không cần có nhau và vì thế không cần quan tâm đến nhau. Hơn nữa, có những kẻ khác thì lại nói sự giống nhau là nguồn gốc sinh ra ác cảm; và khác nhau là nguồn gốc của yêu thương và tình bạn; và họ cũng viện dẫn uy thế của thi sĩ và triết gia để chứng minh các học thuyết của mình; vì Hesiod có nói rằng "thợ gốm chẳng ưa thợ gốm, thi sĩ đố kỵ thi sĩ"; còn các thầy lang lành nghề nói với chúng ta rằng ẩm ướt là bạn của khô ráo. Nóng nực là bạn của lạnh lẽo" và những thứ giống như vậy.

Vì thế chúng ta đi đến kết luận rằng cái giống nhau không là bạn của cái giống nhau và cái không giống nhau không đi chung với cái không giống nhau; và vì thế tốt không phải là bạn của tốt và xấu cũng không là bạn của xấu và tốt không là bạn của xấu và xấu cũng không là bạn của tốt. Điều gì còn lại đây nếu không phải là cái trung dung, chẳng tốt mà cũng chẳng xấu, mới có thể là bạn của cái tốt (không là bạn của cái trung dung, vì như vậy sẽ là "cái giống nhau là bạn của cái giống nhau" mất rồi)?

Nhưng tại sao cái trung dung lại gắn với cái tốt? Có những tình huống trong đó việc gắn kết này là chuyện tự nhiên. Giả sử cái trung dung, thân xác con người chẳng hạn, muốn loại bỏ điều xấu nào đó, ví dụ như bệnh tật, là cái không phải là thuộc tính mà chỉ là ngẫu nhiên (vì nếu là thuộc tính thì thân xác không còn là cái trung dung nữa,

mà đã trở thành cái xấu rồi)-trong trường hợp đó cái trung dung trở thành bạn của cái tốt bởi đã loại bỏ được cái xấu. Nhà triết học hay là người yêu chuộng sự khôn ngoan đứng tại vị trí "trung dung" này: người đó chẳng khôn ngoan, nhưng cũng chẳng ngu dốt, nhưng người ấy đôi khi tình cờ cũng bị lâm vào tình trạng ngu dốt và người đó ao ước có được sự khôn ngoan là phương dược chữa trị cái xấu.

Sau khi thấy mọi người vui vẻ chấp nhận lời giải thích này, trong lòng Socrates chợt xuất hiện một điều không hài lòng mới: phải chăng tình bạn không thể tồn tại vì một mục đích nào đó không thể nói ra? Và cái mục đích của tình bạn đó có thể là gì, ngoài điều tốt đẹp? Nhưng điều tốt như chúng ta mong muốn chỉ là cái chữa trị được điều xấu; và vì thế nếu không có điều xấu ắt cũng chẳng có tình bạn. Rồi lại có thêm một cách giải thích khác. Chẳng phải khát khao cũng có thể là điểm khởi đầu của tình bạn? Và khao khát về cái người ta muốn và về cái thích hợp với người ấy. Nhưng rồi cái thích hợp không thể như là cái giống; vì cái giống không thể là bạn của cái giống. Cái thích hợp cũng không thể giải thích như là cái tốt được; vì cái tốt không thể là bạn của cái tốt, như cũng đã chỉ rõ rồi. Vấn đề không ngã ngũ và ba người bạn, Socrates, Lysis và Menexenus vẫn còn chưa thấy được bạn là gì.

Vì thế, giống như trong các tập Charmides và Laches và nhiều tập Đối thoại khác của Plato, không có một kết luận nào cả. Đối thoại là cái có thể được gọi theo kiểu nói của Thrasyllus là ướm thử hay dò hỏi. Đề tài này còn được tiếp tục nói đến trong tập Phaedrus và Bữa tiệc và được bàn đến, nói rõ tham chiếu tập Lysis, trong các tập thứ tám và thứ chín Aristotle viết về nền đạo đức của người Nicomachea. Như trong các tác phẩm khác của Plato (Nền Cộng hòa chẳng hạn), có một sự diễn tiến đi từ nền đạo đức không có ý thức, minh họa bằng tình bạn không có ý thức của hai người thanh niên và cũng từ những câu nói của các nhà thơ ("là cha chúng ta về sự khôn ngoan", tuy mới nói với chúng ta một nửa sự thật và trong trường hợp đặc biệt này các nhà triết học chưa làm cho tốt hơn được mấy), tới một nhận thức sâu sắc hơn về tình bạn. Tuy nhiên, điều này cũng đã làm sáng tỏ nhiều phức tạp. Hai khái niệm dường như đang đấu tranh hoặc giữ cân bằng trong tư tưởng Socrates: - Một là, khung cảnh từ đó tình bạn nảy sinh từ nhu cầu và ý muốn của con người; hai là, hình thái cao hay lý tưởng của tình bạn tồn tại chỉ vì cái tốt. Những người bạn này không nhất thiết phải giống hoặc không giống và cũng là sự thật nhờ kinh nghiệm. Nhưng việc sử dụng những từ "giống" hoặc "tốt" được giới hạn

quá chặt chẽ; Socrates đã tự cho phép mình bị lôi cuốn vào một loại lập luận phi lôgic là cái không thể dựa vào để có định nghĩa đúng nhất về tình bạn. Ý nghĩa về sự phụ thuộc lẫn nhau giữa tốt và xấu ám chỉ về khả năng không có sự dữ, đều thật kỳ lạ.

Cái hay về phép biện chứng hoàn toàn được sự hỗ trợ của các vai diễn. Hãy quan sát trước hết cái khung cảnh, là một đấu trường Hy Lạp vào lúc có buổi lễ tế thần do người Hermaea đang cử hành; thứ đến là "cái nét châm biếm cố hữu" của Socrates, vốn tuyên bố, như trong tập Bữa tiệc, rằng ông ta không biết tất cả các chuyện khác, nhưng quả quyết có biết về các bí nhiệm của tình yêu. Còn có nhiều tính cách tương phản; trước hết về Ctesippus khô khan và cay độc mà Socrates thừa nhận là còn phải sợ, còn Hippothales, một kẻ có tình yêu thất thường, chuyên phá giấc ngủ bằng những tiếng gọi tên người hắn yêu thích; cũng có sự tương phản giữa mối tình giả dối, phóng dại và ủy mị của Hippothales với Lysis và tình bạn đơn sơ, trong trắng giữa các chàng trai với nhau. Một vài khác biệt có vẻ được chú ý đến một bên là Menexenus lắm lời còn bên kia là Lysis kín đáo và hồn nhiên. Socrates phác họa người sau này bằng một kiểu châm biếm mới, vốn đôi khi được dùng để nói với con cái và gồm một câu hỏi chính mà chỉ có thể trả lời theo nghĩa trái với ý người hỏi: "Bố mẹ cậu hiển nhiên cho cậu đánh xe chiến mã chứ?" "Không, các ông đâu có cho". Từ khi Menexenus quay trở lại, cuộc tranh luận mới đi vào giai đoạn nghiêm túc.

LYSIS, VỀ TÌNH BẠN

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Socrates, người kể.
- Menexenus
- Hippothales
- Lysis
- Ctesippus

Cảnh: Đấu trường mới dựng bên ngoài tường thành Athens.

Lúc đó tôi đang trên đường từ Học viện tới thẳng điện Lyceum, định theo lối ngoài, gần sát chân tường. Khi tôi đến cổng thành phía sau, gần bên giếng Panops, tôi đã gặp mặt anh chàng Hippothales, con trai ông Hieronymus, cùng với Ctesippus, người miền Paenia và một đám người trẻ đứng đó với họ. Hippothales, khi thấy tôi đang tiến lại gần, liền hỏi tôi từ đâu đến và định đi đâu.

Tôi đang trên đường, tôi đáp, từ Học viện thẳng tới điện Lyceum.

Vậy hãy tới chỗ chúng tôi đi, anh ta nói, và vào đây; chẳng hại gì đâu.

Các anh là ai, tôi nói; và tôi phải đi đâu vậy?

Anh ta chỉ cho tôi khoảnh đất có rào và một cái cửa mở trên tường thành. Ngoài kia, anh ta nói, có một nơi dựng nên làm nơi tất cả chúng ta gặp nhau: chúng ta thật là một nhóm có duyên với nhau đấy.

Chỗ đó là cái gì vậy, tôi hỏi, và các anh có thứ gì để giải trí?

Chỗ đó, anh ta trả lời, là một đấu trường mới được dựng nên; còn giải trí thường là trò chuyện và rất hân hạnh mời ông tham gia.

Cám ơn anh, tôi nói; ở đấy có ông thầy nào không vậy?

Có, anh ta trả lời, đó là ông bạn cũ và cũng là người ông ngưỡng mộ, thầy Maccus đó.

Quả vậy, tôi đáp; ông ấy là một ông thầy lỗi lạc đó.

Ông có sẵn sàng, anh ta nói, theo tôi đi gặp họ không?

Có, tôi nói; nhưng trước hết tôi muốn biết người ta trông mong gì ở tôi và trong các anh ai là người được ưa thích nhất.

Một số người ưa thích người này, ông Socrates ạ, còn một số lại ưa thích người khác, anh chàng nói.

Còn ai là người các anh ưa thích? Tôi hỏi: Hippothales, hãy nói tôi nghe đi.

Nghe vậy anh ta đỏ bừng mặt lên; tôi liền nói với anh ta, ô này Hippothales, con trai ông Hieronymus! Đừng nói các anh đang yêu hay các anh không yêu; quá trễ để mà xưng thú rồi; vì tôi thấy không những các anh đang yêu mà còn thấy rằng các anh đã đi quá xa trong tình yêu rồi nữa kia. Tôi đây thật ngây ngô và khờ khạo, nhưng Thần linh đã cho tôi khả năng hiểu được những loại tình cảm này.

Nghe thế anh ta lại càng đỏ mặt hơn.

Ctesippus liền nói: Tớ thích thấy cậu đỏ mặt, Hippothales ạ và ngần ngại không muốn nói ra cái tên cho ông Socrates; nhưng nếu ông ấy ở với cậu dù chỉ trong thời gian rất ngắn thôi cũng sẽ phát bệnh mà chết vì chẳng được nghe nói gì thêm. Quả thật, thưa ông Socrates, anh ta đã làm bọn tôi bị điếc, không còn nghe được gì vì những lời tán tụng Lysis; và nếu anh ta say say một chút, thì cơ hồ như chúng tôi bị mất ngủ vì tiếng kêu tên Lysis. Anh ta mà diễn văn xuôi thì đủ tệ rồi, nhưng chẳng là gì so với khi anh ta ngâm thơ cả; và khi anh ta lải nhải bên tai chúng tôi thơ với phú thì còn quá tệ hại; điều còn tệ hại hơn nữa là cách ngâm tặng người yêu, với cái giọng kinh khủng chúng tôi không thể nghe nổi; thế mà giờ đây với một câu ông hỏi, lạ thay anh ta lại chỉ biết đỏ mặt!

Lysis là ai vậy? Tôi hỏi: Tôi hình dung rằng anh ta chắc còn trẻ lắm: vì cái tên đó không gợi cho tôi nhớ ra ai.

Sao? Anh ta nói, bố anh ta là một người rất có tiếng tăm, có tên theo tên ông, tuy không được gọi theo tên riêng của mình, nhưng, cho dù ông không biết tên anh ta, nhưng tôi chắc rằng ông phải biết mặt, bởi cũng dễ nhận ra anh chàng đó.

Hãy cho tôi biết anh ta là con của ai, tôi nói.

Anh ta là con trai trưởng của ông Democrates, thuộc chi tộc Aexonè.

À, Hippothales này, tôi nói; anh đã khám phá được một mối tình đáng khâm phục và thật tuyệt vời! Tôi ước mong anh giúp tôi thấy điều anh đã làm cho những người còn lại trong nhóm và rồi tôi sẽ có thể đánh giá liệu anh có biết, cái mà một người yêu nói về tình

yêu của mình, hoặc cho chính bạn trẻ đó hay cho người khác.

Không, thưa ông Socrates, anh ta nói; ông đừng có đặt thêm gánh nặng vào những gì ông đang nói.

Có phải anh muốn nói, tôi nói, rằng anh không công nhận tình yêu của người có nói rằng anh yêu anh ta?

Không; nhưng tôi phủ nhận có làm thơ hay gởi các bài văn cho anh ta.

Cậu ta mất tỉnh táo, Ctesippus nói; nói năng chẳng hiểu gì, điên thật rồi.

Ô này Hippothales, tôi nói, nếu như anh đã từng làm thơ hay bài hát để tặng người mình yêu thích, tôi cũng không muốn nghe đâu; nhưng tôi muốn biết nội dung của chúng, để tôi có thể phán đoán cách anh tiếp cận người đẹp của mình.

Ctesippus có thể kể với ông, anh ta nói; vì nếu tôi chẳng nói gì khác với anh ta, anh ấy hẳn biết và thuật lại rất chính xác những cái đó.

Vâng, thật thế, Ctesippus nói; tôi biết quá rõ; và chuyện này thật nực cười: vì mặc dầu anh ta là người yêu và yêu rất nhiệt tình, nhưng anh ta lại chẳng có gì đặc biệt để nói với người mình yêu. Chẳng phải là đáng nực cười sao? Anh ta chỉ có thể nói về sự giàu sang của Ông Democrates, vốn được cả thành ca tụng, cũng như ông nội Lysis và các bậc tổ tiên khác của mình, cùng những lứa ngựa nuôi và chiến thắng của các vị tại cuộc tranh tài ở Pythia, tại Isthmus và tại Nemea với những cuộc thi tứ mã và độc mã; đó là những cái anh ta xướng ca và cả những chuyện nhảm nhí hơn. Vì ngày hôm kia anh ta đã làm một bài thơ trong đó diễn tả cách thần Heracles, có liên hệ với gia đình anh ta, được tổ tiên của dòng họ Lysis tiếp đãi như người nhà; các vị tổ tiên này chính là lệnh nam của thần Zeus và là ái nữ của ông tổ dòng họ. Những cái đó thuộc loại chuyện ngồi lê mách lẻo của các bà già mà anh ta hát xướng và thuật lại khiến chúng tôi buộc phải nghe đó thôi.

Khi tôi nghe được điều này, tôi nói; ô này Hippothales, anh thật nực cười! Sao anh lại có thể làm ra và hát xướng những khúc ca để tôn vinh chính mình trước khi đạt được thắng lợi?

Nhưng những bài ca và vần thơ của tôi, anh ta nói, đâu có tôn vinh chính tôi đâu, thưa ông Socrates.

Chỉ có anh nghĩ rằng không, tôi nói.

Nhưng vậy thì chúng là cái gì chứ? Anh ta nói.

Hầu như là, tôi nói, tất cả những bài ca này là để tôn vinh chính anh, bởi nếu anh đoạt được mối tình đẹp, những bài văn bài ca sẽ là niềm vinh dự cho anh và

có thể được coi như những khúc tụng ca được soạn nên để tôn vinh anh, là kẻ đã chinh phục được một mối tình như thế; nhưng nếu anh ta vuột khỏi anh, anh càng ca ngợi anh ta bao nhiêu, anh càng trông nực cười bấy nhiêu khi để mất cái hồng phúc tốt đẹp nhất này; và đó là lý do tại sao người yêu khôn ngoan không ca tụng người mình yêu cho tới khi chiến thắng được người ấy, bởi lẽ anh ta sợ những rủi ro. Cũng còn có một mối hiểm nguy khác: người đẹp, khi có ai ca tụng hay phóng đại họ lên, sẽ rất kiêu hãnh và tự đắc. Chẳng đúng vậy sao?

Vâng, anh ta nói.

Và khi họ càng dương dương tự đắc thì việc nắm giữ được họ lại càng khó khăn?

Tôi tin điều đó.

Anh nói gì về người thợ săn xua con mồi đi và làm cho việc bắt giữ các con thú mà mình đang săn đuổi sẽ trở nên khó khăn hơn?

Y là một tên thợ săn tồi, điều này quá hiển nhiên.

Vâng và nếu, thay vì xoa dịu chúng, anh ta lại làm cho chúng thêm nổi giận vì những lời nói và bài ca, điều đó chứng tỏ rất thiếu thông minh: anh có đồng ý với tôi?

Có.

Giờ hãy suy nghĩ, Hippothales này, xem phải chăng anh chẳng phạm những sai lầm đó trong khi viết văn thơ. Vì tôi khó có thể cho rằng anh sẽ khẳng định một người mà tự làm tổn thương vì văn thơ của mình lại là một thi sĩ giỏi được.

Tất nhiên là không, anh ta nói: Tôi có là điên mới nói thế!; và, thưa ông Socrates, điều này khiến tôi ước ao được bàn bạc với ông và tôi rất vui nếu như ông cho thêm những lời khuyên. Xin ông hãy cho tôi biết nhờ những lời lẽ hay hành động nào tôi mới có thể được người tôi yêu mến mộ?

Điều đó không phải dễ xác định đâu, tôi nói; nhưng nếu anh dẫn người anh yêu đến đây và để tôi nói chuyện với anh ta, có thể tôi sẽ chỉ cho anh cách nói chuyện với anh ta, thay vì xướng hát theo cái kiểu anh đã bị bêu rếu.

Dẫn anh ta đến thì chẳng có khó khăn gì, anh ta trả lời; nếu như ông vui lòng bước vào nhà cùng với Ctesippus, rồi ngồi xuống và nói, anh ta sẽ tự đến vì anh ấy rất thích nghe, ông Socrates ạ. Và vì đây là lễ hội của người Hermaea, nên chẳng có phân biệt thanh niên với thiếu niên, nhưng họ tất cả được ở chung với nhau. Anh ta chắc sẽ tới đấy; còn nếu anh ta không tới, thì Ctesippus là người anh ấy quen biết, cùng người bà con của ông ta là Menexenus cũng là bạn rất thân của anh ta, họ sẽ gọi anh ta tới.

Cách đó cũng được, tôi nói. Vậy tôi và Ctesippus sẽ tới đấu trường, còn những người khác cứ theo sau.

Vừa bước vào tôi đã thấy đám con trai vừa mới cúng xong; đến phần này là lễ hội gần kết thúc rồi. Tất cả bọn họ đều mặc đồ trắng và họ đang chơi trò súc sắc. Hầu hết đang vui chơi chỗ sân bên ngoài, nhưng có một số ở góc sân Apodyterium chơi trò chẵn lẻ với con số của hạt súc sắc được bốc ra từ những cái giỏ nhỏ dệt bằng vải gai. Đứng chung quanh là những người xem, trong đó có Lysis. Anh ta đứng lẫn trong đám thanh thiếu niên, đầu đội một vòng hoa, trông đẹp như mơ và cả nét đẹp bên ngoài lẫn vẻ đẹp bên trong đều đáng khen. Chúng tôi bỏ chỗ họ, sang phía bên kia gian phòng, tìm được một chỗ yên ắng, ngồi xuống đó và bắt đầu nói. Lysis tò mò và liên tục ngoái lại nhìn chúng tôi. Cậu ta lưỡng lự một lúc nhưng không có can đảm đến một mình; nhưng trước hết Menexenus, bạn cậu ta bước ra khỏi sân chơi giữa cuộc chơi và khi thấy Ctesippus và tôi, liền chạy đến ngồi cạnh chúng tôi: lúc ấy, thấy cậu ta, liền đi theo và cùng ngồi với cậu ấy; những đứa trẻ khác cũng vào luôn. Tôi quan sát thấy rằng Hippothales, khi thấy đám đông thì lẩng ra phía sau, chỗ anh ta nghĩ rằng Lysis không nhìn thấy mình, kẻo làm cho cậu ta nổi giận; chỉ đứng đó nghe thôi.

Tôi quay sang Menexenus nói: Này anh con trai ông Demophon, ai trong hai cậu lớn tuổi hơn?

Điều đó là một vấn đề chúng tôi đang tranh cãi, cậu ta nói.

Thế còn ai sang hơn? Cũng là điều đang tranh cãi chứ?

Vâng, tất nhiên.

Và còn một điểm tranh cãi nữa, ai điển trai hơn chứ?

Cả hai cậu con trai đều phá lên cười.

Tôi sẽ chẳng hỏi ai giàu hơn đâu, vì hai người là bạn với nhau mà, phải vậy không?

Chắc chắn rồi, họ đáp.

Bạn hữu thì mọi cái là của chung, vì thế chẳng ai giàu có hơn người kia, nếu như các cậu nhận mình là bạn với nhau.

Họ đồng ý. Tôi đang tính hỏi trong hai người ai công bằng hơn và ai là người khôn ngoan hơn, nhưng lúc ấy có người đến gọi Menexenus và bảo thầy dạy thể dục muốn gặp cậu ta. Theo tôi nghĩ, anh chàng chắc phải đi cúng. Lúc cậu ta đi khỏi, tôi bèn hỏi Lysis vài câu. Lysis này, tôi nói, tôi dám nói rằng chắc bố mẹ cậu yêu cậu nhiều lắm?

Đúng vậy, cậu ta nói.

Và các vị mong muốn cậu được hoàn toàn hạnh phúc?

Vâng.

Nhưng cậu có nghĩ rằng ai cũng hạnh phúc dù cho họ sống trong điều kiện như người nô lệ hoặc cho dù họ không có thể làm điều mình thích?

Quả thực tôi không nghĩ như thế, cậu ta nói.

Và nếu cha mẹ cậu yêu thương cậu và muốn cậu được hạnh phúc, không ai có thể hoài nghi rằng họ rất sẵn lòng làm cho niềm hạnh phúc của cậu được nâng lên.

Tất nhiên, cậu ta đáp.

Vậy họ có cho phép cậu làm điều cậu muốn và chẳng bao giờ quở trách hoặc ngăn cản để cậu khỏi làm điều cậu muốn?

Quả là có đấy, ông Socrates ạ, có rất nhiều việc các ông ngăn không cho tôi làm.

Cậu nói sao? Tôi nói. Họ muốn cậu được vui sướng, nhưng lại ngăn cản cậu làm điều mình thích? - ví dụ, nếu cậu muốn leo lên chiếc xe ngựa của bố cậu và cầm cương trong một cuộc tranh tài, họ sẽ không cho phép cậu làm điều đó; họ sẽ cản trở cậu chứ?

Hiển nhiên, cậu ta nói, bố mẹ tôi sẽ chẳng cho phép tôi làm chuyện đó đâu.

Vậy họ sẽ cho phép ai?

Có người đánh xe; bố tôi thuê anh ta chạy xe.

Và họ tin người làm thuê hơn cậu sao? Và người đó có thể làm điều mình thích với những con ngựa? Họ trả tiền cho người này để làm việc đó ư?

Đúng thế.

Nhưng tôi dám nói rằng cậu có thể cầm roi da và điều khiển cái xe la nếu cậu muốn; -họ cho phép chứ?

Cho phép tôi ư? Không đời nào.

Vậy, tôi nói, không ai được dùng roi đối với những con la ư?

Có chứ, cậu ta nói, có người đắt la làm việc đó.

Người ấy là nô lệ hay người tự do?

Là nô lệ, cậu ta nói.

Và họ coi trọng tên nô lệ hơn cậu là con mình sao? Và họ lại trao phó tài sản của mình cho tên đó chứ không phải cho cậu sao? Cho phép y làm điều y muốn, trong khi cậu lại không được. Bây giờ hãy trả lời tôi: Cậu có làm chủ bản thân mình, hay họ cũng chẳng cho phép cậu làm điều đó?

Không, cậu ta nói; dĩ nhiên họ không cho phép điều đó.

Vậy anh có thầy dạy không?

Có, thầy phụ đạo; ông ấy ở đàng kia kìa.

Và ông ta là một người nô lệ?

Đúng là như thế; ông ta là nô lệ của gia đình tôi, cậu ta trả lời.

Rõ ràng, tôi nói, đây là một chuyện lạ, rằng một người tự do lại bị một người nô lệ cai quản. Anh ta làm gì với cậu?

Anh ta đưa tôi tới các thầy dạy học.

Cậu không có ý nói rằng các thầy giáo cũng có quyền trên cậu chứ?

Dĩ nhiên họ có quyền.

Vậy tôi phải nói rằng bố cậu rất hài lòng khi bắt cậu phải dưới quyền nhiều thầy nhiều chúa. Nhưng dù sao đi nữa khi về nhà với mẹ cậu, bà sẽ để cậu mặc tình làm gì thì làm, không xía vào điều làm cậu vui thích; những tấm len hay mảnh vải bà dệt, cậu tự do sử dụng. Tôi chắc rằng chẳng có gì ngăn cản cậu động đến cái giá gỗ, hay cái lược hoặc cái nào khác trong những dụng cụ xe chỉ của bà.

Không đâu, thưa ông Socrates, cậu ta vừa cười vừa trả lời; bà ấy không những ngăn cản mà tôi còn bị đập nữa là đằng khác, nếu tôi mà chạm đến một cái nào.

Ừ, tôi nói, cũng lý thú đấy. Nhưng có bao giờ cậu hỗn láo với bố mẹ không?

Không, không hề, cậu ta trả lời.

Vậy tại sao họ lại quá nóng lòng muốn ngăn không cho cậu được vui thỏa và làm theo ý muốn? Giữ cậu suốt ngày phải phụ thuộc vào người khác và nói tóm lại, chẳng làm được cái gì mình muốn; đến nỗi cậu chẳng được hưởng lợi ích nào, có vẻ như thế, từ khối tài sản kếch xù của họ, hiện đặt dưới quyền kiểm soát của người nào khác hơn của chính cậu và cũng không được sử dụng cả cái con người đẹp đẽ của mình, vốn đang được giao phó cho người khác chăm lo; trong khi Lysis ạ, cậu chẳng làm chủ được ai và chẳng có thể làm được điều gì?

Phải, cậu ta nói, thưa ông Socrates, lý do là vì tôi chưa đến tuổi thôi.

Tôi không biết đó có phải là lý do thực sự hay không, tôi nói; vì tới một chừng mực nào đó tôi hình dung là ông bố Democrates của cậu và mẹ cậu đã có cho phép cậu làm nhiều điều rồi, chứ chẳng chờ đến khi cậu đủ tuổi; chẳng hạn, nếu họ muốn cái gì được đọc hay viết ra, tôi thiết nghĩ cậu sẽ là người đầu tiên trong nhà được họ gọi tới.

Đúng vậy.

Và cậu được phép viết hay đọc chữ theo bất kỳ thứ tự nào cậu thích, hoặc cầm lấy cây đàn lia và khảy các nốt nhạc, chơi bằng tay hay lấy móng gảy, hoàn toàn như ý cậu muốn và cả cha lẫn mẹ cậu đâu có can thiệp gì.

Điều đó đúng, cậu ta nói.

Vậy lý do có thể là gì hả Lysis, tôi nói, tại sao họ cho cậu làm điều này và không cho làm điều kia?

Tôi cho, cậu ta nói, lý do là ở chỗ tôi hiểu cái này và không hiểu cái kia.

Phải đấy, này chàng trai trẻ, lý do không nằm ở chỗ thiếu tuổi, mà là vì thiếu tri thức; và bất cứ khi nào bố cậu cảm thấy rằng cậu

khôn ngoan hơn ông ta, lúc đó ông ta sẽ tức thì giao phó mình và tài sản ông có cho cậu ngay.

Tôi tin điều đó.

Ở, tôi nói; và nơi người láng giềng nữa, chẳng phải cũng có một quy luật chi phối y như nơi bố anh chứ? Nếu người ấy hài lòng khi thấy cậu biết cách giữ nhà hơn chính mình, liệu ông ta còn tiếp tục tự quản lý công việc hay sẽ giao chúng cho cậu?

Tôi nghĩ ông ta sẽ giao cho tôi.

Và còn người Athens nữa, chẳng phải họ cũng sẽ giao công việc của họ cho cậu, nếu như họ thấy cậu có đủ khôn ngoan?

Vâng.

Bây giờ, tôi nói, để tôi đặt một trường hợp. Giả sử vị đại vương có người con trai trưởng, là Hoàng tử xứ Asia; cậu và tôi đến gặp ông và khiến ông hài lòng rằng chúng ta là những đầu bếp giỏi hơn chính con trai mình, chẳng phải ông sẽ giao phó cho chúng ta quyền nấu súp và bỏ bất cứ cái gì mình muốn vào món đang nấu dở dang, hơn là cho hoàng tử xứ Asia, con của ông?

Theo tôi, điều đó quá hiển nhiên.

Và chúng ta sẽ được phép bỏ muối bằng những vốc tay, trong khi chính người con lại không được phép dùng ngón tay bốc bỏ vào ngần nào theo ý mình muốn?

Dĩ nhiên.

Hoặc lại giả sử rằng người con đó bị đau mắt, liệu ông sẽ cho hay không cho người con đó sờ vào mắt mình, nếu ông nghĩ rằng người con đó chẳng biết gì về thuốc men?

Ông sẽ chẳng cho đâu.

Trong khi đó, nếu giả sử chúng ta biết về thuốc men, liệu ông sẽ cho phép chúng ta banh mắt ra và rắc tro vào mắt, vì ông cho rằng chúng ta biết cái gì là tốt nhất?

Đúng thế.

Và mọi việc trong đó ông thấy chúng ta xem ra khôn khéo hơn chính ông hoặc con ông thì ông cũng sẽ giao nốt cho chúng ta ư?

Rất đúng, thưa ông Socrates, cậu ta trả lời.

Vậy bây giờ anh bạn trẻ ơi, tôi nói, cậu cho rằng trong tất cả những điều chúng ta biết mọi người sẽ đặt tin tưởng vào chúng ta, - những người Hy Lạp và ngoại bang, đàn ông cũng như đàn bà,-và chúng ta có thể làm theo ý muốn, không ai muốn can thiệp vào; chúng ta được tự do và làm chủ người khác; những chuyện này sẽ thực sự thuộc về chúng ta, bởi chúng ta sẽ làm cho chúng trở thành lợi ích của chúng ta. Nhưng trong những điều chúng ta không hiểu biết, chẳng ai giao cho chúng ta làm như là giải pháp tốt nhất cho chúng ta họ sẽ tìm mọi cách ngăn cản chúng ta; không chỉ người xa lạ, nhưng ngay cả cha mẹ, bạn bè, nếu có, ngay cả người

thân yêu cũng sẽ ngăn cản chúng ta; chúng ta sẽ phải lệ thuộc người khác; những việc này sẽ không thuộc về chúng ta, vì chúng ta không làm chúng nên tốt. Cậu có thừa nhận thế không?

Cậu ta đồng ý.

Và chúng ta sẽ luôn làm bạn với những người khác? Và những người khác sẽ luôn yêu mến chúng ta, cả khi chúng ta chẳng có lợi gì cho họ?

Tất nhiên là không.

Cả cha hay mẹ cậu cũng không yêu thương cậu, không có người nào yêu thương người khác, bao lâu những người này còn vô tích sự đối với họ?

Vâng.

Vì vậy, cậu bé ạ, nếu cậu khôn ngoan, mọi người sẽ làm bạn và nhận họ hàng, vì cậu tỏ ra hữu dụng và có lợi; nhưng nếu cậu không khôn ngoan, cả cha lẫn mẹ, lẫn những người họ hàng thân thuộc hoặc kẻ nào khác đều chẳng muốn làm bạn với cậu đâu. Và nếu như chưa đạt đến sự khôn ngoan, cậu có thể có cao kiến gì về những điều cậu chưa suy nghĩ tới?

Làm sao tôi có thể làm được việc đó? Cậu ta nói.

Cậu chưa có sự khôn ngoan, vì còn cần phải có thầy dạy?

Đúng vậy.

Vậy cậu đâu có tự cao, vì có gì đâu để tự cao?

Quả thật, thưa ông Socrates, tôi nghĩ mình đâu có gì để tự cao.

Khi nghe cậu ta nói thế, tôi quay sang Hippothales và suýt làm chuyện ngớ ngẩn, vì tôi có ý định nói với anh ta: Hippothales này, như thế mới đúng là cách anh nên nói với người mình mến mộ, giúp người đó biết khiêm tốn, hạ mình, chứ không phải như cách anh làm, chỉ tâng bốc và làm hư người đó. Nhưng khi thấy anh ta bị kích động và bối rối trước những điều nghe nói; và tôi nhớ lại rằng, mặc dù anh ta ở gần ngay bên, nhưng lại không muốn để Lysis nhìn thấy, vì thế tôi nghĩ mình không nên làm chuyện đó.

Trong lúc đó Menexenus đã trở về và ngồi xuống chỗ của mình cạnh Lysis; còn Lysis với điệu bộ thân thiện như trẻ con, nói nhỏ vào tai tôi, có ý để Menexenus không nghe thấy. Xin hãy nói, thưa ông Socrates, cho Menexenus nghe những điều ông vừa nói với tôi.

Lysis này, thiết nghĩ chính cậu nên nói với cậu ta, tôi trả lời; bởi tôi chắc là cậu có quan tâm tới những điều đã nghe.

Tối rất quan tâm, cậu ta trả lời.

Vậy hãy cố nhớ lại các lời tôi đã nói và lặp lại chính xác hết sức cho cậu ấy, và nếu cậu có quên điều gì, hãy hỏi lại tôi trong lần gặp sau.

Tôi bảo đảm sẽ làm chuyện đó, thưa ông Socrates, nhưng xin hãy

tiếp tục kể cho anh ấy điều gì mới và cho tôi được nghe với, bao lâu tôi còn được ở lại.

Tôi hẳn chẳng thể từ chối lời cậu yêu cầu, tôi nói; nhưng như cậu cũng biết đấy, Menexenus rất thích gây gổ và vì thế cậu phải tiếp cứu ngay nếu cậu ấy có ý làm tôi nổi nóng.

Vâng, cậu ta nói, quả thật anh ấy rất hay gây gổ và đó là lý do tại sao tôi muốn ông tranh luận với anh ấy.

Tôi phải xử sự như một thằng ngốc ư?

Không phải vậy, cậu ta nói; nhưng ông có thể làm anh ấy biết khiêm tốn.

Việc đó không phải là chuyện dễ đâu, tôi trả lời; vì cậu ta là một anh chàng ghê gớm lắm - học trò của Ctesippus mà! Ctesippus ở đàng kia kìa: cậu có thấy ông ta không?

Không hề gì! Ông Socrates ạ, ông sẽ bàn cãi với ông ấy.

Được thôi, tôi cho rằng tôi phải làm chuyện đó, tôi trả lời.

Ctesippus phàn nàn rằng chúng tôi chỉ nói chuyện riêng và giữ niềm hứng khởi cho riêng mình.

Tôi rất hân hạnh, mời anh tham gia, tôi nói. Đây là Lysis, người không hiểu một vài điều do tôi nói ra và muốn tôi hỏi Menexenus, người mà theo cậu ta nghĩ, có thể trả lời được.

Vậy tại sao anh lại không hỏi cậu ấy? Ông ta nói.

Được, tôi nói, tôi sẽ hỏi cậu ta; và Menexenus này, cậu trả lời nhé. Nhưng trước hết tôi phải nói với cậu rằng tôi là một người mà từ thời niên thiếu đến giờ luôn để tâm vào một việc. Mọi người đều có những điều mơ ước; một số người ao ước có ngựa, những kẻ khác ao ước có chó; một số thích vàng, số khác thích danh vọng. Bây giờ, tôi chẳng thèm khát bất cứ thứ nào trong những cái vừa nói; nhưng tôi có tình cảm với bạn bè; và tôi thích có một người bạn tốt hơn là con gà trống hay con cút đẹp nhất trên đời; tôi còn đi xa hơn, hơn ngựa hoặc hơn chó. Phải, thề trước cẩu thần Ai Cập, tôi thích một người bạn thực sự hơn tất cả số vàng Darius có, hoặc chính bản thân Darius, tôi là một kẻ yêu thích bạn hữu cỡ đó. Và khi tôi thấy Lysis và cậu, ở cỡ tuổi còn nhỏ mà đã dễ dàng có được được điều quý giá nơi cậu ta và chẳng mấy chốc, cậu thuộc về con người đó và con người đó thuộc về cậu; tôi phải ngạc nhiên và thú vị khi thấy rằng chính tôi, dù đã ngần này tuổi rồi cũng vẫn chưa có được như vậy, đến mức tôi không biết bằng cách nào có được một người bạn. Nhưng đây là câu tôi muốn hỏi cậu, do cậu có kinh qua rồi; vậy hãy cho tôi biết khi một người yêu mến một người khác thì ai là người bạn, người yêu hay người được yêu hay cả hai?

Cả hai, cậu ta nói, đều có thể là người bạn.

Có phải cậu muốn nói, tôi nói, rằng nếu chỉ có một người trong số họ yêu mến người kia, họ là bạn của nhau?

Vâng, cậu ta nói; đó là điều tôi muốn nói.

Nhưng nếu yêu mà không được yêu lại thì sao? Điều đó có thể xảy ra mà.

Vâng.

Hoặc ngay cả khi bị ghét bỏ thì sao? Bởi đó là một tình huống đôi khi có xảy ra giữa những người yêu mến nhau. Không có gì vượt ra ngoài tình yêu mến nhau, tuy nhiên cũng phải hình dung trường hợp không được yêu lại hoặc là ghét nhau. Có đúng vậy không?

Vâng, cậu ta nói, rất đúng.

Trong trường hợp đó, một người yêu, còn người kia được yêu?

Vâng.

Vậy ai là bạn của ai? Có phải người yêu là bạn của người được yêu, cho dù người ấy có được yêu lại, hay bị ghét bỏ; hay người được yêu là bạn; hay chẳng có tình bạn nào hết về cả hai phía, trừ phi cả hai người đều yêu mến nhau?

Xem ra chẳng có bên nào cả.

Vậy điều này mâu thuẫn với khái niệm ban đầu chúng ta đã có rồi.

Có lẽ đúng vậy.

Vậy không ai là bạn với người không yêu đáp lại?

Tôi nghĩ thế.

Vậy những kẻ không được ngựa yêu đáp lại thì chẳng phải là người yêu ngựa; cũng chẳng phải là người yêu chim cút, chó, rượu, luyện tập thể dục, nếu họ không được yêu lại; cũng như chẳng có người yêu sự khôn ngoan, trừ phi khôn ngoan yêu đáp trả. Hoặc có lẽ họ có yêu những thứ ấy, nhưng không được các thứ ấy đáp lại; và nhà thơ sau rơi vào sai lầm khi xướng lên rằng:

> *"Hạnh phúc thay những người thân thiết con cái, những con chiến mã độc móng, chó săn và khách ngoại kiều".*

Tôi không nghĩ ông ta sai.

Vậy cậu cho là ông ta đúng ư?

Vâng.

Vậy, này Menexenus, kết luận là: cái được yêu thì thân thiết, dù đáng yêu hay đáng ghét: ví dụ, con cái còn nhỏ, quá nhỏ chưa thể biết yêu, hoặc ngay cả khi chúng ghét cha hoặc mẹ lúc bị cha mẹ phạt, thì đối với cha mẹ chúng không hề thân thiết hơn thời điểm chúng đang ghét họ.

Tôi nghĩ điều đó là đúng, cậu ta nói.

Vậy theo quan điểm này, không phải người yêu, mà người được yêu mới là bạn hoặc người thân thiết;

còn người bị ghét chứ không phải là người ghét mới là kẻ thù?

Cái đó rõ ràng rồi.

Vậy có nhiều người được kẻ thù mến mộ và bị bạn bè ghét bỏ, và họ làm bạn với kẻ thù và thành kẻ thù với bạn-tiếp theo là khi nào người được yêu được coi là thân thiết, chứ không phải người yêu; nhưng này anh bạn, điều này vô lý, nếu không muốn nói là không thể có được.

Nhưng thưa ông Socrates, tôi tin điều đó đúng.

Vậy, nếu không phải kẻ thù, thì người yêu mới là bạn của người được yêu?

Đúng.

Và người ghét sẽ là kẻ thù của người bị ghét?

Tất nhiên.

Tuy nhiên không thể không thừa nhận trong vấn đề này, như ở đoạn trên, rằng một người có thể yêu kẻ không phải là bạn của mình, hoặc kẻ đó còn có thể là kẻ thù nữa. Có những trường hợp trong đó người yêu, không chỉ người được yêu, mà còn người bị ghét nữa; và một người có thể là kẻ thù của người không phải là kẻ thù của mình, mà ngay cả chính bạn mình nữa; chẳng hạn, khi người đó yêu kẻ không ghét mình và lại ghét cả kẻ yêu mình.

Điều đó xem ra cũng đúng.

Nhưng nếu người yêu không phải là một người bạn và người được yêu cũng không là bạn, cả hai cũng không là bạn của nhau, thì chúng ta phải nói thế nào đây? Ai là kẻ sẽ được chúng ta gọi là bạn hữu của nhau? Và còn gì nữa?

Quả thật, thưa ông Socrates, tôi không thể thấy gì hơn.

Nhưng, ô này Menexenus! Tôi nói, chúng ta chẳng thể cùng sai lầm trong các kết luận sao?

Tôi chắc rằng, Lysis nói, chúng ta có sai, thưa ông Socrates. Và cậu ta đỏ mặt lên khi nói những lời này, như thể chưa có ý nói, nhưng lời nói đã vô tình vuột ra trong lúc còn mê.

Tôi rất vui khi thấy Lysis tỏ ra rất quan tâm và tôi muốn để Menexenus nghỉ ngơi một chút, vì thế tôi quay sang cậu ấy và nói: Lysis này, tôi nghĩ điều cậu nói rất đúng và rằng chúng ta, nếu lúc nãy đúng thì đã chẳng bao giờ đi lạc quá xa như vậy; thôi đừng tiếp tục đi theo hướng này nữa, nhưng hãy theo con đường khác và để các thi sĩ làm người dẫn đường; bởi đối với chúng ta họ là những bậc thầy về sự khôn ngoan và họ nói về bạn bè không theo kiểu nhẹ nhàng hoặc tầm thường, nhưng chính Thượng Đế, theo lời họ nói, dựng nên và lôi kéo họ lại với nhau; và họ diễn tả điều này, nếu như tôi không lầm, như sau:-

"Thượng Đế luôn lôi kéo cái giống nhau về với cái giống nhau và làm cho chúng nên thân quen".

Tôi dám nói rằng cậu đã từng được nghe những lời này rồi.

Vâng, cậu ta nói; tôi đã có nghe.

Và chẳng phải cậu cũng vấp phải những luận thuyết của các triết gia vốn nói rằng cái giống phải yêu thích cái giống? Họ là những người nói và viết về thiên nhiên và vũ trụ.

Đúng thế, cậu ta nói.

Và họ có đúng khi nói điều đó không?

Có thể.

Có lẽ, tôi nói, đúng khoảng một nửa, hay có thể đúng hết, nếu như chúng ta hiểu đúng ý nghĩa của chúng. Vì một kẻ xấu càng có quan hệ với một kẻ xấu và dường như càng phải tiếp xúc với y chừng nào, thời hắn càng có vẻ ghét y chừng nấy, vì hắn làm tổn thương y và kẻ gây tổn thương và người bị tổn thương không thể là bạn nhau được. Có đúng thế không?

Vâng, cậu ta nói.

Vậy một nửa của câu nói đó là không đúng, khi mà kẻ xấu là giống nhau?

Đúng vậy.

Nhưng thật ra người ta chỉ có ý nói, tôi cho là thế, rằng người tốt là giống nhau và bạn hữu là giống nhau; và rằng người xấu, như người ta thường nói về họ, thì chẳng bao giờ hợp nhất với nhau hay với chính chúng, nhưng luôn bồn chồn và hay cáu giận; và đó là cái vốn mâu thuẫn và đối nghịch với chính nó thì không thể thống nhất hay hòa hợp với sự gì khác. Cậu chẳng đồng ý điều ấy sao?

Vâng, tôi đồng ý.

Vậy, này anh bạn, những kẻ vốn nói rằng cái giống thân thiện với cái giống có ý cho biết một cách gián tiếp, nếu tôi không lầm, rằng cái tốt chỉ có thể là bạn của cái tốt mà thôi; còn cái xấu không bao giờ đạt được một thứ tình bạn thực sự nào, dù tốt hay xấu. Cậu có đồng ý không?

Cậu ta gật đầu đồng ý.

Thế giờ chúng ta biết trả lời thế nào cho câu hỏi "ai là bạn?" vì cuộc tranh luận đã cho ta câu trả lời "rằng chỉ những cái tốt mới là bạn".

Vâng, cậu ta nói, đúng thế.

Phải, tôi nói; tuy nhiên tôi vẫn chưa hoàn toàn hài lòng với điều đó. Tôi có nên nói với cậu điều tôi còn hoài nghi không? Tôi nên lấm chứ. Giả sử rằng cái giống, bao lâu mà nó còn là cái giống, là bạn của cái giống và có ích cho nó-hoặc cho phép tôi thử đặt vấn đề theo lối khác: liệu cái giống có thể làm cho cái giống điều tốt hay điều xấu mà nó không thể làm cho chính mình, hoặc chịu đựng bất cứ cái gì do kẻ giống gây ra mà không muốn chịu

đựng cái do chính mình gây ra? Và nếu người này chẳng có ích lợi gì cho người kia, sao họ có thể là người yêu của nhau được? Họ có thể như thế không?

Họ không thể.

Và một kẻ không được yêu có thể là một người bạn?

Tất nhiên rằng không.

Nhưng hãy cho rằng cái giống không phải là bạn của cái giống trong chừng mực nó giống; tuy nhiên cái tốt vẫn có thể là bạn của cái tốt trong chừng mực cái ấy tốt.

Đúng.

Nhưng còn nữa, chẳng phải là cái tốt, trong chừng mực là tốt, là đủ rồi sao? Và kẻ đầy đủ đâu còn thiếu cái gì-điều đó hàm ý trong từ đủ?

Tất nhiên.

Và kẻ không thiếu thốn gì sẽ chẳng ao ước cái gì?

Kẻ ấy không còn ao ước nữa.

Người ấy cũng không thể yêu khi không có ao ước?

Không thể yêu.

Và người không yêu thì không phải là bạn hay người yêu?

Rõ ràng.

Vậy thì còn chỗ nào cho tình bạn, khi mà, trong trường hợp không có bạn, những người tốt không mong muốn gì nơi nhau (bởi ở một mình họ cũng đầy đủ rồi) và trong trường hợp có bạn, họ chẳng có ích gì cho nhau? Làm sao khiến những người như thế coi trọng nhau được?

Không thể.

Và họ không thể là bạn, trừ phi họ biết coi trọng nhau.?

Đúng vậy.

Này Lysis, giờ ta hãy xem chúng ta bị đánh lừa ra sao trong tất cả những chuyện này, chúng ta chẳng phải đã sai hết trọi rồi sao?

Thế là thế nào? Cậu ta nói.

Tôi chẳng phải đã nghe ai đó nói, như tôi vừa nhớ lại, rằng cái giống là kẻ thù lớn nhất của cái giống và cái tốt là kẻ thù lớn nhất của cái tốt sao? - thật ra ông ta trích từ nguồn tài liệu của Hesiod vốn đã nói, "rằng thợ gốm cãi nhau với thợ gốm, nhà thơ với nhà thơ, ăn mày với ăn mày"; và về những cái khác ông ấy cũng nói "rằng theo quy luật tự nhiên những cái giống nhất là những cái đầy sự ganh tỵ, xung đột và căm ghét lẫn nhau, còn những cái khác nhau nhất lại đầy tình bạn. Bởi người nghèo bị buộc phải làm bạn với người giàu, người yếu đòi phải có sự giúp đỡ của người mạnh và người ốm đau cần có thầy thuốc. Mọi người không biết phải yêu mến và đón nhận người biết". Và quả thế ông ta tiếp tục nói bằng một thứ sáo ngữ, rằng ý tưởng về tình bạn tồn tại giữa những cái giống thì không

phải là sự thật, nhưng rất trái ngược với sự thật và rằng cái đối kháng nhất lại là cái thân thiết nhất; vì rằng mọi vật hấp dẫn không phải cái giống, nhưng là cái không giống: ví dụ khô với ẩm, lạnh với nóng, đắng cay với ngọt ngào, sắc với cùn, trống rỗng với đầy tràn và cứ như thế; vì cái đối nhau là thứ nuôi dưỡng cái đối nhau, trong khi giống nhau chẳng nhận được gì từ cái giống nhau. Và tôi nghĩ rằng ông ta phải là người có sức thuyết phục lắm mới nói được điều này và nói rất hay. Những người còn lại trong các cậu có nói gì không?

Thoạt nghe, tôi phải nói rằng ông ta rất đúng, Menexenus nói.

Vậy chúng ta phải nói rằng tình bạn lớn nhất thuộc về những cái đối nhau?

Chính xác.

Phải đó, Menexenus ạ; nhưng đó chẳng phải là một câu trả lời quái dị sao? Và chẳng phải là khoa tranh luận đầy khôn ngoan sẽ cười vào mặt chúng ta và hỏi cách nghiêm túc phải chăng yêu không phải là cái đối nhau thực sự của ghét? Và chúng ta phải trả lời làm sao với họ? Chúng ta chẳng phải thừa nhận rằng họ nói đúng?

Chúng ta phải thừa nhận thôi.

Họ sẽ hỏi phải chăng kẻ thù là bạn của bạn, hay bạn là bạn của kẻ thù?

Chẳng ai cả, cậu ta trả lời.

Rồi, nhưng có phải người công chính là bạn của kẻ bất công, hay người tiết độ là bạn của kẻ không tiết độ, hoặc người tốt là bạn của kẻ xấu?

Tôi không thấy có chuyện đó được.

Tuy nhiên, tôi nói, nếu tình bạn diễn ra ngược lại, những cái ngược lại phải là bạn.

Đúng thế.

Vậy chẳng phải giống với giống hay không giống với không giống là bạn.

Tôi cho là thế.

Tuy nhiên còn phải xem xét thêm: tất cả những khái niệm này về tình bạn chẳng phải là có sai lạc sao? Nhưng chẳng phải là còn có những trường hợp trong đó kẻ không tốt cũng không xấu là bạn của người tốt sao?

Ông có ý thế nào đây? Cậu ta nói.

Thực ra, tôi nói, sự thật thế nào tôi không biết, nhưng đầu óc tôi quay cuồng với những ý nghĩ về lý lẽ và vì thế đánh bạo phỏng đoán, rằng người đẹp là bạn, như tục ngữ có nói. Cái đẹp chắc chắn là một cái mềm mại, dịu dàng và trơn tuồn tuột, vậy nên có tính chất dễ dàng trôi vào và thâm nhập tâm hồn chúng ta. Và tôi xin thêm rằng cái tốt là cái đẹp. Cậu có đồng ý điều đó?"

Có.

Điều tôi nói dây rút ra từ một quan điểm cho rằng, cái gì không tốt không xấu cũng là bạn của cái đẹp, cái tốt và tôi sẽ cho cậu biết lý do tôi thiên về ý nghĩ này: giả dụ rằng có ba yếu tố cơ bản: cái tốt, cái xấu và cái không tốt cũng không xấu. Cậu nói sao về việc đó?

Tôi đồng ý.

Và cái tốt không là bạn của cái tốt, cái xấu cũng không là bạn của cái xấu và cái tốt cũng không là bạn của cái xấu; - điều mà lý lẽ trước không chấp nhận; và vì thế chỉ còn một lý lẽ khác - nếu như có cái chuyện như là tình bạn hoặc tình yêu - là cái không tốt hoặc không xấu phải là bạn, hoặc của cái tốt, hoặc của cái không tốt không xấu, vì không có gì có thể là bạn của cái xấu.

Đúng thế.

Cũng như cái giống không thể là bạn của cái giống, như chúng ta vừa nói trên.

Đúng vậy.

Vậy cái không tốt không xấu không thể có bạn là cái không tốt không xấu.

Điều đó hiển nhiên rồi.

Vậy chỉ có cái tốt là bạn của cái vốn chỉ là không tốt không xấu mà thôi.

Điều đó có thể cho là tất nhiên.

Chẳng phải điều này đã đưa chúng ta vào đúng đường rồi sao? Chỉ cần lưu ý rằng thân xác khỏe mạnh không cần thuốc men hay bất cứ sự cứu giúp nào khác, vì đã đủ sức khỏe rồi; và người khỏe mạnh không yêu thích thầy thuốc, bởi người đó đang mạnh khỏe.

Người đó không cần ai.

Nhưng người ốm thì yêu thích thầy thuốc, bởi đang ốm đau?

Tất nhiên.

Và bệnh tật là cái xấu và thuốc men là điều tốt và hữu ích?

Đúng.

Nhưng thân thể con người, coi như một cái xác, chẳng tốt cũng chẳng xấu?

Đúng vậy.

Và thân xác bị thúc ép vì lý do bệnh tật phải cầu cạnh và làm bạn với thuốc men?

Đó là điều suy ra.

Và rõ ràng điều này phải xảy ra trước cái không tốt không xấu, khi nó trở nên bị hư hại do yếu tố thuộc cái xấu, bởi lúc đó nó không còn ao ước và yêu thích cái tốt nữa, vì, như chúng ta đã nói, cái xấu không thể là bạn của cái tốt được.

Không thể được.

Hơn nữa, tôi phải để ý rằng một vài chất thể bị đồng hóa khi có những chất khác cùng hiện diện với chúng; nhưng cũng có một số chất thể không bị đồng hoá; lấy

ví dụ trường hợp chất dầu hay màu sắc được bỏ vào chất khác.

Rất đúng.

Trong trường hợp chất thể đó được hòa với dầu có giống y màu sắc hay chất dầu không?

Ông có ý nói gì vậy? Cậu ta hỏi.

Tôi muốn nói như thế này: giả sử tôi phải che mái tóc nâu vàng của cậu bằng màu trắng bạc, nó sẽ thành trắng luôn hay chỉ có vẻ trắng thôi?

Nó sẽ chỉ có vẻ trắng thôi, cậu ta trả lời.

Tuy nhiên màu trắng có hiện diện nơi mái tóc. Nhưng điều đó chẳng hề làm cho nó trắng hơn, cho dù có màu trắng trong đó-nó chẳng trắng cũng chẳng đen.

Đúng vậy.

Nhưng khi tuổi già đưa thêm cũng màu ấy vào, lúc đó tóc trở thành bị đồng hóa và thành trắng bởi có sự hiện diện của màu trắng.

Tất nhiên.

Bây giờ tôi muốn biết liệu trong mọi trường hợp một chất thể bị đồng hóa do sự hiện diện của một chất thể khác; hay sự hiện diện phải đến sau một thứ đặc biệt?

Tôi chọn cái sau, cậu ta nói.

Vậy cái không tốt không xấu có thể có cái xấu hiện diện và không phải là cái xấu hoàn toàn, vốn đã xảy ra trước đây?

Đúng thế.

Vậy khi cái gì đó có cái xấu hiện diện, nhưng chưa phải là xấu, cái tốt hiện diện làm nảy sinh ước muốn cái tốt trong đó; nhưng sự hiện diện của cái xấu làm cho một vật nên xấu, tước đi mất sự ước ao và tình bạn của cái tốt; vì cái đã một lần có cả tốt lẫn xấu nay trở thành chỉ là cái xấu và cái tốt không có tình bạn với cái xấu?

Không.

Và vì thế chúng ta bảo rằng những vị vốn đã khôn ngoan, dù là thần linh hay con người, nay không còn yêu thích sự khôn ngoan nữa; và cả những kẻ đến cái xấu cũng không biết cũng chẳng yêu thích khôn ngoan, vì chẳng có kẻ xấu hay ngu dốt nào thích sự khôn ngoan. Còn lại những người chẳng may bị ngu muội, nhưng chưa bị xơ cứng trong sự ngu muội hoặc không hiểu biết, nhưng chưa đến nỗi tưởng rằng mình biết điều mình thực ra chẳng biết: thế nên những người vốn yêu sự khôn ngoan thì không tốt cũng chẳng xấu. Nhưng kẻ xấu chẳng yêu thích sự khôn ngoan hơn người tốt, vì như chúng ta đã nói chẳng có cái không giống nào là bạn với cái không giống, cũng chẳng có cái giống nào là bạn với cái giống. Các cậu có nhớ không?

Có, cả hai cùng nói.

Và vì vậy, này Lysis và Menexenus, chúng ta đã nhận ra được bản chất của tình bạn: chẳng còn

nghi ngờ gì về chuyện đó. Tình bạn là mối tình liên kết giữa cái không xấu không tốt với cái tốt, khi mà cái xấu vẫn hiện diện hoặc trong tâm hồn, hay nơi thân xác hoặc bất cứ nơi đâu.

Cả hai hoàn toàn tán thành và trong chốc lát tôi vui sướng thỏa thuê tựa như người thợ săn về được con mồi. Nhưng một nỗi hoài nghi chợt đến và tôi hình dung rằng kết luận như thế là chưa đúng và cảm thấy buồn lòng nên mới nói, này Lysis và Menexenus ơi, tôi e rằng chúng ta chỉ bắt bóng thôi.

Sao ông lại nói thế? Menexenus nói.

Tôi e rằng cái lý lẽ về tình bạn bị sai rồi, tôi nói; các lý lẽ, giống như con người, thường là những cái dòi hỏi không chính đáng.

Sao vậy? Cậu ta hỏi.

Ờ, tôi nói; hãy xét vấn đề theo lối này: người bạn là bạn của ai đó.

Tất nhiên là thế.

Và người ấy có động cơ và mục đích để kết bạn, hay chẳng có động cơ và mục đích gì?

Người ấy có động cơ và mục đích chứ!

Và cái mục đích đó có phải là cái làm cho hắn thành một người bạn thân thiết đối với người kia, hay chẳng thân chẳng ghét đối với người kia?

Tôi không hiểu kịp ý ông, cậu ta nói.

Tôi không lạ chuyện đó, tôi nói. Nhưng có lẽ nếu tôi đặt vấn đề theo một cách khác, cậu chắc sẽ hiểu kịp ý tôi và chính tôi cũng sẽ rõ hơn điều mình muốn nói. Người bệnh, như tôi vừa nói, là bạn của thầy thuốc-phải vậy không?

Vâng.

Người ấy là bạn của thầy thuốc vì lý do bệnh tật và vì có lợi cho sức khoẻ?

Vâng.

Và bệnh tật là một điều xấu?

Tất nhiên.

Còn sức khỏe? Tôi nói, nó tốt, hay xấu, hay chẳng là gì trong hai?

Là tốt, cậu ta trả lời.

Và chúng ta đã nói, tôi tin như vậy, rằng thân thể thì không tốt không xấu, mà bởi bệnh tật, đúng ra phải nói bởi cái xấu, đều là bạn của thuốc men, mà thuốc men là cái tốt; thuốc men đi vào tình bạn này vì lợi ích của sức khỏe, mà sức khỏe là cái tốt.

Đúng thế.

Vậy sức khỏe là bạn hay không là bạn?

Là bạn.

Vậy bệnh tật là kẻ thù?

Vâng.

Vậy cái không tốt không xấu là bạn của cái tốt và cũng của cái

xấu và đáng ghét, vì lợi ích của cái tốt và của bạn bè?

Rõ.

Vậy bạn là bạn vì lợi ích của bạn và vì kẻ thù?

Suy ra là thế.

Vậy ở chỗ này hãy lưu ý và đề phòng kẻo bị lừa. Tôi sẽ không nói rằng bạn là bạn của bạn và cái giống là bạn của cái giống, mà đã được chúng ta tuyên bố là không thể có; nhưng để cho câu mới này không thể bắt bẻ chúng ta, chúng ta hãy cẩn thận xem xét một điểm khác, đó là: thuốc men, như đã nói, là bạn, hay rất thân thiết với chúng ta vì lợi ích của sức khỏe?

Vâng.

Và sức khỏe cũng rất thân thiết?

Tất nhiên.

Và nếu thân thiết, thì thân thiết vì cái gì?

Vâng.

Và chắc chắn mục đích này cũng phải rất thân thiết, như được hàm ý trong những điều chúng ta đã thừa nhận trước.

Vâng.

Và cái thân thiết bao gồm cái gì khác cũng thân thiết?

Vâng.

Nhưng nếu cứ tiếp thục theo lối này, chúng ta sau cùng cũng đi đến chỗ kết thúc và đến nguyên tắc đầu tiên về tình bạn hoặc sự thân thiết vốn không thể liên hệ được với cái gì khác, vì lợi ích của cái mà tất cả những cái khác đều thân thiết.

Tất nhiên.

Tôi sợ rằng tất cả những cái khác này, như chúng ta vừa nói, là thân thiết vì lợi ích của cái kia, chỉ là ảo giác và lừa bịp thôi, trong đó cái kia là thực tại hay nguyên lý thực của tình bạn. Ta hãy đặt vấn đề như sau: Giả sử về một tài sản kếch xù (có thể là người con trai mà đối người cha còn quý giá hơn mọi của cải khác ông có); chẳng phải người cha, vốn coi con mình hơn hết mọi thứ, cũng coi trọng các thứ khác vì lợi ích của con trai mình sao? Tôi có ý nói, chẳng hạn, nếu ông biết rằng đã uống nhầm chất độc, mà người cha nghĩ rằng rượu có thể cứu hắn, thì ông hẳn phải coi trọng rượu đó chứ?

Tất nhiên.

Và cả cái bình chứa rượu đó chứ?

Tất nhiên.

Nhưng ông chẳng coi ba chung rượu hay cái bình đất chứa rượu đó ngang bằng với người con của mình? Đó chẳng phải là thực tế vậy sao? Tất cả lo lắng của ông không phải về những phương tiện được cung ứng vì lợi ích của đối tượng, nhưng là chính đối tượng mà vì lợi ích của nó những phương tiện kia được cung ứng. Và mặc dầu chúng ta thường nói vàng và bạc được đánh giá cao, đó không phải

là sự thật; vì sự thật là còn có một đối tượng, có thể là bất cứ cái gì, là cái chúng ta coi trọng hơn hết và vì lợi ích của nó mà chúng ta mới cần phải có vàng hay các tài sản khác. Tôi nói thế có đúng không?

Vâng, tất nhiên.

Và về bạn hữu chẳng phải cũng có thể nói như thế sao? Cái chỉ quý giá với chúng ta vì lợi ích của cái gì khác thì bị nói trật là quý giá, còn cái đúng thật là quý giá thì lại là cái trong đó tất cả những cái được gọi là tình bạn thân thiết không còn nữa.

Điều đó, cậu ta nói, có lẽ đúng.

Và nguyên lý thực sự đáng quý hay căn bản của tình bạn thì không phải vì lợi ích của cái quý giá nào khác.

Đúng.

Vậy khái niệm kết thúc rằng tình bạn không có đối tượng nào khác. Nhưng có phải vì thế chúng ta suy ra rằng cái tốt là bạn?

Tôi nghĩ thế.

Vậy phải chăng cái tốt được yêu mến vì lợi ích của cái xấu? Cho tôi đặt trường hợp này như sau. Giả sử rằng trong ba yếu tố cơ bản, tốt, xấu và không tốt không xấu, chỉ còn lại cái tốt và cái trung dung, còn cái xấu đã biến xa rồi, không còn cách nào ảnh hưởng đến tâm hồn hoặc thân xác, cũng như chẳng còn cái loại chúng ta gọi là không tốt không xấu;-liệu cái tốt có công dụng gì, hay cũng vô dụng đối với chúng ta?

Vì nếu chẳng còn gì làm chúng ta đau khổ, chúng ta nào còn cần đến cái chẳng đem lại cho chúng ta điều gì tốt đẹp. Vậy rõ ràng là chúng ta đã chẳng làm điều gì khác ngoài yêu mến và ước ao cái tốt vì cái xấu và như một phương thuốc chữa trị cái xấu, là bệnh tật; nhưng nếu chẳng còn bệnh tật, chẳng cần thuốc trị bệnh nữa. Chẳng phải đó là bản chất của điều tốt-được yêu mến vì cái xấu, bởi chúng ta là những người ở giữa cái hai? Nhưng cái tốt chẳng có công dụng gì vì lợi ích của chính nó.

Tôi cho rằng điều đó đúng.

Vậy cái yếu tố cơ bản cuối cùng của tình bạn, trong đó tất cả những tình bạn khác vốn chỉ tương đối được chúng ta coi như đã chấm dứt, có một bản chất khác và khác biệt với chúng. Chúng được gọi là thân thiết vì bạn hay cái thân thiết khác. Nhưng với bạn thực sự hay thân thiết, trường hợp này hoàn toàn trái ngược; vì cái đó được chứng tỏ thân thiết bởi sự căm ghét và nếu sự căn ghét mất đi, cái yêu quý cũng không còn.

Đúng vậy, cậu ta trả lời: ít nhất, điều đó đã hàm ý trong lý lẽ tranh luận.

Nhưng ô này, làm ơn cho tôi biết, tôi nói, phải chăng nếu cái xấu bị tiêu diệt, chúng ta sẽ chẳng

còn đói, hoặc khát nữa hay cảm giác nào tương tự? Hoặc chúng ta có thể cho rằng cái đói vẫn còn khi mà con người và thú vật vẫn còn, nhưng sẽ không còn quá đau khổ? Cái khát và những cảm giác khác cũng thế-chúng vẫn còn, nhưng không còn xấu vì cái xấu đã bị tiêu diệt? Chúng ta chỉ biết điều này là trong điều kiện hiện tại của chúng ta cái đói có thể làm hại chúng ta, nhưng cũng làm ích cho chúng ta nữa. Có đúng vậy không?

Đúng.

Cùng theo cách đó cái khát hay thèm muốn tương tự nào khác đối với chúng ta đôi khi có thể tốt, đôi khi có thể xấu và đôi khi chẳng là cái này hay cái kia.

Đúng là như vậy.

Nhưng phải chăng có lý do tại sao, vì cái xấu bị tiêu diệt, cái không xấu cũng bị hủy diệt?

Không có cái nào.

Vậy cho dù cái xấu bị hủy diệt, những khát khao không tốt cũng chẳng xấu vẫn sẽ tồn tại?

Hiển nhiên rồi.

Và chẳng phải người ta yêu quý cái họ thèm muốn và ưa thích?

Đúng thế.

Vậy cho dù cái xấu bị hủy diệt, vẫn còn một số yếu tố của tình yêu hay tình bạn?

Vâng.

Nhưng nếu cái xấu là căn nguyên của tình bạn: trong trường hợp này không có cái gì là bạn với bất cứ cái nào khác sau khi cái xấu bị phá hủy; vì hiệu quả không thể tồn tại khi mà căn nguyên bị phá hủy.

Đúng thế.

Và chúng ta đã chẳng nói rằng bạn yêu thích cái gì cũng có lý do? Và lý do là bởi vì cái xấu đưa cái không tốt không xấu đến chỗ yêu quý cái tốt?

Rất đúng.

Nhưng giờ đây quan điểm của chúng ta đã thay đổi và phải có nguyên do nào khác của tình bạn?

Tôi cho rằng có.

Chẳng phải sự thật là, như chúng ta vẫn nói, ước muốn chính là căn nguyên của tình bạn; vì cái ước muốn thì thân thiết với cái được ước muốn vào lúc ước muốn sao? Và chẳng phải là cái lý thuyết kia chỉ là một câu chuyện dài chẳng về cái gì hết sao?

Điều ấy có thể đúng.

Nhưng chắc chắn, tôi nói, người vốn ước muốn chỉ ước muốn cái mà người ấy thiếu thốn?

Vâng.

Và cái người ấy ước muốn thì thân thiết với y?

Đúng thế.

Và anh ta thiếu cái anh ta bị tước đoạt?

Tất nhiên.

Vậy tình yêu, ước muốn và tình bạn xem ra thuộc về cái tự nhiên hay ăn ý với nhau. Suy ra là như vậy, Lysis và Menexenus ạ.

Họ đồng ý.

Vậy nếu các cậu là bạn với nhau, các cậu phải có những tính chất phù hợp với nhau?

Tất nhiên rồi, cả hai cùng nói.

Và, này các cậu, tôi nói rằng không ai vốn thích yêu hay ước muốn người khác mà lại đi yêu hay ước muốn hoặc ưa thích người ấy, nếu như người ấy một cách nào đó không phù hợp với mình, dù trong tâm hồn, hay về tính nết hoặc trong cách cư xử, hay về dáng vóc.

Vâng, vâng, Menexenus nói. Nhưng Lysis không nói gì.

Vậy, tôi nói, kết luận là cái có bản chất hợp với nhau thì phải yêu nhau.

Phải như vậy thôi, cậu ta nói.

Vậy thì, tôi nói, người yêu mến thực sự, không giả dối, phải được người yêu của mình yêu lại.

Lysis và Menexenus không đồng ý lắm về điều này, còn anh chàng Hippothales thì thay đổi hoàn toàn sắc mặt vì vui sướng.

Lúc ấy, với ý định làm sống lại cuộc tranh luận, tôi nói: Chúng ta có thể chỉ ra sự khác biệt giữa cái phù hợp và cái giống nhau không? Vì nếu có thể, thời tôi nghĩ, Lysis và Menexenus ạ, có thể có ý nghĩa nào đó trong cuộc tranh luận của chúng ta về tình bạn. Nhưng nếu cái phù hợp cũng chỉ là cái giống nhau, làm sao các cậu lại không tranh luận tiếp về sự vô dụng của cái giống đối với cái giống trong chừng mực chúng giống nhau; bởi nói rằng cái vô dụng là thân thiết, có phải là ngớ ngẩn? Vậy, giả sử chúng ta đồng ý phân biệt giữa cái phù hợp và cái giống-đang lúc say tranh luận, điều này có lẽ cũng được phép.

Rất đúng.

Và chúng ta sẽ nói thêm rằng cái tốt thì phù hợp và cái xấu thì không phù hợp đối với mọi người? Hoặc cái xấu phù hợp với cái xấu, cái tốt phù hợp với cái tốt; hoặc cái không tốt không xấu phù hợp với cái không tốt không xấu.

Họ đồng ý với phần sau.

Thế thì, các cậu ơi, chúng ta lại rơi vào cái sai lầm cố hữu rồi; vì cái không đúng sẽ là bạn của cái không giống và cái xấu sẽ là bạn của của cái xấu cũng như cái tốt là bạn của cái tốt.

Có lẽ đúng

Còn nữa, nếu ta nói rằng cái phù hợp thì cũng giống như cái tốt, trong trường hợp đó cái tốt sẽ chỉ là bạn với cái tốt.

Đúng.

Vậy làm gì đây? Hoặc có gì để làm? Tôi chỉ có thể, giống như các

vị khôn ngoan tranh luận trước toà, tóm tắt các luận cứ. Nếu như những kẻ được yêu, kẻ yêu, kẻ giống, kẻ không giống hoặc kẻ nào khác ta đã nói tới-vì con số những kẻ ấy quá nhiều đến nỗi tôi chẳng nhớ hết-và nếu như tôi nói chẳng có kẻ nào là bạn hữu cả, thì quả thực tôi không biết còn gì để nói nữa.

Đến đây khi tôi đang có ý định xin ý kiến của một vị cao niên nào đó thì bất chợt chúng tôi bị cắt ngang bởi các ông thầy phụ đạo của Lysis và Menexenus, họ đến chỗ chúng tôi cùng với anh em của các cậu, buộc các cậu phải về nhà vì đã muộn rồi. Đầu tiên, chúng tôi cùng những người đứng quanh đó xua họ đi; nhưng sau, khi họ chẳng nể nang, tiếp tục quát tháo bằng thổ ngữ man rợ, giận dữ và luôn miệng kêu réo-xem ra họ có vẻ quá chén tại lễ tế thần Hermaea, khiến họ không làm chủ được mình-nên chúng tôi đành nhượng bộ và tự giải tán.

Tuy nhiên, tôi có nói vài câu với các cậu bé trong lúc ra đi: Này Menexenus và Lysis, "đây chỉ là trò đùa thôi; bởi hai cậu và tôi, một anh chàng già, những tưởng mình là bạn với nhau, nhưng thực ra chúng ta chưa biết bạn là gì!"

LACHES, LÒNG DŨNG CẢM

GIỚI THIỆU

Lysimachus, con trai Aristides và Melesias, con trai Thucydides, là hai cụ già sống chung với nhau và đều muốn các con cái họ được hưởng một nền giáo dục tốt nhất. Bản thân họ đã không được hưởng một nền giáo dục chu đáo, giống như thường xảy ra với các đứa con của những nhân vật nổi tiếng; và họ đã quyết tâm dành cho con cái họ một sự chăm sóc giáo dục tốt hơn những gì họ đã nhận được từ cha mẹ của họ.

Theo yêu cầu của họ, Nicias và Laches đã tháp tùng họ đi gặp một người tên là Stesilaus đang biểu diễn trong bộ áo giáp nặng. Hai ông bố hỏi hai vị tướng nghĩ thế nào về màn trình diễn này và có thể cho họ lời khuyên để các con cái họ thành đạt trong lãnh vực này hay không. Nicias và Laches đều sẵn sàng cho ý kiến mình; nhưng họ đề nghị mời Socrates đến góp ý với họ. Lysimachus không quen biết Socrates, nhưng sau đó nhận ra ông là con trai người bạn già của mình, Sophroniscus và hai người bạn này "cho tới chết không bao giờ có gì bất đồng với nhau". Nicias cũng biết Socrates, vì Socrates chính là người đã giới thiệu nhạc sĩ và nhà Ngụy biện lỗi lạc Damon đến làm gia sư cho con trai ông và Laches cũng biết Socrates vì đã được chứng kiến thái độ anh hùng của Socrates tại trận chiến Delium.

Socrates vì trẻ tuổi hơn cả Nicias lẫn Laches, nên đã đề nghị để hai vị này cho ý kiến trước và họ đã làm theo cách riêng của họ. Nicias là nhà chiến lược, nên rất ủng hộ nghệ thuật mới này, ông gọi nó là khoa thể thao chiến tranh - có ích khi hàng ngũ được thành lập, lại càng có ích hơn khi hàng ngũ bị phá vỡ; nó tạo ra sự hứng thú trong các môn học quân sự và tăng thêm uy dũng của người lính ở tiền tuyến. Laches là chiến binh thuần tuý, thì có ý kiến rằng một nghệ thuật như thế không phải là tri thức và không thể có giá trị gì, vì người

Lacedaemonia là những bậc thầy về quân sự nhưng không hề sử dụng nó. Kinh nghiệm bản thân ông trong quân ngũ đã dạy ông rằng những con người có vẻ bề ngoài như thế đều vô dụng và chỉ là trò cười cho người khác. Chính ông đã thấy dũng sĩ Stesilaus này trên tàu từng bộc lộ bản thân mình một cách rất tồi tệ. Kẻ nhát gan mà có tài nghệ này thì sẽ trở nên liều lĩnh, còn kẻ can đảm có nó nhưng nếu sơ sẩy thì sẽ bị người khác đố kỵ và trở thành đề tài cười nhạo. Vì họ bất đồng ý kiến với nhau, nên đến lượt Socrates phải đưa ra quyết định.

Socrates không muốn giải quyết vấn đề bằng bỏ phiếu xem ai được đa số; trong một vấn đề quan trọng như việc giáo dục con một người bạn, ông muốn tham khảo một người có tài đã từng có các thầy dạy và có các thành tích chứng minh tài của họ. Người ấy không phải là bản thân ông; vì ông chưa từng bao giờ có đủ tiền để mời các nhà Ngụy biện dạy dỗ ông và chưa từng nghĩ ra hay khám phá ra điều gì. Nhưng Nicias và Laches lớn tuổi hơn và giàu có hơn ông: họ đã từng có các thầy dạy và có lẽ cũng đã từng có các khám phá; và ông muốn giao phó việc quyết định này hoàn toàn cho họ, nếu như họ đã không có ý kiến quá trái ngược nhau như thế.

Tới đây Lysimachus đề nghị nhường việc tranh luận cho người trẻ, vì ông đã già và trí nhớ kém. Ông nài nỉ Socrates ở lại giúp ông ý kiến; ngoài ra, Laches cũng muốn học hỏi Socrates, vì các hành động của ông phù hợp với các lời nói của ông, đúng theo kiểu dân Doris.

Socrates bắt đầu như sau: Chúng ta có thể hỏi ai là thầy dạy chúng ta? Nhưng một cách tốt hơn và xuyên suốt hơn để xem xét vấn đề này là hỏi xem, "Nhân Đức là gì?" - hay đúng hơn, giới hạn tra cứu của chúng ta vào phần nhân đức liên quan đến việc sử dụng khí giới - "Can Đảm là gì?" Laches nghĩ mình biết câu trả lời: (1) "Người can đảm là người ở lại vị trí của mình". Nhưng cũng có một số dân tộc chiến đấu bằng cách bay trên cao, theo kiểu Aeneas trong Homer; hay giống như dân Sparta trang bị khí giới hạng nặng tại trận chiến ở Plataea. (2) Socrates muốn có một định nghĩa tổng quát hơn, không chỉ về lòng can đảm quân sự, nhưng can đảm đủ loại, cả khi được sung sướng lẫn lúc gặp đau khổ. Laches đáp rằng lòng can đảm phổ quát này là sức chịu đựng. Nhưng can đảm là một điều tốt, còn chịu đựng thuần tuý thì cũng có thể có hại. Vì vậy (3) yếu tố trí khôn phải được thêm vào. Nhưng rồi sự chịu đựng thiếu thông minh nhiều khi cũng tỏ ra can đảm hơn là sự chịu đựng thông minh - người xấu hơn là người tốt. Phải giải quyết mâu thuẫn này thế nào? Socrates và Laches không sẵn sàng

"theo kiểu dân Doris" về lời nói và hành động; vì các lời họ nói thì lộn xộn, mặc dù các hành động của họ là can đảm. Nhưng họ vẫn phải "chịu đựng" cuộc tranh luận về sự chịu đựng. Laches cảm thấy rất sẵn sàng và khá tự tin rằng mình biết can đảm là gì, vấn đề là diễn tả nó ra mà thôi.

Bây giờ phải nhờ đến Nicias; và để trả lời, ông này đưa ra một định nghĩa mà ông đã được nghe từ chính miệng Socrates, đó là (1) "Can đảm là hiểu biết". Laches chế giễu định nghĩa này; và khi Socrates hỏi thêm, "Loại hiểu biết nào?", thì Nicias đáp "Sự hiểu biết về những điều dễ sợ". "Nhưng ai ai cũng biết về những điều dễ sợ trong ngành nghề của mình". "Không, họ không biết đâu. Họ có thể tiên đoán các kết quả, nhưng không thể nói chắc chúng có thực sự dễ sợ hay không; chỉ người can đảm mới có thể nói chắc chắn". Laches suy ra rằng người can đảm hoặc phải là một người bói toán hoặc phải là một vị thần.

Nhưng, theo cách nói của Nicias, từ "can đảm" không thể dùng cho loài vật và trẻ con, vì chúng không biết sự nguy hiểm. Laches kịch liệt chống lại lối hiểu ngược với ngôn ngữ thông thường này, nhưng ông phần nào dịu đi bằng một lời khen ngợi sự dũng cảm của chính mình. Tuy nhiên ông không muốn thấy một nhà chính khách và một vị tướng Athens chiều theo những lý lẽ nguỵ biện kiểu này. Socrates lại tiếp tục lý luận. Can đảm đã được định nghĩa như là sự hiểu biết hay tri thức về cái gì dễ sợ; và can đảm không phải là tất cả nhân đức, mà chỉ là một trong số các nhân đức. Cái dễ sợ vẫn còn ở trong tương lai và vì thế biết về cái dễ sợ là biết về tương lai. Nhưng không thể có hiểu biết về cái tốt hay cái xấu trong tương lai mà không biết về cái tốt hay cái xấu trong quá khứ hay hiện tại; nghĩa là về mọi cái tốt và xấu. Vì vậy can đảm là biết về cái tốt và xấu phổ quát. Nhưng người có hiểu biết về cái tốt và xấu phổ quát không những phải có can đảm, mà còn phải có tiết độ, công bằng và mọi nhân đức khác. Như thế, một nhân đức cũng giống như là mọi nhân đức. Và suy cho cùng thì hai vị tướng và Socrates, người hùng của trận Delium, vẫn còn chưa hiểu biết gì về bản chất của can đảm. Mọi người phải đi học lại, trẻ em, người già, mọi người.

Có một số điểm tương đồng và một số điểm khác biệt được thấy trong Laches khi đối chiếu với Charmides và Lysis. Có ít nét thi vị và đơn sơ hơn, nhưng nhiều kịch tính và sức mạnh hơn. Hai Đối thoại kia có các ngoại cảnh phong phú hơn; Laches giàu kịch bản và triển khai nhân vật hơn. Trong Lysis và Charmides những nhân vật trẻ là trung tâm và có nhiều gợi ý hơn về khung cảnh gặp gỡ

ở võ đường. Ở đây chỗ gặp gỡ cũng là võ đường nhưng bị bỏ quên không nhắc tới và đám trẻ em chỉ đóng một vai trò phụ. Cử tọa gồm những người già, trong đó Socrates trẻ nhất.

Trước tiên là ông già Lysimachus, có thể so sánh với Cephalus trong Nền Cộng hòa và giống như ông này, Lysimachus cũng rút lui khỏi cuộc tranh luận. Melesias, cái bóng của Lysimachus, cũng giữ im lặng. Cả hai đều không có học vấn, như được thấy qua sự kiện Lysimachus, vốn là bạn thân của Sophroniscus, nhưng chưa từng nghe đến danh tiếng của Socrates, con trai bạn mình; họ thuộc các giới khác nhau. Tính cách của hai vị tướng Nicias và Laches được biểu thị bằng các ý kiến của họ về các màn biểu diễn của người dũng sĩ chiến đấu với áo giáp nặng. Nicias là con người có suy nghĩ hơn, sẵn sàng chấp nhận nghệ thuật mới, trong khi Laches coi nó là trò đùa. Một người thì thích chiến lược và nghệ thuật đấu kiếm; người kia là kẻ thù của cái mới và dựa vào tính can đảm bẩm sinh. Cần ghi nhận rằng một trong hai người đã từng được nghe Socrates; còn người kia thì chỉ biết đến các hành động của ông. Laches ngưỡng mộ phong cách Doris; và ông đưa ra nhận xét rằng có những người chưa từng đi học bao giờ nhưng lại tốt hơn những người có học.

Trong tranh luận về đề tài chính của Đối thoại này - "Can Đảm là gì?" sự đối đầu giữa hai nhân vật này còn được làm nổi bật hơn nữa; và trong vấn đề này, cũng như trong câu hỏi mở đầu, hai người chấp nhận hai sự thật khác nhau. Dần dần và với khá nhiều khó khăn, Laches buộc phải chuyển từ quan điểm phổ thông hơn sang quan điểm triết học hơn; ông chưa từng bao giờ cho rằng có một sự can đảm nào khác ngoài sự can đảm của người lính; và chỉ nhờ một cố gắng của trí khôn ông mới bắt đầu có được một khái niệm chung. Nhưng khái niệm phổ quát này mới chỉ vừa được hình thành thì nó đã tiêu tan trước biện chứng của Socrates; và Nicias xuất hiện từ phe kia với lý thuyết của Socrates, cho rằng can đảm là tri thức. Nhưng chính Socrates đáp lại rằng tri thức là về quá khứ, hiện tại và tương lai; và một định nghĩa về nhân đức như thế sẽ làm cho can đảm tương đương với mọi nhân đức. Trong phần này của Đối thoại, chúng ta thấy nổi bật lên sự tương phản giữa phương pháp tra xét vấn đề của Laches và của Socrates, và cách mà định nghĩa của Laches được đưa ra xích lại gần cách định nghĩa của Nicias.

Như thế, với một số gợi ý về mối quan hệ và thống nhất giữa đức và trí, chúng ta không đạt được một kết quả rõ rệt nào. Hai khía cạnh của lòng can đảm không bao

giờ được dung hòa. Trong Protagoras, tri thức được cắt nghĩa như là khả năng đánh giá sướng và khổ, thì ở đây nó bị mất hút trong một khái niệm vô nghĩa và siêu nghiệm. Nhưng có thể nhận ra một số gợi ý đích thực về bản chất của lòng can đảm: (1) Can đảm vừa là tinh thần vừa là thể chất; (2) Can đảm thật thì không thể tách rời khỏi sự hiểu biết, nhưng (3) nó dựa trên một bản năng tự nhiên. Laches nói lên một khía cạnh của can đảm; và Nicias nói lên khía cạnh kia. Hình ảnh hoàn hảo và sự hòa hợp của cả hai khía cạnh chỉ được thể hiện nơi chính Socrates.

LACHES, LÒNG DŨNG CẢM

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Lysimachus (LYS), con trai Aristides.
- Melesias, con trai Thucydides.
- Các con trai hai ông.
- Nicias (NIC)
- Laches (LAC)
- Socrates (SOC)

LYS: Nicias và Laches, hai ông vừa xem người dũng sĩ mang áo giáp nặng biểu diễn, nhưng trước đó chúng tôi đã không nói cho các ông biết lý do tại sao Melesias bạn tôi và tôi đã yêu cầu các ông theo chúng tôi đến xem người này biểu diễn. Tôi nghĩ chúng tôi phải thú thật với các ông, vì chắc chắn chúng tôi không thể giữ kín chuyện này với các ông. Lý do là chúng tôi đang muốn xin các ông một lời khuyên. Một số người cười khi nghe đến chuyện cho người khác lời khuyên và khi họ được yêu cầu, họ thường không nói đúng những gì họ nghĩ. Họ đoán xem ước muốn của người hỏi ý kiến họ rồi trả lời theo ước muốn của người ấy, chứ không theo điều họ nghĩ. Nhưng chúng tôi biết hai ông là những người giỏi phán đoán và nói đúng điều các ông nghĩ, nên chúng tôi muốn tham vấn các ông. Vấn đề chúng tôi muốn đề cập tới ở đây đúng là thế này: Melesias và tôi có hai con trai; kia là con trai ông ấy, tên là Thucydides và đây là con trai tôi, Aristides, được đặt theo tên ông nội nó. Chúng tôi quyết tâm chăm sóc tối đa cho hai đứa trẻ này, chứ không để chúng lông bông theo ý chúng, vì đám trẻ thường hay như vậy, khi chúng không còn là con nít

nữa, nhưng chúng tôi muốn ngay lập tức bắt đầu làm hết sức mình để chăm lo cho chúng. Chúng tôi cũng biết bản thân các ông cũng có con và chúng tôi nghĩ hẳn là các ông đã chăm lo dạy dỗ chúng nên người, còn nếu không, chúng tôi muốn nhắc nhở các ông phải chăm lo cho chúng và mời các ông giúp chúng tôi chu toàn bổn phận chung của bậc làm cha của chúng ta. Ông Nicias và Laches, tuy nói ra thì dài dòng, nhưng tôi sẽ cho các ông biết chúng tôi đã đi đến quyết định này như thế nào. Melesias và tôi sống chung với nhau và hai con chúng tôi cũng sống chung với chúng tôi; vậy bây giờ, như tôi đã nói lúc đầu, chúng tôi sẽ thú nhận sự thật với hai ông. Cả hai chúng tôi thường kể cho bọn trẻ về nhiều hành vi cao đẹp mà cha ông chúng ta đã làm trong thời chiến và thời bình - trong việc đối xử với các đồng minh và trong việc xử lý các công việc của nhà nước; nhưng cả hai chúng tôi đều không ai có thành tích nào đáng kể để nêu gương cho chúng. Vì thế chúng tôi thấy xấu hổ trước mặt chúng vì điều này và chúng tôi trách móc cha chúng tôi đã để chúng tôi hư hỏng thời chúng tôi còn trẻ, trong khi họ bận lo cho những người khác; và chúng tôi vạch ra điều này cho bọn trẻ và nói cho chúng biết rằng chúng không thể làm nên trò trống gì nếu chúng tỏ ra bướng bỉnh và không chịu khó rèn luyện; nhưng nếu chúng chịu khó, chúng sẽ có thể trở nên xứng với tên chúng mang. Phần chúng, chúng hứa nghe lời chúng tôi; và việc chúng tôi lo là tìm ra có môn học nào có thể giúp chúng thành đạt nhất. Có người giới thiệu cho chúng tôi thuật dùng vũ khí, họ nói đó là một loại thành tựu tuyệt vời đáng cho người trẻ học hỏi; và họ ca ngợi người đàn ông vừa biểu diễn cho các ông xem và bảo chúng tôi đến xem anh ta biểu diễn. Chúng tôi đã quyết định đi và mời các ông đi với chúng tôi; và nếu các ông không từ chối, chúng tôi nghĩ các ông có thể cho chúng tôi những lời khuyên cho việc giáo dục con chúng tôi. Đó là vấn đề chúng tôi muốn đề cập với các ông; chúng tôi hi vọng các ông sẽ góp ý cho chúng tôi về môn học này và về bất cứ môn học nào khác mà một người trẻ nên học hỏi. Không biết các ông có chấp nhận đề nghị của chúng tôi không?

NIC: Ông Lysimachus và Melesias, riêng tôi rất tán đồng ý định của hai ông và rất vui được

giúp hai ông; tôi nghĩ ông Laches cũng sẽ rất vui như tôi.

LAC: Chắc chắn rồi, Nicias; tôi cũng tán đồng nhận xét mà ông Lysimachus đã nói về hai người cha của ông và của Melesias, các nhận xét đó không chỉ đúng với hai ông, mà còn đúng với cả chúng tôi và với bất cứ ai phải lo việc công. Như ông nói, các cụ thường sao nhãng bỏ bê con cái và các công việc nhà. Nhận xét của ông rất đúng, ông Lysimachus. Nhưng về việc giáo dục thanh niên, tại sao ông không hỏi ý kiến ông bạn Socrates của chúng ta, thay vì hỏi ý kiến chúng tôi? Ông ấy cùng dòng giống với các ông, hơn nữa ông ấy lại thường xuyên đến những nơi mà giới trẻ theo đuổi các môn học, đúng là điều mà các ông đang muốn tìm.

LYS: Thật ư, ông Laches? Socrates chuyên lo các công việc này sao?

LAC: Chắc chắn, Lysimachus.

NIC: Điều này thì cả Laches lẫn tôi đều biết rõ; vì mới gần đây thôi ông ấy đã tìm cho tôi một gia sư dạy nhạc cho con trai tôi, - đó là thầy Damon, học trò của Agathocles, là một mẫu người toàn diện và cũng là một nhạc sĩ, đồng thời là một người bạn quí giá cho các thanh niên trạc tuổi chúng.

LYS: Các ông Socrates, Nicias và Laches ơi, những người ở lớp tuổi chúng tôi đã trở nên xa cách với thanh niên, vì chúng tôi thường ở lì trong nhà vì tuổi già; nhưng tôi hi vọng rằng ông, hỡi con trai của Sophroniscus, ông sẽ có những lời khuyên vàng ngọc để ban cho các thanh niên này. Và tôi cũng lấy tư cách là bạn của cha ông hồi trước; vì tôi và ông cụ luôn luôn là bạn bè và cho tới lúc ông cụ mất, chúng tôi chưa từng có lúc nào bất đồng với nhau; và bây giờ khi nghe nhắc đến tên ông, tôi mới chợt nhớ ra ở nhà các con tôi khi nói chuyện với nhau thường nhắc đến tên ông với tất cả sự ngưỡng mộ; nhưng tôi không bao giờ nghĩ đến việc hỏi chúng xem người ấy có phải là con của Sophroniscus hay không. Này con, có phải đây chính là ông Socrates các con thường nhắc tới hay không?

CON Đúng đấy ạ, thưa cha.

LYS: Ông Socrates, tôi rất mừng vì ông đã giữ được danh tiếng của cha ông, một con người tuyệt vời nhất trên đời; và tôi càng mừng hơn nữa vì từ nay trở đi mối dây liên kết

gia đình chúng ta được thắt chặt thêm.

LAC: Đúng thế, ông Lysimachus, ông không được để ông ấy bỏ đi; vì tôi bảo đảm rằng chính tôi đã được thấy ông không chỉ duy trì danh thơm tiếng tốt của cha ông, mà cả danh thơm của đất nước ông. Ông từng là bạn trong quân ngũ với tôi trong cuộc rút quân ở Delium và tôi có thể nói cho ông thấy rằng, chỉ cần mọi người khác cũng có thái độ giống như ông, chúng ta đã có thể giữ được danh dự của đất nước chúng ta, chứ không thể bị bại trận như vậy.

LYS: Ông Socrates, đây quả là một lời ca tụng rất đẹp dành cho ông, từ miệng của những nhân chứng trung thực như thế này. Tôi rất mừng được nghe kể về danh tiếng của ông; và tôi hy vọng ông sẽ coi tôi như một người bạn thân nhất; lẽ ra ông đã phải đến chơi với chúng tôi từ lâu rồi và coi chúng tôi như những bạn bè ông; nhưng bây giờ, từ nay trở đi, vì cuối cùng chúng tôi đã tìm ra được một người bạn mới, ông hãy làm theo lời tôi - hãy đến làm quen với tôi và các bạn trẻ này, để tôi tiếp tục là bạn của ông, giống như tôi đã là bạn của cha ông. Tôi mong ông làm như thế và tôi sẽ còn nhắc nhở ông điều đó. Nhưng ông nghĩ gì về vấn đề tôi vừa đề cập đến lúc nãy - nghệ thuật chiến đấu với áo giáp? Các thanh niên học nó có lợi không?

SOC: Ông Lysimachus, tôi sẽ cố gắng góp ý với ông nếu có thể trong vấn đề này, cũng như bằng mọi cách theo ý ông muốn; nhưng vì tôi nhỏ tuổi hơn và cũng ít kinh nghiệm, tôi nghĩ cần phải nghe ý kiến các người lớn tuổi hơn trước đã, để học hỏi ở họ và nếu tôi có gì thêm vào, lúc ấy tôi sẽ cho ý kiến của tôi cho họ cũng như cho ông. Ông Nicias, tôi nghĩ nên để một trong hai ông nói trước.

NIC: Tôi không có gì phản đối, Socrates; và theo thiển ý tôi, việc học nghệ thuật này có lợi cho thanh niên về mọi mặt. Nó có lợi cho họ khi họ dùng các thời giờ rảnh rỗi để cải thiện cơ bắp, chứ không phải phung phí các thời giờ ấy như các thanh niên thường làm. Không có loại luyện tập cơ thể nào nặng hơn nó; thuật chiến đấu này và thuật cưỡi ngựa là hai môn luyện tập thích hợp nhất cho một người tự do; vì chỉ những ai luyện tập như thế trong việc sử dụng các dụng cụ chiến tranh mới thích hợp để đương đầu với các nguy hiểm

đang có trước mắt chúng ta, hay các nguy hiểm có thể xảy tới. Hơn nữa, ở chiến trường thực sự, loại tài nghệ này có thể có ích khi ta phải chiến đấu trong một hàng ngũ với những người khác; và nó càng có ích hơn nữa khi hàng ngũ bị phá vỡ và ta phải chiến đấu một mình; lúc đuổi theo quân địch, khi ta tấn công một quân địch đang ở thế phòng thủ, hay lúc ta bị địch đuổi theo, khi ta phải tự vệ chống lại kẻ truy sát ta. Chắc chắn ai có nghệ thuật này thì không thể bị hại khi một chọi một, hoặc có lẽ khi một phải chọi với hai hay ba kẻ địch; bất luận thế nào, nó luôn luôn rất có lợi. Hơn nữa, loại tài nghệ này còn dạy chúng ta những bài học cao quí khác nữa; vì bất cứ ai đã từng học biết chiến đấu bằng vũ khí sẽ muốn học cách bày binh bố trận, là phần tiếp theo của bài học này; và khi đã học được rồi và lửa tham vọng bùng lên, thì người ấy sẽ tiếp tục tiến tới để học nghệ thuật làm tướng. Không khó gì để thấy rằng sự hiểu biết và thực hành các tài nghệ quân sự khác sẽ có ích và có giá trị cho một người; và bài học này có thể là khởi đầu cho các bài học khác. Vậy, ông Lysimachus, theo ý kiến tôi, các thanh niên phải học nghệ thuật này, vì các lý do mà tôi đã nêu. Nhưng tôi sẽ rất vui được nghe ý kiến của Laches, nếu anh ấy có một quan điểm khác.

LAC: Ông Nicias, tôi sẽ không cho rằng không cần học loại tri thức nào; vì mọi tri thức đều tốt; và nếu như Nicias và các bậc thầy về nghệ thuật này đã khẳng định, thuật đấu kiếm thực sự là một loại tri thức, thì quả thực phải học nó; nhưng nếu không, nếu những người dạy nó chỉ là những kẻ lừa gạt; hay nếu nó là tri thức nhưng không phải loại tri thức có giá trị, thì học nó liệu có ích gì? Tôi nói như thế là vì nghĩ rằng nếu nó thực sự có ích, thì tại sao những người Lacedaemonia lại không biết đến nó, đang khi họ là những người luôn tìm kiếm và luyện tập những tài nghệ nào giúp họ vượt trội các quốc gia khác trong chiến tranh? Mà cho dù họ không biết đến nó, thì các bậc thầy của nghệ thuật này hẳn không thể không phát hiện ra rằng giữa tất cả các dân Hy Lạp, dân Lacedaemonia là dân quan tâm nhiều nhất đến lãnh vực này và một bậc thầy về môn học này được coi trọng ở

Lacedaemonia hẳn phải trở nên giàu có giữa các dân tộc, giống như các nhà thơ bi kịch đã trở nên giàu có nhờ được coi trọng giữa chúng ta; đó là lý do tại sao người nào nghĩ rằng mình có thể viết bi kịch thì thường không đi ngao du các nước xung quanh, nhưng đi thẳng đến đây và biểu diễn tại Athens này; đó là điều tự nhiên. Trong khi tôi thấy rằng những võ sĩ đấu kiếm này coi Lacedaemonia là một lãnh thổ bất khả xâm phạm, họ không đến gần dù chỉ một đầu ngón chân; nhưng họ đi vòng quanh các xứ lân cận và biểu diễn cho những dân khác chứ không biểu diễn cho dân Sparta; và đặc biệt cho những người hoàn toàn không phải hạng nhất trong nghệ thuật chiến tranh. Hơn nữa, ông Lysimachus, tôi đã gặp khá nhiều những con người ưu tú này thi hành phận sự và đã đo lường sức của họ, và tôi có thể cho ông kết quả ngay bây giờ; vì không ai trong số các bậc thầy môn đấu kiếm là trội vượt trong chiến tranh; ngược lại, trong tất cả các ngành nghề khác, những người xuất sắc luôn luôn là những người đã thực hành ngành nghề ấy; nhưng đây chỉ là con số rất nhỏ. Ví dụ, chàng võ sĩ Stesilaus này mà ông và tôi vừa xem biểu diễn đã phô trương sức mạnh của mình trước đám đông, thì vào một dịp khác tôi đã thấy chính anh ta đã có một màn trình diễn không phải do anh ta tự ý làm và màn trình diễn này còn ngoạn mục hơn nhiều. Anh ta là một thuỷ thủ đang phục vụ trên một con tàu; con tàu này đụng phải một chiếc xuồng, trong khi trên tay anh ta đang mang một thứ vũ khí nửa là giáo nửa là mác, cái độc đáo của thứ vũ khí này thật xứng với cái độc đáo của người mang nó. Để câu chuyện được vắn gọn, tôi sẽ chỉ kể cho các ông điều gì đã xảy ra với thứ vũ khí sáng chế đặc biệt vừa giáo vừa mác này thôi. Anh ta đang chiến đấu thì lưỡi mác cắm chặt vào mạn chiếc xuồng kia và không thể lôi ra được. Hai con tàu đi áp vào nhau. Thoạt tiên anh ta chạy dọc theo con tàu của mình, tay vẫn giữ chặt lưỡi giáo; nhưng vì chiếc xuồng kia vượt qua và kéo theo anh ta khi anh ta vẫn đang giữ cây giáo, nên anh ta phải buông dần cây giáo ra và cuối cùng chỉ còn giữ được cái chuôi. Những người trên chiếc xuồng vỗ tay reo hò và chế nhạo bộ dạng thật nực cười của anh

ta; và khi có người ném một hòn đá vào chân, thì anh ta buông hẳn cả vũ khí của mình, khiến cả đoàn thuỷ thủ trên con tàu của anh cũng phải phá lên cười; họ không thể nín cười khi họ trông thấy vũ khí của anh lắc lư ở trên không, phần đầu của nó vẫn còn cắm chặt ở mạn chiếc xuồng. Tôi không phủ nhận rằng nghệ thuật này cũng có điểm tốt, như Nicias đã nói; nhưng tôi kể lại kinh nghiệm của mình cho các ông nghe và như tôi đã nói lúc nãy, ý kiến của tôi là, dù đây là một môn nghệ thuật có đôi chút ích lợi hay hoàn toàn không phải nghệ thuật mà chỉ là một sự lừa gạt, thì trong cả hai trường hợp, học nó chẳng có ích gì. Vì theo ý kiến tôi, nếu ông thầy dạy nghệ thuật này là một kẻ hèn nhát, ông ta sẽ dễ dàng trở thành liều lĩnh và người ta càng dễ nhận ra tính hèn nhát của ông ta hơn; còn nếu ông ta là người can đảm nhưng chỉ cần sơ sẩy chút ít, thì sẽ bị những người khác nhận ra ngay và ông ta sẽ bị gièm pha đàm tiếu: vì có rất nhiều sự ghen tị đối với những kẻ thích khoa trương như thế; và nếu một người không có sự dũng cảm trội vượt, thì họ khó có thể tránh bị nhạo cười, nếu họ tự phụ rằng họ giỏi về các loại vũ khí này. Quan điểm của tôi là thế đó, ông Lysimachus, tóm lại là không nên học môn học này; nhưng như tôi đã nói trước, chúng ta phải hỏi ý kiến Socrates và không để ông ấy rời khỏi đây trước khi chúng ta được biết ý kiến của ông ấy về vấn đề này.

LYS: Ông Socrates, tôi rất cần xin ông ân huệ này, vì hai vị tướng bất đồng ý kiến với nhau, nên phải có một người thứ ba để quyết định. Giá như họ nhất trí thì không cần nữa. Nhưng vì ông Laches cho một ý kiến còn ông Nicias lại cho một ý kiến khác, nên tôi muốn nghe xem ông đồng ý với ai trong hai ông bạn này của chúng ta.

SOC: Thế nào, ông Lysimachus, ông muốn giải quyết chuyện này bằng lấy ý kiến đa số sao?

LYS: Đúng vậy, Socrates; chỉ còn cách đó.

SOC: Còn ông, Melesias, ông có đồng ý như thế không? Nếu ông định chọn môn huấn luyện thể dục cho con trai ông, liệu ông có theo ý kiến của đa số chúng tôi, hay theo ý kiến của người đã từng được huấn luyện bởi một bậc thầy giỏi về thể dục?

MEL: Tôi sẽ theo lời khuyên của người thứ hai này, vì như thế hợp lý hơn.

SOC: Chỉ một phiếu của ông ấy mà có giá trị hơn phiếu của cả bốn chúng tôi ư?

MEL: Chắc chắn.

SOC: Vậy là, theo tôi nghĩ, lý do là bởi vì một quyết định tốt được dựa trên hiểu biết chứ không dựa trên số đông?

MEL: Chắc chắn.

SOC: Vậy trước hết chúng ta có cần hỏi rằng có ai trong chúng ta có hiểu biết về môn nghệ thuật mà chúng ta đang bàn tới hay không? Nếu có, chúng ta hãy nghe ý kiến người ấy, dù người ấy chỉ có một mình, chứ đừng quan tâm tới ý kiến những người khác; còn nếu không có, chúng ta hãy tiếp tục tìm ra các ý kiến. Việc mà ông và Lysimachus đang bàn bạc là chuyện nhỏ hay sao? Liệu các ông sẵn sàng đánh liều với của quí nhất của các ông sao? Vì con cái là tài sản vô cùng quí giá của các ông; và chúng trở nên tốt hay xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới sự yên ổn của cả nhà cha chúng.

MEL: Đúng thế.

SOC: Vậy chúng ta phải hết sức cẩn thận, đúng không?

MEL: Chắc chắn.

SOC: Như tôi vừa nói, giả sử chúng ta đang tìm xem ai là người huấn luyện giỏi nhất. Phải chăng chúng ta sẽ chọn người thành thạo môn ấy và đã luyện tập nó cũng như có những ông thầy tốt nhất?

MEL: Tôi nghĩ chắc chắn phải như thế.

SOC: Nhưng trước hết chúng ta có phải xem xét bản chất của thứ nghệ thuật mà chúng ta muốn tìm các thầy dạy không?

MEL: Tôi không hiểu ý ông.

SOC: Tôi sẽ cố gắng cắt nghĩa rõ hơn. Tôi nghĩ chúng ta vẫn chưa xác định rõ chúng ta đang định tham khảo ý kiến về cái gì, khi chúng ta hỏi ai trong chúng ta là người giỏi về môn ấy và ai trong chúng ta có hay không có thầy dạy về môn ấy.

NIC: Sao, Socrates? Chúng ta đã chẳng nói rằng đây là vấn đề tìm xem các trẻ của chúng ta phải học hay không học nghề chiến đấu với vũ khí nặng sao?

SOC: Đúng, Nicias; nhưng cũng có một câu hỏi phải hỏi trước và tôi có thể nêu ví dụ như sau. Khi một người nghĩ đến việc dùng thuốc nhỏ mắt, họ đang nghĩ đến thuốc hay đến mắt?

NIC: Mất.

SOC: Và khi họ nghĩ đến việc có gắn hàm thiếc vào con ngựa hay không, họ sẽ nghĩ đến con ngựa chứ không phải nghĩ đến hàm thiếc, đúng không?

NIC: Đúng.

SOC: Nói tóm lại, khi họ nghĩ đến bất cứ điều gì vì một điều gì khác, họ nghĩ đến mục đích chứ không phải nghĩ đến phương tiện, đúng không?

NIC: Chắc chắn.

SOC: Và khi ông mời một người cố vấn, ông phải xem người ấy có thành thạo để đạt mục đích mà ông muốn, cũng như thành thạo về các phương tiện nhằm đạt mục đích ấy chứ?

NIC: Rất đúng.

SOC: Và bây giờ chúng ta đang nghĩ đến một thứ tri thức có mục đích chăm lo cho linh hồn của thanh niên, đúng không?

NIC: Đúng.

SOC: Vấn đề là, ai trong chúng ta giỏi hay thành công trong việc huấn luyện các linh hồn và ai trong chúng ta có các ông thầy giỏi?

LAC: Đúng. Nhưng ông Socrates, ông chưa bao giờ thấy trong một số lãnh vực, một số người dù không có thầy dạy nhưng vẫn giỏi hơn một số người có thầy dạy sao?

SOC: Có chứ, ông Laches, tôi cũng đã từng gặp những người như thế; nhưng hẳn ông không thoải mái lắm khi tin tưởng họ nếu họ chỉ tự xưng là bậc thầy trong nghệ thuật của họ nhưng lại không có gì chứng tỏ tài năng hay sự trội vượt của họ trong một hay nhiều hành động.

LAC: Đúng.

SOC: Vì vậy, hai ông Laches và Nicias, vì hai ông Lysimachus và Melesias lo lắng đến các con mình và muốn xin lời khuyên của chúng ta, nên chúng ta cũng phải cho hai ông ấy biết các ông thầy của chúng ta là những ai, nếu chúng ta có những ông thầy ấy và chứng minh họ là những người xứng đáng, và là những nhà huấn luyện tinh thần giàu kinh nghiệm cho các thanh niên, và thực sự là các ông thầy của chúng ta. Hay có ai trong chúng ta nói là không có thầy, nhưng có các việc làm để chứng minh, thì họ phải chứng minh các việc làm cụ thể ấy. Nhưng nếu họ không thể cho thấy có các ông thầy hay các sự việc cụ thể, thì họ phải xin người ấy đi kiếm các người khác, chứ không thể làm bừa khiến cho con cái của các bạn chúng ta phải hư hỏng, là lời tố cáo ghê sợ

nhất mà một người thân đưa ra chống lại bất cứ ai. Riêng bản thân tôi, tôi xin thú thực với hai ông Lysimachus và Melesias rằng tôi không có ông thầy nào cả, mặc dù từ nhỏ tôi đã từng ao ước có một ông thầy. Nhưng vì tôi quá nghèo không có tiền thuê các nhà Ngụy biện đến dạy, mà chỉ có họ là những ông thầy duy nhất dạy đạo đức cho thanh niên; và cho đến nay tôi vẫn chưa bao giờ biết được nghệ thuật này, tuy rằng tôi sẽ không ngạc nhiên nếu ông Nicias hay Laches có thể đã học hay phát hiện ra nó; vì họ giàu có hơn tôi nhiều và vì thế có thể học được từ những người khác. Và họ cũng lớn tuổi hơn tôi, nên họ đã có nhiều thời gian học hơn tôi. Và tôi thực sự tin họ là những người có khả năng dạy dỗ một người; vì nếu họ không tự tin về tri thức của họ, hẳn họ đã không bao giờ nói một cách quyết đoán như vậy về những môn học nào có lợi hay có hại cho thanh niên. Tôi tin tưởng cả hai ông ấy; nhưng tôi không hiểu được tại sao hai ông ấy lại có ý kiến khác nhau. Vì vậy, ông Lysimachus, vì Laches đã đề nghị không để tôi đi cho tới khi tôi có câu trả lời, thì đến lượt tôi cũng nghiêm túc xin và khuyên ông hãy giữ hai ông Laches và Nicias lại và chất vấn hai ông ấy. Tôi xin ông nói với họ: Socrates nói rằng ông ấy không rành về việc này và không thể quyết định ai trong hai ông nói đúng. Còn hai ông, Laches và Nicias, hai ông mỗi người phải nói cho chúng tôi biết ai là nhà giáo dục tài giỏi nhất mà hai ông đã từng biết đến; và hai ông có đã tự mình phát minh ra môn học này hay là hai ông đã học được của người khác; và nếu đã học được của người khác, thì ai là thầy dạy của các ông và ai là những anh em đồng môn; và rồi nếu hai ông quá bận trong hoạt động chính trị mà không thể tự mình dạy chúng tôi được, thì chúng tôi sẽ đến với các ông thầy ấy, biếu quà làm lễ để họ chấp nhận chăm lo cho các gia đình chúng tôi, để không ai trở nên thua kém và làm hổ danh cha ông họ. Nhưng nếu bản thân các ông khám phá ra môn học này, thì các ông hãy cho chúng tôi thấy bằng chứng tài nghệ của các ông. Những người từng hèn kém nhưng nhờ sự chăm sóc của hai ông đã trở thành những con người tốt lành và cao quí, họ là những ai? Vì nếu đây là cố gắng đầu tiên của các

ông trong lãnh vực giáo dục, có nguy cơ là các ông đã thử nghiệm tài nghệ của mình không phải trên một tên nô lệ, nhưng trên chính các con của các ông hay của bạn bè các ông. Vậy xin các ông nói cho chúng tôi biết các ông có những phẩm chất gì hay không có những phẩm chất gì? Ông Lysimachus, hãy bảo họ nói cho chúng ta biết những điều ấy, đừng để họ bỏ về.

LYS: Tôi rất tán đồng các lời của Socrates, bạn tôi; còn hai ông, Nicias và Laches, hai ông phải quyết định có để chúng tôi hỏi các ông và các ông trả lời cho chúng tôi về các vấn đề này hay không. Chắc chắn Melesias và tôi sẽ rất vui được nghe các ông trả lời các câu mà Socrates hỏi, nếu các ông muốn: vì tôi lúc đầu đã nói chúng tôi đưa các ông đến để xin ý kiến các ông, vì chúng tôi nghĩ các ông đã từng chăm lo cho vấn đề này, đặc biệt vì các ông có những đứa con sắp sửa đến tuổi đi học. Vậy, nếu các ông không phản đối, các ông hãy chấp nhận để Socrates cùng thảo luận với các ông; hai ông và ông ấy sẽ hỏi và trả lời các câu hỏi: bởi vì, như ông ấy đã nói rất đúng, chúng ta đang bàn luận về mối lo lắng quan trọng nhất của chúng ta. Tôi hy vọng các ông sẵn lòng đáp ứng yêu cầu của chúng tôi.

NIC: Ông Lysimachus, bây giờ thì tôi thấy rõ ông chỉ quen biết cha của Socrates, mà không biết gì về Socrates cả: cùng lắm ông chỉ biết được ông ấy hồi còn bé và vào các dịp ông ấy theo cha đến dự các cuộc lễ hay các cuộc hội họp nào đó. Nhưng rõ ràng là ông không hề biết ông ấy từ khi ông ấy trở thành một người trưởng thành.

LYS: Sao anh lại nói thế, Nicias?

NIC: Hình như ông không biết rằng bất cứ ai có trí thông minh tương tự như Socrates đều dễ bị ông ấy lôi kéo vào tranh luận với ông ấy; và bất kể người ấy có thể bắt đầu bằng bất cứ đề tài nào, họ sẽ liên tục bị ông ấy xoay quanh đề tài ấy cho tới khi rốt cuộc người ấy phải nhận ra rằng mình phải giải thích về cuộc sống hiện tại và quá khứ của mình; và một khi họ đã mắc vào thế kẹt này rồi, thì Socrates sẽ không chịu buông tha họ cho tới khi đã hoàn toàn sàng sẩy họ. Bây giờ thì tôi đã quen với đường lối của ông ta rồi; và tôi biết chắc chắn ông ta sẽ làm điều này; tôi cũng biết chính mình

sẽ là người chịu thiệt; vì tôi rất rành về ông ta. Nhưng theo tôi nghĩ, bị Socrates chất vấn không phải là chuyện lạ hay không thú vị; thực ra, tôi biết rõ rằng ở đâu có Socrates, thì đề tài tranh luận sẽ mau chóng chuyển từ con chúng ta sang chính chúng ta; vì thế, như tôi nói, riêng tôi tôi rất sẵn sàng đối thoại với Socrates theo cách của ông ấy; nhưng tốt hơn ông nên hỏi ý kiến ông Laches xem sao đã.

LAC: Nicias, tôi chỉ có một, hay đúng hơn, hai cảm giác về các tranh luận. Với một số người, tôi là người yêu tranh luận, nhưng với một số khác, tôi lại là người ghét tranh luận; vì khi tôi nghe một ai bàn luận về nhân đức, hay về bất cứ loại khôn ngoan nào và người ấy thực sự xứng đáng với đề tài của họ, thì tôi vui sướng vô cùng; tôi đối chiếu người ấy với lời họ nói, và để ý tới sự hài hòa và tương ứng của chúng. Một người như thế tôi coi là một nhạc sĩ đích thực, nơi họ có giai điệu đẹp hơn giai điệu của đàn lia, hay bất cứ loại nhạc cụ nào; vì người ấy có nơi mình một giai điệu của lời nói và hành động được sắp xếp rất hài hòa, không phải theo kiểu Ionia, kiểu Phrygia, cũng không theo kiểu Lydia, nhưng theo kiểu Hi Lạp đích thực, đó là kiểu Doris, chứ không phải kiểu nào khác. Với một người như thế thì tôi là người yêu tranh luận và say mê như thể tôi uống từng lời của người ấy. Nhưng khi tôi nghe một người có cá tính ngược lại, thì tôi chán; và người ấy càng nói tôi càng ghét họ, như thể tôi là người ghét tranh luận. Còn về Socrates, tôi chưa từng biết gì về các lời ông nói, nhưng tôi đã từng có kinh nghiệm về các hành vi của ông; và các hành vi ấy chứng tỏ ông có những tình cảm tự do và cao thượng. Và nếu các lời ông phù hợp với hành động, thì tôi đồng ý với ông và sẽ sẵn lòng để một người như thế chất vấn và cũng không buồn vì được học với ông: vì tôi nhất trí với câu của Solon, "tôi hăm hở học nhiều điều cho tới già". Nhưng tôi phải thêm rằng chỉ những điều tốt mà thôi. Socrates phải sẵn sàng chứng tỏ ông là một người thầy giỏi, bằng không tôi sẽ là một đứa học trò dốt và không thích hợp: nhưng còn chuyện ông thầy trẻ hơn hay ít danh tiếng hơn, hay những chuyện đại loại như thế, thì đối với tôi không quan trọng. Vì vậy, Socrates, tôi xin ông lưu ý

rằng ông có thể dạy và bắt bẻ tôi tuỳ thích, và cũng có thể học nơi tôi điều gì tôi biết. Đó là ý kiến mà tôi đã có về ông kể từ thời chúng ta cùng phục vụ trong quân ngũ vào giai đoạn nguy hiểm và ông đã chứng tỏ sự dũng cảm của ông. Vì vậy, ông cứ nói bất cứ điều gì ông thích, đừng ngại sự khác biệt tuổi tác giữa chúng ta.

SOC: Như vậy tôi thấy cả hai ông đều không ngại tôi góp ý và cho lời khuyên.

LYS: Nhưng đây là chuyện của chúng tôi mà và tôi tin rằng ông cũng có cùng mối quan tâm với chúng tôi; vì tôi coi ông là một người trong chúng tôi. Vậy ông hãy thay tôi tìm hiểu từ Nicias và Laches những gì chúng tôi muốn biết, vì lợi ích của bọn trẻ và hãy nói chuyện cũng như cho họ lời khuyên: vì tôi đã già và trí nhớ kém; tôi không thể nhớ mình sẽ phải hỏi câu hỏi nào hay các câu trả lời nào; và nếu có ai cắt ngang là tôi không còn nhớ gì nữa. Vì vậy tôi xin các ông tự mình sắp xếp việc tranh luận mà tôi đã đề nghị; tôi và Melesias sẽ chỉ ngồi nghe rồi thực hiện các kết luận của các ông.

SOC: Nicias và Laches, chúng ta hãy đáp ứng yêu cầu của hai ông Lysimachus và Melesias. Sẽ không có hại gì nếu chúng ta tự đặt cho mình các câu hỏi đã được đề nghị cho chúng ta lúc đầu. Ai đã từng là thầy dạy cho chúng ta về môn học này và chúng ta đã làm cho ai trở nên tốt hơn? Nhưng cách tìm hiểu khác cũng đưa chúng ta đến cùng một điểm và sẽ giống như kiểu đi từ các nguyên tắc đệ nhất hơn. Vì nếu chúng ta biết rằng cộng thêm một cái gì vào một cái gì khác sẽ làm cho nó khá hơn và nếu chúng ta biết làm tính cộng, thì rõ ràng chúng ta phải biết làm thế nào để đạt được một cách tốt nhất và dễ nhất cái mà chúng ta khuyên dạy. Có lẽ các ông không hiểu ý tôi muốn nói. Vậy tôi xin cắt nghĩa đơn giản như thế này. Giả sử chúng ta biết rằng mắt có khả năng nhìn và thêm cái nhìn vào cho mắt thì mắt tốt hơn, và giả sử chúng ta có thể tạo cái nhìn cho mắt, thì rõ ràng chúng ta phải biết bản chất của thị giác, khi có ai hỏi làm thế nào có thể đạt được thị giác cách tốt nhất và dễ nhất; vì nếu chúng ta không biết thị giác là gì, cũng không biết thính giác là gì, thì chúng ta không thể là những cố vấn y khoa giỏi về mắt hay tai, hay về

cách tốt nhất để tạo thị giác và thính giác cho mắt và tai.

LAC: Rất đúng, Socrates.

SOC: Và, ông Laches, hai ông bạn già của chúng ta ngay lúc này đang mời chúng ta xét xem làm cách nào để dạy khả năng nhân đức cho các con cái họ, để tinh thần chúng được tốt hơn, đúng không?

LAC: Rất đúng.

SOC: Vậy phải chăng trước tiên chúng ta phải biết bản chất của nhân đức là gì, đúng không? Vì nếu chúng ta hoàn toàn không biết gì về nó, thì làm sao chúng ta có thể cố vấn cho bất cứ ai về cách tốt nhất để đạt được nó?

LAC: Tôi nghĩ chúng ta hoàn toàn không thể, Socrates.

SOC: Vậy, ông Laches, chúng ta có thể giả sử là chúng ta biết bản chất của nó là gì không?

LAC: Có.

SOC: Và cái chúng ta biết thì chắc chắn chúng ta có thể dạy được chứ?

LAC: Chắc chắn.

SOC: Ông bạn, tôi không muốn chúng ta tìm hiểu về toàn thể nhân đức, vì như thế là quá nhiều đối với chúng ta; trước hết chúng ta hãy xét xem chúng ta có đủ hiểu biết về một phần của nhân đức không; có lẽ đây là cách bắt đầu dễ hơn.

LAC Chúng ta cứ thử làm như ông nói, Socrates.

SOC: Vậy chúng ta sẽ chọn những phần nào của nhân đức? Không phải chúng ta sẽ chọn phần nhân đức mà việc sử dụng khí giới có thể dẫn đến không? Và phần ấy thường được gọi là lòng can đảm, đúng không?

LAC: Đúng, chắc chắn.

SOC: Vậy, Laches, giả sử trước hết chúng ta bắt đầu xác định bản chất của can đảm, rồi sau đó tìm hiểu làm cách nào các thanh niên có thể đạt được đức can đảm này, ở mức độ mà các môn học có thể giúp đạt tới. Vậy, ông thử nói tôi nghe can đảm là gì.

LAC: Socrates, thực ra có thể trả lời ngay lập tức: người can đảm là người ở lại vị trí của mình, không bỏ chạy, nhưng chiến đấu chống lại kẻ địch; điều này thì ông phải rất chắc chắn.

SOC: Hay lắm, Laches; nhưng tôi e rằng tôi chưa diễn tả ý của tôi một cách rõ ràng; vì vậy ông đã không trả lời đúng câu hỏi mà tôi muốn hỏi, nhưng đã trả lời một câu hỏi khác.

LAC: Ý ông muốn nói gì, Socrates?

SOC: Tôi sẽ cố cắt nghĩa cho ông; ông gọi người can đảm là người ở lại vị trí của mình và chiến đấu chống lại kẻ địch?

LAC: Chắc chắn phải gọi như thế.

SOC: Tôi cũng vậy; nhưng ông nói thế nào về một người khác vừa đánh vừa bay, chứ không ở lại tại một chỗ?

LAC: Bay à?

SOC: Đúng, như người ta kể rằng dân Scythia vừa bay vừa đuổi theo quân địch; và như Homer nói khi ông khen các con ngựa của Aeneas rằng chúng biết đuổi và bay nhanh hết nơi này đến nơi khác; và ông khen ngợi chính người hùng Aeneas là có hiểu biết về sợ hãi và trốn chạy, và gọi ông ấy là tác giả của sợ hãi và trốn chạy.

LAC: Đúng, về điểm này thì Homer có lý; vì ông đang nói đến các chiến xa, giống như ông nói về các quân kỵ binh người Scythia, họ có cách chiến đấu riêng của họ. Nhưng ở đây người Hi Lạp chiến đấu trong bộ áo giáp nặng, họ ở yên trong hàng ngũ của họ.

SOC: Nhưng, Laches, ông phải trừ ra trường hợp người Lacedaemonia ở Plataea, người ta kể rằng khi họ gặp các binh lính Ba Tư mang khiên nhẹ, họ đã không muốn ở lại chiến đấu, mà đã chạy trốn; nhưng khi hàng ngũ quân Ba Tư bị gãy, họ quay trở lại giống như quân kỵ binh và đã giành chiến thắng.

LAC: Đúng thế.

SOC: Đó là ý tôi muốn nói khi tôi bảo rằng tôi đã đặt câu hỏi sai và vì thế ông đã trả lời sai. Vì tôi muốn hỏi ông không chỉ về sự can đảm của lính mang áo giáp nặng, nhưng về sự can đảm của kỵ binh và mọi loại binh chủng khác; và không chỉ về những người can đảm ngoài chiến trường, nhưng cả về những người can đảm trước các nguy hiểm trên biển, trong dịch bệnh, trong cảnh nghèo khổ và cả trong chính trị; và không chỉ những người can đảm chống lại đau khổ hay sợ hãi, mà cả những người mạnh mẽ chống lại các ham muốn và khoái lạc, dù ở yên trong hàng ngũ hay quay sang kẻ địch. Có loại can đảm ấy, đúng không?

LAC: Chắc chắn là có.

SOC: Và tất cả những loại người này đều can đảm, nhưng một số can đảm trong khoái lạc, một số trong đau khổ; một số trong ham muốn, một số trong sợ hãi; và một số hèn nhát cũng trong các hoàn cảnh như thế, đúng không?

LAC: Rất đúng.

SOC: Như vậy là tôi đang hỏi về can đảm và hèn nhát nói chung. Và tôi sẽ bắt đầu với can đảm và hỏi một lần nữa, Có tính chất chung nào, giống nhau trong mọi hoàn cảnh và được gọi là can đảm không? Ông có hiểu câu hỏi của tôi không?

LAC: Không rõ lắm.

SOC: Ý tôi muốn nói là thế này: vì tôi có thể hỏi cái mà ta gọi là sự nhanh nhẹn là tính chất gì và được thấy khi chạy, chơi đàn lia, nói, học và trong nhiều hành động giống như thế, hay là cái mà chúng ta có trong gần như mọi hành động có liên quan đến tay, chân, miệng, tiếng nói, trí óc; - ông có thể áp dụng từ "nhanh nhẹn" cho tất cả chứ?

LAC: Rất đúng.

SOC: Và giả sử có ai hỏi tôi: Socrates, trong tất cả các cách sử dụng từ này, có tính chất nào chung mà ông gọi là sự nhanh nhẹn không? Tôi phải nói đó là cái làm được nhiều trong ít thời gian - cái đó tôi gọi là sự nhanh nhẹn trong chạy, nói và mọi loại hành động.

LAC: Ông nói rất đúng.

SOC: Bây giờ, ông Laches, ông hãy thử nói cho tôi biết, có tính chất nào chung được gọi là can đảm, và nó bao gồm mọi kiểu sử dụng từ này khi áp dụng cả cho sung sướng và đau khổ, và trong mọi trường hợp mà tôi vừa nhắc đến không?

LAC: Tôi phải nói rằng can đảm là một loại chịu đựng của linh hồn, nếu tôi muốn nói đến bản chất phổ quát thâm nhập tất cả.

SOC: Nhưng đó là cái chúng ta phải làm nếu chúng ta phải trả lời câu hỏi. Thế nhưng theo ý tôi, tôi không thể nói rằng mọi loại chịu đựng đều có thể gọi là can đảm. Lý do của tôi là: ông Laches, tôi chắc chắn rằng ông coi can đảm là một đức tính rất cao quí chứ?

LAC: Rất cao quí, chắc chắn rồi.

SOC: Và ông cho rằng sự chịu đựng khôn ngoan cũng là tốt và cao quí chứ?

LAC: Rất cao quí.

SOC: Nhưng ông nói sao về thứ chịu đựng ngu xuẩn? Có phải nó được coi là xấu và có hại không?

LAC: Đúng.

SOC: Và có cái gì cao quí mà là xấu và có hại không?

LAC Hẳn là không rồi, Socrates.

SOC: Nghĩa là ông không nhận rằng loại chịu đựng đó là can

đảm - vì nó không cao quí, trong khi can đảm thì cao quý?

LAC: Ông nói đúng.

SOC: Vậy theo ông, chỉ có sự chịu đựng khôn ngoan mới là can đảm?

LAC: Đúng.

SOC: Nhưng nói về tính từ "khôn ngoan", - khôn ngoan về cái gì? Trong mọi sự lớn cũng như nhỏ phải không? Ví dụ, nếu một người chịu đựng trong việc tiêu xài tiền bạc một cách khôn ngoan, vì biết rằng tiêu xài nó thì cuối cùng họ sẽ được nhiều hơn, ông có gọi đó là can đảm không?

LAC: Chắc chắn là không.

SOC: Hay chẳng hạn, nếu một người là thầy thuốc và con của người ấy, hay một bệnh nhân nào của người ấy bị viêm phổi và xin được ăn hay uống cái gì, và ông ta từ chối; đó có là can đảm không?

LAC: Không, đó hoàn toàn không phải là can đảm.

SOC: Còn nữa, lấy ví dụ một người chịu đựng trong chiến tranh và muốn chiến đấu, người ấy tính toán một cách khôn ngoan và biết rằng sẽ có những người khác giúp mình cũng như sẽ có ít người chống đối mình hơn những người ủng hộ mình; và giả sử người ấy cũng ở vị trí thuận lợi; - ông có cho rằng một người chịu đựng tất cả như thế với sự khôn ngoan và tính toán, hay một người trong quân địch ở vào hoàn cảnh ngược với hoàn cảnh của người ấy nhưng vẫn chịu đựng và ở lại vị trí của mình, ai là người can đảm hơn?

LAC: Tôi nghĩ hạng người thứ hai này can đảm hơn.

SOC: Nhưng chắc chắn đây là một sự chịu đựng ngu xuẩn so với sự chịu đựng của người thứ nhất, đúng không?

LAC: Đúng.

SOC: Và một người lao xuống một cái giếng, lặn dưới giếng và chịu đựng cảnh này hay các hành động tương tự, mà không biết lặn hay các hành động giống như thế, ông cho rằng người ấy can đảm hơn những người biết các kỹ năng này chứ?

LAC: Đương nhiên rồi, Socrates, người ta có thể nói khác sao được?

SOC: Không thể nói được gì khác, nếu đó là điều người ấy nghĩ.

LAC: Nhưng đó chính là điều tôi nghĩ.

SOC: Tuy nhiên, ông Laches, những người liều mạng và chịu đựng như thế chỉ là những người ngu xuẩn, nếu

sánh với những người cũng làm các hành động như thế nhưng có tài để làm các hành động ấy.

LAC: Đúng.

SOC: Nhưng trên kia chúng ta đã thấy sự liều lĩnh, và chịu đựng ngu xuẩn là điều xấu và có hại, đúng không?

LAC: Đúng.

SOC: Trong khi ấy, can đảm được nhìn nhận là đức tính cao quý.

LAC: Đúng.

SOC: Và bây giờ, ngược lại, chúng ta lại đang nói rằng sự chịu đựng ngu xuẩn chính là can đảm, trong khi trước đây chúng ta coi nó là thấp hèn.

LAC: Rất đúng.

SOC: Vậy nói như thế chúng ta có đúng không?

LAC: Thực ra, Socrates, tôi nghĩ chúng ta không đúng.

SOC: Vậy theo phát biểu của anh, anh và tôi, anh Laches, chúng ta không đi theo kiểu Doris, đó là ngôn hành hòa hợp; vì các hành động của chúng ta không hợp với lời nói của chúng ta. Bất cứ ai cũng nói rằng chúng ta can đảm khi họ thấy các hành động của chúng ta, nhưng họ sẽ không nói như thế khi họ nghe chúng ta nói về can đảm.

LAC: Rất đúng.

SOC: Vậy tình trạng này của chúng ta là thoả mãn chứ?

LAC: Hoàn toàn ngược lại.

SOC: Nhưng giả sử chúng ta chấp nhận nguyên tắc của chúng ta ở một mức độ nào đó.

LAC: Nguyên tắc gì? Và chúng ta phải chấp nhận gì?

SOC: Nguyên tắc chịu đựng. Chúng ta cũng hãy chịu đựng và kiên trì trong cuộc tìm kiếm của chúng ta, để rồi sự can đảm sẽ không chê cười chúng ta vì nhẹ dạ trong việc tìm hiểu về can đảm; dù sao can đảm rất có thể chính là chịu đựng.

LAC: Tôi sẵn sàng tiếp tục, Socrates; nhưng tôi không quen với lối tra cứu này. Nhưng tinh thần tranh luận đã được khơi dậy nơi tôi nhờ những gì đã nói; và tôi thực sự tiếc vì đã không có khả năng diễn đạt hết ý nghĩ của mình. Vì tôi nghĩ rằng mình biết bản chất của can đảm; nhưng bằng cách này hay cách khác nó đã vuột mất khỏi tôi và tôi không thể nắm giữ được cũng không thể diễn tả bản chất của nó.

SOC: Nhưng, ông bạn yêu quý, người ham thể thao sẽ chạy trên đường chạy, chứ không phải kẻ lười biếng, đúng không?

LAC: Chắc chắn rồi.

SOC: Vậy chúng ta có nên mời ông Nicias tham gia với chúng ta không? Có thể ông ấy giỏi thể thao hơn chúng ta. Ông nghĩ sao?

LAC: Tôi rất thích như vậy.

SOC: Vậy, ông Nicias, mời ông lại đây và làm bất cứ điều gì có thể để giúp các bạn ông, những người đang phải chật vật với cuộc tranh luận cũng như đang gần hụt hơi rồi: ông thấy chúng tôi đã đuối sức và có thể cứu chúng tôi và đưa ra ý kiến riêng của ông, nếu ông muốn nói cho chúng tôi biết ông nghĩ sao về lòng can đảm.

NIC: Tôi nghĩ ông và Laches không định nghĩa đúng can đảm là gì; vì ông đã quên một câu nói rất hay mà tôi đã được nghe từ chính miệng ông.

SOC: Câu gì vậy?

NIC: Tôi thường nghe ông nói rằng "Mọi người đều tốt trong những cái mà mình tỏ ra khôn ngoan và xấu trong những cái mà mình tỏ ra không khôn ngoan".

SOC: Rất đúng, Nicias.

NIC: Vậy nếu người can đảm là tốt, thì họ cũng khôn ngoan.

SOC: Ông Laches, ông có nghe ông ấy nói gì không?

LAC: Có, nhưng tôi không hiểu mấy.

SOC: Tôi nghĩ tôi hiểu ông ấy muốn nói gì; và theo tôi hiểu thì ông ấy muốn nói can đảm là khôn ngoan đấy.

LAC: Loại khôn ngoan nào, Socrates?

SOC: Câu hỏi này thì ông phải hỏi Nicias.

LAC: Đúng.

SOC: Vậy, ông Nicias, hãy nói cho ông bạn đây biết ông muốn nói đến thứ khôn ngoan nào? Vì chắc chắn ông không muốn nói đến thứ khôn ngoan của người chơi sáo chứ?

NIC: Chắc chắn là không.

SOC: Cũng không phải thứ khôn ngoan của người chơi đàn lia?

NIC: Cũng không.

SOC: Vậy là thứ khôn ngoan nào và của cái gì?

LAC: Tôi nghĩ ông đặt câu hỏi cho ông ấy rất hay, Socrates; và tôi muốn ông ấy nói cho chúng ta biết bản chất của sự hiểu biết hay khôn ngoan này.

NIC: Laches, tôi muốn nói rằng can đảm là hiểu biết về cái khơi dậy nỗi sợ hay sự tự tin trong chiến tranh, hay trong bất cứ hoàn cảnh nào.

LAC: Ông ấy nói lạ quá, phải không Socrates?

SOC: Sao ông lại nói thế?

LAC: Tại sao à? Vì hiển nhiên can đảm là một chuyện, khôn ngoan lại là một chuyện khác.

SOC: Nhưng đó lại chính là điều Nicias phủ nhận.

LAC Phải, ông ta phủ nhận vì sự ngu xuẩn của ông.

SOC: Vậy chúng ta phải soi sáng cho ông ấy, không nên chửi ông ấy.

NIC: Laches không muốn soi sáng cho tôi đâu, ông Socrates; nhưng vì chúng ta đã vạch ra cái vô lý trong những điều ông ấy nói, nên ông ấy cũng muốn chứng minh rằng tôi cũng sai lầm y hệt ông ấy.

LAC: Rất đúng, Nicias; và ông cũng đang nói điều vô nghĩa đấy, tôi sẽ chỉ cho ông thấy. Tôi xin hỏi ông câu này: Các thầy thuốc là những người biết các nguy cơ của bệnh tật chứ? Hay những người can đảm biết các nguy cơ ấy? Hay các thầy thuốc cũng là những người can đảm?

NIC: Hoàn toàn không phải.

LAC: Cũng không phải là những người nhà nông, họ biết các nguy cơ của nghề làm nông, hay các thợ thủ công trong các ngành nghề khác, họ có hiểu biết về những gì làm họ sợ hay tin tưởng trong ngành nghề của họ, nhưng hoàn toàn không phải vì thế mà họ là những người can đảm hơn.

SOC: Nicias, có vẻ như Laches cũng nói lên được điều gì đấy chứ?

NIC: Phải, ông ấy cũng nói lên được điều gì đó, nhưng là điều không đúng.

SOC: Sao vậy?

NIC: Dễ hiểu thôi, vì ông ấy không thấy rằng sự hiểu biết của thầy thuốc chỉ liên quan tới sức khỏe và bệnh tật: họ có thể nói cho người bệnh biết những cái đó, ngoài ra không còn gì khác. Laches, ông có nghĩ thầy thuốc biết rằng sức khỏe hay bệnh tật là điều dễ sợ hơn đối với một người không? Không phải là có nhiều người không bao giờ muốn ra khỏi giường bệnh sao? Tôi xin ông cho tôi biết ông có nghĩ sống luôn luôn là tốt hơn chết không? Có thể chết thường lại là tốt hơn sống, đúng không?

LAC: Đúng, chắc chắn tôi nghĩ thế.

NIC: Và ông có cũng nghĩ rằng cùng những điều như thế là đáng sợ đối với những người coi chết là tốt hơn và với những người coi sống là tốt hơn không?

LAC: Chắc chắn là không rồi.

NIC: Ông có cho rằng người thầy thuốc hay bất cứ nghệ sĩ nào biết điều này, hay bất cứ ai,

trừ người giỏi về các lý do của hi vọng và sợ hãi? Và người ấy tôi gọi là can đảm.

SOC: Ông có hiểu ý của ông ấy không, Laches?

LAC: Tôi hiểu; tôi cho rằng theo cách nói của ông ấy, các thầy bói là những người can đảm. Vì có ai khác ngoài các thầy bói có thể biết được ai thích chết hơn và ai thích sống hơn? Nhưng, ông bạn Nicias ơi, ông có cho rằng ông là một thầy bói, hay ông không là thầy bói mà cũng không là người can đảm?

NIC: Sao! Ông muốn nói các thầy bói phải biết nguyên do của hi vọng hay sợ hãi sao?

LAC: Đúng thế: vì ngoài họ thì còn ai khác?

NIC: Tôi sẽ phải nói đến người mà tôi muốn nói đến; vì người thầy bói chỉ phải biết về các dấu hiệu của những sự việc sắp xảy ra, chết hay bệnh tật, hay mất của, hay chiến thắng, hay thua trận, hay trong bất cứ loại tranh tài nào; nhưng những sự việc này xảy ra là tốt nhất cho ai thì không thể do người thầy bói hay người không phải thầy bói quyết định.

LAC: Ông Socrates ơi, tôi không thể hiểu nổi Nicias muốn nói tới cái gì; vì ông ấy mô tả người can đảm như không phải là thầy bói, không phải thầy thuốc, không phải bất cứ nhân vật nào, không lẽ ông ấy muốn bảo rằng người can đảm là một vị thần? Tôi nghĩ ông ấy không muốn thành thật thú nhận rằng ông ấy đang nói điều vô nghĩa, nhưng ông ấy đang muốn nói vòng vo tam quốc để che giấu khó khăn của mình. Giả như chúng ta đang tranh cãi trước một tòa án, thì có thể có lý để dùng thủ đoạn ấy; nhưng ở đây chúng ta đang nói chuyện giữa các bè bạn với nhau, cần gì phải dùng những lời vô nghĩa để che giấu cái dở của mình?

SOC: Laches, tôi đồng ý với ông, ông ấy không nên làm như thế. Nhưng có thể Nicias cũng đang nói nghiêm túc đấy, chứ không chỉ nói để mà nói đâu. Vậy chúng ta hãy xin ông ấy cắt nghĩa ý ông ấy muốn nói và nếu ông ấy có lý, chúng ta sẽ đồng ý; còn nếu không, chúng ta sẽ chỉ bảo ông.

LAC: Socrates, ông cứ làm như ông thích, hãy hỏi ông ấy, phần tôi nói như thế đã đủ rồi.

SOC: Tôi sẽ hỏi; và câu hỏi của tôi cũng có giá trị cho cả hai chúng ta.

LAC: Hay lắm.

SOC: Vậy, Nicias, ông hãy cho chúng tôi biết: Ông có muốn khẳng định rằng can đảm là sự hiểu biết về các lý do để hi vọng và sợ hãi không?

NIC: Tôi khẳng định điều đó.

SOC: Và nó là một sự hiểu biết rất đặc biệt, không phải của người thầy thuốc hay nhà tiên tri, những người này nếu không có thêm sự hiểu biết đặc biệt này thì vẫn không phải là người can đảm. Có phải ông muốn nói như thế không?

NIC: Đúng.

SOC: Vậy can đảm không phải là đức tính mà con lợn nào cũng có, cũng như tri thức không phải là đức tính mà con lợn nào cũng có, như câu tục ngữ vẫn nói?

NIC: Tôi nghĩ không phải.

SOC: Tất nhiên không phải, Nicias; cho dù đó là một con lợn khổng lồ như con lợn nái của Crommyon cũng không thể được ông gọi là can đảm. Tôi nói điều này không phải để cười, vì tôi nghĩ rằng ai đồng ý với lý thuyết của ông rằng, can đảm là hiểu biết về các lý do để sợ hãi và hi vọng, thì không thể nhận rằng một con thú là can đảm, trừ khi họ nhận rằng một con sư tử, con báo, hay con beo, hay bất cứ con thú nào khác, có một mức độ khôn ngoan mà chỉ có một số ít con người đạt đến và phải đạt đến một cách vất vả. Ai theo quan điểm của ông về sự can đảm đều phải khẳng định rằng một con sư tử, một con nai, một con bò mộng và một con khỉ, đều không có lý do nào để được gọi là can đảm.

LAC: Tuyệt! Socrates; thề có các thần, điểm chính là ở chỗ đó. Và Nicias, tôi hi vọng rằng ông sẽ nói cho chúng tôi biết những con vật này mà tất cả chúng ta coi là can đảm, chúng có thật khôn ngoan hơn loài người không; hay ông phải mạnh dạn theo ý kiến chung của mọi người mà nói rằng chúng không có sự can đảm.

NIC: Trời! Ông Laches, tôi đâu có gọi các con vật này hay bất cứ vật nào khác là can đảm, vì chúng không biết sợ nguy hiểm, vì chúng không biết nguy hiểm là gì, nhưng chúng chỉ là loài không biết sợ và không có tri giác. Ông có nghĩ rằng tôi phải gọi những đứa con nít là can đảm hay sao, chúng không sợ nguy hiểm chỉ vì chúng không biết gì về nguy hiểm? Tôi nghĩ có một sự khác biệt giữa không biết sợ và can đảm. Bây giờ tôi cho rằng sự can đảm có suy nghĩ là một đức tính mà

rất ít người có, nhưng sự liều lĩnh, táo bạo và không biết sợ thì không có suy nghĩ trước, nó là đức tính mà rất nhiều người có, đàn ông, đàn bà, trẻ em và nhiều loài vật nữa. Và các ông và loài người nói chung, dùng từ "can đảm" để gọi các hành động mà tôi gọi là liều lĩnh, còn các hành động mà tôi gọi là can đảm là các hành động khôn ngoan.

LAC: Ông thấy không, Socrates, ông ấy dùng các lời thật hay để tước mất vinh dự của những người mà cả thế giới vốn nhìn nhận là người can đảm.

NIC: Yên tâm đi, Laches; vì tôi vẫn sẵn sàng để nói về ông và cả Lasimachus và nhiều người Athens khác, rằng các ông là những người can đảm và vì thế là những người khôn ngoan.

LAC: Tôi có thể trả lời điều đó; nhưng tôi không muốn ông nhạo báng tôi là một người Aexon kiêu ngạo.

SOC: Ông không cần phải trả lời ông ấy, Laches, vì tôi nghĩ rằng ông đã không phát hiện ra nguồn gốc sự khôn ngoan của ông ấy; ông ấy đã nhận được từ ông bạn Damon của tôi và Damon thì luôn luôn ở với Prodicus, vốn là người giỏi nhất trong số các nhà Ngụy biện trong việc phân tích chi ly các từ theo kiểu này.

LAC: Đúng đấy, Socrates; và việc phân tích chi ly vấn đề như thế thì hợp với một nhà Ngụy biện hơn là với một chính khách lớn mà thành phố đã cử ra để cai trị nó.

SOC: Tuy nhiên, ông bạn quí, một chính khách lớn chính là một người có khối óc lớn. Và tôi nghĩ quan điểm của Nicias trong định nghĩa của ông ấy về can đảm rất đáng cho chúng ta xem xét kỹ.

LAC: Vậy ông cứ tự mình xem xét đi.

SOC: Chắc chắn tôi sẽ làm việc này, ông bạn quí ạ. Nhưng đừng tưởng rằng tôi sẽ để cho ông ở ngoài cuộc; vì tôi sẽ đòi ông dùng trí óc của mình và giúp tôi trong việc xem xét vấn đề này.

LAC: Nếu bắt buộc thì tôi cũng phải chịu thôi.

SOC: Được rồi; vậy ông Nicias, ông làm ơn bắt đầu lại. Ông còn nhớ lúc đầu chúng ta đã coi can đảm là một phần của nhân đức chứ?

NIC: Đúng thế.

SOC: Và chính ông cũng đã nói rằng đó là một phần, rằng có nhiều phần khác, tất cả gộp chung lại được gọi là nhân đức.

NIC: Chắc chắn.

SOC: Anh có đồng ý với tôi về các phần không? Vì tôi nói rằng công bằng, tiết độ và những đức tính tương tự, tất cả đều là các phần của nhân đức cũng giống như can đảm. Ông cũng nói thế chứ?

NIC: Chắc chắn.

SOC: Tốt, chúng ta đã đồng ý về những điểm đó. Bây giờ chúng ta hãy tiến thêm một bước, để xem chúng ta có đồng ý với nhau về cái đáng sợ và cái đáng hi vọng hay không. Tôi xin nói ra thiển ý của tôi về vấn đề này, có chỗ nào sai xin các ông sửa lại: theo thiển ý tôi, cái đáng sợ và cái đáng hi vọng là những cái tạo ra hay không tạo ra sợ hãi, và không phải sợ hãi về cái hiện tại hay quá khứ, mà là sợ hãi về cái xấu có thể xảy ra trong tương lai. Ông có đồng ý với tôi không, ông Laches?

LAC: Hoàn toàn đồng ý, Socrates.

SOC: Ông Nicias, đó là quan điểm của tôi; tôi cho rằng các điều đáng sợ là các điều xấu trong tương lai; và các điều đáng hi vọng là các điều tốt hay không xấu trong tương lai. Ông có đồng ý với tôi ở điểm này không?

NIC: Đồng ý.

SOC: Và biết được các điều này thì ông gọi là can đảm, phải không?

NIC: Chính xác.

SOC: Bây giờ để tôi xem thử ông có đồng ý với Laches và tôi về một điểm thứ ba nữa hay không nhé.

NIC: Điểm gì?

SOC: Tôi sẽ nói ngay bây giờ. Ông ấy và tôi quan niệm rằng không có một sự hiểu biết hay khoa học riêng về cái quá khứ, một cái riêng về hiện tại và một cái thứ ba về những gì sẽ xảy ra, và sẽ là tốt nhất trong tương lai; nhưng cả ba cái này chỉ làm thành một khoa học duy nhất: ví dụ, có một khoa học về thuốc liên quan tới việc kiểm tra sức khỏe giống nhau trong mọi thời, hiện tại, quá khứ và tương lai; và về nông nghiệp cũng thế, liên quan tới các sản phẩm từ đất mà ra. Và về thuật làm tướng, như chính ông sẽ làm chứng cho tôi, người làm tướng phải nghĩ về tương lai cũng như về hiện tại; và người ấy nghĩ rằng mình không thể là đầy tớ nhưng là chủ của người thầy bói, bởi vì người ấy biết rõ hơn điều gì đang xảy ra hay sắp xảy ra trong chiến tranh; và vì thế luật pháp đặt người thầy bói bên dưới

địa vị người làm tướng, chứ không phải người làm tướng ở dưới người thầy bói. Tôi nói có đúng không, ông Laches?

LAC: Rất đúng.

SOC: Còn ông Nicias, ông có nhìn nhận rằng cùng một khoa học thì có cùng một sự hiểu biết về cùng một việc, dù là tương lai, hiện tại, hay quá khứ không?

NIC: Đúng như vậy, Socrates; tôi nghĩ là thế.

SOC: Vậy, ông bạn, can đảm theo như ông nói là một sự hiểu biết về cái đáng sợ và cái đáng hy vọng, phải không?

NIC: Phải.

SOC: Và cái đáng sợ và cái đáng hi vọng, được nhìn nhận là cái tốt và cái xấu trong tương lai, đúng không?

NIC: Đúng.

SOC: Và cùng một khoa học xử lý cùng một việc giống nhau trong tương lai hay bất cứ thời nào?

NIC: Đúng.

SOC: Vậy can đảm không phải là khoa học liên quan đến cái đáng sợ và hi vọng, vì những điều này chỉ thuộc về tương lai mà thôi; còn can đảm, giống như các khoa học khác, không chỉ liên quan đến cái tốt hay cái xấu trong tương lai, nhưng cả cái tốt và cái xấu của hiện tại và quá khứ, cũng như mọi thời?

NIC: Tôi nghĩ đúng là thế.

SOC: Vậy, Nicias, câu trả lời mà ông đã đưa ra chỉ gồm một phần thứ ba của can đảm; nhưng câu hỏi của chúng tôi lại bao gồm toàn thể bản chất của can đảm: và theo quan điểm của ông, nghĩa là theo quan điểm bây giờ của ông, can đảm không chỉ là tri thức về cái đáng hi vọng và cái đáng sợ, mà có vẻ như còn liên quan đến mọi cái tốt và xấu mà không lệ thuộc vào thời gian nào. Ông có ý kiến gì về sự sửa đổi phát biểu này của ông?

NIC: Tôi đồng ý, Socrates.

SOC: Nhưng, ông bạn quý, giả như có một người biết mọi điều tốt và xấu và chúng đang thế nào, đã thế nào và sẽ xảy ra thế nào, liệu người ấy có phải là người hoàn hảo, không thiếu nhân đức nào, dù là công bằng, tiết độ, hay thánh thiện? Người ấy sẽ có mọi nhân đức ấy và sẽ biết cái gì là nguy hiểm, cái gì không và canh chừng dù chúng là siêu nhiên hay tự nhiên; và họ sẽ làm ra điều tốt, vì họ biết cách cư xử với các thần và loài người.

NIC: Socrates, tôi nghĩ những điều ông nói rất chí lý.

SOC: Nhưng, Nicias, theo định nghĩa mới của ông, can đảm không chỉ là một phần của nhân đức, mà sẽ là toàn thể nhân đức?

NIC: Tôi nghĩ đúng như thế.

SOC: Nhưng chúng ta vừa nói rằng can đảm chỉ là một phần của nhân đức thôi mà?

NIC: Đúng, chúng ta đã nói thế.

SOC: Như vậy là mâu thuẫn với quan điểm bây giờ của chúng ta?

NIC: Có vẻ là thế.

SOC: Vậy, Nicias, chúng ta đã không tìm ra được can đảm là gì.

NIC: Không.

LAC: Nhưng, ông bạn Nicias, tôi nghĩ hẳn là ông đã phải tìm ra được điều đó, bởi vì ông đã chế nhạo các câu trả lời tôi nói với Socrates. Tôi đã từng rất hi vọng rằng ông đã được soi sáng bởi sự khôn ngoan của Damon.

NIC: Ông Laches, tôi thấy ông chẳng nghĩ gì về sự ngu dốt của mình về bản chất của can đảm, mà chỉ tìm xem tôi có chứng tỏ mình cũng ngu dốt giống như ông hay không mà thôi; và nếu cả hai chúng ta đều cùng ngu dốt về những điều vô bổ thì không nói làm gì, vì sẽ không có hậu quả tai hại gì. Tôi thấy ông chẳng khác gì những con người tầm thường, chỉ biết dò xét người bên cạnh mà không nhìn vào bản thân mình. Tôi cho rằng chúng ta đã tranh luận đủ về đề tài này; và nếu có gì chúng ta đã nói còn khiếm khuyết, sau này chúng ta sẽ nhờ Damon và những người khác bổ khuyết cho; ông đã coi thường ông ấy vì ông chưa từng gặp ông ấy. Và khi tôi đã bằng lòng với chính mình, tôi cũng muốn chia sẻ sự bằng lòng của tôi cho ông, vì tôi nghĩ ông còn thiếu hiểu biết lắm.

LAC: Nicias, ông là một triết gia; điều đó thì tôi biết; nhưng tôi muốn khuyên hai ông Lysimachus và Melesias chớ có lấy ông và tôi làm cố vấn về vấn đề giáo dục trẻ em; nhưng như tôi đã nói lúc đầu, hai ông phải xin Socrates giúp; và nếu các con tôi lớn lên, chắc chắn tôi cũng phải xin ông ấy giúp.

NIC: Về điểm này thì tôi hoàn toàn đồng ý, nếu Socrates sẵn lòng dạy dỗ chúng. Tôi không muốn giao phó thằng bé Niceratus cho ai khác dạy dỗ ngoài ông ấy. Nhưng tôi thấy khi nhắc đến chuyện này thì ông ấy lại khuyên tôi đi tìm một gia

sư khác, còn chính ông thì từ chối. Có lẽ ông ấy sẽ chịu nghe lời ông hơn đấy, ông Lysimachus.

LAC: Ông ấy phải nghe tôi thôi, Nicias; vì chắc chắn tôi sẽ làm cho ông ấy những điều mà tôi thường không làm cho nhiều người khác. Đúng thế không, Socrates - ông chấp nhận chứ? Và ông có sẵn lòng giúp vào việc làm cho giới trẻ trở nên tốt hơn không?

SOC: Ông Lysimachus, thực tình tôi sẽ rất sai trái nếu tôi từ chối giúp một việc có thể cải thiện cuộc đời của bất cứ ai. Và nếu trong cuộc trò chuyện hôm nay tôi có chứng tỏ mình có những sự hiểu biết mà Nicias và Laches không có, thì tôi nhận rằng ông đã có lý khi mời tôi đến làm công việc này; nhưng vì tất cả chúng ta đều còn đang bối rối không biết tại sao lại phải chọn người này mà không chọn người kia, nên tôi nghĩ rằng không phải chọn ai cả; ở hoàn cảnh như thế này, tôi xin cho các ông một lời khuyên (chỉ giữa chúng ta thôi nhé). Các bạn, tôi cho rằng mỗi người chúng ta phải tìm ra ông thầy tốt nhất có thể tìm, trước hết cho bản thân chúng ta, rồi cho bọn trẻ, mà không sá gì đến tiền bạc hay bất cứ khó nhọc nào. Nhưng tôi khuyên rằng chúng ta không thể cứ sống mãi trong tình trạng như thế này. Và nếu có ai cười vì đến tuổi này chúng ta vẫn còn đi học, thì tôi xin trích lời của thi hào Homer rằng:

"Khiêm tốn không có lợi cho một người túng thiếu".

Vậy chúng ta hãy làm ngơ trước những lời xầm xì về chúng ta và hãy đi học giống như bọn trẻ.

LYS: Tôi rất thích đề nghị của ông, Socrates; và vì tôi là người già nhất, tôi cũng sẽ là người hăng hái nhất để đến trường với bọn trẻ. Tôi chỉ xin ông một ân huệ: hãy đến nhà tôi sáng sớm mai, chúng ta sẽ bàn tiếp về những vấn đề này. Tạm thời chúng ta kết thúc câu chuyện hôm nay.

SOC: Ông Lysimachus, sáng mai tôi sẽ đến theo đề nghị của ông, nếu Thần muốn.

PROTAGORAS, TÍNH ĐỒNG NHẤT CỦA ĐỨC HẠNH

GIỚI THIỆU

Giống như một số Đối Thoại khác của Plato, Protagoras được đặt vào miệng Socrates, người kể lại cuộc đối thoại giữa ông và nhà Ngụy Biện vĩ đại tại nhà của Callias - người đã tiếp xúc với các nhà Ngụy Biện nhiều hơn với bất cứ thành phần nào của thế giới và tại nhà ông cũng có mặt nhà thông thái Hippias và nhà ngữ pháp Prodicus, cũng như Alcibiades và Critias, cả hai ông này cũng nói mấy câu - trước sự hiện diện của một nhóm học trò xuất sắc của Protagoras và các nhân vật hàng đầu của Athens trong giới thân cận với Socrates. Đối thoại bắt đầu với một lời yêu cầu của Hippocrates xin Socrates giới thiệu anh với nhà Ngụy biện bậc thầy ấy. Anh đã đến nhà Socrates trước khi trời sáng để chứng tỏ nhiệt tình của mình. Socrates làm dịu sự phấn chấn của anh và khuyên anh tìm hiểu xem "Protagoras sẽ biến anh thành cái gì", trước khi đến làm học trò ông ấy.

Họ cùng nhau đến nhà Callias; và Socrates, sau khi giải thích mục đích chuyến viếng thăm Protagoras của họ, đã nêu câu hỏi "Ông sẽ làm cho Hippocrates trở thành cái gì?" Protagoras trả lời ông sẽ làm anh ta nên người tốt hơn và khôn ngoan hơn". "Nhưng nên tốt hơn về điểm gì?" - Socrates muốn có một câu trả lời chính xác hơn. Protagoras đáp, "Tôi sẽ dạy anh ta khôn ngoan trong các việc tư cũng như công; nói tóm lại tôi sẽ dạy anh ta khoa học hay tri thức về đời sống con người".

Socrates nhìn nhận đó là một nghề cao đẹp: nhưng ông nghi ngờ - hay đúng hơn, ông đã từng nghi ngờ, nếu Protagoras đã không đoan chắc như thế với ông - ông nghi ngờ liệu một tri thức như thế có thể dạy được không. Và nghi ngờ của ông có hai lý do: (1) Bởi vì

người Athens trong các đại hội của họ thường phân biệt những người có tài chuyên môn và những người không có tài, nhưng họ không nhìn nhận có sự phân biệt nào giữa nhà chính trị chuyên môn và không chuyên; (2) Bởi vì người khôn ngoan nhất và tốt nhất trong số các công dân Athens không dạy con cái họ nhân đức chính trị. Protagoras có thể giải thích điều bất thường này không?

Protagoras cắt nghĩa quan điểm của mình bằng một truyện ngụ ngôn, theo đó sau khi thần Prometheus đã ban cho loài người các nghề, thì Zeus gửi thần Hermes đến với họ, mang đến cho họ Công bằng và lòng Kính trọng. Không giống như các nghề, các nhân đức này không chỉ được ban cho một số ít mà thôi, nhưng mọi người phải được dự phần vào đó. Vì vậy dân Athens có lý khi phân biệt giữa người có tài chuyên môn và không chuyên trong các nghề, nhưng không có sự phân biệt giữa những người chuyên môn và không chuyên trong lãnh vực chính trị. (1) Vì mọi người đều có các nhân đức ở một mức nào đó và buộc phải nói rằng họ có các nhân đức ấy. Một người sẽ bị coi là điên khi tuyên bố mình có một nghề mà mình không biết; và họ cũng bị coi là điên khi họ không thực hành một nhân đức mà họ chưa có. (2) Và theo ý kiến người Athens, việc các nhân đức chính trị có thể dạy được và học được thì được chứng minh bởi sự kiện họ trừng phạt người làm điều xấu, nhằm mục đích phòng ngừa, tất nhiên - sự thưởng phạt đơn thuần chỉ dành cho loài vật, không dành cho loài người. (3) Một chứng minh khác về điều này là việc giáo dục giới trẻ, được bắt đầu ngay khi chúng biết nói và được tiếp tục thực hiện bởi nhà nước, khi chúng hết thời kỳ chịu sự kiểm soát của cha mẹ. (4) Và cũng không có sự mâu thuẫn trong việc các ông bố khôn ngoan và tốt lành lại có những đứa con ngu xuẩn và vô tích sự; vì (a) trước hết, trẻ con không chỉ học nơi cha chúng, nhưng nơi mọi công dân khác; và (b) đây cũng một phần là do thiên khiếu hay may rủi; con của nhà chính khách lớn không nhất thiết là những chính khách lớn, cũng như con của các nghệ sĩ lớn không nhất thiết là các nghệ sĩ lớn. (5) Sai lầm của Socrates nằm ở chỗ ông nghĩ rằng không có các thầy dạy, trong khi trên thực tế mọi người đều là các thầy dạy. Chỉ có một số ít, như Protagoras, là ông thầy khá hơn những người khác phần nào.

Socrates rất thích thú và hài lòng với giải thích này của Protagoras. Nhưng ông vẫn còn hoài nghi trong đầu. Protagoras đã nói về các nhân đức: chúng là nhiều, hay chỉ là một? Chúng là thành phần của một toàn thể, hay là các tên gọi khác nhau của cùng một điều? Protagoras trả lời rằng

chúng là các thành phần, giống như các phần của khuôn mặt, mỗi thứ có chức năng riêng và không phần nào giống phần nào. Sự nhìn nhận này phần nào được Socrates đồng ý một cách vội vã, nhưng bây giờ ông muốn xem xét lại kỹ hơn:

"Công bằng có công bằng không và thánh thiện có thánh thiện không? Và công bằng và thánh thiện có đối chọi nhau không?" - "Nếu vậy công bằng là không thánh thiện". Protagoras muốn nói rằng công bằng khác với thánh thiện, nhưng dưới một góc nhìn nào đó thì chúng gần như giống nhau. Tuy nhiên ông không thể dùng mưu mẹo này để lẩn tránh câu hỏi của Socrates, vì Socrates đã gài bẫy để buộc Protagoras nhìn nhận rằng mọi sự đều chỉ có duy nhất một cái đối nghịch mà thôi. Ví dụ, sự ngu xuẩn thì đối chọi với khôn ngoan; và ngu xuẩn cũng đối chọi với tiết độ; vì vậy tiết độ và khôn ngoan là giống nhau. Và thánh thiện cũng đã được nhìn nhận là gần như công bằng. Vì vậy, bây giờ tiết độ có thể so sánh với công bằng.

Protagoras bây giờ bắt đầu mất bình tĩnh vì các câu vặn vẹo của Socrates và biết rằng không lâu nữa mình sẽ bị lối biện chứng của Socrates bắt buộc mình phải nhìn nhận người tiết độ là người công bằng. Vì vậy ông tự vệ bằng thứ vũ khí ưa thích của ông: ông nói thao thao bất tuyệt về những chuyện không liên quan gì đến đề tài và chiến thuật này của ông đã được cử tọa vỗ tay tán thưởng.

Tới đây có một chút xả hơi, bằng một lời tuyên bố của Socrates rằng ông không thể nào theo nổi bài nói quá dài của Protagoras, vì vậy ông xin Protagoras nói vắn tắt hơn. Vì Protagoras không muốn chiều theo ý Socrates, ông này đứng dậy định bỏ về nhưng bị Callias giữ lại không cho về và cho rằng Socrates vô lý khi không cho Protagoras được tự do nói như ông ấy thích. Nhưng Alcibiades đáp lại rằng hai trường hợp không giống nhau. Vì Socrates nhìn nhận mình không có khả năng nói dài; còn Protagoras có dám nhìn nhận mình không thể nói ngắn được không?

Các ý kiến dung hòa trước tiên được đưa ra với vài lời của Critias, rồi của Prodicus với một thứ ngôn ngữ cân bằng và trau chuốt: và Hippias đề nghị có một trọng tài. Nhưng ai ở đây đủ tư cách để làm trọng tài? Socrates hỏi; cuối cùng ông đề nghị một thoả hiệp là Protagoras sẽ hỏi và ông sẽ trả lời. Và Protagoras miễn cưỡng chấp nhận thoả hiệp này.

Protagoras lấy luận đề của mình là một bài thơ của Simonides người Ceos, mà ông nhận thấy có chỗ mâu thuẫn trong đó. Lúc đầu nhà thơ nói,

"Con người khó có thể trở nên tốt thực sự",

thế rồi sau đó thi sĩ lại trách Pittacus vì đã nói rằng, "Thật khó là người tốt". Làm sao dung hòa hai câu này? Socrates, vốn rất thuộc bài thơ này, thoạt đầu tỏ ra bối rối và kêu Prodicus người Ceos giúp ông, vì Prodicus là người đồng hương với Simonides. Tuy nhiên ông chỉ giả vờ nhờ vậy thôi, thâm ý của ông là muốn tâng bốc anh ta rồi dồn anh ta vào chỗ vô lý. Trước hết ông phân biệt giữa "trở nên" với "là": trở nên tốt thì khó; là tốt thì dễ. Rồi ông cắt nghĩa từ khó bằng cách nói rằng theo thổ ngữ Ceos thì khó có nghĩa là "xấu". Prodicus tán đồng; nhưng khi Protagoras chịu khuất phục rồi, thì Socrates đẩy Prodicus ra rìa và nói rằng ông chỉ có ý thử tài ứng đối của đối thủ mà thôi. Rồi ông bắt đầu đưa ra một giải thích tinh vi hơn về cả bài thơ. Ông giải thích như sau: -

Dân Lacedaemonia là những nhà triết gia lỗi lạc (mặc dù sự thật này không mấy người biết); và cái hồn triết học của họ là sự vắn gọn, cũng là phong cách của thời cổ và của bảy nhà đại hiền triết. Pittacus đã có một câu nói thời danh: "Khó là người tốt:" Simonides ghen tị với danh tiếng của câu nói này, nên đã viết một bài thơ với mục đích đảo ngược nó. Ông nói: Không phải thế, Pittacus: không phải "khó là người tốt", nhưng "khó trở nên người tốt". Socrates bắt đầu lý luận rằng tất cả bài thơ này chỉ nhằm mục đích đả kích Pittacus. Giải thích này tuy rõ ràng là vô lý, nhưng được cử toạ chấp nhận và đặc biệt được sự tán đồng của Hippias và ông này cũng muốn đưa ra giải thích riêng của mình, nhưng bị Alcibiades yêu cầu để một dịp khác.

Tranh luận lại tiếp tục, với một vài nhận xét khinh thường của Socrates về thói quen đưa các thi sĩ và các cô gái thổi sáo vào các nơi tụ tập của thành phần quí phái trong xã hội. Callias và Socrates cũng có vài câu khen ngợi Protagoras để làm dịu bầu khí, rồi câu hỏi cũ lại được nêu lên, "Nhân đức là một hay là nhiều?". Bây giờ Protagoras sẵn sàng đáp rằng bốn trong số năm nhân đức thì phần nào giống nhau; nhưng nhân đức thứ năm, đức can đảm, thì hoàn toàn khác. Socrates bắt đầu tấn công thành trì cuối cùng của đối phương, trước hết bằng cách buộc ông này chấp nhận rằng mọi nhân đức đều là tốt ở mức cao nhất:

Người can đảm là người tự tin; và người tự tin là người biết rõ việc hay nghề của mình: những người không biết mà vẫn tự tin như thế thì là những người điên. Điều này được nhìn nhận. Rồi, Socrates nói, can đảm là tri thức - một kết luận mà Protagoras lẩn tránh bằng cách nói thao thao bất tuyệt về một phân biệt vô ích giữa người can đảm và người tự tin.

Socrates lại tấn công từ một phía khác: ông muốn biết khoái lạc có phải là điều tốt duy nhất và đau khổ là điều xấu duy nhất không. Protagoras có vẻ hoài nghi về tính đạo đức hay tính thích hợp của câu trả lời đồng ý cho câu hỏi này; vì vậy ông nói một cách dấm dớ rằng "một số khoái lạc là tốt và một số đau khổ là xấu", giống như ý kiến chung chung của mọi người. Ông nghĩ gì về tri thức? Ông có đồng ý với ý kiến chung chung của mọi người về điều này rằng tri thức bị chế ngự bởi đam mê không? Hay ông cho rằng tri thức là sức mạnh? Protagoras đồng ý rằng tri thức chắc chắn có sức mạnh điều khiển.

Tuy nhiên, đây không phải là lý thuyết của loài người nói chung, lý thuyết này cho rằng có nhiều người biết điều gì là tốt nhất nhưng dưới ảnh hưởng của khoái lạc họ lại hành động ngược lại điều họ biết. Các khoái lạc là xấu bởi vì chúng dẫn đến đau khổ và các đau khổ là tốt vì chúng dẫn đến khoái lạc. Vì vậy khoái lạc được coi là cái tốt duy nhất; và cái xấu duy nhất là thích cái khoái lạc nhỏ hơn cái khoái lạc lớn. Tiếp đến là ví dụ về sự ảo tưởng của khoảng cách. Một số nghệ thuật cần thiết để cho chúng ta thấy đúng tỉ lệ của khoái lạc và đau khổ. Nghệ thuật đo lường là một loại tri thức và tri thức một lần nữa được chứng minh là nguyên lý điều khiển đời sống con người; và sự ngu dốt là nguồn gốc mọi điều xấu: vì không ai thích cái khoái lạc nhỏ hơn cái khoái lạc lớn, hay thích cái đau khổ nhiều hơn cái đau khổ ít, trừ khi là vì ngu dốt. Mọi người nhìn nhận giá trị của kết luận này.

Sau đó Socrates áp dụng kết luận mới này vào trường hợp của đức can đảm - đức tính duy nhất vẫn còn đứng vững trước các tấn công của biện chứng pháp Socrates. Không ai chọn cái xấu hay từ chối cái tốt, trừ phi là vì ngu dốt. Điều này cắt nghĩa tại sao những kẻ hèn nhát từ chối ra chiến trường: - vì họ có một đánh giá sai về cái tốt, cái đáng trọng và cái sướng. Và tại sao người can đảm sẵn sàng ra chiến trường? - vì họ có một đánh giá đúng về cái sướng và cái khổ, về các chuyện dễ sợ và không dễ sợ. Vì vậy can đảm là tri thức và hèn nhát là ngu dốt. Và năm nhân đức, lúc đầu được cho là có năm bản chất khác nhau, nhưng rồi dễ dàng được giản lược thành hai và cuối cùng chỉ còn một. Rất khó mới thuyết phục được Protagoras đồng ý về điểm cuối cùng này.

Socrates kết luận bằng việc tuyên bố lòng yêu mến vô vị lợi của ông đối với sự thật và nêu nhận xét về cách thức độc đáo mà ông cũng như đối thủ của ông đã thay đổi lập trường. Ban đầu Protagoras khẳng định rằng nhân đức có thể dạy được và Socrates

thì phủ nhận, còn bây giờ Socrates lại khẳng định rằng nhân đức là tri thức, nghĩa là điều có thể dạy được hơn mọi điều gì khác. Trong khi Protagoras tìm cách chứng minh rằng nhân đức không phải là tri thức và như thế gần như đồng nghĩa với nói rằng nhân đức không thể dạy được. Socrates muốn tìm hiểu lại vấn đề cùng với Protagoras và muốn đặt lại vấn đề theo một thứ tự khác, bằng cách hỏi (1) Nhân đức là gì? và (2) Nhân đức có thể dạy được hay không? Protagoras từ chối đề nghị này, nhưng khen ngợi sự nghiêm túc và cách tranh luận của Socrates.

Người ta thường cho rằng Đối thoại Protagoras chứa đầy những điểm khó giải quyết. Các điểm này một phần là tưởng tượng và một phần có thật. Các điểm tưởng tượng là: (1) Về thời gian - thời cổ đã được Athenaeus nêu lên và được Sehleiermacher và các tác giả khác lưu ý, liên quan đến chuyện không thể nào có một cuộc gặp gỡ của tất cả các nhân vật trong Đối thoại, dù là vào năm 425 tr. C.N., hay bất cứ thời gian nào. Nhưng, giống như các nhà văn hư cấu khác và cũng được thấy trong các Đối thoại khác của Plato (*Bữa Tiệc* và *Nền Cộng hòa*), Plato không quan tâm nhiều đến tính xác thực lịch sử của câu chuyện ông viết ra. (2) Vị trí của Đối thoại Protagoras này giữa các Đối thoại khác và năm viết, cũng bị tranh cãi nhiều. Nhưng không có tiêu chuẩn nào cung cấp đủ cơ sở để xác định chính xác năm viết tác phẩm này. (3) Còn một loại khó khăn khác, liên quan đến các thành kiến của các nhà bình luận, họ cho rằng Protagoras luôn luôn sai và Socrates luôn luôn đúng; hay trong đoạn này hay đoạn khác - ví dụ khi cắt nghĩa cái tốt là khoái lạc - Plato không nhất quán với chính mình; hay Đối thoại này thiếu sự thống nhất và không có "phần mở, phần thân và phần kết". Có vẻ như những người nêu lên những vấn nạn này quên rằng Plato là một nhà văn ấn tượng, ông ném tư tưởng mình vào cả hai phe tranh luận và chắc chắn không có mục đích tìm một sự thống nhất đi ngược lại sự tự do trong việc triển khai đề tài của mình; cách tiết lộ sự thật của ông cũng dùng đến các điểm sáng và tối, các quan điểm trái nghịch nhau, chứ không phải bằng các phát biểu giáo điều hay các kết luận cố định.

Các khó khăn có thực phát xuất từ sự tinh vi cao độ của tác phẩm này, một tác phẩm nghệ thuật hoàn hảo nhất, theo như lời Socrates nói về bài thơ của Simonides. Có các điểm tương phản đầy ấn tượng và các mối quan tâm sâu sắc, các sợi chỉ triết học đứt đoạn rồi được tái lập, các suy tư châm biếm về loài người, các tấm màn che đậy sự thật được gợi ra một cách nhẹ nhàng, tất cả đan chằng với nhau trong một kịch bản

duy nhất và dẫn tới một kết cục duy nhất.

Trong cảnh dẫn nhập, Plato nêu lên sự mong đợi rằng một "vĩ nhân" sắp xuất hiện trên sân khấu (có lẽ nhằm mục đích xa hơn là cho thấy bậc vĩ nhân này sẽ bị lật đổ bởi một nhân vật khác còn vĩ đại hơn, nhưng không khoa trương). Trước khi đưa Hippocrates tới gặp vĩ nhân ấy, Socrates nghĩ nên cảnh giác chàng thanh niên này về mối nguy chịu "ảnh hưởng", về bản chất ghen tị của Protagoras. Hippocrates sẵn sàng đón nhận lời khuyên của Socrates rằng mình sẽ chỉ học từ Protagoras những gì xứng hợp với một nhà quí tộc Athens, còn cứ mặc kệ "sự ngụy biện" của ông ấy. Tuy nhiên không có gì trong phần dẫn nhập cho thấy Plato có ý bôi đen tính cách của các nhà Ngụy biện; ông chỉ đùa cợt họ đôi chút.

"Vĩ nhân" này phần nào có tính khoa trương, nhưng thẳng thắn và thành thật. Ông được giới thiệu trên một sân khấu xứng đáng với ông - tư gia của ông Callias giàu có, tại đây đang có mặt những nhân vật quí phái và khôn ngoan nhất của Athens. Ông coi sự cởi mở là phương sách tốt nhất và đặc biệt nhắc đến cách thức phóng khoáng của ông trong đối xử với các đệ tử, như thể để trả lời cho các lời cáo buộc các nhà Ngụy biện về việc họ nhận tiền thù lao. Ông tỏ ra có phong cách rất bình tĩnh trong suốt cuộc đối thoại, kể cả trong những cách vặn vẹo nhiều khi rất tinh vi của Socrates. Mặc dù một hai lần mất bình tĩnh và không muốn tiếp tục thảo luận, ông đã ra về trong tình cảm thân thiện hoàn toàn và có vẻ như ông là "người ít ghen tuông nhất trên thế giới", đúng như lời ông nói về chính mình.

Cũng không có gì trong các tình cảm của Protagoras làm tổn hại đến ấn tượng thú vị này về ông già đạo mạo và trịnh trọng. Khuyết điểm thực sự của ông là ông thua kém Socrates về tài biện chứng. Sự đối chọi của ông với Socrates không phải là giữa tốt và xấu, đúng và sai, nhưng là sự đối chọi giữa thuật tu từ cũ và khoa học mới về hỏi đáp và lý luận; và cũng là sự đối chọi giữa phương pháp châm biếm (= giả vờ) của Socrates và sự tự mãn của các nhà Ngụy biện. Có sự thật nơi phía Protagoras cũng bằng nơi phía Socrates; nhưng sự thật của Protagoras dựa trên nhận thức thông thường và quan niệm phổ biến về đạo đức, trong khi sự thật của Socrates có tính nghịch lý và siêu nghiệm, tuy rất giàu ý nghĩa nhưng nó lại khó hiểu đối với đa số loài người.

Ví dụ: (1) một trong những phát biểu đẹp nhất thời cổ về bản chất phòng ngừa của hình phạt được đặt nơi miệng Protagoras; (2) ông rõ ràng cũng đúng khi cho rằng nhân đức có thể dạy được (mà bản thân Socrates vào cuối Đối thoại, cũng

sẵn sàng nhìn nhận); và cũng (3) trong lời giải thích của ông về hiện tượng có các ông bố tốt nhưng có những đứa con hư; (4) ông cũng đúng khi nhận xét rằng các nhân đức không giống như các nghề, các thiên khiếu hay các thành đạt của các cá nhân đặc biệt, mà là của chung cho mọi người: điều này vốn là điểm mạnh và điểm yếu của đạo đức học cũng như chính trị trong mọi thời đại, nó đặc biệt ăn rễ sâu trong bản tính con người; (5) có một kiểu nửa sự thật trong khái niệm rằng mọi con người văn minh đều là những thầy dạy nhân đức; và (6) cần nhận ra ám dụ về tôn giáo trong đó các nghề được coi là được ban cho bởi thần lửa Prometheus (đánh cắp các nghề của thần), trong khi công bằng, lòng tôn kính và các nhân đức chính trị chỉ có thể được ban cho bởi thần Zeus. Cũng cần nhận ra là (7) trong phần sau của Đối thoại, khi Socrates lý luận rằng "khoái lạc là điều tốt duy nhất", thì Protagoras thấy chủ trương rằng "chỉ có một số khoái lạc là tốt" thì phù hợp với tính cách của ông hơn.

Không có lý do gì để giả sử rằng trong tất cả Đối thoại này, Plato đang mô tả một Protagoras giả tưởng; dù sao, ông đang trình bày cho chúng ta thấy lời giảng dạy của các nhà Ngụy biện dưới khía cạnh ôn hòa hơn theo như trước kia ông đã từng quan niệm về các nhà triết học này. Cũng không có lý do gì để nghi ngờ rằng Socrates được trình bày ở đây cũng là một nhân vật lịch sử, đầy tính nghịch lý, châm biếm, khó chịu, nhưng đi tìm sự thống nhất giữa nhân đức và tri thức như một bảo vật; ông thậm chí cũng muốn đặt nền tảng cho sự thống nhất này trên một sự tính toán về khoái lạc và cũng như ở mọi nơi khác trong các tác phẩm của Plato, làm nổi bật sự trội vượt tri thức không thể kháng cự của ông.

Mục tiêu của Socrates và của cả Đối thoại này là chứng tỏ sự duy nhất của nhân đức. Trong việc xác định vấn đề này, ta thấy có sự đồng hóa giữa nhân đức và tri thức. Nhưng nếu tri thức và nhân đức là một, thì nhân đức có thể dạy được; phần kết của Đối thoại lại quay trở về phần đầu. Giả như Plato đã để cho Protagoras diễn tả sự phân biệt theo kiểu Aristotle rằng nhân đức không phải là tri thức, nhưng có tri thức đi kèm; hay vạch ra giống như Aristotle rằng cùng một tính chất có thể có nhiều cái đối chọi với nó; hay theo kiểu của Plato trong Phaedo phủ nhận rằng cái tốt chỉ là một sự đánh đổi một khoái lạc lớn hơn lấy một khoái lạc nhỏ hơn - thì hẳn là sự thống nhất của nhân đức và sự đồng hóa nhân đức với tri thức có thể phải đòi hỏi được chứng minh bằng các lý luận khác.

Chiến thắng của Socrates trên Protagoras được hoàn tất khi các

tư tưởng của họ được đem lại khá gần nhau. Protagoras bị gục trước Socrates chỉ sau hai hay ba đòn. Socrates đạt được một phần mục tiêu của ông ở phần một và hoàn toàn ở phần hai. Ông cũng không tỏ ra chịu lép vế chút nào khi bị Protagoras đặt ra các câu hỏi. Ông thành công trong việc làm cho hai "bạn" ông là Prodicus và Hippias trở thành trò cười trong cuộc tranh luận; ông cũng nói một bài dài bênh vực bài thơ của Simonides, theo kiểu các nhà Ngụy biện và bằng cách này, theo như lời Alcibiades nói, ông chỉ giả vờ có trí nhớ kém mà thôi.

Vì không có toàn thể bài thơ của Simonides trước mắt, chúng ta không thể nào trả lời một cách chắc chắn câu hỏi của Protagoras, để thấy hai đoạn thơ của Simonides có thể dung hòa như thế nào. Chúng ta chỉ có theo những chỉ dẫn mà Plato cung cấp. Nhưng có vẻ sự dung hòa của Socrates chỉ là một hình thức châm biếm phương pháp bình luận mà các nhà Ngụy biện vẫn thực hành. Vì thế đoạn văn kỳ lạ này có thể được coi như lời châm biếm của Plato về nghệ thuật bình luận quá tỉ mỉ và tẻ nhạt vốn thịnh hành vào thời đó và có thể được sánh với việc ông kết án cùng những nghệ thuật ấy khi áp dụng vào thần thoại trong Phaedrus và với các bài biếm văn khác, ví dụ, với bài đàm luận thứ hai của Phaedrus và với Menexenus. Một ít nét châm biếm nhẹ hơn cũng có trong đó, ví dụ, tuyên bố về nền triết học cao của người Lacedaemonia, là một bài biếm văn về các lời Protagoras đề cao các thi sĩ. Toàn bài đối thoại này cũng có thể được coi như là một biếm văn về những người rêu rao những lý thuyết lớn mà thực chất chẳng có gì.

Chúng ta còn phải xét đến vấn đề về vị trí của Đối thoại Protagoras giữa các Đối thoại khác của Plato. Đây là một trong các tác phẩm thời kỳ đầu hay thuần túy Socrates của Plato - có lẽ là tác phẩm sau cùng trong số này, vì chắc chắn nó là tác phẩm lớn nhất; điều này được thấy ở việc tác phẩm này không có một chỗ ám chỉ nào về học thuyết về sự nhớ lại; và có lẽ cũng vì thái độ của nó đối với các giáo huấn và con người trong các nhà Ngụy biện khác với thái độ trong các tác phẩm Đối thoại thời sau của Plato. Các đối thoại Charmides, Laches, Lysis, tất cả đều bàn về vấn đề tương quan giữa tri thức và nhân đức, vì thế có thể coi là có liên quan mật thiết với nó. Đối thoại Ion và Hippias chứa các tranh luận về các Thi sĩ, cho chúng ta những nét tương tự với phê bình châm biếm về các vần thơ của Simonides và được quan niệm trong cùng một giọng điệu như thế. Sự giống nhau giữa Protagoras và Meno thì không được chắc chắn bằng. Vì ở đó, mặc dù đề tài tranh luận là giống nhau, "nhân đức có

thể dạy được không" và mối quan hệ của Meno với các nhà Ngụy biện cũng rất giống với quan hệ của Hippocrates, nhưng câu trả lời lại được đưa ra từ học thuyết về các ý niệm; Socrates thật đã bắt đầu chuyển dần thành một Socrates-Plato. Đến giai đoạn sau này của triết học Plato, chúng ta sẽ thấy cả cái nghịch lý lẫn giải đáp cho nó hình như đã bị rút lại. Phaedo, Gorgias và Philebus cung cấp thêm các hiệu đính xa hơn cho các lời dạy của Protagoras; trong tất cả các Đối thoại này, học thuyết rằng nhân đức là khoái lạc, hay nhân đức là điều tốt chủ yếu hay duy nhất, đã bị từ bỏ một cách rõ ràng.

Như vậy, sau nhiều chuẩn bị và đối kháng, cả về các nhân vật lẫn các khía cạnh của sự thật, đặc biệt khía cạnh bình dân và triết học; và sau nhiều sự đứt đoạn và lẩn tránh dọc đường, mà như Theodorus nói trong Theaetetus, là những điểm cũng thú vị như tranh luận, chúng ta đi đến luận đề lớn của Socrates rằng nhân đức là tri thức. Đây là một khía cạnh của sự thật bị mất hầu như ngay khi nó được phát hiện; nhưng mỗi người phải tìm lại nó cho mình để có thể vượt qua được những giới hạn của triết học bình dân và tập tục. Không thể coi nó như thể chỉ là một giai đoạn thoáng qua của lịch sử tư tưởng loài người, nhưng như một bước đầu cho việc hòa giải giữa các yếu tố đạo đức và tri thức của bản tính loài người.

PROTAGORAS, TÍNH ĐỒNG NHẤT CỦA ĐỨC HẠNH

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Socrates (SOC) *Người kể lại cuộc đối thoại cho Bạn ông.*
- Bạn (BN) *Bạn của Socrates*
- Callias *Một người Athens giàu có*
- Hippocrates
- Critias
- Alcibiades
- Hippias *Nhà Ngụy Biện*
- Protagoras *Nhà Ngụy Biện*
- Prodicus *Nhà Ngụy Biện*

Cảnh: Nhà của Callias.

BN Socrates, ông đi đâu về vậy? Nhưng tôi chẳng cần hỏi, vì tôi biết ông đang theo đuổi chàng trai Alcibiades trẻ đẹp. Tôi gặp anh ta hôm kia; và anh ta để râu như người lớn - nói thật với ông, anh ta đã là người lớn rồi. Nhưng tôi nghĩ anh ta vẫn còn rất hấp dẫn.

SOC: Anh ta để râu thì đã sao? Anh không nghe Homer nói *"Tuổi trẻ hấp dẫn nhất khi râu bắt đầu mọc lún phún"* sao? Bây giờ chính là lúc Alcibiades cho thấy sức hấp dẫn của anh ta đấy.

BN Hay lắm. Nhưng chuyện diễn tiến thế nào? Ông đã đến thăm anh ta và anh ta đã cư xử đẹp với ông chứ?

SOC: Đúng, tôi nghĩ anh ta cư xử rất đẹp; đặc biệt hôm nay, vì tôi mới vừa đến thăm anh ta và anh ta đã giúp tôi trong một cuộc tranh luận. Nhưng tôi có nên kể cho anh nghe một điều kỳ lạ không? Mặc dù anh ta có mặt ở đó, nhưng tôi không hề để ý tới anh ta và nhiều lúc tôi không nghĩ gì tới anh ta.

BN Ý của ông là gì? Có chuyện gì giữa ông và anh ta sao? Vì chắc chắn ông không thể tìm được một tình yêu nào đẹp hơn anh ta; chắc chắn không có ở Athens này.

SOC: Có đấy, mà còn đẹp hơn nhiều.

BN Ông muốn nói một công dân hay một người nước ngoài?

SOC: Nước ngoài.

BN Nước nào?

SOC: Abdera.

BN Ông có chắc người nước ngoài này đẹp hơn con trai của Cleinias?

SOC: Không phải người khôn ngoan hơn thì luôn luôn là một người bạn đẹp hơn và ngọt ngào hơn sao?

BN Có thật ông đã gặp được một người khôn ngoan thực sự sao?

SOC: Thật vậy, mà còn là người khôn ngoan nhất giữa những người đang sống, nếu anh muốn đồng ý với tôi rằng Protagoras xứng đáng với danh hiệu ấy.

BN Cái gì? Ông nói Protagoras đang ở Athens sao?

SOC: Đúng, ông ta đã đến đây hai ngày rồi.

BN Và ông đã đến nói chuyện với ông ấy?

SOC: Đúng; tôi đã nghe và nói rất nhiều chuyện.

BN Vậy nếu ông không bận gì, chúng ta có thể ngồi xuống đây và ông kể cho tôi điều gì đã xảy ra, và người hầu của tôi sẽ nhường chỗ cho ông.

SOC: Chắc chắn là được; tôi sẽ rất biết ơn anh nếu anh chịu lắng nghe tôi.

BN Chúng tôi cũng cảm ơn ông vì kể cho chúng tôi.

SOC: Hai bên cùng phải cảm ơn nhau. Vậy anh hãy nghe này:

Đêm qua, hay đúng hơn sáng sớm hôm nay, Hippocrates, con trai của Apollodorus và là anh trai của Phason, đã lấy cây gậy đập thình thịch vào cửa nhà tôi; có người ra mở cửa và anh ta chạy xồng xộc vào và la lên: Socrates, ông thức hay ngủ?

Tôi nhận ra tiếng anh ta và đáp: Hippocrates, anh đấy à? Có tin gì mới sao?

Tin vui, anh nói; hoàn toàn vui.

Hay quá, tôi nói; nhưng tin gì? Tại sao anh đến vào cái giờ chết tiệt này?

Anh ta lại gần tôi và nói: Protagoras đến đây rồi.

Đúng, tôi nói; ông ấy đến hai hôm nay rồi: anh mới chỉ nghe tin ông ấy đến thôi sao?

Phải, thật mà, anh ấy nói; tôi mới nghe tin tối hôm qua.

Đồng thời anh ấy men đến gần chiếc giường đẩy và ngồi bệt xuống

dưới chân tôi, rồi nói: Tôi nghe tin tối hôm qua, khi tôi trở về từ Oenoe lúc tôi đi tìm tên nô lệ Satyrus bỏ trốn - lẽ ra tôi đã kể chuyện này cho ông nếu một chuyện khác đã không xảy ra; - khi tôi trở về, ăn tối xong và sửa soạn đi ngủ, thì em trai tôi bảo tôi: Protagoras đã đến. Thế là tôi định đến gặp ông ngay, nhưng đêm đã quá khuya. Sau khi ngủ được một giấc thoải mái, tôi dậy và đến thẳng đây.

Tôi vốn biết rất rõ tính điên khùng lì lợm của con người này, nên tôi nói: Có chuyện gì? Protagoras đã cướp mất của anh cái gì sao?

Anh cười đáp: Đúng thế, Socrates, sự khôn ngoan mà ông ta giữ lấy cho riêng mình.

Nhưng, tôi nói, nếu anh cho ông ta tiền, chắc chắn ông ta sẽ làm cho anh cũng khôn ngoan như ông ta.

Trời ơi, anh đáp, ông tưởng thế thật sao? Ông ta có thể lấy mất tất cả những gì tôi có và tất cả những gì bạn bè của tôi có, nếu ông ta muốn. Và đó là lý do tại sao tôi phải đến gặp ông, để ông nói với ông ta hộ tôi; vì tôi còn trẻ và tôi cũng chưa bao giờ được gặp hay nghe ông ta nói; (khi ông ta đến thăm Athens lần trước, tôi mới chỉ là một đứa bé;) và ai ai cũng khen ngợi ông ấy như là nhà hùng biện hoàn hảo nhất. Không có lý do gì để chúng ta không đến gặp ông ta ngay và rồi chúng ta sẽ thấy ông ta ở nhà. Tôi nghe nói ông ta ở với Callias con trai Hipponicus. Chúng ta đi nào.

Tôi đáp: Chưa vội, anh bạn quí; trời còn sớm quá. Nhưng chúng ta hãy đi một vòng sân chờ cho trời sáng và khi trời đã sáng, chúng ta sẽ đi; vì Protagoras thường ở nhà, chắc chắn chúng ta sẽ gặp ông ấy; đừng sợ.

Nói thế rồi, chúng tôi đứng dậy và đi bộ quanh sân và tôi nghĩ sẽ thử xem quyết tâm của anh ta mạnh đến đâu. Thế là tôi dò xét anh ta và hỏi anh ta một số câu hỏi. Tôi nói, Hippocrates, anh hãy cho tôi biết, vì anh đang đến gặp Protagoras và sẽ tặng ông ta tiền, vậy anh hãy cho tôi biết người mà anh đến gặp là gì và người ấy sẽ làm gì cho anh? Giả sử anh đến gặp Hippocrates người thuộc dòng họ thầy thuốc Asclepiad và đang định cho ông ta tiền, thì có người nói với anh: Hippocrates, vì cái gì mà anh tặng tiền cho người mang cùng tên Hippocrates với anh? Anh sẽ trả lời thế nào?

Anh đáp, tôi sẽ nói tôi tặng tiền cho ông ta vì ông ta là một thầy thuốc.

Và ông ta sẽ làm cho anh thành cái gì?

Một thầy thuốc, anh nói.

Và nếu anh đến gặp Polycleitus người Argive, hay Pheidias người

Athens và có ý cho họ tiền và có người hỏi anh: anh cho Polycleitus và Pheidias tiền vì cái gì? Anh sẽ trả lời thế nào?

Tôi sẽ trả lời, vì họ là những thợ tạc tượng.

Và họ sẽ làm cho anh thành cái gì?

Một thợ tạc tượng, tất nhiên.

Được, tôi nói, bây giờ anh và tôi đang đến gặp Protagoras và chúng ta đã sẵn sàng tặng ông ta tiền vì anh. Nếu chúng ta có đủ tiền và chúng ta có thể thuyết phục được ông ta bằng tiền, chúng ta sẽ rất vui; nhưng nếu không đủ tiền, chúng ta cũng phải nhờ đến tiền của các bạn anh nữa. Vậy giả sử trong khi chúng ta đang phấn khởi như thế, có người đến nói với chúng ta: Socrates và Hippocrates, hãy cho chúng tôi biết, vì cái gì mà các anh cho Protagoras tiền? Chúng ta phải trả lời họ thế nào? Tôi biết rằng Pheidias là một thợ tạc tượng và Homer là một thi sĩ; nhưng phải gọi Protagoras là gì? Phải cho ông ta danh hiệu gì?

Người ta gọi ông ta là nhà Ngụy biện, anh đáp.

Vậy là chúng ta phải cho ông ta tiền vì ông ta là một nhà Ngụy biện?

Chắc chắn rồi.

Nhưng giả sử có người hỏi thêm câu hỏi này: vậy còn các anh? Protagoras sẽ làm các anh thành cái gì?

Hơi đỏ mặt, anh trả lời: Trừ khi có gì khác biệt đôi chút với các trường hợp trước, tôi nghĩ ông ta sẽ làm tôi thành một nhà Ngụy biện.

Và, tôi nói, anh có cảm thấy xấu hổ khi phải xuất hiện trước công chúng Hy Lạp trong tư cách một nhà Ngụy biện không?

Thực ra, ông Socrates, tôi phải thú nhận rằng mình sẽ cảm thấy xấu hổ.

Nhưng Hippocrates, tại sao anh cho rằng những giáo huấn của Protagoras lại thuộc loại này? Và tại sao anh không học của ông ta giống như anh học các nghệ thuật ngữ pháp, hay âm nhạc, hay huấn luyện thể dục, không phải nhằm coi nó như một nghề kiếm tiền, nhưng chỉ coi nó như một phần của nền giáo dục, và bởi vì một người quý tộc và tự do cần phải biết các kiến thức ấy?

Đúng thế, anh nói; và theo tôi nghĩ, những giáo huấn của Protagoras còn đúng hơn thế nữa.

Tôi nói, tôi không biết anh có thực sự biết mình đang làm gì hay không.

Vậy tôi đang làm gì nào?

Anh đang quyết tâm trao hiến linh hồn anh cho sự chăm sóc của một người mà anh gọi là nhà Ngụy biện. Thế nhưng tôi không thực sự nghĩ anh biết một nhà Ngụy biện là gì; và nếu không biết, thì anh

cũng không biết là mình đang giao phó linh hồn mình cho điều tốt hay điều xấu.

Chắc chắn là tôi biết rõ, anh đáp.

Vậy anh hãy cho tôi biết, anh nghĩ nhà Ngụy biện là gì?

Tôi nghĩ họ là người khôn ngoan và có hiểu biết, anh đáp, đúng theo tên gọi của họ.

Và, tôi nói, anh cũng có thể khẳng định như thế về nhà họa sĩ hay người thợ mộc; không phải họ cũng khôn ngoan và hiểu biết sao? Nhưng giả sử có người hỏi chúng ta: Các họa sĩ khôn ngoan ở điểm nào? Chúng ta phải trả lời: Trong những gì liên quan tới việc làm ra các cái giống như thật và trong tất cả mọi vật. Và nếu người ta hỏi thêm: Khôn ngoan của nhà Ngụy biện là gì và họ tạo ra sản phẩm gì, thì chúng ta phải trả lời ra sao?

Chúng ta phải trả lời thế nào ư, Socrates? Còn có câu trả lời nào khác nếu không phải là họ thực sự hành nghề làm cho người ta thành hùng biện.

Đúng, tôi đáp, rất có thể đúng như thế, nhưng không đủ; vì có một câu hỏi khác nữa liên quan: nhà Ngụy biện làm cho người ta thành hùng biện về chuyện gì? Người nhạc sĩ đàn lia có thể được coi là làm cho người ta hùng biện về cái mà họ làm cho người ta hiểu, đó là về việc chơi đàn lia. Có đúng không?

Đúng.

Vậy nhà Ngụy biện làm người ta hùng biện về điểm gì? Không phải làm người ta hùng biện về cái mà họ hiểu sao?

Đúng, có thể nghĩ là như thế.

Vậy Nhà ngụy biện biết cái gì và làm cho học trò của họ biết cái gì?

Thú thật, anh nói, tôi không biết.

Vậy tôi bắt đầu nói như sau: Được, nhưng anh có ý thức nguy cơ anh đang rơi vào không? Nếu anh đang định giao phó thân thể anh cho một người và có nguy cơ sẽ nhận được điều tốt hay chịu điều hại từ người ấy, liệu anh có sẽ cẩn thận suy xét và hỏi ý kiến các bạn bè, người thân và cân nhắc một thời gian để xem mình có nên trao thân cho người ấy hay không? Nhưng khi vấn đề là linh hồn, cái mà anh cho là còn cao quí gấp bội thân xác và hạnh phúc hay đau khổ của cả cuộc đời anh lệ thuộc vào nó, - vậy mà về chuyện này anh không bao giờ bàn bạc với cha anh, hay anh em anh, hay bất cứ ai trong chúng tôi là bạn bè của anh. Vậy mà vừa khi người nước ngoài này xuất hiện, anh đã vội vàng trao phó linh hồn anh cho ông ta chăm sóc. Như anh nói, ngay buổi tối khi nghe tin ông ta tới, thì buổi sáng anh đến gặp ông ta mà không suy xét gì trước, hay tham khảo ý kiến của bất kỳ ai xem liệu anh có nên trao gửi cuộc đời mình cho ông ta hay không; -

anh đã quyết định sẽ trở thành học trò của Protagoras và sẵn sàng tiêu hao mọi tài sản của mình và của bạn bè để thực hiện quyết tâm ấy với bất cứ giá nào, mặc dù, như anh nhìn nhận, anh không biết ông ta và cũng chưa từng nói chuyện với ông ta: anh gọi ông ta là nhà Ngụy biện, nhưng rõ ràng anh không biết rõ một nhà Ngụy biện là gì; thế mà anh đã sẵn sàng trao thân gửi phận cho ông ta.

Khi nghe tôi nói thế, anh đáp, ông Socrates, tôi nghĩ đây là kết luận tôi phải rút ra từ các lời lẽ của ông.

Tôi nói tiếp, anh Hippocrates, có phải nhà Ngụy biện là người chuyên buôn bán thức ăn cho linh hồn không? Tôi nghĩ đúng là hạng người như thế.

Vậy, thức ăn linh hồn là gì, ông Socrates?

Chắc chắn tri thức là thức ăn linh hồn, tôi đáp; và anh bạn yêu quý, chắc chắn chúng ta phải cảnh giác đừng để mình bị đánh lừa bởi nhà Ngụy biện khi họ ca tụng sản phẩm họ bán ra, giống như những người buôn bán thức ăn cho thân xác; vì họ ca ngợi bất kể loại hàng hóa nào của họ, mà không biết rằng chúng có lợi hay có hại: và các khách hàng cũng không hề biết gì cả, trừ trường hợp khách hàng đó là một người huấn luyện hay thầy thuốc linh hồn. Cũng thế, những kẻ đi rao bán các mặt hàng tri thức và đi bán rong khắp thành phố, và bán cho bất cứ khách hàng nào muốn mua, họ cũng rao hàng giống như thế; và, anh bạn yêu quý, tôi không ngạc nhiên khi nhiều người trong số họ chẳng biết mô tê gì về ảnh hưởng của chúng đối với linh hồn, trừ khi người mua nó là một thầy thuốc linh hồn. Vậy, nếu anh hiểu biết điều gì là tốt và điều gì là xấu, thì anh có thể yên tâm mà mua tri thức của Protagoras hay bất cứ ai; bằng không, anh bạn ạ, tôi khuyên anh hãy suy nghĩ và đừng liều mình đặt cược những lợi ích cao quí nhất của mình vào một trò chơi may rủi. Vì mua mặt hàng tri thức thì nguy hiểm gấp bội so với mua các mặt hàng thịt hay rượu: những mặt hàng vật chất này sau khi mua anh bỏ vào các thùng chứa khác và trước khi sử dụng chúng làm lương thực cho thân xác, anh có thể giữ nó tại nhà và mời một người bạn có kinh nghiệm nào đến xem xét cho anh, vì họ biết thứ nào ăn hay uống vào là tốt hay hại cho cơ thể và dùng bao nhiêu, khi nào; vì thế mua các thứ ấy không có nguy hiểm bao nhiêu. Nhưng khi anh mua các mặt hàng tri thức, anh không thể bỏ nó vào trong các thùng chứa khác; chúng đã được bán cho anh và anh phải đưa nó vào linh hồn mình, rồi đi và chấp nhận cái lợi hay cái hại của bài học ấy, vì vậy chúng ta phải cẩn thận trong vấn đề này và hỏi ý

kiến các bậc cao niên; vì chúng ta còn trẻ - quá trẻ để phân định đúng vấn đề này. Bây giờ chúng ta đi nghe Protagoras theo như dự tính; và sau khi đã nghe Protagoras nói điều ông ta muốn nói, chúng ta có thể hỏi ý kiến những người khác; vì ở nhà của Callias không chỉ có Protagoras, mà còn có Hippias ở Elis và nếu tôi không lầm, còn có Prodicus ở Ceos và một số người khôn ngoan khác nữa.

Chúng tôi đồng ý như thế và lên đường cho tới khi chúng tôi đến tiền sảnh của ngôi nhà; ở đó chúng tôi dừng lại để kết thúc một đề tài đang tranh luận dở dang lúc đi đường; và chúng tôi đã đứng nói chuyện ở tiền sảnh cho tới khi đã đạt được sự nhất trí. Và tôi nghĩ rằng người giữ cửa, một thái giám và có vẻ chán ngán với cảnh có quá nhiều nhà Ngụy biện đến thăm, hẳn anh ta đã nghe được câu chuyện của chúng ta. Dù sao, khi chúng tôi gõ cửa, anh ta mở và trông thấy chúng tôi, anh ta làu bàu: Các tay Ngụy biện - ông ấy không có nhà; rồi lập tức dùng cả hai tay xô rầm cửa lại. Chúng tôi lại gõ một lần nữa và anh ta đáp từ bên trong mà không mở: Quý vị không nghe tôi nói ông ta không có nhà sao? Nhưng, tôi nói, anh bạn ơi, chúng tôi không phải các nhà Ngụy biện và chúng tôi cũng không đến để gặp Callias; đừng sợ, chúng tôi chỉ muốn đến gặp Protagoras; và tôi nhất định phải yêu cầu anh báo cho ông ấy. Sau một lúc chần chờ, cuối cùng người giữ cửa đã chịu mở cửa cho chúng tôi.

Vào trong, chúng tôi thấy Protagoras đang đi bách bộ ngoài hành lang và đi cạnh ông một bên là Callias, con trai Hipponicus và Paralus, con trai Pericles, là anh em cùng mẹ khác cha với ông và Charmides, con trai Glaucon. Bên kia là Xanthippus, một người con trai khác của Pericles và Philippides con trai Philomelus; còn có Antimoerus ở Mende, một học trò xuất sắc nhất của Protagoras, cũng là người đang có ý định trở thành nhà Ngụy biện. Rất đông người muốn theo ông, trong số đó đa số là người nước ngoài, thường đi theo Protagoras đến các thành phố mà ông đến. Giống như Orpheus, Protagoras được nhiều người theo nhờ sức thu hút trong tiếng nói của ông. Tôi cũng phải kể đến một số người Athens trong số đồ đệ của ông. Không gì làm tôi thích thú bằng các bước đi chính xác của họ, họ không bao giờ đi vướng chân ông; nhưng mỗi khi ông và những người đi cạnh ông quay lại, thì những người nghe ông chia thành hai nhóm ở hai bên ông; ông luôn luôn đi trước và họ đi vòng theo ông với một trật tự hoàn hảo.

Sau ông, như lời Homer, "Tôi ngước mắt lên và thấy" Hippias người Elea đang ngồi trên một ghế

lớn phía đối diện hành lang, chung quanh là những ghế băng trên đó có Eryximachus, con trai Acumenus và Phaedrus người Myrrhinus và Andron con trai Androtion và những người nước ngoài ông đã đem theo với mình từ thành phố Elis quê hương ông và một ít người khác: hình như họ đang hỏi Hippias một số câu hỏi về vật lý và thiên văn, và với kho kiến thức chuyên môn của mình ông trả lời các câu hỏi của họ và thảo luận với họ.

Tôi cũng thấy có Prodicus người Ceos, vì anh ta đang có mặt ở Athens; anh được dành cho một căn phòng mà vào thời Hipponicus nó từng là một kho chứa đồ; nhưng vì nhà đã chật, nên Callias đã thu dọn nhà kho này và biến nó thành một phòng khách. Lúc ấy Prodicus còn đang ngủ, mình còn quấn ra giường và một chiếc mền lông cừu dày cộm lên thành một đống; và ngồi trên các ghế băng cạnh giường anh còn có Pausanias người xứ Cerameis, cùng với một chàng trai rất đẹp, có dáng hiền lành và có thể xếp vào hạng hoa khôi được. Hình như anh ta tên là Agathon và tôi nghĩ anh ta là người yêu của Pausanias. Ngoài chàng thanh niên này, còn có hai người Adeimantus, một là con trai của Cepis, người kia là con trai của Leucolophides và còn một số người khác. Tôi rất muốn nghe xem Prodicus nói gì, vì tôi đoán chừng anh ta phải là người khôn ngoan phi thường; nhưng tôi không thể nào đi vào gần chỗ họ và giọng nói của anh ta vang dội khắp phòng khiến tôi không thể nào nghe rõ từng lời.

Chúng tôi vừa vào thì thấy phía sau chúng tôi có người đẹp Alcibiades, theo như lời anh mô tả và tôi tin lời anh; rồi cũng có Critias con trai Callaeschrus.

Khi vào, chúng tôi dừng lại một lát để quan sát chung quanh, rồi bước thẳng đến gần Protagoras và tôi nói. Ông Protagoras, Hippocrates bạn tôi và tôi đến thăm ông.

Các anh muốn nói chuyện riêng với tôi, hay có mặt những người khác? Ông nói.

Tùy ý ông, tôi đáp; ông sẽ quyết định sau khi nghe chúng tôi nói về mục đích chuyến viếng thăm của chúng tôi.

Là gì? Ông hỏi.

Tôi nói. Tôi phải giải thích trước với ông rằng Hippocrates bạn tôi là người Athens chính gốc; anh là con trai Apollodorus và thuộc một gia tộc lớn; có gia thế; riêng anh cũng rất lỗi lạc về các khả năng tự nhiên so với các thanh niên cùng tuổi anh. Tôi nghĩ anh ấy muốn trở nên trội vượt về chính trị; và anh ấy nghĩ rằng được ông chỉ giáo cho sẽ làm anh đạt được ước nguyện ấy; vậy bây giờ tùy ông xét xem ông muốn nói về vấn đề này riêng với anh ta hay có mặt những người khác.

Cảm ơn, Socrates, vì đã trân trọng tôi. Vì chắc chắn một người nước ngoài đến các thành phố lớn và thuyết phục những bông hoa tuổi trẻ ở đó để họ từ bỏ những người quen biết và bà con thân thuộc, để đến sống với người ấy với hy vọng được thăng tiến nhờ trò chuyện với người ấy, thì hẳn phải tỏ ra rất thận trọng; vì có thể sẽ xảy ra những đố kỵ, những mối thù ghét và những âm mưu tai hại. Tôi cho rằng thuật Ngụy biện đã có nguồn gốc từ rất xưa; nhưng vào thời ấy các giáo sư môn này vì sợ sự thù hằn đố kỵ nên thường che giấu nhân thân mình dưới nhiều danh hiệu khác nhau, người thì xưng là thi sĩ, như Homer, Hesiod và Simonides, người khác như là các tiên tri hay tư tế, như Orpheus và Thi Thần và một số khác nữa thậm chí xưng mình là các thầy dạy thể dục, như Iccus người Tarentum, hay nổi tiếng gần đây hơn như Herodicus, bây giờ thuộc sứ Selymbria còn trước kia là người Megara và là một nhà Ngụy biện số một. Bản thân Agathocles của các ông cũng tự xưng là một nhạc sĩ, nhưng thực ra là một nhà Ngụy biện lỗi lạc; cũng có Pythocleides người xứ Ceos; và còn nhiều người khác nữa và như tôi đã nói, tất cả đều che giấu thân thế mình dưới các nghệ thuật ấy vì sợ sự ghen ghét của quần chúng. Nhưng tôi thì khác, vì tôi không tin rằng họ có thể đạt được mục đích của họ, đó là lừa gạt chính quyền, vì chính quyền gồm những người không dễ bị họ bịt mắt; còn về dân chúng, họ không có hiểu biết gì và chỉ lặp lại cho những người cai trị họ điều gì họ thích kể lại mà thôi. Vậy chạy trốn và bị bắt lúc chạy trốn, là tột đỉnh của sự điên khùng và cũng làm tăng sự thất vọng của loài người; vì loài người coi những kẻ chạy trốn như là hạng đểu cáng và đủ thứ điều xấu xa khác nữa; và vì vậy tôi theo một đường lối hoàn toàn ngược lại, đó là tự nhận mình là một nhà Ngụy biện và là thầy dạy loài người; sự nhìn nhận công khai này theo tôi là một sự thận trọng tốt hơn là che giấu. Tôi cũng không quên những sự thận trọng khác và vì vậy tôi hi vọng rằng nhờ ơn trời sẽ không có tai hại gì xảy ra với việc tôi tự nhận mình là nhà Ngụy biện. Và tôi cũng đã ở trong nghề nhiều năm - cộng tất cả lại là rất nhiều - và không ai trong số những người có mặt ở đây mà tôi không thể coi mình là người cha của họ. Vì vậy tôi thích nói chuyện với các ông trước mặt mọi người, nếu ông không phản đối.

Vì tôi nghĩ ông ta cũng có ý muốn khoe tài trước mặt Prodicus và Hippias nữa, và rất muốn giới thiệu chúng tôi với họ giữa những người ngưỡng mộ ông, nên tôi nói: Chúng ta có nên mời Prodicus và Hippias và các bạn của họ đến nghe chúng ta không?

Tốt lắm, ông nói.

Callias nói, chúng ta có thể coi như đang có một hội đồng và ông ngồi chủ toạ thảo luận không? Mọi người nhất trí và ai nấy hết sức háo hức được nghe các người khôn ngoan nói chuyện; mọi người chúng tôi lấy ra các ghế dựa và ghế dài xếp bên cạnh Hippias, chỗ đã có các chiếc ghế dài khác rồi. Đồng thời Callias và Alcibiades đi đánh thức Prodicus dậy và đưa anh ta cùng các bạn vào.

Khi mọi người đã an tọa, Protagoras nói: Ông Socrates, bây giờ mọi người đã vào chỗ ngồi, ông hãy cho tôi biết về chàng trai trẻ mà ông vừa giới thiệu.

Tôi đáp: Ông Protagoras, tôi sẽ bắt đầu nói lại điều tôi đã nói và nhắc lại cho ông một lần nữa về mục đích chúng tôi đến đây; đây là anh bạn Hippocrates của tôi, anh muốn được làm quen với ông; anh muốn biết anh ta sẽ ra thế nào nếu được ông đón nhận. Tôi chỉ muốn nói có thế.

Protagoras trả lời: Anh bạn trẻ, nếu anh làm quen với tôi, ngay ngày đầu tiên anh sẽ ra về tốt hơn hẳn lúc anh mới đến và ngày thứ hai sẽ tốt hơn ngày đầu, và mỗi ngày sau sẽ tốt hơn ngày trước.

Nghe thấy vậy, tôi nói: Protagoras, tôi hoàn toàn không ngạc nhiên khi nghe ông nói điều này; ngay cả ở tuổi của ông và với tất cả sự khôn ngoan của ông, nếu có bất cứ ai dạy ông điều gì mà trước đó ông chưa biết, chắc chắn ông sẽ trở nên tốt hơn: nhưng xin ông trả lời một cách khác; tôi sẽ cắt nghĩa cách khác này bằng một ví dụ. Giả sử Hippocrates, thay vì muốn kết thân với ông, anh ta muốn làm quen với chàng thanh niên Zeuxippus ở Heraclea, người cũng vừa đến Athens và giả sử anh ta đến với chàng thanh niên ấy giống như đã đến với ông và muốn nghe người ấy nói, giống như nghe ông nói rằng anh ta sẽ mỗi ngày một trở nên tốt hơn; và giả sử anh ta hỏi người ấy, "Anh ta sẽ trở nên tốt hơn về điểm nào, anh ta sẽ phát triển về điểm gì?" Zeuxippus sẽ trả lời, "Về hội hoạ". Và giả sử anh ta đến với Orthagoras người Thebes và nghe ông này nói cũng giống y như thế, anh ta sẽ hỏi, "Anh ta sẽ càng ngày càng trở nên tốt hơn ở điểm gì?". Ông ấy sẽ trả lời, "Về thổi sáo". Vậy tôi muốn ông cũng hãy trả lời theo cách ấy cho chàng thanh niên này và cho tôi, là người đang thay anh ta nêu câu hỏi cho ông. Khi ông nói ngày đầu tiên anh ta làm quen với ông, anh ta sẽ về nhà và trở thành một con người tốt hơn và mỗi ngày sẽ trở nên tốt hơn ngày hôm trước - vậy ông Protagoras, anh ta sẽ nên tốt hơn ở điểm gì? Và về điều gì?

Khi nghe tôi nói thế, Protagoras đáp: Ông hỏi câu rất hay và tôi thích trả lời một câu hỏi hay như

thế. Nếu Hippocrates đến với tôi, anh ta sẽ không chịu cảnh các nhà Ngụy biện thường sỉ nhục các học trò họ; các học trò này sau khi tránh được các môn học của họ, họ lại phải lôi trở về với các môn học ấy bởi các ông thầy này, họ bắt các học trò ấy học số học, thiên văn, hình học và âm nhạc (vừa nói điều này ông vừa nhìn Hippias); nhưng nếu anh ta đến với tôi, anh ta sẽ học điều anh ta muốn học. Và đây là sự khôn ngoan trong các việc công cũng như tư; anh ta sẽ học để xếp đặt việc nhà của anh một cách tốt nhất và anh ta sẽ có khả năng tốt nhất để nói cũng như hành động trong các lãnh vực công cộng của nhà nước.

Không biết tôi có hiểu đúng hay không, tôi nói; có phải ý ông muốn nói ông dạy nghệ thuật chính trị và ông hứa sẽ làm họ thành các công dân tốt không?

Đúng thế, ông Socrates, đó chính là nghề của tôi.

Vậy, tôi nói, đích thực là ông có một nghề cao quí, nếu không có sai lầm gì về điều này; vì tôi sẽ thẳng thắn thú nhận với ông rằng tôi nghi ngờ không chắc nghệ thuật này có thể dạy được không, nhưng tôi không biết cách nào để bác bỏ lời khẳng định của ông. Và tôi phải nói với ông tại sao tôi nghĩ rằng nghệ thuật này không thể dạy được hay truyền đạt bởi một người cho một người. Tôi nói rằng người Athens là những con người có hiểu biết và họ thực sự được mọi người Hy Lạp khác nhìn nhận như thế. Vậy tôi thấy rằng khi chúng tôi gặp nhau trong một đại hội và vấn đề bàn luận liên quan tới việc xây dựng, thì các thợ xây được mời đến làm cố vấn; khi vấn đề là đóng tàu, thì có các thợ đóng tàu; và các ngành nghệ thuật khác mà họ nghĩ là có thể dạy và học được. Và nếu có ai đó đề nghị cống hiến lời khuyên cho họ nhưng không được họ cho là có chuyên môn trong nghề ấy, thì mặc dù người ấy trông xinh xắn, giàu có và quyền quí, họ cũng không nghe người ấy, mà chỉ cười nhạo, la ó cho đến khi người ấy phải tự rút lui; còn nếu người ấy cố chấp, thì họ sẽ cho sai nha lôi đến trước quan phủ. Đây là cách họ xử trí về các ngành nghề có người dạy. Nhưng khi vấn đề là về việc nước, thì mọi người đều được tự do bày tỏ ý kiến của mình - thợ mộc, thợ thiếc, thợ giày, thuỷ thủ, hành khách; người giàu và nghèo, sang và hèn - bất cứ ai muốn lên tiếng đều không bị ai chê mắng như trong các trường hợp trên kia, rằng họ là những người không học, không có thầy dạy, mà lại cho ý kiến; rõ ràng là vì người ta có cảm giác rằng loại tri thức này không thể dạy được. Và điều này không chỉ đúng với nhà nước, nhưng cũng đúng với các cá nhân; người công dân tốt nhất và khôn ngoan nhất trong chúng

ta cũng không thể dạy sự khôn ngoan chính trị của mình cho người khác. Lấy ví dụ Pericles, cha của các thanh niên này, người đã cung cấp cho chúng mọi phương tiện tốt nhất để học được tất cả những môn học nào có thầy dạy, nhưng về lãnh vực chính trị của chính ông thì ông không dạy được chúng điều gì; ông cũng không thể kiếm thầy dạy cho chúng, nhưng để chúng được tự do mò mẫm với hi vọng chúng có thể phát hiện ra những điều hay mà chúng thích. Hay lấy một ví dụ khác: Cleinias em trai của anh bạn Alcibiades của chúng ta, mà chính ông Pericles này làm người giám hộ; Pericles cho rằng Cleinias có thể bị Alcibiades làm hư hỏng, nên đã đưa anh đến ở nhà của Ariphon để được ông này dạy dỗ; nhưng chưa được sáu tháng Ariphon đã gửi trả về vì không biết làm gì với anh ta. Và tôi còn có thể nêu ra vô số ví dụ khác nữa về vô số những con người tự bản thân là người tốt nhưng không bao giờ dạy được cho ai thành người tốt, dù là bạn hay người xa lạ. Vậy, ông Protagoras, khi nghĩ đến tất cả những điều này, tôi dễ đi đến kết luận rằng đạo đức là điều không thể dạy được. Nhưng rồi, khi nghe những lời ông nói, tôi lại cảm thấy hoang mang; và tôi tin chắc phải có điều gì đó trong lời ông nói, vì tôi biết ông rất giàu kinh nghiệm, nhiều kiến thức và sáng kiến. Vậy nếu được, tôi rất mong ông chỉ giáo cho để tôi biết nhân đức có thể dạy được không. Ông vui lòng chứ?

Rất sẵn lòng, Socrates. Nhưng ông thích tôi nói gì? Trong tư cách lớn tuổi hơn, tôi sẽ nói với các anh là những người trẻ tuổi hơn bằng một truyện ngụ ngôn hay một truyện thần thoại? Hay tôi sẽ trình bày vấn đề dưới dạng tranh luận?

Mọi người trả lời rằng để ông ấy tùy ý chọn.

Tốt, ông nói, vậy tôi nghĩ dùng một câu chuyện thần thoại sẽ hay hơn.

Ngày xửa ngày xưa, chỉ có các thần chứ chưa có một tạo vật nào khác. Nhưng đến khi những tạo vật này cũng phải được dựng nên, các thần đã nặn hình chúng bằng đất và lửa, và các hợp chất khác của cả nước và lửa ở phần bên trong của trái đất; và khi chúng sắp sửa ra đời thì các thần truyền cho Prometheus và Epimetheus trang bị mọi thứ cho chúng, và phân phối cho chúng các tính chất riêng của mỗi loài. Epimetheus nói với Prometheus: "Hãy để tôi phân phối, còn anh kiểm tra". Họ thoả thuận như thế và Epimetheus làm công việc phân phối. Một số vật được thần cho sức mạnh nhưng không có sự nhanh nhẹn, số khác có sự nhanh nhẹn nhưng không có sức mạnh; một số được trang bị khí giới, số khác thì không; và loài thứ hai này thì thần cho những phương tiện khác để tự tồn, như có

thân hình to lớn để tự vệ, số khác có thân hình nhỏ hơn, nhưng có thể bay trên không hay chui vào hang ổ dưới đất; đây là cách để chúng trốn thoát địch thù. Thần đã trang bị cho chúng theo cách đó để không loài nào bị tuyệt chủng. Và khi ông đã trang bị cho chúng các phương thế tự tồn, ông cũng cho chúng phương thế để chống lại thời tiết của trời đất; cho chúng những bộ quần áo bằng lông và da dày đủ để bảo vệ chúng chống lại cái lạnh mùa đông và cái nóng mùa hè, cho chúng một cái giường tự nhiên khi chúng muốn nằm nghỉ; ông cũng cho chúng các cái bờm hay tóc trên đầu và da cứng dưới chân. Rồi ông cho chúng các thứ lương thực khác nhau, - một số ăn cỏ dưới đất, số khác ăn lá trên cây, số khác ăn củ, số khác ăn các loài vật khác. Và một số được ông cho một ít con nhỏ, trong khi các loài làm mồi cho chúng thì ông cho sinh sản rất đông và bằng cách này nòi giống được bảo tồn. Nhưng Epimetheus không phải là một vị thần khôn ngoan lắm, nên có bao nhiêu cái tốt thì ông đều đã cho hết các loài vật, - và đến khi phải trang bị cho con người thì ông không còn gì để cho nữa, nên ông vô cùng bối rối. Đang khi còn đang bối rối như thế, thì thần Prometheus đến kiểm tra việc phân phối và thấy rằng các động vật đã được trang bị rất tốt, nhưng con người thì còn trần truồng và chân thì không có giày dép, cũng không có giường để nghỉ hay khí giới để tự vệ. Đã gần tới giờ ấn định để cho ra đời con người; và Prometheus không biết phải tìm cách nào để cứu con người, nên đã lấy trộm các nghề cơ khí của Hephaestus và Athena, cùng với lửa của họ và ban cho con người (các nghề này không thể học hay sử dụng nếu không có lửa). Thế là con người đã được trang bị sự khôn ngoan cần thiết để sinh tồn, nhưng vẫn chưa có khôn ngoan chính trị; vì sự khôn ngoan này do thần Zeus nắm giữ và Prometheus không có quyền được vào lâu đài của thiên đình, nơi thần Zeus ngự, hơn nữa bên ngoài còn có lính canh gác rất kỹ; nhưng Prometheus cũng đã lén đi vào được trong xưởng chung của Athena và Hephaestus, nơi họ thường luyện nghề, và lấy cắp được nghề dùng lửa của Hephaestus và cũng lấy cắp được nghề của Athena, rồi đem cho con người. Và bằng cách ấy con người có phương tiện để sinh sống. Nhưng sau đó Prometheus bị xử tội ăn cắp, do lỗi của Epimetheus.

Vậy sau khi được chia sẻ các thuộc tính của thần, con người lúc đầu là loài duy nhất có các thần, vì chỉ có mình nó có họ hàng với các thần; và nó sẽ dựng lên các bàn thờ và làm ra hình tượng của các thần. Không lâu sau nó đã làm ra ngôn ngữ và các tên gọi; nó cũng làm ra nhà cửa và quần áo, giày dép và giường ngủ cũng như lấy

được lương thực từ đất. Với những trang bị như thế, loài người lúc đầu sống tản mát khắp nơi và chưa có các thành phố. Nhưng hậu quả là họ bị tiêu diệt bởi các loài dã thú; vì họ hoàn toàn yếu đuối so với chúng và nghề của họ chỉ đủ để giúp họ sinh tồn, chứ không giúp họ khả năng chiến đấu chống lại dã thú: họ có lương thực, nhưng vẫn chưa có nghề cai trị, trong đó một phần là nghề chiến tranh. Sau một thời gian, ước muốn tự tồn đã qui tụ họ vào các thành phố; nhưng khi họ đã qui tụ ở đó, vì không có nghề cai trị, nên họ đối xử xấu với nhau và lại bắt đầu bị phân tán và tiêu diệt. Thần Zeus sợ loài người bị tuyệt chủng, nên đã sai thần Hermes đến với họ, mang đến cho họ sự kính trọng và công bằng, làm nguyên tắc giữ gìn trật tự các thành phố, và làm giềng mối của tình bạn và hòa giải. Hermes hỏi Zeus phải phân phối công bằng và lòng kính trọng giữa loài người thế nào: - có phải phân phối giống như kiểu phân phối các nghề hay không, nghĩa là chỉ phân phối cho một số ít người đặc biệt mà thôi, hay phải phân phối đồng đều cho mọi người? Cho mọi người, Zeus nói; ta muốn mọi người đều có phần; vì các thành phố không thể tồn tại nếu chỉ có một số ít người có nhân đức, không giống như trong các ngành nghề khác. Ngoài ra, hãy truyền lệnh của ta, kẻ nào không có lòng kính trọng và công bằng sẽ bị xử tội chết như là một dịch bệnh đối với nhà nước.

Thế đấy, ông Socrates, đó là lý do tại sao trong những vấn đề liên quan đến các ngành nghề thợ mộc hay bất cứ ngành cơ khí nào, người Athens và loài người nói chung chỉ cho phép một số ít người có tiếng nói trong các quyết định; và nếu có người nào khác xen vào, thì như ông vừa nói, họ sẽ phản đối nếu người đó không thuộc thành phần thiểu số chuyên môn, đó là lẽ tự nhiên. Nhưng khi họ phải quyết định về nhân đức chính trị, là lãnh vực phải sử dụng sự khôn ngoan và công bằng, thì họ sẵn lòng lắng nghe bất cứ ai muốn có tiếng nói, đó cũng là lẽ tự nhiên, vì họ nghĩ mọi người phải có phần trong loại nhân đức này và nhà nước không thể tồn tại cách khác được. Ông Socrates, tôi đã cắt nghĩa đầy đủ cho ông lý do của hiện tượng này.

Tôi đã chứng minh rằng loài người có lý khi chấp nhận lời khuyên của bất cứ ai về loại nhân đức này, vì mọi người đều dự phần trong đó. Bây giờ tôi sẽ cố gắng chứng minh thêm rằng họ coi nhân đức này không phải là bẩm sinh, nhưng do học tập mà có. Vì bất công thì bị trừng phạt, trong khi không ai sẽ răn dạy, trách mắng hay tức giận với những người gặp tai họa do tự nhiên hay tình cờ; họ không tìm cách thay đổi những người ấy, nhưng thương hại họ. Ai

mà lại điên khùng đến độ trừng phạt hay dạy dỗ người có hình dạng xấu xí, khiếm khuyết, hay yếu đuối? Lý do là loại điều tốt hay xấu này đến với những người này do tự nhiên và tình cờ; trong khi người ta sẽ có lý để tức giận, trách mắng và trừng phạt những kẻ thiếu các đức tính tốt có thể học tập và dạy được, và ngược lại chỉ có các tật xấu. Mà một trong các tật xấu này là lòng vô đạo và bất công, mà có thể định nghĩa chúng một cách chung chung là đối nghịch với nhân đức chính trị. Khi xảy ra trường hợp này, người ta sẽ tức giận và trách mắng người ấy, - rõ ràng là vì đó là nhân đức có thể học tập và dạy được mà người ta đã thiếu vì không học. Và người Athens, giống như mọi người khác, cũng trừng phạt những người mà họ coi là kẻ xấu; đó là lý do để chúng ta cho rằng họ thuộc số những người tin rằng nhân đức có thể học được và dạy được. Như thế, nếu tôi không lầm, ông Socrates, cho đến đây tôi đã chứng minh cho ông thấy khá rõ tại sao các đồng bào Athens của ông có lý khi chấp nhận rằng, người thợ thiếc và thợ giày được quyền có ý kiến về chính trị và họ cũng cho rằng, nhân đức có thể học được và dạy được.

Nhưng còn một khó khăn nữa mà ông đã nêu liên quan đến những đứa con của những con người tốt. Các người tốt dạy cho con cái họ các tri thức nhờ các thầy giáo, và làm chúng trở nên thông thái và khôn ngoan trong các lãnh vực tri thức ấy, nhưng họ lại không làm được gì để giúp chúng tiến bộ về các nhân đức, lý do là tại sao? Ở đây, ông Socrates, tôi sẽ bỏ qua câu chuyện thần thoại để quay sang sử dụng lối tranh luận. Ông nghĩ coi: có hay không có một đức tính mà mọi công dân đều phải có, nếu có đời sống thành phố?. Trả lời cho câu hỏi này chỉ có một giải pháp cho vấn đề của ông, không có giải pháp thứ hai. Vì nếu có một đức tính như thế và đức tính này không phải là đức tính của một người thợ mộc, thợ giày, thợ rèn, hay thợ gốm, nhưng là đức công bằng, tiết độ và thánh thiện, nói tóm lại, là đức tính con người - nếu mọi con người phải có đức tính này và nó là điều kiện để họ học được mọi tri thức hay hành động nào khác và nếu người nào thiếu đức tính này, dù là một đứa trẻ hay là người lớn, đàn ông hay đàn bà, họ phải được dạy dỗ hay bị trừng phạt cho đến khi họ trở nên tốt hơn, và người nào chống lại sự dạy dỗ hay trừng phạt sẽ bị lưu đày hay xử tử vì bị coi là kẻ bất trị; nếu đúng như vậy và những người tốt dạy cho con cái họ mọi cái khác mà không dạy đức tính này, thì thử hỏi thái độ của họ có phải là quá kỳ quặc không? Vì chúng ta đã chứng minh rằng họ nghĩ nhân đức có thể được dạy và học tập cả trong lãnh vực cá nhân

cũng như công cộng; thế nhưng, bất chấp như thế, họ dạy con cái họ các vấn đề kém quan trọng hơn, không liên quan gì đến sự sống chết; nhưng những điều mà thiếu nó người ta có thể bị xử tử và lưu đày - những điều này họ lại không dạy cho con cái họ. Đó là điều không thể xảy ra, Socrates.

Giáo dục và khuyên bảo bắt đầu vào những năm đầu đời và kéo dài cho tới cuối đời. Các bà mẹ, bảo mẫu, cha và gia sư đang tranh cãi với nhau về sự cải thiện đời sống đạo đức của con họ ngay khi nó có thể hiểu được những điều này; nó không thể nói hay làm điều gì mà không biết rằng điều này là đúng điều kia là sai; điều này đáng quí trọng điều kia đáng xấu hổ; điều này thánh thiện điều kia xấu xa; làm điều này và tránh điều kia. Và nếu nó vâng lời thì tốt và ổn; nếu không, nó sẽ bị lẻ loi và đánh đòn, giống như một thanh gỗ. Đến giai đoạn sau, họ gửi nó đến các thầy dạy và yêu cầu những người này chăm chút cho tính cách của nó hơn là học đọc và âm nhạc; và các thầy làm đúng theo ý các phụ huynh. Và khi đứa trẻ đã học đọc và bắt đầu hiểu được những gì được viết ra, giống như lúc trước nó hiểu những gì được nói ra, thì các thầy dạy cho chúng học các tác phẩm của các thi sĩ lớn để chúng học tại trường; trong các tác phẩm này chứa đựng các lời giáo huấn, khuyên bảo và nhiều câu chuyện, lời ca tụng các bậc tiền nhân, mà nó phải học thuộc lòng để bắt chước hay ganh đua với các gương danh nhân ấy, và mong muốn trở nên giống với họ. Rồi, các thầy dạy đàn lia cũng chăm lo để học trò trẻ của họ học sống chừng mực và không phá phách; và khi họ đã dạy chúng biết dùng đàn lia, họ sẽ bắt đầu hướng dẫn chúng học các bài thơ của các thi hào, là các nhà thơ trữ tình; và họ sẽ phối nhạc cho các bài thơ này, làm cho trẻ em thành thạo các giai điệu và tiết tấu, để nó học biết sống dịu dàng hơn, hòa hợp hơn và đều đặn hơn và nhờ đó biết sử dụng lời nói và hành động thích hợp; vì đời sống của con người trong mọi lãnh vực đều cần có sự hài hòa và đều đặn. Rồi họ gửi nó đến thầy dạy thể dục, để thân thể khỏe mạnh của nó có khả năng phục vụ tốt hơn cho tinh thần và đạo đức, để thân thể yếu đuối của nó không buộc nó tỏ ra hèn nhát trong chiến đấu hay các dịp nguy hiểm nào. Đây là điều mà những người có điều kiện vẫn làm và những người có điều kiện là những người giàu; con cái họ bắt đầu đi học sớm nhất và nghỉ học muộn nhất. Khi các trẻ em đã học xong với các thầy, nhà nước lại buộc chúng phải học luật và sống theo các qui tắc của luật pháp, chứ không sống theo trí tưởng tượng riêng của chúng; và cũng như khi học viết, thầy dạy viết kẻ ra những dòng kẻ và cho

đứa trẻ tấm bảng để nó viết theo, thì thành phố cũng kẻ ra những luật, vốn là phát minh của các nhà làm luật giỏi thời xưa, để trao cho đứa trẻ và hướng dẫn hành vi hạnh kiểm của nó; kẻ nào vi phạm sẽ bị sửa phạt, hay nói cách khác, phải lý giải hành vi của mình, một kiểu nói không chỉ được dùng tại thành phố của các ông, nhưng cũng có trong nhiều nước khác. Vậy ông Socrates, khi đã thấy có tất cả sự chăm sóc chu đáo như thế về nhân đức cá nhân cũng như công cộng, thì tại sao ông vẫn còn hoài nghi nhân đức có thể dạy được không? Đừng nghi ngờ gì nữa, điều ngược lại mới là chuyện đáng nghi ngờ.

Nhưng con cái của các ông bố tốt tại sao khi lớn lên thường trở thành những con người xấu? Tôi xin cắt nghĩa điều này, - không có gì đáng ngạc nhiên, nếu như lời tôi nói, chính sự tồn tại của nhà nước đòi hỏi rằng nhân đức không thuộc sở hữu riêng của bất cứ ai. Nếu đúng là thế - và không gì có thể đúng hơn - thì để nêu một ví dụ, tôi xin ông hãy tưởng tượng rằng, giả sử có một đòi hỏi hay một ngành học nào khác cũng là điều kiện thiết yếu cho sự tồn tại của một nhà nước. Giả sử không thể có nhà nước nếu mọi người chúng ta không phải là những người chơi sáo, miễn là mỗi người đều có khả năng và mọi người ai nấy đều dạy người khác môn nghệ thuật này, cả nơi riêng và công cộng; và trách phạt người chơi sáo dở một cách tự do và công khai, giống như mọi người bây giờ đang dạy về công bằng và pháp luật, không giấu nghề như các nghệ thuật khác, nhưng dạy hết mọi sự - vì mọi người chúng ta đều có một mối quan tâm chung về công bằng và nhân đức đối với nhau và đây là lý do tại sao mọi người đều sẵn sàng dạy người khác về công bằng và luật pháp; - giả sử ai ai cũng sẵn lòng dạy người khác chơi sáo giống như vậy, thì ông Socrates, ông thử nghĩ xem con cái của những người cha chơi sáo giỏi có dễ trở thành người chơi sáo giỏi hơn con của các người cha chơi sáo tồi không? Tôi nghĩ là không. Ngược lại, chúng sẽ lớn lên và trở thành người chơi sáo xuất sắc hay không là tuỳ theo bản thân chúng có khả năng chơi sáo bẩm sinh nhiều hay ít, và con của người chơi sáo giỏi thường trở thành người chơi sáo tồi cũng như con của người chơi sáo tồi trở thành người chơi sáo giỏi, và mọi người chơi sáo đều chơi tương đối tốt hơn so với những người không học chơi sáo, đúng không? Cũng thế, tôi xin ông xét thêm trường hợp này, một người mà ông cho là kẻ xấu nhất trong số những người được học về luật pháp và nhân văn, sẽ tỏ ra là một người công bằng và một thầy dạy về công bằng nếu đem so sánh họ với một người không được dạy dỗ gì về luật pháp và công bằng, hay có những hạn chế khiến họ không

thể thực hành nhân đức - ví dụ với những người man di mà thi sĩ Pherecrates đã cho trình diễn trên sân khấu trong lễ hội Lenaea năm ngoái. Nếu ông sống giữa những người như những dân thù ghét con người trong vở kịch của ông ấy, ông sẽ cảm thấy vui sướng được gặp những người như Eurybates và Phrynondas, và ông sẽ muốn có sự xấu xa của phần thế giới này. Nhưng Socrates, ông không bằng lòng, tại sao? Bởi vì mọi người đều là các thầy dạy nhân đức, mỗi người tuỳ theo khả năng riêng của mình, còn ông thì nói rằng không có thầy dạy nhân đức. Ông cũng có thể hỏi, ai dạy tiếng Hy Lạp? Vì cũng chẳng tìm thấy thầy dạy nào về môn học này. Hay ông có thể hỏi, ai phải dạy con của các thợ thủ công nghề mà chúng đã học được từ cha chúng? Chính cha chúng và các đồng nghiệp của cha chúng đã dạy chúng bằng tất cả khả năng của họ, - nhưng ai sẽ giúp chúng đi xa hơn trong nghề của chúng? Và ông Socrates, ông chắc sẽ cảm thấy khó tìm ra được một thầy dạy cho những người hoàn toàn dốt nát. Điều này đúng đối với nhân đức cũng như đối với bất cứ cái gì khác, và nếu có một người giỏi hơn chúng ta để làm cho nhân đức được phát triển dù chỉ một chút ít, thì chúng ta cũng đã bằng lòng rồi. Tôi tin mình là một loại thầy dạy như thế và hơn mọi ai khác tôi có tri thức để làm cho một người trở nên tốt và cao thượng; và tôi yêu cầu học trò trả tiền thù lao xứng với những gì họ nhận được. Và vì vậy tôi đã có qui định trả tiền như sau: - Khi một người đã là học trò của tôi, nếu họ thích trả tiền thì trả, nhưng không bắt buộc; nếu họ không thích trả, họ chỉ cần vào một đền thờ và thề về giá trị những lời giảng dạy họ đã nhận được, và chỉ trả tiền đúng theo giá trị của lời giảng ấy mà thôi.

Ông Socrates, đó là câu chuyện thần thoại và luận cứ mà tôi đã dùng để cố gắng chứng minh cho ông thấy rằng nhân đức có thể dạy được và đó cũng là ý kiến của người Athens. Và tôi cũng đã cố gắng chứng minh rằng ông không nên ngạc nhiên tại sao các ông bố tốt lại có các đứa con hư, hay các đứa con ngoan lại có những ông bố xấu, như có thể thấy nơi những đứa con của Polycleitus, là những thanh niên cùng trạc tuổi với các bạn Paralus và Xanthippus của chúng ta và thua xa cha của chúng; và tình trạng này cũng đúng với nhiều nghệ nhân khác. Nhưng tôi chưa dám nói như vậy về Paralus và Xanthippus, vì họ còn trẻ và còn đầy hi vọng.

Protagoras kết lời vào trong tai tôi

"Dư âm của ông vẫn còn đọng lại với đầy sức hấp dẫn khiến tôi nghĩ ông vẫn còn đang nói; và tôi cứ đứng yên như thế để nghe ông".

Mãi một lúc sau, khi tôi chợt tỉnh và biết rằng ông đã thực sự dứt lời, tôi nhìn sang Hippocrates và nói với anh ta: Con trai Apollodorus, tôi phải hết lòng biết ơn anh vì đã đưa tôi đến đây; nếu không tôi đã mất cơ hội để được nghe những lời vàng ngọc này của ông Protagoras. Vì trước đây tôi thường nghĩ rằng không sự chăm sóc nhân văn nào có thể làm cho con người nên tốt; nhưng bây giờ tôi biết rõ hơn rồi. Tuy nhiên tôi vẫn còn một thắc mắc mà tôi nghĩ Protagoras sẽ dễ dàng giải tỏa cho tôi, vì ông đã cắt nghĩa được nhiều điều như thế. Vì giả sử một người đến hỏi ý kiến Pericles hay một nhà hùng biện nổi tiếng nào khác của chúng ta về các vấn đề này, có lẽ họ cũng sẽ được nghe nói hay như vậy; nhưng nếu ai có một câu hỏi đặt ra cho họ, thì giống như những quyển sách, họ chẳng biết trả lời hay hỏi gì cả; và giả sử có ai chất vấn một điểm nhỏ nhất nào trong bài nói của họ, họ sẽ nói thao thao bất tuyệt về những chuyện không đâu, cho đến khi người ta phải bảo họ dừng lại; trong khi ông bạn Protagoras của chúng ta không những nói rất hay, mà khi được hỏi ông cũng biết trả lời rất vắn gọn; và khi ông hỏi ông luôn luôn biết chờ để nghe câu trả lời; và đó là một thiên tài hiếm có. Vậy, ông Protagoras, tôi có một câu hỏi nhỏ muốn hỏi ông và chỉ cần ông trả lời, tôi sẽ lấy làm mãn nguyện. Ông nói rằng nhân đức có thể dạy được; - tôi chấp nhận uy tín của ông và tôi không thể tin tưởng ai khác hơn ông trong chuyện này. Nhưng tôi còn một điểm thắc mắc khiến tâm trí tôi không yên được. Ông nói đến chuyện thần Zeus gửi đức công bằng và lòng kính trọng xuống cho loài người; và khi nói, ông nhiều lần mô tả đức công bằng, tiết độ và sự thánh thiện, ông mô tả như thể tất cả các đức tính ấy hợp thành nhân đức. Vậy tôi xin ông cho tôi biết thực sự nhân đức là một toàn thể mà đức công bằng, tiết độ và thánh thiện là các thành phần; hay tất cả các đức tính này chỉ là tên gọi của một nhân đức duy nhất, đó là điều tôi vẫn thắc mắc trong đầu.

Không khó gì cả, ông Socrates, để trả lời ông rằng các đức tính mà ông đang nói đến là các thành phần của một nhân đức duy nhất.

Và có phải chúng là thành phần theo nghĩa giống như mắt, mũi, miệng và tai là thành phần của khuôn mặt không; hay chúng giống như những thành phần của vàng, chỉ khác với nhau về độ lớn nhỏ mà thôi?

Socrates, tôi cho rằng chúng khác nhau theo nghĩa thứ nhất; giống như các phần của mặt liên quan tới toàn thể khuôn mặt.

Và người ta có phần này phần khác của nhân đức không? Hay nếu

một người có một phần, họ cũng phải có đầy đủ mọi phần khác?

Hoàn toàn không, ông nói; vì một người có thể là can đảm nhưng không công bằng, hay công bằng nhưng không khôn ngoan.

Vậy, tôi nói, tại sao can đảm và khôn ngoan cũng là các thành phần của nhân đức?

Điều này hoàn toàn chắc chắn, ông nói; và khôn ngoan là thành phần cao quí nhất.

Và chúng hoàn toàn khác nhau? Tôi nói.

Đúng.

Và mỗi thứ có chức năng khác nhau giống như các bộ phận trên khuôn mặt; ví dụ, mắt không giống tai và không có cùng chức năng như tai; và các phần khác cũng không giống nhau cả về chức năng lẫn mọi phương diện khác, đúng không? Bây giờ tôi muốn biết có phải các phần của nhân đức cũng khác nhau nơi bản chất chúng và nơi chức năng của chúng, theo như ví dụ ngụ ý không?

Đúng, ông có lý, Socrates.

Vậy, tôi nói, không có phần nào của nhân đức giống với tri thức, hay công bằng, hay can đảm, hay tiết độ, hay thánh thiện?

Không, ông đáp.

Vậy, tôi nói, bây giờ ông và tôi thử tìm hiểu về bản chất của chúng nhé. Trước hết, ông đồng ý với tôi rằng công bằng có bản chất của một sự vật, đúng không? Tôi nghĩ thế, không biết ý ông thế nào?

Tôi cũng nghĩ như vậy, ông nói.

Và giả sử có ai hỏi chúng ta, Protagoras và Socrates, cái vật này mà các ông gọi là công bằng thì thế nào, nó có công bằng hay không? Và tôi trả lời, công bằng, còn ông sẽ trả lời ủng hộ tôi hay chống lại tôi?

Ủng hộ, ông đáp.

Vậy tôi sẽ trả lời người ấy rằng bản chất của công bằng là công bằng, ông có trả lời thế không?

Có, ông đáp.

Và người ấy hỏi tiếp: Tốt, vậy bây giờ, có cái gì gọi là thánh thiện không? Chúng ta sẽ trả lời là có, đúng không?

Đúng.

Và ông nhận nó là một sự vật - chúng ta nhìn nhận chứ?

Ông gật đầu.

Và đây là loại sự vật có bản chất thánh thiện, hay có bản chất không thánh thiện? Tôi sẽ phát tức khi anh ta đặt câu hỏi ấy và nói, Thôi đi, anh bạn; không gì có thể là thánh thiện nếu sự thánh thiện không phải là thánh thiện. Ông nói thế nào? Ông cũng sẽ trả lời như thế chứ?

Chắc chắn rồi.

Và sau đó giả sử người ấy hỏi tiếp chúng ta, chúng ta vừa nói gì?

Có lẽ tôi đã không nghe rõ lời ông, nhưng có vẻ như ông nói rằng các phần của nhân đức không giống nhau. Tôi sẽ trả lời, chắc chắn ông đã nghe nói thế, nhưng tôi nghĩ ông đã không nghe tôi nói thế; vì Protagoras đã cho câu trả lời, còn tôi chỉ nêu câu hỏi. Và giả sử người ấy quay sang ông và hỏi, Có đúng như thế không, Protagoras? Và ông vẫn nói rằng một phần của nhân đức không giống với phần khác và đó là lập trường của ông, phải không? Ông sẽ trả lời như thế nào?

Tôi chỉ có thể nhìn nhận rằng người ấy nói đúng, Socrates.

Riêng theo quan điểm của tôi, tôi cho rằng công bằng là thánh thiện và thánh thiện là công bằng.

Tôi không thể đồng ý với ông, Socrates, khi ông cho rằng công bằng là thánh thiện và thánh thiện là công bằng, bởi vì theo tôi có một sự khác biệt giữa chúng. Nhưng điều đó có gì quan trọng? Nếu ông thích thì tôi cũng thích và nếu ông muốn, chúng ta cứ giả sử rằng công bằng là thánh thiện và thánh thiện là công bằng.

Xin lỗi, tôi nói; tôi không thích kiểu chứng minh bằng cách lý luận "nếu ông muốn" hay "nếu ông thích", nhưng tôi muốn chứng minh giữa ông và tôi; và tôi muốn chứng minh tốt nhất nếu không có các chữ "nếu".

Được, ông nói, tôi nhận rằng công bằng có sự giống nhau với thánh thiện, vì luôn luôn có một góc nhìn nào đó mà mọi vật giống với vật khác; trắng thì cũng có phần giống với đen và cứng giống với mềm, và các cái đối chọi nhau nhất cũng có đôi chút điểm chung nhau.

Với giọng ngạc nhiên, tôi nói: vậy ông nghĩ rằng công bằng và thánh thiện chỉ giống nhau ở mức độ nhỏ thôi sao?

Chắc chắn là không, ông nói; nhưng tôi không đồng ý với quan điểm của ông.

Được, tôi nói, vì có vẻ ông gặp khó khăn về điểm này, chúng ta hãy lấy một ví dụ khác. Ông nhìn nhận là có sự điên rồ chứ?

Tôi nhận.

Và có phải khôn ngoan hoàn toàn đối nghịch với điên rồ không?

Đúng.

Và khi người ta hành động đúng, ông cho rằng người ta có tiết độ hay chừng mực, phải không?

Phải.

Và tính chừng mực làm người ta chừng mực?

Chắc chắn.

Và người không hành động đúng là hành động điên rồ và vì thế không chừng mực?

Tôi cũng đồng ý như thế, ông nói.

Vậy hành động điên rồ là hoàn toàn đối nghịch với hành động chừng mực?

Ông ấy đồng ý.

Và các hành động điên rồ được làm vì tính điên rồ và hành động chừng mực hay tiết độ được làm vì tính tiết độ?

Ông ấy đồng ý.

Và cái gì được làm với sự nhanh nhẹn thì làm nhanh, cái gì được làm với sự chậm chạp thì làm chậm?

Ông ấy nhìn nhận.

Vậy nếu cái gì được làm cùng một kiểu thì nó được làm bằng kiểu ấy; cái gì được làm ngược lại thì được làm bằng kiểu ngược lại?

Ông ấy đồng ý.

Một lần nữa, có cái gì gọi là đẹp không?

Có.

Và đối nghịch với nó là cái xấu?

Ngoài nó ra không có cái gì khác.

Có cái gì gọi là tốt không?

Có.

Và cái đối nghịch với nó chỉ có thể là xấu?

Không có cái khác.

Vậy bây giờ chúng ta tóm tắt những điều chúng ta đã nhìn nhận. Trước hết chúng ta nhìn nhận rằng mọi cái đều có cái đối nghịch với nó và chỉ có cái đối nghịch ấy mà thôi, đúng không?

Chúng tôi nhất trí điểm này.

Và chúng tôi cũng nhất trí rằng cái gì được làm theo kiểu đối nghịch lại thì được làm bởi cái đối nghịch?

Đúng.

Và chúng ta đã nói rằng mọi cái chỉ có một cái đối nghịch duy nhất của nó?

Đúng.

Vậy, ông Protagoras, chúng ta sẽ phải từ bỏ lời khẳng định nào trong hai lời khẳng định trên? Một khẳng định nói rằng mọi sự chỉ có một cái đối nghịch với nó; khẳng định kia lại nói khôn ngoan thì khác với tiết độ hay chừng mực và cả hai đều là các thành phần của nhân đức; và chúng không chỉ phân biệt nhưng còn khác nhau, cả nơi bản thân chúng và nơi các chức năng của chúng, giống như các bộ phận của khuôn mặt. Vậy chúng ta phải từ bỏ khẳng định nào trong hai khẳng định trên? Vì chắc chắn cả hai không thể hợp chung lại với nhau được; chúng không hòa hợp với nhau; vì làm thế nào chúng có thể hòa hợp nếu mọi sự được coi là chỉ có một cái đối nghịch duy nhất mà thôi, thế mà rõ ràng sự điên rồ lại có hai cái đối nghịch - khôn ngoan và tiết độ? Có đúng thế không, Protagoras? Tôi nói. Ông có muốn nói gì khác không?

Ông đồng ý, nhưng rất miễn cưỡng.

Vậy tiết độ (hay chừng mực) và khôn ngoan là giống nhau, cũng như trên kia chúng ta đã nói công bằng và thánh thiện gần như là giống nhau. Và bây giờ, ông Protagoras, tôi nói, chúng ta đừng

nản lòng, nhưng hãy làm nốt những gì còn lại. Ông có nghĩ một người bất công có thể là chừng mực trong sự bất công của họ không?

Ông Socrates, tôi sẽ phải xấu hổ nếu nhìn nhận điều đó, tuy rằng có nhiều người khẳng định như vậy.

Vậy tôi phải tranh cãi với họ hay với ông? Tôi hỏi.

Tôi thích ông tranh cãi với họ trước, nếu ông muốn.

Tùy ông, chỉ cần ông trả lời tôi và cho biết có phải ý kiến của ông hay không thôi. Mục tiêu của tôi là trắc nghiệm giá trị của lý luận; nhưng kết quả có thể là ông và tôi, hai người hỏi và trả lời, chúng ta có thể bị thử thách.

Protagoras thoạt đầu tỏ ý từ chối, vì ông nói tranh cãi không ích lợi; tuy nhiên cuối cùng ông cũng ưng thuận trả lời.

Vậy, tôi nói, bây giờ hãy bắt đầu từ đầu và trả lời tôi. Ông có nghĩ rằng một số người chừng mực hay tiết độ nhưng lại bất công không?

Có, ông nói; tôi nhìn nhận điều đó.

Và chừng mực là biết điều?

Đúng.

Và biết điều là có ý kiến đúng khi thực hành công bằng?

Chấp nhận.

Nếu họ thành công, tôi nói, hay nếu họ không thành công?

Nếu họ thành công.

Và ông có nhìn nhận sự tồn tại của các điều tốt không?

Tôi nhìn nhận.

Và điều tốt là điều có lợi cho con người?

Đúng, ông nói; và cũng có thể có những điều không ích lợi, nhưng tôi vẫn gọi chúng là tốt.

Tôi thấy Protagoras bắt đầu tỏ ra khó chịu và kích động; có vẻ như ông đang đặt mình vào một tư thế chiến đấu. Thấy thế, tôi nghĩ đến nhiệm vụ của mình và ôn tồn nói: -

Protagoras, khi ông nói các cái không có lợi là tốt, ông có ý nói không có lợi cho con người mà thôi, hay tuyệt đối không có lợi? Và ông có coi loại thứ hai này cũng là tốt không?

Chắc chắn loại thứ hai này không thể là tốt, ông đáp; vì tôi biết có nhiều điều, như thịt, rượu, thuốc và hàng ngàn thứ khác, một phần có lợi một phần không có lợi cho con người; và một số có lợi cho ngựa, nhưng không có lợi cho người; một số chỉ có lợi cho trâu bò, một số cho chó; một số không có lợi cho loài vật nhưng chỉ có lợi cho cây cối; và một số có lợi cho rễ cây chứ không có lợi cho cành cây, ví dụ như phân bón, tốt khi đổ xuống rễ cây, nhưng hoàn toàn làm chết cây nếu tung nó lên búp cây hay cành cây non; hay tôi có thể nêu

ví dụ về dầu cây ô-liu, có hại cho mọi loài cây và nói chung rất hại cho lông của mọi loài động vật trừ người, nhưng lại rất tốt cho tóc và thân thể của con người nói chung; và ngay cả trong trường hợp này, thứ rất có lợi cho phần bên ngoài của cơ thể con người thì lại rất nguy hiểm cho các bộ phận bên trong: vì vậy các thầy thuốc luôn luôn cấm các bệnh nhân sử dụng dầu ô-liu trong thức ăn, ngoại trừ với hàm lượng rất nhỏ, chỉ vừa đủ để đánh tan các mùi khó ngửi trong thịt và nước sốt.

Khi Protagoras trả lời xong câu này, cả cử toạ đều vỗ tay tán thưởng. Và tôi nói: Protagoras, trí nhớ tôi rất kém, nên khi ai nói một bài dài thì tôi thường không nhớ nổi người ấy đã nói gì. Cũng giống như khi tôi bị điếc và ông muốn nói gì với tôi, ông phải nói thật to để cho tôi nghe được, thì bây giờ cũng thế, vì trí nhớ tôi quá kém, tôi xin ông hãy cắt ngắn các câu trả lời của ông, để tôi có thể bắt kịp những lời ông.

Ý của ông là gì? Protagoras hỏi: tôi phải cắt ngắn câu trả lời? Tôi phải trả lời rất ngắn?

Không phải, không phải rất ngắn.

Ngắn vừa? Ông nói.

Vâng, tôi nói.

Tôi sẽ trả lời ngắn vừa theo như tôi nghĩ, hay ngắn vừa theo như ông nghĩ?

Tôi nói: Tôi đã được nghe ông nói và biết rằng ông có thể nói về cùng một vấn đề một cách thao thao bất tuyệt, hay rất vắn gọn bằng rất ít những từ hết sức súc tích mà không ai hay rất ít ai có thể bắt chước. Vậy, nếu nói với tôi, xin ông vui lòng theo phương pháp thứ hai này hay một phương pháp nào cô đọng hơn.

Socrates, ông đáp, tôi đã trải qua rất nhiều trận đấu khẩu, khi ấy nếu tôi sử dụng phương pháp tranh luận theo ý muốn của đối thủ, giống như ông muốn tôi làm, thì tôi chẳng hơn được ai và cái tên Protagoras này cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Tôi thấy ông ta không hài lòng với các câu trả lời trước của ông và ông không muốn tiếp tục đóng vai của người trả lời chút nào; và tôi thấy mình cũng không còn cần tiếp tục câu chuyện nữa; vì thế tôi nói: ông Protagoras, tôi không muốn áp đặt cách nói chuyện cho ông nếu ông không thích, nhưng khi ông muốn tranh luận với tôi sao cho tôi có thể theo được ông, thì tôi sẽ tiếp tục tranh luận với ông. Bây giờ, như người ta và chính ông cũng đã nói về ông rằng ông có thể thảo luận một cách vắn gọn hơn hay dài dòng hơn tùy thích, vì ông là một bậc thầy của sự khôn ngoan; nhưng tôi không thể theo nổi các tranh luận dài dòng, mặc dù tôi rất muốn mình có khả năng ấy. Ngược lại, vì ông có khả năng làm cả hai cách,

nên ông phải nói vắn gọn theo yêu cầu của tôi thì chúng ta mới có thể tranh luận được. Nhưng vì tôi thấy ông không thích nói vắn gọn theo yêu cầu của tôi, ngoài ra tôi cũng đang mắc bận công chuyện không thể ở lại đây lâu, nên tôi xin kiếu; mặc dù tôi rất muốn được tiếp tục nghe ông nói.

Nói thế rồi, tôi đứng dậy khỏi ghế, nhưng Callias kéo tay tôi và níu chặt lấy chiếc áo khoác cũ kỹ của tôi. Anh nói: Socrates, chúng tôi không thể cho ông về, vì nếu ông về thì cuộc tranh luận này cũng kết thúc: vì vậy tôi xin ông ở lại, vì trên đời này tôi không thích gì hơn là được nghe ông và Protagoras nói chuyện. Đừng từ chối niềm vui thú này của chúng tôi.

Nhưng tôi đã đứng hẳn dậy và đang trong tư thế đi ra. Tôi đáp: Con trai của Hipponicus, tôi vẫn luôn luôn ngưỡng mộ và ngay bây giờ tôi cũng thực lòng ca ngợi và yêu mến tinh thần triết học của anh và rất vui nếu có thể đáp ứng yêu cầu của anh, nhưng tôi không thể. Điều anh yêu cầu là một chuyện không thể thực hiện đối với tôi, chẳng khác gì anh buộc tôi phải chạy đua với Crison ở Himera vào thời sung sức nhất của anh ta, hay với một ai khác trong các cuộc chạy đua đường trường. Đôi chân của tôi không cho phép tôi làm việc đó. Vì vậy nếu anh muốn thấy Crison và tôi trên cùng đấu trường, anh phải buộc anh ta giảm tốc độ, vì tôi không thể chạy nhanh, còn anh ta có thể chạy chậm. Và cũng giống như thế, nếu anh muốn nghe tôi và Protagoras nói chuyện, anh phải yêu cầu ông ấy trả lời vắn gọn và đi thẳng vào đề, giống như ông ta đã làm lúc đầu; nếu không, làm sao có thể tranh luận được? Vì theo cách nghĩ của tôi, tranh luận là một chuyện, còn diễn thuyết hùng biện lại là một chuyện khác.

Nhưng ông Socrates, Callias nói, tôi thấy là công bằng chuyện Protagoras đòi nói theo cách của ông ấy, cũng như ông đòi nói theo cách của ông mà!

Đến đây Alcibiades lên tiếng: Anh Callias, câu nói của anh trong trường hợp này không đúng. Vì Socrates bạn chúng ta nói ông ấy không thể làm một bài diễn thuyết - về điểm này ông ấy chịu thua Protagoras; nhưng tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu ông ấy chịu thua bất cứ ai trên đời này về khả năng nắm bắt đề tài tranh luận. Vậy nếu Protagoras cũng chịu chấp nhận như thế và nhận rằng mình thua kém Socrates về khả năng tranh luận đối đáp, thì đã đủ làm hài lòng Socrates rồi; nhưng ông ấy lại tuyên bố cũng trội hơn Socrates về khả năng tranh luận, vậy cứ để ông ấy hỏi và đáp, nhưng không được dùng lời lẽ quá dài dòng khiến người nghe quên mất vấn đề được hỏi lúc đầu (không phải thực sự Socrates kém trí nhớ đâu, tôi bảo đảm như thế - ông ấy chỉ giả vờ

nói mình kém trí nhớ cho vui thôi). Và tôi thấy Socrates có vẻ có lý hơn Protagoras đấy; đó là ý kiến riêng tôi và mọi người phải nói lên đúng ý nghĩ của mình.

Sau khi Alcibiades nói xong, một ai đó - tôi nghĩ có lẽ là Critias - đứng lên nói: Hỡi hai anh Prodicus và Hippias, tôi thấy có vẻ như Callias thiên vị Protagoras và điều này đã khiến Alcibiades, người thích đối lập, đứng về phía bên kia. Nhưng chúng ta không được phép thiên vị Socrates hay Protagoras; chúng ta hãy đồng tâm nhất trí yêu cầu cả hai ông tiếp tục cuộc thảo luận.

Prodicus thêm vào: Tôi thấy Critias nói rất có lý, vì những người đang có mặt trong một cuộc thảo luận như thế này phải không được thiên vị bất cứ diễn giả nào; tuy nhiên phải nhớ rằng không thiên vị không có nghĩa là bằng nhau, vì cả hai bên phải được lắng nghe không thiên vị, nhưng không thể đánh giá cả hai bên bằng nhau, nhưng người nào khôn ngoan hơn phải được đánh giá cao hơn, người khôn ngoan kém phải được đánh giá thấp hơn. Vì vậy tôi cũng như Critias nài nỉ hai ông Socrates và Protagoras hãy chiều theo yêu cầu của chúng tôi, đó là các ông sẽ tranh luận với nhau nhưng không được cãi nhau, vì các bạn bè thì tranh luận, còn các kẻ thù thì mới cãi nhau. Như thế cuộc họp mặt của chúng ta sẽ vô cùng thú vị và có ích. Mọi người vỗ tay tán thưởng lời của Prodicus.

Tiếp đến là nhà hiền triết Hippias lên tiếng. Ông nói: tôi nghĩ tất cả các bạn có mặt ở đây đều là bạn bè, bà con và đồng bào của nhau, do bẩm sinh chứ không phải do luật pháp; vì do bẩm sinh những gì giống nhau thì có liên hệ với nhau, trong khi luật pháp là kẻ độc tài của loài người và thường buộc chúng ta làm nhiều chuyện chống lại tự nhiên. Sẽ là chuyện chẳng đẹp chút nào nếu chúng ta là những người vốn biết bản chất của sự vật và là những người khôn ngoan nhất của Hi Lạp đang gặp nhau trong thành phố thủ phủ của sự khôn ngoan này, mà chúng ta lại không chứng tỏ được đỉnh cao của sự khôn ngoan ấy, mà chỉ cãi vã nhau giống như những con người bần tiện trên thế giới. Tôi xin và khuyên hai ông Protagoras và Socrates hãy cùng nhau có những nhân nhượng. Chúng tôi muốn là những người hòa giải giữa hai ông. Vậy tôi đề nghị thế này. Hai ông chọn ra một trọng tài hay giám sát viên hay chủ toạ; người này sẽ theo dõi các lời nói của hai ông và điều chỉnh chúng theo độ dài thích hợp.

Đề nghị này được mọi người tán thưởng; và Callias nói anh ta sẽ không để tôi ra về và tôi phải chọn ra một trọng tài. Nhưng tôi nói việc chọn một trọng tài cho tranh

luận là không thích hợp, vì nếu người được chọn có trình độ thấp hơn, thì người thấp hơn hay kém hơn không thể điều khiển người cao hơn hay giỏi hơn; hay nếu có trình độ bằng nhau, thì cũng không được, vì nếu bằng chúng tôi, họ cũng sẽ làm giống như chúng tôi và vì thế chọn họ cũng vô ích? Còn nếu anh nói "Chúng ta hãy đề cử một người giỏi hơn", thì tôi xin trả lời rằng không thể có người giỏi hơn Protagoras. Vậy tôi xin nói ý kiến của tôi để cuộc trò chuyện và tranh luận này có thể tiếp tục như các bạn mong muốn. Nếu Protagoras không muốn trả lời, hãy để ông ta hỏi và tôi trả lời; và tôi sẽ cố gắng cho ông ấy thấy ông ấy phải trả lời như thế nào: và sau khi tôi đã trả lời tất cả những câu hỏi mà ông ấy thích hỏi, ông ấy sẽ trả lời giống như thế; và nếu ông ấy tỏ ra không sẵn sàng trả lời các câu hỏi chính xác, các bạn và tôi sẽ cùng nhau yêu cầu ông ấy, giống như các bạn đã yêu cầu tôi, đừng làm hỏng cuộc tranh luận. Và như vậy không cần có trọng tài đặc biệt nào cả: tất cả các bạn sẽ là trọng tài.

Mọi người tán đồng ý kiến này và Protagoras, tuy rất miễn cưỡng, nhưng buộc phải đồng ý nhận vai trò người hỏi câu hỏi; và khi ông đã nêu lên đủ số các câu hỏi để đến lượt phải trả lời ông có thể trả lời vắn gọn, ông bắt đầu nêu các câu hỏi của ông như sau: -

Ông Socrates, ông nói, tôi nghĩ rằng năng khiếu thi ca là phần chính của giáo dục; và tôi cho rằng đó là khả năng biết những sáng tác nào của các thi sĩ là đúng, những sáng tác nào không; và chúng phải được phân biệt như thế nào và có khả năng cắt nghĩa khi được hỏi về chúng. Tôi đề nghị chúng ta chuyển vấn đề mà chúng ta đang thảo luận sang lãnh vực thi ca, chúng ta vẫn nói như trước về nhân đức, nhưng liên quan tới một đoạn thơ của một thi sĩ. Vậy, Simonides nói với Scopas, con trai Creon người Thessalia như sau: -

"Một đàng, con người khó có thể trở nên tốt thực sự; cho dù nó được sinh ra với hai tay hai chân vững chắc và khối óc thông minh, một tạo vật hoàn hảo".

Ông có biết bài thơ này không? Có cần tôi đọc lại cả bài không?

Không cần đâu, tôi nói; vì tôi thuộc lòng bài thơ này rồi và đã nghiên cứu nó rất kỹ.

Tốt lắm, ông nói. Vậy ông có nghĩ đây là một sáng tác hay và đúng không?

Có, tôi nghĩ nó vừa hay vừa đúng.

Nhưng nếu có điểm mâu thuẫn, liệu bài thơ có thể hay và đúng không?

Trong trường hợp đó thì không, tôi đáp.

Vậy trong câu thơ không có mâu thuẫn sao? Ông nghĩ kỹ lại đi.

Ông bạn, tôi đã nghĩ kỹ rồi.

Không phải thi sĩ lại tiếp tục nói, "Tôi không đồng ý với câu nói của Pittacus, mặc dù đó là câu nói của một người khôn ngoan; ông ấy nói một người khó có thể là tốt". Bây giờ ông hãy để ý rằng đây là câu nói của cùng một thi sĩ.

Có, tôi biết.

Và ông thấy hai câu nói ấy nhất quán chứ?

Có, tôi nói, tôi nghĩ chúng nhất quán (đồng thời tôi vẫn áy náy có thể có điều gì đó trong lời nói của ông). Ông nghĩ khác à? Tôi hỏi.

Trời, ông nói, làm sao có thể có sự nhất quán trong cả hai câu nói được. Trước tiên, thi sĩ nhìn nhận rằng "Con người khó có thể trở nên tốt thực sự"; và một lát sau trong cùng bài thơ, tác giả quên mất và chê trách lời của Pittacus và từ chối đồng ý khi ông này nói, "Một người khó có thể là tốt", mà ý nghĩa vẫn chỉ là một. Nhưng khi tác giả chê người nói cùng một ý với mình, là tác giả chê chính mình; vì vậy ông ta phải sai ở một trong hai câu nói ấy.

Nhiều người ngồi nghe tỏ ra đồng tình và vỗ tay hoan hô. Thoạt đầu tôi cảm thấy điếng người giống như vừa bị giáng một đòn nặng bởi một võ sĩ chuyên nghiệp, khi tôi nghe những lời ông nói và tiếng vỗ tay hoan hô; thú thực tôi muốn có thời giờ để suy nghĩ lại xem ý thực sự của thi sĩ là gì. Thế là tôi quay sang ông Prodicus và kêu ông ấy. Prodicus, tôi nói, Simonides là đồng hương với ông, ông phải cứu ông ấy. Tôi nghĩ tôi phải nhờ ông giúp mới được, vì tôi sợ Protagoras sẽ diệt Simonides mất. Bây giờ là lúc cứu vãn Simonides, bằng việc vận dụng tài triết học của ông về các từ đồng nghĩa, phân biệt giữa "muốn" và "ước" và nhiều từ tương tự như thế mà ông đã sử dụng trong bài diễn thuyết tuyệt vời của anh. Tôi muốn biết ông có đồng ý với tôi không; vì tôi nghĩ không có mâu thuẫn trong các lời của Simonides. Trước tiên, ông Prodicus, tôi muốn ông cho biết ý kiến, "là" có đồng nghĩa với "trở nên" không?

Chắc chắn là không, Prodicus đáp.

Có phải lúc đầu Simonides khẳng định như là quan điểm của mình rằng "Con người khó có thể trở nên tốt thực sự" không?

Đúng thế, Prodicus nói.

Rồi sau đó ông ấy chê trách Pittacus, không phải vì ông này nói giống với ông ấy, nhưng vì nói khác với ông ấy; vì Pittacus không nói giống như Simonides rằng con người khó có thể trở nên tốt thực sự, nhưng nói rằng con người khó có thể là tốt; và ông bạn Prodicus của chúng ta nói rằng trở nên và là có nghĩa không giống nhau; và nếu không giống nhau, thì Simonides không mâu thuẫn với

chính mình, ông Protagoras ạ. Tôi dám quả quyết rằng Prodicus và nhiều người khác cũng muốn nói, như Hesiod, "Con người khó có thể trở nên tốt, vì các thần đã đặt những nỗi cực nhọc trước nhân đức; nhưng khi bạn đã đạt tới mục tiêu, thì việc chiếm được nhân đức dù khó nhưng là dễ".

Prodicus nghe tôi nói và tán thưởng; nhưng Protagoras nói: Ông Socrates, chỗ ông sửa còn mắc một lỗi nặng hơn lỗi trong câu ông sửa.

Trời! Ông Protagoras ơi, tôi nói; vậy tôi đúng là một ông lang tồi, chữa lợn lành thành lợn què rồi.

Sự thật là đúng như tôi đã nói.

Nghĩa là thế nào? tôi hỏi.

Ông đáp, thi sĩ không bao giờ có thể phạm một sai lầm to đến nỗi nói rằng nhân đức, vốn là điều mà mọi người cho là khó nhất, mà lại có thể đạt được dễ dàng.

Được, tôi nói và may quá chúng ta có ở đây ông Prodicus, người có sự khôn ngoan mà tôi nghĩ là siêu phàm và rất lâu đời, có thể cũng lâu đời bằng Simonides hay hơn nữa. Ông Protagoras, ông thông thái về rất nhiều chuyện, nhưng có vẻ ông lại không biết điều này; nhưng tôi thì biết, vì tôi là học trò của ông ấy. Vậy bây giờ, nếu tôi không lầm, ông không hiểu từ "khó" theo nghĩa mà Simonides muốn nói; và tôi phải sửa lỗi ông, như Prodicus sửa lỗi tôi khi tôi dùng từ "dễ sợ" như một lời ca ngợi. Nếu tôi nói Protagoras là một người khôn ngoan dễ sợ, ông ấy liền bảo tôi rằng tôi không thấy xấu hổ khi nói cái gì tốt dễ sợ sao; rồi ông ấy cắt nghĩa cho tôi rằng từ "dễ sợ" luôn luôn có nghĩa xấu và người ta không bao giờ nói giàu dễ sợ, hay khôn ngoan dễ sợ, mà chỉ nói chiến tranh dễ sợ, nghèo dễ sợ, bệnh dễ sợ, từ dễ sợ luôn có nghĩa xấu. Và tôi nghĩ Simonides và những người đồng hương Ceos của ông ấy khi nói "khó" là họ có ý nói đến cái gì "xấu", hay cái gì đó mà ông không hiểu. Chúng ta hãy hỏi Prodicus xem, vì hẳn ông ấy phải có thể trả lời cho chúng ta các câu hỏi về thổ ngữ của Simonides. Ông Prodicus, Simonides dùng từ "khó" theo nghĩa nào?

Xấu, Prodicus nói.

Vì vậy, tôi nói, ông Prodicus, Simonides chê Pittacus vì nói rằng "Khó là người tốt", có thể coi như có nghĩa tương đương với nói rằng, Người tốt là điều xấu.

Đúng, Prodicus nói, đó chắc chắn là ý ông ấy muốn nói; và ông ấy muốn trách Pittacus vì không biết sử dụng từ ấy, vốn là điều tự nhiên đối với một người vùng Lesbos quen nói bằng một ngôn ngữ man di.

Ông Protagoras, ông có nghe thấy ông bạn Prodicus của chúng ta nói gì không? Ông sẽ trả lời ông ấy thế nào? Tôi hỏi.

Prodicus, ông sai hoàn toàn, Protagoras nói; và tôi biết rất rõ rằng khi dùng từ "khó" Simonides

có ý đúng như tất cả chúng ta vẫn hiểu, không phải là cái gì xấu, mà là cái gì không dễ - phải vất vả cực nhọc mới làm được. Điều này thì tôi rất chắc.

Tôi nói: Ông Protagoras, tôi cũng nghĩ đó là ý Simonides muốn nói và ông bạn Prodicus của chúng ta cũng biết như thế, nhưng ông ấy muốn đùa chút cho vui, để thử xem ông có thể bảo vệ luận đề của ông hay không mà thôi; vì mạch văn cho thấy Simonides không thể nào nói theo nghĩa khác; trong mạch văn này ông nói chỉ có Thần có đặc tính ấy. Vậy hiển nhiên thi sĩ không thể có ý nói rằng người tốt là điều xấu, vì sau đó thi sĩ này nói rằng chỉ có Thần có đặc tính này và thuộc tính này là của ông, và chỉ của một mình ông mà thôi. Tôi muốn nói cho ông biết tôi nghĩ gì về ý nghĩa thực của Simonides trong bài này và ông sẽ xét xem, theo cách nói của ông, tôi có thể được coi là giỏi về thi ca hay không; bằng không, tôi sẽ chỉ ngồi nghe thôi.

Nghe tôi đề nghị như thế, Protagoras nói: Tùy ông; và Hippias, Prodicus và những người khác bảo tôi cứ làm như tôi đề nghị.

Vậy bây giờ, tôi nói, tôi sẽ cố gắng giải thích ý kiến của tôi về bài thơ này. Có một nền triết học rất cổ đã được phát triển ở Creto và Lacedaemonia hơn bất cứ đâu khác trên đất Hi Lạp và có nhiều triết gia ở đó hơn bất cứ đâu trên thế giới. Tuy nhiên, đây là một điều bí mật mà người Lacedaemonia luôn luôn muốn che giấu. Họ giả vờ là những người dốt nát vì họ không muốn người ta nghĩ rằng họ cai trị thế giới bằng sự khôn ngoan, giống như những nhà Ngụy biện mà Protagoras đã nói tới, chứ không phải nhờ sự dũng cảm và sức mạnh; họ nghĩ rằng nếu người ta biết rõ lý do thực sự khiến họ trội vượt, mọi người sẽ đi học sự khôn ngoan. Và bí mật này của họ đã không bao giờ được tiết lộ cho các vùng khác. Nhưng khi chính người Lacedaemonia muốn có các cuộc trò chuyện tự do với các người khôn ngoan của mình và không còn bằng lòng với các cuộc trao đổi trong vòng bí mật nữa, thì họ đuổi mọi người lạ ra ngoài và có các cuộc thảo luận triết học mà không một người nước ngoài nào được biết: và chính họ cấm các thanh niên của mình ra học hỏi ở các thành phố khác vì sợ đám trẻ này sẽ làm hỏng những bài học mà họ đã dạy cho chúng. Và trong các thành phố của họ, không chỉ đàn ông nhưng phụ nữ cũng tự hào về trình độ văn hóa cao của họ. Ông cũng nên biết rằng tôi nói đề cao sự trội vượt triết học của người Lacedaemonia này là hoàn toàn đúng sự thật, bằng chứng là: nếu ai có dịp nói chuyện với một người Lacedaemonian tầm thường nhất, người ấy cũng sẽ nhận thấy họ ít

khi tỏ ra xuất sắc về những câu chuyện chung chung, nhưng vào bất cứ lúc nào khi nói chuyện, họ đều có thể ứng khẩu thành những câu nói nổi tiếng, cô đọng và đầy ý nghĩa, nhắm thẳng mục tiêu; và người mà họ nói chuyện với chẳng khác gì một đứa trẻ trong tay họ. Và nhiều người trạc tuổi chúng ta, ở các thế hệ trước đều biết rằng người Lacedaemonia đích thực có lòng say mê triết học mạnh hơn cả lòng say mê thể thao; họ ý thức rằng chỉ những con người được giáo dục hoàn hảo mới có khả năng nói ra những câu nói để đời. Đó là những con người nổi tiếng như Thales ở Miletus và Pittacus ở Mytilene, Bias ở Priene, cũng như ông bạn Solon của chúng ta, Cleobulus người Lindia và Myson người Chenia; và người thứ bảy trong số các bậc khôn ngoan là Chilo người Lacedaemonia. Tất cả những bậc danh nhân này đều là những người yêu mến và vun trồng nền văn hóa của người Lacedaemonia và ai cũng có thể nhận ra rằng sự khôn ngoan của họ mang tính chất của những câu nói súc tích dễ nhớ mà các cá nhân đã nói ra. Họ gặp gỡ nhau và để lại câu nói bất hủ tại đền thờ Apollo ở Delphi, như là hoa quả đầu mùa trong sự khôn ngoan của họ, đó là câu nói danh tiếng vẫn thấy trên cửa miệng mọi người, "Hãy tự biết mình" và "Không có gì quá nhiều".

Tại sao tôi kể ra tất cả những điều này? Tôi muốn giải thích rằng sự vắn gọn của người Lacedaemonia là phong cách của triết học nguyên thuỷ. Có một câu nói của Pittacus được lưu truyền riêng tư và được những người tốt tán thành, "Khó là người tốt". Và Simonides vốn là người rất ham được tiếng là khôn ngoan, nên ông ý thức rằng nếu ông có thể đánh đổ câu nói ấy, thì cũng giống như ông thắng được một vận động viên nổi tiếng, ông có thể giành được ngành vạn tuế trong số các người đương thời. Và nếu tôi không lầm, ông đã soạn ra tất cả bài thơ này với ý định thầm kín là làm hại câu nói ấy.

Chúng ta hãy cùng nhau xem xét các lời ông, để xem tôi nói có đúng sự thật hay không. Simonides hẳn phải là một người mắc bệnh tâm thần nếu ngay trong những lời đầu tiên của bài thơ, khi chỉ muốn nói rằng thật khó là người tốt, ông đã chèn vào từ *mén*, "một đàng" (một đàng thật khó có thể trở nên tốt); không thể có lý do nào để đưa từ *mén* này vào đây trừ khi bạn giả sử ông ấy nói với ý xấu muốn ám chỉ đến câu nói của Pittacus. Pittacus nói "Khó là người tốt", còn ông thì nói ngược lại, "Không, ông Pittacus ơi, "Cái khó thực sự là trở nên tốt", ông không nối từ "thực sự" với từ "tốt" nhưng với "khó". Có thể nêu lên nhiều điều đáng nói để khen ngợi các chi tiết

của bài thơ, vốn là một tác phẩm rất hấp dẫn và rất tinh tế, nhưng kể ra nhiều sẽ chán. Tuy nhiên, tôi chỉ muốn vạch ra chủ đích tổng quát của bài thơ, chắc chắn là muốn bác bỏ giá trị câu nói của Pittacus. Vì trong đoạn tiếp theo xa hơn một chút như thể ông muốn lý luận rằng mặc dù có khó khăn để trở nên tốt, nhưng vẫn có thể trong một lúc nào đó và chỉ trong một lúc mà thôi. Nhưng sau khi đã trở nên tốt rồi, duy trì tình trạng tốt ấy và là người tốt, như Pittacus khẳng định, là điều hoàn toàn không thể và con người không có khả năng ấy; chỉ một mình Thần có mà thôi; "nhưng con người không thể không xấu khi bị chế ngự bởi áp lực của các hoàn cảnh". Vậy thì áp lực của hoàn cảnh chế ngự ai trong việc điều khiển một con tàu? - không phải một cá nhân, vì một cá nhân luôn luôn không đủ sức; và một người đã ngã quị thì không thể bị lật đổ, mà chỉ là người đang đứng thẳng; cũng như người đã ngã quị không thể làm cho ngã quị, vì thế áp lực của hoàn cảnh chỉ có thể chế ngự người nào có các nguồn lực, chứ không chế ngự người nào luôn luôn bất lực. Một cơn bão lớn giáng xuống có thể làm người hoa tiêu bất lực, hay thời tiết khắc nghiệt có thể làm người nhà nông hay người thầy thuốc thành bất lực; vì người tốt có thể trở nên xấu, như một thi sĩ khác đã làm chứng: *"Người tốt có khi thì tốt và có khi thì xấu"*.

Nhưng người xấu thì không trở nên xấu; họ luôn luôn xấu. Vậy khi áp lực của hoàn cảnh chế cự con người có nguồn lực, tài năng và nhân đức, thì họ chỉ có thể trở nên xấu. Còn ông, ông Pittacus, ông lại nói rằng "Thật khó là người tốt". Trở nên tốt là chuyện khó; nhưng vẫn có thể được: nhưng là người tốt thì không bao giờ có thể; "vì người làm điều tốt thì là người tốt và người làm điều xấu thì là người xấu". Nhưng loại hành động nào là tốt trong văn chương? Và loại hành động nào làm cho một người tốt trong văn chương? Hiển nhiên là biết văn chương. Và loại hành động nào làm cho một người là một thầy thuốc tốt? Hiển nhiên là biết nghề chữa bệnh. "Nhưng người làm điều xấu là người xấu". Vậy ai trở thành một thầy thuốc xấu? Hiển nhiên là người trước tiên là thầy thuốc và thứ đến là thầy thuốc tốt; vì người ấy cũng có thể trở thành một thầy thuốc xấu; nhưng không ai trong những cá nhân không có năng khiếu như chúng ta có thể bằng bất cứ hành động xấu nào mà có thể trở thành thầy thuốc xấu, hay trở thành thợ mộc xấu hay một người thợ xấu nào khác; và người làm điều xấu không thể trở thành một thầy thuốc, thì hiển nhiên không thể trở thành một thầy thuốc xấu.

Cũng thế, người tốt có thể trở nên xấu do thời gian, mệt nhọc hay bệnh tật, hay một tai nạn nào đó, nhưng người xấu thì không bao giờ trở nên xấu, vì họ luôn luôn xấu rồi; và nếu quả đúng là họ trở nên xấu, thì trước đó họ đã phải là người tốt. Như thế các lời của bài thơ có ý chứng tỏ rằng một đàng không ai có thể liên tục là người tốt, nhưng họ có thể trở nên tốt và cũng có thể trở nên xấu; và ngoài ra, "những ai mà các thần yêu thích thì là những người tốt nhất trong thời gian dài nhất".

Tất cả điều này là nói về Pittacus, như được chứng minh ở đoạn tiếp theo. Vì tác giả nói thêm: "Vì vậy tôi sẽ không vứt bỏ cuộc đời mình để đi tìm cái không thể có, đi tìm một con người hoàn toàn vô tội giữa những người có chung một số phận với trái đất; (đây là cách ông tấn công Pittacus một cách dữ dội trong suốt bài thơ): nhưng "Tôi ca ngợi và yêu mến người nào không cố ý làm điều xấu; - ngay cả các thần cũng không chống lại nhu cầu". Ở đây cũng có một sự chuyển ý tương tự, vì Simonides không ngu dốt đến nỗi nói rằng ông ca ngợi người không cố ý làm điều xấu, như thể là cũng có một số người cố ý làm điều xấu. Vì tôi tin rằng không một người khôn ngoan nào lại cho rằng có ai trong loài người cố ý phạm sai lầm, hay cố ý làm điều xấu hay các hành vi ô nhục; nhưng họ ý thức rằng tất cả những người làm điều xấu và ô nhục đều làm vì miễn cưỡng. Và Simonides không bao giờ nói rằng ông ca ngợi người không cố ý làm điều xấu; từ "cố ý" (hay "tự ý") được áp dụng cho chính bản thân ông. Vì ông có cảm tưởng rằng một người tốt thường có thể tự buộc mình phải yêu mến và ca ngợi một người khác và cũng có thể có một thứ tình yêu không tự ý, như tình yêu mà một người có thể cảm thấy đối với một người cha hay một người mẹ thô lỗ, hay tình yêu đối với tổ quốc, hay một cái gì như thế. Thực vậy, những kẻ xấu khi cha mẹ hay tổ quốc họ có khuyết điểm gì, họ thường vui thích và rêu rao cho người khác biết cũng như bới lông tìm vết để tố cáo họ với mục đích làm cho người khác không chê trách họ, vì đã lỗi bổn phận đối với những người ấy. Và Simonides rất có thể đã cho rằng bản thân ông thường buộc phải miễn cưỡng ca ngợi và đề cao một nhà độc tài hay một bạo chúa nào đó, và ông cũng muốn ngụ ý với Pittacus rằng ông không chê trách ông ấy. "Vì tôi mãn nguyện khi một người không xấu cũng không quá ngu và khi họ biết công bằng (là sức mạnh của nhà nước) và có tinh thần lành mạnh, tôi sẽ không chê trách họ, vì tôi không muốn vạch lá tìm sâu, vì các điều ngu xuẩn thì vô số" (ngụ ý rằng nếu ông thích phê bình, ông có thể có vô vàn cơ hội để tìm ra những lỗi

lầm). "Cái tốt là cái không lẫn cái xấu". Trong câu này, ông không có ý nói cái tốt là cái không có gì xấu, giống như bạn có thể nói "Cái trắng là cái không có gì đen", vì nói như thế quả là nực cười; nhưng ông muốn nói rằng ông chấp nhận và không chê trách một tình trạng trung dung hay chừng mực. "Tôi không mong tìm được một con người hoàn toàn vô tội giữa những người có chung một số phận với trái đất; theo nghĩa này tôi không ca ngợi một người nào cả. Nhưng người nào tốt một cách chừng mực và không làm điều xấu là đủ đối với tôi, tôi yêu và tán thành mọi người như thế". Prodicus và Protagoras, tôi nghĩ đó là ý nghĩa thực sự của Simonides trong bài thơ này.

Hippias nói: Ông Socrates, tôi nghĩ ông đã đưa ra một cắt nghĩa rất hay về bài thơ này; nhưng tôi cũng có một lối giải thích tuyệt vời để trình bày cho ông, nếu ông cho phép.

Hippias, không được, Alcibiades nói; không phải bây giờ, nhưng để lúc khác. Lúc này chúng ta phải tuân thủ thoả thuận đã có trước giữa Socrates và Protagoras, là khi Protagoras muốn hỏi thì Socrates phải trả lời; hay muốn trả lời thì Socrates phải hỏi.

Nhưng Protagoras không tỏ rõ ý ông muốn hỏi hay trả lời. Vì thế Alcibiades quay sang Callias và nói:

- Callias, anh có thấy Protagoras xử sự đúng khi từ chối nói ông ấy muốn hay không muốn trả lời không? Riêng tôi tôi nghĩ chắc chắn ông ấy xử sự không hay chút nào; hoặc là ông ấy phải tiếp tục tranh luận, hay rõ ràng từ chối tranh luận, để chúng ta biết rõ ý ông ấy; lúc đó thì Socrates mới có thể thảo luận với một người nào khác và chúng ta có thể tự do nói chuyện với nhau chứ.

Tôi nghĩ Protagoras thực sự cảm thấy xấu hổ vì những lời của Alcibiades, và khi có thêm những lời yêu cầu của Callias và mọi người, cuối cùng ông chịu tiếp tục tranh luận và nói tôi sẽ hỏi và ông ấy trả lời.

Vì vậy tôi nói: Protagoras, thực ra tôi không có ý muốn hỏi thêm ông điều gì khác, mà chỉ muốn làm sáng tỏ một số thắc mắc của tôi. Vì tôi nghĩ Homer rất có lý khi nói rằng "Khi hai người cùng đi, thì một người thấy trước người kia", vì bất cứ ai có một người bạn đồng hành với mình thì sẽ sẵn sàng hơn trong hành vi, lời nói hay tư tưởng; nhưng nếu một người "Thấy một điều gì khi ở một mình", người ấy ngay lập tức đi tìm một ai đó để chia sẻ khám phá của mình với ước muốn được người kia nhìn nhận. Và tôi thích nói chuyện với ông hơn với bất cứ ai khác, và tôi nghĩ không một ai ngoài ông có một sự hiểu biết thành thạo về hầu như mọi vấn đề mà một người tốt có thể hiểu,

đặc biệt về nhân đức. Vì có ai khác ngoài ông ra? - ông không những là một người tốt và lịch lãm, ông còn tuyên bố ông có khả năng làm những người khác trở nên tốt, là điều mà không ai khác làm được. Ông không chỉ có bản chất của một con người tốt, ông còn là nguyên nhân làm cho người khác nên tốt. Hơn nữa, ông còn rất tự tin vì ông nói rằng, trong khi những nhà Ngụy biện khác phải che giấu thân phận họ, thì ông lại hiên ngang tuyên bố trước mọi người Hy Lạp rằng ông là một nhà Ngụy biện và một thầy dạy nhân đức, giáo dục; và là người đầu tiên đòi tiền thù lao cho công việc dạy dỗ của mình. Vì vậy tôi không thể không mời ông xem xét các đề tài này, hỏi ông các câu hỏi và xin ông lời khuyên? Tôi buộc phải làm việc này. Và tôi muốn một lần nữa được ông giúp tôi nhớ lại các câu hỏi mà tôi đã hỏi ông lúc đầu và cũng nhờ ông giúp tôi suy nghĩ về chúng. Nếu tôi không lầm thì câu hỏi là thế này. Các đức khôn ngoan, tiết độ, can đảm, công bằng và thánh thiện có phải là năm tên gọi của cùng một nhân đức không? Hay mỗi tên gọi mang một bản chất riêng và tương ứng với một vật riêng có chức năng riêng, không cái nào giống cái nào? Và ông nói rằng năm tên gọi này không phải là của cùng một vật, nhưng mỗi tên gọi có một đối tượng riêng và tất cả chúng là các thành phần của nhân đức, không giống như các phần của vàng đều giống nhau, nhưng giống như các phần của khuôn mặt, mỗi phần khác với toàn thể khuôn mặt và khác với mỗi phần khác và mỗi phần có một chức năng riêng. Tôi muốn biết bây giờ ông có còn vẫn nghĩ như vậy không; nếu không, tôi sẽ xin ông xác định lại ý ông và tôi không thể thảo luận với ông nếu bây giờ ông lại có một phát biểu khác. Vì tôi dám quả quyết rằng ông đã nói như thế chỉ là để thử tôi mà thôi.

Ông Socrates, tôi trả lời rằng tất cả các tính chất này là các phần của nhân đức, rằng bốn trong năm phần này thì giống nhau ở một mức độ nào đó, còn phần thứ năm, là can đảm, thì rất khác với bốn phần kia, như tôi sẽ chứng minh như sau: ông có thể nhận thấy rằng có rất nhiều người tuy hoàn toàn bất công, bất chính, vô độ, ngu dốt, nhưng lại nổi tiếng về lòng can đảm.

Dừng lại đã, tôi nói; điều này còn cần xét lại. Khi ông nói về những người can đảm, có phải ông muốn nói đến sự tự tin, hay một tính chất nào khác?

Đúng, ông nói; tôi muốn nói đến tính hăng hái, sẵn sàng làm cái mà những người khác sợ.

Tiếp đến, ông muốn khẳng định rằng nhân đức là một điều

tốt và ông là một thầy dạy về điều tốt ấy.

Đúng, ông nói; tôi còn nói điều tốt nhất trong mọi điều, vì tôi chắc tôi là một người lành mạnh.

Và nó một phần tốt một phần xấu, hay hoàn toàn tốt?

Hoàn toàn tốt và ở mức cao nhất.

Vậy ông hãy cho tôi biết: ai có lòng tự tin dám nhảy xuống một cái giếng?

Các thợ lặn.

Và lý do là vì họ biết lặn?

Đúng, đó là lý do.

Và người có tự tin khi chiến đấu trên lưng ngựa là những người cưỡi ngựa giỏi hay không biết cưỡi ngựa?

Những người cưỡi ngựa giỏi.

Và người tự tin khi chiến đấu bằng khiên nhẹ - đó là những người mang khiên hay không mang khiên?

Mang khiên. Và về mọi thứ khác cũng thế, ông nói, nếu đó là điều ông muốn hỏi: nhưng người có tri thức thì tự tin hơn những người không có và sau khi học, họ tự tin hơn trước khi học.

Và ông có bao giờ thấy ai hoàn toàn không biết gì về những điều này, nhưng vẫn tự tin về chúng không?

Có, tôi thấy có người rất tự tin.

Vậy những người tự tin này có phải là những người can đảm không?

Trong trường hợp này, ông nói, can đảm là một điều đáng khinh, vì những người loại này chắc chắn là những kẻ điên.

Vậy ai là người can đảm? Có phải là những người tự tin không?

Có, ông nói, tôi vẫn nhìn nhận như thế.

Và, tôi nói, nhưng người tự tin như thế mà không có tri thức thì không phải là can đảm thực, nhưng là điên; trong trường hợp này những người khôn ngoan nhất cũng là những người tự tin nhất và vì là tự tin, họ cũng là những người can đảm nhất và trên quan điểm này, một lần nữa ta phải nói rằng người khôn ngoan là người can đảm.

Không được, Socrates, ông đã hiểu sai điều tôi nói. Khi ông hỏi tôi, chắc chắn tôi có nói rằng người can đảm là người tự tin; nhưng ông không hỏi tôi người tự tin có là người can đảm không; vì nếu ông đã hỏi tôi như thế, tôi đã phải trả lời rằng "không phải tất cả:" và những điều tôi trả lời cho ông vẫn đúng, mặc dù ông tiếp tục muốn chứng minh rằng những người có tri thức thì can đảm hơn trước lúc họ có tri thức và can đảm hơn những người không có tri thức; và vì thế ông nghĩ can đảm cũng là khôn ngoan. Nhưng nếu theo kiểu lý luận ấy, thì ông sẽ có thể cho rằng sức mạnh là khôn ngoan. Nhưng giống như trong trường hợp trên, tôi nói về tự tin và can đảm

và cho rằng chúng không giống nhau, và tôi lý luận rằng người can đảm thì tự tin nhưng không phải mọi người tự tin đều can đảm. Vì con người có thể có sự tự tin nhờ nghệ thuật và cũng có thể nhờ giận dữ và điên rồ; nhưng họ có can đảm nhờ bẩm sinh và tình trạng tốt lành của linh hồn.

Tôi nói: Protagoras, ông có nhìn nhận rằng có người sống tốt và có người sống xấu không?

Ông ấy đồng ý.

Và ông có nghĩ một người sống trong đau khổ buồn phiền là người sống tốt không?

Không.

Nhưng nếu họ sống dễ chịu thoải mái suốt đời, ông có nghĩ là họ đã sống tốt không?

Tôi nghĩ là thế.

Vậy sống thoải mái là sống tốt và sống không thoải mái là sống xấu?

Đúng, ông nói, nếu sự thoải mái là điều tốt và đáng kính trọng.

Và Protagoras, ông có giống như mọi người khác coi một số điều thoải mái là xấu và một số điều đau khổ là tốt không? - vì tôi sẵn sàng nói rằng sự vật là tốt vì nó làm chúng ta dễ chịu, nếu nó không mang theo các hậu quả khác và nó là xấu nếu là làm chúng ta đau khổ.

Socrates, tôi không dám trả lời một cách vô điều kiện rằng cái dễ chịu là tốt và cái đau khổ là xấu. Dựa trên câu trả lời bây giờ của tôi và cả phần còn lại của đời tôi, tôi thấy an toàn hơn khi nói rằng có một số điều dễ chịu là tốt và một số không tốt, và cũng có một số điều không tốt mà cũng chẳng xấu.

Và ông gọi là dễ chịu những cái tham dự vào sự sung sướng hay tạo ra sự sung sướng phải không?

Chắc chắn, ông đáp.

Vậy ý tôi muốn nói là, vì chúng dễ chịu nên chúng là tốt; và câu hỏi của của tôi ngụ ý rằng khoái lạc là một điều tốt tự nó.

Theo cách nói ưa thích của ông, Socrates, chúng ta sẽ tìm hiểu về điểm này; và nếu kết quả cuộc tìm hiểu của chúng ta cho thấy rằng khoái lạc và điều tốt thực sự là một, thì chúng ta sẽ đồng ý với nhau; nhưng nếu không, chúng ta sẽ tranh luận tiếp.

Và, tôi nói, ông muốn mở đầu việc tìm hiểu này? Hay tôi bắt đầu trước?

Ông phải bắt đầu trước, ông nói; vì ông là tác giả đề tài thảo luận này.

Tôi xin dùng một ví dụ để minh họa, tôi nói. Giả sử có ai đi tìm hiểu về sức khỏe hay một phẩm chất cơ thể của một người khác: - người ấy nhìn khuôn mặt và các đầu ngón tay người này rồi nói, Anh hãy cởi áo cho tôi xem ngực

và lưng để có thể thấy rõ hơn; - đó là vấn đề tôi cần xem kỹ. Ông Protagoras, sau khi đã thấy ông nghĩ thế nào về cái tốt và khoái lạc, tôi muốn nói với ông: hãy mở tinh thần ông cho tôi xem, ông Protagoras và cho tôi biết ông nghĩ thế nào về tri thức, để tôi có thể biết được ông có đồng ý với mọi người khác không. Vậy, mọi người khác cho rằng tri thức không phải là một nguyên lý của sức mạnh, qui luật, hay mệnh lệnh; họ có khái niệm rằng một người có thể có tri thức, nhưng tri thức ấy của họ có thể bị chế ngự bởi nóng giận, hay khoái lạc, hay đau khổ, hay tình yêu, hay sợ hãi, - như thể tri thức là một tên nô lệ và có thể bị lôi kéo đi bất cứ đâu. Vậy quan điểm của ông thế nào? Hay ông có nghĩ tri thức là một điều cao quí và có quyền lực, không thể bị chế ngự và không thể cho phép một người làm bất cứ điều gì trái với tri thức, khi họ biết sự khác biệt giữa tốt và xấu, nhưng sự khôn ngoan sẽ có sức mạnh để giúp người ấy không?

Tôi đồng ý với ông, Socrates, Protagoras nói; và không chỉ có thế, hơn bất cứ ai khác, tôi hoàn toàn cho rằng khôn ngoan và tri thức là điều cao nhất của con người.

Tốt và đúng lắm, tôi nói. Nhưng ông có ý thức rằng đa số người ta lại nghĩ khác; và người ta thường biết những điều tốt nhất nhưng lại không làm các điều ấy khi họ phải làm không? Và đa số những người mà tôi hỏi lý do tại sao như thế thì họ nói những người hành động như thế là do áp lực của đau khổ, hay khoái lạc, hay một tình cảm nào đó mà tôi vừa mới nhắc đến.

Đúng, Socrates, ông đáp; và đây không phải là điểm duy nhất mà người ta mắc sai lầm.

Vậy, giả sử ông và tôi cùng cố gắng dạy dỗ và chỉ dẫn cho họ biết bản chất của thứ tình cảm này là gì, cái mà họ nói là bị khuất phục bởi khoái lạc và họ cho đó là lý do tại sao họ biết điều tốt hơn nhưng lại chọn cái xấu hơn. Khi chúng ta bảo họ; các bạn lầm rồi, các bạn nói không đúng, họ sẽ đáp lại; Socrates và Protagoras, nếu tình cảm này của linh hồn không thể được mô tả như là bị khuất phục bởi khoái lạc, thì nó là gì và các ông gọi nó là gì? Các ông cho chúng tôi biết đi.

Nhưng, Socrates, tại sao chúng ta phải quan tâm tới ý kiến của những người khác, họ chỉ nghĩ sao nói vậy mà thôi?

Tôi nghĩ ý kiến của họ có thể giúp chúng ta khám phá ra bản chất của can đảm và mối tương quan của nó với các phần khác của nhân đức. Nếu ông sẵn sàng duy trì sự thoả thuận vừa rồi của chúng ta, đó là tôi sẽ đi theo phương pháp mà tôi nghĩ là có thể giúp chúng ta tìm ra sự thật tốt nhất, thì ông hãy theo; bằng không, thì thôi.

Ông có lý đấy, ông ấy nói; và tôi muốn ông cứ tiếp tục.

Tốt lắm, tôi nói, vậy tôi xin giả sử rằng họ lặp lại câu hỏi của họ. Theo cách nói của các ông, các ông cắt nghĩa thế nào về câu nói bị chế ngự bởi khoái lạc? Tôi sẽ trả lời họ như sau: xin hãy nghe, Protagoras và tôi sẽ cố gắng cắt nghĩa cho các bạn. Khi người ta bị chế ngự bởi việc ăn uống và các dục vọng thể xác làm người ta sung sướng, khi người ta mặc dù biết chúng là xấu nhưng vẫn chiều theo, có phải các bạn gọi đó là bị chế ngự bởi khoái lạc không? Họ sẽ nhìn nhận là như thế. Và giả sử ông và tôi tiếp tục hỏi họ: các bạn nói chúng là xấu theo nghĩa nào, - vì chúng làm người ta dễ chịu và vui sướng trong lúc đó hay vì chúng làm người ta trở nên bệnh tật, nghèo khổ và các điều xấu khác giống như thế trong tương lai? Chúng có còn là xấu nữa không, nếu chúng không kéo theo các hậu quả xấu, mà chỉ đơn giản vì chúng tạo cho người ta ý thức về khoái lạc dù bản chất nó là gì? Hẳn là họ phải trả lời rằng chúng không xấu vì khoái lạc chúng đem đến ngay tức thì, nhưng vì các hậu quả mà chúng kéo theo - bệnh tật và các tệ hại tương tự, đúng không?

Tôi tin rằng người ta nói chung sẽ trả lời như thế.

Và khi gây ra bệnh tật, chúng không gây ra đau khổ sao? Và khi gây ra nghèo khổ, chúng không gây ra đau khổ sao? Họ cũng sẽ đồng ý trả lời như thế, đúng không?

Protagoras đồng tình.

Vậy tôi sẽ nói với họ, nhân danh tôi và nhân danh ông. Các bạn có nghĩ chúng là xấu vì lý do nào khác, ngoại trừ lý do là chúng dẫn đến đau khổ và cướp mất các niềm vui sướng khác của chúng ta: - họ sẽ nhìn nhận như thế chứ?

Cả hai chúng ta nghĩ họ sẽ nhìn nhận như thế.

Rồi tôi sẽ đặt câu hỏi từ một quan điểm đối nghịch và nói. Các bạn ơi, khi các bạn nói về các điều tốt mà gây đau khổ, không phải các bạn có ý nói đến các điều tốt dùng làm phương thuốc, như luyện tập thể dục, thi hành nghĩa vụ quân sự và các phương pháp mà thầy thuốc sử dụng như đốt, cắt, uống thuốc và nhịn đói sao? Có phải đó là các điều tốt nhưng đau đớn không? - họ sẽ đồng ý chứ?

Ông gật đầu.

Và các bạn có gọi chúng là tốt vì chúng tạo ra đau đớn lớn nhất và tức thì không, hay vì sau đó chúng mang lại sức khỏe cũng như cải thiện tình trạng cơ thể và sự cứu thoát của các nhà nước, các vương quốc và của cải? - họ sẽ đồng ý như thế chứ, nếu tôi không lầm?

Ông gật đầu.

Có phải các điều ấy là tốt vì bất cứ lý do nào khác ngoài việc

chúng dẫn đến sự sung sướng, loại trừ và đẩy xa được đau khổ không? Các bạn có đi tìm một tiêu chuẩn nào khác ngoài khoái lạc và đau khổ khi các bạn gọi chúng là tốt không? - hẳn là họ sẽ trả lời là không chứ?

Tôi nghĩ họ sẽ trả lời là không, Protagoras nói.

Và các bạn có tìm kiếm khoái lạc như là một điều tốt và tránh đau khổ như là một điều xấu không?

Ông gật đầu.

Vậy các bạn nghĩ đau khổ là một điều xấu và khoái lạc là một điều tốt; và ngay cả khoái lạc các bạn cũng cho là xấu khi nó tước mất của các bạn nhiều khoái lạc hơn là nó cho các bạn, hay gây ra nhiều đau khổ hơn là những khoái lạc mà nó có. Tuy nhiên, nếu các bạn gọi khoái lạc là đau khổ khi so với một tiêu chuẩn hay mục đích nào khác, thì các bạn phải cho chúng tôi biết tiêu chuẩn ấy là gì. Nhưng hiển nhiên các bạn không thể đưa ra được tiêu chuẩn nào đâu.

Tôi nghĩ họ không có tiêu chuẩn nào khác cả, Protagoras nói.

Và các bạn cũng có một cách thức tương tự như thế để nói về đau khổ chứ? Các bạn gọi đau khổ là một điều tốt khi nó lấy đi những đau khổ lớn hơn là những đau khổ nó tạo ra, hay cho nhiều khoái lạc hơn là đau khổ; vì tôi cho rằng nếu các bạn có một tiêu chuẩn nào khác hơn là khoái lạc và đau khổ, khi các bạn coi đau khổ hiện có đó là một điều tốt, thì các bạn phải chỉ cho chúng tôi thấy tiêu chuẩn ấy. Nhưng các bạn không có đâu.

Đúng thế, Protagoras nói.

Tốt, tôi nói với họ: vậy hỡi các bạn, vì sự cứu rỗi của đời sống con người hệ tại, sự chọn lựa đúng giữa sướng và khổ, - giữa nhiều hơn và ít hơn, giữa lớn hơn và nhỏ hơn, giữa gần hơn và xa hơn, nên việc đo lường này phải là sự suy xét về cái thái quá, cái bất cập và cái ngang bằng khi so sánh với nhau chứ?

Hoàn toàn đúng.

Và việc biết đo lường đúng này chắc hẳn cũng phải là một nghệ thuật và khoa học chứ?

Họ sẽ đồng ý là như thế.

Bản chất của nghệ thuật hay khoa học ấy sẽ là vấn đề chúng ta phải xét sau này; chứng minh có một khoa học như thế là một câu trả lời thoả đáng cho vấn đề mà các bạn đã hỏi tôi và Protagoras. Vào lúc các bạn nêu câu hỏi ấy, nếu các bạn còn nhớ, cả hai chúng tôi đã quả quyết rằng không có gì mạnh hơn trí thức và tri thức bất luận nằm ở đâu, cũng phải có ưu thế trên khoái lạc và mọi sự khác; và rồi các bạn nói rằng khoái lạc thường lấn lướt thậm chí cả một người có tri thức; và chúng tôi từ chối chấp nhận quan điểm ấy và

các bạn đã nói: ông Protagoras và Socrates, nếu tình trạng này không thể được gọi là bị chế ngự bởi khoái lạc, thì các ông hãy nói cho chúng tôi biết nó là gì; các ông gọi nó là gì? Nếu chúng tôi trả lời ngay lúc đó rằng đó là sự "ngu dốt", hẳn các bạn sẽ cười nhạo chúng tôi. Nhưng bây giờ, khi cười nhạo chúng tôi chính là các bạn cười nhạo chính mình: vì các bạn cũng nhìn nhận rằng người ta sai lầm trong các chọn lựa về khoái lạc và đau khổ; nghĩa là khi chọn lựa giữa tốt và xấu, do thiếu tri thức; và các bạn còn nhìn nhận thêm rằng họ không chỉ sai lầm vì thiếu tri thức nói chung, mà còn thiếu thứ tri thức đặc biệt là sự đo lường. Và các bạn cũng biết rằng sai lầm mắc phải vì không biết thì gọi là sự ngu dốt. Vì vậy, đây chính là ý nghĩa của tình trạng bị chế ngự bởi khoái lạc; - sự ngu dốt và nó là điều tệ hại nhất. Và các bạn Protagoras, Prodicus và Hippias của chúng ta tuyên bố họ là những thầy thuốc chữa bệnh ngu dốt; nhưng các bạn vì có ấn tượng sai lầm rằng ngu dốt không phải là nguyên nhân, nên các bạn đã không tìm đến với các Ngụy biện hay gửi con cái các bạn đến với họ, là các thầy dạy về những điều này - các bạn lo giữ tiền bạc của các bạn và không cho họ gì cả; và kết quả là các bạn trở nên tồi tệ cả trong đời sống tư lẫn công: - Chúng ta hãy giả sử đây là câu trả lời của chúng ta cho mọi người nói chung. Nhưng bây giờ tôi muốn hỏi riêng các anh Hippias, Prodicus và cả Protagoras nữa, các anh có nghĩ tôi nói đúng sự thật không?

Mọi người đều nghĩ tôi đã nói hoàn toàn đúng sự thật.

Vậy, tôi nói, các anh đồng ý rằng cái sướng là tốt và cái khổ là xấu. Và ở đây tôi xin anh bạn Prodicus của tôi đừng phân biệt thêm các tên gọi như là sung sướng, thích thú, dễ chịu. Anh bạn Prodicus lỗi lạc, tuy anh rất thích đặt cho chúng những tên gọi khác nhau, nhưng tôi yêu cầu anh hãy trả lời câu này theo ý tôi muốn hỏi.

Prodicus cười to và đồng ý, những người khác cũng vậy.

Vậy, tôi nói, các bạn nói thế nào về điều này? Có phải mọi hành động mà người ta làm đều nhằm mục đích giúp đời sống không phải đau khổ, nhưng dễ chịu, đáng kính trọng và có ích không? Công việc đáng kính trọng cũng là tốt và có ích phải không?

Đồng ý.

Vậy, tôi nói, nếu cái dễ chịu là tốt, thì không ai làm điều gì khi mà họ tin chắc rằng một điều gì khác có thể là tốt hơn và có khả năng đạt được, khi họ có thể làm cái tốt hơn. Và cái kém hơn của một người đối với chính mình là sự ngu dốt và cái cao hơn của một người đối với chính mình là sự khôn ngoan.

Tất cả đồng ý.

Và có phải sự ngu dốt là có ý kiến sai và bị lừa về những điều quan trọng không?

Đúng, họ hoàn toàn nhất trí điểm này.

Vậy, tôi nói, không ai tự ý tìm kiếm điều xấu, hay điều mà họ nghĩ là xấu. Thích điều xấu hơn điều tốt không phải là bản tính con người; và khi một người buộc phải chọn giữa hai điều xấu, không ai sẽ chọn điều xấu lớn hơn khi mà họ có thể chọn điều xấu nhỏ hơn.

Tất cả chúng tôi đồng ý về mọi lời vừa nói.

Tốt, tôi nói, có cái gọi là sợ hãi hay khiếp sợ; và ở đây, anh Prodicus, tôi đặc biệt muốn biết anh có đồng ý với tôi khi định nghĩa sợ hãi hay khiếp sợ là chờ đợi cái xấu xảy đến không?

Protagoras và Hippias đều đồng ý, nhưng Prodicus nói đó là sợ hãi chứ không phải là khiếp sợ.

Không sao, Prodicus, tôi nói; nhưng tôi xin hỏi, nếu các khẳng định trước của chúng ta là đúng, một người có sẽ tìm kiếm cái mà họ sợ trong khi họ không cần phải làm thế không? Phải chăng như vậy là mâu thuẫn với khẳng định chúng ta đã đồng ý, rằng họ nghĩ điều mà họ sợ là điều xấu; và không ai tìm kiếm hay cố tình chấp nhận điều mà họ nghĩ là xấu.

Mọi người cũng đồng ý với câu này.

Vậy, tôi nói, các anh Hippias và Prodicus, đây là các tiền đề của chúng ta; và tôi xin ông Protagoras cắt nghĩa cho chúng tôi biết làm sao ông có thể có lý khi nói những điều lần thứ nhất. Tôi không có ý nói đến những gì ông nói đầu tiên, vì phát biểu đầu tiên của ông, như các bạn còn nhớ, đó là trong khi nhân đức có năm phần, không phần nào giống phần nào; mỗi phần có một chức năng riêng biệt. Nhưng tôi không có ý nhắc tới phát biểu này, mà tôi muốn nói tới lời khẳng định mà sau đó ông đã nói rằng trong số năm nhân đức thì bốn nhân đức gần giống nhau, nhưng còn nhân đức thứ năm, lòng can đảm, thì khác xa các nhân đức kia. Và ông đã chứng minh điều này cho tôi như sau. Ông nói: Socrates, ông sẽ thấy rằng một số những người vô đạo đức, bất chính, vô điều độ và ngu dốt lại là những người rất can đảm; và điều này chứng minh rằng can đảm rất khác với các nhân đức khác. Lúc ấy tôi rất ngạc nhiên khi nghe ông ấy nói như thế và bây giờ tôi vẫn còn ngạc nhiên sau khi tôi đã tranh luận vấn đề này với các bạn. Vì vậy tôi đã hỏi ông ấy là có phải ông hiểu can đảm có nghĩa là tự tin không. Ông trả lời là đúng.

Ông ấy nhìn nhận đúng là thế.

Tốt, tôi nói, vậy ông hãy cho chúng ta biết người can đảm sẵn

sàng đối đầu với cái gì - cùng những cái như người hèn nhát ư?

Không, ông đáp.

Vậy là chống lại cái gì khác?

Đúng, ông nói.

Vậy là người hèn nhát tìm đến những chỗ an toàn, còn người can đảm tìm đến những chỗ nguy hiểm, đúng không?

Đúng, Socrates, đó là điều người ta vẫn nói.

Đúng, tôi nói. Nhưng tôi muốn biết người can đảm sẵn sàng đương đầu chống lại cái gì - chống lại các mối nguy hiểm, vì tin rằng chúng là nguy hiểm, hay không chống lại các mối nguy hiểm?

Không, ông ấy nói; điều này đã được chính ông chứng minh là không thể được, trong chứng minh trước của ông.

Đúng thế, tôi nói. Và nếu điều này đã được chứng minh là đúng, thì không ai tìm đến những gì mà họ tin là nguy hiểm, vì sự thiếu tự chủ khiến người ta tìm đến với nguy hiểm đã được chúng ta chứng minh là dấu hiệu của sự ngu dốt.

Ông ấy đồng ý.

Nhưng người can đảm cũng như người hèn nhát đều tìm đến những gì mà họ tin chắc; vì thế, theo quan điểm này, người can đảm và người hèn nhát đều tìm đến cùng một điều như nhau.

Nhưng, Protagoras, ông Socrates, cái mà người hèn nhát tìm đến thì ngược với cái mà người can đảm tìm đến; ví dụ, một người sẵn sàng ra chiến trường, còn người kia thì không.

Đi ra chiến trường là điều đáng trọng hay đáng khinh? Tôi hỏi.

Đáng trọng, ông đáp.

Và nếu đáng trọng, thì điều này đã được chúng ta nhìn nhận là điều tốt; vì chúng ta đã nhìn nhận rằng mọi điều đáng trọng đều là điều tốt.

Đúng thế; và tôi luôn luôn gắn bó với ý kiến này.

Đúng, tôi nói. Nhưng ai trong số hai người này, như ông nói, không muốn ra chiến trường, vốn là một điều tốt và đáng trọng?

Người hèn nhát, ông đáp.

Nhưng cái gì tốt và đáng trọng thì cũng dễ chịu, đúng không?

Chúng ta đã chấp nhận điều đó, ông đáp.

Và người hèn nhát có ý thức hay không khi từ chối đến với cái gì quí hơn, dễ chịu hơn và tốt hơn?

Chấp nhận điều này sẽ là phủ nhận những điều chúng ta đã nhìn nhận trước, ông đáp.

Nhưng người can đảm cũng đi tìm những cái tốt hơn, dễ chịu hơn và cao quí hơn, đúng không?

Chúng ta phải nhìn nhận như thế.

Và người can đảm không có sự sợ hãi hèn hạ hay sự tự tin hèn hạ?

Đúng, ông đáp.

Nhưng nếu không hèn hạ, thì là đáng trọng?

Ông nhìn nhận điều này.

Và nếu đáng trọng, thì là tốt?

Đúng.

Nhưng ngược lại, sự sợ hãi và tự tin của người hèn nhát hay điên khùng là điều hèn hạ?

Ông đồng ý.

Và các sự sợ hãi và tự tin hèn hạ này phát sinh từ sự ngu dốt và không được chỉ dạy?

Đúng, ông đáp.

Vậy, về động cơ thúc đẩy người hèn nhát hành động, ông gọi nó là tính hèn nhát hay lòng can đảm?

Tôi phải gọi là sự hèn nhát, ông đáp.

Và chúng ta cũng đã chứng minh rằng họ là những kẻ hèn nhát vì không biết các mối nguy hiểm?

Chắc chắn rồi.

Và vì sự ngu dốt đó mà họ là những kẻ hèn nhát?

Ông đồng ý.

Và ông nhìn nhận lý do khiến họ là kẻ hèn nhát chính là tính hèn nhát?

Ông đồng ý.

Vậy ngu dốt về cái gì là nguy hiểm và cái gì không nguy hiểm chính là sự hèn nhát?

Ông gật đầu tán đồng.

Nhưng, tôi nói, chắc chắn can đảm đối chọi với hèn nhát?

Đúng. Và sự khôn ngoan biết cái gì là nguy hiểm, cái gì là không đối chọi với sự ngu dốt về điều đó?

Ông cũng lại gật đầu tán đồng.

Và sự ngu dốt về những điều đó là tính hèn nhát?

Ông miễn cưỡng gật đầu.

Và sự hiểu biết cái gì là nguy hiểm cái gì không nguy hiểm, chính là lòng can đảm và đối chọi với sự ngu dốt về các điều này?

Đến lúc này, ông ấy không còn gật đầu tỏ sự tán đồng nữa, nhưng chỉ giữ im lặng.

Vậy, tôi nói, tại sao ông không đồng ý cũng không bất đồng, ông Protagoras?

Ông hãy tự kết thúc lý luận của ông đi, ông ấy nói.

Tôi chỉ muốn hỏi thêm một câu nữa mà thôi, tôi nói. Tôi muốn biết ông có còn nghĩ rằng có những người rất ngu dốt nhưng lại rất can đảm không?

Socrates, có vẻ như ông muốn dồn tôi tới chỗ phải trả lời, vì thế tôi sẽ làm vừa lòng ông và nói rằng tôi thấy điều này không thể được, nếu chúng ta muốn nhất quán trong lý luận.

Tôi nói, mục đích duy nhất của tôi khi tiếp tục thảo luận chỉ là muốn đạt được sự chắc chắn về mối

quan hệ giữa nhân đức và bản chất cốt yếu của nhân đức; vì nếu điều này được thấy rõ ràng, tôi rất chắc rằng các tranh luận khác mà chúng ta đã làm dài dòng - ông khẳng định còn tôi phủ nhận rằng nhân đức có thể dạy được - cũng sẽ trở nên rõ ràng. Kết quả cuộc thảo luận của chúng ta có vẻ rất đặc biệt. Vì nếu lý luận có thể lên tiếng giống như con người, hẳn nó sẽ cười chúng ta và nói: Protagoras và Socrates, hai anh là những con người kỳ lạ; các anh vừa nói rằng nhân đức không thể dạy được, thế mà bây giờ các anh lại nói ngược lại với chính mình khi muốn chứng minh rằng mọi sự đều là tri thức, kể cả công bằng, tiết độ và can đảm, - điều này chứng minh rằng chắc chắn nhân đức là cái có thể dạy được; vì nếu nhân đức không phải là tri thức, như Protagoras muốn chứng minh, thì rõ ràng nhân đức không thể dạy được; nhưng nếu nhân đức hoàn toàn là tri thức, như anh, Socrates, đang cố gắng chứng minh, thì tôi phải nhìn nhận rằng nhân đức có thể dạy được. Ngược lại, Protagoras là người bắt đầu nói rằng nó có thể dạy được, bây giờ lại sẵn sàng chứng minh rằng nó hoàn toàn không phải là tri thức; và nếu đúng là thế, thì nó không thể dạy được. Vậy, anh Protagoras, vì nhận thấy tình trạng các ý tưởng hỗn độn kinh khủng này, tôi rất muốn nó được giải tỏa. Và tôi muốn tiếp tục thảo luận cho tới khi chúng ta chắc chắn được nhân đức là gì và nó có thể dạy được hay không, sợ rằng chẳng may thần Epimetheus có thể lôi kéo và đánh lừa chúng ta trong tranh luận, vì thần này đã quên giúp đỡ chúng ta trong câu chuyện; và tôi thích Prometheus hơn Epimetheus: tôi luôn luôn cậy nhờ đến thần ấy mỗi khi tôi bận tâm tới các vấn đề quan trọng trong việc chăm lo cho đời sống của mình. Và nếu ông không phản đối, như tôi đã nói lúc đầu, tôi muốn ông giúp đỡ tôi trong việc tra cứu này.

Protagoras đáp: Socrates, bản tính tôi không bần tiện và tôi là người cuối cùng trên thế giới này có tính ghen tuông. Tôi chỉ có thể vỗ tay tán thưởng sự hăng say của ông trong tranh luận. Như tôi đã thường nói, tôi ngưỡng mộ ông hơn bất cứ ai tôi từng quen biết, chắc chắn là hơn mọi người trạc tuổi ông; và tôi tin ông sẽ trở thành một nhà triết học lỗi lạc. Chúng ta hãy trở lại đề tài này vào một dịp khác trong tương lai; bây giờ tốt hơn chúng ta nên quay sang một việc gì khác.

Hoàn toàn nhất trí, tôi nói, nếu ông muốn; vì tôi cũng thế, như đã nói lúc đầu, lẽ ra tôi đã phải làm một công việc từ lâu rồi, nhưng tôi đã phải hoãn lại theo yêu cầu của anh bạn Callias đáng quí của chúng ta. Bây giờ cuộc đối thoại của chúng ta kết thúc, chúng ta có thể về lo việc riêng của mình.

EUTHYDEMUS, NHỮNG CHÍNH KHÁCH GIÁO ĐIỀU VÀ CÁC TRIẾT GIA ĐÍCH THỰC

GIỚI THIỆU

Trong các bài Đối thoại của Plato, Euthydemus là tập trong đó Plato hầu như đã trở thành nhà thơ khôi hài. Đùa cợt nhiều hơn, mỉa mai cũng còn nhiều và sự tương phản giữa Socrates và hai nhà Ngụy biện, dù được che đậy, cũng đã được đào sâu hơn bất kỳ tác phẩm nào khác của ông.

Socrates kể cho Crito một cảnh đáng lưu ý trong đó chính ông có tham dự và hai anh em Dionysodorus và Euthydemus là những nhân vật chính. Họ là những người sinh trưởng tại Chios, bị trục xuất khỏi vùng Thurii, thời xưa đã xuất hiện ở Athens với tư cách thầy dạy về tu từ học và thuật chiến đấu bằng giáp sắt. Nay họ có thêm một kiểu chiến đấu mới; đó là chiến đấu bằng lời, cái mà dường như họ muốn dạy "ăn tiền thù lao". Và họ cũng còn có thể dạy về đức hạnh chỉ trong một thời gian ngắn và theo một cách hay nhất. Socrates, người luôn tìm thầy dạy đức hạnh, rất quan tâm đến chàng thanh niên tên là Cleinias, cháu của ông Alcibiades vĩ đại và muốn chàng hưởng được lợi ích từ giáo huấn của họ. Hầu như ông đã sẵn sàng phục lạy họ; dù rằng trong tâm trí ông có lúc hoài nghi về tính cách cao quý của việc họ làm.

Đông đảo người vây quanh Socrates, hai anh em kia, chàng thanh niên Cleinias cùng với người mến mộ chàng tên là Ctesippus và những người khác.

Cuộc trình diễn bắt đầu; và một cuộc trình diễn như vậy dường như cần phải cầu khẩn đến thần Ký ức và các Thi thần. Người ta thấy hai người anh em đến hỏi Cleinias. "Anh Cleinias này", Euthydemus nói, "ai là người học, người hiểu

biết hay người không hiểu biết?". "Người hiểu biết" Cleinias ngập ngừng trả lời với vẻ mặt đỏ bừng. "Tuy nhiên khi học người ta không hiểu biết và không khôn ngoan". Lúc đó Dionysodorus nói luôn: "Những kẻ học viết chính tả nơi thầy dạy văn phạm là ai; các kẻ thông minh hay những đứa ngu đần?" "Những đứa thông minh chứ". "Vậy sau cùng mọi người khôn ngoan đều học". "Và họ học", Euthydemus nói, "Cái họ biết hay cái họ không biết?". "Cái nói sau". "Và viết chính tả là viết các con chữ?" "Vâng". "Anh có biết các con chữ?" "Có". "Và anh thu được cái anh chưa có.' "Vậy anh học cái anh chưa biết".

Socrates sợ rằng chàng thanh niên Cleinias có thể sinh nản chí vì những cú đòn liên tiếp. Vì thế ông giải thích cho anh ta về tính chất của cái thủ tục mà anh ta phải trải qua. Hai người khách lạ không có nghiêm khắc đâu, có những câu bông đùa tại lễ nghi thần bí trước lễ nhập môn và anh ta đang bắt đầu đi vào phần thần bí của nghi thức. Tiếp theo là phần cổ vũ về đức hạnh, chính Socrates cũng rất muốn tiếp tục việc cổ võ này, bằng cách đưa ra ví dụ, theo cách nghĩ của riêng mình. Ông tiếp tục đặt câu hỏi với Cleinias. Kết quả của cuộc thăm dò có thể tóm tắt như sau:-

Mọi người đều ước muốn cái tốt; và tốt có nghĩa là sở hữu những điều tốt, như của cải, sức khỏe, vẻ đẹp, dòng dõi, quyền lực, vinh dự; không quên các nhân đức và sự khôn ngoan. Tuy nhiên trong vô số điều tốt này, cái tốt nhất hết thảy lại bị bỏ quên. Là cái gì vậy? Là Vận may. Nhưng liệu có cần đến vận may khi chúng ta đã có sự khôn ngoan?:-Trong mọi công việc hay ngành nghề chẳng phải người khôn ngoan cũng là người may mắn sao? Điều này thì được chấp nhận. Và còn nữa, sở hữu những cái tốt chưa đủ; mà còn phải biết sử dụng chúng một cách đúng đắn nữa. Và điều này chỉ có thể do tri thức mang đến mà thôi: tự thân chúng thì không tốt cũng không xấu, nhưng tri thức và khôn ngoan là cái tốt nhất, còn ngu muội và dại dột là cái xấu nhất. Kết luận là chúng ta phải có "sự khôn ngoan". Nhưng có thể dạy sự khôn ngoan được không? "Được", Cleinias nói. Socrates vui mừng về tính chân thật của chàng thanh niên khiến ông không cần phải bàn cãi về một trong những câu hỏi khó trả lời nhất. "Vì khôn ngoan là cái tốt nhất, nên anh ta phải trở nên một triết gia, hay là người yêu chuộng sự khôn ngoan". "Vâng tôi sẽ như vậy" Cleinias nói.

Sau khi Socrates đã đưa ra cái mẫu về phương thức huấn luyện của mình, hai người anh em bắt đầu lại việc cổ vũ cho nhân đức, theo một cách rất khác.

"Ông muốn cho Cleinias thành người khôn ngoan chứ?" "Phải". "Vậy anh ta chưa khôn ngoan sao?" "Chưa". "Vậy ông muốn anh ta thành cái anh ta hiện không phải là, chứ không phải là cái anh ta hiện đang là ư? - cái anh ta không phải là-có nghĩa là bỏ mình".

Đến đây Ctesippus, người mến mộ Cleinias thích thú nói chen vào, tưởng rằng mình sẽ dạy cho hai nhà ngụy biện một bài học về nhân cách. Nhưng anh ta bị vướng ngay vào mớ bòng bong thuộc về thuật ngụy biện của những người kia; và khi thấy dường như có một cơn bão đang tụ về, Socrates tìm cách trấn an anh ta với một câu khôi hài, lúc đó Ctesippus nói rằng anh ta không mắng mỏ hai nhà ngụy biện, mà chỉ có mâu thuẫn với họ thôi. "Nhưng", Dionysodorus nói, "Không có chuyện gọi là mâu thuẫn được. Khi anh và tôi diễn tả cùng một việc, hoặc anh tả việc này, còn tôi diễn tả việc kia, làm sao lại có mâu thuẫn nào trong đó?". Ctesippus không thể trả lời.

Socrates đi đến một kết luận rằng triết lý có thể học được. Và triết lý là sự sở hữu tri thức; và tri thức phải thuộc loại có ích, trong đó tri thức và thực hành phải khớp với nhau. Liệu có tri thức nào có được tính chất như vậy? Chẳng phải cái tri thức phải có trong bất kỳ nghệ thuật đặc thù nào; cũng chẳng phải nghệ thuật của nhà soạn diễn văn, là người biết cách viết nhưng lại không thể diễn đạt các bài ấy, mặc dù ai cũng phải thừa nhận rằng anh ta thuộc loại người khéo chiêu dụ các thú hoang. Nhưng đó chẳng phải là cái tri thức mà nhờ đó chúng ta đi tìm tri thức của tướng lãnh. Vì các vị tướng chuyển giao các nạn nhân của mình cho chính trị gia, như thợ săn giao con mồi cho đầu bếp, hoặc người bắt chim cút cho kẻ giữ chim; người ấy không sử dụng cái mà y thu được.

Có một giai đoạn trong lịch sử triết học trong đó cái già cỗi đang chết dần và cái mới chưa đủ chín muồi. Các đại triết gia như các triết gia trường phái Elea hay Heraclitus, vốn từng mở rộng phạm vi hiểu biết của trí tuệ con người, đã bắt đầu không còn được nói đến nhiều nữa. Họ chỉ còn tồn tại dưới những hình thức vốn đã ăn sâu trong ngôn ngữ-như những yếu tố tư duy phiền phức hoặc không còn được sử dụng hoặc thanh minh. Chính tính tuyệt đối đó đã có một thời được quy cho những khái niệm trừu tượng nhưng nay được gắn với những từ tượng trưng cho chúng. Triết học vào những thế hệ thứ nhất và nhì là một nỗ lực suy tư rất lớn và đầy cảm hứng, nhưng sang thế hệ thứ ba nó trở nên hay ngụy biện, theo từng chữ và hay tranh phần thắng.

Đó là cái giai đoạn triết học bị Plato châm biếm trong tập Euthydemus này. Những ngụy biện vốn được ông ghi lại nay có vẻ chỉ

là chuyện đùa với chúng ta, nhưng chẳng phải là chuyện đùa vào thời đại trước khi có lôgic học, khi những triết thuyết Hy Lạp trước đó đang suy tàn và lần đầu tiên ngôn ngữ bắt đầu làm cho tư tưởng con người thêm phức tạp. Ngoài ra ông ta còn châm biếm chúng nữa; chúng có lẽ nhận được nhiều hình thức tinh tế hơn qua bàn tay của những người nghiêm chỉnh duy trì chúng. Nơi Plato, chúng ta thấy chúng rõ ràng hơn và chúng ta có khuynh hướng tự hỏi làm sao đã từng có ai đó bị chúng làm cho thất vọng; nhưng chúng ta cũng phải nhớ rằng đã có một thời mà đầu óc con người khó khăn lắm mới thoát ra khỏi những ngụy biện đó.

Để đánh giá đầy đủ mục đích của tập Euthydemus, chúng ta nên mường tượng một trạng thái tinh thần trong đó không chỉ các cá nhân mà thôi, nhưng toàn thể các trường phái trong suốt hơn một thế hệ, được nêu sống động nhờ ước muốn loại trừ khái niệm ở yên một chỗ; trong đó những ý tưởng về không gian, thời gian, vấn đề, chuyển động, được chứng tỏ là hay mâu thuẫn và không có thực; trong đó tính chất của sự thay đổi định tính là một vấn đề nan giải và ngay cả sự khác biệt về trình độ, khi được áp dụng cho những ý niệm trừu tượng, không thể hiểu được; trong đó chính cái mâu thuẫn cũng bị từ chối; một mặt người ta xác định rằng mọi thuộc tính phải phù hợp với chủ thể và mặt khác không có thuộc tính nào phù hợp bất kỳ chủ thể nào; và rằng không có gì tồn tại, hay được biết hay có thể được nói ra. Ta hãy hình dung các tranh cãi được xúc tiến bởi sự nghiêm túc mang tính tôn giáo và hơn nữa sự tinh tế của triết học thiền viện, trong đó những từ mẹo của triết học được hoàn toàn tách ra khỏi nội dung của chúng. Đối với những tranh luận này, sự hài hước, hoặc của Plato thời xưa hay của Pope và Swift thời nay, cũng vẫn là kẻ thù tự nhiên. Chúng ta cũng không được quên rằng thời nay không có ngụy biện luận đồ sộ như vậy, không có mánh lới ngôn ngữ rành rành như vậy, không có tính trừu tượng khô khan và vô nghĩa như thế, không có kiểu tư duy mâu thuẫn với kinh nghiệm như vậy, là những cái không được tìm ra để thoả mãn trí óc của những người tìm tòi về mặt triết học trong một giai đoạn nhất định, hoặc khi nhìn từ một quan điểm duy nhất nào đó. Những nét đặc thù của ngụy biện luận trong thời đại chúng ta là chúng ta sống chung với chúng và vì thế thường không nhận biết chúng.

Aristotle đã phân tích nhiều về những ngụy luận trong sách "De Sophisticis Elenchis", mà Plato cũng nắm vững bản chất thực sự của chúng và thích mang ra để thử giễu cợt. Thoạt đầu chúng ta chỉ chú ý đến tính hài hước của lối

"reductio ad absurdum" (phương pháp bác bỏ lý luận vì nó dẫn đến vô lý), nhưng dần dần chúng ta nhận ra rằng một số câu hỏi quan trọng bắt đầu nổi lên. Ở đây, cũng như mọi nơi khác, Plato khai chiến chống lại những triết gia, vốn dùng từ ngữ thay sự việc, xé lý lẽ ra thành nhiều phần nhỏ, không chấp nhận khẳng định và vì thế làm cho không thể có tri thức được. Qua các ngụy luận này dường như có gián tiếp nói lên hai sự thật lớn : (1) Tình trạng không rõ ràng của ngôn ngữ, khiến cho phép cùng một từ có thể được dùng theo nhiều nghĩa khác nhau, hay với các cấp độ khác nhau của cùng một nghĩa; (2) Sự giới hạn cần thiết hay tính chất tương đối của các hiện tượng. Plato biết rõ rằng học thuyết tư tưởng của ông, cũng như thuyết Cái Tồn tại và Không Tồn tại của trường phái Êlêa, cũng chấp nhận cái tồn tại như là ngụy biện thuyết theo từ ngữ.

Tương phản với phần trình bày của các nhà ngụy biện là hai bài thuyết trình của Socrates về nhiều lãnh vực: (1) liên hệ chặt chẽ với đề tài thảo luận, trong khi các bài của phía ngụy biện lại không liên quan; (2) dùng giọng điệu dò hỏi gây được thiện cảm, có tác dụng khích lệ chàng thanh niên, thay vì "hạ gục người ta xuống", theo cách của hai nhà ngụy biện; (3) không có kết luận dứt khoát nào- vì trong khi Socrates và chàng thanh niên đồng ý rằng triết lý có thể học được, nhưng họ lại không có thể đi đến một kết quả cụ thể nào về thuật dạy triết học. Đây là câu hỏi sau này sẽ được trả lời trong tập Nền Cộng hòa và tập Politicus.

Người ta dễ nhận ra các nhân vật trong cuộc đối thoại. Một lần nữa Socrates xuất hiện trong vai một ông già, với một người cùng trạc tuổi tên là Crito, ông này là bố của Critobulus và đôi lần ngắt ngang câu chuyện với lời nhận xét theo cung cách người đối thoại trong tập Phaedo, có thêm phần trình thuật ở đoạn cuối; Socrates thì bông đùa về thói thích kiếm tiền của mình. Có một chàng thanh niên tên là Cleinias, cháu nội của Alcibiades, người có thể sánh ngang hàng với Lysis, Charmides, Menexenus và những người trẻ lỗi lạc khác mà từ nơi miệng họ nói ra Socrates rút ra được nhiều bài học cho chính mình, còn với họ ông luôn xem ra có mối quan hệ đầy thiện cảm. Việc nêu tên người cháu ông Alcibiades, được cho là đã chết lâu rồi, ở tuổi ngoài bốn mươi vào năm 404 trước CN, cho thấy không những khung cảnh đối thoại không thể có trước năm 404, mà còn có thể rằng cuộc đối thoại này là một trong những trước tác đầu tiên của Plato, ít nhất cũng không thể được soạn ra trước năm 390, hoặc sau một chút. Ctesippus, một người hâm mộ Cleinias, cũng có được giới thiệu với chúng ta trong tập Lysis và

xem ra vẫn giữ tính khí của một người trẻ ít nhiều náo động. Nhưng bài học chính yếu là hình ảnh của hai người anh em, vốn khó gần gũi vì tính mặt dày mày dạn, cùng bất kể đến điều họ nói với người khác và những gì người ta nói với họ và không bao giờ chịu thua. Tuy nhiên Euthydemus phần nào tinh tế và dí dỏm hơn, vẫn kiên trì theo đuổi đối thoại trong khi Dionysodorus đã phải nín thinh.

Phần kết của bài đối thoại bị chỉ trích là không thích hợp với dàn bài chung. Sự chỉ trích đó tương tự sự chỉ trích đối với Shakespeare và dựa trên khái niệm hẹp về sự đa dạng mà tác phẩm Đối thoại, giống như kịch nghệ, có vẻ chấp nhận. Plato trong sự sung mãn sức sáng tạo đã chọn viết một vở kịch trong một vở kịch, tựa như vẫn hằng đem lại cho chúng ta một lý lẽ trong một lý lẽ. Đồng thời ông muốn có cơ hội tấn công một lớp người khác cũng xa lạ với tinh thần triết học như Euthydemus và Dionysodorus. Những kẻ mà Plato cười nhạo trong phần kết tập Euthydemus là thuộc lớp người này. Họ nằm ở vùng biên địa giữa triết học và chính trị học; họ không bị nguy hiểm về chính trị, đồng thời sử dụng triết học như một phương thế phục vụ lợi ích riêng. Plato diễn tả ngồ ngộ họ như là làm cho hai cái tốt, triết học và chính trị, bị xấu hơn phần nào bằng việc làm sai lạc mục đích của cả hai.

Giáo dục là chủ đề thường gặp trong các tác phẩm Đối thoại do Plato viết vào thời gian đầu. Lời nhận xét kết thúc của Crito, rằng ông gặp khó khăn trong việc giáo dục hai đứa con của mình và lời khuyên của Socrates rằng ông không nên từ bỏ triết học chỉ vì mất tin tưởng nơi các nhà triết học, có vẻ là một sự chuẩn bị cho sự tuyên bố còn dứt khoát hơn nơi tập Meno rằng "Đức hạnh không có thể dạy được bởi vì không có thầy dạy".

EUTHYDEMUS, NHỮNG CHÍNH KHÁCH GIÁO ĐIỀU VÀ CÁC TRIẾT GIA ĐÍCH THỰC

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Socrates, *người tường thuật cuộc đàm thoại*
- Euthydemus
- Dionysodorus
- Ctesippus
- Crito
- Cleinias

Cảnh: trường Lyceum

Crito. Socrates này, người mà hôm qua ông ngồi nói chuyện tại Lyceum là ai vậy? Lúc đó có đông người vây quanh ông nên tôi chẳng tài nào lại gần để nghe được, nhưng tôi có thể nhón chân lên để nhìn thấy anh ta và tôi nhận ra rằng anh ta là một người lạ: anh ta là ai vậy?

Soc. Có hai người, Crito ạ, anh muốn nói đến người nào?

Cri. Người ngồi cách anh một chỗ về phía tay phải. Ở giữa là Cleinias, người con thứ của Axiochus, anh ta lớn như thổi; chỉ bằng trạc tuổi thằng Critobulus nhà tôi thôi, nhưng chững chạc hơn nhiều và rất đẹp trai; còn người kia thì gầy và trông còn trẻ hơn.

Soc. Người mà anh muốn nói tới, Crito ạ, chính là Euthydemus; về phía tay trái tôi là người anh của anh ta, tên là Dionysodorus, cũng tham gia vào cuộc chuyện vãn.

Cri. Tôi chẳng biết một ai trong hai người đó, Socrates ạ, tôi mường tượng họ là những người mới gia nhập nhóm Hùng biện. Họ thuộc vùng

nào và mức độ thông thái của họ ra sao?

Soc. Về gốc gác, tôi tin rằng họ cũng là người vùng này thôi, đến từ miền Chios và Thurii; họ bị đưa ra khỏi Thurii và đã sinh sống nhiều năm ở miền đất này. Về sự thông thái của họ, theo anh hỏi, anh Crito ạ, thì thật kỳ diệu - tuyệt vời! Trước giờ tôi chưa từng biết đến nhà đô vật tự do thực thụ là gì; họ đơn giản được dựng nên chỉ để chiến đấu, chẳng giống như anh em nhà Arcarnanian chiến đấu chỉ bằng thân xác, nhưng cặp này thật tuyệt trong việc dùng thân mình và có cách đánh rất phổ biến (bởi họ chuyên về chiến đấu có trang bị giáp sắt và sẵn lòng huấn luyện thuật này cho bất kỳ người nào trả tiền học cho họ) : họ cũng là những ông thầy về thuật đánh kiếm và sẵn sàng ra sân chiến đấu; họ cũng ra bài học bằng lời và cả những bài viết. Và đó chỉ là bước đầu của sự thông thái, nhưng cuối cùng họ đã thực hành thuật chiến đấu đến mức tận cùng và không chỉ nắm vững thuật chiến đấu mà lâu nay họ từng bỏ mặc; giờ thì chẳng ai dám nhìn thẳng vào họ: đó là tài khéo léo của họ trong cuộc chiến bằng lời, đến nỗi họ có thể bác bỏ bất cứ ý kiến nào dù đúng hay sai. Anh Crito này, giờ tôi nghĩ nên phó mình trong tay họ; bởi họ nói có thể chuyển tài năng cho bất kỳ ai trong một thời hạn ngắn.

Cri. Nhưng, Socrates này, anh chẳng phải đã quá già rồi sao? Hẳn phải có lý do để lo lắng về việc ấy?

Soc. Không đâu, Crito ạ; như tôi sẽ minh chứng cho anh thấy, bởi tôi có niềm an ủi khi được biết rằng họ bắt đầu thuật tranh luận mà tôi vốn thèm muốn có thể nói mãi từ thời xa xưa; năm ngoái hay là năm trước nữa họ chưa từng có được sự khôn ngoan mới mẻ này. Tôi chỉ e rằng mình lại chỉ gây tai tiếng cho hai vị khách lạ, như từng làm cho Connus, con trai Metrobius, người chơi đàn hạc, cũng còn là thầy dạy nhạc của tôi; vì khi đám trẻ tới với anh ta thấy tôi cũng đến, chúng cười nhạo tôi và gọi anh ta là thầy của ông nội. Giờ tôi chẳng muốn những khách lạ này phải nếm cái cách xử sự như thế, có thể họ ngại và không muốn nhận tôi chỉ vì lẽ ấy; do vậy, Cristo này, tôi sẽ cố thuyết phục vài ông già cùng theo tôi đến với họ, như tôi đã thuyết phục họ đến với

Connus và tôi hy vọng rằng anh cũng là một trong số đó; có lẽ chúng ta nên đem theo các con trai của anh để làm mồi; họ sẽ chịu nhận chúng và cũng sẽ vui lòng nhận chúng ta vì chúng.

Cri. Tôi chẳng có gì từ chối nếu như anh thích, Socrates ạ; nhưng trước tiên tôi mong rằng anh nói rõ cho tôi hay về sự khôn ngoan của họ, để tôi có thể biết trước điều chúng ta sắp học.

Soc. Tôi sẽ nói với anh ngay đây; bởi lẽ tôi không thể nói rằng mình đã không can dự: sự thật là tôi đã rất chú ý đến họ, tôi có nhớ và tôi rất muốn kể cho anh toàn bộ câu chuyện. Có lẽ do an bài mà tôi lúc đó ngồi một mình tại phòng thay đồ tại Lyceum như anh đã nhìn thấy và đang tính ra đi, khi vừa đứng dậy tôi nhận thấy có một điềm thiêng quen thuộc; vì thế tôi lại ngồi xuống và trong chốc lát có hai anh em Euthydemus và Dionysodorus bước vào và có nhiều người khác cùng đi theo họ, mà tôi tin là các đồ đệ của họ và họ đi lại trong khu có mái che; họ đi chừng không quá hai hoặc ba vòng thì Cleinias bước vào, người mà như anh nói đúng là rất bảnh bao; theo sau anh ta là một lố những người hâm mộ, một trong số đó là Ctesippus người Paeania, một trang thiếu niên tốt tướng, nhưng cũng có nét hoang dã của tuổi trẻ. Từ lối vào Cleinias đã trông thấy tôi lúc đó đang ngồi một mình, lập tức bước đến ngồi cạnh tôi ở phía tay phải, như anh đã tả; còn Dionysodorus và Euthydemus, lúc nhìn thấy anh ta, đầu tiên dừng lại nói với nhau điều gì, thỉnh thoảng lại liếc nhìn chúng tôi, bởi tôi rất chú ý ngắm họ; và rồi Euthydemus tiến đến và ngồi cạnh chàng thanh niên, còn người kia ngồi cạnh tôi về phía bên trái, những người khác ngồi đâu đó. Tôi chào hỏi hai anh em, là những người đã lâu tôi không gặp mặt; rồi tôi nói với Cleinias: Này Cleinias, hai người này, Euthydemus và Dionysodorus, không phải ít mà là rất thông thái đấy, bởi họ biết mọi thứ về chiến tranh, - mọi thứ mà một tướng tài phải biết về cách bày binh bố trận, chỉ huy quân đội và trọn vẹn thuật chiến đấu có trang bị giáp sắt; và họ còn biết cả về luật pháp nữa và có thể dạy người ta sử dụng vũ khí trên sàn đấu khi bị thương.

Nghe tôi nói vậy họ có vẻ khinh thường; quay nhìn nhau và rồi cả hai cùng phá lên cười; lúc sau Euthydemus mới nói: thưa ông

Socrates, những chuyện đó chúng tôi chẳng còn màng tới nữa; với chúng tôi chúng chỉ còn là nghề phụ thôi.

Tôi bèn nói, vậy nếu những nghề như thế các vị chỉ coi là thứ yếu, thế cái gì mới là nghề chính; xin hãy cho tôi biết, tôi nài xin đấy, cái sự học cao quý ấy là gì?

Thưa ông Socrates, anh ta trả lời, dạy về đức hạnh là nghề chính của chúng tôi; và chúng tôi tin rằng chúng tôi có thể truyền đạt việc ấy nhanh hơn và tốt hơn bất kỳ ai.

Chúa ơi! Tôi nói và các vị học cái đó từ đâu vậy? Tôi luôn nghĩ, như tôi vừa nói lúc nãy, rằng tài năng chính của các vị là thuật chiến đấu bằng giáp sắt; và đó là điều tôi thường nói về các vị, bởi tôi nhớ đó là điều các vị đã thú nhận khi ngày trước các vị đến đây. Nhưng nay nếu các vị thực sự có một tri thức khác, xin hãy thứ lỗi cho tôi: tôi nói với các vị như mình là kẻ bề trên và xin các vị thứ lỗi cho sự bất kính trong lời tôi vừa nói. Nhưng thưa ông Dionysodorus và Euthydemus, các vị có chắc về điều này chăng: vì lời hứa thì mênh mông quá đến nỗi có thể làm phát sinh cảm giác hoài nghi.

Ông Socrates ạ, ông có thể đối chiếu lời chúng tôi với sự thật.

Tôi thật nghĩ rằng khi có một kho báu như vậy các vị còn hạnh phúc hơn một đại vương nắm trong tay cả một vương quốc. Và xin hãy cho tôi biết liệu các vị có ý định phô bày sự thông thái này chăng hoặc các vị sẽ làm gì.

Đó là lý do vì sao chúng tôi đến đây, thưa ông Socrates; và mục đích của chúng tôi không chỉ phô bày, mà còn dạy cho bất cứ ai muốn học hỏi nữa.

Tôi có thể cam đoan với ông, tôi nói, rằng mọi kẻ không có đạo đức đều sẽ muốn học hỏi. Mà tôi là người đầu tiên; và có chàng thanh niên Cleinias, cùng Ctesippus; và ở đây có nhiều người khác, tôi nói tiếp, tay chỉ về phía những người mến chuộng Cleinias, là những người đang bắt đầu vây quanh chúng tôi. Lúc này Ctesippus đang ngồi cách Cleinias một quãng; và khi Euthydemus nghiêng mình về phía trước để nói chuyện với tôi, anh ta không nhìn thấy Cleinias đang ngồi giữa chúng tôi; và vì thế, một phần muốn ngắm người mến mộ và cũng vì phấn khích, anh ta nhảy cẫng lên và đứng đối diện với chúng tôi; và tất cả những người hâm mộ Cleinias khác, cũng như các môn sinh của Euthydemus và Dionysodorus đều làm theo anh ta. Và đó là những người mà tôi đã chỉ cho Euthydemus, nói với anh ta rằng tất cả những người ấy đều náo nức muốn học hỏi: về điều mà Ctesippus và tất cả bọn họ đồng thanh tán thành, buộc anh ta phải phô bày sức mạnh nơi sự khôn ngoan của

mình. Lúc đó tôi nói: Ô này Euthydemus và Dionysodorus, tôi thành khẩn nài xin các vị làm ơn trình bày cho chính tôi và những người cùng theo tôi. Có thể có một vài khó khăn nào đó trong việc phô diễn tất cả; nhưng hãy cho tôi biết một việc thôi,-các vị chỉ có thể làm những tốt lành với những người chịu tin rằng y phải theo học các vị hay cả cho kẻ không chịu tin như vậy? Hoặc bởi người đó tưởng rằng đức hạnh là cái y chẳng cần ai dạy dỗ hết, hay cả hai vị chẳng phải là thầy dạy về điều đó. Hãy cho biết phải chăng nghệ thuật của các vị có khả năng thuyết phục một kẻ như thế hiểu rằng đức hạnh có thể được dạy dỗ; và rằng các vị là những người mà y rất muốn được học.

Đây là nghệ thuật, thưa ông Socrates, Dionysodorus nói, và chẳng là gì khác.

Và này Dionysodorus, tôi nói, các vị là những người trong số những kẻ đang sống đây rất muốn khuyến khích y theo triết học và học nhân đức?

Đúng vậy, thưa ông Socrates, tôi nghĩ chúng tôi là thế.

Vậy tôi ước rằng các vị sẽ rộng lòng hoãn trình bày phần khác, để cố thuyết phục chàng thanh niên mà quý vị thấy đây, rằng anh ta phải trở thành một nhà hiền triết và học đức hạnh. Hãy biểu tỏ điều ấy và như thế là các vị đã ban ơn trọng cho tôi cũng như mọi người đang có mặt; vì thực ra tôi và tất cả chúng tôi đây đều rất nóng lòng cho cậu ta có thể thực sự nên tốt lành. Tên cậu ấy là Cleinias, con của Axiochus và là cháu của cụ Alcibiades, họ hàng gia đình nhà Alcibiades. Cậu ta còn khá trẻ và chúng tôi e rằng có kẻ nào đi trước chúng tôi, hướng tâm trí cậu ta theo chiều sai trái và như vậy cậu ta sẽ bị hủy hoại. Vì thế các vị đến đây thật là đúng lúc; và tôi hy vọng các vị thử thách cậu ta và biến đổi cậu ấy trước mặt chúng tôi, nếu các vị không từ chối.

Đó gần như đúng là những điều tôi đã nói; và Euthydemus, với giọng sang sảng đượm vẻ vui sướng, trả lời rằng: Chẳng có gì từ chối đâu, ông Socrates ạ, nếu như chàng trai này muốn trả lời các câu hỏi.

Cậu ta khá quen với việc đó, tôi trả lời; bởi các bạn của cậu ta thường đến đặt các câu hỏi và tranh luận với cậu ấy; vì thế cậu ấy sẽ thoải mái trả lời thôi.

Những việc tiếp theo, Crito ạ, làm sao tôi có thể kể rành rẽ được? Nếu tôi nhớ chính xác, lúc đó Euthydemus bắt đầu như sau: Ô này anh Cleinias, những kẻ đi học là người thông thái hay là người ngu dốt?

Chàng thanh niên, bị áp đảo trước câu hỏi, mặt đỏ bừng và trong cơn bối rối ngước nhìn tôi để cầu cứu; và tôi biết cậu ta bị lúng túng,

liền nói: Đừng sợ, Cleinias, nhưng hãy trả lời như một đấng nam nhi bất cứ điều gì cháu nghĩ; vì bác tin rằng cháu sẽ gặt hái được những điều tốt đẹp nhất từ các câu hỏi của những vị ấy.

Dù cậu ta trả lời thế nào, Dionysodorus ghé vào tai tôi cười, tôi tiên đoán rằng cậu ta cũng sẽ bị bẻ lại, ông Socrates ạ.

Trong lúc ông ta đang nói với tôi, thì Cleinias đã trả lời; kết quả là tôi lúc đó chẳng có thời giờ cảnh báo cậu ta về tình huống khó khăn bị đưa vào và cậu ta đã trả lời rằng những kẻ đi học là người thông thái.

Euthydemus liền tiếp lời: Có những người mà cậu gọi là thầy, phải không?

Cậu con trai đồng ý.

Và họ là thầy của những kẻ đi học-thầy dạy văn phạm và thầy dạy đàn lia thường dạy anh và các cậu trai khác; còn các anh là những học viên?

Vâng.

Và khi là học viên các anh không biết những cái các anh đang học?

Không biết, cậu ta nói.

Vậy lúc đó các anh có thông thái không?

Không, hiển nhiên rồi, cậu ta nói.

Nhưng nếu không thông thái thì các anh là những người dốt?

Đúng thế.

Vậy khi học điều mình không biết thì các anh là những kẻ dốt khi đang học?

Chàng thanh niên gật đầu đồng ý.

Vậy kẻ dốt đi học và không phải là kẻ thông thái, như anh tưởng, Cleinias ạ.

Nghe những lời ấy thì những người đi theo Euthydemus mà tôi đã nói, đồng thanh cười ồ lên, tựa như dàn đồng ca theo sự điều khiển của nhạc trưởng. Rồi trước khi chàng thanh niên kịp có thời gian để hoàn hồn, Dionysodorus nắm lấy tay cậu và nói: Phải đấy, Cleinias này và khi thầy dạy văn phạm đọc cho trò chép, chúng là những đứa trẻ thông thái hay là ngu dốt phải học chính tả?

Người thông thái, Cleinias trả lời.

Vậy nếu tất cả những người đi học là người khôn và không phải là người dốt; và như thế câu trả lời sau cùng của anh với Euthydemus là sai.

Lại một tràng cười và hò hét vang lên từ phía những người hâm mộ hai nhân vật này; họ là những kẻ bị mê mẩn vì sự khôn ngoan của các vị ấy; trong khi còn lại phía chúng tôi thì lặng thinh và kinh ngạc. Euthydemus nhận ra điều này, quyết định tiếp tục với chàng thanh niên; và để nâng cao hiệu quả ông tiếp tục hỏi câu khác tương tự, có thể so với cú quay vòng đôi của diễn viên múa chuyên

nghiệp. Những người đi học, ông ta nói, học điều họ biết hay điều họ không biết?

Dionysodorus nói thầm với tôi: Ông Socrates ạ, đó chỉ là một câu khác cùng loại.

Trời đất, tôi nói và câu hỏi sau cùng của các vị thật hay!

Như tất cả các câu khác thôi, thưa ông Socrates, anh ta trả lời, - không thể tránh được.

Tôi đã hiểu lý do, tôi nói, tại sao các vị có tiếng tăm như vậy giữa các môn sinh.

Trong lúc Cleinias trả lời Euthydemus rằng những kẻ có học thức học những cái họ không biết; anh ta lại đặt ra một chuỗi những câu hỏi như lần trước.

Chẳng phải là anh đã biết các con chữ sao?

Cậu ta đồng ý.

Tất cả các con chữ?

Vâng.

Nhưng khi thầy đọc cho các anh, chẳng phải là họ đọc các con chữ sao?

Cậu ta thừa nhận điều đó.

Vậy nếu các anh đã biết các con chữ rồi thì ông ta đọc cái mà anh đã biết rồi sao?

Cậu ta cũng lại thừa nhận điều đó.

Vậy, người kia nói, các anh không học cái mà ông ta đọc; nhưng chỉ có kẻ không biết các con chữ mới phải học?

Cậu ta thừa nhận điều đó.

Vậy, anh ta nói, anh đã trả lời sai rồi.

Khi còn chưa biết phải nói thế nào thì Dionysodorus đã lại lập luận, như quả banh anh ta đã nắm và ném thêm một cú nữa vào chàng thanh niên. Giờ hãy nói cho tôi biết chẳng phải là học tập tiếp thu được tri thức về cái mà người ta học sao?

Cleinias đồng ý.

Và hiểu biết là có tri thức vào một thời điểm nào đó?

Cậu ta thừa nhận.

Và không biết là không có tri thức ở thời điểm nào đó?

Cậu ta nhìn nhận điều đó.

Và phải chăng những người thu nhận những điều đó là những người có hay không có một sự gì?

Những người không có.

Và anh đã chẳng thừa nhận rằng những kẻ không biết nằm trong số những kẻ không có?

Cậu ta gật đầu đồng ý.

Vậy những người học thuộc tầng lớp những người thu nhận và không thuộc tầng lớp những người có?

Cậu ta đồng ý.

Vậy, Cleinias này, anh ta nói, những kẻ không biết mới học, chứ không phải là những người đã biết.

Euthydemus sắp cho chàng thanh niên một cú lật đổ thứ ba; phần tôi đã biết rằng cậu ta đã bị chìm sâu và vì thế vì muốn cho cậu ấy được ngơi nghỉ một chút và cũng để cho cậu ấy khỏi bị chán nản, tôi an ủi cậu ấy: Cháu đừng ngạc nhiên, Cleinias ạ, về nét kỳ quặc trong lối nói của các vị ấy: bác nói điều này bởi lẽ cháu có thể không hiểu việc họ đang làm với cháu; các vị ấy chỉ có ý làm lễ thọ giáo cho cháu theo cách của người Corybantes trong các nghi lễ thần bí; và việc này tuân theo sự tôn vinh là cái, như cháu sẽ thấy, có kèm theo nhảy múa và trò vui; và giờ đây họ sắp nhảy múa chung quanh cháu và tiếp đến là thủ tục thụ giáo cho cháu; ở giai đoạn này cháu phải tưởng tượng mình đã qua khỏi phần thứ nhất của nghi lễ phức tạp này, là cái, như Prodicus đã nói, khởi sự bằng việc khai tâm để sử dụng đúng từ ngữ. Hai ông khách lạ đây muốn giải thích cho cháu, vì cháu không biết, rằng từ "học" có hai nghĩa và được dùng, thứ nhất, theo nghĩa tiếp thu sự hiểu biết về một vấn đề nào đó mà trước đây cháu không biết và đồng thời, khi cháu đã nhận biết, thì theo nghĩa duyệt xét lại, cũng vấn đề này xem đã được làm hay đã nói dưới ánh sáng của sự hiểu biết đó; điều sau này thường được gọi là "biết" hơn là "học"; nhưng từ "học" cũng còn được dùng và cháu đã không thấy rằng từ đó đã được dùng nói về hai loại người đối nghịch nhau, về người biết và về người không biết, theo như họ giải thích. Có một mánh lới tương tự trong câu hỏi thứ hai, khi họ hỏi cháu xem người ta học cái người ta biết hay cái người ta không biết. Những phần học này không phải thật đâu và vì thế bác nói các vị đây không đáng sợ, mà chỉ đùa với cháu thôi. Và nếu như một người có đủ tất cả tri thức loại ấy như đã từng có, người ấy cũng chẳng phải là nhà thông thái; anh ta chỉ có thể đùa giỡn với người ta, tóm được sai sót của họ và lật nhào họ bằng những tương phản của chữ nghĩa. Anh ta giống như người kéo trệch cái ghế khỏi chỗ của ai đó khi người đó bắt đầu ngồi xuống và sau đó cười đùa và vỗ tay khi thấy bạn mình ngã sõng soài trên đất. Và cháu phải coi tất cả những chuyện nãy giờ chỉ như trò chơi thôi. Nhưng giờ thì bác chắc mẩm rằng họ sẽ đi vào việc và giữ đúng lời hứa; bởi các vị ấy đã hứa cho bác một thí dụ tiêu biểu của khoa triết học khích lệ, nhưng bác cho rằng họ muốn có một cuộc chơi với cháu trước đã. Và giờ đây, thưa ông Euthydemus và Dionysodorus, tôi nói, tôi nghĩ rằng chuyện này đã đủ cho chúng tôi rồi. Xin các vị cho tôi được mục kích việc phô diễn cho chàng thanh niên này, chỉ cho hắn biết làm cách nào hắn có thể chuyên tâm vào việc học nhân đức và sự khôn ngoan? Trước hết tôi

sẽ cho các vị thấy cái mà tôi mường tượng là bản chất của công việc và cái mà tôi ao ước được nghe; và nếu như tôi làm điều này một cách không khoa học và nực cười, thì cũng đừng nhạo cười tôi, bởi tôi chỉ mạo muội ứng biến trước mặt các vị, cũng chỉ vì lý do rất mong được nghe lời khôn ngoan của quý vị, và vì thế tôi xin các vị giữ bình tĩnh và cả các môn sinh của các vị cũng vậy. Và bây giờ, Ô này con trai của Axiochus, để bác đặt cho cháu một câu hỏi. Mọi người ai mà chẳng thèm khát hạnh phúc sao? Tuy nhiên, có lẽ đây là một trong những câu nực cười mà tôi e phải hỏi và là điều một người có óc xét đoán không thể hỏi: liệu có con người nào không ham muốn hạnh phúc?

Chẳng có ai mà lại không muốn, Cleinias nói.

Được, vậy, tôi nói, bởi tất cả chúng ta đều ham muốn hạnh phúc, làm sao để chúng ta được hạnh phúc? - đó là câu hỏi kế tiếp. Chúng ta sẽ chẳng hạnh phúc nếu chúng ta có nhiều đồ dùng tốt? Và đây có lẽ là một câu hỏi còn đơn giản hơn câu trước, bởi chẳng có thể nghi ngờ gì về câu trả lời.

Cậu ta tán thành.

Và những đồ dùng gì chúng ta cho là tốt? Chẳng cần phải có hiền triết nào để trả lời cho chúng ta chuyện này, nó có thể trả lời dễ dàng; bởi mọi người sẽ nói rằng giàu sang là một điều tốt.

Hẳn là thế, cậu ta trả lời.

Và chẳng phải sức khỏe và sắc đẹp là những cái tốt và cả những năng khiếu cá nhân?

Cậu ta đồng ý.

Vậy thì dòng dõi tốt, quyền lực và vinh dự tại quê hương mình cũng là những điều tốt?

Cậu ta tán thành.

Và còn những cái tốt nào khác? Tôi nói. Cháu nói gì về công bằng, tiết độ, can đảm: Cleinias này, cháu chẳng thực sự nghĩ rằng ta sẽ đúng hơn khi xếp chúng như những điều tốt hơn là không xếp chúng như điều tốt? Vì có thể có phát sinh tranh cãi về điều này. Vậy cháu nói sao?

Đó là những điều tốt, Cleinias nói.

Tốt lắm, tôi nói; và trong nhóm nào ta sẽ tìm thấy có chỗ cho sự khôn ngoan-trong số những điều tốt hay không tốt?

Trong số những điều tốt.

Vậy, tôi nói, hãy nghĩ xem chúng ta có bỏ sót những cái tốt đáng nói không?

Cháu không nghĩ rằng chúng ta đã làm như thế, Cleinias nói.

Suy nghĩ lại, tôi nói, quả thật bác e rằng chúng ta đã bỏ sót điều lớn lao hơn hết đấy.

Đó là điều gì thế? Cậu ta hỏi.

Vận may đó, Cleinias ạ, tôi trả lời; là cái mà mọi người, ngay cả kẻ ngu xuẩn nhất, cũng phải thừa nhận là điều lớn nhất trong những cái tốt.

Đúng vậy, cậu ấy nói.

Nghĩ thêm lần thứ hai, tôi thêm vào, ô này con của Axiochus, suýt nữa cháu và bác đã thành trò cười cho những vị khách lạ đây rồi.

Sao bác lại nói thế?

Sao, bởi vì chúng ta đã nói về vận may và chúng ta lại lặp lại thôi.

Bác muốn nói gì thế?

Bác muốn nói rằng thật đáng nực cười khi lại nói đến vận may; nói cùng một thứ những hai lần.

Cậu ta hỏi điều này nghĩa là sao, tôi mới trả lời: Chắc chắn khôn ngoan là vận may chứ còn gì; ngay một đứa con nít cũng biết điều ấy.

Chàng thanh niên chất phác ngớ người ra; và khi thấy điều ấy tôi bèn nói với cậu ta: Cleinias này, cháu có biết rằng những anh chàng thổi sáo là những người may mắn và thành công nhất trong việc biểu diễn bằng sáo sao?

Chàng ta đồng ý.

Và chẳng phải những người sao chép may mắn nhất trong việc viết và đọc chữ sao?

Chắc hẳn vậy rồi.

Giữa hiểm nguy của biển cả, còn gì may mắn hơn hết mọi sự là có được những hoa tiêu khôn ngoan?

Chắc chắn là chẳng có gì khác.

Và nếu như phải dính vào chiến tranh, ở bên người nào cháu dễ vượt qua được hiểm nghèo-ở phía vị tướng khôn ngoan hay phía viên tướng ngu xuẩn?

Phía người khôn ngoan.

Và nếu bị ốm đau, khi bị bệnh hiểm nghèo cháu thích có ai làm bạn đồng hành hơn-một thầy thuốc khôn ngoan hay một người khờ khạo?

Người khôn ngoan.

Cháu nghĩ, tôi nói, rằng hành động với một người khôn ngoan thì có nhiều cơ may hơn là hành động với một người khờ khạo chứ?

Cậu ta tán thành.

Vậy khôn ngoan luôn làm cho con người được may mắn; bởi nhờ khôn ngoan không ai có thể lầm lạc và vì thế người ấy phải hành động đúng và thành công, nếu không thì sự khôn ngoan của hắn sẽ chẳng còn là khôn ngoan nữa. Sau cùng chúng ta có thể đi đến một kết luận chung, rằng người có sự khôn ngoan rồi thì chẳng cần đến vận may nữa. Lúc đó tôi gợi cho cậu ta nhớ lại trạng thái trước đây của câu hỏi. Cháu có còn nhớ, tôi nói, chúng ta đã thừa nhận rằng chúng ta hạnh phúc và may mắn nếu có nhiều điều tốt hiện diện với chúng ta?

Cậu ta đồng ý.

Và chúng ta có sẽ hạnh phúc nhờ có những cái tốt, nếu chúng

chẳng sinh ích lợi cho ta hay có sinh ích lợi cho ta?

Nếu chúng sinh ích lợi cho ta, cậu ta nói.

Và liệu chúng có sinh ích lợi cho ta khi ta chỉ nắm giữ mà không sử dụng chúng? Chẳng hạn, nếu ta có nhiều lương thực nhưng không ăn, hoặc có nhiều thức uống nhưng không uống, liệu ta có được lợi gì không?

Hiển nhiên là không, cậu ta nói.

Hoặc một người thợ có đủ các dụng cụ để làm việc nhưng đã chẳng dùng đến liệu có là kẻ tốt hơn người phải có? Ví dụ người thợ mộc liệu có tốt hơn không khi có đủ dụng cụ và nhiều gỗ nhưng chẳng bao giờ làm việc?

Chắc chắn không, cậu ấy nói.

Và nếu một người giàu có và có tất cả những cái tốt mà chúng ta vừa nói, nhưng không sử dụng chúng, liệu người ấy có hạnh phúc chỉ bởi vì sở hữu chúng?

Quả thực là không, thưa bác Socrates.

Vậy, tôi nói, một người hạnh phúc không chỉ có những điều tốt, nhưng cũng phải sử dụng chúng nữa; chẳng có ưu thế gì khi chỉ sở hữu chúng không thôi?

Đúng vậy.

Được rồi, Cleinias ạ, nhưng nếu cháu vừa có lại vừa sử dụng những cái tốt, phải chăng là đủ để có hạnh phúc?

Theo ý cháu là đủ.

Nhưng con người ta có thể sử dụng chúng hoặc đúng hoặc sai chứ?

Phải sử dụng đúng.

Điều ấy rất đúng, tôi nói. Và việc sử dụng sai một sự còn tệ hại hơn là không sử dụng rất nhiều; bởi một cái là điều xấu, còn cái kia không tốt cũng không xấu. Cháu công nhận điều này?

Cậu ta đồng ý.

Bây giờ trong việc chế biến và sử dụng gỗ, chẳng phải điều mang lại sự sử dụng đúng chỉ là tri thức của bác thợ mộc sao?

Chẳng còn gì khác, cậu ta nói.

Và chắc chắn trong việc đóng tàu, tri thức chính là cái đem lại cách đúng để tạo ra chúng?

Chàng trai tán thành.

Và trong việc sử dụng những cái tốt mà chúng ta nói trước tiên - của cải, sức khỏe và sắc đẹp, chẳng phải là tri thức là cái hướng dẫn ta biết sử dụng đúng và hướng dẫn chúng ta thực hành chúng sao?

Tri thức, cậu ta trả lời.

Vậy trong mọi việc sở hữu và sử dụng một vật, tri thức là cái đem lại cho con người không chỉ vận may mà còn thành công?

Cậu ấy đồng ý.

Vậy hãy nói cho bác biết, tôi nói, ồ hãy nói cho bác, các việc sở hữu làm lợi gì cho con người, nếu chẳng có ý thức lẫn khôn ngoan?

Người ta nên tốt hơn, vì có và làm nhiều việc mà chẳng khôn ngoan, hay chỉ ít việc mà có khôn ngoan? Hãy xem vấn đề này. Nếu y làm ít chẳng phải là y sẽ phạm ít sai lầm? Nếu phạm ít sai lầm chẳng phải là ít rủi ro? Và nếu gặp ít rủi ro chẳng phải là y sẽ ít bất hạnh?

Đúng thế, cậu ta nói.

Và ai làm ít nhất-người nghèo hay người giàu?

Người nghèo.

Người yếu hay người mạnh?

Người yếu.

Quý tộc hay thường dân?

Thường dân.

Và một kẻ hèn nhát sẽ làm ít hơn người can đảm và tiết độ.

Vâng. Và người lười biếng ít hơn người năng động?

Cậu ta đồng ý.

Và người chậm chạp ít hơn người nhanh nhẹn; và kẻ nghe, nhìn kém ít hơn người có con mắt tinh tường?

Tất cả những cái này là do chúng ta thừa nhận với nhau.

Vậy, Cleinias này, tôi nói, tóm tại vấn đề xem ra là những cái tốt mà chúng ta nói trước đây không được coi là tốt trong bản chất, nhưng mức độ tốt xấu nơi chúng tùy thuộc vào việc chúng được hay không được tri thức dẫn dắt; dưới sự dẫn dắt của ngu dốt, chúng trở nên xấu xa hơn là cái đối nghịch của chúng và khi theo sự hướng dẫn của khôn ngoan và nhân đức, chúng trở thành những cái tốt lớn hơn; nhưng tự bản chất chúng chẳng là gì?

Điều này xem ra chắc như vậy, cậu ta nói.

Vậy, tôi nói, hậu quả của tất cả những chuyện này là gì? Chẳng phải là như thế này-rằng những cái kia thì chẳng có gì khác và rằng khôn ngoan là điều tốt duy nhất, còn ngu dốt là cái xấu duy nhất?

Cậu ta đồng ý.

Ta hãy xét thêm điểm này, tôi nói. Thấy rằng mọi người đều khao khát hạnh phúc và hạnh phúc, như đã thấy, có được nhờ sử dụng và sử dụng đúng các sự việc trong cuộc sống và việc sử dụng đúng những điều ấy, cùng vận may khi sử dụng chúng, có được nhờ tri thức,-suy ra rằng mọi người phải cố gắng bằng mọi cách làm cho mình thành khôn ngoan hết sức có thể?

Vâng, chàng thanh niên nói.

Và lòng ước ao giành được vật quý này, cái còn quý giá hơn tiền bạc rất nhiều, từ người cha hay người giám hộ, hoặc người bạn hay người cầu hôn, dù là công dân một nước hay ngoại kiều-ao ước và cầu khẩn họ truyền đạt sự khôn ngoan cho cháu, thì chẳng có gì là hổ thẹn hết, Cleinias ạ; cũng chẳng ai đáng trách cứ vì phục vụ hay chăm sóc người nào đó, là người mình yêu thích hay không, nếu chỉ nhằm đến

sự khôn ngoan. Cháu có đồng ý điều đó không, tôi nói?

Vâng, cậu ta nói, cháu rất đồng ý và nghĩ rằng bác nói đúng.

Phải đấy, cháu Cleinias này, nếu khôn ngoan chỉ có thể được dạy bảo chứ không tự đến với con người; thì đây là cái còn phải xem xét lại và chưa được bác cháu ta nhất trí.

Nhưng thưa bác Socrates, cháu nghĩ rằng khôn ngoan có thể được dạy bảo, cậu ấy nói.

Thật là con người tuyệt diệu, tôi nói, bác vui sướng khi nghe cháu nói thế; và bác cũng biết ơn cháu đã giải thoát bác khỏi phải suy luận dài dòng và mệt nhọc về việc liệu có thể dạy sự khôn ngoan được không. Nhưng giờ, vì cháu cho rằng khôn ngoan có thể được dạy bảo và rằng chỉ có khôn ngoan mới làm cho con người hạnh phúc, may mắn; cháu chẳng thừa nhận rằng tất cả chúng ta phải yêu quý sự khôn ngoan và đặc biệt cháu nên có tinh thần này và cố gắng yêu chuộng nó sao?

Chắc chắn, thưa bác Socrates, cháu sẽ cố hết sức.

Bác rất hài lòng nghe điều ấy; và tôi quay sang Dionysodorus và Euthydemus, nói: đó là một ví dụ, tôi biết là có vẻ vụng về và thiếu hấp dẫn, về một loại cổ vũ mà tôi ao ước các vị ban cho; và tôi kỳ vọng rằng một trong hai vị sẽ trình bày điều tôi vừa nói một cách khéo léo hơn; hãy cứ thẩm vấn những chỗ tôi còn bỏ sót và sau đó cho chàng thanh niên này thấy được có cần phải có tất cả mọi tri thức hay không; hoặc liệu có loại tri thức nào mà chỉ có nó mới làm cho cậu ấy nên tốt và hạnh phúc và đó là gì. Vì, như tôi nói lúc đầu, việc cải thiện con người trẻ tuổi này về nhân đức và khôn ngoan là một vấn đề chúng tôi thực tâm rất mong muốn.

Vì thế tôi đã nói, anh Crito ạ, và mọi chú ý đổ dồn về điều sắp đến. Tôi muốn xem cách họ đặt vấn đề và khởi đi từ chỗ nào trong việc cổ vũ chàng trẻ tuổi nên luyện tập khôn ngoan và đức hạnh. Dionysodorus, người anh, nói trước. Mắt mọi người đều hướng về ông ấy, nhận thấy có cái gì lạ lùng sắp xảy ra. Và chắc là họ không sai; bởi người đó, Crito ạ, bắt đầu một bài thuyết trình rất đáng nghe và thật thuyết phục cổ cũ về đức hạnh.

Hãy cho tôi biết, anh ta nói, thưa ông Socrates và các vị còn lại, là những người nói rằng các ông muốn người trẻ tuổi này trở nên khôn ngoan, các ông nói đùa hay thực sự nghiêm túc?

(Điều này làm tôi nghĩ rằng họ tưởng chúng tôi chỉ đùa khi yêu cầu họ biến đổi chàng thanh niên và vì thế khiến họ chỉ đùa vui thôi, cảm nghĩ như thế khiến tôi càng kiên quyết nói rằng chúng tôi hết sức nghiêm túc).

Dionysodorus nói:

Hãy nghĩ kỹ đi, ông Socrates; ông có thể phải phủ nhận lời nói của mình đấy.

Tôi đã nghĩ kỹ rồi, tôi nói; và sẽ không bao giờ phủ nhận lời mình nói đâu.

Được, anh ta nói và ông cũng nói rằng ông mong Cleinias trở nên khôn ngoan?

Không còn nghi ngờ gì nữa.

Và cậu ta hiện chưa khôn ngoan?

Ít nhất lòng khiêm tốn không cho phép cậu ấy nói rằng mình là khôn ngoan.

Ông muốn cậu ta, anh ta nói, trở nên khôn ngoan và không ngu dốt?

Đúng vậy.

Ông muốn cậu ta trở nên cái mà hiện cậu ta không là và không còn là cái mà cậu ta đang là.

Tôi đã bị dồn vào tình trạng sửng sốt về điều này.

Lợi dụng lúc tôi đang sửng sốt anh ta tiếp thêm:

Ông muốn cậu ta không còn là cái cậu ấy đang là, chỉ có thể hàm ý rằng ông muốn cậu ta bị hủy diệt. Những người ái mộ và bè bạn lại là những người muốn kẻ mình yêu thích không còn hay bị bỏ mạng!

Ctesippus nghe thấy vậy thì rất giận dữ (như một người ái mộ phải thế) liền nói: Hỡi những ngoại kiều miền Thurii-nếu phép lịch sự cho tôi được nói thế, các vị là... Điều gì có thể làm các người nói lời dối trá như vậy về tôi và những người khác, điều mà tôi không muốn lặp lại, rằng tôi muốn Cleinias bị bỏ mạng chứ?

Euthydemus trả lời. Anh có nghĩ, này anh Ctesippus, rằng có thể nói dối sao?

Đúng, Ctesippus nói; tôi có điên mới phủ nhận điều đó.

Và khi nói dối, người ta có kể về điều người ta nói hay không?

Người ta kể về điều người ta nói.

Và người đứng kể, kể rằng đó là điều hắn nói và không có gì khác?

Đúng, Ctesippus nói.

Và đó là điều tách biệt với các điều khác?

Chắc chắn thế.

Và kẻ nói điều đó nói nó là cái đó?

Phải.

Và kẻ nói đó là nó là kẻ nói sự thật. Và vì thế Dionysodorus, nếu ông ta nói đó là cái đó tức là nói sự thật về anh và không phải là nói dối.

Vâng, thưa ông Euthydemus, Ctesippus nói; nhưng khi nói cái này, ông ta nói cái không có.

Euthydemus trả lời: cái không có là không có.

Đúng thế.

Và cái không có thì chẳng ở đâu?

Chẳng ở đâu cả.

Và liệu có thể ai đó làm gì về cái mà chẳng hiện hữu, hoặc làm cho Cleinias cái không có và chẳng ở đâu sao?

Tôi nghĩ là không, Ctesippus nói.

Vậy, phải chăng những nhà hùng biện, khi nói trước cuộc họp, chẳng làm gì ư?

Không, anh ta nói, họ làm việc gì đó.

Và làm là tạo dựng?

Đúng.

Và nói là làm và tạo dựng?

Anh ta đồng ý.

Vậy không ai có thể nói rằng cái này không có, bởi khi nói thế, y chẳng làm gì; và anh đã thừa nhận rằng không ai có thể làm cái không có. Và vì thế, theo cách trình bày của anh, không ai nói điều sai; nhưng nếu Dionysodorus có nói điều gì, anh ta chỉ nói điều đúng và có.

Vâng, thưa ông Euthydemus, Ctesippus nói; nhưng khi vị ấy nói về những việc theo một lối và cách thức chắc chắn, chứ không phải như nói có trên thực tế.

Sao, này Ctesippus, Dionysodorus nói, anh có ý nói rằng ai đó nói về các việc như chúng có sao?

Vâng, anh ta nói, - thưa tất cả quý ông, những người nói sự thật. Và chẳng phải những điều tốt thì tốt, còn những điều xấu là xấu ư?

Anh ta đồng ý.

Và anh nói quý ông đây nói về các sự việc như nó vốn có sao?

Phải.

Vậy người tốt nói xấu về những điều xấu, nếu như họ nói về những điều như nó vốn vậy?

Vâng, quả thế, anh ta nói; và họ nói xấu về những người xấu nếu như tôi có thể cho anh một lời khuyên, thì anh nên lưu ý rằng họ không nói xấu về anh đâu, bởi vì tôi có thể nói cho anh hay rằng người tốt nói xấu về những chuyện xấu.

Và phải chăng họ nói những chuyện vĩ đại về những người vĩ đại, Euthydemus phấn khởi và những chuyện ấm áp về những người nồng ấm?

Vâng, quả thế, Ctesippus nói; và họ nói cách lạnh nhạt về những nhà biện chứng tẻ nhạt và lạnh lùng?

Anh là đồ lừa phỉnh, Ctesippus này, là đồ lừa phỉnh!

Không, tôi không phải thế, ông Dionysodorus ạ, anh ta trả lời; vì tôi quý chuộng ông và nói với ông lời khuyên thân tình và nếu như có thể, thuyết phục ông đừng nói với tôi lời lẽ bất lịch sự như thế rằng tôi muốn cho người tôi mến chuộng, người tôi đánh giá cao hơn mọi người, bị hủy diệt.

Thấy họ đang bực bội với nhau, tôi nói khôi hài với anh ta. Ồ này Ctesippus, tôi nghĩ chúng ta phải để cho những vị khách lạ này dùng ngôn ngữ theo cách riêng của họ và đừng cãi cọ với họ về từ ngữ làm gì, nhưng hãy cảm ơn về những điều họ đem đến cho chúng ta. Nếu họ biết cách phá hủy con người theo kiểu làm cho người ta nên tốt lành và nhạy bén, thoát khỏi con người xấu xa và ngu dốt - dù cho đây là khám phá của riêng họ, hay họ học được từ người nào khác, thì cái loại chết và hủy hoại mới này, cái làm cho họ giũ sạch con người xấu và thay vào bằng con người tốt-nếu họ biết việc này (và quả thật họ biết điều này-dù sao họ vừa nói đó là bí mật của nghệ thuật do họ mới phát minh)-hãy cứ để cho họ, theo cách nói của mình, hủy hoại chàng thanh niên và làm cho chàng nên khôn ngoan cũng như tất cả chúng ta cùng với chàng. Nhưng nếu các bạn trẻ không muốn phó mình cho họ, thì *fiat experimentum in corpore senis*; thì tôi sẽ là người Carian tùy họ điều khiển. Và đây tôi trao cái thân già của tôi cho ông Dionysodorus; ông có thể cho tôi vào lò, như Medea người Colchian, giết tôi, ngâm dấm tôi, ăn thịt tôi, nếu muốn để làm cho tôi nên tốt lành mà thôi.

Ctesippus nói. Phần tôi, thưa ông Socrates, tôi sẵn sàng phó mạng tôi cho các vị khách lạ; họ có thể lột sống da thịt tôi, nếu họ vui lòng (và tôi cũng đã được họ lột da khá đẹp rồi), giá mà da tôi sau cùng được làm, không giống da của Marsyas thành cái bầu da, nhưng thành một mảnh nhân đức. Và đây ông Dionysodorus tưởng rằng tôi giận dữ với ông sao, thực tình tôi chẳng có giận chút nào; tôi chỉ có mâu thuẫn với vị khi xem ra ông coi tôi bị sai lầm: và không được lẫn lộn giữa xỉ vả và mâu thuẫn, ồ thưa ông Dionysodorus lừng danh; bởi chúng là những thứ rất khác biệt nhau.

Mâu thuẫn! Dionysodorus nói; sao, chưa từng có chuyện như thế.

Chắc chắn có, cậu ta trả lời; không thể hoài nghi về chuyện đó. Thưa ông Dionysodorus, ông vẫn khăng khăng là không có ư?

Anh sẽ chẳng bao giờ chứng minh cho tôi thấy rằng anh đã nghe có người nào mâu thuẫn với người khác.

Thực vậy ư? Anh ta nói; vậy giờ đây ông có thể nghe thấy Ctesippus mâu thuẫn với Dionysodorus. Ông có chuẩn bị biến nó thành tốt không?

Được chứ, ông ấy trả lời.

Được, vậy chẳng phải là từ ngữ diễn tả các sự vật sao?

Đúng.

Về sự hiện hữu của chúng hay về sự không hiện hữu của chúng?

Về sự hiện hữu của chúng. Bởi, nếu tôi không quên, anh Ctesippus

này, chúng ta vừa mới chứng tỏ rằng không ai có thể khẳng định điều phủ định; bởi không ai có thể khẳng định cái không có.

Cái đó có nghĩa là sao, Ctesippus nói; ông và tôi có thể lại cũng mâu thuẫn về điều đó.

Nhưng liệu chúng ta có thể mâu thuẫn nhau, Dionysodorus nói, khi cả hai chúng ta cùng diễn tả về cùng một việc? Vậy chắc là chúng ta phải nói cùng một việc?

Anh ta công nhận điều đó.

Hoặc là khi chẳng ai trong chúng ta nói về cùng một việc? Bởi vì khi đó chẳng ai trong chúng ta nói một lời nào cả về việc ấy?

Anh ta cũng chấp nhận điều đó luôn.

Nhưng khi tôi diễn tả một cái và anh diễn tả cái khác, hoặc tôi nói một điều còn anh chẳng nói gì - có mâu thuẫn không? Làm sao người nói có thể mâu thuẫn với người không nói chứ?

Đến đây Ctesippus lặng thinh; và trong lúc tôi còn đang ngạc nhiên anh ta cất tiếng nói: Ông có ý nói gì, thưa ông Dionysodorus? Tôi đã thường nghe và cũng ngạc nhiên khi nghe luận điểm này của ông, cái từng có và được sử dụng do các học trò của Protagoras và những người khác có trước họ, và là cái mà tôi xem ra khá lý thú và dẫn đến tự huỷ diệt, cũng như phá hoại và tôi nghĩ rằng mình gần như nghe được chính xác về nó từ phía ông. Châm ngôn có câu không có cái gì gọi là sai lầm; người ta chỉ có thể nói cái gì là đúng hoặc chẳng nói gì. Đó chẳng phải là vị thế của ông sao?

Anh ta đồng ý.

Nhưng nếu kẻ không thể nói sai, y chẳng thể suy nghĩ sai chứ?

Không, hắn không thể, anh ta nói. Vậy thì chẳng có chuyện như là ý tưởng sai?

Không, anh ta nói.

Vậy chẳng có chuyện như là ngu dốt, hoặc người ngu; bởi không có sự ngu dốt, liệu có chuyện như là lầm các sự kiện?

Chắc thế, anh ta nói.

Và chuyện đó là không có thể?

Không thể, anh ta trả lời.

Dionysodorus này, có phải ông đang nói chuyện này như là sự nghịch lý; hay ông có nghiêm túc bảo lưu ý kiến cho rằng không có ai là ngu dốt?

Ông bỏ lại tôi sao? Anh ta nói.

Nhưng làm sao mà tôi có thể bỏ lại anh, nếu như anh nói không thể có sai lầm?

Đúng lắm, Euthydemus nói.

Chẳng phải là tôi đã bảo anh bỏ lại tôi, Dionysodorus nói; vì làm sao tôi có thể bảo anh làm điều không có được?

Ồ này Euthydemus, tôi nói, tôi chỉ có một ý niệm tồi về những sự tinh tế này và những phương sách tuyệt hảo của sự khôn ngoan; tôi e rằng mình khó mà hiểu được chúng và các vị phải thứ lỗi cho tôi nếu tôi xin hỏi một câu ngu xuẩn; phải chăng không có sự sai lầm hoặc ý kiến lầm hoặc sự ngu dốt, chẳng có những chuyện như hành động không đúng, bởi con người không thể không hành động như đang hoạt động-đó là cái ông muốn nói chứ?

Đúng, anh ta trả lời,

Vậy bây giờ, tôi nói, tôi sẽ hỏi câu hỏi ngu ngốc của tôi; nếu như có chuyện như sai lầm trong việc làm, lời nói hay tư tưởng, vậy thì nhân danh sự thiện, các vị đến đây để dạy bảo sao? Và các vị đã chẳng vừa nói rằng các vị có thể dạy nhân đức tốt hơn hết cho mọi người và cho bất kỳ ai có thể học hỏi?

Và ông có phải là ông già xuẩn ngốc, thưa ông Socrates, Dionysodorus hớn hở, mà đã đem đến điều tôi nói trước tiên-và nếu tôi năm ngoái có nói điều gì, tôi cho rằng ông sẽ nêu lên-nhưng không thêm vào những lời tôi vừa thốt lên?

Sao, tôi nói, chúng không dễ để trả lời; bởi đó là những lời của những con người khôn ngoan; và quả thật tôi gặp rất nhiều khó khăn để biết được cái mà các vị muốn nói trong câu nói sau cùng, "rằng tôi không thêm vào chúng. Ông có ý muốn nói điều gì, thưa ông Dionysodorus? Ông hẳn có ý nói rằng tôi không có bác bẻ gì chúng. Hãy cho tôi biết nếu như các từ ngữ có bất kỳ ý nghĩa nào khác.

Không, anh ta nói; ý nghĩa của chúng là chẳng có khó khăn gì trong việc trả lời chúng; và tôi mong rằng ông có thể trả lời.

Thế cơ à, trước mặt các ông sao, thưa ông Dionysodorus? Tôi nói.

Ông hãy trả lời đi, anh ta nói.

Và vậy có được không?

Vâng, rất được, anh ta nói.

Theo nguyên tắc nào? Tôi nói. Tôi chỉ có thể tin rằng ông là người rất khôn ngoan, đến với chúng tôi trong tư cách một nhà lôgic học vĩ đại và là người biết lúc nào trả lời và lúc nào không-còn giờ đây ông chẳng mở miệng chút nào, bởi lẽ ông biết rằng mình không thể.

Ông chỉ nói huyên thuyên, anh ta nói, thay vì trả lời. Nhưng, thưa ông, nếu ông nhận rằng tôi khôn ngoan thì hãy trả lời như tôi nói.

Tôi tin rằng mình phải vâng lời, bởi ông là ông thầy mà. Hãy đặt câu hỏi.

Những vật có ý nghĩa thì sống hay không sống?

Chúng sống.

Và ông có biết bất kỳ từ nào có sự sống không?

Tôi không thể nói rằng tôi biết.

Vậy tại sao ông hỏi tôi những lời tôi nói có ý nghĩa gì?

Sao, bởi tôi ngu si và đã phạm sai lầm. Tuy nhiên sau cùng tôi cũng đúng khi nói rằng từ ngữ có ý nghĩa; ông nói gì, hỡi con người khôn ngoan? Nếu tôi không sai lạc và các vị không bác bẻ tôi, tất cả sự khôn ngoan của các vị sẽ chẳng thêm lên được; nhưng nếu tôi rơi vào lầm lạc, thì các vị lại sai khi nói rằng chẳng có sự lầm lạc,-và bình luận này do các vị đưa ra cách nay chưa đầy một năm. Tuy nhiên tôi có ý, thưa ông Dionysodorus và Euthydemus, rằng cuộc tranh luận này chẳng tiến triển được là mấy; cho dù tài của các vị trong sự tinh tế về lôgic thực kỳ diệu, nhưng đã không tìm ra lối loại bỏ cái khác và chính các vị không vấp ngã.

Ctesippus nói. Hỡi các người miền Chios, Thurii, hoặc các vị gọi mình là gì và thế nào, tôi ngạc nhiên về các vị, bởi các vị xem ra không bỏ cách nói những chuyện vô nghĩa.

E rằng sẽ có chuyện to tiếng, tôi vội xoa dịu Ctesippus, liền nói với anh ta. Này Ctesippus, tôi phải lặp lại điều trước đây tôi đã nói với Cleinias-rằng cậu không hiểu tính chất khác thường của các nhà hiền triết này. Họ không nghiêm nghị, nhưng, tựa như thầy phù thủy Ai cập Proteus, họ dùng những hình thức khác nhau và đánh lừa chúng ta bằng những việc làm ta say mê: và ta hãy, theo gương Menelaus, không để họ ra đi cho tới khi họ cho chúng ta thấy hình thái và bản chất thật của họ. Khi họ nghiêm chỉnh vẻ đẹp toàn diện của họ sẽ lộ ra; do vậy chúng ta hãy van xin, khẩn nài và cầu khẩn họ hãy sáng tỏ. Và tôi nghĩ rằng mình nên cho họ thấy một lần nữa cách thức tôi cầu khẩn được ngắm nhìn họ. Tôi sẽ tiếp tục chỗ tôi bỏ sót trước đây, với hết sức có thể, hy vọng rằng tôi có thể chạm đến quả tim của họ và làm cho chúng biết xót thương và khi họ thấy tôi hết lòng nghiêm túc, họ cũng sẽ nghiêm túc theo. Còn cháu, hỡi Cleinias, tôi nói, nhớ nhắc bác chỗ bác đã bỏ quên. Chúng ta đã chẳng đồng ý rằng triết học có thể học sao? Và chẳng phải đó là kết luận của chúng ta sao?

Vâng, cậu ta trả lời.

Và triết học là sự đạt được tri thức?

Vâng, cậu ta nói.

Và tri thức nào chúng ta cần phải đạt được? Đó chẳng phải là câu trả lời đơn giản, tri thức là cái sẽ làm cho chúng ta nên tốt?

Chắc chắn thế, cậu ta nói. Và chúng ta có sẽ thành người tốt hơn khi biết về những nơi cất giấu vàng trong lòng đất?

Có thể, cậu ta nói.

Nhưng chúng ta đã chẳng chứng tỏ được, tôi nói, rằng chúng ta

chẳng là người tốt hơn, ngay cả khi không gặp trục trặc gì và đào được tất cả vàng có trong lòng đất là của chúng ta? Và nếu chúng ta biết cách biến đá thành vàng, tri thức đó cũng chẳng có giá trị gì với ta, trừ phi chúng ta biết cách sử dụng vàng? Cháu không nhớ sao? Tôi nói.

Cháu nhớ rất rõ, cậu ta nói.

Và những tri thức khác hoặc làm ra tiền, hoặc về thuốc men hay về những thuật khác vốn chỉ biết cách làm ra một vật và không sử dụng cái được làm ra liệu có ích gì cho chúng ta. Có đúng thế không?

Cậu ta đồng ý.

Và nếu có một tri thức có thể biến con người thành bất tử, nhưng không cho họ biết cách sử dụng sự bất tử và cũng chẳng có công dụng gì trong nó, như ta có thể biện luận theo phép loại suy từ những trường hợp trên?

Cậu ta tán thành tất cả những chuyện này.

Vậy, này cháu trai, tôi nói, tri thức mà chúng ta mong muốn là cái có thể sử dụng cũng như chế tạo?

Đúng vậy, cậu ta nói.

Và ước vọng của chúng ta không phải là thành những kẻ đóng đàn lia tài tình, hoặc những nghệ nhân loại đó; nhưng còn đi xa hơn thế: bởi với họ thuật chế tạo chỉ là một, còn thuật sử dụng lại là chuyện khác. Khi phải thực hành với cùng một cái, chúng tách biệt ra; vì thuật chế tạo và thuật chơi đàn lia rất khác biệt nhau. Bác nói chẳng đúng sao?

Cậu ta đồng ý.

Và rõ ràng chúng ta không muốn thuật của người làm sáo; vì đó cũng chỉ là cái khác thuộc cùng một loại?

Cậu ta nhất trí.

Nhưng giả dụ, tôi nói, rằng chúng ta phải học thuật diễn thuyết-liệu đó có phải là thuật làm cho chúng ta vui sướng?

Cháu nghĩ rằng không, Cleinias vui vẻ nói.

Cháu có bằng chứng gì về chuyện đó? Tôi hỏi.

Cháu thấy, cậu ta trả lời, rằng có nhiều người soạn diễn văn không biết cách dùng những bài diễn văn do mình làm ra, y như người làm đàn lia không biết cách sử dụng đàn lia; và cũng như một số người tự bản thân họ không thể soạn được các bài diễn văn, nhưng có thể dùng các bài diễn văn do người khác làm cho họ; và điều này chứng tỏ rằng thuật làm diễn văn chẳng giống thuật sử dụng chúng.

Phải, tôi nói; và điều đó theo tôi là chứng cứ đủ để nói rằng thuật làm diễn văn không phải là cái làm cho người ta vui sướng. Tuy nhiên bác nghĩ rằng cái thuật mà chúng ta đang tìm có thể được khám phá nơi hướng đó; bởi những người

soạn diễn văn, bất cứ khi nào gặp gỡ, bác luôn thấy họ là những con người rất phi thường, Cleinias ạ và nghề của họ thì cao quý và linh thiêng, không có gì phải ngạc nhiên. Bởi nghề của họ là một phần của nghệ thuật gây rất nhiều say mê và khó lòng, nếu không muốn nói là chẳng bao giờ thua kém; và trong khi nghề của thầy bùa là tìm cách quyến rũ rắn, nhện và bọ cạp, cùng những quái vật và sâu bọ khác, thì nghề này tác động lên những thành viên hội đồng xét xử và đại biểu đại hội quốc dân cùng với những nhóm người khác, để phủ dụ và động viên họ. Cháu có đồng ý với bác?

Có, cậu ta nói, cháu nghĩ bác rất đúng.

Vậy ta sẽ đi đâu, tôi nói, và trông cậy vào thuật nào đây?

Cháu chưa nhìn ra, cậu ta nói.

Nhưng bác thì thấy rồi, tôi trả lời.

Khái niệm nào vậy? Cleinias hỏi.

Bác nghĩ rằng thuật chỉ huy ba quân là một nghề có lẽ làm cho người ta vui thú nhất.

Cháu không nghĩ thế, cậu ta nói.

Sao lại không? Tôi nói.

Thuật của tướng lĩnh chắc chắn là thuật đi săn người.

Thì đã sao nào? Tôi nói.

Sao, cậu ta nói, không có thuật săn bắn nào vượt ra ngoài việc đi săn và bắt giữ; và khi con mồi bị bắt họ có thể không dùng chúng; nhưng thợ săn hoặc thợ câu giao nó cho đầu bếp và những nhà hình học, thiên văn học và nhà tính toán (tất cả đều thuộc tầng lớp đi săn, vì họ không làm các biểu đồ, nhưng chỉ tìm ra cái trước đây có chứa trong chúng)-họ, tôi nói, không có thể sử dụng mà chỉ biết bắt mồi, chuyển giao những phát minh của mình cho những nhà biện chứng theo lời họ yêu cầu, nếu chúng có ý nghĩa nào đó.

Tốt, tôi nói, Cleinias cháu rất phải và khôn khéo lắm. Đúng không?

Chắc chắn thế, cậu ta nói; tựa như viên tướng khi chiếm một thành hay một doanh trại liền chuyển giao chiến lợi phẩm mới của mình cho chính trị gia, bởi ông ta tự mình không biết cách sử dụng chúng; hoặc như người bẫy chim cút giao cút cho những người giữ chúng. Nếu ta đi tìm nghề mà chúng ta được phúc và có thể sử dụng cái nó làm ra hay thu được, thì nghề của vị tướng chẳng phải là thứ chúng ta phải tìm nhưng là một cái nào khác.

Cri. Và ông có ý nói, thưa ông Socrates, rằng chàng trai trẻ nói thế ư?

Soc. Anh còn ngờ vực sao, Crito?

Cri. Thật thế; vì nếu cậu ta nói được điều đó thì tôi nghĩ hắn chẳng cần đến Euthydemus hoặc người nào khác làm thầy cho mình nữa.

Soc. Có lẽ tôi đã quên, chính Ctesippus mới là người trả lời.

Cri. Ctesippus à, thật vô lý.

Soc. Mọi điều tôi biết là đã nghe được những lời này và rằng chúng được nói hoặc bởi Euthydemus hoặc Dionysodorus. Tôi dám nói, này anh Crito tốt bụng của tôi, rằng chúng do người ưu việt nào đó nói ra. Tôi bảo đảm đó là những điều tôi nghe được.

Cri. Vâng, phải đấy, Socrates ạ, từ ai đó trội vượt hơn rất nhiều, như tôi phải nghĩ. Nhưng ông có nghiên cứu sâu hơn và có tìm thấy cái thuật mà ông tìm kiếm?

Soc. Tìm thấy? Anh bạn thân mến, thật sự là không. Chúng tôi trông dáng thật tội nghiệp; như bọn trẻ sau những trận vui đùa, lúc nào cũng như sắp nắm bắt được nghệ thuật, nhưng luôn luôn vuột khỏi tay chúng tôi. Nhưng lý do vì sao tôi phải lặp lại toàn bộ câu chuyện? Bởi sau cùng chúng tôi đến được với nghệ thuật vương giả và tìm hiểu xem nó có mang lại hạnh phúc không và rồi chúng tôi lạc vào mê hồn trận, khi tưởng rằng mình đã ở chỗ cuối thì hóa ra lại ở lúc khởi đầu và cứ phải đi tìm mãi như thế.

Cri. Việc ấy xảy ra thế nào vậy, Socrates?

Soc. Tôi sẽ kể cho anh sau; chúng tôi nhận ra nghệ thuật vương giả nhờ viên chức chính quyền.

Cri. Thế à, vậy cái gì từ đó mà ra?

Soc. Đối với nghệ thuật chính trị hay vương giả này tất cả các nghệ thuật, kể cả nghệ thuật của tướng lãnh, xem ra cũng phải thần phục uy thế của nó, như là cái duy nhất biết cách sử dụng cái chúng tạo nên. Đây có lẽ đúng là nghệ thuật chúng ta đang kiếm tìm-nghệ thuật vốn là nguồn gốc của chính quyền và là cái có thể diễn tả, theo cách nói của Aechylus, như ngồi một mình trong khoang bánh lái con tàu quốc gia, chỉ huy và điều hành mọi việc và sử dụng chúng.

Cri. Anh chẳng đúng thế sao, Socrates?

Soc. Crito này, anh sẽ phán xét sau nếu như anh sẵn lòng nghe những phần tiếp theo; vì khi chúng tôi tiếp tục tìm hiểu, một câu hỏi thuộc loại này được nêu lên. Liệu nghệ thuật vương giả này, với thẩm quyền siêu việt, có tác động gì đối với chúng ta không? Và câu trả lời là: chắc chắn. Còn Crito, chẳng phải là anh cũng sẽ nói lời như thế sao?

Cri. Vâng, tôi sẽ.

Soc. Anh sẽ nói nghệ thuật vương giả làm được cái gì đây? Nếu y khoa được coi như có uy thế hơn những nghệ thuật phụ thuộc và nếu tôi hỏi anh một câu hỏi tương tự, anh sẽ nói rằng nó đem lại sức khỏe chứ?

Cri. Tôi sẽ.

Soc. Và cái nghề canh nông của riêng anh, cứ cho là có ưu thế hơn những nghề lệ thuộc-nó làm được gì? Chẳng phải là nó cung cấp cho chúng ta hoa trái từ đất đai sao?

Cri. Đúng vậy.

Soc. Và thuật vương giả làm được gì khi được tăng thêm uy quyền tối thượng? Có lẽ anh chưa sẵn sàng trả lời?

Cri. Quả vậy, tôi chưa sẵn sàng, Socrates ạ.

Soc. Chúng tôi cũng chẳng hơn đâu, Crito ạ. Nhưng bằng mọi giá anh biết rằng đây là nghệ thuật chúng ta đang tìm, nó phải có ích chứ?

Cri. Chắc hẳn rồi.

Soc. Và chắc chắn nó phải mang đến cho chúng ta điều gì tốt chứ?

Cri. Hiển nhiên rồi, Socrates ạ.

Soc. Tôi và Cleinias đã đi đến kết luận rằng tri thức là điều tốt duy nhất?

Cri. Vâng, đó là điều ông đã có nói.

Soc. Tất cả các thành quả khác của chính trị học thì có rất nhiều, chẳng hạn, sự giàu có, tự do, thanh bình tự nó chẳng tốt cũng chẳng xấu; nhưng khoa học chính trị phải giúp chúng ta trở nên khôn ngoan và truyền đạt sự khôn ngoan cho chúng ta, nếu đó là khoa học đem đến cho chúng ta điều tốt và làm cho chúng ta được hạnh phúc.

Cri. Vâng; đó là kết luận các ông đã đạt được, theo tường thuật của ông về cuộc nói chuyện.

Soc. Vậy nghệ thuật vương giả có giúp con người nên khôn ngoan và nên tốt lành?

Cri. Tại sao không chứ, Socrates?

Soc. Cái gì, tất cả mọi người, trong mọi khía cạnh? Và dạy họ tất cả các nghệ thuật. - làm mộc, sửa giày và những thứ còn lại?

Cri. Tôi không nghĩ thế đâu, Socrates ạ.

Soc. Vậy thì tri thức này là gì và chúng ta phải làm gì với nó đây? Bởi nó không phải là nguồn gốc của bất kỳ công việc nào chẳng tốt cũng chẳng xấu, cũng chẳng thuộc tri thức nào. mà cũng chẳng biết chính mình; vậy nó có thể là gì và chúng ta phải làm gì với nó? Crito này,

phải chăng chúng ta sẽ nói rằng đó là tri thức chúng ta dùng để giúp người khác nên tốt ư?

Cri. Bằng mọi cách.

Soc. Bằng cách nào người ta sẽ nên tốt và hữu ích đây? Chúng ta có phải lặp lại rằng chúng sẽ làm cho những người khác nên tốt và rằng những người này cũng sẽ lại làm cho những người khác, mà chẳng bao giờ xác định được nhờ cái nào mà họ nên tốt; bởi chúng ta đã bỏ sang một bên những thành quả của chính trị học, như người ta gọi thế. Này, đây là sự lặp đi lặp lại; như tôi đã nói, chúng ta đi xa, nếu không muốn nói là xa hơn bao giờ hết việc hiểu biết nghệ thuật hay khoa học về hạnh phúc.

Cri. Quả thật, Socrates ạ, anh té ra bị rơi vào rắc rối to rồi.

Soc. Crito này, ngay sau khi thấy mình sắp rơi vào thất bại, tôi bèn cất tiếng, thành khẩn nài xin những vị khách lạ cứu tôi và chàng thanh niên khỏi vòng xoáy của cuộc tranh luận; họ là thần Castor và Pollux của chúng tôi, tôi nói và nghiêm túc, nhã nhặn chỉ cho chúng tôi thấy rằng tri thức chính là cái có thể giúp chúng tôi vượt qua cuộc đời còn lại trong hạnh phúc.

Cri. Và Euthydemus có chỉ cho anh tri thức đó không?

Soc. Có chứ; anh ta cao giọng nói đến ý nghĩa sau. Ông có muốn, thưa ông Socrates, anh ta nói, tôi chỉ cho ông tri thức mà ông đang còn hoài nghi hay tôi sẽ chứng minh rằng ông đã có nó rồi?

Các vị thật diễm phúc khi có năng lực như vậy, tôi nói.

Đúng vậy.

Vậy tôi rất muốn ông chứng tỏ tôi có được tri thức như thế; ở tuổi tôi điều đó thật dễ chịu hơn là phải học.

Vậy hãy cho tôi biết, anh ta nói, ông biết được điều gì?

Vâng, tôi nói, tôi biết nhiều điều, nhưng chẳng điều gì quan trọng.

Điều đó cũng được, anh ta nói. Ông có thừa nhận rằng cái gì cũng là cái nó là và đồng thời cũng không phải là cái nó là?

Không phải thế.

Ông đã chẳng nói rằng ngài có biết một cái gì đó?

Tôi có.

Nếu ông biết thì ông đang biết rồi còn gì.

Hẳn nhiên, về cái tri thức mà tôi có.

Điều đó có gì khác đâu;-và nếu ông biết thì chẳng phải là ông phải biết tất cả mọi cái?

Chắc chắn không, tôi nói, vì có nhiều cái khác tôi không được biết.

Vậy nếu ông không biết, thì lúc này ông không biết.

Phải đấy, hỡi anh bạn, tôi nói, tôi lúc này không biết điều mà tôi không biết.

Lúc này ông vẫn không biết, nhưng vừa lúc nãy ông nói rằng mình biết; và vì thế cùng một lúc ông vừa có lại vừa không liên quan đến cùng một việc.

Cái đó nghe cũng hay đấy, ông Euthydemus ạ, tuy nhiên tôi phải yêu cầu ông giải thích làm sao tôi có được tri thức mà chúng tôi đang kiếm tìm;-bởi vì một việc không thể có và không có và nếu tôi biết một việc thì tôi biết mọi việc, vì cùng một lúc tôi không thể biết và không biết và nếu tôi biết mọi việc, tôi cũng phải có sự hiểu biết đó. Chẳng phải là tôi có thể nói đó là ý niệm tài tình của ông sao?

Socrates, ông có thể bị vạ miệng đấy, anh ta nói.

Được, nhưng Euthydemus này, tôi nói, phải chăng điều đó chưa từng xảy ra với ông; bởi nếu tôi chỉ ở trong cùng một trường hợp như ông và ông Dionysodorus quý yêu của chúng ta, tôi thật chẳng quan tâm gì. Vậy cả hai vị hãy nói cho tôi xem chẳng phải các vị biết một số cái và không biết những cái khác?

Không phải thế, ông Socrates ạ, Dionysodorus nói.

Ông muốn nói gì, tôi nói; ông chẳng biết gì hết sao?

Không, anh ta trả lời, chúng tôi có biết một số cái.

Vậy, tôi nói, các vị biết tất cả mọi cái, nếu có biết cái gì đó?

Vâng, mọi cái, anh ta nói; và điều đó cũng đúng về ông như về chúng tôi.

Ồ, quả thật, tôi nói, thật là thú vị và thật có phúc biết bao! Những người khác có biết mọi cái hay chẳng biết gì?

Hẳn là thế, anh ta trả lời; họ có thể không biết một số cái này và không biết những cái khác và cùng lúc biết và không biết.

Vậy kết luận là gì? Tôi nói.

Họ hết thảy biết mọi cái, anh ta trả lời, nếu họ biết một cái.

Trời đất, Dionysodorus này, tôi nói, lúc này tôi thấy ông nghiêm túc; ông có thực sự biết mọi cái, kể cả làm mộc và xẻ da?

Có chứ, anh ta nói.

Và ông có biết khâu vá?

Có, chúng tôi có biết và cả lát đường nữa.

Vâng.

Và ông có biết những cái như số các vì sao hay cát?

Có chứ, hẳn ông đã nghĩ rằng chúng tôi sẽ nói không về việc đó?

Trước thần Zeus, Ctesippus nói chen vào, tôi chỉ muốn các ông cho tôi một bằng chứng giúp tôi biết được liệu các ông nói đúng sự thật.

Tôi sẽ phải cho anh bằng chứng nào bây giờ? Anh ta nói.

Xin nói cho tôi biết Euthydemus có bao nhiêu cái răng? Còn Euthydemus sẽ nói ông có bao nhiêu răng.

Anh chẳng tin lời chúng tôi nói chúng tôi biết tất cả mọi cái sao?

Chắc chắn không, Ctesippus nói, các vị phải nói thêm cho chúng tôi một chuyện này đã, rồi chúng tôi sẽ biết được rằng các vị đang nói sự thật; nếu các vị nói cho chúng tôi con số, chúng tôi sẽ đếm và khi thấy các vị đúng, chúng tôi sẽ tin những chuyện còn lại. Họ tưởng rằng Ctesippus đang đùa với mình, nên họ từ chối và tự mãn nói, đáp lại từng câu hỏi của anh ta, rằng họ biết tất cả mọi cái. Ctesippus sau cùng bắt đầu mất hết kiềm chế; với anh ta chẳng còn câu hỏi nào là khó nghe nữa; anh ta hỏi họ có biết những chuyện thô lỗ nhất, còn họ, tựa hồ các con lợn hoang, giáng trả những cú đòn của anh ta. Cuối cùng, Crito ạ, tôi cũng bị rơi vào hoài nghi, nên tôi hỏi Euthydemus xem Dionysodorus có biết nhảy không.

Có chứ, anh ta trả lời; anh ấy biết làm mọi thứ.

Và các vị luôn biết điều này?

Luôn luôn, anh ta nói.

Lúc các vị còn là trẻ con và lúc mới sinh?

Cả hai đều nói có.

Việc này chúng tôi chẳng thể nào tin được.

Euthydemus liền nói: ông Socrates, ông thật dễ hoài nghi.

Đúng, tôi nói, tôi rất dễ ngờ vực nếu tôi chẳng biết các vị là những người khôn ngoan.

Nhưng nếu ông trả lời, anh ta nói, tôi sẽ làm cho ông thú nhận những điều kỳ diệu tương tự.

Được, tôi nói, chẳng có gì làm tôi thích hơn là tự kết án về việc đó, bởi nếu tôi thực sự là người khôn ngoan, điều mà tôi trước đây chưa từng biết, còn ông chứng minh cho tôi là tôi biết và luôn biết tất cả mọi cái, thì trong đời chẳng còn có gì là cái được lớn hơn đối với tôi nữa.

Vậy hãy cứ trả lời đi, anh ta nói.

Hãy hỏi, tôi nói và tôi sẽ trả lời.

Ông có biết cái gì đó, thưa ông Socrates, hay là chẳng biết gì?

Một cái gì đó, tôi nói.

Phải chăng ông biết với cái ông biết hay với cái gì khác?

Với cái tôi biết; và tôi giả dụ rằng ông có ý nói với linh hồn tôi?

Ông chẳng xấu hổ sao, thưa ông Socrates, khi mà ông hỏi một câu hỏi lúc ông đang được hỏi?

Được, tôi nói; nhưng vậy tôi phải làm gì? Bởi tôi sẽ làm điều ông bảo; khi tôi không biết cái ông đang hỏi, ông bảo tôi cứ trả lời và đừng hỏi lại.

Sao, ông chắc có ý niệm nào đó về điều tôi muốn nói, anh ta nói.

Vâng, tôi trả lời.

Vậy hãy trả lời theo ý ông nghĩ về điều tôi nói.

Vâng, tôi nói; nhưng nếu câu hỏi ông hỏi được hiểu theo một nghĩa và tôi trả lời theo một nghĩa khác, ông có vui lòng - nếu tôi trả lời không đúng trọng tâm?

Điều ấy làm tôi hài lòng lắm; nhưng tôi tưởng rằng không làm ông vui lòng như thế đâu.

Tôi chắc chắn sẽ không trả lời trừ phi hiểu được ý của ông, tôi nói.

Ông sẽ không trả lời, anh ta nói, theo cách ông quan niệm về điều đã nói, bởi ông là một ông hề già kiêm nhà thông thái rởm.

Lúc ấy tôi thấy anh ta bắt đầu tức giận vì tôi vạch ra sự khác biệt, trong khi anh ta muốn tóm lấy tôi trong những ngón ngôn từ. Và tôi nhớ lại rằng Connus luôn tức tối với tôi khi tôi chống lại hắn, rồi hắn chẳng màng đến tôi, bởi nghĩ rằng tôi ngu; và khi tôi có ý đến với Euthydemus làm học trò, tôi nghĩ rằng tôi nên để anh ta theo con đường của mình, kẻo anh ta nghĩ tôi là vật cản đường và không nhận tôi. Vì vậy tôi nói. Ông là nhà biện chứng giỏi hơn tôi nhiều, thưa ông Euthydemus, bởi tôi chưa bao giờ hành nghề và vì thế phải làm như ông bảo; hãy đưa ra các câu hỏi lần nữa và tôi sẽ trả lời.

Vậy hãy trả lời, anh ta nói, một lần nữa nhé, phải chăng ông biết điều ông biết nhờ cái gì đó hay chẳng nhờ cái gì cả.

Phải, tôi nói; tôi biết nhờ linh hồn tôi.

Người ta lại tiếp tục thêm vào câu hỏi rồi, anh ta nói, bởi tôi không hỏi nhờ cái gì mà ông biết, nhưng là hỏi ông biết nhờ cái gì đó.

Sự ngu dốt dẫn tôi trả lời vượt quá điều ông hỏi, tôi nói, hy vọng ông thứ lỗi cho việc đó. Và giờ đây tôi chỉ đơn giản trả lời rằng tôi luôn biết điều tôi biết nhờ cái gì đó.

Và cái gì đó, anh ta tươi mặt nói, lúc nào cũng là một, hay lúc này là cái này, lúc khác là cái khác?

Lúc nào cũng thế, tôi trả lời, khi tôi biết, tôi biết nhờ cái này thôi.

Ông sẽ không ngừng việc thêm vào câu hỏi sao?

Tôi sợ rằng cái từ "lúc nào cũng thế" có thể gây rắc rối cho chúng ta.

Có thể ông thì không, nhưng chúng tôi thì chắc chắn có đấy. Bây giờ xin hãy trả lời. Ông có luôn luôn biết nhờ cái này không?

Luôn luôn; vì tôi được yêu cầu rút lại những từ "khi tôi biết".

Ông luôn biết nhờ cái này, hay luôn luôn biết, liệu ông có biết một số cái nhờ cái này và một số cái nhờ cái gì đó khác, hay anh biết tất cả mọi cái nhờ cái này?

Tất cả những gì tôi biết, tôi trả lời, tôi đều biết nhờ cái này.

Lại có cái thêm vào không cần thiết nữa rồi, thưa ông Socrates.

Được rồi, tôi nói, tôi sẽ bỏ đi các từ: "mà tôi biết".

Đừng, đừng mang cái gì đi hết; tôi chẳng mong được ông ban ơn huệ gì; nhưng cho tôi hỏi; liệu ông có thể biết tất cả mọi cái nếu như ông đã chẳng biết mọi cái?

Chẳng thể nào được.

Và bây giờ, anh ta nói, ông có thể thêm vào bất cứ cái gì ông thích, vì ông đã thú nhận rằng ông biết tất cả mọi cái.

Tôi cho rằng điều đó đúng, tôi nói, nếu như khả năng chuyên môn của tôi được phép bao hàm những từ "cái tôi biết"; và như thế tôi có biết mọi cái.

Và ông đã chẳng thừa nhận rằng ông luôn biết tất cả những cái nhờ cái mà ông biết, dù là ngại có thêm vào việc khi ông biết chúng hay không? Bởi ông đã nhìn nhận rằng ông luôn luôn và tức thì biết tất cả mọi cái, nghĩa là, khi còn là một đứa trẻ, lúc vừa sinh ra và khi khôn lớn. Và trước khi ông sinh ra, trước khi có trời và đất, ông đã biết tất cả mọi cái nếu như ông luôn biết chúng; và tôi thề rằng ông sẽ luôn tiếp tục biết chúng nếu như tôi có ý giúp ông.

Tôi hy vọng ông sẽ có ý định đó, thưa ông Euthydemus đáng kính, tôi nói, nếu ông thực sự nói sự thật, tuy tôi có phần nào hoài nghi về khả năng hoàn thành chuyện đó trừ khi có Dionysodorus là anh ông giúp sức; thì mới có thể được. Giờ hãy nói, vì dù trong phần chính tôi không thể nghi ngờ mình thực sự biết tất cả mọi cái khi tôi được nghe như vậy từ những người có sự khôn ngoan phi thường như ông-làm sao tôi có thể nói rằng tôi biết những cái như là, thưa ông Euthydemus, cái tốt thì không đúng; nào, tôi có biết cái đó hay không?

Hiển nhiên rồi, ông biết cái đó chứ.

Tôi biết cái gì?

Rằng cái tốt thì không đúng.

Quả đúng thế, tôi nói; và tôi luôn biết cái đó; nhưng câu hỏi ở đây là, ở nơi dâu tôi học được rằng cái tốt thì không đúng?

Chẳng có nơi nào đâu, Dionysodorus nói.

Vậy, tôi nói, tôi không biết cái đó.

Anh đang làm hỏng cuộc tranh luận đấy, Euthydemus nói với

Dionysodorus; ông ấy sẽ chứng minh việc không biết và rồi sau cùng cùng một lúc ông ấy sẽ vừa biết vừa không biết.

Dionysodorus đỏ bừng mặt lên.

Tôi quay sang người kia và nói, Euthydemus, ông nghĩ gì vậy? Chẳng phải ông cho rằng ông anh thông suốt mọi sự của ông đã phạm một sai lầm sao?

Cái gì, Dionysodorus lập tức trả lời, tôi mà là anh của Euthydemus sao?

Tôi liền nói. Xin đừng ngắt lời, anh bạn thân mến, hoặc ngăn cản Euthydemus chứng minh cho tôi rằng tôi biết cái không đúng là cái tốt; bài học như vậy ít ra ông cũng phải để cho tôi được học chứ.

Ông đang tìm cách trốn chạy, thưa ông Socrates và từ chối trả lời rồi đấy.

Tất nhiên, tôi nói, bởi tôi đâu phải là đối thủ của một trong hai vị và một *fortiori* phải trốn chạy các vị thôi. Tôi đâu phải là Heracles; và ngay cả Heracles cũng chẳng thể địch lại Hydra, một nhà nữ ngụy biện và có tài mọc ra nhiều cái đầu mới khi một cái bị chém đứt; đặc biệt khi chàng ta trông thấy con người quái chiêu thứ hai thuộc nòi hay gắt gỏng, vốn cũng là một nhà ngụy biện, hình như vừa từ một cuộc du hành trên biển trở về, xông vào phía bên trái anh ta và mở miệng định cắn. Lúc đó anh ta gọi Iolaus, người cháu, đến cứu và người ấy cứu được anh ta; nhưng nếu Iolaus của tôi, anh chàng nặn tượng tên Patrocles, mà đến, thì hắn có thể làm cho việc xấu thành tồi tệ hơn.

Giờ thì ông đã tự giải cứu khỏi sự căng thẳng này rồi, Dionysodorus nói, ông vui lòng cho tôi biết phải chăng Iolaus là cháu của Heracles hơn là cháu của ông?

Tôi cho là đã trả lời ông rõ rồi, Dionysodorus ạ, tôi nói, vì ông cứ hỏi mãi-điều mà tôi biết rất rõ chỉ vì ghen tị, để ngăn cản tôi học được sự khôn ngoan của Euthydemus.

Vậy hãy trả lời tôi đi, anh ta nói

Được, tôi nói, tôi chỉ có thể trả lời rằng Iolaus chẳng phải là cháu tôi, nhưng là cháu của Heracles; và bố nó không phải là ông anh Patrocles của tôi, mà là Iphicles, có tên cũng giống tên nó, cũng là anh của Heracles.

Có phải Patrocles, anh ta nói, là anh ông?

Đúng, tôi nói, anh ta là anh em một phía, cùng mẹ khác cha với tôi.

Vậy ông ta là anh và cũng không là anh của ông.

Ông ơi, không phải từ cùng một bố, tôi nói, vì Chaeredemus là bố anh ấy, còn bố tôi là Sophroniscus.

Nhưng Sophroniscus và Chaeredemus có phải là bố không?

Phải, tôi nói; người trước là bố tôi, còn người sau là bố của anh ấy.

Vậy, anh ta nói, Chaeredemus không phải là bố.

Ông ấy không phải là bố tôi, tôi nói.

Nhưng người bố có thể là gì khác hơn là người bố chứ? Hoặc là ông cũng giống như tảng đá ư?

Hẳn là tôi chẳng nghĩ mình là một tảng đá, tôi nói, dù tôi e rằng ông có thể chứng minh tôi là một tảng đá.

Chẳng phải là ông khác hơn là một tảng đá?

Tôi là thế.

Và khi khác hơn một tảng đá, ông không phải là tảng đá; và khác hơn vàng, ông không phải là vàng.

Rất đúng.

Vậy Chaeredemus, anh ta nói, khi khác hơn là người bố, thì không phải là ông bố.

Tôi cho rằng ông ấy không phải là người bố, tôi trả lời.

Vậy nếu, Euthydemus nhảy vào cuộc tranh luận liền nói, Chaeredemus là một ông bố, rồi Sophroniscus khi khác hơn là ông bố thì không phải là ông bố; còn ông, thưa ông Socrates, sẽ không có bố.

Ctesippus vặn lại. Chẳng phải là bố của anh cũng là trường hợp tương tự, bởi ông ấy cũng khác hơn là bố tôi?

Chắc chắn không, Euthydemus nói.

Vậy ông ấy là một sao?

Ông ấy là một.

Tôi không thể nói rằng tôi thích mối giao kết; nhưng Euthydemus này, ông ấy có phải chỉ là bố tôi, hoặc là bố của mọi người khác đây?

Của cả mọi người khác, anh ta trả lời. Anh có cho rằng ông ấy là người bố và cũng không phải là người bố?

Hẳn thế, Tôi đã hình dung cái đó, Ctesippus nói.

Và anh có cho rằng vàng không phải là vàng, hoặc người không phải là người?

Chúng không phải là *"in pari materia"*, Euthydemus ạ, Ctesippus nói và anh nên thận trọng, bởi thật là kỳ quái khi cho rằng bố ông là bố của mọi người.

Nhưng ông ấy là thế đấy, anh ta trả lời.

Cái gì, của người không thôi, Ctesippus nói, hay của ngựa và của tất cả các súc vật khác?

Của tất cả, anh ta nói.

Còn mẹ anh nữa cũng là mẹ của tất cả ư?

Đúng, là mẹ chúng ta nữa.

Vâng; vậy mẹ anh thuộc hàng con cái của nhím biển ư?

Đúng; và cả mẹ anh nữa, anh ta nói.

Và cá đục, chó con và lợn đều là anh em của anh sao?

Và của anh nữa.

Và bố anh là chó.

Bố anh cũng thế, anh ta nói.

Nếu anh mà trả lời những câu hỏi của tôi, Dionysodorus nói, tôi cũng sẽ chẳng mấy chốc rút ra được những thừa nhận tương tự nơi anh, Ctesippus ạ, anh nói anh có một con chó.

Đúng, một con vật tinh quái có một không hai, Ctesippus nói.

Nó có đàn con?

Có, chúng rất giống nó.

Và con chó kia là bố của chúng?

Vâng, cậu ta nói. Tôi chắc chắn đã thấy nó và mẹ của lũ chó con đi lại với nhau. Và nó chẳng phải là của anh sao?

Chắc chắn rồi.

Vậy nó là một ông bố và nó là của anh; suy ra nó là bố anh và lũ chó con là anh em của anh.

Cho tôi hỏi thêm một câu nữa, Dionysodorus nói, anh ta nhanh chóng ngắt lời, khiến Ctesippus không thể cất lời. Anh có đánh đập con chó đó không?

Ctesippus vừa cười vừa nói, tôi quả có đánh; và tôi chỉ mong có thể đập được anh thay vì nó.

Vậy là anh đập cả bố anh rồi, anh ta nói.

Tôi có nhiều lý do hơn nữa để đánh bố anh, Ctesippus nói, ông ấy có thể nghĩ gì khi làm bố những đứa con khôn ngoan dường ấy? Ông bố này của anh và những con chó cà tàng khác đã rút ra được nhiều cái hay từ sự khôn ngoan của anh.

Nhưng, Ctesippus này, cả anh lẫn nó đều không cần nhiều cái tốt đâu.

Anh cũng không cần sao, Euthydemus? Cậu ta hỏi.

Cả tôi lẫn những người khác; giờ hãy nói cho tôi, Ctesippus này, nếu anh nghĩ một điều là tốt hay xấu cho một người bị bệnh uống thuốc khi anh ta muốn; hoặc đi tham chiến có vũ trang hay không vũ trang.

Hay đấy, tôi nói. Tuy nhiên tôi biết mình sắp bị vướng vào một trong những trò chơi có sức quyến rũ của các vị.

Việc đó ông sẽ vỡ lẽ ra, anh ta trả lời, nếu ông trả lời; bởi thấy rằng các vị nhìn nhận thuốc tốt cho người bệnh uống, nếu muốn, chẳng phải là nó cũng tốt cho người ấy uống nhiều hết mức có thể-một xe đầy cây trị điên chẳng phải là quá nhiều cho người ấy sao?

Ctesippus nói. Không đâu, Euthydemus ạ, nếu như kẻ uống to như tượng thần Delphi.

Và nếu, anh ta nói, trong chiến tranh có vũ khí là tốt, người ta có cần phải có giáo và khiên càng nhiều càng tốt?

Rất đúng, Ctesippus nói; và anh có nghĩ rằng người ta chỉ cần có một cái khiên, Euthydemus ạ và một cây giáo mà thôi?

Tôi nghĩ thế.

Và anh sẽ trang bị cho Geryon và Briareus theo kiểu đó chứ?

Khi xét kỹ năng anh và bạn anh có khi chiến đấu bằng áo giáp, tôi nghĩ rằng anh hiểu biết rõ hơn. Đến đây Euthydemus giữ im lặng còn Dionysodorus quay lại câu trả lời trước.

Anh không cho rằng có vàng trong tay là tốt hay sao?

Có, Ctesippus nói và càng nhiều càng tốt.

Và có tiền mọi lúc mọi nơi cũng là một điều tốt.

Hiển nhiên rồi, tốt quá đi chứ, anh ta nói.

Và anh thừa nhận vàng là một cái tốt?

Tôi đã thừa nhận điều đó, anh ta trả lời.

Vậy chẳng phải là một người có vàng mọi nơi và mọi lúc, nhiều hết mức có thể và kẻ có ba talăng vàng trong bụng, một talăng trong đầu và một đồng tiền vàng trong mỗi con mắt là người hạnh phúc nhất sao?

Vâng, anh Euthydemus ạ, Ctesippus nói; và người Scythia kể vào số những người hạnh phúc và gan dạ nhất những ai có vàng trong óc và cái còn lạ thường hơn, họ uống cạn chất mạ trong sọ, nhìn vào bên trong và cầm đầu mình trong tay.

Và người Scythia và những dân khác có thấy cái đáng thấy hay cái không đáng thấy? Euthydemus hỏi.

Rất rõ cái đáng thấy.

Và anh cũng thấy cái đáng thấy chứ? Anh ta hỏi.

Có, tôi có thấy.

Vậy anh có thấy trang phục của chúng tôi không?

Có.

Vậy trang phục của chúng tôi đáng nhìn.

Họ có thể nhìn tới bất cứ mức độ nào, Ctesippus nói.

Họ có thể thấy cái gì?

Chẳng cái gì cả; nhưng anh, hỡi con người dịu hiền, có lẽ tưởng rằng họ chẳng nhìn thấy; và hiển nhiên đối với tôi anh đã bị bắt gặp đang ngủ gục trong khi anh không buồn ngủ và rằng nếu có thể nói và chẳng nói gì - đó là cái anh đang làm đấy.

Chẳng phải là một người vừa nói lại vừa im lặng? Dionysodorus nói.

Không thể nào được, Ctesippus nói.

Hay vừa im lặng vừa nói.

Cái đó lại càng không thể được, cậu ta nói.

Nhưng khi anh nói về các tảng đá, các thanh gỗ, thanh sắt, anh chẳng nói chúng im lặng sao?

Không lúc tôi đi qua lò rèn; bởi lúc đó các thanh sắt gây ra các tiếng ồn kinh hồn nếu người ta chạm vào chúng; vì thế ở chỗ này trí khôn ngoan của anh đã bị lầm lẫn một cách lạ kỳ; tuy nhiên, xin vui lòng nói cho tôi làm sao có thể im lặng lúc đang nói.

Khi anh lặng thinh, Euthydemus nói, anh đâu có lặng thinh về mọi chuyện đâu?

Đúng, cậu ta nói.

Vậy việc nói là yên lặng, vì chuyện nói gồm trong mọi chuyện.

Cái gì, Ctesippus nói, mọi chuyện chẳng yên lặng hết sao?

Chắc chắn không, Euthydemus nói.

Vậy, này anh bạn, tất cả chúng đều nói cả sao?

Phải; những cái nói được.

Không, Ctesippus nói, câu tôi hỏi là có phải tất cả mọi cái là im lặng hay biết nói?

Vừa có lại vừa không, Dionysodorus chen nhanh vào nói; tôi chắc rằng khi trả lời anh sẽ không phải là "người hay thêm vào"

Đến đây Ctesippus, vốn theo thói quen, phá lên cười; cậu ta nói, rằng em của anh là Euthydemus đã bị đặt vào thế tiến thoái lưỡng nan rồi; với anh ta mọi chuyện đã xong rồi. Điều này làm thỏa lòng Cleinias, tiếng cười của anh ta càng làm cho Ctesippus thêm náo động cả chục lần; nhưng tôi không thể không nghĩ rằng cái trò tinh nghịch đó hẳn sẽ làm cho họ không nhận được câu trả lời; bởi chẳng có sự khôn ngoan nào giống như của họ vào thời bấy giờ nữa. Cleinias này, tại sao cháu cười, tôi hỏi, những chuyện trang nghiêm và đẹp đẽ như vậy chứ?

Sao, thưa ông Socrates, Dionysodorus nói, ông đã từng thấy một chuyện đẹp sao?

Có, Dionysodorus ạ, tôi trả lời, tôi từng thấy nhiều rồi.

Chúng có khác cái đẹp hay cũng giống y cái đẹp?

Lúc bấy giờ tôi rơi vào tình huống khó xử khi phải trả lời câu hỏi này và tôi nghĩ rằng mình bị cứng họng; tuy nhiên tôi đã nói: chúng không giống y chang cái đẹp tuyệt đối, nhưng chúng có cái đẹp hiện đang có với từng cái.

Và phải chăng ông là con bò vì con bò hiện đang có với ông, hay ông là Dionysodorus, vì Dionysodorus đang hiện có với ông?

Tôi không thích nghe ông nói cái đó, tôi trả lời.

Nhưng làm sao, anh ta nói, bằng lý luận một cái hiện có với một cái khác, mà một cái sẽ là cái khác được?

Điều đó gây khó khăn cho ông sao? Tôi nói. Bởi tôi đang khởi sự

bắt chước năng khiếu của chúng, cái mà tôi quyết lấy cho được.

Vâng, anh ta trả lời, tôi và mọi người gặp trở ngại về cái không hiện hữu.

Ông ám chỉ cái gì vậy, thưa ông Dionysodorus, tôi nói. Chẳng phải người đáng kính là đáng kính và kẻ hèn hạ là hèn hạ sao?

Điều ấy hợp ý tôi đấy, anh ta nói.

Và ông có hài lòng?

Có, anh ta nói.

Và ông cũng sẽ thừa nhận rằng cái giống là cái giống và cái khác là cái khác; bởi chắc chắn cái khác không phải là cái giống; tôi hình dung rằng ngay một đứa trẻ cũng khó mà gặp khó khăn gì về việc này. Nhưng, ông Dionysodorus này, tôi nghĩ rằng ông hẳn có ý tránh câu hỏi trước; nhìn chung tôi thấy ông là một người lao động tốt, làm công việc của một nhà biện chứng rất tuyệt vời.

Công việc của một người lao động tốt là gì, anh ta nói, trước tiên hãy nói cho tôi biết đập búa là việc của ai?

Của người thợ rèn.

Làm bình lọ là việc của ai?

Của anh thợ gốm.

Còn người phải giết, lột da, băm, luộc và nấu chín?

Người làm bếp, tôi nói.

Và khi một người làm công việc của mình, người ấy làm đúng chứ?

Chắc chắn rồi.

Và công việc của người nấu bếp là chặt ra từng mảnh và bóc vỏ; ông có thừa nhận điều đó không?

Có, tôi đã nhìn nhận điều đó, nhưng đừng quá nghiêm khắc với tôi đấy.

Vậy nếu ai đó phải giết, băm, nấu nướng người làm bếp, người ấy làm công việc của mình và nếu anh ta phải đập búa người thợ rèn, nung người thợ gốm thì cũng là làm công việc của mình.

Thần Poseidon ơi, tôi nói, đây là đỉnh cao của sự khôn ngoan; nào tôi có thể mong có sự khôn ngoan như vậy của riêng mình?

Và liệu ông có thể, thưa ông Socrates, nhận ra sự khôn ngoan này khi nó trở thành của riêng ông?

Có chứ, tôi nói, nếu như ông cho phép.

Cái gì, anh ta nói, ông có nghĩ rằng ông biết cái thuộc riêng ông?

Có, tôi có nghĩ như thế, theo sự hiệu chỉnh của ông, vì ông là nền, còn Euthydemus là nóc của toàn bộ sự khôn ngoan của tôi.

Cái mà ông xem như của riêng ông, anh ta nói, chẳng phải là cái ông nắm trong tay và là cái ông có thể sử dụng theo ý riêng, chẳng hạn một con bò hay con cừu - chẳng phải ông nghĩ rằng cái của riêng đó ông có thể bán, cho hoặc dâng cúng vị thần nào đó, còn cái mà

ông không thể cho, bán hay dâng cúng thì ông nghĩ rằng nó không thuộc quyền của ông?

Đúng, tôi nói (vì tôi chắc rằng sẽ có gì hay từ những câu hỏi, những điều mà tôi rất muốn nghe); đúng thế, chỉ có những cái như thế mới là của tôi.

Vâng, anh ta nói và với các con vật ông muốn nói đến các sinh vật?

Đúng, tôi nói.

Vậy ông thừa nhận rằng các con vật chỉ là thuộc về ông khi ông có quyền làm mọi cái mà tôi vừa nêu với chúng.

Tôi thừa nhận điều đó.

Sau khi ngưng một lát như có vẻ đang nghĩ về điều gì lớn lao anh ta mới nói: Socrates này, ông hãy cho tôi biết ông có thần Zeus do tổ tiên truyền lại không? Đoán trước đây là bước sau cùng để đưa tôi vào rọ và trong nỗ lực vùng thoát, tôi liều lách mình và nói: Không, Dionysodorus ạ, tôi không có.

Vậy ông hẳn phải là một con người khốn khổ biết chừng nào, anh ta nói; ông chẳng phải là người Athens nếu ông không có các vị thần hay đền thờ do tiền nhân truyền lại, hoặc điều tốt đẹp nào khác.

Không, Dionysodorus ạ, tôi nói, đừng nói chói tai; xin hãy dùng lời êm ái hơn đi; về khía cạnh tôn giáo tôi có các bàn thờ và đền thờ, tại gia đình và do tổ tiên để lại và tất cả những cái mà những người Athens khác có.

Nhưng chẳng phải là những người Athens khác, anh ta nói, đều có thần Zeus do tổ tiên truyền lại sao?

Cái tên đó, tôi nói, không thấy có trong dân Ionia, dù là người đi khẩn hoang hay là công dân Athens; chỉ có thần Apollo do tiền nhân truyền lại, là cha của thần Ion, với một gia tộc Zeus, với một thần giám hộ Zeus. Nhưng chúng tôi không biết có tên Zeus.

Không sao, Dionysodorus nói, vì ông nhìn nhận rằng ông có các thần Apollo, Zeus và Athena.

Đúng thế, tôi nói.

Và đó là các thần của ông, anh ta nói.

Vâng, tôi nói, là chúa tể và tổ tiên tôi.

Dù thế nào chăng nữa, anh ta nói, các vị ấy cũng là của ông, chẳng phải là ông đã thừa nhận điều đó sao?

Tôi đã thừa nhận, tôi nói; cái gì sẽ xảy đến với tôi đây?

Và chẳng phải các thần này là động vật? Bởi ông đã nhìn nhận rằng mọi vật có sự sống đều là động vật; và các thần này có sự sống sao?

Các vị đều có sự sống, tôi nói.

Và họ chẳng phải là động vật sao?

Các vị ấy là những động vật, tôi nói.

Ông đã thừa nhận rằng trong các động vật những con thuộc về ông là những con ông có thể cho đi hoặc bán hay dâng cúng tùy theo mình thích?

Tôi thừa nhận điều đó, Euthydemus ạ và tôi chẳng còn con đường thoát nào khác.

Vậy, anh ta nói, nếu ông nhìn nhận rằng Zeus và các vị thần khác thuộc về ông, liệu ông có thể có thể bán hoặc cho đi, hay làm điều gì ông muốn với họ, như đối với các động vật khác?

Và đến đây, Crito ạ, tôi bị khóa câm họng và đành thúc thủ. Ctesippus liền nhảy vào tiếp cứu.

Hoan hô, thật là những lời hoa mỹ, cậu ta nói.

Hoan hô Heracles hay Heracles là lời hoan hô? Dionysodorus nói.

Poseidon ơi, Ctesippus nói, phân biệt gì lạ thế. Tôi chẳng còn gì để nói về họ nữa; hai vị này thật không thể bị đánh bại được.

Lúc bấy giờ, Crito thân mến, mọi người đồng thanh tán dương diễn giả cùng những lời họ nói và hai người nhận được quá nhiều tiếng cười, tiếng vỗ tay và sự hoan hỉ; bởi cho tới nay chỉ có những người ủng hộ reo hò mỗi lần họ tung cú đấm thành công, nhưng giờ đây mọi người hiện diện reo hò vui sướng đến mức cả những hàng cột của điện Lyceum vọng lên những âm thanh, tựa hồ như cùng hòa chung niềm vui với họ. Cảm kích cao độ, tôi bèn nói một vài lời, trong đó nhìn nhận rằng mình chưa từng thấy có sự khôn ngoan nào như ở nơi họ; tôi thành người tôi tớ nhiệt tình, chỉ biết ca ngợi và thán phục họ. Nhờ tài trí thông minh kỳ diệu nào, tôi nói, đã giúp các vị đạt được sự tuyệt hảo này chỉ trong một thời gian ngắn? Quả thực có nhiều cái để ngưỡng mộ trong những điều các vị nói, thưa ông Euthydemus và Dionysodorus, nhưng không có gì làm tôi ngưỡng mộ hơn là việc hầu như các vị không quan để tâm đến bất kỳ tư tưởng nào-dù là của số đông hay của các vị lãnh chúa uy nghi và đáng kính-vốn không phải là tư tưởng của những người có suy nghĩ như các vị. Và tôi rất tin tưởng rằng thật hiếm có người như các vị và chấp nhận cách tranh luận của quý vị; phần đông người ta chẳng biết đến giá trị của chúng đến nỗi họ thấy ngượng khi dùng chúng để bắt bẻ người khác hơn là bị người khác bắt bẻ. Tôi còn phải biểu tỏ sự đồng thuận về việc ông rộng lượng và trên tinh thần vì công ích mà khước từ mọi khác biệt, dù tốt hay xấu, trắng hay đen, hoặc cái gì khác; kết quả là, như lời ông nói, mọi cái miệng đều bị bít lại, kể cả cái của ông, ân cần theo gương những người khác; và vì thế loại bỏ được các nguyên do

vấp phạm. Nhưng với tôi điều xem ra còn hơn thế là nghệ thuật và phát minh của ông được sáng chế một cách đáng thán phục, trong một thời gian ngắn nó có thể được truyền đạt cho bất cứ ai. Tôi nhận thấy Ctesippus học bắt chước các vị rất nhanh. Bây giờ thì sự tiếp thu nhanh là một điều tuyệt vời; nhưng đồng thời tôi muốn khuyên ông đừng biểu diễn nơi công cộng nữa; vì e rằng người ta có thể coi thường nghệ thuật mà họ dễ có cơ hội học được; sự trình bày sẽ tốt hơn hết khi việc thảo luận giới hạn vào lợi ích của hai vị; mà nếu phải có cử toạ, thì hãy chỉ cho dự những ai sẵn lòng trả học phí hậu hĩnh; - Các vị nên cẩn trọng điều này; - và khôn khéo, các vị cũng sẽ chỉ cho các đồ đệ thuyết trình với không ai khác ngoài quý vị và chính những người ấy. Vì chỉ có cái gì quý hiếm mới có giá trị; và nước là cái, như lời Pindar, là tốt nhất trong mọi thứ, đồng thời cũng là cái rẻ nhất. Và giờ đây tôi tôi chỉ xin thỉnh cầu ông nhận Cleinias và tôi vào số những môn sinh của ông.

Cuộc thảo luận chỉ có thế, Crito ạ và sau một vài lời trao đổi nữa giữa hai bên thì chúng tôi ra đi. Tôi hy vọng anh cùng tôi đến chỗ họ, vì họ nói rằng họ có thể dạy bất cứ ai chịu trả tiền cho họ, dù có già nua hoặc ngu si đến mấy. Còn một điều họ nói mà tôi cần lặp lại vì lợi ích cho riêng anh, - đó là đừng để chuyện tiền bạc ngăn cản bất kỳ ai nhận được dễ dàng sự khôn ngoan của họ.

Cri. Đúng vậy, Socrates ạ, dù tôi ham biết và sẵn sàng học hỏi, nhưng tôi e rằng tôi không có đầu óc giống như Euthydemus, nhưng là người thuộc loại khác, mà như anh nói thích bị những lý lẽ như vậy bắt bẻ hơn là dùng chúng để bắt bẻ người khác. Và mặc dù tôi xem ra nực cười khi dám liều mình khuyên anh, nhưng tôi nghĩ rằng anh cũng nên nghe biết điều tôi nghe được từ một người rất tự mãn- ông ta là giáo sư về nghệ thuật diễn thuyết các vấn đề luật pháp- người từ chỗ anh đi ra trong lúc tôi đi lên đi xuống. "Crito này", ông ta nói với tôi, "anh có nghe những nhà thông thái kia không?" "Không", tôi nói với ông ấy; "Tôi không thể vào trong để nghe họ nói, đông người quá". "Anh chắc đã nghe được điều gì đáng nghe". "Là gì thế?" Tôi nói. "Anh hẳn đã nghe các vị thầy vĩ đại nhất về nghệ thuật diễn thuyết theo tu từ học". "Thế anh nghĩ gì về họ?" tôi nói. "Điều tôi nghĩ về họ", ông ta nói: "Là cái mà bất cứ ai cũng nghĩ như thế khi nghe họ nói những lời bậy bạ và chẳng có gì cũng khiến nhắng cả lên". Đó là câu ông ta dùng. "Chắc chắn", tôi nói, "Triết học là một vấn đề có sức quyến rũ". "Quyến rũ ư?" ông ta nói "Giản lược làm sao! Triết học là con số không; và tôi nghĩ nếu anh đã có

mặt hẳn anh phải xấu hổ vì người bạn mình - cách cư xử của anh ta thật lạ kỳ khi phó mặc cho sự định đoạt của những kẻ chẳng hề quan tâm tới điều mình nói và xăm xoi từng lời một. Nhưng những người này, như tôi đã nói với anh, được coi là những giáo sư lỗi lạc vào thời họ sống. Nhưng anh Crito này, sự thật là sự học và bản thân những vị ấy đều bình thường và nục cười". Socrates ạ, việc ông ta chỉ trích sự theo đuổi dù xuất phát từ chính ông ta hay từ người khác, đối với tôi là không công bằng; nhưng về việc cho rằng không thích hợp khi công khai tranh luận với những người đó, thú thực tôi cho rằng ông ta đúng.

Soc. Ồ Crito này, họ là những con người lạ kỳ; nhưng tôi sẽ nói gì đây? Không hiểu người đến gặp anh và phê phán về triết học thuộc loại người nào; ông ta có phải là nhà hùng biện có hành nghề tại các phiên tòa hay là người huấn luyện các nhà hùng biện, người diễn thuyết về cái mà họ tranh luận kịch liệt?

Cri. Chắc chắn ông ta không phải là nhà hùng biện và tôi không rõ ông ta đã từng đến toà bao giờ chưa; nhưng người ta nói rằng ông ta biết việc và là người thông minh, soạn nhiều bài thuyết trình rất hay.

Soc. Giờ tôi đã hiểu, Crito ạ, ông ta là một người thuộc loại vừa ở trên cạn vừa ở dưới nước, cái mà tôi sắp nêu ra đây- một trong những kẻ mà Prodicus mô tả như nằm ở biên giới giữa triết gia và chính trị gia-họ tưởng rằng họ là những người khôn ngoan nhất và rằng họ thường được cho là khôn ngoan nhất; chẳng có gì ngoài sự kình địch của các triết gia cản lối họ; và họ có ý nghĩ rằng nếu như họ chứng minh được rằng các triết gia chẳng có gì hay ho cả, thì chẳng còn ai có thể tranh cãi về tư cách họ được nhận giải khôn ngoan, vì rằng họ thực sự là những người khôn ngoan nhất, dù rằng họ có thể bị Euthydemus và bạn hữu anh ta nện cho một trận khi họ bị lôi cuốn vào cuộc đàm luận. Cái tư tưởng theo đó họ vui thích về sự khôn ngoan của riêng mình là tất nhiên; bởi họ cũng có một số triết lý và một ít hiểu biết về chính trị; điều họ nói cũng có lý, vì họ biện luận rằng họ có đủ cả hai, trong khi họ tránh xa mọi xung đột và rủi ro, và thu lợi những thành quả do đức khôn ngoan mang lại.

Cri. Anh nói cái gì về họ thế, Socrates? Chắc cũng có điều

gì xem ra hợp lý trong ý niệm đó của họ chứ.

Soc. Đúng vậy, Crito ạ, có nhiều sự xem ra hợp lý hơn sự thật. Họ không thể hiểu được bản chất của những cái ở giữa. Bởi mọi người hay mọi vật, vừa là ở giữa hai vật khác lại vừa tham dự với chúng-nếu một trong hai vật này là tốt thì cái kia là xấu, thì tốt hơn cái này và xấu hơn cái kia; nhưng nếu chúng ở giữa hai cái tốt không hướng về cùng một mục đích thì bị thiếu một trong hai yếu tố cấu thành trong việc đạt đến mục đích. Chỉ trong trường hợp khi hai yếu tố cấu thành không cùng hướng về một phía là xấu thì cái tham dự tốt hơn một trong hai cái. Bây giờ, nếu triết học và hoạt động chính trị cả hai đều tốt, nhưng hướng về các mục đích khác nhau và người ta tham dự vào cả hai, trong vị thế ở giữa chúng, thì người ta nói chuyện vô lý, vì họ tệ hơn một trong hai cái; hoặc nếu cái này tốt còn cái kia xấu, thì họ tốt hơn cái này và xấu hơn cái kia; chỉ trong giả thuyết rằng cả hai đều xấu mới có thể có chút sự thật nào đó trong cái họ nói. Tôi không tin rằng họ sẽ thừa nhận rằng việc họ theo đuổi cả hai là xấu hết hay chỉ một phần; nhưng sự thật là những nhà triết học kiêm chính trị gia này khi nhắm cả hai thời bị thiếu cả hai trong việc đạt đến từng mục đích và họ thực chỉ đứng hạng ba, dù họ muốn đứng đầu. Tuy nhiên, chẳng cần bực tức trước tham vọng của họ-họ nên được tha thứ; vì phải yêu mến những kẻ nói, theo đuổi và vạch ra được bất cứ cái gì đó có chút nào giống sự khôn ngoan; đồng thời chúng ta cũng cố nhìn được rõ con người thực sự của họ.

Cri. Tôi thường nói với anh, anh Socrates ạ, rằng tôi luôn gặp khó xử về hai thằng con của tôi. Tôi phải làm gì với chúng bây giờ? Chưa cần phải vội với thằng nhỏ hơn, vì nó chỉ mới là đứa trẻ; nhưng còn thằng kia, thằng Critobulus, đã lớn rồi, nó cần một ai đó để giúp nó nên người. Nghe anh nói, tôi không lúc nào không nghĩ rằng, trong nhiều nỗi lo lắng của ta về con cái có một cái làm điên đầu: - trước hết, về chuyện cưới một người vợ thuộc gia đình đàng hoàng về làm mẹ chúng, rồi về chuyện tích góp tiền bạc cho chúng-chưa nói gì đến chuyện học hành của chúng. Nhưng rồi khi tôi nhìn vào bất cứ ai có ý dạy người khác, tôi

thật ngỡ ngàng. Tôi thấy họ tất cả dường như chỉ là những kẻ vô nhân đạo, nếu tôi phải thú thật như vậy; vì vậy tôi không biết nên làm thế nào thuyết phục thanh niên theo môn triết học.

Soc. Anh Crito thân mến, anh chẳng biết rằng trong mỗi nghề loại yếu kém thì nhiều và chẳng có ích gì, còn số tốt thì ít và thật quý giá; chẳng hạn, thể dục, tu từ học, làm tiền và nghề làm tướng chẳng phải là cao quý sao?

Cri. Chắc hẳn là thế, theo tôi nghĩ.

Soc. Vậy, chẳng lẽ anh không thấy trong những nghệ thuật này thiếu gì kẻ là những diễn viên tồi sao?

Cri. Quả đúng như vậy.

Soc. Và vì lý do này chính anh sẽ không theo đuổi và cũng không cho con anh theo ư?

Cri. Chuyện đó là vô lý, Socrates ạ.

Soc. Vậy hãy xử có lý đi, anh Crito ạ và đừng quan tâm liệu thầy dạy triết lý tốt hay xấu, nhưng chỉ nên để ý đến chính môn triết học thôi. Hãy cố xem xét kỹ lưỡng và đúng đắn, và nếu phát hiện nó xấu nên tìm cách hướng mọi người xa nó, chứ không chỉ riêng con anh mà thôi; còn nếu nó đúng là cái mà tôi tin nó phải là, thì hãy theo và phục vụ nó, anh và cả nhà anh, như tục ngữ có câu, hãy dũng cảm lên.

ION - THI HỨNG

GIỚI THIỆU

Ion là tập ngắn nhất, hay hầu như ngắn nhất trong các tác phẩm mang tên Plato và tính xác thực của nó không được kiểm chứng bởi một bằng chứng bên ngoài nào vào thời trước. Sự duyên dáng và vẻ đẹp của tiểu phẩm này là chứng cứ duy nhất, và có lẽ cũng đủ về tính xác thực của nó. Dàn bài đơn giản, và điều đáng chú ý hoàn toàn chỉ bao gồm sự tương phản giữa tính châm biếm của Socrates và tính tự phụ rành rành cũng như nhiệt tâm đơn sơ như trẻ con của anh chàng hát rong Ion.

Anh chàng hát rong Ion vừa mới tới Athens; anh ta đã biểu diễn ở Epidaurus trong lễ hội Asclepius và có ý định biểu diễn tại lễ hội của người Panathenaea. Socrates thán phục và thèm muốn nghề hát rong-vì anh ta luôn mặc đẹp và khá hơn khối người-được tháp tùng những nhà thơ hay và nhất là Homer, ông trùm của những nhà thơ. Trong cuộc đối thoại, Ion thừa nhận rằng mình chỉ giỏi về Homer và chẳng biết gì về những nhà thơ xoàng khác, chẳng hạn như Hesiod và Archilochus-anh ta rạng rỡ và tỉnh hẳn lên khi nghe có ai ngâm thơ Homer, nhưng lại chỉ muốn bỏ đi ngủ khi nghe hát ngâm thơ của những người khác. "Tuy nhiên, điều chắc chắn là ai biết người hay hơn thì cũng phải biết người kém hơn;- ai có thể đánh giá người nói hay thì cũng có thể đánh giá người nói dở. Và thơ ca là một cái tổng thể; và kẻ đánh giá thơ ca theo quy tắc nghệ thuật phải có khả năng đánh giá các loại thơ ca". Điều này được khẳng định theo phép loại suy đối với thuật điêu khắc, hội họa, thổi sáo và những nghệ thuật khác. Luận cứ này sau cùng đã làm cho Ion hiểu ra và thắc mắc làm cách nào giải quyết được mâu thuẫn này. Và Socrates đã đưa ra giải pháp sau: -

Người hát rong không được dẫn dắt bởi các quy tắc nghệ thuật, anh ta là một người được linh hứng, tức là kẻ nhận được sức mạnh kỳ

diệu từ nhà thơ; còn nhà thơ, cũng theo cách như vậy, được Thương đế linh hứng. Các thi sĩ và những người giải thích về họ có thể được so sánh như một chuỗi những cái vòng có từ tính, móc vào nhau và từ cùng một nam châm. Nam châm đó là nữ thần thơ ca Muse, rồi đến cái vòng to kế tiếp là chính nhà thơ; rồi tiếp theo là những người hát rong và các diễn viên, là những cái vòng có ít lực hút hơn; và cái vòng cuối cùng là khán giả. Thi sĩ là người giải thích theo linh hứng về Thượng Đế, người hát rong là kẻ giải thích theo linh hứng về nhà thi sĩ và đó là lý do tại sao một số thi sĩ, như Tynnichus, chỉ sáng tác một bài thơ duy nhất và một số kẻ hát rong chỉ là người diễn xuất về một nhà thơ duy nhất.

Ion vui mừng trước khái niệm được linh hứng và thừa nhận rằng trong lúc trình diễn anh ta không còn là chính mình nữa; - mắt lã chã những dòng lệ và tóc dựng đứng lên. Socrates cho rằng chỉ có là điên mới hành xử như vậy trong cuộc liên hoan vì nào có gì quấy rối anh ta đâu. Ion tin tưởng rằng Socrates chẳng bao giờ cho là mình mất trí nếu ông ấy chỉ nghe anh nói thêm những điều hay về Homer. Socrates hỏi liệu anh ta có thể nói hay về mọi thứ nơi Homer. "Có, quả là anh ta có thể". "Còn về những cái anh ta không biết thì sao?". Ion trả lời rằng anh ta có thể giải thích bất cứ điều gì nơi Homer. Nhưng, Socrates nói tiếp, khi Socrates nói về nghệ thuật, chẳng hạn về thuật đánh xe ngựa, hay về y khoa, hoặc về thuật tiên tri, hay về nghề hàng hải-liệu ông ta, hay người đánh xe hoặc y sĩ hay nhà tiên tri, hay người hoa tiêu sẽ là người sành sỏi hơn? Ion buộc phải nhìn nhận rằng mọi người sẽ đánh giá nghề riêng của mình tốt hơn là người hát rong. Tuy nhiên, Anh ta vẫn cho rằng mình hiểu biết thuật làm tướng không thua ai. "Vậy tại sao trong thành Athens này, nơi người ta luôn tìm kiếm những người có phẩm chất xứng đáng, mà anh ta lại chẳng được phong ngay làm tướng chứ?". Ion trả lời rằng mình là người ngoại quốc, còn người Athens và người Sparta sẽ chẳng để bạt một người nước ngoài làm tướng của mình đâu. "Không, đó chẳng phải là lý do thực sự. Nhưng Ion chơi trò bịp bợm chỉ bằng lý lẽ suông; giống như Proteus, anh ta biến hóa thành nhiều dạng khác nhau và sau cùng định trốn thoát trong lớp ngụy trang thành một viên tướng. Hắn nên được coi là có linh hứng hay là lừa dối?". Ion vội vơ lấy tính cách được linh hứng.

Tương tự như những tập Đối thoại Plato thời kỳ đầu khác, tập Ion là một sự pha trộn giữa thái độ vui đùa và nghiêm chỉnh, không nhằm đạt đến một kết quả nhất định, nhưng cũng cho phép ẩn giấu

một vài chân lý theo kiểu Socrates hay Plato.

Những yếu tố về một lý thuyết đúng về thơ ca được chứa đựng trong ý niệm rằng nhà thơ là người được linh hứng. Người ta thường nói thiên tài là vô ý thức, được thúc đẩy hay là quà tặng của thiên nhiên; chuyện thiên tài na ná với sự tàng tàng là chuyện thời nay người ta thường nói. Người ta thường thấy những cái mạnh mẽ nhất vẫn có mặt hạn chế. Và người ta cũng nói thiên nhiên có quy luật riêng của nó, không thể sửa chữa hoặc đổi mới được. Những ý tưởng này hẳn đã có trong đầu Plato khi ông mô tả thi sĩ như người được linh hứng và khi, cũng giống như trong tập Apology, nói về những thi sĩ như những người phê bình dở nhất về những điều mình viết ra-bất kỳ ai được chọn ngẫu nhiên từ đám đông cũng đều có thể giải thích hay hơn về những nhà thơ ấy hơn là chính họ nói về họ. Họ là những thánh nhân, "những vật có cánh và linh thiêng", có một chút điên điên, nên được kính trọng cách này cách khác, nhưng không nên để họ sống trong tình trạng có ngăn nắp.

Trong tập Protagoras những nhà thơ thời cổ đại được chính Protagoras nhìn nhận như là những nhà ngụy biện chính gốc; tập Ion cũng có những dấu vết tương tự. Người hát rong thuộc lãnh vực quan điểm và mô phỏng; anh ta thú nhận có đủ mọi tri thức, nhận được từ Homer, hệt như nhà ngụy biện thú nhận có đủ mọi sự khôn ngoan, vốn chất chứa trong thuật hùng biện.

Chuyện cãi cọ trước đây giữa triết học và thơ ca, mà trong tập Nền Cộng hòa đã đưa đến việc tách biệt hoàn toàn giữa hai bên, nay Plato cũng đã nghĩ đến và được thể hiện trong sự tương phản giữa Socrates và Ion. Tuy nhiên, cũng như trong tập Nền cộng hòa, Socrates tỏ ra có cảm tình nào đó với bản chất của thơ ca. Cũng vậy, cái cách thức trong đó Ion được cảm tình nhờ những lời thuật lại của anh ta cho thấy một hình ảnh sống động về khả năng Socrates đưa vào đầu óc người trình diễn khi biểu diễn kịch nghệ. Việc anh ta ám chỉ mình có thể nói thêm những điều hay về Homer, trong đó anh ta tuyên bố mình hơn hẳn Metrodorus ở Lampsacus và Stesimbrotus ở Thasos, có vẻ chỉ cho thấy rằng, tương tự như những người ấy, anh ta thuộc trường phái những nhà giải thích chuyện ngụ ngôn. Cái sự kiện người ta không còn biết được gì thêm về anh chàng này có thể củng cố luận cứ rằng đây đích thực là một tiểu phẩm do Plato viết chứ không phải là thứ giả mạo do thời sau làm ra.

ION - THI HỨNG

NHÂN VẬT TRONG ĐỐI THOẠI

- Socrates
- Ion

Soc. Chào Ion. Anh từ thành Ephesus - quê nhà đến ư?

Ion. Không, thưa ông Socrates; nhưng từ Epidaurus, nơi tôi vừa tham dự lễ hội Asclepius.

Soc. Và người Epidauria có tổ chức thi hát rong tại lễ hội không?

Ion. Ồ có chứ ạ, với đủ mọi loại hình thức trình diễn ca nhạc.

Soc. Vậy anh có dự thi-và có thành công không?

Ion. Tôi đoạt được giải cao nhất, ông Socrates ạ.

Soc. Tuyệt quá; và tôi hy vọng rằng anh cũng sẽ gặt hái được như thế tại lễ hội của người Panathenaea.

Ion. Nhờ trời, tôi sẽ được.

Soc. Tôi thường thèm muốn nghề hát rong, Ion này; bởi các anh luôn phải mặc đẹp và trông điển trai hết sức khi tham gia biểu diễn. Rồi các anh buộc phải lúc nào cũng tháp tùng nhiều nhà thơ hay; nhất là với Homer, là người giỏi và tuyệt diệu nhất trong số họ. Và điều tôi thèm nhất là hiểu được ông ấy, chứ không chỉ thuộc suông các từ ngữ ông nói. Không ai có thể làm một người hát rong mà không hiểu điều nhà thơ muốn nói. Vì người hát rong phải thể hiện tư duy của thi sĩ cho người nghe và anh ta chẳng có thể làm tốt được điều này trừ phi hiểu được điều mà ông ta muốn nói. Tất cả chuyện đó làm người ta rất thèm thuồng.

Ion. Đúng vậy, ông Socrates ạ, đó là phần khúc mắc nhất trong cái nghề tôi theo; và tôi tin rằng tôi có thể nói về Homer hay hơn bất cứ ai; và rằng cả Metrodorus ở Lampsacus, lẫn Stesimbrotus ở Thasos,

hoặc Glaucon hay bất kỳ ai khác cũng không có được những nhận định hay về Homer như tôi.

Soc. Tôi vui mừng được nghe điều đó, Ion ạ; vì tôi thấy rằng anh sẽ không từ chối giúp tôi làm quen với những người ấy.

Ion. Tất nhiên là được, thưa ông Socrates; nhưng ông cần nghe thêm những điều tốt tôi nói về Homer. Tôi nghĩ rằng những người Homeridae sẽ trao cho tôi triều thiên vàng như là phần thưởng về những điều ấy.

Soc. Tôi sẽ có dịp nghe những chuyện ấy vào lúc nào đó sau này. Còn ngay bây giờ tôi muốn hỏi anh một câu. Công việc của anh có liên hệ tới Hesiod và Archilochus, hay chỉ dành cho Homer?

Ion. Cho Homer thôi; đối với tôi việc này đã quá đủ rồi.

Soc. Có cái gì đó mà cả Homer lẫn Hesiod đều cùng nhất trí không?

Ion. Có; tôi nghĩ là có rất nhiều.

Soc. Và anh có thể giải thích rõ hơn điều Homer nói, hoặc điều Hesiod nói về những vấn đề mà họ nhất trí?

Ion. Tôi cũng có thể giải thích rõ điểm họ nhất trí, thưa ông Socrates.

Soc. Nhưng còn về những cái mà họ không nhất trí thì sao? - chẳng hạn, về bói toán, là cái mà cả Homer lẫn Hesiod đều có nói tới.

Ion. Rất đúng.

Soc. Được, liệu anh hoặc nhà tiên tri giỏi sẽ là người giải thích hay hơn điều mà hai nhà thơ này nói, nhất trí hay không nhất trí, về chuyện bói toán?

Ion. Nhà tiên tri.

Soc. Nhưng nếu anh là nhà tiên tri, anh chẳng thể giải thích khi nào họ nhất trí hay không nhất trí sao?

Ion. Điều đó thì hiển nhiên rồi.

Soc. Vậy, sao anh chỉ thành thạo về Homer, mà không về Hesiod hoặc những nhà thơ khác? Chẳng phải Homer nói về cùng những vấn đề mà các thi sĩ khác cũng đề cập? Chiến tranh chẳng phải là chủ đề lớn của ông ấy sao? Và ông ta chẳng nói về xã hội con người và về sự giao thiệp giữa các con người, tốt và xấu, có tài hay bất tài; về việc thần linh trò chuyện với nhau và với loài người, về điều xảy ra trên trời và dưới âm phủ, về dòng giống thần linh và anh hùng sao? Đó chẳng phải là những vấn đề mà Homer hay xướng ngâm sao?

Ion. Rất đúng, thưa ông Socrates.

Soc. Và chẳng phải các thi sĩ khác cũng xướng ngâm những vấn đề như vậy sao?

Ion. Vâng, thưa ông Socrates, nhưng không theo cùng một cách như Homer.

Soc. Cái gì? Theo cách tệ hơn ư?

Ion. Vâng, tệ hơn rất nhiều.

Soc. Còn Homer thì hay hơn?

Ion. Ông ta hay không thể chê vào đâu được.

Soc. Chưa chắc đâu, anh bạn Ion thân mến, trong một cuộc tranh luận về số học, có nhiều người nói và một ai đó nói hay hơn những người còn lại, liệu ai đó có thể đánh giá người nào là người nói hay chứ?

Ion. Có.

Soc. Và người đánh giá về người nói hay cũng chính là người đánh giá về những người nói dở?

Ion. Chính cũng người đó.

Soc. Người ấy cũng là nhà toán học?

Ion. Vâng.

Soc. Thôi được và trong cuộc tranh luận về tính chất bổ dưỡng của thức ăn, khi có nhiều người cùng nói và một người nói hay hơn số còn lại, liệu người nhận ra kẻ nói hay hơn có khác với người nhận ra kẻ dở hơn, hay cũng là một?

Ion. Chắc chắn là một thôi.

Soc. Anh ta là ai và tên là gì?

Ion. Là y sĩ.

Soc. Nói chung, trong mọi cuộc tranh luận trong đó chủ đề là một và có nhiều người nói, chẳng phải là người nhận ra kẻ nói hay cũng nhận ra kẻ nói dở sao? Hoặc nếu không biết kẻ nói hay, người ấy cũng sẽ không biết kẻ nói dở.

Ion. Đúng thế.

Soc. Vậy chẳng phải là cùng một người giỏi về cả hai?

Ion. Vâng.

Soc. Anh nói rằng Homer và những thi sĩ khác, như Hesiod và Archilochus, nói về những việc như nhau, cho dù không theo cùng một cách; nhưng người này nói hay còn người kia không được hay lắm?

Ion. Vâng; và tôi đúng là có nói như vậy.

Soc. Và nếu anh biết người nói hay, ắt anh cũng biết rằng người nói kém là kém cỏi?

Ion. Cái đó đúng.

Soc. Vậy, anh bạn thân mến, liệu tôi có lầm không khi nói rằng Ion cũng rành rọt về Homer và các thi sĩ khác như nhau, bởi chính anh ta nhìn nhận rằng một người có thể phán đoán giỏi về tất cả những người nói về những

chuyện giống nhau; và rằng hầu hết các thi sĩ nói về những chuyện giống nhau?

Ion. Vậy, thưa ông Socrates, đâu là căn nguyên khiến tôi mất tập trung, phải bỏ đi ngủ và hoàn toàn không có một ý niệm gì khi ai đó nói về bất kỳ một nhà thơ nào khác; nhưng khi người ta nhắc đến Homer, tôi bừng tỉnh dậy tức thì, hết sức chăm chú và có nhiều cái để nói?

Soc. Cái đó, này anh bạn, cũng dễ giải thích thôi. Không ai không thấy rằng anh nói về Homer chẳng với bất kỳ tài riêng hay hiểu biết nào. Nếu anh có thể nói về ông ta theo quy tắc nghệ thuật, anh có thể nói về những nhà thơ khác, vì văn thơ là một cái toàn thể.

Ion. Vâng.

Soc. Và khi bất cứ người nào có được bất kỳ nghệ thuật nào khác nói chung, người ta cũng có thể nói như vậy về họ. Anh có muốn tôi giải thích điều tôi vừa nói không, Ion?

Ion. Vâng có chứ, thưa ông Socrates; tôi ao ước ông sẽ nói; vì tôi thích được nghe các vị là những người khôn ngoan nói.

Soc. Tôi mong ước, Ion ạ, rằng chúng ta có thể thực sự được gọi là khôn ngoan; nhưng sự thật là các anh là những diễn viên kiêm hát rong và các thi sĩ có những áng thơ được các anh hát, đều khôn ngoan; còn tôi chỉ là một người bình thường, chỉ biết nói sự thật. Hãy cứ coi cái tôi vừa nói là chuyện bình thường và tầm thường thôi - một việc bất cứ ai cũng có thể nói; rằng khi một người có được tri thức về cả một nghệ thuật, việc xem xét xấu tốt chỉ là một và như nhau. Ta hãy nghĩ về điều này; chẳng phải nghệ thuật sơn là một tổng thể?

Ion. Phải.

Soc. Và đã có nhiều thợ sơn tốt và xấu?

Ion. Đúng vậy.

Soc. Và anh đã có bao giờ biết người nào khéo chỉ ra những cái ưu và khuyết của Polygnotus, con của Aglaophon, nhưng lại không thể phê bình những thợ sơn khác; và công việc của người thợ sơn nào khác được phô bày, nhưng lại bỏ đi ngủ, bối rối và không có một chút ý niệm nào; nhưng khi anh ta phải cho biết ý kiến về Polygnotus, hoặc bất kỳ thợ sơn nào, lại tỉnh dậy, chăm chú và có nhiều cái để nói?

Ion. Không, quả tôi chưa từng biết.

Soc. Hoặc anh đã có bao giờ biết về người nào đó trong ngành điêu

khắc, khéo giải thích những công lao của Daedalus con của Metion, hoặc của Epeius con của Panopeus, hoặc của Theodorus người Samia, hoặc của điêu khắc gia nào khác; nhưng khi công trình của những điêu khắc gia khác được trình bày ra, thì lại bối rối, đi ngủ và chẳng có gì để nói?

Ion. Không, quả thật tôi chẳng hề biết.

Soc. Và nếu tôi không lầm, anh chưa từng gặp một ai trong số những tay thổi sáo, hay chơi đàn hạc hay ca sĩ hát theo đàn hạc hoặc người hát rong mà có thể trình bày về Olympus hoặc Thamyras hoặc Orpheus, hay Phemius, hát rong ở Ithaca, nhưng lại lúng túng khi nói về Ion ở Ephesus và chẳng có ý niệm gì về công trạng hay khiếm khuyết của anh ta?

Ion. Tôi không thể bác bỏ điều ấy, thưa ông Socrates. Tuy nhiên tôi tự biết rằng chắc chắn tôi nói hay hơn và có nhiều điều để nói về Homer hơn bất kỳ người nào khác, và đó là ý tưởng chung. Nhưng tôi không biết nói hay như vậy về những người khác - xin hãy bảo cho tôi biết nguyên do của việc đó?

Soc. Tôi hiểu, Ion; và tôi sẽ bắt đầu giải thích cho anh cái tôi cho là nguyên do của việc này. Năng khiếu anh có để nói rất hay về Homer không phải là một nghệ thuật, nhưng như tôi vừa nói, là một sự cảm hứng; có một lực linh thiêng thúc đẩy anh, như cái trong tảng đá mà Euripides gọi là nam châm, nhưng thường được gọi là tảng đá của Heracles. Bởi tảng đá đó hút không những các vòng sắt, mà còn truyền sang chúng một lực hút tương tự đối với các vòng khác; và đôi khi anh có thể thấy một số mảnh sắt và vòng móc vào nhau làm thành một chuỗi khá dài; tất cả nhận được lực treo từ tảng đá gốc. Việc này cũng giống như nữ thần thơ ca Muse, chính bà đã cho con người nguồn cảm hứng; và từ những người được cảm hứng này, một chuỗi những người khác được kết dính lại và cũng nhận được cảm hứng từ nơi họ. Tất cả những thi sĩ giỏi, sử thi hay trữ tình, sáng tác các bài thơ hay không phải như những công trình nghệ thuật, nhưng do họ được linh hứng và chi phối. Và như những tay vui chơi người Corybantia khi nhảy múa không hề tỉnh trí, cũng thế những nhà thơ trữ tình cũng không tỉnh trí khi sáng tác những áng thơ hay; nhưng khi

đặt dưới quyền lực của âm nhạc và thơ ca họ được linh hứng và nhập thần; giống như những trinh nữ Bacchic trích được sữa và mật ra từ những dòng sông, khi được thần Dionysus tác động, nhưng khi tỉnh trí lại không làm được. Tâm hồn của những nhà thơ trữ tình cũng làm được y như thế, như chính họ tỏ bày cho chúng ta; bởi họ nói với chúng ta rằng họ thu được các câu thơ từ những dòng suối ngọt như mật chảy ra từ những ngôi vườn và lũng nhỏ của các Muse; từ đó như những con ong, chúng tung cánh bay đi. Và điều này là đúng. Vì thi sĩ là một vật nhẹ nhàng, có cánh và linh thiêng, chẳng có phát kiến nào nơi họ cho tới khi họ được linh hứng và thoát ra khỏi các giác quan và tâm trí không còn ở nơi mình nữa: lúc chưa đạt đến trạng thái này, anh ta bất lực và chẳng thể thốt ra được lời nào đáng giá. Đa phần là những lời cao quý, trong đó các nhà thơ nói về các hành vi tựa như những lời của anh nói về Homer; nhưng họ không nói về mình theo một quy tắc nghệ thuật nào; chỉ khi họ làm những cái theo sự thôi thúc của thần Muse mới là những sáng tác được thần hứng; và rồi một người trong số họ sẽ tạo ra những áng thơ tán tụng, các khúc tán dương khác, những câu hứng khác, những vần thơ sử thi hoặc trào phúng khác và kẻ giỏi về một thể thơ thì không giỏi về thể thơ nào khác nữa: bởi nhà thơ không xướng ngâm thơ bằng nghệ thuật, nhưng bằng quyền lực linh thiêng. Nếu người ấy có học theo quy luật nghệ thuật, ắt đã biết cách nói không chỉ về một vấn đề, nhưng về mọi cái; và vì thế Thượng Đế lấy đi hết các tâm trí của các thi sĩ và dùng họ như những thừa tác viên của ông, ông cũng còn dùng những thầy bói và tiên tri nữa, để chúng ta khi nghe họ có thể biết rằng họ không nói về mình là những kẻ đang thốt ra những lời vô giá trong trạng thái xuất thần, nhưng chính Thượng Đế là người đang nói và rằng qua họ ông đang trò chuyện với chúng ta. Tynnichus người Chalcidia là một ví dụ điển hình về điều tôi đang nói đây; anh ta chẳng viết được điều gì đáng để ai đó ghi nhớ, trừ bài tán ca lừng danh mà mọi môi miệng đều có thể xướng ngâm lên và là một trong những áng thơ hay nhất từng có, và chắc chắn đó là sáng tác của các Thi

thần, như chính ông ta nói. Bởi theo cách này Thượng Đế dường như muốn tỏ lộ cho chúng ta đồng thời không cho phép chúng ta hoài nghi rằng những áng thơ hay đó không mang tính con người, hoặc công trình của con người, nhưng mang tính thần linh và là lời của Thượng Đế; và rằng các nhà thơ chỉ là kẻ giải thích về giới Thần linh mà họ được linh hứng cách riêng. Chẳng phải đây là bài học Thượng Đế có ý dạy khi qua môi miệng kẻ tồi tệ nhất trong các thi sĩ lại xướng lên được bài ca hay nhất sao? Tôi nói có đúng không, Ion?

Ion. Vâng, quả thật, thưa ông Socrates, tôi cảm thấy ông nói đúng; vì chính những lời ông nói đã đánh động tâm hồn tôi và tôi đã phần nào tin rằng các nhà thơ hay là những người giải thích được linh hứng về các Thần linh.

Soc. Còn các anh-những người hát rong-chính là những người giải thích về các nhà thơ chứ?

Ion. Điều này cũng đúng.

Soc. Vậy các anh là những người giải thích về những người giải thích?

Ion. Chính xác.

Soc. Tôi mong anh thành thật trả lời cho tôi, Ion ạ, điều mà tôi sắp hỏi anh đây. Lúc anh tạo những hiệu ứng mạnh nhất trên khán giả qua việc kể một đoạn gay cấn nào đó, chẳng hạn Odysseus xuất hiện nhảy lên sàn diễn, bị những kẻ săn lùng phát hiện, phóng tên vào chân anh ta, hoặc tả cảnh Achilles xông vào Hector, hoặc những nỗi buồn của Andromache, Hecuba hay Priam,-anh có tỉnh trí không? Phải chăng anh không còn là chính mình và tâm hồn anh trong lúc xuất thần dường như có mặt nơi những người và những chỗ mà nó đang nói tới, cho dù họ ở mãi tận Ithaca hoặc Troy hay bất cứ cái gì là khung cảnh trong bài thơ sao?

Ion. Minh chứng đó giúp tôi hiểu ra rồi, thưa ông Socrates. Bởi tôi phải thú nhận rằng khi kể về một chuyện thương tâm mắt tôi đầy lệ và khi nói về những chuyện khủng khiếp, tóc tôi dựng đứng lên và tim đập thình thịch.

Soc. Thôi được, Ion ạ, ta phải nói sao về người đóng vai trong buổi lễ tế hay liên hoan, mình mặc y phục ngày lễ, đầu đội triều thiên bằng vàng, chẳng bị ai trấn lột, nhưng lại khóc lóc hay hoảng sợ trước sự hiện diện của hơn hai mươi ngàn bộ mặt thân thiện, mà chẳng có một ai cướp đoạt hay làm điều gì xấu

với anh ta;-anh ta có tỉnh trí hay không?

Ion. Quả là không rồi, thưa ông Socrates, tôi phải nói đúng là anh ta không còn tỉnh trí.

Soc. Vậy anh có biết rằng anh cũng gây những hiệu ứng như vậy trên hầu hết khán giả không?

Ion. Vâng, tôi quả có biết; vì từ sân khấu nhìn xuống, tôi thấy nhiều tình cảm thương hại, ngạc nhiên, lạnh lùng xuất hiện trên gương mặt của họ trong lúc tôi nói; và tôi buộc lòng phải quan tâm đến họ; vì khi làm cho họ khóc chính tôi không thể cười, còn nếu tôi làm cho họ cười, tôi chẳng làm gì khác ngoài việc tự mỉm cười khi đến giờ lãnh thù lao.

Soc. Anh có biết rằng khán giả là cái mắt xích cuối cùng, như tôi đã nói, nhận được sức hút từ cái nam châm gốc; và người hát rong như anh và các diễn viên là những mắt xích trung gian, còn chính nhà thơ là mắt xích đầu? Và qua tất cả những mắt xích này Thượng Đế lái tâm hồn con người theo hướng ông muốn và làm cho người này bám vào người kia. Cũng có một dây chuyền các diễn viên múa, nhạc trưởng và phó nhạc trưởng ban nhạc, treo bên cạnh và đều là những chuỗi xuất phát từ Thần Muse. Mỗi thi sĩ có một Thần Muse mà từ đó ông ta được móc vào và từ đó người ta nói ông ta bị ám; dường như cũng là một; vì ông ta bị nhập. Và từ những mắt xích đầu tiên này, vốn là những nhà thơ, mà những người khác treo vào, một số nhận được linh hứng từ thần Orpheus, những người khác từ các thần Musaeus; nhưng phần lớn bị Homer nắm giữ và chi phối. Trong số những người về sau có anh, Ion ạ-bị Homer chi phối; và khi ai đó diễn lại những vần thơ của một thi sĩ khác thì anh bỏ đi ngủ và không biết nói gì; nhưng khi ai đó thuật lại những áng thơ của Homer anh liền thức dậy, rung động và nói nhiều, bởi chẳng phải vì tài riêng hay hiểu biết về Homer khiến anh nói điều anh nói, nhưng vì linh hứng và bị chi phối; khi vừa nghe nhắc đến Homer anh đã nói nhiều về ông, mà chẳng nói gì về những người khác. Và nguyên do của việc này là anh ca tụng Homer chẳng phải vì nghệ thuật nhưng do thần hứng, đó là câu trả lời cho điều anh hỏi đấy.

Ion. Tốt thôi, thưa ông Socrates; tuy nhiên tôi còn hoài nghi rằng liệu ông có còn đủ tài

hùng biện để thuyết phục rằng tôi ca tụng Homer chỉ trong lúc tôi bị tàng tàng và bị mê hoặc; và nếu ông có thể nghe tôi nói về ông ấy, tôi chắc rằng ông sẽ không bao giờ nghĩ như thế.

Soc. Tôi rất muốn nghe anh, nhưng phải sau khi anh trả lời câu mà tôi cần phải hỏi. Anh nói hay về khía cạnh nào của Homer?-Chắc là không phải về mọi mặt?

Ion. Chẳng có khía cạnh nào, thưa ông Socrates, mà tôi chẳng nói hay được; tôi có thể đoán chắc với ông điều đó.

Soc. Chắc chắn không phải những chuyện nơi Homer mà anh không được biết chứ?

Ion. Có cái gì về điều Homer nói mà tôi lại không biết vậy?

Soc. Này! Chẳng phải là Homer nói trong nhiều đoạn về nghệ thuật sao? Ví dụ, về việc chạy xe; nếu tôi nhớ được dòng nào tôi sẽ nói lại.

Ion. Tôi có nhớ, để tôi lặp lại.

Soc. Vậy hãy kể cho tôi nghe chuyện Nestor bảo Antilochus, con trai mình, chỗ ông ấy bảo người con phải lưu ý về việc nghiêng xe trong cuộc đua ngựa để kính thần Patroclus.

Ion. "Đứng trong chiếc xe ngựa bóng láng, ông nói, hãy nghiêng nhẹ về phía bên trái, quất cho con ngựa chạy phía tay phải một roi và la lên-đồng thời thả lỏng dây cương của con đó. Và khi gần tới đích, hãy cho con ngựa bên tay trái vào gần biên đường đua, sao cho trục của bánh xe đừng chạm đến cực biên; và giữ cho không vướng vào đá"...

Soc. Đủ rồi. Bây giờ, Ion này, liệu người đánh xe hay y sĩ sẽ là người phán đoán hay nhất về sự đúng đắn của những dòng này?

Ion. Rõ ràng là người đánh xe.

Soc. Và nguyên do có phải đó là nghề của hắn hay có nguyên do nào khác?

Ion. Không, đó mới là nguyên do.

Soc. Và mỗi nghề do Thượng Đế chỉ định phải có sự hiểu biết về một công việc nhất định; vì cái mà chúng ta biết được nhờ thuật hoa tiêu, chúng ta lại không biết nhờ thuật y khoa?

Ion. Chắc chắc không.

Soc. Và theo thuật làm mộc chúng ta cũng chẳng biết cái mà chúng ta biết nhờ thuật y khoa?

Ion. Chắc chắc không.

Soc. Và điều này đúng cho tất cả các nghệ thuật-cái mà chúng ta biết nhờ một nghề chúng ta không biết nhờ nghề khác? Nhưng hãy để tôi mở đầu câu

hỏi này bằng cách khác: anh thừa nhận rằng có những khác nhau giữa các nghệ thuật?

Ion. Vâng.

Soc. Anh sẽ cãi, như tôi thôi, rằng khi vấn đề của tri thức khác nhau, nghệ thuật cũng khác nhau?

Ion. Vâng.

Soc. Phải, chắc chắn rằng nếu vấn đề của tri thức giống nhau, sẽ chẳng có ý nói rằng các nghệ thuật đều khác nhau. Chẳng hạn, tôi biết rằng đây là năm ngón tay và anh cũng biết như vậy. Và nếu có ai hỏi tôi phải chăng tôi và anh đã quen với thực tế này là nhờ sự trợ giúp của cùng một khoa số học, anh có thừa nhận chúng ta có như thế không?

Ion. Có.

Soc. Vậy hãy nói cho tôi biết điều tôi sắp hỏi anh đây, - không biết điều này có giá trị cho mọi người không? Phải chăng cùng một nghệ thuật phải có cùng một vấn đề nhận thức và những nghệ thuật khác có những vấn đề nhận thức khác?

Ion. Đó là quan điểm của tôi, ông Socrates ạ.

Soc. Vậy kẻ không biết một nghệ thuật đặc thù nào, không có có được phán đoán đúng về những lời nói và việc làm của nghệ thuật đó?

Ion. Đúng vậy.

Soc. Vậy ai là người sành sỏi hơn về những dòng chữ do Homer viết mà anh mới thuật lại, anh hay người đánh xe ngựa?

Ion. Người đánh xe ngựa.

Soc. Sao thế? Vì anh là người hát rong và không phải là người đánh xe?

Ion. Vâng.

Soc. Và thuật hát rong khác với thuật đánh xe?

Ion. Phải.

Soc. Và nếu là một sự hiểu biết khác thì cũng là một sự hiểu biết về những vấn đề khác?

Ion. Vâng.

Soc. Anh biết cái đoạn trong đó Hecamede, nàng hầu của Nestor được biết đã trao cho Machaon lúc đó đang bị thương một món dược liệu, theo ông nói,

> *"Chế với rượu vang Pramnia; và nàng xát phó mát làm từ sữa dê với một con dao bằng đồng, bên cạnh chàng có một củ hành tạo mùi vị dễ uống".*

Anh sẽ nói rằng thuật hát rong hay thuật y khoa cái nào sẽ đánh giá hay hơn về những dòng trên?

Ion. Thuật y khoa.

Soc. Và khi Homer nói,

"Và nàng lao xuống vực sâu tựa như hòn rọi bằng chì, móc vào cái sừng bò lướt trong ngư trường đem theo chết chóc giữa đám cá đang đói lả".

Thuật đánh bắt cá hay thuật hát rong sẽ đánh giá tốt hơn sự đúng đắn của những dòng trên?

Ion. Hiển nhiên, thưa ông Socrates, là thuật đánh bắt cá.

Soc. Lại nữa, giả dụ rằng anh phải nói với tôi. Socrates ạ, bởi vì ông có thể quy chiếu nhiều đoạn văn khác nhau trong Homer cho những nghệ thuật tương ứng, tôi mong rằng ông sẽ nói cho tôi những đoạn mà tính ưu việt của nó phải được các vị tiên tri hay thuật tiên tri đánh giá và ông sẽ thấy tôi sẵn sàng và thành thật trả lời ông như thế nào. Bởi có rất nhiều đoạn như vậy, nhất là trong tập Odyssee; chẳng hạn, như cái đoạn trong đó Theoclymenus thuộc dòng họ nhà Melampus nói với những kẻ đi theo:-

"Hỡi những con người khốn khổ! Điều gì đang xảy ra cho các người? Đầu, mặt và chân các người bị che phủ trong tối tăm; và tiếng khóc than đã òa lên, gò má các người lệ tràn chan chứa. Nơi tiền đình có đầy và trong sân cũng đầy những hồn ma đang lần vào trong bóng tối của Erebus, bầu trời đã không còn vầng thái dương và màn sương sự dữ đang tỏa lan khắp nơi".

Và cũng còn có nhiều đoạn như thế trong tập Iliad; như trong việc mô tả cuộc chiến gần lũy bảo vệ, nơi đó ông ta nói:

"Khi họ nóng lòng vượt qua chiến hào, thì có một điềm xảy ra; một con đại bàng bay vút lên, ngăn người ta lại ở phía bên trái, móng nó quắp một con rồng khổng lồ vấy đầy máu, vẫn còn sống và thở phì phì; nhưng con rồng vẫn chưa bỏ cuộc, nó gập mình lại và táp mạnh vào con đại bàng đang quắp nó, vào chỗ ức gần cái cổ và con đại bàng trong cơn đau điếng phải buông con rồng rơi xuống đất vào giữa đám đông. Rồi con đại bàng, kêu lên một tiếng và liền được mang đi tận xa trên những cánh gió".

Đây là những loại tôi có thể nói cần phải do giới tiên tri xem xét và quyết định.

Ion. Và ông rất đúng, thưa ông Socrates, khi nói việc đó.

Soc. Phải đấy, Ion ạ, anh cũng đúng nữa. Và như tôi đã chọn cho anh từ Iliad và Odyssee những đoạn nói về nhiệm vụ của giới tiên tri, y sĩ và đánh bắt cá, vậy anh Ion này, người biết rõ Homer hơn tôi

rất nhiều, hãy chọn cho tôi những đoạn có liên quan đến người và nghề hát rong, và cái mà người hát rong phải xem xét và đánh giá tốt hơn những người khác.

Ion. Mọi đoạn, có thể nói như thế, thưa ông Socrates.

Soc. Không thể tất cả được, Ion ạ, chắc chắn đấy. Anh chẳng đã quên điều anh đang nói sao? Một người hát rong hẳn phải có trí nhớ tốt hơn.

Ion. Sao? Tôi có quên gì ư?

Soc. Anh chẳng nhớ mình đã tuyên bố rằng nghề hát rong khác với nghề đánh xe sao?

Ion. Vâng, tôi có nhớ.

Soc. Và anh đã thừa nhận cái vốn khác thì phải có những vấn đề hiểu biết khác?

Ion. Vâng.

Soc. Vậy theo những gì anh chứng tỏ, người hát rong và nghề hát rong chẳng biết được hết mọi sự.

Ion. Tôi dám nói, thưa ông Socrates, rằng có thể có những luật trừ.

Soc. Anh có ý nói đó là kẻ không biết những vấn đề thuộc các nghệ thuật khác. Khi hắn không biết đủ các loại, vậy hắn biết được những cái nào?

Ion. Hắn sẽ biết cái một người đàn ông phải nói, và cái một người đàn bà phải nói, và cái một người tự do và cái một tên nô lệ phải nói, cũng như cái mà một người cai trị và một kẻ bị trị phải nói.

Soc. Có phải anh muốn nói rằng người hát rong biết rõ hơn hoa tiêu điều mà người chỉ huy con tàu đang chòng chành trên biển phải nói ư?

Ion. Không; hoa tiêu là người biết rành nhất.

Soc. Hoặc người hát rong phải chăng biết rõ hơn y sĩ cái mà người chăm sóc kẻ ốm đau phải nói?

Ion. Anh ta không rõ đâu.

Soc. Nhưng anh ta biết cái một tên nô lệ phải nói?

Ion. Đúng.

Soc. Giả sử tên nô lệ là kẻ chăn bò; người hát rong sẽ biết tốt hơn kẻ chăn bò điều anh ta phải nói để xoa dịu cơn cuồng nộ của những con bò đang tức điên lên?

Ion. Không, anh ta không biết tốt hơn đâu.

Soc. Nhưng anh ta có biết cái mà một bà đan len phải nói về việc đan len?

Ion. Không.

Soc. Nhưng anh ta có biết cái một vị tướng phải nói lúc khích lệ quân sĩ dưới quyền?

Ion. Có, đó là loại việc mà người hát rong có biết.

Soc. Được, nhưng nghệ thuật hát rong có phải là nghệ thuật làm tướng?

Ion. Tôi đoan rằng tôi biết cái mà một vị tướng phải nói.

Soc. À, phải đấy Ion, vì anh có thể biết nghệ thuật làm tướng; và anh cũng có thể biết về thuật cưỡi ngựa cũng như về đàn lia; trong trường hợp đó anh hẳn biết lúc nào ngựa chạy hay hoặc chạy dở. Nhưng giả dụ rằng tôi phải hỏi anh. Nhờ tài riêng nào, Ion này, mà anh biết được ngựa có chạy nhanh không, do tài trí của người đi ngựa hay của người biểu diễn đàn lia-anh trả lời sao đây?

Ion. Tôi sẽ trả lời: với tư cách người đi ngựa.

Soc. Và nếu anh đánh giá người biểu diễn đàn lia, anh có nhận rằng mình đánh giá họ trong tư cách người biểu diễn đàn lia, chứ không phải trong tư cách người đi ngựa chứ?

Ion. Vâng.

Soc. Và trong khi đánh giá thuật làm tướng, anh có đánh giá về việc đó với tư cách vị tướng hay người hát rong?

Ion. Việc đó đối với tôi chỉ là một.

Soc. Anh nói sao? Phải chăng anh muốn nói rằng tài của người hát rong với của vị tướng là giống nhau?

Ion. Vâng, là một và giống nhau.

Soc. Vậy người là kẻ hát rong hay thì cũng là một vị tướng tài ư?

Ion. Hẳn là thế, thưa ông Socrates.

Soc. Và người là một vị tướng tài thì cũng là một kẻ hát rong hay chứ?

Ion. Không; tôi không nói thế.

Soc. Nhưng quả anh có nói rằng người là kẻ hát rong hay thì cũng là vị tướng tài mà?

Ion. Đúng thế.

Soc. Và anh là người hát rong Hy Lạp hay nhất?

Ion. Hơn cả hay nhất nữa, thưa ông Socrates.

Soc. Vậy anh có phải là vị tướng tài ba nhất không, Ion?

Ion. Chắc chắn thế, ông Socrates ạ; vì Homer là thầy tôi mà.

Soc. Nhưng, này Ion, vì lý do nào mà anh, vốn là vị tướng tài ba nhất trong các vị tướng đồng thời là người hát rong hay nhất trong giới hát rong trên toàn cõi Hy Lạp, lại đi đây đó làm kẻ hát rong thay vì làm một vị tướng chứ? Anh nghĩ rằng người Hy Lạp cần một người hát rong đội triều thiên vàng, chứ không cần một vị tướng sao?

Ion. Sao, thưa ông Socrates, lý do là những người dân chúng tôi, người Ephesus, đều là công bộc và lính tráng của Athens, nên

không cần tướng; còn các vị và người Sparta thì dường như không thích có tôi, bởi các vị nghĩ rằng các vị đã có đủ tướng lãnh của riêng mình rồi.

Soc. Ion tốt bụng của tôi ơi, anh chưa từng nghe nói về Apollodorus ở Cyzicus sao?

Ion. Anh ta là ai vậy?

Soc. Một người, dù là người ngoại quốc, nhưng thường được người Athens chọn làm tướng của họ; và có Phanosthenes ở Andros, Heraclides ở Clazomenae, là những người cũng đã được họ bổ nhiệm làm tư lệnh quân đội và các chức vụ khác, cho dù là các ngoại kiều và sau đó họ đã chứng tỏ được tư cách xứng đáng của mình. Và phải chăng họ sẽ không chọn Ion, người Ephesus làm tướng và tôn vinh ông, nếu ông tự chứng tỏ mình xứng đáng sao? Chẳng phải người Ephesus xuất thân từ dòng dõi dân Athens; và Ephesus đâu phải là thành kém cỏi? Nhưng quả thật, Ion ạ, nếu anh đúng khi nói rằng do tài năng và hiểu biết anh có thể tán dương Homer, thì anh không đối xử thật thà với tôi, và sau tất cả những lời anh tuyên bố biết nhiều cái tuyệt vời về Homer và hứa hẹn sẽ trình bày chúng cho tôi thấy, rõ ràng chỉ đánh lừa tôi thôi và cũng chẳng giải thích nổi theo sự khẩn khoản yêu cầu của tôi cái gì là sự tài ba của anh. Anh đúng là có nhiều lề thói giống như Proteus; và giờ đây anh làm đủ mọi cách, uốn éo quanh co và cũng như Proteus, cùng lúc thành đủ mọi loại người, sau cùng lẩn khỏi tôi trong cái vỏ ngụy trang thành một ông tướng, cốt để khỏi phải phô bày toàn bộ sự hiểu biết và truyền thuyết về Homer.. Và nếu, đúng như theo lời tôi nói đây, anh có thực tài, thì tôi hẳn sẽ nói rằng khi hứa hão sẽ trình bày về Homer, anh cũng đã không cư xử thật thà với tôi. Nhưng nếu, đúng như theo điều tôi tin, anh chẳng có tài cán gì, nhưng lại nói toàn những lời hay ho về Homer một cách vô ý thức dưới ảnh hưởng linh hứng của ông ta, thì lúc ấy tôi tha cho anh cái tội lừa dối và chỉ nói rằng anh được linh hứng thôi. Anh thích được coi là cái nào, không trung thực hay được linh hứng?

Ion. Hai cái đó, thưa ông Socrates, khác nhau xa lắm; linh hứng cao trọng hơn điều kia nhiều.

Soc. Vậy, Ion này, tôi sẽ chọn điều cao trọng hơn và cho rằng anh được linh hứng khi ca ngợi Homer, chứ không phải là nghệ thuật.

GORGIAS

CÁC KHÁT VỌNG CỦA THIỆN NHÂN: CUỘC SỐNG KHÔNG DÀI NHƯNG ĐỨC HẠNH

1. THIỆN NHÂN CHẲNG MÀNG TRƯỜNG THỌ, NHƯNG CHỈ MƯU CẦU MỘT CUỘC SỐNG ĐỨC HẠNH

Cũng giống như nhiều tác phẩm khác của Plato, Gorgias không dễ tóm lược dưới một tiêu đề, dẫu rằng đã từng có nhiều nhà bình luận và biên tập cố làm việc ấy. Có lẽ chúng ta cũng không quá ngoa khi nói rằng tập đối thoại này nhằm để ra một chiến thắng chung cuộc của chân lý và công chính trên lầm lạc và bất chính; nhưng phải lòng vòng trên những con đường ngoằn ngoèo rồi ta mới có thể đến đích được. Khoa hùng biện đúng đắn giúp ta nhận ra những điều sai lỗi, còn khoa hùng biện dối trá lại làm nổi bật những điều xấu xa và "biến cái tồi tệ thành cứu cánh tốt". Cũng vậy, thuật chính trị chân chính làm cho đất nước được phồn vinh, còn loại phản trắc chỉ nhằm ru ngủ số đông và đem lại sự hủy hoại. Sau hết, cũng có sự tương phản giữa chính nhân là người biết vui sướng "ngay cả khi bị ngược đãi", còn kẻ ti tiện thì dù có thoát khỏi bị trừng phạt ở đời này thì rồi cũng phải bị trừng trị trong kiếp khác.

Tập đối thoại này có lẽ thuộc về đoạn giữa trong các tác phẩm do Plato trước tác. Có thể nó xuất hiện sau tập Phaedrus, vốn cũng đề cập đến các khoa hùng biện chính danh và lầm lạc, nhưng được viết với giọng điệu vui tươi hơn; nó hầu như không thể viết sau tập Nền Cộng hòa trong đó chủ yếu bàn về sự chiến thắng của công lý. Như vậy tập này có thể diễn tả như là sự tái tục của cái một và chuẩn bị cho cái khác.

Những nhân vật trong tập đối thoại này, ngoài gương mặt quen thuộc là Socrates, còn có Gorgias, một nhà ngụy biện; Polus, một môn sinh trẻ của ông và Callicles, một người mà chúng ta chỉ biết là cư dân Athens, giàu có và là bạn của

Gorgias. Đoạn này trích trong bối cảnh tranh luận giữa Callicles và Socrates như sau: Callicles khẳng định rằng đức hạnh chỉ là sự giả vờ hay quy ước và kẻ bất chính vẫn sung sướng bao lâu mà hắn vẫn còn phát đạt trong sự nghiệp đầy tội ác của hắn. Socrates phản đối lý thuyết vô đạo đức ấy và cho rằng kẻ bất chính chỉ thực sự cảm thấy an lòng khi hắn bị trừng trị về việc làm xấu xa của mình. Callicles cho rằng như thế là lố bịch, bởi chẳng lẽ tên độc tài có thể xử tử người công chính hay đối xử tàn bạo với ông ta chỉ để cho mình vui thú được sao? Socrates đáp lại rằng cuộc sống tự nó chẳng mấy giá trị; kẻ chính nhân chỉ mong cuộc đời lương thiện, dù đoản mệnh hay trường thọ, dù hạnh phúc hay khổ đau.

Cal. Sorates, ngài luôn bày ra cách này hay cách khác để đảo lộn mọi thứ; phải chăng ngài không biết rằng kẻ bắt chước tên bạo chúa, nếu như hắn có trí khôn sẽ giết kẻ không bắt chước mình và lấy hết tài sản của nó?

Soc. Tuyệt đấy, Callicles ạ, tôi đâu có điếc. Tôi đã từng nghe đi nghe lại nhiều lần câu ấy từ chính miệng anh, từ Polus và hầu như từ mọi người trong thành, nhưng tôi mong rằng anh cũng sẽ nghe tôi chứ. Tôi dám nói rằng hắn sẽ giết y nếu như hắn có đủ trí khôn - kẻ xấu xa sẽ hủy diệt người tốt lành và chân chính.

Cal. Và đó chẳng phải là điều đáng buồn lòng sao?

Soc. Không, không phải thế đối với con người có lương tri, như lý lẽ cho thấy rằng: các anh có nghĩ rằng tất cả mọi lo toan của chúng ta đều hướng về cách sao cho có thể kéo dài cuộc sống tới mức tối đa và để tìm các phương thức giúp ta luôn tránh được các mối hiểm nguy; tựa như thuật hùng biện cứu người trước toà án và là cái mà các anh khuyến khích tôi vun đắp?

Cal. Vâng, quả thế và đó cũng là một lời khuyên rất hữu ích nữa.

Soc. Được, anh bạn ạ, nhưng anh nghĩ gì về nghệ thuật bơi; liệu nó có những đòi hỏi lớn lao không?

Cal. Không, hiển nhiên là không.

Soc. Điều chắc là bơi lội giúp con người khỏi chết đuối, nhưng còn có nhiều trường hợp đòi phải biết bơi. Còn nếu anh không thích người bơi lội, tôi sẽ nói với anh về người khác và nghệ thuật khác lớn hơn, thuật làm hoa tiêu, là cái không những cứu linh hồn người ta mà còn cứu thân xác và cả của cải khỏi bị hiểm

nguy, hệt như khoa hùng biện vậy. Nhưng công việc này rất giản dị và khiêm tốn, không có vẻ hay khoe khoang làm điều phi thường và để đáp lại sự cứu giúp tương tự như của người biện hộ chỉ đòi hỏi hai đồng ôbôl, nếu đi từ Aegina tới Athens, hoặc với quãng đường xa hơn từ Pontus hoặc Ai Cập về cũng chỉ tối đa hai đồng dracma, trả công cho sự giúp đỡ người khách cùng vợ con và hành lý, và đưa họ cập bến an toàn tại Piraeus; và ông ta chính là người chỉ huy, hoàn thành tất cả mọi việc, ra khỏi tàu và rảo bước trên bờ cạnh con tàu của mình với một phong thái không kể công. Bởi lẽ ông ta là một triết gia và ông ý thức rằng chẳng có gì chắc chắn đối với bất kỳ bạn đồng hành nào mà ông ta làm lợi hay gây tổn thương rằng không được để họ chết đuối. Ông ta hiểu rằng họ vẫn nguyên như thế từ lúc lên đến lúc xuống tàu, chẳng có suy suyển gì từ thân xác đến linh hồn. Ông ta nghĩ rằng nếu một người bị bệnh nặng không thể chữa lành là đáng thương vì đã được thoát nạn, chứ chẳng được lợi gì từ ông ta khi được giữ cho còn sống; điều này còn đúng hơn đối với những kẻ bị bệnh nặng không thể chữa khỏi, không phải về thân xác, nhưng là về linh hồn, là phần đáng quý hơn của người ấy. Ông ta biết rằng kẻ xấu chẳng nên sống, bởi hắn chẳng thể nào sống cho ra hồn được.

Và đó là lý do tại sao người hoa tiêu, dù có là người cứu thoát ta, cũng chẳng tự hào, chẳng hơn gì người kỹ sư là kẻ chẳng phải xếp sau vị tướng, hay viên hoa tiêu hoặc bất kỳ ai khác về khả năng cứu giúp, bởi có khi anh ta cứu được cả một thành. Liệu có thể so sánh anh ta với người biện hộ? Tuy vậy, anh Callicles ạ, nếu anh ta được diễn tả theo kiểu khoa trương của anh, thì anh ta sẽ có thể vùi anh trong một rừng từ ngữ, quả quyết rằng tất cả chúng ta phải là thợ đóng máy và rằng chỉ có chúng mới là bất động sản; hắn còn nhiều điều để nói nữa. Ấy thế mà anh vẫn coi khinh anh ta và nghề của anh ta, và nhạo báng gọi anh ta là kẻ đóng máy và anh chẳng cho con gái anh lấy con trai hắn, hay cho con trai anh cưới con gái hắn. Vậy thì, dựa trên các nguyên tắc của anh, liệu có công bằng hay lý lẽ gì chăng trong việc này? Anh có quyền gì mà khinh thị người đóng máy và những kẻ khác mà tôi vừa nêu ra? Tôi chắc anh sẽ nói, "Bản thân tôi tốt hơn, tôi có danh giá hơn". Nhưng nếu người tốt hơn không theo đúng như tôi nói và đức hạnh chỉ là tự cứu mình và

những gì thuộc về mình, bất kể tính nết ra sao, rồi anh chỉ trích người đóng máy, nhà vật lý và những ngành nghề khác, thì quả là nực cười.

Này anh bạn! Tôi muốn anh nhận ra rằng người quý tộc và người tốt có thể là cái gì đó khác với cứu, được cứu và rằng kẻ đích thị là người thì không cần phải quan tâm sống được bao lâu:-anh ta biết rằng, như đám phụ nữ thường nói, chẳng ai có thể tránh được số mệnh và vì thế anh ta chẳng màng cuộc sống; hắn để mặc Thượng Đế định liệu mà chỉ liệu sử dụng thời hạn của mình sao cho có ích nhất; - hoặc bằng cách khép mình trong khuôn khổ hiến pháp anh ta đang bị chi phối, tựa như anh lúc này đang phải suy xét làm sao cho có thể thật giống người Athens, nếu như anh muốn gần gũi họ và nắm quyền hành trong đất nước; trong khi tôi muốn anh suy xét xem liệu điều này có ích gì cho mỗi chúng ta;-Tôi không bảo chúng ta phải liều xem cái gì là đắt giá nhất khi giành được quyền hành này, giống như các mụ bỏ bùa mê người Thessalia là những kẻ, theo lời chúng nói, dám liều mạng lên trời hái trăng.

ALCIBIADES I

SOCRATES LÀM BẼ MẶT ALCIBIADES BẰNG VIỆC TỎ RA KHIÊM HẠ TRƯỚC CÁC VƯƠNG QUÂN CỦA LACEDAEMON VÀ BA TƯ

Có một số lý lẽ căn bản để ngờ vực tính xác thực của phần lớn các tác phẩm truyền lại cho chúng ta dưới tên Plato. Tuy nhiên có một vài tác phẩm đã được lưu giữ, viết về một số ít nhân vật. Trong đó có một số tập đối thoại có thể do chính Plato viết vào khoảng thời gian đầu đời, hoặc có thể do các môn sinh viết rồi gắn tên ông vào. Số lớn tác phẩm còn lại thuộc thời kỳ sau với nhiều nghi vấn về tính chính xác của tác giả. Alcibiades I là một mẫu thuộc loại trước.

Tập đối thoại này chỉ gồm hai nhân vật, Socrates và Alcibiades và không có đề cập gì đến khung cảnh của cuộc đối thoại. Alcibiades đang ở giai đoạn ra làm việc nước và được Socrates kiểm tra xem có thích hợp để làm chính khách được không. Thoạt đầu Alcibiades rất tự tin vì cho rằng đã chuẩn bị rất chu đáo rồi; nhưng Socrates qua một loạt câu hỏi làm cho anh ta rơi vào vòng tự mâu thuẫn và sau cùng làm cho anh ta phải bẽ mặt tự thú về sự ngu dốt của mình.

Soc. Anh hẳn biết rằng thành của chúng ta thỉnh thoảng có chiến tranh với người Lacedaemonia vốn có một ông vua vĩ đại?

Al. Dạ biết rõ.

Soc. Vậy nếu anh được làm người lãnh đạo thành này, hẳn anh phải coi các vua Lacedaemonia và Ba Tư chính là những đối thủ của mình chứ?

Al. Tôi tin rằng ngài nói đúng.

Soc. Ồ không, anh bạn ạ, tôi sai đấy và tôi nghĩ rằng anh nên chú tâm đến Midias người nuôi chim cút và những kẻ khác giống như y, là những người đang điều hành nền chính trị của chúng ta; nơi họ, như đám đàn bà hay nói, anh có thể còn thấy bọn nô lệ húi tóc ngắn, xén cả trí khôn lẫn cái sọ; chúng mang

theo những tiếng lóng man rợ để phỉnh gạt chứ không phải để lãnh đạo chúng ta. Tôi có thể nói, với bọn này anh nên nhìn và rồi chẳng cần phải dính vào cuộc tranh luận tao nhã này làm gì; anh chẳng cần phải bận tâm với việc học điều cần phải học hay là thực hành điều phải thực hành hoặc là bất cứ thứ chuẩn bị nào khác cho nghề chính trị.

Al. Thưa ngài Socrates, tôi nghĩ rằng điều ngài nói là đúng. Tuy nhiên tôi không cho rằng các tướng lãnh Sparta hay các vì vua vĩ đại thực sự có gì khác lạ so với bất kỳ ai khác.

Soc. Nhưng, anh bạn thân mến, hãy ngẫm nghĩ điều mà anh bạn vừa mới nói.

Al. Tôi phải nghĩ gì đây?

Soc. Trước tiên, liệu anh có lo cho chính mình, anh có e ngại và khiếp sợ họ hay không?

Al. Rõ ràng, nếu như tôi phải e ngại họ.

Soc. Vậy anh có nghĩ rằng anh sẽ bị tổn thương cách nào đó nếu như phải cẩn trọng cho chính mình?

Al. Thưa không, tôi sẽ được lợi rất nhiều.

Soc. Vậy đây là một khía cạnh rất quan trọng mà trong đó ý định của anh là xấu.

Al. Đúng vậy.

Soc. Tiếp đến, hãy thử nghĩ rằng điều anh nói có thể sai.

Al. Sao thế được?

Soc. Để tôi hỏi anh liệu bản chất tốt hơn dường như được thấy ở nơi có dòng dõi quý phái hay ở nơi không có dòng dõi quý phái?

Al. Chắc chắn nơi có dòng dõi quý phái.

Soc. Chẳng phải là những người sinh ra trong gia đình danh giá và được nuôi dưỡng chu đáo hầu như là có bản chất tuyệt hảo sao?

Al. Hiển nhiên là thế.

Soc. Vậy ta hãy so sánh tổ tiên chúng ta với tổ tiên của các vua Lacedaemonia và Ba Tư; liệu họ có thua kém chúng ta về dòng giống không? Chúng ta đã chẳng từng nghe nói rằng những người trước phát xuất từ Heracles và những người sau thì từ Achaemenes, và rằng dòng dõi của Heracles và dòng dõi của Achaemenes cùng từ Perseus, con của thần Zeus sao?

Al. Sao, vậy dòng dõi tôi là từ Eurysaces, còn hắn từ thần Zeus sao!

Soc. Còn tôi, anh Alcibiades đáng kính, xuất thân từ Daedalus mà theo nhánh Hephaestus cũng là từ thần Zeus mà ra.

Nhưng dẫu sao chúng ta đều thua xa họ. Bởi họ là con cháu thần Zeus nhưng thuộc dòng vua chúa-dù là các vua miền Argos và Lacedaemonia hay các vua miền Ba Tư, họ luôn nắm quyền cai trị và nhiều thời kỳ còn thống lĩnh cả vùng Asia, như họ đang làm; trong khi đó, chúng ta và tổ tiên chúng ta chỉ là dân thường. Đã có bao giờ anh thấy tài sản của các vua Sparta kếch xù chừng nào chưa? Và các bà hoàng đặt dưới quyền trông coi của các Ephori, là các công chức, để trông coi và bảo vệ sự thuần chủng dòng Heracleid.

Vua Ba Tư còn vượt xa những người này; bởi chưa từng có ai dám ngờ rằng một hoàng tử Ba Tư lại có thể có một người cha khác. Và khi người kế vị trong vương quốc ra đời, thần dân của đức vua mở tiệc ăn mừng; ngày sinh nhật của ngài được giữ mãi về sau như một ngày lễ và là thời điểm làm lễ tế thần trong toàn cõi Asia; trong khi tôi và anh sinh ra, Alcibiades ạ, như nhà thơ khôi hài đã nói, ngay cả xóm ngõ cũng chưa chắc có ai biết đến. Ngay sau khi vừa được sinh ra, đứa trẻ thuộc hoàng tộc được chăm sóc không phải bởi một mụ đỡ tầm thường mà bởi người tốt nhất trong số những thái giám, là những kẻ có trách nhiệm trông coi hài nhi, đặc biệt họ còn tạo dáng và uốn nắn chi thể để cho đứa trẻ có thân hình càng đẹp càng tốt. Đến khi hoàng tử lên bảy tuổi đã được huấn luyện cưỡi ngựa và bắt đầu đi săn. Ở tuổi mười bốn cậu được giao cho các thầy dạy với quy định: gồm bốn người được tuyển chọn, nổi tiếng là giỏi nhất trong dân Ba Tư với một độ tuổi nhất định; đầu tiên là người khôn ngoan nhất, kế đó là người đúng đắn nhất, thứ ba là người chừng mực nhất và thứ tư là người dũng cảm nhất. Người thứ nhất dạy anh ta về pháp thuật của Zoroaster, con trai của Oromasus, đó là thuật thờ cúng các Thần linh và cũng dạy về các nhiệm vụ trong hoàng triều; người thứ hai dạy anh ta luôn phải nói sự thật; người thứ ba không cho phép anh ta được thoả mãn với chính mình nhưng phải quen sống như một người tự do và là một ông vua thực sự, -làm vua của chính mình trước hết, chứ không phải là nô lệ; còn thầy dũng cảm dạy anh ta phải can trường chứ không khiếp sợ, bảo anh ta rằng nếu khiếp sợ thì anh ta phải coi mình chỉ đáng như một tên nô lệ; trong khi anh bạn Alcibiades, anh chỉ được Pericles giao cho gia sư Zophyrus người Thracia, một tên nô lệ vốn chẳng giúp được điều gì khác cho ông ấy.

Tôi còn có thể nói nhiều hơn nữa về sự nuôi dưỡng và giáo dục đối với các đối thủ của anh, nhưng như vậy thật là dài dòng; những

gì tôi vừa nói cũng đủ làm mẫu cho những gì còn phải nói. Tôi chỉ muốn lưu ý, bằng sự so sánh, rằng chẳng ai quan tâm đến việc anh sinh ra, việc nuôi nấng anh và việc anh học hành ra sao và tôi cũng có thể nói luôn là về các việc tương tự của bất cứ cư dân Athens nào khác, trừ khi có ai đó thương yêu chăm sóc cho kẻ ấy. Giờ anh hãy đưa mắt nhìn sự giàu có, xa hoa, trang phục có đuôi dài lê thê, xức dầu thơm phức, với vô số người hầu và tất cả mọi sự sang trọng khác của người Ba Tư, hẳn anh sẽ xấu hổ khi nhận rõ sự thua kém của mình; còn nếu anh nhìn vào sự điều độ, ngăn nắp, thanh thản, duyên dáng, hào hiệp, can trường, nhẫn nại, yêu lao động, khao khát vinh quang cùng những hoài bão của người Lacedaemonia - trong tất cả các lãnh vực ấy so với họ anh chỉ là một thằng bé ranh. Còn nếu anh thiên về sự giàu có, tôi có thể tiết lộ với anh sự thật của vấn đề. Nếu anh muốn ước lượng sự giàu có của người Lacedaemonia, anh có thể thấy rằng những gì chúng ta có đều thua xa họ. Bởi chẳng có ai ở đây có thể sánh với họ về quy mô và độ màu mỡ của đất đai vùng Messenia, hoặc là về số nô lệ phục vụ, nhất là người Helots, hoặc là về số ngựa và các loại súc vật chăn nuôi trên đồng cỏ Messenia.

Tôi đã nói quá đủ về các việc ấy; còn về vàng bạc, vùng Lacedaemonia có nhiều hơn tất cả các vùng còn lại của Hy Lạp, vì qua nhiều thế hệ vàng luôn chảy vào tay họ từ khắp thế giới Hy Lạp và cũng thường từ các dân man di nữa; và chẳng bao giờ chảy ngược ra ngoài, như trong ngụ ngôn của Aesop, cáo nói với sư tử, "Dấu chân của những kẻ đi vào là quá rõ"; và hẳn đã từng có ai thấy dấu vết tiền đi ra khỏi đất Lacedaemonia chăng? Vì thế anh có thể an tâm mà nói rằng cư dân vùng ấy giàu có hơn hẳn dân Hy Lạp về vàng và bạc, và các vị vua của họ lại là những người giàu có nhất trong số họ, bởi phần lớn số thu hoạch rơi vào tay các vua, ngoài ra họ còn phải cống nộp cho vua, số này cũng rất đáng kể. Tuy nhiên sự giàu có của người Sparta, dẫu là rất lớn so với những người Hy Lạp khác, nhưng lại chẳng là gì so với sự giàu có của người Ba Tư cùng các vua của họ. Này, tôi đã được một người có uy tín kể cho biết rằng ông ta đã đi qua một dải đất rất đẹp, hết chiều rộng phải mất gần một ngày đàng, dân gọi đó là thắt lưng của nữ hoàng, cái khác họ gọi là khăn che mặt của nữ hoàng, và còn nhiều vùng đất đẹp và phì nhiêu khác nữa cũng được dành làm đồ trang điểm cho nữ hoàng cũng như được đặt tên theo các lễ phục của nữ hoàng. Giờ tôi không thể nào không nghĩ về chính bản thân mình; nếu có ai đó đến gặp Amestris, vợ của Xerxes và là mẹ của Artaxerxes và nói với bà rằng,

có một ông Dinomachè nào đó mà cả tủ áo của y không đáng giá năm mươi mina-còn bà lại có người con trai sở hữu một miếng đất ba trăm mẫu ở Erchiae-rằng y muốn khiêu chiến với con bà, thì há bà chẳng hoài nghi về điều mà gã Alcibiades này tin rằng sẽ chiến thắng sao? Bà ta tự nhủ "hắn tất trông cậy vào sự rèn luyện và óc khôn ngoan của mình-đó là những cái mà người Hy Lạp đánh giá cao". Còn bây giờ nếu bà ta nghe biết rằng, cái gã Alcibiades này là kẻ đang có toan tính ấy, mới ở tuổi còn chưa tới đôi mươi, lại hoàn toàn chẳng được giáo dục gì cả, và rằng người mến mộ hắn bảo hắn phải học hành và rèn luyện trước cái đã rồi mới ra đi chiến đấu với các vua, nhưng hắn từ chối, cứ một mực cho rằng mình đã đủ năng lực, há bà ta chẳng thắc mắc tự hỏi "Vậy thì hắn cậy dựa vào cái gì đây?" Và nếu chúng ta trả lời rằng hắn dựa vào vẻ đẹp, vóc người, nguồn gốc và tài năng của riêng mình, lúc đó bà ta sẽ nghĩ rằng chúng ta mất trí rồi, anh Alcibiades ạ, khi mà bà ta so sánh những lợi thế của anh và của người phía bà ấy. Tôi tin rằng Lampido, con gái của Leotychides, vợ của Achidamus và là mẹ của Agis, tất cả những người ấy đều là vua cũng có cùng cảm tưởng ấy. Này anh bạn thân mến, hãy theo lời tôi khuyên và theo lời viết của Delphia "Hãy tự biết mình". Hãy coi các vua ấy như những địch thủ của ta, là những kẻ không như anh nghĩ mà là thuộc một loại khác, mà chúng ta chỉ có thể thắng vượt bằng khổ nhục và tài năng. Còn nếu như anh không đạt được các yêu cầu này anh cũng chẳng thành người đáng nể cả nơi người Hy Lạp và man di.

PARMENIDES

CUỘC HỘI NGỘ CỦA SOCRATES VÀ PARMENIDES TẠI ATHENS.PHÊ PHÁN MẪU LÝ TƯỞNG

Parmenides có lẽ là tập khó nhất trong các tập đối thoại do Plato trước tác và thuộc nhóm những bài không hấp dẫn lắm đối với độc giả vốn không quen với "những bí ẩn của phép biện chứng". Chủ đề của tập đối thoại này là Học thuyết các Tư tưởng, với những khái niệm trừu tượng siêu hình vốn ít nhiều xâm chiếm trí óc Plato trong phần lớn cuộc đời ông. Chúng thường được coi như là yếu tố chủ chốt trong hệ thống, ở đó tất cả các tư duy, ý niệm khác của ông phải lấy làm nền tảng.

Thật ra quan điểm này có đi quá sự thật. Thật là sai lầm khi tưởng tượng ra rằng Plato đã nhìn rõ một lược đồ triết học toàn diện mà từ đó ông rút ra được hàng loạt những luận thuyết. Cảm hứng của ông không theo một hệ thống và thất thường; ông hầu như là một thi sĩ hơn là một triết gia. Bằng chứng là các tác phẩm của ông cho thấy rằng ở nhiều giai đoạn khác nhau ông chịu ảnh hưởng của nhiều ông thầy khác nhau.

Trong tập Parmenides, mà chúng ta có thể xem xét công trình của Plato những năm về sau, bằng những nỗ lực tư duy phi thường ông đã đạt đến một giai đoạn có thể phê bình những Tư tưởng mà chính ông cũng không thể chứng minh là sai lầm. Tuy nhiên qua lời nói của Parmenides ông gợi ý rằng ông vẫn còn tin chắc vào thực tại và hiện hữu của chúng; bởi nếu không có những tư tưởng trừu tượng, tư duy và lý luận chẳng thể nào có được.

Chúng tôi đi từ nhà ở miền Clazomenae tới Athens, và đã gặp Adeimantus và Glaucon tại Agora.

Adeimantus nói: Xin chào, hãy nắm tay tôi; liệu tôi có thể giúp gì cho các vị tại Athens đây?

Vâng, tôi nói, tôi đến để xin ngài một ơn huệ.

Cái gì thế, ông ta hỏi.

Tôi muốn hỏi ngài tên của người em cùng cha khác mẹ của ngài, mà tôi đã quên mất tên; lần trước khi tôi từ Clazomenae đến đây thì cậu ta còn là một đứa trẻ, nhưng đã lâu lắm rồi còn gì. Nếu tôi không lầm thì tên cha ngài có phải là Pyrilampes?

Vâng, ông ta nói và tên của người em tôi là Antiphon; nhưng sao ngài lại hỏi vậy?

Để tôi giới thiệu một vài người đồng hương với tôi, tôi nói; họ là những người yêu triết học và đã nghe biết rằng Antiphon thường gặp Pythodorus, bạn của Zeno và cậu ta nhớ một số cuộc tranh luận giữa Socrates, Zeno và Parmenides, mà Pythodorus thường kể lại cho cậu ấy.

Đúng vậy.

Vậy chúng tôi có thể nghe được không? Tôi hỏi.

Ông ta trả lời: chẳng có gì trở ngại. Lúc em nó còn là một trang thanh niên nó chăm chú học từng bài; nhưng nay đầu óc lại chuyển qua hướng khác; giống như ông nội Antiphon, nó chuyên tâm về các giống ngựa. Nhưng nếu ngài muốn, ta hãy đi tìm hắn; nó sống ở Melita, cũng gần đây thôi; hắn vừa từ chỗ chúng tôi về nhà.

Thế là chúng tôi đi tìm anh ta; lúc ấy anh ta có mặt ở nhà và đang trao cái cương cho người thợ rèn sửa lại cho vừa. Khi làm việc xong với người thợ rèn, các anh em nói với anh ta về mục đích chuyến viếng thăm của chúng tôi. Anh ta liền đến chào tôi như một người quen anh nhớ đã có gặp lần trước. Chúng tôi xin anh ta lặp lại cuộc đối thoại. Thoạt đầu anh ta ngần ngừ, than rằng mình đang mắc bận, nhưng sau cùng thì cũng đồng ý. Anh ta kể rằng Pythodorus có nói về diện mạo của Marmenides và Zeno; họ đến Athens vào kỳ lễ tế thần Athena; người trước vào lúc mới gặp khoảng 65 tuổi, tóc bạc trắng nhưng dáng vóc đẹp. Còn Zeno cỡ chừng 40 tuổi, dáng vẻ quý phái và diện mạo khôi ngô; và trong thời trai trẻ người ta kể rằng ông ta rất được lòng Parmenides. Anh ta kể rằng họ cùng trọ với Pythodorus ở tại Ceramicus, bên ngoài tường thành, nơi mà Socrates và những người khác đã đến gặp họ. Những người này muốn biết về một số bài viết của Zeno, vốn do họ mang đến Athens lần đầu tiên. Anh ta kể rằng lúc ấy Socrates hãy còn rất trẻ và rằng Zeno đã đọc cho ông nghe trong lúc Parmenides không có mặt ở nhà; khi gần xong thì Pythodorus về, cùng lúc đó có Parmenides và Aristoteles là người mà sau này là một trong nhóm Ba Mươi. Lúc đó chẳng còn gì nhiều để nghe nữa và Pythodorus đã nghe Zeno thuật các bài đó trước đây rồi.

Vừa khi nghe hết, Socrates đề nghị đọc lại giả thuyết đầu tiên của bài nghị luận thứ nhất. Rồi

khi vừa đọc xong Socrates liền nói: Thưa ngài Zeno, ngài muốn ám chỉ cái gì đây? Có phải lý lẽ của ngài là sự tồn tại của cái nhiều nhất thiết phải bao gồm cái giống và cái không giống và rằng điều này là không thể có, bởi vì chẳng có cái không giống nào là cái giống cũng như không có cái không giống nào là cái giống, vậy thì cũng chẳng thể có cái nhiều được; đó có phải là luận điểm của ngài không? Đúng như thế, Zeno trả lời. Vậy nếu cái không giống không thể là cái giống, cũng như cái giống chẳng thể là cái không giống, vậy chẳng thể có cái nhiều, bởi như vậy nó bao gồm cái không có thể. Phải chăng đề cương lý lẽ của ngài hoàn toàn bác bỏ sự tồn tại của cái nhiều? Và phải chăng mỗi một bản luận văn của ngài là những minh chứng riêng rẽ về điều đó? Có phải ý của ngài là thế hay chính tôi hiểu sai?

Không, Zeno nói; anh khá nắm bắt ý hướng chung của bài văn đấy.

Thưa ngài Parmenides, tôi thấy rằng trong các bài viết của mình Zeno chính là bản ngã thứ hai của ngài; ông ấy đặt những điều ngài nói theo một cách khác và một phần đánh lừa chúng tôi rằng điều ông ta nói là mới mẻ. Phần ngài, trong các tác phẩm của ngài đều cho rằng cái tất cả chỉ là một và đã đưa ra nhiều chứng cứ rất tuyệt; còn Zeno, trái lại cho rằng không có cái nhiều và cũng có những chứng cứ rất thuyết phục. Quý ngài đã lừa thiên hạ bởi nói về cùng một sự việc nhưng theo các cách khác nhau, người này thì quả quyết, còn người kia lại khước từ cái nhiều.

Phải, anh Socrates ạ, Zeno nói. Nhưng cho dù anh khá khôn khéo như một gã Sparta chuyên đi tìm theo dấu vết nhưng anh chưa nắm bắt được động cơ thực sự của lối trình bày, vốn không thực sự là một công trình giả tạo như anh tưởng; hoàn toàn không có ý che giấu gây ra hậu quả nghiêm trọng-đó thực ra chỉ là một sự ngẫu nhiên mà thôi. Bởi thật ra những bài viết này của tôi chỉ có ý bảo vệ những lý lẽ của Parmenides chống lại những kẻ cười nhạo ông ta và làm lộ ra nhiều kết cục nực cười và mâu thuẫn đáng lẽ phải có nếu như khẳng định cái một. Câu trả lời của tôi dành cho những người ủng hộ cái nhiều và có ý chỉ ra rằng sẽ còn có nhiều hậu quả lớn lao và đáng nực cười hơn đi theo giả thuyết về sự tồn tại của cái nhiều, hơn là giả thuyết về sự tồn tại cái một. Vì thích tranh luận nên tôi đã viết sách vào thời còn trai trẻ, nhưng ai đó đã chôm các bài viết của tôi và vì thế không còn cách nào khác tôi đành phải xuất bản chúng. Tuy nhiên động cơ viết không phải là tham vọng của một người già, nhưng chính là tính thích gây gổ của một anh chàng trẻ tuổi.

Tôi hiểu điều đó, Socrates nói và tôi cũng phần nào chấp nhận lời giải thích của ngài. Nhưng xin

ngài hãy nói cho tôi nghe, thưa ngài Zeno, ngài có nghĩ thêm là có một tư tưởng về sự giống nhau về mặt lý thuyết, với một tư tưởng khác về sự không giống nhau, đối lập với cái giống nhau và rằng trong hai cái ấy, ngài và tôi cùng tất cả những cái khác mà chúng ta áp dụng thuật ngữ cái nhiều có dự phần vào; và rằng những cái dự phần vào sự giống nhau thì là cái giống nhau trong cùng một cấp độ và phong cách; và rằng những cái dự phần vào sự không giống nhau thì là cái không giống nhau trong cùng một cấp độ, hoặc là cả hai cái giống và không giống trong cùng một cấp độ chung cho cả hai? Và mọi vật có thể dự phần vào cả hai cái đối lập nhau, giống và không giống nhau với chính mình, theo kiểu lý luận dự phần này. Cho dù là thế thì chẳng có gì thú vị. Nhưng nếu như có ai có thể chứng minh cái tuyệt đối giống có thể trở thành cái không giống, hay là cái tuyệt đối không giống có thể thành cái giống thì, theo tôi, đó chính là thần đồng. Lại nữa, giả như có ai chỉ cho thấy rằng tất cả chỉ là một bởi tham dự vào cái một, tương tự tất cả là cái nhiều nếu tham dự vào cái nhiều, thế chẳng phải là lý thú sao? Nhưng giả như anh ta chỉ cho tôi thấy rằng cái tuyệt đối nhiều chỉ là một hay cái tuyệt đối một lại là nhiều, thì hẳn tôi sẽ rất ngạc nhiên. Và tôi cũng phải nói như thế về các việc khác. Tôi hẳn phải ngạc nhiên khi nghe rằng các phái và hình thái mang trong mình những tính chất đối lập; nhưng nếu có ai muốn chỉ cho thấy tôi đồng thời là cái nhiều và là cái một, thì chẳng có gì là lạ. Khi anh ta muốn tỏ cho tôi thấy tôi là nhiều, hẳn là anh ta muốn ám chỉ rằng tôi vừa có mặt phải lẫn mặt trái, có mặt trước lẫn mặt sau, có nửa trên và nửa dưới, bởi tôi không thể phủ nhận có tham dự vào cái vô số; trái lại khi anh ta muốn chứng tỏ tôi là một, anh ta sẽ nói tôi là một và tham dự vào cái một, và như thế cả hai điều anh ta nói đều đúng. Tuy nhiên, như giờ tôi đề nghị, nếu tôi tạo một ý trừu tượng, tôi có ý nói về cái giống, không giống, một, nhiều, tĩnh, động và những ý tưởng tương tự, rồi chỉ ra rằng chúng trong hình thức trừu tượng chấp nhận sự hỗn hợp và chia tách, hẳn là tôi sẽ phải rất ngạc nhiên về điều đó. Lối lập luận này xem ra được ngài vận dụng một cách rất hăng say, thưa ngài Zeno; tuy nhiên, như tôi đã nói, tôi sẽ rất lấy làm kinh ngạc nếu như có ai đó tìm thấy trong chính các tư tưởng vốn là ý niệm của các vấn đề nan giải và hóc búa, như ngài đã tỏ cho thấy có nơi các vật thể hữu hình.

Trong khi Socrates đang nói như thế, Pythodorus nghĩ ngay là cả Parmenides và Zeno đều không hài lòng với những bước tiếp theo của

cuộc tranh luận, nhưng họ vẫn cố tỏ ra chăm chú lắng nghe và thường nhìn nhau và cười làm ra vẻ thán phục Socrates. Vừa khi chàng kết thúc, Parmenides bày tỏ các cảm nghĩ như sau:

Socrates này, ông nói, tôi rất thán phục đầu óc cậu có khiếu về triết học; hãy cho tôi biết phải chăng cậu có thể phân biệt được những tư tưởng trừu tượng với các sự vật tham dự vào chúng? Và cậu có nghĩ rằng có một tư tưởng về sự giống ngoài cái giống mà chúng tôi nói đến, hoặc về cái một và cái nhiều, hay về những ý niệm khác mà Zeno đề cập đến?

Tôi nghĩ rằng có những tư tưởng trừu tượng như thế, Socrates trả lời.

Parmenides liền nói tiếp. Vậy anh có tạo những tư tưởng trừu tượng về cái đúng, cái đẹp và cái tốt và nói chung về toàn thể loại ý niệm đó không?

Vâng, anh ta nói, tôi sẽ.

Và cậu cũng sẽ tạo tư tưởng trừu tượng về con người khác với chúng tôi và các tạo vật người khác, hoặc là về lửa và nước chứ?

Thưa ngài Parmenides, tôi thường do dự không biết có nên gồm cả những thứ ấy hay không.

Vậy, Socrates à, cậu cũng thấy do dự cả về những cái mà nếu nói về chúng chỉ tổ làm cho người ta nhạo cười ư? Tôi muốn nói các vật như lông, bùn, rác rưởi, hoặc bất cứ thứ thấp hèn khác; liệu cậu có cho rằng trong chúng cái nào cũng có một ý tưởng khác với hiện tượng qua nó chúng ta tiếp cận được?

Hẳn là không, Socrates nói; những vật hữu hình đã là như vậy khi chúng ta nhìn thấy, nên tôi e rằng sẽ là điều xuẩn ngốc khi gán cho chúng ý tưởng gì, mặc dù đôi lúc tôi cũng thấy phân vân và nghĩ rằng chẳng có cái gì mà không có ý tưởng; nhưng rồi tôi phải bỏ những ý nghĩ đó vì e rằng tôi sẽ rơi vào vực thẳm của vô nghĩa và diệt vong; và thế là tôi lại trở về với những tư tưởng mà tôi nói nãy giờ và miệt mài suy gẫm với chúng.

Phải đấy, Socrates ạ, Parmenides nói; bởi lẽ cậu còn trẻ; rồi sẽ đến lúc triết học xâm chiếm cậu mạnh hơn, nếu như tôi không lầm, thì lúc ấy cậu sẽ không coi thường cả những cái tầm thường nhất; ở tuổi cậu, giờ cậu chỉ quan tâm tới những ý kiến về con người. Nhưng tôi rất muốn biết liệu cậu có ý cho rằng có một số hình thức hoặc tư tưởng trong đó tất cả các vật khác tham dự vào và từ đó chúng được đặt tên; chẳng hạn, những cái tương tự trở thành tương tự vì chúng tham dự vào sự tương tự; những cái vĩ đại trở thành vĩ đại vì tham dự vào sự vĩ đại; và cái đúng và đẹp trở thành đúng và đẹp vì tham dự vào sự đúng và đẹp?

Vâng, đúng vậy, Socrates nói, đó là điều tôi muốn nói.

Vậy chẳng phải là mỗi người đều dự phần vào hoặc là toàn thể cái ý tưởng ấy hoặc là chỉ một phần sao? Liệu có cách thứ ba không?

Không thể có, anh ta trả lời.

Thế liệu cậu có nghĩ rằng toàn bộ ý tưởng là một và vẫn còn là một, tồn tại trong từng cái một của cái nhiều?

Tại sao không chứ, thưa ngài Parmenides? Socrates nói.

Bởi lẽ cái một và cái tương tự tồn tại như một cái tổng thể nơi những cá nhân riêng biệt, vậy nó có ở trong trạng thái tách biệt với chính nó không?

Không, anh ta trả lời; ý tưởng đó giống như ngày là cái một và tương tự ở nhiều nơi khác nhau và vẫn còn tiếp tục với chính nó; theo cách đó mỗi tư tưởng có thể là một và tương tự trong tất cả. Socrates, tôi thích cái kiểu chia cái một thành cái nhiều của cậu; và giả như tôi trải một cánh buồm ra để phủ trên một số người, thì theo kiểu nói của cậu sẽ có một hay toàn thể hay trên cái nhiều?

Tôi không rõ.

Vậy có phải anh sẽ nói rằng toàn thể cánh buồm được phủ lên từng người hay chỉ có một phần thôi?

Chỉ một phần thôi.

Vậy, cậu Socrates ạ, các tư tưởng tự nó có thể được phân chia và mỗi người sẽ chỉ có một phần chứ không phải là toàn thể sao?

Chắc chắn không phải vậy, anh ta nói.

Điều đó có vẻ đúng.

Vậy Socrates, cậu muốn nói rằng cái ý tưởng duy nhất thực sự có thể phân chia mà vẫn còn là cái một ư?

Chắc chắn là không, anh ta nói.

Giả dụ rằng cậu chia cái vĩ đại, và rằng trong nhiều cái vĩ đại mỗi cái là vĩ đại vì có phần vào cái vĩ đại ít hơn cái vĩ đại, tuyệt đối-phải vậy không?

Thưa không.

Hay là phải chăng mỗi phần bằng nhau, do cùng có số lượng bằng nhau nhỏ hơn cái số lượng tuyệt đối, thì sẽ bằng với cái nào khác?

Không thể được.

Hay giả dụ mỗi người trong chúng ta đây có một phần của cái nhỏ; nhưng đây chỉ là một phần của cái nhỏ và vì thế cái nhỏ thì lớn hơn; trong khi cái nhỏ tuyệt đối thì lớn hơn, là cái mà một phần của cái nhỏ được cộng thêm vào, sẽ là nhỏ hơn và không lớn hơn trước.

Điều này thì không thể được, anh ta trả lời.

Vậy thì bằng cách nào, này cậu Socrates, mà tất cả các vật tham dự vào những tư tưởng, nếu như chúng không thể tham gia như là một phần hoặc là tổng thể?

Anh ta trả lời: thực ra đây là một vấn đề không dễ dàng quyết định.

Được, Parmenides nói, vậy cậu nói gì về vấn đề khác?

Vấn đề gì vậy?

Tôi hình dung cái cách mà cậu giả thiết sự tồn tại các ý tưởng như sau; cậu xem xét một số đối tượng lớn và từ đó cậu thấy có một ý tưởng, và tương tự về cái lớn tỏa lan trên chúng; từ đó cậu hình thành một cái lớn duy nhất.

Vâng đúng thế, Socrates nói.

Và nếu cậu tiếp tục để trí khôn theo cách ấy mà suy tưởng về sự to tớn và những sự to lớn khác, rồi so sánh chúng, rồi một tư tưởng khác về cái lớn há lại chẳng xuất hiện và sẽ trở thành nguồn gốc cho chúng nữa sao?

Vâng đúng thế.

Rồi sẽ xuất hiện ý tưởng trừu tượng về cái lớn và trên cái lớn tuyệt đối cùng những thành phần tham gia vào đó; rồi lại có cái khác nữa, là nguồn của cái đó và cứ như thế; và như vậy sẽ chẳng bao giờ chỉ có một tư tưởng cho mỗi loại, nhưng là có vô số những tư tưởng như thế.

Nhưng những tư tưởng chẳng phải chỉ là nhận thức thôi sao; chúng không hề tồn tại ngoài trí óc chúng ta sao, thưa ngài Parmenides? Bởi trong trường hợp ấy có thể chỉ là những ý tưởng suông, mà không hề có kèm theo các hậu quả như vừa nêu.

Vậy liệu có những nhận thức về cái không có gì?

Không thể có, anh ta trả lời.

Nhận thức phải là về cái gì chứ?

Đúng.

Về cái có hay không có?

Về cái có.

Nó phải là đồng nhất, hay bản thể duy nhất mà nhận thức nhìn nhận như là gắn liền với tất cả?

Đúng.

Và sự đồng nhất này, vốn luôn như nhau trong tất cả, cũng sẽ là ý tưởng chứ?

Vả lại chẳng có cách nào khác.

Rồi, Parmenides nói, nếu cậu nói rằng các việc khác đều tham dự vào các ý tưởng, vậy cậu chẳng phải nói rằng mọi vật đều được lập nên bằng ý tưởng và nhận thức, rằng mọi vật đều có suy nghĩ; hay là cậu sẽ cho rằng là những tư tưởng, chúng không có suy nghĩ?

Socrates nói: nhưng như thế thì vô lý. Thưa ngài Parmenides, xem xét những tư tưởng này thì thấy rằng chúng là những mẫu đã được hình thành trong tự nhiên và rằng những việc khác giống y như chúng và tương đồng với chúng, rằng cái có ý nghĩa trong tư tưởng nhờ có các cái khác tham dự cũng thật sự tương đồng với chúng.

Nhưng nếu, ông ta nói, cá nhân giống ý tưởng, chẳng phải là ý tưởng cũng giống cá nhân, trong chừng mực cá nhân là tương đồng với ý tưởng sao? Cái mà giống không thể nào được coi là cái gì khác hơn là cái giống của cái giống.

Không thể.

Và khi hai vật giống nhau, chẳng phải là chúng cùng dự phần vào cùng một ý tưởng?

Chắc phải là thế.

Và chẳng phải là cái làm cho hai vật dự phần và nên giống nhau là ý tưởng tuyệt đối [của sự giống nhau]?

Chắc chắn như thế.

Vậy tư tưởng không thể giống cá nhân, hoặc cá nhân giống tư tưởng; bởi nếu chúng giống nhau, thì sẽ luôn phát sinh thêm tư tưởng về sự giống nhau và nếu nó lại giống cái khác, cái nữa và cái nữa; và những tư tưởng mới chẳng bao giờ ngưng, nếu như tư tưởng tương đồng với cái tham dự vào nó.

Đúng thế.

Vậy lý thuyết rằng các vật khác tham dự vào những tư tưởng bởi sự tương đồng phải bị bác bỏ và cách tham dự nào khác cần được nghĩ ra chứ?

Đúng vậy.

Anh có thấy, này Socrates, việc xác định những tư tưởng độc lập khó khăn biết chừng nào?

Vâng, quả thế.

Và thêm nữa, cho tôi nói rằng anh chỉ mới hiểu một phần nhỏ sự khó khăn có dính dáng đến việc giả dụ của anh thôi, còn nhiều tư tưởng đủ loại, rất khác biệt với chúng nữa.

Khó khăn nào vậy? anh ta nói.

Có nhiều lắm, nhưng cái lớn nhất là:-nếu một đối thủ cãi lý lẽ rằng những tư tưởng độc lập, như ta gọi thế, không thể biết được, thì chẳng ai có thể chứng minh rằng anh ta sai, trừ phi người đang tranh luận về sự tồn tại của những tư tưởng ấy là một người rất lỗi lạc và uyên bác, đồng thời cũng sẵn lòng theo đuổi một cuộc minh chứng dài lâu và vất vả-anh ta không thể bị khuất phục và còn luôn quả quyết rằng không thể biết những tư tưởng ấy.

Sao vậy, thưa ngài Parmenides? Socrates nói.

Tôi thiết nghĩ trước hết rằng anh, anh Socrates này, hoặc bất kỳ ai mà vẫn chủ trương có những tư tưởng tuyệt đối sẽ phải thừa nhận rằng chúng không thể tồn tại trong chúng ta được.

Vậy chúng sẽ không còn là tuyệt đối rồi, Socrates nói.

Đúng thế, ông ta nói; và bất kỳ mối tương quan nào nơi những tư tưởng tuyệt đối, chỉ là mối tương quan nội bộ giữa chúng mà thôi, chẳng có gì liên hệ với

những cái tương đồng hoặc gọi là gì khác.

Ngài muốn nói sao? Socrates hỏi.

Parmenides nói: tôi có thể minh họa điều tôi muốn nói như sau. Một ông chủ kia có tên nô lệ; hiện nay không có gì tuyệt đối trong mối quan hệ giữa hai người; cả hai là những mối quan hệ giữa người này với người khác; nhưng cũng có tư tưởng về quyền chủ nhân về mặt lý thuyết, có liên quan đến tư tưởng sự nô lệ về mặt lý thuyết; tính chất lý thuyết này chẳng có ăn nhập gì với chúng ta, cũng như chúng ta với tính chất lý thuyết đó; tính chất lý thuyết đó chỉ có giá trị giữa hai người đó mà thôi. Anh có hiểu điều tôi muốn nói không?

Vâng, Socrates nói. Tôi đã rõ điều ngài muốn nói.

Và chẳng phải là tri thức, tôi muốn nói tri thức tuyệt đối, ông ta nói, ứng với chính sự thật tuyệt đối?

Hẳn là thế.

Và mỗi loại tri thức tuyệt đối đều ứng với từng loại thể chất tuyệt đối?

Đúng.

Và tri thức chúng ta hiện có sẽ ứng với sự thật chúng ta có; rồi nữa, mỗi loại tri thức chúng ta có có sẽ là tri thức về mỗi loại thể chất chúng ta có không?

Có chứ.

Nhưng chính những tư tưởng, như anh thừa nhận, chúng ta lại không có và cũng chẳng thể có?

Không, chúng ta không thể.

Và những tư tưởng hay hình thái tuyệt đối có được nhận biết bởi tư tưởng tuyệt đối của tri thức?

Có.

Và đó là tư tưởng mà chúng ta không có?

Đúng thế.

Vậy chúng ta chẳng biết tư tưởng nào hết bởi ta không có phần trong tri thức tuyệt đối.

Đúng vậy.

Vậy những ý tưởng về cái đẹp, cái tốt, cái giống mà chúng ta cho là những ý tưởng tuyệt đối đều không được chúng ta nhận biết?

Xem ra có vẻ như vậy.

Tôi nghĩ còn có một hệ quả tồi tệ hơn nữa đấy.

Là gì vậy?

Liệu anh sẽ hoặc sẽ không nói rằng nếu như có một cái như là ý tưởng tuyệt đối, thì hẳn phải là chính xác hơn rất nhiều so với tri thức của chúng ta, tương tự về cái đẹp và những cái khác?

Vâng.

Và nếu như có sự gì mà có được tri thức tuyệt đối, thì chẳng có gì hơn là Thượng Đế có được tri thức chính xác nhất này?

Hẳn là thế rồi.

Nhưng liệu Thượng Đế, Đấng có tri thức tuyệt đối này, Ngài có biết các việc của con người?

Sao lại không?

Bởi vì, này anh Socrates, Parmenides nói, chúng ta đã thừa nhận rằng các tư tưởng không có liên hệ gì với ý niệm của con người, cũng như ý niệm của con người với chúng; mối tương quan chỉ nằm riêng trong lãnh vực của mỗi bên.

Đúng, điều ấy đã được thừa nhận.

Và nếu Thượng Đế có quyền lực thực sự và tri thức tuyệt đỉnh, thời quyền lực ấy cũng không thể lãnh đạo chúng ta và tri thức ấy cũng chẳng thể hiểu biết chúng ta hoặc bất kỳ chuyện nhân gian nào; và cũng như vậy, khi khả năng chúng ta chẳng thể nào vươn được tới các thần linh và tri thức chúng ta chẳng biết được chuyện linh thiêng, thì theo lý lẽ các vị ấy dù có là Thần linh cũng không phải là những ông chủ và các vị cũng chẳng thấu việc của con người.

Tuy nhiên chắc một điều, Socrates nói, tước đoạt tri thức của các Thần là hoàn toàn vô lý.

Này anh Socrates, Parmenides nói, đây chỉ là một vài và chỉ rất ít trong số những khó khăn cần phải đề cập trong giả thuyết về sự tồn tại các tư tưởng và nỗ lực minh chứng tính tuyệt đối của mỗi tư tưởng ấy; kẻ nghe mà hồ nghi hay bác bỏ sự tồn tại của chúng và còn cứ cho rằng ngay cả khi chúng có tồn tại thì cũng nhất thiết là không thể do con người nhận biết được; y còn có thể nghĩ rằng điều y nói là có lý và như chúng ta vừa lưu ý mới đây là sẽ rất khó lòng thuyết phục. Một người phải là người có năng lực thực sự trước khi người ấy có thể hiểu rằng mọi cái đều có tính ưu tú và bản chất tuyệt đối; và còn đáng chú ý hơn là người biết tự mình nắm được tất cả các việc này và có thể dạy người khác biết cách phân tích chúng thoả đáng.

Tôi đồng ý với ngài, thưa ngài Parmenides, Socrates nói; và điều ngài nói rất có ý nghĩa đối với tâm trí tôi.

Tuy nhiên, anh Socrates ạ, Parmenides nói, nếu ai đó chỉ chú tâm vào những chuyện này và những khó khăn giống như thế hay từ chối nhìn nhận sự tồn tại của các tư tưởng hoặc các loại tư tưởng là hết thuốc chữa rồi; theo đó hắn đã hủy hoại hoàn toàn khả năng suy luận; đó là cái tôi thấy anh đặc biệt lưu tâm.

Đúng thế, anh ta nói.

Nhưng vậy thì triết học sẽ ra sao? Có gì làm nền tảng, nếu như không biết đến các tư tưởng?

Lúc này thực sự tôi không nhìn ra con đường mình phải đi.

Phải, Parmenides nói; và tôi nghĩ rằng điều này phát sinh từ ý định của anh muốn định nghĩa cái đẹp, cái đúng, cái tốt và những ý tưởng nói chung, mà không được

luyện tập đầy đủ trước. Tôi đã chú ý đến khiếm khuyết của anh lúc tôi nghe anh nói với anh bạn Aristoteles vào bữa hôm kia. Niềm thôi thúc anh hướng về triết học là đáng quý và tuyệt vời-không còn nghi ngờ gì cả-nhưng cũng có một thuật thường bị coi là vô dụng và được gọi bằng lời vu vơ tầm thường; đó là anh phải tự rèn luyện mình, vì bây giờ anh còn trẻ, bằng không anh chẳng thể nào nắm bắt được chân lý.

Vậy, thưa ngài Parmenides, ngài khuyên tôi nên chọn cách luyện tập nào đây?

Cách mà anh đã nghe biết Zeno thực hành, đồng thời tôi công nhận anh có nói với ông ấy rằng anh không quan tâm giải quyết những phức tạp liên quan đến các đối tượng hữu hình, hoặc là xem xét vấn đề theo cách ấy; nhưng chỉ quan tâm đến những ý niệm trong đầu và về cái gọi là tư tưởng mà thôi.

Vâng, anh ta nói, tôi chẳng thấy có gì khó khăn trong việc chỉ ra sự giống, không giống hay điều gì khác trong những vật hữu hình.

Đúng thế, ông ta lại nói, nhưng tôi nghĩ anh nên tiến thêm một bước và xem xét không chỉ những kết quả bắt nguồn từ một giả thuyết được nêu lên, nhưng còn cả những kết quả đến từ sự bác bỏ giả thuyết ấy; như thế việc luyện tập còn tốt hơn.

Ngài muốn ám chỉ điều gì vậy? Anh ta nói.

Tôi muốn nói đến giả thuyết của Zeno về cái nhiều, không những anh nên khảo cứu điều gì sẽ tiếp nối cái nhiều trong tương quan với chính chúng và cái một, hoặc là tiếp nối cái một trong tương quan với chính nó và cái nhiều, trong giả thuyết về sự hiện hữu của cái nhiều, mà còn điều gì sẽ tiếp nối cái một và cái nhiều trong tương quan giữa chúng hoặc với nhau, trong giả thuyết đối nghịch. Hoặc nếu sự giống nhau là có hay không tồn tại - điều gì sẽ nối tiếp nơi một trong hai giả thuyết đó với cái được giả dụ và với những cái khác, trong tương quan giữa chúng với nhau và tương tự với sự không giống nhau; anh có thể tranh biện theo cùng kiểu ấy về động và tĩnh, về phát sinh và hủy hoại, và ngay cả về tồn tại và không tồn tại; nói tắt một lời, bất cứ cái gì anh muốn đặt cho là hiện hữu hay không hiện hữu và thử nghiệm mọi loại thuộc tính. Anh phải để ý đến cái tiếp sau có liên hệ đến cái được giả định và với mọi cái khác anh đã chọn, - với số lớn hơn và với tất cả theo cùng cách thức; anh cũng phải xem xét đến những cái khác trong tương quan với chính chúng và bất cứ cái gì khác mà anh chọn, cho dù anh có cho chúng là có hay không có, nếu như anh muốn rèn luyện mình một cách toàn vẹn và thấy được chính chân lý.

THEAETETUS

Theaetetus là một tập đối thoại khó xác định nằm ở chỗ nào trong chuỗi tác phẩm của Plato. Về văn phong nó có vẻ thuộc lớp đầu tiên vì có nhiều cấu trúc giống với Protagoras và Meno. Nhưng về thứ tự tư tưởng nó lại rất gần với Nhà Ngụy biện và Chính khách.

Chủ đề chính của tập đối thoại là cuộc tranh luận về bản chất của tri thức và phương cách nhờ đó chúng ta có thể tiếp nhận thông qua tri giác và cảm giác. Cả hai trích đoạn sau đây đều không có liên hệ gì mấy với đề tài chính. Chúng mang tính chất ra ngoài lề, có ý giúp làm khuây khỏa tiến trình tranh luận dài và đôi lúc buồn tẻ.

1. SOCRATES, BÀ ĐỠ VÀ ĐỨA CON

Socrates ở đây được diễn tả một cách khiêm tốn như người hộ sinh đưa ra những con người có tư duy và ý tưởng, "những đứa con tinh thần đúng đắn và bất tử". Vì Socrates không giống bất cứ thầy dạy nào của nhân loại; ông không truyền đạt tư tưởng của mình cho người nghe, nhưng gợi cho họ có những ý niệm, đôi khi là những ý niệm "chưa bao giờ có nơi họ", theo lời của Theaetetus.

Soc. Các nữ hộ sinh là như thế đó. Công việc của họ rất quan trọng, nhưng cũng không quan trọng bằng việc của tôi; bởi lẽ phụ nữ đâu có sinh các con của mình cùng một lúc đâu, nhưng các quý tử xuất hiện vào những giai đoạn khác nhau với những khó khăn không ai giống ai. Và như thế thì việc xác định đúng hay sai việc sinh nở là thành quả của nghệ thuật hộ sinh - anh có nghĩ thế không?

Theaet. Vâng, tôi nghĩ hẳn là thế.

Soc. Được, vậy nghệ thuật hộ sinh của tôi trên hầu hết các mặt đều giống như họ, trừ có điều khác biệt này-là tôi phục dịch đàn ông, chứ không phải đàn bà và tôi hành nghề nơi phần hồn lúc họ lao động chứ không nơi phần xác của họ;

và niềm hân hoan trong nghề của tôi là xét xem liệu sự suy nghĩ trong đầu chàng thanh niên có sinh ra một ngụy thần hay là một tạo vật chân thật và cao quý. Còn ngoài ra tôi cũng giống như các bà mụ, tôi đâu có sinh con và tôi vẫn thường bị trách mắng; tôi chỉ biết đặt những câu hỏi về người khác còn chẳng có trí thông minh để tự trả lời cho họ. Lý do là vì Thượng Đế buộc tôi phải làm nghề hộ sinh, nhưng lại cấm tôi sinh con. Và vì thế tôi không có khôn ngoan cũng chẳng có gì gọi là sáng kiến hay kết quả của riêng hồn tôi, nhưng là thế này:-một số người trò chuyện với tôi, lúc đầu xem ra hoàn toàn tối dạ, nhưng về sau, khi đã thành quen, nếu Thượng Đế độ lượng với họ, tất cả bọn họ đều tiến bộ cách đáng kinh ngạc; mà không phải chỉ có họ nghĩ như vậy đâu mà còn cả những người khác nữa. Rõ ràng rằng họ chẳng học được gì từ bản thân tôi, nhưng họ đã biết và khám phá ra nhiều điều cao quý về chính họ, cho dù Thượng Đế và tôi có giúp truyền đạt chúng.

Bằng chứng, mà nhiều người trong số họ không hay biết, là họ quy tất cả cho chính họ và coi khinh tôi, hoặc là tự ý riêng họ hay là theo sự xúi giục của người khác và đã bỏ ra đi sớm hơn hạn định; và hậu quả là họ đã sinh được những quái thai do quan hệ xấu hay là đánh mất con mà chính tôi đã trao cho họ vì nuôi dưỡng tồi, dìm mình trong dối trá và bị che phủ bởi các giá trị khác ngoài chân lý; và sau cùng kết thúc với việc thấy mình, y như những người khác thấy họ, là những tên xuẩn ngốc. Aristides, con trai của Lysimachus, là một người trong số đó và còn nhiều người khác nữa. Cũng có những kẻ bỏ ngang quay lại xin tiếp tục thụ giáo với tôi-thậm chí còn sẵn sàng quỳ xuống nài xin-và rồi nếu người thân của tôi cho phép, mà không phải luôn được như vậy, tôi tiếp nhận và những người ấy lại khởi sự tiến bộ. Dire là những sự đau đớn mà nghệ thuật của tôi có thể khơi lên và làm dịu đi nơi những người đến giao tiếp với tôi, tựa như cơn đau của người đàn bà lúc sinh con; ngày và đêm họ phải trải qua đủ những bối rối và khổ nhọc còn nặng nề hơn của người phụ nữ nữa. Quá nhiều cho họ vậy. Và còn có những người khác, anh Theaetetus ạ, đến với tôi mà hầu như trong họ chẳng có một cái gì; tôi thì biết rằng họ chẳng cần đến nghề của tôi nên tôi dễ họ vào một hội khác và nhờ ơn Thượng Đế tôi thường chỉ ra ai là người có thể giúp họ nên tốt. Nhiều người trong số họ đã được tôi chuyển đến

Prodicus và một số đến những nhà hiền triết đầy cảm hứng khác.

Tôi kể cho anh câu chuyện dài này, thưa anh bạn Theaetetus, bởi tôi nghi ngờ rằng anh còn đang lao động-nhiều với ý niệm nào đó. Vậy hãy đến với tôi, là người hộ sinh và là con của người hộ sinh sẽ cố gắng trả lời cho những câu hỏi tôi nêu với anh. Và nếu như tôi có lấy trộm và vứt bỏ đứa con đầu lòng của anh, vì tôi khám phá ra rằng ý niệm mà anh đang hoài thai chỉ là bóng rỗng, thì cũng đừng cãi vã với tôi về chuyện ấy, giống như cách phụ nữ thường cư xử khi đứa con đầu lòng bị lấy mất đi. Bởi tôi biết có một số người sẵn sàng cắn tôi khi tôi cướp đi sản phẩm yêu quý của họ; họ không nhận ra rằng tôi đã hành động vì hảo ý, không biết rằng không có thần linh nào là kẻ thù của con người; cũng như tôi đây chẳng bao giờ là kẻ thù của họ, nhưng đạo lý không bao giờ cho phép tôi chấp nhận sự lầm lạc hoặc kiềm chế sự thật. Vậy một lần nữa, anh Theaetetus ạ, tôi lập lại câu hỏi cố hữu "Tri thức là gì?" và đừng có bảo rằng anh không thể nói; hãy xử sự như một con người và nhờ ơn Thượng Đế anh sẽ có thể nói được.

2. LUẬT GIA VÀ TRIẾT GIA

Mô tả về luật gia và triết gia trong tập Theaetetus là một trong những phác họa gây ấn tượng nhất về nhân vật trong các tác phẩm của Plato. Hai loại người này đối lập với nhau về kỹ năng tuyệt hảo và sự viên mãn. Sự tương phản theo ý Plato cũng tương tự như sự tương phản luôn hiện hữu trong nhân loại dưới nhiều danh xưng và ngụy trang khác nhau. Aristotle đã xem xét điều này khi ông bàn về "đời hoạt động" và "đời chiêm niệm", một khác biệt tương tự cũng xuất hiện trong thời đại khác như là "cuộc sống thế tục" và "cuộc sống tôn giáo".

Triết gia là một người có khả năng suy nghĩ và phê phán, sống khác biệt với những người khác bằng trí tưởng tượng riêng. Trí óc họ thấm nhuần những suy tư về cái vĩnh hằng và siêu phàm, chứ không thể hạ cố đến những cái "nằm ở dưới chân".

Đây là bức tranh mà Plato không bao giờ chán vẽ:-Triết gia và chính trị gia trong tập Euthydemus; triết gia và con người nơi trần thế trong tập Gorgias; nhà hùng biện thực và giả trong Phaedrus, và các biến thể khác của cùng một đề tài. Sự hợp nhất của hai đặc tính này trong một con người là điều Plato mơ ước; triết gia phải là vua trong nước hay ít ra hàng hoàng thân quốc thích phải được rèn luyện và học tập tại các trường dạy triết học.

Soc. Này anh Theodorus, đây là một câu hỏi mới được đưa ra, có vẻ nó còn dài hơn câu trước.

Theod. Vâng, thưa ngài Socrates, chúng ta có nhiều giờ rảnh mà.

Soc. Đúng đấy, điều anh nói làm tôi nhớ lại một điều tôi thường quan sát thấy, rằng những ai dành cả đời để theo đuổi triết học lại thường mắc sai lầm một cách nực cười khi phải xuất hiện và biện hộ trước toà án. Tự nhiên quá đi mất!

Theod. Ngài muốn nói gì vậy?

Soc. Tôi muốn nói những người mà từ thời thanh xuân trở đi chỉ quanh quẩn ở các toà án và những chỗ tương tự, so với những người được học tập triết học, thì người trước như những nô lệ còn người sau là những người tự do.

Theod. Vậy điều khác biệt là từ đâu?

Soc. Ở cái giờ rảnh mà anh vừa nói tới và là cái mà người tự do có thể làm chủ; anh ta có thể nói năng thư thái và giống như chúng ta đây, tùy ý lang thang từ chủ đề này sang chủ đề khác, rồi từ cái thứ hai tiếp sang cái thứ ba và nếu trí tưởng tượng thích một cái mới, chẳng phải dè nhiều lời hay ít, mục tiêu duy nhất của anh ta là đạt đến chân lý. Còn luật gia thì luôn hối hả; có nước của đồng hồ nước lèo lái y, chẳng cho y được tự ý dông dài; có đối thủ đứng trên y, thúc ép quyền lợi của y; và bản khai có tuyên thệ, với cách viết ngắn gọn, phải đọc thuộc lòng và không được lạc đề. Hắn là một tên đầy tớ, tranh luận với một đồng liêu đầy tớ trước mặt ông chủ, là người ngồi và nắm giữ lý lẽ trong tay. Hậu quả là anh ta đã trở nên sắc sảo và tinh ranh; đã học biết cách dùng lời nói mà tâng bốc và làm vui lòng chủ; còn tâm hồn hắn thì nhỏ mọn và bất chính. Tình trạng nô dịch đã làm cho hắn không còn khả năng phát triển, thăng tiến và độc lập. Ngay từ những năm đầu khi bước vào hoạt động, biết bao hiểm nguy và sợ hãi đè nén tính thật thà, lương thiện và sự nhạy bén mà tuổi trẻ cũng không kham nổi, vì thế anh ta đã bị đẩy vào những con đường quanh co; ngay từ ban đầu anh ta đã phải tập tành dối trá và trả miếng. Và khi qua tuổi trẻ đi vào giai đoạn trưởng thành trong con người anh ta chẳng có gì là đúng đắn, nhưng anh ta vẫn nghĩ mình là một ông thầy khôn ngoan. Luật gia là như thế đó, anh Theaetetus ạ. Anh có hình ảnh nào khác về triết gia hay không hay chúng ta có cần quay trở lại việc tranh luận chăng? Đừng để chúng

mình lạm dụng tự do đi lạc đề đấy nhé.

Theod. Không, Socrates ạ, Chúng mình kết thúc chuyện đang bàn; bởi anh đã nói đúng: chúng ta là anh em vốn tự do, không phải là đầy tớ của tranh luận; nhưng tranh luận phải là đầy tớ của chúng ta, nó phải chờ khi nào chúng ta rảnh rỗi chứ. Đâu là vị thẩm phán hoặc khán giả có quyền phê bình hay kiểm soát chúng ta, cho dù người ấy có là thi nhân?

Soc. Thôi được, chiều theo ý anh, tôi sẽ bàn về các nhà lãnh đạo; bởi chẳng có ích gì mà nói về những loại thấp kém. Trước hết các ông chúa về triết học chẳng hề biết, từ lúc còn trẻ về sau, đường tới Agora, hoặc là nhóm sáu ngàn người (được chọn để tham gia xét xử ở Athens), hoặc là hội đồng hay là bất cứ cuộc hội họp chính trị nào khác; họ chẳng hề xem thấy hoặc nghe nói về luật lệ hay phiếu bầu nhà nước được viết ra hay bằng miệng. Sự háo hức của các hội đoàn chính trị giành giật văn phòng - câu lạc bộ, tiệc tùng, liên hoan, ả đào là những thứ chẳng bao giờ họ mơ tưởng. Cho dù có biến cố nào hay hoặc dở trong thành, cho dù có ai đó phải chịu tủi nhục vì cha ông mình, bất luận nam hay nữ, thì cũng chẳng phải là vấn đề mà triết gia cần biết, cũng như chẳng thể nói trong đại dương có bao nhiêu panh nước. Cả sự vô tri của mình ông ta cũng chẳng hề hay. Ông ta không đứng ngoài vòng cốt để gây tiếng tăm; nhưng sự thật là chỉ có cái dáng vẻ bên ngoài của ông ta là ở tại thành; còn trí khôn ông ta, vốn chẳng màng những vật ti tiện, vô nghĩa của con người, thì "luôn bay bổng khắp nơi", như Pindar nói, dùng đường thẳng và thước đo cho những sự bên dưới và bên trên mặt đất cũng như trên bầu trời, tra hỏi bản chất toàn diện của từng cái và tất cả, nhưng không hạ cố bất cứ điều gì nằm trong tầm hiểu biết.

Theod. Ngài muốn ám chỉ điều gì, thưa ngài Socrates?

Soc. Tôi sẽ minh họa điều tôi vừa nói, này anh Theodorus, bằng lời giễu cợt mà người hầu gái người Thracia rất khôn khéo và hóm hỉnh nói về Thales, khi anh ta rơi xuống giếng lúc đang mải ngước nhìn các vì sao. Nàng ấy nói, rằng anh ta vì quá nôn nóng muốn biết xem điều gì đang xảy ra trên bầu trời đến nỗi chẳng còn thấy gì trước chân của mình. Lời giễu cợt này cũng

có thể áp dụng cho các nhà hiền triết. Bởi nhà hiền triết hoàn toàn không quen biết người láng giềng sống cạnh nhà mình; ông ta không biết, chẳng những về mình đang làm cái gì, mà còn không biết mình có phải là một con người không nữa; ông ta tìm tòi bản chất của con người và kiên trì khám phá cái gì thuộc về bản chất như thế làm nên hay phải chịu khác biệt với bất kỳ cái nào khác;
- Tôi tin rằng anh đã hiểu điều tôi nói, phải không Theodorus?

Theod. Tôi hiểu và những điều ngài nói là đúng.

Soc. Và như vậy, này anh bạn, mỗi khi có dịp, công cũng như tư, xuất hiện trước toà hay một nơi nào đó mà phải nói về những cái tầm thường và trước mắt, anh ta lại là một người làm trò cười cho thiên hạ, không phải chỉ theo lời của đám hầu gái Thracia mà cả của bọn tầm thường, khi té nhào xuống giếng và các thứ tai họa khác chỉ vì thiếu kinh nghiệm. hắn trông có vẻ như một kẻ vụng về và gây ấn tượng là một gã ngu đần. Khi nghe tên bạo chúa hoặc nhà vua khen ngợi, hắn tưởng chừng như đang nghe tiếng khen của người chăn súc vật-người chăn heo, chăn cừu hay chăn bò được khen, vì kẻ ấy vắt được nhiều sữa nơi những con vật ấy; và hắn nhận ra rằng những con vật mà hắn trông nom, ngoài số những người mà hắn bòn rút của cải, thì chỉ có bản chất kém ngoan ngoãn và nhiều quỷ quyệt hơn. Nghe nói về một điền chủ có cả chục ngàn mẫu đất, nhà hiền triết của chúng ta coi đó là một chuyện vặt, bởi ông ta quen nghĩ đến cả trái đất; và khi nghe họ tán dương dòng họ và cho rằng một người nào đó là ông lớn vì có bảy đời tổ tiên là người giàu có, ông ta cho rằng những cảm nghĩ như thế chỉ che giấu sự đần độn và hạn hẹp về tầm nhìn của những kẻ thốt ra những điều ấy, họ là những kẻ không đủ học thức để có cái nhìn tổng thể cũng như không biết suy xét rằng ai mà chẳng có hàng ngàn hàng ngàn tổ tiên, trong đó có cả người giàu lẫn người nghèo, vua chúa và nô lệ, dân Hy Lạp và dân man di và còn nhiều nữa. Và khi ai đó trưng ra một danh sách hai mươi lăm bậc tiền nhân, lên tới tận Heracles, con trai Amphitryon, đúng là kẻ ấy chẳng hiểu mình nghèo tư tưởng biết mấy. Sao anh ta lại không thể tính toán rằng Amphitryon có tổ tiên thứ hai mươi lăm, là một ai đó và nếu

có vận may đó anh ta có một tổ tiên thứ năm mươi và v.v...? Giờ đây nhà hiền triết của chúng ta qua các vụ này thường gặp phải sự chế giễu của quần chúng, một phần vì ông đứng trên họ, và cũng vì ông không biết cái ở trước mặt và luôn luôn bối rối.

Theod. Điều đó rất đúng, thưa ngài Socrates.

Soc. Nhưng, này anh bạn, khi ông ta kéo người khác lên thượng tầng không khí và đưa anh ta ra khỏi những biện bạch và kháng biện, để nghiền ngẫm về công lý và bất công trong bản chất của riêng chúng, và trong sự khác biệt giữa chúng và với tất cả các thứ khác; hoặc từ những chuyện tầm thường về niềm hạnh phúc của vua chúa tới suy tư về chính quyền và về hạnh phúc, khổ đau của con người nói chung-chúng là gì và bằng cách nào người ta nên theo đuổi cái này và tránh cái kia-khi mà đầu óc hẹp hòi, cay cú, biết chút ít luật pháp này bị buộc phải giải thích về tất cả các điều ấy, anh ta hẹn nhà hiền triết một dịp phục thù; bởi bị chóng mặt vì độ cao mà anh ta bị treo lên và từ đó khi nhìn vào không gian, vốn rất xa lạ với chính mình, anh ta bị mất tinh thần, bị lạc hướng, lắp ba lắp bắp không nên lời, rồi bị cười nhạo, không phải bởi những nàng hầu người Thracia hay những kẻ vô học thức nào khác, mà bởi mọi người không từng được giáo dục như kẻ nô lệ. Hai đặc tính đó là như thế, anh Theodorus ạ, một cái thuộc về triết gia hay người quân tử, là người có thể được thứ lỗi vì vẻ mộc mạc và vô dụng khi phải làm một việc phục vụ, như gói một cái bao, nêm gia vị nước chấm hay nói lời xu nịnh; còn cái kia thuộc về loại người có thể làm mọi dịch vụ một cách khéo léo và gọn gàng, nhưng lại không biết cách mặc cái áo choàng như một người hào hoa phong nhã; cũng không đạt được lời nói có cung điệu hay nhịp điệu của cuộc sống thật, là cái chỉ có nơi những người bất tử hoặc được trời chúc phúc mà thôi.

Theod. Thưa ngài Socrates, thật ngài chỉ cần thuyết phục mọi người, như ngài làm với tôi, về sự thật như lời ngài nói, thì nơi loài người chắc sẽ được an bình hơn và ít sự dữ.

Soc. Sự dữ chẳng bao giờ bị tiêu diệt đâu, anh Theodorus ạ; bởi luôn phải có cái gì đối nghịch với điều thiện chứ. Điều chắc chắn là chúng lảng vảng nơi cõi trần hay chết

này chứ không hề có chỗ trong giới thần thánh nơi cõi trời. Chính vì thế mà chúng ta phải bay lên hướng đó, bay lên hướng đó là nên giống Thượng Đế, càng nhiều càng tốt; và nên giống ngài tức là nên thánh, chính trực và khôn ngoan. Nhưng, anh bạn ơi, anh chẳng dễ gì thuyết phục con người rằng họ nên theo đuổi nhân đức và tránh thói xấu, để có thể được xem là tốt;-đây là cái mà người ta thường nói lại và theo ý tôi là chuyện ngồi lê đôi mách. Họ hãy nghe sự thật: Nơi Thượng Đế chẳng hề có sự gian tà-Ngài là sự công chính hoàn toàn; và chẳng có gì hơn như đấng của chúng ta, ngài rất mực ngay thẳng. Sự khôn ngoan đích thực của con người, cùng với với tính hư không và hèn nhát của chúng hầu như cũng có liên hệ với điều này. Tất cả các sự khôn khéo khác, chẳng hạn sự khôn ngoan của người làm chính trị hay của nghệ thuật, chỉ xem ra là thứ thô thiển và tầm thường. Người bất chính, hay là kẻ nói và làm điều vô đạo chẳng nên có ảo tưởng rằng tính gian xảo của mình là sự khôn khéo; bởi con người tự hào về nỗi ô nhục-họ chuộng điều họ nghe người khác nói về mình. "Đây không phải là những kẻ vô tích sự, là gánh nặng của trần thế, nhưng những người như thế phải là những người có ý sống an toàn trong một nhà nước". Hãy bảo với họ rằng tất cả bọn họ chẳng hề biết mình là gì; bởi nào họ có biết gì về hình phạt của sự bất chính, là cái mà trên hết mọi sự chúng phải biết; chẳng phải đòn vọt hay cái chết như họ vẫn hình dung rằng bọn làm điều xấu thường tránh thoát, nhưng là một hình phạt mà chúng không thể nào tránh thoát được.

Theod. Là cái gì vậy?

Soc. Có hai mẫu cho họ theo: một bên là có phúc và thuộc về thần thánh, còn bên kia là bất hạnh và vô thần; và trong sự điên rồ cũng như mê đắm của mình họ không nhận ra rằng mình đang nên giống cái này mà không giống cái kia, do bởi những việc làm xấu xa của họ; và hình phạt là họ đã hướng cuộc sống theo mẫu xấu xa. Và nếu như chúng ta có bảo họ rằng, nếu họ không từ bỏ tính gian xảo thì sau khi chết họ sẽ chẳng thể được vào cõi dành cho người vô tội; và rằng ngay ở đời này chúng sẽ mãi sống trong bản ngã xấu xa của mình, với những bạn xấu mà thôi.

Theod. Đúng vậy, thưa ngài Socrates.

Soc. Đúng quá đi chứ, anh bạn; tuy nhiên cũng có một trường hợp đặc biệt: khi họ khởi sự lý luận riêng về việc họ không thích triết học và nếu như họ có can đảm nghe kỹ lý lẽ mà không bỏ đi, thì rồi lạ thay, họ sẽ cảm thấy không hài lòng với chính mình; lối nói khoa trương của họ sẽ bớt đi và họ xem ra không hơn gì đám trẻ con. Nhưng những việc này đã lạc ra ngoài đề mà bây giờ chúng ta phải ngừng lại thôi, nếu không chúng sẽ lấn át cuộc tranh luận nguyên thủy của chúng ta mất. Vậy nếu anh muốn chúng ta sẽ quay trở lại vấn đề.

Theod. Thưa ngài Socrates, tôi lại thích những chuyện lạc đề, vì vào tuổi tôi tôi thấy dễ nắm bắt hơn; nhưng nếu ngài muốn, chúng ta hãy trở lại đề tài tranh luận.

NHÀ NGỤY BIỆN

CÁC TRIẾT GIA TIỀN-SOCRATES VÀ NHỮNG CÂU HỎI BÍ HIỂM CỦA HỌ

Tác phẩm Nhà Ngụy biện, tương tự như tác phẩm Parmenides, đề cập đến những vấn đề siêu hình và nan giải, cùng với Học thuyết về các Tư tưởng. Nó sử dụng hình thức một cuộc thẩm vấn về bản chất và đặc tính của Nhà ngụy biện hay là người giả vờ khôn ngoan, được trình bày như là kẻ đối nghịch với nhà hiền triết chân chính; là kẻ có nhiều tham vọng, nông cạn, vụ lợi, hay lý sự; là một tên phù thủy chuyên làm cho cái có trở thành như không có.

Trong quá trình thảo luận Plato phác thảo lịch sử nền triết học Hy Lạp, vốn tự nó rất thú vị và đồng thời cũng là một cố gắng đầu tiên thuộc loại này mà chúng ta được biết. Plato phân chia các nhà triết học đi trước ông thành nhiều trường phái hoặc phái:

1. Các nhà triết học miền Ionia thời kỳ đầu tiên, như là Pherecydes (560 tr. C.N). là người chủ trương có hai hoặc ba yếu tố cơ bản, chẳng hạn như nóng và lạnh, ẩm và khô và cho rằng các yếu tố này có khi kết hợp lại và có khi lại xung đột với nhau;
2. Phái Eleatic, xuất phát từ Xenophanes (540 tr. C.N). và Parmenides (504 tr. C.N). Họ dạy rằng "cái nhiều cũng là một", và "khẳng định sự thống nhất của vũ trụ";
3. "Những nhà thơ miền Ionia và Silicia" Heracleitus (504 tr. C.N). và Empedocles (443 tr. C.N). là những người kết hợp các nguyên lý của Pherecydes và phái Eleastic. Heracleitus quả quyết rằng tình trạng số nhiều và hợp nhất thuộc quá trình liên tục giữa hợp và tan, bởi yêu và ghét; trong khi Empedocles giả dụ rằng chúng thường xuyên thay đổi lẫn nhau.

Tiếp sau đó là những thầy dạy

khôn khéo mà Plato coi như là các đối thủ chính của ông.

Cuối cùng, có những người theo chủ nghĩa Duy tâm với Học thuyết về các Tư tưởng và những người theo chủ nghĩa Duy vật là những người kéo trời xuống đất, họ không tin gì hết ngoài bằng chứng từ giác quan của họ.

Nhân vật chính trong tập đối thoại này là một *Người lạ mặt (Nlm)* đến từ Elea, "một môn sinh của Parmenides và Zeno và là một triết gia chân chính".

Nlm. Vậy xin ngài thứ lỗi cho tôi và cũng xin vui lòng nếu như tôi có phần nào không nắm bắt được lý lẽ vững chắc như thế.

Theaet. Được.

Nlm. Tôi cũng còn một thỉnh cầu nữa.

Theaet. Là gì vậy?

Nlm. Xin ngài hứa không coi tôi như một kẻ phản tặc.

Theaet. Sao anh lại nói thế?

Nlm. Tôi có ý muốn nói, trong trạng thái phòng vệ chính đáng, tôi cần trắc nghiệm triết lý của cha tôi là Parmenides để chứng minh rằng theo một nghĩa nào đó cái không hiện hữu lại có và cái hiện hữu lại không.

Theaet. Cố gắng nào đó thuộc loại này rõ ràng cũng cần thiết đấy.

Nlm. Vâng, như người ta vẫn thường nói, một người mù cũng có thể nhận ra rằng không có người nào mà khi nói về những từ sai, ý kiến sai hoặc là những thần tượng, hình ảnh, vật mô phỏng, những biểu hiện hay về những nghệ thuật có liên quan đến những thứ ấy lại có thể không bị rơi vào những mâu thuẫn tức cười.

Theaet. Rất đúng!

Nlm. Và do vậy tôi mới dám đụng đến cái lý luận của cha tôi; bởi nếu tôi cẩn trọng ắt tôi đã không nói đến vấn đề ấy.

Theaet. Chẳng có cái gì trên đời này lại có thể khiến chúng ta làm điều đó.

Nlm. Tôi muốn nói thêm một lời biện bạch thứ ba nữa.

Theaet. Là gì vậy?

Soc. Hẳn là anh đã nghe tôi nói điều mà tôi đã luôn và còn cảm thấy rằng tôi chẳng thích cuộc tranh cãi này?

Theaet. Tôi hẳn đã nghe rồi.

Nlm. Tôi run sợ khi nghĩ về những gì đã nói và tôi mong rằng quý ngài hãy coi tôi như một thằng điên khi quý ngài nghe biết sự thay đổi đường đột của tôi; vì thế hãy cho tôi được tỏ lòng mộ mến các ngài và rằng tôi có theo đuổi cuộc luận đàm này cũng

chỉ vì lòng tôn kính các ngài mà thôi.

Theaet. Anh chẳng cần phải sợ tôi có ý không tốt hoặc là tôi sẽ gán cho anh điều gì không phải phép nếu như anh cố đưa ra lời phản biện; vì vậy cứ an tâm và tiếp tục đi.

Nlm. Vậy tôi sẽ phải bắt đầu công việc hiểm nghèo này từ đâu? Tôi nghĩ rằng con đường tôi nên theo là...

Theaet. Là gì?-Hãy nói tôi nghe.

Nlm. Tôi nghĩ chúng ta nên, trước hết, xem xét những điểm mà hiện nay được coi như hiển nhiên, để khỏi rơi vào điều lầm lẫn nào đó về chúng và sẵn sàng đồng ý với nhau, tưởng tượng rằng chúng ta có phương pháp xét đoán.

Theaet. Hãy nói rõ hơn điều anh muốn nói.

Nlm. Tôi nghĩ rằng Parmenides và tất cả những ai nhận quyết định con số và bản chất của sự tồn tại, đã nói với chúng ta bằng một giọng điệu khá nhẹ nhàng và thoải mái.

Theaet. Họ nói với chúng ta thế nào?

Nlm. Như thể chúng ta là lũ trẻ con, thường được họ cho nghe chuyện thần thoại hay câu chuyện đặc thù của riêng họ; - người này nói rằng có ba yếu tố cùng một trật xung khắc với nhau và rồi lại hòa hợp; rồi chúng kết hợp và phát sinh con cái và nuôi chúng khôn lớn; người khác lại nói về hai yếu tố cơ bản,- ướt và khô, hay là nóng và lạnh, nối kết chúng lại và cho chúng kết hợp với nhau. Còn phái Eleatic trong miền đất của chúng ta lại nói tất cả mọi vật kể theo tên là nhiều nhưng bản chất chỉ là một; đây là chuyện thần thoại của họ, khởi đi từ Xenophanes, có thể còn xưa hơn. Rồi lại có những người miền Ionia và gần đây hơn là những nhà thơ Sicilia, có tư tưởng rằng hợp nhất hai yếu tố lại thì an toàn hơn; họ cho rằng cái hiện hữu là một và nhiều, được ràng buộc với nhau bởi sự thù địch và tình bạn, mãi mãi rời xa, mãi mãi sum vầy, như những ông thầy có nhiều quyền thế hơn xác quyết, trong khi đa số không nhất định chỉ có đấu tranh và hòa bình, nhưng thừa nhận sự hòa dịu và thay thế lẫn nhau; hòa bình và hữu nghị đôi lúc thắng thế dưới thời Aphrodite, rồi lại phân rẽ và chiến tranh. Thật khó mà xác định liệu có ai trong số họ nói được sự thật; cổ nhân và những người lỗi lạc nên được tôn kính, nhưng không có trách nhiện về những kiểu nói bóng gió như

vậy. Tuy nhiên một điều có thể nói về họ mà không sợ xúc phạm.

Theaet. Là gì vậy?

Nlm. Rằng họ đã dùng nhiều cách với khá nhiều vẻ khinh thị với những người như chúng ta đây; họ chẳng quan tâm hoặc cùng dẫn chúng ta đi theo hoặc bỏ chúng ta lại đàng sau họ.

Theaet. Anh muốn nói thế nào?

Nlm. Tôi muốn nói rằng khi họ nói về một, hai hoặc nhiều yếu tố hơn, là những cái đang hoặc đã trở nên hoặc đang trở thành, hay lại nói về nóng trộn lẫn với lạnh và nơi phần nào khác trong các tác phẩm của họ có, giả dụ các sự phân chia và hòa hợp giữa chúng, xin ngài Theaetetus, ngài hãy nói cho tôi nghe xem ngài hiểu họ muốn nói gì qua các câu nói đó? Khi tôi còn trẻ, tôi thường tưởng tượng ra rằng tôi đã hiểu rõ cái được gọi bằng thuật ngữ "không hiện hữu", hiện đang là chủ đề chúng ta đang bàn tới; và giờ đây ngài thấy chúng ta đang ở trong thế phức tạp biết bao.

Theaet. Tôi hiểu.

Nlm. Và dường như chúng ta cũng đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn tương tự về "cái hiện hữu" và cũng còn mường tượng ra rằng khi có ai đó thốt ra lời đó, chúng ta hiểu ý ngay và không gặp khó khăn nào, dẫu chúng ta vẫn còn thừa nhận rằng chúng ta không hiểu về cái không hiện hữu, chứ thật ra chúng ta chẳng biết gì cả.

Theaet. Tôi e rằng thế.

Nlm. Và cũng có thể nói như vậy về các đề tài đã trao đổi trước đây.

Theaet. Đúng vậy.

Nlm. Phần lớn vấn đề lúc này cứ để đó đã; giờ chúng ta nên xem cái chính yếu và đóng vai trò dẫn đạo các cái khác.

Theaet. Tôi cho rằng anh đang nói về cái hiện hữu và anh muốn đề cập đến nó trước tiên vì anh muốn khám phá xem những người dùng từ này muốn nói điều gì?

Nlm. Ngài đúng là nắm rõ tôi quá, thưa ngài Theaetetus. Phương cách tôi cho là đúng là mời ra trước mặt chúng ta và chất vấn những nhà triết học biện chứng. Với họ chúng ta sẽ nói, "Ô này, vị nào nói về nóng và lạnh, hay là về bất cứ hai yếu tố nào khác gồm có trong vũ trụ, thuật ngữ nào quý vị dùng cho cả hai và quý vị muốn nói điều gì khi bảo rằng cả hai hay từng cái trong số chúng là có? Chúng ta phải hiểu thế nào về từ "có?" Chúng

ta có phải giả dụ rằng có một yếu tố thứ ba bên trên và bao trùm cả hai cái kia và rằng có cả thảy là ba, chứ không phải hai, theo như quý vị nghĩ? Để cho rõ ràng quý vị không thể nói rằng một trong hai yếu tố là cái hiện hữu và còn gán cái hiện hữu cho cả hai; vậy bất cứ cái nào trong hai được xác định là cái hiện hữu, thì chúng phải là một chứ đâu còn là hai nữa".

Theaet. Rất đúng.

Nlm. Vậy ngài có ý gọi tập hợp của cả hai là "cái hiện hữu" sao?

Theaet. Tôi cho rằng thế.

Nlm. Vậy, thưa các bạn, chúng ta sẽ trả lời cho họ, câu trả lời đơn giản chỉ là hai vì thế sẽ chuyển thành một.

Theaet. Đúng vậy,

Nlm. Bởi chúng tôi đang gặp khó khăn, vậy hãy nói rõ cho chúng tôi biết điều quí vị muốn nói khi đề cập đến cái hiện hữu; vì chẳng thể ngờ vực rằng quý vị là những người trước tiên hiểu rõ điều mình muốn nói; trong khi chúng tôi đã có lúc tưởng rằng đã hiểu được quý vị, nhưng giờ đây chúng tôi đang gặp rắc rối to. Xin hãy bắt đầu bằng việc lý giải điều này cho chúng tôi, đừng để chúng tôi còn mãi tưởng rằng đã hiểu mà thực ra là hoàn toàn chẳng hiểu gì cả. Vậy liệu có gì không phải khi chúng tôi muốn hỏi về những người theo thuyết nhị nguyên hoặc những người theo thuyết đa nguyên?

Theaet. Chắc chắn là không.

Nlm. Còn những người chủ trương cái tất cả và cái một-chúng ta chẳng phải cố tìm hiểu xem họ muốn ám chỉ cái gì với "cái hiện hữu?"

Theaet. Bằng mọi cách.

Nlm. Vậy chúng ta hãy hỏi họ một câu:-cái một, như quý vị nói, có phải là cái duy nhất? Họ sẽ đáp là đúng.

Theaet. Đúng vậy.

Nlm. Và một lần nữa có phải là cái hiện hữu?

Theaet. Phải.

Nlm. Vậy phải chăng cái hiện hữu cũng giống cái một và phải chăng ngài dùng hai cái tên cho cùng một vật?

Theaet. Họ trả lời câu ấy ra sao, hỡi anh khách lạ?

Nlm. Thưa ngài Theaetetus, hiển nhiên là ai mà khẳng định tính duy nhất của cái hiện hữu sẽ gặp khó khăn khi trả lời câu hỏi này hoặc câu nào khác.

Theaet. Sao vậy?

Nlm. Thừa nhận hai cái tên và quả quyết rằng không có gì khác ngoài sự đơn nhất, có nực cười không?

Theaet. Chắn chắn rồi.

Nlm. Và cũng vô lý khi thừa nhận rằng một cái tên cũng có tính tồn tại thực sự nào đó?

Theaet. Là sao vậy?

Nlm. Nếu như cái tên phân biệt khỏi sự vật, tức là giả thiết có hai vật rồi.

Theaet. Đúng.

Nlm. Và nếu ai mà đồng nhất hóa tên với vật thì sẽ buộc phải nói rằng tên chẳng thuộc về cái gì cả, hoặc nếu tên là thuộc về vật gì đó, thì tên sẽ là tên của một cái tên và của chẳng cái gì khác.

Theaet. Đúng vậy.

Nlm. Cái một cũng theo cách ấy sẽ chỉ là cái một của cái một và mặc dù là sự đồng nhất tuyệt đối, cũng sẽ thuộc về chỉ một cái tên.

Theaet. Hẳn vậy rồi.

Nlm. Và liệu họ có nói rằng cái toàn thể thì khác với cái một hiện hữu, hay cũng giống với nó?

Theaet. Chắc là họ sẽ nói thế.

Nlm. Nếu cái một là cái toàn bộ, như Parmenides thường hát, vậy cái hiện hữu có một điểm giữa và các cực và khi có như vậy thì cũng phải có nhiều phần.

Theaet. Đúng.

Nlm. Và những cái có nhiều phần có thể có thuộc tính về sự hòa hợp giữa tất cả các phần, và như vậy tất cả và toàn bộ liệu có là một?

Theaet. Hiển nhiên rồi.

Nlm. Nhưng cái đó chẳng phải thuộc điều kiện không thể là cái đồng nhất tuyệt đối đấy sao?

Theaet. Sao thế?

Nlm. Bởi vì theo đúng lý, cái tuyệt đối là một thì phải xác định là không thể phân chia được.

Theaet. Đúng vậy.

Nlm. Nhưng cái không thể phân chia được này, nếu nó được tạo nên bởi nhiều phần, thì là mâu thuẫn rồi.

Theaet. Tôi hiểu rồi.

Nlm. Vậy chúng ta sẽ nói rằng cái hiện hữu là một và cái toàn bộ chỉ là thuộc tính của sự đơn nhất ư? hay chúng ta sẽ nói rằng cái hiện hữu chẳng phải là cái toàn bộ?

Theaet. Điều này thật khó đưa ra một chọn lựa.

Nlm. Cũng đúng thôi; vì cái hiện hữu theo một nghĩa nào đó có thuộc tính của sự đơn nhất, nhưng lại được chứng minh là không như sự đơn nhất, vì

thế cái tất cả phải là nhiều hơn một.

Theaet. Đúng.

Nlm. Và nếu như cái hiện hữu không là cái toàn bộ có thuộc tính của cái một, mà cái hiện hữu đó là một vật như là cái toàn bộ tuyệt đối, vậy phải chăng cái hiện hữu thiếu một cái gì đó thuộc về bản chất của cái hiện hữu?

Theaet. Chắc là vậy.

Nlm. Theo quan điểm này, cái hiện hữu có sự khiếm khuyết của cái hiện hữu, liệu nó có trở thành cái không hiện hữu chăng?

Theaet. Đúng.

Nlm. Và nữa, cái tất cả thành nhiều hơn cái một, bởi cái hiện hữu và cái toàn bộ mỗi cái có bản chất riêng.

Theaet. Đúng vậy.

Nlm. Nhưng nếu cái toàn bộ không có tồn tại, thì tất cả các điều khó khăn trên đây vẫn còn như cũ và có thể còn khó khăn hơn, bởi ngoài việc hiện không tồn tại, cái hiện hữu chẳng bao giờ thành tồn tại được.

Theaet. Tại sao vậy?

Nlm. Bởi cái thành tồn tại phải luôn luôn thành tồn tại như là cái toàn bộ, vì thế mà ai đó không đặt cái toàn bộ vào chỗ những cái tồn tại thì không thể nói về bản chất hay thế hệ như là cái hiện hữu.

Theaet. Đúng, điều đó có vẻ đúng vậy.

Nlm. Làm thế nào mà cái không phải là cái toàn bộ lại có số lượng được? Bởi cái có một số lượng nhất định nhất thiết phải thuộc về số lượng rút ra từ cái toàn bộ.

Theaet. Chính xác.

Nlm. Và còn vô số luận điểm khác, mỗi cái bao gồm vô số những rắc rối cho ai mà nói rằng cái hiện hữu thì là cái một hoặc hai.

Theaet. Những khó khăn đã tỏ hiện minh chứng điều này rồi; bởi bác bỏ này nối tiếp bác bỏ khác, và chúng luôn tăng thêm khó khăn và gợi ra những ngờ vực mới về những cái có trước.

Nlm. Chúng ta đã quá mệt mỏi về những nhà tư tưởng chỉ bàn cãi về hiện hữu và không hiện hữu. Chúng ta hãy sẵn lòng từ giã họ và tiếp tục xét những người nói ít chính xác hơn.

Theaet. Giờ chúng ta chuyển sang những người khác vậy.

Nlm. Dường như đang có một kiểu chiến tranh nào đó giữa Các Người khổng lồ và các Thần linh; họ đang giao tranh về

trạng thái nguyên thủy của bản chất.

Theaet. Là sao thế?

Nlm. Một số vị đang muốn kéo đổ mọi thứ từ trên trời và cõi vô hình xuống trần gian, và quyết định nắm trong tay đá và gỗ sồi; là những cái họ nắm giữ và khó bảo vệ, là những vật mà chỉ có thể chạm đến hay cầm được là có cái hiện hữu hay bản chất, vì họ định nghĩa cái hiện hữu và vật thể là một, và giả như có ai nói rằng cái hiện hữu không phải là vật thể thì họ sẽ khinh chê ngay và họ không để tai nghe cái gì khác ngoài vật thể.

Theaet. Tôi thường gặp những người như thế; thật là bọn ghê tởm.

Nlm. Và đó là lý do tại sao những đối thủ của họ cẩn trọng bảo vệ mình từ trên, ngoài thế giới vô hình, mạnh mẽ đấu tranh rằng bản chất thực bao gồm một số ý tưởng có thể cảm nhận được bằng tri giác và vô hình; các vật thể của những người duy vật, vốn được họ giữ gìn như chân lý tối thượng, qua những lý luận của mình họ chia vụn thành nhiều mảng, rồi quả quyết chúng là dòng giống và không phải là bản chất. Ồ, thưa ngài Theaetetus, giữa hai kẻ thù này luôn khấy lên một cuộc chiến bất tận nơi cõi đất này.

Theaet. Đúng đấy.

Nlm. Ta hay tuần tự hỏi từng bên để xem cái họ gọi là bản chất.

Theaet. Làm sao mà ta có thể moi miệng chúng ra được?

Nlm. Đối với những người cho rằng cái hiện hữu cốt ở trong tư tưởng, sẽ ít gặp khó khăn hơn, vì họ khá lễ độ; nhưng sẽ rất khó khăn, thậm chí có thể tuyệt đối không thể thực hiện được khi muốn luận bàn với những kẻ lôi mọi cái thành vật chất. Tôi sẽ nói ngài hay điều tôi nghĩ chúng ta phải làm.

Theat. Là cái gì vậy?

Nlm. Nếu có thể, chúng ta hãy cải thiện họ; nhưng nếu không được ta hãy tưởng tượng họ tốt hơn thực tế và cũng có ý muốn trả lời theo quy luật tranh luận, rồi ý kiến của họ sẽ trở nên có giá trị hơn, bởi điều mà người tốt hơn nhìn nhận có sức nặng hơn điều do người thấp kém hơn nhìn nhận. Phần chúng ta không phải là người phân biệt địa vị, nhưng chỉ là những người đi tìm chân lý.

CHÍNH KHÁCH

TRIỀU ĐẠI CRONOS

Chính khách là một tác phẩm đi chung với Nhà Ngụy biện, vì rất giống nhau về văn phong và cách ứng xử. Nó vẽ nên hình ảnh của một chính khách lý tưởng hay là nhà cai trị hơn hẳn so với đối thủ của mình. Vì vua thật hay nhà chính trị là người trội vượt hơn các công dân trong nước và cai trị họ bằng tri thức chứ không phải bằng quyền lực. Nhưng bởi vì "vị vua tự nhiên" này hiếm hoặc chẳng bao giờ thấy có nơi loài người, nên họ phải vận dụng đến một trong nhiều "hình thức chính quyền bất toàn" khác nhau.

Tuy nhiên đã có một thời loài người được cai trị theo đúng nghĩa của từ đó. Đó là thời của Cronos, những ngày hạnh phúc trong đó loài người sống trong sự tinh tuyền chốn bồng lai dưới quyền lãnh đạo của các Mục tử Linh thiêng do chính Cronos bổ nhiệm. Đất nước hiện tại của chúng ta thua kém xa là do sự xoay vần của vũ trụ.

Thuở ban đầu, thế giới được dẫn dắt bởi chính bàn tay Thượng Đế, nhưng qua nhiều thế hệ gồm những vị được chỉ định cai quản, Tạo hóa thôi không chăm lo cho nó nữa, thế là vũ trụ rơi vào hỗn loạn và tất cả mọi sinh linh đều bị hủy diệt. Sau đó một nòi giống mới nối tiếp, nhưng sự dữ can thiệp vào làm cho thế giới đi từ chỗ đã xấu thành đồi bại thêm, sau cùng Tạo hóa phải ra tay can thiệp, lập lại trật tự. Đồng thời Ngài lập nên những quy luật sống.

Trong chuyện thần thoại này, Plato khi thêm vào cuộc tranh luận sự tôn trọng bản chất thực của chính quyền bằng mẫu cai trị của Cronos, cũng nêu ra cách giải quyết hai vấn đề -1) sự hiện hữu của sự dữ và 2) sự phát triển của xã hội loài người.

1. Ông cảm thấy rất bối rối, như bao người ở mọi thời đại, bởi có sự hiện hữu của sự dữ trong vũ trụ. Sức mạnh hay nguyên lý của sự dữ theo ông không phải là "Ông Hoàng của Tối tăm", luôn đối nghịch về mọi phương diện với

Thượng Đế, nhưng là một tính chất gắn liền với vật thể, mà ngay cả Tạo hóa cũng không hoàn toàn có thể chống lại.

2. Sự phát triển của nền văn minh là vấn đề gây nhiều chú ý với dân Hy Lạp. Họ cảm thấy mình đáng được gọi là "dòng con nít" vì lịch sử dân tộc của họ ngắn ngủn và hầu như chỉ là một mớ những truyền thuyết và truyền thống bất nhất, trong khi các giáo sĩ Ai Cập có thể kể vanh vách cho Herodotus nghe tên của "330 vị vua đã cai trị Ai Cập của dòng họ Menes". Hơn nữa, với sự hiểu biết về các biến cố trong quá khứ, họ nhận thức được những biến chuyển lớn đã từng xảy ra và những vương quốc từng một thời hùng mạnh đã rơi vào suy vong, những vương quốc mới nổi lên thế vào chỗ của chúng.

Cuộc đối thoại này là giữa một người lạ mặt thuộc nhóm Eleatic, là một nhà ngụy biện (Nlm) và anh chàng Socrates trẻ tuổi (Soc. trẻ), vốn không phải là một người họ hàng trùng tên.

Nlm. Vậy hãy nghe một câu chuyện mà một đứa trẻ thích nghe; anh chưa đến nỗi quá già để được vui thú như trẻ con mà.

Soc. trẻ. Hãy cho tôi nghe thử.

Nlm. Đã từng xảy ra và lại sẽ xảy ra, giống như nhiều biến cố khác mà truyền thống đã lưu giữ, điểm gở mà truyền thống nói đã có xảy ra trong cuộc cãi vã giữa Atreus và Thyestes. Anh có nhớ đó là cái gì không?

Soc. trẻ. Tôi cho rằng ông muốn nói tới cái dấu hiệu con chiên vàng?

Nlm. Không, không phải thế; nhưng là về phần khác của câu chuyện, kể về cách mà mặt trời và các tinh tú mọc ở phương Tây và lặn ở phương Đông; và rằng Thượng Đế đã đảo lộn hướng chuyển động của chúng, khiến chúng vận hành theo cách thức như hiện nay, như là một bằng chứng về năng quyền của Atreus.

Soc. trẻ. Vâng; chắc là có liên quan đến chuyện ấy.

Nlm. Còn nữa, chúng ta đã thường được nghe nói về vương quốc của Cronos.

Soc. trẻ. Vâng, thường xuyên.

Nlm. Anh đã có từng nghe rằng người thời xưa từ đất mà sinh ra, chứ không phải từ người nọ ra người kia?

Soc. trẻ. Vâng, đó cũng là một truyền thuyết xa xưa.

Nlm. Tất cả những câu chuyện này và cả chục ngàn những câu chuyện khác vẫn còn nhiều

lý thú, chung một xuất xứ; mà phần nhiều đã bị mai một theo thời gian, nay chỉ còn tồn tại như những khúc rời rạc; nhưng nguồn gốc của chúng xưa kia chẳng có ai nói tới và ngày nay cũng vậy; bởi chuyện kể đó chỉ thích hợp cho việc soi tỏ bản chất của vị quân vương.

Soc. trẻ. Thật tuyệt; tôi hy vọng ngài sẽ kể toàn bộ câu chuyện và đừng bỏ sót điều gì.

Nlm. Vậy nghe nhé. Có một thời Thượng Đế rảo quanh thế giới mà chính ngài dẫn dắt và giúp cho nó xoay vần; rồi có một thời, khi hết một chu kỳ nhất định, ngài để nó tự do, lúc đó thế giới trở thành một tạo vật sống, tiếp nhận chính sự thông tuệ của đấng sáng tạo, nó đổi chiều và quay theo hướng ngược lại.

Soc. trẻ. Sao lại vậy nhỉ?

Nlm. Tại sao ư? Tại vì chỉ có những vật linh thiêng nhất là không thay đổi và vật thể thì không được liệt vào loại hạng này. Trời và vũ trụ, như chúng ta vẫn gọi thế, dù được Đấng sáng tạo phú cho nhiều vinh dự, nhưng vì thông phần vào bản tính vật thể nên không hoàn toàn thoát khỏi những xao động. Nhưng chuyển động của trời thì rất mực thuần nhất, trong cùng một nơi và vì thế chỉ có thể đảo ngược, là cái thay đổi ít nhất. Vì đấng giữ quyền chủ tể mọi vật chuyển động chỉ mình ngài có thể làm chuyển dịch mà thôi; và việc nghĩ rằng ngài có thể lúc này theo hướng này, lúc khác theo hướng khác là sai trái. Vì thế chúng ta không thể nói thế giới hoặc luôn tự chuyển dịch hay là vũ trụ được tạo nên để Thượng Đế cho quay vòng theo những chiều nghịch nhau, hay là có hai Thần linh đối nghịch nhau trong chuyển động của trời đất. Nhưng như tôi đã nói, thế giới được dẫn dắt bởi một sức mạnh linh thiêng, tập hợp và nhận cuộc sống cũng như tính bất tử theo sự chỉ định của Thượng Đế, nó chuyển động tự nhiên theo một hạn kỳ trong một số năm nhất định, rồi lại chuyển động theo chiều ngược lại; đó là vì sự hoàn thiện về tính quân bình.

Soc. trẻ. Tất cả những điều diễn giải xem ra thực sự rất có lý.

Nlm. Giờ thì chúng ta hãy ngẫm nghĩ điều vừa nói và cố hiểu bản chất của điều kỳ diệu siêu hình lớn lao này, mà chúng ta đã gọi và quả quyết là căn nguyên của các điều kỳ diệu khác.

Soc. trẻ. Ngài muốn nói đến điều gì?

Nlm. Đến sự đảo lộn chuyển động của vũ trụ.

Soc. trẻ. Làm sao mà nó có thể là căn nguyên của những cái khác được?

Nlm. Của tất cả các thay đổi trên các tầng trời, điều này được coi là lớn lao, hùng vĩ nhất.

Soc. trẻ. Tôi nên tưởng tượng điều đó.

Nlm. Và dường như còn phát sinh những thay đổi lớn lao nơi loài người là cư dân trên thế giới vào thời đó.

Soc. trẻ. Chắc đúng vậy.

Nlm. Và như chúng ta đã biết, các thú vật cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các thay đổi lớn xảy ra cùng một lúc với nhiều chủng loại khác nhau.

Soc. trẻ. Rất đúng.

Nlm. Bởi đó nhất thiết đã xảy ra sự hủy hoại lớn các sinh vật và cũng lan rộng đến sự sống con người; mỗi loài chỉ còn lại một số còn sống sót và những sinh vật còn lại trở thành chủ đề của nhiều câu chuyện, hiện tượng khác thường và đặc biệt của một hiện tượng, đồng thời với sự thay đổi đột ngột, xảy ra cùng một lúc khi có sự chuyển tiếp qua một chu kỳ đối nghịch với chu kỳ chúng ta đang sống.

Soc. trẻ. Là cái gì vậy?

Nlm. Sự sống của mọi sinh vật ngừng lại, không chết đi và cũng không hóa già, và rồi có sự đảo lộn và trở nên trẻ trung, thanh tú; tóc bạc của người cao tuổi đen lại, má người nhiều râu trở nên trơn láng và họ trở lại thời thanh xuân của mình; thân hình của thanh niên trở nên mảnh mai hơn; tiếp tục qua ngày và đêm xoay chuyển rồi trở nên giống hệt bản chất của một em bé mới sinh cả về trí óc lẫn thân xác.

Soc. trẻ. Nhưng thưa người khách lạ, vậy thời ấy súc vật được tạo dựng như thế nào; và theo cách nào chúng sinh ra nhau?

Nlm. Anh Socrates này, hiển nhiên là không có những chuyện ấy theo cái trật tự thiên nhiên thời đó như là chuyện con vật này sinh ra con kia; chủng loại đầu tiên, vốn phát xuất từ đất, là cái một hiện hữu thời đó; để chứng minh câu chuyện theo một diễn tiến rất nhất quán, sau khi người ta trở lại thời thanh xuân, rồi người chết nằm trong lòng đất cũng sống lại; vòng quay của sự tồn tại quay ngược lại; và họ tụ lại, trỗi dậy và sống theo trật tự ngược lại, trừ những ai được Thượng Đế dời sang một số mệnh nào khác. Những kẻ đó được mệnh danh là người từ đất sinh ra, mà

cũng theo truyền thuyết họ cần phải tồn tại. Và đó là cách giải thích của thời kỳ này.

Soc. trẻ. Đúng là nó cũng khá phù hợp với điều trước đây; nhưng cho phép tôi ngắt lời ngài để hỏi xem rằng cuộc sống mà ngài nói có trong triều đại Cronos là thuộc chu kỳ đó của thế giới hay thuộc chu kỳ hiện nay? Vì sự thay đổi hướng đi của mặt trời và các tinh tú chắc chắn phải xảy ra tại một hay trong nhiều thời kỳ.

Nlm. Tôi thấy anh đã hiểu điều tôi muốn nói;-không, cuộc sống hạnh phúc, thanh thoát ấy không thuộc chu kỳ hiện tại của thế giới, nhưng thuộc về chu kỳ trước, trong đó Thượng Đế giám sát toàn bộ hoạt động của vũ trụ; và từng phần vũ trụ lại được giao cho những thần cấp dưới cai quản. Cũng có những á thần là những mục tử coi sóc các loài và đàn súc vật khác nhau, mỗi vị đều có thẩm quyền về mọi lãnh vực đối với đối tượng được chăm sóc; chẳng hề có bạo lực hay cấu xé lẫn nhau; cũng chẳng có chiến tranh hay bất hòa giữa họ. Tôi cũng còn có thể kể về hàng chục ngàn phúc lộc khác thuộc về thời đó. Ngay sau đây là lý do tại sao câu chuyện ngụ ngôn xa xưa này kể về cuộc sống thanh thoát ấy của con người: Thời ấy đích thân Thượng Đế là mục tử cai quản mọi loài, như con người, dưới Ngài chẳng cần chính quyền cũng không phân biệt đàn bà và trẻ con. Bởi tất cả mọi người đều trỗi dậy từ cát bụi, không còn ký ức gì về chuyện quá khứ; không tài sản hay gia đình, nhưng đất cho họ đủ mọi loại hoa quả, mọc đầy trên cây và trong các bụi, không do tay con người trồng trọt. Họ ăn ở trần trụi và hầu như ở ngoài trời, bởi lẽ nhiệt độ các mùa đều dịu mát; họ chẳng cần giường, mà nằm trên các bụi cỏ mềm, mọc đầy trên mặt đất. Đó là cuộc sống con người thời Cronos đấy, anh Socrates ạ. Còn đặc tính của cuộc sống hiện thời, người ta cho là thuộc quyền Zeus, tự kinh nghiệm bản thân anh đã biết rồi. Liệu anh có hoặc sẽ xác định được cái nào có vẻ hạnh phúc hơn không?

Soc. trẻ. Tôi không thể.

Nlm. Vậy liệu tôi có thể xác định thay anh được chăng?

Soc. trẻ. Tất nhiên rồi.

Nlm. Giả dụ rằng các con của Cronos, có lúc thật là thư thái và cớ quyền giao tiếp không chỉ với con người mà cả với loài vật nữa, dùng tất cả các

lợi thế này với một cái nhìn về triết học, trò chuyện với các động vật và với nhau, biết mọi bản tính được ban với những năng lực đặc thù và có thể góp kinh nghiệm riêng vào kho tàng khôn ngoan, thì sẽ chẳng gặp khó khăn gì khi xác định cái nào là hạnh phúc hơn; hoặc lại nữa, nếu như họ chỉ lo ăn uống đến no say, kể chuyện cho nhau và cho các súc vật-những chuyện như thế như là được kể về họ-trong trường hợp này, theo tôi nghĩ, câu trả lời cũng dễ dàng. Nhưng vì chẳng có ai báo lại cho biết những tư tưởng và ước muốn của thời ấy, tôi nghĩ rằng chúng ta phải để ngỏ câu trả lời và đi ngay vào trọng tâm của câu chuyện, và rồi chúng ta tiếp tục cuộc hành trình.

Vào thời gian đã định cho việc thay đổi, tất cả dòng giống sinh ra từ bụi cát bị hủy diệt, mọi linh hồn phải vào lòng đất và ủ mầm trong đó một thời gian theo quy định, đấng cai quản vũ trụ buông tay lái và lui về một chỗ, khi đó vị thần mệnh đảo ngược chuyển động của thế giới. Rồi các thần khác cũng chia phần cai trị thẩm quyền tối thượng, được báo cáo những điều đang xảy ra, buông lơi các phần thế giới mà trước đây họ giám sát chặt chẽ. Thế giới quay cuồng vì một cú sốc bất ngờ, rung chuyển vì cuộc động đất mạnh mẽ, khiến cho mọi loài súc vật cũng bị tàn sát. Sau một hồi không còn hỗn mang và động đất nữa, tạo vật vũ trụ lại một lần nữa an bình, lắng đọng và ổn định theo dòng trật tự quen thuộc, nhớ lại và thực thi mệnh lệnh của Người Cha đồng thời là Đấng Tạo dựng thế giới, lúc đầu tỉ mỉ hơn nhưng dần về sau thì kém hơn.

Lý do của sự sa đọa chính là vì có sự pha trộn vật chất vào trong thế giới; là cái gắn liền với bản chất nguyên thủy vốn đầy những rối loạn, tới khi đạt được trật tự như hiện nay. Từ nơi Thượng Đế, Đấng Sáng tạo, thế giới quả thực chỉ nhận được mọi cái tốt lành, nhưng ngay từ tình trạng ban đầu đã xuất hiện những yếu tố bạo lực và bất chính, là những cái phát sinh và nhiễm nơi các động vật. Khi mà thế giới còn sản sinh các thú vật trong sự hòa hợp với Thượng Đế, thì sự dữ là ít và cái tốt là nhiều, nhưng khi thế giới tách rời khỏi Thượng Đế, lúc ngài để mặc thế giới, thì cái tốt lại chỉ còn ít và phần lớn là sự pha trộn những yếu tố của sự dữ, dẫn tới nguy cơ thế giới và mọi vật trong đó bị tiêu tan. Do đó Thượng Đế, Đấng chỉ huy mọi sự, thấy rằng thế giới đang lâm vào cảnh hiểm nghèo, e rằng tất cả sẽ bị tan rã trong bão táp và đi vào chỗ hỗn loạn, và một lần nữa Ngài lại ra tay lèo lái; đảo ngược

các yếu tố đã từng bị rơi vào hỗn loạn ở chu kỳ trước, Ngài xếp đặt lại chúng vào trật tự và phục hồi chúng, làm cho thế giới trở nên bất hủ và bất tử.

Đấy là toàn bộ câu chuyện, mà phần đầu đủ để minh họa bản chất của vị minh quân ấy. Bởi khi thế giới trở về chu kỳ của thế hệ hiện tại, tuổi của con người lại đứng yên và tiếp theo là một thay đổi khác. Các tạo vật bé nhỏ vốn hầu như tuyệt chủng nay lại sinh ra to lớn và những trẻ sơ sinh từ đất trở nên già, chết và lại chìm vào đất. Mọi vật đã biến đổi, mô phỏng theo điều kiện của vũ trụ và phù hợp với phương thức nhận biết, sinh sản và nuôi nấng của chúng; bởi vì không một động vật nào còn được phép hiện hữu trên mặt đất qua trung gian của những tạo vật khác, nhưng như là thế giới được tấn phong làm chủ sự phát triển của riêng mình, tựa như những phần đã được quy định tự mình phát triển, sinh sản và nuôi nấng hết mức có thể, do cùng một động lực thúc đẩy.

Và thế là chúng ta đã đi tới phần kết thực sự của cuộc đàm luận này; vì dù vẫn còn nhiều điều để nói về những sinh vật cấp thấp và về những lý do và căn nguyên làm chúng thay đổi; về con người thì không có nhiều. Truyền thuyết xa xưa cũng nói tới những năng khiếu mà các thần phú cho con người. Cùng với những hiểu biết không thể thiếu và thông tin để sử dụng chúng; lửa do thần Prometheus ban, các nghệ thuật thì do thần Hephaestus và cộng sự của ngài (thần Athena), hạt giống và cây cối thì do những thần khác.

PHILEBUS

TRẢI NGHIỆM ĐẦU TIÊN VỀ LÔGIC. THUẬT BIỆN CHỨNG

Tập Philebus là một trong những bài đối thoại mang nhiều tính chất thuần siêu hình của Plato và có lẽ được soạn vào những năm về sau. Chủ đề của tác phẩm này có thể được tóm gọn như là "Niềm vui thú trong tương quan với Tri thức và điều Thiện" hay là "Nơi đầy sự vui thú trong cuộc đời con người". Các thú vui được phân thành hai loại, loại thanh khiết và loại nhơ bẩn; loại sau không được chấp nhận trong cuộc sống đức hạnh; còn loại trước thì được chấp nhận nhưng được xếp sau cùng trong thang bậc các điều tốt. Trước tiên là chừng mực; thứ hai là cân đối; thứ ba là lẽ phải; thứ bốn là hiểu biết; và thứ năm là những thú vui thanh khiết.

Đoạn trích sau đây không liên quan trực tiếp tới luận đề chính của bài đối thoại, nhưng thiên về phương pháp mà Plato cho rằng nên theo đuổi. Đó là "phép biện chứng" mà chúng ta thường gặp trong các tác phẩm của Plato.

Soc. Tốt; vậy ta sẽ bắt đầu cuộc chiến lớn lao và toàn diện này với quá nhiều điểm được nêu ra? Bắt đầu chứ?

Pro. Chúng ta khởi sự sao đây?

Soc. Chúng ta nói rằng cái một và cái nhiều được nhận biết nhờ năng lực lý luận và rằng cùng nhau rảo chạy khắp nơi, trong và ngoài mọi lời chúng ta phát ra, tựa như chúng đã được hình thành trong mọi thời, hiện tại cũng như quá khứ, chẳng bao giờ ngừng, chẳng khởi sự lúc này nhưng, theo tôi, mang tính chất bất tận của lý luận, đến nỗi chẳng bao giờ thành cũ nơi chúng ta. Bất cứ chàng trai trẻ nào, khi vừa mới nếm thử những sự tinh nhanh này, rất phấn khởi và tưởng tượng rằng mình đã tìm ra một kho tàng khôn ngoan; trong nỗi hăng say ban đầu y để tư tưởng mình xoay vần, biến

đổi cái nhiều thành cái một, hòa hợp chúng lại, rồi lại mở ra và phân rẽ chúng; trước tiên anh ta tự gây bối rối cho mình rồi sau đó lại làm cho những người lân cận rối tung lên, bất kể người già hay trẻ và cả người đồng trang lứa với mình-chẳng phân biệt, ngay cả cha hoặc mẹ hắn cũng chẳng tha; không người nào có tai mà được yên với hắn, ngay đến cả chó hắn nuôi và kẻ man di cũng chẳng có cơ thoát nếu như có thể tìm được người phiên dịch.

Pro. Này Socrates, hãy xem chúng tôi cũng đông đấy chứ và tất cả chúng tôi đều là trai trẻ, há chẳng có nguy cơ rằng chúng tôi và Philebus có thể hiệp lực chống lại anh, nếu như anh cả gan nói xấu chúng tôi sao? Tuy nhiên chúng tôi hiểu rằng nếu có cách nào tốt hơn giúp êm thấm thoát ra khỏi hết các rắc rối, phức tạp này để đạt đến chân lý, thì chúng tôi sẽ tìm hết cách đi theo, bởi cuộc tham vấn chúng ta đang dính vào không phải là chuyện nhỏ.

Soc. Không phải là chuyện nhỏ đâu, các con ạ, như Philebus hay gọi các anh và chẳng có, và cũng sẽ chẳng bao giờ có cái nào tốt hơn cách tôi ưa thích, tuy rằng nó đã thường bỏ rơi tôi vào giờ phút cần thiết.

Pro. Hãy nói cho chúng tôi nghe là cái gì vậy?

Soc. Đó là cái có thể dễ giải thích, nhưng không dễ áp dụng một tí nào và là cha đẻ ra tất cả mọi phát kiến của thuật này.

Pro. Hãy nói riêng về cái đó thôi.

Soc. Một lộc trời cho, như tôi hiểu, được thần thánh thảy vào thế giới qua tay của một vị thần Prometheus nào đó, cùng với một ngọn lửa; và cổ nhân, là những người sống tốt lành hơn và gần gũi các thần linh hơn chúng ta bây giờ, lưu lại truyền thuyết này, rằng tất cả mọi vật được cho là cần hiện hữu, rút tính hiện hữu của mình từ cái một và cái nhiều, và có cái có hạn và cái vô hạn trong mình như là một phần của bản thể mình; rồi khi xem rằng đó là trật tự của thế giới, chúng ta cũng phải giả dụ rằng có một ý tưởng chi phối mọi vật; tính đơn nhất này chúng ta chắc sẽ tìm ra và đã thấy, tiếp theo chúng ta đi tìm hai, nếu như có hai, hoặc nếu không, rồi tìm ba hay một con số nào khác, chia nhỏ từng cái của các đơn vị này cho đến khi không thấy được cái nguyên thủy, không chỉ như một, nhiều và vô hạn, mà còn một con số xác định

nào đó; cái vô hạn không thể bị hy sinh để đạt tới cái nhiều cho đến khi toàn bộ các loại trung gian giữa cái đơn nhất và cái vô hạn được tìm ra-rồi chúng ta có thể ngừng phân chia và tất cả cá thể còn lại có thể được phép chuyển vào cái vô hạn.

Đó là cách thức suy xét, học hỏi và dạy dỗ nhau, cái mà các Thần linh đã truyền cho chúng ta. Nhưng những bậc khôn ngoan thời chúng ta đây lại hoặc là quá nhanh hoặc lại quá chậm nhận thức cái đa số trong cái đơn nhất. Không có phương pháp, họ tạo nên một cách tùy tiện cái một và cái nhiều, và từ cái đơn nhất chuyển thẳng tới cái vô hạn, mà không hề nghĩ đến những bước trung gian. Và đó là, tôi lặp lại, cái làm nên sự khác biệt giữa thuật tranh luận và thuật biện chứng thật.

TIMAEUS

1. CHUYỆN KỂ VỀ SOLON

Tập Timaeus được chính Plato ghép với các tập Nền Cộng hòa và Critias. Socrates được cho là đã thuật lại vào ngày hôm sau cuộc đối thoại và đã ghi trong tập Nền Cộng hòa cho một số bạn hữu, vốn được hứa là sẽ đưa ra luận bàn một đề tài triết học nào đó. Các nhân vật khác có tên là Timaeus, một công dân xứ Locri ở Italia, Hermocrates, có lẽ là một vị tướng lừng danh người Syracuse và Critias, người Athens, mà trước đây đã có xuất hiện trong các tập Charmides và Protagoras. Người thứ năm trong nhóm không được nêu danh tánh vắng mặt vì đau yếu.

Timaeus gần gũi với Nhà Ngụy biện và Chính Khách ở khung cảnh trong đó Socrates không phải là người phát ngôn chính, nhưng là một người lạ mặt đến thăm Athens. Ở đây Timaeus đóng vai chính và với vai trò một thổ dân miền Nam Italia ông ta dễ dàng dẫn giải lý thuyết về vũ trụ, vốn được phổ biến sâu rộng trên cơ sở những tư tưởng của Pythagore. Vai trò của ông ta là giải thích cách hình thành thế giới và con người cùng muông thú được tạo dựng ra sao.

Nhưng trước khi Timaeus bắt đầu câu chuyện, Critias lại phác họa một câu chuyện ông đề nghị làm đề tài cho ngày hôm sau. Đó là một truyền thuyết được nhiều người biết về Atlantis, một hòn đảo lớn từng một thời tồn tại trong Đại Tây dương và sau đó bị chìm trong sóng nước.

Crit. Socrates này, vậy hãy nghe một chuyện lạ nhưng chắc là xác thực, như Solon, người khôn ngoan nhất trong bảy nhà hiền triết nói thế. Ông là một người bà con và là người bạn lớn của ông cố nội tôi tên là Dropidas, như chính ông đã đề cập trong nhiều áng thơ của mình; rồi Dropias lại kể cho Critias là ông nội tôi, ông nội nhớ và kể lại cho chúng tôi nghe:- Rằng người Athens đã có

những hành động lớn lao và diệu kỳ, vốn bị lãng quên trong thời gian và sự hủy hoại của loài người, nhưng đặc biệt có một hành động, vĩ đại nhất trong số đó mà việc thuật lại sẽ là một bằng chứng thích đáng cho lòng biết ơn của chúng tôi và cũng là một khúc ca ngợi chính đáng và phải lẽ với vị Nữ thần, cái mà chúng ta có thể dùng trong ngày đại lễ để tôn kính ngài.

Soc. Tốt lắm. Vậy cái hành động nổi tiếng thời xưa mà ông Critias nói không phải là huyền thoại mà là hành động có thực của nhà nước Athens như Solon đã thuật lại là gì thế?

Crit. Tôi xin kể một câu chuyện thời xưa mà tôi đã nghe được từ một người luống tuổi; bởi vì ông Critias vào lúc kể câu chuyện đã gần chín chục tuổi, còn tôi mới khoảng lên mười. Bây giờ ngày này gọi là ngày Apaturia, ngày công nhận đến tuổi niên thiếu, mà theo tục lệ, cha mẹ thưởng cho các bài kể chuyện, bọn trẻ chúng tôi thường đọc các bài thơ của nhiều thi sĩ, trong đó có nhiều đứa xướng ca các vần thơ của Solon, là những áng thơ mới thời đó. Một đứa trong bọn chúng tôi, có thể là theo ý riêng hoặc hắn nghĩ để làm vừa lòng ông nội Critias, đã nói rằng theo nó nghĩ thì Solon không những là người khôn ngoan nhất mà còn là người quý phái nhất trong số các thi sĩ. Ông già, như tôi nhớ rất rõ, mắt sáng lên và vừa cười vừa nói: phải đấy, cháu Amymander ạ, nếu như Solon chỉ lấy thơ phú làm lẽ sống của mình và đã hoàn tất câu chuyện mang từ Ai Cập về; và không vì những lý do bè phái và xáo trộn, mà ông thấy đang khuấy động trong xứ lúc ông quay về, bị buộc phải can dự vào những việc khác, thì theo ý ông ông ta còn có thể nổi danh như Homer, hay Hesiod hoặc một thi hào nào khác.

Bài thơ đó nói về cái gì vậy, thưa ông Critias? Một người nói với ông như thế.

Về một hành động vĩ đại nhất mà người Athens đã từng thực hiện và nó đã từng được nhiều người biết đến, nhưng qua dòng thời gian và sự suy vi của những người thực hiện, nên đã không được truyền lại đến thời chúng ta.

Hãy kể lại cho chúng cháu nghe, một đứa khác nói, toàn bộ câu chuyện, bằng cách nào và từ đâu mà Solon nghe được truyền thuyết này.

Ông trả lời:-Tại đầu vùng châu thổ Ai Cập, nơi con sông Nile

rẽ nhánh, có một vùng mang tên là Sais, vùng đó có một thành phố lớn cũng mang tên Sais và đó là thành phố nơi đức vua Amasis xuất thân. Các công dân ở đấy thờ một nữ thần là đấng sáng lập; ngài được gọi theo tiếng Ai Cập là nữ thần Neith và họ cho là tương tự như nữ thần Athens của người Hy Lạp. Hiện nay công dân ở thành ấy rất yêu quý người Athens và bảo rằng bằng một cách nào đó họ có liên hệ với những người này.

Solon đã đến đó và được họ tiếp đón với lòng kính trọng; ông đã hỏi các pháp sư, là những người am tường về các vấn đề ấy, về thời xa xưa và khám phá ra rằng chính mình cũng như chẳng có người Hy Lạp nào khác biết tí gì về thời cổ. Một lần kia khi ông gợi họ nói về thời cổ, ông bắt đầu kể về những cái xưa nhất nơi phần thế giới thuộc về chúng ta-về Phroneus, được gọi là "nguyên tổ" và về Niobe; rồi sau Đại Hồng Thủy, nói về cuộc sống của Deucalion và Pyrrha; rồi lần theo gia phả và định tính xem các biến cố mà ông ta nói tới đã trải qua bao nhiêu năm. Ngay lập tức một vị pháp sư rất già liền nói: Solon, này Solon, người Hy Lạp các anh chỉ là bọn trẻ ranh, chưa từng có một trưởng lão nào là người Hy Lạp cả. Khi nghe nói vậy Solon liền hỏi, Ngài muốn ám chỉ điều gì?

Tôi muốn nói, ông ta trả lời, về trí khôn các anh đều còn non trẻ cả; chẳng có một tư tưởng cổ xưa nào được truyền lại trong các anh; cũng chẳng có môn khoa học nào có tính cổ kính. Và tôi sẽ nói cho anh nghe lý do của việc ấy. Đã từng có và sẽ lại có nhiều sự hủy hoại đối với nhân loại phát sinh từ nhiều nguyên do; mà cái lớn nhất xảy ra là bởi trung gian của lửa và nước cùng những cái khác ít quan trọng hơn do vô số những nguyên nhân khác. Có một câu chuyện, cho dù các ông có gìn giữ cách nào, cũng có lần kia vào thời Phaethon, con trai thần Helios, đã cặp các con chiến mã vào chiến xa của cha chàng; bởi vị này không thể lái chúng theo lối đi của cha mình, đã đốt cháy hết mọi thứ ở trên mặt đất, ngay chính vị này cũng bị một tia sét đánh chết. Giờ chuyện này có vẻ như một câu chuyện thần thoại, nhưng thực ra nó ám chỉ những biến chuyển quanh trái đất và trên trời, và một hỏa tai lớn đối với quả đất lâu lâu lại xảy ra một lần; khi xảy ra như vậy, những người sống ở trên núi, tại những chỗ khô ráo và trên cao dễ bị hủy hoại hơn là những người ngụ gần sông ngòi và bờ biển. Và kể từ sau cái thảm họa ấy, con sông Nile với tư cách là cứu tinh không bao giờ mỏi mệt, luôn cứu giúp và giải thoát chúng ta.

Trái lại, khi các thần linh thanh lọc trái đất bằng một trận đại hồng thủy, thì các anh, những người chăn

nuôi trên vùng núi non lại là những kẻ sống sót, trong khi đó ai mà sống trong thành thị thì bị sông cuốn trôi ra biển. Còn ở xứ này, ở thời đó cũng như bất kỳ thời nào khác nước từ trên đổ xuống các cánh đồng không bao giờ có khuynh hướng đi từ dưới lên trên, vì lẽ đó mà các vật được giữ gìn ở đây được cho là cổ xưa nhất. Bất cứ cái gì xảy ra tại xứ của anh hay của chúng tôi hay tại miền nào khác mà chúng tôi được biết - nếu như hành động đó là cao thượng, vĩ đại hay đáng ghi nhớ, tất tất đều được ghi chép lại và lưu giữ trong các đền thờ của chúng tôi; trong khi các anh và những nơi khác chỉ được viết ra hay cách gì khác theo yêu cầu của nhà nước; và rồi những dòng nước từ trời theo thường kỳ lại đổ xuống như một cơn đại dịch và chỉ còn để lại những người không có chữ và học vấn; thế là các anh phải bắt đầu lại như đám trẻ con, chẳng còn biết những gì đã xảy ra vào thời xa xưa nơi các anh và cả nơi chúng tôi.

Về những phả hệ của các anh mà anh đã kể cho tôi nghe, Solon ạ, chúng chẳng khá hơn gì những câu chuyện phiếm của trẻ con; vì ngay ở phần đầu anh chỉ nhớ được có một trận đại hồng thủy thôi, trong khi có nhiều trận như thế; rồi ở phần tiếp theo anh cũng không biết rằng trong vùng đất của các anh đã từng có một giống người rất thanh lịch và quý phái sinh sống, mà các anh và cả thành của các anh chỉ là một hạt giống hay tàn dư. Điều này các anh không biết vì thế hệ những người sống sót nay đã chết và không để lại dấu tích gì. Anh Solon này, đã có một thời trước trận hồng thủy lớn nhất, lúc mà thành nay là Athens lần đầu tiên lâm chiến và trội vượt vì có nền luật pháp tuyệt vời, và người ta nói rằng nó có những việc làm cao quý và một hiến pháp công bằng nhất theo tương truyền dưới gầm trời này. Solon ngạc nhiên về vấn đề này và khẩn khoản nài xin vị pháp sư nói cho ông ta nghe một cách chính xác, có thứ tự về những công dân thời ấy.

Anh cứ tự nhiên nghe biết về họ, anh Solon ạ, vị pháp sư nói, vì lợi ích cho riêng anh và cho cả thành, nhưng trên hết là vì Nữ thần là đấng hộ mệnh, che chở và giáo huấn chung của hai thành chúng ta. Bà đã lập nên thành của các anh cả ngàn năm trước thành chúng tôi; tiếp nhận từ đất và Hephaestus hạt giống của giống nòi các anh rồi bà dựng nên thành chúng tôi, với hiến pháp đã được ghi chép trong bộ sách thánh cả 8.000 năm rồi. Đề cập đến những công dân thuộc 9.000 năm trước, tôi chỉ vắn tắt nói cho anh hay về nền pháp luật của họ và về những hành động cao quý nhất họ đã thực hiện. Nếu các anh so sánh nền luật pháp chính hiệu này với nền luật pháp của các anh

hiện nay, thì các anh sẽ thấy rằng nhiều thứ luật của chúng tôi là bản sao của luật pháp các anh đã có từ thời xa xưa. Đầu tiên, có đẳng cấp pháp sư, tách biệt hoàn toàn khỏi tất cả những người khác, kế đến là có những thợ thủ công là những người tự mình chế tác những đồ thủ công và cũng không lẫn lộn với những người khác, rồi có giai cấp những người chăn súc vật và giai cấp những người đi săn, cũng như giai cấp những người nông dân; và anh còn thấy rằng những chiến binh tại Ai Cập được tách biệt khỏi tất cả các giai cấp khác, họ tuân hành một thứ luật chỉ liên quan đến chiến tranh; hơn nữa các binh khí mà họ được trang bị là khiên và giáo, và điều này vị Nữ thần đã dạy dân các anh đầu tiên, rồi đến các xứ miền Asiatic. Còn nói về sự khôn ngoan, anh có thấy rằng luật pháp quan tâm đến cái gì trước hết chăng? Đó là tìm ra và hiểu biết toàn bộ trật tự của các sự vật, xuống đến việc tiên tri và y tế; và từ những yếu tố thần linh này rút ra những gì cần thiết cho cuộc sống con người và thêm được mọi loại hiểu biết có liên quan đến những thứ ấy.

Tất cả những trật tự và sắp xếp này được Nữ thần lần đầu tiên truyền cho các anh khi người thiết lập thành của các anh; người chọn địa điểm cho các anh sinh trưởng, vì người thấy rằng khí chất hài hòa của các mùa nơi vùng đất ấy giúp sản sinh những con người uyên bác. Vì thế Nữ thần, vốn là đấng ưa thích cả chiến tranh lẫn sự khôn ngoan, đã chọn và trước hết đặt định rằng nơi ấy là chốn thích hợp nhất để sinh ra những con người giống như chính mình. Và các anh đã an cư ở đó, có nền luật pháp như thế này và còn tốt hơn, và làm cho cả loài người trở nên trội vượt trong mọi nhân đức để trở thành con cái và môn đệ của các Thần linh.

Rất nhiều việc làm vĩ đại và diệu kỳ của nhà nước các anh được ghi trong sử sách chúng tôi. Nhưng có một cái trội vượt hơn hết về tầm mức và giá trị. Sử sách kể về một sức mạnh phi thường ngang ngược gây hấn chống lại toàn thể châu Âu và châu Á và tận diệt thành của các anh. Sức mạnh này xuất phát từ ngoài Đại Tây dương, vì thời ấy có thể đi lại bằng tàu thuyền trên Đại Tây dương; và có một hòn đảo ở phía ngoài eo biển mà các anh gọi là hàng cột của Heracles; đảo đó lớn hơn Lybia và Asia nhập lại và nằm trên đường đi đến các đảo khác, rồi từ quần đảo này người ta có thể tới khắp miền thuộc một lục địa đối diện bên kia bờ đại dương; còn cái biển nằm trong eo biển Heracles chỉ là một hải cảng, có lối vào hẹp, nhưng cái ngoài kia mới thực là biển và vùng đất bao xung quanh được gọi là lục địa.

Lúc đó trên đảo Atlantis này có một đế quốc lớn và hùng mạnh nắm quyền thống trị trên khắp hòn đảo và nhiều đảo khác, cũng như trên nhiều phần đất của lục địa, ngoài ra họ còn bắt quy phục nhiều phần đất của Lybia bên trong hàng cột Heracles đến tận Ai Cập và các phần đất thuộc châu Âu đến tận Tyrrhenia. Quyền hành rộng lớn nhưng thu về một mối, chỉ cần một cú đánh là hạ gục xứ sở chúng tôi, của các anh và toàn vùng đất bên trong eo biển; lúc ấy, này anh Solon, xứ sở các anh tỏa sáng, trong sự tuyệt hảo về đức độ và lòng dũng cảm, giữa toàn thể loài người; bởi lẽ nó đứng hàng đầu về sự dũng cảm, tài binh bị và là lãnh đạo dân Hy Lạp. Khi mà phần đất còn lại vuột khỏi tay nó, buộc phải một mình đứng dậy, sau khi đã phải trải qua cơn hiểm nghèo, nhà nước ấy đã hạ gục và giành chiến thắng đối với kẻ xâm lược, giải thoát khỏi cảnh nô lệ những kẻ chưa chịu khuất phục và giải phóng tất cả những dân khác sống trong làn ranh Heracles. Nhưng sau đó xảy ra nhiều trận động đất và lụt lội; và chỉ trong một ngày một đêm mưa, tất cả các chiến binh bị vùi trong lòng đất và hòn đảo Atlantis biến mất, nó chìm dưới làn nước biển. Đó là lý do tại sao biển ở những vùng đó không thể qua lại và thâm nhập được, bởi có có quá nhiều bùn gây ra bởi sự lún sụt của hòn đảo ấy.

Socrates này, tôi đã nói vắn gọn cho anh nghe về truyền thuyết mà cụ Critias nghe được từ Solon. Hôm qua đang lúc anh nói về cái thành và công dân của anh, thì trong trí tôi đã mường tượng câu chuyện mà tôi đang kể cho anh đây và tôi không thể không chú ý, bởi một sự tình cờ nào đó không thể giải thích, rằng anh hầu như đồng ý với mọi chi tiết trong câu chuyện do Solon kể lại, nhưng lúc đó tôi không muốn nói ra. Do thời gian đã quá lâu nên tôi quên khá nhiều và tôi nghĩ rằng trước hết tôi nên tự nhớ lại câu chuyện rồi mới nói ra.

Vì thế, đúng như lời Hermocrates đã nói với anh, hôm qua trên đường về nhà tôi thuật lại những ký ức cho đám bạn bè để làm sống lại trí nhớ của mình, và suốt đêm tôi suy nghĩ về lời lẽ và hầu như đã nhớ lại đủ hết. Thực ra, như người ta vẫn thường nói, những bài học mà chúng ta học được thời còn trẻ con có ấn tượng lạ lùng trong trí nhớ của chúng ta, vì tôi không chắc rằng mình nhớ được tất cả những điều đã nghe hôm qua, nhưng tôi có lẽ sẽ rất ngạc nhiên nếu như có quên mất điều gì đã nghe biết từ rất lâu. Lúc còn là một đứa trẻ, tôi đã rất chăm chú nghe ông cụ nói với họ; cụ rất sẵn lòng dạy dỗ tôi, còn tôi đã hỏi về họ rất nhiều lần, đến nỗi họ được khắc sâu trong trí óc tôi một cách không thể xóa nhòa được. Ngay khi ngày vừa ló

dạng tôi liền thuật lại chuyện của họ cho các bè bạn của tôi, để cùng có tài liệu mà đàm luận.

Và giờ đây, Socrates này, tôi đã sẵn sàng kể cho anh nghe toàn bộ câu chuyện mà vừa đây mới chỉ là đoạn mở đầu thôi. Tôi sẽ trao cho anh không chỉ những tiêu đề tổng quát mà còn cả những chi tiết như tôi đã từng nghe về họ. Còn về phần thành phố và các công dân, mà hôm qua anh diễn tả cho chúng tôi trong tưởng tượng, giờ chúng ta hãy chuyển qua thế giới hiện thực; đó sẽ là thành của chúng ta và giả dụ rằng các công dân mà anh tưởng tượng là tổ tiên thật của chúng ta-chính là những người mà vị pháp sư nói đến; họ sẽ hoàn toàn tán thành và sẽ chẳng có gì mâu thuẫn khi bảo rằng chính những người Athens cổ đại ấy là công dân thuộc nền cộng hòa của các anh.

2. SỰ QUÂN BÌNH GIỮA TINH THẦN VÀ THỂ XÁC

Tập Timaeus, sau phần giới thiệu, chỉ là một cuộc độc thoại mà không có bạn cùng nghe nào tham gia. Timaeus mô tả về vũ trụ, trong đó ông bàn luận sâu về sự sáng tạo thế giới và con người, hệ Tinh tú, bốn Yếu tố căn bản, các giác quan, bản chất bệnh tật, các phần của linh hồn, số phận của linh hồn sau khi chết và nhiều đề tài khác tương tự. Về cuối cuộc đàm luận, nhân cơ hội ông nói về một chủ đề, dù không trực tiếp liên hệ tới kế hoạch làm việc chính, nhưng cũng rất lý thú và quan trọng-mối quan hệ giữa Hồn và Xác và ảnh hưởng mà mỗi bên tác động đến bên kia.

Có một cuộc tham vấn qua thư từ liên quan đến các phương thức người ta xử trí với tinh thần và thể xác; và bằng phương tiện nào đó người ta bảo tồn chúng, là cái mà tôi có thể và phải bàn đến; vì nhiệm vụ chúng ta là phải nói về cái tốt hơn là cái xấu. Mọi điều tốt thì đúng và cái đúng thì không có giới hạn, cái thú tính mà đúng thì được coi là có giới hạn. Giờ thì chúng ta có thể nắm bắt được những cái ít cân đối hơn và hiểu được chúng, nhưng không thể hiểu được cái tối thượng và vĩ đại nhất; bởi theo quan điểm về sức khỏe và bệnh tật, đức hạnh và điều xấu thì chẳng có sự cân đối nào hay mong muốn có sự cân đối nào lớn hơn sự cân đối giữa hồn và xác. Một tinh thần minh mẫn trong một thân xác khỏe mạnh sẽ là cái đẹp đẽ và đáng yêu nhất trong những điều đáng ngắm nhìn của

một kẻ có con mắt để nhìn. Tựa như một cơ thể có cái chân quá dài, hoặc là một bộ phận bất cân đối nào đó, là một cái gì khó coi rồi và cũng thế khi chịu sự vất vả, đau khổ và khi cố hết sức với nhiều vấp váp vụng về là căn nguyên của vô số sự dữ xảy ra cho chính bản thân mình-theo cách chúng ta biết về bản thể hai mặt mà chúng ta gọi là con người; và trong cái hỗn hợp ấy có một cái hồn mạnh hơn xác, thời tôi có thể nói cái hồn ấy làm náo loạn và gây mất trật tự toàn bộ bản chất bên trong của con người; và khi quá nóng lòng theo đuổi tri thức, nó gây ra tàn phá; hoặc lại nữa, khi dạy dỗ hay tranh biện chỗ riêng tư hoặc nơi công cộng, nó sẽ gây nên nhiều xung đột và mâu thuẫn, đốt cháy và làm tan rã cấu trúc đa hợp của con người và gây nên chứng đau nhức; và tính chất này ngay cả những bậc thầy về y học, vốn thường từ những hiện tượng tìm ra được những nguyên nhân thực, cũng chẳng thể hiểu nổi. Và còn nữa, khi mà thân xác to lớn quá khổ so với hồn chỉ gói gọn trong một trí khôn hạn hẹp và yếu kém, thấy rằng có hai khát vọng tự nhiên đối với con người,-một là về lương thực cần cho thân xác và một là về sự khôn ngoan cho phần linh thiêng hơn của chúng ta-sau đó có thể nói là những yêu cầu của một nguyên tắc mạnh mẽ hơn, đạt đến cái tốt hơn và gia tăng quyền lực riêng, nhưng lại làm cho tâm hồn trở nên mất nhạy cảm, đần độn và cẩu thả, sinh ra ngu dốt, vốn là căn bệnh nặng nề nhất.

Có một cách bảo vệ chống lại cả hai thứ trên: - rằng chúng ta không nên chỉ tác động thể xác mà không tác động tâm hồn hoặc là tác động tâm hồn mà không đối với thể xác và như vậy chúng sẽ trợ giúp lẫn nhau, nhờ đó nên khỏe khoắn và quân bình. Và do đó nhà toán học hay bất kỳ người nào khác hiến thân theo đuổi công việc tri thức cũng phải để cho thân xác mình được vận động và tập thể dục; và những ai chuyên luyện tập các chi thể cũng phải truyền đạt những tác động của tâm hồn và luyện tập âm nhạc cùng mọi loại triết học, nếu như muốn được coi là người thực sự đúng nghĩa và trọn hảo.

Ta hãy bàn về bản chất chung của con người, của thể xác là một phần của con người và về cách thức mà con người có thể điều khiển chính mình cũng như được cai trị cách tốt nhất, đồng thời sống hoàn toàn theo lý lẽ; và chúng ta phải khởi sự từ quy định rằng nguyên tắc vận hành phải là đúng nhất và khả thi nhất cho mục đích cai trị. Nhưng để luận bàn chính xác về một chủ đề như vậy hẳn là một công việc khá lâu dài. Với mục đích bổ sung hay tiếp nối những điều tôi đã nói, có thể

tóm tắt như sau. Như tôi thường nói, nơi chúng ta có ba loại hồn, mỗi loại có những tác động riêng- vì thế giờ tôi nói hết sức vắn tắt, rằng một phần nào đó, nếu như đang còn không hoạt động hay ngừng hoạt động, hẳn là đang rất yếu, nhưng nếu được huấn luyện và tập luyện thì rồi cũng sẽ trở nên rất mạnh. Do đó ta phải chú trọng để cho cả ba phần của tâm hồn cùng được tập luyện tương thích với nhau.

Xét về cái phần cao quý nhất của tâm hồn con người, chúng ta phải biết rằng Thượng Đế đã trao ban nó như một thiên tư cho mỗi người; nó ở trong phần đầu của thân thể và làm cho chúng ta lớn mạnh như cây cối, với sự phát triển không phải từ đất nhưng từ trời. Vì thế kẻ mà luôn luôn để tâm đến dục vọng và tham vọng và không ngừng theo đuổi chúng, hẳn là làm cho những ý nghĩ của mình thành hay chết; và bao lâu người ấy còn tồn tại, mọi cái thuộc về anh ta đều chết, vì anh ta cổ vũ phần hay chết của mình. Nhưng người mà chăm chỉ chuyên sâu yêu thích tri thức và sự khôn ngoan đích thực, đồng thời được huấn luyện để tư duy rằng đó là những cái bất tử và linh thiêng của con người, nếu như anh ta đạt đến chân lý; tới mức mà bản chất con người có thể đạt tới sự bất tử, tất cả thành bất tử, như thế người ấy đã từng sử dụng năng lực linh thiêng; và thiên tư nơi mình trong một trật tự rất hoàn hảo, người ấy hẳn là được hạnh phúc tuyệt vời.

CRITIAS HAY HÒN ĐẢO ATLANTIS

Truyền thuyết về Atlantis lại được đề cập đến trong tập Critias, nhưng câu chuyện đột ngột bị ngắt chẳng bao lâu sau phần mở đầu. Lý do Plato không hoàn tất tác phẩm thì chẳng ai nói được. Có thể ông đã thấy rằng nhiệm vụ đó quá khó đối với khả năng nghệ thuật của mình.

Tuy nhiên, có thể là Plato đã bị bức bách bởi hoàn cảnh phải 'bỏ lửng' huyền thoại về Atlantis. Chúng ta có thể tự hài lòng, nếu chọn như thế, tưởng tượng rằng chính cuộc hành trình thứ hai và thứ ba tới đảo Sicile là căn nguyên gây nên sự gián đoạn này. Tuy nhiên, sự ước đoán này chẳng giúp ích gì cho chúng ta và chúng ta phải đành để cho nghi vấn này không có lời giải đáp.

Timaeus. Tôi thật biết ơn ngài, thưa ngài Socrates, rằng cuối cùng tôi cũng đã đến nơi và như một người lữ hành mệt nhoài sau một cuộc hành trình dài giờ tôi được nghỉ ngơi! Và tôi cầu khẩn đấng vốn luôn thuộc hàng trưởng lão và như tôi từng xưng tụng, luôn tiếp nhận lời tôi trong chừng mực mà chúng được nói ra một cách đúng đắn và đáng được người chấp nhận; và nếu như tôi có vô tình nói ra điều gì sai, tôi khẩn cầu người hãy xử phạt tôi thích đáng, vì việc xử phạt thích đáng kẻ lầm lỗi là giúp hắn đi vào đường ngay. Vì vậy ước mong rằng trong tương lai tôi có thể nói đúng về thế hệ các Thần linh, tôi cầu xin các vị ấy ban cho tôi sự hiểu biết, trong các phép thuật thì đó là phép tuyệt hảo nhất. Đó là lời cầu của tôi. Và giờ đây tôi xin trao cuộc luận bàn vào tay ngài Critias, như chúng ta đã thoả thuận.

Critias. Phần tôi, Timaeus ạ, tôi nhận sự ủy thác này và như anh đã nói lúc đầu rằng anh sắp nói những điều cao siêu, đồng thời cũng xin dành cho mình một vài chiếu cố; phần tôi hẳn cũng phải thỉnh cầu

điều tương tự hoặc còn nhiều hơn cho những điều tôi sắp nói đây. Dù biết rất rõ rằng mình đang đệ đạt một lời thỉnh cầu nhiều tham vọng và phần nào thô thiển, nhưng tôi không nhụt chí. Bởi liệu có ai đó có ý thức mà lại không công nhận rằng anh đã nói quá hay? Tôi chỉ có thể mong chỉ ra rằng, đề tài tôi đề cập thì khó hơn và đòi phải có nhiều sự miệt mài hơn cái của anh; và tôi sẽ chỉ rõ rằng dường như nói hay về Thần linh cho con người thì dễ hơn nhiều so với việc nói hay về những sự hay chết cho nhau; bởi sự không có kinh nghiệm và hoàn toàn bất minh của người nghe về những vấn đề ấy là lợi thế rất lớn cho kẻ phải nói những chuyện ấy, với lại về những chuyện liên quan đến thần thánh thì chúng ta quả là chẳng biết tí gì. Dù sao tôi cũng sẽ làm cho những gì mình nói được rõ ràng hơn, nếu như các vị nghe kịp.

Tất cả những cái mà mỗi người chúng ta đang nói đến chỉ là mô phỏng và đồng hóa. Vì nếu chúng ta xem những tác phẩm của người họa sĩ trình bày những hình hài linh thiêng ở trên trời thế nào và những mức độ hài lòng khác nhau của người xem khi cảm nhận chúng với con mắt của mình, thì chúng ta cũng sẽ thấy rằng mình hài lòng với người nghệ sĩ vốn có thể trong một mức độ nào đó mô phỏng được địa thế, núi non, sông ngòi, cây cối và cả vũ trụ, cùng với các vật có và di chuyển trong đó. Nhưng khi một người cố vẽ một hình dáng người, chúng ta nhanh chóng nhận ra các khiếm khuyết và những nhận thức quen thuộc biến chúng ta thành những sành sỏi rất nghiêm khắc với bất kỳ ai không đưa ra được mọi điểm tương đồng; và điều này cũng thế đối với cuộc tranh luận này, chúng dễ hài lòng với bức tranh vẽ những vật linh thiêng, trên trời là cái rất ít giống với chính những vật ấy; nhưng chúng ta lại nghiêm ngặt phê bình những cái thuộc về con người và mau qua. Đó là điều tôi muốn đề nghị với quý vị và đồng thời xin, thưa ngài Socrates, rằng tôi có thể không phải được ít nhưng là nhiều sự lượng thứ cho điều tôi sắp nói ra. Tôi hy vọng rằng quý vị sẵn lòng ban ơn huệ mà tôi cần phải xin.

Socrates. Hẳn nhiên rồi, anh Critias ạ, chúng tôi sẵn sàng ban ơn ấy và chúng tôi cũng ban ơn tương tự trước cho Hermocrates, là người sẽ nói thứ ba; bởi tôi chẳng nghi ngờ gì khi đến lượt anh ta lát nữa đây thôi, anh ta lại cũng đưa ra lời thỉnh cầu như anh vừa làm. Vậy để anh ta có thể đi ngay vào đề và không buộc phải lặp lại

những lời tương tự, hãy để anh ta hiểu rằng anh ta đã được lượng thứ trước rồi. Và giờ đây, này anh bạn Critias, tôi xin thông báo cho anh biết quyết định của giảng đường. Họ thống nhất ý kiến rằng người trình bày cuối cùng hôm trước đã rất thành công và như vậy anh cần phải miệt mài nếu như muốn cạnh tranh với hắn.

Hermocrates. Thưa ngài Socrates, lời cảnh báo ngài nói với anh ta tôi coi là cũng áp dụng cho chính tôi. Nhưng hãy nhớ, này anh Critias, một trái tim bạc nhược chẳng thể nào nâng cao được phần thưởng chiến thắng; anh phải đi và lao vào cuộc tranh luận như một trang nam nhi. Trước hết phải cầu khẩn thần Apollo và các nữ thần thi ca, và rồi cho chúng tôi nghe anh ca lời tán tụng các công dân cổ nhân của anh.

Crit. Này anh bạn Hermocrates, bạn được xếp sau cùng, nhưng trước bạn có một người chưa từng tỏ ra khiếp nhược; dù cho là anh đúng hay không, lát nữa đây thôi anh sẽ biết; giờ thì tôi nhận những lời cổ vũ, khích lệ của anh. Nhưng ngoài những vị thần mà anh vừa mới nhắc đến, tôi còn đặc biệt phải cầu khẩn thần Mnemosyne; vì tất cả những phần quan trọng mà tôi sắp phải nói phụ thuộc vào ơn phù hộ của người và nếu như tôi có thể nhớ, và kể lại đủ những điều do các pháp sư kể và do Solon đưa đến, tôi không ngờ vực gì về khả năng tôi đáp ứng được các yêu cầu của giảng đường này. Tôi sẽ toàn tâm toàn ý với nhiệm vụ đó.

Cho phép tôi được mở đầu trước hết với nhận định rằng chín ngàn năm trôi qua kể từ cuộc chiến tranh, mà người ta nói là đã xảy ra giữa những người cư ngụ ở phía bên ngoài dãy cột Heracles với những người ngụ ở phía bên trong; đó là cuộc chiến mà giờ đây tôi sẽ mô tả. Trong hàng ngũ chiến đấu của một bên, thành phố Athens được tường thuật là giữ vai trò lãnh đạo, chỉ huy cuộc chiến đấu; hàng ngũ chiến binh phía bên kia được lãnh đạo bởi các vị vua trên quần đảo Atlantis, mà như tôi đã nói nó rộng lớn hơn vùng Libya và Asia hợp lại; rồi sau đó chìm xuống biển do một trận động đất, trở thành một bãi sình lầy làm cho những người muốn vượt biển không thể vượt qua để tới đại dương. Diễn tiến dòng lịch sử sẽ tỏ lộ nhiều bộ tộc người man di và người Hy Lạp lúc ấy có tồn tại, khi họ thay nhau xuất đầu lộ diện; nhưng tôi phải khởi đầu bằng việc trước tiên đề cập đến người Athens, như họ có mặt thời ấy, cùng những kẻ thù giao chiến với họ; và tôi sẽ phải nói đến sức

mạnh và hình thức cai trị của cả hai bên. Cho chúng tôi nói trước về người Athens:

Thời xưa, các thần linh cai quản toàn thể trái đất theo sự phân chia trách nhiệm từng vùng; nên chẳng hề có tranh chấp và ta cũng chẳng có thể giả dụ rằng các thần không biết cái gì thích hợp cho mỗi người nắm giữ hoặc cho rằng họ tìm cách chiêu dụ cho mình những cái thuộc về những vị khác. Mỗi vị nắm giữ đúng cái mình muốn và phân bố cư dân trong các địa hạt của mình; và khi đã phân bố xong họ chăm sóc những con người thuộc về mình như là những mục tử chăm sóc đàn chiên của mình, chỉ trừ ra họ không dùng đòn vọt hay vũ lực như cách các mục tử thường làm, nhưng cai quản chúng ta như những hoa tiêu lèo lái con tàu, vốn là một cách dễ dàng dẫn dắt thú vật, nhờ nguyên tắc thuyết phục, nắm giữ linh hồn chúng ta theo sự vui thích riêng của các vị ấy; - họ đã dẫn dắt các tạo vật hay chết như thế.

Lúc bấy giờ các thần khác nhau có thừa kế ở những nơi khác nhau được sắp đặt có trật tự. Hephaestus và Athens, là anh em với nhau, con cùng một cha, có cùng bản tính và cùng chung một sở thích triết học và nghệ thuật, cả hai cùng nắm giữ phần đất này như vùng đất được ủy thác, vốn tự nhiên thích hợp cho sự khôn ngoan và đức hạnh; và các vị đã gieo những con cái dũng cảm từ đất và phú vào trong trí khôn của chúng nếp kỷ cương; tên của chúng được lưu giữ, nhưng hành động của chúng bị mất đi vì lý do những người có truyền thống bị suy tàn và năm tháng lâu đời. Bởi những người còn sống sót sau một lần bị hủy hoại, như tôi đã từng nói, cư ngụ trên vùng núi non; họ không còn biết viết và chỉ còn nghe được tên tuổi của các vị thủ lãnh miền đất và rất ít nghe về những hành động của họ. Tên tuổi mà họ trao cho con cháu không phải vì yêu mến, nhưng vì những đức hạnh và luật pháp của những người đi trước họ, họ chỉ biết theo truyền thống mơ hồ thôi; và khi chính họ và con cháu qua nhiều thế hệ chỉ còn yêu cầu những cái thiết yếu của cuộc sống, hướng sự chú tâm đến việc cung cấp cái họ muốn, chẳng màng tới những chuyện đã xảy ra quá lâu; vì thần thoại học và việc tra khảo những chuyện đời xưa chỉ được đưa vào các thành khi họ rảnh rỗi, và khi họ thấy rằng những cái thiết yếu cho cuộc sống đã khởi sự được đáp ứng, chứ không phải là trước đó. Và đó là lý do tại sao tên tuổi của cổ nhân vẫn còn được lưu truyền cho chúng ta mà không có việc làm nào. Đây là điều tôi phỏng đoán vì Solon nói rằng các pháp sư trong lúc thuật lại cuộc chiến này đã nhắc đến hầu hết các tên được ghi lại trước thời

Theseus, chẳng hạn Cecrops và Erechtheus, Erichthonius, Erysichthon, cùng tên của những người phụ nữ cũng theo cách tương tự. Hơn nữa, hình dáng và ảnh tượng các nữ thần chỉ ra rằng, vào thời đó nghiệp binh đao là chung cho cả nam lẫn nữ và rằng để phù hợp với phong tục ấy họ dành những hình ảnh nữ thần có trang bị vũ khí như là một minh chứng rằng mọi sinh vật, nam hay nữ, kết giao với nhau, có đức tính thích hợp cho từng loại, nhưng đều có thể theo đuổi cái chung.

Lúc bấy giờ có nhiều loại công dân cư ngụ trong xứ; - có các thợ thủ công, nông dân và một tầng lớp chiến binh do những người siêu phàm đặt để riêng ra; họ có đủ những thứ cần để nuôi sống và giáo dục, họ không có cái gì là của riêng, nhưng coi mọi sự là của chung; cũng chẳng đòi hỏi từ những công dân khác ngoài lương thực cần thiết. Các pháp sư Ai Cập còn nói về xứ sở này với những cái không chỉ có thể mà còn là thật sự, rằng biên giới được xác định nằm trong một eo đất, một hướng lên tới vùng cao Cithaeron và Parnes; đường biên giới đi xuống vùng đồng bằng, có địa hạt Oropus phía bên mặt và con sông Asopus phía bên trái, tới giáp bờ biển. Trên thế giới vùng đất này là tốt nhất và vì lẽ ấy thời đó nó có thể nuôi được một đạo quân lớn, trội vượt hơn những sắc dân chung quanh. Bằng chứng hùng hồn của sự phì nhiêu là phần đất còn lại có thể sánh với bất kỳ nơi nào trên thế giới về sự đa dạng và chất lượng tuyệt hảo của trái cây, và đồng cỏ thích hợp để chăn nuôi mọi loài súc vật; ngoài vẻ đẹp đất đai còn rất phong phú nữa.

Tôi làm sao có thể minh chứng được điều này? Và liệu có thể nói chính xác về phần còn sót lại của mảnh đất đã từng tồn tại ấy chăng? Xin các vị hãy quan sát dáng vẻ hiện nay của xứ sở này, hiện chỉ là một doi đất vươn ra biển xa phần còn lại của địa lục, vây chung quanh là một cái vịnh. Nhiều trận lụt lớn đã xảy ra trong chín ngàn năm, đó là số năm tính từ cái thời mà tôi đang nói đây.

Đó là tình trạng tự nhiên của xứ sở, vốn được canh tác, như chúng ta có thể tin như vậy, bởi những nhà nông thực sự; họ là những người yêu chuộng danh dự và có bản chất cao quý; họ làm công việc nhà nông và có trong tay đất đai thuộc loại tốt nhất trên thế giới, lại dồi dào về nước và có khí hậu hết sức thuận hòa. Lúc bấy giờ thành được sắp xếp theo cách này; thứ nhất là vệ thành Acropolis không giống như bây giờ. Vì rằng chỉ qua một đêm mưa dầm dề đã quét sạch mặt đất và chỉ còn trơ lại đá; cùng lúc ấy có động đất và rồi xảy ra trận lụt lội khác thường lần thứ ba, trước khi xảy ra việc đền Deucalion bị phá hủy. Thuở ban

đầu vùng đồi núi xây thành Acropolis trải dài đến tận Eridanus và Ilissus, gồm cả vùng Pnyx và Lycabettus như là biên giới ở phía đối diện với Pnyx và khắp chỗ đều có đất, trên đỉnh rất bằng phẳng, trừ một hai chỗ mà thôi. Bên ngoài vệ thành, trên sườn núi có các thợ thủ công cư ngụ và những nông dân canh tác trên những thuở đất gần đấy; trên đỉnh chỉ có tầng lớp chiến binh cư ngụ, chung quanh các đền thờ thần Athena và Hephaestus; họ sống trong một nơi tựa như cái vườn của một căn nhà, có tường rào bao bọc.

Ở mạn Bắc có những nhà công cộng, dành làm chỗ ăn chung trong mùa đông và có các toà nhà cần để sử dụng chung, cũng có những đền thờ, nhưng không có trang trí bằng vàng bạc, bởi họ không sử dụng đến chúng; họ chọn mức trung dung giữa hà tiện và phung phí, và chỉ xây những căn nhà trung bình cho họ và con cái cháu chắt sống đến già, rồi lại chuyển giao cho những người khác y như thế. Về mùa hè họ bỏ công việc vườn tược, luyện tập thể dục và bàn ăn chung để chuyển sang sử dụng khu phía nam của đền Acropolis. Đền Acropolis trước đây có một cái giếng duy nhất, đã bị phá hủy do động đất và chỉ còn lại một vài dòng chảy nhỏ, nhưng thời ấy cái giếng cung cấp rất nhiều nước, có cùng nhiệt độ trong mùa hè lẫn mùa đông. Đó là kiểu cách họ đã sống, như là người bảo vệ các công dân của riêng mình và là những nhà lãnh đạo dân Hy Lạp, là những kẻ tự nguyện theo họ. Họ quan tâm giữ đúng số người nam và nữ phục vụ trong quân đội, qua các thời đại và cho tới tận hiện nay còn như thế, - có thể nói như thế, con số đó khoảng hai mươi ngàn người.

Người Athens cổ là như thế và theo cách đó họ điều hành vùng đất riêng của họ cùng với phần còn lại của Hy Lạp; họ nổi tiếng khắp châu Âu và châu Á về vẻ đẹp của con người, đức hạnh của tâm hồn và nổi danh hơn bất kỳ người đương thời nào. Kế tiếp, nếu như tôi không quên điều đã nghe khi còn bé, tôi sẽ truyền đạt lại cho quý vị đức tính và nguồn cội của các đối thủ của họ; bởi bạn bè thì không thể giữ kín chuyện cho riêng mình, mà phải chia sẻ chung.

Tuy nhiên, trước khi tiếp tục kể, tôi phải lưu ý quý vị, rằng quý vị đừng ngạc nhiên nếu như có nghe những người ngoài lại có tên Hy Lạp. Tôi sẽ kể cho quý vị lý do của việc này: Solon, người có ý định sử dụng câu chuyện này làm chất liệu cho bài thơ của mình, đã khảo sát ý nghĩa của các cái tên và ông phát hiện rằng người Ai Cập xưa khi viết lại đã dịch sang ngôn ngữ riêng của họ; ông khám phá ra ý nghĩa của nhiều cái tên và lại dịch ngược lại rồi sao chép lại theo ngôn ngữ chúng ta. Ông cố tôi là

Dropidas đã có cái bản viết gốc, mà tôi hiện còn giữ và cẩn thận học hỏi khi còn là một đứa trẻ. Vì thế nếu như các vị có nghe thấy những cái tên nào tựa như đang được dùng trong đất nước này, thì đừng có ngạc nhiên vì tôi đã nói lý do rồi. Câu chuyện này rất dài, bắt đầu như sau:

Trước đây tôi đã có lưu ý khi nói về sự phân nhiệm giữa các thần, rằng họ phân chia toàn trái đất thành những phần lớn nhỏ khác nhau. Thần Poseidon nhận phần mình đảo Atlantis, sinh con với một người đàn bà thuộc giống hay chết và sắp xếp họ ở trên một phần hòn đảo. Ở phía hướng ra biển và vùng trung tâm của hòn đảo có một bình nguyên mà người ta nói là đẹp nhất trong các bình nguyên và rất màu mỡ. Cạnh cái bình nguyên và cũng là vùng trung tâm hòn đảo, cách khoảng năm mươi thước (stadia), có một ngọn núi không cao lắm về mọi hướng. Cư ngụ trên núi đó là một trong những người đàn ông đầu tiên từ đất sinh ra của xứ này, tên ông ta là Evenor, ông có một người vợ tên là Leucippe và họ chỉ có một người con gái tên là Cleito. Cô trinh nữ lớn lên thành một người phụ nữ vào lúc cha và mẹ cô đều đã mất; thần Poseidon đem lòng yêu và ăn ở với nàng, ngài vỡ đất vây đồi để nàng ở trong rồi tạo vùng biển và đất khác, cái lớn hơn và cái nhỏ hơn, vây quanh lẫn nhau, đất hai phần nước ba phần, làm cho tách khỏi trung tâm hòn đảo, cách đều mọi hướng, để không ai có thể đi đến tới được hòn đảo, lúc đó chưa nghe nói tới tàu bè và du hành. Còn chính ngài, vì là một vị thần, không thấy gì khó khăn khi sắp đặt riêng cho đảo trung tâm, tạo hai dòng nước ở dưới lòng đất và làm bật lên thành những suối nước, một cái là nước nóng còn cái kia là nước lạnh và làm hết mọi loại lương thực trổ sinh dồi dào trên mặt đất.

Ngài cũng sinh hạ và nuôi dưỡng năm cặp con trai, chia đảo Atlantis thành mười phần; ngài cho người con sinh ra đầu tiên của cặp lớn nhất phần đất sinh sống của người mẹ và vùng xung quanh, là cái lớn nhất và tốt nhất, và phong cho người con ấy làm vua trên những người còn lại; những người khác được phong làm hoàng tử và cho họ quyền cai trị nhiều người cùng một vùng đất đai rộng lớn. Ngài đặt tên cho họ hết thảy; người lớn nhất, là vua, ngài đặt tên là Atlas, và nhờ ông mà toàn thể hòn đảo và đại dương có tên là Atlantic. Với người em song sinh, là kẻ sinh ra sau, được nhận một phần đất ở mũi hòn đảo về phía hàng cột Heracles, xa tận đến miền mà nay vẫn còn được gọi là vùng Gades, ngài đặt cho cái tên theo tiếng Hy Lạp là Eumelus, nhưng theo ngôn ngữ xứ ấy là Gadeirus. Với cặp song sinh thứ

hai, ngài đặt tên một người là Ampheres, người kia là Evaemon. Với cặp thứ ba người lớn hơn được gọi là Mneseus và Autochthon cho người theo sau. Cặp thứ tư, người đặt tên người lớn hơn là Elasippus và người nhỏ hơn là Mestor. Và cặp thứ năm ngài đặt cho người lớn hơn tên là Azaes và người trẻ hơn là Diaprepes. Tất cả những người này và con cháu của họ là cư dân và là người cai trị nhiều hòn đảo khác nhau ngoài khơi; và đồng thời, như đã từng nói, họ cũng thống trị theo một cách khác miền đất nằm bên trong dãy cột tận tới Ai Cập và Tyrrhenia.

Bấy giờ Atlas có một gia đình đông đúc và đáng kính; và chi họ lớn tuổi nhất luôn nắm giữ vương quốc, trong đó người con trưởng chuyển giao quyền hành cho người con đầu lòng, cứ như thế qua nhiều thế hệ. Họ sở hữu một số lượng của cải nhiều đến nỗi chưa từng có vua chúa nào trước đó đã có được và có lẽ rồi ra cũng chẳng có được như vậy nữa. Họ được cung cấp mọi thứ cần dùng, cả ở thành thị lẫn thôn quê. Vì đế quốc rộng lớn nên nhiều thứ được mang đến cho họ từ các xứ ngoại bang và chính đảo quốc cũng cung cấp được nhiều cái họ cần dùng trong cuộc sống. Đầu tiên, họ đào từ lòng đất bất cứ thứ gì tìm thấy trong đó, khoáng sản cũng như kim loại và cả cái mà ngày nay chỉ còn là cái tên nhưng hồi ấy nó là một cái gì đó hơn cả cái tên, orichalcum, được đào lên tại nhiều nơi trên đảo, trừ có vàng là được người thời ấy coi là quý giá nhất trong các kim loại. Có rất nhiều gỗ để làm đồ mộc, có đủ thú để thuần hóa và sống hoang dã.

Hơn nữa, có rất nhiều voi trên đảo và có lương thực cho thú vật đủ loại, cả những con sống trong ao hồ, đầm lầy hay sông ngòi và cả cho những con sống trên vùng núi non hay nơi đồng bằng, và còn cho cả các loài thú lớn và phàm ăn nữa. Cũng có mọi thứ có mùi thơm trong đất, là rễ, thảo mộc, thân gỗ, hay nước cất từ hoa hoặc trái cây; và cả những loại hoa quả gieo trồng trong đất, những quả khô ăn được và những loại lương thực khác, mà chúng ta gọi chung là rau, với những quả có vỏ cứng, dùng làm đồ uống, thức ăn và dầu; có nhiều hạt dẻ và những thứ tương tự có thể dùng làm đồ chơi, là loại thức ăn tráng miệng được ưa thích có tác dụng giải khây sau bữa tối, khi chúng ta đã no bụng và chán ăn. Tất cả những thứ này họ nhận được từ đất và họ dùng chúng để xây dựng các đền thờ, dinh thự, hải cảng và bến tàu; họ sắp xếp toàn xứ theo cách sau:

Trước hết họ bắc cầu qua các vùng biển bao quanh thủ phủ cổ và đắp các lối ra vào hoàng cung; rồi họ khởi sự xây dựng lâu đài để đặt vị thần và tổ tiên của họ. Các

thế hệ sau tiếp tục trang trí, mỗi vị vua vượt qua vị tiền nhiệm về sự bày tỏ tối đa quyền hành, đến khi họ biến lâu đài thành một kỳ công về kích cỡ và vẻ đẹp. Bắt đầu từ biển họ đào một con kênh rộng ba trăm phít, sâu một trăm phít và dài năm mươi thước đo (stadia), dẫn nước tới vùng xa nhất, tạo một lối thông thương từ biển tới chỗ đó, nơi trở thành một hải cảng, để một cửa ngõ đủ có thể cho tàu bè tìm lối đi vào. Hơn nữa, họ đã chia các vùng đất vốn tách rời các vùng biển, dựng các cây cầu lớn đến độ có thể dành một lối đi cho chiếc tàu chiến ba tầng qua lại và cầu có lợp mái che.

Các cung điện bên trong hoàng thành được xây dựng theo lối sau:- Ở giữa là một thánh điện thờ bà Cleito và thần Poseidon, là nơi cấm và được bao quanh bởi một hàng rào bằng vàng; đây là địa điểm các vị sinh ra mười người con và là nơi hàng năm người ta mang đến dâng cúng hoa quả bốn mùa từ cả mười miền đất của đảo, và cũng là nơi dâng lễ tế cho các vị. Cũng ở nơi đây có một đền thờ riêng cho thần Poseidon, dài một thước đo, rộng nửa thước, chiều cao cân đối và mang dáng vẻ cực kỳ lộng lẫy. Tất cả phía bên ngoài đền thờ, trừ các đỉnh tháp nhọn, đều dát bạc, còn các tháp dát vàng. Bên trong đền thờ mái bằng ngà, khắp nơi trang trí bằng vàng, bạc và orichalcum; tất cả các phần khác của những bức tường, cột và nền đều chạy chỉ bằng orichalcum.

Trong đền thờ họ đặt những tượng bằng vàng-có một tượng của chính vị thần đứng trên một cỗ xe chiến mã-với sáu con ngựa có cánh-và với quy mô như thế đầu thần chạm đến mái nhà; chung quanh ngài có đến một trăm nữ thần biển cưỡi trên những con cá heo. Trong đền thờ cũng còn có các ảnh tượng khác do các cá nhân dâng cúng. Chung quanh đền thờ phía bên ngoài người ta đặt các tượng bằng vàng của tất cả mười vị vua cùng các bà vợ của họ; và có rất nhiều vật dâng cúng lớn khác của cả các vua và tư nhân, mang đến từ chính thành phố và các thành ngoại bang khác mà họ nắm quyền cai trị.

Ở chỗ kế bên, người ta dùng những cái giếng có nước lạnh và nước nóng; nước thật dồi dào và cả hai loại đều rất tiện sử dụng, do nước có vị ngọt và chất lượng tuyệt hảo. Họ dựng nhiều nhà quanh các giếng ấy và trồng nhiều loại cây thích hợp; cũng có những bể chứa nước, một số lộ thiên và một số khác có mái che dùng làm nơi tắm nóng trong mùa đông; có các phòng tắm của vua và các phòng tắm của tư nhân, được tách biệt ra; cũng có các phòng tắm giành riêng cho phụ nữ và còn cho cả ngựa và gia súc, mỗi cái có cách trang hoàng thích hợp. Nước chảy ra được người ta dẫn một ít

đến lùm cây Poseidon, nơi trồng các loại cây có độ cao và vẻ đẹp kỳ diệu, nhờ đất tốt; phần còn lại được chuyển qua các con mương đi qua các cây cầu ra các vùng bên ngoài. Có nhiều đền thờ dựng nên để dâng cúng các thần; cũng có nhiều vườn và nơi tập luyện, một số dành cho đàn ông, một số để riêng cho ngựa. Cũng có những trạm gác đặt cách quãng nhau dành cho nhóm vệ sĩ, những người được tín nhiệm nhận trách nhiệm tại vùng nhỏ hơn, ở gần vệ thành Acropolis; trong khi những người được tín nhiệm nhất công tác tại các trạm bên trong hoàng thành, lo cho những người thuộc hoàng tộc. Các bến tàu có nhiều tàu chiến ba tầng và những kho hàng hải quân và mọi thứ hầu như sẵn sàng để đưa vào sử dụng. Đủ dùng theo kế hoạch của triều đình.

Tôi vừa lặp lại hầu như toàn bộ những gì ông ta mô tả về thành phố và cung điện xưa, giờ tôi phải nói về tính chất và sự sắp đặt phần còn lại của xứ sở này. Toàn xứ theo mô tả là rất cao và dốc đứng trên bờ biển, nhưng ở ngay tại và chung quanh thành phố lại là một bình nguyên phẳng tắp, chung quanh có núi bao bọc và thấp xuống về phía biển; nó có dáng thuôn thuôn, dài ra theo một hướng tới ba ngàn thước đo, từ mặt biển lên xuyên qua tâm đảo là hai ngàn thước đo; đảo hướng về phía Nam và chắn mặt Bắc. Núi non bao quanh được ông khen về số lượng, kích cỡ và vẻ đẹp; ở đó có nhiều làng mạc trù phú và nhiều sông, hồ, đồng cỏ cung cấp đủ lương thực cho mọi thú vật, hoang dã và đã thuần hóa, và gỗ các loại dư dùng cho mọi công việc.

Bây giờ tôi tả về bình nguyên, vốn được canh tác lâu đời qua nhiều thế hệ vua chúa. Nó có hình chữ nhật, phần lớn là thẳng và thuôn; người ta căn đường thẳng theo cái hào chạy quanh đảo. Độ sâu, rộng và dài của cái hào thật không thể tin được, nó cho cái cảm giác rằng một công trình như thế, cộng với nhiều công trình khác nữa, khó có thể là do bàn tay con người làm ra. Nhưng tôi phải nói điều tôi đã nghe được. Hào được đào tới độ sâu cả trăm phít, bề rộng chỗ nào cũng là một thước đo; nó chạy quanh bình nguyên với chiều dài mười ngàn thước đo. Nó nhận nước từ các dòng chảy từ trên núi xuống, chảy ngoằn ngoèo quanh bình nguyên và tiếp giáp với thành phố tại nhiều điểm, từ đó đổ ra biển. Cũng tương tự như thế, từ bên trên những con kênh cắt ngang trên mặt bình nguyên và đưa nước vào cái hào để tuôn ra biển; các kênh này cách nhau một trăm thước đo và nhờ chúng người ta đưa gỗ từ trên núi về thành phố; và vận chuyển trái cây bằng tàu, vốn chạy ngang dọc từ kênh này sang kênh khác và về thành phố.

Về dân số, mỗi lô đất trong bình nguyên đều có một thủ lãnh được chỉ định, có năng lực về việc binh và hình thể các lô là hình vuông mỗi cạnh mười thước đo; tổng số các lô lên đến sáu mươi ngàn. Dân cư miền núi và phần còn lại của xứ sở cũng là một con số rất đông, cũng có những thủ lãnh cai quản tùy theo khu vực hay làng mạc. Thủ lãnh buộc phải đóng góp cho chiến tranh một phần sáu chiếc xe chiến mã, như vậy có thể đóng được mười ngàn chiếc xe; với hai con ngựa và nài ngựa và một chiếc xe nhẹ không có chỗ ngồi, kèm theo một chiến binh đi chân đất tay cầm một cái khiên nhỏ và có một người đánh xe để cầm cương ngựa. Ông ta cũng buộc phải nộp hai bộ giáp nặng, hai cung thủ, hai người bắn ná, ba người bắn đá, ba người phóng lao và bốn thủy thủ để lập đủ quân số cho một ngàn hai trăm chiếc tàu. Đó là quy định việc binh trong hoàng thành - chín vùng cai trị khác có khác nhau, khó mà kể hết.

Về chức vụ và địa vị, sau đây là sự sắp đặt kể từ người đứng đầu. Mười vị vua, mỗi vị có phần lãnh thổ và thành phố riêng; họ nắm quyền kiểm soát tuyệt đối trên công dân của mình và trong nhiều trường hợp, trên cả lề luật, khiến họ có thể trừng phạt và tiêu diệt bất cứ ai tùy thích. Lúc bấy giờ mối quan hệ giữa các chính quyền với nhau được điều tiết bởi các huấn chỉ của thần Poseidon như là luật truyền cho họ. Các huấn thị này được những người đầu tiên khắc trên một cái cột bằng orichalcum, dựng nơi giữa đảo, tại đền thờ thần Poseidon, nơi đó người ta cứ luân phiên năm và sáu năm họp lại một lần, như vậy để tôn trọng bằng nhau giữa số chẵn và số lẻ. Và khi hội họp lại họ bàn về những công việc chung, kiểm điểm xem có ai vi phạm điều gì và thông qua quyết nghị thích hợp về người đó, nhưng trước khi thông qua quyết nghị họ thề hứa với nhau theo cách sau: - có những con bò đực trong khu sân của đền Poseidon; và chỉ còn mười vị ở lại trong đền thờ, sau khi đã dâng lời cầu nguyện với các vị thần rằng họ có thể phải chịu những hy sinh, họ đi lùa bò, không được dùng khí giới mà chỉ có gậy và thòng lọng; và họ mang con bò mà họ bắt được tới cái cột; sau đó con vật bị đập vào đầu và xẻ thịt. Lúc bấy giờ trên cây cột, ngoài các huấn chỉ còn có một lời thề giáng phạt những tai họa khủng khiếp cho kẻ bất tuân.

Sau khi dâng của lễ theo tục truyền, họ thiêu các chân con bò, hòa một chén máu, phần còn lại của con vật bị quẳng hết vào lửa, sau khi đã làm sạch chung quanh cây cột. Rồi họ rót từ chén ra các bình bằng vàng và rưới trên lửa, miệng thề rằng họ sẽ phán xử theo luật ghi trên cây cột và trừng phạt

bất cứ ai đã vi phạm và rằng trong tương lai, nếu giữ được, họ sẽ không còn vi phạm bất cứ huấn chỉ nào và cũng sẽ không ra lệnh hay vâng theo người cầm quyền nào mà hành động ngược với luật pháp do Poseidon là cha họ ban bố. Đây là lời khẩn nguyện mà mỗi người dâng lên cho chính mình và gia đình họ. Khi trời sẩm tối, lửa quanh lễ vật đã tàn, tất cả khoác lên mình những tấm áo choàng màu xanh da trời, rồi ngồi trên đất, gần đám tro lễ vật họ đã nói lời thề và tắt hết lửa quanh đền thờ, họ nhận và đưa ra lời phán quyết, nếu có ai trong họ tố cáo người nào và khi họ đã quyết nghị thì đến lúc rạng đông họ ghi các bản án trên một cái bảng bằng vàng.

Còn nhiều luật lệ khác mà nhiều vì vua khắc ghi chung quanh đền thờ, nhưng luật quan trọng nhất là như sau:-Rằng họ không sử dụng võ lực chống lại nhau và tất cả phải đến ứng cứu nếu như có kẻ nào ở bất cứ thành nào mưu toan lật đổ hoàng gia; giống như tổ tiên họ, họ phải bàn bạc chung về chiến tranh và các vấn đề khác, trao quyền tối thượng cho hoàng tộc Atlas. Và vị vua không có quyền quyết định chuyện sống chết đối với bất kỳ người thân thuộc nào của mình, trừ phi có sự đồng thuận của đa số trong mười vị vua.

Đó là quyền hành rộng lớn mà vị thần đã đặt định tại hòn đảo Atlantis nay đã biến mất, chính vị này sau đó đã chỉ huy chống lại miền đất chúng ta với cớ sau, theo như truyền thống nói: qua nhiều thế hệ, bao lâu mà bản chất Thần linh còn tồn tại trong họ, thì họ phải tuân giữ luật pháp và yêu mến các thần, là họ hàng với họ; vì họ có tinh thần thực sự và lớn lao về mọi phương diện, biết thực hành sự hòa dịu và khôn khéo trong mọi tình huống của cuộc đời và trong giao tiếp với nhau. Họ coi khinh mọi sự trừ đức hạnh, chẳng màng đến tình trạng hiện tại của cuộc sống, ít mơ tưởng đến vàng bạc và các của cải khác, vốn chỉ được xem như gánh nặng cho họ; họ chẳng choáng ngợp vì sự xa hoa, cũng chẳng để cho giàu sang làm mất tự chủ; nhưng luôn tỉnh táo và thấy rất rõ ràng rằng tất cả những của cải đó được có nhiều lên là nhờ tình thân hữu ngay chính với nhau, còn nếu chỉ lo cho mình, thì danh dự và của cải của mình rồi ra cũng sẽ mất và tình bằng hữu cũng tiêu tan. Nhờ suy nghĩ như thế và vì vẫn còn giữ được bản chất Thần linh nên tất cả những gì mà chúng ta đã mô tả vẫn còn tồn tại và phát triển nơi họ; nhưng khi cái phần thần thánh này bắt đầu phai nhạt dần nơi họ, trộn lẫn thường hơn và nhiều hơn các yếu tố hay chết và khi mà bản chất nhân loại vượt lên trên, thì lúc đó họ không còn được hưởng vận may nữa, mà trở nên không còn thích đáng nữa,

Đối với kẻ mà còn có mắt để nhìn, thì họ đã bắt đầu trở nên hèn hạ, mất hết những ơn ban quý giá nhất; nhưng còn đối với những kẻ không thể nhìn ra hạnh phúc thật, thì vẫn còn huênh hoang và vui thú mỗi khi chúng có đầy tính tham lam và quyền hành bất chính. Vì thế Zeus, thần của các vị thần, đấng cai quản bằng luật pháp, và có thể thấu suốt những việc như thế, nhận ra rằng một dòng giống đáng kính đã rơi vào tình trạng quá sức điêu tàn và muốn trừng phạt họ, để họ có thể được uốn nắn và cải thiện, nên đã triệu tập toàn thể các thần vào thánh điện của ngài, đặt ở trung tâm vũ trụ, để xem xét mọi sự có dự phần vào dòng giống này.

LUẬT PHÁP

GIỚI THIỆU

Bây giờ chúng ta đến với một tác phẩm xem ra đã được Plato dành thời gian trước tác vào những năm cuối cùng của cuộc đời trường thọ của ông, một "bài ca thiên nga" trước khi từ giã cõi đời (*Phaedo*). Tác phẩm Luật pháp có thể được gọi là một sự chỉnh sửa tác phẩm Nền cộng hòa hay là một khảo luận đi kèm với nó, về một chủ đề được sửa đổi chút ít. Theo cách nói của Aristotle, vấn đề không còn là "Nhà nước nào là tốt nhất về mặt lý thuyết?" mà là "Nhà nước nào là tốt nhất so với hoàn cảnh cụ thể?". Về mọi khía cạnh hai quyển đối thoại tạo nên một sự tương phản rất đáng chú ý.

Nền Cộng Hoà được viết với kỹ năng văn chương đặc sắc, rất hoa mỹ và tinh xảo; trong khi Luật Pháp lại được soạn một cách cẩu thả, sắp xếp không có thứ tự và mục đích rõ rệt; đối thoại thì ngắc ngứ và gượng gạo; ngôn ngữ thì cứng cỏi và tối nghĩa. Tuy nhiên tác phẩm sau cũng có một số giá trị mà khó có một tác phẩm nào khác của Plato có được cấp độ ngang hàng với nó.

Các nhân vật trong tập đối thoại này gồm ba ông già: một người Athens không ghi rõ tên, Megillus người xứ Sparta và Cleinias người xứ Crete. Họ đi cùng với nhau từ Cnosus tới cái hang và Đền thờ thần Zeus, bàn luận về luật pháp và cai trị. Sau khi chuyện vãn được một hồi lâu, Cleinias cho biết rằng mình là một trong các ủy viên được chỉ định bởi người Cnosus đi lập một thuộc địa mới tại Crete và xin các bạn đồng hành giúp thảo ra một bản hiến pháp. Họ đồng ý làm việc ấy và người xứ Athens, (vì chỉ có ông ta là người phát ngôn quan trọng), đưa ra những chi tiết về những định chế mà ông nghĩ là phù hợp với nhà nước được đề nghị.

QUYỂN I

Quyển I khai mở bằng sự phê bình các định chế của người Lacedaemonia và Crete.

Cả hai thể chế này đều chỉ nhằm một mục tiêu duy nhất, - khuyến khích lòng can đảm trong chiến đấu. Đúng ra những nhà làm luật nên xem xét mọi đức tính chứ không chỉ có một mà thôi. Kẻ vừa sống điều độ vừa can đảm thì tốt hơn kẻ chỉ có lòng cam đảm; và kẻ có lương tâm trong các tranh chấp dân sự ắt phải tốt hơn kẻ chỉ thuần túy là một chiến binh. Lại nữa, hòa bình tốt hơn chiến tranh; hòa giải tốt hơn chinh phạt. Hơn nữa cũng có hai loại can đảm; một loại can đảm giúp cho con người chống lại sợ hãi và dạy họ chịu đựng được gian khổ; và một loại khác khuyến khích anh ta chống trả các cuộc tấn công âm ỉ của khoái lạc và thèm muốn. Những ai muốn trở nên hoàn hảo về đức hạnh thì chẳng thể nào thiếu được cái nào trong hai phẩm chất này.

Làm thế nào để tinh thần cao quý này ăn rễ sâu nơi các công dân của một nước? Hiển nhiên là họ phải được giáo dục ngay từ đầu để chống lại các cám dỗ của khoái lạc, tựa như trẻ em phải được chỉ dạy ngay từ những năm tháng đầu đời, phải tập làm những công việc mà sau nay họ phải thực sự theo đuổi.

1. BẢN CHẤT THỰC CỦA GIÁO DỤC

Chúng ta đã biết Plato, như nhiều nhà triết học Hy Lạp tên tuổi khác, quan tâm nhiều biết mấy đến đề tài giáo dục.

Trong đoạn trích này Plato giải thích về một nguyên tắc căn bản rằng trẻ em phải được huấn luyện ngay từ đầu để biết để mắt đến những nghề nghiệp mà họ sẽ phải theo đuổi ở kiếp sau. Và chính chúng ta phải nhận thức rằng giáo dục không khởi đầu và kết thúc chỉ với việc biết đến sách vở; nhưng là con mắt và bàn tay cũng cần phải được rèn luyện không thua gì cái tai và bộ óc.

Ath. Xem ra các ông đã sẵn sàng nghe rồi; còn tôi cũng sẵn sàng thực thi hết mức một nhiệm vụ không hề dễ dàng tí nào, nhưng tôi sẽ cố gắng. Trước khi bắt đầu thảo luận, cho phép tôi được định nghĩa bản chất và sức mạnh của giáo dục; bởi đó là con đường mà cuộc luận bàn của chúng ta phải hướng tới thần Dionysus.

Cle. Vâng xin ông cứ tiến hành.

Ath. Được, vậy nếu tôi nói cho các ông nghe những quan điểm của tôi về giáo dục, liệu các ông có sẵn lòng nói cho tôi nghe xem các ông có đồng quan điểm hay không?

Cle. Hãy cho chúng tôi nghe đi.

Ath. Theo tôi, người mà mọi cái đều giỏi thì phải luyện tập từ hồi còn trẻ, cả khi vui chơi lẫn lúc nghiêm túc, theo một cách thức mà công việc đòi hỏi; ví dụ, người giỏi về xây dựng, phải chơi trò dựng nhà cho trẻ em; người giỏi về nghề nông, biết cày cuốc đất; những ai quan tâm tới giáo dục phải cung cấp cho chúng ngay khi còn nhỏ những công cụ giả. Và chúng trước hết nên học những kiến thức sau này cần dùng trong nghề nghiệp của mình. Chẳng hạn, anh thợ mộc tương lai phải chơi trò đo đạc và ứng dụng các đường thẳng; còn anh chiến sĩ tương lai phải học cưỡi ngựa, hoặc bài tập giải trí nào khác; và người thầy phải nỗ lực hướng khuynh hướng và thú vui của trẻ qua các trò giải trí tới mục tiêu cuối cùng của cuộc sống. Qua sự vui chơi, tâm hồn của đứa trẻ phải được huấn luyện về loại sở trường đó để khi thành người lớn nó đạt đến mức tuyệt hảo. Đến đây các ông có đồng ý với tôi như thế không?

Cle. Chắc chắn rồi.

Ath. Vậy ta phải làm sao đừng để cho giáo dục có ý nghĩa mập mờ, khó hiểu. Hiện nay, khi chúng ta khen hoặc chê việc dưỡng dục mỗi người, ta gọi người này là có giáo dục và người kia là vô giáo dục, dẫu rằng người vô giáo dục có khi rất giỏi giang về nghề buôn bán lẻ, làm thuyền trưởng một con tàu, hay nghề nào khác. Vì chúng ta không nói về giáo dục theo nghĩa này, nhưng theo một nghĩa khác của nền giáo dục đức hạnh từ thuở thiếu thời trở đi, nó làm cho con người háo hức theo đuổi lý tưởng tuyệt hảo của người công dân, dạy bảo họ cai trị sao cho phải lẽ và đồng thời cũng biết vâng phục. Đó là sự huấn luyện duy nhất, theo quan điểm chúng

tôi, có đủ tính chất của giáo dục; các loại huấn luyện khác, nhằm đạt được sự giàu có hay sức mạnh cơ bắp, hoặc chỉ là sự khéo léo ngoài trí thông minh và công lý, chỉ là tầm thường và hẹp hòi, không đáng gọi là giáo dục. Nhưng ta cũng đừng cãi cọ với nhau về danh xưng, miễn là vẫn giữ đúng được gợi ý vừa đề ra; nghĩa là, những ai được giáo dục đúng đắn đều trở thành người tốt. Mà ta cũng không được xem thường giáo dục, vốn là điều đầu tiên và đúng đắn nhất mà một người tốt luôn phải có và là cái, dù có bị trệch hướng, vẫn có thể sửa đổi được. Công việc sửa đổi này là việc lớn lao trong đời mỗi người khi còn sống.

Cle. Rất đúng; và chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ông.

2. CON NGƯỜI, CON RỐI CỦA THẦN LINH

Tác phẩm Luật pháp, như trước đây chúng ta đã có dịp quan sát, đầy giọng điệu bi quan và chua chát, xem ra đã phát triển vào những năm cuối đời của Plato. Thế giới như một cái sân khấu trong đó đàn ông cũng như đàn bà đóng nhiều vai trong một vở bi hài kịch của cuộc đời; các việc của con người chẳng đáng để phải quan tâm; tính đồi bại bất trị của con người khiến cho công việc của nhà làm luật trở thành một sự cần thiết đáng buồn; bởi ngay trong những đất nước được cai trị tốt nhất, những tính chất xấu xa, vốn là bằng chứng chống lại chỉ thị và lời răn bảo, vẫn nảy nở như cỏ dại mọc đầy trong ngôi vườn sạch đẹp.

Ath. Ta hãy nhìn vấn đề theo cách này. Liệu chúng ta có thể không coi mọi sinh vật như là con rối trong tay Thần linh, vốn chỉ để làm trò chơi cho các vị, hay được tạo nên vì một mục đích nào đó, bởi đó là một vấn đề chúng ta không thể am tường? Nhưng chúng ta biết điều này, rằng những khuynh hướng trong chúng ta tựa như những thứ dây nhợ, lôi kéo chúng ta một cách khác nhau và theo hướng đối lập nhau và những hành động đối kháng nhau; ở đó là sự khác biệt giữa đức hạnh và tật xấu. Lý trí mách bảo cho tôi, rằng mỗi người phải theo một trong các sợi dây đó, không được buông ra, mà phải cùng kéo nó nghịch lại với những dây nhợ còn lại; đó là sợi dây lẽ ra phải bằng vàng và linh thánh, chúng ta gọi là luật pháp chung của nhà nước; cũng có những sợi dây khác

cứng cáp hơn vì làm bằng sắt, nhưng cái này mềm hơn vì làm bằng vàng; và còn có nhiều loại khác. Giờ thì chúng ta phải cùng chung sức với cái đứng đầu trong những cái tốt nhất, đó là luật pháp. Bởi vì lẽ phải thì cao đẹp và dịu dàng, không bạo lực, nên để cai trị nó cần có các viên chức giúp dùng nguyên tắc vàng chế ngự các nguyên tắc khác. Và vì thế câu chuyện đạo đức chúng ta là những con rối không thể bị mai một và ý nghĩa của câu nói "cao hơn hay thấp hơn bản thân con người" sẽ trở nên dễ hiểu hơn; và cũng như vấn đề kéo các dây buộc con rối, các thành cũng như các cá nhân phải sống theo lẽ phải; cá nhân đạt đến lẽ phải ở nơi chính mình, còn thành phố nhận lẽ phải từ vị thần nào đó, hoặc từ nhà lập pháp biết làm cho luật của mình tương hợp với chính mình và với những nhà nước khác. Theo cách này chúng ta dễ dàng phân biệt đức hạnh và tật xấu.

QUYỂN II

Trong Quyển II Plato tiếp tục bàn về đề tài giáo dục.

Trong những năm đầu đời, trẻ em được giáo dục qua các nhận thức về sự vui thú và hình phạt, vui thú chủ yếu là nhờ múa hát.

Về việc sử dụng rượu: - việc uống rượu phải được kiểm soát chặt chẽ và chỉ được chấp nhận trong một vài trường hợp do nhà lập pháp quyết định.

THÓI RƯỢU CHÈ KHÔNG ĐƯỢC QUỐC GIA CỔ VŨ

Với những lời kết luận trong Quyển II Plato kết thúc cuộc trao đổi về vấn đề: Liệu các công dân tương lai của ông có được phép uống rượu không? Có lẽ thái độ cấm uống rượu của Plato chịu ảnh hưởng người Sparta.

Ath. Chúng ta đã bàn luận xong một phần đề tài này rồi, nhưng còn một phần nữa sẽ tiếp tục bàn luận chứ?

Cle. Hiển nhiên rồi.

Ath. Trước hết tôi phải nói về việc uống rượu, nếu như quý ông không phản đối.

Cle. Việc đó làm sao?

Ath. Tôi phải nói rằng nếu một thành có ý chấp nhận thói quen uống rượu, theo quy định chặt chẽ và với ý định buộc phải hạn chế; và theo cùng cách ấy với cùng nguyên tắc cho phép thói quen về những thú vui khác, nhằm chế ngự được tất cả- theo cách này tất cả đều có thể áp dụng được. Nhưng nếu nhà nước chỉ nuôi dưỡng một thú uống rượu, bất cứ ai muốn uống thì có thể uống lúc nào tùy thích, với bất cứ ai mình ưa và thêm các thói nuông chiều khác, thì tôi sẽ chẳng bao giờ đồng ý hoặc cho phép thành ấy, con người ấy uống như thế. Tôi sẽ còn mạnh tay hơn người Crete và Lacedaemonia và thích áp dụng luật của người Carthage, rằng không một ai đang tham gia chiến dịch được phép nếm mùi rượu;

còn tôi sẽ định rằng hắn chỉ có thể uống nước lã mà thôi và rằng trong thành không một nô lệ nào, dù nam hay nữ, được uống rượu; và rằng không người có quyền chức nào được uống rượu trong thời gian tại chức, cả các hoa tiêu lái tàu, cả các phán quan trong khi làm nhiệm vụ cũng không được nếm mùi rượu; cả những kẻ sửa soạn giữ nhiệm vụ tư vấn về những vấn đề quan trọng, hoặc là lúc ban ngày cũng không được uống, trừ phi sau lúc luyện tập thể dục hay là chữa bệnh; cả về ban đêm khi người nào đó, cả đàn ông lẫn đàn bà, muốn có con cũng vậy. Còn vô số các trường hợp khác trong đó những người có ý thức tốt và tôn trọng luật lệ không uống rượu, đến mức nếu như tôi nói không sai, không thành nào còn nhiều vườn nho. Việc canh tác và lối sống của họ nói chung sẽ theo một trật tự quy định, và việc trồng nho bị giới hạn tối đa và theo đúng nhu cầu sử dụng. Và đó là điểm đáng chú ý trong phần trình bày của tôi về rượu, nếu như các ông tán thành.

Cle. Tuyệt quá đi chứ. Chúng tôi tán thành.

QUYỂN III

Plato bất ngờ chuyển sang phần khác của đề tài:-nguồn gốc các hình thức khác nhau của chính quyền.

Nhân loại đã từng phải chịu nhiều cuộc tàn phá bởi các trận lụt hồng thuỷ và các thảm họa khác qua nhiều thời đại. Và sau mỗi tai ương ấy xã hội lại vươn dậy theo cùng một cách: - Đầu tiên, những gia đình lẻ loi còn lại đặt dưới quyền coi sóc của một trưởng lão; kế tiếp, nhiều gia đình họp lại sống dưới quyền cai quản của một thủ lãnh; thứ ba là, các thành nhỏ được dựng nên khởi đầu ở trên vùng đất cao; bốn là các thành ngày càng rộng lớn hơn và được dựng trên vùng đồng bằng; và sau cùng các liên minh hoặc các quốc gia được thành hình do sự hiệp nhất một số các thành.

Một liên minh hùng mạnh như liên minh Doria giữa Sparta, Argos và Messenè, cùng với lịch sử của nó hẳn sẽ cho chúng ta một bài học đáng kể. Nhưng vì sao liên minh lại thất bại? Lý do là vì hai trong ba bang đó là Argos và Messenè không tuân thủ nguyên tắc quân bình quyền lực. Sparta, nhờ vận may, có một hiến pháp được điều tiết tốt hơn; và chỉ có bang này duy trì được sự lớn mạnh nguyên thủy của mình... Một bài học tương tự cũng được rút ra từ lịch sử Ba Tư và Athens; sự bạo ngược vô hạn đã hủy hoại nước này, còn sự tự do thái quá lại tiêu diệt nước kia.

Đến đây Cleinias nhắc đến thuộc địa mới của Crete và xin các bạn đồng hành giúp ý kiến.

NGUỒN GỐC CỦA CHÍNH QUYỀN

Sự nảy sinh và phát triển của xã hội loài người rất được các triết gia Hy Lạp quan tâm. Họ biết rất ít về lịch sử quá khứ, nhưng những thông tin ít ỏi có được lại kích thích và gia tăng tính tò mò của họ. Truyền thuyết xưa cho rằng nhiều vùng trên trái đất đã thường bị tàn phá, khi thì bằng lửa, khi thì bằng nước. Đã xuất hiện nhiều nền

văn minh trong quá trình lịch sử: con người đã không thể tiến xa trên con đường dẫn đến hoàn thiện, vì các thành quả lao động của họ đã liên tục bị quét sạch bởi tai ương khủng khiếp và rồi xã hội lại phải xây dựng lại từ căn bản.

Ath. Nói về điều này như thế là đủ rồi. Còn bây giờ cái gì được coi là nguồn gốc của chính quyền? Chẳng phải là con người có thể phân xử tốt nhất từ một quan điểm, trong đó anh ta có thể thấy rõ sự tiến triển của các quốc gia và các bước chuyển tiếp qua cái tốt hoặc cái xấu sao?

Cle. Ông muốn nói gì vậy?

Ath. Tôi có ý nói rằng anh ta có thể ngắm nhìn chúng từ quan điểm về thời gian và quan sát các thay đổi xảy ra nơi chúng qua muôn thời đại.

Cle. Bằng cách nào vậy?

Ath. Sao, ông có nghĩ rằng ông có thể tính thời gian từ lúc các thành đầu tiên xuất hiện cùng với những người là công dân của chúng?

Cle. Khó đấy.

Ath. Nhưng ông hẳn chắc rằng quãng thời gian ấy là rất lớn và không thể tính được?

Cle. Đúng thế.

Ath. Chẳng phải là trong thời gian ấy đã có hàng ngàn và hàng vạn thành đã từng hiện hữu và bị hủy diệt? Và chẳng phải là mọi nơi có vô số hình thức chính quyền, có lúc nổi lên và lúc khác suy tàn và rồi lại phục hồi hay suy yếu?

Cle. Rõ ràng thế.

Ath. Chúng ta hãy cố xác định căn nguyên của những thay đổi này; bởi chúng có thể lý giải cội nguồn đầu tiên và sự kế tục các quốc gia.

Cle. Quá tốt. Ông hãy cố chuyển tải tư duy của mình cho chúng tôi và chúng tôi sẽ cố để hiểu được ông.

Ath. Ông có tin rằng trong các truyền thuyết xưa có cái gì là sự thật?

Cle. Truyền thuyết nào vậy?

Ath. Những truyền thuyết về nhiều cuộc tàn phá nhân loại xảy ra do lũ lụt hay dịch bệnh và bằng nhiều cách khác nữa cũng như về sự bảo tồn được một chút tàn dư.

Cle. Ai cũng sẵn lòng tin những chuyện ấy.

Ath. Ta hãy hình dung về một chuyện. Tôi sẽ chọn một câu chuyện nổi tiếng nhất do lụt lội gây ra.

Cle. Chúng ta phải nghĩ gì về chuyện ấy?

Ath. Tôi muốn nói rằng những người hồi ấy thoát chết chỉ vì họ là những kẻ chăn súc

vật trên núi, - một nhúm người còn lại ở trên đỉnh các ngọn núi.

Cle. Rõ rồi.

Ath. Những người sống sót không nhất thiết quen với những tài khéo léo của cuộc sống nơi đô thị, với những công cụ do họ làm ra vì ưa thích hay có dụng ý, và cả những cái xấu họ bày mưu tính kế chống lại nhau.

Cle. Đúng thế.

Ath. Vậy ta hãy giả dụ rằng các thành thị trong vùng đồng bằng và ven biển đều bị tàn phá hoàn toàn vào giai đoạn ấy.

Cle. Vâng ta hãy cho là thế đi.

Ath. Chẳng phải là tất cả các vật dụng bị hủy hoại, mọi phát minh diệu kỳ về chính trị và các loại khôn khéo khác cũng hoàn toàn bị tiêu tan vào lúc ấy?

Cle. Vâng, thưa ông bạn; và nếu như mọi sự cứ luôn tiếp tục có trật tự như hiện nay, liệu còn có những phát minh nào dù là ít đặc thù nhất nữa chẳng? Vì ai cũng biết rằng qua hàng ngàn và hàng ngàn năm người ta không hề biết đến những tài khéo léo. Và không dưới một hoặc hai ngàn năm đã qua kể từ những khám phá của Daedalus, Orpheus và Palamedes,-kể từ khi Marsyas và Olympus phát minh ra âm nhạc và Amphion ra đàn lia,-không kể đến vô số những phát minh khác chỉ thuộc về ngày hôm qua.

Ath. Dường như ông đã quên, ông Cleinias này, tên của người bạn thực sự của ngày hôm qua?

Cle. Tôi nghĩ ông muốn nói đến Epimenides.

Ath. Đúng đấy, ông bạn ạ; bởi tài khéo léo của ông ta quả thật vượt xa đầu óc của các bậc vĩ nhân trong các ông; điều mà Hesiod từ rất lâu trước đã nghĩ đến, đã được ông ta chuyển thành hiện thực, như ông tuyên bố.

Cle. Vâng, đó là truyền thuyết của chúng tôi.

Ath. Sau cuộc đại hủy diệt, chúng ta có thể nói rằng tình trạng của con người là cái gì đó thuộc loại này:-Có một sa mạc mênh mông, ghê sợ và một dải đất rộng; chỉ có hai con bò còn sống sót trong thế giới loài vật; và có thể còn vài con dê, không đủ nuôi sống những người chăn chúng vào lúc khởi sự lại mọi cái.

Cle. Đúng vậy.

Ath. Còn về các đô thị, chính quyền hay cơ quan lập pháp, là những cái chúng ta đang nói tới, ông có nghĩ rằng người ta còn nhớ gì về chúng không?

Cle. Không thể.

Ath. Và từ tình trạng ấy của mọi sự chẳng phải đã nảy sinh ra tất cả những thứ chúng ta hiện đang có sao; các đô thị, chính quyền, nghệ thuật và luật pháp, cùng rất nhiều tính xấu và rất nhiều tính tốt?

Cle. Ông muốn ám chỉ cái gì?

Ath. Sao, này ông bạn, làm sao chúng ta có thể nghĩ rằng những người chẳng hề biết tí gì về cái tốt, cái xấu tại các đô thị lại có thể đạt đến việc phát triển hoàn toàn, dù là về đức hạnh hay điều xấu?

Cle. Tôi hiểu điều ông muốn nói và ông rất đúng.

Ath. Nhưng, khi thời gian qua đi và dòng giống được nhân lên, thế giới đã trở thành cái hiện nay.

Cle. Đúng lắm.

Ath. Không thể hoài nghi rằng việc thay đổi không phải được thực hiện trong cùng một lúc, nhưng từ từ từng ít một, qua một khoảng thời gian rất lâu dài.

Cle. Đó là cái phải nghĩ tới.

Ath. Trước hết, họ có một nỗi sợ hãi luôn cảnh tỉnh bên tai khiến cho họ không dám rời bỏ vùng cao xuống sinh sống trong vùng đồng bằng.

Cle. Hẳn nhiên rồi.

Ath. Chỉ có vài người sống sót muốn giao tiếp với nhau; nhưng vì các phương tiện đi lại bằng đường bộ hay đường biển hầu như hoàn toàn mất hết, có thể nói như vậy, cộng với việc biến mất các khả năng kỹ xảo, nên rất khó lòng đến với nhau được; sắt, đồng và các kim loại khác bị lẫn lộn rồi biến mất, cũng chẳng còn khả năng trích xuất chúng; và chẳng còn phương tiện đốn chặt gỗ. Ngay cho dù còn một số công cụ sót lại trên vùng núi, chúng cũng chẳng được bao lâu rồi bị hao mòn và biến mất, chẳng còn cái nào cho tới khi thuật luyện kim được hồi sinh.

Cle. Chẳng còn gì.

Ath. Việc này kéo dài bao nhiêu thế hệ?

Cle. Cố nhiên không nhiều thế hệ lắm đâu.

Ath. Suốt giai đoạn này và trong một ít thời gian sau đó, tất cả các nghề cần dùng đến sắt, đồng và các thứ tương tự đều biến mất.

Cle. Hiển nhiên rồi.

Ath. Bè phái và chiến tranh cũng lụi tàn trong những ngày ấy vì nhiều lý do.

Cle. Làm sao vậy?

Ath. Trước hết, sự cô đơn của những con người sơ khai này làm nảy sinh trong họ cảm giác mộ

mến và kết bạn với nhau; thứ đến là họ cũng chẳng cần phải đấu tranh giành quyền sinh tồn, vì họ có dư giả đồng cỏ, trừ một vài trường hợp đặc biệt; trên vùng đất - đồng cỏ này họ có được hầu như mọi thứ để duy trì sự sống trong thời đại sơ khai đó, có nhiều sữa và thịt và thu được các thức ăn khác nhờ săn bắn, không thể chê cả về số lượng lẫn chất lượng. Họ cũng có dư quần áo, chỗ ngủ và nơi ở và cả những đồ dùng chịu được lửa hay không; vì thuật nặn chất dẻo và dệt vải không cần phải dùng đến sắt. Thượng Đế ban cho con người hai khả năng khéo léo này để tự cung cấp cho mình những thứ cần thiết, để khi bị rút còn lại số ít nhất, nhân loại còn có thể đâm chồi và gia tăng dân số.

Vì vậy thời ấy không có đói kém; cũng như nghèo khó không phải là lý do khác biệt giữa người này với người kia, nhưng cũng không ai giàu có vì chẳng ai có vàng và bạc. Và cộng đoàn mà không có kẻ giàu người nghèo luôn có những nguyên tắc thật cao quý; không có xấc láo và bất công, cũng chẳng có bất hòa và ghen tị nơi họ. Và vì thế họ là những người tốt lành và cũng bởi điều được gọi là sự chất phác trong bản tính của họ. Không ai có ý nghi ngờ người khác làm điều sai quấy, như ngày nay người ta thường làm; nhưng cái gì họ nghe được từ các Thần linh và người khác, họ đều tin là thật và sống theo như thế.

Cle. Quả là hợp với những gì tôi nghĩ và với các ông bạn tôi đây.

QUYỂN IV

Quyển IV bàn nhiều hơn về các thuộc địa mới và những nguyên tắc cai trị đầu tiên đã được đề ra.

Vị trí đề nghị xây thành ở khá xa biển và đó là một lợi thế; bởi những quốc gia gần biển thường hay bất ổn và dễ bị chiếm đóng. Thực dân có thể là người Hy Lạp và người Peloponnesie có ưu thế.

Nhà làm luật cần phải có những điều kiện thích hợp để thực thi nhiệm vụ; và vận may sẽ đến nếu có sự trợ lực của một nhà độc tài trẻ tuổi, vừa đức hạnh vừa có quyền hành tuyệt đối; nhưng việc ấy hiếm có trong thực tế.

Hiến pháp thì sao? Các quốc gia hiện đại được điều hành theo quyền lợi ích kỷ của giai cấp thống trị; trong khối thịnh vượng của ta luật pháp là tối thượng, còn các người cai trị chỉ là các viên chức thi hành luật pháp.

Các công dân sẽ được nhà làm luật cổ vũ thực hành nhân đức và tôn kính các thần linh cũng như cha mẹ.

1. BẠO CHÚA TỰ CHO MÌNH LÀ ĐOAN CHÍNH

Cái ý tưởng "kẻ độc tài có đạo đức" cung ứng sức mạnh cần thiết giúp làm cho bộ máy cai trị mới đi vào hoạt động, là một lối diễn đạt có phần nghịch lý về một tư tưởng phát sinh trong đầu óc nhiều triết gia và những người viết về chính trị. Nhưng làm thế nào để nhà làm luật có thể buộc người ta tuân hành các mệnh lệnh của mình? Câu trả lời có vẻ như:-Hãy để cho họ có một thời gian ngắn sử dụng quyền tuyệt đối hoặc hãy để cho những nỗ lực của họ được hậu thuẫn bởi một "kẻ chuyên quyền nhân hậu" hay "vị cứu tinh của xã hội" nào đó, rồi mọi cái còn lại sẽ thành dễ dàng;-sử dụng kiểu nói của Plato trong câu quen thuộc trong tác phẩm Nền Cộng hòa, "Cái ác của thế giới sẽ chỉ dừng lại khi các triết gia làm vua hay vua là triết gia".

Đối với người Hy Lạp ý niệm này là tất nhiên. Thế quân bình mong manh của khối thịnh vượng

Hy Lạp nhỏ bé và những thay đổi mạnh mẽ mà nó phải trải qua,-từ chế độ quý tộc hay chính trị đầu sỏ tới chế độ độc tài, từ độc tài sang dân chủ, rồi từ dân chủ quay lại đầu sỏ,-cũng góp phần củng cố cảm nghĩ này.

Ath. Và chẳng phải chỉ khi nói về lập pháp cũng như các việc khác, mà ngay cả khi giả dụ rằng mọi khung cảnh đều thuận lợi, thì nhà làm luật đích thực vẫn đòi lúc còn được yêu cầu mang lại an sinh cho quốc gia, anh nghĩ có đúng không?

Cle. Tôi thừa nhận điều đó.

Ath. Trong mỗi trường hợp người nghệ sĩ có quyền cầu xin những điều kiện thuận lợi nhất định, trong đó ông ta nhằm thực hiện nhiệm vụ của mình?

Cle. Đúng vậy.

Ath. Và tất cả những nghệ nhân khác, nếu như phải cầu khẩn, liệu họ có xin cùng một ân huệ?

Cle. Chắc là thế.

Ath. Vậy nhà làm luật hẳn cũng làm điều tương tự?

Cle. Tôi tin rằng ông ta sẽ làm như vậy.

Ath. "Nào, hỡi nhà làm luật", ta sẽ nói với ông ta; "Và ông đòi nơi chúng tôi những điều kiện gì trước khi tổ chức nhà nước đây?" Ông ta phải trả lời ra sao? Cho tôi được phép nêu câu trả lời của nhà làm luật?

Cle. Tốt quá đi chứ.

Ath. Ông ta sẽ nói-"Cho tôi một nhà nước do một bạo chúa cai trị và phải là người còn trẻ và có trí nhớ tốt; sáng trí, có tư chất can đảm và quý phái; và hãy để cho ông ta có cái, mà như tôi đã nói trước đây, là bạn đồng hành không thể tách rời của mọi phần khác của đức hạnh, nếu chúng có gì tốt".

Cle. Tôi nghĩ, này ông Megillus, đức tính song hành mà ông lạ mặt vừa nói, chẳng phải là sự tiết độ sao?

Ath. Vâng, thưa ông Cleinias, tiết độ theo nghĩa thông thường, không phải là cái mà theo lối nói cường điệu của một số triết gia cho là khôn ngoan, nhưng chỉ là khả năng tự nhiên của trẻ con và thú vật, làm cho một số sống điều độ và số khác thì không, nhưng khi đứng tách biệt ra chẳng hề đáng xem thuộc danh mục các điều tốt. Tôi tin rằng các vị hiểu điều tôi muốn nói?

Cle. Chắc chắn rồi.

Ath. Vậy bạo chúa của chúng ta phải có đức tính đó cùng những phẩm chất khác, nếu như nhà nước đó buộc phải

có hình thức cai trị có lợi nhất cho hạnh phúc theo cách tốt nhất và trong thời gian nhanh nhất; vì không có và cũng chẳng bao giờ có một cách nào tốt hơn và nhanh hơn để thiết lập một chính thể so với cách này.

Cle. Bằng những lý lẽ nào, thưa ông khách lạ, người ta có thể thuyết phục người khác rằng nói như vậy là đúng?

Ath. Chắc chắn chẳng có gì khó, ông Cleinias ạ, nếu thừa nhận rằng cái đó cũng chỉ là theo trật tự tự nhiên thôi.

Cle. Ông đã chẳng giả dụ rằng bạo chúa phải trẻ, biết kiềm chế, lanh trí, có trí nhớ tốt, can trường và tư chất quý phái sao?

Ath. Vâng; và ông còn phải thêm vận may nữa; vận may của anh ta là cùng có một nhà làm luật tài ba mà cơ may nào đó đã ghép chung họ lại với nhau. Khi sự liên kết mang đến thành tựu, Thượng Đế làm tất cả những gì Ngài từng làm cho một đất nước mà Ngài muốn trở nên thật phồn thịnh; Ngài làm điều này ở một cấp độ thấp đối với một nhà nước chỉ có hai người cai trị như vậy; và ở cấp độ ba khi có ba người trong nhóm cai trị. Khó khăn gia tăng theo khi số người gia tăng và giảm theo số lượng giảm.

Cle. Theo tôi, ngài có ý nói rằng chính quyền lý tưởng nhất phát sinh từ một bạo chúa, bắt nguồn từ một nhà làm luật giỏi và một bạo chúa có kỷ luật, rồi dễ dàng và nhanh chóng vượt qua chế độ độc tài ấy để tiến tới một hình thức cai trị hoàn hảo hơn; và ở cấp độ hai, vượt ra khỏi chế độ đầu sỏ; và ở cấp độ ba, ra khỏi chế độ dân chủ; phải chăng ngài muốn nói như vậy?

Ath. Không phải vậy; đúng hơn tôi muốn nói rằng sự thay đổi là tốt nhất khi ra khỏi chế độ độc tài; và thứ hai là tiếp theo sau chế độ quân chủ; rồi ba là tiếp theo sau một hình thức nào đó của chế độ dân chủ; bốn là trong khả năng cải tiến, tiến tới chế độ đầu sỏ, sự thay đổi này khó được chấp nhận nhất vì chính quyền nằm trong tay một số kẻ chuyên quyền. Tôi cho rằng về bản chất nhà làm luật là loại phù hợp và sức mạnh của người ấy cần được nối kết với sức mạnh của những người đứng đầu nhà nước; và một khi ông ta là người có uy lực nhất đồng thời chỉ có ít người đảm trách, như trong chế độ độc tài, thì ở đó sự thay đổi dường như là dễ dàng và nhanh chóng nhất.

Cle. Sao lại thế? Tôi không hiểu.

Ath. Tôi đã từng lặp đi lặp lại rất nhiều lần điều tôi vừa nói; nhưng tôi cho rằng có lẽ các vị chưa từng thấy một thành phố nào theo chế độ độc tài?

Cle. Chưa; tôi không thể nói rằng mình ước thấy một thành phố như thế.

Ath. Song nơi đâu có chế độ độc tài, chắc chắn người ta sẽ thấy được điều mà tôi đang nói.

Cle. Ngài muốn ám chỉ điều gì?

Ath. Tôi muốn nói rằng các vị sẽ thấy ngay là làm thế nào một bạo chúa chẳng phải khó nhọc hay mất nhiều thời giờ có thể làm thay đổi các cung cách của một đất nước; ông ta chỉ đi theo một hướng hoặc là nhân đức hay là sự ác tùy theo ý thích; chính ông ta đặt mình làm mẫu gương, khen ngợi và cho phép một số hành vi, đồng thời quở trách và cấm đoán những hành vi khác.

Cle. Nhưng làm sao chúng ta có thể tưởng tượng được rằng các công dân nói chung sẽ lập tức tuân theo mẫu mực đặt định cho họ; hoặc là làm sao ông ta có năng lực vừa thuyết phục vừa ép buộc họ chứ?

Ath. Này các bạn, đừng để ai làm cho chúng ta tin rằng trong các quốc gia luật pháp tác động một cách nào đó nhanh hơn và dễ dàng hơn là do nhà cầm quyền lãnh đạo; những thay đổi như thế đã chẳng hề hoặc sẽ chẳng xảy ra là một chuyện khác. Sự bất khả thi hoặc khó khăn thuộc một loại khác và hiếm khi được giải quyết qua các thời đại; nhưng nếu một khi nó gây tác động ở nước nào thì cả chục ngàn hay tất cả phúc lành đều đi liền theo sau.

Cle. Ngài đang nói về cái gì vậy?

Ath. Cái khó là tìm cho ra một tình yêu thiêng liêng với các định chế điều độ và đúng đắn tồn tại trong bất kỳ hình thức cai trị có uy lực nào, hoặc là trong chế độ quân chủ hoặc là trong chế độ chính trị đầu sỏ. Các vị có lẽ cũng muốn mô phỏng tính chất của Nestor, người nghe nói đã nâng cao khả năng nói của mọi người cùng sự tiết độ. Tuy nhiên, điều này, theo truyền thuyết, có vào thời dân thành Troy; nếu như một người như thế đã từng hay sẽ hiện hữu hoặc là đang ở giữa chúng ta, thì phúc cho ai và cho những ai nghe những lời khôn ngoan thốt ra từ môi miệng của người ấy. Và có thể nói chung về năng lực như sau: khi năng

lực cao nhất trong con người khớp với sự khôn ngoan và tiết độ cao nhất, lúc ấy luật pháp tốt nhất theo bản chất sẽ được hình thành cùng với hiến pháp tuyệt vời; nhưng không còn cách nào khác để chúng thành hiện thực.

2. CUỘC SỐNG ĐỨC HẠNH

Tác phẩm Luật pháp, ngoài những tình tiết đơn lẻ khác, đáng chú ý vì có bao gồm một số những cách nói, hô hào và cũng có những lý luận biện chứng của những phần đối thoại trước. Đoạn văn sau đây là một trong những bài tranh luận, cho là để nói với những người đi khai hoang đất vừa đến và có ý thông tin cho họ biết về những nguyên tắc tôn giáo cùng những đạo đức đóng vai trò dẫn dắt cuộc sống của họ.

Ath. Và bây giờ bước kế tiếp là gì nhỉ? Chúng ta đã chẳng thấy rằng những người đi khai hoang đã đến và khởi sự nói với họ sao?

Cle. Hiển nhiên thế.

Ath. "Này các bạn", chúng ta nói với họ,-"Thượng Đế, theo truyền thuyết, nắm giữ trong tay Ngài cái đầu, cái giữa và cái cuối của mọi sự, nghĩa là chúng vận hành theo luật tự nhiên do Ngài xếp đặt trên một đường thẳng cho đến lúc kết thúc. Công lý luôn đi theo Ngài và sẽ trừng phạt những kẻ không thực hành đến nơi đến chốn luật của Thượng Đế. Về luật đó, người được coi là tốt phúc luôn tuân giữ với tất cả lòng thành khẩn và có nề nếp; những kẻ vênh vang tự đắc với lòng kiêu căng, tiền của, danh vọng hay sắc đẹp, kẻ có tâm hồn cháy bỏng với những điều điên rồ, tính non trẻ, xấc xược và tưởng rằng mình không cần người dẫn dắt hay cai trị, nhưng lại tự cho mình có khả năng dẫn dắt người khác, tôi quả quyết kẻ ấy sẽ bị Thượng Đế ruồng bỏ; và khi bị ruồng rẫy như thế, y lôi kéo những người giống như y và nhảy múa loạn xạ, nhiều kẻ tin rằng hắn là một vĩ nhân, nhưng chỉ ít lâu sau hắn bị luận phạt vì công lý không có gì khác hơn là phải thuận nhận mà thôi; thế là tất cả bị tiêu diệt hoàn toàn, cả gia đình và phố phường theo hắn. Vì thế, khi nhận thấy rằng mọi sự ở trần gian đều đã được sắp đặt, người khôn ngoan kia nên làm hay suy nghĩ gì hoặc không làm không nghĩ suy gì?

Cle. Mọi người phải quyết định rằng mình sẽ trở thành một trong những môn đồ của Thượng Đế; chẳng còn nghi ngờ gì về điều ấy.

Ath. Vậy hành vi nào được Thượng Đế chấp nhận và đặt nên môn đồ của Ngài? Có một câu tục ngữ rằng "cái giống nhau đi với nhau, cái cần đo đi với nhau" nhưng những cái không có số đo thì chẳng hợp với chính chúng cũng chẳng đi với những cái có số đo. Mà Thượng Đế là thước đo của mọi sự, theo nghĩa là cao xa hơn hết thảy mọi người, như người ta thường nói. Và kẻ mà muốn được Thượng Đế thương mến phải cố gắng nên giống Ngài và sống như Ngài. Do vậy con người sống tiết độ là bạn của Thượng Đế, vì giống Ngài; còn kẻ sống buông tuồng chẳng hề giống Ngài, trở nên khác biệt với Ngài và thành kẻ bất chính. Và điều tương tự cũng chi phối tất cả các cái khác và đây là câu kết luận, cũng là câu đáng giá và đúng nhất trong các câu tục ngữ:-người tốt lành biết dâng lễ vật hiến tế lên các Thần và chuyện vãn với các ngài qua kinh nguyện, lễ vật và mọi hình thức tế tự khác, là việc cao quý và tốt đẹp nhất trong mọi sự, và cũng là cái dẫn đến một đời sống hạnh phúc. Nhưng với kẻ xấu thì trái lại; vì kẻ xấu có tâm hồn vẩn đục, trong khi người tốt là trong trắng; và từ nơi một kẻ ô uế nào có gì để dâng kính thần linh lẫn cho người tốt lành, và vì thế sự không thánh thiện chỉ làm cho việc lễ tế lên các Thần chỉ thành vô ích, trong khi nếu do người thánh thiện dâng cúng đều được các thần chấp nhận.

Đó là mục tiêu chúng ta phải nhắm tới. Nhưng chúng ta phải dùng thứ khí giới nào và hướng chúng ra sao? Thứ nhất là chúng ta phải xác định rằng liền sau các Thần Olympia và các Thần Quốc gia, còn phải tôn kính các Thần cấp thấp hơn; họ nên nhận mọi sự theo số chẵn và thuộc loại nhì, trong khi các số lẻ và loại nhất cũng như các vật thuộc loại may lành được dành cho các Thần cấp cao. Dưới các Thần này người khôn ngoan phải dâng lễ cho các yêu ma, rồi tới các anh hùng hào kiệt và sau đến là các nơi thánh của các Thần, thuộc về cá nhân và do ông bà truyền lại, theo nghi thức luật định.

Tiếp đến là tôn kính cha mẹ còn sống, ta phải trả những món nợ đầu tiên, lớn nhất và lâu đời nhất, coi tất cả mọi cái con người có đều thuộc về những đấng đã sinh thành và dưỡng dục người ấy, và rằng người ấy phải làm mọi việc

có thể để chăm sóc các ngài: trước hết, bằng của cải của mình; thứ nhì, bằng con người của mình; và thứ ba, bằng tâm trí của mình; đền đáp công lao chăm sóc khó nhọc mà các ngài ban tặng khi người ấy còn thiếu thời, vì nay các ngài đã già và rất cần được giúp đỡ. Suốt cuộc đời mình người ấy không bao giờ được nói những lời không phải với các ngài; và cũng phải giải thích về tất cả những lời lẽ có cánh, khinh suất. Nemesis, sứ giả công lý, được chỉ định để canh chừng các ngài. Chúng ta phải nhường nhịn cha mẹ khi các ngài nóng giận và hãy làm cho các ngài an lòng bằng lời nói cũng như việc làm. Khi các ngài chết, tốt nhất là nên tổ chức lễ tang hết sức tiết kiệm, không vượt quá những chi phí thông thường nhưng cũng không kém phần tôn kính đã thường được các thế hệ trước bày tỏ đối với cha mẹ mình; và hãy làm cho người ta không được quên cúng giỗ hằng năm để tôn kính người đã khuất và luôn tưởng nhớ đến các ngài, cũng như phải dành một phần đáng kể của cải để lo cho người đã chết. Sống theo cách ấy chúng ta sẽ được các Thần và các bậc bề trên ân thưởng, và cuộc đời ta sẽ tràn đầy hy vọng và tốt lành.

QUYỂN V

Quyển V của tác phẩm Luật pháp chia thành hai phần:

1. Phần đầu là một cuộc độc thoại dài của ông khách lạ người Athens, trong đó nói nhiều đến các nguyên tắc đạo đức và luân lý... Linh hồn phải được quý trọng vì là phần thiêng liêng nhất của con người. Cần tôi luyện thói quen sống tiết độ, tránh những ham hố thái quá về của cải... Phải tôn kính người già; chu toàn bổn phận với những người thân thích, khách lạ và những ai nài xin...
2. Phần sau chuyển qua việc xây dựng nhà nước... Số công dân gồm 5040 người và mỗi người được giao một lô đất bằng nhau. Dân số phải được điều tiết, không cho phép tăng thêm cũng như giảm bớt... Không khuyến khích sự tích lũy của cải. Quốc gia cần phải theo đức hạnh, không cần giàu có; vì cùng một trật không thể là cả hai. Giáo dục tốt thì đáng quý hơn là giàu sang... Dân chia thành bốn hạng, gồm mười hai bộ tộc, mỗi bộ tộc do một vị thần cai quản.

1. QUÝ TRỌNG LINH HỒN VÀ NHỮNG GIÁO HUẤN VỀ MỘT CUỘC SỐNG ĐỨC HẠNH

Phần mở đầu của quyển V là một trong những đoạn quý giá và nổi bật nhất trong các tác phẩm của Plato. Bằng cách nói trang trọng và chân thành nhất, ông đề ra những nguyên tắc nhằm hướng dẫn linh hồn trên "con đường lữ thứ trần gian". Ông mong đồng bào của mình chú tâm tôn trọng các mục tiêu sự sống con người; không nên coi việc tích lũy của cải như là mục đích mà họ "phải dồn mọi nỗ lực vào đó".

Plato nhận thức rõ rằng, nếu không có nền tảng đạo đức này thì dù luật pháp và các định chế có tuyệt hảo đến đâu cũng chẳng giá trị là mấy.

Ath. Này, các vị vừa nghe luật về các vị Thần và cha ông quý mến của chúng ta: - Trong tất cả mọi sự con người có, liền sau các vị Thần, linh hồn chính là phần thiêng liêng và đúng đắn nhất của con người. Trong mỗi người có hai phần: phần tốt nổi trội hơn làm chủ, còn phần xấu kém hơn phải phục tùng; và người chủ bao giờ cũng được quý chuộng hơn là tôi tớ. Do vậy tôi rất có lý khi bảo rằng mỗi người, liền sau các Thần là chủ chúng ta, phải quý trọng linh hồn của mình, cái mà dường như mọi người có quý trọng nhưng chưa có ai thực hiện đúng lẽ; vì quý trọng là một phẩm hạnh linh thiêng và chẳng có điều gì xấu xa mà lại đáng phải quý chuộng; và kẻ nghĩ rằng mình có thể quý trọng linh hồn bằng lời nói, tài năng hay một cách thức nào khác, xem ra có quý trọng nhưng thực ra chẳng quý trọng gì hết. Ví dụ, mọi người vào thời niên thiếu tưởng rằng mình có thể biết hết mọi sự và nghĩ rằng mình quý trọng linh hồn bằng cách ca tụng nó và sẵn lòng để nó làm bất cứ điều gì tùy thích. Tôi sẽ nói ngay rằng hành động như thế chỉ làm tổn hại linh hồn mà thôi, chứ không hề quý trọng nó; trong khi đó theo ý kiến của chúng ta, cậu ta phải quý trọng linh hồn đứng hàng thứ hai sau các Thần.

Đàng khác, khi một người nghĩ rằng những kẻ khác phải bị khiển trách, chứ không phải chính anh ta, về những lỗi lầm mà anh ta phạm phải và khi nhiều sự dữ lớn liên tiếp đổ xuống trên anh ta làm anh ta luôn tưởng rằng mình đã được miễn xá và thành vô tội, anh ta cứ nghĩ thế là tôn trọng linh hồn; chứ thật ra là ngược lại anh ta thực sự đang làm hỏng nó. Và khi coi thường lời nói và sự chấp thuận của nhà làm luật, y say đắm trong lạc thú, không còn quý trọng linh hồn; rồi ghét bỏ nó và đổ đầy vào hồn những điều xấu xa. Lại nữa, khi kẻ nào đó chuộng cái đẹp hơn cái nết, đó chẳng phải là sự khinh rẻ linh hồn đó sao? Bởi sự ham thích hơn đó hàm chứa rằng thân xác đáng quý chuộng hơn linh hồn; điều đó là sai, vì chẳng có gì từ đất mà sinh ra lại đáng quý hơn cái từ trời xuống và kẻ nghĩ ngược lại về linh hồn thì chẳng hiểu được rằng mình đã đánh giá quá thấp vật sở hữu diệu kỳ này.

Tắt một lời, tôi có thể nói rằng kẻ mà không thể đánh giá cái thấp thỏi và sự dữ, cái tốt và cao quý, theo chuẩn mực của nhà làm luật và tiết chế điều này bằng mọi phương thế trong khi thực hành điều kia với hết sức lực, thì

không biết được rằng mình đang sỉ nhục linh hồn của mình, là phần linh thiêng nhất của con người; vì chưa có người nào, tôi có thể nói thế, từng lưu ý rằng điều đó đã được công bố là hình phạt lớn nhất của việc làm điều xấu-ấy là, ngày một nên giống kẻ xấu. Và kẻ nhập vào bè xấu phải làm và chịu đựng những cái mà những kẻ theo bản chất ấy thường nói và làm đối với nhau, cái đau khổ không phải là công lý nhưng là sự trừng phạt; vì công lý và sự ngay thẳng thì cao quý còn trừng phạt là sự đau khổ đi liền với sự bất chính; và cho dù con người có thoát được hay phải chịu đau khổ, họ cũng là kẻ đáng thương, - trong trường hợp trước, vì hắn không được chữa lành; còn trong trường hợp sau, vì hắn phải bỏ mạng để những người còn lại có thể được cứu thoát.

Nói chung, vinh dự của chúng ta là đi theo điều tốt hơn và cải thiện cái yếu kém, chấp nhận cải biến theo cách tốt nhất có thể. Và trong tất cả những thứ con người có, linh hồn vốn có khuynh hướng xa tránh sự dữ và tìm kiếm điều tốt lành chính yếu; và khi đã tìm được rồi nó ở lại với điều tốt trong suốt phần còn lại của cuộc sống. Linh hồn đáng quý trọng bậc hai và thứ ba là, như mọi người sẽ nhận ra, là lòng quý trọng thân xác. Đã xác định như thế, chúng ta sẽ xét sự quý trọng nào dành cho thân xác là chân thật và cái nào là không. Tôi coi đây là công việc của nhà làm luật và ông ta gợi ý rằng chúng sẽ theo thứ tự sau: - Không nên quý trọng những thân hình đẹp đẽ, cường tráng, nhanh nhẹn, cao ráo hay khỏe mạnh (dẫu đây là sự chọn lựa của nhiều người) nhiều hơn là những thân hình ngược lại; nhưng những trạng thái trung dung của các vóc dáng cho tới nay là an toàn nhất và rất phải lẽ; bởi ở đầu này làm cho tâm hồn trở nên thích khoe khoang và láo xược, còn ở đầu kia lại làm cho nó trở nên hẹp hòi và khốn khổ; và sự sở hữu tiền bạc, của cải và các ưu đãi khác cũng theo một điệu như thế. Sự thái quá của bất cứ thứ nào nói trên cũng dễ thành căn nguyên của hận thù, chia rẽ giữa các cá nhân và quốc gia; còn nếu không có lại thường là lý do trở thành nô lệ.

Và vì thế tôi không muốn ai ham thích dồn của cải cho con cái, hầu để cho chúng nên giàu có hết mức có thể, bởi sở hữu nhiều của cải thì nào có ích lợi gì, cả cho chúng và cho đất nước. Điều kiện tốt nhất và phù hợp nhất là hãy để người trẻ đừng bị tâng bốc, đồng thời chẳng cần đến những thứ thiết yếu trong cuộc sống, nó phù hợp với bản chất con người chúng ta và làm cho cuộc sống tránh được những phiền muộn. Vì vậy cha mẹ đừng nên để lại cho chúng của cải, nhưng là một tinh

thần biết tôn kính. Quả thật chúng ta cứ ngỡ rằng chúng sẽ thừa hưởng từ chúng ta lòng tôn kính, nhưng tính chất này không thực sự thấm vào trong chúng theo cách răn bảo hiện thời, là chỉ bảo chúng phải luôn biết tôn kính. Nhà làm luật nhạy bén phải cổ vũ người già quý trọng người trẻ và trên hết phải lưu ý rằng không người trẻ nào để tai để mắt đến những cái tầm thường người lớn nói và làm; bởi nơi nào mà người già không biết hổ thẹn thì chắc chắn ở đó người trẻ sẽ chẳng hề biết tôn kính. Vậy cách rèn luyện người trẻ tốt nhất là cùng lúc phải tự rèn luyện mình, không quở trách họ nhưng hãy luôn cho họ thấy ta làm điều chúng ta răn dạy họ.

Điều xấu xa nhất đối với con người thường là cái có sẵn trong tâm hồn họ là và cái con người luôn bào chữa cho mình và không bao giờ sửa sai; tôi muốn nói, theo một câu tục ngữ, rằng: "mọi người theo bản chất thì phải là bạn của chính mình". Xét rằng việc yêu mình thái quá trong thực tế là căn nguyên của mọi vấp phạm của con người; vì người yêu thì mù quáng về người được yêu, đến nỗi người ấy phán đoán sai lầm những cái đúng, cái tốt và cái đáng quý trọng, và nghĩ rằng mình phải luôn thích quyền lợi riêng hơn là sự thật. Nhưng người đáng là bậc vĩ nhân phải biết xem xét cái gì là đúng và không phải chính mình hay quyền lợi của mình, trong các hành vi mình làm hay do người khác. Vì thế, mọi người hãy tránh xa thói ích kỷ và hạ mình đi theo một người tốt hơn chính mình, không cho bất kỳ nỗi ô nhục nào cản trở đường mình đi.

Cũng có những vấn đề ít quan trọng hơn nhưng thường lặp đi lặp lại với lý do chính đáng; người ta nên hồi tưởng và tự mình nhắc nhớ đến những chuyện ấy. Bởi khi có dòng nước chảy ra thì cũng có dòng nước chảy vào; và sự hồi tưởng là dòng chảy vào của những thiếu sót. Vì vậy tôi nói rằng người ta nên hạn chế khóc cười thái quá và khuyến khích những người lân cận cũng làm như thế; người ta nên giấu kín những vui buồn vô độ và tìm cách cư xử đúng mực, dù là đang gặp vận may, hay lúc phải lao đao lận đận, hoặc khi thấy mình leo được lên những đỉnh cao, vì Thần linh sẽ chống lại họ trong một số việc làm. Người ta cũng còn hy vọng rằng, khi mà tai họa nhiều hơn phúc lành do các Thần ban cho, vẫn có thể làm vơi nhẹ đi và biến cái xấu đang có thành cái tốt. Đó phải là niềm hy vọng của con người và đó cũng là điều mà người ta nên cổ vũ cho nhau, đừng bao giờ bỏ mất cơ hội, nhưng trong mọi hoàn cảnh luôn phải nhắc nhở mình và người khác về những điều ấy vừa đùa vừa thật.

2. TÌNH TRẠNG TỐI ƯU VÀ THỨ CẤP

Trong đoạn tiếp sau đây Plato giải thích về mối tương quan giữa chính thể hoàn hảo Cộng hòa với khối thịnh vương chung mô tả trong cuốn Luật pháp. Ông giữ quan điểm rằng sự cai trị của các triết gia cùng với cộng đoàn phụ nữ, trẻ em và của cải là cần thiết cho một hình thức nhà nước tốt nhất và trên hết, dù rằng bấy giờ ông thừa nhận rằng giới đàn ông như đang có lúc bấy giờ chưa thích hợp để sống trong những định chế như vậy. Trong Luật pháp, chế độ cộng hữu không được nói tới và các nhà cai trị chỉ là những viên chức có nhiệm vụ chính là huấn luyện. Tuy nhiên vai trò chế độ công hữu hiển hiện trong một mức độ nào đó bởi những giới hạn đặt định cho việc tích lũy của cải, bởi nền giáo dục chung cho nam và nữ, và cũng bởi sự mở rộng các bữa ăn công cộng cho phụ nữ.

Hiến pháp của nhà nước mới hay "thuộc loại tốt thứ nhì" khó có thể nói một cách thích đáng là "gần sát với hình thức tuyệt hảo". Nó không có tính chất lý tưởng, mà chỉ là một dạng cai trị của giới quý tộc theo kiểu thông thường tại Hy Lạp. Công dân được chia làm bốn hạng theo xếp hạng căn cứ vào tài sản; những viên chức quan trọng, dù trên danh nghĩa ai cũng có thể đảm đương, nhưng trong thực tế chỉ dành cho những người giàu có và nhiều thế lực thông qua những phương thức bầu chọn phức tạp; Viện Đại biểu chỉ còn là một cái bóng, không có vai trò quan trọng và bị viện Quý tộc kiểm soát.

Hình thức hiến pháp khác thường, có thể gây ngạc nhiên khi nhắc tới lần đầu tiên; nhưng nếu suy ngẫm và thử nghiệm, chúng ta sẽ thấy nếu không thuộc hàng tốt nhất thì cũng phải là tốt thứ nhì. Và nếu như một người nào đó không chấp nhận hình thức này, vì cho rằng loại luật pháp đó không thích hợp cho một nhà làm luật không chuyên chế. Sự thực là có ba hình thức cầm quyền, cái tốt nhất, cái tốt thứ nhì và cái tốt thứ ba để cho nhà cầm quyền lựa chọn áp dụng. Theo hoàn cảnh hiện nay hãy để cho ngài Cleinias hay bất kỳ ai đó có quyền chọn lựa hình thức cai trị nào thích hợp với đất nước mình.

Hình thức nhà nước, chính quyền và luật pháp đầu tiên, cao cấp nhất chính là cái mà trong đó khắp nơi thấm nhuần ý nghĩa của câu tục ngữ "Bạn hữu coi mọi sự là của chung". Hoặc là nay đang có hoặc sẽ có việc chia sẻ phụ nữ, trẻ con và của cải, trong đó không còn cái gì là riêng tư và cá nhân, cả những cái về bản chất là riêng tư, như mắt, tai, bàn tay cũng trở thành

của chung và theo một cách nào đó cũng nhìn, nghe và hành động chung; mọi người cùng khen và chê, cùng vui và buồn, trong những tình huống như nhau; luật pháp nối kết cả thành phố trở thành một,-cho dù tất cả những điều này có khả thi hay không, tôi cũng nói ngay rằng chẳng có ai hành động theo nguyên tắc nào khác lại có thể tạo ra một nhà nước trội vượt hơn về đức hạnh, thực hơn và tốt hơn nhà nước này. Nhà nước như vậy, có các Thần hay con cháu các Thần cư ngụ, sẽ làm cho mọi người sống trong đó được nhiều phúc lộc và vì thế chúng ta phải tìm cho ra cái mẫu nhà nước này, gắn kết với nó, hoặc cố tìm cho ra cái nào giống như cái này. Nhà nước hiện chúng ta đang có, khi thiết lập xong xuôi, sẽ rất gần với cấp độ kế cận, rồi sau đó nhờ ơn Thượng Đế chúng ta sẽ hoàn tất cái thứ ba. Và giờ đây chúng ta bắt đầu nói đến bản chất và nguồn gốc cái thứ nhì.

Lập tức họ phải phân chia đất đai nhà cửa; nhưng trong khi phân chia hãy làm sao để các chủ sở hữu cảm thấy rằng những phần riêng của mình cũng thuộc về cả thành; và như đất là cha mẹ, họ hãy chăm sóc chúng kỹ lưỡng hơn con cái đối với mẹ chúng. Bởi đất là nữ chúa và nữ hoàng của họ và họ là thần dân hay chết của bà. Đó cũng phải là những cảm nghĩ để làm vui lòng các Thần và á Thần trong xứ. Và để cho việc phân chia có thể được duy trì họ phải để ý thêm rằng, số gia đình hiện thời luôn phải được duy trì, không tăng thêm mà cũng không giảm bớt.

Điều này có thể được bảo đảm theo cách thức sau:-Mỗi người chủ lô đất hãy để cho một người con được mình yêu quý nhất và chỉ một người mà thôi, làm thừa kế nhà cửa của mình và kẻ kế nghiệp, người ấy có nhiệm vụ phụng sự các Thần, gia đình, đất nước và cả những người còn sống nhưng đã trẩy đi xa; còn về những người con khác, nếu như người ấy có nhiều hơn một đứa, con gái thì gả chồng theo luật sẽ định sau, con trai thì cho làm con những đồng bào không có con, nếu họ muốn; hoặc giả như không có ai muốn nhận con, hoặc cá nhân nào đó có quá nhiều con, trai hay gái, hoặc quá ít, như trường hợp hiếm muộn-thì trong tất cả các trường hợp này hãy để cho vị thẩm phán tối cao và đáng kính nhất do chúng ta bầu ra suy xét và quyết định phải làm gì với số dư và thiếu hụt đó, và đề ra những biện pháp để duy trì con số 5.040 hộ.

Và nếu như đã áp dụng nhiều phương cách mà vẫn còn nhiều khó khăn nan giải trong việc duy trì con số 5.040 hộ này, thì những công dân thặng dư đó, xét vì tình cảm quyến luyến giữa những người từng sống chung với nhau và vì chúng ta chẳng còn phương kế nào khác, thì chỉ còn một cách mà chúng ta thường nhắc tới là lập một thuộc

địa, thân hữu với ta và gồm những người thích hợp. Còn trái lại nếu có một cơn dịch bệnh hay chiến tranh làm cho số dân chết nhiều và dân số trở nên ít hơn con số đã định, thì cũng không được ép dân chúng phải sinh đẻ và giáo dục một cách lung tung.

3. GIÀU SANG VÀ LÒNG MỘ ĐẠO

Thật khó có đề tài nào trong cuốn Luật pháp được Plato thường xuyên và đặc biệt nhấn mạnh nhiều hơn là ông cương quyết xua đuổi khỏi đất nước mình những rủi ro nảy sinh từ sự giàu có thái quá cũng như sự theo đuổi để đạt được giàu sang, như ông đã từng nói "không có ông Plutus vàng hay bạc nào được ở trong thành của chúng ta". Để đảm bảo mục tiêu này ông đề nghị:-(1) các phần đất được cấp phát không thể chuyển nhượng được, (2) bãi bỏ chế độ hồi môn; (3) ngăn cản công dân làm tiền và cho vay nặng lãi; (4) Cấm thủ đắc tài sản quá giới hạn nhất định; (5) hạn chế khả năng lập chúc thư để lại di sản bằng nhiều cách.

Có lẽ chỉ có một điều không thực tế trong kế hoạch của ông là định giới hạn cho việc thủ đắc tài sản. Thời nay chúng ta thiên về việc định một sắc thuế tài sản lũy tiến trên những chủ sở hữu có thu nhập cao. Các đề nghị khác của Plato dường như xuất phát từ thực tế tại các tiểu quốc Hy Lạp hoặc ít ra đã từng được các nhà văn và nhà tư tưởng trước đó nêu lên rồi.

Ý định của một nhà chính trị biết suy nghĩ không phải là cái mà nhiều người cho là mục tiêu của nhà làm luật; ấy là nhà nước mà ông ta đề xuất phải rộng lớn và giàu có hết sức, có nhiều vàng bạc, kiểm soát được nhiều đất đai và biển cả; - điều mà họ mơ tưởng đây đúng là mục tiêu của pháp chế, đồng thời còn thêm, một cách đầy mâu thuẫn, rằng nhà làm luật đích thực muốn cho thành được trở nên tốt và hạnh phúc nhất. Nhưng họ không thấy được rằng có một số việc thì có thể và một số cái thì không thể; và người nắm quyền định đoạt đất nước chỉ muốn điều có thể và không ước ao hay toan tính đạt được những điều không có thể.

Đã hẳn người dân phải được hạnh phúc và tốt đẹp, và nhà lập pháp phải tìm cách thực hiện được điều ấy; nhưng ông ta không thể cùng một lúc làm cho đất nước thật tốt đẹp lại thật giàu có, ít nhất theo nghĩa mà nhiều người nói về sự giàu có. Bởi bằng thuật ngữ "giàu có" họ nói về một số ít người nắm giữ những vật sở hữu có giá

trị nhất, dù rằng chủ sở hữu đó chỉ là kẻ lừa đảo. Và nếu đúng như vậy thì tôi chẳng bao giờ tán thành học thuyết cho rằng người giàu là người hạnh phúc. Người ấy không thể nào cùng lúc vừa thật tốt lại vừa thật giàu.

Một vài người sẽ hỏi tại sao vậy? Ta sẽ trả lời,-bởi những sự thủ đắc từ việc bất chính, cũng như các nguồn gốc bất chính thì nhiều hơn gấp đôi những cái đến từ những nguồn gốc chính đáng; và những số tiền được tiêu xài chẳng đoan chính cũng chẳng hổ thẹn thì chỉ bằng nửa con số được chi ra một cách đoan chính và cho các mục tiêu đáng quý trọng. Vậy, nếu một kẻ kiếm được gấp đôi mà lại chỉ tiêu xài một nửa thì người trong điều kiện ngược lại sao có thể giàu hơn hắn ta được. Một người là tốt còn người kia-tôi đang nói về người dành dụm chứ không phải người tiêu xài-thì không phải lúc nào cũng xấu; hắn quả thực rất tồi tệ, nhưng như tôi nói hắn chẳng thể là người tốt. Bởi kẻ mà nhận được tiền bạc một cách bất chính cũng như cách chính đáng và tiêu xài chẳng chính đáng cũng không bất chính, vẫn có thể là kẻ giàu có nếu biết tiết kiệm. Trái lại, những kẻ tồi bại thì thường là hoang phí và vì vậy lại nghèo; trong khi người chi tiêu cho những mục tiêu đáng quý và tậu của cải chỉ bằng những phương thế đoan chính, khó lòng mà giàu có, có khi còn rất nghèo nữa là khác. Vậy lý luận thật là đúng khi nói rằng kẻ rất giàu không phải là người tốt và nếu họ không tốt thì họ cũng không hạnh phúc.

Nhưng ý định của nhà làm luật chúng ta là người dân phải được hạnh phúc càng nhiều càng tốt và cũng phải thật thân hữu với nhau. Chúng ta nói rằng vàng bạc phải là những của cấm trong thành chúng ta, cũng như những loại kinh doanh thô bỉ như cho vay tiền hoặc các vật nuôi tầm thường.

Có tất cả ba thứ mà mọi người đều phải quan tâm; và mối quan tâm về tiền bạc nếu được đánh giá đúng đắn, đứng vị trí thứ ba và thấp nhất; nằm ở giữa là mối quan tâm về thân xác; và trên hết là về tâm hồn; và nhà nước mà chúng ta đang đề cập đây sẽ được xây dựng đúng nghĩa nếu tôn trọng thang giá trị này. Vậy nếu trong bất kỳ pháp chế nào đã ban hành sức khỏe được quý trọng hơn sự tiết độ hoặc sự giàu có hơn sức khỏe và tập quán điều độ thì luật pháp đó rõ ràng là sai trái. Cũng thế, nhà lập pháp phải luôn tự hỏi mình-"Tôi muốn cái gì?" và "Tôi có đạt được mục đích không hay tôi đã bỏ lỡ một mục tiêu?". Theo lối này và chỉ có theo lối ấy, ông ta mới có thể làm tròn bổn phận và giải thoát người khác khỏi gánh nặng lập pháp.

QUYỂN VI

Quyển VI, tương tự như Quyển V, cũng có thể chia làm hai phần. (1) Mô tả phương thức chỉ định các quan chức chính yếu và các viên chức thuộc nhà nước mới. Gồm có những Người bảo vệ luật pháp, Sĩ quan quân đội, Thượng viện, các Tư tế, những Người giải thích các sự kiện thánh thiêng, những Người giữ quỹ đền thờ, những Người canh gác thành, Cảnh sát nông thôn, Giám đốc Âm nhạc và Thể dục, Viên chức trông coi về Giáo dục, Thẩm phán xét xử Việc chung và Việc riêng. (2) Khởi đầu nền pháp chế và có các luật liên quan đến Hôn nhân, Nô lệ, Bữa ăn công cộng, Đăng ký khai sinh, Tuổi tham gia phục vụ Quân đội và Chính trường.

QUYỂN VII

Trong Quyển VII, đề tài giáo dục được đề cập lại và hoàn chỉnh.

Trong ba năm đầu tiên trẻ em chỉ cần được quan tâm về sự phát triển thể xác. Không được để trẻ tập đi kẻo chân tay còn quá non nớt của chúng bị vặn vẹo vì tập tành quá sớm, nhưng vì vận động có lợi cho chúng nên chúng phải thường xuyên được các người bảo mẫu chăm sóc.

Từ ba tới sáu tuổi chúng có thể chơi thể thao và các trò chơi....Khi lên sáu, bé trai và cả bé gái, nếu muốn, nên bắt đầu luyện võ công và sử dụng vũ khí; chúng phải được luyện sử dụng thành thạo cả hai tay.

Giáo dục chia ra làm hai ngành:-thể dục, hay là luyện tập về thể xác và âm nhạc, hay là sự trau dồi tâm linh. Tất cả các môn thể dục đều phải được rèn luyện để đối phó với chiến tranh; còn âm nhạc phải đơn giản và phù hợp với những loại được ấn định. Luật pháp sẽ quy định những nguyên tắc mà người soạn nhạc phải tuân theo.

Giáo dục dành cho tất cả mọi người. Thể dục và âm nhạc phải được dạy như nhau cho cả trẻ nam cũng như trẻ nữ.

Ngay từ tảng sáng trẻ nam phải đến trường, nơi trong ba năm chúng học đọc và viết và thêm ba năm học âm nhạc. Các bài cho trẻ học thuộc lòng phải được chọn lọc kỹ lưỡng. Âm nhạc cũng như thế để mọi trẻ có thể dễ dàng tiếp thu.

Có ba môn học chính: Số học, Hình học và Thiên văn học. Cũng phải nói thêm về săn bắn. Hãy để cho giới trẻ tiếp xúc với việc săn thú ban ngày với chó và ngựa, đó là một cách thử sự bền bỉ và lòng can đảm của chúng.

1. CÔNG DÂN TỐT LUÔN NĂNG ĐỘNG

Cuộc sống tích cực hoạt động mà Plato muốn dân mình phải theo, cả trong cuốn Nền cộng hòa lẫn cuốn Luật pháp, có lẽ là phản ảnh một năng lực hoạt động không ngơi nghỉ của người dân Athens vào giai đoạn cực thịnh của họ, như theo câu nói quen thuộc của Thucydides, "họ không hề biết đến ngày nghỉ trừ khi để thi hành nhiệm vụ và coi việc ở không như là một việc buồn chán nhất".

Ông cũng ý thức rằng sự nhàn cư là mảnh đất màu mỡ nảy sinh biết bao sự dữ cả cho cá nhân lẫn đất nước.

Ath. Đêm và ngày cũng chẳng đủ để hoàn thành và hoàn thiện nhiệm vụ; và để đạt mục đích này tất cả những người tự do phải biết sắp xếp thời gian cho các công việc trong suốt chu trình hai mươi bốn tiếng đồng hồ, từ sáng tới tối và từ tối tới sáng, lúc mặt trời mọc lần kế tiếp.

Xem ra có điều không thích hợp khi nhà làm luật quy định cặn kẽ những tiểu tiết trong việc quản lý nhà, gồm cả nhiệm vụ tỉnh thức nơi những nhân viên bảo vệ thường xuyên trong toàn thành; vì rằng người dân nào cả đêm ngủ rồi thì luôn phải là người đầu tiên thức giấc và đầu tiên bước ra khỏi giường-việc này chúng ta có thể nói xem ra là tầm thường và chẳng đáng là gì đối với một người tự do, dù cho quy định có là luật hay chỉ là thói quen; cũng thế bà chủ nhà mà phải cần người hầu đánh thức thay vì tự mình thức dậy đầu tiên, là điều mà các nô lệ, nam nữ và cả con cái coi là tầm thường. Nếu như họ thức dậy sớm, họ có thể làm được rất nhiều việc công và việc nhà, như các quan chức trong thành hay các ông bà chủ tư gia, trước khi trời sáng. Ngủ nhiều là điều tự nhiên không bắt buộc, cả cho tâm hồn lẫn thân xác và cả các hành vi có liên quan. Vì chẳng

có ai chỉ biết ngủ lại có ích cho bất cứ cái gì, chẳng hơn gì như người ấy đã chết; nhưng ai trong chúng ta quan tâm đến cuộc sống và lý do cần phải tỉnh thức càng nhiều càng tốt, chỉ dành thời gian ngủ cần thiết cho sức khỏe; và không cần ngủ nhiều một khi tập được thói quen không ngủ. Các viên chức nhà nước mà luôn tỉnh thức ban đêm là một nỗi sợ hãi cho điều xấu, dù dân hay địch và được tôn kính bởi những người công chính và điều độ, đồng thời cũng có ích cho bản thân họ và cho cả đất nước.

2. GIÁO DỤC LỚP TRẺ

Kế hoạch giáo dục do tác phẩm Luật pháp đề ra hoàn toàn mang sắc thái Hy Lạp và xem ra phù hợp trong những nét chính yếu với chương trình giảng dạy mà các trường học Hy Lạp đang áp dụng.

Plato hy vọng trẻ em sẽ hấp thụ được "những kiến thức cơ bản" trong quãng thời gian tương đối ngắn là ba năm; bởi khi ông nói về "học đọc và viết" hiển nhiên hàm ý rằng ông kể luôn môn số học cơ bản và có lẽ cả môn hội họa nữa.

Âm nhạc để dành cho lứa tuổi muộn hơn, mười ba và cũng chỉ học trong vòng ba năm. Plato coi âm nhạc như một phương tiện để đạt được tính tốt và như một "thú vui vô tội vạ" dành cho công chúng. Họ không nhằm theo đuổi nghệ thuật này vượt qua một mức độ nào đó, hay phải thật điêu luyện. Ở đây Plato chỉ theo cảm nghĩ chung tại Hy Lạp, coi tài năng của một nghệ sĩ chuyên nghiệp như một "việc tầm thường", không xứng với phẩm cách của con người tự do.

Thật không dễ nắm được, cả trong tác phẩm Nền cộng hòa lẫn Luật pháp, lối mà Plato định cho phụ nữ cũng được hưởng sự giáo dục. Trong cả hai tập đối thoại ông đều nói rằng cả hai giới đều phải học âm nhạc và thể dục trên nền tảng như nhau. Nhưng trong đoạn này dường như chỉ nói tới trẻ nam mà thôi; không hề nói gì đến trẻ nữ. Nếu cho rằng ông muốn nói trẻ gái nên được dạy dỗ tại nhà, theo thông lệ, khi và tùy theo mức độ cha mẹ muốn, thì điều này không phù hợp với vị trí cao mà ông trao phó cho phụ nữ trong quốc gia.

Ath. Khi vừa rạng sáng là lúc mà đám trẻ phải đến với các thầy giáo. Chẳng con cừu hay con thú nào khác có thể sống mà không có người chăn, cũng thế chẳng có đứa trẻ nào mà lại bỏ mặc không có thầy dạy, hay nô lệ mà không có

chủ. Và trong tất cả các sinh vật, con trai là thứ cứng đầu nhất, vì nó có hàng đống lý lẽ trong đầu chưa được chỉnh đốn; nó là sinh vật xảo quyệt, lanh lợi và không chịu phục tùng nhất. Do đó nó phải chịu nhiều sự kiềm chế; trước hết, khi vừa ra khỏi tay mẹ và vú nuôi, nó phải được những người giám hộ quản lý vì còn non trẻ và khờ khạo; sau này khi thành người tự do, lại phải có thầy dạy và phải học hỏi mọi điều thầy dạy và điều phải tự học; nhưng nó cũng còn là một người nô lệ, nên về mặt này bất kỳ người tự do nào gặp nó cũng có thể phạt nó, người giám hộ và cả người dạy nó nếu có ai trong họ làm điều gì sai trái; còn nếu có ai gặp và không bắt nó chịu hình phạt nó đáng phải chịu sẽ phải chịu tiếng ô nhục nặng nề nhất; hãy để người bảo vệ luật pháp, cũng là người bảo vệ giáo dục theo dõi sát sao và chú tâm đặc biệt đến việc rèn luyện con cái chúng ta, dẫn dắt bản tính chúng và luôn luôn hướng chúng đến điều tốt theo pháp luật...

Con trai lên mười học văn trong ba năm; lên mười ba nó nên bắt đầu cầm đến cây đàn lia và cũng tiếp tục thêm ba năm nữa, không hơn không kém và mặc cho cha nó hay chính bản thân nó có thích học hay không. Đứa nào không chấp hành luật này phải bị tước bỏ mọi vinh dự dành cho tuổi trẻ mà chúng tôi sẽ nói sau đây. Tuy nhiên trước hết hãy nghe những gì người trẻ phải học tập trong những năm đầu đời và những gì mà các thầy dạy phải dạy chúng. Chúng phải luôn bận bịu với các con chữ cho tới khi chúng có thể đọc và viết, nhưng vấn đề viết đẹp hay viết nhanh nếu bản chất tự nhiên không cho phép chúng đạt được những việc ấy trong số năm đã định thì cứ kệ chúng nó. Còn về những bài luận văn viết không kèm theo bài hát, dù có theo vần hay không, những bài văn vần không có nhịp nhàng, hài hòa-xem ra nguy hiểm biết bao những tác phẩm truyền lại cho chúng ta bởi nhiều tác giả thuộc loại ấy-các vị sẽ xử sự thế nào, này hỡi các nhà bảo vệ luật pháp? hay là nhà làm luật sẽ hướng dẫn quý vị thế nào về những việc ấy? Tôi tin rằng ông ta sẽ gặp khó khăn lớn đấy.

Cle. Này Ông khách lạ, chứ bản chất của sự phức tạp này là gì mà ông xem có vẻ đang phải nhọc công đến thế?

Ath. Một câu hỏi lý thú đấy, ngài Cleinias ạ và với quý ông là những bạn đồng sự với tôi trong công việc giáo dục, tôi phải nói ra các khó khăn của nó chứ.

Cle. Ông ám chỉ điều gì trong trường hợp này?

Ath. Tôi sẽ nói với quý vị đây. Có một sự khó khăn đối nghịch với muôn vàn cái miệng.

Cle. Phải đấy; và chúng ta hẳn đã chẳng phải đối mặt với tiếng nói công chúng trong nhiều đạo luật đó sao?

Ath. Đúng thế; và ngài muốn ám chỉ rằng con đường chúng ta đang theo có thể không hợp với một số người nhưng lại hợp với nhiều người khác, hoặc nếu không với nhiều người thì ở một tỷ lệ không thua kém những người khác và cùng với họ các vị cược với tôi rằng bằng mọi giá sẽ tiếp tục theo con đường lập pháp đã mở ra từ cuộc luận đàm này và sẽ được cổ vũ chứ không thoái lui.

Cle. Hẳn thế rồi.

Ath. Tôi sẽ không thoái lui; quả thật tôi nói rằng chúng ta có rất nhiều nhà thơ viết theo thể thơ sáu âm tiết, ba âm tiết và tất cả các tiết điệu; một số người nghiêm túc, những người khác chỉ nhằm gây được tiếng cười, trong đó rất nhiều người đã nói ở trên tuyên bố rằng người trẻ mà được giáo dục đúng cách sẽ trở nên chín chắn; chúng nên nghe họ ngâm và học theo họ, kể thuộc lòng toàn bộ các nhà thơ; trong khi những người khác chọn những đoạn hay và những bài diễn văn dài, tóm tắt lại và bảo rằng chúng cần phải được ghi nhớ, và theo cách ấy con người sẽ nên tốt và khôn ngoan, nhờ những kinh nghiệm và học tập đa dạng. Và hẳn ngài muốn tôi nói rõ ràng rằng họ đúng cái gì và sai cái gì.

Cle. Vâng, tôi muốn.

Ath. Nhưng làm thế nào trong một lời mà tôi có thể nói hết toàn bộ những điều ấy được? Tôi có ý kiến và nếu tôi không lầm nhiều người cũng tán thành, rằng mỗi nhà thơ từng nói nhiều cái hay nhưng cũng có nhiều cái ngược lại; và nếu như điều này đúng thời tôi quả quyết rằng học nhiều như thế rất nguy hiểm cho giới trẻ.

Cle. Vậy ngài khuyên người bảo vệ pháp luật nên hành động như thế nào?

Ath. Về lãnh vực gì?

Cle. Tôi muốn nói ông ta nên tìm mẫu nào làm kim chỉ nam cho phép giới trẻ học một số cái và cấm chúng học những cái khác. Đừng có từ chối trả lời đấy.

Ath. Ôi ngài Cleinias tốt bụng ơi, tôi nghĩ mình thật tốt số.

Cle. Về điều gì vậy?

Ath. Tôi nghĩ mình hoàn toàn không hề thiếu một cái mẫu nào, vì khi tôi suy xét những lời đã thốt ra từ sớm hôm nay tới giờ và là cái mà tôi

tin là đã được Trời linh hứng, đối với tôi chúng xem ra tựa như một bài thơ. Khi ngẫm nghĩ tất cả những lời chúng ta nói, tôi tự nhiên cảm thấy vui, bởi trong tất cả những bài thuyết trình mà tôi đã từng học biết hay nghe được, dù là thơ hay văn xuôi, việc này theo tôi là rất đúng đắn và rất thích hợp cho người trẻ nghe; tôi không thể mường tượng mẫu nào hay hơn cái mà người bảo vệ pháp luật và nhà giáo dục có thể có. Họ không thể làm gì hay hơn là khuyên các thầy giáo dạy người trẻ những điều này và những lời tương tự; và nếu tình cờ họ thấy các bản viết, bằng thơ hay văn xuôi, hoặc cả những bài tham luận không được viết ra như của chúng ta đây hoặc thuộc cùng một họ, thì phải giữ lại và viết ra thành bản văn. Rồi trước tiên chính các thầy dạy buộc phải học và chấp nhận chúng; và nếu có ai không thực hiện như thế sẽ không được những người kia chọn làm bạn đồng sự, mà chỉ có những ai cùng đồng chấp nhận mới có thể sử dụng và cam kết chỉ dẫn, giáo dục giới trẻ. Đến đây và theo cách này xin chấm dứt câu chuyện tưởng tượng của tôi về chữ nghĩa và thầy dạy chữ nghĩa.

QUYỂN VIII

Quyển VIII bàn về nhiều vấn đề ít nhiều không có liên quan chặt chẽ với nhau.

1. Đó là những vấn đề lễ tế hàng ngày, tiệc hàng tháng dâng mười hai vị Thần, lễ hội dành cho Nam giới và Nữ giới.
2. Các trò giải trí và thi đấu võ nghệ thường xuyên được tổ chức giúp mọi công dân được chuẩn bị tốt hơn, phòng khi có chiến tranh. Cũng có những cuộc đua dành cho người chạy bộ có vũ khí và đua ngựa có ba loại: một dành cho trẻ trai, một dành cho thanh niên và một dành cho người lớn; cũng có những cuộc thi tương tự tổ chức cho trẻ gái và phụ nữ, trong đó họ có thể tham gia tùy theo tuổi.
3. Nhắc tới những cuộc thi tài và lễ hội trong đó nam và nữ gặp nhau nhằm giới thiệu một đề tài khó khăn và gây nhiều tranh cãi,-mối quan hệ giữa các phái tính.
4. Có một số luật liên quan đến (a) nghề nông và việc canh tác đất đai, (b) thợ thủ công, (c) nhập khẩu và xuất khẩu, (d) phân chia sản phẩm, (e) sắp xếp thôn ấp và làng mạc, (f) quy luật thị trường, (g) thường trú người ngoại kiều.

QUYỂN IX

Quyển IX bắt đầu bàn về Bộ luật Hình sự của nhà nước mới.

Có các luật chống cướp phá Đền thờ, Công khố, trộm cắp... Các tố tụng có liên quan đến sinh mạng đều phải đưa ra trước các vị Bảo vệ Pháp luật và Toà án gồm các thẩm phán được tuyển chọn.

Có sự phân biệt giữa các tội cố ý và vô ý. Có rất nhiều lý do phạm tội cũng như động cơ hành động khác nhau, nhưng chung quy có thể quy về hai loại đó.

Tội giết người được chia thành nhiều loại khác nhau:-(1) giết người khác vì tình cờ hay rủi ro; (2) phạm tội giết người vì nóng giận, dù là có hay không có dự tính trước; (3) giết người vì tự phòng vệ; (4) giết người có chủ ý, tội này do ba nguyên nhân, - tham lam, tham vọng và sợ hãi; (5) tự sát; (6) giết kẻ trộm, cướp hoặc những người can dự vào các hành vi phạm pháp. Con thú làm chết người thì phải bị xẻ thịt và quăng ra ngoài lãnh thổ.

Trong trường hợp gây thương tích, có hay không có chủ ý, để tùy cho toà án định đoạt, nếu được tổ chức đầy đủ. Mức độ dự mưu phải được xem xét khi ấn định hình phạt.

Sau cùng còn có tội hành hung và cũng phải phân biệt các trường hợp khác nhau để định hình phạt thích đáng cho từng trường hợp.

QUYỂN X

Trong Quyển X, Plato bàn đến các tội của những người không tin vào Thần linh hoặc có những ý tưởng sai lầm về các ngài. Những người này được chia thành ba loại:-(1) những người vô thần; (2) những người, dù có nhìn nhận sự hiện hữu của Thần linh, nhưng vẫn nghĩ rằng các ngài chẳng quan tâm gì đến chúng ta; và (3) cho rằng các ngài sẽ nguôi giận bởi các đồ cúng tế. Mỗi loại được lập luận nghiêm chỉnh trước khi công bố luật với hy vọng rằng người vi phạm sẽ ý thức hơn.

1. Sự hiện hữu của các Thần linh được chứng tỏ bởi trật tự của vũ trụ và bởi niềm tin chung của nhân loại. Ngày nay có nhiều người tin rằng thế giới được vận hành theo sự ngẫu nhiên, và rằng luật lệ và tôn giáo chỉ là những quy ước đặt ra để bảo vệ kẻ yếu chống lại kẻ mạnh.
2. Niềm tin rằng có Thần linh nhưng các vị chẳng quan tâm gì đến công việc của người phàm nảy sinh khi con người nhận thấy trong thế gian có nhiều sự dữ. Họ quên rằng các Thần là những vị rất mực khôn ngoan và toàn thiện, không thể sánh với những nghệ sỹ chỉ can dự vào việc lớn mà bỏ mặc những chuyện vặt vãnh. Con người được tạo nên cho vũ trụ, là một phần cho cái toàn thể, chứ không phải cái toàn thể cho một

phần. Ý trời định rằng cái thiện sẽ chiến thắng cái ác, nhưng còn có yếu tố ý chí tự do và sự lựa chọn trong tâm hồn, và mỗi người chúng ta trong một chừng mực nào đó tự định đoạt số phận của riêng mình.

3. Loại thứ ba và là loại tồi tệ nhất trong số những kẻ kém tin; những kẻ mà cho rằng Thần linh có thể được làm cho nguôi giận bằng các đồ cúng tế, những tưởng rằng các vị ấy giống như những con người đê tiện vốn có thể phản bội sự thật để nhận của đút lót ty tiện.

Sau đó đến phần áp dụng luật. Những người không tin nhưng ít gây hại thì bị phạt năm năm tù giam và nếu tái phạm sẽ bị tử hình. Không được cử hành lễ nghi tôn giáo tại tư gia: mọi việc tế tự chung phải cử hành tại đền thờ quốc gia, dưới sự hướng dẫn của các nam và nữ tư tế được chỉ định.

BA LOẠI NGƯỜI VÔ TÍN

Quyển X của tác phẩm Luật pháp là một trường hợp đặc biệt thú vị trong cung cách cư xử tương tự như trong tác phẩm Nền cộng hòa. Những ý tưởng chính là giống nhau; sự khác biệt chủ yếu là trong giọng điệu và cách nhấn mạnh.

Trước hết ông đưa ra chứng cứ về sự hiện hữu của thần linh, một đề tài mà trong các tác phẩm trước ông chỉ đề cập phớt qua. Các luận cứ của ông, tương tự như đã dùng trong tác phẩm Phaedo để minh chứng sự bất tử của linh hồn, không có gì là thỏa đáng lắm hoặc có thể thuyết phục chúng ta; nhưng chúng ta cũng cảm thấy tác động của lời kêu gọi hướng về một tâm thức tốt hơn trong thế giới qua các thời đại và nhìn nhận, như chúng ta có thể nhận thấy nơi trật tự của Vũ trụ, rằng Thượng Đế ở khắp mọi nơi.

Tuy nhiên khi Plato tiếp tục nói một cách chân thành tha thiết về tính trọn hảo của Thượng Đế và việc Ngài hằng chăm sóc các thọ tạo của mình, thời ông đứng trên một nền tảng vững chắc hơn và chúng ta có thể nhất trí hơn với ông. Ông thấy không hiểu tại sao sự dữ lại có thể có trong kế hoạch của Đấng Quan phòng, nhưng rồi đã khám phá ra giải đáp trong ý tưởng rằng tất cả mọi sự đều cùng kết hợp với nhau để đi đến một kết quả chung,-đó là sự toàn thắng của sự thiện. Mặt khác trong con người có một sự tự do đích thật, tuy có bị giới hạn, về ý chí, được trợ giúp để chống lại sự ác nhờ khuynh hướng chung của Vũ trụ.

Vì thế cuộc sống là trường rèn luyện các phẩm hạnh và chuẩn bị cho thế giới mai sau.

Về những người vi phạm loại thứ ba,-là những kẻ tin rằng Thần linh gia ân cho kẻ xấu để đổi lấy các lễ vật dâng cúng,-Plato không lập luận nhiều. Dưới cái nhìn của ông, những kẻ ấy là những tên vi phạm pháp quy đạo đức và những tư tưởng của chúng phải bị loại khỏi đất nước như tránh cơn đại dịch vậy.

Thái độ phần nào bất khoan dung mà Plato bày tỏ là rất đáng chú ý nơi một hiền triết Hy Lạp sống ở thế kỷ thứ IV trước Công nguyên. Tuy nhiên, chúng ta có thể nhận thấy rằng nhiệt tình của ông chỉ nhằm chống lại cái mà ông cho rằng sẽ làm tổn thương nền đạo đức quốc gia.

Chúng ta đã nói chung chung về những việc trừng phạt tội phạm thánh, dù có ý lừa lọc hay quá khích và giờ đây chúng ta phải quyết định áp dụng hình phạt nào cho kẻ nói và hành động xấc láo với thần linh. Nhưng trước hết chúng ta cần cảnh cáo họ như sau: - Chẳng có kẻ nào từng chủ ý thực hiện hành vi báng bổ thánh thần hoặc thốt ra lời bất chính, mà lại giữ được lòng tin vào thần linh, nhưng sẽ thuộc vào một trong ba dạng này,-hoặc là chẳng có thần linh nào hết,-đó là dạng thứ nhất, dạng thứ hai cho rằng nếu có Thần linh thì các vị ấy cũng chẳng quan tâm đến con người và thứ ba là các vị ấy cũng dễ thỏa hiệp vô nguyên tắc vì các đồ cúng hoặc sẽ đổi chiều vì lời khấn vái.

Cle. Ta sẽ nói hay làm gì đối với những kẻ ấy?

Ath. Các bạn thân mến, trước hết hãy nghe những lời chế giễu mà tôi ngờ rằng các người ở trong số đông hơn sẽ thốt ra chống lại chúng ta.

Cle. Những lời chế giễu gì vậy?

Ath. Họ sẽ nói những lời châm biếm đại loại như: này hỡi các cư dân Athens, Sparta và Cnosus, các người nói phải đấy; vì một số trong chúng tôi đây chẳng tin có Thần linh nào hết, trong khi đó một số khác đúng như các người nói có ý nghĩ rằng Thần linh chẳng màng gì tới chúng tôi; còn một số khác lại cho rằng các vị ấy sẽ thay đổi cách cư xử do các lễ cúng. Giờ thì chúng tôi có quyền viện vào luật pháp mà tuyên bố rằng các người xử khó và đe dọa chúng tôi - các người trước tiên nên dạy dỗ và thuyết phục chúng tôi rằng có thần linh; hãy chỉ cho chúng tôi thấy được bằng các chứng cứ hợp lý-và rằng các vị ấy quá tốt lành đến nỗi không thể làm điều xấu, không thể xiêu lòng và thay đổi ý định chỉ vì đồ cúng tế.

Bởi khi chúng tôi nghe những điều này và những điều tương tự nói về các vị ấy do những người khả kính như các vị tài giỏi nhất trong số các nhà thơ, nhà hùng biện, các tiên tri, tư tế và biết bao người khác, phần đông chúng tôi có ý không dừng lại nơi việc hạn chế làm điều sai trái, nhưng tiếp tục làm và chuộc lỗi về những việc ấy. Khi các nhà làm luật tự xưng rằng mình nhân từ và không nghiêm khắc, chúng tôi nghĩ rằng họ trước hết nên dùng biện pháp thuyết phục chúng tôi và chỉ cho chúng tôi thấy sự hiện hữu của thần linh, nếu như không được hay hơn những người khác thì cũng phải như một người nói sự thật. Vậy nếu lời yêu cầu của chúng tôi là chính đáng, xin hãy chấp nhận lời thách thức của chúng tôi.

Cle. Nhưng có khó khăn gì khi minh chứng sự hiện hữu của thần linh?

Ath. Ngài chứng minh ra sao?

Cle. Ra sao ư? Trước hết, trái đất và mặt trời, cùng các ngôi sao và toàn vũ trụ, rồi trật tự hài hòa của tứ thời bát tiết và phân chia chúng thành nhiều năm tháng, đủ minh chứng cho sự hiện hữu của các ngài; và còn sự thật là toàn thể các sắc dân Hy Lạp và dân man di cũng đều tin các Thần.

Ath. Tôi e ngại, này bạn thân yêu, dù không dám nói là xấu hổ, về sự báng bổ mà những kẻ vô đạo có thể tấn công chúng ta. Bởi ông không hiểu tính chất của những lời họ phàn nàn và tưởng rằng trí khôn của họ rơi vào sự vô đạo, chỉ vì yêu thích những thú vui nhục dục.

Cle. Vậy, này ông khách lạ, còn có lý do khác nữa sao?

Ath. Một cái mà người sống ở phần khác của thế giới sao có thể đoán ra.

Cle. Đó là gì vậy?

Ath. Một sự ngu dốt trầm trọng mà lại tưởng là sự khôn ngoan nhất.

Cle. Ngài muốn nói gì vậy?

Ath. Tại Athens có những câu chuyện được ghi lại mà nền đạo đức của quốc gia, như người ta báo cho tôi biết, không nhìn nhận. Chúng nói về thần linh bằng thể thơ và văn xuôi, và những chuyện xưa nhất nói về nguồn gốc của trời đất và liền sau đó kể về sự sinh ra của các vị thần, sau khi sinh ra họ cư xử ra sao với nhau. Dù các câu chuyện này có ảnh hưởng tốt hay xấu, tôi cũng không

thích coi trọng chúng, vì quá cũ kỹ; nhưng tôi phải nói khi xem xét đối chiếu với bổn phận của con cái đối với cha mẹ, tôi chẳng thể nào khen ngợi các chuyện ấy, hay nghĩ rằng chúng có ích, hay là hoàn toàn đúng sự thật. Về các lời cổ nhân nói tôi không còn gì để nói; nhưng tôi ao ước nói về chúng chỉ những điều nào làm vừa lòng Thượng Đế. Còn về phần những thế hệ trẻ và sự thông biết của họ, tôi không thể tha thứ nếu họ làm điều quái quỷ. Hãy chú ý đến tác động của những lời họ nói: khi các ngài và tôi tìm lý lẽ để chứng minh có thần linh và biến mặt trời, mặt trăng và các vì sao thành các Thần hay vật linh thiêng, nếu ta nghe theo lời các triết gia nói trên, ta có thể nói rằng các vị ấy chỉ là đất đá, chẳng thể quan tâm gì đến công việc loài người và rằng tất cả chỉ là chuyện bịa đặt và giả dối.

Cle. Ôi ông khách lạ, một ông thầy như thế cũng đủ tệ hại rồi, mà ông còn ám chỉ có nhiều kẻ như thế, thì còn tệ hại hơn nữa.

Ath. Khi tôi thấy ngài nhiệt tình như vậy, tôi cảm thấy bị thúc bách dâng lời khấn nguyện, không còn có thể dừng được. Tôi nói, xin hãy bảo tôi ai có thể làm thinh không nói về sự hiện hữu của thần linh? Tôi nói về những người không tin những lời họ nghe biết, như trẻ sơ sinh từ trong vòng tay người mẹ hay vú nuôi cũng nghe thấy, việc cha mẹ chúng dâng lễ vật và lời khấn nguyện một cách tha thiết nhất nhân danh chúng và chính bản thân họ, nói với các Thần, cầu xin các ngài như là họ tin chắc có sự hiện diện của các ngài; hơn nữa họ còn thấy và nghe người Hy Lạp cũng như dân man di quỳ gối và phủ phục khi mặt trời, mặt trăng mọc lên hay lặn đi và trong nhiều dịp may lành hay vận hạn khác, không như là họ nghĩ chẳng có thần linh, nhưng như là chẳng thể có sự ngờ vực nào về sự hiện hữu của các vị ấy; khi con người biết tất cả các việc ấy, dù không dựa trên một nền tảng thực sự nào, như những người có chút lý trí nhìn nhận và khi họ buộc chúng ta phải nói điều chúng ta đang nói đây, liệu có ai có thể dùng lời lẽ hòa dịu mà khiển trách những kẻ như thế, khi muốn minh chứng cho họ về sự hiện hữu thực của thần linh? Tuy nhiên cũng phải cố gắng thôi; vì sẽ không chính đáng nếu một nửa nhân loại phát rồ

vì dâm loạn, còn nửa kia lại sinh căm giận họ. Lời chúng ta nói với những kẻ lầm lạc và hư hỏng này không thể là giận dữ; nhưng ta hãy chọn một người nào đó trong số họ và nuốt giận mà dịu dàng giải thích cho nó: này con thân yêu, con còn trẻ và thời gian sẽ làm cho con đảo ngược nhiều ý nghĩ con hiện có. Vì thế hãy chờ đợi khi thời gian đến và đừng cố suy xét về những việc cao siêu trong lúc này; vì cái cái cao siêu nhất mà con nghĩ chẳng là gì cả. Trước hết hãy để cho ta chỉ cho con thấy một điểm rất quan trọng và là sự thật mà ta biết chắc:-Con và các bạn của con chẳng phải là những người đầu tiên có những ý tưởng này về thần linh. Ta biết nhiều người khi còn trẻ thì có tư tưởng này là chẳng có thần linh nào hết, cứ như thế cho tới khi về già; còn hai ý tưởng khác cũng có trong một số trường hợp, nhưng không nhiều lắm, rằng có thần linh nhưng chẳng quan tâm gì đến việc người phàm, và cũng có ý tưởng rằng các vị ấy có quan tâm nhưng dễ siêu lòng vì lễ tế và lời khấn vái. Vậy nếu con đủ kiên nhẫn, hãy nghe lời ta khuyên rồi đây con sẽ khám phá ra học thuyết chân thật, nhờ sự trợ giúp của nhà làm luật và những người khác. Bởi nhiệm vụ của nhà làm luật luôn luôn là phải dạy con sự thật của các vấn đề ấy.

Cle. Lời ngài dạy cho tới lúc này thật tuyệt vời, thưa ngài khách lạ.

Ath. Và giờ đây chúng ta lại phải nói với kẻ, vốn tin rằng có thần linh, nhưng lại tin rằng các vị ấy không quan tâm đến công việc của người trần gian: này anh là người tốt nhất (ta cứ nói với y như thế), khi tin rằng có thần linh tức là anh đã bị một sức lôi cuốn nào đó đến với các vị ấy đồng thời làm cho anh tôn kính và tin vào họ. Nhưng vận xấu và những kẻ vô đạo đức ở trong cuộc sống riêng tư hay chỗ công sở, vốn là những kẻ chẳng tốt phúc gì, nhưng theo sự suy xét sai lầm của con người lại được kể là hạnh phúc và còn được ca tụng bởi các văn hào, thi sỹ, sẽ lôi anh ra khỏi lòng mộ mến bẩm sinh của anh. Có lẽ anh từng thấy nhiều kẻ vô đạo đức sống đến đầu bạc răng long và để lại cho con cái, cháu chắt hưởng những địa vị cao sang và vì thế lòng tin của anh đã bị lung lay; anh đã từng biết, nghe hay chứng kiến nhiều hành động ác nhân và đã từng thấy những

con người bằng những thủ đoạn từ nhỏ nhặt đến hết sức to lớn nhưng không nỡ tố cáo họ trước các thần linh, bởi họ có bà con thân thuộc, hoặc do không đủ khả năng nhận định hoặc vì không muốn tìm ra cái lỗi của họ và vì thế anh đi tới chỗ tin rằng có thần linh thật đấy, nhưng các vị ấy chẳng nghĩ tới hoặc quan tâm tới việc con người.

Đến đây chúng ta có thể, nếu cần, sử dụng thêm lý lẽ vốn đã dùng để nói với người nói không tin có thần linh. Còn ngài Megillus và ngài Cleinias, các ngài hãy trả lời cho anh bạn trẻ như từng nói trước đây; và nếu trong quá trình bàn luận có phát sinh khó khăn gì tôi sẽ nói giúp các ngài.

Cle. Tốt lắm; hãy làm như lời ngài nói, còn chúng tôi sẽ hỗ trợ ngài hết sức có thể.

Ath. Sẽ chẳng có khó khăn gì để chứng minh với anh ta là thần linh chăm sóc cả chuyện nhỏ lẫn chuyện to. Bởi anh ta có mặt và nghe các điều đã nói, rằng các vị ấy thật tuyệt hảo và việc coi sóc mọi việc là chuyện hoàn toàn tự nhiên đối với các vị ấy.

Cle. Anh ta hẳn đã nghe điều ấy rồi.

Ath. Chúng ta hãy cùng nhau xem xét tiếp điều mà chúng ta qua đức tính tốt này quy cho các vị. Chắc chắn chúng ta sẽ nói rằng tự chủ là thuộc về đức tính tốt, còn trái lại là điều xấu?

Cle. Đương nhiên.

Ath. Vâng, và can đảm là một phần của đức hạnh, còn hèn nhát là xấu?

Cle. Đúng.

Ath. Và cái này thì đáng khinh, còn cái kia đáng quý trọng?

Cle. Chắn chắn rồi.

Ath. Và cái này, giống như những cái tầm thường hơn khác, là một tính chất của con người, chứ Thần linh chẳng có ăn nhập gì với cái thứ ấy cả.

Cle. Không ai bác bỏ điều ấy.

Ath. Nhưng chúng ta có cho rằng bất cẩn, lười biếng và xa hoa là những đức tính tốt? Quý vị nghĩ sao?

Cle. Hiển nhiên là không rồi.

Ath. Nhưng liệu chúng ta có thể cho rằng người chăm lo cả chuyện to chuyện nhỏ lại có thể là xa hoa, là không quan tâm và lười biếng, tựa như những kẻ mà nhà thi sỹ so sánh với những con ong đực không còn ngòi đốt?

Cle. So sánh đó chỉ là chuyện so sánh, chẳng có ý nghĩa gì cả.

Ath. Chắc chắn Thượng Đế không thể được giả định có tính cách mà chính ngài không thích?-

Và nếu như có kẻ nào dám nói điều gì như thế, hắn cũng không được chấp nhận dù chỉ trong chốc lát.

Cle. Không được-không thể được.

Ath. Dù là theo nguyên tắc nào, há chúng ta đã chẳng hoàn toàn sai lầm khi khen ngợi kẻ vì lý do đặc biệt nào đó tin cậy vào đấng chỉ biết lo những chuyện lớn mà không quan tâm đến chuyện nhỏ sao? Hãy suy nghĩ đi; vị mà hành xử như thế, thì dù là Thượng Đế hay người phàm, ắt là hành động theo một trong hai nguyên tắc sau.

Cle. Những nguyên tắc gì vậy?

Ath. Hoặc là vị ấy nghĩ rằng việc lơ là chuyện nhỏ chẳng ảnh hưởng gì đến cái toàn thể, hoặc nếu có ảnh hưởng mà có sao lãng thì cũng chỉ cho là có hành vi bất cẩn hay biếng nhác mà thôi. Liệu còn có cách nào khác giải thích sự bỏ bê đó hay không?

Cle. Không thể.

Ath. Giờ chúng ta hãy xét đến những kẻ có lỗi, gồm cả hai đều nhìn nhận rằng có Thần linh, nhưng với một khác biệt, - một người nói rằng các vị ấy có thể làm cho nguôi ngoai, còn người kia lại cho rằng họ chẳng để tâm đến chuyện nhỏ-chúng ta có ba người và họ có hai, vậy chúng ta sẽ bảo với họ rằng, trước hết, cả hai vị đều thừa nhận rằng thần linh đều nghe, thấy và biết mọi sự, và rằng không có gì mà các ngài không nghe biết.-Các vị có công nhận điều đó không?

Cle. Có.

Ath. Và các vị có thừa nhận rằng thần linh có đủ năng lực mà giới phải chết và giới không bao giờ chết có thể có không?

Cle. Chắc chắn rồi.

Ath. Vậy nếu các Thần là đúng như chúng ta nhìn nhận, liệu chúng ta còn có thể giả định rằng các vị ấy từng hành động trong tinh thần thiếu thận trọng và biếng nhác sao? Bởi lẽ đối với chúng ta không hành động là con đẻ của hèn nhát và bất cẩn là con đẻ của không hành động và lười biếng.

Cle. Rất đúng.

Ath. Vậy không thể có Thần nào mà không hành động vì bất cẩn cả; vì ngài không bao giờ hèn nhát.

Cle. Điều đó quá đúng.

Ath. Vậy chỉ còn lại một điều là nếu các Thần bỏ bê những việc nhỏ nhoi trong vũ trụ, bỏ bê vì các thần biết rằng mình không phải quán xuyến những việc như thế; liệu còn có cái gì khác ngoài chuyện họ không biết?

Cle. Không còn gì.

Ath. Và bây giờ dù có người nói rằng những việc này đối với các thần là lớn hay bé-trong trường hợp nào đi nữa thần linh, là các đấng nắm giữ vận mệnh chúng ta và là những chủ nhân rất mực cẩn trọng và tốt lành, sẽ chắc chắng hề bỏ mặc chúng ta. Nhưng cũng còn một điều phải cân nhắc nữa.

Cle. Điều gì vậy?

Ath. Cảm tính và quyền lực tỷ lệ nghịch với nhau, xét theo mặt dễ và khó của chúng.

Cle. Ngài muốn nói gì vậy?

Ath. Tôi muốn nói rằng có khó khăn hơn khi thấy và nghe những chuyện nhỏ hơn cái lớn lao, nhưng dễ dịch chuyển, kiểm soát và chăm lo đến chúng hơn là cái ngược lại với chúng.

Cle. Vâng, nhiều hơn.

Ath. Giả dụ trường hợp một y sĩ muốn và có thể chữa trị toàn bộ một vật sống,- thù lao trọn gói cho ông ta tính làm sao đây, khi ông ta chỉ lo chuyện lớn và bỏ bê chuyện nhỏ?

Cle. Chắc chắn không thể tốt được.

Ath. Kết quả cũng chẳng thể nào tốt hơn đối với các hoa tiêu, tướng lãnh, người nội trợ, chính khách hay bất kỳ ai khác, nếu như họ bỏ chuyện nhỏ và chỉ coi trọng việc lớn;- như đám thợ xây thường nói, đá to không thể nằm yên một chỗ nếu chẳng có đá bé.

Cle. Dĩ nhiên là không rồi.

Ath. Tôi nghĩ rằng đến đây chúng ta đã nói đủ về kẻ kết án thần linh tội chểnh mảng rồi.

Cle. Vâng.

Ath. Anh ta đã bị buộc phải thừa nhận mình sai lầm, nhưng tôi thấy cần an ủi anh ta đôi điều.

Cle. Ngài sẽ an ủi anh ta điều gì?

Ath. Ta hãy nói với chàng thanh niên: "Đấng thống lĩnh toàn thể, vũ trụ đã sắp đặt tất cả mọi sự theo nhãn quan bảo tồn và hoàn thiện cái toàn thể và mỗi thành phần có một sắc thái chỉ định về hành động và cảm xúc. Và một trong những phần này trong thế giới thuộc về anh, hỡi con người bướng bỉnh, cho dù có nhỏ bé ngần nào cũng phải biết nhìn đến cái toàn thể; ngươi xem ra chẳng biết rằng ngươi và các tạo vật khác có là vì lợi ích của toàn thể, và để cho cuộc sống của toàn thể được chúc phúc; và rằng ngươi được tạo nên vì lợi ích toàn thể chứ không phải toàn thể được tạo nên vì lợi ích của mình ngươi. Bởi

người thầy thuốc hay nghệ sĩ tài ba nào làm mọi việc vì lợi ích của toàn thể, dồn mọi nỗ lực của mình vì cái tốt chung, điều hành phần riêng để phục vụ lợi ích của toàn thể và không hy sinh cái toàn thể cho lợi ích của từng phần. Và ngươi bực bội vì không thấy cái tốt nhất cho mình là như thế nào, theo như lề luật của tạo hóa công nhận và cũng là tốt nhất cho cả thế giới". Và, như linh hồn trước tiên kết hợp với một thân xác và với một thân xác khác làm nên mọi loại thay đổi, hoặc là về chính mình hay theo ảnh hưởng của một hồn khác, điều còn lại dành cho người chủ cuộc chơi là sẽ hoán chuyển vị trí các quân bài; đưa những cái tốt vào vị trí tốt, cái xấu vào chỗ xấu rồi định cho chúng số phận thích hợp.

Cle. Ngài muốn nói gì vậy?

Ath. Tôi đang đề xuất một kế hoạch để làm cho việc chăm lo mọi sự trở nên dễ dàng hơn cho các Thần. Bởi nếu bất kỳ ai không tạo nên và uốn nắn mọi việc theo cái nhìn toàn thể,-chẳng hạn nếu người ấy tạo nên tố chất nước từ lửa, thay vì làm nhiều cái từ một, hoặc một từ nhiều, không tình cờ nhưng theo một trật tự bình thường của cấp một, cấp hai hoặc cấp ba và cứ như thế biến đổi không ngừng; nhưng giờ thì đấng cai trị thế giới có một công việc quá ư dễ dàng.

Cle. Là sao vậy?

Ath. Theo cách này:-Khi Đức Vua thấy rằng hành động của chúng ta có sinh khí, và rằng trong đó có nhiều đức tính tốt và nhiều điều xấu; và hồn và xác, dù không tồn tại mãi mãi nhưng cũng không thể hủy diệt được, tựa như các Thần theo tư duy đại chúng (vì nếu một trong hai cái bị hủy diệt, thì sẽ chẳng còn nòi giống các sinh vật nữa); và khi ngài thấy rằng điều thiện của tâm hồn tự bản chất để làm ích cho con người và điều ác làm hại chúng-ngài, khi thấy tất cả các điều ấy, trù tính đặt từng phần vào vị trí dễ dàng và thuận lợi nhất, sao cho cái tốt sẽ chiến thắng và cái xấu bị đánh bại trong toàn thể. Và ngài cũng dự liệu một kế hoạch chung, trong đó mỗi vật có bản chất nhất định có một chỗ đứng riêng. Nhưng việc hình thành các phẩm chất lại để dành cho từng cá nhân định đoạt. Bởi mỗi người chúng ta được tạo nên giống như ngài theo sở thích và bản chất của chính ngài.

Cle. Vâng, điều đó có lẽ đúng vậy.

Ath. Nhưng rồi mọi vật vốn có linh hồn đã thay đổi và nơi chúng có một nguyên tắc thay đổi, thay đổi theo luật pháp và vận số: những thay đổi nhỏ về bản chất dịch chuyển trên mặt đất, nhưng tội nghiêm trọng thì phải xuống địa ngục, nghĩa là vào chỗ Diêm Vương và những nơi khác của cõi âm, mà nghe tên ai cũng phải kinh hãi. Và khi hồn thay đổi nhiều, tốt hơn hay xấu đi, theo sự thôi thúc của riêng mình hay chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ những hồn khác, khi nó thông hiệp với đức tính thần linh sẽ trở nên thần linh, nó được đem vào một nơi khác tốt hơn, vốn cũng linh thiêng và hoàn toàn thánh thiện; còn nếu hiệp thông với cái xấu, nó cũng phải thay đổi vị trí trong cuộc sống.

"Vì đó là công lý của các Thần ngự trên trời".

Này chàng thanh niên hay người trẻ tuổi, vốn tưởng rằng mình bị các Thần bỏ bê, hãy biết rằng nếu các người trở nên xấu xa thì sẽ phải vào chốn xấu xa, còn nếu tốt thì sẽ vào chỗ tốt. Đó là công lý của trời, mà dù các người hay bất kỳ kẻ bất hạnh nào đó sẽ được vẻ vang khi tránh thoát; và là cái mà quyền lực ban bố đã đặc biệt ban bố; hãy lưu tâm đến những điều ấy, vì sẽ có một ngày chúng sẽ lưu tâm đến các người.

Nếu như các người nói:-Tôi bé mọn và sẽ bò sâu xuống lòng đất, hoặc tôi ở trên cao và sẽ bay lên tới trời, các người chẳng bé mọn hay ở trên cao nhưng phải chịu hình phạt thích đáng, ở cõi âm hoặc nơi nào đó còn man rợ hơn. Đó cũng là cách giải thích về số phận của những kẻ đã thấy, đã làm những điều vô đạo và xấu xa, và từ khởi sự nhỏ trở nên chuyện lớn, và các người đã tưởng rằng họ từ chỗ khốn khổ đã trở nên hạnh phúc; và qua hành động của họ, tựa như cái gương, các người cho rằng đã thấy sự không quan tâm của thần linh ở khắp nơi, mà không biết rằng các vị ấy đang cố sức làm cho mọi việc điều hòa và góp phần vào cái toàn thể lớn lao. Kẻ mà không biết điều này chẳng bao giờ có thể nhìn đúng hay nói đúng về hạnh phúc và bất hạnh trong cuộc sống. Tôi nghĩ chúng đã đã chứng minh đủ về sự hiện hữu của thần linh và việc các ngài chăm sóc con người rồi,-còn việc các ngài bị kẻ xấu mua chuộc, nhận quà cáp là điều mà tôi không thể nào chấp nhận và là điều mọi người phải hết sức chứng minh là sai.

Cle. Tốt lắm; chúng ta hãy làm như ngài nói.

Ath. Được, về các Thần tôi gợi ý để các vị cho biết,-nếu các

Thần có thể làm cho nguôi ngoai, họ sẽ nguôi ngoai làm sao? Họ là ai và bản chất của họ là gì? Chẳng phải là các nhà quản lý trên trời ít nhất cũng là những nhà cai trị?

Cle. Đúng vậy.

Ath. Vậy họ có thể so sánh với những nhà cai trị nào dưới đất, hay là người nào với các vị ấy được? Làm thế nào trong cái bé nhỏ có thể tìm ra hình ảnh cái vĩ đại? Các vị có phải là những người điều khiển cỗ xe chiến mã, hay hoa tiêu chiếc tàu? Có lẽ các vị có thể so sánh với những vị tướng lãnh quân đội, hoặc như những thầy thuốc đang chiến đấu chống lại bệnh tật phần xác, hoặc như nông gia lo âu theo dõi ảnh hưởng của mùa màng hay cây cối phát triển; hoặc có lẽ với người chăn thả súc vật. Vì như chúng ta biết trời đất đầy những điều tốt và điều xấu, và còn nhiều điều xấu hơn điều tốt và như chúng ta khẳng định có sự xung đột không ngừng trong chúng ta, đòi phải có sự cảnh giác; và trong cuộc xung đột này các Thần và Á Thần là đồng minh của chúng ta, còn chúng ta thuộc về các ngài. Bất chính, láo xược và điên rồ hủy hoại chúng ta, còn chính nghĩa, tiết độ và khôn ngoan cứu thoát chúng ta; và ba điều sau nằm ở nơi các Thần. Ở trên thế gian này có những tâm hồn mang những ý nghĩ xấu xa, những kẻ ấy, tựa như con thú quẫy đuôi mừng kẻ chăn dắt chúng, có thể là chó hay người chăn súc vật, hoặc có thể là các chủ nhân tốt lành hoàn hảo nhất; và nhờ vậy, như kẻ xấu rêu rao, họ thắng thế nhờ nịnh bợ, cầu khấn và bùa phép, và đạt được mục đích mà không bị trừng phạt. Và tội này, vốn được gọi là bất lương, cũng xấu xa như cái gọi là tật bệnh nơi thân thể sống hay tai họa trong mùa vụ, còn nơi tỉnh thành có tên gọi khác là sự bất chính.

Cle. Rất đúng.

Ath. Liệu có ai so sánh các Thần với ai trong số những loại người bảo vệ nói trên? Hắn có nói các vị ấy giống như những hoa tiêu, là những kẻ tự mình bỏ nhiệm vụ để hưởng những chầu rượu và mùi thịt béo, để sau cùng làm lật nhào cả con thuyền và các thủy thủ?

Cle. Chắc là không.

Ath. Và chắc các vị ấy cũng chẳng giống những người đánh xe ngựa nhận hối lộ để cho xe khác chiếm phần thắng?

Cle. Đó quả là một hình ảnh đáng sợ về các Thần.

Ath. Cũng chẳng giống các tướng lãnh, thầy thuốc, nông gia hay người chăn súc vật; và cũng chẳng ai so sánh các vị với đám chó bị lũ sói làm cho phải câm miệng.

Cle. Đừng có phạm thượng.

Ath. Vậy chẳng phải các Thần thuộc loại chính yếu nhất trong giới bảo vệ và các vị chẳng phải là có nhiệm vụ bảo vệ những lợi ích cao nhất của chúng ta sao?

Cle. Vâng; là chính yếu.

Ath. Vậy có ba sự khẳng định-Các Thần có hiện hữu, các vị đều chăm sóc con người và không thể bị nài xin làm điều bất công, đã đủ rõ chưa? Ta có thể nói là đủ không?

Cle. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với ngài.

Ath. Tôi đã nói say sưa vì tôi rất ghét kẻ xấu và tôi sẽ kể cho ngài, thưa ngài Cleinias thân mến, lý do làm tôi ghen ghét. Tôi sẽ không để cho họ giả dụ rằng kẻ xấu chiếm ưu thế khi tranh luận, có thể mặc tình làm những gì tùy thích liên quan đến nhiều tưởng tượng khác nhau về thần linh; và điều này càng khiến tôi phải nói hăng hái hơn; còn nếu như chúng ta đã thành công trong việc thuyết phục con người tự ghét mình và yêu những cái đối nghịch với họ, rõ ràng phần mở đầu của chúng ta về luật bất kính sẽ không thành vô ích.

Cle. Ta hãy cứ hy vọng như thế; và giả như có thất bại về lối bàn luận của chúng ta thì cũng sẽ không bị nhà làm luật ngờ vực.

QUYỂN XI

Trong Quyển XI Plato bàn tới một phần khác của luật pháp, điều chỉnh các mối quan hệ giữa người với người.

Các luật được ban hành liên quan đến việc tìm ra kho báu, tài sản ký quỹ, nô lệ bỏ trốn, nô lệ được giải phóng, bán hàng, bán giả nô lệ, sự giả mạo, buôn bán lẻ, hợp đồng, di chúc, trường hợp chết không để lại di chúc, trẻ mồ côi, tranh chấp và bất hòa trong gia đình, ly dị, không phụng dưỡng cha mẹ, đầu độc và sử dụng ma thuật, mất trí, hành khất, nhân chứng và nhân chứng giả...

1. NHỮNG TẬT XẤU CỦA VIỆC BUÔN BÁN LẺ VÀ CÁCH TIỆT TRỪ CHÚNG

Có lẽ không có ấn tượng nào ăn sâu trong tâm trí người Hy Lạp cho bằng điều mà họ được dạy về một phong cách đặc thù "dân tộc" của buôn bán lẻ. Và điều này cần được đặc biệt lưu ý, vì rằng người Hy Lạp là những nhà buôn sắc sảo nhất. Họ đẩy người Phoenicia ra khỏi những thương điếm của mình trong Địa Trung Hải, họ đến miền Tartessus để buôn bạc và những kim loại khác, - tới tận vùng Baltic để lấy hổ phách,-tới vùng thảo nguyên Scythia để lấy các loại hạt; họ đi đó đây, giống như người Pytheas, tới tận nước Anh và "miền Thule xa xôi nhất" để tìm cách mở những điểm buôn bán mới.

Trong hầu hết các tác phẩm viết trước đây Plato luôn chứng tỏ rằng ông theo thành kiến chung; như trong tác phẩm Nền Cộng hòa, dù có lúc ông thừa nhận rằng buôn bán lẻ là nhu cầu sơ đẳng của cuộc sống trong cộng đồng xã hội, nhưng ông cũng nói rằng: "Trong những quốc gia tổ chức tốt, người buôn bán lẻ thường là những kẻ có dáng vóc yếu ớt và vì thế ít khi được dùng cho những mục đích khác". Tuy nhiên, trong tác phẩm Luật pháp, ông đi một bước xa hơn. Ông bắt đầu tư duy rằng sẽ rất là

tốt cho nhà nước, nếu những tầng lớp đàn ông và đàn bà tốt hơn theo đuổi việc buôn bán và bỏ đi những chỉ trích hiện đang nhắm vào chúng.

Liền sau tập tục pha chế là những tập tục buôn bán lẻ. Liên quan tới những vấn đề này, trước hết chúng ta hãy bàn bạc và lý luận, sau đó mới đến luật. Buôn bán lẻ trong thành thị về bản chất không có ý làm điều gì có hại, nhưng trái lại; bởi chẳng phải người ấy là người làm ơn sao, khi biến đổi hàng hóa từ trạng thái bất quân bình và không thể đo lường được sang trạng thái quân bình và đo lường được? Và đó là cái mà tiền tệ thể hiện được hết sức mạnh của mình và nhà buôn có thể được cho là được chọn cho mục tiêu này. Người làm thuê và coi quán trọ cùng nhiều nghề khác, kẻ nhiều người ít nhưng tất cả cùng một mục tiêu là nhằm thỏa mãn những nhu cầu và quân bình quyền sở hữu của chúng ta. Vậy chúng ta hãy nỗ lực xem việc coi thường và biểu hiện không thích đáng này là gì, và đâu là những cáo buộc chống lại việc buôn bán lẻ, để nếu không làm được hết thì cũng phần nào phá bỏ những chống đối này bằng pháp luật. Để làm được điều này không phải là chuyện dễ dàng gì và cần phải có nhiều thiện ý.

Cle. Ngài muốn nói đến cái gì?

Ath. Thưa ngài Cleinias quý mến, lớp người có tài và có học thức thì ít ỏi; khi bị thúc ép bởi thiếu thốn và ước ao này khác, họ có thể kiềm chế và giữ được sự điều độ và khi họ có thể làm được nhiều tiền thì lại càng chín chắn trong các ao ước. Nhưng số đông con người thì rất trái ngược; họ thèm muốn vô tận và khi họ kiếm được kha khá họ lại muốn kiếm được nhiều một cách không giới hạn; vì thế mà tất cả những gì liên quan đến chuyện buôn bán nhỏ, mở quán trọ bị từ chối và xếp vào loại đáng khinh. Vì nếu điều mà tôi tin tưởng chẳng bao giờ hay sẽ không có, chúng ta phải thúc ép, nếu như tôi dám nói một chuyện nực cười, những người tốt nhất khắp nơi đi coi nhà trọ một thời gian, hoặc đi buôn bán lẻ hoặc làm điều gì khác tương tự; hoặc nếu như, do bức bách nào đó, những phụ nữ tốt nhất bị buộc phải làm những nghề tương tự, thì chúng ta sẽ hiểu rằng tất cả những chuyện đó là dễ chấp nhận và vui thích biết bao? Còn nếu họ làm những việc ấy hoàn toàn theo lý lẽ, những nghề như thế phải đáng coi trọng và những người hành nghề ấy phải coi như cha mẹ hay người bảo

mẫu; nhưng nếu có người đến nơi hoang vắng dựng nên các căn nhà mà phải đi đường xa mới tới nơi được, vì việc buôn bán nhỏ, tiếp đón khách lạ đang cần chỗ nghỉ ngơi, hoặc cho họ chỗ yên ắng sau khi bị bão tố vùi dập, hoặc chỗ mát mẻ trong cơn nóng bức; và thay vì cư xử với họ như những người bạn và tỏ ra hiếu khách với những người mình tiếp đón dưới mái nhà mình, đối xử với họ như kẻ thù hay tù nhân cần lòng thương xót và không thả họ đi cho tới khi họ trả giá tiền cao ngất, cắt cổ, - đó là những việc làm xấu xa, sỉ nhục việc cứu giúp khi gặp hoạn nạn. Nhà làm luật phải luôn sáng chế ra phương pháp sửa chữa những tật xấu này.

Có một câu châm ngôn, rất đúng-"Thật khó mà chống chọi cùng lúc cả hai đối thủ", như về bệnh tật hay nhiều trường hợp khác. Và trong trường hợp này cũng là chiến tranh chống lại hai kẻ thù-giàu có và nghèo nàn; một cái làm băng hoại tâm hồn con người vì những xa hoa, còn cái kia đưa họ vào chỗ hoàn toàn mất liêm sỉ vì những khổ đau. Phương thuốc nào mà một thành thị đúng nghĩa phải tìm ra để chống lại căn bệnh này? Trước hết, họ phải có càng ít càng tốt lớp người buôn bán lẻ; thứ hai họ phải giao việc cho hạng người mà sự tham nhũng của họ ít gây hại nhất cho nhà nước; và thứ ba họ phải nghĩ ra cách thức nào đó mà những người theo những nghề này không sẵn sàng rơi vào thói vô liêm sỉ và hèn hạ một cách không thể kềm chế.

2. TÔN KÍNH CHA MẸ

Lòng tôn kính đối với tuổi tác mà ta thấy biểu hiện trong khắp tác phẩm Luật pháp có thể giải thích một phần vì tình cảm tự nhiên của Plato, viết trong lúc đời xế chiều; nhưng cũng còn vì ảnh hưởng từ những tập tục và định chế của người Sparta tác động trên ông. Trong cuộc sống thị dân Athens, người lớn tuổi dễ bị gạt sang một bên bởi những đối thủ trẻ và mạnh hơn; và chúng ta cũng thấy một khuynh hướng tương tự trong các quốc gia dân chủ thời hiện đại.

Tuy nhiên tại Athens, việc thờ kính tổ tiên vẫn còn trong phạm vi gia đình và thân hữu; và có thể, như một số nước phương Đông, vẫn còn khả năng tồn tại trong khi nhiều mảng khác của đạo lý dân tộc đã bị mai một; và tín ngưỡng sơ đẳng này hẳn đã giúp duy trì một mức độ suy nghĩ

nơi người trẻ đối với cha mẹ và những người già lão.

Chẳng có thần linh hay con người nào có hiểu biết mà từng khuyên nhủ người ta không coi trọng cha mẹ mình. Với cuộc luận đàm về việc tôn kính và không tôn kính cha mẹ, đoạn mở đầu sau đây về lễ tế các Thần sẽ là một lời giới thiệu thích hợp: - Theo một tập tục xưa về các Thần phổ quát, có hai loại: - Có một số thần ta có thể nhìn thấy được và tôn kính, còn một số khác chỉ có thể tôn kính ảnh tượng mà thôi; đặt tượng các vị ấy trên cao để tôn thờ; và mặc dù các tượng ấy vô tri vô giác, nhưng chúng ta vẫn hình dung các Thần đang sống động có thiện ý và biết ơn chúng ta về việc ấy. Bây giờ, nếu một người có cha hay mẹ, hoặc cha hay mẹ chúng được quý trọng trong nhà nhiều năm, người ấy hãy xét xem chẳng có tượng ảnh nào có khả năng thỏa mãn lời thỉnh cầu hơn là những người đang ngồi tại gia đình anh ta, nếu như anh ta biết cách phục vụ các ngài.

Cle. Và ngài gọi cách phục vụ đúng là gì?

Ath. Tôi sẽ nói cho ông, này ông bạn, vì những chuyện ấy đáng nghe lắm.

Cle. Xin cứ tiếp tục.

Ath. Theo truyền thuyết, Oedipus khi bị các con trai khinh bạc đã cầu khấn Thượng Đế thực hiện lời nguyền rủa mà mọi người cho rằng đã nghe biết và được các Thần linh chuẩn nhận, và Amyntor trong cơn tức giận đã nguyền rủa con mình là Phoenix, rồi Theseus với Hippolytus và vô số người khác cũng đã làm như thế với con cái mình. Đó là bằng chứng rõ ràng rằng thần linh luôn lắng nghe những lời nguyền rủa của cha mẹ chống lại con cái; bởi những lời nguyền rủa của cha mẹ là, như chúng phải là, có sức mạnh chống lại con cái mà không có cái gì hơn. Và chúng ta sẽ giả dụ rằng những lời cầu nguyện của cha hay mẹ vốn bị con cái đặc biệt khinh thị sẽ được các Thần lắng nghe; và rằng nếu ai đó được chúng kính trọng, thì với niềm hoan lạc trong tâm can đã khẩn thiết cầu xin thần linh ban những điều tốt lành cho chúng, chẳng những thần linh nhận lời mà há chẳng ban điều tốt lành theo sự thỉnh cầu của người ấy sao? Nếu không như vậy, há các vị chẳng đã là bất công và chúng ta có thể khẳng định rằng như vậy là trái với bản chất thần linh.

Cle. Hẳn là thế.

Ath. Chúng ta chẳng nghĩ, như tôi đang nói đây, rằng chúng ta chẳng có hình ảnh nào mà

được các thần quý chuộng hơn là hình ảnh của người cha hay người ông, hoặc của người mẹ đau khổ nhiều năm? Kẻ mà được kính trọng thì Thượng Đế vui mừng và ngài sẵn lòng đáp ứng lời khẩn cầu của người ấy. Và quả thật, hình tượng tổ tiên là một điều kỳ diệu, vượt xa ảnh tượng vô tri vô giác. Bởi khi được chúng ta tôn kính các ngài hiệp cùng lời cầu khấn của chúng ta, nhưng khi bị khinh bạc các ngài nguyền rủa chúng ta, điều mà các vật vô tri vô giác chẳng thể làm. Vì thế, nếu một người cư xử đúng với cha ông và những người thân thuộc nhiều tuổi tác khác, người ấy sẽ có một hình tượng tốt nhất có thể đem đến cho mình phúc lộc của thần linh.

Cle. Thật là tuyệt vời.

Ath. Mọi người có hiểu biết sẽ kính sợ những lời cầu khấn của cha mẹ, biết rõ rằng nhiều lần và với nhiều người những lời ấy đã ứng nghiệm. Vì thế mọi người hãy theo các cách thức luật định mà tôn kính cha mẹ mình, phù hợp với những điều đã nói ở đây.

QUYỂN XII

Quyển XII tiếp tục chủ đề luật pháp, - gồm các luật liên quan đến trộm cắp, không thực hiện dịch vụ, đào ngũ, vứt bỏ vũ khí và hèn nhát trong chiến đấu, các viên chức kiểm tra giám sát và lễ nghi an táng những người chết khi đang giữ chức vụ ấy, lời tuyên thệ trước toà án, sao lãng công vụ, du lịch ra nước ngoài và tiếp nhận khách nước ngoài, bảo lãnh, quyền tìm kiếm, thời hạn trong các tranh chấp về tài sản, mối đe doạ từ nhân chứng hay đối thủ, tiếp nhận những người bị đi đày, nhận hối lộ, đăng ký và đánh giá tài sản, lễ dâng cúng các Thần, tố tụng và thực hành.

Như thế đã đầy đủ về các mặt đời sống dân sự; và Plato còn thêm ít lời về việc chôn cất người chết. Phải chôn cất nơi vùng đất không thích hợp cho việc trồng trọt; mộ đắp thấp và bằng những viên đá nhỏ. Lễ an táng phải đơn giản; số tiền chi phí cho lễ an táng do luật quy định. Không được than khóc nơi công cộng và không được diễu qua các đường phố.

Sau cùng Plato đề cập đến vấn đề,-làm sao đảm bảo cho những định chế này tồn tại mãi? Ông đề nghị tổ chức một cơ quan gọi là "Hội đồng đêm", gồm mười viên chức bảo vệ lão thành, thuộc số những người nhận giải thưởng về đức hạnh, có Giám đốc hay cựu Giám đốc giáo dục, có những người đã từng ra nước ngoài và biết những định chế của các xứ khác, ngoài một số ngang bằng những đồng nghiệp trẻ từ ba mươi đến bốn mươi tuổi.

1. HẢO QUỐC TRONG TƯƠNG QUAN VỚI VŨ TRỤ

Đoạn văn sau nói về một đề tài liên quan đến các tập tục của những nhà nước cổ đại không giống tập tục của những cộng đồng hiện đại. Các thành thị miền Hy Lạp phân chia theo các hàng rào chủng tộc, ngôn ngữ, phong cách, định chế xã hội và dân sự; và trong giới hạn từng thành kẻ giàu luôn thù ghét người nghèo, người theo thuyết đầu sỏ chính trị không ưa người theo thuyết dân chủ.

Về mặt này, Sparta và Athens đại diện cho hai thái cực đối nghịch nhau trong quan điểm của người Hy Lạp. Sparta lúc nào cũng là một nhà nước hiếu chiến với những tính tốt, tật xấu và thành kiến của thời sơ khai. Người nước ngoài luôn là đối tượng ngờ vực và đáng sợ; thói quen khắt khe hay trục xuất người nước ngoài ra khỏi lãnh thổ, - mệnh danh là "Xenelasia",-thường được áp dụng, trong khi những người trẻ tuổi không được phép ra nước ngoài. Nhưng tại Athens, các điều kiện chủ yếu lại khác: chính quyền dân chủ ít kiêu căng và độc đoán; thói quen trong cuộc sống hằng ngày tự do và không bị giới hạn; chú trọng đến những lợi ích thương mại; và về mặt văn hóa và tinh thần, thành này là "trường học của cả Hy Lạp" và là nơi dừng chân của khách lạ đến từ khắp nơi trong thế giới Hy Lạp.

Vì thế chúng ta chẳng có gì ngạc nhiên với nhận xét rằng, Plato khi nói về du lịch và tiếp đón người nước ngoài luôn muốn phối hợp các ý tưởng của Athens và Sparta. Tuy vậy ông cũng ngại rằng tinh thần cách tân đáng ghét có thể tìm cách len lỏi vào khối thịnh vượng, nếu như ý thích lang thang được cổ vũ thái quá. Và vì vậy ông phác họa một kế hoạch khéo léo, theo đó ông hy vọng bảo đảm một số giao lưu cần thiết với các vùng đất khác, đồng thời kìm hãm ước vọng thay đổi vị trí phụ thuộc. Tuy nhiên, người đọc hiện đại khó mà có thể đồng tình với ông và còn cho rằng với một kinh nghiệm rộng rãi hơn về dòng lịch sử, chắc hẳn sẽ đưa ông tới một kết luận không phải như vậy.

Ath. Bây giờ một nhà nước mà chỉ biết kiếm tiền nhờ vào trồng trọt trên đất đai mà thôi, không buôn bán với bên ngoài, phải cân nhắc việc di cư dân mình sang xứ khác và tiếp nhận người ngoại quốc từ bất cứ nơi đâu đến. Về những vấn đề này thì nhà làm luật phải xem xét và ông ta sẽ phải tận dụng hết mức ảnh hưởng của mình.

Việc giao lưu giữa các thành với nhau sẽ làm đảo lộn cách sống; ngoại kiều lúc nào cũng đề nghị phải có những cái mới lạ cho ngoại kiều. Khi mà nhà nước được quản lý tốt bằng pháp luật thời sự lai căng có thể gây ra những thiệt hại lớn; nhưng như hiện thấy hầu hết các thành đều không có kỷ cương gì lắm, thời sự lộn xộn phát sinh từ việc tiếp nhận ngoại kiều, cũng như từ việc công dân thành mình ra đi đến các thành khác, bất cứ khi nào một người trẻ hay già muốn đi ra ngoài tới tận đâu đâu thì cũng chẳng có hậu quả gì. Trái lại, từ chối tiếp nhận người khác và không cho phép công dân của mình đi đến nơi nào khác là không thể, và đối với phần còn

lại của thế giới điều đó còn xem ra là nhẫn tâm và kém văn minh; chúng ta gọi tập tục này là xenelasia hay là cấm ngoại kiều, được mô tả là đường lối cứng rắn và khinh mạn, như nhiều người nghĩ thế. Và việc phần còn lại của thế giới nghĩ và không nghĩ đúng chẳng phải là chuyện tầm thường; bởi cho tới nay nhiều người không sai trong việc phán đoán ai tốt ai xấu. Ngay cả những người xấu cũng có một thiên hướng nghĩ đúng, nhưng rất nhiều kẻ đã không còn ý niệm hay phán đoán chính xác sự khác biệt giữa tốt và xấu.

Vì một thành mà không có kinh nghiệm gì về người tốt người xấu và giao tiếp với những người ấy, thì chẳng thể nào có thể là văn minh hoàn toàn và toàn diện, và cũng thế nếu như các công dân của thành ấy chỉ tuân hành luật pháp theo thói quen mà không hiểu biết luật pháp ấy theo lý trí.

2. VIỆC CHÔN CẤT NGƯỜI CHẾT

Những quy định mà Plato muốn giới thiệu rất đáng khâm phục, chứa đựng nhiều điều đáng để chúng ta quan tâm. Ông nói rõ rằng người chết phải được chôn cất tại nơi xa dân cư, trong vùng khô cằn; điều này dễ áp dụng tại những xứ hiểm trở, nhiều đồi núi như Hy Lạp, nơi có những khu chẳng bao giờ trồng trọt gì được.

Vấn đề hoả thiêu, chúng ta thấy khá ngạc nhiên, không được ông đả động gì đến ở phần này hay trong đoạn trước nói về việc chôn cất các viên chức kiểm tra. Lễ nghi được Herodotus ám chỉ trong chuyện vua Darius và dân Callatia và cũng bởi Thucydides khi tả về trận dịch tại Athens. Plato có thể đã nghĩ rằng việc này không cần thiết trong một nhà nước như là thuộc địa Cnosia này, chủ yếu gồm toàn nông dân sống rải rác trên một vùng đất rộng lớn. Trong thời đại chúng ta việc này xem ra là giải pháp tốt nhất đối với một vấn đề rất gai góc.

Plato chuộng những bia mộ vắn tắt và mộ phần đơn giản mà ngày nay được nhiều người tán thành. Ông chia sẻ hết mức tính tiết độ và giản dị vốn là bản chất của người Hy Lạp.

Cùng một cảm nghĩ ấy xuất hiện trong luật pháp của ông về lễ an táng chống lại những chi tiêu phung phí. Đó là một thói xấu phổ biến khắp nơi nhưng chưa có biện pháp nào có thể tận diệt được. Ngay cả Plato, một nhà cải cách dũng cảm và không hề nản chí, cũng phải thừa nhận rằng phải nhượng bộ nhiều trong vấn đề này vì sự yếu đuối nơi bản tính con người.

Nhà làm luật phải dùng phương thế "thuyết phục hơn là cưỡng ép".

Theo cách đó một con người được sinh ra, lớn lên, sinh sản và dưỡng nuôi con cái, rồi tiếp xúc với người khác, đau khổ khi làm gì sai quấy với người nào đó và được đền đáp nếu bị ai phạm đến, rồi đến một ngày, chiếu theo quy luật, người ấy về già và kết thúc cuộc đời theo trật tự tự nhiên. Về người chết, dù thuộc phái tính nào, cũng phải cử hành các nghi thức tôn giáo thích hợp, hoặc với các Thần thuộc cõi âm hoặc theo luật này, tùy theo quyền quyết định tuyệt đối của những người diễn giải luật pháp. Phần mộ phải ở những nơi không thể canh tác, không làm lăng mộ dù nhỏ hay to, nhưng được dùng một phần đất tự nhiên phù hợp cho việc chôn cất xác người chết và tránh làm buồn lòng hết sức có thể những người còn sống. Không ai, dù sống hay chết, có thể tước đoạt người sống cái phương tiện sinh sống mà đất, người mẹ chúng ta, tự nhiên dành cho họ. Mộ không được đắp cao hơn tính theo công của năm người hoàn thành trong năm ngày. Đá mộ bia chỉ vừa đủ ghi công đức người chết trong vòng bốn hàng chữ. Việc quàn người chết nói chung chỉ đến ngày thứ ba sau khi chết là đủ.

Giờ đây chúng ta phải tin cậy người làm luật khi ông ta nói rằng, về mọi mặt linh hồn trội vượt hơn thân xác và ngay cả khi còn sống cái làm cho mỗi người là chính mình chỉ là cái hồn; và rằng cái xác đi theo chúng ta giống hệt từng người chúng ta và vì thế khi chúng ta chết, xác của người chết có thể nói đúng là hình ảnh của chúng ta; vì rằng bản chất thực và bất tử của mỗi người chúng ta, được gọi là linh hồn, đang trên đường về với các vị Thần khác-rằng trước các vị ấy hồn phải tường trình-một niềm hy vọng phấn khởi cho người tốt, nhưng rất khủng khiếp cho kẻ xấu, như lề luật cha ông chúng ta đã nói và luật cũng nói rằng chẳng thể làm được gì nhiều để giúp kẻ đã chết. Nhưng người còn sống-có thể được mọi người thân giúp đỡ, rằng khi còn sống người ấy có thể là người thánh thiện và công chính nhất, và sau khi chết chẳng có tội gì lớn để bị trừng phạt trong cõi âm phủ. Nếu đúng như thế, con người không được phung phí tiền của theo ý nghĩ rằng tất cả khối thịt vô tri vô giác đang trong quá trình chôn cất này có liên hệ gì với mình; mà nên nghĩ rằng con cái, anh em, những người thương mến, dù là ai đi nữa nghĩ đến người nằm trong lòng đất đã ra đi để hoàn thành số kiếp của mình.

Nhưng nhà làm luật không có ý phải áp dụng sự tiết độ một cách vô nghĩa. Vậy luật phải như sau: - Việc chi tiêu cho toàn bộ tang lễ, với người thuộc loại cao nhất, không vượt quá năm mi-na,

với người thuộc loại thứ hai là ba mi-na, người thuộc loại ba là hai mi-na và người thuộc loại bốn là một mi-na; đó là giới hạn chi tiêu hợp lý. Các viên chức bảo vệ luật pháp phải đặc biệt chú ý đến tuổi sống, dù là thơ ấu hay trưởng thành hoặc bất kỳ tuổi nào khác. Sau cùng, phải có một viên chức bảo vệ luật pháp nào đó chủ trì, chọn trong số các bạn hữu của người chết, để giám sát và sẽ là vinh dự cho viên chức hoàn thành tốt với sự điều độ trong lễ tang người chết, và sẽ là điều mất tín nhiệm cho ai không hoàn thành nhiệm vụ. Sẽ là dã man nếu như ra lệnh cho ai đó phải khóc hay không được khóc người chết, nhưng có thể cấm kêu gào thảm thiết và không cho phép tiếng kêu khóc vang ra bên ngoài nhà; cũng cấm đưa xác ra ngoài công lộ hoặc đám tang diễu qua các đường phố và có thể yêu cầu đám tang phải ra khỏi thành trước khi trời sáng. Vậy những điều vừa nói hãy trở thành luật lệ và kẻ nào tuân giữ sẽ không bị trừng phạt; còn kẻ nào bất tuân, dù ngay cả viên chức bảo vệ luật pháp, cũng phải bị trừng trị bằng một hình phạt thích đáng.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU PLATO 5

THÂN THẾ PLATO 9

CÁC TÁC PHẨM CỦA PLATO 17

TRIẾT HỌC PLATO 25

NỀN CỘNG HÒA 34

PHIÊN TÒA VÀ CÁI CHẾT CỦA SOCRATES 220

MENO 221

MENO 228

EUTHYPHRO 262

BIỆN HỘ 283

CRITO 308

PHAEDO 323

BỮA TIỆC 408

PHAEDRUS 466

CÁC TUYỂN TẬP TỪ CHARMIDES, LYSIS, CÁC ĐỐI THOẠI KHÁC VÀ PHÁP LUẬT 525

CHARMIDES, VỀ SỰ TIẾT ĐỘ 526

LYSIS, VỀ TÌNH BẠN 556

LACHES, LÒNG DŨNG CẢM 583

PROTAGORAS, TÍNH ĐỒNG NHẤT CỦA ĐỨC HẠNH 615

EUTHYDEMUS, NHỮNG CHÍNH KHÁCH GIÁO ĐIỀU VÀ CÁC TRIẾT GIA ĐÍCH THỰC 670

ION - THI HỨNG 716

GORGIAS CÁC KHÁT VỌNG CỦA THIỆN NHÂN: CUỘC SỐNG KHÔNG DÀI NHƯNG ĐỨC HẠNH 733

LUẬT PHÁP 802

PLATO CHUYÊN KHẢO
Benjamin Jowett & M. J. Knight

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

8 935077 044522

Chịu trách nhiệm xuất bản : **BÙI VIỆT BẮC**
Chịu trách nhiệm nội dung : **NGUYỄN VĂN KHƯƠNG**
Biên tập : **Nguyễn Thế Vinh**
Trình bày : **Mai Thảo**
Vẽ bìa : **Hs. Quốc Ân**
Sửa bản in : **Lê Bình**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VĂN LANG - NS. VĂN LANG
40 - 42 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.I, TP.HCM
ĐT : 8.242157 - 8.233022 - Fax : 84.8.235079

In 500 cuốn khổ 16x24cm tại Cty CP Văn hóa Vạn Xuân.
Số đăng ký KHXB 131-2008/CXB/01-23/VHTT.
Quyết định xuất bản số 97/QĐ - VHTT cấp ngày 31.01.2008.
In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2008.

PLATO CHUYÊN KHẢO

BENJAMIN JOWETT & M.J.KNIGHT

Plato (khoảng 428 - 347 tr C.N) là triết gia nổi tiếng, nhà biện luận kiệt xuất và được nghiên cứu rộng rãi nhất trong tất cả các triết gia Hy Lạp cổ đại. Ông chịu ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng Socrates, người đã hun đúc ông nuôi dưỡng được bầu nhiệt huyết suốt đời dành cho triết học. Ngoài tác phẩm *Apology* (Lời biện giải), toàn bộ công trình triết học của Plato đều được thể hiện dưới hình thức đối thoại. Plato là triết gia Tây phương đầu tiên mà những tác phẩm viết tay của ông còn lưu truyền trọn vẹn.

Triết học Plato, một mặt là sự hoàn tất triết học Socrates thành một hệ thống, kết hợp đạo đức học với triết học tự nhiên thời trước và đặt cả hai lĩnh vực này trên nền tảng biện chứng pháp hay khoa học thuần túy về các ý niệm; mặt khác là sự mở rộng vượt qua nó để xây dựng thành một lý thuyết tri thức phát triển.

Theo Plato, triết học không chỉ là một tập hợp các lý thuyết mà còn là sự hoàn thiện toàn thể đời sống tinh thần; và khoa học không chỉ là một hệ thống truyền đạt khép kín, mà còn là một hoạt động nhân văn và là sự phát triển tinh thần. Vì thế, triết học đích thực chỉ có thể được biểu thị nơi nhà triết học hoàn hảo; nơi nhân cách, lời nói và thái độ đáng kính như triết gia Socrates.

Tóm lại, Plato đã nối liền con người và thế giới trừu tượng; và nổi bật hơn cả, các tác phẩm của ông đã đề ra tất cả những việc phải làm mà triết học nói chung, có thể nói gần như đã tuân theo. Cho nên, hình như không có gì thái quá khi Karl Jaspers, một triết gia Đức, đã cho rằng toàn bộ triết học Tây phương chỉ là những dòng cước chú dưới những trang sách của Plato!

CTY CP VH VĂN LANG
Nhà Sách VĂN LANG
VP:S6 40-42 Ng.T.M.Khai, Q.1* DT: 8242157 - 8233022 * Fax: 8235079
ST.S6 01 Q.Trung, Q.G.Vấp * DT: 9894523 - 9894524 * Fax: 9894522
S6 9 Phan Đăng Lưu, Q.PN * DT: 2437584 - 8413306 * Fax: 8413306
Email: vanlangpt@yahoo.com * Website: www.vanlangbooks.com

8 935073 042003

Giá: 170.000đ